HỢP PHẦN (Khandhaka) - TẬP YẾU (Parivāra)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật ỉ r - - 9

rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp luarf",nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "Dĩ Thảnh giáo vi minh cảnh chiêu kiên tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiêu kỉnh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tâm gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân toe.59 Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cửu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch,\ không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường ton ở the gian mà còn góp phần làm cho

viii HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự?9 Nguyện cầu Phật nhật tăng

huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bô-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Họp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản tri Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đòng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam'\ vôn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phàm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam'\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đong thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pltaka. H.)tức kho tàng Chân ly, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pītakaṃ H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhỉdhamma Pỉtaka. H.,Luận tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=S Vỉnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhidhamma, s. Abhỉdharma, H.,V6 tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pãli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bôi và lưu truyên đên ngày nay. Hai tác phàm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahãvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại r \ y Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli bát đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời

Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa băng tiêng Sanskrit lân lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tôn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúLƠÁQƠƯnđịnẢẬŨnÁŨnđenÍ CđvVọđVọÒÂnẢàặố

LỜI GIỚI THIỆU xi

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pãli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tong hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Lỉnh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh, Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. Vê bản săc quôc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hàiủỉKinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm ke tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tạp Kỉnh Trung bộ'. 1973 (tập I), 1974 (tập II, ỉil). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bỏ: Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng và Milỉnda vân đạo.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quôc đêu có ân bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinti (),có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Qu6c, gôm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()d*u tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tăn tu Đại tạng kinh (1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thông vê phân loại và châm câu tót nhát. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hét các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam chỉ mới hoàn tát gân một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, CÓ thê tiêp cận lời Phật dạy băng tiêng Việt, nhăm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chí, thiền quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản săc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau; đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc

bây giờ và tạiA dây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên the giới, hệ thốnệ tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiêu thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức t Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con ngườd Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên the giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nham nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành tri, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đau nguồn là đang Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

xvi HỢP PHÀN & TẬP YÊU

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điên được biên chép và bô sung phân Chú giải, ơ An Độ, lân kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnẹ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viêt và khẩu truyên. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy

đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào nam 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pali. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ân hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiêng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pali sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thâm quyên, cân ghi nhận răng Thánh tạng tiêng Hán cô có truyên thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đên nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đỏ Bát vạn Đại tạng kỉnh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vao thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá tre, có 9 bản Đại tạng. Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh (Taishô Shỉnshũ Daizõkyõ.)do Takakusu JunjirQ Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lân khác bản, được in ân khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gôm nhiêu quôc gia, dân tộc. ơ Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên

của lịch SÍT, thế hệ chư cô đức đã hét lòng truyên trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ân hành Đại tạng kinh Việt Nam có biêu hiện dừng lại han, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kỉnh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyên và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phàm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bô cục lại. Đôi với Tam tạng Nam truyên (Thượng Tọa bộ), câu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguôn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nên tảng hành chánh cho việc tô chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thân làm việc bên bi, đông thời phải vượt qua những rào cản vê ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thê hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quôc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyên Trang... đêu bày tỏ sự khó khăn khi

thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pâli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiêu lân trước khi in ân. May thay, với sự tiên bộ của thời đại, một sô rào 9 .c. * cản ngôn ngữ trong các đê bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiên. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thê lệ quy chuân, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bo sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phàm hậu kỳ như tóm tăt5 tân giải, đô giải hay làm tiên đê cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch ___ 9 " J sử hình thành Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản sô hóa làm tăng

thêm khả năng đông bộ, lan tỏa rộng khăp5 khả năng tiêp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu. Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tô sư, các bậc chân tu thật học, nhiêu thê hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo "văn nghĩa đầy diỉ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khh lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm r làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sác văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vi. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHỨNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC.....xxi BANG VIẾT TẮT.....XXXV DẪN LUẬN..... xli

ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGA) LỜI GIỚI THIỆU..... 3 L CHƯƠNG TRỌNG YẾU..... 7 II. CHƯƠNG UPOSATHA..... 123 IIL CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA..... 171 IV CHƯƠNG PAVĀRANẢ..... 197 V CHƯƠNG DA THÚ..... 239 VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM..... 263 VII. CHƯƠNG KATHINA..... 325 VUI. CHƯƠNG Y PHỤC..... 349 IX. CHƯƠNG CAMPĀ..... 399 X. CHƯƠNG KOSAMBĪ.....447

TIỂU PHẨM (CULLAVAGGA) LỜI GIỚI THIỆU..... 479 L CHƯƠNG HÀNH sự..... 483 1. HÀNH Sự KHIÊN TRÁCH..... 483 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 486 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 488 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 489 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 490 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI.....491 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 492 2. HÀNH Sự CHỈ DẠY..... 493 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 495 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 496 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 497 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 498 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI.....499 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 499 3. HÀNH Sự XUA ĐUỔI..... 501 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP THUỘC HÀNH SựXUAĐUỔI..... 506 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 508 MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 509 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 510 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG

NÊN THU HỒI..... 510 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI..... 512 4. HÀNH Sự HÒA GIẢI..... 513 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 516 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 517 BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 519 MƯỜI TÁM PHẬN Sự THUỘC HÀNH sự HÒA GIẢI..... 519 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI.....521 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI..... 522

5. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI..... 523 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....524 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 525 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN.....527 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự THUỘC HÀNH sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI.....:..... 528 [VIỆC LÀM PHẬN Sự ĐÚNG ĐẮN CỦA TỲ-KHƯU CHANNA]..... 528 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THƯ HỒI..... 529 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN Được THU HỒI.....531 6. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỎI..... 533 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....534 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 535 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 537 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự.....538 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI..... 539 BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI.....540 7. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG TỪ Bỏ TÀ KIẾN Ác..... 542 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP.....546 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 547 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 548 BỐN MƯƠI BA PHẬN sự.....550 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI..... 551 MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN Được THƯ HỒI..... 551 n. CHƯƠNG PARIVÃSA..... 557 1. PHẬN Sự CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA..... 557 2. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU..... :..... 562 3. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA..... 566 4. PHẬN Sự CỦA VỊ THỰC HÀNH MĀNATTA..... 569 5. PHẬN Sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG sự GIẢI TỘI.....574 IIL CHƯƠNG TÍCH LŨY TÔI..... 579 l.TỘI XUẤT TINH..... 579 HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA TỘI KHÔNG có CHE GIAU..... 579 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI KHÔNG có CHE GIAU..... 580

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 582 HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 583 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY..... 585 HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TỘI CHE GIẤU NĂM NGÀY..... 586

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA..... ..... :..... 587 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CUA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA..... 589 HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA NHÓM BA TỘI..... 591 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CƯA VỊ THỰC HANH MĀNATTA.....592 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG sự GIAI TỘI..... 595 VIỆC GIẢI TỘI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VỀ LẠI [HINH PHẠT] BAN ĐAU .....595 HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG.....598 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA NỬA THÁNG.....599 HÌNH PHẠT PARIVĀSA KẾT HỢP.....600 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU v.v... CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA..... 602 HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA NHÓM BA TỘI..... 603 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CUA VỊ THỰC HANH MĀNATTA..... 604 VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG sự GIẢI TỘI..... 605 VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG..... 605 2. HÌNH PHẠT PARIVĀSA..... 609 HÌNH PHẠT PARIVĀSA KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI..... 609 HÌNH PHẠT PARIVĀSA KẾT HỢP VÓI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY..... 610 HÌNH PHẠT PARIVĀSA HAI THÁNG..... 611 CÁCH THỨC NÊN HÀNH PARIVĀSA HAI THÁNG..... 614 HÌNH PHẠT PARIVĀSA TỪ MỐC TRONG SẠCH..... 624

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA..... 627 4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA..... 630 5. MỘT TRĂM TRƯỜNG HỢP MĀNATTA..... 631 6. BỐN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU.....635 7. TÁM TRƯỜNG HỢP có HẠN LƯỢNG v.v..... 641 8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỲ-KHƯU..... 642 9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG Được TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 644 10. CHÍN TRƯỜNG HỢP Được TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 646 11. CHÍN TRƯỜNG HỢP Được TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU..... 647 IV CHƯƠNG DÀN XÉP..... 653 1. HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN.....653 CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP..... 653 CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP..... 655 2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ.....656 3. HÀNH XỪ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG..... 663 4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ Được THỪA NHẬN.....667 5. THUẬN THEO số ĐÔNG.....669 6. THEO TỘI CỦA VỊ

ẤY..... 670 MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP..... 671 MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP..... 671 SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN..... 672 MƯỜI TÁM PHẬN Sự..... 673 7. CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP..... 673 8. BỐN Sự TRANH TỤNG.....676 9. CÁCH GIẢI QUYẾT sự TRANH TỤNG..... 685 HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN..... 685 CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LỐI ĐẠI BIỂU..... 688 CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO số ĐÔNG..... 691 BA CÁCH PHÂN PHÁT THẺ..... 692

xxvi HỢP PHẦN & TẬP YẾU

HÀNH xử LUẬT BẰNG sự GHI NHÓ..... 694 HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG..... 695 THEO TỘI CỦA VỊ ẤY.....697 VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ Được THỪA NHẬN..... 699 CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP..... 701 V. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự.....705 1. CÁC TIỂU Sự..... 705 2. TỤNG PHẨM THỨ BA..... 733 VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA..... 757 VII. CHƯƠNG CHIA RẺ HÔI CHÚNG..... 805 TỤNG PHẨM THỨ NHẤT..... 805 Sự XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG SAKYĀ..... 805 VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự..... 843 1. PHẬN Sự CỦA VỊ VÃNG LAI..... 843 2. PHẬN Sự CỦA VỊ THƯỜNG TRÚ..... 846 3. PHẬN Sự CỦA VỊ XUẤT HÀNH.....847 4. PHẬN Sự TÙY HỶ.....848 5. PHẬN Sự ở CHỎ THỌ THỰC..... 849 6. PHẬN Sự CỦA VỊ ĐI KHẤT THỰC..... 851 7. PHẬN Sự CỦA VỊ NGỤ ở RÙNG.....854 8. PHẬN Sự ở NƠI Cư NGỤ..... 855 9. PHẬN Sự ở NHÀ TẮM HƠI..... 858 10. PHẬN Sự ở NHÀ VỆ SINH..... 859 11. PHẬN Sự ĐỐI VÓI THẦY TẾ ĐỘ..... 861 12. PHẬN Sự ĐỐI VÓI ĐỆ TỬ..... 865 13. PHẬN Sự ĐỐI VỚI THÀY DẠY HỌC..... 868 14. PHẬN Sự ĐỐI VỚI HỌC TRÒ..... 872 IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA..... 881 TỤNG PHẦM THỨ NHẤT THỈNH CẦU TUYÊN ĐỌC GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA..... 881 TÁM PHÁP KỲ DIỆU VỀ BIỂN

CẢ.....882 X. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI..... 903

XL CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ..... 939 DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP..... 939 GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẶT VÀ ÍT QUAN TRỌNG..... 943 GIẢNG VỀ HÌNH PHẠT PHẠM THIÊN..... 946 XIL CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ..... 951 TỤNG PHẨM THỨ NHẤT..... 951 TỤNG PHẨM THỨ NHÌ..... 959

TẬP YẾU (PARIVĀRĀ) LỜI GIỚI THIỆU..... 971 ĐẠI PHÂN TÍCH..... 977 1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 977 1. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 977 1. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA.....981 1.3. CHƯƠNG Ānīyata.....988 1. 4. CHƯƠNG NISSAGGIYA..... 992 1.5. CHƯƠNG PĀCITTIYA.....1001 1. 6. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1030 1. 7. CÁC ĐIỀU SEKHIYA..... 1032 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI..... 1043 2. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1043 2. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA..... 1044 2. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA.....1046 2. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1048 2. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1057 2. 6. CÁC ĐIỀU SEKHIYA..... 1058 3. PHẦN Sự Hư HỎNG.....1063 4. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP..... 1063

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1064 6. PHẦN Sự TRANH TỤNG..... 1064 7. PHẦN Sự DÀN XẾP..... 1065 8. PHẦN Sự QUY TỤ..... 1065 9. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1066 9. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1066 9. 2. PHÀN SAÑGHĀDISESAVV..... 1069 10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI.....1074 10. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1074 10. 2. CHƯƠNG

SAÑGHĀDISESAV.V..... 1075 11. PHẦN Sự Hư HỎNG..... 1077 12. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP..... 1077 13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1078 14. PHÀN Sự TRANH TỤNG..... 1078 15. PHÀN DÀN XẾP..... 1079 16. PHẦN Sự QUY TỤ.....1079 PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI..... 1081 1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1081 1. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1081 1. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA ..... 1085 1. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA.....1090 1. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1094 1. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA ..... 1124 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI.....1126 2. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1126 2. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA ..... 1127 2. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA..... 1128 2. 4. CHƯƠNG PĀCITTIYA..... 1129 2. 5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA..... 1138 3. PHÀN Sự Hư HỎNG.....1138 4. PHẦN Sự TỔNG HỢP..... 1139 5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1139

6. PHÀN Sự TRANH TỤNG..... 1140 7. PHÀN Sự DÀN XẾP..... 1140 8. PHẦN Sự QUY TỤ..... 1141 9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU..... 1142 9. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA..... 1142 9. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA..... 1144 10. PHÀN BAO NHIÊU TỘI..... 1149 10. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA.....1149 10. 2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA..... 1150 11. PHÀN Sự Hư HỎNG..... 1152 12. PHẦN Sự TỔNG HỢP..... 1152 13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI..... 1153 14. PHẦN Sự TRANH TỤNG..... 1153 15. PHẦN Sự DÀN XẾP..... 1153 16. PHẦN Sự QUY TỤ.....1154 TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TÔI..... 1157 TÓM LƯỢC VỀ NGUỒN SANH TỘI..... 1157 MƯỜI BA NGUỒN SANH TỘI.....1157 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA

THỨ NHẤT..... 1158 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ..... 1158 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI..... 1159 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ..... 1159 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU KATHINA..... 1160 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG cừu.....1160 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TÙNG CÂU.....1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA.....1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC..... 1161 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU THUYẾT GIẢNG PHÁP..... 1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TUYÊN Bố sự THỰC CHÚNG .....1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TIẾP ĐỘ NỮ ĐẠO TẶC..... 1162 NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU CHƯA Được CHO PHÉP..... 1162

XXX HỢP PHẦN & TẬP YẾU

Sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC..... 1165 PHẦN CÂU HỎI BAO NHIÊU..... 1165 1. PHẦN SÁU NGUỒN SANH TỘI..... 1170 2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI..... 1173 3. BÀI KỆ VỀ NGUỒN SANH TỘI..... 1177 4. PHẦN DO DUYÊN Hư HỎNG..... 1178 5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG..... 1180 PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP..... 1183 6. PHẦN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY..... 1183 7. PHẦN CÓ LIÊN QUAN..... 1186 8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ.....1187 9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP có LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP..... 1188 10. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP có CÙNG QUAN HỆ ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP..... 1189 11. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XẾP VÀ HÀNH xử LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN..... 1191 12. PHẦN CÁCH HÀNH xử..... 1192 13. PHÀN TỐT ĐẸP..... 1193 14. PHẦN NƠI NÀO..... 1194 15. PHẦN CÁCH DÀN XẾP..... 1196 16. PHẦN ĐƯỢC GẮN LIỀN..... 1197 17. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU..... 1198 18. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU VÀ KHÔNG Được LÀM LẮNG DỊU..... :..... 1200 19. PHẦN CÁCH DÀN XẾP VÀ sự TRANH TỤNG..... 1203 20. PHẦN LÀM SANH KHỞI..... 1207 21. PHẦN LIÊN HỆ VỚI.....1209 TĂNG THEO TỪNG BẬC..... 1215 NHÓM MỘT..... 1215 NHÓM HAI..... 1217 NHÓM BA..... 1224 NHÓM BỐN..... 1232

NHÓM NAM..... 1240 NHÓM SÁU..... 1249 NHÓM BẢY..... 1251 NHÓM TÁM..... 1255 NHÓM CHÍN..... 1257 NHÓM MƯỜI..... 1259 NHÓM MƯỜI MỘT..... 1262 CÁC CÂU VẤN ĐÁP VỀ LỄ UPOSATHA v v..... 1265 CÁC CÂU HỎI.....1265 CÁC CÂU TRẢ LỜI..... 1265 LỜI GIẢI THÍCH VỀ ĐIỀU LỢI ÍCH.....1267 SƯU TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ..... 1269 BỐN Sự Hư HỎNG..... 1271 LIÊN QUAN VIỆC CẮT BÓT v.v..... 1271 ĐIỀU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG v.v..... 1272 TỘI PĀRĀJIKAV.V..... 1274 PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG..... 1277 Sự MỞ ĐẦU v.v... CỦA TRANH TỤNG..... 1278 ĐIỀU CĂN BẢN v.v... CỦA TRANH TỤNG..... 1279 TỘI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG..... 1280 CHỦ Ý CỦA Sự TRANH TỤNG..... 1283 PHẦN VẤN ĐÁP..... 1285 PHẦN ĐƯỢC LIÊN KẾT..... 1286 Sự MỞ ĐÀU v.v... CỦA CÁCH DÀN XẾP..... 1286 Sự KHÁC BIỆT v.v... CỦA CÁCH DÀN XẾP..... 1288 SƯU TẬP KHÁC VỀ CÁC BÀI KỆ..... 1293 CHƯƠNG CÁO TÔI..... 1295 Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử..... 1295 Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI v.v..... 1297 Sự THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TỘI..... 1298 XUNG ĐỘT [PHÀN PHỤ]..... 1301 Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT xử..... 1301

XUNG ĐỘT [PHÀN CHÍNH]..... 1305 Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử..... 1312 PHÂN TÍCH VỀ CÂU HỎI.....1314 PHÂN TÍCH KATHINA..... 1317 VẤN ĐÁP..... 1318 PHÀN Sự TỔNG HỢP.....1321 NHÓM NĂM VỀ UPĀLI..... 1329 1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG

NHỜ..... 1329 2. PHẨM KHÔNG THU HỒI..... 1332 3. PHẨM PHÁT BIÊU..... 1335 4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM.....1338 5. PHẨM ĐÍCH THẦN KHỞI Tố..... 1342 6. PHẨM VỀ PHÁP GIŨ Bỏ..... 1347 7. PHẨM NÓI DỐI..... 1348 8. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI..... 1350 9. PHẨM ĐẠI BIỂU..... 1353 10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG..... 1356 11. PHẦM KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 1359 12. PHẨM THỨ NHÌ VỀ KẺ CHIA RẼ HỘI CHÚNG..... 1361 13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ.....1364 14. PHẨM THÀNH Tựu KATHINA..... 1365 NGUỒN SANH KHỞI..... 1369 SƯU TẬP VÈ CÁC BÀI KỆ PHÀN HAI.....1375 CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MÒ HÔI..... 1387 NAM PHẨM..... 1395 1. PHẨM HÀNH Sự..... 1395 2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH..... 1401 3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH..... 1402 4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH..... 1402 5. PHẨM CHÍN CÁCH TỔNG HỢP..... 1403

PHỤ LỤC l..... 1407 PHỤ LỤC 2..... 1413 SÁCH DẪN TIÊNG VIỆT..... 1417 SÁCH DẪN PÃLI..... 1431

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIÊNG PĀLI

A. Añguttara Nỉkãya (Kinh Tăng chỉ bộ)
AA. Añguttara Nỉkãya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tăng chi bộ)
Áp. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)
ApA. Apadāna Atthakathā (Chủ giải Thánh nhân kỷ sự)
Asi. Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNid. CũỊarỉỉddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. CũỊanỉddesa 9Atthakathā
Z /or 7 r • 9 • rrf / 7 • 9 • rrf Á9 7 • K~ • 2 *\

(Chu giải Tiêu nghía tnicn / Chu giai Tiêu aien giai)

Cp. Carỉyãpỉtaka (Hạnh tạng)

CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chú giải Hạnh tạng)

Cv. Cūlavagga (Tiêu phàm)

Cvs. CũỊavamsa (Tiểu sử)

D. Dīghā Nỉkâya (Kinh Trường bộ)

DA. Dīghā Nỉkãya Atthakathā (Chủ giải Kỉnh Trường bô)

Dh. Dhammapada (Kinh Pháp củ)

DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kinh Pháp cu)

Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)

Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)

Gãt. Gāthā (Therā và Therĩ)\ Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Ni kệ ít. Itỉvuttaka (Kỉnh Phật thuyết như vậy)

ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chủ giải Kinh Phật thuyêt như vây)

J. Jātaka (Chuyện Tiền thân)

Kh, Khuddakapātha (Tiểu tụng)

xxxvi HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Kkvt. Kañkhāvitaranī (Giải nghĩ) Kv. Kathâvatthu (Luân sự / Những điểm dỉ biệt) M Majjhimā Nikãya (Kỉnh Trung bọ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trung bộ) y y y Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Miln. Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo) MNỈd. Mahãnỉddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải) MNidA. Mahãnỉddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikãya Tīkā (Phụ chủ giải Kỉnh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Nỉddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NidA. Niddesa Atthakathā (Chủ giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettỉpakaraụa (Chỉ đạo luận / cẩm nang học Phật) Pat. Patthāna (Duyên hệ) Pe, Petakopadesa (Chủ thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patỉsambhidãmagga {Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) r F"g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiêt) PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chú giải Nhân thi thiết) Pv. Petavatthu (Ngợ quỷ sự / Chuyện Nga quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chú giải Nga quỷ sự / Chú giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikãya (Kỉnh Tương ưng bô) SA, Samyutta Nỉkâya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tương ưng bô) Sn. Suttanỉpãta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipãta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsinī (Chủ giải Kinh Trường bọ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragãthã Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)

BẢNG VIẾT TẮT xxxvii

ThĩgA. Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)

Thũvs. Thũpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)

Ud. Udãna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)

UdA. Udāna Atthakathā
(Chú giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakajanālañkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbk Vỉbhanga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vin. Vỉnaya Pỉtaka (Luật tạng)
VỉnA. Vinaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vỉsm. Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vỉmânavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vimānavatthu Atthakathā
(Chú giải Thiên cung sự / Chủ giải Chuyện Thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đổi)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Dỉvy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahāvastu (Đại sự) r
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bat-niet-bari)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasāsana Samỉtỉ edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ấn Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tẩm lý Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kỉnh Tăng chỉ bô)

xxxviii HỢP PHẦN & TẬP YẾU

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Câm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kỉnh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Mỉlỉnda (Milinda vấn đạo) PC Points of Controversy (Những điểm dỉ biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTPV. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT./Đại./T. Đại Chảnh tân tu Đại tạng Ả7•()
N. Nam truyền Đại tạng kỉnh ()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm (,Ekottarỉkãgamă)
Tạp./SÃ. Tạp A-hàm (, Sarnyuktāgamd)
Trung./ MA. Trung A-hàm kỉnh (,Mãdhyamãgamd)

Trường./DÃ. Trường A-hàm kỉnh (,Dīrghāgama)
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD, Engỉish-Pãli Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điên

BẢNG VIẾT TẮT xxxix

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiên quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thảnh điển Pali) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiêu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp / các trang kê tiêp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

xi HỢP PHÀN & TẬP YẾU

tr. (by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ Trong ân bản Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam này, bản Luật tạng Pali được chọn in là bản dịch của Thượng tọa Indacanda Chánh Thân được dịch Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004. Đe giúp độc giả hiểu rõ về Luật tạng Pãlỉ của Thượng Tọa bộ so với Luật tạng của năm trường phái Luật học1234567Phật giáo hiện còn lưu trữ bằng Hán văn trong Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh Taishõ Shinshũ Daizokyo. tôi khái quát về
sáu trường phái Luật Phật giáo, giới thiệu về cấu trúc và nội dung của Luật tạng Pali cũng như một so thuật ngữ Luật học Phật giáo thông dụng.

L CÁC TRƯỜNG PHÁI LUẬT PHẬT GIÁO Ngoài Luật tạng Pãli còn gọi là Luật Thượng Tọa bộ Theravāda Vỉnaya. có năm trường phái Luật Phật giáo hiện vẫn còn
các bản văn lưu hành thuộc các trường phái Phật giáo tiêu biêu gôm: i Luật tứ phản Cāturvargīya Vỉnaya^ 3 của Pháp Tạng bộ Dharmaguptaka, ii Luật

Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần {Mahīsāsaka Vinaya, gọi tắt là Luật ngũ phần Pañcavargika Vỉnaya.4 cha Hóa Địa bộ Mahīśāsaka,iii Luật Ma-ha Tang-ky Mahāsāmghika Vỉnaya,gọi tắt là Luật Tăng-kỳ 5 cha Đại Chúng bộ Mahāsāmghika,iv Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vỉnaya. ,6 còn gọi là Luật Tắt-bà-đa bộ thập tụng 7 ciỉa Thuyết

1 Xem bảng đối chiếu chi tiết giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ với 5 trường phái Luật Phật giáo trong Giới bẩn Ty-kheo của Luật tứ phần, Thích Nhật Từ dịch va chu thích Hà Nọi: NXB. Hồng Đưc, 2021, tr. 72-89. 2 Các thuật ngữ Cãturvargĩya Vìnaya, Pañcavargika Vìnaya, Daẩa-bhãnavãra Vỉnạya do dịch giả đời sau dịch từ chư Hán sang Sanskrit. Cho đến ngày nay, các học giả chưa tìm ra bộ góc có các thuật ngữ Sanskrit này. 3 Tứ phần luật được đánh số trong Đại Chảnh là T1428-34. 4 Dỉ-sa-tắc ngũ phần luật được đánh số trong Đại Chảnh là 7? 1421-24. 5 Ma-ha Tăng-kỳ luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1425-27. 6 Thập tụng luật được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1435-41. 7 Theo Xuat tam tạng ký tập r.55. 2145.3. 0020al3.

Nhất Thiết Hữu bộ Sarvāstivāda,v Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya.8 gọi tắt là Luật Căn Hữu bộ hay Luật Căn Hữu thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda,. Tại Trung Qu6c, Luật tứ phân, Luật ngũ phân, Luật thập tụng, Luật Ma-ha Tăng-kỳ được phổ biến rộng rãi và được gọi là bốn bộ Luật lớn . Trong thời đại Nam Bắc triều ,420-589, Luật thập tụng và Luật Ma-ha Tăng-kỳ là hai bộ thịnh hành nhất, đặc biệt là ở Giang Nam .Trong thời Tùy Đường ,581-907, Luật tứ phần thịnh hành nhất tại Trung Quốc. Trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh gọi tắt là Đại Chánh tạng hiện còn lưu giữ các bản văn của năm trường phái Luật và một phần của Luật Theravâda cũng như một số bản văn Luật thuộc Phật giáo Đại thừa. Nếu Luật tạng Thượng Tọa bộ đại diện Phật giáo Thượng Tọa bộ P. Theravâda, s. Sthaviravāda,còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam thì Luật tứ phần đại diện cho Luật tạng được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên. Luật tạng Thượng Tọa bộ là bộ Luật Phật giáo đầu tiên được biên tập thành văn bản viết vào thế kỷ I TTL, đang khi các bản văn Luật tứ phần, Luật ngũ phần, Luật Ma-ha Tăng-kỳ và Luật thập tụng được dịch sang Hán văn trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ v. Riêng bộ Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo được dịch sang tiếng Trung Quốc vào đầu thế kỷ VIII và sang tiếng Tây Tạng vào đầu thế kỷ IX. 1. Luật tạng Pali Vinaya Pỉtaka.của Thượng Tọa bộ có 5 tập: Phăn tích Giới Suttavibhañga.Kinh phân biệt8910 gồm Phân tích Giới 11 bổn Tỳ-kheo {Mahāvibhañga. Đại phân biệt; ii Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo 1° gồm 227 điều giới tiếp theo, và Phân tích Giới bổn Tỳ- kheo-ni gồm 311 điều giới; iii Đại phẩm {Mahāvagga. gồm 10 chương; iv Tiểu phẩm Cuỉlavagga.11 gồm 12 chương; v Tập yếu Parivārā.Phụ tùy12 trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vân đáp.

8 Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được đánh số trong Đại Chảnh là T. 1442-59. 9 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kỉnh phân biệt :http://tripitaka.cbeta.org/NO lnOOO l hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinayaA^inaya-l-Han-Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 10 Bản Trung văn của Diệu Thông về Kinh phân biệt tiếp theo: http://tripitaka.cbeta.org/ N02n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-2-Han-Yuan-Hen.html truy cập 26-02-2022. . https:// dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-4-Han-Yuarì-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022. 12 Bản Trung văn của Diệu Thông về Tập yếu ,Phụ tùy: http://tripitaka.cbeta.org/N05n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-5.Han.Yuan-Hen.html truy cập ngày 26-02-2022.

2. Luật tứ phần Cāturvargīya Vìnaya^ hay Luật Pháp Tạng bộ pharmagupta Vìnaya,thuộc Pháp Tạng bộ hay còn gọi là Luật Đàm-vô-đức ,có nghĩa đen là "Luật tạng bốnphần'\ gồm 60 tập, do Phật-đà-da-xá Buddhayaśa, dịch vào khoảng năm 408-13 và Trúc Phật Niệm dịch vào khoảng năm 412-13, thuộc triều đại Hậu Tần ,384-417. về sau, tại Trung Quốc, Luật tứ phần là bản văn được Luật tông ,một trong mười tông phái của Phật giáo Hán truyền chọn làm bản Luật để nghiên cứu, hành trì. Chính vì thế, Luật tông còn được gọi là “Tú* phần luật tong^ hoặc "Nam Sơn luật t6ng”. Sở dĩ có tên gọi là Luật tứ phần là vì Luật Pháp Tạng bộ có cấu trúc gồm 4 phần. Phần thứ nhất giới thiệu chi tiết về 250 điều giới Tỳ-kheo ,gồm 21 quyển đàu từ quyển 1-21. Phần thứ hai tri bày 348 điều giới Tỳ-kheo-ni và 4 chủ đề quap trQng như tiếp nhận giới ,dQq giới , an cư ,tự tứ ,gồm 16 quyển kế từ quyển 22-37. Phần thứ ba nói về 15 chủ đề gồm phép tự tứ tiếp theo, da thuộc ,y ,thuốc y công đức Cau-thiem-di Chiêm-ba quở trách ,người ,phú tàng ,giá ,phá Tăng ,dứt tranh chấp Tỵ-kheo-ni và pháp ,gồm 12 quyển từ 38-49. Phần thứ tư đề cập về 50 chủ đề khác bao gồm phòng xá ,hỗn hợp ,đại hội biên tập 500 người ,đại hội biên tập 700 người ,Điều bộ Tỳ-ni và Tỳ-ni tăng nhất _ gồm 11 quyển. 3. Luật thập tụng Daśa-bhānavāra Vỉnaya,,còn gọi là Luật Tát- bà-đa bộ thập tụng có nghĩa đen là bộ Luật mười lần trì tụng Ten Recitations Vinayo trong 90 ngày của mùa an cư thuộc lần biên tập đầu tiên sau khi đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tuy nhiên, cách giải thích trên cũng chưa có phân thuyêt phục hoàn toàn, vì chữ "tụng" này đông nghĩa như chữ “phAn”nên bộ Luật này còn được dịch là Luật mười phần. Đây là bộ Luật tạng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Sarvãstivãda w7,_, gồm 6l tập được ngài Công Đức Hoa Punyatāra,13 truyền miệng bản Sanskrit và ngài Cưu-ma-la-thập Kumārajīva,344-413 dịch sang Hán văn trong triều đại Hậu Tần 399-413. Theo Xuất tam tạng kỷ tập ,ngài Ciru-ma-la-thập cung thỉnh ngài Punyatāra đến Trường An truyền bá Luật học. Vào ngày 17-10-404, hơn

600 Sa-môn đã đến chùa Trường An Trung nghe ngài Punyatāra trùng tuyên Luật, ngài Cưu-ma-la-thập dịch ra Hán văn. Mới hoàn thành được 2/3 công trình phiên dịch thì ngài Punyatāra viên tịch.13 14

13 Punyatāra thường được phiên âm là Phất-nhã-đa-la hay Bất-nhã-đa-la là người Kashmir B . 14 Tham chiếu: Xuất tam tạng ký tập 5. 2145.3. 0020a29b02:" M."

Cũng theo Xuất tam tạng ký tập ,tập 3, để hoàn tất dịch phẩm này, ngài Huệ Viễn 334-417 thỉnh ngài Đàm-ma-lmi-chi S. Dharmaruci người Nam Ấn đến Trường An mang theo bản chép tay bản Luật Sanskrit phần còn lại và thỉnh ngài Cưu-ma-la-thập tiếp tục dịch sang Hán văn. Khi dịch tổng cộng được 58 quyển, chưa kịp xuất bản thì ngài Cưu-ma-la-thập viên tịch. Ngài Tỳ-ma-la-xoa s. Vimalāksa đã mang bản thảo đến chùa Thạch Nhuận ở Thọ Xuân nay là huyện An Vi Thọ qjch thêm Thiện tụng Tỳ-ni tự còn gọi là Tỳ-nỉ tụng gồm 3 quyển. Sau đó chỉnh lý Luật thập tụng thành 61 quyển. 4. Luật ngũ phần ,gọi đủ là Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần {Mahīśāsaka Vỉnaya.,còn gọi là Luật Dỉ-sa-tắc có cấu trúc gồm 5 phần. Đây là Luật tạng của Hóa Địa bộ S. Mahīśāsaka, P. Mahimsāsaka,do Phật-đà-thập s. Buddhajīva người Kashmir M và Sa-môn Trí Nghiêm 15 dịch năm 423 hoặc 424 tại chùa Long Quang ở Dương Đô .Theo Cao Tăng Pháp Hiển truyện^ bộ Luật này được ngài Pháp Hiển ,337-422 mang từ Tích Lan Sri Lanka về Đông Tấn vào năm 413. 5. Luật Ma-ha Tăng-kỳ {Mahãsãmghỉka Vỉnaya.gọi tắt là Luật Tăng-kỳ là Luật tạng của Đại Chúng bộ5 do ngài Phật-đà-bạt- đà-la ,S. Buddhabhadra, 359-429 và ngài Pháp Hiểndịch, gồm 40 quyển, vào tháng 11 năm Nghĩa Hy thứ 12, tức là năm 416, trong triều đại Đông Tấn ,317-420.15 *17 6. Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bỡ {Mūlasarvāstivāda Vỉnaya, hay Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da của bộ phái Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Mūlasarvāstivāda,do ngài Nghĩa Tịnh 635-713 chủ biên bản dịch vào thế kỷ VIII thuộc nhà Đường 618-907, Trung Quôc, gôm 200 quyên, vân chưa hoàn tát. An bản băng tiêng Tây Tạng của ngài Thắng Hữu s. Jinamitra được dịch vào thế kỷ VIII-IX được xem là bản dịch hoàn chỉnh nhất của bộ Luật này và được các trường phái Phật giáo Tây Tạng sử dụng thống nhất.18

15 Có giả thuyết thay thế ngài Trí Thắng v&i ngài Đạo Sanh 355-434. ^ Cao Tăng Pháp Hiển truyện7.51. 2085. 0865c24: . 17 Theo Khai Nguyên Thích giáo lục, quyển 3: ÏÏã.Niên hiệu Nghĩa Hy chỉ có 14 năm, năm thứ 14 tức là năm 418. 18 Tuy thông tin Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bô được cho là Luật tạng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng khi so sánh bản luật trong Hán tạng và bản Tạng ngữ ngày nay cung co sự khác biệt giữa nhóm Điều nên học {Sekhiyă.

về cấu trúc, Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ được phân làm 4 phần: (i) Phân biệt luật (S. Vỉnaya-vỉbhaúga,Tỳ-nại-da phân biệt); (ii) Sự việc của luật (S. Vỉnaya-vastu,,Tỳ-nại-da sự); (iii) Tạp sự của luật (S. Vinaya-ksudraka.,Tỳ-nại-da tạp sự); (iv) Các phần tăng theo pháp số của luật (S. Vỉnayottaragrantha, Tỳ-nại-da thướng phần). Phần sự việc của luật (S. Vinaya-vastu), theo bản Sanskrit hiện nay, bao gồm 17 phần như sau: (i) Gia nhập Tăng đoàn (S. pravrạjyã)\ (ii) Lễ thuyết giới (S. Posadha, Bố-tát); (iii) Lễ an cư mùa mưa (S. Pars ā); (iv) Lễ Tự tứ cuôi mùa an cư (S. Pravārana)\ (v) Sử dụng dép và các đô vật làm băng da (S. carma); (vi) Thuốc thang (S. bhaisajya); (vii) Các loại y (S. cīvaraṃ (viii) Y công đức (S. kathina)} (ix) Tranh chấp của Tăng đoàn tại Kauśāmbī (S. Kauśāmbī); (x) Biểu quyết Tăng đoàn (S. karma); (xi) Kỷ luật trong Tăng đoàn (S. pāndulohitaka)\ (xii) Cách phạt người phạm tội Tăng tàn (S. pudgaỉa); (xiii) Nguyên tắc ứng xử biệt trú (S. pãrivãsika); (xiv) Đình chỉ lễ Bố-tát (S. posadhasthāpana)\(XV)Thủ tục giải quyết tranh chấp (S. adhikarand)\ (xvi) Phá hòa hợp Tăng (S. Samghabheda)\ (xvii) Trú xứ và đồ vật (S. ảayanãsana). H. LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA Bô: CÁU TRÚC VÀ NÔI DUNG 1. về cấu trúc và số tập Luật tạng (P=s. Vìnaya-pitaka,)được phiên âm trong Hán văn là Tỳ-nạỉ-da "g (),là tuyển tập các quy định về giới luật Phật giáo ( )được đức Phật chế định cho người xuất gia. Giới luật được hình thành từ cuộc sông của Tăng đoàn, liên hệ đên các phương diện sinh hoạt nên được xem là nơi nương tựa của Tăng đoàn. về cấu trúc trong ấn bản Pali, Luật tạng gồm có 3 phần chính: (i) Phân tích Giới bổn (Suttavibhañga.)(ii) Hợp phần (Khandhakă) thường được phiên âm là "Kiền-dO” ()và dịch nghĩa là "Thiên chương,, ();(iii) Tập yếu (Parivārā) còn được dịch là "Phu tùy"(). về số tập, 3 phần của Luật tạng chia làm 5 tập: (i) Phân tích Giới bổn (Suttavibhañga.Kinh phan biệt), với 227 điều, gồm Phân tích Giới Tỳ-kheo (Bhỉkkhuvỉbhangd) từ phần Pārājika đến Nissaggiya; (ii) Phân tích Giới Tỳ-kheo (Bhikkhuvibhañga) tiếp theo cho đến hết, và Phân tích Giới Tỳ-kheo-nỉ (Bhikkhunivibhañga.g)gồm 311 điều; (iii) Đại phẩm {Mahāvagga,)gồm 10 chương; (iv) Tiểu phẩm (Cullavagga,)gồm 12 chương; (v) Tập yếu (Parivārā.Phụ tùy) trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp. Bản Hán dịch được nhà xuất bản Diệu Lâm ()thuộc chùa Nguyên Hanh ()an hành vào năm 1990 trong Đại tạng kỉnh Nam truyền (

),gồm 5 tập, được xem là bản dịch tương đối trung thành với ấn bản Pali của Hội Thánh điển Pali (Pali Text Society). Tạng Luật Pali do Thượng tọa Indacanda dịch tiếng Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004, lúc đầu được phổ biến tại trang nhà tamtangpaliviet.net19 gồm có 9 tập: (i) Phân tích Giới Ty-kheo I; (ii) Phân tích Giới Ty-kheo II; (iii) Phân tích Giới Ty-kheo-ni; (iv) Đại phẩm I; (y) Đại phẩm II; (vi) Tiểu phẩm I; (vii) Tiểu phẩm II; (viii) Tập yếu I; (ix) Tập yếu II. 2. Phân tích Giới bổn Ty-kheo (Bhikkhu Pātimokkha vibhañga) Giới bổn Ty-kheo ()còn gọi là Kinh giới Tỳ-kheo ( )là bản văn gồm 227 giới điều đối với Luật Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^

250 điều của Tỳ-kheo đối với Luật tứ phần (Dharmaguptaka Vinayo), 251 điều đối với Luật ngũ phần {Mahīśāsaka Vinayo). 218 điều đôi với Luật Ma-ha Tang-ky {Mahāsāmghika Vinayo), 263 điêu đôi với Luật thập tụng {Sarvāstivāda Vinayo) và 249 điêu đôi với Luật Căn Bản Thuyết Nhát Thiêt Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo) theo bản Hán văn, 257 điêu theo bản Tây Tạng và 263 điều theo bản Sanskrit. BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Luật Cần Giải Luật Luật Luật Luật Căn Bản Luật thoát tư ngũ Tăng- thập Bản Bản tiếng Pali giới phần phần kỳ tụng Hán Tây Phạn kinh văn Tạng

Trục xuất 4 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pārājika)

Tăng tàn 13 13 13 13 13 13 13 13 13 13 (Sañghādisesa)

Không xác định 2 2 2 2 2 2 2 2 2 2 (Aniyato)

Ưng xả đối trị (Nissaggỉya 30 30 30 30 30 30 30 30 30 30 Pãcittỉya)

20 Xem chi tiết 227 giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ đối chiếu với 5 trường phái Luật Phật giáo trong quyến Lý Phụng My, Nghiên cứu giới Tỳ-khẹo của Thượng Tọa bộ: Đối chiêu với năm phải Luật Phật giao, Thích Nhạt Tư dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 69-501.

DẪN LUẬN xlvii

Ưng đối trị 92 90 91 92 90 90 90 90 90 90 (Pãcittiyd)

Ưng phát lộ 4 4 4 4 4 4 4 4 4 4 (Pātidesanīya)

Điều nên học 75 100 100 66 113 99 107 96 113 (Sekhiyà)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 7 7 7 7 (Adhikaranasamathã)

Tổng số giới 227 250 251 218 263 249 257 264 263

3. Phăn tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni (BhikkhunīPãtỉmokkha vibhangă) Giới bổn Tỳ-kheo-ni ()còn gọi là Kỉnh giới Tỳ-kheo-ni ( )là bản văn có 311 giới điều theo Luật
Thượng Tọa bộ (Theravāda Vinayo)^ 348 điều của Tỳ-kheo-ni theo Luật tứ phần {Dharmaguptaka Vinayo), 380 điều đối với Luật ngũ phần {Mahīśāsaka Vỉnayă). 290 điều đối • A re ' Ma-ha Tăng-kỳ {Mahāsāmghika với Luật \ -r • Vinayo), 354 điêu đôi với r thập r Luật tụng (Sarvāstivāda Vinayo) và 361 điêu đôi với Luật Căn Bản Thuyêt Nhát Thiêt Hữu bộ {Mūlasarvāstivāda Vinayo). BẢNG ĐỐI CHIỂU GIỚI TỲ-KHEO-NI CỦA CÁC PHÁI LUẬT

Luật Luật tứ Luật ngũ Luật Luật thập Luật Căn Pali phần phần Tăng-kỳ tụng Bản

Trục xuất 8 8 8 8 8 8 (Pārājikā)

Tăng tàn 17 17 17 19 17 20 (Sanghãdisesă)

Ưng xả đối trị 30 30 30 30 30 33 (Nissaggiya Pâcittiya)

Ưng đối trị 166 178 210 141 178 180 (Pãcittỉya)

Ưng phát lộ 8 8 8 8 8 11 (Pātidesanīya)

21 Xem chi tiết 311 giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ trong Phụ lục t4Giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ bằng tiếng Việt, Pâli và Trung vn" trong quyển Giới bổn Tỳ-kheo-nỉ của Luật tứ phần, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đúc, 2021), tr. 94-180.

xlviii HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Điều nên học 75 100 100 77 106 102 (Sekhiyd)

Dứt tranh chấp 7 7 7 7 7 7 (Adhỉkaranasamathã)

Tong so giới 311 348 380 290 354 361

4. Đại phẩm {Mahāvagga,) Đại phẩm (Mahāvagga,)là phần đầu của bộ Hợp phần (Khandhaka,)gồm có 10 chương. (i) Chương quan trọng {Mahâkhandhaka.Đại kiền-độ) gồm các . ,AM. . • quy đinh vê xuât gia và thọ giới. (ii) Chương lễ đọc giới (Uposathakkhandhaka,Bố-tát kiền-độ) gôm các quy định vê cách xác định ranh giới (sĩmã), sám hôi, đọc giới. (iii) Chương an cư mùa mưa (Vassũpanãyỉkakkhandhaka,, Nhập vũ an cư kiền-độ) gồm các quy định về việc tu tập và hành đạo trong an cư mùa mưa. (iv) Chương tự tứ (Pavāranākkhandhaka.Tự tứ kiền-độ) gồm các quy đinh về việc Tỳ-kheo tự sám hối khi kết thúc an cư mùa mưa. (v) Chương da thú (Cammakkhandhaka, ,Bì cách kiền-độ) gồm các quy định về dép và các vật dụng được làm bằng da thú. (vi) Chương dược phẩm (Bhesajjakkhandhaka.,Dược kiền-độ) gồm các quy đinh vê dược phàm, thực vật và cách chữa một sô bệnh thông thường. (vii) Chương y công đứcỌCathinakkhandhaka.Ca-hy-na y kiền-độ) gồm các quy định về y công đức khi kết thúc an cư mùa mưa gồm cách may, cách sử dụng và ý nghĩa. (viii) Chương về y (Cīvarakkhandhaka, Y kiền-độ) gồm các quy đinh về pháp phục của Tăng đoàn. (ix) Chương Chiêm-ba (Campeyyakkhandhaka.Chiêm-ba kiền- độ) gôm các quy định vê các hoạt động hợp pháp và phi pháp của Tăng đoàn ở Campā. (x) Chương Cau-thiệm-di (Kosambakakkhandhaka.Câu- thiệm-di kiền-độ) gồm các quy đinh về phá hòa hợp Tăng của một số Tỳ-kheo ở Kosambī. 5. Tiểu phẩm (Cullavagga, /J) Tiểu phẩm (Cullavagga.)là phần cuối của bộ Hợp phần (Khandhaka. Ắ)gom co 12 chươ^ ụ ,

_____ DẪN LUẬN xlix

(i) Chương hành sự (Kammakkhandhaka, 9 Yet-ma kiền-độ) gồm các quy định về hành sự như khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo do không thừa nhận tội, không sửa lỗi và không bỏ ác kiến. (ii) Chương biệt tru (Parivāsakkhandhaka,Biệt tru kiền-độ) gồm các quy định trị phạt Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, gồm ở riêng (Parivãsa). ý hỷ (Mânatta), giải tội (Abbhãnă) và phục hồi tư cách Tăng sĩ. (iii) Chương tích lũy tội (Samuccayakkhandhaka.Tập kiền-độ) gồm các quy định về trị phạt Tỳ-kheo tiếp tục phạm tội đang trong giai đoạn biệt trú do vi phạm tội Tăng tàn. (iv) Chương dứt tranh chấp (Samathakkhandhaka.Diệt tránh

kiền-độ) gồm các quy đinh về 7 phương pháp dứt tranh chấp trong Tăng đoàn. (v) Chương các việc nhỏ (Khuddakavatthukkhandhaka, Tiểu kiền- độ) gồm các quy đinh về các sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn như đắp y, vật dụng, thuyêt pháp. (vi) Chương dụng cụ ngồi và nằm (Senãsanakkhandhaka., Ngọa tọa cụ kiền-độ) gồm các quy định về các dụng cụ ngồi, dụng cụ nằm, xây dựng, quản lý tự viện. (vii) Chương chia rẽ Tăng đoàn (Sañghabhedakkhandhaka,Phá Tăng kiền-độ) gồm các quy định về việc chia rẽ Tăng đoàn của Devedatta và cách khắc phục. (viii) Chương phận sự (Vattakkhandhaka.Nghi pháp kiền-độ) gồm các quy định về 14 phận sự của nguôi xuất gia như khất thực, ở nhà ăn, sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh, quan hệ thây trò,... (ix) Chương đình chỉ thuyết giới (Pātimokkhatthapanakkhandhaka. ,Giá thuyết giới kiền-độ) gồm các quy định về việc đình chỉ thuyết Giới bổn nhằm loại bỏ các Tăng sĩ phạm giới, giữ gìn sự thanh tịnh của Tăng đoàn. (x) Chương Ty-kheo-ni (Bhikkhunikkhandaka,Tỳ-kheo-ni kiền-độ) quy định ve 8 điều cung kính và 24 điều trở ngại của Ni giới. (xi) Chương 500 Thánh T ăng két tập kinh điên lân l (Pāñcasatikakkhandhaka, Ngũ bách kết tập kien-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ nhất với sự tham dự của 500 A-la-hán. (xii) Chương 700 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 2 (Sattasatikkhandhaka. Thất bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ hai với sự tham dự của 700 A-la-hán. 6. Tập yếu (Parivārā.,Phụ tùy) Tập yêu là phân phụ lục trong Luật tạng gôm 19 chương nhăm giải đáp các câu hỏi về giới luật được đề cập trong Giới bổn Tỳ-kheo, Giới bổn Tỳ-kheo-ni, Đại phẩm và Tiểu phẩm.

l > HỢP PHÀN & TẬP YẾU

(i) Chương giải thích về các điều luật của Tỳ-kheo {Mahãvỉbhanga. 0, Đại phân biệt), giải đáp về 227 giới Tỳ-kheo liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Không xác đinh, Ưng xả đối trị, Ưng đối tri, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (ii) Chương giải thích về các điều luật Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunivibhañga, o, Ty-kheo-ni phân biệt), giải đáp về 311 giới Tỳ-kheo-ni liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Ưng xả đối trị, Ưng đối tri, Ưng phát lộ5 Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp. (iii) Chương tình huống phạm giới (Samutthānasisasañkhepa.Đẳng khởi) giải đáp về nguyên nhân phạm giới, tình huống phạm giới do thân, do miệng và do ý. (iv) Chương nguyên nhân phạm giới và cách dứt tranh chấp (Samathabheda. ,Vô gián tỉnh lược hòa diệt tránh phân giải) giải đáp về các trường hợp phạm giới, 6 nguyên nhân tranh chấp, 18 sự chia rẽ, 6 nguồn sanh tội và 4 cách dứt tranh chấp. (v) Chương về hợp phần (Khandhakapucchāvāra,vấn kiền-độ) giải đáp về các tội trong chương trong Đại phẩm và Tiểu phẩm. (vi) Chương tăng theo bậc (Ekuttarỉkanaya.Tăng nhất pháp) giới thiệu các nhóm pháp từ l đên 11 được nêu trong Kinh phân biệt và Hợp phân, (vii) Chương Bố-tát (Uposathādipucchāvissajjanā, Bố-tát giải đáp dĩ cập chế giới nghĩa lợi) giải đáp về lễ đọc giới và 10 lợi ích của chế định giới luật. (viii) Chương thi kệ (Gāthāsañganika,Ca-đà tập) gồm tuyển tập các bài thi kệ về các điều nên học của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. (ix) Chương giải thích về tranh chấp (Adhikaranabheda.,Tránh sự phân giải) giải thích về 4 tranh chấp và 7 cách dứt trừ. (x) Chương thi kệ khác (Aparagāthāsañganika.Biệt già-đà

kệ) gôm tuyên tập các bài thi kệ khác két tội, thái độ của người cáo tội, người ngu dốt, người vô liêm sỉ và người thông thái về tội. (xi) Chương cáo tội (Codanākanda.Ha trách phẩm) giải thích về cách cáo tội, xét xử và làm lễ đọc giới.

A (xii) Chương tranh chấp phụ (Cullasañgāma,Tiểu tránh) giải thích : e A X

vê sự phạm tội, các tranh châp trong Tăng đoàn vê phạm tội và các điêu học. (xiii) Chương tranh chấp chính {Mahāsañgāma.,Đại tránh) giải thích về tranh chấp về phạm tội, cách xét xử, điều nên làm. (xiv) Chương y công đức (Kathỉnabheda.Ca-hy-na y) giải đáp ve y công dức, tiếp nhận y và hiệu lực của y.

_____ DẪN LUẬN li

(XV)Chương năm điều của Ưu-bà-ly (Upālipañcaka,ưu-bà- ly ngũ pháp) đức Phật giải đáp về 5 câu hỏi của Tôn giả upâli về những vấn đề trong Đại phàm và Tiếu phàm. (xvi) Chương nguồn sinh tội (Atthāpattisamutthāna.,Đẳng khởi) giải đáp vê vô ý phạm tội và nguôn góc của tội Trục xuât (giông chương I, II, III) (xvii) Chương thi kệ phần 2 {Dutiyagāthāsañganika, 9 Đệ nhị già-đà tập) giải đáp về 6 tội của thân, các tội của miệng và 12 tội Tăng tàn. (xviii) Chương thi kệ xuất mồ hôi {Sedamocanagāthā.Phát hãn kệ) gồm tuyển tập các thi kệ về các tội Trục xuất, Không ở chung, Tăng tàn và các tội liên quan. (xix) Chương 5 điều (Pañcavagga,,Ngũ phẩm) giải thích 4 biểu quyết Tăng đoàn, 2 lợi ích và 9 cách tổng hợp. III. CÁC THUẬT NGỮ LUẬT QUAN TRỌNG Trục xuất (Pārājika,):Thường phiên âm là "Ba-la-di"(),dịch là "cực ác,9 (),“ch/t dầu” (đoạnđầu,'"vứtbQ” (khí vô dư,), hay "không ở chung” (bất cộng trụ,),gom 4 điều giới nặng nhất, theo đó, Tăng sĩ nào vi phạm sẽ bi trục xuất trọn đời khỏi Tăng đoàn và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất bao gồm: (i) Quan hệ tình dục với người hoặc động vật; (ii) Trộm cắp tài sản; (iii) Giết người, xúi giục, đồng lõa, ủng hộ giết người; (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là Thánh nhân, chứng đắc thiền định; (v) Tiếp xúc cơ thể người nam; (vi) Cho người nam chạm cơ thể; (vii) Che giấu đồng tu phạm tội Trục xuất; (viii) Đi theo thầy Tăng bị tố giác. Tăng tàn (Sañghādisesa,)Thường phiên âm là "Tăng-già-bà-thi- sa"()gồm 13 tội nặng đối với Tăng, trong đó, 9 giới đầu, hễ phạm là thành tội, còn 4 giới sau, sau ba lần khuyên mà không buông bỏ, mới tính phạm tội. Bất kỳ Tăng sĩ nào vi phạm tội Tăng tàn đã làm tư cách Tăng sĩ của mình bị tàn phế (tàn mệnh,)hoặc "tàn khuyết bất toàn,, (), o • 7 r # L. tức bị sứt mẻ9 không còn trọn vẹn phàm chát Tỳ-kheo. 13 giới Tăng tàn đôi với Tăng bao gồm: (i) Thủ dâm xuất tinh; (ii) Chạm thân người nữ; (iii) Noi lời dâm dục; (iv) Đòi hiến dâm dục; (v) Làm người mai moi; (vi) Làm thất quá mức quy đinh và không do chư Tăng chỉ đinh; (vii) Không thỉnh chỉ định từ chư Tăng; (viii) Vu khống phỉ báng; (ix) Phỉ báng một chiều; (x) Phá hòa hợp Tăng; (xi) Hỗ trợ phá Tăng; (xii) Hoen ố tín đồ; (xiii) Ngoan cố chống cự. Bên Tỳ-kheo-ni có 17 giới Tăng tàn, bao gồm 13 điều của Tăng và thêm các giới sau đây: (xiv) Cùng người làm ác;(XV)Khuyên đừng tách chúng; (xvi) Bỏ Ba ngôi báu; (xvii) Cho rằng Ni đoàn còn si mê. Muốn phục hồi tư cách Tăng sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm giới Tăng tàn phải bị phạt sống biệt trú bằng với thời gian giấu tội, chịu phép "Ý hy” (Mãnatta,)trong 6 ngày

dành cho chư Tăng và đôi với chư Ni thì 14 ngày đê chứng minh sự tiên bộ của bản thân. Phép làm xóa tội, Ty-kheo phải có sự chứng minh của 20 vi Ty-kheo, đang khi Ty-kheo-ni phải có 20 vị Ty-kheo9 cung với 20 Ty-kheo-ni mới được xem là hợp lệ. Chưa xác đinh Ānīyata.Chỉ áp dụng với Tăng, không áp dụng với Ni, gồm hai trường hợp: Tăng sĩ ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ có thể hành dâm, nhưng chưa thê xác đinh giới nào đã phạm, cho đên khi có người chân thật làm chứng thuyết phục và chính Tăng sĩ đó thừa nhận mình vi phạm tội Trục xuất hay tội Tăng tàn. Ưng xả đối tri Nỉssaggỉya Pâcỉttiya.Thường phiên âm là "Ni-tát- kỳ Ba-dāt-de,9 được dịch là "Xả đọa,9 trong Hán tạng hay “Ung xả đối tn,9 trong Luật Nam tông. Tăng sĩ nào vi phạm l trong 30 điều giới này thì các vật dụng không được phép giữ hoặc giữ sai phép sẽ bi Tăng đoàn tịch thu, tức phải xả bỏ các vật dụng đồng thời phải sám hối lỗi này với Tỳ-kheo khác. Ưng đối tri 7,:Thường phiên âm là "Ba-dat-dề", “Ba-dạdề”,"Ba-dat-dể-ca” và được dịch là "Bơn dqa” hay "Ung đối trị"gồm 90 lỗi nhỏ. Tang sĩ nào vi phạm các điều giới này chỉ cần sám hối trước Tỳ-kheo khác là hết tội. Ưng phát lộ Pātidesanīya.:Thường được dịch là "hối quá" hay "tự ưng phát 10,9 ê ,gồm 4 lỗi; theo đó, Tăng sĩ vi phạm phải tự nói lỗi trước Tỳ-kheo để được thứ lỗi và làm mới. Bốn lỗi này gồm: i An đồ của Ni; ii Ăn các thức ăn Ni chỉ bảo; iii Ăn của tín chủ nghèo; iv Ăn ở chỗ đáng sợ. Điều nên học Sekhiya hay Sikkhākaranīya.Thường được dịch là "Chúng học pháp"hay “Ung học pháp"gồm 100 điều nên học liên hệ đến oai nghi của Tăng sĩ, mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyết pháp cho người tại gia. Dứt tranh chấp Adhikaranasamathā dhammā,:Thường được dịch là "Diệt tránh” gồm 7 nguyên tắc hòa giải và kết thúc tranh chấp: i Nguyên tác hai bên có mặt; ii Nguyên tăc đương sự nhớ lại; iii Nguyên tác không còn tâm thần; iv Nguyên tắc tự trình bày tội; v Nguyên tắc điều tra vết tội; vi Nguyên tắc phục tùng số đông; vii Nguyên tắc như cỏ che đất. Thâu-lan-giá Thullaccaya.Tội th6 hay tội nặng , chỉ đứng sau tội Trục xuất và tội Tăng tàn vê mức độ nghiêm trọng. Đột-kiết-la S. Duskrta. p. Dukkatd\ Thường được dịch là "Ac tácy hay "Ac hành,, tức làm các hành vi xấu, không phù hợp với phẩm hạnh Tỳ-kheo.

Ác ngữ Dubbhāsitā.Còn gọi là "Ac thuyết""Ac khau,9 "Hoại thoại"gồm những lời nói xấu, mắng nhiếc, thuộc loại tội nhẹ . Biệt trú Parivãsa.Không được song chung với Tăng đoàn, hình thức trị phạt bước đầu đối với Tỳ-kheo phạm l trong 13 giới Tăng tàn bằng với thời gian phạm giới này. Sau đó, người phạm giới phải chịu phép "V hỷ,5 trong 6 ngày, để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm phép giải tội. Bố-tát Uposatha,Lễ đọc Giới bổn trong ngày trăng tròn và ngày đầu tháng. Rằm và mùng một là "ngày đọc giới" để Tăng đoàn được tăng trưởng điều lành trưởng tinh,,do vậy, Tăng đoàn và Ni đoàn ở mỗi tru xứ phai hôi tụ ve địa diêm riêng cua moi ben, lam le đọc

giới. Tại các chua Bắc tông, ngoài việc đọc giới xuất gia, còn đọc tám giới bát quan trai giới, cho Phật tử tại gia nên "Bố-táf, còn được dịch không sát nghĩa là "ngày trai”,"ngày trai giới” ,"ngày tuân thủ tám gi&i". Hết tội Abbhāna,:Còn gọi là phép xá tội ,giải tội, xuất tội, là sự công bố Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn đã hết tội, sau khi Tỳ-kheo này đã tuân thủ hình phạt "Không sống chung với Tăng đoàn" Biệt trú, chịu phép "V hy” trong 6 ngày, có tiến bộ thật sự và Tăng đoàn hài lòng về sự tiến bộ đó. Phép làm giải tội để phục hồi abbhãnă tư cách Tăng sĩ buộc phải hội đủ 20 Tỳ-kheo làm yết-ma hết tội . Tự tứ Pavāranā,:Thỉnh cầu pavāreti,chỉ 16i giữa các thành viên Tăng đoàn trong ngày kết thúc an cư mùa mưa để giúp Tăng đoàn giữ giới thanh tịnh, hòa hợp, tiến bộ trong học Phật và tu Phật. Ý hỷ {Mānatta.:Thường được phiên âm là "Ma-np-dGa”ÌÈ, là hình thức phạt Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn "Không được sống chung với Tăng đoàn Biệt trú,phải nỗ lực tự hối lỗi, ít nhất trong 6 ngày để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm lễ xá tội. Xả giới Bỏ các giới đã tiếp nhận còn gọi là "xả giới hoàn tục”,có nghĩa là "b6 giới Tăng sĩ làm người tại gia." Có hai trường hợp xả giới. Trường hợp thứ nhất là người xả giới do không muốn tu nữa nên tình nguyện xả giới, trở về đời sống tại gia; đến thời điểm đó hoàn toàn không hề phạm giới Trục xuất hay Tăng tàn. Trường hợp thứ hai là người phạm tội Trục xuất nên bị Tăng đoàn buộc phải xả giới, vĩnh viễn mất tư cách làm Tăng sĩ. ***

Bản dịch tiếng Việt của Thượng tọa Indacanda về Luật tạng Pãli đóng góp to lớn vào việc hoàn thành ấn bản Tam tạng Pali của Thượng Tọa bộ tại Việt Nam.

Nhờ dịch trực tiếp từ bản Pâli trong ấn bản Tam tạng Tích Lan,22 có tham khảo bản dịch tiếng Anh của bà I. B. Homer,22 23 bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Bửu Chơn, tôi tin rằng bản dịch của Thượng tọa Indacanda trung thành với nguyên tác Pâli, văn phong tiếng Việt trong sáng rõ ràng. Dich phàm nay giúp ngươi đọc niêu ro nguyên nhan che giới, tinh nuông phạm giới, tình huống không phạm giới, cách sám hối, nhờ đó giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức, làm chủ các giác quan trong đi, đứng, nằm, ngồi; không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm; xả bỏ tâm tham ái, sân hận, si mê; trở thành bậc chân Tăng, chân Ni trong hiện tại và trở thành bậc tiệm cận Thánh nhân, đạt được giác ngộ, giải thoát trong tương lai. Thành kính tán dương công đức của Thượng tọa Indacanda khi đồng ý cho Ban Biên tập giới thiệu dịch phàm này trong Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. đồng thời hồi hướng công đức đến tất cả người Việt Nam được trải nghiệm chân lý Phật, sống an vui, hạnh phúc trong cuộc đời.

Chùa Giác Ngộ, 26-02-2022 TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

22 Xem https://tipitaka.wordpress.eom/2007/05/21 /buddhại ayanthi-edition; https ://www.ancient-

buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/V6-Patimokkha-BJT/index.htm#Preface. 23 Có the tham khảo trọn bộ 6 quyển của Luật tạng Pãlỉ qua bản dịch của L B. Homer, The Book of the Discipline. (Oxford: The Pali Text Society, 2004).

TẠNG LUẬT (VJNAYAPITAKA)

ĐẠI PHẨM (MAHĀVAGGA)

LỜI GIỚI THIỆU

Mahāvagga (Đại phẩm) và Cullavagga (Tiểu phẩm) thuộc Vỉnayapitaka (tạng Luật) gồm các vấn đề có liên quan với nhau đã được sắp xếp thành từng chương. Tên gọi chung cho hai phẩm này là Khandhaka. Chúng tôi tạm gọi tên là bộ Hợp phần; Khandha có nghĩa là khối, nhóm, uẩn,... Tiếp vĩ ngữ "kd' trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về9 có liên quan,... Mahāvagga (Đại phẩm) được chia làm mười chương: 1. Chương l nói về sự khởi đầu của giáo pháp được tính từ lúc đức Thế Tôn chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu cùng một số vấn đề . •.£. . liên quan đên việc huân luyện các vi xuất gia. 2. Chương 2 giảng giải vê lê Uposatha với nguyên nhân ban đâu là lời thỉnh cầu của đức Vua Seniya Bimbisâra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ như việc ấn đinh ranh giới (sĩmã) và nhà hành lễ Uposatha. . Ị. s __ 9 .

việc sám hôi, việc đọc tụng Giới bôn (Pãtỉmokkhă). v.v... Việc gìn giữ sự hợp nhát của hội chúng là diêm được nhân mạnh ở chương này. 3. Chương 3 giảng giải về việc vào mùa [an cư] mưa. Tuy chỉ được ghi lại trong hai tụng phẩm nhưng nội dung của chương này trình bày những sự việc CÓ liên quan đên 1/3 thời gian sông và tu tập của vị Tỳ-khưu. Chương này cân được xem xét kỹ lưỡng vì có những tư liệu mới chưa được trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phổ biến. 4. Chương 4 giảng giải về lễ Pavāranā (Tự tứ), tức là một trong những hình thức góp ý nhau ve đời song tu tập có liên quan đen giới luật. Hành sự của lễ Pavāranā tuy chỉ được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa nhưng có tầm quan trọng tương đương với lễ Uposatha, nhằm bảo tồn sự trong sạch, đồng thời tính hợp nhất của hội chúng. 5. Chương 5 nói về da thú có liên quan đến đời sống của các vị Tỳ-khưu, ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Sona Koḷivisa ở đầu chương giới thiệu về sự nỗ lực tinh tấn của vi Tỳ-khưu trẻ tuổi này, dẫu rằng do chính sự tinh tấn quá mức này đã là chướng ngại cho sự chứng đắc của vị ấy nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được động cơ tu tập của các vi xuất gia vào thời đức Phật còn tại tiền. 6 Chương 6 nói về dược phẩm và các cách thức chữa bệnh. Chương này gôm có 4 tụng phàm đê cập đên cách thức chữa trị một sô bệnh thông thường,

vê một sô quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn vê vật thực, vê đức tin vững chắc của nữ cư sĩ Suppiyā, về vấn đề thọ dụng cá và thịt trong Phật giáo, ngoài ra còn có câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī và một số vấn đề khác vẫn còn có được sự ứng dụng thực tiễn trong thời hiện tại. 7. Chương 7 giảng giải về lễ dâng y Kathina. Đây là cuộc phước thí có tầm vóc quan trọng vì sự thành tựu của Kathina không những có

ảnh hưởng đến phước báu của người thí chủ mà còn có liên quan đen sự tu tập của các vị Tỳ- khưu. Sự giảng giải chi tiết với những sự việc tương phản của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một sô diêm tê nhị cân đên sự chú tâm suy xét. 8. Chương 8 là chương về y phục giảng giải về loại y và các vấn đề có liên quan về nhiều phương diện. Điểm thú vị ở chương này là tụng phẩm mở đầu với câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng chữa bệnh của vi này, đáng ngạc nhiên là việc giải phẫu ở đầu và ở bụng đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2.500 năm. 9. Chương 9 được đặt tên theo một sự kiện xảy ra ở Campā nêu lên một tiền lệ không tót đẹp vê việc sử dụng sức mạnh tập thê đê áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có đức Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng Tỳ-khưu ở những trú xứ khác nếu có sự thỉnh cầu. Các điều giảng giải trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đoi với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào SÔ lượng Tỳ-khưu hiện diện, và một sô nguyên tăc cân được áp dụng đê bảo đảm tính chất đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thu hồi các hành sự ấy cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo. 10. Chương thứ 10 nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī từ lúc khởi đâu đên hôi két thúc. Mâm mông chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điều Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đen tập the và trở nên căng thẳng không những đưa đen au đả giữa các Tỳ-khưu mà còn khiến cho đức Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phục vụ của voi z r z e r * 9 •

và khỉ. Yêu tô đưa đên việc giải quyêt sự chia rẽ này là hành động tây chay tích cực của các cư sĩ ở thành Kosambī, cuối cùng sự tranh tụng được giải quyết do sự phục thiện của vi Tỳ-khiru sai trái. Câu chuyện về Hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị Đại đức Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm đề cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể. *** Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân. Chúng tôi cô ý ghi lại lời văn tiêng Việt rát gân với câu trúc Pali nhăm phục vụ các độc

giả đang tiến hành nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc. Tài liệu này sẽ giảm bớt nỗi khó nhọc trong việc tra cứu từ điển, đồng thời gợi ý cho quý vi phương thức giải quyết một số cấu trúc của câu văn Pâli. Các độc giả đã học xong phần văn phạm Pãli sơ cấp được khuyến khích nên đọc tài liệu này đôi chiêu với văn bản góc, tức là Vỉnayapỉtaka. Kiên thức vê văn phạm Pãli của quý vi sẽ được trau gioi thêm môi khi đôi diện vân đê. Đôi với quý độc giả phô thông, hy vọng lời văn tiếng Việt tạm đủ phần trong sáng để giúp quý vi hiểu được vấn đề đang được trình bày. Xin quý vị lượng thứ về văn phong tiếng Việt vì việc đó nam ngoài mục tiêu của chúng tôi. Ngưỡng mong sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Xin quý vị email về: dinda@u.washington.edu. Bản dịch của chúng tôi

được thực hiện và trình bày theo văn bản Pãli La-tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Động cơ chính cho việc thực hiện bản dịch Đại phẩm {Mahāvagga) này nhờ vào sự khuyến khích và góp ý của các vị: Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Giác Nguyên, Thượng tọa Chánh Kiến, Đại đức Tiến sĩ Trí Quảng, Đại đức Tâm An, Sư cô Liễu Pháp, Dr. Bình Anson, Đạo hữu Lương Xuân Lộc, bà Diệu Đài, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không the hoàn thành. Phước báu này hoàn toàn thuộc ve các vi. Mong sao các ước nguyện của quý vi sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này. Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSIR IV. Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh và Sư cô Nguyên Hương vê CD Tam tạng Chattha Sañgāyana và các bản dịch Anh ngữ, cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri J ay awardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. , y r

Mong sao hét thảy chúng sanh đêu được tân hóa trong ánh hào quang của
Chánh pháp.
Colombo, ngày 27 tháng 10 năm 2003
Bhikkhu Indacanda
(Trương Đình Dũng)
(Hiệu đỉnh lần thứ nhất hoàn tất ngày 05-9-2004)
I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, nơi cội cây Bô-đê và vừa mới thành tựu quả vi Chánh đăng giác. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngồi với thế kiết-già ở cội cây Bồ-đề trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát. 3 Khi áy, vào canh một của đêm, đức Thê Tôn đã suy nghiệm vê sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rang: 4. "V6 minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], sáu xứ duyên cho xúc [sanh khởi], xúc duyên cho thọ [sanh khởi], thọ duyên cho ái [sanh khởi], ái duyên cho thủ [sanh khởi], thủ duyên cho hữu [sanh khởi], hữu duyên cho sanh [sanh khởi], sanh duyên cho lão, tử, sau, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. 5. Nhtrng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn tham ái của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành, do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt L •

tận của thức, do sự diệt tận của thức [đưa đên] sự diệt tận của danh sāc5 do sự r •

diệt tận của danh sac [đưa deni sự diệt tận của sáu xứ. do sự diệt tận của sáu xứ
• • ĩ
L J • • • 7 • r
• •

[đưa đên] sự diệt tận của xúc, do sự diệt tận của xúc [đưa đên] sự diệt tận của thọ, do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái, do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ, do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu, do sự diệt tận của hữu [đưa đen] sự diệt tận của sanh, do sự diệt tận của sanh [đưa đến] lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này." 6. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đên vị Bà-la-môn đang tinh cân tham thiên thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó nhận biết rằng [mọi] việc là có nguyên nhân.,, 7. Sau đó, vào canh giữa của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: UVÔ minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho r r r

danh sác [sanh khởi], danh săc duyên cho sáu xứ [sanh khởi],...(nt)... Như thê là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)... là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn này]."

8 ĐẠI PHẨM

8. Sau đó5 khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy rồi, chính vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đên vị Bà-la-môn đang tinh cân tham thiên thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó đã hiểu được sự tiêu hoại của các duyên.,, 9. Sau đó, vào canh cuôi của đêm, đức Thê Tôn đã suy nghiệm vê sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: "V6 minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi],...(nt).. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)...là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn n2y]." 10. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đên vị Bà-la-môn đang tinh cân tham thiên, trong khi đánh tan binh đội của Ma vương, [vị ấy] hiển hiện tợ như ánh mặt trời đang rọi sáng không gian." Dứt phần giảng về sự giác ngộ.

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Bồ-đề đã đi đến cây si của những người chăn dê,1 sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây si của những người chăn dê trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát. 2. Khi ây, có vị Bà-la-môn nọ thuộc nhóm chuyên luyện vê âm "hum, hum" đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vi Bà- la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Này Ngài Gotama, [khả năng] đến đâu [mới gọi] là Bà-la-môn? Việc ưở thành Bà-la-môn có bao nhiêu điều kiên?" 3. Sau khi hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: Bà-la-môn nào có ác pháp đã được ngăn trừ, là vị không làm tiếng 'hum humđã thoát khỏi điều ô nhiễm, có bản thân đã được thu thúc, là vi thông thạo các bộ Vệ-đà9 sống theo đời Phạm hạnh; vị ấy có thể thuyết giảng một cách đúng đắn lời nói của Phạm thiên; vi ấy không có khuyết điểm về bất cứ điều gì ở trèn thế gian." Dứt phần giảng về [cội cây si của những] người chăn dê.

1 Cây si của những người chăn dê (Ājapâlanigrodhạ): Bản dịch tiếng Anh của Rhys Davids và Hermann Oldenberg dân chứng tài liệu va giải thích rằng: 1. Các người chăn dê dùng bóng mát của cây si (Nigrodha) đe nghỉ ngơi nên được gọi là cây si của những ngươi chăn dê. 2. Cây si đã được một đưa bé chan dê trồng trong thời gian Bồ-tat Siddhattha hành khổ hạnh 6 năm.

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU 9

L Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây si của những người chăn dê đã đi đến cây Mucalinda, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Mucalinda trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát. 2. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa xuất hiện. Trong bảy ngày, trời mưa, có gió lạnh và đầy mây. 3. Khi ấy, rồng chúa Mucalinda đã rời khỏi chỗ ngụ của mình, dùng đuôi quân quanh cơ thê của đức Thê Tôn bảy vòng và phông lớn mang roi duy trì ở phía trên đầu của đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Ch& để đức Thế Tôn bị lạnh, chớ để đức Thế Tôn bị nóng, chớ để đức Thế Tôn bị xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát." 4. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, rồng chúa Mucalinda sau khi biết rằng bầu trời đã trở nên trong sáng và mây đã tan nên đã nới lỏng thân khỏi cơ thể của đức Thế Tôn, rồi thay đổi hình dạng của chính bản thân và biến thành hình dạng của người thanh niên, đứng ở phía trước đức Thế Tôn, tay chắp lại, bày tỏ thái độ cung kính đến đức Thế Tôn. 5. Sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này: "Sụ* sống cách ly là an lạc đối với vị hoan hỷ đang xem xét pháp đã được nghe. Sự không oán hận, không hãm hại mạng sống chúng sanh là niềm hạnh phúc ở trên đời. Việc dứt được ái tình, sự vượt lên trên các dục là niềm an lạc ở trên đời. Và điêu gì là sự thoát ra khỏi tự ngã, điêu áy chính là sự an lạc tôi thượng.” Dứt phần giảng về cây Mucalinda.

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đinh ấy5 rồi từ cội cây Mucalind đã đi đến cây Rāj āyatanaṃ sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Rājāyatana trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát. 2. Vào lúc bấy giờ, có các thương buôn Tapassu và Bhallikā đang đi đường xa từ Ukkalā đến khu vực ấy. Khi ấy, vị thiên thần là thân quyến cung huyết thông của các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với các thương buôn Tapassu và Bhallikā điều này: -Này các bác, đức Thế Tôn này đang ngự ở cội cây Rājāyatana, là vị đầu tiên được hoàn toàn giác ngộ. Hãy đi và bày tỏ lòng thành kính đến đức Thế Tôn áy với bánh bột gạo và mật viên. Điêu áy sẽ đem lại cho các bác sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

10 ĐẠI PHẨM

3. Khi ấy, các thương buôn Tapassu và Bhallikã đã mang theo bánh bột gạo và mạt viên đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên của chúng tôi. Điều ấy sẽ đem lại cho chúng tôi sự lợi ích và sự an vui lâu dài. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các đức Như Lai không thọ lãnh ở [hai] tay, vậy Ta nên thọ lãnh

bánh bột gạo và mật viên bằng vật gi?" Khi ấy, bốn vi Đại Thiên vương dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức The Tôn, nên đã dâng lên đức Thế Tôn bốn cái bình bát làm bằng đá từ bốn phương [nói rằng]: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên ở day." Đức Thế Tôn đã thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên trong bình bát mới làm bằng đá,2 và sau khi thọ lãnh đã thọ dụng. 5. Sau đó, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và giáo pháp. Xin đức Thê Tôn chap nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Và họ đã trở thành những nam cư sĩ đọc hai câu [nương nhờ]3 đầu tiên ở thê gian. Dứt phần giảng về cây Rājāyatana.

1. Sau đó, khi bảy ngay trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi đinh ấy, rồi từ cội cây Rājāyatana đã đi đến cây si của những người chăn dê. ở nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại cội cây si của những người chăn dê. 2. Sau đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: 'Tháp này đã được Ta chứng ngộ là [Pháp] thâm sâu, khó lĩnh hội, khó nhận thức, thanh tịnh, cao quý, vượt trên lý luận, tinh tế, sẽ được hiểu biết bởi các bậc trí. Tuy nhiên, chúng sanh này có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục. Quả vậy, đoi với chúng sanh có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục thì vân đê này khó lĩnh hội, tức là tính chất của duyên và sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện. Còn có vấn đê này còn khó lĩnh hội hơn nữa, tức là sự yên lặng của tát cả các hành, sự dứt

2 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng đức Phật đã chú nguyện thành một bình bát mới từ 4 bình bát bằng đá ầy (.V. 960). 3 Nghĩa là đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và đi đến nương nhờ Giáo pháp, vì Hội chúng Tỳ-khưu vào lúc bấy giờ chưa được hình thành (ND).

ở thê gian. Xin đức Thê Tôn hãy thuyêt giảng giáo pháp, sẽ có nhiêu người hiểu được. 6 Sau đó, khi đã hiểu được yêu cầu của vị Phạm thiên, đức Thế Tôn thuận theo lòng thương tưởng chúng sanh đã dùng Phật nhãn quán xét thế gian. Trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một sô sen xanh, hoặc sen hông, hoặc sen trăng được sanh ra ở trong nước, được phát triên ở trong nước, sông ngang băng mặt nước; và có một SÔ sen xanh, hoặc sen hông, hoặc sen trăng được sanh ra ở trong nước, được phát triên ở trong nước, vươn lên khỏi nước và tôn tại không bị thâm nước; tương tợ như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét

thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sác sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tót và có tánh khí tôi, có thê hiêu được một cách nhanh chóng và có the hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thay] một SÔ chúng sanh đang sông có sự nhìn thây nôi sợ hãi trong tội lôi và [sự tái sanh vào] những đời song khác; sau khi nhìn thấy, đã nói với vị Phạm thiên Sahampati bằng bài kệ này: "Các cánh cửa bất tử đã được mở ra cho những người có sự lắng nghe. Hãy khiên chúng từ bỏ tà tín. Này Phạm thiên, với suy nghĩ vê việc tôn hại, Ta đã không thuyết giảng pháp cao quý tuyệt vời cho nhân loại." Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati [nghĩ rằng]: “Ta đã tạo ra cơ hội cho đức _ r r-r^l Ạ rin J1 Ạ . • 9 • r 1 f 1 Ạ JL r _ Á l r • [?. The Ton thuyet giang giao pháp nen đã đanh le đức The Ton, hương vai phai nhiêu quanh và đã biên mat ngay tại chô áy. Dứt phần giảng về sự thỉnh cầu của vi Phạm thiên.

L Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đên ai trước tiên? Ai sẽ hiêu được giáo pháp này một cách thật nhanh ch6ng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vj Ālāra Kālāma này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đã lâu nay có bản the bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến Ālāra Kālāma trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng.,, Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thong báo đen đức The Ton răng: Bạch Ngài, vị Ālāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 13

Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Ālāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.,, Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Ālāra Kālāma thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này, vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh ch6ng." 2. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?,, Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vj Uddaka Râmaputta này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, lâu nay đã có bản the bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyêt giảng giáo pháp đên Uddaka Râmaputta trước tiên? Vị ây sẽ hiêu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng.^, Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng: Bạch Ngài, vị Uddaka Râmaputta đã từ trần vào đêm qua. Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Uddaka Rãmaputta đã từ trần vào đêm qua." Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vj Uddaka Râmaputta thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này vị ấy có the hiểu được một cách thật nhanh ch6ng." 3. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh ch6ng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các Tỳ-khưu nhóm năm vị có nhiều công đức đối với Ta, các vị này đã phục vụ Ta trong khi Ta có sự nỗ lực quyết tâm hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến các Tỳ-khưu nhóm năm vị trước tien?^ Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Giờ dây, các Tỳ-khưu nhóm năm vị này tru ngụ ở nơi nao?^ Với thiên nhãn thanh tinh vượt trội loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm năm vị đang trú ngụ tại thành Bārānasī, ở Isipatana, nơi vườn Nai. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelâ theo như ý

thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārānasī. 4. Đạo sĩ lõa thể Upaka đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đường xa, ở khoảng giữa Gayâ và cội Bồ-đề, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Này đạo hữu, các giác quan của đạo hữu được trầm tĩnh, màu da được thanh tịnh và trong sáng. Này đạo hữu, vì ai mà đạo hữu đã xuất gia? Ai là thầy của đạo hữu? Đạo hữu ưa thích pháp của vị nào? Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ lõa thể Upaka bằng những lời kệ này: "Ta là bậc Vượt Trên Tất Cả, là người hiểu biết toàn bộ5 không còn bị vướng mắc trong tất cả các pháp, đã dứt bỏ tất cả, đã được giải thoát trong việc đoạn tận tham ái, sau khi tự mình chứng đác thì ai có thê chỉ dạy [được Ta]?

4 Đức Thế Tôn đề cập đến sự phục vụ của 5 vị này trong thời gian Ngài hành khổ hạnh 6 năm. Điểm cần lưu ý là đức Thế Tổn dùng tư "hiứchu” dịch la "Ty.Khưu” để gọi 5 vị này, dầu các vị chưa trở thành đệ tử và chưa tu tập theo giáo pháp của Ngài (ND).

14 ĐẠI PHẨM

Không có ai là thầy của Ta, người tương đương với Ta không tìm thấy, trong thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của Ta. Bởi vì Ta là bậc A-la-hán, bậc Vô Thượng Sư ở trên đời. Chỉ mình Ta là bậc Chánh Đẳng Giác, Ta có được trạng thái mát mẻ5 Niết-bàn. Ta đi đến thành Kāsī để chuyển vận bánh xe giáo pháp. Ta sẽ đánh lên tiếng trống bất tử ở thế gian đang bi tối m.” Này đạo hữu, theo như đạo hữu cho biết thì đạo hữu xứng đáng là bậc Chiến Thang Vô Biên. [Đức Phật đáp lại rằng:] -Này upaka, quả vậy, tương đương với Ta là các bậc Chiên Thăng đã đạt đến việc đoạn tận các lậu hoặc. Ta đã chiến thắng các ác pháp, vì thế Ta là bậc Jina. 5. Khi được nói như thế, đạo sĩ lõa thể upaka đã nói rằng: "Này đạo hữu, CÓ thê là như vậy.,, Roi đã gục gặc cái đâu, rẽ sang con đường khác và bỏ đi. 6. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Bārānasī, Isipatana, nơi vườn Nai và đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm năm vị. Các Tỳ- khưu nhóm năm vị đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thây các vị đã bàn bạc với nhau răng: “Này các vị, Sa-môn Gotama ây đang đi đên. Ong ta là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nô lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc. Ông ta không đáng để đảnh lễ? không đáng để đứng dậy, y bát của ông ta không đáng để đón nhận; tuy nhiên chỗ ngồi nên được xếp dặt, nêu ông ta muôn thì ông ta cứ việc ng6i." 7. Nhimg khi đức Thế Tôn càng đi đến gần các Tỳ-khưu nhóm năm vị, thì các Tỳ-khưu nhóm năm vi ây đã không thê tuân theo điêu thỏa thuận của họ. Trong khi không tuân theo, họ đã đi ra tiếp đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y bát của đức Thế Tôn, một vi đã sắp đặt chỗ ngồi, một vi đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được săp đặt săn. Sau khi ngôi xuông, đức Thê Tôn đã rửa hai chân. Tuy nhiên, các vị vẫn xưng hô với đức Thế Tôn bằng tên và bằng tiếng gọi "Dạo hữu.,, Khi được gọi như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này: Này các Tỳ-khưu? chớ xưng hô với Như Lai bằng tên và bằng tiếng gọi uĐạo hữu.^, Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này5 các vị nhờ vào thắng trí của

mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU > 15

8. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiêm ây5 băng sự thực hành ây, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiên xứng đáng với bậc Thánh? Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vi điêu này: Này các Tỳ-khưu, Như Lai không phải là kẻ lợi dưỡng, không bỏ dở dang việc nỗ lực và đã không quay trở lại cuộc sống sung túc. Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vi nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Đen lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: ...(nt)... Đen làn thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này: ...(nt). Đen lần thứ ba, các Tỳ-khiru nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, băng việc theo đuôi khô hạnh ây còn không đạt đên pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc song sung túc, làm the nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh? 9. Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vi rằng: —Này các Ty-khưu, các vị có nhận biêt răng điêu này đã không được Ta nói ra như vầy trước đây hay không? —Bạch Ngài, điều này đúng là không có [nói].5 -Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm

5 Lúc này, 5 vị không gọi đức Phật là "Āvuso)" nữa, mà gọi là "Bhante", tỏ ý tôn trọng (ND).

hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Đức Thế Tôn đã có thể thuyết phục các Tỳ-khiru nhóm năm vị. Sau đó, các Tỳ- khưu nhóm năm vi đã lắng nghe đức Thế Tôn, đã lắng tai, đã thiết lập tâm hướng đến trí chứng ngộ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các

Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng: 10. Này các Tỳ-khưu, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành: Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích và đây là sự gan bó với việc hành hạ bản thân, đau khổ5 không cao thượng, không đem lại lợi ích. Này các Tỳ-khưu, sau khi không tiên cận cả hai cực đoan ây, lôi thực hành trung đạo đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiên cho mat được thây, khiên cho trí được sáng/ dẫn đến tịch tinh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn. 11. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn là thế nào? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nuôi mạng chân chánh, tinh tấn chân chánh, ghi nhớ chân chánh, định tâm chân chánh. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,6 dẫn đến tịch tinh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn. 12. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, r 7 r

không đạt được điêu ước muôn cũng là khô; một cách tóm tát, năm sự bám víu ở các uẩn là khổ. 13. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và say đắm, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. 14. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ. Điều ấy là sự dứt bỏ, sự dứt ra khỏi, sự giải thoát, sự không còn chỗ nương tựa, sự diệt tận và dứt bỏ lòng say đăm không còn dư sót của chính ái ây. 15. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, ...(nt)... đinh tâm chân chánh. 16. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng tức là sự kh6.” Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt).. "Bây là chân lý cao thượng, tức là

6 Dịch sát nghĩa sẽ là "c6 sự tạo ra con mắt, có sự tạo ra trí tue" (ND).

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 17

Sự khổ Cần được hiểu r6." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: đã được hiểu .” J 17. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của kh6." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt).. "Bây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khô cần được dứt b6." Này các Tỳ-khưu5 hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây

chưa từng được nghe:"...(nt).. đã được dứt b6." 18. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt kh6." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt).. "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ cần được chứng ngO." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: đã được chứng ng6." 19. Này các Tỳ-khiru, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt).. ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt kh6." Này các Tỳ-khưu5 hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Bây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đên sự diệt khô cân được tu tap?9 Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi

đườờ:ốữờựữýơữơữơữmrốữ:ảảơ-ệùơ-ịmrốữủ:ờrơữơữơữốủrýữởrơrữ,dùBệợựầ:ảảơ-ệùở ữờơủơý9ýốốầý

18 ĐẠI PHẨM

22. Hơn nữa, trong khi bài kinh này được thuyêt giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Kondañña: “Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 23. Hơn thế nữa, khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārānasī, tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn5 Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời.,, 24. Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)...Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lợi đã đồn đãi lời răng: ...(nt).. chư thiên ở cõi Dạ-ma, ...(nt)... chư thiên ở cõi Đâu-suất, ...(nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc, ...(nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại, ...(nt).. chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: “Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thê Tôn chuyên vận ở Bārānasī tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời y 25. Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thê giới này đã bi lay chuyên, rung động, chân động. Và ánh sáng tuyệt vời không the đo lường đã hiện ra ở the gian, vượt quá năng lực siêu phàm của chư thiên. Khi ấy, đức Thế Ton đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Kondañña đã hiểu được! Kondañña đã hiểu được!,^ Bởi thế, chính từ "AhhkoiỊdahha'" này đã trở thành tên gọi của Đại đức Kondañña. 26. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Đại đức Añflākondañfia đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con có thê xuất gia trong sự hiện diện của đức Thê Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã noi răng: Này Tỳ-khưu5 hãy đên. Pháp đã khéo

được thuyêt giảng, hãy thực hành - í7] Phạm hạnh một cách đúng đan đê châm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của vị Đại đức ấy. 27. Sau đó, đức Thế Ton đã giáo huấn, đã giảng dạy các vi Tỳ-khưu còn lại bằng bài pháp thoại. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Vappa và Đại đức Bhaddiya: "Diều gì có bản tánh7

7 iiAññākondañña," = Aññā + kondañña, nghĩa là "Kondañña đã hiểu." Tên gọi này được phát xuất từ lời nói của đức Phật: Aññāsi vata bho Kondañño. Aññāsi vata bho Kondañño" (ND).

được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cân sự trợ duyên của người khác, các vị ây đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: 9 r 9 r

 Bạch Ngài, chúng con có thê xuât gia trong sự hiện diện của đức Thê Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã noi răng: -Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng dăn đê châm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. 28. Sau đó, với bữa ăn đã được mang lại, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy các vị Tỳ-khưu còn lại bang bài pháp thoại. Nhóm sáu vi sống bằng vật mà ba vị Tỳ-khưu đi khất thực và mang về. 29. Khi ây, trong lúc được giáo huân, được giảng dạy bởi đức Thê Tôn băng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Mahānāma và Đại đức Assaji: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet?9 IGìi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vi ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, chúng con có thê xuât gia trong sự hiện diện của đức Thê Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã noi răng: Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đan đê châm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. 30. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng: Này các Tỳ-khưu, sắc là vô ngã.8 Này các Tỳ-khưu5 bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy.,, Này các Tỳ-khưu, chính vì sác là vô ngã, do đó, sác đi đên bệnh hoạn và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy/9 31. Này các Tỳ-khưu, thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khưu9 bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: "Thọ của ta hãy là như vày, thọ của ta đừng trở thành như vầy."

8 Tốt hơn nên dịch là "sc không phải là ngãv hoặc usắc không phải là ta” (ND).

20 ĐẠI PHẨM

Này các Tỳ-khưu, chính vì thọ là vô ngã, do đó5 thọ đi đên bệnh hoạn và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: uThọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vây.^, 32. Này các Tỳ-khưu, tưởng là vô ngã. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nêu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: "Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như v*y." Này các Tỳ-khưu, chính vì các hành là vô ngã, do đó, các hành đi đến bệnh hoạn và không thê đạt được ở các hành [theo ý muôn] răng: "Các hành của ta hãy là như vây, các hành của ta đừng trở thành như vây.” 33. Này các Tỳ-khưu, thức là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thức [theo ý muôn] răng: "Thức của ta hãy là như vây, thức của ta đừng trở thành như vy.” Này các Tỳ-khưu, chính vì thức là vô ngã, do đó, thức đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: "Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy.” 34. Này các Tỳ-khưu, các vị nghĩ gì vê sac áy, là thường hay vô thường? Bạch Ngài, là vô thường. -Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc? - Bạch Ngài, là khổ. Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã cha ta?” Bạch Ngài, điều ấy không [hợp lý].

Này các Tỳ-khmi, thọ ...(nt).. tưởng ...(nt).. các hành ...(nt).. thức là thường hay vô thường? -Bạch Ngài, là vô thường. -Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc? - Bạch Ngài, là khổ. -Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?” Bạch Ngài, điều ấy không hợp lý. r r r

35. Này các Tỳ-khưu, như thê, trong trường hợp này, bát cứ sác nào thuộc ve quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa, hay ở gân, nên thây được toàn bộ săc ây đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta," Bất cứ thọ nào

L CHƯƠNG TRỌNG YÊU 21

r r jF

..(nt).. bát cứ tưởng nào ...(nt)...bát cứ các hành nào ...(nt).. bát cứ thức nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa hay ở gần, nên thấy được toàn bộ thức ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: “Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta." 36. Này các Tỳ-khiru, trong khi thấy được như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú trong sắc, không còn hứng thú trong thọ, không còn hứng thú trong tưởng, không còn hứng thú trong các hành, không còn hứng thú . • x ll , trong thức; trong khi không còn hứng thú, vị ây không còn say đăm;

do không còn say đắm, vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát.Vị ấy biết được rằng: "Sụ* tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa.” 37. Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Được hoan hỷ, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã vô cùng tlúch thú với lời dạy của đức Thế Tôn. Hơn thế nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, tâm của các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. 38. Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu vị A-la-hán. Tụng phẩm

22 ĐẠI PHẨM

5. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã mang vào đôi hài bằng vàng ròng và đi đen cánh cửa lớn của dinh thự. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa." 6. Sau đó9 người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đên công thành phô. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa." 7. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm, vào lúc hừng sáng, đang đi kinh hành ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã nhìn thấy người con trai gia đình danh ệiá Yasa từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thay đã rời đường kinh hành và ngoi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, ở không xa đức Thế Tôn, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: "Thật là chán nản! Thật là khổ s&!” 8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này: Này Yasa, việc này không chán nản, việc này không khổ sở. Này Yasa, hãy đến và ngồi xuống. Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho ngươi. Khi ây, người con trai gia đình danh giá Yasa [nghĩ răng]: "Nghe nói việc này không chán nản, việc này không khổ s&" nên mừng rỡ phấn chấn, rồi đã cởi ra đôi hài bằng vàng ròng và đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức The Tôn roi ngồi xuống một bên. Khi người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến nệười con trai gia đình danh giá Yasa. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bo thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuât ly. Khi đức Thê Tôn biêt được người con trai gia đình danh giá Yasa có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đen người con trai gia đình danh giá Yasa: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 9. Sau đó, mẹ của người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi lên tòa lâu đài, trong khi không nhìn thay người con trai gia đình danh giá Yasa, nên đã đi đên gặp người gia chủ đại phú, sau khi đên đã nói với người gia chủ đại phú điều này: Gia chủ ơi, không có nhìn thấy con trai ông là Yasa. Khi ấy, người gia chủ đại phú đã phân công cho các sứ giả phi ngựa bốn phương, còn chính bản thân đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Người gia chủ

đại phú đã nhìn thấy dấu vết [in xuống đất] của đôi hài bằng vàng ròng, sau khi nhìn thấy đã đi theo chính dấu vết ấy. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người gia chủ đại phú từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Hay là Ta nên thi triển thần thông để cho người gia chủ đại phú ngồi ở đây không thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở Rồi đẫyy

đức Thế Tôn đã thi triển thần thông như thế ấy. 10. Sau đó, người gia chủ đại phú đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến _ _ _ r y 4 f • r • 4,...nni Ạ FT^ /ỵ JL* Ạ 5 đã noi vơi đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa không? Này gia chủ, như thê thì ông hãy ngôi xuồng đi. Có lẽ khi ông ngôi xuổng ở dây, ông có thê nhìn thây người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngôi ở đây. 11. Khi ấy, người gia chủ đại phú [nghĩ rằng]: "Nghe nói khi ta ngồi xuống ở chính nơi đây, ta sẽ nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở d2y“ nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi người gia chủ đại phú đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người gia chủ đại phú. ...(nt)... không còn cần sự trợ duyên của người khác, [người gia chủ đại phú] đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dang,9; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Và ông ta đã trò thành vị nam cư sĩ đọc ba câu [nương nhờ]10 đầu tiên ở thế gian. 12. Sau đó, trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chất như đã được thay, như đã được biết, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chát như đã được thây, như đã được biêt, tâm của vi ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Người con trai gia đình danh giá Yasa quả không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém đê thọ hưởng các dục lạc giông như trước đây khi còn ở tại gia, hay là Ta nên thu hồi sự thi triển thần thông y?”

10 Vị nam cư sĩ đọc 3 câu (tevãcỉko)'. Lúc bấy giờ, trên thế gian này đã có 6 vị Tỳ-khưu A-la-hán, tức là Hội chúng Tỳ-khưu đã hiền hữu. Vì thế, khi đi đến nương nhờ vao Ba ngôi báu, người gia chủ này đã đọc 3 câu nương nhờ là "Cóp đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn. Con đây xin đi đến nương nhờ Giáo pháp. Con đây xin đi đến nương nhờ Hội chúng Tỳ-khưu,, (ND).

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã thu hồi sự thi triển thần thông ấy. Người gia chủ đại phú đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi, sau khi nhìn thấy, đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này: Này Yasa yêu quý, mẹ của con đã phải than vãn và sầu muộn. Hãy đem lại cho mẹ cuộc sống. 14. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngước nhìn đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người gia chủ đại phú điều này: Này gia chủ, ngươi nghĩ gì vê việc ây [là việc] người con trai gia đình danh giá Yasa đã thấy, đã biết được pháp bằng trí của vi Hữu học, bằng sự hiểu biết của vị Hữu học cũng giống ngươi vậy? Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, có thể nào Yasa quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia hay không? Bạch Ngài, điều ấy không thể nào. Này gia chủ, người con trai gia đình danh giá Yasa quả đã thấy, đã biết được pháp băng trí của vị Hữu học, bằng sự hiêu biết của vị Hữu học cũng giông ngươi vậy. Chàng trai ây trong khi quán sát bản chát như đã được thây, như đã được biêt, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, Yasa không thê nào quay trở lại đời sông tháp kém đê thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia. 15. - Bạch Ngài, thật là lợi ích cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Thật khéo thành tựu cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Như là việc tâm của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa thọ trai ngày mai, cùng với người con trai gia đình danh giá Yasa là Sa-môn hầu cận. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. 16. Khi ấy, người gia chủ đại phú hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nen đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi người gia chủ đại phú ra đi không lâu, người con trai gia đình danh giá Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã nói răng: - Này Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của Đại đức ấy. Vào lúc bây giờ, trên thê gian có bảy vị A-la-hán. Dứt sự xuất gia của Yasa.

L CHƯƠNG TRỌNG YÊU 25

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm ỵ bát, đi đến tư gia của người gia chủ đại phú cùng với Đại đức Yasa là Sa-môn hầu cận, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy5 người mẹ và người vợ cũ của Đại đức Yasā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một

26 ĐẠI PHẨM

Bạch Ngài, bốn người bạn tại gia này của con [tên] Vimala, Subhu, Punnaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārānasī. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này. 4. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém,

sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giông như tâm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chô ngôi ây, pháp nhãn không nhiêm bụi trân, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại dièty Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo su, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã noi răng: -Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vị Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong khi được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Vào lúc bấy giờ9 trên thế gian có mười một vị A-la-hán. Dứt sự xuất gia của bốn người bạn tại gia.

1 Những người bạn tại gia của Đại đức Yasa có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình kỳ cựu và các gia đình kế tự trong xứ sở đã nghe rằng: "Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà." Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: "Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà!" Các người ấy đã đi đến gặp Đại đức

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 27

Yasa, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Yasā rồi đứng một bên. Khi ấy, Đại đức Yasa đã dẫn các người bạn tại gia có số lượng là năm mươi [người] ấy đi đến gặp đức The Tôn, sau khi đen đã đảnh le đức The Ton roi ngoi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, những người bạn tại gia này của con có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình đầu tiên hoặc kế tục trong xứ sở. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này. 2. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. ...(nt).. khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điêu ây đêu có bản tánh hoại diet." Khi đã thấy được

pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được y 7 .

pháp, đã thâm nhuân pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt han, đã thành tựu niêm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cân sự trợ duyên của người khác, những người ây đã nói với đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức Thế Tôn đã nói rằng: —Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vi Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong lúc được giáo huân, được giảng dạy bởi đức Thê Tôn băng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu mươi mốt vị A-la-hán. 3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khưu, các ngươi cũng đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khmi, hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một [đường]. Này các Tỳ-khưu5 hãy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý H •ọ• x * . nghĩa, thành tựu vê văn tự, giảng giải vê Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người

28 « ĐẠI PHẨM

hiểu được giáo pháp, [nhưng] do việc không nghe giáo pháp sẽ bi tha hóa. Này các Tỳ-khưu, Ta cũng sẽ đi đến ngôi làng của Senãni ở Uruvelâ cho việc thuyết giảng giáo pháp. 4. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng những lời kệ này: Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc lớn lao. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta! [Đức Thế Tôn đáp lại rằng:] Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc lớn lao. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi. Sự trói buộc này, có sự di chuyển ở khoảng không và hoạt động ở trong tâm. Ta sẽ trói buộc Ngài lại bằng vật ấy. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta! Các sắc, các thinh, các hương, các vi và các xúc là các niềm thích thú của tâm. Sự mong muôn của Ta ở điêu ây đã không còn. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bi thua rồi. Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta roi!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy. Dứt phần giảng về Ma vương là phần thứ mười một

1. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khiru thuộc nhiêu phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên y Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh

ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tâm như vây đã sanh khởi: "Hiện nay, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia và sẽ cho họ tu lên bậc trên/ Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muôn tu lên bậc trên đêu mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vi Tỳ-khưu răng: 'Này các Tỳ-khưu, kê từ nay, ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trèn."'

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 29

2. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, đã thuyết pháp thoại, roi đã bảo các vị Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc Ta thiên tinh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các vi Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên.5 Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu5 luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu rang: 'Này các Tỳ-khưu, ke từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.'"
3. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép "kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên,^, Và này các Tỳ-khưu5 nên cho xuất gia như vây, nên cho tu lên bậc trên như vây: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vi Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chăp tay lên và nên bảo răng: "Nguôi hãy nói như vây: Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Phật]. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Pháp]. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Tăng].11* Lần thứ nhi, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhi, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba5 tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ." Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ này. Dứt phần giảng về sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ là phần thứ mười hai.

11 Sangha: Được dịch âm thành Tăng-già, nói ngắn gọnjà Tăng. Sangha có ý nghĩa thông thường là hội chúng, tập thể, v.v... và được thiêng liêng hóa khi đề cập đên 3 ngôi Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Điều cần lưu ý ở đây là từ "Scừighd' cung được dùng cho Ty-khưu-nK Bhikkhuñīsañgha = hối chúng Tỳ-khưu-ni, Tỳ-khưu-ni Tăng (tương tợ như ở bhikkhusañgha = hội chúng Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Tăng). Tuy nhiên, hiện nay có khuynh hướng dùng chữ "Ung" chi dành riêng cho phái nam, ví dụ như: t4Tư chung gom có Tăng, Ni, thiển nam, tín nữ", hoặc 4tKính bạch chư Đại đưc Tăng, Ni" hoặc bình dân hơn như i4ông Tăng, bà Ni", v.v... Chữ "Tng" này chỉ tương đương với từ ^Bhikkhu"

(Tỳ-khưu) chứ không phải là '"Sangha" như ơ trên (ND).

30 ĐẠI PHẨM

s r r >

1. Sau đó, khi đã sông qua mùa mưa, đức Thê Tôn đã bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, đã đạt đến sự Giải thoát vô thượng, đã chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng. Này các Tỳ-khưu, ngay cả các ngươi cũng có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, [các ngươi] hãy đạt đến sự Giải thoát vô thượng, hãy chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng. 2. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng bài kệ này: Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bi trói buộc bởi sự trói buộc của tử thân. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta! [Đức Thế Tôn đáp lại rằng:] Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc của tử thần. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi. Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta r8i!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy. 3 Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārānasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành về phía Uruvelā. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời đường lộ đi đến khu rừng rậm nọ, sau khi đến đã đi sâu vào trong khu rừng rậm ấy và đã ngồi xuống ở góc cây nọ. 4. Vào lúc bây giờ, những người bạn thuộc nhóm các vương tử có sô lượng ba mươi [người] cùng với những người vợ đang du ngoạn ở trong khu rừng rậm ấy. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ây. Roi trong khi những người ây đang lơ đênh du ngoạn, cô gái diêm ây đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát. 5. Sau đó, những người bạn ấy trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, trong khi lang thang ở khu rừng rậm ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có nhìn thấy người đàn bà không? Này các vương tử, các vị có chuyện gì với người đàn bà? Bạch Ngài, ở đây, chúng tôi là những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi [người] đã cùng với những người vợ du ngoạn ở trong khu rừng rậm này. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu câu của vị ây. Bạch Ngài, roi trong khi chúng tôi đang lơ đênh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát. Bạch Ngài, là những người bạn trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, chúng tôi đây lang thang đi đến khu rừng rậm này.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 31

6 Này các vương tử, các vị nghĩ thê nào vê việc các vi nên tìm kiêm người đàn bà và việc các vị nên tìm kiếm lấy chính mình, đối với các vị việc nào quan trọng hơn? Bạch Ngài, đối với chúng tôi, việc chúng tôi nên tìm kiếm lấy chính mình là việc quan trọng hơn. Này các vương tử, chính vì việc ây? các vi hãy ngôi xuông, Ta sẽ thuyêt giảng giáo pháp cho các vị. -Bạch Ngài, xin vâng. Rồi những người bạn thuộc nhóm các vương tử ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 7. Đức Thế Tôn đã thuyết

pháp theo thứ lớp đến các vi ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các vi ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các vị ấy: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, chúng con có thê xuất gia trong sự hiện diện của đức Thê Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đã noi răng: Này các Tỳ-khưu9 hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng dăn đê châm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Dứt câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử. Tụng phẩm thứ nhì.

1. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Uruvelã. Vào lúc bấy giờ, có ba vi đạo sĩ bện tóc đang cư tru ở Uruvelâ là Uruvelakassapa, Nadĩkassapa và Gayâkassapa. Trong số các vị ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa là vi lãnh đạo, vị hướng dẫn, vi quan trọng nhất, vị đứng đau, vi thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc.

Đạo sĩ bện tóc Nadĩkassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vi thủ lĩnh của ba trăm đạo sĩ bện tóc. Đạo sĩ bện tóc Gayâkassapa là vị lãnh đạo, vi hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của hai trăm đạo sĩ bện tóc.
2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa, r >

sau khi đên đã nói với đạo sĩ bện tóc Ưruvelakassapa điêu này: Này Kassapa, nêu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thê ngụ một đêm trong nhà thờ lửa. Này vi Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rông chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con răn có nọc độc khủng khiêp, không thể để cho nó hại Ngài được. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa. Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rông chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con răn có nọc độc khủng khiêp, không the đe cho nó hại Ngài được. Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa. Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở

-Quả thật vị Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp đã bi con rồng hãm hại! Sau đó5 khi trải qua đêm ấy, đức Thế Ton đã không làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương,

tủy của con rồng này mà đã dùng lửa [của Ngài] làm cho lửa [của nó] bị kiệt quệ, rồi bỏ vào trong bình bát và đưa cho đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa xem [nói răng]: Này Kassapa, đây là con rông của ngươi. Lửa của nó đã bị lửa [của Ta] làm cho kiệt quệ. Khi ây, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy đã dùng lửa [của vi ấy] làm cho lửa của con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp bị kiệt quệ, nhưng vi ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta day/9 4. ở Nerañjarā, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rằng: -Này Kassapa, nêu không trở ngại cho ngươi thì đêm nay hãy đê Ta ngụ ở nơi thờ phụng lửa. -Này vị Đại Sa-môn, quả chăng có trở ngại cho tôi. Chỉ vì muôn được yên tâm mà tôi ngăn cản Ngài. Nơi đây có con rong chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được. Biết đâu nó có thể không hại Ta. Này Kassapa, ngươi hãy cho phép [Ta cư ngụ] nhà thờ lửa đi. Sau khi biết được điều ấy là "đã được cho phép", Ngài đã đi vào, không khiếp đảm, đã lìa nỗi sợ hãi. Thây vị ân sĩ đã đi vào, con rông chúa có ý bực bội, đã phun khói. Vị Chúa của loài người, với tâm hòa dịu, với ý cao cả, tại nơi đó cũng đã phun khói. Và không nén được nỗi bực tức, con rồng chúa đã phun lửa như là cơn hỏa hoạn. Vị Chúa của loài người, thiện xảo về các đề mục lửa, tại nơi đó cũng đã phun lửa. Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, các đạo sĩ bện tóc đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói rằng: Đương nhiên là vi Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp bị con rồng hãm hại!

Roi đêm đã qua đi, các ngọn lửa của rông chúa chăng còn, còn các ngọn lửa của vị có thân lực vân tôn tại và có nhiêu màu săc. Các ngọn lửa nhiều màu sắc từ cơ thể của vị Añgīrasa có các màu sắc trong suốt, xanh, đỏ, tím, vàng. Sau khi đặt con rồng vào bình bát, Ngài đã đưa ra cho vị Bà-la-môn xem: Này Bà-la-môn, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị kiệt quệ vì ngọn lửa [của Ta].12

12 Ngài Buddhaghosa cho biết đây là các lời kệ được lưu truyền về sau này (VìnA. v. 971).

34 ĐẠI PHẨM

5. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa vô cùng hoan hỷ với sự kỳ diệu than thong nay cua đức The Ton nen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Này vi Đại Sa-mon, hãy cư ngụ ngay tại đây, tôi có thức ăn trường kỳ cho Ngài. Điều kỳ diệu thứ nhất

6. Sau đó, đức Thế Tôn đã cư ngụ trong khu rừng rậm nọ, không xa khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa. Khi ấy, vào lúc đêm khuya, bốn vị Đại Thiên vương có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi đưng ở bôn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Này vị Đại Sa-mon, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa- mon5 trong lúc đêm khuya, những ai có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng ở bốn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ

vậy? -Này Kassapa, các vị ấy là bốn vị Đại Thiên vương đã đi đến gặp Ta để nghe pháp. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vj Đại Sa-mon quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả bốn vị Đại Thiên vương còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta day?7*9 Sau đó, đức Thê Tôn đã thọ thực bữa ăn của vi đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy. Điều kỳ diệu thứ nhì.

7. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vi chúa của chư thiên Sakkā có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Này vi Đại Sa-mon, đã đên giờ, thức ăn đã chuan bị xong. Này vị Đại Sa-mon5 trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi

đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy? Này Kassapa, vị ấy là chúa của chư thiên Sakkā đã đi đến gặp Ta để nghe pháp. Khi ây, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: "Vi Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả chúa của chư thiên Sakkā còn đi đên gặp đê nghe pháp, nhưng vị ây không phải là vị A-la-hán giông như ta d2y." Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vi đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy. Điều kỳ diệu thứ ba.

8. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vị Phạm thiên Sahampati có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa không lô còn rực rỡ hơn và thù thăng hơn những hào quang đây màu săc trước đây nữa. 9. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: —Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong. Này vị Đại Sa-mon, trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy? -Này Kassapa, vị ấy là Phạm thiên Sahampati đã đi đến gặp Ta để nghe pháp. Khi áy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: "Vj Đại Sa-mon quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị Phạm thiên Sahampati còn đi đến gặp để nghe pháp, nhung vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta dây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy. Điều kỳ diệu thứ tư.

10. Vào lúc bấy giờ, buổi đại lễ cúng tế của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đến. Và toàn bộ dân chúng ở Añga và Magadha đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mem với ý định tham dự. Khi áy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi

đại lễ Cling tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Añga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm và tham dự.

36 ĐẠI PHẨM

Nêu vị Đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thân thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bi giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai." 11. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa nên đã đi đên xứ Kuru ở phương Bác, từ nơi ây đã đem lại đô ăn khát thực và đã thọ thực ở hô Anotatta, roi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ây. 12. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: Này vị Đại Sa-môn5 đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa- môn9 việc gì khiến Ngài đã không đi đến ngày hôm qua? Tuy nhiên, chúng tôi cũng có nhớ đến Ngài rằng: "Việc gì khiến vị Đại Sa-môn không đi đến?" Phần chia về thức ăn loại cứng và loại mềm đã được để dành cho Ngài. 13. Này Kassapa, thế không phải ngươi đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Añga và Magadha sẽ đem lại nhiêu thức ăn loại cứng, loại mem và tham dự. Nêu vi Đại Sa-môn thực hiện • A 7 • • e • • •

Sự kỳ diệu của thân thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai." 14. Này Kassapa, Ta đây dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ngươi nên đã đi đên xứ Kuru ở phương Băc? từ nơi ây, đã đem lại đô ăn khát thực và đã thọ thực ở hô Anotatta, roi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ây. 15. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vi Đại Sa- môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn biết được tâm bằng tâm, nhưng vị ây không phải là vị A-la-hán giông như ta đấyy Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy. Điều kỳ diệu thứ năm.

1. Vào lúc bấy giờ, có vải parnsukūla13 đã phát sanh đến đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể giặt vải parnsukūla ở dâu?" Khi ây, vi chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biêt được ý nghĩ suy tâm của đức Thế Tôn nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước, rồi nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải pamsukūla ở dây." Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nhồi vải pamsukūla ở nơi vật gi?" Khi ấy, vi chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

13 NẼẢrpamsukũla\ Chủ yếu là vải quấn thây người chết, được đem bỏ ở bãi tha ma, hoặc là vải nhặt ở các đống rác. ở một vài chỗ, chúng tôi đã dịch là uvải dơ bị quăng b6" (ND).

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU 37

Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải pamsukūla ở đây. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước len?99 Khi ấy, vị thiên thần ngụ

ở cây Kakudhā dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã uốn cong cành cây xuống [nói rằng]: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể phơi khô vải pamsukūla ở nơi vật gi?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn, rồi nói với đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải pamsukūla ở đây. 2. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp r r _ _ _ - . y đức Thê Tôn? sau khi đen đã nói vơi đức The Ton điêu nay: Này vi Đại Sa-môn? đã đên giờ, thức ăn đã chuân bi xong. Này vị Đại Sa- môn9 có phải trước kia, cái hồ nước này không có ở đây, giờ cái hồ nước này lại có ở đây? Trước kia, hòn đá này không được đem lại, do ai mà hòn đá này đã được đem lại? Trước kia, cành của cây Kakudhā này không bi uốn cong xuống, giờ cành cây này đây đã bị uốn cong xuống? 3 Này Kassapa, trường hợp này là vải pamsukūla đã được phát sanh đến Ta. Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể giặt vải pamsukũỉa ở dau?59 Khi ây, vi chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biêt được ý nghĩ suy tâm của Ta nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước rồi nói với Ta điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải pamsukūla ở day?9 Cái hồ này đây đã được đào bằng bàn tay bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nhồi vải pamsukūla ở nơi vật gi?" Khi ấy, vi chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải pamsukūla ở day?9 Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước 10n?” Khi ây9 vi thiên thân ngụ ở cây Kakudhā dùng tâm biêt được ý nghĩ suy tâm của Ta nên đã uốn cong cành cây xuống: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.,, Cây Kakudhā này đây là vật đê tay năm vào. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể phơi khô vải pamsukūla ở nơi vật gi?” Khi ấy, vi chúa của chư thiên Sakkā dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải pamsukūla ở day?9 Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Khi ây, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: uVị Đại Sa-môn quả thật có đại than lực, có đại oai lực bởi vì vi chúa của chư thiên Sakkā còn phải phục vụ, nhưng vi ấy không phải là vi A-la-hán giống như ta đây?9

38 > ĐẠI PHẨM

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy. 4 Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp 4_ Ạ rr^ A _ 1 • 4. Àr _ / • r* _ nnl- A • r y
A

đức Thê Tôn, sau khi đên đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Này vị Đại Sa-môn, đã đên giờ, thức ăn đã chuân bi xong. Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến.

Sau khi bảo vi đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái cây từ cây Jambu,14 do cây Jambu mà Jambudīpa15 được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vi đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa,

sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này: Này vi Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài, vậy mà Ngài đây đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trái cây Jambu này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm, đạt được mùi vi, nếu ngươi thích thì hãy ăn đi. -Này vị Đại Sa-mon, thôi đi. Chính Ngài đã mang nó lại thì chính Ngài hãy ăn nó. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-mon quả thật có đại than lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta dây.” Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rưng rậm ấy. 5. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. -Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến. Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái xoài không xa cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, ...(nt)... trái Āmalakī không xa cây Jambu, ...(nt)... trái Harītakī không xa cây Jambu, ...(nt)... đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngôi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thây đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

14 Trái Jambu giống trái mận (miền Nam) hoặc đào đỏ (miền Trung) nhưng nhỏ hơn (ND). 15 Jambudīpa, dịch là đảo Jambu, tức là bán đảo Ấn Độ (ND).

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 39

Này vi Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài vậy mà Ngài đã đi đên trước và ngôi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô5 roi đã đi đên trước và ngôi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, bông hoa của cây san hô này đạt được màu săc5 đạt được hương thơm. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã đi đên cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, roi đã đi đên trước và ngôi ở nhà thờ lửa, nhưng vi ây không phải là vị A-la-hán giông như ta dây." 6 Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước muốn thờ phụng lửa, không thể chẻ nhỏ các thanh củi được. Khi ấy, các vi đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào chẻ nhỏ các thanh củi được!^, Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: -Này Kassapa, hãy khiến các thanh củi được chẻ nhỏ. Này vi Đại Sa-môn? hãy khiến chúng được chẻ nhỏ. Ngay lập tức, năm trăm thanh củi đã được chẻ nhỏ. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các thanh củi cũng không chẻ nhỏ được, nhưng vị ấy không phải là vi A-la-hán giống như ta dây.” 7. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước

muốn thờ phụng lửa, không thể đốt lên ngọn lửa được. Khi ấy, các vi đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vi Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào đốt lên ngọn lửa dugc!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được đốt lên.

- Này vi Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được đốt lên. Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được đốt lên. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: Đại Sa-môn quả thật có đại thân lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không đốt lên được, nhưng vị ây không phải là vi A-la-hán giông như ta dây." 8. Vào lúc bây giờ, các vi đạo sĩ bện tóc ây, sau khi thờ phụng lửa, không thể dập tắt ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào dập tắt các ngọn lửa được!,^ Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: -Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được dập tắt.

Này vi Đại Sa-môn5 hãy khiến chúng được dập tắt. Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được dập tắt. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: Đại Sa-môn quả thật có đại than lực? có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không dập tắt được, nhưng vị ây không phải là vị A-la-hán giông như ta day.95 9. Vào lúc bây giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo, r • e r r 5 e

vào lúc tuyêt rơi, các vị đạo sĩ bện tóc ây hụp xuồng và trôi lên trong dòng sông Nerañjarā, roi lại thực hiện những hành động trôi lên hụp xuồng. Khi ây, đức Thế Tôn đã làm hiện ra các chảo lửa có số lượng năm trăm cái ở chỗ các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã lội lên và sưởi ấm. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điêu này: "Chác chăn là do năng lực thân thông của vị Đại Sa-môn cho nên các chảo lửa này đã được hiện ra." Khi ây, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thân lực, có đại oai lực bởi vì vị ây còn làm hiện ra các chảo lửa nhiêu đên mức này, nhưng vi ây không phải là vị A-la-hán giống như ta day/9 r 7

10. Vào lúc bây giờ, có đám mây đen lớn sái mùa đã đô mưa tạo thành trận lũ lụt lớn. Trong khu vực nào đức The Tôn cư ngụ thì nước không tràn đến khu vực ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Hay là Ta nên đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi?,, Sau đó5 đức Thế Tôn đã đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đát có phủ lớp đát bụi. Khi ây, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa [nghĩ rằng]: "Chi mong sao vi Đại Sa-môn không bi nước cuốn trôi di!", rồi đã cùng nhiều vị đạo sĩ bện tóc đi thuyền đến khu vực đức Thế Tôn cư ngụ. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi sau khi đã đẩy nước ra xung quanh, sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Này vi Đại Sa-môn, Ngài có đây không? Này Kassapa, có Ta đây. Đức Thế Tôn đã bay lên không trung và đứng xuống ở chiếc thuyền. Khi ây5 vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điêu này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả nước [lũ]

cũng không làm gì được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.55 11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Bã lâu nay, kẻ rồ dại này chỉ khởi ý răng: 'Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thân lực, có đại oai lực, nhưng vị ây không phải là vi A-la-hán giông như ta đây/ Hay là Ta nên làm cho vị đạo sĩ bện tóc này phải nao núng? " Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này: -Này Kassapa, ngươi chăng phải là A-la-hán và cũng chăng đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Thậm chí ngươi cũng không có đường lối thực

hành để ngươi có thể trở thành A-la-hán hoặc đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. 12. Khi ay5 vi đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã quỳ xuong, đê đâu ở hai bàn chan cua đức The Ton va đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không? - Này Kassapa, ngươi là vị lãnh đạo, vi hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc. Ngươi hãy thông báo đến các vị ây. Các vị ây sẽ làm theo cách các vị ây suy tính. Các vị suy tính như thê nào thì các vi sẽ làm như thế ấy. 13. Sau đó, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp các đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi đến đã nói với các đạo sĩ bện tóc ấy điều này: Này các ông, ta muốn thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn. Các ông r r / suy tính như thê nào thì các ông hãy làm như thê ây. —Ngài ơi, chúng tôi có niềm tin với vi Đại Sa-môn đã lâu nay. Nếu ngài thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn, hết thảy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vi Đại Sa-môn. 14. Sau đó9 các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? A

Đức The Ton đã noi răng: Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. 15. Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa đã nhìn thây các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điêu này: "Chớ có việc gì nguy hiêm xảy ra cho anh trai của ta!", roi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói rằng]: "Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta [thế nào].,^ Còn bản thân cùng với ba trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điêu này: Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao? Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau

khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? \

Đức The Ton đã noi răng: Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực r 9 -í í ỵ hành Phạm hạnh một cách đúng đan đê châm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. 16. Đạo sĩ bện tóc Gayâkassapa đã nhìn thay các chùm tóc, các bện tóc, các đồ dạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho các anh trai của ta!" rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói răng]: "Các vi hãy đi và tìm hiêu xem các anh trai của ta [thế nào]." Còn bản thân cùng với hai trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đen đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điều này: y r

-Này Kassapa, điêu này là tót hơn hay sao? Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

17. Sau đó? các đạo sĩ bện tóc ây đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ dạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Tôn đã noi răng: Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Do nguyện lực của đức Thế Tôn, năm trăm thanh củi đã không chẻ ra được rồi đã được chẻ ra, các ngọn lửa đã không đốt lên được rồi đã được đốt lên, đã không dập tắt được rồi đã được dập tắt, năm trăm chảo lửa đã được làm hiện ra. Theo cách thức ấy, có ba ngàn năm trăm điều kỳ diệu. 18. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelâ theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành vê phía đỉnh Gayâ cùng với đại chúng Tỳ-khưu gôm có một ngàn vị Tỳ-khưu9 hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Tại nơi đó, ở Gayâ, đức Thế Tôn ngự tại đỉnh Gayâ cùng với một ngàn vị Tỳ-khưu. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, tất cả đều bị cháy rực. Và này các Tỳ-khưu5 cái gì là tất cả đều bị cháy rực? Này các Tỳ-khưu, mắt bị cháy rực, các sắc bị cháy rực, sự

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 43

r 9 ĩ r 9

nhận thức của mát bị cháy rực, sự tiêp xúc của măt bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiêp xúc của mát là lạc, hay là khô, hoặc không khô không lạc cũng đêu bị cháy rực. Bi cháy rực bởi điêu gì? Ta nói răng: "Bj cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si Bi cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vQng." Tai bị cháy rực, các âm thanh bi cháy rực, ...(nt).. Mũi bị cháy rực, các mùi bi cháy rực, ...(nt).. Lưỡi bi cháy rực, các vi nếm bị cháy rực, ...(nt)... Thân bi cháy rực, các sự xúc chạm bi cháy rực, ...(nt)... Ý bị cháy rực, các pháp bị cháy rực, sự nhận thức của ý bị cháy rực, sự tiếp xúc của ý bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiêp xúc của ý là lạc, hay là khô, hoặc không khổ không lạc cũng đều bi cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy

rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bát mãn, bởi những điêu thát vọng.,, Này các Tỳ-khưu, trong khi nhìn thấy như thế, vi Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú đến mắt, không còn hứng thú đến các sắc, không còn hứng thú đến sự nhận thức của mắt, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của mắt, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là kho, hoặc không khổ không lạc. [Vị áy] không còn hứng thú đên tai, không còn hứng thú đên các âm thanh, ...(nt).. không còn hứng thú đến mũi, không còn hứng thú đến các mùi, ...(nt).. không còn hứng thú đến lưỡi, không còn hứng thú đến các vị nếm, ...(nt).. không còn hứng thú đến thân, không còn hứng thú đến các sự xúc chạm, ...(nt).. không còn hứng thú đến ý, không còn hứng thú đến các pháp, không còn hứng thú đến sự nhận thức của ý5 không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của ý5 tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn tham ái; do không còn tham ái, vi ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát.” Vị ấy biết được rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đôi với bản thê [A-la-hán] này nîïa." 19. Và trong khi bài kinh này được thuyêt giảng, tâm của một ngàn vị Tỳ-khưu ây đã không còn châp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Dứt phần giảng về í6Bị cháy rực.w Dứt tụng phẩm í6Sự kỳ diệu ờ Uruvelā59 là thứ ba.

44 ĐẠI PHẨM

1. Sau đó5 khi đã ngự tại Uruvelâ theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành vê phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gôm có một ngàn vị Tỳ-khưu5 hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Latthi, nơi điện thờ Suppatitthā. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nghe được rằng: "Chắc chắn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakyā, từ dòng dõi Sakyā đã xuất gia, đã ngự đến thành Rājagaha và trú ở thành Rājagaha, tại khu rừng Latthi, nơi điện thờ Suppatitthā. Tiêng tăm tót đẹp vê Ngài Gotama ây đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Tối Thượng, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy, với thắng trí của minh, sau khi chứng ngộ đã công bố về thế gian này, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thể ấy!” 2. Sau đó5 đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha được tháp tùng bởi một trăm hai mươi ngàn16 Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha, đã đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức Thê Ton roi ngoi xuống một bên. Còn một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy, một số __ f A A r _ JL JL 9 . _ *1- l Ạ Ạ nn Ạ Á • Á • À AJ Ạ g ? A1 /\ J *1 • . đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuông mọt ben, mọt so đã to ve thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao

đổi lời xã giao thân thiện rồi ngồi xuống một bên, một số đã chắp tay cúi chào đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã xưng tên họ trước đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số có thái độ im lặng rồi ngồi xuống một bên. 3. Khi áy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Vj Đại Sa-mon thực hành Phạm hạnh theo Uruvelakassapa, hay là Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa- môn?,, Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã nói với Đại đức Uruvelakassapa bằng bài kệ này: 4. - Kẻ trú ở Uruvelā, người giáo huấn các đạo sĩ khổ hạnh, sau khi thấy điều gì, mà đã từ bỏ ngọn lửa? Này Kassapa, Ta hỏi ngươi điều này: "Tại sao việc thờ lửa của ngươi bị từ b6?"

16 Một trăm hai mươi ngàn (dvādasanahuta = dvādasa + nahuta = 12 nahuta). Ngài Buddhaghosa giải thích: l nahuta = 10.000, như vậy 12 nahuta = 120.000 (VinA. v. 972). Trong khi đó, từ điển A Dictionary of the Pali Language của Robert Caesar Childers ghi: l nahuta = 10.000.0004, tức là 28 con số không (0) sau con so mọt, như thế 12 nahuta là một con số quá lớn, không hợp lý trong trường hợp này.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 45

Việc cúng tế đề cập đến các hình ảnh, các âm thanh, các mùi vi, dục lạc và đàn bà. Sau khi nhận biêt răng "việc ây là ô nhiêm^, trong các mâm mông tái sanh, vì thê con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tê. [Đức Thế Tôn nói với Kassapa:] -Và ở đây, tâm của ngươi đã không thích thú đối với các hình ảnh, các âm thanh và các mùi vị5 như thế thì giờ dây, ở thế giới nhân thiên [cái gì] là được tâm thích thú? Này Kassapa, hãy nói với Ta về điều ấy. Sau khi đã nhìn thấy đạo lộ thanh tịnh, không mầm mống tái sanh, không có gì [về tham ái], không bị trói buộc trong dục lạc và hiện hữu, không còn những thứ khác [sanh, lão, tử, VV.L không thê đạt đên băng đường lôi nào khác, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tế. 5. Sau đó, Đại đức Uruvelakassapa đã từ chô ngôi đứng dậy, đáp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói với đức ____r _____ _ _ _ Ạ rr\ J. • A A The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa- môn.,, Sau đó, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyêt vê giới câm, bài thuyêt vê cõi trời; sự tai hại, sự tháp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chô ngôi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy có đức Vua Seniya Bimbisăra

xứ Magadha đứng đầu: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Mười ngàn người đã tuyên bố bản thân là cư sĩ. 6. Sau đó5 khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trẫm đã có năm điều ước nguyện, giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước

dây, khi còn là hoàng tử, trẫm đã khởi ý điều này: "ước gì họ tấn phong ta làm vua!” Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhất của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đi vào vương quốc của ta đẫy r Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhì của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. UƯỚC gì ta được tỏ lòng tôn kính đến đức Thế Tôn ấy!” Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ ba của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì đức Thế Tôn ấy thuyết giảng giáo pháp cho ta!” Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ tư của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì ta có thể hiểu được giáo pháp của đức Thế Tôn ấy!” Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ năm của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trâm đã có năm điêu ước nguyện này; giờ đây các điêu ây đã được thành tựu cho trẫm. 7. Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có the lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lôi, đem lại cây đèn dâu nơi bóng tôi [nghĩ răng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, trẫm đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chập nhận trâm là nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kê từ hôm nay cho đên trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn nhận lời trâm vê bữa thọ trai vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. 8. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hiểu được sự nhận lời của đức The Ton nen đã tư cho ngoi đứng dạy, đanh le đức The Ton, hương vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi sai người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Ton đã mặc y, cầm y bát5 đi vào thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khiru gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu9 hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Vào lúc bay giờ, chúa của chư thiên, Sakkā đã biến thành hình dáng của người thanh niên đi phía trước hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, ngâm nga những lời kệ này: 9. "Vị đã tự rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha. Vị đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha. Vị đã tự vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha. Đấng Thập Trú,17 Thập Lực, bậc thông hiểu mười pháp18 và đã thành đạt mười điều,19 đức Thế Tôn ấy được tháp tùng bởi một ngàn v] đã đi vào thành Rājagaha." Dân chúng sau khi nhìn thấy chúa của chư thiên, Sakkā đã nói như vầy: "Chàng thanh niên trẻ này thật đẹp trai! Chàng thanh niên trẻ này thật duyên dáng! Chàng thanh niên trẻ này thật đáng tin! Chàng thanh niên trẻ này là thuộc về ai vậy?^, Khi được nói như thế, chúa của chư thiên, Sakkā đã nói với đám người ấy bằng bài kệ này: nào là bậc trí tuệ, đã được rèn luyện vê mọi mặt, là vị trong sạch, không có đối thủ, là bậc A-la-hán, đấng Thiện Thệ ở thế gian, ta là người phục vụ cho vị ây. 10. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến tư dinh của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thê Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức vua đã ngôi xuồng một bên. Khi đã ngôi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã khởi ý điều này: “Dức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đôi với Ngài, chô ây không nên xa làng mạc lăm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có the đi đen mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn5 gió bị hạn chế, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tjnh." Rồi đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã khởi ý điều này: “Khu vườn VeỊuvana này của chúng ta là không xa làng mạc lăm, cũng không quá gân, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thê đi đên môi khi có ước muôn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân

17 Đấng Thập Trú (Dasavāso): Là vị có sự cư trú trong 10 pháp của bậc Thánh. HT. Thích Minh Châu dịch là "Mươi Thánh cu" (xin xem Kinh Trường bộ, Kinh Phúng tụng, phan l o pháp, hoặc Kinh Tăng chi bộ, chương 10 pháp, phàm 2). 18 Thông hiểu mười pháp {dasadhammavidũ): Là vị thông hiểu về 10 đường lối tạo nghiệp (liên quan đến thân có 3, liên quan đen khẩu có 4 và liên quan đến ý có 3). 19 Thành đạt l o điều (dasabhỉ cupeto): Là thành tựu l o pháp của bậc Vô học gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chanh mạng, chánh cẩn, chánh niệm, chánh điĩứi, chánh trí, chánh giải thoát (Kinh Tang chi bộ, chương 10 pháp, phẩm 11). Ba điều này đã được triển khai dựa vào lời giải thích ngắn gọn cua Chu giải (VmA. N. 973).

chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, hay là ta nên dâng khu vườn VeỊuvana đến hội chúng Tỳ-khiru có đức Phật đứng dầu?” 11. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã cầm lấy bình nước làm băng vàng rưới nước lên đức Thê Tôn [nói răng]: "Bạch Ngài, trâm dâng khu vườn VeỊuvana này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật

đứng dau?9 Đức Thế Tôn đã thọ lãnh khu vườn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha băng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ nhận] khu vườn.^, 12. Vào lúc bấy giờ, vi du sĩ Sañjaya cư trú tại thành Rājagaha cùng với tập thê du sĩ đông đảo gôm có hai trăm năm mươi vi du sĩ. Vào lúc bây giờ, Sāriputta và Moggallâna thực hành Phạm hạnh theo du sĩ Sañjaya. Họ đã giao ước với nhau rằng: "Người nào chứng đạt sự bất tử trước phải thông báo cho vi kia hay." Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Assaji đã mặc y, cầm y bát đi vào thành Rājagaha để khất thực. Vi ấy có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngam, khi cử động co duỗi. 13. Du sĩ Sāriputta đã nhìn thấy Đại đức Assaji là vi có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Đây chính là vị Tỳ-khưu trong số các vi thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la- hán. Hay là ta nên đến gần vi Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?9 hoặc là 'Ai là thầy của Đại dức?' hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vị nào?'" 14. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã khởi ý điều này: yKhông phải lúc để hỏi vi Tỳ-khưu này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực. Hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cau sự lợi ích?” Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã đi đến gần Đại đức Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này: "Thua Đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vi nào?" 15. - Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakyā, từ dòng họ Sakyā đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 49

Vị Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì? -Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này: Thưa Đại dức, hãy là vậy đi. Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi? Khi ấy, Đại đức Assaji đã nói với du sĩ Sāriputta lời dạy này thuộc về giáo pháp: "Cdc pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chủng và ve sự diệt tát của chủng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thếr Sau đó, khi đã nghe được lời dạy thuộc về giáo pháp này thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Sāriputta: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại

diet." uĐây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp.” 16. Sau đó, du sĩ Sāriputta đã đi đến gặp du sĩ Moggallãna. Du sĩ Moggallâna đã nhìn thấy du sĩ Sāriputta từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với du sĩ Sāriputta điều này: Này bạn, các giác quan của bạn thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Này bạn, chắc hẳn là bạn đã chứng đạt sự bất tử? - Này bạn, đúng vậy. Tôi đã chứng đạt sự bất tử. -Này bạn, bạn đã chứng đạt sự bát tử băng cách như thê nào? Này bạn, ở đây, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu Assaji là vi có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Dây chính là vị Tỳ-khuu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vi Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?' hoặc là 'Ai là thầy của Đại đức?9 hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vi nào?"' Này bạn, khi ấy, tôi đây đã khởi ý điều này: "Không phải lúc để hỏi vị Tỳ-khưu này, vi ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực, hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?” 17. Này bạn, sau khi đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, vị Tỳ-khiru Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Này bạn, khi ấy, tôi đã đi đến gần vị Tỳ-khưu Assaji, sau khi đen đã tỏ vẻ thân thiện với vi Tỳ-khưu Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Này bạn, khi đã đứng một

bên, tôi đã nói với vị Tỳ-khưu Assaji điều này: “Thua Đại dức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sác cơ thê thật trong sáng và thuần khiêt. Thưa Đại dức, Đại đức đã được xuât gia có liên quan đên vi nào? Ai là thây của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vi nào?" "Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakyā, từ dòng họ Sakyā đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy.” Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gi?” "Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt." “Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?,, Này bạn, khi ấy, vị Tỳ-khưu Assaji đã nói với tôi lời dạy khái quát về giáo pháp: "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế." Sau đó, khi đã nghe được lời dạy khái quát này về giáo pháp thì pháp nhãn không nhiêm bụi trân, không vét nhơ đã sanh khởi đên du sĩ Moggallãna: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Nỉết-bàn không sầu muộn [làpháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp r 18. Sau đó, du sĩ Moggallâna đã nói với du sĩ Sāriputta điều này: Này bạn, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng ta. -Này bạn, hai trăm năm mươi du sĩ này sông ở

đây đang nương tựa vào chúng ta và đang trông nom chúng ta, chúng ta hãy thông báo đến các vi ấy, các vị suy tính như thê nào thì các vị sẽ làm như thê ây. 19. Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đi đến gặp các vị du sĩ ấy, sau khi đến đã nói với các vị du sĩ ấy điều này: Này các đạo hữu, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi. -Chúng tôi sống ở đây nương tựa vào các Đại đức và đang trông nom các Đại dức, nếu các Đại đức sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn hết thảy tát cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vi Đại Sa-môn. Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đi đến gặp du sĩ Safijaya, sau khi đến đã nói với du sĩ Sañjaya điều này:

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 51

Này Đại dức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi. Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này. Đen lần thứ nhì, ...(nt)...Đen lần thứ ba, Sāriputta và Moggallãna đã nói với du sĩ Sañjaya điều này: —Này Đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi. Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này. 20. Sau đó, Sāriputta và Moggallãna đã đưa hai trăm năm mươi du sĩ ấy đi đến VeỊuvana. về phần du sĩ Sañjaya, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng. Đức Thế Ton đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallâna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng đầu. Khi hai vị có lãnh vực trí tuệ thâm sâu, [đã chứng] Niết-bàn vô thượng, đã được giải thoát, còn chưa đen được VeỊuvana, bậc Đạo sư đã nói với các vị [Tỳ- khưu] ấy rằng: "Họ là hai người bạn, Kolita và upatissa, dang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng u.” 21. Sau đó5 Sāriputta và Moggallâna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quy xuống đê đầu đảnh lễ ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không? Đức The Ton đa noi rang: -Này các Tỳ-khưu, hãy đến! Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn đê chấm dứt khô đau. Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. 22. Vào lúc bấy giờ, những người con trai gia đình danh giá ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm thực hành Phạm hạnh theo đức Thế Tôn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Sa-môn Gotama đã tạo ra khuynh hướng không con cái, Sa-môn Gotama đã gây nên cảnh vợ không chồng, Sa- môn Gotama đã gây nên sự đổ vỡ của các gia đình. Hiện nay, cùng với ông ta, một ngàn vị đạo sĩ bện tóc đã xuất gia, hai trăm năm mươi du sĩ này của Sañjaya đã xuất gia, và những người con trai gia đình danh giá này ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm đang thực hành Phạm hạnh theo Sa-môn Gotama." Hơn nữa, khi gặp các vị Tỳ-khưu họ đã quở trách bằng bài kệ này:

52 ĐẠI PHẨM

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bSañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào di?” 23. Các Tỳ-khưu đã nghe được những

người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 tiếng đồn đãi ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất. Này các Tỳ-khưu9 chính vì việc ấy, những người nào quở trách các ngươi bằng bài kệ này: "Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Safljaya giờ đây sẽ dẫn người nào di?" Các ngươi hãy quở trách lại họ băng bài kệ này: "Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vị đang dẫn đi bằng Chanh pháp?' Vào lúc bây giờ, dân chúng khi gặp các vị Tỳ-khưu đã quở trách băng bài kệ này: "Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào di?" Các vị Tỳ-khưu đã quở trách lại những người ấy bằng bài kệ này: "Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vi đang dẫn đi bằng Chánh ph9p?" 24. Dân chúng nghĩ rằng: "Nghe nói các Sa-mon Thích tử dẫn dắt bằng Chánh pháp không phải bằng phi Pháp.^ Tiếng đồn ấy đã tồn tại chỉ có bảy ngày, sau khi trải qua bảy ngày, đã biến mất. Dứt sự xuất gia của Sāriputta và Moggallâna. Dứt tụng phẩm thứ tư.

1. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khiru không có thầy tế độ, trong khi không được giáo huấn và không được giảng dạy nên mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vi đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vi còn tự mình yêu cầu súp và cơm roi thọ thực; các vị song gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn. 2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 53

ở phía trên thức ăn loại mềm; các vi lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vi; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vi còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vay?" 3 Các Tỳ-khiru đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biết đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các vi Tỳ-khưu lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách roi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vi lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn vay?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. 4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy,

nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vi đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vi đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vi đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vi còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn, có đúng không vậy? 5. - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn9 không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vi lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uông; các vị còn tự mình yêu câu súp và cơm roi thọ thực; các vi sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khxru, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

6.2Sau đó, khi đã khiển trách các vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi thầy tế độ. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ sẽ gợi lên ở người đệ tử*21 tâm của người con và người đệ tử sẽ gợi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau, có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên được xác đinh như vầy: [Người đệ tử] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vay: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thay te độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con.” [Vị thầy tế độ nên nói rằng:] "Tốt rồi!hay là "Được nhẹ nhàng rồi!,, hay là "Dúng rồi!^, hay là "Được phù hợp r8i!" hay là "Hãy làm cho thành tựu với sự hoan hy!” [Nếu] vị [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy tế độ đã được xác đinh. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy tế độ đã không được xác đinh. 9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vị thây tê độ. Đây là bôn phận đúng dăn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi

dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng và nên sáp xép chô ngôi. Nêu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. 10. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bân thì nên quét khu vực ây. Nêu thây tê độ có ý đinh đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đôi], nên trao dây that lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên, nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận đi theo, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đêu với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây that lưng, gáp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

2Do đánh số nhầm từ bản gốc Pãli (không có số 7, 8) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT). 21 Saddhìvihãrika dịch sát theo từ là "vi sống chung trú xá."

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 55

11. Khi thây tê độ đang nói, không nên cát ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. 1 \ 1 ỉ x \ . t • r Trong khi gap y nên lùi phân góc vào bôn ngón tay roi gáp y lại [nghĩ răng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.^,22 Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 12. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thây ăn xong nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, đê ở chô tháp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống. 13. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ây. Nêu thây tê độ có ý muôn tăm, nên chuân bị việc tăm. Nêu có nhu câu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. 14. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm r r r \ ỉ : ướt đát sét. Nên lây ghê ngôi của nhà tăm hơi roi đi đên từ phía sau lưng và trao ghê ngôi của nhà tăm hơi cho thây tê độ, nên nhận lây y và đê xuống một bên, nên trao bột tăm, nên trao đát sét. Nêu có nô lực, nên đi vào nhà tăm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hoi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm

hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuông. Không nên xua đuôi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chô ngôi, ơ trong nhà tăm hơi nên kỳ cọ cho thây tê độ. Trong khi rời khỏi nhà tăm hơi, nên câm lây cái ghê ngôi của nhà tăm hơi, nên che kín cả phía trước lân phía sau roi rời khỏi nhà tắm hơi. 15. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thây tê độ. Khi đã tăm xong nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và sáp xép chô ngôi. Nên

22 Nếu gấp đôi y lại sẽ có đường gấp ở chính giữa, và trong khi thường xuyên làm như vậy thì phần chính gỉưa này sẽ bị sờn. Cách gap y như vầy đe hạn chế điều ấy (VinA. v. 979).

đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. 16. ơ trú xá nào thây tê độ cư ngụ, nêu trú xá ây có rác bân, nêu có nô lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuông ở một góc; nên đem vật lót ngôi và tâm trải năm ra ngoài roi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuông ở một góc; nên r l X l • Ji. . > r hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuông ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. 17. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đâu ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên xem xét tâm trải nên được xép đặt như thê nào roi đem ra ngoài và đê xuông ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang 16, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang 16, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh roi lau sạch. Nêu phân nên không được thực hiện, nên rưới nước roi quét [nghĩ răng]: "Không nên đê trú xá bị tràn ngập bụi bàm.” 18. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được săp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng khung giường, nên lau chùi roi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sap đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng nệm gói, nên làm sạch sẽ, đập giũ roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm Ã # l• < ĩ r trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi

nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi roi đem vào trong và đe lại ở vi trí như cũ. 19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU 57

20. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướnệ Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. 21. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét công. Nêu phòng hội họp có rác bân, nên quét phòng hội họp. Nêu nhà đê đót lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 22. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vi khác làm cho diu đi5 hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ? người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vi khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. 23. Nêu thây tê độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parivãsa, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvãsa cho thầy tế d?" 24. Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "LAm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban dau??, 25. Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt Mãnatta. người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào đe hội chúng có thể ban hình phạt Mãnatta cho thầy tể độr 26. Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độT' 27. Nêu hội chúng có ý đinh thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đoi với thay te độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?,, Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?" 28. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được giát?" Nếu y của thầy tế

độ cân phải may, n^ười đệ tử nên may hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào để y của thây tê độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nâu, người đệ tử nên nâu hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê thuôc nhuộm của thày tế độ được ngu?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên nhuộm băng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo, không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. 29. Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đen người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm Sa-môn hầu cận, không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. 30. Chưa xin phép thầy tế độ, không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nấu thày tế độ bi bệnh nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đên khi] vị ây có sự hôi phục. Dứt phận sự đối vói thầy tế độ.

1 Này các Tỳ-khưu, vi thầy tế độ nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ- khưu, thây tê độ nên quan tâm đên người đệ tử, nên giúp đỡ băng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. 2. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?" 3. Nếu thày tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "LAm thế nào để y có thể phát sanh đen đệ ử?“ 4. Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?" 5. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm

trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu Vực ây có rác bân thì nên quét khu vực ây. 6. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đôi], nên trao dây that lưng, nên gáp y hai lớp thành nép roi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tam chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc

vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.^^ Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 7. Nêu có đô ăn khát thực và người đệ tử có ý muôn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. 8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống, không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống. 9. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xép chô ngôi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bi việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. 10. Nêu người đệ tử có ý muôn đi vào nhà tăm hoi, nên trộn bột tăm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nêu có nỗ lực, nên đi vào nhà tam hơi. Trong khi đi vào nhà tam hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngoi. ở trong nhà tam hơi, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hoi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. 11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân the của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử

về nước uống, ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. 12. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuông ở một góc; nên đem vật lót ngôi và tâm trải năm ra ngoài roi đê xuông ở một góc; nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuông ở một góc; nên hạ tháp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuông ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. 13. Nên đem ông nhô ra ngoài roi đê xuông ở một góc5 nên đem tâm ván kê đàu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên, nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bi đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh roi lau sạch. Nêu

nên không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." 14. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tâm trải nên, nên làm sạch sẽ, đập giũ roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuông roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi sáp đặt như đã được săp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nang ong nho, nên lau chùi roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi roi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. 15. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống. 16. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Đông, các cửa sô hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây

nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêt lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. 17. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu di, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vi ấy. Nêu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở nguôi đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở nạười đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. 19. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parivāsa. vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parivāsa cho đệ tử?" 20. Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban dau?99 21. Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt Mānatta, vi thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban

hình phạt Mānatta cho đếtử?, • 22. Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vi thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?” 24.23 Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có the khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?" 25. Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vi thầy tế độ nên chỉ dẫn: “Nguôi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử

23 Do đánh số nhầm từ bản gốc Pali (không có số 23) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

được giát?” Nêu y của người đệ tử cân phải may, vị thây tê độ nên chỉ dân: "Ngươi nên may như v*y”, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vy) hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?" Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫii "Ngươi nên nhuộm như vầy9\ hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?^, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục.^, Dứt phận sự đối với đệ tử.

1. Vào lúc bây giờ, các người đệ tử không thực hành bôn phận đúng đan đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các người đệ tử lại không thực hành bôn phận đúng đắn đối với các vi thầy tế d?" 2. Sau đó, các vị Tỳ-khmi ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các người đệ tử không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 người đệ tử không nên không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ; vi nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội Dukkata. [Các người đệ tử] vân không thực hành phận sự đúng dăn. Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu5 nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi di", hay là "Bừng có quay trở lại dây”hay là "Hãy đem đi y bát của nguôi”, hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nữa.,, [Nếu] vi [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử không bị đuổi đi. 3. Vào lúc bấy giờ, những người đệ tử bị đuổi đi đã không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xin lỗi. Các người [đệ tử] vẫn không xin lỗi.

Các vi đà trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, người [đệ tử] bị đuôi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội Dukkata.

4. Vào lúc bấy giờ, khi được xin lỗi, các vi thầy tế độ không tha thứ. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ. Các vị [thầy tế độ] vẫn không tha thứ. Những người đệ tử bỏ đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội Dukkata. 5. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ đuổi đi những người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội Dukkata, Và này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội Dukkata. 6. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện.24 Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này. 7. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu to này. 8. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này. 9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bi đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bi đuổi đi khi có năm yếu tố này. 10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, khôn^ có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vi thây tê độ là vượt qua quy định khi không đuôi di, không vượt qua quy đinh khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu to này. 11. Này các Tỳ-khưu, vi thày tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy đinh khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu to: Đối với thày tế

24 Ngài Buddhaghosa giải thích là sự rèn luyện về tâm từ (VìnA. v. 983).

độ, CÓ nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi di, không vượt qua quy đinh khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này. 12. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ [tên Rādha] đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh

cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. 13. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, CÓ vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân, sau khi nhm thây, đã bảo các Tỳ-khiru răng: Này các Tỳ-khưu9 việc gì khiến người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống săc? có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân vậy? Bạch Ngài, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ôm o, căn côi, xuông sác, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân. 14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, có vị nào nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy?

Khi được nói như vậy, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con nhớ được điêu tót đẹp của người Bà-la-môn ây. Này Sāriputta, ngươi nhớ được điều tốt đẹp gì của người Bà-la-môn ấy?

 Bạch Ngài, trường hợp này là khi con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, người Bà-la-môn ấy đã sai người cho một muỗng vật thực. Bạch Ngài, đó là điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy mà con nhớ được. -Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì những người tốt là những người biết ơn và nhớ ơn đã thọ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy, ngươi hãy cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên. Bạch Ngài, con cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên như thế nào? 15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 việc tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy] đã được Ta cho phép, kể từ nay Ta hủy bỏ việc ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tu lên bậc trên băng hành sự có lời đê nghị đên lân thứ tư. Và này các Tỳ-khiru, nên cho tu lên bậc trên như vây, hội chúng cân được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 16. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên cho vi tên [như vây] tu lên bậc trên với thây tê độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. 17. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vi tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy], Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vi tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. 18. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. 19. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc

trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. 20. Vi tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thực hiện hành động sai trái liền ngay sau khi được tu lên bậc trên. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này Đại dức, chớ có hành động như thế, điều ấy không được phép. Vị ấy đã nói như vầy: -Tôi đâu có thỉnh cầu các Đại đức rằng: "Các Đại đức hãy cho tôi tu lên bậc trên,,, Tại sao các ngài khi chưa được tôi thỉnh cau mà đã cho tu lên bậc trên? Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không thỉnh cầu; vi nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép, ban phép tu lên bậc trên đoi với người đã thỉnh cau. Và này các Tỳ-khưu, nên được thỉnh cầu như vầy: Vị có ý muốn tu lên bậc trên ấy nên đi đến hội chúng Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu? ngoi chom hom, chắp tay lên, và nên nói với hội chúng như vầy: "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, vì lòng thương xót, xin hội chúnệ hãy tế độ t6i." Nên được thỉnh cầu đến lan thứ nhì. Nên được thỉnh cầu đến lan thứ ba. Hội chúng can được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vị tên [như vầy] thỉnh cầu hội

chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vi tên [như vầy] thỉnh cau hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Vị tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' 22. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, sự tuần tự của các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng được tiến hành đều đặn. Khi ấy, có người Bà- la-mon nọ đã khởi ý điều này: "Những Sa-mon Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon roi nam ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử này?” 23. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khiru đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Khi người ấy đã được xuất gia, sự tuần tự của các bữa ăn đã hết. Các vị Tỳ-khiru đã nói như vầy: Này Đại dức, hãy đến. Hôm nay, chúng ta sẽ đi khất thực.

Vị ây đã nói như vây: Này các Đại đức, tôi đã không xuất gia vì nguyên nhân này: "Ta sẽ đi khất thực." Nếu các vị cho tôi thì tôi sẽ ăn, nếu các vị không cho tôi thì tôi sẽ hoàn tục. -Này Đại dức, có phải ngài đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử? Này các Đại dức, đúng vậy. 24. Các Tỳ-khiru nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vi Tỳ-khưu lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. 25. Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử? Này kẻ rồ dại, sự việc này

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 67

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 26. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên chỉ dẫn về bốn pháp nương nhờ: Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ đinh, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha. vào ngày đau của mỗi nửa tháng. Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía. Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy tế độ là thứ năm.

1. Vào lúc bấy giờ, có chàng thanh niên nọ đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã chỉ dẫn cho chàng trai về các pháp nương nhờ trước. Chàng trai đã nói như vầy: Thưa các ngài, nếu khi tôi đã được xuất gia, các ngài mới chỉ dẫn về các pháp nương nhờ thì tôi còn có thể thích thú. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia. Đối với tôi, các pháp nương nhờ là ghê tởm đáng ghét. 2. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khxru, không nên chỉ dẫn về các pháp nương nhờ trước; vị nào chỉ dẫn thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ dẫn ve các pháp nương nhờ liền ngay sau khi đã được tu lên bậc trên. 3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm hai vị9 nhóm ba vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm ít hơn mười vị; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vi hoặc nhóm trên mười vi. 4. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu chỉ được một năm, hai năm đã cho đệ tử tu lên bậc trên. Ngay cả Đại đức upasena, con trai của Vanganta, được một năm đã cho người đệ tử tu lên bậc trên. Khi đã sống qua mùa [an cư] mưa là

được

hai năm, vị ây đã đưa người đệ tử được một năm đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khiru đi đến. 5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Ưpasena, con trai của Vañganta điều này: Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Bạch Thế Tôn, sức khoẻ có khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc. 6. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời, các vị mới hỏi; biết đúng thòi, các vi vẫn không hỏi; có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích; khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử.^, 7. Khi ây, đức Thê Tôn đã nỏi với Đại đức upasena, con trai của Vañganta điều này: Này Tỳ-khxru, ngươi được bao nhiêu năm? -Bạch Thế Tôn, con được hai năm. Còn vị Tỳ-khưu này được bao nhiêu năm? —Bạch Thế Tôn, được một năm. Vi Tỳ-khưu này là gì của ngươi? Bạch Thế Tôn, là đệ tử của con. 8. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao [trong khi] ngươi còn cân được những người khác giáo huân giảng dạy lại nghĩ đến giáo huấn giảng dạy người khác? Này kẻ rồ dại, ngươi trở thành đa đoan quá nhanh chóng, tức là việc kết nạp đồ chúng. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, vị dưới mười năm không nên ban phép tu lên bậc trên; vi nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khtru, Ta cho phép vi mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên. 9. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!,^ rồi ban phép tu lên bậc trên. [Các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát

hiện, những thây tê độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiêu được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện. 10. Có vị nọ trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thây tê độ nói vê vân đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy. 11. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!5 rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thây tê độ ngu dót và các đệ tử

sáng trí được phát hiện, những thầy te độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiên?" 12. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!,, rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thây tê độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiêu được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện, có đúng không vậy? 13. - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy là ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lại [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!9 rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt ...(nt)... và các đệ tử trí tuệ được phát hiện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). ° .) .'•c Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban phép tu lên bậc trên; vi nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên. 14. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vi thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, qua bên nhóm khác, các Tỳ-khưu trở thành không có thay dạy học và trong khi không được giáo huấn, không được giảng dạy [nên đã] mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách roi đi khát thực. 15. Trong khi dân chúng đang ăn? các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vi, ở phía trên thức uống; các vi còn tự mình yêu

. . A A A o câu súp và cơm roi thọ thực; các vị sông gây nên sự náo nhiệt, sự ôn ào ở trong nhà ăn. 16. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn5 các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu câu súp và cơm roi thọ thực, các vị sông gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vay?" 17. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). 18. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(ĩit)...có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị thây dạy học. Này các Tỳ-khưu, vị thây dạy học sẽ gợi lên ở người học trò tâm của người con và người học trò sẽ gợi lên ở vị thây dạy học tâm của người cha. Như thê, trong khi sông cùng nhau có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này. 19. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sống

nương nhờ mười năm và vi mười năm được ban cho sự nương nhờ. Và này các Tỳ-khiru, vị thầy dạy học nên được xác định như vầy: [Người học trò] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thây dạy học của con. Con sẽ sông nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, . . *5 n __ k • •

xin ngài hãy là thây dạy học của con. Con sẽ sông nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thây dạy học của con. Con sẽ sông nương nhờ vào Đại dức.” [Vị thầy dạy học nên nói rằng]: "Tốt rồi!hay là "Được nhẹ nhàng r8i!" hay là "Đúng rồi!59 hay là "Được phù hợp r6i!" hay là "Hãy làm cho thành . r e A " A 5 9 tựu với sự hoan hy!" [Nêu] vi [thây dạy học] bày tỏ băng thân, bày tỏ băng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy dạy học đã được xác định. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bang thân, không bày tỏ bang lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vi thầy dạy học đã không được xác định. 20. Này các Tỳ-khưu9 người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vi thay dạy học. Đây là bon phận đúng đan trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đáp thượng y một bên vai, roi nên dâng gô chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sáp xép chô ngôi. Nêu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô5 để ở chô tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, roi đem cat.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 71

. M 1 e 'X T Ấ 21. Khi thây dạy học đã đứng dậy, nên thu xép chô ngôi. Nêu khu vực ây CÓ rác bân thì nên quét khu vực ây. Nêu thây dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đôi], nên trao dây that lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có Sa-môn hầu cận đi theo, vi ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm Sa-môn hầu cận cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gân. Nên nhận lây bình bát được [vị thây] hoán đôi. 22. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở vê, nên đi vê trước tiên và sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nấu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở r 9 r : r

chô năng trong chóc lát. Và không nên đê luôn y ở chô năng, nên gáp y lại. Trong khi gáp y, nên lùi phân góc vào bôn ngón tay roi gáp y lại [nghĩ răng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 23. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng, nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghê roi nên đặt bình bát

xuông. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chô gáp y lại ở bên này, roi máng y xuông. 24. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ây. Nêu thây dạy học có ý muôn tăm, nên chuân bị việc tăm. Nêu [thây dạy học] có nhu câu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. 25. Nêu thây dạy học có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tăm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y và để xuống một bên, nên trao bột tăm, nên trao đát sét. Nêu có nô lực, nên đi vào nhà tăm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lân phía sau roi đi vào nhà tăm hơi. Không nên chen vào [chô] các Tỳ- khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi

chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. 26. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thê của thây dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên hỏi ý thây dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. 27. ơ trú xá nào thây dạy học cư ngụ, nêu trú xá ây có rác bân, nêu có nô lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuống ở một góc; nên đem vật lót ngôi và tâm trải năm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt dát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuông ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. 28. Nên đem ông nhô ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên đem tâm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc5 nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thê nào, roi đem ra ngoài và đê xuông ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hóc kẹt. Nêu tường được sơn màu đỏ bị đôm loang lô, nên thâm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bi tràn ngập bụi bặm.,, 29. Sau khi gom rác lại roi nên đem đô bỏ ở một góc. Sau khi phơi năng tâm trải nên, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ9 đập

giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi săp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuông roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng nệm gói, nên làm sạch sẽ, đập giũ roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trải nằm, nên làm sạch sẽ9 đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ông nhô, nên lau chùi roi đem vào trong và

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 73

đê lại ở vi trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê dâu, nên lau chùi roi đem vào trong và đe lại ở vị trí như cũ. 30. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nen dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống. 31. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Tây, các cửa sô hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. 32. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt 7 9 r x

lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem nước uông lại. Nêu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 33. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biên, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biên, hoặc nên tiên hành việc giảng pháp cho vị thây. Nêu tà kiên sanh khởi ở thây dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiên hành việc giảng pháp cho vị thây. 34. Nếu thầy dạy học bi phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parivāsa cho thầy dạy hoc?99 35. Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban du?" 36. Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt Mānatta, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mānatta cho thầy dạy hqc?” 37. Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?,^ 38. Nêu hội chúng có ý định thực hiện

hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò

nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi thành nhẹ hơn?,, Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?99 39. Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nấu thuốc nhuộm của thầy dạy học can phải nau, người học trò nên nấu hoặc nên the hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?” Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thê nào đê y của thây dạy học được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. 40. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vi Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. 41. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nêu thây dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn dời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Dứt phận sự đối với thầy dạy học.

1. Này các Tỳ-khưu, vi thầy dạy học nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người học trò. Đây là bôn phận đúng đan trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy. 2. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?” 3. Nêu thây dạy học có y và người học trò không có y, thây dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đen học irò?"

4. Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đen người học trò, hoặc nên the hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trb?” 5. Nêu người học trò bi bệnh, [vị thây dạy học] nên thức

dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho . 2 9 \ m. ĩ

nước, nhận lại t& đê ở chô tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, roi đem cát. 6. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xép chô ngôi. Nêu khu vực ây có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: “pến lúc vị ấy sắp trở nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.^, Nên đặt dây that lưng ở phân y đã gap lại. 7. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] roi đem đô ăn khát thực lại. Nên hỏi ý người học trò vê nước uông. Khi người học trò ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, đe ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nang trong chốc lát. Và không nên đe luôn bình bát ở chỗ nang. 8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nen dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cam y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia, còn chô gáp y lại ở bên này, roi máng y xuống. 9. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nấu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] cỏ nhu cau ve nước lạnh, nên chuẩn bi nước lạnh; nếu có nhu cau ve nước nóng, nên chuẩn bi nước nóng. 10. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hoi, nên trộn bột tắm, nên tâm ướt đát sét. Nên lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi đên, trao ghê ngôi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Klhông nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngoi. ở trong nhà tam hơi, nên kỳ

CỌ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. 11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và săp xép chô ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tam chà chân. Nên hỏi ý người học trò ve nước uống. 12. ở trú xá nào người học trò cư

ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài roi đê xuồng ở một góc; nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuông ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên xem xét tâm trải nên được xép đặt như thê nào, roi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. 13. Nếu ở tru xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lô thông gió và các hóc kẹt. Nêu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đôm loang lô, nên thâm khăn ướt chà xát mạnh roi lau sạch. Nêu nên không được thực hiện, nên rưới nước roi quét [nghĩ răng]: "Không nên đê trú xá bị tràn ngập bụi bặm.^, Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. 14. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt dát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. 15. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào

trong và đê lại ở vị trí như cũ. Nên đem cát y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất A n. , . A \ .• không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, roi máng y xuông. 16. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướnệ Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa so hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêtr lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban • • -r 9

ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. 17. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác

bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên CỊuét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có5 nên đem nước uông lại. Nêu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đo nước vào hũ nước súc miệng. 18. Nêu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thây dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu di, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vi thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ây. Nêu tà kiên sanh khởi ở người học trò, vị thây dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. 19. Nếu người học trò bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parivãsa cho học trò?" 20. Nêu người học trò xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, vị thây dạy học nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê hội chúng có thê đưa học trò về lại [hình phạt] ban dầu?" 21 Nếu người học trò xứng đáng hình phạt Mānatta. vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm the nào đe hội chúng có the ban hình phạt Mānatta cho học tror 22. Nêu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thây dạy học nên thê hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học tro?^ 23. Nêu hội chúng có ý đinh thực hiện hành sự khiên trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đoi với người học trò, vị thay dạy học nên ứiể hiện sự nỗ lực: uLam thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?,^ Khi hội chúng đã thực hiện hành

Sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thây dạy học nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê học trò 9 * 7 • 9 9

CÓ thê làm bôn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?^ 24. Nêu y của người học trò cân phải giặt, vị thây dạy học nên chỉ dân: "Ngươi nên giặt như vay", hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê y của học trò được giát?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thay dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được may?" Nêu thuốc nhuộm của người học trò cân phải nâu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: '"Ngươi nên nấu như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?” Nếu y của người học trò càn phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được nhu0m?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Dứt phận sự đối với học trò.

1. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vi thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy dạy học; vị nào không thực

hành đúng đắn thì phạm tội Dukkata. [Các người học trò] vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình • Ạ r ...nnT - A FTi A sự việc ay len đức The Ton.
Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu5 nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi di"hay là "Đừng có quay trở lại đẫy'\ hay là "Hãy đem đi y bát của nguôi", hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nua?91[Nếu] * * dạy học] bày tỏ bằng thân, 2 * * *vi* [thầy bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người học trò không bi đuổi đi. 2. Vào lúc bấy giờ, những người học trò bi đuổi đi không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép xin lỗi. Các người [học trò] vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Á rTi A The Ton. Này các Tỳ-khưu, người [học trò] bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội Dukkata.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 79

3. Vào lúc bấy giờ, trong khi được xin lỗi, các vị thầy dạy học không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ. Các vị [thầy dạy học] vẫn không tha thứ. Những người học trò rời đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, trong khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội Dukkata. 4. Vào lúc bấy giờ, các vi thầy dạy học đuổi đi những người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn; vi nào đuổi đi thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội Dukkata. 5. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiêu lòng yêu mên, không có nhiêu đức tin, không có nhiêu ne nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, nên đuôi đi người học trò có năm yêu tô này. 6. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thây dạy học, có nhiêu lòng yêu mên, có nhiêu đức tin, có nhiêu nê nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu5 không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này. 7. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối y e 5 r 9 y

với thây dạy học, không có nhiêu lòng yêu mên, không có nhiêu đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang, có nhiêu kính trọng, [và] có nhiêu sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuôi đi khi có năm yêu tô này. 9. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy đinh khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thây

dạy học, không có nhiêu lòng yêu mên, không có nhiêu đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thây dạy học là vượt qua quy định khi không đuôi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố này. 10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang,

có nhiêu kính trọng, [và] có nhiêu sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thây dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy đinh khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố này. 11. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu ngu dót, thiêu kinh nghiệm [nghĩ răng]: “Ta được mười năm! Ta được mười năm!,, rồi ban cho sự nương nhờ. [Các trường hợp] những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thay dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thây dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiêu được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện. 12. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các vi Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rang]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban cho sự nương nhờ khiến [các trường hợp] những thày dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thây dạy học thiêu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thây dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiêu được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiên?" 13. Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban cho sự nương nhờ; vi nào ban cho thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban cho sự nương nhờ. Dứt tụng phàm vê phận sự đôi với thây dạy học là thứ sáu.

1. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vi thầy dạy học và thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trân, chuyên qua nhóm khác, các vị Tỳ-khưu không biêt các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm. Này các Tỳ-khưu? đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ. 2. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học: Thầy dạy học rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm, hoặc đã được gặp lại thầy te độ. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học.

3. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiên uân. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học đinh uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uân, thành tựu Vô học giải thoát tri kiên uân. Này các Tỳ-khxru, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học đinh uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 6. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu Vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học đinh uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uân; bản thân thành tựu Vô học tuệ uân và là người khuyên khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 7. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru có năm yêu tô khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

82 ĐẠI PHẨM

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự ho thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không nên ban phép

tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới,2526 bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,26 bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan,27 ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu có năm yếu to này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ. 11. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, đe làm cho diu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết về sự phạm tội, không biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 12. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiêm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, đê làm cho diu đi hoặc nhờ người làm cho diu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], đe làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biết về sự phạm tội, biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

Ngài Buddhaghosa giải thích rằng tăng thượng giới {adhỉsĩlà) gồm có 4 tội Pārājika và 13 tội Sañghādisesa. (VinA. v. 989). 26 Tăng thượng hạnh (ajjhācārā) là các tội khác thuộc về 5 nhóm tội còn lại (Sdd). 27 Tri kiến cực đoan {atiditthī) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (Sđd.). Xem phần giải thích vê hữu biên kiên {antaggāhikāditthī) trong Patỉsambhidãmagga (Phân tích đạo), TTTĐPGVN, tập 8, tr. 888-92; TTPV, tập 37 tr. 286-95.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 83

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản,28 để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,29 để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật,30 để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên đe cho Sa-di phục vụ. 14. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc ve phận

sự căn bản, đe hướng dẫn các điều học thuộc vê phân đâu của Phạm hạnh, đê hướng dân vê Thăng pháp, đê hướng dân vê Thăng luật, đê phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiên đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu to này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 15. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru có năm yêu tô khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi không biêt vê sự phạm tội, không biêt vê sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ/không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Pātimokkhd) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nam lòng, không khéo được xác định theo từng điều học và từng phan phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ- khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đê cho Sa-di phục vụ: Là vị biêt vê sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Pãtimokkha) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên đe cho Sa-di phục

28 Ngài Buddhaghosa giải thích về các điều học thuộc về phận sự căn bản {ābhisamācārikā sikkhā) là các phận sự được quy định ở trong Khandhaka, tức là Mahāvagga (Đại phẩm) và Cullavagga (Tiểu pharn)'(yinA.N.99b). . 29 Còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh (ādibrahmacariyikā sikkhā) là phần quy định dành cho bậc Hữu học, tức là hai phần Giới bổn (Pãtimokkhà) đã được quy định cho Ty-khưu và Tỳ- khưu-ni (S). 30 Hướng dẫn về Thắng pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt danh sắc, và hướng dẫn về Thắng luật là hướng dân về toàn bộ tạng Luật {SđdỴ

vụ: Là vi không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu to này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 18. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu có năm yếu to này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ. Dứt mười sáu nhóm năm của phần "Nn ban phép tu lên bậc trên.55

1. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên đe cho Sa-di phục vụ: Là vị không thành tựu Vô

học giới uân, không thành tựu Vô học định uân, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 2. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ. 3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiên uân và không là người khuyên khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu

VÔ học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học đinh uân và là người khuyên khích kẻ khác đạt được VÔ học định uân; bản thân thành tựu Vô học tuệ uân và là người khuyên khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu to này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên đe cho Sa-di phục vụ. 6. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi]5 có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ. 7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên

để cho Sa-di phục vụ: Là vi bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng ve tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu to này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan, nghe nhiêu, có trí tuệ, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu to này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ. 9. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng đe phục vụ, hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho diu đi hoặc nhờ người làm cho diu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết ve tội, không biết cách thoát khỏi tội, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu9 vi

Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu len bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng đe phục vụ hoặc kiêm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, đê làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], đe làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biêt vê tội, biêt cách thoát khỏi tội, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sáu yểu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vi không có khả năng đê huân luyện các điêu học thuộc vê phận sự căn bản5 đê hướng dân các điêu học thuộc vê phân đâu của Phạm hạnh, đê hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 12. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yêu tô nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên đe cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng đe huấn luyện các điều học thuộc ve phận sự căn bản, đe hướng dẫn các điều học thuộc vê phân đâu của Phạm hạnh, đê hướng dân vê Thăng pháp, đê hướng dân vê Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. 13. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho

Sa-di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biêt vê sự phạm tội nhẹ, không biêt vê sự phạm tội nặng; hơn nữa, đôi với vi này, hai bộ Giới bổn (Pãtimokkhă) không khéo được truyền thừa một cách chi tiêt, không khéo được phân tích, không khéo thuộc năm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sáu yêu tô khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đôi với vị này, hai bộ Giới bôn (Pãtỉmokkhă) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo

được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. Dứt mười bốn nhóm sáu của phần ban phép tu lên bậc trn.”

1. Vào lúc bấy giờ, có người trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ây. Người ây đã quay trở lại lân nữa và thỉnh càu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, người nào trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy, người ấy đi đến thì không nên cho tu lên bậc trên. 2. Này các Tỳ-khưu, còn có hạng người khác, trước đây theo ngoại dạo, mong mỏi sự xuât gia trong Pháp và Luật này, mong mỏi việc tu lên bậc trên, nên ban cho vị ấy bốn tháng Parỉvãsa?x Này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vi Tỳ-khưu, bảo ngồi chôm hôm, bảo chăp tay lên và nên bảo răng: "Ngươi hãy nói như vây: 'Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lân thứ nhì, tôi đi đên Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lân thứ nhì, tôi đi đên Hội chúng là nơi nương a" r nhờ. Lân thứ ba, . tôi đi đên đứcy Phật là nơi nương m nhờ. Lân thứ ba, tôi đi đên Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lân thứ ba, tôi đi đên Hội chúng là nơi nương nhờ.,,, 3 Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo ấy nên đi đến hội chúng, nên đáp thượng y một bên vai, nên đảnh lê ở chân các Tỳ-khưu, ngôi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng bôn tháng Parỉvãsay Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. 4. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị này tên [như vây] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị

31 Parivãsa: Trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa có che giấu, muốn được trong sạch trở lại phải xin hành phạt cũng có tên là Parỉvãsa. Tuy có tên gọi giống nhau nhưng phận sự thực hành kiháig giống nhau (ND).

ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng Parỉvãsa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo bốn tháng Parivãsa, Đây là lời đề nghị. 5. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng Parivãsa. Hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, bốn tháng Parivâsa. Đại đức nào đồng ý việc ban cho bôn tháng Parivãsa đên vị tên [như vây] trước đây theo ngoại đạo, xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. 6. Bốn tháng Parivãsa đã được hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vãy?9 7. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế này là người đạt yêu cầu, như thế này là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như the nào là người không đạt yêu cau? Này các Tỳ- khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng quá sớm và trở về quá trễ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. 8. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo lai vãng với đĩ điếm, hoặc lai vãng với góa phụ, hoặc lai vãng với gái lỡ thời, hoặc lai vãng với người vô căn, hoặc lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ- khưu, người trước đây theo ngoại đạo như the ấy là người không đạt yêu cau. 9. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo lại không khéo léo, không năng động, không có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, không đủ khả năng làm, không đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. 10. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ.32 Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu càu. 11. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với

32 Ngài Buddhaghosa giải thích về tăng thượng giới (adhisĩlă) là Giới bổn (Patimokkho), tăng thượng tảniịadhicitta) là sự tu tập các loại định hợp the, tăng thượng tuệ (adhipaññā) là sự tu tập [các tam] đạo siêu thế(^. V. 993). * - •

lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên hoan hỷ, phân chân, hài lòng với lời khen nợi nói vê vị thây, vê quan diêm, vê điêu mong mỏi, về điều khao khát, về điêu năm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ây đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là diêm chủ yêu trong việc không đạt yêu câu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khưu9 người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người không đạt yêu cầu như thế ấy thì không nên cho tu lên bậc trên. 12. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người đạt yêu cầu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng không quá sớm và trở về không quá trễ. Này các Tỳ-khưu5 người trước đây theo ngoại đạo như thê ây là người đạt yêu câu. 13. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không lai vãng với đĩ điếm, không lai vãng với góa phụ, không lai vãng với gái lỡ thời, không lai vãng với người vô căn, không lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khiru, người trước đây theo ngoại đạo như thê ây là người đạt yêu câu. 14. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo là khéo léo, năng động, có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, có đủ khả năng làm, có đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khiru, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu. 15. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ. Này các Tỳ-khưu5 người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu. 16. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan diêm, vê điêu mong mỏi, vê điêu khao khát, vê điêu năm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ây đã chuyên sang; trở nên giận dữ, không hoan hy, không hài lòng với lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, vê quan diêm, vê điêu mong mỏi, vê điêu khao khát, vê điêu năm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là điểm chủ yếu trong việc đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khiru, người trước đây theo ngoại đạo như thê ây là người đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người đạt yêu cầu như thế ấy thì nên cho tu lên bậc trên.

90 ĐẠI PHẨM

17. Này các Tỳ-khưu, nếu người trước đây theo ngoại đạo là trần truồng đi đến, y là trách nhiệm thuộc về thầy tế độ, cần được tìm kiếm. Nếu người có tóc chưa được cắt đi đến thì hội chúng nên được thông báo về việc cạo tóc. Này các Tỳ-khưu, những người nào là các vị thờ lửa, là các đạo sĩ bện tóc, [nếu] các vị ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho Parivãsa đến những người ấy. Lý do của điều ấy là gì? Này các Tỵ-khưu, những người ấy là những nguồi thuyêt về nghiệp, là những người thuyêt

vê nhân quả. Này các Tỳ-khưu? nêu người trước đây theo ngoại đạo là người thuộc dòng Sakyā đi đên, [nêu] người ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho Parivãsa đến người ấy. Này các Tỳ-khtru? Ta ban cho đặc ân ngoại lệ này đen các thân quyến. Dứt phần giảng về người trước đây theo ngoại dạo. Tụng phẩm thứ bảy.

1. Vào lúc bây giờ, có năm thứ bệnh phát triên rộng kháp trong dân chúng xứ Magadha là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Những người mắc phải năm thứ bệnh đi đen gặp Jīvaka Komārabhacca và nói như vay: - Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều tri cho chúng tôi. Các ngài ơi, tôi có nhiêu phận sự, có nhiêu việc cân phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, các cung phi và hội chung Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được. Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và chúng tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho chúng tôi. Các ngài ơi, tôi có nhiêu phận sự, có nhiêu việc cân phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được. 2. Khi ấy, những người dân ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là chúng ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vi Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [chúng ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị.,, 3. Sau đó, những người dân ây đã đi đên gặp các Tỳ-khưu và thỉnh câu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc họ và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị. 4. Vào lúc bấy giờ, trong lúc chăm sóc nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, các vi Tỳ- khưu sống có nhiều sự xin xỏ, có nhiều sự yêu cầu: "Hãy bố thí vật thực dành cho người bệnh, hãy bố thí vật thực dành cho người chăm sóc bệnh, hãy bố thí dược phẩm dành cho người bênh." Ngay cả Jīvaka Komārabhacca, trong lúc điều tri nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, đã xao lãng phận sự nào đó đối với đức vua.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 91

5. Và có người đàn ông nọ cũng mắc phải năm thứ bệnh, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và đã nói điều này: Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi.

Ngài ơi, tôi có nhiêu phận sự, có nhiêu việc cân phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đâu nữa; tôi không thê điêu trị [ngài] được. Thưa thay, tát ca tai san hãy la cua thay va toi sẽ la đay tơ cua thay. Tót đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi. Ngài ơi, tôi có nhiêu phận SỊT, có nhiêu việc cân phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đâu nữa; tôi không thê điêu trị [ngài] được. 6. Khi ấy, người đàn ông ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vi Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều tri; khi khỏi bệnh, ta đây sẽ hoàn tục." 7. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho

người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc người ây và Jīvaka Komārabhacca đã điêu trị. Người ây khi khỏi bệnh đã hoàn tục. 8. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thây người đàn ông hoàn tục ây, sau khi nhìn thây đã nói với người đàn ông ây điêu này: Thưa ngài, có phải ngài đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu không? - Thưa thầy, đúng vậy. Thưa ngài, điều gì khiến ngài đã làm việc như thế? 9. Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho Jīvaka Komārabhacca. Jīvaka Komārabhacca phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao các Đại đức lại cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia? 10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia. 11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho Jīvaka Komārabhacca băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

92 ĐẠI PHẨM

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị mắc phải năm chứng bệnh xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkaịa. 13. Vào lúc bấy giờ, vùng biên địa của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha bi [trộm cướp] dây loạn. Khi ây, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra lệnh cho các quan đại thần lãnh đạo quân đội rằng: -Này các khanh, hãy đi và thu hồi lại vùng biên địa. -Tâu Bệ hạ, xin vâng. Các quan đại than lãnh đạo quân đội đã đáp lại đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. 14. Khi ấy, các chiến sĩ danh tiếng lẫy lừng đã khởi ý điều này: “Là những người say mê chiến trận, trong khi đi [đánh trận], chúng ta tạo nghiệp ác và gây ra nhiêu điêu bát thiện. Với phương kê gì chúng ta có thê tránh được việc ác và có thể làm việc lành?” 15. Khi ấy, các chiến sĩ ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp, nếu chúng ta có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như vậy chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành." 16. Sau đó, các chiến sĩ ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã hỏi các binh sĩ của đức vua rằng: -Này các khanh, sao các chiên sĩ tên [như vây] và tên [như vây] lại không hiện diện? Thưa Tướng quân, các chiến sĩ tên [như vầy] và tên [như vầy] đã xuất gia nơi các vị Tỳ-khưu. Các quan đại thần lãnh đạo quân đội phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho binh sĩ của đức vua xuất gia?" Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã trình sự việc ây lên đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. 17. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã hỏi các quan đại thần phụ trách tòa án rằng: -Này các khanh, người cho binh sĩ của đức vua xuất gia phạm vào điều gì? -Tâu Bệ hạ, đầu của thầy tế độ nên bị chặt đi, lưỡi của vị đọc tuyên ngôn nên bị rút ra, một phần xương sườn của nhóm [các vị chứng minh] nên bị bẻ gãy. 18. Sau đó, đức

Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xương mọt ben. Khi đã ngôi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nói với đức The Tôn

điều này: "Bạch Ngài, có những vị vua không có đức tin, không có mộ đạo, những vị ấy có thể hãm hại các Tỳ-khưu chỉ vì chuyện không đáng gì. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho binh sĩ của đức vua xuất gia." 19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha băng bài pháp thoại. Sau đó. khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã từ chỗ ngoi đứng dậy, đảnh lễ đức The Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 20. Sau đó9 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên cho binh sĩ của đức vua xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 21. Vào lúc bây giờ, kẻ cướp có mang chuôi ngón tay33 đã được xuât gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng khi nhìn thấy trở nên sợ hãi, hoảng hốt? bỏ chạy, rẽ sang hướng khác, quay mặt chỗ khác, đóng cửa lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuât gia?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 22. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: "Những người nào đa xuất gia nơi các vi Sa-môn Thích tử, không được phép làm bát cứ điêu gì đên những người ây. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vi thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dưt khổ diu." 23. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã bị giam trong ngục. Người ây đã phá ngục tâu thoát và đã được xuât gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng sau khi nhìn thây đã nói như vây: "Chính người này là kẻ cướp phá ngục. Nào, chúng ta hãy dân gã ây di." Một sô người đã nói như vây: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra thông báo răng: 'Những người nào đã xuât gia nơi các vi Sa-môn Thích tử, không được phép làm bát cứ điêu gì đên những người ây. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.,^,

33 Coro añgulimālo: Mới xem qua dễ lầm tưởng với kẻ cướp tên Añgulimāla trong bài kệ tụng về Tám Phật Lực. Dịch giả L B. Homer đã nêu lên điều này với lý do không có chữ ^nãma(tên là) hoặc "iti" như thường đưcíc dùng trong trường hợp, danh từ riêng; hơn nữa, ở đây vị này được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, con vị kia được xuat gia dieo lối "ehi bhikkhu" với đức Phật. Thêm vào đó, sự biên đổi từ nữ tánh sang nam tánh của rnālā trong cụm từ ^añgulimālo" xác định đây là trường hợp iibahubbīhi,f làm phận sự của tính từ (ND).

24. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vi Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa roi. Không được phép làm bát cứ điêu gì đên các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp phá ngục xuất gia?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp phá ngục xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 25. Vào lúc bây giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã tâu thoát và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy đã bị cáo thị tầm nã ở hoàng cung rằng: "Được nhìn thấy tại đâu thì được giết tại dấy." Dân chúng đã nói như vầy: "Chính người này là kẻ cướp bị cáo thi tầm nã. Nào, chúng ta hãy giết gã ấy di.” Một số người đã nói như vay: “Này các ngài, chớ có nói như the. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ dàu.'" 26. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia?" _ r r Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu5 không nên cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 27. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đánh bằng roi đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khiru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bi xử hình phạt đánh băng roi xuất gia?” Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 28. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đóng dấu đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia?" Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 29. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ là kẻ thiếu nợ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ nợ đã nhìn thấy và nói như vay: "Chính người này là kẻ thiếu nợ của chúng ta. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy di." Một số người đã nói như vầy: “Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những

người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đan, ngõ hau cham dứt kho dàu.'" 30. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ thiếu nợ xuất gia?” Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu5 không nên cho kẻ thiếu nợ xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 31. Vào lúc bấy giờ, có người nô tỳ nọ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ đã nhìn thay và nói như vầy: "Chính người này là kẻ nô tỳ của chúng ta. Nào chúng ta hãy dẫn gã ấy di." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức

Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vi Sa- môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ dau.s 32. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa roi. Không được phép làm bát cứ điêu gì đên các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ nô tỳ xuất gia?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ nô tỳ xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 33. Vào lúc bấy giờ, có người thợ bạc bị sói đầu nọ, sau khi cãi vã với cha mẹ đã đi đên tu viện và đã được xuât gia ở nơi các Tỳ-khưu. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bi sói đầu ấy, trong khi tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, đã đi đen tu viện và đã hỏi các Tỳ-khiru rằng: "Thua các ngài, vậy chớ các ngài có nhìn thấy người trai trẻ hình dáng như thế này kh6ng?" Các vi Tỳ-khưu trong khi không biết nên đã nói rằng: "Chúng tôi không biết", trong khi không nhìn thấy nên đã nói rằng: "Chúng tôi không nhìn thấy." 34. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong lúc tìm kiếm người thợ bạc bị sói đâu ây, nhìn thây [người áy] đã được xuât gia ở nơi các Tỳ-khưu nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này thật vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, là những kẻ nói láo, trong khi biết lại nói rằng: 'Chúng tôi không biết trong khi nhìn thấy lại nói rằng: 'Chúng tôi không nhìn thấy/ Người trai trẻ này đã được xuất gia ở nơi các TAkhưu." 35. Các Tỳ-khiru đã nghe được cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức rw-i-| Á rr-s The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo đến hội chúng về việc cạo tóc.

96 ĐẠI PHẨM

36. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhóm mười bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên upāli là thủ lãnh của họ. Khi ấy, cha mẹ của upāli đã khởi ý điêu này: "C6 phương kê gì đê sau khi chúng ta từ trân, upāli có thê sông thoải mái và không bi cực nhoe?" 37. Rồi cha mẹ của upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ tran, Upāli có the song thoải mái và không bị cực nh"' 38. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau. Nêu Upāli có thê học tính toán, như thê, sau khi chúng ta từ trân, Upāli có thê sông thoải mái và không bị cực nhọc?5 39. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nêu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bi đau. Nêu upāli có the học hội họa, như the sau khi chúng ta từ tran, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc.^, 40. Rồi cha mẹ của upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau. Còn những Sa-mon Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, nếu upāli có thể xuất gia nơi các Sa-mon Thích tử, như thế sau khi chúng ta từ trần, upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhQC." 41. Thiêu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đôi áy của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này: "Này các bạn, hãy đi. Chúng ta sẽ xuất gia nơi các Sa-mon Thích tử." 42. Sau đó, những thiêu niên áy, từng người một đã đi đên gặp cha mẹ của mình và đã nói điêu này: "Hãy cho phép con rời nhà xuât gia, sông không nha."

Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy [nghĩ rang]: "Tất cả những đứa trẻ này có ước muốn giống nhau, có ý định tốt dqp" nên đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho chúng xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Những thiếu niên ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai." 43. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Sư đệ9 hãy chờ đến khi trời sáng, nêu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nêu có thức ăn thì các đệ sẽ ăn, nêu có vật nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu không có cháo, hoặc thức ăn, hoặc vật nhai thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khất thỊTC." 44. Trong khi được nói như thế bởi các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu [thiếu niên] ấy vẫn khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai", rồi đại tiện, 9 y y tiêu tiện ở chô năm ngôi. r 45. Đức Thê Tôn, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã nghe tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rang: "Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vT'

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU 97

46. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu trong khi biêt vân cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi? Này các Tỳ-khưu, người chưa đến hai mươi tuôi không có khả năng chiu đựng đôi với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi. 47. Này các Tỳ-khưu, người đã được hai mươi tuổi, có khả năng chiu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khô, nhức nhôi, khóc liệt, săc bén, gay găt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc ve cơ the đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 người chưa đên hai mươi tuôi, trong khi biêt, không nên cho tu lên bậc trên; vị nào cho tu lên bậc trên thì nên được hành xử theo pháp.34 48. Vào lúc bây giờ, có gia đình nọ bi chét bởi bệnh dịch hạch. Người cha và người con trai của gia đình ấy là [những người] còn sót lại. Họ đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu rồi đi khất thực chung với nhau. Khi ấy, lúc đồ ăn khất thực được bố thí đến người cha, đứa trẻ ấy đã chạy lại gần và nói điều này: “Cha yêu quý, hãy cho con với. Cha yêu quý, hãy cho con với.,, Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này không có Phạm hạnh. Đứa trẻ này đã được sanh ra bởi Ty-khưu-ni." 49. Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. 50. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ có đức tin mộ đạo của Đại đức Ānanda bị chết bởi bệnh dịch hạch. Và có hai đứa trẻ trai là [những người] còn sót lại. Khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, chúng theo thói quen

được phép trước đây đã chạy đến gần. Các Tỳ-khưu đã đuổi [chúng] đi. Trong khi bị các vi Tỳ-khưu đuổi di, chúng đã khóc.

34 Liên quan đến tội Pãcittỉya 65 về cho tu lên bậc trên người kém hai mươi tuổi (ND).

51. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã quy định răng: 'Đứa trẻ dưới mười lăm tuôi không nên cho xuất gia'; và những đứa trẻ này dưới mười lăm tuổi, vậy bằng phương cách gì để những đứa trẻ này không thể bị tiêu hoại d2y?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy len đức The Ton. — r 9 9 e

-Này Ananda, những đứa trẻ ây có khả năng đê đuôi các con quạ bay đi không? Bạch Thế Tôn, chúng có khả năng. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuất gia đứa trẻ dưới mười lăm tuổi là trẻ [có thể] đuổi được quạ. 52. Vào lúc bấy giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā có hai Sa-di là Kantaka và Mahaka. Chúng đã làm điêu tôi bại với nhau. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế ấy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ; vị nào để cho phục vụ thì phạm tội Dukkata. 53. Vào lúc bây giờ, đức Thê Tôn đã sông mùa mưa ở ngay tại nơi ây, trong thành Rājagaha, mùa lạnh ở tại nơi ấy, mùa nóng ở tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các hướng đi của các Sa-môn Thích tử bị tắt nghẽn, tăm toi. Các hướng đi không còn được các vi này nhận ra nữa." 54. Các Tỳ-khtru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ananda, hãy đi, câm lây chìa khóa, và thông báo cho các vi Tỳ-khun ở dãy phòng rằng: "Này các Đại dức, đức Thế Tôn muốn ra đi5 du hành ở đến núi Dakkhinãgiri.35 Đại đức nào có ý thích thì hãy di." Bạch Thế Tôn, xin vâng. Nghe theo lời đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda đã cầm lấy chìa khóa và đã thông báo cho các vị Tỳ-khưu ở dãy phòng rằng: Này các Đại đức, đức Thê Tôn muôn ra đi, du hành đên núi Dakkhinãgiri. Đại đức nào có ý thích thì hãy đi. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vây: Này Đại đức Ānanda, đức Thê Tôn đã quy định là sông nương nhờ mười năm, vị mười năm được cho nương nhờ. Và [nếu] chúng tôi đi đến nơi ấy thì sự nương nhờ sẽ cần được xác định [ở nơi ấy]. Và việc cư trú sẽ là ngắn ngủi và sẽ

35 Dakkhỉnãgỉri nghĩa là t4ngọn núi ở phía Nam.,, Tuy nhiên, ở phía Nam của thành Rājagaha có ngọn núi tên là Dakkhiụâgiri, vì la địa danh cho nên giữ nguyên không dịch (ND).

quay trở về lại, rồi sự nương nhờ sẽ cần được xác định lại. Nếu các thầy tế độ hoặc thây dạy học của chúng tôi sẽ đi thì chúng tôi cũng sẽ đi, nêu các thây tê độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ không đi thì chúng tôi cũng sẽ không đi. Này Đại đức Ānanda, tâm tư nhẹ nhàng là điều sẽ được nhận biết ở chúng tôi. 55. Sau đó, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến núi Dakkhinãgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít ỏi. Sau đó,

khi đã ngự tại núi Dakkhināgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: "Này Ānanda, vì sao Như Lai đã ra di, du hành đến núi Dakkhināgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít 6i?' Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực sống nương nhờ năm năm, vị không có kinh nghiệm thì trọn đời. 56. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uân, không thành tựu Vô học tuệ uân, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu có năm yêu tô này không nên sông không nương nhờ. 57. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ: Là vi thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học đinh uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiên uân. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này được sông không nương nhờ. 58. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên sông không nương nhờ. 59. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự ho thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ. 60. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ. 61. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng vê hạnh kiêm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri

kiến cực doan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tô này được sông không nương nhờ. 62. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đoi với vị này, hai bộ Giới bon (Patimokkho) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên sông không nương nhờ. 63 Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biêt vê sự phạm tội năng đôi với vị này; hơn nữa, đôi với vị này, hai bộ Giới bổn (Pãtimokkhă) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác đinh theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương

nhờ. 64. Này các Tỳ-khmi? vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ. 65. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vi biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ- khưu, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ. 66. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yêu tô này không nên sông không nương nhờ: Là vi không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ. 67. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô này được sông không nương nhờ: Là vi thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uân? thành tựu Vô học giải thoát uân, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ. 68. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vi không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi]? biếng nhác, có niệm bi quên lãng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ. 69. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô được sông không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi]? có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực

tinh tấn, có niệm được thiết lâp, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ. 70. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Là vi bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng ve tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ. 71. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô được sông không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăĩiệ thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ. 72. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru có sáu yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng đối với vi này; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhấ) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, khônệ khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điêu và từng phân phụ thuộc, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu to này không nên sống không nương nhờ. 73. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu có sáu yêu tô được sông không nương nhờ: Là vi biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biêt vê sự phạm tội nặng;

hơn nữa, đôi với vị này, hai bộ Giới bôn (Patimokkho) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ. Dứt tụng phẩm ^Không phải lo s'là thứ tám.

L Sau đó5 khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Kapilavatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đen thành Kapilavatthu. 2. Tại nơi đó, giữa dân chúng dòng Sakyā, đức Thế Tôn ngự ở thành Kapilavatthu, tại tu viện Nigrodha. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư dinh của Suddhodana dòng Sakyā,36 sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

36 Suddhodana dòng Sakyā tức là đức Vua Tịnh Phạn dòng Thích-ca. Tinh Phạn là từ dịch nghĩa của Suddhodana (Suddhā = trong sạch + odana = cơm). Thich-ca là từ dịch âm của Sakyā. Một so tên gọi khác cũng đã được dịch âm như là Sĩ-đạt-ta (Siddhattha), Da-du-đà-la (Yasodharã), La-hầu-la (Rãhula), Ma-da (Mayā), Kiều-đàm-di (Gotamĩ) (ND).

3. Khi ây, Hoàng hậu, mẹ của Rāhula đã nói với Hoàng tử Rāhula điêu này: Này Rāhula, người kia là cha của con. Hãy đi và cầu xin phần thừa kế. Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn [nói rằng]: Này vị Sa-mon, bóng che của Ngài thật an lạc. 4. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi dửng dậy và ra đi. Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã theo sát phía sau đức Thế Tôn [nói răng]: Này vị Sa-mon, hãy ban cho con phần thừa kế. Này vị Sa-mon, hãy ban cho con phần thừa kế. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng: Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy cho Hoàng tử Rāhula xuất gia. Bạch Ngài, con cho Hoàng tử Rāhula xuất gia như thế nào? 5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy]. Và này các Tỳ-khưu, nên cho xuất gia như vầy: Trước tiên, nên cho cạo bỏ râu tóc, cho choàng lên các tấm vải màu ca-sa, cho đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vi Tỳ-khưu9 bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy: Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhi, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đen đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đên Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lân thứ ba, tôi đi đên Hội chúng là nơi nương nhờ.^, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ này. 6. Khi ây, Đại đức Sāriputta đã cho Hoàng tử Râhula xuât gia. Sau đó, Suddhodana dong Sakyā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. ỉpii đã ngồi xuống một bên, Suddhodana dòng Sakyā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, trẫm thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.

Này vi Gotama, các đang Như Lai đã vượt khỏi các điêu ước muôn. Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.

Này vị Gotama, xin hãy nói. -Bạch Ngài, khi đức Thế Tôn đã xuất gia, đau khổ đã khởi lên ở trẫm không phải là ít, tương tự như vậy trong việc Nandā,37 [nhưng là sự đau khổ] vô

37 Nandā là con trai của đức Vua Suddhodana và bà Mahāpajāpatī Gotamĩ, tức em cùng cha khác mẹ với đức Phật (ND).

cùng mãnh liệt trong việc Râhula. Bạch Ngài, lòng thương yêu đối với người con trai cắt vào da, sau khi cắt vào da, nó cắt vào lớp da trong; sau khi cắt vào lớp da trong, nó cat vào thịt; sau khi căt vào thịt, nó cat vào gân; sau khi cát vào gân, nó cat vào xương; sau khi căt vào xương, nó đạt đên tủy xương roi trú [ở đó]. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia. 7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suddhodana dòng Sakyā bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suddhodana dòng Sakyā đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 8. Sau đó9 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia; vi nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. Dứt phần giảng về câu chuyện của Râhula.

L Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành vê phía thành Sāvatthi. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự ở Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Đại đức Sāriputta đã gởi đứa trẻ trai đến Đại đức Sāriputta [nói rằng]: “Xin ngài Trưởng lão hãy cho đứa trẻ này xuất gia." 2. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ' và ta đây đã có Sa-di Râhula. Vậy ta nên thực hành như thế nào?” Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực một mình được để cho hai Sa-di phục vụ, hoặc để cho nhiều [Sa-di] phục vụ với sô lượng mà vị ây vân có đủ khả năng đê giáo huân và giảng dạy. 3 Sau đó, các vi Sa-di đã khởi ý điều này: "Chúng ta có bao nhiêu điều học? Và chúng ta nên học tập về vấn đề gi?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức rTM Ậ rin A The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép mười điều học đến các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập về các điều học ấy: Việc tránh xa sự giết hại mạng sông, việc tránh xa sự lây vật không được cho, việc tránh xa điêu phi Phạm hạnh [sự hành dâm], việc tránh xa sự nói dối, việc tránh xa trường hợp dể đuôi uông chát say là rượu và chát lên men, việc tránh xa sự ăn phi thời, việc tránh xa sự múa hát đờn và xem trình diễn, việc tránh xa trường hợp đeo vòng hoa

thoa vật thơm và tô diêm băng đô trang sức, việc tránh xa chô năm ngôi cao và rộng lớn, việc tránh xa sự thọ lãnh vàng bạc. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép mười điêu học này đên các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập vê các điêu học này. 4. Vào lúc bây giờ, các Sa-di sông không tôn kính, không vâng lời, có lôi cư xử không hòa nhã đối với các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khiru phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Sa-di lại sông không tôn kính, không vâng lời, có lôi cư xử không hòa nhã đối với các Tkhưu?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố: Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khiru không được lợi lộc; ra sức làm cho các Tỳ-khiru không được sự lợi ích; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; mắng nhiếc, gièm pha các Tỳ-khưu; chia rẽ các Tỳ-khiru [này] với các Tỳ- khưu [khác]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố này. 5. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm. 6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng đối với các Sa-di. Các Sa-di trong khi không thể đi vào tu viện nên rời di, hoàn tục, chuyên sang ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ây lên đưc Thế Tôn. . • - Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm ở chỗ [Tỳ-khưu] sinh sống hoặc ở chỗ [Tỳ- khưu] lui tới. 7. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn câm thức ăn theo đường miệng đôi với các Sa-di. Dân chúng trong lúc làm nước cháo và bữa ăn dâng hội chúng, nói với các Sa-di như vây: "Này các ngài, hãy đên và húp cháo. Này các ngài, hãy đến và thọ dụng bữa an?9 Các vị Sa-di nói như vầy: "Này các đạo hữu, không thể được. Các Tỳ-khưu đã thực hiện sự ngăn cấm,^, Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức lại thực hiện sự ngăn câm thức ăn theo đường miệng đôi với các Sadi?" Các vi đã trình sự việc ây lẠ CHI Ặ rr^ A len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng; vi nào thực hiện thì phạm tội Dukkaịa. Dứt câu chuyện về hình phạt

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 105

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỵ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi các vị thầy tế độ lại thực hiện sự ngăn cấm đoi với các Sa-di. Các vị thầy tế độ tìm kiếm [hỏi rằng]: "Vi sao các Sa-di của chúng tôi lại không được nhìn thấy?" Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại dức, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thực hiện sự ngăn cấm." Các vị thầy tế độ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi chúng tôi lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các Sa-di của chúng t6i?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, chưa hỏi các vị thay te độ không nên thực hiện sự ngăn cấm; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dụ dỗ các Sa-di của các Tỳ-khưu trưởng lão. Các vi Trưởng lão bi mệt nhọc trong khi tự mình lấy gỗ chà răng và nước súc miệng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên dụ dỗ tập thể của vị khác; vị nào dụ dỗ thì phạm tội Dukkata. 3. Vào lúc bấy giờ, Sa-di tên Kantaka của Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã làm nhơ Tỳ-khưu-ni tên Kantakī. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê

bai rằng: "Vi sao vị Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế?" Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trục xuất Sa-di có mười yêu tô này: Là kẻ giêt hại mạng sông, là kẻ lây vật không được cho, là kẻ phi Phạm hạnh [hành dâm], là kẻ nói dối, là kẻ uống chất say, la kẻ phỉ báng đức Phật, phỉ báng Giáo pháp, phỉ báng Hội chúng, là kẻ có tri kiến sai trái, là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép trục xuất vị Sa-di có mười yếu tố này. 4. Vào lúc bây giờ, có người vô căn nọ đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khmi. Người ấy đi đến gặp các vi Tỳ-khưu trẻ rồi nói như vầy: "Này các Đại dức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi.,, Các vị Tỳ-khưu đuổi đi: “Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?,^ Bị các Tỳ-khiru xua đuổi, người ấy đi đến gặp các Sa-di to bự lớn xác rồi nói như vầy: uNày các Đại dức, hãy đi đen. Hãy làm điều nhơ nhớp với t6i.” Các vị Sa-di đuổi đi: "Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến nguôi?” 5. Người ấy khi bi các vị Sa-di xua đuổi lại đi đến gặp những người chăn voi, những người giữ ngựa roi nói như vay: "Này các đạo hữu, hãy đi đen. Hãy làm điều nhơ nhớp với t6i." Những người chăn voi, những người giữ ngựa đã làm điều nhơ nhớp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này là những kẻ vô căn. Những người nào trong bọn họ không phải là những kẻ vô căn thì những người ấy làm điều nhơ nhớp với những kẻ vô căn. Như vậy, chính tất cả những người này không có Phạm hạnh.,, 6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người chăn voi, những người giữ ngựa phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton.

106 ĐẠI PHẨM

-Này các Tỳ-khưu, kẻ vô căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (1) 7. Vào lúc bấy giờ, có người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến nọ, là người mảnh mai. Khi ấy, người con trai của gia đinh bị khánh tận, không còn thân quyên ây đã khởi ý điêu này: "Ta là người mảnh mai, không đủ khả năng để đạt đến tài sản chưa có, hoặc làm tăng trưởng tài sản đã c6, với phương kế gì để ta có thể sống thoải mái và không bị cực nhQC?" 8. Rồi người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên tự mình chuân bi y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện và chung sống với các Ty-khuu?^ 9. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy, đã tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca- sa, đi đen tu viện và đảnh lễ các vi Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này Đại đức, Đại đức được bao nhiêu năm? Được bao nhiêu năm? Này các Đại dức, điêu ây là gì vậy? - Này Đại dức, ai là thầy tế độ của Đại đức? -Thầy tế độ? Này các Đại dức, điều ấy là gì vậy? Các vi Tỳ-khưu đã nói với Đại đức upâli điều này: Này Đại đức upli, hãy thâm tra người đã xuất gia này đi. 10. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận không còn thân quyến ấy, trong khi đang được Đại đức upãli thẩm tra, đã kể lại sự việc ấy. Đại đức upãli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy len đức Thê Ton. Này các Tỳ"khưu, kẻ trộm tướng mạo

[Tỳ-khưu]38 chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khiru, kẻ đã đi theo ngoại đạo chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (2-3) 11. Vào lúc bấy giờ, có con rồng nọ lo ngại, xấu hổ và chán ghét với sự xuất thân là loài rồng. Sau đó, con rồng ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh ch6ng?" Khi ây, con rông ây đã khởi ý điêu này:

38 ^Theyyasamvãsakẩ' nghĩa là kẻ sống chung theo lối ựộm cắp. Chủgiải đề cậỊ)3 loại ^theyyasainvãsakâ^'. ^Liñgatthenakd^ (kẻ trộm tướng mạo) nghía là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và khổng biết gì về cạc điều quy định; ^samvāsatthenakcT (kẻ trộm ương việc cộng trú) nghĩa là vị Sa-di đã hoàn tục roi đi đến tu viển nói doi là Tỳ-khiru và có biết về các điêu quỵ định, hạng thứ ba ^ubhayatthenakd" (kẻ trộm theo cẩ hai cách) nghía là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đen tu viện va có biết về các điều quy đỉnh (VinA.N. 1016-17).

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 107

"Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rông và có thê thành tựu bản thê của loài người một cách nhanh ch6ng." 12. Sau đó, con rồng ấy với hình dáng của người thanh niên đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh câu sự xuất gia. Các vi Tỳ-khưu đã cho người ây xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Vào lúc bây giờ, con rông ây cùng với vị Tỳ-khưu khác ngụ trong trú xá ở chỗ giáp ranh. Khi ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, vị Tỳ-khưu ấy thức dậy và đi kinh hành ở ngoài trời. 13. Sau đó, trong khi vi Tỳ-khưu ấy đã đi ra ngoài, con rồng ấy hết lo âu nên đã chìm vào giấc ngủ. Toàn bộ trú xá đã bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Ta sẽ đi vào trú xá5\ trong lúc đẩy cánh cửa đã nhìn thấy toàn bộ trú xá bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân đang ló ra khỏi các cửa sổ, sau khi nhìn thấy [trở nên] sợ hãi và đã kêu thét lên. Các vi Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu ây điêu này: Này Đại đức, vì sao Đại đức lại kêu thét lên vậy? Này các Đại đức, toàn bộ trú xá này bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ. 14. Khi ây, con rông ây sau khi thức giác bởi tiêng động ây đã ngôi xuông trên chỗ ngồi của mình. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này đệ5 ngươi là ai vậy? -Thưa các ngài, tôi là rồng. —Này đệ, vì sao ngươi lại biến thành hình dạng như thế này? 15. Khi ấy, con rồng ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc áy len đức The Ton. Khi ây, đức The Ton nhan lý do ây, nhân Sự kiện ây đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và nói với con rông ây điêu này: -Các ngươi là loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này. Này rồng, ngươi hãy đi đi. Và hãy tiến hành Uposatha39 vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng ở ngay nơi ấy, như thế, ngươi sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rông và sẽ thành tựu bản thê của loài người một cách nhanh chóng. 16. Khi ây, con rông ây [nghĩ

răng]: "Nghe nói ta không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này,9 [trở nên] đau khổ, rầu ri, trong khi đang trào ra nước mắt đã khóc rống lên rồi bỏ đi. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ- khưu rằng:

39 Vào các ngày này, các cư sĩ thường thọ trì 8 giới hoặc 10 giới một ngày đêm (ND).

Này các Tỳ-khưu, đây là hai lý do đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng, là khi nó thực hiện việc lứa đôi với rong cái và khi nó hết lo âu rồi chìm vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, hai lý do này đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng. Này các Tỳ-khưu, loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (4) 17. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người mẹ. Người ây lo ngại, xâu hô và chán ghét với hành động ác độc ây. Sau đó5 người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vi Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vi Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy.” 18. Sau đó9 người thanh niên ây đã đi đên gặp các Tỳ-khưu và thỉnh câu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức upãli điều này: Này Đại đức upli, cũng trước đây, con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức Ưpâli, hãy thẩm tra người thanh niên này. 19. Sau đó, trong khi được Đại đức Upãli thâm tra, người thanh niên ây đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upâli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (5) 20. Vào lúc bây giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sông của người cha. Người áy lo ngại, xâu hô và chán ghét với nghiệp ác áy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Vói phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có . : r *7 r . . . r • 9

thiện pháp; nêu ta có thê xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thê ta có thê thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy.” 21. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Ưpãli điều này: —Này Đại đức upli, cũng trước đây, con rông với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức upãli, hãy thẩm tra người thanh niên này. 22. Sau đó, trong khi được Đại đức Upâli thẩm tra, người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức upãli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ- khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (6) 23. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sâketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một sô Tỳ- khưu và đã giết chết một số Tỳ-khưu. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình. 24. Những kẻ đã được xuất gia ây đã nhìn thây những kẻ cướp ây đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thây đã nói như vây: "May măn thay chúng ta đã tâu thoát? nếu hôm nay chúng ta bi bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này.,, Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại dức, các vị đã nói điều gì vay?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ây là các vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu5 kẻ giết A-la-hán chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất, (7) 25. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khiru-ni đi đường xa từ Sâketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số Tỳ-khiru-ni? đã làm nhơ nhớp một số Tỳ-khưu-ni. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình. 26. Những kẻ đã được xuất gia ây đã nhìn thây những kẻ cướp ây đang bị đưa đi tử hinh, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát. Nêu hôm nay chúng ta bị băt, chúng ta cũng có thê bị giêt y như thê nSy." Các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị đã nói điều gì vay?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru9 kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chia rẽ hội chúng chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên ròi thì nên trục xuất. (8-9-10) 27. Vào lúc bấy giờ, có người lưỡng căn nọ40 đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ây hành động [như người nam] roi bảo [người nam khác] hành động [với mình]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

40 Người có cả hai bộ phận sinh dục nam và nữ (ND).

110 ĐẠI PHẨM

Này các Tỳ-khưu, người lưỡng căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất (11) Dứt mười một câu chuyện về người chưa được tu lên bậc trên.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (1) 2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy te đọ. Các vi đã

trình sự việc áy len đức Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (2) 3. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vi Tỳ-khưu] là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vị Tỳ-khưu] là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (3) 4. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên vơi kẻ giết cha là thầy tế độ. ..(nt).. cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế d0....(nt).. cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thày tế độ. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. 5. - Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ; ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thầy tê độ; vi nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, (4-14)

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có bình bát. Các vi đi khất thực bàng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại dạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (15) 7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y. Các vị lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại dạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (16) 8 Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát. Các vị lõa the đi khất thực bang hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như là những kẻ ngoại đạo.^, Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, (17) 9. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với bình bát [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại bình bát. Các vị đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại dao."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (18) 10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y [mượn] của người đã được yêu cau [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y. Các vi lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại d@0." Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (19) 11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y và bình bát [mượn] của người đã được yêu câu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y và bình bát. Các vị lõa the đi khất thực bang hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như là những kẻ ngoại dạo." Các vị đã J Ạ i • A Ặ *1 Á FTA trình sự việc ay len đức The Ton.
Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y và bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. (20) Dứt hai mươi trường hợp không nên cho tu lên bậc trên.

112 ĐẠI PHẨM

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ..(nt).. cho người bị đứt bàn chân xuất gia... cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia.... cho người bị sứt tai xuất gia.... cho người bị sứt mũi xuất gia. ... cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... cho người bị đứt móng tay xuất gia... cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... cho người có bàn tay dính liền giông cánh dơi xuất gia.... cho ïiệười gù lưng xuất gia.... cho người lùn tịt xuất gia.... cho người có bướu cô xuất gia.... cho nậười bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... cho người bi xử hình phạt đánh băng roi xuất gia.... cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia.... cho người phù chân voi xuất gia. ... cho người có bệnh kinh niên trâm trọng xuất gia. ... cho người bôi nhọ tập thể xuất gia. ... cho người chột mắt xuất gia.... cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... cho người què xuất gia.... cho người bi liệt nửa thân xuất gia.... cho người đi khập khiễng xuất gia.... cho người già yếu xuất gia.... cho người mù xuất gia.... cho người câm xuất gia.... cho người điếc xuất gia.... cho người mù và câm xuất gia.... cho người mù và điếc xuất gia.... cho người câm và điếc xuất gia.... cho người mù câm điếc xuất gia.

Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ...(nt)... Không nên cho người bi đứt bàn chân xuất gia.... Không nên cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người sứt tai xuất gia. ... Không nên cho người bị sứt mũi xuất gia.... Không nên cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... Không nên cho người bi đứt móng tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt gân chân xuất gia.... Không nên cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... Không nên cho người gù lưng xuất gia... Không nên cho người lùn tịt xuất gia.... Không nên cho người có bướu cô xuất gia.... Không nên cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia.... Không nên cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... Không nên cho người bị cáo thi tầm nã xuất gia. ... Không nên cho người phù chân voi xuất gia. ... Không nên cho người có bệnh trầm trọng kinh niên xuất gia. ... Khônẹ nên cho người bôi nhọ tập the

xuất gia. ... Không nên cho người chột măt xuât gia. ... Không nên cho người có tứ chi bi co rút xuất gia. ... Không nên cho người què xuất gia. ... Không nên cho người bi liệt nửa thân xuất gia. ... Không nên cho người đi khập khiễng xuất gia. ... Không nên cho người già yếu xuất gia.... Không nên cho người mù xuất gia.... Không nên cho người câm xuất gia. ... Không nên cho người điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù và câm xuất gia. ... Không nên cho người mù và điếc xuất gia.... Kh6ng nên cho người câm và điếc xuất gia.... Không nên cho người mù câm điêc xuât gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội Dukkata. Dứt ba mươi hai trường hợp khônạ nên cho xuất gia. Dứt tụng phẩm “Phần thừa k* là thứ chín.

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 113

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ban cho sự nương nhờ đến những vi không có liêm sỉ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ; vi nào ban cho thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ. Chẳng bao lâu sau, các vị ấy cũng trở thành các Tỳ-khưu ác xấu, không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên sống [với pháp] nương nhờ vào những vi không có liêm sỉ; vi nào sống thì phạm tội Dukkata. 2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm SỈ và không nên sông [với pháp] nương nhờ vào những vi không có liêm sỉ\ vậy làm thế nào chúng ta biết được [vị nào] là có liêm sỉ hoặc không có liêm si?” C L c \ -4-^ jAl •A Á ỵ A 4.A rpi Á rp Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chờ đợi bốn năm ngày đến khi [xác định rằng]: "Ta biết được bản chất của vi Tỳ-khưu/9 3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ du hành đường xa trong xứ Kosala. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ\ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng đang du hành đường xa, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép vị Tỳ-khiru đang du hành đường xa trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ. 4. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khiru du hành đường xa trong xứ Kosala. Họ đã đi đến gần trú xứ nọ. Tại đó, một vị Tỳ-khưu đã bị lâm bệnh. Khi ấy, vi Tỳ-khmi bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ5 và ta là cần có sự nương nhờ nhưng bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ. 5. Khi ấy, vị Tỳ-khưu chăm sóc vị bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng vi Tỳ-khưu này thì bi bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?59 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép vị Tỳ-khưu chăm sóc vi bi bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sông không nương nhờ [dâu] được yêu cầu.41

41 Được vị bị bệnh yêu cầu là hãy sống nương nhờ vào vị ấy (VìnA. v. 1032).

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trú ngụ ở rừng. Và ở chỗ trú ngụ ấy có được sự thoải mái cho vị ấy [trong việc tiến tu]. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ\ và ta là cần có sự nương nhờ nhưng ta trú ngụ ở trong rừng. Và ở chỗ trú ngụ này có được sự thoải mái cho ta [trong việc tiến tu], vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu ở rừng đang quan tâm đến việc trú ngụ thoải mái trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ [nghĩ rằng]: "Khi nào có vị ban pháp nương nhờ thích đáng đi đến thì ta sẽ sống nương nhờ vào vị ấy." 7. Vào lúc bây giờ, có người có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Mahâkassapa. Khi ấy, Đại đức Mahãkassapa đã phái sứ giả đến gặp Đại đức Ānanda nhắn rằng: "Ānanda hãy đi đến và đọc tuyên ngôn cho người này." Đại đức Ānanda đã nói như vầy: -Tôi không thể nêu lên tên của ngài Trưởng lão, ngài Trưởng lão là bậc Trưởng thượng của tôi. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tuyên ngôn với tên của dòng họ. 8. Vào lúc bây giờ, có hai người có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Mahãkassapa. Họ tranh cãi rằng: "Tôi sẽ tu lên bậc trên trước, tôi sẽ tu lên bậc trên tnróc." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai [người] trong một lần tuyên ngôn. 9. Vào lúc bây giờ, có những người có ý muôn tu lên bậc trên với nhiêu vị Trưởng lão. Họ tranh cãi rằng: "T6i sẽ tu lên bậc trên trước tiên, tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên.^, Các vị Trưởng lão đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy thực hiện hết thảy tất cả trong một lần tuyên ngôn di." Các vị đã trình sự • Ạ À _ -l Ạ _ 4 ,_ ạ việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai hoặc ba [người] trong một lần tuyên ngôn. Và điều ấy là với cùng một thày tế độ chứ không phải với thầy tế độ khác nhau. 10. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Kumârakassapa là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên. Sau đó, Đại đức Kumârakassapa đã khởi ý điều này: “Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi\ và ta là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên, vậy thì ta đã được tu lên bậc trên hay là chưa được tu lên bậc tren?" Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? khi tâm đầu tiên sanh khởi trong bụng của người mẹ thì thức đầu tiên đã xuất hiện; do điều ấy nên chính thời điểm đó là sự sanh ra

của người ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên người hai mươi [tuổi] tính theo thai bào. 11. Vào lúc bấy giờ, các vi đã tu lên bậc trên được phát hiện là có [liên quan đên] bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phôi, bệnh động kinh. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên được hỏi về mười ba pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "Ngươi có các bệnh như vầy không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không bi thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi

tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?" 12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại đến các người có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các người có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau. Các vị giảng dạy ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các người có ý muốn tu lên bậc trên bi bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đa trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khiru, nên giảng dạy như vầy: Trước tiên, nen bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi, nên chỉ dẫn về y và bình bát: "Đây là bình bát của ngươi, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đàng kia.” 13. Các vị [Tỳ-khiru] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Những người có ý muốn tu lên bậc trên do được giảng dạy tồi nên đã bị bối rối, trở nên mắc Cơ, roi không the tra lơi. Các vi đa trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? vi [Tỳ-khưu] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy. 14. Những vi [Tỳ-khưu] chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vi không được chỉ định không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị đã được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ đinh cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

15. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Người tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vây]. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho người tên [như v*y]." Như vậy là tự mình chỉ đinh cho chính mình. 16. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Người tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vây] sẽ giảng dạy cho người tên [như vây]." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác. 17. Vị Tỳ-khun đã được chỉ đinh ấy nên đi đến gần người có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy: "Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điêu gì được đê cập đên, nêu điêu ây là đúng thì nên nói: 'Đúng9; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng\ Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vi sẽ hỏi ngươi như vầy: 'Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên g?" 18. Họ đi đến chung [cùng một lúc]. Này các Tỳ-khưu, không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị giảng dạy nên đi

đến trước và thông báo cho hội chúng: 19. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vày] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Tôi đã giảng dạy cho người ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng thì người tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "Nguôi hãy đi đến.,, 20. Nên bảo [người ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ- khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: 2L "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lân thứ ba tôi thỉnh câu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương x6t." 22. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

L CHƯƠNG TRỌNG YẾU 117

cho hội chúng, tôi sẽ hỏi người tên [như vây] vê các pháp chướng ngại." "Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Dung9; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng9. Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuôi? Ngươi có đây đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vi thầy tế độ của ngươi tên gi?" 23. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Người này tên [như vây] CÓ ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vây], là người trong sạch vê các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho người tên [như vây] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. 24. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ngưòd này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [rýiư vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. 25. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Người này tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vây], là người trong sạch vê các pháp chướng ngại, người này có đây đủ y bát. Người tên [như vây] thỉnh câu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vây] với thây tê độ tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. 26. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng

nghe tôi. Người này tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vây], là người trong sạch vê các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên.

27. Người tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hành sự tu lên bậc trên.

1. Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, bốn pháp nương nhờ nên được chỉ dạy: 2. "Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực; trong trường hợp ấy, ngươi nên thê hiện sự nô lực cho đên hét đời; phân thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha. vào ngày đâu của môi nửa tháng. (1) 3. Việc xuất gia nương vào y làm băng vải dơ bị quăng bỏ; trong trường hợp ây, ngươi nên thê hiện sự nô lực cho đên hét đời; phân thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. (2) 4. Việc xuất gia nương vào chô trú ngụ là góc cây; trong trường hợp ây, ngươi nên thê hiện sự nô lực cho đên hét đời; phân thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài5 khu nhà lớn, hang động. (3) 5. Việc xuất gia nương vào dược phàm là nước tiêu gia súc; trong trường hợp ây, ngươi nên thê hiện sự nô lực cho đên hét đời; phân thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, đường mía.,, (4) Dứt bốn pháp nương nhờ.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi cho tu lên bậc trên, vi Tỳ-khưu nọ đã bỏ lại [vị ấy] mỗi một mình rồi ra đi. Sau đó, trong khi đang đi chỉ mỗi một mình, giữa đường vị ấy đã gặp lại người vợ cũ. Cô ta đã nói như vầy: -Nay chàng đã xuất gia rồi sao? -Đúng vậy, tôi đã xuất gia. -Đối với các vị xuất gia, việc đôi lứa là khó đạt được. Hãy đến và thực hiện việc đôi lứa đi. Vị ấy sau khi thực hiện việc đôi lứa với nàng ta đã đi về trễ. Các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Sư đệ, vì sao Sư đệ đã đi về trễ như vay?" Khi ấy, vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép ban cho người cộng sự và chỉ dạy bốn điều không nên làm ngay sau khi cho tu lên bậc trên:

2. “Vj đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên thực hành việc đôi lứa, thậm chí với loài thú cái. Vị Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn? không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như người đàn ông đã bị chặt đầu không thể sống với việc gắn lại cái đầu ấy vào thân; tương tợ như thế, vi Tỳ-khưu sau khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điêu ây cho đên hết đời. (1) 3. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành

Tỳ-khưu không nên lấy vật không được cho được xem là sự trộm cắp, thậm chí có liên quan đến cọng cỏ. Vị Tỳ- khưu nào lấy vật không được cho là một pãda hoặc tương đương một pãda hoặc hơn một pãda được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể trở lại màu xanh; tương tợ như thế, vi Tỳ-khưu sau khi lấy vật không được cho là một pãda hoặc tương đương một pâda hoặc hơn một pãda được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (2) 4. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên tước đoạt lấy mạng sông của chúng sanh một cách cô tình, thậm chí có liên quan đên loài kiến, mối. Vị Tỳ-khưu nào tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình, thậm chí có liên quan đến việc phá thai thì không còn là Sa-môn9 không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như tảng đá lớn đã bị vỡ làm hai mảnh không gắn liền lại được; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (3) 5. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên khoe khoang vê pháp của bậc thượng nhân, thậm chí [nói răng]: 'Tôi thỏa thích trong ngôi nhà trống vắng/ Vi Tỳ-khưu nào có ước muốn xấu xa, bi thúc đẩy bởi ước muôn, roi khoe khoang vê pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng, là pháp thiền, hoặc là pháp giải thoát, hoặc là sự nhập định, hoặc là sự chứng đắc, hoặc là đạo, hoặc là quả thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ngọn không thể đâm chồi lại được nữa; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, sau khi khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng thì không còn là Sa-môn9 không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết d&i"(4) Dứt bốn điều không nên làm.

120 ĐẠI PHẨM

1 Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người bị án treo vê việc không nhìn nhận tội đã hoàn tục. Vi ây đã quay trở lại và thỉnh câu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không nhìn nhận tội lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cau các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vi ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận,, thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhan" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói răng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhan" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn Ilhận,, thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?” Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhan” thì nên phục hồi. Nếu [Ưa lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận,, thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi nhìn nhận tội ấy?” Nếu vị ấy nhìn nhận thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không nhìn nhận thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nêu không đạt được sự hợp nhát thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vi ấy]. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru là người bi án treo về việc không sửa chữa lỗi lại hoàn tục. Vi ấy quay trở lại

và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa,9 thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "T6i sẽ không sửa chữa" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nấu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa,, thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa,9 thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]::'T6i sẽ không sửa chữa,, thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi sửa chữa lỗi ấy?" Nếu vị ấy sửa chữa thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không sửa chữa thì trong khi đạt được sự hợp nhát [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nêu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy]. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không từ bỏ tà kiên ác lại hoàn tục. Vị ây quay trở lại và thỉnh câu các Tỳ-khiru sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bo^ thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ b6" thi không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ b6" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ b6" thì không nên cho tu lên bậc trên; Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ b6" thi nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ b6" thì không nên

phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu vị ây từ bỏ thì việc ây được tót đẹp, nêu vị ây không từ bỏ thì trong khi đạt được Sự hợp nhát [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nêu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy]. Chương 6íTrọng yếu" là thứ nhất

Trong chương này có một trăm bảy mươi hai sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Luật, vê các ý nghĩa quan trọng, là nguôn đem đên sự an lạc cho các Tỳ-khưu hiền thiện, có sự ngăn chặn các ước muốn về việc ác và có sự khiêm nhường trong những việc ra sức. Và còn là sự nâng đỡ của giáo pháp, là hành xứ của các đấng Toàn Tri và các bậc Chiến Thắng, là lãnh vực không xa lạ, được an toàn, đã khéo được quy đinh, không có điều nghi hoặc. Tương tợ như người làm điều lợi ích, [vị Tỳ-khưu] tốt thực hành một cách đúng đắn về Luật ở bộ Hợp phần [Đạiphẩm và Tiểu phẩm], luôn cả bộ Tập yếu và các tiêu đề [bộ Đại phân tích]. 2. Người không hiểu biết về loài bò không chăn giữ đàn bò được. Như vậy, trong khi không biết giới, làm sao vị ấy có thể gìn giữ sự thu thúc? 3 Cho đến khi Kinh và Vi diệu pháp bi quên lãng mà Luật chưa bi tiêu hoại thì giáo pháp vẫn còn tồn tại. 4. Vì điều đó, với việc kết tập là nguyên nhân, tôi sẽ tuần tự nói về phần tóm lược theo như sự hiểu biết, xin các vị hãy lang nghe tôi nói. 5. Câu chuyện, phần duyên khởi, tội vi phạm, phương thức và luôn cả phần trùng lặp5 không giản lược phần ấy là việc làm vụng về, các vị hãy hiểu rõ điều ấy đúng theo phương pháp. 6. Sự giác ngộ và cội cây Rājayatana, cội cây người chăn dê, vị Sahampati, đấng Phạm thiên, vi AỊâra và vị Uddaka, [năm] Tỳ-khưu và ẩn sĩ upaka. 7.

Kondañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma và Assaji, Yasa, bốn [người bạn], năm mươi [người bạn], Ngài đã phái đi tất cả, [việc xuất gia ở] các phương. 8. Câu chuyện với các Ma vương và ba mươi [vị vương tử], ba đạo sĩ bện tóc ở Uruvelã, nhà thờ lửa, vi Đại vương Sakkā, Phạm thiên và toàn thể [dân chúng], 9. Ypamsukūla. hồ nước, tảng đá và [cành cây] Kakudhā, khối đá [phơi y], trái Jambu5 trái xoài, trái Āmalakī và Ngài đã mang lại bông hoa san hô. 10. Này Kassapa, hãy chẻ ra, hãy đốt lên và hãy dập tắt đi. Các vị hụp [xuống nước], chảo lửa, đám mây đen, [đỉnh] GayM [khu rừng] Latthi và vua xứ Magadha.

122 ĐẠI PHẨM

A 9 r r -g

11. Roi upatissa và Kolita danh tiêng đã xuất gia. Các vi mặc y luộm thuộm, [cho phép] việc đuổi đi và vị Bà-la-môn bi ốm o cằn cỗi. 12. Vị làm hành động sai trái, [vì] bao tử, chàng trai trẻ, hội chúng [là mười vị]. [Bao nhiêu] năm, với các vị ngu dốt, trong khi [thầy] ra di, mười năm, việc nương nhờ. 13. Các vị không thực hành, để đuổi đi, các vi ngu dốt, sự đình chỉ, năm, sáu [yếu tố]9 vi nào là ngoại đạo, lõa thể, tóc chưa cắt, đạo sĩ bện tóc và dòng Sakyā. 14. ở xứ Magadha, năm thứ bệnh, một [trường hợp], [lính của] đức vua, và [kẻ cướp đeo] ngón tay và vua xứ Magadha đã cho phép, kẻ [phá] ngục, án ghi, bi phạt roi. 15. Các dấu hiệu, kẻ nợ và nô tỳ, kẻ sói đầu, [thiếu niên] upâli, bệnh dịch, gia đình có đức tin, Sa-di Kantaka và luôn cả chuyện bị tắt nghẽn [hướng đi]. 16. Vê việc nương nhờ, đứa trẻ trai, các điêu học, chúng sông và điêu gì nữa? [Việc ngăn cấm] toàn bộ, [thức ăn theo đường] miệng, các thầy tế độ, việc dụ dỗ, chuyện Kantaka. 17. Kẻ vô căn, trộm [tướng mạo], chuyển sang [ngoại đạo], con rồng và [kẻ giết] mẹ, cha, A-la-hán, [làm nhơ] Tỳ-khưu-ni, chia rẽ, [làm chảy] máu và kẻ lưỡng căn. 18. Thầy tế độ không có, với hội chúng, hoặc nhóm, kẻ vô căn, không bình bát, không y, hoặc cả hai, với đồ mượn là ba. 19. Các người [bi đứt] bàn tay, bàn chân, bàn tay và bàn chân, lỗ tai và lỗ mũi, hoặc cả hai điêu ấy, các ngón, móng tay và gân chân, tay có màng, gù lưng và người lùn. 20. Người bị bướu cổ và luôn cả người bị đóng dấu, bị phạt roi, bi tầm nã, phù chân voi, bệnh nặng, kẻ bôi nhọ hội chúng, người chột mắt và bị bệnh co rút, là tương tợ như thế. 21. Người què và luôn cả người bị liệt nửa thân, người có tướng đi khập khiêng, ngươi gia yêu, ngươi mu, ngươi cam, ngươi điêc, ngươi mu va cam la ở nơi ấy. ỉ r jF

22. Người mù và điêc đã được nói đên, luôn cả người bi câm và điêc, người bi mù câm điếc và việc nương nhờ của những kẻ không liêm sỉ. 23. Có thê sông và đi đường xa là tương tợ, với vị yêu câu, những người mong muốn, hãy đi đến, chúng tranh cãi, với cung thầy tế độ, vi Kumārakassapa. 24. Và được thấy những vị đã tu lên bậc trên bị khổ sở vì các thứ bệnh, chưa được giảng dạy, các vị bị bối rối, việc giảng dạy ở ngay chính nơi ấy. 25. Rồi ở nơi hội chúng, kẻ ngu, chưa được chỉ đinh, cùng một lúc, xin hay tế độ, sự tu lên bậc trên, pháp nương nhờ, mỗi một mình, ba [trường hợp]. Dứt phần tóm lược của chương 4íTrọng yếu.w —ooOoo—

II. CHƯƠNG UPOSATHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūta. Vào lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đên gân các vị áy đê nghe pháp. Họ có lòng mên chuộng, có niêm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. 2. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tâm như vây đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bon, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?,, 3. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: 4. - Bạch Ngài, trường hợp trâm trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bôn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa thang?" Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. 5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 6. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy và nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?9

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng”nên sau khi tụ hội vào ngày mười bôn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, các vị ấy ngồi im lặng. Dân chúng đi đến gần các vị ây đê nghe pháp. Những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: uTại sao các Sa-môn Thích tử sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, lại ngôi im lặng giông như là các con heo đần độn vậy? Sao các vị đã tụ hội lại mà không chịu giảng pháp?" 8. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rang:
Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng pháp sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. 10. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tinh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vày đã sanh khởi: "Hay là Ta nên

cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) gồm các điều học đã được Ta quy đinh cho các Tỳ-khưu, việc ấy sẽ là hành sự Uposatha cho các vị ấy?" 11. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trường hợp Ta trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hay là Ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bôn (Pãtimokkha) gôm các điêu học đã được Ta quy đinh cho các Tỳ- khiru, việc ấy sẽ là hành sự Uposatho cho các vi ấy?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Và này các Tỳ-khưu, nên đọc tụng như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 12. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Uposatha, nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). Phận sự trước tiên của hội chúng là gì? Các Đại đức hãy tuyên bố sự trong sạch rồi tôi sẽ đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). Hết thảy tất cả các vi hiện diện [chúng ta] hãy nghiêm chỉnh lắng nghe và hãy chú tâm đến điều ấy. Nếu vi nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ; vị không có phạm tội thì nên im lặng. Do thái độ im lặng, tôi sẽ nhận biết về các Đại đức rằng: '[Các vị] được trong sạchGiống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời; tương tợ như thế, trong hội chúng như thế này [câu hỏi] được thông báo đến lần thứ ba. Trong khi đang được thông báo đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đang có thì vị ấy cố tình nói dối. Bạch chư Đại dức, việc cố tình nói dối là pháp chướng ngại đã được đức The Tôn đe cập đen; do đó, vi Tỳ-khưu bị phạm tội mà nhớ ra và có ý muốn được trong sạch thì nên bày tỏ ra tội đang có. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 125

13. Pãtimokkhaṃ Điều này là đầu tiên, điều này là lối đưa vào, điều này là đứng đầu của các thiện pháp, do đó được gọi là "Pãtimokkhaṃ 14. Các Đại đức: Điêu này là lời nói quý mên, điêu này là lời nói kính trọng, điêu này là lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng, tức là "các Đại dức." 15. Tôi sẽ đọc tụng: Tôi sẽ chỉ ra, tôi sẽ giảng, tôi sẽ cho biết, tôi sẽ bày ra, tôi sẽ khai triển, tôi sẽ phân tích, tôi sẽ làm rõ ràng, tôi sẽ cho thấy rõ. 16. Điều ấy nghĩa là Giới bổn ỤPâtỉmokkhă) được nói đến. 17. Hết thảy tất cả các vi hiện diện: Trong hội chúng ấy cho đến các vi Trưởng lão, các vi mới tu, hoặc các vi trung niên, các vị này được gọi là "hết thảy tất cả các vị hiện diên." 18. [Chúng ta] hây nghiêm chỉnh lắng nghe: Sau khi định thần, sau khi chú tâm, sau khi tập trung tất cả tâm ý. 19. [Chúng ta] hãy chú tâm: [Chúng ta] hãy chăm chú với tâm tru vào một điểm, với tâm không bị xao lãng, với tâm không bị rối loạn. 20. Nếu vị nào có phạm tội: Bất cứ tội nào thuộc nhóm năm tội hoặc bất cứ tội nào thuộc nhóm bảy tội của vị Trưởng lão, của vị mới tu, hoặc của vi trung niên. 21. Vi ây nên bày tỏ: Vị ây nên trình báo, vi ây nên khai ra, vị ây nên làm rõ ràng, vị ấy nên cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân. 22. Không có phạm tội nghĩa là vị ây không phạm tội, hoặc là sau khi phạm tội đã được thoát khỏi tội. 23. Nên im lặng: Nên ưng thuận, không nên phát biểu. 24. Tôi sẽ nhận biết rằng: "[Các vi] được trong sạch": Tôi sẽ biết được, tôi sẽ ghi nhận. 25. Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời: Giống như việc một người được một người khác hỏi thì nên trả lời, tương tợ như thế đối với hội

chúng ấy, điều cần được biết là ấy h6i t6i." Hội chúng như thế này nghĩa là hội chúng các Tỳ-khưu được nói đến. 26. Được thông báo đến lần thứ ba: Được thông báo một lần, được thông báo đến lần thứ nhì, được thông báo đến lần thứ ba. 27. [Vi ấy] nhớ ra: [Vị ấy] đang biết được, đang nhận ra được. 28. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra. 29. Không bày tỏ: [Vị ấy] không trình báo, không khai ra, không làm rõ ràng, không cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

30. Vi ấy cố tình nói dối: Là điều gì trong việc cố tình nói dối? Là đã làm điều sai trái. 31. Pháp chướng ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến: Chướng ngại của điều gì? Là chướng ngại cho việc chứng đắc sơ thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc nhị thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc tam thiền; chướng ngại cho việc chứng đăc tứ thiên; chướng ngại cho việc chứng đác của các thiên, của các sự giải thoát, của các sự thê nhập định, của các sự xuât ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp. 32. Do đó: Vì nguyên nhân ấy. 33. [Với] vị nhớ ra được: [Với] vi đang biết được, [với] vị đang nhận ra được. 34. Có ý muốn được trong sạch: Có sự mong muốn được thoát ra, có sự mong muốn được làm cho trong sạch. 35. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra. 36. Nên bày tỏ ra: Nên được bày tỏ ra ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân. 37. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vi ấy sẽ được thoải mái: Thoải mái của điêu gì? Là sự thoải mái trong việc chứng đác sơ thiên; là sự thoải mái trong việc chứng đắc nhị thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tam thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tứ thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đác của các thiên, của các sự giải thoát, của các sự thê nhập vào các tâng đinh, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp. 38. Vào lúc bấy giờ, các vị ly-khưu [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd) đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) hàng ngày. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? không nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) hàng ngày; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đọc tụng Giới bon (Pãtimokkha) vào ngày Uposatha. 39. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khtru [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn {Patimokkho) đã được đức Thế Tôn cho phép vào ngày Uposatho" nên đã đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) ba lần trong nửa tháng vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă) ba lần trong nửa tháng; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) một lần vào ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm của nửa tháng.

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 127

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) theo tập thê, nghĩa là theo từng tập thê riêng của mình. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă) theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các

Tỳ-khưu, Ta cho phép hành sự Uposatha hợp nhất. 4L Khi ấy, các vị Tỳ-khiru đã khởi ý điều này: “Bức Thế Tôn đã quy đinh 'hành sự Uposatha hợp nhất vậy sự hợp nhất có phạm vi đến tận đâu, cho đến phạm vi một trú xứ hay toàn bộ trái đất?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ. 42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahâkappina ngụ tại Rājagaha ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Khi ấy, Đại đức Mahâkappina trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh r t y . ~ văng, có ý nghĩ suy tâm như vây đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lê Uposatha hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tinh với sự thanh tịnh toi thượng?,, 43. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Mahãkappina, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [dức Thế Tôn] đã biến mất tại núi Gijjhakūta rồi hiện ra trước mặt Đại đức Mahâkappina ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngoi được sắp đặt sẵn. Đại đức Mahâkappina đã đảnh lễ đức The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Mahâkappina đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Mahãkappina điều này: 44. Này Kappina, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vày đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lễ Uposatha hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?^, -Bạch Ngài, đúng vậy. -Nếu các ngươi là những người có Phạm hạnh không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường lễ Uposatha thì còn ai sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường lễ Uposatha nữa? Này người có Phạm hạnh, ngươi hãy đi [tham dự] lễ Uposatha. chớ có không đi. Ngươi hãy đi [tham dự] hành sự của hội chúng, chớ có không đi. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Mahâkappina đã đáp lời đức Thế Tôn. 45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho Đại đức Mahâkappina băng bài pháp thoại, roi giông như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại

cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [đức Thế Tôn] đã biến mất trước mặt Đại đức Mahâkappina ở Maddakucchi nơi vườn Nai rồi hiện ra tại núi Gijjhakūta. 46. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã cho phép 'sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ\ vậy [phạm vi của] một trú xứ là đến tận dau??, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ân đinh ranh giới. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được đinh danh: Điểm mốc là ngọn núi, diêm móc là tảng đá, diêm móc là khu rưng, diêm móc là cội cây, điểm mốc là đường di, điểm mốc là gò mối, diêm móc là con sông, diêm móc là vũng nước. Sau khi đinh danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực: 47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các diêm móc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ Uposatha. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe

tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được đinh danh. Hội chúng ân đinh ranh giới với các diêm móc ây là [khu vực] đông cộng trú chung một lê Uposatha. Đại đức nào đông ý việc ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ Uposatha xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Ranh giới với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định là [khu vực] đồng cộng tru chung một lễ Uposatha, Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 48. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép việc ấn định ranh giới" rồi ấn định các ranh giới quá rộng lớn bốn do-tuần,1 năm do-tuần, sáu do-tuần. Các vị Tỳ-khưu đi [tham dự] lễ Uposatha đi đến trong khi Giới bổn (Pãtimokkhă) đang được đọc tụng, đi đến khi vừa mới được đọc tụng xong, [hoặc] đã tru ngụ ở khoảng giữa [đường đi]. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên ân định ranh giới quá rộng lớn bôn do-tuân9 năm do-tuân, hoặc sáu do-tuân; vi nào ân đinh thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ấn định ranh giới tối đa ba do-tuần. 49. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ấn đinh ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông. Trong khi đi đen lễ Uposatha. các vị Tỳ-khưu đã bi cuốn trôi đi, các bình bát cũng đã bi cuốn trôi đi, các y cũng đã bị cuốn trôi đi. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

1 Theo từ điển Pall-English Dictionary của Hội Pali Text Society thì l yojana có chiều dài khoảng 7 miles, từ điên của Childers thì 12 miles. Tài liệu The Buddhist Monastic Code cho biêt là 10 miles tức vào khoảng 16km (ND).

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 129

-Này các Tỳ-khiru, không nên ấn đinh ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông; vị nào ấn định thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, ở nơi nào có thuyên bè thường trực hoặc có câu cô định, Ta cho phép ân đinh ranh giới đên bờ bên kia của dòng sông theo hình thức như the. 50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) ở dãy phòng. Do chưa được quy định trước nên các vị Tỳ-khưu vãng lai không biêt được: "Hôm nay, lễ Uposatha sẽ được thực hiện ở d2u?" Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) ở dãy phòng chưa được quy định trước; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ Uposatha sau khi chỉ định nhà hành lễ Uposatha tùy theo hội chúng mong muốn là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 51. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ Uposatha. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vay] làm nhà hành lễ Uposatha. Đại đức nào đong ý việc chỉ đinh trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ Uposatha xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh làm nhà hành lễ Uposatha. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.^ 52. Vào lúc bấy giờ, trong trú xứ nọ có hai nhà hành lễ Uposatha được chỉ định. Các Tỳ-khiru tụ hội ở cả hai nơi [nghĩ rằng]: "Lễ Uposatha sẽ

được thực hiện ở đây. Lễ Uposatha sẽ được thực hiện ở day?9 Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên chỉ đinh hai nhà hành lễ Uposatha ở trong một trú xứ; vi nào chỉ định thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi hủy bỏ một rồi thực hiện lễ ưposatha ở một nơi [còn lại]. Và này các Tỳ-khưu, nên hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ- khưu kinh nghiệm, có năng lực: 53. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. r

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha tên [như vay] xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên.

Nhà hành lễ Uposatha tên [như vầy] đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy?9 54. Vào lúc bây giờ, ở tại trú xứ nọ5 nhà hành lê Uposatha được ân định quá nhỏ. Vào ngày Uposatha, có đại chúng Tỳ-khưu đã tụ hội lại. Các vi Tỳ-khiru đã ngồi xuống ở khu vực không được ấn đinh và nghe Giới bổn (Pãtimokkha). Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: Tễ Uposatha nên được thực hiện sau khi chỉ định nhà hành lễ Uposatha\ còn chúng ta đây đã ngôi ở khu vực không được ân đinh và nghe Giới bôn (Pãtỉmokkhd). như thế thì lễ Uposatha của chúng ta đã được thực hiện hay đã không được thực hiên?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, vị ngồi ở khu vực đã được ấn định hay không được ấn định và lắng nghe Giới bổn (Patimokkho) thì từ chỗ đó lễ Uposatha của vị ấy đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng mong muốn mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha rộng tới mức nào thì hội chúng hãy ấn đinh mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha rộng tới mức ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 55. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các diêm móc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ân định mặt tiên của chô hành lê Uposatha với các diêm móc ây. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Hội chúng ấn đinh mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy. Đại đức nào đồng ý việc ấn đinh mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha các vi Tỳ-khưu mới tu đã tụ hội trước tiên [nghĩ răng]: "Các vị Trưởng lão vân chưa có đên,9 nên đã bỏ đi. Lễ Uposatha đã bị thiếu sót. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu trưởng lão tụ hội trước nhất vào ngày lễ Uposatha. 57. Vào lúc bây giờ, trong thành Rājagaha có nhiêu trú xứ là cùng chung ranh giới. Các vị Tỳ-khưu ở đó

tranh cãi rằng: "Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi.^, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 131

Này các Tỳ-khưu5 trong trường hợp có nhiều tru xứ là cùng chung ranh giới và các vi Tỳ-khưu ở đó tranh cãi rằng: "Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ Uposatha hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng t6i." Này các Tỳ-khưu, toàn bộ tất cả các Tỳ-khưu ấy nên tụ hội lại một chỗ rồi thực hiện lễ Uposatha. nơi nào có vi Tỳ-khưu trưởng lão cư ngụ thì nên tụ hội ở nơi ấy rồi thực hiện lễ Uposatha. Và lễ Uposatha không được thực hiện bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 58. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahãkassapa từ Andhakavinda đang đi đến lễ Uposatho ở thành Rājagaha, trên đường di, trong khi vượt qua con sông đã suýt bi nước cuốn trôi.2 Các y của vị ấy bị ướt. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahâkassapa điều này: Thưa ngài, vì sao các y của ngài bị ướt? Này các Đại đức, trường hợp tôi từAndhakavinda đang đi đến lễ Uposatha ở thành Rājagaha, trên đường di, trong khi vượt qua con sông, tôi đã suýt bị nước cuốn trôi; vì thế các y của tôi bị ướt. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn đinh là đồng cộng tru chung một lễ Uposatha thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y.3 Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 59. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng tru chung một lễ Uposatha. nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha. hội chúng ấn định ranh giới ây là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đại đức nào đông ý việc ân định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y xin im lặng; vị nào không đong ý có thể nói lên.

2 Theo ngài Buddhaghosa, từ chỗ ngài Mahãkassapa trú ngụ đến thành Rājagaha là 3 gāvuta (l gãvuta =yO] and), như vạy vào khoảng 12km. Trong thành Rājagaha có 18 trú xa lớn nhưng có cùng chung một ranh gioi do ngai Sāriputta thực hiện. Và Veluvana la chỗ các vị Tỳ-khựu ở trong ranh giai ấy tụ hội để thực hiện lễ ưposatha. Con sông được đề cập tên là Sippinĩ, phát xuất từ núi Gijjhakuta va cổ dồng chảy rất mạnh (VừĩA. v. 1049). 3 Ranh giới không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y (tỉcĩvạrena avippạvãsã sīmā): Avỉppavãso (sự không xa lìa) = (tư phủ định) a + vippavāso (sự xa cách, sự vắng mặt). Nếu dịch sát từ sẽ lạ urạnh giới không xa lìa ba y" như bản dịch tiếng Anh của học giả L B. Horner sẽ ídiiến cho ý nghĩa bi lầm lẫn. Mặt khác, nếu nói thẹo thói quen là "sima xa lìa tam y, sĩmã được phép xa lìa tam y" cũng không chính xác vì đã bỏ rơi tiếp đầu ngữ phủ định %Muốn giải thích trường hợp này, phải ữở lại điều học Nissaggiya Pācittiya thư 2: "'...ce bhikkhu ticīvarena vippavaseyya..y và xem ^vippavāsa^ có ý nghĩa một each tong quát là "SỊT phạm tội vì xa lìa bạ y." Và ^a+vippavāsa"' sẽ trở thành 4tkhông có sự phạm tội vì xa lìa ba V" ở trong ranh giới ấy. Cũng cần nói^thêm là việc ukhông bị phạm tội vì xa lìa ba y,9 và việc uđược phép xa lìa ba y" có sự khác biết rõ rệt về ý

nghĩa (ND).

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn đinh là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 60. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Sụ* ấn định về việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên để các y trong xóm nhà. Các y ấy bị mất, bị cháy, bị chuột gặm nhấm. Các vi Tỳ-khưu trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các vi Tỳ-khiru đã nói như vầy: Này các Đại dức, vì sao các vị ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm? Này các Đại đức, trường hợp chúng tôi [nghĩ rằng]: uSự ấn đinh về việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phSp" nên đã để các y trong xóm nhà. Các y ây đã bị mát, đã bị cháy, đã bi chuột gặm nhâm; do đó5 chúng tôi trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các vi đã trình sự việc áy lên đức The T6n. Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatha thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r 9 61. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng tru chung một lễ Uposatha. nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ Uposatho, hội chúng ấn định ranh giới ây là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đại đức nào đong ý việc an định ranh giới ấy là không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Ranh giới ây đã được hội chúng ân định là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 62. Này các Tỳ-khưu, trong khi ấn định ranh giới, trước tiên nên ấn định ranh giới đồng cộng trú, sau đó nên ấn định việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Này các Tỳ-khưu? trong khi hủy bỏ ranh giới, trước tiên nên hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, sau đó nên hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú. Và này các Tỳ-khưu, việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y nên được hủy bỏ như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: 63. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y ấy. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, hội chúng hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ây. Đại đức nào đông ý sự hủy bỏ việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y ấy xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. r

Việc không [bi phạm tội vì] xa lìa ba y ây đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 64. Và này các Tỳ-khưu, ranh giới đồng cộng trú nên được hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn đinh là đồng cộng tru chung một lễ Uposatha, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ ranh giới ấy. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng an định là đong cộng trú chung một lễ Uposatha. hội chúng hủy bỏ ranh giới đồng cộng trủ chung một lễ Uposatha ấy. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ của ranh giới đồng cộng trú chung một lễ Uposatha ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Ranh giới đồng cộng trú chung một lễ Uposatha ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay?4 *9 65. Này các Tỳ-khưu, khi ranh giới chưa được ân định, chưa được thiêt lập, vị [Tỳ-khưu] sông nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trân nào, trong trường hợp ấy, ranh giới làng của ngôi làng ấy, hoặc ranh giới thị trấn của thi trấn ấy là [ranh giới] đồng cộng tru chung một lễ Uposatha. 66. Này các Tỳ-khưu, nếu ở nơi không phải là làng, ở trong rừng, trong trường hợp ây, [khu vực] bảy abbhantarcr ở xung quanh là [ranh giới] đông cộng trú chung một lễ Uposatha. 67. Này các Tỳ-khưu5 toàn bộ dòng sông không phải là ranh giới, toàn bộ biên cả không phải là ranh giới, toàn bộ hô thiên nhiên không phải là ranh giới. Này các Tỳ-khưu, trong dòng sông, trong biển cả, trong hồ thiên nhiên, [khu vực] do việc ném nước ra xung quanh của người đàn ông [có sức mạnh] trung bình là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ Uposatha trong trường hợp ấy.

4 Abbhantara: Ngài Buddhaghosa giải thích l abbhantara là 28 kattha (VìnA. v. 1052). Từ điển của Childers giải thích hattha là chiều dài tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu The Buddhist Monastic Code của Thanissaro Bhikkhu cho biết khoảng cách của 7 abbhantara = 98m. Như vậy, có thể kết luận là l abbhantara = 14m, l hattha = 0,5m. Chưa ra khoảng cách giữa các ranh giới: Theo ngài Buddhaghosa, khoảng cách xung quanh được chừa ra giữa các ranh giới là khoảng cách của một cánh tay (VìnA. v. 1056).

134 ĐẠI PHẨM

68. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ân định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khxxu, không nên làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]; vị nào làm gối lên thì phạm tội Dukkata. 69. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ấn đinh trước, ranh giới ây của các vị ây là đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khiru, ranh giới của các vi

nào được ấn đinh sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khưu, không nên làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]; vi nào làm trùm lên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị ấn đinh ranh giới được ấn định ranh giới sau khi đã chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới. 70. Sau đó, các vị Tỳ-khtru đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu lễ Uposatho^ Các vi đa trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ Uposatha\ Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ Uposatha. 71. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu hành sự UposathaT' Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự Uposatha\ Hành sự Uposatha sai Pháp theo phe nhóm, hành sự Uposatha sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự Uposatha đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự Uposatha đúng Pháp có sự hợp nhất. 72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Uposatha sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự Uposatha có hình thức như thế và hành sự Uposatha có hình thức như thế không được Ta cho phép. 73. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Uposatha sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu5 không nên thực hiện hành sự Uposatha có hình thức như the và hành sự Uposatha có hình thức như the không được Ta cho phép. 74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Uposatha đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự Uposatha có hình thức như thế và hành sự Uposatha có hình thức như thế không được Ta cho phép. 75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự ưposatha đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ«khưu, nên thực hiện hành sự Uposatha có hình thức

như thế và hành sự Uposatha có hình thức như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự ưposatha có hình thức như thế tức là "dúng Pháp có sự hợp nhất.,, Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như the. 76. Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu cách đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă)T' Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha): Sau khi đọc tụng phần mở dầu, nên thông báo phan còn lại bang cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) thứ nhất. 77. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika. nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) thứ nhì. 78. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika, sau khi đọc tụng mười ba điều Sañghādisesa, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) thứ ba. 79. Sau khi đọc tụng phần mở dầu, sau khi đọc tụng bốn điều Pārậịỉka. sau khi đọc tụng mười ba điều Sañghādisesa, sau khi đọc tụng hai điều Ānīyata, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) thứ tư. 80. [Đọc tụng] một cách chi tiết là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha). 81. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép cách đọc tụng Giới bon (Pãtỉmokkhd) một cách tóm tắt" roi mọi lúc đều đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) một cách tóm tắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) một cách

tóm tắt; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. 82. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong nước Kosala, vào ngày Uposatha có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu không thê đọc tụng Giới bôn (Pãtỉmokkhă) một cách chi tiết. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm. 83. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) một cách tóm tắt ngay cả khi không có sự nguy hiểm. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd) một cách tóm tắt khi không có sự nguy hiểm; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đọc tụng Giới bôn (Patimokkho) một cách tóm tăt khi có sự nguy hiểm. Đây là mười sự nguy hiểm trong trường hợp ấy: Sự nguy

hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm cho mạng sống, sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă) một cách tóm tắt trong những [trường hợp] nguy hiểm có hình thức như thế và [đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhci)] một cách chi tiết khi không có sự nguy hiểm. 84. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp ở giữa hội chúng khi không được thỉnh mời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? vi không được thỉnh mời không nên thuyết pháp ở giữa hội chúng; vị nào thuyết pháp thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão đích thân thuyết pháp hoặc thỉnh mời vị khác. 85. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi chưa được chỉ định vẫn hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, vi không được chỉ định không nên hỏi Luật ở giữa hội chúng; vị nào hỏi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vi được chỉ định hỏi Luật ở giữa hội chúng. 86. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác. 87. Thê nào là tự mình chỉ đinh cho chính mình? Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luãt?9 Như vậy là tự mình chỉ đinh cho chính mình. 88. Thế nào là người khác chỉ đinh cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luậty Như vậy là người khác chỉ định cho người khác. 89. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định rồi hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân roi mới hỏi Luật ở giữa hội chúng. 90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trả lời về Luật ở giữa hội chúng dầu không được chỉ định. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 vị không được chỉ định không nên trả lời về Luật ở giữa hội chúng; vị nào trả lời thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép vị đã được chỉ đinh trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

91. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ định như vây: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác. 92. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luat." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình. 93. Thế nào là người khác chỉ đinh cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luat.59 Như vậy là người khác chỉ định cho người khác. 94. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định trả lời Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự ệiận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhác từng cá nhân roi mới trả lời vê Luật ở giữa hội chúng. 95. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư buộc tội vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khxru? không nên buộc tội vi Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước; vi nào buộc tội thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép buộc tội sau khi đã thỉnh ý trước rằng: uNày Đại dức, hãy cho phép. Tôi muốn nói với ngai?9 96. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thỉnh ý trước các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi buộc tội. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự ệiận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, mặc dâu đã thỉnh ý roi, Ta cho phép cân nhác vê nhân vật [ấy] rồi mới buộc tội. 97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Các vi Tỳ- khưu hiền thiện [sẽ] thỉnh ý chúng ta trước tiên^, liền ngay trước đó [đã] thỉnh ý [để buộc tội] các vi Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, không nên thỉnh ý [để buộc tội] các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do; vị nào thỉnh ý thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép cân nhắc về nhân vật [ấy] trước rồi mới thỉnh ý [để buộc tội]. 98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thực hiện hành sự sai Pháp ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự sai Pháp; vi nào thực hiện thì phạm tội Dukkata.

138 ĐẠI PHẨM

Các vị vẫn thực hiện hành sự sai Pháp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Ặ rin The Ton. Này các Tỳ-khmi, trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành, Ta cho phép phản đối. 99. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện phản đối trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành bởi các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vi đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bày tỏ quan diêm. Các vi bày tỏ quan diêm trong sự hiện diện của chính các vị kia. Các vị Tỳ- khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ây len đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu,

Ta cho phép phản đối với bốn năm vị, bày tỏ quan điểm với hai ba vi, còn một vị thì khẳng định rang: "Tôi không đong ý việc này.^, 100. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) ở giữa hội chúng cố ý không cho nghe được. Các vị đã trình Sự việc áy len đức Thê Tôn. -Này các Tỳ-khưu, vị đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) không nên cố ý làm cho không nghe được; vị nào làm cho không nghe được thì phạm tội Dukkata. 101. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udãyi là vị đọc tụng Giới bổn ỤPâtỉmokkha) của hội chúng có giọng [nói] như loài quạ. Khi ấy, Đại đức Udãyi đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) nên làm cho nghe được9, còn ta có giọng [nói] như loài quạ, vậy ta nên thực hành như thế nao?99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) nỗ lực [nghĩ rang]: "Bằng cách nào ta có the làm cho [các vị] nghe đượcT' Đối với vị đang nỗ lực thì vô tội. 102. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkha) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru, không nên đọc tụng Giới bôn (Pãtimokkhă) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. 103. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd) ở giữa hội chúng dầu không được mời thỉnh. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 vị không được mời thỉnh không nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) ở giữa hội chúng; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Giới bổn (Pãtimokkhd) là trách nhiệm của vị Trưởng lão. Dứt tụng phẩm về các ngoại đạo.

II. CHƯƠNG UPOSATHA 139

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành đến Codanâvatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Codanãvatthu. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Codanâvatthu. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu cư ngụ. ở đó, vị Tỳ-khưu trưởng lão là người ngu dót, thiêu kinh nghiệm. Vi ây không biêt lê Uposatha, hay là hành sự Uposatha, hay là Giới bổn (JPãtimokkha), hay là việc đọc tụng Giới bổn ịPãtimokkhà). 2. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Giới bổn ỤPãtỉmokkha) là trách nhiệm của vị Trưởng lão\ và vi Trưởng lão này của chúng ta thì ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không biết lễ Uposatha, hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bon (Pãtỉmokkhấ). hay là việc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha), vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép ở nơi đó vị Tỳ-khiru nào kinh nghiệm, có năng lực thì Giới bổn (Pãtimokkhaṃ là trách nhiệm của vị ấy. 3. Vào lúc bây giờ, vào ngày lê Uposatha, tại trú xứ nọ có nhiêu vi Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ Uposatha. hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bon (Patimokkho), hay là việc đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Các vị ấy đã thỉnh mời vi Trưởng lão rằng: “Thua ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhd)y Vị ấy đã nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi không làm được y Các vị đã thỉnh mời vi Trưởng lão thứ nhì: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)' Vị ấy cũng đã nói như vầy: “Này các Đại dức, tôi không làm được.^, Các vị đã thỉnh mời vị Trưởng lão thứ ba: "Thua ngài, xin Trưởng

lão hãy đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd)y Vi ấy cũng đã nói như vầy: “Này các Đại đức, tôi không làm dug" Bằng chính phương thức ấy, các vị đã thỉnh mời đến vị mới tu của hội chúng: "Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)." Vị ấy cũng đã nói như vay: "Thua các ngài, tôi không làm dug" 4. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Uposatha, tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ Uposatha, hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bon (Patimokkho), hay là việc đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhaṃ. Các vị ây thỉnh mời vị Trưởng lão răng: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bôn (Pãtỉmokkhă)y Vị ây nói như vây: "Này các Đại đức, tôi không làm được y Các vị thỉnh mơi đến vị Trưởng lão thứ nhì: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă)y Vị ấy cũng nói như vầy: “Này các Đại dức, tôi không làm được.,, Các vi thỉnh mời đen vi Trưởng lão thứ ba: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)Vị ấy cũng nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được.,, Bằng chính phương thức ấy, các vị thỉnh mời đến vị mới tu của hội

chúng: "Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)Vị ấy cũng nói như vầy: "Thua các ngài, tôi không làm được.,, Này các Tỳ-khun? ngay trong hôm ây, một vị Tỳ-khưu nên được các vị Tỳ-khưu ấy phái đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (Pãtimokkhă) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở v3." 5. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: “Nên được phái đi bởi vị nào?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ- khưu mới tu. Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đi. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Tone Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vi không bệnh không nên không đi; vị nào không đi thì phạm tội Dukkata. 6 Sau đó, khi đã ngự tại Codanâvatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã trở về lại thành Rājagaha. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: “Thua ngài, là ngày thứ mấy của nửa tháng?^ Các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết đến việc tính toán [ngày] của nửa tháng thì những người này còn biêt được điêu tót đẹp gì khác nữa dây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép học cách tính toán [ngày] của nửa tháng. Khi ây, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điêu này: nào nên học cách tính toán [ngày] của nửa tháng?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru9 Ta cho phép toàn bộ tất cả đều học cách tính toán [ngày] của nửa tháng. 7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: “Thua ngài, có đến bao nhiêu vị Ty-kỊiưu?” Các vi Tỳ-khưu đã nói như vầy: “Này các đạo hữu, chúng tôi không biết." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết lẫn nhau thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa day?59 Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đếm số các vị Tỳ-khưu. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Khi nào thì nên đếm số các vị Ty-khưu?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ ưposatha, Ta cho phép hoặc là đếm số y băng cách gọi tên, hoặc là cho rút thẻ. 8. Vào

lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khiru không biết: "Hôm nay là ngày lễ Uposatho" nên đi khất thực ở làng xa. Các vị ấy trở lại trong khi Giới bổn

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 141

(Pātimokkhaṃ đang được đọc tụng, trở lại khi Giới bổn (Pãtimokkhă) vừa mới đọc tụng xong. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo: "Hôm nay là ngày lễ Uposathay Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên được thông báo bởi vị nAo?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão thông báo vào lúc sáng sớm. 9. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ vào lúc sáng sớm đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thông báo vào lúc thọ thực. Ngay cả vào lúc thọ thực, vị ây cũng đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lúc nào nhớ thì thông báo vào lúc ấy. 10. Vào lúc bây giờ, tại tru xứ nọ, nhà hành lê Uposatha bị rác bân. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu lại không quét nhà hành lễ UposathăT" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép quét nhà hành lễ Uposatha, Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên quét nhà hành lễ UposathaT' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép vị Tỳ-khiru trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ- khưu mới tu. Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không quét. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vi không bệnh không nên không quét; vị nào không quét thì phạm tội Dukkata. 11. Vào lúc bấy giờ, chỗ ngồi không được xếp đặt trong nhà hành lễ Uposatha. Các Tỳ-khưu ngồi trên nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ ban. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép xép đặt chô ngôi trong nhà hành lê Uposatha. Khi ấy5 các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ Uposatho Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ- khưu mới tu. Được ra lệnh bởi vi Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không xếp đặt. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu? khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vi không bệnh không nên không xếp đặt; vị nào không xếp đặt thì phạm tội Dukkata.

142 ĐẠI PHẨM

12. Vào lúc bấy giờ, trong nhà hành lễ Uposatha không có đèn. Trong bóng tối, các vị Tỳ-khưu đạp nhầm cơ thể và luôn cả y nữa. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thắp sáng đèn trong nhà hành lễ Uposatha. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: nào nên thắp sáng đèn trong nhà hành lễ UposathaT' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khtru trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ- khưu mới tu. Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vi Tỳ-khưu mới tu vân không thăp sáng đèn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không thắp sáng đèn; vị nào không thắp sáng đèn thì phạm tội Dukkata. 13. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước

rửa. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước rửa?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem lại nước uống, nước rửa. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: nào nên đem lại nước uống, nước rửa?" Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ- khưu mới tu. Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đem lại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khxru, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không đem lại; vị nào không đem lại thì phạm tội Dukkata. 14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khtru ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa đã không xin phép các vi thây tê độ và thây dạy học. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa không xin phép các vi thây tê độ và thây dạy học. Này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học nên hỏi các vị ấy rằng: "Các ngươi sẽ đi đâu? Các ngươi sẽ đi với ai?" 15. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy nêu ra các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm khác, này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học không nên cho phép; nếu các vị cho phép thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu5 [nếu] các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy không được các vị thầy tế độ và thầy dạy học cho phép mà vẫn đi thì phạm tội Dukkata.

II. CHƯƠNG UPOSATHA 143

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vi Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ Uposatha, hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bổn (Patimokkho), hay là việc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Nơi ấy có vi Tỳ-khưu khác đi đen là vị nghe nhiều, kinh điển 5 A > \ y y

được truyền thừa, rành rẽ vê Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ vê các đâu đê, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu nọ nên được các vị Tỳ-khưu ấy tiếp đón e " 0 r

nông hậu, nên được quan tâm, nên được chăm sóc, nên được đem lại bột tăm, đất sét [để tắm], gỗ chà răng, nước rửa mặt. Nếu các vị không tiếp đón nồng hậu, quan tâm, chăm sóc, đem lại bột tăm, đát sét [đê tăm], gô chà răng, nước rửa mặt thì phạm tội Dukkata. 17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ vào ngày lễ Uposatha. Các vi ấy không biết lễ Uposatha, hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bổn (Patimokkho), hay là việc đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vi Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại dức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu5 nêu không đạt được [như thê] thì nơi nào có các vị biêt vê lê Uposatha, hay là hành sự Uposatha. hay là Giới bổn (Pãtỉmokkhă), hay là việc đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkha). toàn bộ tất cả các vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến trú xứ ây; nêu các vị không đi thì phạm tội Dukkata. 18. Này các Tỳ-khiru, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư trú mùa mưa tại trú xứ nọ. Các vi ây không biêt lê Uposatha. hay là hành sự Uposatha, hay là Giới bon

(Pātimokkhaṃ, hay là việc đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhd). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị Tỳ-khiru đi đến tru xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (Pâtimokkhă) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ- khưu, nếu không đạt được [như thể] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rằng]: “Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (Patimokkho) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở v2." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu9 nếu không đạt được [như thế] thì các Tỳ-khưu ấy không nên cư trú mùa mưa tại trú xứ ấy. Nếu các vị ấy cư trú thì phạm tội Dukkata, 19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu ràng: Này các Tỳ-khưu5 hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ Uposatha. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: —Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự trong sạch. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vây: Vi Tỳ-khưu bị bệnh ây nên đi đên gặp một vị Tỳ-khưu, nên đáp thượng y một bên vai, nên ngôi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói như vây: "Tôi xin trao ra sự trong sạch. Hãy chuyên đạt Sự trong sạch của tôi. Hãy thông báo vê sự trong sạch của tôi.^, [Nêu] vị ây thê hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nêu không đạt được [như thê] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghê khiêng vi Tỳ-khưu bị bệnh ây đên giữa hội chúng roi thực hiện lê Uposatha. Này các Tỳ-khưu, nếu các vi Tỳ-khiru chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bi bệnh, dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khira, không nên di chuyển vi bi bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ Uposatho ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ Uposatha bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 20. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị [xuông] Sa-di, được biêt là người đã xả bỏ sự học tập, được biêt là vi phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vi bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo vê việc không sửa chữa lôi, được biêt là vị bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ- khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch nên được trao ra đến vi khác. 21. Này các Tỳ-khiru, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu5 khi sự

trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, ...(nt).. được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt. 22. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nêu vi chuyên đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyên đạt sự trong sạch đã đên được hội chúng roi hoàn tục, từ trân, ...(nt).. được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch đã được chuyển đạt.

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 145

23. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập đinh nên không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Vi chuyển đạt sự trong sạch không bị phạm tội. 24. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng roi co ý không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyên dạt, và vi chuyên đạt sự trong sạch bị phạm tội Dukkata. 25. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu9 hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện hành sự. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bi bệnh. Vị ấy không đến.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vi Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự tùy thuận. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bi bệnh ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra sự tùy thuận. Hãy chuyển đạt sự tùy thuận của toi. Hãy thông báo về sự tùy thuận của t6i." [Nấu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói5 không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã không được trao ra. Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp. Này các Tỳ-khưu5 nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, nêu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vây: "Nêu chúng ta di chuyển vi bị bệnh dời khỏi chỗ thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong”này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bi bệnh dời khỏi chỗ. Hội chúng nên đi đến và thực hiện hành sự ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện hành sự bởi hội chúng theo phe nhóm; vi nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 26. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nêu vị chuyên đạt sự tùy thuận từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ngay tại chô ây hoàn tục, từ trân, được biêt là vị [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bi điên, được biết là bi loạn trí, được biết là bị thọ khổ hành hạ5 được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,

được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ- khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác.

27. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vi chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyên dạt, Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nêu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần,...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt. 28. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt rj \ r- Ji- Ấ — : sự tùy thuận đã đên được hội chúng roi ra đi [đên nơi khác] thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, ...(nt).. được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. 29. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra? nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự tùy thuận không bi phạm tội. 30. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo, thì sự tùy thuận đã được chuyên đạt và vi chuyên đạt sự tùy thuận bi phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ Uposatha, vị trao ra sự trong sạch [đong thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện. 31. Vào lúc bây giờ, nhăm ngày lê Uposatha, các thân quyên đã năm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ uposatha, các thân quyến năm giữ vi Tỳ-khưu lại. Các thân quyên ây nên được các Tỳ-khưu nói như vây: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vi Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ Uposatha xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lê Uposatha xong.” Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ Uposatha bởi hội chúng theo phe nhóm; vi nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Uposatha. các đức vua nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. ...(nt).. Các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt).. Những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt)... Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ Uposatha xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc

ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ- khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: “Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ Uposatha xong." Nếu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp. Nêu không thê đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ Uposatha bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng có việc cân phải làm. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu tên Gagga bị điên. Vị ấy không đến.

34. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp bị điên. Có vị Tỳ-khưu điên có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ và có vị hoàn toàn không nhớ. [Có vị] có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến và có vị không bao giờ đi đến. 35. Này các Tỳ-khưu, trườnẹ hợp vị bị điên nào có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đen hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến, này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến vị bị điên có hình thức như thế. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 36. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bi điên, có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ Uposatha có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi khônệ đi đến. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đong ý về bệnh điên đến Tỳ-khiru Gagga là vị bi điên - vị Tỳ-khiru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga vẫn có the thực hiện lễ Uposatha. vẫn có the thực hiện hành sự của hội chúng. Đây là lời đề nghị. 37. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bi điên, có khi nhớ đến lễ Uposatha có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đen lễ Uposatha có khi không đi đen, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Hội chúng ban cho sự

đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vi bi điên - vi Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thê không nhớ; có thê đi đên lê Uposatha hoặc có thê không đi đên, có thê đi đên hành sự của hội chúng hoặc có thê không đi đên - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga

sẽ thực hiện lễ Uposatha. sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vi bị điên - vị Tỳ-khiru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thê không đi đên - hội chúng dâu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ Uposatha, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thê nói lên. 38. Sự đồng ý về bệnh điên đã được hội chúng ban đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khiru Gagga có thể nhớ đến lễ Uposatha hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ Uposatha hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ Uposatha, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 39. Vào lúc bây giờ, tại trú xứ nọ? vào ngày lê ưposatha có bôn vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khixu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy đinh rằng: 'Nên thực hiện lễ Uposatho" và chúng ta là bốn người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ ưposatha như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha) đối với bốn vi. 40. Vào lúc bấy giờ, tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bôn (Pãtimokkhă) đôi với bôn vị và chúng ta là ba người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ Uposatha như thế nao?^ Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Ty-khxru? Ta cho phép thực hiện lễ Uposatha - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vi. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 41. “Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ Uposatha [vào ngày mười lăm]. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thực hiện lễ Uposatha - bày tỏ sự trong sạch [với nhau].” Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ây như vây: "Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vi hãy ghi nhận về tôi: 'Là vi trong sạch/ Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi

nhận vê tôi: 'Là vi trong sạch.' Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'" 42. Vi Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ây như vây: “Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận vê tôi: 'Là vi trong sạch/ Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vi trong sạch/ Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: Tà vi trong sạch.9,9 43. Vào lúc bấy giờ, tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha có hai vi Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Bức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ đối với bốn vị5 [cho phép] thực hiện lễ Uposatha - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị và chúng ta là hai người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ Uposatha như thế nao?^ Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ Uposatha bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu? nên thực hiện như vầy: Vị Tỳ-khưu

trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ9 tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch/ Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: Tà vị trong sạch.' Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vi trong sạch.9,9 44. Vị Tỳ-khiru mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vi Tỳ-khưu trưởng lão như vầy: “Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.5 Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận ve tôi: 'Là vi trong sạch.'" 45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha có một vi Tỳ- khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đối với bốn vi, [cho phép] thực hiện lễ Uposatha, bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị, [cho phép] thực hiện lễ Uposatha. bày tỏ sự trong sạch đoi với hai vi và ta chỉ có một mình. Vậy ta nên thực hiện lễ Uposatha như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 46. Này các Tỳ-khiru5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha có một vi Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu? chỗ nào các vi Tỳ-khưu thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị Tỳ-khưu ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên thực hiện lê Uposatha với các vị ây; nêu không có ai đi đên thì nên chú nguyện rằng: "Hôm nay là lễ Uposatha của t6i", nếu không chú nguyện thì phạm tội Dukkata.

150 ĐẠI PHẨM

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd) bởi ba vi; nếu các vị đọc tụng thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi thực hiện lễ Uposatha - bày tỏ sự trong sạch bởi hai vị; nếu các vị thực hiện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, trường hợp ở nơi có hai vi Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vi rồi chú nguyện bởi một vi; nếu chú nguyện thì phạm tội Dukkata. 48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi phạm tội vào ngày lễ Uposatha. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy đinh rằng: 'Vị bi phạm tội khônẹ nên tiến hành lễ Uposatho" và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như thê nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bi phạm tội vào ngày lễ Uposatha. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy.” Vị kia nên nói rằng: "[Đại đức] có thấy [tội ấy] kh6ng?" "Thua có, tôi thấy." "[Đại đức] hãy thu thúc trong tương lai.' 50. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ Uposatha, Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chom hổm, nên chap tay lên và nên nói như vầy: “Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ Uposatha, nên lắng nghe Giới bổn (Patimokkho), nhưng không nên làm chướng ngại

cho lễ Uposatha chỉ vì nguyên nhân ấy. 51. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trình báo tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khmi, không được trình báo tội [đã phạm] giống nhau; vi nào trình báo thì phạm tội Dukkata. 52. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không được ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau; vị nào ghi nhận thì phạm tội Dukkata. 53. Vào lúc bây giờ, trong lúc Giới bôn (Pātimokkha) đang được đọc tụng, có vị Tỳ-khưu nọ nhớ ra tội. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội khônẹ nên tiến hành lễ Uposatho" và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như the nAo?" Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. 54. - Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu nhớ ra tội trong lúc Giới bổn (Pātỉmokkhă) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu ấy nên

nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vây: "Bạch Đại dức, tôi đã phạm tội tên [như vầy]. Sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ Uposatha, nên lắng nghe Giới bổn (Pātimokkhaṃ, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Uposatha chỉ vì nguyên nhân ấy. 55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội trong lúc Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ- khưu ây nên nói với vi Tỳ-khưu bên cạnh như vây: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ Uposatha, nên lắng nghe Giới bổn (Pātỉmokkhă), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Uposatha chỉ vì nguyên nhân ấy. 56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nen trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau' và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau. Vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. 57. -Này các Tỳ-khxru, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ Uposatha. toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vi Tỳ-khưu ấy nên phái một vi Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại dức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại dức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khiru, nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r

58. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vi Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ Uposatha nên được tiến hành, Giới bổn (Pātimokkhaṃ nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Uposatha chỉ vì nguyên nhân ấy. 59. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ Uposatha. toàn bộ hội chúng có nghi ngờ vê sự phạm tội giông nhau. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm,

có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giông nhau, khi nào dứt khỏi hoài nghi khi ây [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ay.99 Nói xong thì lễ Uposatha nên được tiến hành, Giới bổn (Pãtimokkha) nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Uposatha chỉ vì nguyên nhân ấy. 60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, khi đã vào mùa an cư mưa, hội chúng đã phạm tội giông nhau. Này các Tỳ-khưu, các vi Tỳ-khưu ây nên

phái một vị Tỳ-khưu ngay trong hôm ây, đi đên trú xứ lân cận [bảo răng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ây trong sự hiện diện của Đại dức.” Nêu việc ây đạt được như thê, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu? nếu không đạt được [như thế] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rang]: "Này Đại dức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ây hãy quay trở vê, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại dúrc." 61. Vào lúc bây giờ, tại trú xứ nọ? toàn bộ hội chúng đã phạm tội giông nhau. Hội chúng ấy không biết ten và loại của tội ấy. ở đó, có vi Tỳ-khxru khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ vê các đâu đê, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vi Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vị Tỳ- khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: 62. - Thưa Đại đức, vi hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên gì? Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại dức, vi hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vj nọ đã nói như vầy: “Thua Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại dức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại đức, ngươi hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình di.” 63. Khi ây, vi Tỳ-khưu nọ sau khi đã sửa chữa tội ây theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy rồi đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu kia, sau khi đến đã nói với các vi Tỳ-khưu kia điêu này: "Này các Đại đức, nghe nói vị hành động như vây và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các Đại dức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu kia đã không muốn sửa chữa tội ây theo lời khuyên của vi Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. 64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. ở đó9 có vi Tỳ-khiru khác đi đến là vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, la bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vi Tỳ-khưu ấy, sau khi đến nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Thua Đại đức, vị hành động như vây và như vây thì vị ây phạm tội tên gi?” Vị ây nói như vây: uNày Đại dức, vị hành động như vây và như vây thì vị ây phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vị nọ nói như vầy: “Thua Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại dức, ngươi

hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình di." Này các Tỳ-khưu? nêu sau khi sửa chữa tội theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã đi đen gặp các vị Tỳ-khiru kia, sau khi đến đã nói với các vi Tỳ-khưu kia như vầy: "Này các Đại đức, nghe nói vi hành động như vây và như vây thì vị ây phạm tội tên này. Này các Đại dức, các vi đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu kia sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ- khưu nọ, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị không chịu sửa chữa, vi Tỳ-khưu nọ không nên khuyên các vi Tỳ-khưu ấy [vì họ] không có mong muốn. Dứt tụng phẩm Codanâvatthu.

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ? vào ngày lễ Uposatha, có nhiều vị Tỳ- khưu thường trú đã tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là r A

đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhát, roi đã thực hiện lễ Uposatha và đã đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă). Trong khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khxru thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường tru khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Trong khi Giới bổn (Pâtỉmokkhă) đang được đọc tụng bởi các vi ây, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bôn (Pātimokkha) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ây. Vô tội đôi với các vị đọc tụng. (1) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khiru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vi ấy không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bôn (Patimokkho). Trong khi Giới bôn (Pātimokkhaṃ đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (2) 4. Này các Tỳ-khmi? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiêu Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là bôn vi hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "Có những Tỳ-khxru thường trú khác chưa đi den." Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhát, roi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Trong khi Giới bổn

(Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khmi thường trú z r A z khác [có sô lượng] ít hơn đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, phân còn lại nên được lăng nghe. Vô tội đôi với các vị đọc tụng. (3) 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khiru thường tru tụ hội lại

là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khiru thường tru khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhd). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn ỤPãtimokkhd) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vi đọc tụng. (4) 6. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ? vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khiru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: 66CÓ những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến.,, Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, roi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). Khi Giới bổn (Pãtimokkhd) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (5) 7. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khiru thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhát, roi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bổn (Pâtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khiru thường trú khác [có số . • : z Ạ < • J*. r lượng] ít hơn đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (6) 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu9 Giới bôn (Pãtimokkhă) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ây. Vô tội đôi với các vi đọc tụng. (7) 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt

rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă), Khi Giới bổn (Pâtimokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] tương đương đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (8) 10. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại tru xứ nọ? vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bon vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkha). Khi Giới bổn (Pãtimokkha) vừa được đọc tụng xong bởi các vị

ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (9) 11. Này các Tỳ-khưu? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Khi Giới bổn {Pãtỉmokkhd) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khiru thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (Pãtỉmokkhd) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (10) 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bon vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường tru khác chưa đi đến.^, Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bon (Pãtỉmokkha). Khi Giới bon (Pâtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Vô tội đoi với các vị đọc tụng. (11) 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bon vi hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bổn (Pãtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vi ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là

đã được đọc tụng tốt dẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (12) 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposaíha. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: UCÓ những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Khi Giới bổn (Pãtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vi ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ- khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (Pātimokkhaṃ nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (13) 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khxru thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy không biết răng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đên.^^ Các vị ây tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ ưposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ây, toàn bộ tập thê đã đứng lên, có các Tỳ- khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện

của các vi ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (14) 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ây, toàn bộ tập thê đã đứng lên, có các Tỳ- khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (15) Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (JPātimokkha). Trong khi Giới bổn (Pātimokkhă) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (Patimokkho) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biêt là phe nhóm, roi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pătỉmokkhd). Trong khi Giới bổn (Pātimokkha) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, phân còn lại nên được lăng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata. (2) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Trong khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phân còn lại nên được lăng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata. (3) 4. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhă). Khi Giới bổn (Pātimokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, ...(nt).. trong khi tập thể chưa đứng lên ..(nt).. một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt).. toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)..[c6 số lượng] tương đương ...(nt)... [có sô lượng] ít hơn đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được

bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường hợp là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đên.,, Các vi ây có sự nghi ngờ răng: “Lễ Uposatha của chúng ta được phép thực hiện hay không được phEp?” rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Trong khi Giới bổn (Pātimokkhaṃ đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bôn (Patimokkho) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khiru ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata, (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây biêt răng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Uposatha của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhd). Trong khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata. (2) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vi hoặc hơn. Các vị ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Uposatha của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkha). Trong khi Giới bôn (Pãtimokkhd) đang được đọc tụng bởi các vị ây, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata. (3) 4. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vi ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Uposatha của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ. Khi Giới bổn (Pātimokkha) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt).. một số vị ở tập thể đã đứng len ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt).. [có sô lượng] tương đương ...(nt)... [có sô lượng] ít hơn đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

L Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ>khưu thường tru khác chưa đi đến”, [nghĩ rằng]: "Lễ Uposatha vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta”, các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bôn (Pãtimokkhă). Trong khi Giới bôn

(Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn {Pãtimokkha) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata. (1)

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 159

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi dên'1 [nghĩ răng]: "Lê Uposatha vân được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Trong khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata, (2) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ Uposatha vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đôi với chúng ta”, các vị bỏ qua sự ngân ngại roi thực hiện lê Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd). Trong khi Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vi đọc tụng phạm tội Dukkata, (3) 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ Uposatha vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vi bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bon (Pãtỉmokkhă). Khi Giới bon (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn ...(nt)... [có sô lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt dẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường họp bỏ qua sự ngần ngại.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Trong khi Giới bổn (Pãtimokkhă) đang được đọc tụng bởi các vi ấy5 có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu5 Giới bổn

160 ĐẠI PHẨM

(Pãtỉmokkhă) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thuỉlaccaya. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (JPātimokkha). Trong khi Giới bổn (Patimokkho) đang được đọc tụng bởi các vi ấy, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có sô lượng] tương đương đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, phân còn lại nên được lăng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya, 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ UposatNa, có nhiều Tỳ-khiru thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Trong khi Giới bổn (JPātimokkha) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, phân còn lại nên được lăng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khmi thường trú khác chưa đi đến.,, Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị 2y?” roi thực hiện lê Uposatho và đọc tụng Giới bôn (Pātimokkha). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khxru thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bôn (Pãtimokkhà) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaỵa. 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi 2y?" roi thực hiện lê Uposatha và đọc tụng Giới bôn (Pãtỉmokkhă), Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] tương đương đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt dẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya, 6 Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

“C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi ấy?” rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] ít hơn đi đên. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khmi thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú

khác chưa đi đến." Các vi ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mat đi! Các vị này biên mat đi! Ai mà cân đên các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Khi Giới bon (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vi ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (Patimokkho) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 8. Này các Tỳ-khiru, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: uCác vị này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bôn (Pâtimokkha) vừa được đọc tụng xong bởi các vi ây, trong khi tập thê chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ . r . . ỉ : r [nghĩ răng]: "Các vi này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đên các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Khi Giới bổn (Pãtimokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã r được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaya, 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Uposatha, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vị ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rang]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi y?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha). Khi Giới bôn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ây, một sô vị ở tập thê đã

đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (Pãtỉmokkhă) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vi này tiêu mát đi! Các vị này biên mat đi! Ai mà cân đên các vi ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bôn (Pãtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị áy, một sô vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Các vi đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự

tính chia rẽ . r . 9 r r : \ f

[nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đên các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Khi Giới bổn (Patimokkho) vừa được đọc tụng xong bởi các vi ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 13. Này các Tỳ-khiru, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.„ Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Khi Giới bổn (Pâtỉmokkhă) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, Giới bon (Pâtỉmokkhă) nên được đọc tụng lại bởi các vi Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: “Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi gy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă). Khi Giới bon (Pātimokkhd) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phân đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tót đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya.

II. CHƯƠNG ƯPOSATHA 163

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bôn vị hoặc hơn. Các vi ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mat đi! Các vị này biên mat đi! Ai mà cân đên các vi ấy?" rồi thực hiện lễ Uposatha và đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha). Khi Giới bổn (Pātimokkha) vừa được đọc tụng xong bởi các vi ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Ty-khiru thường trú khác [có so lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vi ấy. Các vị đọc tụng phạm tội Thullaccaya. Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ. Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

L Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Uposatha, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “Các vị Tỳ-khiru thường tru khác đang đi vào trong ranh gi&i",...(nt).. Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh gi&i", ...(nt).. Các vi ấy không nhìn thấy các vi Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt).. Các vi ấy không nhìn thấy các vị Tỳ"khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt)...Các vị ấy không nghe rằng: "Các vi Tỳ-khưu thường tru khác đang đi vào trong ranh gi&i", ...(nt).. Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong

ranh giớf\ ...(nt).. Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị thường trú với vị thường trú, vê vi vãng lai với vị thường tru, vê vị thường trú với vi vãng lai, ve vị vãng lai với vi vãng lai, bang cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười bôn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nêu các vị thường trú [có sô lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vi thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vi thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường tru nên thuận theo các vị vãng lai. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười bôn là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nêu các vị thường trú [có sô lượng] nhiêu hơn thì các vi vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nêu [có SÔ lượng] tương đương thì các vi vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nêu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khiru vãng lai. Nêu các vị thường tru [có sô

lượng] nhiêu hơn và các vị thường trú không mong muôn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ Uposatha. Nếu [có số lượng] tương đương và các vi thường trú không mong muôn thì không nên ban cho sự hợp nhát đên các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới roi tiến hành lễ Uposatha. Nêu các vị vãng lai [có so lượng] nhiều hơn thì các vị thường tru nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thuơng trú, ngày đâu tháng là của các Tỳ-khiru vãng lai. Nêu các vị thường trú [có sô lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nêu các vị vãng lai [có so lượng] nhiều hơn và các vi vãng lai không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ Uposatha. 6. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu , . < • 2 . • • ỉ hiện của việc cư trú, đặc diêm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dâu hiệu của việc cư trú của các Tỳ-khưu thường tru [như là] giường ghế, nệm gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí, phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: “C6 các Tỳ-khưu thường trú hay không c6?” Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm roi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Dukkata. Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lê Uposatha thì vô tội. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thay, sau khi nhìn thay roi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: “Các vi này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ

Uposatha thì phạm tội Thullaccaya. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư tru, dấu hiệu của việc cư trú của các Tỵ-khưu thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "C6 các Tỳ-khưu thường trú hay không c6?" Các vi nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm roi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Dukkaịa. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha thì vô tội. Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ

thì phạm tội Dukkata. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: “Các vi này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Thullaccaya. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ5 vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: "C6 các vi Tỳ-khưu vãng lai hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Dukkata. Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành]ễ Uposatha thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thây roi tiên hành lê Uposatha riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: “Các vị này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Thullaccaya. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đen của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "C6 các vị Tỳ-khiru vãng lai hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Dukkata. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiêm không nhìn thây, sau khi không nhìn thây roi tiên hành lê Uposatha thì vô tội. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ Uposatha thì phạm tội Thullaccaya. 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ- khưu thường trú thuộc

nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng tru, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ Uposatha chung thì phạm tội Dukkata. Các vị ây hỏi, sau khi hỏi vân không xác quyêt, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ thì vô tội.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thây các Tỳ- khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng tru khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác roi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ Uposatha chung thì phạm tội Dukkaía. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vị ây hỏi, sau khi hỏi roi xác quyêt, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khiru thường trú nhìn thây các Tỳ- khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ Uposatha chung thì phạm tội Dukkata. Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ Uposatha riêng rẽ thì vô tội. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ Uposatha chung thì phạm tội Dukkata. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi roi xác quyêt, sau khi xác quyêt lại tiên hành lê Uposatha riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ Uposatha chung thì vô tội. 14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khiru, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiêm. 16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu? không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ- khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ- khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ tru ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ- khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 21. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 23. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ- khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 25. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khiru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khiru, nhimg các Tỳ-khmi ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 27. Này các Tỳ-khiru? vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Ty-khưu, nhưng các Tỳ-khiru ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng tru khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 29. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khiru, không nên đi đen nơi không phải là chỗ trú ngụ

CÓ Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ tru ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhimg các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu5 có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng tru, nêu biêt răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.,, 33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu5 có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ tru ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở

nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nêu biêt răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.,, 34. Này các Tỳ-khiru, vào ngày lễ Uposatha. vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khim ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, 35. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Uposatha, vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng tru, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 36. Này các Tỳ-khưu5 không nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) đến hội chúng đã ngồi xuống, có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. 37. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) đến hội chúng đã ngôi xuông, có cô Ni tu tập sự ...(nt).. có vị Sa-di ...(nt).. có vị Sa-di- ni ...(nt).. có người đã xả bỏ sự học tập ..(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. 38. Không nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bi án treo về việc không nhìn nhận tội; vi nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp. 39. Không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhd) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bi án treo về việc không sửa chữa 16i ...(nt).. đến hội chúng đã ngồi xuông, có vị bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp. 40. Này các Tỳ-khưu9 không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhd) đến hội chúng đã ngôi xuông, có kẻ vô căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata.

41. Không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đến hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)...có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt).. có loài thú ...(nt)... có kẻ giết mẹ ..(nt)... có kẻ giết cha ...(nt).. có kẻ giết A-la-hán ...(nt).. có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... có kẻ chia rẽ hội chúng •.(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vi nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. 42. Này các Tỳ-khưu9 không nên tiến hành lễ Uposatha với việc trao ra sự trong sạch của vị hành Parivâsa. trừ phi tập thể còn chưa đứng lên. 43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ Uposatha không nhằm ngày Uposatha, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng. Dứt chương Uposatha là thứ nhì. Tụng phẩm thứ ba.

Trong chương này có tám mươi sáu sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Những người ngoại đạo và đức Vua Bimbisâra, [cho phép] tụ hội, [ngồi] im lặng, [giảng] giáo pháp, nơi thanh vắng, Giới bổn (Pãtimokkhă), [đọc tụng] hàng ngày, rồi một lần. 2. Tùy theo tập thê, của các vị hợp nhát, có sự hợp nhát và ở Maddakucchi, ranh giới lớn, dòng sông, ở dãy phòng, tại hai chỗ và các [ranh giới] nhỏ. 3 Các vi mới tu và ở Rājagaha nữa, ranh giới với sự không xa lìa, điều làm trước trong việc ấn định ranh giới và điều làm sau trong việc hủy bỏ ranh giới. 4. Ranh giới làng là không ân định, ở sông, ở biên, ở ao hô, việc ném ra bụm nước, các vị làm gối lên và tương tợ như thế ấy, các vị làm trùm lên. 5. Bao nhiêu cách hành sự? Việc đọc tụng, các kẻ lục lâm và lúc không có,

Pháp, Luật, các vị hăm dọa, lại thêm sự hăm dọa vì Luật. 6. Việc kết tội, khi đã thỉnh ý, việc phản đối [hành sự] sai Pháp, bốn năm vị5 các vị khác bày tỏ [quan điểm], nếu cố ý [không cho nghe], trong sự nỗ lực. 7. Có sự hiện diện của cư sĩ5 các vị chưa được mời thỉnh ở Codanā, vi không biết, nhiều vị không biết, ngay trong hôm ấy và các vị không đi. 8. [Là ngày] thứ mấy? Có bao nhiêu? [Khất thực] ở vùng xa và đã không nhớ để thông báo, có rác bẩn, chỗ ngồi, đèn, [đi] phương xa, vị khác là vị nghe nhiều. 9. Ngay hôm ấy9 lễ Uposatha của mùa [an cư] mưa, trong sạch và hành sự, các thân quyến, vị Gagga, [lễ Uposatha của] bốn, ba, hai, một vị, sự phạm tội, tội đồng phạm, đã nhớ ra. 10. Toàn bộ hội chúng có sự nghi ngờ, các vị không biết, vi nghe nhiều, [có số lượng] nhiều hơn, tương đương, ít hơn, tập thể và khi chưa đứng lên.

11. Một số đã đứng lên, tất cả [đã đứng lên], các vi biết và có sự nghi ngờ, có sự ngần ngại rằng: “vẫn là được phép", trong khi biết, trong khi nhìn thấy và các vị nghe được. 12. về vị vãng lai với vị thường trú, thêm nữa là ngày mười bốn và mười lăm, ngày đầu tháng, ngày mười lăm, hiện tướng và việc đồng cộng trú, ở cả hai [trường hợp]. 13. Vị thực hành Parỉvãsa, không nhăm ngày Uposatha, trừ phi vào lúc . \ r y r

hợp nhát hội chúng. Những điêu tóm tát được chia chẻ này là đâu môi làm rõ các sự việc. —ooOoo—

ni. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. 2. Vào lúc bấy giờ, việc cư tru mùa mưa chưa được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu. 3. Trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. 4. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi Ả /\ r /x , r k , làm tô trên các ngọn cây cũng bám víu và sông cô định trong mùa cư trú mưa. Còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. Các vi đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi." 5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. 6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 7. Khi ấy, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa. 8. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Khi nào thì nên vào mùa [an cư] mua?” 9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa trong mùa mưa. 10. Sau đó, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu thời điểm vào mùa [an cư] mua?" 11. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, đây là hai thời điểm vào mùa

[an cư] mưa: Thời điểm trước và thời điểm sau. Thời điểm trước thì nên vào nhằm ngày kế của [ngày trăng tròn] tháng ĀsāḶha, thời điểm sau thì nên vào khi [ngày trăng tròn] tháng

Āsālha đã trôi qua một tháng.1 Này các Tỳ-khiru, đây là hai thời điểm vào mùa [an cư] mưa. 12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mưa. 13. Dân chúng lại phàn nàn, phê phán, chê bai giông y như thê: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sông của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giêt hại hàng loạt nhiêu chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim . M' ‘• A ~ Jk M này sau khi làm tô trên các ngọn cây cũng bám víu và sông cô định trong mùa cư trú mưa; còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mua nong va ca trong mua mưa nữa. Các vi đang giam đạp len các loại co xanh, đang hãm hại mạng song của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi.„ 14. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mua?” 15. Sau đó, các vị Tỳ-khxru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 16. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu5 sau khi đã vào mùa [an cư] mưa, không nên không cư trú ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra di, du hành; vị nào ra đi thì phạm tội Dukkata. 17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không chịu vào mùa [an cư] mưa. 18 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên không vào mùa [an cư] mưa; vị nào không vào thì phạm tội Dukkata, 19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có ý đinh không vào mùa [an cư] mưa nên cô tình bỏ đi khỏi chô trú ngụ vào ngày [đâu tiên] của thời điểm vào mùa [an cư] mưa. 20. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru9 vào ngày [đâu tiên] của thời diêm vào mùa [an cư] mưa, vị có ý đinh không vào mùa [an cư] mưa không nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ; vị nào bỏ đi thì phạm tội Dukkata.

1 Tính theo âm lịch của Việt Nam, nếu không có tháng nhuần thì thời điểm trước là ngày 16 tháng 6, thời điểm sau là ngày 16 tháng 7 (ND).

21. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định dời lại mùa [an cư] mưa nên đã phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: "Nêu các ngài Đại đức có thể vào mùa [an cư] mưa nhằm vào ngày rằm sắp đến?" 22. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuận theo các vị vua. 23. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành

Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 24. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosalaṃ trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi nam cư sĩ Udena. 25. Vi ấy đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: r r r Xin các ngài Đại đức hãy đi đên. Tôi muôn Cling dường vật thí, muôn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu. 26. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: -Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Sau khi đã vào mùa [an cư] mua, không nên không an cư ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra đi du hành." Nam cư sĩ Udena hãy chờ đợi trong khi các Tỳ-khiru sống mùa [an cư] mưa, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa rồi [các vị] sẽ đi đến. Nếu vị ấy có việc cấp bách cần làm thì hãy cho thiết lập trú xá trong sự hiện diện của các Tỳ-khưu thường trú ở ngay tại nơi ấy. 27. Nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao các ngài Đại đức khi đã được tôi phái người đi [thỉnh mời] lại không đi đến? Chính tôi là người thí chủ, là người phục vụ và là người hộ độ hội chúng mà. 28. Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai. 29. Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ- khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khiru, Tỳ-khưu-ni9 cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc, có the giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội . . r r Ạ

chúng bởi vị nam cư sĩ. Nêu vi ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: “Xin các ngài Đại đức hãy đi đên. Tôi muôn cúng dường vật thí, muôn nghe

pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu?5 Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 31. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp nhà một mái được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cong ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà làm thành được phép được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giêng nước được cho xây... gian nhà ở giêng nước được cho xây... phòng tắm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây... hồ trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... tu viện được cho xây... khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: “Xin các ngài Đại đức hãy đi đên. Tôi muôn cúng dường vật thí, muôn nghe pháp và muôn nhìn thây các vị Ty-khuu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong

bảy ngày. 32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây5 tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu ...(rít)...dành cho một vị Tỳ-khưu bởi vị nam cư sĩ. Nêu vị ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ- khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vi TVkhưu." Này các Tỳ-khưu5 nên đi đên khi được thỉnh mời với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 33. Này các Tỳ-khiru, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây? tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đót lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA 175

Tỳ-khưu-ni... dành cho một vi Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự ... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa di... dành cho nhiều vi Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni bởi vi nam cư sĩ. ĩ r e a Nêu vi ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đên. Tôi muôn cúng dường vật thí, muôn nghe pháp và muôn nhìn thây các vị Ty-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đen khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhimg không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây... phòng ngủ được cho xây... kho chứa đô được cho xây... tháp ngăm được cho xây... tòa nhà bôn góc được cho xây... cửa hiệu được cho xây... gian hàng được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cong ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà bếp được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giêng nước được cho xây... gian nhà ở giêng nước được cho xây... y phòng tăm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tăm hơi được cho xây... hô trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... khu vườn được cho xây... khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng vì nhu cầu của bản thân bởi vị nam cư sĩ... hoặc có đám cưới của con trai... hoặc có đám cưới của con gái... hoặc vi ấy bị bệnh... hoặc vi ấy đọc lại bài kinh noi tiếng. Nêu vị ấy phái sứ giả đen gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bi quên lãng?9

Hoặc vi ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vi Ty-khuu/9 Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 35. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội r r r chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nêu người nữ ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: "Xin các ngài hãy đi đên. Tôi muôn cúng dường vật thí, muôn nghe pháp và muôn nhìn thây các vị Ty-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đên khi được thỉnh mời với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở ve nên được thực hiện trong bảy ngày. 36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi

được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vi nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muôn nghe pháp và muôn nhìn thây các vị Tykhưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đên khi được thỉnh mời với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây, phòng ngủ được cho xây, kho chứa đo được cho xây, tháp ngam được cho xây, tòa nhà bon góc được cho xây, cửa hiệu được cho xây, gian hàng được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cong ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà bếp được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, khu vườn được cho xây, khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vi Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vi Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu cầu của bản thân bởi vị nữ cư sĩ. Hoặc có đám cưới của con trai. Hoặc có đám cưới của con gái. Hoặc vị ây bị bệnh. Hoặc vi ây đọc lại bài kinh nôi tiêng. Nêu người nữ ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói răng: "Xin các ngài hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này tniớc khi bài kinh này bị quen lang?9 Hoặc người nữ ấy có công việc gì khác can phải làm. Nêu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật

thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị yỳ-khưu.” Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây5 tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khmi... dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khưu-ni... dành cho hội chúng bởi cô Ni tu tập sự... dành cho

hội chúng bởi vị Sa-di... dành cho hội chúng bởi vị Sa-di-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vi Tỳ-khun-ni... dành cho một vi Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vi Sa-di... dành cho một vi Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu \ c ve _ • r / r câu của bản thân bởi vị Sa-di-ni. Nêu cô ây phái sứ giả đên gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vi Tỳ-khưu.^, Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 39. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Vị ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: uBởi vì tôi bi bệnh. Xin các vị Tỳ"khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khưu.” 40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 7 r -Này các Tỳ-khưu, với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày của năm hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni? cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni5 Ta cho phép đi dâu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót. Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người này, Ta cho phép đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 41. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các T'-khưu" Này các Tỳ-khưu, với công việc có the giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ răng]: “Ta sẽ tìm kiêm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 42. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nêu vi ây phái sứ giả đi đên gặp các Tỳ-khưu [nói răng]: “C6 sự bực bội đã sanh khởi đên tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các Ty-khưu.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm diu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu di, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc

trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 43. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vi Tỳ- khiru. Nêu vị ây phái sứ giả đi đên gặp các Tỳ-khưu [nói răng]: "C6 nôi nghi hoặc đã sanh khởi đên tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đến của các Tỳ-khưu.^^ Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dâu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót

[nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vi ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiên sanh khởi đên vị Tỳ-khưu. Nêu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: “C6 tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các vi Tỳ-khiru hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ- khưu.^^ Này các Tỳ-khưu? với công việc có the giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: “Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 45. Này các Tỳ-khxru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội nặng và là xứng đáng hình phạt Parivãsa. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parỉvâsa. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khuu?9 Này các Tỳ- khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt Parivãsa. hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nh6m." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: “Bỏi vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khưu.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nh6m." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mãnatta, Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: uBởi vì tôi xứng đáng hình phạt Mânatta, Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khuu7, Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu khôn^ được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ răng]: “Ta sẽ nô lực vê việc ban cho hình phạt Mãnatta. hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm?9 Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 48. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khiru [nói rằng]: "B&i vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ- khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có the giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dâu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nh6m." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đen vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng] : "Hội chúng có ý đinh thực hiện hành sự đen tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đen. Tôi mong muốn sự đi đến của các T'-khiru." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?" Việc trở vê nên được thực hiện trong bảy ngày. . . 50. Hoặc là khi hành sự khiên trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuôi, hoặc hòa .• r r .., giải, hoặc án treo đã được tiên hành đên vị ây. Nêu vị ây phái sứ giả đi đên gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin các vi Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các T-khưu" Này các Tỳ- khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu khônệ được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rang]: “Làm the nào đe vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự y?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 51. Này các Tỳ-khưu? trường h vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Nếu vi Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rang]: "Bởi vì tôi bi bệnh. Xin các ngài hãy đi đen. Tôi mong muốn sự đi đen của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có the giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiêm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 52. Này các Tỳ-khưu? trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vi Tỳ-khưu- ni. Nếu vi Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khiru [nói rằng]: "C6 sự bực bội đã sanh khởi đên tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có the giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ răng]: "Ta sẽ làm dịu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Tỳ- khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phai sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "C0 nỗi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngai." Này các Tỳ-khưu, với c6ng việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dâu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị Tỳ-khtru-ni. Nếu vi Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "C6 tà kiến đã sanh khởi đên tôi. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được

thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: “Ta sẽ phân giải tà kiên, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiên hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 55. Này các Tỳ-khiru? trường hợp vị Tỳ-khưu-ni phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Mânatta. Nếu vi Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Mãnatta. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ răng]: "Ta sẽ nô lực vê việc ban cho hình phạt Mãnattay Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 56. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vi Tỳ-khưu-ni là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vi Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "B&i vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài.^, Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban dầu." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 57. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vi Tỳ-khưu-ni là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc giải tQi." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vi Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: uHội chúng có ý định thực hiện hành sự đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: uLàm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?^, Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 59. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vi Ni ấy. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin r r r các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài." Này các Tỳ-khưu,

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA 181

9 r y với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi dâu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ ràng]: “Làm thế nào để vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự ấy?” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Ni tu tập sự bi bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của các ngài.” Này các Tỳ-khưu? với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: “Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục

vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Ni tu tập sụ*. ...(nt).. có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Ni tu tập sự....(nt)...các điều học của vị Ni tu tập sự bị gián đoạn. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khmi [nói rằng]: “Các điều học của tôi bị gián đoạn. Xin các ngài hãy đi đên. Tôi mongL muôn sự đi đên của : • 9 • o .

các ngai." Này các Tỳ-khiru, với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 62. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Ni tu tập sự có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: uBởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngi."Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ răng]: "Ta sẽ nô lực vê việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.,, Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di bị bệnh. Nếu vi ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khim [nói rằng]: "B&i vì tôi bi bệnh. Xin các vi Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khưu.” Này các Tỳ-khmi, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phàm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở vê nên được thực hiện trong bảy ngày. 64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vi Sa-di. ... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di.... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di.... VỊ Sa-di co y muôn hoi ve mua [an cư] mưa. Nêu vi áy phai sư gia đi đen gặp

các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tykhưu.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các vi Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Ty-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dâu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ rang]: "Ta sẽ nỗ lực ve việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm.,, Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đen. Tôi mong muốn sự đi đen của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho

người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ..(nt)... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ,..(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di-ni.…(nt)... vi Sa-di-ni có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì toi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài.,, Này các Tỳ-khiru, với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở ve nên được thực hiện trong bảy ngày. 68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni có ý muốn thọ trì điều học. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: 'B&i vì tôi có ý muốn thọ trì điều học. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngai?9 Này các Tỳ-khưu, với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rang]: "Ta sẽ nỗ lực • về việc • thọ• trì các điều học.^, Việc trở về nên được •••thực hiện trong bảy ngày. 69. Vào lúc bây giờ, người mẹ của vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Bà ây đã nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của người con trai.” 70. Khi ấy, vi Tỳ"khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy định với công việc có the giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người thì nên đi

khi được thỉnh mời, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Với công việc có the giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Và đây là mẹ của ta, lại bị bệnh. Và bà không phải là nữ cư sĩ. Vậy ta nên thực hành như thế nao?^ 71. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép với công việc có the giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập SỊT, Sa-di, Sa- di-ni, mẹ và cha thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người mẹ của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu bà ây nhờ sứ giả đi đên gặp người con trai [nói răng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của người con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nêu được thỉnh mời thì càng tót [nghĩ răng]: “Ta sẽ tìm kiêm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiêm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục A o 9 y vụ.” Việc trở vê nên được thực hiện trong bảy ngày. 73. Này các Tỳ-khưu? trường hợp người cha của vi Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu Ông ây nhờ sứ giả đi đên gặp người con trai [nói răng]: “Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của đứa con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn

cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ.” Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người anh [em] trai của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nêu người ây nhờ sứ giả đi đên gặp người anh [em] trai [nói răng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đên. Tôi mong muôn sự đi đên của người anh [em] trai.,, Này các Tỳ-khưu9 với công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 75. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp người chị [em] gái của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu cô ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: “Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh [em] trai.” Này các Tỳ-khmi5 với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

76. Này các Tỳ-khưu, trường hợp thân quyến của vị Tỳ-khưu bi bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của Đại dức.” Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 77. Này các Tỳ-khiru, trường hợp người phụ giúp công việc cho vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nấu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các vị Tỳ- khưu." Này các Tỳ-khiru, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. 78. Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Có nam cư sĩ nọ đã cho xẻ một sô ở trong rừng. Người ây đã phái sứ giả đi đên gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Nêu các Đại đức có thể cho chuyển đi so gỗ ấy thì tôi sẽ dâng số gỗ ấy đến các Đại đức/9 Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi với công việc cần phải làm của hội chúng. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày. Dứt tụng phẩm về việc cư trú mùa mưa.

L Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bi khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng đã vồ lấy, chúng đã giết hại. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng vồ lấy, chúng giết hại. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vi Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuây nhiêu bởi các loài răn. Chúng căn? chúng giêt hại. [Nghĩ răng]: “Chính điều này là sự chướng ngại!,, rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 3 Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khxru đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi những kẻ trộm cướp. Chúng cướp đoạt, chúng đánh đập. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!,^ rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các

yêu tinh. Chúng nhập vào [thân], đoạt lấy thần trí. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!,, rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA 185

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vi Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vi Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ răng]: “Chính điêu này là sự chướng ngại!” roi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 6. Này các Tỳ-khiru, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vi Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: “Chính điều này là sự chướng ngại!” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bi nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ rằng]: “Chính điều này là sự chướng ngại!” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc ỉ căt đứt mùa [an cư] mưa. 8. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị Tỳ-khiru đã vào mùa [an cư] mưa bị nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 9. Vào lúc bấy giờ, ngôi làng mà các vi Tỳ-khiru đã vào mùa [an cư] mưa ở tại trú xứ nọ đã di chuyên vì bọn trộm cướp. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến ngôi làng.2 Ngôi làng đã bị tách ra làm hai. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đi đến nhóm đông hơn. Nhóm đông hơn không có đức tin, không lòng mộ đạo. Các vị đã trình sự việc ây len đức The T6n. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến nhóm có đức tin, có lòng mộ đạo.

10. Vào lúc bấy giờ, tại tru xứ nọ trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khiru vào mùa [an cư] mưa đã không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa, không nhận được sự đây đủ theo nhu câu vê thức ăn thô thiên hoặc hảo hạng. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngai!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khiru đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, [nhưng] không nhận được các thức ăn thích hợp. [Nghĩ rằng]: “Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

2 Nếu ngôi làng di chuyển không xạ thì vẫn nên cư trú tại chính trú xá ấy và đi đến chỗ ở mới của ngôi làng để khất thực, nếu xạ thì có thể đi theo trường hợp bảy ngày, nếu không thể làm vậy thì có thể trú ngụ cùng dân làng tại chỗ ở mới (VìnA. v 1070).

186 ĐẠI PHẨM

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đay đủ theo nhu cau ve thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, [nhưng] không nhận được các dược phẩm thích hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp,

nhận được các dược phẩm thích hợp, [nhưng] không nhận được người phục vụ phù hợp. [Nghi rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" roi nên ra đi. Vô tội cho việc cat đứt mùa [an cư] mưa. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người phụ nữ thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Thua ngài, hãy đến, tôi cho ngài vàng khối, hoặc tôi cho ngài vàng ròng, hoặc tôi cho ngài ruộng, hoặc tôi cho ngài vườn, hoặc tôi cho ngài bò đực, hoặc tôi cho ngài bò cái, hoặc tôi cho ngài tôi trai, hoặc tôi cho ngài tớ gái, hoặc tồi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc tôi trở thành vợ của ngài, hoặc tôi đưa đến cho ngài người vợ khC."Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khiru khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp cô gái diêm thỉnh mời ...(lít)... cô gái lỡ thời thỉnh m&i ...(nt).. kẻ vô căn thỉnh mời ...(nt)... các thân quyến thỉnh mời ..(nt).. các vị vua thỉnh mời ...(ĩ!t)... những kẻ trộm cướp thỉnh mời ...(nt).. những kẻ vô lại thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa rằng: "Thua ngài, hãy đến, chúng tôi cho ngài vàng khối, hoặc chúng tôi cho ngài vàng ròng, hoặc chúng tôi cho ngài ruộng, hoặc chúng tôi cho ngài vườn, hoặc chúng tôi cho ngài bò đực, hoặc chúng tôi cho ngài bò cái, hoặc chúng tôi cho ngài tôi trai, hoặc chúng tôi cho ngài tớ gái, hoặc chúng tôi cho ngài con gái ruột để làm vq, hoặc chúng tôi đưa đến cho ngài người vợ khác.,, Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ- khưu khởi ý như vầy: "Bức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thấy của cải chôn giấu không có chủ. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thay nhiều vị Tỳ-khưu đang ra sức chia rẽ hội chúng. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Dức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diên" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA 187

18. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được răng: “Nghe nói ở trú xứ kia, nhiêu vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chilĩig." Trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diên” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: “Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại dức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” roi nên ra đi. Vô tội cho việc căt đứt mùa [an cư] mưa. 20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vi Tỳ-khưu ra sức chia rẽ

hội chúng.^, Trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vi Tỳ-khưu ây không phải là những người bạn của ta. Tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khuu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khiru đã chia rẽ hội chhng." Trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 22. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vi Tỳ-khưu đã chia rẽ hội chiing.” Trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 23. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được răng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội

chúng.,, Trường hợp ây, nêu vị Tỳ-khiru khởi ý như vây: "Các vị Tỳ-khưu-ni ây là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rang: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lang nghe, họ sẽ đê vào tai” roi nên ra đi. Vô tội cho việc cat đứt mùa [an cư] mưa. 24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được răng: “Nghe nói ở trú xứ kia, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ây, nêu vi Tỳ-khưu khởi ý như vây: “Các vị Tỳ-khưu-ni ây không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chứng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 25. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khmi đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở tru xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng/9 Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khiru-ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ây răng: 'Này các chị gái, đức Thê Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lang nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa. 26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru

đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng.^, Trường hợp ấy, nếu vi Tỳ-khxru khởi ý như vầy: "Các vi Tỳ-khưu-ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chi gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có vui mừng với việc chia rẽ hội chúng/ Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai” rồi nên ra đi. : . e ỉ Vô tội cho việc cat đứt mùa [an cư] mưa. 27. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ có ý định vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc. Khu rào gia súc di chuyển. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển theo khu rào gia súc.

28. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đến gần, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định đi theo đoàn xe tải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong xe tải.

m. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA 189

29. Vào lúc bây giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đên gân, có vị Tỳ- khưu nọ có ý định đi theo chiếc thuyền. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong chiếc thuyền.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như là các yêu tinh." Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây; vị nào vào thì phạm tội Dukkata, 31. Vào lúc bấy giờ? các Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như là các người săn Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? không nên vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây; vi nào vào thì phạm tội Dukkata. 32. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời. Trong khi trời mua, các vị chạy đến gốc cây, đến hốc cây nimba. Các vị đã trình sự •A Ặ Ặrr\ việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, không nên vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời; vi nào vào thì phạm tội Dukkata. 33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa không có chỗ tru ngụ nên bị khó nhọc bởi vì sự lạnh, bởi vì sự nóng. Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 vi không có chỗ trú ngụ không nên vào mùa [an cư] mưa; vi nào vào thì phạm tội Dukkata. 34. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người thiêu xác chết.„ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi; vị nào vào thì phạm tội Dukkata. 35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người chăn b6.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che; vi nào vào thì phạm tội Dukkata, 36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung. Dân chúng phàn

nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giông như là những kẻ ngoại dạo.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung; vi nào vào thì phạm tội Dukkata.

37. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở thành Sāvatthi thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mua." Người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migâra, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này đạo hữu, hội chúng thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa.,^ Này đạo hữu, hãy chờ đến khi các vị Tỳ- khưu trải qua mùa [an cư] mưa; khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vị sẽ cho xuất gia. 38. Sau đó, khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vi Tỳ-khưu ấy đã nói với người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migâra điều này: -Này đạo hữu, giờ đây, hãy đi đến và hãy xuất gia. Người ấy đã nói như vầy: Thưa các ngài, nêu tôi đã được xuât gia thì tôi còn có thê vui thích. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia. Bà Visākhā, mẹ của Migâra phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các ngài Đại đức lại thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: 'Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mua', có khi nào mà giáo pháp lại không được thực hành?^,

39. Các Tỳ-khưu đã nghe được bà Visākhā, mẹ của Migâra phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: "Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mua.” Vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 40. Vào lúc bấy giờ, chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã được Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā nhận lời cho thời điểm trước. 41. Trong khi đi đến chỗ cư tru ấy, vào khoảng giữa đường, vi ấy đã nhìn thây hai trú xứ có nhiêu y. Vi ây đã khởi ý điêu này: "Hay là ta nên sông mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?" 42. Vị ấy đã sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao ngài Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của chúng tôi lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?" 43. Các Tỳ-khưu đã nghe được đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuôi lời? Không phải răng đức The Tôn bang nhiều phương thức đã khiên trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?"

44. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā rằng: Này upananda, nghe nói ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời, có đúng không vậy? -

Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Này kẻ rô dại, không phải Ta băng nhiêu phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao? Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 45. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đen chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường, vị ấy nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vi ấy khởi ý như vầy: "Hay là ta nên sông mùa [an cư] mưa ở hai tru xứ này, như thê có nhiêu y sẽ được phát sanh đên ta?" Vị ấy sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Này các Tỳ-khưu, đối với vi Tỳ-khưu ấy5 thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, VỊ ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đàu tháng.3 Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khxru, đối với vị Tỳ- khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư tru mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đên được trú xá vào ngày đâu tháng. Vị ây sáp đặt chô trú ngụ, đem lại nước uông, nước rửa, quét phòng óc. Roi ngay ngày hôm ây9 vị ây ra đi, có công việc cân thiêt. Này các Tỳ-khưu, đôi với vị Tỳ-khưu ây5 thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 48. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư tru ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ây ra đi, không vì công việc cân thiêt. Này các Tỳ-khưu5 đôi với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời.

3Tức là ngày 16 tháng 6 theo âm lịch của Việt Nạm nếu không có tháng nhuần. Việc tính âm lịch theo nửa tháng trang hiện đang được sử dụng ở một số quốc gia (ND).

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đâu tháng. Vị ây săp đặt chô tru ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi song hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư tru ấy, vi ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vi ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra di, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy

ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu5 đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 51. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vi ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được tru xá vào ngày đầu tháng. Vị ẩy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vi ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khiru, thời điểm trước của vi Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 52. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước lễ Pavāranā. vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khuu ấy có thể trở lại chỗ cư tru ấy hoặc không có thể trở lại,4 này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư tru mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư tru ấy, thực hiện lễ ưposatha và đên được trú xá vào ngày đâu tháng. Vị ây sáp đặt chô trú ngụ, đem lại nước uông, nước rửa, quét phòng óc. Roi ngay ngày hôm ây, vị ây ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu? đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ Uposatha và đên được trú xá vào ngày đâu tháng. Vi ây săp đặt chô trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi song hai ba ngày, vị ấy ra di, có công việc

4 "... na vā āgaccheyyā là 4tkhông có thể trở lại" không nên hiểu ucó thể không trở lai" (ND).

cân thiet. ...(nt)... Sau khi s6ng hai ba ngày, vị áy ra đi, bởi công việc có thê giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, đối với vi Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vi ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ Uposatha và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày lễ Pavāranā, vị ấy ra di, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chô cư trú ây hoặc không có thê trở lại, này các Tỳ-khưu? thời diêm trước của vi Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm

sau. Trong khi đi đến chỗ cư tru ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được tru xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uông, nước rửa, quét phòng óc. Roi ngay ngày hôm ây, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 57. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vi ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đen chỗ cư trú ấy, vi ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được tru xá vào ngày đầu tháng. Vi ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khiru, thời điểm sau của vi Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 59. Này các Tỳ-khiru, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vi ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu5 thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vi ấy thực hiện lễ

Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vi ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vi ây ra đi, bởi công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày. Vi ây vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khiru, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được tru xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có the giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở vê trong [thời hạn] bảy ngày ây. Này các Tỳ-khưu, thời diêm sau của vi Tỳ- khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư tru mùa mưa đã được vi Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng Kattĩka là ngày lễ hội Cãtumãsinự vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư tm ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vi Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. 63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ Uposatha và đên được trú

xá vào ngày đâu tháng. Vi ây săp đặt chô trú ngụ, đem lại nước uông, nước rửa, quét phòng óc. Roi ngay ngày hôm ây, vị ây ra di, không vì công việc cân thiêt. Này các Tỳ-khiru, thời diêm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. 64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vi ấy sau khi đi đến chỗ cư tru ấy, thực hiện lễ Uposatha và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngu, đem lại nước uông, nước rửa, quét phòng óc. Roi ngay ngày hôm ây, vị ây ra đi, CÓ công việc cân thiêt. ...(nt)... Sau khi sông hai ba ngày, vị ây ra di, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cân thiêt. ..(nt)... Sau khi sông hai ba ngày, vi ây ra đi, bởi công việc có thê giải quyêt trong bảy ngày. Vị ây vượt quá [thời hạn] bảy ngày ây ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội Dukkata ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vi Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

5 Tức là rằm tháng Mười âm lịch (ND).

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ Uposatha và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng Kattika là ngày lê hội Cātumāsiñī. vị ây ra đi do công việc cân thiêt. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời diêm sau của vị Tỳ-khưu ây được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời. Dứt chương 66Vào mùa mưaw là thứ ba.

Trong chương này có năm mươi hai sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. [Cho phép] vào mùa [an cư mưa] và luôn cả khi nào? Bao nhiêu [thời điểm] và trong mùa [an cư] mưa, các vị không muốn và cố tình [bỏ đi], [muốn] dời lại, người nam cư sĩ. 2. Vi bị bệnh, mẹ và cha, anh [em] trai và thân quyến, người làm công việc cho các Tỳ-khxru, trú xá, các thú dữ và các loại rắn nữa. 3. Những kẻ trộm cướp, luôn cả các yêu tinh, với cả hai đều bị cháy, vì nước ngập, [ngôi làng] đã di chuyển, nhóm đông hơn và các thí chủ. 4. [Thức ăn] thô thiên hoặc hảo hạng, dược phàm thh hợp, với người phục vụ, phụ nữ, gái điếm, cô gái lỡ thời, kẻ vô căn và bởi thân quyến. 5. Đức vua, các kẻ cướp, bọn bất lương, của cải chôn giấu và các sự chia rẽ với tám trường hợp, bãi nhốt thú và đoàn xe tải, chiếc thuyền, ở bộng cây và ở chạc ba cây. 6. Sự cư trú mùa mưa ở ngoài trời và với vi không chỗ trú ngụ, các nhà quàng tử thi, ở chiếc lọng che và các vị vào mùa [an cư] mưa ở vại đất nung. 7. Điều thỏa thuận, sau khi nhận lời và các lễ Uposatha ở bên ngoài, các thời điểm trước và các thời điểm sau nên kết hợp theo cách thức như thế. 8. Vi ra đi không vì công việc cân thiêt, và có công việc cân thiêt là tương tợ như the ấy, sau khi song hai ba ngày và bởi công việc trong bảy ngày. 9. Và bảy ngày sắp đến, vị có thể trở lại, hoặc không có thể. về các khoảng giữa ở phân tóm lược các sự việc thì nên xem xét đường lôi của mạch văn. —ooOoo—

IV. CHƯƠNG PAVẢRANẢ . 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, nhiều vị Tỳ-khiru là bạn bè đong quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. 2. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thqc?" 3 Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở vê trước tiên, vi ây săp xép chô ngôi, chuân bi nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khát thực từ làng trở vê sau cùng, nêu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đô xuồng ở nước không có sinh vật. Vi ây xép chô ngôi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, rửa chậu đựng đô thừa roi cát đi, dọn dẹp nước uông, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thây lu nước uông, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hét nước trông trơn, vị ây có thê đem [nước] lại. Nêu vị ây khôngỉ làm9 nôi, có thê ra hiệu băng tay mời vi thứ hai và9 9 * e

CÓ thê đem [nước] lại với dâu hiệu băng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thê phát ra lời nói. Như thê, chúng ta có sự hợp nhát, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực." 4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khát thực từ làng trở vê trước tiên, vị ây săp xép chô ngôi, chuân bi nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, , ỉ < • k L r nêu vật thực được ăn còn thừa lại, nêu muôn thì vị ây ăn; nêu không muôn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đô thừa roi cát đi, dọn dẹp nước uông, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trông trơn, vị ây đem [nước] lại. Nêu không làm nôi, vị ây ra hiệu băng tay mời vi thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói.

5. Điều này đã trở thành thông lệ của các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa là đi đến để diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy khi đã sống qua mùa [an cư] mưa với thời gian ba tháng đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi. Tuần tự, các vị đã đi đến Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 6 Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các vị Tỳ-khiru đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có phải đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực không?^, 7. — Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi

việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực. 8. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vi vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không có liên quan đến lợi ích thì không [hỏi], khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt van đe. 9. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử." 10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn khất thực là như thế nào? 11. - Bạch Ngài, trường hợp chúng con gồm nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở xứ Kosala. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy băng phương thức nào có thê sông mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?,, 12. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điêu này: "Nêu chúng ta có thê không nói với nhau và cũng khônệ chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngôi, chuân bi nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nêu muôn có thê ăn; nêu không muôn có thê đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đô xu6ng ở nước không có sinh vật. Vị ây xép chô ngôi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, rửa chậu đựng đò thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc

lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hét nước trông trơn, vi ây có thê đem [nước] lại. Nếu vi ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và có thể đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư! mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ

13. Bạch Ngài, sau đó, chúng con đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khát thực từ làng trở vê trước tiên, vị ây sáp xép chô ngôi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nêu vật thực được ăn còn thừa lại, nêu muôn thì vị ây ăn; nêu không muôn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đô thừa roi cát đi, dọn dẹp nước uông, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hét nước trông trơn, vị ây đem [nước] lại. Nêu không làm nôi, vị ây ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói. Bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bi khó nhọc vì đồ ăn

khất thực là như thế. 14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống một cách không thoải mái lại bảo răng: "Chúng con đã sông một cách thoải Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rô dại này trong khi đã sông với lôi sông chung của loài thú lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái.,, Này các Tỳ- khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài cừu lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mNày các Tỳ-khưu, # a z re • thật ra những kẻ rô dại này trong khi đã sông với lôi cộng trú của những kẻ lười biếng lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ ro dại này lại thọ trì loi thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm; vị nào thọ trì thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, đôi với các Tỳ-khưu đã sông qua mùa [an cư] mưa, Ta cho phép thỉnh câu dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ. Việc ấy sẽ giúp cho các ngươi có được sự hài hòa với nhau, có được sự thoát ra khỏi tội và có được sự tôn vinh Luật. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh câu như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có

năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hôm nay là ngày lê Pavāranā) Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 15. Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chăp tay lên và nên nói như vây: "Này các Sư đệ5 tôi xin thỉnh câu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa.,, 16. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lân thứ nhì tôi xin thỉnh câu hội chúng ...(nt)...Bạch các ngài, lân thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa.” 17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư lại ngôi yên trên chô ngôi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?" 18. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm

thỉnh cầu, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu? 19. Này các Tỳ-khưu? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

1 Pavāranā'. Là danh từ có ý nghĩa là "sịt thỉnh cau^, và còn là tên của buổi lễ dành cho các Tỳ-khưu đã hoàn tất mùa [an cư] mưa thơi điểm trước. Lễ này đã được dịch là Tự tứ. ở ngữ cảnh này, chúng tôi mạn phép giữ nguyên từ Pali cho tên của cuộc lễ. Còn Pavãreti là động từ. Chung tôi sẽ dích theo hai lối là "thỉnh cầif, hoặc "tiến hành lễ Pavāranā" tùy theo ngữ cảnh.

IV. CHƯƠNG PAVĀRANĀ 201

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên ngôi yên trên chô ngôi, trong lúc các Tỳ- khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu; vi nào ngồi yên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép toàn bộ tất cả ngồi chồm hổm để thỉnh câu. 20. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ già yếu ngồi chồm hổm [nghĩ rằng]: "Đến khi tất cả thỉnh cầu xong", trong lúc chờ đợi bị ngất xỉu ngã xuống. 21. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi chồm hổm trong khoảng thời gian chờ đợi cho đến khi thỉnh cầu, sau khi thỉnh cầu thì được ngồi xuống trên chỗ ngồi. 22. Khi ấy, các vị Tỳ-khmi đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu lễ Pavāranal" Các vị đa trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? đây là hai lễ Pavãraụã\ Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ Pavāranā. 23. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu hành sự Pavāranal" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự Pavãraụã: Hành sự Pavāranā sai Pháp theo phe nhóm, hành sự Pavāranā sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự Pavāranā đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự Pavāranā đúng Pháp có sự hợp nhất. 24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Pavāranā sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự Pavāranā có hình thức như thế và hành sự Pavãraụã có hình thức như thế không được Ta cho phép. 25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Pavãrariã sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự Pavāranā có hình thức như thế và hành sự Pavāranā có hình thức như thế không được Ta cho phép. 26. Này các Tỳ-khưu? trường hợp này tức là hành sự Pavāranā đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự Pavârauã có hình thức như the và hành sự Pavāranā có hình thức như the không được Ta cho phép. 27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự Pavāranā đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, nên thực hiện hành sự Pavāranā có hình thức như thế và hành sự Pavāranā có hình thức như thế được Ta cho phép. 28. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự Pavāranā có hình thức như thế tức là "đúng Pháp có sự hợp nhất." Này các Tỳ-khiru, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

202 ĐẠI PHẨM

29. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ Pavāranā.

30. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bi bệnh được trao ra lời thỉnh cầu. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vi Tỳ-khmi bi bệnh nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra lời thỉnh cầu. Hãy chuyển đạt lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thông báo lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thỉnh cầu vì sự lợi ích của t6i.” [Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi nên thực hiện lễ Pavāranā. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khiru chăm sóc bệnh khởi ý như vây: "Nêu chúng ta di chuyên vi bị bệnh dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trâm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong”, này các Tỳ-khiru, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ Pavāranā ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ Pavãraụã bởi hội chúng theo phe nhóm; vi nào thực • thì xphạm hiện • tội• Dukkata. • 31. Này các Tỳ-khưu9 khi lời thỉnh câu đã được trao ra, nêu vị chuyên đạt lời thỉnh cầu từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khiru, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ngay tại chỗ ấy hoàn tục,... từ trần,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng.... được biết là vi bi điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ kho hành hạ,... được biết là vi bi án treo ve việc không nhìn nhận tội.... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác?... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]9... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,...được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni?... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng", được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác. 32. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh câu đã được trao ra, nêu vi chuyên đạt lời thỉnh câu ở khoảng giữa đường lại ra đi [đên nơi khác] thì lời thỉnh câu vân chưa được chuyên đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh câu đã được trao ra, nêu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại hoàn tục,... từ trần,... được

biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bi điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bi thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vi bi án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác,... được biêt là kẻ vô căn,... được biêt là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là

kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ5... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh câu vân chưa được chuyên đạt. 33. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cau đã đen được hội chúng roi ra đi [đen nơi khác] thì lời thỉnh cau đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyên đạt lời thỉnh câu đã đên được hội chúng roi hoàn tục,... từ trân,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực năng,... được biết là vị bi điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bi thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vi bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác,... được biêt là kẻ vô căn,... được biêt là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]?... được biêt là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biêt là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giêt A-la-hán,... được biêt là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-niv.. được biêt là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. 34. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vi chuyển đạt lời thỉnh câu đã đên được hội chúng roi ngủ quên nên không thông báo thì lời thỉnh câu đã được chuyên đạt. Vị chuyên đạt lời thỉnh câu không bị phạm tội. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vi chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đên được hội chúng roi lơ đênh ...(nt).. roi nhập định nên không thông báo, thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội. 35. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh câu đã được trao ra, nêu vị chuyên đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt lời thỉnh cau bị phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ Pavāranā vi trao ra lời thỉnh cầu [đồng thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện. 36. Vào lúc bây giờ, vào ngày lê Pavārariā, các thân quyên đã năm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavãranã, các thân quyến nắm giữ vi Tỳ-khiru lại. Các thân quyên ây nên được các Tỳ-khiru nói như vây: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này frong chốc lát, đến khi nào

vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ Pavãranã xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ây như vậy là tót đẹp. Nêu không đạt được [như thê], các thân quyên ây nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chóc lát, đên khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh câu xong.” Nêu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thê], các thân quyên ây nên được các Tỳ-khiru nói như vây: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đen khi nào hội chúng thực hiện lê Pavāranā xong." Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ Pavāranā bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 37. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vào ngày lê Pavãranã, các đức vua năm giữ

vị Tỳ-khưu lại. ...(nt)... các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt)... những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt).. những kẻ đối nghịch Tỳ-khiru nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đôi nghịch Tỳ-khưu ây nên được các Tỳ-khiru nói như vây: "Nầy các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ Pavāranā xong/5 Nấu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ- khưu ấy nên được các Tỳ-khiru nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chóc lát, đên khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh câu xong.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thê], những kẻ đôi nghịch Tỳ-khiru ây nên được các Tỳ-khiru nói như vầy: uNày các đạo hữu, các người hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chóc lát, đên khi nào hội chúng thực hiện lê Pavāranā xong." Nêu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], vẫn không nên thỉnh cầu bởi hội chúng theo phe nhóm; nếu vị nào thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata, 38. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có năm vị Tỳ- khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Bức Thế Tôn đã quy đinh rằng: 'Hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā" và chúng ta là năm người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ Pavãranã như the nào?" Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh câu hội chúng đôi với năm vị. 39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có bốn vi Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị và chúng ta là bốn người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ Pavāranā như thế nAo?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vi. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh câu như vây: Các vị Tỳ-khiru ây nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

IV. CHƯƠNG PAVĀRANĀ 205

40. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ Pavāranā. Nếu là thời diêm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh câu lân nhau.” Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đáp thượng y một bên vai, ngôi chôm hôm, chăp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ây như vây: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh câu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt).. Này các Sư đệ, lan thứ ba tôi xin thỉnh cau các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa.,, 41. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị các Tỳ-khiru ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lân thứ ba tôi xin thỉnh câu các Đại đức do đã được thây, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa." 42. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-ldiưu ấy đã khởi ý điều này:

"Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị và chúng ta là ba người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ Pavāranā như thế nao?99 _ _ _ r Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị. Và này các Tỳ-khiru, nên thỉnh câu như vây: Các vi Tỳ-khưu ây cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 43. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ Pavãraụã. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau." Vi Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vi các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)...Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa." 44. Vi Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ây như vây: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh câu các Đại đức do đã được thây, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa

chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa.,, 45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ9 vào ngày lễ Pavāranā. có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khtru ấy đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã cho phép thỉnh câu hội chúng đôi với năm vị, thỉnh câu lân nhau đôi với bôn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vi và chúng ta là hai người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ Pavāranā như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu9 nên thỉnh cầu như vầy: Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa." 46. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vi Tỳ-khưu trưởng lão như vây: "Bạch ngài, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài,

lân thứ ba tôi xin thỉnh câu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa.^^ 47. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Pavāranā, có một vi Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã cho phép thỉnh câu hội chúng đôi với năm vi, thỉnh câu lân nhau đôi với bôn vị, thỉnh câu lẫn nhau đối với ba vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vi và ta chỉ có một mình, vậy ta nên thực hiện lễ Pavāranā như thế nao?^ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu, chồ nào các vị Tỳ-khưu thường À 1> 9 • ? D . quay trở vê là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở góc cây, vị Tỳ-khưu ây nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên

thực hiện lễ Pavāranā với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện răng: "H6m nay là lê Pavāranā của t6i." Nêu không chú nguyện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có năm vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vi, rồi thỉnh cầu hội chúng bởi bốn vị. Nếu các vị thỉnh cau thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, trường hợp ở nơi có bon vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyên đạt lời thỉnh câu của một vị, roi thỉnh cầu lẫn nhau bởi ba vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị? rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi hai vi. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyên đạt lời thỉnh câu của một vị, roi chú nguyện bởi một vị. Nêu chú nguyện thì phạm tội Dukkata. 48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi phạm tội vào ngày lễ Pavāranā. Khi ấy, vi Tỳ-khiru ấy đã khởi ý điều này: “Dức Thế Tôn đã quy đinh rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ Pavâranã' và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội vào ngày lễ Pavāranā, Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đen gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngoi chom hom, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "[Dại đức] có thấy [tội ấy] không?,, "Thua có, tôi thấy.” "[Bại đức] hãy thu thúc trong tương lai." 49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ Pavãranã. Này cácTỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại dức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy? tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ Pavāranā nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Pavāranā chỉ vì nguyên nhân ấy. 50. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Dức Thế Tôn đã quy đinh rằng: 'Vị bi phạm tội không nên thỉnh cầu9 và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?,, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì

nhớ ra tội. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khiru ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì có nghi ngờ về sự

phạm tội. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: “Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh câu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh câu chỉ vì nguyên nhân ấy. 51. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Bức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nen trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhaul. *5 và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, vậy chúng ta nên thực hành như thế nàoT' 52. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vị Tỳ-khưu ấy nên phái một vi Tỳ-khxruđi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: “Này Đại dức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy, hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ây trong sự hiện diện của Đại đức'" Nêu việc ây đạt được như thê, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu5 nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 53. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ Pavāranā nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Pavāranā chỉ vì nguyên nhân ấy. 54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ vê sự phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] dứt khỏi hoài nghi, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ Pavārauã nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ Pavāranā chỉ vì nguyên nhân ấy. Dứt tụng phẩm thứ nhất

l. Vào lúc bây giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lê Pavāranā. có nhiêu vi Tỳ- khưu thường trú đã tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.^^ Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton.

2. Này các Tỳ-khxru, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi den/9 Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā, Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu9 các vị Tỳ-khưu ây nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (1) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ9 vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vi ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vi đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vi đã thỉnh cầu. (2) 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ấy không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khiru thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt dẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vi đã thỉnh cầu. (3) 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh càu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vi đã thỉnh cầu. (4) 6. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh càu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vi ấy. Vô tội đối với các vi đã thỉnh cầu. (5) 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhát, roi thực hiện

lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vi ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (6) 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm

lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vi ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ- khưu, các vi Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vi đã thỉnh cầu. (7) 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vi ây vừa thỉnh câu xong, trong khi tập thê chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (8) 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khun thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, CÓ các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] ít hơn đi đên. Các vị đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vi đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (9) 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường tru khác chưa đi đến." Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, một sô vị ở tập thê đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khiru ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (10) 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường tru khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, một sô vi ở tập thê đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vi đã

q x q , r , . thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vi đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (11) 13. Này các Tỳ"khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "C6 những Tỳ-khmi thường trú khác chưa đi d&n.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, CÓ các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] ít hơn đi đên. Các vi đã thỉnh câu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (12) 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ây không biêt rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp

nhất, rồi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vi ây vừa thỉnh câu xong, toàn bộ tập thê đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (13) 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (14) 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ấy không biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, toàn bộ tập thê đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vị đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (15) Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vi ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực

hiện lê Pavāranā. Trong khi các vi ây đang thỉnh câu, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vi Tỳ-khưu ấy nên thỉnh câu lại. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata. (1) 2. Này các Tỳ-khưu? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiêu Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi d©n." Các vị ây tưởng là đúng Pháp, txrởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vi ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh câu. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata. (2) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lê Pavāranā. Trong khi các vị ây đang thỉnh câu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. (3) 4. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi d&n.” Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lê Pavāranā, Khi các vị

ây vừa thỉnh câu xong, có các Tỳ-khmi thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn... tương đương... ít hơn đi đên. ...(nt)... trong -2 e x ị'

khi tập thê chưa đứng lên,... nhiêu hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một sô vị ở tập the đã đứng lên5... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ..(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đên. Các vị đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vị đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ây. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường hợp r

là phe nhóm và có sự nhận biêt là phe nhóm.

l. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ấy biết rang: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vi ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Pavãranã của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Pavãraụã, Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ- khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. (1)

2. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trủ tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: “Lễ Pavāranā của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?” roi thực hiện lê Pavāranā. Trong khi các vị ây đang thỉnh câu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] tương đương đi đên. Các vị đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, các vị còn lại nên thỉnh câu. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata, (2) 3. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp tại trú xứ nọ5 vào ngày lễ Pavāranā. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ây biêt răng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.^, Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Pavãranã của chủng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh câu tót đẹp, các vị còn lại nên thỉnh câu. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata, (3) 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ây biêt răng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ Pavāranā của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ Pavãraụã, Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt)... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt).. trong khi tập thê chưa đứng lên?... nhiêu hơn... tương đương... ít hơn ...(nt).. một sô vị ở tập thê đã đứng lên,... nhiêu hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vi đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” [Nghĩ rằng]: "Lễ Pavāranā vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vi bỏ qua sự ngân ngại roi thực hiện lê Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata, (1) 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

"C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” [Nghĩ rằng]: "Lễ Pavāranā vân được phép thực hiện đôi với chúng ta, chứ không phải không được phép đôi với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngân ngại roi thực hiện lê Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. (2) 3 Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ Pavāranā vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta”các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vi đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vi đã thỉnh cau thì phạm tội Dukkata. (3) 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ Pavāranā vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta”các vi bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt).. nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...trong khi tập thê chưa đứng lên,... nhiêu hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một sô vi ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt).. toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đên. Các vi đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vi đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ây. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Dukkata. (4-15) Dứt mười lăm trường hợp Ếíbỏ qua sự ngần ngai.”

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi den?9 Các vi ây có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vi này tiêu mát đi! Các vi này biên mát đi! Ai mà cân đên các vi ấy?,^ rồi thực hiện lễ Pavāranā, Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ- khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đên. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (1) 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy

biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vi ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đên các

vị áy?" roi thực hiện lê Pavāranā. Trong khi các vị ây đang thỉnh câu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vi còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (2) 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavārariā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vi này tiêu mát đi! Các vi này biên mát đi! Ai mà can đên các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Pavāranā. Trong khi các vi ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khiru thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (3) 4. Này các Tỳ-khưu? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến. Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị 2y?” roi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, có các Tỳ- khưu thường tru khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (4) 5. Này các Tỳ-khưu? trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rang: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mat đi! Ai mà cân đên các vị ây?95 roi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh càu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (5) 6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavārauã. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ây biêt răng: “C6 những Tỳ-khiru thường trú khác chưa đi dấn.” Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vi này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi ây?" roi thực hiện lê Pavāranā, Khi các vi ây vừa thỉnh câu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vi đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (6) 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị 2y?” roi thực hiện lê Pavāranā. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, trong khi

tập thê chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có sô lượng] nhiêu hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cau thì phạm tội Thullaccaya, (7) 8. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có

nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: “Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" roi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cau xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thuơng trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vi đã thỉnh cầu là đã thỉnh câu tót đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cau thì phạm tội Thullaccaya. (8) 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rang: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi den?9 Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy? rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vi đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vi đã thỉnh cau thì phạm tội Thullaccaya, (9) 10. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" roi thực hiện lễ Pavãraụã. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một so vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (10) 11. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ9 vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.' Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vi ấy?" rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vi ở tập the đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có so lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vi đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya, (11) 12. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rang]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị áy?" roi thực hiện lê Pavãraụã. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, một sô vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến.

Các vị đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vị đên sau] nên thỉnh câu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (12) 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại tru xứ nọ5 vào ngày lễ Pavāranā. có nhiêu Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vi ây biêt răng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.,, Các vi ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đên các vị ấy?" rồi thực hiện lễ Pavāranā. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị

đã thỉnh cau thì phạm tội Thullaccaya. (13) 14. Này các Tỳ-khmi5 trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: “C6 những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến.^, Các vi ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ây?" roi thực hiện lê Pavãranã. Khi các vị ây vừa thỉnh câu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường tru khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội Thullaccaya. (l4) 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường tru tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "C6 những Tỳ-khiru thường tru khác chưa đi đến.,, Các vị ấy có dự tính chia rẽ __ . r __ . 9 r r : 5 r [nghĩ răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đên các vị ay?" roi thực hiện lê Pavãrauã, Khi các vi ây vừa thỉnh câu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh câu là đã thỉnh câu tót đẹp, [các vi đên sau] nên thỉnh câu trong Sự hiện diện của các vị ây. Các vị đã thỉnh câu thì phạm tội Thullaccaya. (15) Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ. Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vi hoặc hơn. Các vi ấy không biết rang: "Các vị Tỳ-khưu thường tru khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không biết rằng: "Các vi Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh gi&i", ...(nt).. Các vị ấy không nhìn thấy các vi Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt).. Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt).. Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới",...(nt)... Các vị ây không nghe răng: "Các vi Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt).. Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị

thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vi thường trú, về vị thường trú với vi vãng lai, về vị vãng lai với vi vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba. 2. Này các Tỳ-khiru, trường hợp ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nêu các vị thường trú [có sô lượng] nhiều hơn thì các vi vãng lai nên thuận theo các vị thường tru. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vi vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vi thường trú nên thuận theo các vi vãng lai. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khiru thường trú, ngày mười bốn là của các Tỳ-khtru vãng lai. Nếu các vi thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vi thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vi thường trú nên thuận theo các vi vãng lai. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nêu các vi thường trú [có sô lượng] nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vi vãng lai;

các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ Pavãranã. Nếu [có số lượng] tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vi vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ Pavãranã. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường tru nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. 5. Này các Tỳ-khưu? trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khun thường trú, ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhát đên các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vi vãng lai [có số lượng] nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muôn, thì không nên ban cho sự hợp nhát đên các vị thường trú; các vị A 9 9 • r • X • •/\ t y 1 1 thường trú nên đi ra khỏi ranh giới roi tiên hành lê Pavāranā. 6 Này các Tỳ-khiru? trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư tru, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư tru của các vi Tỳ-khưu thường trú [như là] giường, ghế, nệm, gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí; phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "C6 các Tỳ-khưu thường trú hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiêm roi tiên hành lê Pavāranā thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn

M • y A — . __ , . À é• > e thây roi tiên hành lê Pavāranā thì vô tội. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thây roi tiên hành lê Pavāranā chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thây có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vi này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị y?" rồi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Thullaccaya. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị Tỳ-khiru thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: "C6 các Tỳ-khưu thường trú hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm roi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavāranā thì vô tội. ...(nt)... Các vi nghi ngờ roi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavāranā chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thay, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói răng]: "Các vị này tiêu mat đi! Các vi này biên mat đi! Ai mà cân đên các vị 2y?" roi tiên hành lê Pavāranā thì phạm tội Thullaccaya. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khiru thường trú nhìn thấy sự biểu hiên cua việc đi

đen, đặc diêm cua việc đi đen, hiện tướng cua việc đi đen, dâu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khiru vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "C6 các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thay rồi tiến hành lễ Pavãranã ún vô tội. ..(nt)... Các vi nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thây roi tiên hành lê Pavāranā chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiêm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thây, sau khi nhìn thây roi tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Thulỉaccaya. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đen, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đen của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt

hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "C6 các vị Tỳ-khxru vãng lai hay không c6?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavāranā thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ roi tìm kiêm, sau khi tìm kiêm thì nhìn thây, sau khi nhìn thây roi tiên hành lê Pavāranā chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiểm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ Pavãraụã riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thay, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói răng]: "Các vị này tiêu mát đi! Các vị này biên mát đi! Ai mà cân đến các vi ấy?" rồi tiến hành lễ Pavāranā thì phạm tội Thullaccaya. 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ- khưu thường trú thuộc nhóm cộng tru khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ Pavāranā chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ Pavāranā chung thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyêt, sau khi không xác quyêt roi tiên hành lê Pavãranã riêng rẽ thì vô tội. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ- khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng tru. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác lại không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ Pavāranā chung thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyêt, sau khi xác quyêt roi tiên hành lê Pavāranā chung thì vô tội. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ- khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vi ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú

rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ Pavāranā chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ Pavāranā chung thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì vô tội. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ- khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng tru. Các vi ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiên hành lê Pavāranā chung thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ Pavāranā riêng rẽ thì phạm tội Dukkata. ...(nt)... Các vi ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyêt roi tiên hành lê Pavāranā chung thì vô tội.

IV. CHƯƠNG PAVĀRANĀ 221

14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu? trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā. từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu5 không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ- khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ- khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā. từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 21. Này các Tỳ-khưu5 vào ngày lễ Pavāranā. từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu5 không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavãranã. từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 23. Này các Tỳ-khiru, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khiru5 không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavārartā, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu5 không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ- khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 25. Này các Tỳ-khưu5 vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chồ tru ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng tru khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavãranã. từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 27. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu9 không nên đi đến nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu? không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng tru khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 29. Này các Tỳ-khưu5 vào ngày lễ Pavāranā. từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ tru ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đen chỗ tru ngụ hoặc nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā, từ chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nêu biêt răng: “Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.” 34. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ Pavāranā. vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 35. Này các Tỳ-khưu5 vào ngày lễ Pavāranā. vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ tru ngụ có Tỳ-khưu ...(rìt)... chỗ trú ngụ

hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nêu biêt răng: “Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.^, 36. Này các ..(nt)...không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào thỉnh cau thì phạm tội Dukkata. 37. Này các không nên thỉnh câu với hội chúng đã ngôi xuông có cô Ni tu tập sự ...(nt)... có vị Sa-di ...(îìt)... có vi Sa-di-ni ...(nt)... có người đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. 38. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc

không nhìn nhận tội; vi nào thỉnh càu thì nên được hành xử theo pháp. 39. Không nên thỉnh câu với hội chúng đã ngôi xuông có vị bị án treo vê việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... có vi bi án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác; vi nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp. 40. Này các Tỳ-khun, không nên thỉnh câu với hội chúng đã ngôi xuông có kẻ vô căn; vi nào thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata. 41. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)...có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt).. có loài thú ...(nt).. có kẻ giết mẹ ...(nt).. có kẻ giết cha ...(nt)... có kẻ giết A-la-hán ...(nt).. có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt).. có kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vi nào thỉnh cầu thì phạm tội Dukkata, 42. Này các Tỳ-khưu, lễ Pavãranã không nên tiến hành với việc trao ra sự trong sạch của vị hành Parivãsa. trừ trường hợp tập the còn chưa đứng lên. 43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ Pavāranā không nhằm ngày Pavāranā, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng. Dứt tụng phẩm thứ nhì.

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ Pavāranā đã có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vi Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu ba lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu hai làn đọc. Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu hai lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu một lần đọc. Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu một lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu [cùng một lượt] theo sự đồng năm tu.

2. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. trong khi dân chúng còn dang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rang: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavārartā. trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ- khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng/9 Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt).. một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu.” 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā. trong khi các vi Tỳ-khưu đang giảng pháp ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Kinh đang trùng tụng về Kinh ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Luật đang hỏi về Luật ...(nt)... trong khi các vị Pháp sư đang thảo luận ve Pháp ...(nt)... trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như

vầy: "Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng." Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gan tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cau ba lan đọc, thì hội chúng sẽ không thỉnh cau xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt).. một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."
4. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ Pavāranā. có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa, vậy chúng ta nên thực hành như thế na" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.
Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavāranā, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu các vi Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu

hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mua." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ tru mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt).. một làn đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."
5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ Pavãranã. có sự nguy hiểm từ đức vua ...(nt)... có sự nguy hiểm vì trộm cướp ..(nt).. có sự nguy hiểm vì hỏa hoạn ...(nt).. có sự nguy hiểm vì nước ngập ...(nt).. có sự nguy hiểm vì loài người ...(nt).. có sự nguy hiểm vì phi nhân ...(nt).. có sự nguy hiêm vì thú dữ ...(nt)... có sự nguy hiêm vì răn ...(nt).. có sự nguy hiêm cho mạng sông ...(nt)...có sự nguy hiêm cho Phạm hạnh. Nêu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vây: "Dây là sự nguy hiêm cho Phạm hạnh. Nêu hội chúng sẽ thỉnh câu ba lân đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh câu xong và điêu này sẽ là Sự nguy hiêm cho Phạm hạnh.,^ Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Đây . • z .'l—. là sự nguy hiêm cho Phạm hạnh. Nêu hội chúng sẽ thỉnh câu ba lân đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh câu xong và điêu này sẽ là sự nguy hiêm cho Phạm hạnh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh càu hai lần đọc ..(nt)... một lần đọc ...(nt).. theo sự đồng năm tu.'"
6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư là những vị có phạm tội tiến hành lễ Pavāranā. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 vị có phạm tội không nên thỉnh câu; vi nào thỉnh câu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, vi nào có phạm tội mà thỉnh cầu thì Ta cho phép buộc tội vị ấy sau khi đã thỉnh ý trước.
7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi được thỉnh ý trước đã không

muốn để cho thỉnh ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép đình chỉ sự thỉnh cầu đối với vị không cho thỉnh ý. Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vầy: Vào ngày lễ Pavārariā là ngày mười bôn hoặc mười lăm, trong khi nhân vật ây có hiện diện ở giữa hội chúng nên trình lên rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] có phạm tội. Tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị ấy. Không nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của vi y." Sự thỉnh cầu đã được đình chỉ. 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Trước hết, các vị Tỳ-khưu hiên thiện sẽ đình chỉ sự thỉnh câu của chúng ta” nên ra tay trước, đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khiru trong sạch không phạm tội khi không CÓ cơ sở, không có nguyên nhân. Các vị cũng đình chỉ sự thỉnh câu của các vi đã thỉnh cầu xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khmi, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khiru trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ sự thỉnh câu của các vị đã thỉnh câu xong; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 9. Này các Tỳ-khiru, như vây là sự thỉnh câu bi đình chỉ, như vây là không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu với ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ- khưu, trong sự thỉnh câu hai lân đọc, nêu ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu [đọc một lượt] theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. 10. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu bi đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh câu ba lân đọc, nêu đình chỉ sự thỉnh câu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tát thì sự thỉnh câu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu ...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 trong sự thỉnh cầu một lân đọc, nêu ...(nt).. Này các Tỳ-khưu? trong sự thỉnh câu [đọc một lượt] theo sự đông năm tu, nêu đình chỉ sự thỉnh câu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh càu bi đình chỉ. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ Pavāranā, có vi Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ- khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vi] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra h6i." Sau khi đã răn đe rằng: “Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ Pavāranā, có vi Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vi Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vi Tỳ- khưu [đình chỉ] ây răng: "Đại đức này có sở hành vê thân được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra h6i." Sau khi đã răn đe ràng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự

cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!,^ rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vi Tỳ- khưu [đình chỉ] ấy rằng: “Bại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có

SỞ hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vi] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đoi đáp lại khi bị tra hoi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ"khưu khác biết về vi Tỳ- khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Bại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vi] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra h6i." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khxru, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!” rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā, 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ây răng: "Dại đức này có sở hành vê thân được trong sạch, có SỞ hành vê khâu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] sáng trí, có kinh nghiệm, có năng lực đối đáp lại khi bị tra h6i." Vị [đình chỉ] ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cau của vị Tỳ-khưu này, Đại đức đình chỉ vị này do điều gì? Đại đức đình chỉ do sự hư hỏng về giới, đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ do sự hư hỏng về tri lấến?,r 16. Nếu vi ấy nói như vầy: ''Hoặc là toi đình chỉ do sự hư hỏng về giới, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng vê tri kiOn." Vị ây nên được nói như sau: "Vậy vị Đại đức có biêt sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về tri kiến khong?99 Nếu vị ấy noi như vầy: "Này các Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về tri kiến.^, Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, điêu gì là sự hư hỏng vê giới, điêu gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?” 17. Nêu vị ây nói như vây: uBôn Pārājika. mười ba Sañghādisesa, đó là sự hư hỏng ve giới. Tội Thullaccaya, tội Pãcỉttiya, tội Pātidesariīya, tội Dukkata. tội Dubbhāsitā, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực doan, đó là sự hư hỏng về tri kien." Vị ấy nên được nói như sau: uNày Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này, có phải Đại đức đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngỏr?” 18. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là tôi đình chỉ do đã được nghe, hoặc là tôi đình chỉ do sự nghi ngóc’ Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vi Tỳ-khưu này do đã được thấy, Đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế

nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị này đang phạm Pārājika. đã thấy đang phạm Sañghādisesa, đã thấy đang phạm tội Thullaccaya... tội Pãcittiya... tội Pātidesanīya.,. tội Dukkata... tội Dubbhāsitā? Và Đại đức đã ở đâu, và vi Tỳ-khưu này đã ở đâu, và Đại đức đã làm gì, và vị Tỳ-khưu này đã làm gi?" 19. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khiru này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cau của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, Đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội Pārājikai" Có phải đã nghe rằng: 6Vị này đã phạm tội SañghādisesaT Có phải đã nghe răng: 'Vị này đã phạm tội Thullaccaya... tội Pãcittiya... tội Pātidesanīya... tội Dukkcựa... tội Dubbhāsitaṃ' CÓ phải Đại đức đã nghe từ vị Tỳ-khiru, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập SỊT, đã nghe từ vi Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư si, đã nghe từ nữ cư si, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?"' 20. Nếu vị ấy nói như vầy: “Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do sự nghi ng&." Vi ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vi Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, Đại đức nghi ngờ gi, nghi ngờ như the nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội Pārājikcf!" Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội SañghādisesaT Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội Thullaccaya... tội Pãcittiya... tội Pātidesanīya... tội Dukkata... tội Dubbhāsitā?" Có phải Đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vi Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vi Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vi Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vi Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại than của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?,,, 21. Nếu vị ấy nói như vầy: “Này các Đại dức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, hơn nữa tôi cũng không biết do điều gì tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vi Tỳ-khưu nay?9 Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ- khưu buộc tội không làm thỏa mãn tâm của các vị đong Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: "Vị bị buộc tội là không đáng khiển trach?5 Này các Tỳ-khiru, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội làm thỏa mãn tâm của các vi đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: bi buộc tội là đáng khiển trách. 22. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội Pārājika không có căn cứ, sau khi khép [vi buộc tội] vào tội

IV. CHƯƠNG PAVĀRANĀ 229

Sañghādisesa rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội Sañghādisesa không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội Thullaccaya..,. với tội Pãcỉttỉya^.. với tội Pātidesanīya,... với tội Dukkata,... với tội

Dubbhāsitā không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. 23. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thu nhận rằng: "Đã phạm tội Pārājika'\ sau khi trục xuất rồi, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. Này các Tỳ-khưu5 nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: “Bã phạm tội Sañghādisescf\ sau khi khép vào tội Sañghādisesa rồi, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā, Này các Ty-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rang: "Đã phạm tội Thullaccaya... tội Pācittiya... tội Pātidesanīya,,. tội Dukkata... tội Dubbhāsitaṃ, sau khi cho hành xử [vi ấy] theo pháp rồi, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. 24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vi Tỳ-khưu phạm tội Thullaccaya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Sañghādisesa, Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ- khưu nào có quan điểm là tội Thullaccaya, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vay: a'Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vào ngày lễ Pavārariā. có vị Tỳ-khiru phạm tội Thullaccaya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya. một số Tỳ- khưu có quan điểm là tội Pãcỉttiya. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya, một sô Tỳ-khưu có quan diêm là tội Pātidesamya. ...(nt)... Một sô Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya, một so Tỳ-khmi có quan điểm là tội Dukkata. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya. một số Tỳ- khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā. Này các Tỳ-khưu5 các vi Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Thullaccaya, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vi ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vay: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavãranã, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Pācittiya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcỉttỉya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Sañghādisesa. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan diêm là tội Pãcittỉya. này các Tỳ-khưu, các vị ây nên dân vị ây đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, roi đi đen gặp hội chúng và nên nói như vay: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị

ây đã được sửa chữa theo pháp. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Pãcỉttiya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcỉttỉya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya. ...(nt)... Một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcittiya, một sô Tỳ-khưu có quan diêm là tội Pātidesanīya. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcỉttiya, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata, Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcỉttỉya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā, ...(nt)... Này các Tỳ-khưu5 các vị Tỳ-khưu nào có quan diêm là tội Pãcỉttỉya, này các Tỳ-khưu, các vị ây nên dân vị ây đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, roi đi đen gặp hội chúng và nên nói như vây: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu ây phạm tội

nào, tội ây của vị ây đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Pātidesanīya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesanīya. một so Tỳ-khiru có quan điểm là tội Sañghādisesa. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Pãtỉdesanĩya, này các Tỳ-khưu5 các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ây của vi ây đã được sửa chữa theo pháp. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Pātidesanīya. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesanīya. một SÔ Tỳ-khưu có quan diêm là tội Thullaccaya, ...(nt)... Một sô Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesariīya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pâcỉttiya. ...(nt)... Một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesanīya, một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata, Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesanīya. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các vi Tỳ-khưu nào có quan diêm là tội Pātidesanīya, này các Tỳ-khưu, các vị ây nên dẫn vi ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Dukkata. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata, một số Tỳ- khưu có quan điểm là tội Sañghādisesa. Này các Tỳ-khưu5 các vi Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Dukkata. này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vi ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vi ấy đã

được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Dukkata. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Thullaccaya, ...(nt)... Một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcittiya. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata. một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pātidesanīya, ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata. một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā. Này các Tỳ-khưu5 các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Dukkata. này các Tỳ-khưu, các vi ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vi ấy] hành xử theo pháp, roi đi đen gặp hội chúng và nên nói như vầy: “Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 28. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Dubbhāsitā. Một sô Tỳ-khưu có quan diêm là tội Dubbhāsitā, một sô Tỳ-khưu có quan điểm là tội Sañghādisesa. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Dubbhāsitā, này các Tỳ-khưu, các vi ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vi ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên

nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vi ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội Dubbhāsitā. Một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā, một số Tỳ-khiru có quan điểm là tội Thullaccaya. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Pãcittiya. ...(nt)... Một sô Tỳ-khưu có quan diêm là tội Dubbhāsitā, một sô Tỳ-khiru có quan diêm là tội Pãtidesanĩya. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dubbhāsitā. một so Tỳ-khưu có quan điểm là tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội Dubbhāsitā, này các Tỳ-khưu5 các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vi ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranāy 29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā có vi Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tồi. Sự việc này được biết và nhân sự thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc rồi tiến hành lễ Pavāranāy Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại dức, đức Thế Tôn đã quy đinh lễ Pavāranā là của các vi trong sạch. Nếu sự việc này được biết và nhân vật thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy.”

30. Này các. Tỳ-khưu, > trường hợp vào ngày . lễ Pavāranā e có vị:Tỳ-khưu nêu. lên ở giữa hội chúng răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật này được biết và sự việc thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ nhân vật rồi tiến hành lễ Pavãraụãy Vi ấy nên được nói như vầy: “Này Đại dức, đức Thế Tôn đã quy định lễ Pavāranā là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhát. Nêu nhân vật này được biêt và sự việc thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy.” 31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ Pavāranā. có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự việc này và nhân vật được biết. Nấu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc và nhân vật rồi tiến hành lễ Pavāranāy Vị ấy nên được nói như vầy: uNày Đại dức, đức Thế Tôn đã quy định lễ Pavāranā là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu sự việc và nhân vật được biết thì . 9 : \ r ___ r

ngay bây giờ, Đại đức hãy nói vê việc ây." Này các Tỳ-khưu, nêu sự việc được biết trước ngày lễ Pavāranā, còn nhân vật [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu nhân vật được biết trước ngày lễ Pavāranā. còn sự việc [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu sự việc và nhân vật được biết trước ngày lễ Pavāranā và khi lễ Pavāranā đã được thực hiện, nếu khơi lại việc ấy thì phạm tội Pâcỉttỉya về việc bươi móc.2 32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. ở khu vực lân cận của các vi ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng

[cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mua, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh câu [của các vị áy] vào ngày lễ Pavāranāy Các vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói ở khu vực lân cận của chúng ta, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói răng]: 'Khi các vị Tỳ-khưu ây đã sông qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ Pavāranā\ vậy chúng ta nên thực hành như the nào?" Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. 33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiêu vi Tỳ-khưu là bạn bè đông quan điểm, thân thiết, vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ. ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vi Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cau của các vị ấy vào ngày lễ Pavāranāy Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện hai hay

2 Liên quan đến tội Pãcittiya 63 về việc khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp (ND).

ba lễ Uposatha vào ngày mười bốn [nghĩ rằng]: "Làm thế nào chúng ta có thể tiến hành lễ Pavāranā sớm hơn các vi Tỳ-khưu ấy?" 34. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ẩy đi đến chỗ trú xứ ấy, này các Tỳ-khmi, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên tụ hội lại thật nhanh chóng và tiến hành lễ Pavāranā. Sau khi tiến hành lễ Pavāranā nên nói rằng: “Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ Pavāranā. các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vi suy nghĩ.99 35. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xunệ đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ẩy đi đến trú xứ ấy không báo trước, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên sắp đặt chỗ ngồi, nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra đón, nên rước y và bình bát, và nên hỏi ý về nước uống. Sau khi xem chừng các vị ấy rồi, nên đi ra khỏi ranh giới và nên tiến hành lễ Pavāranā. Sau khi tiến hành lễ Pavāranā nên nói rằng: "Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ Pavāranā. các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghi.” Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như the], các vi Tỳ-khưu thường trú ấy can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây, chúng ta nên tiến hành lễ Uposatha. chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Chúng ta có thể tiến hành lễ Pavāranā vào hạ huyền t&i."3 36. Này các Tỳ-khưu9 nêu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các vị hãy tiến hành lễ Pavāranā với chúng tôi ngay hôm nay." Các vi Tỳ-khưu ấy nên nói như vầy: "Này các Đại đức, các vi không có quyền hành về lễ Pavãrariã của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu

cho đến lúc ấy.” 37. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến thời gian ấy, này các Tỳ-khưu9 các vị Tỳ-khưu thường trú ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây chúng ta nên tiến hành lễ Uposatha. chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Chúng ta có thể tiến hành lễ Pavāranā vào ngày trăng tròn tới/9 38. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khiru là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ây nói với các vị Tỳ-khiru ây như vây: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các

3 Ngày này chính là ngày cuối tháng âm lịch của Việt Nam, tức là ngày 29 hoặc 30 (ND).

vị hãy tiến hành lễ Pavāranā với chúng tôi ngay hôm nay." Các vị Tỳ-khưu ấy nên nói như vây: “Này các Đại đức, các vị không có quyên hành vê lê Pavãraụã của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy.” 39. Này các Tỳ-khưu? nêu các vi Tỳ-khưu là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ây cư ngụ cho đên ngày trăng tròn ây? này các Tỳ-khưu, toàn bộ tát cả các vị Tỳ-khưu ây nên tiên hành lê Pavāranā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đến, tức là ngày lễ hội Cãtumãsinĩ cho dầu không muốn. 40. Này các Tỳ-khiru, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ Pavāranā, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: “Bại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thâm vân. Này Đại đức, hãy chờ đên khi Đại đức hét bệnh. Khi hết bệnh thì Đại đức sẽ buộc tội nếu mong muon/9 Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội Pâcỉttỉya về việc không tôn trọng.4 41. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ Pavāranā, nêu vị không bi bệnh đình chỉ sự thỉnh câu của vị bị bệnh, vi ây nên được nói như vầy: "Này Đại dức, vị Tỳ-khiru này bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vi bi bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại dức, hãy chờ cho đến khi vị Tỳ-khưu này hết bệnh. Rồi Đại đức sẽ buộc tội vi không bệnh nếu mong muốn.^, Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội Pãcittiya ve việc không tôn trọng. 42. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ Pavāranā, nêu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh câu của vị bị bệnh, vị ây nên được nói như vầy: “Các Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chiu đựng được sự thâm vân. Này Đại đức, hãy chờ đên khi các vi hét bệnh. Rồi khi không bệnh, Đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muon?9 Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội Pâcỉttiya về việc không tôn trọng. 43. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vi Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ Pavãranã, nếu vi không bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vi không bệnh. Cả hai nên được hội chúng thâm vân, tra hỏi, nhác nhở, cho hành xử theo pháp, roi hội chúng nên tiên hành lê Pavāranā. 44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khiru là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Trong khi các vị ây sông có sự hợp nhát, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải

mái nào đó đã được đạt đến. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nấu bây giờ chúng ta

4 Liên quan đến tội Pãcittiya 54 về sự không tôn trọng (ND).

tiến hành lễ Pavāranā. cũng có thể là sau khi tiến hành lễ Pavāranā. các vi Tỳ- khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này; vậy chúng ta nên thực hành như thế nao?^ Các vị đã trình sự việc ấy 1 g LT'L ạ A lên đức The Ton. 45. — Này các Tỳ-khiru, trường hợp có nhiêu vị Tỳ-khưu là bạn bè đông quan diêm, thân thiêt đã vào mùa [an cư] mưa tại tru xứ nọ. Trong khi các vi ây sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ Pavāranā, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ Pavāranā. các vi Tỳ-khưu sẽ ra di, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] tru ngụ thoải mái nay?9 46. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc hoãn lại ngày lễ Pavāranā. Và này các Tỳ-khiru, nên thực hiện như vầy: Toàn bộ tất cả [các vị ấy] nên tụ hội lại một chỗ. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sông có sự hợp nhát, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ Pavāranā. cũng có thể là sau khi tiến hành lễ Pavāranā, các vị Tỳ-khiru sẽ ra đi, du hành. Như th& chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] tru ngụ thoải mái này. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện việc hoãn lại ngày lễ Pavãranã. Bây giờ, chúng ta nên tiến hành lễ Uposatha, nên đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) và nên tiên hành lê Pavāranā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đến, tức là ngày lễ hội Cātumāsinī, Đây là lời đề nghị. 48. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Trong khi chúng ta sông có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] tru ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đen. Nêu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ Pavāranā, cũng có the là sau khi tiến hành lễ Pavāranā. các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này. Hội chúng thực hiện việc hoãn lại ngày lễ Pavāranā, bây giờ sẽ tiến hành lễ Uposatha. sẽ đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) và sẽ tiến hành lễ Pavāranā vào ngày trăng tròn tháng Kattika sắp đen, tức là ngày lễ hội Cātumāsim. Đại đức nào đong ý thực hiện việc hoãn lại ngày lễ Pavāranā, bây giờ [hội chúng] sẽ tiến hành lễ Uposatha, sẽ đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) và sẽ tiến hành lễ Pavāranā vào ngày trăng tròn tháng Kattika săp đên, tức là ngày lê hội Cãtumãsỉnĩ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. 49. Việc hoãn lại ngày lễ Pavāranā đã được hội chúng thực hiện. Bây giờ, [hội chúng] sẽ tiến hành lễ Uposatha. sẽ đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) và sẽ tiên hành lê Pavāranā vào ngày trăng tròn tháng Kattỉka sáp đên, tức là ngày lê

hội Cātumāsinī. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 50. Này các Tỳ-khmi, khi việc hoãn lại ngày lễ Pavãranã đã được các vi Tỳ-khưu ây thực hiện, nêu có vị Tỳ-khưu nọ nói như vây: "Này các Đại đức, tôi muôn ra đi, du hành ở trong xứ sở. Tôi có công việc cân làm ở trong xứ s&." Vị ấy nên được nói như vầy: uNày Đại đức, tốt lắm! Hãy thực hiện lễ Pavāranā rồi hãy di?9 51. Này các Tỳ-khưu, nêu vi Tỳ-khưu ây trong khi đang thỉnh câu lại đình chỉ sự thỉnh cầu của vi Tỳ-khưu khác. Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyên hành vê lê Pavāranā của tôi, tôi sẽ không thỉnh cầu cho đến lúc ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu vi Tỳ-khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu, có vị Tỳ-khưu khác đình chỉ lễ Pavāranā của vi Tỳ-khưu ấy. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, rồi cho hành xử theo pháp. 52. Này các Tỳ-khưu, nêu vị Tỳ-khưu ây sau khi hoàn tát công việc cân làm ấy ở trong xứ sở lại quay trở về trú xứ ấy trước ngày trăng tròn tháng Kattĩka. tức là ngày lê hội Cãtumâsỉnĩ. Này các Tỳ-khưu, nêu trong khi các vi Tỳ-khiru ây đang thỉnh câu, có vị Tỳ-khiru nọ đình chỉ lê Pavāranā của vị Tỳ-khưu ây. Vị nọ nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyền hành về lễ Pavāranā của tôi. Tôi đã thỉnh câu r6i." Này các Tỳ-khưu, nêu trong khi các vi Tỳ-khưu ây đang thỉnh câu, vị Tỳ-khưu ây đình chỉ sự thỉnh câu của vị Tỳ-khưu khác. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ Pavāranā. Dứt chương Pavãranã là thứ tư.

Trong chương này có bốn mươi sáu sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. [Các vị] đã sống qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kosala đã đi diện kiến bậc Đạo sư, sự sống chung như loài thú một cách không thoải mái, về sự hài hòa với nhau. 2. Trong khi đang cầu thỉnh [ngồi yên] ở chỗ ngồi và có hai [ngày lễ], hành sự, vị bị bệnh, các thân quyến, rồi đức vua, bọn cướp, lũ bất lương, các kẻ đối nghịch Tỳ-khưu cũng giống y như thế. 3. Năm, bốn, ba, hai, một vị, bị phạm tội, có sự nghi ngờ, vị đã nhớ lại, tất cả hội chúng có sự nghi ngờ, nhiều hơn, tương đương và ít hơn. 4. Các vi thường trú, ngày mười bốn, đặc điểm, các vi đồng cộng trú, cả hai, nên đi đến, không với vị Ni đã ngồi xuống, về việc bày tỏ sự tùy thuận, lễ Pavāranā.

5. Vì đám lục lâm, [đêm] đã tàn, đám mây đen, các điều nguy hiểm và sự thỉnh cầu, các vị không để cho thỉnh ý, trước chúng ta, đã không bị đình chỉ và của vị Tỳ-khưu. 6. Và do điều gì? Và thế nào? Do đã thấy, do đã nghe, do sự nghi ngờ, vị kết tội và vị bị kết tội, tội Thullaccaya, sự việc, [gây ra] sự xung đột, lễ Pavāranā và sự hoãn lại, không có quyền hành, [hội chúng] nên tiến hành lễ Pavāranā. —ooOoo—

v. CHƯƠNG DA THÚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūta. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha cai trị vương quốc băng quyên thông lãnh tôi cao trong tám mươi ngàn ngôi làng. Vào lúc bây giờ, ở xứ Campā, người con trai nhà đại phú tên Sona Koḷivĩsa là người [có vóc dáng] mảnh mai. ở hai lòng bàn chân của vị ấy có các sợi lông mọc. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha sau khi cho triệu

tập tám mươi ngàn người trưởng làng ấy lại vì công việc cần làm nào đó rồi đã phái sứ giả đến gặp Sona Koḷivīsa [nói rằng]: "Sona hãy đến. Trẫm muốn sự đi đến của Sopa." 2. Khi ấy, cha mẹ của Sona Koḷivīsa đã nói với Sona Koḷivīsa điều này: "Này Sona yêu quý, đức vua có ý muôn xem hai bàn chân của con. Này Sona yêu quý, con chớ có duỗi thẳng hai bàn chân về hướng đức vua. Con hãy ngồi với thế kiết-già ở phía trước đức vua, khi con đã ngồi xuống thì đức vua sẽ thấy được hai bàn chân của con." 3. Rồi họ đã đưa Sona Koḷivīsa đi bằng kiệu. Sau đó, Sona Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã cung kính chào đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha roi đã ngoi với the kiết-già ở phía trước đức vua. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nhìn thấy các lông mọc ở hai lòng bàn chân của Sona Koḷivīsa. 4. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã chỉ bảo về các điều lợi ích trong thời hiện tại đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi giải tán [nói rằng]: "Này các khanh, ở đây các khanh đã được ta chỉ bảo về các điều lợi ích trong đời hiện tại. Các khanh hãy đi đến và hầu cận đức Thế Tôn ấy. Đức The Tôn ấy sẽ giảng dạy cho chúng ta ve các điều lợi ích trong đời vj lai." Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đen núi Gijjhakūta. 5. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sãgata là thị giả của đức Thế Tôn. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đen gặp Đại đức Sâgata, sau khi đến đã nói với Đại đức Sâgata điều này: Thưa ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức The T6n. Thưa ngai, tot đẹp thay nêu chung toi co thê diện kiên đức Thê Tôn. -Này quý vị, nêu vậy thì các vị hãy ở ngay tại đây trong chóc lát, chờ tôi báo cho đức Thế Tôn biết. 6. Sau đó, Đại đức Sāgata đã biến mất ở nơi bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đang chăm chú nhìn, rồi đã hiện ra ở trước đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

Bạch Ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy suy nghĩ về thời điểm của việc ấy. 7. —Này Sãgata, nếu vậy thì ngươi hãy sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chiếc ghế rồi biến mất ở trước đức Thế Tôn và hiện ra ở bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng đang chăm chú nhìn, rồi đã sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá. 8. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ trú xá đi ra và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được săp đặt ở nơi có bóng râm của trú xá. Khi ây, tám mươi ngàn người trưởng làng ay đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngoi xuống một bên. 9. Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy chỉ hướng tâm đến chính Đại đức Sāgata, còn đức Thế Tôn thì không được như thế. Khi ấy, đức Thế Ton đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy nên đã bảo Đại đức Sāgata rằng: —Này Sāgata, nêu vậy thì ngươi hãy phô bày sự diệu kỳ của thân thông là pháp thượng nhân nhiều hơn nữa. —Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã bay lên khônệ trung, đi qua lại ở khoảng không trên bâu trời, roi đứng lại, roi ngôi xuống, roi năm xuống, roi phun khói, roi phát sáng, roi biên mat. 10. Sau đó, khi đã phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân, theo nhiêu cách ở khoảng kh6ng trên bâu trời, Đại đức Sāgata đã quỳ xuong, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thê Tôn rồi

nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. 11. Khi ây5 tám mươi ngàn người trưởng làng ây [nghĩ răng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Bởi vì vị đệ tử còn có đại thần lực như thế này, đại oai lực như thê này, ăt hãn vi Đạo sư sẽ còn hơn thê nữa!" Roi đã hướng tâm đến chính đức Thế Tôn, còn Đại đức Sâgata thì không được như thế. 12. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi đã thuyết pháp theo thứ lớp. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự . . jF -g • e ỉ • tai hại, sự tháp kém, sự ô nhiêm của các dục, sự lợi ích của việc xuât ly. 13. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như

v. CHƯƠNG DA THÚ 241

r r 9

tâm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vét nhơ đã sanh khởi đên tám mươi ngàn người trưởng làng ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt?5 14. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bi che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai CÓ mát sẽ thây được các hình dáng,9; tương tợ như thê, pháp đã được đức Thê Tôn chỉ rõ băng nhiêu phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đên nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đen trọn đời. 15. Khi ấy, Sona KoḶivĩsa đã khởi ý điều này: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch, hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?" 16. Sau đó, khi đã được hoan hỷ, đã được hài lòng với lời giảng dạy của đức Thế Tôn, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó9 khi tám mươi ngàn người trưởng làng ra đi không lâu, Sona KoḶivĩsa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sona KoḶivĩsa đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca- sa, rời nhà xuất gia, sông

không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn hãy cho con xuất gia. Roi Sona KoḶivĩsa đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thê Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên. 17. Và khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Sona sống ở khu rừng Sītā. Trong khi vị ấy đang đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức, các bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành trở nên vay đay máu như là chỗ giết trâu bò.

18. Sau đó, Đại đức Sona trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhimg tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, CÓ thê thọ dụng những tài sản [áy] và làm các việc phước báu. Hay là ta nên quay vê cuộc sông tháp kém roi thọ dụng những tài sản [áy] và làm các việc phươc báu?" 19. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Sona, rồi cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Ngài đã biến mất tại núi Gijjhakūta và hiện ra ở khu rừng Sītā. 20. Sau đó, trong khi cùng với nhiêu vi Tỳ-khưu đi dạo quanh các chô trú ngụ, đức Thế Ton đã đi đến gần đường kinh hành của Đại đức Sona. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đường kinh hành của Đại đức Sona bị vấy đầy máu, sau khi nhìn thấy, đã nói với các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, đường kinh hành này của vị nào lại bi vấy đầy máu, giống như là chỗ giết trâu bò vậy? Bạch Ngài, Đại đức Sona trong khi đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức nên hai bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành bị vấy đầy máu này là của vị ấy, giống như là chỗ giết trâu bò vậy. 21. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của Đại đức Sona, sau khi đến đã ngôi xuồng trên chô ngôi được sáp đặt săn. Đại đức Sona đã đảnh lê đức Thê Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Sona đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Sona điều này: Này Sona, có phải ngươi trong lúc thiền tinh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay vê cuộc sống tháp kém roi thọ dụng những tài sản [áy] và làm các việc phươc báu?' •• Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

22. - Này Sona, ngươi nghĩ thê nào vê điêu này: Có phải trước đây, khi còn là kẻ tại gia, ngươi rành rẽ ve âm điệu của sợi dây ở đàn vīnā?1 - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. -Này Sona, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīnā của ngươi là quá căng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīnā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

1 Vīnā là một loại đàn dây có hình dáng tương tợ như đàn tỳ-bà (ND).

Bạch Ngài, điều ấy không đúng. Này Sona, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīnā của ngươi là quá chùng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīnā

của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng? - Bạch Ngài, điều ấy không đúng. Này Sona, ngươi nghĩ thê nào vê điêu này: Khi những sợi dây ở đàn vīnā của ngươi không là quá căng và cũng không là quá chùng, được đặt vào mức độ trung hòa, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīnā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng? -Bạch Ngài, đúng vậy. 23. Này Sopa, tương tợ y như thế, sự tinh tấn nỗ lực quá mức đưa đến sự loạn động, sự tinh tân quá uê oải đưa đên sự biêng nhác. Này Sona, do đó ở đây, ngươi phải xác định mức đêu đêu của sự tinh tân, phải thâu triệt sự cân băng của các quyền và ở đó ngươi phải nắm giữ ấn chứng. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Sona đã trả lời đức Thế Tôn. 24. Sau đó, khi đã giáo huấn cho Đại đức Sona bằng lời giáo huấn ấy, rồi cũng giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có the co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như the, tại khu rừng Sītā, đức Thế Tôn đã biến mất trước mặt Đại đức Sona rồi hiện ra ở núi Gijjhakūta. 25. Sau đó, Đại đức Sona đã xác định mức đêu đêu của sự tinh tân, đã thâu triệt sự cân bằng của các quyền, và ở đó đã nắm giữ được ấn chứng. Khi ấy, Đại đức Sona trong khi sống một mình, tách biệt, không lười biếng, có sự nỗ lực, có sự quyêt tâm, nên chăng bao lâu sau, ngay trong kiêp hiện tại này, nhờ vào thăng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đên và an trú vào mục đích tôi thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sông không nhà. Vị ây biêt được răng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sông, việc cân làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đôi với bản thê [A-la-hán] này nữa." Và trong sô các vị A-la-hán đã có thêm một vị nữa là Đại đức Sona. 26. Sau đó, khi đã chứng đạt quả vị A-la-hán, Đại đức Sona đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên công bố trí chứng ngộ này ương sự hiện diện của đức Thế T6n?” Khi ấy, Đại đức Sona đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sona đã nói với đức Thế Tôn điều này: 27. - Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nào là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã được đặt xuống, mục đích tốt đẹp đã đạt được, sự ràng buộc vào hiện hữu đã được diệt

tận, đã được giải thoát nhờ vào trí chứng ngộ chân chánh, vị ấy đã thành tựu sáu việc: Vi ây đã thành tựu sự xuât ly, vị ây đã thành tựu sự viên ly, vi ây đã thành tựu sự không hãm hại, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của chấp thủ, vi ấy đã thành tựu sự diệt tận của luyến ái, vị ấy đã thành tựu sự không còn si mê. 28. Bạch Ngài, ở đây có thể một vi Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vi Đại đức này đã thành tựu sự xuất ly chỉ hoàn toàn nhờ vào đức tin?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ- : e r khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt,r sông theo y Phạm J hạnh, J các việc cân làm đã làm xong, không còn quán xét đên việc cân phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự xuất ly. 29. Bạch Ngài, ở đây có thể một vị Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vi Đại đức này đã thành tựu sự viễn ly trong khi còn thèm muốn lợi lộc,

sự trọng vọng và sự tôn vinh?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự viễn ly. 30. Bạch Ngài, ở đây, có thể một Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ Đại đức này đã thành tựu sự không hãm hại trong khi lìa bỏ cốt lõi, quay về với sự bám víu vào giới câm và nghi thức?,, Bạch Ngài, điêu ây không nên được xem xét như the. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cân làm đã làm xong, không còn quán xét đên việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không hãm hại. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và Sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ5 nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ. ..(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái....(nt).. Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không còn

v. CHƯƠNG DA THÚ 245

si mê, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không còn si mê, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không còn si mê. 31. Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận biết bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiêm được tâm của vị ây, bởi vì tâm của vi ây không còn bị xáo trộn, bên vững, đạt đên bát động và vị ây quan sát sự diệt đi của điêu ây. Nêu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vị nem được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho noi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bên vững, đạt đên bát động, và vị áy quan sát sự diệt đi của điêu áy. 32. Bạch Ngài, cũng giống như hòn núi đá không có kẽ nứt, không có lỗ hổng, liền lặn một khối, nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Đông cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Tây... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đên từ hướng Bác... Nêu có cơn mưa bão dữ dội đi đên từ hướng Nam cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Bạch Ngài, tương tợ như thế, đối với vi Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận thức bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiêm

được tâm của vị áy, bởi vì tâm của vi áy không còn bị xáo trộn, bên vững, đạt đên bát động và vị áy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vi nếm được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiêm được tâm của vi áy bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vi ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. 33. Đổi với vị có tâm đã thành tựu sự xuất ly và sự viễn ly, đã thành tựu sự không hãm hại và có sự đoạn tận của chấp thủ, có tâm đã thành tựu sự đoạn tận tham ải và sự không si mê, sau khỉ thấy được sự sanh lên của các xứ (sáu giác quan và các đôi tượng của chủng), tâm (của vi áy) được hoàn toàn giải thoát một cách đủng đắn. r ĩ 34. Đôi với vi Tỳ-khưu đã được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đan, có tâm thanh tịnh ấy, thì không có sự tích lũy của [việc] đã làm, việc can làm không được biết đen. 35. Giong như núi đả liền lặn một khối, không lay chuyển bởi gió, tương tợ như thế, hết thảy các sắc, các vif các thỉnh, các hương, các xúc, các pháp được ưa thích và không được ưa thích không làm chan động tâm đã được ben vững, đã được giải thoát của vị như thế ấy và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

36. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, những người con trai của các gia đình danh tiếng công bố sự chứng ngộ như thế ấy. Kết quả đã được nói lên còn bản thân là không nêu ra. Hơn nữa, trong trường hợp này, Ta nghĩ răng có một sô kẻ rô dại công bô trí chứng ngộ như là đùa giỡn, những kẻ ấy sau này bi lâm vào cảnh tiêu hoại. 37. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Sona rằng: -Này Sona, ngươi là người [có vóc dáng] mảnh mai. Này Sona, đối với ngươi, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp. -Bạch Ngài, con đã từ bỏ số tiền vàng gồm tám mươi xe hàng với bầy voi gôm bảy con và đã rời nhà xuât gia, sông không nhà. Bạch Ngài, giờ đây nếu con sẽ mang dép loại một lớp, sẽ có những người nói về con rằng: "Sopa Koḷivĩsa đã từ bỏ sô tiên vàng gôm tám mươi xe hàng với bây voi gôm bảy con và đã rời nhà xuất gia, sống không nhà. Giờ đây, chính vị ấy lại bám víu vào những đôi dép loại m0t lớp." Nếu đức Thế Tôn cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con sẽ sử dụng; nếu đức Thế Tôn không cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con cũng sẽ không sử dụng. 38. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp. Này các Tỳ- khưu, không nên mang những đôi dép loại hai lớp, không nên mang những đôi dép loại ba lớp, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép toàn màu xanh, ..(nt)... mang những đôi dép toàn màu vàng, mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], mang những đôi dép toàn màu tím, mang những đôi dép toàn màu đen, mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." 40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép toàn màu xanh, ...(nt).. không nên mang những đôi dép toàn màu vàng, không nên mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép toàn màu tím, không nên

mang những đôi dép toàn màu đen, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu hong; vị nào mang thì phạm tội Dukkata, 41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư mang những đôi dép có dây buộc màu xanh,...(nt).. mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], mang những đôi dép có dây buộc màu tím, mang những đôi dép có dây buộc màu đen, mang những đôi dép có

dây buộc nhuộm màu đỏ tía, mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hông. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.^ 42. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, ...(nt)... không nên mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép có dây buộc màu tím, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đen, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt)... mang những đôi dép trùm đen gối, mang những đôi dép trùm đến ống chân, mang những đôi dép lót bông gòn, mang những đôi dép giống cánh của gà gô, mang những đôi dép có gắn sừng cừu, mang những đôi dép có gắn sừng dê, mang những đôi dép có gan đuôi bọ cạp, mang những đôi dép có khâu lông công, mang những đôi dép đủ các loại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.,, 44. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt).. không nên mang những đôi dép trùm đến gối, không nên mang những đôi dép trùm đến ống chân, không nên mang những đôi dép lót bông gòn, không nên mang những đôi dép giống cánh của gà gô, không nên mang những đôi dép có gắn sừng cừu, không nên mang những đôi dép có gắn sừng dê, không nên mang những đôi dép có gan đuôi bọ cạp, không nên mang những đôi dép có khâu lông công, không nên mang những đôi dép đủ các loại; vị nào mang thì phạm tội Dukkata, 45. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt).. mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, mang những đôi dép được viền quanh bằng da rái cá, mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." 46. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt)... không nên mang những đôi dép được viền quanh bang da cọp, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, không nên mang những đôi dép

được viền quanh bằng da rái cá, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo9 không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 47. Khi ấy, vao buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực với vi Tỳ-khưu nào đó làm Sa-môn hầu cận. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đi khập khiễng theo sát phía sau đức Thế Tôn. 48. Có nam cư sĩ nọ sau khi mang vào đôi dép loại nhiều lớp đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã tháo đôi dép ra rồi đi 4- Á À m r-pl Á rp 7^ l 1 • A -X Á 4.JW -4-1 *1 M A rp! A À • 4-• -X Á Ầ • rp A đên gân đức Thê Tôn, sau khi đên đã đảnh le đức The Ton roi đi đen gân vi Ty- khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vi Tỳ-khưu ấy rồi nói điều này: —Thưa ngài, vì sao ngài đi khập khiễng? Này đạo hữu, hai bàn chân tôi bị rách. Thưa ngài, hãy nhận lấy đôi dép. Này đạo hữu, thôi đi. Những đôi dép có nhiều lớp đã bị đức Thế Tôn cấm đoán. [Đức Thế Tôn đã nói rằng:] -Này Tỳ-khưu5 ngươi hãy thọ lãnh đôi dép ấy. 49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại nhiều lớp đã bị bỏ đi. Này các Tỳ-khưu5 không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp còn mới; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 50. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi kinh hành ngoài trời, không mang dép. Các Tỳ-khưu trưởng lão [nghĩ rang]: "Bậc Đạo sư đi kinh hành không mang d6p" nên đi kinh hành cũng không mang dép. 51. Trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ- khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưur nhóm r Lục : Sư lại đi kinh hành có mang dép. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang d6p?" 52. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

v. CHƯƠNG DA THÚ 249

53. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu9 vì sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khiru trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, những kẻ rồ dại ấy lại đi kinh hành có mang dép? Này các Tỳ-khưu5 ngay cả những người tại gia choàng vải trắng, vì lý do nghề nghiệp để nuôi mạng vẫn sống có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy. 54. Này các Tỳ-khưu, ở đây các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy, sao các ngươi có the sống không có sự tôn kính, không có sự phục tùng, không có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học, đôi với các vị thây tê độ, đôi với các vị tương đương thây tê độ? 55. Này các Tỳ-khưu9 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị thầy dạy học, các vị tương đương thầy dạy học, các vi thầy tế độ, các vi tương đương thầy tế độ đang đi kinh hành không

mang dép, không nên đi kinh hành có mang dép; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu? trong khuôn viên tu viện không nên mang dép; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 56. Vào lúc bấy giờ, co vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh khối u ở bàn chân. Các Tỳ- khưu khiêng vi Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các Tỳ- khưu ấy đang khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: -Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy? Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh khối u ở bàn chân. Chúng con khiêng vị này đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. 57. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có các bàn chân bị đau, hoặc có các bàn chân bi rách, hoặc có bệnh khoi u ở bàn chân được mang dép. 58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên giường ghế với các bàn chân chưa rửa khiến y và chỗ nằm ngồi bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang dép khi nghĩ rằng: "Bây giờ ta sẽ bước lên giường hoặc ghế.^, 59. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi đến nhà hành lễ Uposatha, cũng như đến cuộc hội họp vào ban đêm đã đạp nhằm gốc cây, [đạp nhằm] gai nhọn khiến các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

250 ĐẠI PHẨM

Này các Tỳ-khiru, trong khuôn viên tu viện, Ta cho phép sử dụng dép, cây đuôc, cây đèn và cây gậy đê chông. 60. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, trong khi nói to giọng, lớn tiêng, với âm thanh ôn ào vê chuyện nhảm nhí có tính chát đa dạng .như là chuyện đức vua, chuyện • L kẻ trộm, chuyện quan đại thân, chuyện : quân r đội, chuyện ghê rợn, chuyện : chiên tranh, chuyện cơm ăn, chuyện nước uông, chuyện vải vóc, chuyện giường năm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường sá, chuyện kho tàng, chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán vê thê gian, chuyện tiên đoán vê biên cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vây hay là như vây, các vị vừa giâm đạp giêt chét côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định. 61. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiêng, với âm thanh ôn ào vê chuyện nhảm nhí có tính chát đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)..., chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vi vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền djnh?" 62. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vay hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết

chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bi hư hoại thiền đinh, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 63. Đức Phật Thế Ton đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên mang các đôi guôc gô; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 64. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành vê phía thành Bārānasī. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārānasī. Tại nơi ấy, trong thành Bārānasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở chỗ vườn Nai. 65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc gỗ đã bi đức Thế Tôn cấm doSn" nên đã cho chặt những cây thốt nốt còn

non, roi mang những đôi guốc làm băng lá cây thót nót. Những cây thót nót còn non bi chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guôc làm băng lá cây thót nôt? khiên những cây thót nót còn non bị chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan." 66. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư đã cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bi chặt trở nên héo úa, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 67. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại kia lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bi chặt trở nên héo úa. Này các Tỳ-khưu, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong thân cây. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ,..(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khxru rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt; vi nào mang thì phạm tội Dukkata. 68. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt đã bi đức Thế Ton cấm qoán" nên đã cho chặt những cây tre còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre. Những cây tre còn non bi chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây tre còn non, roi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre, khiến những cây tre còn non bi chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan?9 69. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? không nên mang những đôi guôc làm băng lá cây tre; vị nào mang thì phạm tội Dukkata. 70. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārānasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bhaddiya. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bhaddiya. Tại nơi ấy, trong thành Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā. 71. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bang cỏ tranh, các vị tự làm

và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vi tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bang lá cây kamala, các vi tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vi xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. 72. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu ở Bhaddiya lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vi tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vi tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bang len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tue?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ây len đức The Ton. 73. -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gan bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bang cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vi tự làm và bảo người làm giày bang len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 74. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: “Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ, chúng làm và bảo người làm giày bang cỏ tranh, chúng làm và bảo người làm giày bang cỏ sậy, chúng làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, chúng làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, chúng làm và bảo người làm giày bằng len. Chúng xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ? 75. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 không nên mang giày làm băng cỏ, không nên mang giày làm bằng cỏ tranh, không nên mang giày làm bằng cỏ sậy, không nên mang giày làm bằng cây dừa nước, không nên mang giày làm bang lá cây kamala, không nên mang giày làm bằng len, không nên mang giày làm bằng vàng, không nên mang giày làm bằng bạc, không nên mang giày làm bằng ngọc ma- ni, không nên mang giày làm bằng ngọc bích, không nên mang giày làm bằng pha lê, không nên mang giày làm bang đong thau, không nên mang giày làm bằng thủy tinh, không nên mang giày làm bằng thiếc, không nên mang giày làm bằng chì, không nên mang giày làm bằng đồng đỏ; vị nào mang thì phạm

tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, không nên mang bất cứ loại giày nào dùng cho việc đi lại; vị nào mang thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại giày đặt ở chô nhát định, không thê chuyên dịch là giày ở nhà tiêu, giày ơ nhà tiêu/ giày ở cho súc miệng. 76. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành vê phía thành Sāvatthi. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến thành

Sāvatthi. Tại nơi ấy, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 77. Vào lúc bấy giờ,; các Tỳ-khiru nhóm_ Lục Sư ỉ nắmf lấy cácy sừng của. những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị năm lây các lô tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vi sờ vào bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết. # > __ . 78. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại năm lây các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị năm lây các lô tai, các vi năm lây cô, các vị năm lây đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vị sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vi dìm nước các con bò cái tơ và giết chết giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?,, 79. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 80. Đức Phật Thế Ton đã khiển trách rằng: ...(nt).. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên nắm lấy các sừng, không nên nắm lấy các lô tai, không nên năm lây cô, không nên năm lây đuôi, không nên cỡi lên limg của những con bò cái; vị nào cỡi lên thì phạm tội Dukkata, Không nên sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm; vi nào sờ mó thì phạm tội Thullaccaya. KJiong nên giết chết những con bò cái tơ; vị nào giết chết thì nên hành xử theo pháp.23 81. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư di chuyên băng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngôi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gañgā và Mahī vay." Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? không nên di chuyên băng xe; vị nào di chuyên thì phạm tội Dukkata.

2 Giày ở nhà tiểu và giày ở nhà tiêu được đề cập ở Cullavagga (Tiểu phẩm) và được ghi nghĩa Việt là bục tiểu tiện và bục đại tiện. Xem tr. 749-51 trong tập này; TTPV, tập 7, tr. 107-09. 3 Liên quan đến tội Pâcỉttiya 61 về cố ý [giết] sinh vật (ND).

82. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala có vi Tỳ-khxru nọ đang đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, ở giữa đường bi bệnh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ây đã rời đường đi và ngôi xuồng ở góc cây nọ. 83. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này: -Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu? -Này các đạo hữu, tôi sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, hãy đến đây, chúng ta sẽ cùng đi. Này các đạo hữu, tôi không thể [đi được]. Tôi bi bệnh. Thưa ngài, hãy đến đây. Hãy leo lên xe. -Này các đạo hữu, thôi đi. Xe đã bị đức Thế Tôn cấm đoán. Trong lúc ngân ngại, vi ây đã không leo lên xe. 84. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thàrủi Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đoi với vị bị bệnh. 85. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: ^yậy được kéo bởi con cái? Hay được kéo bởi con dqc?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép được kéo bởi con đực, [hoặc] xe kéo bằng tay. 86. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã bị khó chịu dữ dội hơn nữa vì sự dằn xóc của xe. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho

phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng.

87. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư sử dụng chỗ nằm cao và chô năm rộng lớn như là ghê trường kỷ, ghê nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đau. 88. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). y A ỵ y Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng chô năm cao và chô năm rộng lớn như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn? thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata,

v. CHƯƠNG DA THÚ 255

89. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn đã bi đức Thế Tôn cấm doAn" nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo. Các tấm da được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghe phía bên ngoài. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). - Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. 90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khini nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: “Những tấm da thú lớn đã bi đức Thế Tôn cấm doan^ nên sử dụng những tấm da bò. Những tấm da bò được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghê, chúng được xép đặt ở giường phía bên trong, chúng được xép đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài. 91. Có vị Tỳ-khiru xấu xa nọ thường hay lui tới với người cư sĩ xấu xa nọ. Khi ây vào buôi sáng, vi Tỳ-khưu xâu xa ây đã mặc y, câm y bát, roi đi đên nhà ở của người cư sĩ xấu xa ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã đi đến gặp vi Tỳ-khưu xấu xa ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu xấu xa ấy rồi ngồi xuống một bên. 92. Vào lúc bây giờ, người cư sĩ xâu xa ây có con bê còn nhỏ, đẹp dáng, đáng nhìn, xinh xắn, có nhiều màu như là con beo con vậy. Khi ấy, vi Tỳ-khưu xâu xa ây chăm chú nhìn con bê con ây một cách kỹ lưỡng. Sau đó, người cư sĩ xâu xa ây đã nói với vi Tỳ-khưu xâu xa ây điêu này: Thưa ngài, vì sao ngài lại chăm chú nhìn con bê con ấy một cách kỹ lưỡng vậy? -Này đạo hữu, Ta có việc cân dùng với da của con bê này. Khi ấy, người cư sĩ xấu xa ấy đã giết chết con bê ấy, lột tấm da, rồi dâng cho vị Tỳ-khưu xâu

xa ây. Sau đó, vi Tỳ-khưu xâu xa ây đã dùng y hai lớp che đậy tấm da ấy rồi ra đi. 93. Khi ấy, con bò cái ấy nhớ đến con bê nên đã đi theo phía sau vị Tỳ-khưu xấu xa ấy. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vày: Này Đại dức, vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau Đại đức vậy? Này các Đại đức, tôi cũng không biết vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau tôi nữa? 94. Vào lúc bấy giờ, y hai lớp của vi Tỳ-khưu xấu xa ấy đã bị vấy máu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Đại dức, còn cái y hai lớp này của Đại dức,

nó đã bị cái gì vay?" Khi ấy, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã kể lại sự việc ấy cho các vị Tỳ-khưu. -Này Đại đức, có phải Đại đức đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng song? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao vi Tỳ-khưu lại xúi giục kẻ khác giêt hại mạng sông? Không phải sự giết hại mạng sống đã bi đức Thế Tôn khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao?" Sau đó, các vị Tỳ- khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vi Tỳ-khưu xấu xa ấy rằng: Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 95. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị Ta khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên xúi giục kẻ khác giêt hại mạng sông, vị nào xúi giục thì nên được hành xử theo pháp.4 Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng da bò; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkaịa. Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bất cứ loại da nào; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata, 96. Vào lúc bây giờ, giường và ghê của dân chúng được độn lót băng da và được phủ băng da. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không ngôi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được làm sẵn bởi cư sĩ nhưng không được nam lên. 97. Vào lúc bấy giờ, các trú xá được buộc lại bằng những sợi dây da. Các vi Tỳ-khưu trong lúc ngân ngại không ngôi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức fT'i X nn Thê Tôn. —Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép ngồi lên vật được buộc lại [bởi các dây da]. 98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào làng có mang những đôi dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4 Có thể phạm tội Pārājika 3 nếu liên quan đến nhân mạng, hoặc tội Pãcittỉya 11, 61, 62 nếu liên quan đến các sinh vật lớn nhỏ khác (ND).

Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng có mang dép; vị nào đi vào thì phạm tội Dukkata. 99. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bị bệnh không thể đi vào làng không có dép. Các vị đã trình sự việc áy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị

Tỳ-khưu bị bệnh đi vào làng có mang dép. 100. Lúc bấy giờ, Đại đức Mahâkaccãyana ngụ trong xứ Avanti, ở thành Kuraraghara, tại núi Papātā. Vào lúc bấy giờ, nam cư sĩ Sona Kutikanna là người hộ độ cho Đại đức Mahākaccāyana. 101. Khi ây, nam cư sĩ Sona Kutikanna đã đi đên gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuốn^ một bên, nam cư sĩ Sona Kutikanna đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điêu này: Thưa ngài, theo như con hiểu về pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyet giang thì việc áy không phai la việc de lam đoi vơi ngươi đang sông ở gia đình đê thực hành Phạm hạnh một cách đây đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Thưa ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia. Này Sona, việc ấy là khó làm để thực hành Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa cho đến trọn đời. Này Sona9 vậy thì ở ngay chỗ này, là người tại gia, ngươi hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là [thực hành] Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa trong khoảng thời gian quy đinh. 102. Khi ây, ước muôn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kutikanna đã được dịu đi. Đên lân thứ nhì, nam cư sĩ Sona Kutikanna ...(nt)... Đên lân thứ ba, nam cư sĩ Sona Kutikanna đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Sona Kutikanna đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này: Bạch ngài, theo như con hiêu vê pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm, đối với người đang sống ở gia đình đê thực hành Phạm hạnh một cách đây đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia. Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana đã cho nam cư sĩ Sona Kutikanna xuất gia. 103. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn đã triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vi từ nơi này nơi khác, rồi đã cho Đại đúc Sona tu lên bạc trèn. 104. Sau đó, khi đã sông qua mùa [an cư] mưa, Đại đức Sona trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã

được nghe về đức Thế Tôn ấy là 'vị như vầy và như vầy9 nhưng ta chưa được nhìn thay tận mat. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy nêu thay tế độ cho phép ta." 105. Sau đó, vào lúc chiều tối, Đại đức Sona đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đi đến gặp Đại đức Mahâkaccãyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahãkaccãyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sona đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này: Thưa ngài, trường hợp con trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã được nghe về đức Thế Tôn ấy là vi như vầy và như vầy, nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép ta." Thưa ngài, con có thể đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép con? —Này Sona, tốt lắm, tốt lắm. Này Sona, ngươi hãy đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy. Này Sona,

ngươi sẽ thấy đức Thế Ton ấy dễ mến, đáng tin, có giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tinh, đã đạt đến mức tột đỉnh trong sự thu thúc và tĩnh lặng, là đàng Voi Chúa đã được huân luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiêm soát. 106. Này Sona, nếu vậy thì ngươi hãy đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời của ta rằng: "Bạch Ngài, thày tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn?9 Rồi ngươi hãy nói như vầy: "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên băng nhóm [có nhân sự] ít hơn. 107. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp. 108. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, r e ĩ đức Thê Tôn nên cho phép việc tăm thường xuyên. 109. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng đê trải lót. Bạch Ngài, cũng giông như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng đê trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thê, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

v. CHƯƠNG DA THÚ 259

110. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vi tên [như vày].9 Các vị ấy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại dức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vầy] / Các vị ấy trong lúc ngần ngại, không ưng thuận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bị phạm tội Nỉssaggiya' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y." 111. - Bạch Ngài, xin vâng. Sau khi đáp lời Đại đức Mahkaccāyana, Đại đức Sona đã từ chô ngôi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Mahâkaccãyana, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi. 112. Theo tuần tự, vị ấy đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, hãy săp đặt chô tru ngụ cho vị Tỳ-khưu vãng lai này. 113. Khi ây, Đại đức Ananda [suy nghĩ răng]: "Liên quan đên vị nào mà đức Thế Tôn ra lệnh cho ta rằng: 'Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vi Tỳ-khưu vãng lai này9? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với vị Tỳ-khưu ấy? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với Đại đức Sopa?" roi đã sắp đặt chỗ trú ngụ cho Đại đức Sona trong trú xá đức Thế Tôn đang ngự. 114. Sau đó, khi đã trải qua gần trọn đem ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã đi vào trú xá. Đại đức Sona sau khi trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời cũng đã đi vào tru xá. 115. Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã yêu cầu Đại đức Sona rằng: Này Tỳ-khưu, mong rằng có bài pháp [nào đó] khởi đến cho ngươi để thuyết giảng. -Bạch Ngài, xin

vâng. Sau khi đáp lời đức Thế Tôn, Đại đức Sona đã thuyết lại đầy đủ toàn bộ phẩm Nhóm Tám một cách mạch lạc. 116. Sau đó, vào lúc kết thúc việc thuyết lại một cách mạch lạc của Đại đức Sona? đức Thế Tôn đã khen ngợi rằng: Này Tỳ-khưu, tốt lắm, tốt lắm. Này Tỳ-khưu5 phẩm Nhóm Tám đã được ngươi khéo học tập, khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ. Ngươi có giọng nói êm dịu, rõ ràng, không có khó nghe, làm rõ được ý nghĩa. Này Tỳ-khưu, ngươi [xuất gia] được bao nhiêu năm? -Bạch đức Thế Tôn, con được một năm. -Này Tỳ-khưu, tại sao ngươi thực hiện [việc tu lên bậc trên] chậm trễ như vậy?

Bạch Ngài, từ lâu con đã thấy được sự tai hại trong các dục, nhưng vì cuộc sống tại gia có nhiều cản trở, có nhiều phận sự5 có nhiều việc cần phải làm. 117. Sau đỏ, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: "Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở thế gian, sau khi hiểu được pháp không đưa đến tái sanh, bậc Thánh không thích thú điều ác5 vi trong sạch không thích thú điều ác.” 118. Khi ấy, Đại đức Sona [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn hoan hỷ với ta, lúc này chính là lúc của việc mà thầy tế độ ta đã căn dặn kỹ càng" nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đau ở bàn chân của đức The Ton roi noi VƠI đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, thày tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn và nói như vầy: 119. "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gom mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức The Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm [có nhân sự] ít hơn. 120. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp. 121. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên. 122. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch Ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng đê trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thê, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. 123. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói răng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vi tên [như vây].' Các vị áy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại đức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vây] / Các vị ây trong lúc ngân ngại không nhận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bi phạm tội Nỉssaggiya' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y.” 124. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

-Này các Tỳ-khưu, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa, Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật. 125. Trong trường hợp ấy, các xứ này là thuộc vùng biên địa: ở hướng Đông có thi trấn tên là Kajañgala, xa hơn chỗ đó là Mahāsālā, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. ở hướng Đông Nam, có con sông tên là Salalavatī, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. ở hướng Nam, có thị trấn tên là Setakannika, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. ở hướng Tây, có làng Bà-la-môn tên là Thūna, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. ở hướng Bắc, có ngọn núi tên là Usīraddhaja, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Này các Tỳ-khưu, trong các xứ thuộc vùng biên địa như thế Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật. 126. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bi giẫm đạp bởi móng chân bò. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa. 127. Này các Tỳ-khưu? ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc tắm thường xuyên trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa. 128. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, maij āni, jantu [là các vật dùng đê trải lót], này các Tỳ-khưu, tương tợ như thê, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa. 129. Này các Tỳ-khưu, trường hợp dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy].” Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ưng thuận, khi nào chưa đến tay thì chưa tính việc đếm [ngày đã cất giữ] ấy. Dứt chương “Da thu” là thứ năm.

Trong chương này có sáu mươi ba sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Vua xứ Magadha và Sona Koḷivīsa, tám mươi ngàn vi trưởng làng, [Đại đức] Sâgata ở Gijjhakūta đã phô bày nhiều pháp thượng nhân.

262 ĐẠI PHẨM

2. Việc xuất gia, [các bàn chân] đã bi rách do nỗ lực, cây đàn vīnā, [dép] một lớp, màu xanh, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím và luôn cả màu đen nữa. 5 r 3. Màu đỏ tía, màu hông và đã câm đoán dây buộc, [dép] phủ gót chân, trùm gói, trùm ông chân, lót bông gòn, giông cánh gà, găn sừng cừu và dê. 4. [Dép có gắn] đuôi bọ cạp, lông công và đủ các loại, [dép] được viền bằng da sư tử, cọp và beo, hươu, rái cá và mèo, sóc, cú mèo. 5. [Bàn chân] bị rách, đôi dép, bi khối u, chưa được rửa, [đạp nhằm] gốc cây, [âm thanh] ôn ào, [dép làm băng lá] cây thót nót, cây tre và cỏ, cỏ tranh, cỏ sậy và dừa nước. 6. [Dép làm bằng] lá cây kamala, sợi len, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc bích, pha lê, đồng thau và thủy tinh, thiếc, chì và đồng đỏ. 7. Bò cái, xe, vị bị bệnh, được kéo bằng bò đực, ghế nệm, các chỗ nằm, da thú lớn, với các da bò và kẻ ác. 8. Của các cư si, được

buộc dây da, các vị đi vào, các vi bị bệnh, Đại đức Mahākaccāyana, vị Sona9 Nhóm Tám một cách mạch lạc. 9 B x r 9. Việc tu lên bậc trên với năm vị, dép có nhiêu lớp, việc tăm thường xuyên, đã cho phép thảm bang da, không tính việc đem ngày. Vị Lãnh Đạo đã ban năm điều đặc ân này cho Trưởng lão Sona. -ooOoo-

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Ton ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bi nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thê, các vị trở nên ôm o, căn côi, xuông săc9 có vẻ xanh xao, thân hình nôi đày gân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, điều gì khiến các vi Tỳ-khưu trong lúc này lại ốm o, cằn cỗi9 r r t—. xuổng săc, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân vậy? 2. Bạch Ngài, trong lúc này, các vi Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bi ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. 3. Sau đó? đức Thê Tôn trong lúc thiên tinh ở nơi thanh văng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bi ói ra, thức ăn đã ăn vào bi mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đây gân. Vậy Ta nên cho phép các vi Tỳ-khiru loại dược phàm gì mà chính loại dược phàm ây tuy được quy định là dược phàm ở thê gian, lại có thê dùng theo mục đích của thức ăn? nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?^^ 4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn5 mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở the gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ- khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thòi?" 5. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Ton đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu9 ở dây, trong lúc thiên tinh ở nơi thanh văng Ta có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thê, các vị trở nên ôm o, căn côi, xuống săc5 có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân. Vậy Ta nên cho phép loại dược phẩm gì cho các Tỳ-khưu, mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn9 nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?,,

6. Này các Tỳ-khưu5 Ta đây đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn9 nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thòi?” Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời.1 7. Vào lúc bây

giờ, các vi Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phàm ây đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vi ấy không những đã bị nhiêm cơn bệnh thuộc vê mùa thu ây, lại thêm vào việc không chiu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điêu ây, các vị càng trở nên ôm o, căn côi, xuống săc, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân thêm hơn nữa. 8. Đức Thế Tôn đã nhận thấy các vị Tỳ-khưu ấy càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuông săc, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân thêm hơn nữa, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, trong lúc này, điêu gì khiên các vị Tỳ-khưu càng trở nên ôm 05 căn côi, xuông săc? có vẻ xanh xao, thân hình nôi đây gân thêm hơn nữa? 9. — Bạch Ngài, lúc này các vị Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vi đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điêu ây? các vị càng trở nên ôm o, căn côi5 xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa. 10. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm này và thọ dụng đúng thời luôn cả phi thời. 11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại mỡ [thú vật]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng chung với dầu ăn các dược phàm là các loại mỡ [thú vật] như: Mỡ gâu? mỡ cá, mỡ cá sâu, mỡ heo rừng, mỡ lừa đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, đã được trộn chung đúng thời. Này các Tỳ-khưu, nêu vật ây đã được thọ lãnh phi thời, đã được nấu phi thời, đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm ba tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nêu vật ây đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nau phi thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm

1 Trong trường hợp liên quan đến vật thực, đúng thời là trước ngọ, phi thời là sau ngọ cho đến rạng đông cua ngày kế (ND).

hai tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu9 nêu vật ây đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nâu đúng thời và đã được trộn chung phi thời, vi thọ dụng [vật áy] phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu9 nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung đúng thời, vị thọ dụng [vật ấy] vo tôi. 12. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu câu vê các dược phàm là các rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phàm là các rê cây như: Củ nghệ, CU gừng, re cây vacam, re cay vācā trăng, re cay ngải cưu, re cay katukarohinī, rễ loại cây có mùi thơm usīra, rễ loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka, hoặc có các dược phẩm là các rễ cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mem nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mem, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata, 13. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm dạng bột là

các loại rễ cây. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] côi đá xay và côi đá xay loại nhỏ. 14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại nước sắc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại nước sắc như: . . Nước sác của cây nimba, nước sác của cây kutaja, nước sác của loại dưa dài patola, nước sác của loại dây leo phaggava, nước săc của cây nattamâla, hoặc CÓ các dược phàm là các loại nước sác khác nữa [tuy] thuộc vê vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vi thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata. 15. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại lá cây. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép các dược phẩm là các loại lá cây như: Lá cây nimba, lá cây kutaja, lá cây của loại dưa dài patola, lá cây húng quế, lá cây bông vải, hoặc có các dược phẩm là các loại lá cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mem, sau khi thọ lãnh các loại ây được cát giữ đên trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata. 16. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại trái cây như: Trái cây viḷaủga, hạt tiêu dài, hạt tiêu đen, trái cây harītaka, trái cây vibhītaka, trái cây âmalaka, trái cây gottha hoặc có các dược phẩm là các loại trái cây khác nữa [tuy] thuộc vê vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc vê vật thực mem nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vi thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata, 17. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khiru bị bệnh có nhu cầu về các loại nhựa cây làm dược phẩm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các loại nhựa cây làm dược phẩm như: Hiipgu, nhựa cây himgu, mủ cây himgu, các loại sản phẩm từ mủ cây là taka9 takapatti, takapanni, nhựa thông, hoặc có các dược phẩm là các loại nhựa cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vi thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata, 18. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại muối. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép các dược phẩm là các loại muối như: Muối biên, muôi đen, muôi ở đá, muôi nâu ăn, muôi mỏ, hoặc có các dược phàm là các loại muối khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc vê vật thực mem nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mem, sau khi thọ lãnh các loại ây5 được cất giữ

đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội Dukkata. 19. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Ānanda là Đại đức Belatthisīsa có bệnh ghẻ sần sùi. Các y của vị ấy bị dính vào thân vì chất máu mủ. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra. 20. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gân các vi Tỳ-khưu ây, sau khi đên gân đã nói với các vi Tỳ-khưu ây điều này: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy? Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra. 21. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHÀM < 267

9 e r r • Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép các dược phàm là các loại bột tăm đên vị có ghẻ ngứa, hoặc có nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc có ghẻ sần sùi, hoặc cơ thể có mùi hôi; và phân bò, đất sét, chất màu đã được nấu đến vị không bi bệnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cối giã và chày. 22. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu câu vê các dược phàm là các loại bột tắm đã được rây mịn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] cái rây bột tắm.

Có nhu cầu về hạt rất mịn. —Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [sử dụng] cái rây bằng vải. 23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh liên quan đến phi nhân. Các vi thầy dạy học và thầy tế độ, trong khi chăm sóc vị ấy đã không thể làm khỏi bệnh. Vị ây sau khi đi đên lò mô heo đã ăn thịt sông và đã uông máu tươi. Bệnh liên quan đến phi nhân ấy của vị ấy đã giảm bớt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thịt sống [và] máu tươi ở bệnh liên quan đến phi nhân. 24. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh ở mắt. Các Tỳ-khưu đã khiêng vi ấy và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. 25. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ây đang khiêng vị Tỳ-khưu ây đưa ra bên ngoài, cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đên gân đã nói với các vi Tỳ-khưu ây điêu này: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy? Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ở mắt. Chúng con khiêng vị này và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. 26. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi: Thuốc bôi màu đen, thuôc bôi loại tinh chát, thuôc bôi vào tai, bột phân đỏ, muội đèn. Có nhu cầu về bột mịn để làm thuốc bôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Ạ Afin Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] gỗ đàn hương, gỗ có mùi hương tagara, gỗ trầm, gỗ cây tālīsa, loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka. 27. Vào lúc bây giờ, các vi Tỳ-khưu đê các loại thuốc bôi được nghiên nát ở trong các tô nhỏ và trong các chén. Chúng đã bi rác cỏ5 bụi bặm rơi vào. Các VỊ đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp chứa thuốc bôi.

r r

28. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hộp chứa thuôc bôi đủ loại làm bang vàng, làm bang bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục v'Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, không nên sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [hộp chứa thuốc bôi] làm băng xương, làm băng ngà răng, làm băng sừng, làm băng ông sậy, làm bang tre, làm bang gỗ, làm bang nhựa cây, làm bang trái cây, làm bang đông, làm băng vỏ sò. 29. Vào lúc bấy giờ, các hộp chứa thuốc bôi không được đậy lại. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy. Nắp đậy bị rơi xuống. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [nắp đậy] với sợi chỉ rồi buộc vào hộp chứa thuốc bôi. Hộp chứa thuôc bôi bị bung ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng sợi chỉ.

30. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu dùng ngón tay bôi thuốc. Các con mắt bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] que bôi thuốc.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các que bôi thuốc đủ loại làm băng vàng, làm băng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 không nên sử dụng các que bôi thuốc đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bang xương, làm băng ngà răng, làm băng sừng, ...(nt)... làm băng vỏ sò. 32. Vào lúc bây giờ, que bôi thuôc bị rơi trên mặt đát và trở nên sân sùi. Các VỊ đa trình sự việc áy len đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp đựng que bôi thuốc.

33. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu mang theo hộp chứa thuốc bôi và que bôi thuốc bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các hộp chứa thuốc bôi. Dây mang vai không có. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

34. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị nóng ở đầu. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 269

Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [bôi] dầu ở trên đầu. [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] việc chữa trị ở mũi. Mũi bi chảy nước. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.,, Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các

Tỳ-khmi, không nên sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò. [Hai lỗ] mũi đã không được nhỏ đồng đều. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi loại kép. [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hít khói. Các vi sau khi đốt cháy sợi bấc rồi hít khói vào. cổ họng bi [lửa] đốt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống dẫn khói.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ống dẫn khói đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các ống dẫn khói đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bang xương, ..(nt).. làm bằng vỏ sò. 37. Vào lúc bấy giờ, các ống dẫn khói không có nắp đậy, các sinh vật nhỏ đi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] năp đậy. 38. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu mang theo các ống dẫn khói bằng tay. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các ống dẫn khói. Chúng bị cọ xát với nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] túi đôi. Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

39. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị bệnh gió. Các thầy thuốc đã nói như vầy: "Dầu cần được nấu." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc nấu dầu.

Rượu mạnh cân được thêm vào trong dâu nâu ây. Các vị đã trình sự việc ây ! A s 8 len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thêm rượu mạnh vào trong dầu nấu.

40. Vào lúc bấy giờ5 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nấu các loại dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Các vị uống các thứ ấy và bị say. Các vị đã ' L___ ____ r Ạ_____ 1 U _ à rip _ trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên uống dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh; vị nào uống thì nên được hành xử theo pháp.2 Này các Tỳ-khưu, trong loại dâu nâu nào [đã được thêm vào rượu mạnh] mà màu săc, mùi và vị của rượu mạnh không nhận ra được, Ta cho phép uống dầu được thêm vào rượu mạnh loại như thế. 41. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu có nhiêu dâu nâu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên thực hành như thế nào với các thứ dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh?,, Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xác định làm thuốc thoa. 42. Vào lúc bây giờ, Đại đức Pilindivaccha có nhiêu dâu đã được nâu. Đô chứa dầu không có. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép ba loại bình chứa: Bình chứa bằng đồng, bình chứa bằng gỗ,

bình chứa làm bằng trái cây. 43. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị phong thấp. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc điêu trị băng hơi nóng. [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hơi nóng của nhiêu loại lá cay?9 [Vị áy] không thê chịu đựng nôi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nhiều hơi nóng.^, [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khiru9 Ta cho phép [sử dụng] nước nấu của nhiều loại lá cây [rắc lên thân].” [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bể nước lớn [để ngâm mình],

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị thấp khớp. Các vị đã trình sự r __ ! A _ Ạ___ -l A _ Ạ rri A việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu.

2 Liên quan đến tội Pãcỉttỉya 51 (ND).

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt). y e r y -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu roi lây ra băng ông sừng. 45. Vào lúc bấy giờ, các bàn chân của Đại đức Pilindivaccha bị nứt nẻ. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi bàn chân. [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép áp dụng phương pháp phòng ngừa. 46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị mụt nhọt. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc mổ xẻ.

Có nhu câu vê nước làm đông máu. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước làm đông máu.,, Có nhu cầu về thuốc cao làm từ mè. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao làm từ m." Có nhu cầu vê vải câm máu. ...(nt)... “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải câm máu.^, Có nhu cầu về vải băng vết thương. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng vết thuong." vết thương gây ngứa....(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rắc lên với bột mfi-tạt" vết thương bị làm mủ. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc xông khói.,, Thịt ở vết thương bị lồi lên [như cây gai]. ...(nt).. "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt bằng mảnh sứ tẩm muối.^^ vết thương không liền lại. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dầu xức vết thương?9 Dầu bị chảy. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải và tất cả các cách chữa trị vết thương. 47. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bố thí bốn loại vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "[Bốn vật này] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lnh?” Các vị đã trình sự việc ấy lên J. r _ npi À Lpì đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh nếu có người làm thành được phép, nếu không có người làm thành được phép thì tự mình thu nhặt và thọ dụng. 48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị uống nhằm thuốc độc. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vi ấy] uống phân. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu khởi ý điều này: "[Phân] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lanh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

—Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép vi ấy thọ lãnh trong khi làm ra vật ấy [trong khi đại tiện], khi việc thọ lãnh áy đã được thực hiện, không cân phải bảo thọ lãnh lại lần nữa. 49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh yểm bùa [bệnh gây ra bởi do người vợ]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước bùn lấy từ đất dính ở lưỡi cày vừa mới cày đất lên. 50. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh trĩ. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vi ấy] uống nước tro của cơm khô.

51. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh vàng da. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép buộc [vi áy] uông [hợp chát] nước tiêu và trái harĩtaka. _ 52. Vào ỉ lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ngoài da. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] mỡ có mùi thơm.

53. Vào lúc bấy< giờ, có vi Tỳ-khưu , nọ có cơ thể bị tiết ra dịch chất dơ. Các VỊ đã trình sự việc ay lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống thuốc xổ. Có nhu câu vê nước cháo trăng. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước cháo trắng." Có nhu cầu về nước đậu muggā chưa lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu muggā chưa lược bỏ xác." Có nhu cầu về nước đậu muggā đã lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu muggā đã lược bỏ xác.” Có nhu cầu về nước luộc thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khxru? Ta cho phép [sử dụng] nước luộc thịt. 54. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi ở thành Rājagaha. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đen gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này: Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy? -Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi. -Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?

-Tâu Đại vương, người giúp việc tu viện chưa được cho phép bởi đức The Ton. Thưa ngài, chính vì việc đó, ngài hãy hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho trẫm biết.

-Tâu Đại vương, xin vâng. Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. 55. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 56. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có y muôn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như the nào? Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy,

nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khini, Ta cho phép người giúp việc tu viện. 57. Đen lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuông một bên. Khi đã ngôi xuồng một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này: Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không? -Tâu Đại vương, đã được rồi. Thưa ngài, như vậy thì trẫm sẽ ban cho ngài người giúp việc tu viện.

58. Sau đó, khi đã hứa với Đại đức Pilindivaccha vê người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Một thời gian sau, khi đã phục hồi lại ký ức, đức vua đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng: Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa? -Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức. -Này khanh, tính đến nay là đã bao lâu rồi? Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm. Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện. -Tâu Bệ hạ5 xin vâng.

Roi vị quan đại thân ây đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha và dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng của những người giúp việc tu viện.^, Họ cũng đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng Pilindi.,, 59. Vào lúc bây giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay tới lui trong ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, roi đi vào ngôi làng Pilindi đê khát thực. 60. Vào lúc bây giờ, trong ngôi làng ây có lê hội. Những đứa trẻ nhỏ được trang điểm, đeo vòng hoa và chơi đùa. Khi ấy, trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. 61. Vào lúc bây giờ, đứa bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ây nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: -Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức. Khi ây, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ây điều này: -Vì sao đứa bé gái này khóc vậy? -Thưa ngài, đứa bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên oa khóc: "Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.,, Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức? 62. Khi ấy, Đại đức Pilindiyaccha đã nhặt lấy một nắm cỏ nọ rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này: -Vậy hãy đội nắm cỏ này lên đầu đứa bé gái kia đi. Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy nắm cỏ ấy rồi đội lên đầu đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng ròng, đẹp đẽ5 xinh xắn, duyên dáng; ngay cả tronẹ nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa băng vàng ròng như thê ây. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha rang: -Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xan, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của Bệ hạ cũng không có được vòng hoa bang vàng

ròng như the ấy. Đoi với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã cho lệnh bắt giữ gia đình người giúp việc tu viện ấy. 63. Đen lần thứ nhi, vào buổi sáng Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng: Gia đình người giúp việc tu viện này đã đi đâu?

-Thưa ngài, bọn họ đã bị đức vua ra lệnh bat giữ vì nguyên nhân vòng hoa băng vàng ròng ây. 64. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đức vua đã ngồi xuống một bên, Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha điều này: -Tâu Đại vương, vì sao gia đình người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ? Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ây có vòng hoa băng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của trẫm cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp. 65. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: “Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha là vàng rímg"; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bang vàng ròng. -Tâu Đại vương, do đâu Bệ hạ lại có nhiêu vàng ròng đên thê này? Thưa ngài, trẫm đã hiểu rồi. Việc này là năng lực thần thông của ngài Đại đức. Rồi [đức vua] đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. Dân chúng [đồn rằng]: "Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thân thông là pháp thượng nhân trước triêu thân có cả đức vua nữa!^, nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là "bo lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.,, 66. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành người thọ lãnh năm loại dược phẩm. Đại đức phân phát cho hội chúng vật đã được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Họ chứa đầy vật đã được thọ lãnh vào các hũ và các chum rồi cất đi. Họ chứa đày các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các dược phẩm ấy đã bi rỉ xuống chảy ra và vẫn còn y nguyên. Các trú xá đã có các con chuột xuất hiện rải rác rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha vậy.^, 67. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại chập nhận sự thặng dư như thê này?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Torie -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

-Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, các loại dược phẩm thích hợp cho các Tỳ-khưu bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, sau khi thọ lãnh chúng nên thọ dụng trong thời hạn tích trữ tôi đa là bảy ngày; nêu vượt quá thời hạn ây thì nên được hành xử theo pháp.3 Tụng phẩm về uDược phẩm đã được cho phEp" là phần thứ nhất

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành về phía thành Rājagaha. 2. Trên đường đi, Đại đức Kañkhārevata4 đã nhìn thấy lò nấu đường và đã bước xuống. Sau khi nhìn thây [những người thợ] bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, vị ấy [nghĩ rằng]: uMật đường trộn với vật thực là không được phép, [vì thế] đường không được thọ dụng lúc phi th&i", trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thê không thọ dụng đường. Thậm chí nhiêu vi nghĩ răng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên r đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 vì mục đích gì mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường vậy? -Bạch Thế Tôn, vì mục đích kết tinh. Này các Tỳ-khưu, nếu vì mục đích kết tinh mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, [hỗn hợp] ấy kết thành khối vẫn gọi là "đường" vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đường một cách thoải mái. 3. Trên đường đi, Đại đức Kañkhārevata đã nhìn thấy cây đậu muggā5 sinh trưởng ở bãi phân. Sau khi nhìn thấy, vị ấy [nghĩ rằng]: "Các hạt đậu muggā là không được phép, dầu cho đã được nấu chín, các hạt đậu muggā vẫn sinh trưởng,, trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đậu muggā. Thậm chí nhiêu vi nghĩ răng nên nghe theo vị ây roi cũng không thọ dụng đậu muggā. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, dầu cho đã được nấu chín, đậu muggā vẫn sinh trưởng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đậu muggā một cách thoải mái.

3 Liên quan đến tội Nỉssaggiya Pãcittiya 23 (ND).

4 Kañkhāreyata. ^Kaùkhẩ' có nghĩa là sự hoài nghi, sự nghi ngờ, sự không chắc chắn. Dựa vào nội dụng, có thể suy luận rằng đây là biệt hiệu của vị Tỳ-khưu tên Revata; như thế, tên vị ấy có thể dịch là uRevata đa ngXi" (ÑD). 5 Đậu muggā: Không rõ loại đậu này là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: "Chính vì đã được nấu chín nen chúng vẫn được ph6p" (VìnA. v. 1092). Chúng tôi không nghĩ ra được loại hạt g^đã được nấu chín, đã được an vào, và trai qua quá trình tiêu hóa rồi được thải ra theo đường phan mà vẫn có thể nảy mâm và mọc thành cây.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 277

r e r 4. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh đau bụng bão. Vị ây đã húp cháo chua có muối. Bệnh đau bụng bão ấy của vị ấy đã được thuyên giảm. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng cháo chua có muối đối với vị bi bênh, đối với vị không bệnh thì đã được pha trộn với nước như là thức uống. 5. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng bão. 6. Khi ây, Đại đức Ananda [nghĩ răng]:

"Trước đây, bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn được dịu đi nhờ cháo gồm có ba thứ" nên đã đích thân đi xin mè, gạo lức và đậu muggā roi tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đích thân nâu ở bên trong và đã đem đến dâng lên đức Thế Tôn: “Xin Thế Tôn hãy húp cháo gồm có ba thứ." 7. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vi vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử." 8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, cháo này từ đâu vậy? 9. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Ānanda, vì sao ngươi lại nghĩ đến việc đa đoan như thế này? Này Ānanda, vật đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên] là không được phép, vật đã được nấu ở bên trong là không được phép, vật đã được tự mình nâu là không được phép. Này Ananda, sự việc này không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, không nên thọ dụng [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nau ở bên trong, đã được tự mình nau; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm ba tội Dukkata. Này các Tỳ- khưu, nêu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm hai tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài [khuôn viên], đã được tự mình nấu thì phạm hai tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu5 nếu

thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nâu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm hai tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nau thì vô tội. 10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc tự mình nấu đã được đức Thế Tôn cấm đoán” nên đã ngần ngại trong việc nấu lại lần nữa [hâm nóng thức ăn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nâu [lại] vật thực đã được nâu. 11. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha bị khó khăn về vật thực. Dân chúng đã đem đên tu viện muôi, dâu ăn, gạo lức và vật thực cứng. Các vị Tỳ-khưu đã tích trữ các thức ấy ở bên ngoài. Các con thú hoang ăn mất di, những kẻ trộm lấy đi, những người chuyên ăn vật thực thừa mang đi. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tích trữ ở bên trong. Sau khi tích trữ ở bên trong, các vị cho nấu ở bên ngoài. Những người chuyên ăn vật thực thừa vây quanh. Các vị Tỳ-khưu thọ

dụng không được an toàn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nau ở bên trong. Trong thời gian khó khăn về vật thực, người làm thành được phép [các món vật thực] đã mang đi các phần nhiều hơn và dâng cho các vị Tỳ-khưu phần ít hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tự mình nấu. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nâu. 12. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, các vị đã không được đây đủ theo như nhu câu vê vật thực dâu là tâm thường hay hảo hạng. Và đã có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm [cho trái cây áy] thành được phép. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây với vóc dáng mệt mỏi đã đi đên Rājagaha, VeẸuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 13. Điều này đã trở thành thong lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM e 279

Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ- khưu, các ngươi từ đâu đến vậy? Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Bạch Ngài, trường hợp chúng con khi đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kãsi và đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, chúng con đã không đạt được sự đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng, và có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm thành được phép; vì thế, chúng con đã đi đường xa đen với vóc dáng mệt mỏi. 14. Sau đó? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ở nơi nào thây trái cây có thê ăn được và không có người làm thành được phép thì tự mình nhặt lấy, mang đi, đến khi ẹặp được người làm thành được phép thì đặt [trái cây] trên mặt đất, bảo [người ấy] trao lại, rồi thọ dụng. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên. 15. Vào lúc bây giờ, có người Bà-la-môn nọ thâu hoạch mè mới và mật đường mới. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên dâng mè mới và mật đường mới đến hội chúng có đức Phật đứng du?" Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã noi với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.,, Đức Thế Tôn đã nhận lời bang thái độ im lặng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi. 16. Sau đó, khi trải qua đêm ây, người Bà-la-môn ây đã cho chuân bị săn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Ton: "Bạch Ngài Gotama, đã đến thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người Bà-la-môn ây, sau khi đên đã ngôi xuông ở chô ngôi được sáp đặt săn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 17. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen

khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người Bà-la-môn ấy bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. 18. Sau đó, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được ta thỉnh mời vì

mục đích của những thứ này: 'Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới\ nhưng ta đã quên dâng chúng rồi. Hay là ta sẽ cho người mang mè mới và mật đường mới băng các vại và các hũ đên tu viện vay?" 19. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã cho người mang mè mới và mật đường mới băng các vại và các hũ đên tu viện roi đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức The Ton điêu này: Bạch Ngài Gotama, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được tôi thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: “Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mói", nhtrng tôi đã quên dâng chúng. Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh mè mới và mật đường mới của tôi. Này Bà-la-môn, như vậy thì ngươi hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu đi.

20. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khiru nhận lãnh chỉ chút ít roi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ roi từ choi. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép vị đã ăn xong, khi được yêu cau thì được thọ dụng vật không phải còn thừa và đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong. 21. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu upananda, con trai dòng Sakyā đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dặn dò] răng: "Nên trình cho ngài Đại đức Ưpananda thây roi mới dâng đên hội chúng.” 22. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā đã đi vào làng để khất thực. 23. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: -Thưa các ngài, ngài Đại đức upananda ở đâu vậy? Này các đạo hữu, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā này đã đi vào làng để khất thực. —Thưa các ngài, vật thực loại cứng này nên được trình cho ngài Đại đức upananda thây roi mới dâng đên hội chúng. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, như vậy thì sau khi thọ lãnh, các ngươi hãy để riêng ra đến khi upananda trở về. 24. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn rồi về lại trong ngày. 25. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vi Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

Này các Tỳ-khiru, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được thọ lãnh trước bữa ăn. 26. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến

thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 27. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bị bệnh sốt toàn thân. 28. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: -Này Đại đức Sāriputta, trước đây bệnh sót toàn thân của Đại đức được diu đi nhờ vào thứ gì? Này Đại đức, tôi nhờ vào các củ sen và các cọng sen. 29. Sau đó, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinĩ. 30. Có con long tượng nọ đã nhìn thấy Đại đức Mahāmoggallāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahāmoggallāna hãy đến. Thưa ngài, xin hoan \ nghênh _ ngài Đại đức Mahāmoggallāna. Thưa ngài, ngài Đại đức có nhu ____ _ Ạ xo nn • — J A cau gì? Toi sẽ dâng vạt gì? -Này đạo hữu, ta có nhu câu vê các củ sen và các cọng sen. 31. Khi ấy, con long tượng ấy đã ra lệnh cho con long tượng khác rằng: "Này bạn, như vậy bạn hãy dâng đến ngài Đại đức các củ sen và các cọng sen theo như nhu cAu.” Sau đó, con long tượng ây đã lội xuồng hô sen Mandākinī, dùng vòi nhổ củ sen và cọng sen rồi rửa sạch sẽ? sau khi rửa xong đã buộc lại thành bó rồi đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna. 32. Khi ây, giông như người đàn ông có sức mạnh có thê đuôi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biên mat tại bờ hô sen Mandākinī roi hiện ra ở Jetavana. 33. Con long tượng áy cũng đã biên mat tại bờ hô sen Mandākinī và hiện ra ở Jetavana. Khi áy, con long tượng áy sau khi đã dâng đên Đại đức Mahāmoggallāna các củ sen và các cọng sen roi, đã biên mat tại Jetavana và hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī. 34. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đem lại các củ sen và các cọng sen cho Đại đức Sāriputta. Khi áy, vào lúc Đại đức Sāriputta đã thọ dụng các củ

sen và các cọng sen, bệnh sốt toàn thân đã được thuyên giảm. Nhiều củ sen và cọng sen còn thừa lại. 35. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vi Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được mọc ở rừng [hoặc] đã được mọc ở hồ nước. 36. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi được phát sanh nhiều trái cây có thể ăn được. Và người làm [cho trái cây ấy] thành được phép là không có. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ dụng trái cây. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây không có hột, hoặc không còn hột, [cho dù] chưa được làm trở thành đúng phép. 37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành về phía thành Rājagaha. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. 38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Sau đó5 đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến tru xá của vi

Tỳ-khưu nọ. Thầy thuốc Ākāsagotta đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Nẹài Gotama, xin hãy lại đây. Xin hãy nhìn xem hậu môn của vi Tỳ-khưu này, giống như là miệng của con kỳ nhông vậy.„ 39. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Kẻ rồ dại này [muốn] đùa cợt Ta!" roi từ chính nơi ây? đã quay trở vê, roi nhân lý do ây, nhân sự kiện ây đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, có phải trong trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh? - Bạch Thế Tôn, thưa có. - Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu ấy bị bệnh gì? Bạch Ngài, Đại đức ấy bi bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy lại cho người thực hiện công việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]? Này các Tỳ-khưu, da ở chỗ kín thì mỏng, vết thương khó liền da, dao khó điều khiển. Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 283

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ the]; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội Thullaccaya. 40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán việc mổ xẻ" nên đã cho người thực hiện việc bơm thụt. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cho người thực hiện việc bơm tliỊit?" Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc áy len đức The Ton. 41. -Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cho người thực hiện việc bơm thụt, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu? không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ hoặc việc bơm thụt xung quanh chỗ kín [của cơ thể] hai lóng tay; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội Thullaccaya. 42. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārānasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārānasī. Tại nơi đó5 trong thành Bārānasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở vườn Nai. 43. Vào lúc bấy giờ, trong thành Bārānasī có nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyâ. Cả hai đều mộ đạo, là thí chủ, là người phục vụ, là người hộ độ hội chúng. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyã đi đến tu viện rồi đi từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đen phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rang: —Thưa các ngài, vi nào bị bệnh? Vật gì cần được mang lại? Cho vị nào? 44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã uống thuốc xổ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với nữ cư sĩ Suppiyâ điều này: Này chị gái, tôi đã uống thuốc xổ. Tôi có nhu cầu về nước luộc thịt. -Thưa ngài, tốt lắm. [Nước luộc thịt] sẽ được mang lại. Sau khi vê nhà, nàng đã bảo người giúp việc răng: Này chú em, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

Thưa cô chủ, xin vâng. Rồi người đàn ông ấy nghe theo nữ cư sĩ Suppiyâ, trong khi đi rảo khắp cả thành Bārānasī vẫn không thấy loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, người

đàn ông ấy đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyâ, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyâ điều này: -Thưa cô chủ, không có thịt đã được làm sẵn. Hôm nay là ngày kiêng sát sanh. 45. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyâ đã khởi ý điều này: Tỳ-khưu bị bệnh ấy mà không có được nước luộc thịt thì bệnh sẽ trầm Ượng hơn, hoặc sẽ chết. Đối với

ta, việc ta đã hứa mà không cho ngưòd đem lại là việc không thích âản^\ nên đã cầm lấy con dao găm cắt lìa miếng thịt ở đùi rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: “Này em, sau khi chuẩn bi miếng thịt này, ở trú xá kia có vị Tỳ-khun bị bệnh, hãy dânệ đến vị ấy. Và ai hỏi ta thì hãy báo cho biết là 'cô chủ bi penh."' Rồi nàng đã lay thượng y quấn quanh đùi, đi vào phòng trong và nằm xuống trên giường. 46. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã trở vê nhà và hỏi người tớ gái răng: Suppiyā đâu rồi?

Thưa ông chủ, bà năm ở phòng trong. Khi ây, nam cư sĩ Suppiya đã đi đên gặp nữ cư sĩ Suppiyâ, sau khi đên đã nói với nữ cư sĩ Suppiyâ điều này: -Vì sao nàng lại nằm vậy? -Thiếp bị bệnh. —Nàng bị bệnh gì vậy? Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyâ đã kể lại sự việc ấy cho nam cư sĩ Suppiya. 47. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya [nghi rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Nàng Suppiyâ này có niêm tin, mộ đạo đến thế. Bởi vì ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được dứt bỏ, thì đối với nàng còn có vật gì khác nữa sẽ là không thể bố thí?” rồi đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt ben. 48. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Suppiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi. 49. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nam cư sĩ Suppiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức The Ton: Bạch Ngài, đã đên giờ, thức ăn đã chuân bi xong. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của nam cư sĩ Suppiya, sau khi đên đã ngôi xuồng ở chô ngôi được sap đặt săn cùng với hội chúng Tỳ"khưu. 50. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi nam cư sĩ Suppiya đã đứng một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ Suppiya điều này: - Suppiyā đâu rồi? —Bạch Thế Tôn, nàng bị bệnh.

- Như vậy thì [nàng] hãy đi đến. - Bạch Thế Tôn, nàng không đủ sức. Như vậy thì hãy ẵm rồi đưa [nàng] lại. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã ẵm và đưa nữ cư sĩ Suppiyā lại. Đối với nàng, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc. 51. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại than lực, có đại oai lực! Bởi vì ở đây, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc,, nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng,

loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích, tạo niềm phấn khởi cho nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyâ bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 52 Sau đo, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiện áy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu, vị nào đã yêu câu nữ cư sĩ Suppiyā vê thịt? Khi được nói như thế, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, chính con đã yêu câu nữ cư sĩ Suppiyā vê thịt. Này Tỳ-khưu5 có phải [thịt] đã được đem đến? Bạch Thế Tôn, [thịt] đã được đem đến.

Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã thọ dụng?

Bạch Thế Tôn, con đã thọ dụng.

Này Tỳ-khưu9 thế ngươi có suy xét [là thịt gì] hay không?

Bạch Thế Tôn, con đã không suy xét [là thịt gì].

53. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi chưa suy xét mà lại thọ dụng thịt? Này kẻ rồ dại, ngươi đã thọ dụng thịt người. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, có những người có niêm tin, mộ đạo, ngay cả các phân thịt của chính bản thân còn được những người này dứt bỏ. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt người; vị nào thọ dụng thì phạm tội Thullaccaya. Và này các Tỳ-khưu5 không nên thọ dụng thịt khi chưa suy xét; vi nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 54. Vào lúc bấy giờ, các con voi của đức vua bi chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt voi. Họ bố thí thịt voi đến các vi Tỳ-khưu

đang đi khất thực. Các vi Tỳ-khưu thọ dụng thịt voi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt voi? Các con voi là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vi ấy.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? không nên thọ dụng thịt voi; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 55. Vào lúc bấy giờ, các con ngựa của đức vua bi chết. Tronệ thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt ngựa. Họ bô thí thịt ngựa đên các vị Tỳ- khưu đang đi khất thực. Các vi Tỳ-khưu thọ dụng thịt ngựa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt ngựa? Các con ngựa là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt ngựa; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 56. Vào lúc bây giờ, trong thời kỳ khó khăn vê vật thực dân chúng ăn thịt chó. Họ bố thí thịt chó đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt chó. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt chó? Loài chó thì ghê tởm và đáng ghét.,, Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, không nên thọ dụng thịt chó; vi nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 57. Vào lúc bây giờ, trong thời kỳ khó khăn vê vật thực dân chúng ăn thịt rắn. Họ bố thí thịt rắn đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khiru thọ dụng thịt rắn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai

rằng: "Tại sao các Sa- môn Thích tử lại thọ dụng thịt rắn? Loài rắn thì ghê tởm và đáng ghét.” 58. Vua của loài rắn là Suphassa cũng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn roi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Suphassa vua của loài rắn đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, có những loài rắn không có đức tin, không có lòng ngưỡng mộ, chúng có thể hãm hại các vị Tỳ-khưu dầu là việc không đáng. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay các ngài Đại đức chớ nên thọ dụng thịt ran. 59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suphassa, vua của loài rắn bằng bài pháp thoại. Sau đó? khi đã được đức Thế tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suphassa, vua của loài răn đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 60. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lí do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt rắn; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 287

61. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con sư tử rồi ăn thịt sư tử. Họ bố thí thịt sư tử đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vi Ty-khiru sau khi thọ dụng thịt sư tử rồi vào ngụ ở trong rưng. Những con sư tử vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt sư tử; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 62. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con hổ rồi ăn thịt hổ. Họ bố thí thịt hổ đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vi Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt hô roi vào ngụ ở trong rừng. Những con hô vô lây các vị Tỳ-khiru bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt hổ; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 63. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con beo rồi ăn thịt beo. Họ bố thí thịt beo đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Ty-khvru sau khi thọ dụng thịt beo rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con beo vồ lấy các vị Tỳ"khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt beo; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 64. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con gấu rồi ăn thịt gấu. Họ bố thí thịt gấu đến các vi Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt gấu rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con gấu vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru? không nên thọ dụng thịt gâu; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkaịa. 65. Vào lúc bây giờ, những người thợ săn giêt chét con chó sói roi ăn thịt chó sói. Họ bố thí thịt chó sói đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt chó sói rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con chó sói vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt chó sói; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. Tụng phẩm Suppiya là phần thứ nhì.

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārānasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Andhakavinda cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. 2. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiêu muôi, dâu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng roi lân lượt nôi đuôi theo sau

hội chúng Tỳ-khưu, có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: “Khi nào chúng tôi đên phiên, khi ây chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn,5 và sô lượng người ăn thức ăn còn thừa là năm trăm người. 3. Sau đó, trong khi tuân tự du hành, đức Thê Tôn đã ngự đên Andhakavinda. Khi ây, có người Bà-la-môn nọ không nhận được phiên nên đã khởi ý điêu này: “Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đàu [nghĩ rằng]: 'Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn9 và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bi món d6?” Sau đó, người Bà-la-môn ấy trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thay hai món là cháo và mật viên. 4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, ở đây, tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món d6?” Thưa ngài Ānanda, trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là cháo và mật viên. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bi sẵn sàng cháo và mật viên thì Ngài Gotama có thọ nhận của tôi hay không? Này ông Bà-la-môn, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn. Này Ānanda, như vậy thì bảo ông ta hãy chuân bị săn sàng. Này ông Bà-la-môn, như vậy thì ông hãy chuẩn bị sẵn sàng. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều cháo và mật viên, rồi đem dâng đến đức Thế Tôn: Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh cháo và mật viên của tôi. Này Bà-la-môn, như thế thì hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu. Các vi Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh, hãy thọ dụng. 6. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều cháo và mật viên. Đen khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát? người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: "Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. Mười điều ấy là gì? Trong khi bố thí cháo, [người ấy] bố thí tuổi thọ, bố thí sắc dẹp, bố thí sự an lạc, bo thí sức mạnh, bố thí sự

sáng suốt, những người đã húp cháo dứt han cơn đói, chận đứng cơn khát, điêu hòa gió, làm sạch bàng quang và làm tiêu hóa phan [vật thực] còn lại chưa tiêu. Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. 7. Người nào bô thí cháo một cách trân trọng và hợp thời đên các vị đã được thu thúc, [sông nhờ] vật thực được bô thí bởi những kẻ khác, [người áy] cho đên vị này mười điêu lợi ích là tuổi thọ và sác đẹp, sự an vui và sức mạnh. 8. Nhờ đó, sự sáng suốt được sanh khởi cho vị này, khiến xua đi cơn đói, cơn khát, [điều hòa] gió, làm trong sạch bàng quang, làm tiêu hóa vật đã được ăn

vào. Dược phàm này đã được ngợi khen bởi đang Thiện Thệ. 9. Chính vì điêu ây, người tâm câu sự an vui đang ước nguyện vê các sự an lạc thuộc cõi trời, hoặc đang ước muôn vê sự phơn vinh của nhân loại nên thường xuyên bố thí cháo thật đầy diỉ.” 10. Khi ấy, sau khi nói lời tuy hỷ đến người Bà-la-môn ấy bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cháo và mật viên.,, 11. Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn cho phép cháo và mật viên đến các Tỳ-khưu?9 Vào buổi sáng sớm, họ đã chuẩn bị sẵn sàng cháo đặc và mật viên. Các Tỳ-khiru vào buổi sáng sớm được thỏa mãn với cháo đặc và mật viên nên không thọ thực được như ý ở chỗ thọ thực. 12. Vào lúc bấy giờ, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, đã được vị quan đại thần nọ mới có đức tin thỉnh mời vào ngày hôm sau. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên chuẩn bị sẵn sàng một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt cho một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, rồi sẽ dang đến cứ mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thit?^ Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong.” Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của vị quan đại thần mới có đức tin ấy, sau khi đên đã ngôi xuồng ở chô ngôi được sáp đặt săn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 13. Sau đó, vị quan đại than mới có đức tin ấy phục vụ các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi. Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít thôi [vì nghĩ rằng]: "Vj quan đại thần này mới có đức tin." Tôi đã chuẩn bi nhiều vật thực loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, tôi sẽ dâng đến mỗi một vi Tỳ-khmi là mỗi một đĩa thịt. Thưa các ngài, xin hãy thọ lãnh theo như ước muốn.

Này đạo hữu, không phải vì lý do ấy mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít; tuy nhiên vào sáng sớm, chúng tôi đã được bôi bô với cháo đặc và mật viên roi, cho nên chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít. 14. Khi ây, vị quan đại thân mới có đức tin ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: uTại sao các Đại đức đã được tôi thỉnh mời lại thọ dụng cháo đặc của người khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng đê bô thí theo như ước muôn hay sao?” Roi trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muôn lăng mạ nên đã đi đên và trong khi đê đây bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói răng]: "Hãy ăn đi hoặc hãy mang di." 15. Sau đỏ. vi quan đại thần mới có đức tin ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị quan đại thân mới có đức tin ây đã ngôi xuông một bên. Khi vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị quan đại thần mới có đức tin ấy bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 16. Khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã 5 A

không đạt được điêu tót! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vi Tỳ-khưu [nói rằng]: 'Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi/ Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phir&c?" 17. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vi quan đại thân mới có đức tin ây đã nói với đức Thê Tôn điêu này: "Bạch Ngài, ở đây, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, con đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: 'Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điêu tót! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muôn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi. Ta đã tạo ra được nhiều điều gì5 là phước báu hay là vô phước?9 Bạch Ngài, con đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phiróc?" Này đạo hữu, kể từ lúc ngươi thỉnh mời hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho ngày hôm sau, từ lúc ấy ngươi đã tạo ra được nhiều phước báu. Kê từ lúc môi một miêng cơm của ngươi được môi một vị Tỳ-khưu thọ lãnh, từ lúc ây ngươi đã tạo ra được nhiêu phước báu. Các cõi trời đã được thành tựu cho ngươi rồi.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 291

18. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta có được điêu lợi ích! Nghe nói ta đã đạt được điêu tót! Nghe nói ta đã tạo ra được nhiều phước báu! Nghe nói các cõi trời đã được thành tựu cho ta!" nên mừng rỡ, phấn chấn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khiru rang: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khxru rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.6 19. Sau đó, khi đã ngự tại Andhakavinda theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-khưu. 20. Vào lúc bấy giờ, Belattha Kaccāna đang đi đường xa từ thành Rājagaha đến Andhakavinda cùng với năm trăm xe hàng, toàn bộ đều chất đầy các hũ mật đường. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Belattha Kaccāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thây đã rời đường lộ và ngôi xuông ở góc cây nọ. 21. Sau đó, Belattha Kaccāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Belattha Kaccāna đã noi vơi đức The Ton điêu nay: —Bạch Ngài, con muốn dâng đến mỗi một vi Tỳ-khưu một hũ mật đường. Này Kaccāna, như vậy thì ngươi hãy mang lại chỉ một hũ mật đường thôi. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chỉ một hũ mật đường rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, hũ mật đường đã được mang

lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đay? Này Kaccāna, như the thì ngươi hãy dâng mật đường đen các vị Tỳ-khiru. -Bạch Ngài, xin vâng.

6 Liên quan đến tội Pãcittiya 33.

292 ĐẠI PHẨM

Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khưu và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như the nào đây? Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy dâng mật đường đến các vi Tỳ-khmi theo như ước muốn. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vi Tỳ-khưu theo như ước muốn rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vi Tỳ-khưu theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây? -Này Kaccāna, như thê thì ngươi hãy làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho các vị Tỵ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số các vi Tỳ-khưu đã chứa đầy các bình bát, đã chứa đầy các túi lọc nước và luôn cả các túi xách. 22. Rồi Belattha Kaccāna sau khi đã làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, các vị Tỳ-khưu đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây? -Này Kaccâna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, mật đường đã được cho đên những người ăn vật thực còn thừa và nhiêu mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thê nào đây? -Này Kaccâna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa theo như ước muốn. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, mật đườnẹ đã được cho đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 293

Này Kaccãna, như thế thì ngươi hãy làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số người ăn thức ăn còn thừa đã chứa đầy các lọ, các bình, đã chứa đay các giỏ và dùng luôn cả phần y ở phía trước [đã được buộc lại]. 23. Rồi Belattha Kaccāna sau khi đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, những người ăn thức ăn còn thừa đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa

lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nao đây? Này Kaccāna, Ta không thây người nào trong thê gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cối Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la- m6n, các hạng chư thiên và loài người mà đường này khi được người ấy ăn vào có the đem lại sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Này Kaccâna, chính vì điều ấy, ngươi hãy đổ bỏ đường ấy ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. -Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Belattha Kaccãna nghe theo đức Thế Tôn đã đổ mật đường ấy xuống nước không có sinh vật. Khi ấy, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói. Cũng giống như lưỡi cày đã được nung đỏ trọn ngày, khi được bỏ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói; tương tợ như thế, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói. 24. Khi ấy, Belattha Kaccāna trở nên hoảng hốt, lông dựng đứng lên, rồi đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng một bên. Khi Belattha Kaccāna đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Belattha Kaccāna. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức The Tôn biết được Belattha Kaccāna có tâm đã săn sàng, dê uôn năn5 không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chô ngôi ây, pháp nhãn không nhiêm bụi trân, không vét nhơ đã sanh khởi đên Belattha Kaccāna: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 25. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thâm nhuân pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt han, đã

thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Belattha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối5 đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: 'Những ai có mắt sẽ thay được các hình dáng9; tương tợ như the, pháp đã được đức The Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kê từ hôm nay cho đên trọn dòi." 26. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, mật đường được dồi dào. Các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Mật đường đã được đức Thế Tôn cho phép đến chính vị bị bệnh, không cho đối với vị không bị bênh”, trong lúc ngần ngại, không thọ dụng mật đường. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mật đường đối với vị bị bệnh và nước [có pha] mật đường đối với vi không bị bệnh. 27. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Pātaligāma7 cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Sau đó, trong khi

tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Pātaligāma. Các cư sĩ ở tại Pātaligāma đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Pataligama?9 Sau đó9 các cư sĩ ở tại Pātaligāma đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh lê đức Thê Tôn roi đã ngôi xuống một bên. Khi các cư sĩ ở tại Pātaligāma đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho các cư sĩ ở tại Pātaligāma bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phan khởi bang bài pháp thoại, các cư sĩ ở tại Pātaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời [trú tại] nhà nghỉ trọ cùng với hội chúng Ty-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. 28. Khi ấy, các cư sĩ ở tại Pātaligāma hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, thắp sáng cây đèn dầu, roi đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh lê đức Thê Tôn roi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở tại Pātaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bo trí, cây đèn dầu đã được thắp sáng.

7 Pātaligāma là một làng (gāmā) thuộc xứ Magadha, nay là thành phố Patna, Ấn Độ (ND).

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 295

Bạch Ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính về việc ấy. Sau đó9 đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi cùng với đại chúng Tỳ-khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngoi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn ve hướng Đông. Hội chúng Tỳ-khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, roi đi vào nhà nghỉ trọ và ngôi xuổng chỗ bức tường ở phía Tây, mặt nhìn về hướng Đông và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ ở tại Pātaligāma cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Đông, mặt nhìn về hướng Tây và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. 29. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ ở tại Pātaligāma rằng: Này các cư sĩ, đây là năm điêu tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng vê giới. Năm điêu ây là gì? Này các cư sĩ, ở đây, kẻ ác giới có sự hư hỏng vê giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiêng đôn xâu xa của kẻ ác giới có sự hư hỏng vê giới lan rộng. Đây là điêu tai hại thứ nhì của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư si, còn có điêu khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng vê giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn5 kẻ ấy đi vào thiêu sự tự chủ và trở nên bôi roi. Đây là điêu tai hại thứ ba của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư si, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng vê giới bị mê muội khi từ trân. Đây là điêu tai hại thứ tư của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn bất hạnh, cõi khô, nơi

trừng phạt, địa ngục. Đây là điêu tai hại thứ năm của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng ve giới. 30. Này các cư si, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu vê giới. Năm điêu ây là gì? Này các cư si, người giữ giới có sự thành tựu vê giới thành tựu số lượng lớn về tài sản do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điêu lợi ích thứ nhát của người giữ giới có sự thành tựu vê giới. Này các cư si, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu ve giới. Này các cư si, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, người ây đi vào có sự tự chủ và không có bôi roi. Đây là điêu lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu ve giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều

lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ5 còn có điêu khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu vê giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn an vui, cõi trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu ve giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. 31. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho các cư sĩ ở tại Pātaligāma băng bài pháp thoại đên tận đêm khuya, đức Thê Ton đã giai tan [bao rang]: Này các cư sĩ, đêm đã khuya. Bây giờ là thời điểm của việc gì thì các ngươi hãy suy tính vê việc áy. Bạch Ngài, xin vâng. Các cư sĩ ở tại Pātaligāma nghe theo đức Thế Tôn, đã tư chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi các cư sĩ ở tại Pātaligāma ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng. 32. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāraṃ hai vi quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pātaligāma để ngăn cản người Vajjī. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bang thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người, đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở Pātaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vi sai khiến tâm của các quan đại than của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vi vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vi trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại than của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. 33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, những ai là người cho xây thành lũy ở Pātaligāma vậy? —Bạch Ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pātaligāma để ngăn cản người Vajjī. Này Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư thiên ở cõi Tāvatimsa, này Ānanda, tương tợ như thế, Sunīdha và Vassakāraṃ hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho xây thành lũy ở Pātaligāma để ngăn cản người Vajjī. Này Ānanda, ở đây, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người, Ta đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong Pātaligāma. Các vị trời có

oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vi sai khiên tâm của các quan đại thân của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vi trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực

kém chiêm giữ khu vực nào thì các vị sai khiên tâm của các quan đại thân của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Này Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người Ariyan và đến tận con đường của những nhà thương buôn, Pātaliputta này sẽ trở thành thành phố hàng đầu, là nơi bốc dở các loại hàng hóa. Này Ānanda, thành Pātaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia hai từ trong nội bộ. 34. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vi quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Xin Ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.59 Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lăng. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vi quan đại thần xứ Magadha sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã ra đi. 35. Sau đó5 Sunīdha và Vassakāra, hai vi quan đại thần xứ Magadha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài Gotama, đã đến giơ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đen nơi phân phoi thức ăn của Sunīdha và Vassakāra, hai vi quan đại thần xứ Magadha sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Ty-khtru. 36. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thê Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, hai vị quan đại thần đã ngồi xuống một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thân xứ Magadha đã ngôi xuông một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến hai vị quan đại thần bằng những lời kệ này: 37. “d tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy, sau khi dâng thức ăn đến các vị có giới thu thúc, hành Phạm hạnh. 38. Nên tỏ sự kính trọng đến chư thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư thiên ấy, được cúng dường, sẽ cung dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy. 39. Do đó, chư thiên thương mên người áy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lanh." 40. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vi quan đại thần xứ Magadha bằng những lời kệ này9 đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi theo phía sau đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "H6m nay, Sa- môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là cửa thành

> ỉ r r Gotama, và băng qua sông Gañgā băng bên tàu nào thì bên tàu ây sẽ có tên là bến tàu Gotama.,, Sau đó, cửa thành nào mà đức Thế Tôn đã đi ra, cửa thành ấy đã có tên là cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gañgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gañgā luôn tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. 41. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một sô đang đi kiêm xuồng, một sô đang buộc thành chiêc bè với ước muôn đi từ bờ này sang bờ kia. Sau khi nhìn thấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gañgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, khi đã biết sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: 42. Những người băng qua biên cả ao hô, sau khi xây dựng cây câu vượt qua các hồ nhỏ. [Trong khi] người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc trí đã vượt qua [bờ kia]. 43. Sau đó, đức Thế Tôn đã ngự đến Kotigāma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại Kotigāma. ở đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 do sự không giác ngộ, không thấu triệt được bốn chân lý cao thượng, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khiru? do sự không giác ngộ, không thấu triệt được chân lý cao thượng của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hoi thời gian dài thăm thẳm. (nt) Chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khô,...(nt)...Chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ, ...(nt).. Chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đên sự châm dứt của khô, chính vì như thê mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Này các Tỳ-khưu, chân lý cao thượng của khô này đây đã được giác ngộ, đã được thâu triệt; chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thau triệt; chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đen sự cham dứt của kho đã được giác ngộ, đã được thấu triệt, [thì] nỗi khao khát về sự tái sanh đã được cắt đứt5 loi đưa đến sự tái sanh đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa. 44. "Do không nhìn thấy đúng theo bản thể của bốn chân lý cao thượng, nên bị luân hồi dài thăm thẳm trong những lần tái sanh kiếp này kiếp khác. 45. IGìi những điều này đây đã được nhìn thấy thì lối dẫn đi tái sanh không còn, nguồn sanh khổ đã đoạn, giờ đây không còn tái sanh nữa.^^ 46. Nàng kỹ nữ Ambapālī đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Ko(igma." Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho thắng [ngựa vào] những

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 299

Cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Ton. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, nàng đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngoi xuong một bên. Khi nàng đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi băng bài pháp thoại, nàng kỹ

nữ Ambapālī đã nói với đức Thê Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của con." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nen đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. 47. Các vi dòng dõi Licchavī ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Kotigāma.,, Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavī ở Vesālī đã cho thắng [ngựa vao] những co xe vo cung lọng lay, roi bước len co xe vo cung lọng lay, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Một số các vị dòng dõi Licchavī chuộng màu xanh, có vẻ bên ngoài màu xanh, y phục màu xanh, đồ trang sức màu xanh. Một số các vi dòng dõi Licchavī chuộng màu vàng, có vẻ bên ngoài màu vàng, y phục màu vàng, đồ trang sức màu vàng. Một số các vị dòng dõi Licchavī chuộng màu đỏ, có vẻ bên ngoài màu đỏ, y phục màu đỏ, đồ trang sức màu đỏ. Một số các vị dòng dõi Licchavī chuộng màu trăng, có vẻ bên ngoài màu trăng, y phục màu trăng, đô trang sức màu trắng. 48. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavī. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavī ấy đã nói với nàng kỹ nữ Ambapālī điều này: Này nàng Ambapālī, vì sao nàng lại di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavī của chúng tôi vậy? Này các cậu công tử, chính là vì tôi đã thỉnh mời được hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu vào ngày mai. -Này nàng Ambapālī, hãy nhường lại cho chúng tôi bữa thọ trai ấy với giá một trăm ngàn. Này các cậu công tử, cho dù các cậu chịu nhường lại thành Vesālī luôn cả dân cư cho tôi, tôi cũng không chịu nhường lại bữa thọ trai. 49. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavī ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: "Dúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván roi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván r8i!”

300 e ĐẠI PHẨM

50. Sau đó, các vị dòng dõi Licchavī ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị dòng dõi Licchavī ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thây đã bảo các vi Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, chư thiên ở cõi Tāvatimsa chưa được các Tỳ-khưu nhìn thấy trước đây. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavī. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavī. Này các Tỳ- khưu, hãy so sánh tập thê các vị dòng dõi Licchavī với tập thê chư thiên cõi Tāvatimsa. 51. Khi ấy5 sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, các vi dòng dõi Licchavī ây đã xuồng xe roi làm người bộ hành đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đảnh lê đức The Ton roi ngoi xuồng mọt ben. Khi họ đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho các vị dòng dõi Licchavī ây băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các vi dòng dõi Licchavī ấy đã nói đã với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của chúng tôi. Này các vi Licchavī, Ta đã nhận lời nàng kỹ nữ Ambapālī về bữa thọ trai vào ngày mai roi. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavī ấy đã búng

ngón tay [nói rằng]: "Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván roi!99 Sau đó, khi đã được hoan hỷ và thỏa mãn với lời nói của đức Thế Tôn, các vị dòng dõi Licchavī ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 52. Sau đó, khi đã ngự tại Kotigāma như ý thích, đức Thế Tôn đã đi đến Nātikā. Tại nơi ấy, ở Nātikā, đức Thế Tôn ngự tại Giñjakāvasathā (căn nhà bàng gạch). Sau đó9 khi trải qua đêm ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm trong khu vườn của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ dâng cúng vật thực của nàng kỹ nữ Ambapālī, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 53. Sau đó, nàng kỹ nữ Ambapālī đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, nàng đã ngồi xuồng một bên. Khi đã ngôi xuống một bên, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với 4. r rpl Á qp A 4. • A y đức The Ton điêu nay:

Bạch Ngài, con xin dâng khu vườn Ambavana (vườn xoài) này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu. Đức Thế Tôn đã thọ nhận khu vườn. 54. Sau d6, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tan niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Mahâvana. Tại nơi ấy, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvanaṃ giảng đường Kūtāgāra. Tụng phẩm Licchavī là thứ ba.

1. Vào lúc bấy giờ, các vị dòng dõi Licchavī rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức. 2. Vào lúc bấy giờ, Tướng quân Sīha là đệ tử của Nigantha đã ngồi xuống ở tập thể ấy. Khi ấy, Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vi dòng dõi Licchavī rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức như thế; có lẽ ta nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?" • 3. Sau đó, Tướng quân Sīha đã đi đến gặp Nigantha Nātaputta,8 sau khi đến đã đảnh lễ Nigantha Nātaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với Nigantha Nātaputta điều này: Thưa ngài, tôi muôn đi đên đê diện kiên Sa-môn Gotama. -Này Sīha, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này Sīha, chính Sa-môn Gotama là người thuyêt vê không hành động, giảng vê pháp không hành động và huân luyện các đệ tử với điêu ây. Khi ấy, ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn của Tướng quân Sīha đã được lắng dịu đi. 4. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, các vị dòng dõi Licchavī rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức. Đen lần thứ ba Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải

la bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vi dòng dõi Licchavī rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bang nhiều phương

8 Một trong 6 vị đứng đầu 6 nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

thức như thế. Những người Nigantha dầu có được hỏi ý kiến hay không được hỏi ý kiến thì sẽ làm được điều gì đối với ta? Có lẽ ta không cần hỏi ý kiến các Nigantha và nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?" 5. Sau đó, vào lúc xế trưa, Tướng quân Sīha cùng với năm trăm cỗ xe đã rời thành Vesālī để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, Tướng quân Sīha đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thê Tôn, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt ben. Khi ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, tôi được nghe răng: "Sa-môn Gotama là người thuý ét vê không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." Bạch Ngài, những người nào đã nói như vầy: uSa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy", bạch Ngài, phải chăng những người ấy nói đúng về đức Thế Tôn, không gièm pha đức Thế Tôn với sự sai trái và tuyên bố về pháp phù hợp với pháp [của Ngài] không? Và phải chăng bất cứ người nào sống theo pháp CÓ lời nói hợp với giáo lý đêu không phải là đôi tượng đê chê bai? Bạch Ngài, chúng tôi thật tình không có ý lên án đức Thế Tôn. 6. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không A r \ r hành động, giảng vê pháp không hành động và huân luyện các đệ tử với điêu ây." 7. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, . D 1 \ 1 r A , D , . . , . giảng vê pháp hành động và huân luyện các đệ tử với điêu ây." 8. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-m6n Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 9. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: 66Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 10. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan về Ta thì có thể nói rang: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huân luyện các đệ tử với điêu ây." 11. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 12. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng vê pháp thoát khỏi bào thai và huân luyện các đệ tử với điêu ây."

13. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huân luyện các đệ tử với điêu 2y." 14. Này Sīha, thê nào là pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng vê pháp không hành động và huân luyện các đệ tử với điều ấy" Này Sīha, bởi vì Ta giảng về không hành động của thân làm ác? của miệng nói ác, của ý nghĩ ác; Ta giảng vê không hành động của các pháp ác, bát thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sam6n Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." / r 15. Này Sīha, thê nào là pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng vê pháp hành động và huân luyện các đệ tử với điêu 2y" Này Sīha, bởi vì Ta giảng về hành động của thân làm thiện, của miệng nói thiện, của ý nghĩ thiện; Ta giảng về hành động của các thiện pháp dưới nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-m6n Gotama là người thuyêt vê hành động, giảng vê pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 16. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng vê pháp đoạn diệt và huân luyện các đệ tử với điêu ây" Này Sīha, bởi vì Ta giảng về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân, của si; Ta giảng về sự đoạn diệt của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói răng: "Sa-môn Gotama là người thuyêt vê đoạn diệt, giảng vê pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 17. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; Ta giảng pháp ve điều ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sam6n Gotama là người có sự ghê tởm, giảng vê pháp ghê tởm và huân luyện các đệ tử với điều ấy." 18. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì

Ta giảng pháp vê sự cách ly đôi với luyên ái, đôi với sân, đôi với si; Ta giảng pháp vê sự cách ly đôi với các pháp ác, bát thiện có nhiêu dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-mon Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 19. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy,5? Này Sīha, Ta giảng về các pháp ác và bất

thiện là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Này Sīha, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nót đã bị bứng góc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ây là "người thiêu d6t." Này Sīha, các pháp ác và bát thiện cân được thiêu đót của Như Lai đã được diệt tận, các rê đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bi làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn ĩ e y : 9 mà với pháp môn ây, trong khi nói một cách đúng dăn vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đót, giảng vê pháp thiêu đót và huân luyện các đệ tử với điều ấy.” 20. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều Oy"? Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vi lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thót nót đã bị bứng góc, đã bị làm cho không còn sự sông, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là "người thoát khỏi bào thai." Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự hiện hữu lần nữa và là sự tái sanh đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thót not đã bị bứng gôc9 đã bị làm cho không còn sự sông, không còn các điêu kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." 21. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đan vê Ta thì có thê nói răng: "Sa-m6n Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta là người tự tin, Ta giảng về sự tự tin với sự tự tin tối thượng và huấn luyện các đệ tử với điêu ây. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ây5 trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng vê pháp tự tin và huân luyện các đệ tử với điêu ây."

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 305

22. Khi được nói như thế, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dang"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. 23. - Này Sīha, ông hãy tiên hành việc suy xét. Việc suy xét đôi với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp. Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi; bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt dẹp.” Bạch Ngài, bởi vì các ngoại đạo sau khi thâu nhận con làm đệ tử có thể vác cờ đi khắp cả Vesālī [rêu rao] rằng: "Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng t6i!" thế mà

đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiên hành việc suy xét. Việc suy xét đôi với những người nôi tiêng như ông là tốt đẹp y Bạch Ngài, lần thứ nhì con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. 24. Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguôn nước chor những người r e r y Nigantha, vì thê đôi với những người ây, ông nên suy nghĩ đên vật thực cân được bố thí khi họ đi đến. Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigantha, vì the đoi với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.,, 25. Bạch Ngài, con đã được nghe điều này, Sa-môn Gotama đã nói như vầy: "Vật bố thí chỉ nên dâng đến Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến những người khác. Vật bố thí chỉ nên dâng đến các đệ tử của Ta thôi, vật bố r e / thí không nên dâng đên các đệ tử của những người khác. Đã dâng đên riêng Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến những người khác thì không có quả báo lớn. Đã dâng đến các đệ tử của Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến các đệ tử của những người khác thì không có quả báo lớn", thế mà đức Thế Tôn lại khuyến khích con việc bố thí cho những người Nigantha. Bạch Ngài, tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng con sẽ biết thời điểm. Bạch Ngài, lần thứ ba con đây xin đi đên nương nhờ đức Thê Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ- khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

26. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Tướng quân Sīha. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Tướng quân Sīha có tâm đã sẵn sàng, dễ uôn năn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tâm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chô ngôi ây, pháp nhãn không nhiêm bụi trân, không vết nhơ đã sanh khởi đến Tướng quân Sīha: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 27. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lăng. Khi ấy, Tướng quân Sīha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 28. Sau đó, Tướng quân Sīha đã ra lệnh cho người đàn ông nọ rằng: Này ngươi, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tướng quân Sīha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ănr hảo hạng loại cứng, loại mem, roi cho người thông báo thời giờ đên đức The Tôn: Bạch Ngài, đã đên giờ, thức ăn đã chuân bị xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh -r r X A e ~

của Tướng quân Sīha, sau khi đên đã ngôi xuông ở chô ngôi được sáp đặt săn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người Nigantha, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], hươ tay kêu gào rằng: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và làm bữa trai phạn cho Sa- môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên d&i." 30. Sau đó, có người đàn ông nọ đã đi đến gặp Tướng quân Sīha, sau khi đên đã thì thâm vào tai của Tướng quân Sīha răng: Thưa Tướng quân, ngài có biêt không? Những người Nigantha ây, từ đường phô [này] đên đường phô [khác], từ giao lộ [này] đên giao lộ [khác], hươ tay kêu gào rằng: "H6m nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và đã làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn

thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên 31. - Ông bạn ơi, thôi đi! Đã từ lâu nay, các ngài Đại đức ấy có ý muốn phỉ báng đức Phật, có ý muôn phỉ báng Giáo pháp, có ý muôn phỉ báng Hội chúng. Nhung các ngài Đại đức ấy không lượng sức, phí công, láo khoét, trong khi vu khống với điều không thật mà vẫn không làm tổn hại được đức Thế Tôn ấy. Và chúng tôi, cho dầu vì lý do sống còn, cũng không cố ý tước đoạt mạng sống của chúng sanh. 32. Sau đó, Tướng quân Sīha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đâu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên. Khi Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên? đức Thế r y (. vo .:

Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho Tướng quân Sīha băng bài pháp thoại, roi đã từ chô ngôi đứng dậy và ra đi. 33. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trong khi biết thịt được làm [giết] có liên quan [đến bản thân] thì không nên thọ dụng; vị nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cá và thịt có được ba điều tuyệt đối thanh tịnh: Không được thay, không được nghe, không nghi ngờ.9 34. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī có sự sung túc về vật thực, các vụ mùa tốt đẹp, vật thực kiếm được dễ dàng, sự sinh sống được dễ dàng bằng sự mót nhặt hoặc sự tốt bụng [của người khác]. 35. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn vê vật thực, mùa màng bị thát thu, vật thực kiêm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nau ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nau, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vân còn thọ dụng những thứ ây?99 36. Sau đó, vào lúc chiều tối, khi xuất khỏi thiền tịnh, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: —Này Ānanda, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn vê vật thực, mùa màng bi thát thu, vật thực kiêm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên

trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên,

9 Nếu cá và thú ấy bị giết với sự xác định là sẽ làm thức ăn cho một cá nhân nào đó thọ dụng thì cá nhân người ấy không nên an (ND).

đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy? Bạch đức Thế Tôn, các vị vẫn thọ dụng. 37. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, những điêu gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bi thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn? đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, kể từ hôm nay Ta hủy bỏ những điều ấy. Này các Tỳ-khiru, không nên thọ dụng [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nâu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên; vi nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn? đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở ho nước; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp. 38. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiêu muôi, dâu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng roi đánh xe quây thành vòng tròn ở phía bên ngoài cổng lớn của tu viện và chờ đợi [nghĩ rằng]: "Khi nào chúng tôi nhận được phiên, chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn.” Và có đám mây đen lớn kéo đen. 39. Khi ấy, những người ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, ở đây, nhiêu muôi, dâu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng đã được chất trong các xe hàng và chúng đang còn đó. Giờ có đám mây đen lớn kéo đến. Thưa ngài Ānanda, vậy chúng tôi nên thực hành như thế nào? 40. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này Ānanda, như thế thì hội chúng hãy chỉ đinh trú xá ở ven rào là khu vực làm thành được phép; hãy tích trữ vật mà hội chúng mong muốn ở nơi ấy, [có thể] là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vày] là khu vực làm thành được phép. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vây] là khu vực làm thành được phép. Đại đức nào đông ý việc chỉ

định tru xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là khu vực làm

thành được phép. Sự việc được hội chúng đồng ỷ nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^ 41. Vào lúc bấy giờ, ngay tại chỗ đã được chỉ đinh là khu vực làm thành được phép, dân chúng nâu các loại cháo, nâu các món thức ăn, chuân bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi. 42. Sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đã nghe tiêng ôn ào5 tiêng âm L tiêng kêu của những con quạ, sau khi nghe đã hỏi Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, tiêng ôn ào, tiêng âm ĩ ây, tiêng kêu của những con quạ là gì vậy? Bạch Ngài, hiện nay dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn5 chuân bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi ngay tại chô đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép; bạch The Tôn, đó chính là tiếng ôn ào, tiêng âm i, tiêng kêu của những con quạ. 43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép ba loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên và loại có liên quan gia chủ. 44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasoja bị bệnh. Các dược phẩm thuộc về nhu cầu của vị ấy được mang đến. Các vi Tỳ-khưu đã tích trữ chúng ở bên ngoài [khuôn viên]. Các con thú hoang đã ăn đi. Những kẻ trộm đã lấy đi. Các vi đã J A I •O Ậ 1 4, Ả A trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, loại có liên quan đến gia chủ và loại đã được chỉ đinh. Tụng phẩm Sīha là thứ tư.

1. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Mendaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi, vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

2. Người vợ có năng lực thân thông như vây: Sau khi ngôi xuông bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một ãỊhaka và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. 3 Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ5 người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền]. 4. Cô con dâu có năng lực thân thông như vây: Sau khi ngôi xuông bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn dom. nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. 5 Người tớ trai có năng lực thân thông như vây: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. 6. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nghe rằng: "Nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Mendaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vi ây có năng lực thân thông như vây: Sau khi gội rửa đâu và bảo người quét kho lúa roi vị ây ngôi xuông ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đày kho lúa. Người vợ có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh

cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một âỊhaka và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hâu; cho đên khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vân không hét. Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hâu; cho đên khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái tui vẫn không cạn [tiền]. Cô con dâu có năng lực thân thông như vây: Sau khi ngôi xuông bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn dom. nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện,^, 7. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tong quản rang: Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Mendaka cư ngụ ở thành phô Bhaddiya. Vị ây có năng lực thân thông như vây: Sau khi gội rửa đâu và bảo người quét kho lúa roi vị ây ngôi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ ...(nt)... Cậu con trai ...(nt)... Cô con dâu ...(nt)...Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi! Hãy biết rằng đích thân trẫm xem xét như thế nào thì ngươi sẽ xem xét như the ấy!

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 311

8. - Tâu Đại vương, xin tuân lệnh! Rồi viên quan đại thần ấy nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã khởi hành đi thành phố Bhaddiya, tuần tự đã đến thành phố Bhaddiya gặp gia chủ Mendaka, sau khi đến đã nói với gia chủ Mendaka điều này: -Này gia chủ, chính ta đã được đức vua ra lệnh răng: "Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Mendaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa, rồi vi ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luốnệ cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi và tìm hiểu. Đích thân trẫm xem xét như thê nào thì ngươi sẽ xem xét như thế ấy." Này gia chủ, hãy cho chúng ta nhìn thấy năng lực thần thông của ngươi. 9. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. . v v- e JF

10. - Này gia chủ, năng lực thân thông của ngươi đã được nhìn thây. Chúng ta hãy xem năng lực than thông của vợ ngươi. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã ra lệnh cho người vợ rằng: -Như vậy thì nàng hãy phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi. Khi ấy, sau khi nệồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một ālhaka và có một phân Slip, người vợ của gia chủ Mendaka đã phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. 11. Này gia chủ, năng lực thần thông của vợ ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con trai ngươi. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã ra lệnh cho người con trai rằng: Như vậy thì con hãy trả lương sáu tháng cho đội quân gồm

bốn loại binh chủng đi. Khi ấy, sau khi cầm một cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, người con trai của gia chủ Mendaka đã trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền]. 12. Này gia chủ, năng lực thần thông của con trai ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con dâu ngươi. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã ra lệnh cho người con dâu rằng: Như vậy thì con hãy cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng đi.

312 ĐẠI PHẨM

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn dom, người con dâu của gia chủ Mendaka, nàng đã cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng; cho đen khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. 13. Này gia chủ, năng lực thần thông của con dâu ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi. -Thưa ngài, năng lực thần thông của người tớ trai của tôi sẽ được nhìn thấy ở ngoài ruộng. Này gia chủ, thôi đi. Năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi cũng đã được nhìn thấy rồi. 14. Sau đó, viên quan đại thân ây cùng với đội quân gôm bôn loại binh chủng đã quay trở về lại thành Rājagaha, rồi đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. 15. Sau đo, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành ve phía Bhaddiya cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-khiru. 16. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddiya. Tại nơi đó ở Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā. 17. Gia chủ Mendaka đã nghe răng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakyā, từ dòng dõi Sakyā đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại khu rừng Jātiyā. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải? Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Vị ây thuyêt giảng pháp toàn hảo ở đoạn đâu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy." 18. Sau đó, gia chủ Mendaka đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi Bhaddiya với những cỗ xe VO cung lộng lay đê diện kiên đức The Ton. 19. Nhiêu du sĩ ngoại đạo đã nhìn thây gia chủ Mendaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với gia chủ Mendaka điều này: Này gia chủ, ngươi đi đâu vậy? Thưa các ngài, tôi đi để diện kiến đức Thế Tôn là Sa-môn Gotama. Này gia chủ, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này gia chủ, chính

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 313

Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huân luyện các đệ tử với điêu ây. 20. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã khởi ý điều này:

"Theo như cách những người du sĩ ngoại đạo này ganh tị thì quả nhiên không còn nghi ngờ về đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.” Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, gia chủ Mendaka đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt bên. Khi gia chủ Mendaka đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Mendaka. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. 21. Khi đức Thế Tôn biết được gia chủ Mendaka có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nho, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Mendaka: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 22. Sau đó5 khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã tham nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo su, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Mendaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường Ae \ a Z.L • A r cho kẻ lạc lôi, đem lại cây đèn dâu nơi bóng tôi [nghĩ răng]: "Những ai có mát sẽ thấy được các hình dáng”; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bang nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đen nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kê từ hôm nay cho đên trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Mendaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 23. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Mendaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức The Ton: —Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong. 24. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của gia chủ Mendaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

25. Sau đó, người vợ của gia chủ Mendaka cùng với con trai, con dâu và người tớ trai đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. 26. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tam vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có the nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn

không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên? toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 27. Khi đã thây được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiêu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc loi, đem lại cây đèn dầu nơi bóng toi [nghĩ rang]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dSng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. 28. Sau đó, gia chủ Mendaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đau, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Mendaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Mendaka đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, con xin dâng vật thực thuơng xuyên đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho đến khi nào đức The Tôn còn ngụ tại Bhaddiya. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Mendaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 29. Sau đó, khi đã ngự tại Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn không thông báo cho gia chủ Mendaka rồi đã ra di, du hành về phía Añguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gom có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. 30. Gia chủ Mendaka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đang đi du hành về phía Añguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Ty-khưu."

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 315

31. Khi ây, gia chủ Mendaka đã ra lệnh cho những người nô lệ và những người làm công rằng: -Này các người, như thế thì hãy chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi hãy đi đến. Và một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò hãy lấy ra một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái rồi hãy đi đến. Nơi nào chúng ta gặp được đức Thế Tôn, chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [Ngài] thọ dụng. r r 32. Sau đó, gia chủ Mendaka đã gặp được đức Thê Tôn ở khu rừng văng trên đường đi. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Mendaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khxru. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Mendaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã tư chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 33. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Mendaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng, loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến A '_ Ặ T"1 A đức The Ton: Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong. 34. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ cúng dường thức ăn của gia chủ Mendaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 35. Khi ấy, ệia chủ Mendaka đã ra

lệnh cho một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò răng: Này các người, như vậy thì hãy dắt mỗi một con bò cái đến đứng gần mỗi một vị Tỳ-khưu. Chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [các vị] thọ dụng. 36. Khi ấy, gia chủ Mendaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đau với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem và sữa tươi. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh sữa. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. 37. Sau đó, gia chủ Mendaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ- khưu có đức Phật đứng đàu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Mendaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Mendaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép vật thực đi đường đến các vị Tỳ"khưu.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Mendaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 38. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sản phẩm từ bò là sữa tươi, sữa đông, sữa bơ5 bơ đặc, bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tầm cầu vật thực đi đường là gạo lức với vị có nhu cầu về gạo lức, đậu muggā với vị có nhu cầu về đậu muggā, đậu māsā với vi có nhu câu vê đậu māsā, muôi với vị có nhu câu vê muôi, đường với vị có nhu câu vê đường, dâu ăn với vị có nhu câu vê dâu ăn9 bơ lỏng với vị có nhu cau ve bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những người dân có niềm tin, mộ đạo, những người này để tiền vàng ở tay của người làm thành được phép [nói rằng]: "Hãy dâng đến ngài Đại đức vật đã làm trở thành được phép từ vật này.” Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận vật đã làm trở thành được phép từ điều ấy, nhưng này các ĩỷ-khưu, Ta không nói rằng: “Vàng và ỷ r 9 A r

bạc có thê được châp nhận, có thê được tâm câu bởi bát cứ cách thức nào.” 39. Sau đó5 trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Āpana. Đạo sĩ bện tóc Keniya đã nghe rằng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakyā, từ dòng dõi Sakyā đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại Apana. Tiêng đôn tót đẹp vê Ngài Gotama ây đã được lan rộng ra như vây: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, The Tôn. Với thăng trí của mình, vị ây chứng ngộ và công bô vê thê gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. ...(nt)... Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy.” 40. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keniya đã khởi ý điều này: "Ta nên cho người đem đến cho Sa-môn Gotama vật gì dây?" Sau đó? đạo sĩ bện tóc Keniya đã khởi ý điều này: "Những người ẩn sĩ trước đây là Bà-la-môn9 là những người làm ra chú thuật, là những người sử dụng chú thuật, những người ấy có hình thức chú thuật cổ

điển đã được đọc tụng, đã được nói ra, đã được thực hiện mà những người Bà-la-môn hiện nay cũng đọc tụng theo hình thức ấy, nói ra theo hình thức ây, giảng giải theo điêu đã được giảng giải, nói lại điêu đã được nói, [các vi áy] như là Attaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmittā, Yamataggi, Añgīrasa, Bhāradvāja, Vāsettha, Kassapa, Bhagu đã không ăn vào buổi tối, đã kiêng cữ việc ăn phi thời, các vị ấy chấp nhận các thức uống như thế này. Sa-mon Gotama cũng không ăn vào buổi toi và kiêng cữ việc ăn phi thời nên Sa-mon Gotama cũng xứng đáng được chap nhận các thức uông như thê này95

nên đã cho chuan bi săn sàng nhiêu thức uông và cho người đem đi băng những giỏ mang sau vai, roi đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: —Xin Ngài Gotama hãy thọ lãnh thức uông của tôi. -Này Keniya, như vậy thì hãy dâng cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu9 hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. 41. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều loại thức uống. Đen khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đạo sĩ bện tóc Keniya bang bài pháp thoại. 42. Sau đỏ. khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi vê bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Này Keniya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn. Đen lần thứ nhì, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài Gotama, dâu cho hội chúng Tỳ-khiru rát đông, có đên một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vi Bà-la-môn5 xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Này Keniya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vi Bà-la-môn. Đen lần thứ ba, đạo sĩ bện tóc Keniya đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài Gotama, dâu cho hội chúng Tỳ-khưu rát đông có đên một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi vê bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, dạo sĩ bện tóc Keniya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen,

nước dâu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt trái cây, ngoại trừ nước cốt của ngũ cốc. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của lá cây, ngoại trừ nước cốt của rau cải nấu chín. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của bông hoa, ngoại trừ nước cốt của bông cây cam thảo. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nước cốt của cây mía. 44. Sau d6, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Keniya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem tại khu ân cư của minh, roi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: -Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bi xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Keniya, sau khi đên đã ngôi xuông ở chô ngôi được sáp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 45. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keniya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keniya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya đang ngồi một bên bằng những lời kệ này: (i) “Các việc cúng tê có sự cúng dường lửa là đứng dâu, kinh cô Sāvittī là đứng đâu vê niêm luật, đức vua là đứng đâu loài người, biên cả đứng đâu các con sông. (ii) Mặt trăng đứng đầu các vì sao, mặt trời đứng đầu các vật tỏa sáng. Đối với những người mong mỏi phước đang cúng dường thì hội chúng là đứng d*u." 46. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keniya bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại Apana theo như ý thích, đức Thê Tôn đã ra đi, du hành vê phía Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. 47. Những người dân Mallā ở Kusinārā đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị T]khưu.” Họ đã ra quy định là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền].,^ 48. Vào lúc bấy giờ, Rojā, người Mallā là bạn của Đại đức Ānanda. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kusinārā. Khi ấy, những người dân Mallā ở Kusinārā đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn. 49. Sau đó, khi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, Rojā, người Mallā đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi Rojā, người Mallā đã đứng một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Rojā, người Mallā điều này: Này bạn Rojā, thật là tuyệt vời khi bạn đã thực hiện việc đi ra đón đức fTi-| Á r-r-ī The Ton.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 319

Thưa ngài Ānanda, tôi không có nhiều niềm tin đối với đức Phật, Giáo pháp hay Hội chúng. Chỉ vì thân quyên đã ra quy đinh là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền].^, Thưa ngài Ānanda, chính vì nỗi lo sợ về hình phạt của thân quyến nên tôi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn. 50. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã không được hoan hỷ [nghĩ rằng]: "Vi sao Rojā, người Mallā lại nói như the?99 Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, Rojā này người Mallā được nổi tiếng, là người có danh tiếng. Những người có danh tiếng như thế nếu có được

niềm tin trong Pháp và Luật này sẽ có sự thuận lợi lớn. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy ĩ 9 __ . • 9 ..i, . làm như thê nào đó đê Rojā, người Mallā có thê an trú niêm tin vào Pháp và Luật này. Này Ānanda, điều ấy không phải là việc khó làm đối với đức Như Lai, như là việc Rojā, người Mallā có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này. 51. Sau đó, đức Thế Tôn đã phát ra luồng tâm bác ái đến Rojā, người Mallā roi từ chô ngôi đứng dậy và đi vào trú xá. Khi áy, bị xúc chạm bởi luông tâm bác ái của đức Thế Tôn, cũng giống như con bê con [đi tìm] bò mẹ; tương tợ như thế, Rojā, người Mallā đi đến trú xá này đến trú xá khác, phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rang: Thưa ngài, bây giờ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đang ngụ ở đâu vậy, bởi vì chung tôi có ý muốn diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đang Chánh Đẳng Giác ấy? -Này đạo hữu Rojā, là trú xá có cánh cửa đóng lại kia. Hãy đi đến với sự nhẹ nhàng và chớ có vượt qua [cánh cửa], hãy bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa, rồi đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đạo hữu. 52. Sau đó, Rojā, người Mallā đã đi đến trú xá có cánh cửa đóng lại kia với sự nhẹ nhàng, không có vượt qua [cánh cửa], rồi bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa ra. Khi ấy, Rojā, người Mallā đã bước vào trú xá, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Rojā, người Mallā đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Rojā, người Mallā. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. 53. Khi đức Thế Tôn biết được Rojā, người Mallā có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyêt giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giông như tâm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn

vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Rojā, người Mallā: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 54. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Rojā, người Mallā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay nếu các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ tru ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình con thôi, không phải của người khác. Này Rojā, nêu những người đã thây được pháp với trí tuệ của vị Hữu học, với tầm nhìn của vị Hữu học như là ngươi đây thì những người ấy cũng khởi ý như vay: "Đương nhiên, các ngài Đại đức có the thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình chúng ta thôi, không phải của người khác." Này Rojā, chính vì điều ấy các vị [Tỳ-khưu] sẽ thọ lãnh của chính ngươi và của những người khác nữa. 55. Vào lúc bấy giờ, ở Kusinārā, sự dâng vật thực theo tuần tự của các bữa ăn hảo hạng đã được xác lập. Khi ấy, Rojā, người Mallā đã không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bi món d6?” Sau đó, Rojā, người Mallā trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không

thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Khi ấy, Rojā, người Mallā đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, ở dây, trong khi tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: “Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bi món d6?" Thưa ngài Ānanda, rồi trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng rau xanh và bánh bột, đức Thế Tôn có thể nhận lãnh của tôi không? Này Rojā, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn. 56. Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Ānanda, như thế thì [Rojā] hãy chuẩn bị sẵn sàng. Này Rojā, như thế thì bạn hãy chuẩn bi sẵn sàng. 57. Sau đó5 khi trải qua đêm ấy, Rojā, người Mallā đã cho chuẩn bị sẵn sàng rau cải và bánh bột, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhận lãnh rau cải và bánh bột. Này Rojā, như vậy thì hãy dâng cho các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khiru trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM 321

58. Sau đó, Rojā, người Malta đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều rau cải và bánh bột. Đen khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, Rojā, người Mallā đã ngồi xuống một bên. Khi Rojā, người Mallā đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Rojā, người Mallā bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 59. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại rau xanh và tất cả các loại bánh bột. 60. Sau đó9 khi đã ngự tại Kusinārā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành ve phía Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gom có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. 61. Vào lúc bây giờ, có vị xuất gia lúc tuôi già nọ5 trước đây là thợ cạo, ngụ tại Ātumā. Vi ấy có hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan, khéo léo, thiện nghệ trong nghê thợ cạo từ thây của họ. Vi xuất gia lúc tuôi già ây đã nghe răng: "Nghe nói đức Thê Tôn đi đên Atumâ cùng với đại chúng Tỳ-khưu gôm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Ty-khuu?9 62. Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nói với hai người con trai ấy rằng: -Này hai con thương, nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gom có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Này hai con thương, hai con hãy đi và mang theo thùng dao cạo, hãy viếng từng nhà với thùng và bao bị, hãy gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng; chúng ta sẽ thực hiện việc dâng cúng cháo đến đức Thế Tôn khi Ngài đi đến. Thưa cha, xin vâng. Rồi hai người con trai ấy nghe theo vi xuất gia lúc tuổi già ấy, mang theo thùng dao cạo đi viếng từng nhà với thùng và bao bị trong lúc gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan ấy, dầu không có ý muốn thuê làm cũng bảo chúng làm và sau khi bảo chúng làm, lại còn thưởng rất nhiều. Khi ấy, hai người con trai ấy đã gom góp nhiều muối, dầu ăn5 gạo lức và vật thực loại cứng. 63. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Ātumā. Tại nơi ấy, ở Ātumā, đức Thế Tôn ngự tại Bhusāgārā. 64. Sau đó? khi trải qua đêm ây5 vị xuất gia lúc tuổi già ây đã cho chuân bị sẵn sàng rất

nhiều cháo, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh cháo của con. 65. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến

lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khiru vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp, hoặc là chúng ta sẽ quy đinh điều học cho các đệ tử." 66. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị xuất gia lúc tuổi già ấy điều này: Này Tỳ-khưu9 cháo này từ đâu vậy? Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại bảo các vi xuất gia làm việc không được phép? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(îit) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, không nên bảo các vi xuất gia làm việc không được phép; vi nào bảo làm thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, vi trước đây là thợ cạo không nên mang theo thùng dao cạo; vị nào mang theo thì phạm tội Dukkata. 67. Sau đó, khi đã ngự tại Ātumā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 68. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvatthi, nhiều loại vật thực cứng là trái cây được phát sanh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại vật thực cứng là trái cây nào được cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại vật thực cứng là trái cây. 69. Vào lúc bây giờ, các hạt giông của hội chúng được gieo trông trên vùng đất của cá nhân, các hạt giống của các cá nhân được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các hạt giông của hội chúng đã được gieo trông trên vùng đất của cá nhân, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia. Các hạt giống của các cá nhân đã được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia. 70. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu khởi lên sự phân vân về vấn đề này, về vấn đề nọ: "Điều nào đã được đức Thế Tôn cho phép, điều nào đã không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép,9 và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu9 điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép" và điều ấy phù hợp

với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho phép rằng: “Biều này được phép” và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho

phép rằng: "Điều này được phép” và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép. 71. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: uVật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng suôt đời [trộn lân] với vật dùng đên hét ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày là được phép hay là không được phép?” Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nêu] được thọ lãnh trong ngày hôm ây thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết r r

ngọ [nêu] được thọ lãnh trong ngày hôm ây thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Này các Tỳ-khưu, vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Này các Tỳ- khưu, vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong bảy ngày, không được phép khi bảy ngày đã trôi qua. Dứt chương uDược phẩm” là thứ sáu.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Vào mùa thu, vào lúc phi thời nữa, mỡ thú vật, các loại rễ cây, với các loại bột nghiền, các loại nước sắc, lá cây, trái cây, nhựa cây và muối gồm sáu loại. 2. Bột tắm, cái rây bột và thịt sống, thuốc bôi, bột nghiền nát, hộp thuốc bôi đặc biệt, không được đậy lại, que bôi thuốc, hộp đựng que bôi thuốc.

3. Túi đựng, có dây mang vai, sợi chỉ, dâu xoa ở đâu và lô mũi, cái muông đặt ở mũi và ống dẫn khói, nắp đậy, túi kép. 4. Và rượu trong các loại dầu nấu, được thêm vào quá nhiều, thuốc thoa, bình chứa, hơi nóng và của nhiêu loại lá cây, nhiêu hơi nóng và nước nâu của nhiều loại lá cây là tương tợ. 5. Bê nước7 ngâm và trích máu, ông sừng, thuôc cao A bôi chân, sự phòng ngừa, dao mô và nước làm đông máu, cao hạt mè, vải câm máu. 6. Vải băng vết thương và bột mù-tạt, việc xông khói, mảnh sứ, dầu xức vết thương, băng vải, vật dơ và việc thọ lãnh. 7. [Uống] phân, trong lúc làm và đất ở lưỡi cày, nước tro, [hợp chất] nước tiểu và trái haritakī, [mỡ có] mùi thơm và luôn cả thuốc xổ9 nước súp không chất béo, thêm chút ít chất béo. 8. Nước luộc thịt, hang núi, tu viện, năm trăm người, đường, đậu muggā và cháo chua, tự mình nấu, nấu lại. 9. Ngài đã cho phép lần nữa, vào lúc khó khăn về vật thực và trái cây, mè và vật nhai, trước bữa ăn, bệnh sốt toàn thân và được lấy hết hột, bệnh lở loét. 10. Và công việc bơm thụt,

nàng Suppiyã, lại thêm chuyện thịt người, voi, ngựa và chó nhà, rắn, sư tử và beo. 11. Và thịt gấu rừng, chó sói, chờ đến phiên và cháo, [đức tin] còn non trẻ, thêm chuyện nữa về đường, vị quan Sunīdha, nhà nghỉ trọ. 12. Sông Gañgā, làng Koti, sự thuyết giảng về chân lý5 nàng Ambapālī và các vi Licchavī, đã được làm có liên quan [đến người thọ dụng], lúc vật thực dễ dàng, Ngài cũng đã ngăn cấm lại. 13. Đám mây đen, vị Yasoja và Mendaka, sản phẩm từ loài bò và vật thực đi đường, đạo sĩ Keniya, nước xoài, nước mận, chuối có hột, không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen. 14. Nước dâu, rau xanh và bánh bột, người thợ cạo ở Ātumā? ở Sāvatthi, trái cây, hột giống, thuộc về trường hợp nào và [vật thực] liên quan đến thời gian. -ooOoo-

VII. CHƯƠNG KATHINA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 2. Vào lúc bây giờ, các Tỳ"khưu xứ Pāvā có sô lượng là ba mươi, tát cả là các vi chuyên ngụ ở rừng, tát cả là các vị chuyên đi khát thực, tát cả là các vị mặc y may từ vải dơ bi quăng bỏ, tất cả là các vị chỉ sử dụng ba y. Trong khi đang đi đên Sāvatthi đê diện kiên đức Thê Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Các vị đã vào mùa [an cư] mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình. 3 Các vị đã sông qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiên muộn [nghĩ răng]: "Dức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Ton?9 4. Sau đó, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ Pavãraṇã. trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, các vị Tỳ-khưu ấy với các y bi đẫm nước và có dáng điệu mệt mỏi đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 5. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đã sống qua mùa [an cư] mưa có được thoải mái, có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau không? Và các ngươi có không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực không? 6. Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đã song qua mùa [an cư] mưa có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau và không bị khó nhọc vì đo ăn khất thực. Bạch Ngài, trường hợp chúng con là các Tỳ-khưu xứ Pāvā có so lượng là ba mươi, trong khi đang đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gân nên các vi đã không thê thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Chúng con đã vào mùa [an cư] mưa ở Sâketa, vào khoảng giữa lộ trình. Bạch Ngài, chúng con đây đã sống qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiền muộn [nghĩ rằng]: “Dức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiên đức Thê T6n." Bạch Ngài, sau khi đã sông qua

mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ Pavāranā, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, chúng con đã đi

đường xa đen với các y bị đẫm nước và có dáng vẻ mệt mỏi. 7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thành tựu Kathỉna đến các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có Kathỉna đã được thành tựu, năm điều này sẽ trở thành được phép: Việc ra đi không phải báo5 việc ra đi không mang theo [đủ ba y], sự thọ thực thành nhóm, [được sử dụng nhiêu] y theo như nhu câu, sự phát sanh vê y tại nơi ây sẽ là của các vị ây. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có Kaịhỉna đã được thành tựu, năm điều này sẽ được phép đoi với các ngươi. 8. Và này các Tỳ-khưu, Kathina nên được thành tựu như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải Kathỉna này đã được phát sanh đên hội chúng. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên trao vải Kathỉna này đên vị Tỳ-khưu tên [như vây] đê thành tựu Kathina. Đây là lời đề nghi. r Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vải Kathỉna này đã được phát sanh đến hội chúng. Hội chúng trao vải Kathina này đến vị Tỳ-khưu tên [như vây] đê thành tựu Kathina. Đại đức nào đông ý việc trao vải Kathỉna này đên vi Tỳ-khưu tên [như vây] đê thành tựu Kathina xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Vải Kathina này đã được hội chúng trao đen vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu Kathina. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' 9. Này các Tỳ-khưu, như vầy là Kathina được thành tựu, như vầy là không được thành tựu. Và này các Tỳ-khưu? thế nào là Kathỉna không được thành tựu? Kathỉna không được thành tựu ở giai đoạn đánh dâu vê chiêu dài, chiêu rộng. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn giặt. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... Kathina không được thành tựu ở giai đoạn cắt theo sự đã tính toán. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. Kathỉna không được thành tựu ở giai đoạn làm miếng vải viền. Kathỉna không được thành tựu ở giai đoạn làm đường viền quanh. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. Kathina không được thành tựu do sự ra dấu hiệu gợi ý để thí

chủ dâng. Kathina không được thành tựu do sự giảng giải về Kathina rồi kêu gọi. Kathina không được thành tựu với y được mượn tạm thời. Kathina không được thành tựu với sự tích trữ. Kathina không được thành tựu do sự hủy bỏ vì để qua đêm. Kathina không được thành tựu với sự không làm thành được phép tức là không làm dấu hoại y. Kathina không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. Kathina không được thành tựu với y không phải là thượng y [y vai trái]. Kathina không được thành tựu với y không phải là y nội. Kathina không được thành tựu với y không phải là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. Kathina không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nấu Kathina đã được thành tựu đúng đắn nhưng vi tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới, như vậy Kathina vẫn không được thành tựu. Này các Ty-khxru, như thế ấy là Kathina không được thành

tựu. [Hai mươi bổn điều kiện]

10. Và này các Ty-khiru, thê nào là Kathina được thành tựu? Kathina được thành tựu với [vải] mới [chưa được sử dụng]. Kathina được thành tựu với [vải] được xem như mới. Kathina được thành tựu với vải áo choàng cũ. Kathina được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. Kathina được thành tựu với vải đã được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. Kathina được thành tựu với sự không ra dấu hiệu gợi ý đe thí chủ dâng. Kathina được thành tựu không do sự giảng giải về Kathina rồi kêu gọi. Kathina được thành tựu với sự làm không phải là với y được mượn tạm thời. Kathina được thành tựu với sự không tích trữ. Kathina được thành tựu do không đê qua đêm. Kathina được thành tựu với sự làm thành được phép tức là làm dấu hoại y. Kathina được thành tựu với y hai lớp. Kathina được thành tựu với thượng y [y vai trái]. Kathina được thành tựu với y nội. Kathina được thành tựu với y là năm điêu hoặc nhiêu hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. Kathina được thành tựu do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu Kathina đã được thành tựu đúng đắn và vị tùy hỷ việc ấy dưng trong ranh giới, như vậy Kathina được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, như thế áy là Kathina được thành tựu. [Mười bảy điều kiện]

1. Và nàỵ các Tỳ-khưu, thế nào là Kathina hết hiệu lực? Này các Tỳ-khưu, đây là tám điều tiêu đề về sự hết hiệu lực của Kathina: "Do sự ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bi mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một hie." 2. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở ." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Ty-khiru ấy. (1)

3. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về" Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (2) 4. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhơ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.^, Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3) 5. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm], ra đi. Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhơ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.^, Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4) 6. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: “Nghe nói Kathina tại tru xứ ấy đã được thu hồi/91 Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5) 7. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực Kathina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết

hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khiru áy. (6) 8. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ ràng]: "Ta sẽ trở vA" Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thơi điểm hết hiệu lực Kathina đã đến. Sự hết hiệu lực Kathỉna của vi Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7) Dứt nhóm bảy về ucầm lấy."

1. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (1) 2. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vX" Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

1 vấn đề thu hồi Kathina được ghi lại ở điều Pãcittỉya 30 của Tỳ-khưu-ni, xem Bhikkhunīvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu-nĩ), TTTDPGVN, tập 10, tr. 454-55; TTPV, tập 3, tr. 204-07.

3. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (3) 4. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vVị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (4) 5. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở v%? Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu h8i." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5) 6. Vị Tỳ-khxru có Kathina đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ây. Vi ây có y đã được làm xong, [nghĩ răng]: "Ta sẽ trở vê, ta sẽ trở v#' và chờ đợi sự hết hiệu lực Kathina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6) 7. Vị Tỳ-khưu có Kaịhina đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở v3." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực Kathina đã đến. Sự hết hiệu lực Kathỉna của vi Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7) Dứt nhóm bảy về "mang theo."

1. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê.,, Vi ây nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1) 2. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, câm lây y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ

không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2) 3. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.59 Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: “Nghe nói Kathina tại trú xứ ây đã được thu hôi.,, Sự việc nghe được [tin] là sự hét hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4) 5. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về” và chờ đợi sự hết hiệu lực Kathỉna ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5) 6. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở v2." Thời điểm hết hiệu lực Kathỉna đã đến. Sự hết hiệu lực Kathỉna của vi Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (6) Dứt nhóm sáu về Ếícầm lấy.”

1. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1) 2. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khiru ấy. (2) 3 Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3) 4. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu hai.” Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực Kathỉna đoi vơi vị ^-khmi áy. (4) '

5. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ây. Vị ây có y đã được làm xong, [nghĩ răng]: "Ta sẽ trở vê? ta sẽ trở vê"

và chờ đợi Sự hết hiệu lực Kathina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5) 6. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.” Thời điểm hết hiệu lực Kathỉna đã đến. Sự hết hiệu lực Kathina của vị Tỳ-khtru ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khiru. (6) Dứt nhóm sáu về "mang theo.”

1. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về?9 Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1) 2. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2) 3. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm] ra đi. Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực K^hina đoi VỚI VỊ Ty-lXuu áy. (3)

[Nhóm ba về ucầm lấy” 1]

4. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4) 5. Vị Tỳ-khmi có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Tỳ-khiru ấy. (5) 6. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về" Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây.” Vi ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vị ây đang được làm thì bị mát. Sự việc [y] bị mát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khmi ấy. (6) [Nhóm ba về "cầm lấy” 2]

7. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyêt đinh; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở vê" và vi ây cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathỉna đối với vi Ty-khiru ấy. (7) 8. Vị Tỳ-khxru có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyêt định; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở v và vị ây cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực

Kathina đối với vi Tỳ- khưu ấy. (8) 9. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyêt định; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở v" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vây: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở ve/9 Vi ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vi ây đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khiru ấy. (9) [Nhóm ba về "cầm lấy59 3] 10. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về.,, Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.,, Vị ấy nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vị Tỳ-khưu ấy. (10) 11. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vày: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở ve?9 Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11) 12. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở v2.” Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vX" Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12) 13. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, câm lây y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu h6i." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (13)

VII. CHƯƠNG KATHINA 333

14. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ây. Vị ây có y đã được làm xong, [nghĩ răng]: "Ta sẽ trở vê, ta sẽ trở v" và chờ đợi sự hết hiệu lực Kathina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14) 15. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về.,, Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về.” Thời điểm hết hiệu lực Kathina đã đến. Sự hết hiệu lực Kathỉna của vi Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15) [Nhóm sáu về "cầm lấy”] Dứt nhóm mười lăm về "cầm lấy.”

16. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra di....(nt)...(Tương tợ như ở trường hợp "cầm lấy", nên giải thích chi tiết như thế). [Nhóm mười lăm về "mang theo" được giản lược]

17. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v3." Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (Tương tợ như ở trường hợp "mang theo", nên giải thích chi tiêt như thê). [Nhóm mười lăm về "cầm lấy y chưa làm xong” được giản lược]

1. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1) 2. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở vX" Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2) 3. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê?51Vị * nhờ [người] làm y ây. Trong 2 3ây

khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khmi ấy. (3) [Nhóm ba về "mang theo y chưa làm xong" 1]

4. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở v3." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây." Vị ây nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ- khiru ấy. (4) 5. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa.,, Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khiru ấy. (5) 6. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về.^, Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. (6) [Nhóm ba về "mang theo y chưa làm xong" 2]

7. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về/5 Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-ídiưu áy. (7) 8. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vi ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở v3." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về" Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ- khưu ấy. (8) 9. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vi ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở "và vi ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở v3." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vi ây đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (9) [Nhóm ba về 66mang theo y chưa làm xong" 3]

10. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (10) 11. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rang]: “Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11) 12. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở ."Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sê nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12) 13. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở vA” Vị ấy đã đi ra khỏi raiih giới và nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói Kathina tại trú xứ ấy đã được thu hoi/9 Sự việc nghe được [tin] là sự hét hiệu lực Kathina đối với vị Ty-khiru ấy. (13) 14. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về.” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [ngươi] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về” và chờ đợi sự hết hiệu lực Kathina ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14) 15. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở v2.” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực Kathina đã đến. Sự hết hiệu lực Kathina của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15) [Nhóm sáu về "mang theo y chưa làm xong”] [Nhóm mười lăm về "mang theo y chưa làm xong”] Dứt tụng phẩm wcầm lấy.”1*

1. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vi ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở ."Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Tỳ-khiru ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vi ây đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. 3. Vị Tỳ-khưu có Kaịhina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm ỵ này ngay ở đây. Ta sẽ không trở

vX" Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 4. Vi Tỳ-khiru có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta se lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về.” Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi vê y ây. Niêm mong mỏi vê y ây của vị ây bi tan vỡ. Sự đô vỡ của niêm mong mỏi vê y là sự hét hiệu lực Kathỉna đôi với vị Tỳ-khưu ây. 5. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở ve?9 Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây.” Vị ây nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathỉna đoi với vi Tỳ-khưu ấy. 6 Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở ve.^ Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vi ấy khởi ý như vay: “Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa.,^ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. 7. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ây khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở day?9 Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vị ây đang được làm thì bi mát. Sự việc [y] bi mát là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vi Tỳ-khưu ấy. 8. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về.,, Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở dây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy.

VII. CHƯƠNG KATHINA 337

9. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyêt định; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở v" và vị ây cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở yề” Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ây khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở ve.^ Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vị Tỳ-khưu ây. 10. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyêt định; vị ây không khởi ý răng: “Ta sẽ trở vê59 và vị ây cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.,^ Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 11. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyêt đinh; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở vê" và vi ây cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở yềy Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy.

Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vay: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đoi với vị Tỳ-khưu ấy. 12. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở yềy Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: “Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về” Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực Kathỉna đoi với vị Tỳ-khưu ấy. Dứt nhóm mười hai về ukhông như ý mong m6i.”

1. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: :Ta sẽ trở yề." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vềy Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 2. Vị Tỳ-khxru có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ ràng]: "Ta sẽ trở v*" Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm

mong mỏi vê y áy. Vị áy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về.” Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 3. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: :Ta sẽ trở yề." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vi ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ây khởi ý như vây: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kaịhina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 4. Vị Tỳ-khtru có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trủ về." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 5. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ răng]: "Ta sẽ trở Vị ây đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] răng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu h8i." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi VÌ Kathina tại tru xứ ây đã được thu hôi, vậy ta sẽ lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y này ngay ở đây?9 Vị ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 6. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói KathinaldẢ trú xứ ấy đã được thu hoi?9 Vị ấy khởi ý

như vầy: "Bởi vì Kathina tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở dây.” Vị ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vi ây nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ây khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về" Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 7. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về" Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: “Nghe nói Kathina tại trú xứ ấy đã được thu h8i." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bỏi vì Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở dây.” Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như

Vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm ỵ này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v§" Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 8. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở vVị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] ràng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu h8i." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ liru tâm đến niềm mong mỏi vê y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê." Vi ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 9. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ trở ỵề." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vi ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ây nhờ [người] làm y ây. Vi ây có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói Kathỉna tại trú xứ ấy đã được thu h8i." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 10. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về/9 Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở vê." Vị ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Niêm mong mỏi vê y ây của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Tỳ-khưu ấy. 11. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: 'Ta sẽ trủ về." Vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực Kathỉna ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực KaỊhỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 12. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niêm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thơi điểm hết hiệu lực Kathina đã đến. Sự hết hiệu lực Kathỉna của vị Tỳ-khiru ấy là chung [lượt] với các vi Tỳ-khưu. Dứt nhóm mười hai về 6nhir ý mong m6i.”

1. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vi ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vay: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 2. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vi ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vi ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vi ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khiru ấy. 3. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ây đã đi ra khỏi ranh giới thì niêm mong mỏi vê y sanh khởi. Vị ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bi mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kaịhỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 4. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vi ây đã đi ra khỏi ranh giới thì niêm mong mỏi vê y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở Vi ây lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Niêm mong mỏi vê y ây của vi ây bị tan vỡ. Sự đô vỡ của niêm mong mỏi vê y là sự hét hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. 5. Vị Tỳ-khmi có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở v2." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở d2y." Vị ấy nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathỉna đôi với vi Tỳ-khưu ấy. 6. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về" Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vi ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vi ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 7. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì

niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vi ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: “Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở dây.” Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bi mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Tỳ-khưu ấy. 8. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần

làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niêm mong mỏi vê y sanh khởi. Vị ây khởi ý như vây: "Ta sẽ lưu tâm đên niêm mong mỏi về y này ngay ở dây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niêm mong mỏi vê y ây của vị ây bị tan vỡ. Sự đô vỡ của niêm mong mỏi vê y là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khiru ấy. 9. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc càn làm nào đó và còn chưa quyêt đinh; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở vê" và vi ây cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở v*" Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 10. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vi ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở và vi ấy cũng không khởi ý rằng: “Ta sẽ không trở về.^, Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi vê y ây. Vị ây nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trởr về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. 11. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyêt đinh; vị ây không khởi ý răng: "Ta sẽ trở v" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở ye.99 Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vi ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vi ây đang được làm thì bị mát. Sự việc [y] bị mát là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vi Tỳ-khiru ấy. 12. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết đinh; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở ve." Khi vi ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm

đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đên niêm mong mỏi vê y ây. Niêm mong mỏi vê y ây của vị ây bi tan vỡ. Sựr đô A 5 r • •

VỠ của niêm mong mỏi vê y là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vị Tỳ-khưu ây. Dứt nhóm mười hai về "c6 công việc cần làm."

1. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài dau?99 Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vi ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ây lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở day.” Vị ây đi vê lại trú xứ ây và hỏi các vị Tỳ-khưu răng: "Này các Đại dức, phân chia vê y của tôi dâu?" Các vị ây nói như vây: "Này Đại đức, đây là phân chia vê y

của ngài. Ngài sẽ đi đâu vậy?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vi Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho t6i." Các vi ây nói như vây: "Này Đại đức, được roi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở dây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở Vi ây nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathina đôi với vị Tỳ-khưu ây. 2. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra di ...(nt).. '/••• Sự việc tự mình dứt khoát là sự • hết hiệu • lực • Kathỉna • đối với vi• Tỳ-khưu ấy. 3. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra di ...(nt).. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 4. Vị Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vi du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài d2u?" Vi ấy nói như vầy: "Tôi đã tru mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ây lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở dây." Vi ây đi vê lại trú xứ ấy và hỏi các vi Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi dâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường di, các vị Tỳ-khưu hỏi vi ấy rằng: "Này Đại dức, ngài sẽ đi dâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho t6i." Các vi ây nói như vây: "Này Đại đức, được roi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở day." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vi ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 5. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu và là vi du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vi Tỳ-khưu đã hỏi vi du hành phương xa

VII. CHƯƠNG KATHINA < 343

ây răng: "Này Đại dức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phân chia vê y của ngài dau?99 Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phân chia vê y của tôi còn ở nơi ây." Các vị ây nói như vây: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ây lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây?9 Vi ây đi vê lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: uNày các Đại đức, phần chia về y của tôi d2u?" Các vi ây nói như vây: "Này Đại đức, đây là phân chia vê y của ngai." Vị ây cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị Tỳ-khưu hỏi vị ấy rằng: "Này Đại đức, ngài sẽ đi dâu?" Vị ấy nói như vày: 'Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho t6i." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở day.99 Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở v3." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vi Tỳ-khưu ấy. 6. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra di ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vi ây đang được làm thì bị mát. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 7. Vị Tỳ-khmi có Kathina đã được thành tựu và là vi du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vi du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài d2u?" Vị ây nói như vây: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phân chia vê y của tôi còn ở nơi áy." Các vị ây nói

như vây: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở dây." Vị ấy đi về lại trú xứ ây và hỏi các vị Tỳ-khiru răng: "Này các Đại đức, phân chia vê y của tôi dâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Khi đã đi đến trú xứ kia, vi ấy đã khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ây. Sự việc [y] được hoàn tát là sự hét hiệu lực Kathỉna đôi với vị Tỳ-khiru ấy. 8. Vi Tỳ-khưu có Kathina đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra di ...(nt)... "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở v2." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 9. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra di ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở ." Vị ây nhờ [người] làm y ây. Trong khi y ây của vi ây đang được làm thì bi mát. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. Dứt nhóm chín về uchưa thâu thập?9

1. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vi có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở

344 < ĐẠI PHẨM

r jF

nơi ây có sự thoải mái cho ta, ta sẽ tru ngụ. Nêu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đên trú xứ có tên thê kia. Nêu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nêu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đên trú xứ có tên thê nọ. Nêu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở ve?9 Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực Kaịhỉna đối với vi Tỳ-khưu ấy. 2. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nêu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đên trú xứ có tên thê nọ. Nêu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ tru ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở vKhi vi ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhơ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực Kathina đối với vị Tỳ-khưu ấy. 3. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vi có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến tru xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vi ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở v2." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu ấy. 4. Vi Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vi có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến tru xứ có tên thế

ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới va nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực Kathỉna ở bên n^oài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực Kathỉna đối với vị Tỳ-khưu áy. 5. Vị Tỳ-khưu có Kathỉna đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trủ ngụ. Nêu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở

nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vi ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở ve.59 Thời điểm hét hiệu lực Kathỉna đã đen. Sự hết hiệu lực Kathina của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. Dứt nhóm năm về có sự trú ngụ thoải mái?9

1. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điêu vướng bận [và] hai điêu không vướng bận của Kathina. Và này các Tỳ-khưu? hai điều vướng bận của Kathina là gì? Sự vướng bận vê tru xứ và sự vướng bận vê y. Và này các Tỳ-khưu, thê nào là sự vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu hoặc là cư ngụ tại trú xứ ấy hoặc là ra đi với sự mong mỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở ve?9 Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận về trú xứ. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự vướng bận vê y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu chưa được làm, hoặc là chưa được làm xong, hoặc là niềm mong mỏi về y chưa bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận vê y. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điêu vướng bận của Kathina. 2. Và này các Tỳ-khưu5 hai điều không vướng bận của Kathina là gì? Sự không vướng bận về trú xứ và sự không vướng bận về y. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự không vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu ra đi từ trú xứ ấy với sự buông bỏ, với sự từ bỏ, với sự dứt bỏ, với sự không quan tâm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở v2." Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về tru xứ. Và này các Tỳ-khiru, thế nào là sự không vướng bận về y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc bi mất, hoặc bị hư hỏng, hoặc bi cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về y. Này các Tỳ-khiru, đây là hai điều không vướng bận của Kathina. Dứt chương KaỊhina là thứ bảy.

Trong chương này có mười hai sự việc. Một trăm mười tám phần mở đầu đã được giản lược. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Ba mươi vị Tỳ-khưu xứ Pāvā đã trú ở Sāketa với tâm phiền muộn. Trải qua mùa [an cư] mưa, các vị đã đi diện kiến đang Chiến Thắng với các y bị đẫm nước. 2. Đây là câu chuyện của Kathỉna và năm điều sẽ trở thành được phép: [Ra đi] không phải báo, không mang theo [đủ ba y], tương tợ như the ấy là việc

thọ thực thành nhóm.

346 < ĐẠI PHẨM

q ..x — x f 3. Và [được sử dụng nhiêu y] theo như nhu câu, sự phát sanh [vê y] sẽ là của các vi đã được thành tựu. Lời đề nghị và như vầy là được thành tựu, như vầy là không được thành tựu. 4. Việc được đánh dấu và luôn cả việc giặt, việc tính toán và việc cắt, việc két chỉ tạm, việc may thêm, việc găn miêng vải làm dâu, việc may chác chăn, z 7.. liên quan đên miêng vải viên. 5. Đường viền quanh, đắp lớp nữa, việc nhuộm, dấu hiệu gợi y, lời giảng giải, mượn tạm thời, sự tích trữ, việc để qua đêm, chưa được phép, trừ ra ba y ấy. 6. Ngoại trừ y năm điều, hoặc nhiều hơn, với việc đã được cắt, có sự kết lại, không [thành tựu] trừ phi là cá nhân, được làm đúng đắn, vi đứng ngoài ranh tùy hỷ, Kathỉna là không thành tựu, đã được thuyết giảng như thế bởi đức Phật. 7. [Vải] không bi dơ, xem như không bị dơ, tấm choàng cũ, vải quăng bỏ và vải bỏ ở cửa tiệm, không ra dấu hiệu, việc thuyết giảng, không mượn tạm thời và không tích trữ. 8. Không để qua đêm, việc đánh dấu đã làm và tương tợ như thế với ba y, năm điêu hoặc nhiêu hơn thê, đã được căt5 việc két lại đã được làm. 9. Việc thành tựu do cá nhân, [được làm] đúng đắn, vị đứng trong ranh giới tùy hỷ, như thế là sự thành tựu của Kathỉna, tám tiêu đề của sự thu hồi. 10. Các vị ra di, sự hoàn tất và sự tự mình dứt khoát, việc bị mất, sự nghe được [tin], sự đổ vỡ của niềm mong mỏi, ranh giới, sự thu hồi là thứ tám. 11. Cầm lấy y đã làm, vị đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở sự thu hồi về Kathỉna ấy của vị ấy là liên quan đến sự ra đi. 12. Cầm lấy y [chưa làm] đi ra khỏi ranh giới, vi ấy đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở lại", trong việc được hoàn tất là sự thu hồi Kathina. 13. Cầm lấy, ở ngoài ranh giới, không có ý đinh: "Ta sẽ không trở về", sự thu hồi về Kathina ấy của vị ấy là liên quan đến việc tự mình dứt khoát. 14. Cầm lấy y ra đi khỏi ranh giới đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở v"trong khi làm [y] của vi ây bi mát, sự thu hôi vê Kathina ây của vị ây là liên quan đên sự bị mát. 15. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở ben ngoài, với y đã được làm xong, rồi nghe tin Kathỉna ở nơi kia đã được thu hồi, sự thu hồi về Kathina ấy của vị ấy là liên quan đến việc nghe. 16. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở rồi rứiờ làm y ở ben ngoài, với y đã được làm xong, chờ đợi ở bên ngoài, sự thu hồi về Kathỉna ấy của vi ấy là liên quan đến sự vượt qua ranh giới. 17. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về,9 rồi nhờ làm y ở bên A Ạ , ngoài, với y đã được làm xong, [nghĩ răng]: "Ta sẽ trở vê" đã đên thời của việc

VII. CHƯƠNG KATHINA 347

thu hồi Kathina, sự thu hồi về Kathina ấy của vị ấy sanh lên đồng một lượt với các vị Tỳ-khưu. 18. Cầm lấy và mang theo, có bảy và bảy phương thức đường lối, những trường hợp ra đi với y chưa làm xong là không có đường lối ở nhóm sáu. 19. Cầm lấy [y] rồi đi ra khỏi ranh [giới], sanh khởi ý rằng: “Ta sẽ nhờ làm” CÓ ba điêu này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bị mát. 20. Cầm lấy [y và nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới” có ba điều này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bi mất. Do còn chưa quyết đinh vị ấy cũng không khởi ý9 có ba đường lối hướng dẫn ở bên dưới. 21. Cầm lấy [y] và ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta làm ở bên ngoài ranh

giýi” vj nhờ làm [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không trở về" khi việc hoàn tất là sự thu hoi ve Kathỉna. 22. Sự tự mình dứt khoát, sự bị mất, nghe được [tin], sự vượt qua ranh giới, được sanh khởi đồng thời cùng với các vị Tỳ-khưu? như vầy là mười lăm đường lối. 23. Mang theo [y] chưa được làm xong cũng tương tợ như là mang theo, bốn trường hợp này đây, toàn bộ có mười lăm đường lối. 24. Không như ý mong mỏi, như ý mong mỏi và có công việc cần làm, chúng là ba điều, nên hiểu việc ấy theo sự hướng dẫn là ba lượt, mỗi lượt là mười hai, mười hai. 25. Và chưa thâu thập là chín ở nơi này, thoải mái có năm phương thức ở nơi kia, điều vướng bận, điều không vướng bận, sự tóm tắt đã được thực hiện theo sự hướng dẫn. —ooOoo—

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī được phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng và có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy ho sen. Và có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cau cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. 2. Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến Vesālī do công việc cần thiết nào đó. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. 3 Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, viên thị trưởng thành Rājagaha đã quay về lại thành Rājagaha và đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đen đã nói với đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và dàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay nếu chúng ta cũng có thể đào tạo kỹ nữ. -Này khanh, như thế thì khanh hãy tìm người con gái tương tợ rồi hãy đào tạo nàng trở thành kỹ nữ như thế. 4. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có người con gái tên Sālavatī là người xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất.

Khi ấy, viên thi trưởng thành Rājagaha đã đào tạo người con gái Sālavatī thành kỹ nữ. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã trở nên có tài năng về múa? hát và đàn,

được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh và nàng qua đêm với giá đến một trăm tiền. 5. Sau đó chăng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã mang thai. Khi ây9 nàng kỹ nữ Sālavatī đã khởi ý điều này: "Đàn bà mang thai đâu còn được đàn ông ưa thích. Nếu có người biết về ta rằng: 'Kỹ nữ Sālavatī mang thai' thì toàn bộ sự trọng vọng đối với ta đều sẽ mất. Hay là ta nên cáo bênh?" Sau đó, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người gác công răng: Này chú em gác cổng, chớ để bất cứ người đàn ông nào vào. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: bênh." Thưa cô chủ, xin vâng. Người gác cổng ấy đã đáp lại nàng kỹ nữ Sālavatī. Sau đó, đến lúc phát triển đây đủ của bào thai ây, nàng kỹ nữ Sālavatī đã sanh ra đứa bé trai. Khi ây? nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người tớ gái rằng: Này em, giờ hãy đặt đứa bé trai này vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác. Thưa cô chủ, xin vâng. Roi người tớ gái ây nghe theo nàng kỹ nữ Sālavatī đã đặt đứa bé trai ây vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác. 6. Vào lúc bây giờ, vị vương tử tên Ābhāya trong khi đi phục vụ đức vua vào lúc sáng sớm đã nhìn thây đứa bé trai ây đang bị bây quạ bu quanh, sau khi nhìn thấy đã hỏi mọi người rằng: Này các khanh, vật gì bị bầy quạ bu quanh vậy? -Thưa ngài, đứa bé trai. -Này các khanh, còn sống không? -Thưa ngài, còn sông. Này các khanh, như thế thì hãy mang đứa bé trai ấy về hậu cung của chúng ta và giao cho các vú nuôi chăm sóc. Thưa ngài, xin vâng. Rồi những người ấy nghe theo Vương tử Ābhāya đã mang đứa bé trai ấy về hậu cung của Vương tử Ābhāya rồi giao cho các vú nuôi [nói rằng]: “Các người hãy chăm s6c." Lời đã nói về đứa bé là "còn s6ng" nên họ đã đặt tên đứa bé là "Jīvaka” (người đang sống). Và bởi vì "được nuôi dưỡng bởi vi vương tử" nên đã được đặt tên là "Komarabhacca/9 7. Sau đó chẳng bao lâu? Jīvaka Komārabhacca đã đạt đến tuổi hiểu biết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp Vương tử Ābhāya, sau khi đến đã nói với Vương tử Ābhāya điều này:

Thưa ngài, ai là mẹ của con, ai là cha của con? Này Jīvaka con, ta cũng không biết mẹ của con; tuy nhiên, ta là cha của con vì con đã được ta nuôi dưỡng. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: uVới kẻ không có nghề nghiệp thì các gia đình vương giả này quả là không dễ gì để sống nhờ vả. Hay là ta nên học lấy nghề nghiệp?,^ 8. Vào lúc bấy giờ, có người thầy thuốc tiếng tăm lẫy lừng sống ở Takkasilã. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca không xin phép Vương tử Ābhāya đã đi đến Takkasilâ gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này: Thưa thây, con muôn học nghê. Này Jīvaka con, như vậy thì con có thể học. 9. Sau đó? Jīvaka Komārabhacca học nhiêu, học nhanh chóng, tiêp thâu tót đẹp và đối với anh ta điều đã được học thì không quên đi. Sau đó, khi trải qua bảy năm Jīvaka Komārabhacca đã khởi y điều này: “Ta học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với ta điêu đã được học thì không quên đi. Và trong khi ta đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?” 10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này: Thưa thây, con học nhiêu, học nhanh chóng, tiêp thâu tót đẹp và đôi với con điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi con đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này

vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến? Này Jīvaka con, như vậy thì con hãy câm lây cái thương đi dạo xung quanh Takkasilã một do-tuần, nếu con thấy được bát cứ vật gì không phải là dược phẩm thì hãy đem vật ấy về. -Thưa thầy, xin vâng. Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo người thầy thuốc ấy, đã cầm lấy cái thuổng, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilâ một do-tuần, đã không nhìn thấy bất cứ vật gì không phải là dược phàm. 11. Sau đó, Jīvaka Komãrabhacca đã đi đên gặp người thây thuôc ây5 sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này: Thưa thầy, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilã một do-tuần, con đã không thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm. -Này Jīvaka con, con đã học xong. Bấy nhiêu đó đã đủ cho cuộc sống của con rồi. Rồi [người thầy thuốc ấy] đã trao cho Jīvaka Komârabhacca chút ít [tiền] dự phòng đi đường.

12. Khi ây, Jīvaka Komārabhacca sau khi nhận lây chút ít [tiên] dự phòng đi đường rồi đã ra đi về phía thành Rājagaha. Sau đó, vào khoảng giữa cuộc hành trình, ở Sāketa chút ít [tiền] dự phòng đi đường ấy đã hết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điêu này: "Những con đường này hoang văng, ít nước, ít thức ăn, không có [tiền] dự phòng đi đường không phải dễ dàng để di, hay là ta nên kiếm [tiền] dự phòng đi đường?,, 13. Vào lúc bấy giờ, ở Sāketa có người vợ của nhà đại phú bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm yo cung lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi vào Sāketa và hỏi dân chúng rằng: Này các người, ai bị bệnh? Tôi chữa trị cho ai đây? Này ông thầy, người vợ nhà đại phú kia bi bệnh đau đầu đã bảy năm. Này ông thầy, hãy đi và chữa trị cho người vợ nhà đại phú. 14. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến tư gia của vi đại phú, sau khi đến đã bảo người gác cổng rằng: -Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: "Thua bà, người thầy thuốc đã đến. ông ấy có ý muốn gặp bà." -Thưa thầy, xin vâng. Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhaccaṃ đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này: Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. ông ấy có ý muốn gặp bà. -Này chú gác cổng, người thầy thuốc ra làm sao? -Thưa bà, còn trẻ lắm. Này chú gác công, thôi đi! Thây thuôc còn trẻ lăm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. 15. Sau đó, người gác công áy đã đi đên gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: -Thưa thầy, người vợ nhà đại phú đã nói như vầy: "Này chú gác cổng, thôi đủ rồi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra di." 16. — Này chú gác công, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú răng: "Thua bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: 'Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.'" - Thưa thay, xin vâng. Roi người gác công ây nghe theo Jīvaka Komārabhacca, đã đi đên gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này:

Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: “Thua bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ây bà muôn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.” -Này chú gác cổng, như thế thì hãy để người thầy thuốc đi đến. Thưa bà, xin vâng. Rồi người gác cổng ấy nghe theo người vợ nhà đại phú, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komârabhacca điều này: Thưa thầy, người vợ nhà đại phú cho gọi thầy. 17. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người vợ nhà đại phú rồi nói với người vợ nhà đại phú điều này: Thưa bà, tôi cân một bụm tay bơ lỏng. Khi ây, người vợ nhà đại phú đã bảo người trao cho Jīvaka Komārabhacca một bụm tay bơ lỏng. Sau đó, Jīvaka Komârabhacca đã nấu sôi bụm tay bơ lỏng ấy với nhiều loại dược phẩm rồi bảo người vợ nhà đại phú nằm ngửa ở trên cái giường nhỏ và cho vào theo đường mũi. Sau đó, bơ lỏng đã được cho vào theo đường mũir ây đã \đie ra theo đường miệng. Khi ây, người vợ • nhà đại phú đã nhô bơ lỏng ây vào vật đựng roi bảo người tớ gái răng: Này em, hãy thu hồi lại bơ lỏng này bằng lớp gòn. 18. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đầyT' 19. Khi ấy, sau khi xem xét sự biến đổi diện mạo của Jīvaka Komārabhacca, người vợ nhà đại phú ấy đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: - Thưa thầy, sao thầy có vẻ lo âu vậy? Trong trường hợp này, tôi đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hôi lại băng lớp gòn! Và nhiêu thứ thuôc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, roi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì dây?" Thưa thầy, chúng tôi được gọi là gia chủ, hiểu về điều này là sự tiết kiệm. Bơ lỏng ây là thuôc xoa chân rát tót cho các tôi tớ và các người làm công, hay là dầu cho việc đốt đèn. Thưa thầy, thày chớ có lo âu. Vật thưởng công cho thầy sẽ không phải bỏ phí. 20. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt chứng bệnh đau đầu bảy năm của người vợ nhà đại phú chỉ bang mỗi một việc làm ở mũi. Sau đó, người vợ nhà đại phú được khỏi bệnh, đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người con trai [nghĩ rằng]: "Mẹ ta đã khỏi bệnh!,, nên đã thưởng cho Jīvaka

Komârabhacca bốn ngàn. Người con dâu [nghĩ rằng]: "Mẹ chồng ta đã khỏi bênh!” nên đã thưởng cho Jīvaka Komârabhacca bôn ngàn. Người gia chủ đại phú [nghĩrằng]: "Vợ ta đã khỏi bệnh!99 nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn, đứa tôi trai, [đứa tớ gái] và chiếc xe ngựa. 21. Sau đó, Jīvaka tr Komārabhacca 5 đã r câm lây mười . £ sáu ngàn ây, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiêc xe ngựa roi ra đi đên thành Rājagaha. Theo tuân tự, Jīvaka Komārabhacca đã đi đên thành A Rājagaha gặp Vương tử Ābhāya, sau khi đên đã nói với Vương tử Ābhāya điêu này: —Thưa ngài, đây là công việc đầu tiên của con gồm có mười sáu ngàn, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiếc xe ngựa. Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lay cho việc đã nuôi dưỡng con. -Này Jīvaka con, thôi đi, hãy để cho chính con. Con hãy cho xây tư thất ở hậu cung của chính chúng ta. Thưa ngài, xin

vâng. Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tử Ābhāya đã cho xây tư thất ở hậu cung. 22. Vào lúc bây giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bi bệnh rò rỉ. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: "Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chăng bao lâu Chúa công sẽ sanh con." Vì chuyện ây, đức vua bị xâu hô. 23. Sau đó5 đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nói với Vương tử Ābhāya điều này: Này khanh Ābhāya, trẫm có bệnh giống như vầy. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: “Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chẳng bao lâu Chúa công sẽ sanh con.” Này khanh Ābhāya, người nào có thể chữa trị cho trẫm thì hãy tìm thầy thuốc hạng như thế ấy. -Tâu Bệ hạ, Jīvaka này của thân là thây thuôc trẻ, giỏi giang, cậu ta sẽ chữa trị cho Bệ hạ. r v F r -Này khanh Ābhāya, như thê thì hãy ra lệnh cho thây thuôc Jīvaka. Vị ây sẽ chữa trị cho trẫm. 24. Sau đó, Vương tử Ābhāya đã ttnyền lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng: Này Jīvaka con, hãy đi và chữa trị cho đức vua. Thưa ngài, xin vâng. Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tửAbhaya sau khi nhét dược phẩm vào trong móng tay rồi đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, chúng ta hãy xem bệnh.

VUI. CHƯƠNG Y PHỤC 355

25. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt căn bệnh rò rỉ của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha chỉ bằng mỗi một liều thuốc thoa. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha được khỏi bệnh, đã cho người trang điểm năm trăm người nữ với tát cả các đô trang sức, xong bảo tháo ra, cho chát thành đống, rồi đã nói với Jīvaka Komârabhacca điều này: -Này khanh Jīvaka, tất cả các đồ trang sức này từ năm trăm người nữ là của khanh. -Tâu Bệ

356 ĐẠI PHẨM

29. - Tâu Bệ hạ, xin vâng. Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người gia chủ đại phú roi đã nói với người gia chủ đại phú điều này: Này gia chủ, nếu tôi chữa cho ông khỏi bệnh, vật thưởng công cho tôi sẽ là cái gì đây? Thưa thầy, tất cả tài sản sẽ là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Này gia chủ, vậy ông có thể nằm một bên hông trong bảy tháng không? - Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng. Này gia chủ, vậy ông có thê năm bên hông kia trong bảy tháng không? Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng. Này gia chủ, vậy ông có thê năm ngửa trong bảy tháng không? Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng. 30. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã bảo người gia chủ đại phú nằm xuống trên cái giường nhỏ, sau khi buộc chặt vào cái giường nhỏ rồi đã cắt làn da đầu, tách đôi vết mổ, rồi lôi ra hai con sâu đưa cho mọi người thấy [nói rằng]: Các người có thê nhìn xem hai con sâu một nhỏ một lớn này. Các vi thây nào đã nói như vầy: “Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết”, các vị ấy đã nhìn thấy con sâu lớn này trong năm ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vi thầy ấy đã nhìn

thay đúng. Còn các vị thầy nào đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu nhỏ này trong bảy ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng. Roi Jīvaka Komārabhacca đã khép lại vét mô, khâu lại làn da đâu, roi bôi thuốc mỡ vào. 3 L Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng. -Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thua thầy, tôi có thể nam một bên hông trong bảy thang" hay sao? Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nam một bên hông trong bảy tháng. Này gia chủ, như thê thì ngươi hãy năm bên hông kia trong bảy tháng. 32. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: Thưa thầy, tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 357

—Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: “Thua thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy th4ng" hay sao? Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nam bên hông kia trong bảy tháng. Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nằm ngửa trong bảy tháng. 33. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: -Thưa thầy, tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng. Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: “Thua thầy, tôi có thể nam ngửa trong bảy thang99 hay sao? Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng. Này gia chủ, nếu tôi không nói điều ấy thì ông không thể nằm được chừng này. Hơn nữa, tôi đã tính trước và biêt răng: “Vói ba lân bảy ngày, người gia chủ đại phú sẽ khỏi bệnh.,, Này gia chủ, hãy đứng dậy, ông đã khỏi bệnh. Ông hãy biết vật thưởng công cho tôi là cái gì? Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi là đầy tớ của thầy. Này gia chủ, thôi đi. Ông chớ có cho tôi tất cả tài sản và chớ có là đầy tớ của tôi. Hãy trao cho đức vua một trăm ngàn và tôi một trăm ngàn. Sau đó, người gia chủ đại phú được khỏi bệnh, đã trao cho đức vua một trăm ngàn và Jīvaka Komārabhacca một trăm ngàn. 34. Vào lúc bấy giờ, người con trai nhà đại phú ở Bārānasī trong lúc chơi giỡn trò nhào lộn bi bệnh xoắn ruột. Vì the, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, cậu ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. 35. Khi ấy, nhà đại phú thành Bārānasī đã khởi ý điều này: "Con trai ta có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng dăn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đan, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai ta trở nên ốm o, cằn cỗi? xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Hay là ta nên đi đen thành Rājagaha cau xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của ta vay?" 36. Sau đó, nhà đại phú ở Bārānasī đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này: -Tâu Bệ hạ, con trai thần có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đan,

vật thực được ăn vào cũng không

tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai thần trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Tâu Bệ hạ, tốt lành thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka . : c v chữa trị cho con trai của thân. 37. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rang: -Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Bārānasī khanh hãy chữa tri cho con trai nhà đại phú ở Bārānasī. -Tâu Bệ hạ? xin vâng. Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, đã đi Bārānasī gặp người con trai nhà đại phú ở Bārānasī, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người con trai nhà đại phú ở Bārānasī rồi bảo mọi người tránh di, dùng màn che vây kín lại, cột chặt [người con trai] vào cây cột nhà, bảo người vợ đứng ở phía trước, rồi cắt làn da ở bụng, lấy ruột ra, đưa cho người vợ thây [nói răng]: Hãy nhìn xem bệnh e của tướng công bà. Vì điều này mà ngay cả cháo được r húp vào cũng không tiêu hóa đúng đăn? vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Vì điều này, người này trở nên ôm o, căn côi, xuồng sác, có vẻ xanh xao, thân hình nôi đầy gân. Rồi Jīvaka Komārabhacca đã gỡ rối phần ruột bị xoắn, đặt các thứ ruột vào trở lại, khâu lại làn da bụng, rồi bôi thuốc mỡ vào. 38. Sau đó cũng chăng bao lâu, người con trai nhà đại phú ở Bārānasī đã được khỏi bệnh. Khi ấy, nhà đại phú ở Bārānasī [nghĩ rằng]: "Con trai ta đã được khỏi bênh" rồi đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca mười sáu ngàn. Khi ây, Jīvaka Komārabhacca đã câm lây mười sáu ngàn ây roi quay trở vê lại thành Rājagaha. 39. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota bị bệnh vàng da. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Sau đó, đức Vua Pajjota đã phái sứ giả đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha [nói rằng]: Quả la tôi bị bệnh như thế này. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho tôi. 40. Khi ây5 đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca răng: -Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Ujjenī, khanh hãy chữa tri cho đức Vua Pajjota. -Tâu Bệ hạ, xin vâng.

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 359

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi Ujjenī gặp đức Vua Pajjota, sau khi đên đã xem xét sự biên đôi diện mạo của đức Vua Pajjota roi đã nói điêu này: -Tâu Bệ hạ, thần sẽ đun sôi bơ lỏng và Bệ hạ sẽ uống thứ ấy. Này khanh Jīvaka, thôi đi. Ngươi hãy làm khỏi bệnh bằng cách nào mà có thể không dùng bơ lỏng. Đối với ta, bơ lỏng ghê tởm và không thích hợp. 41. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Bệnh của vị vua này là như thế ấy; không dùng bơ lỏng không thể nào làm khỏi bệnh được. Hay là ta nên nau sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vị của cam?" Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vi của cam với nhiều loại dược phẩm. 42. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: uĐối với vị vua này, bơ lỏng đã được uống vào, trong khi được tiêu hóa, sẽ làm ợ chua. Vị vua này thì tàn bạo có thê cho người giêt

ta, hay là ta nên hỏi phòng xa trước?,, 43. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Vua Pajjota, sau khi đến đã nói với đức Vua Pajjota điều này: Tâu Bệ hạ5 những người thầy thuốc chúng tôi nhổ các thứ rễ cây, thâu hoạch các thứ dược phẩm vào thời điểm thích hợp. Tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy đê cho đi băng xe đó, muôn đi ra băng công nào thì hãy đê cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó?9 44. Sau đó, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó? muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc d6." 45. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có con voi cái tên là Bhaddavatikâ có thể đi năm mươi do-tuần. Rồi Jīvaka Komārabhacca đã đem lại bơ lỏng cho đức Vua Pajjota [nói rằng]: Xin Bệ hạ hãy uông cam. Sau đó, khi đã cho đức Vua Pajjota uông bơ lỏng xong, Jīvaka Komārabhacca đã đi đên chuông voi và tâu thoát khỏi thành phô băng con voi cái Bhaddavatikâ. 46. Sau đỏ, khi đã được đức Vua Pajjota uống vào và trong khi tiêu hóa, bơ lỏng ấy đã làm ợ chua. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã nói với mọi người điều này: -Này các khanh, Jīvaka xảo trá đã làm cho trâm phải uông bơ lỏng. Chính vì thế, các khanh hãy truy nã thầy thuốc Jīvaka. -Tâu Bệ hạ, thầy thuốc đã tẩu thoát khỏi thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikã roi.

47. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có nam nô lệ tên là Kâka đã được sanh ra có nguồn gốc phi nhân có thể đi sáu mươi do-tuần. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho nô lệ Kâka rằng: -Này khanh Kãka, hãy đi và hãy bảo thầy thuốc Jīvaka rằng: “Thua thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở ." Này khanh Kâka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng quỷ quyệt. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta. 48. Sau đó? vào khoảng giữa đường đi tại thành Kosambī, người nô lệ Kâka đã bắt gặp Jīvaka Komārabhacca đang dùng điểm tâm. Khi ấy, người nô lệ Kâka đã nói với Jīvaka Komârabhacca điều này: -Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về. —Này chú em Kka, hãy chờ cho ta ăn. Này chú em Kãka, ngươi cũng nên ăn đi. Thưa thầy, thoi đi. Tôi đã được đức vua ra lệnh rằng: "Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng xảo trá. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta.” 49. Vào lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca đã dùng móng tay khảy lấy [chút] dược phàm roi ăn trái cây âmalaka và uông nước. Khi ây, Jīvaka Komārabhacca đã nói với nô lệ Kâka điều này: Này chú em Kka, ngươi hãy ăn trái cây âmalaka và nên uống nước. Khi ấy, nô lệ Kâka [nghĩ rằng]: "Thầy thuốc này ăn trái cây âmalaka và uông nước. Xem ra không có điêu gì là quỷ quyệt c*' roi đã ăn nửa trái âmalaka và uống nước. Khi người nô lệ ấy vừa ăn vào nửa phần của trái ãmalaka ấy liền bị ói ra ngay tại chỗ ấy. 50. Khi ấy, nô lệ Kâka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này: -Thưa thây, tôi có còn mạng sông không? - Này chú em Kka, chớ có sợ. Rồi chính ngươi sẽ được khỏi bệnh. Còn đức vua thì tàn bạo, đức vua ây cũng có thê ra lệnh giêt ta; vì thê ta không quay trở lại. Sau khi bảo nô lệ Kâka dẫn đi con voi cái Bhaddavatikā, Jīvaka Komārabhacca đã ra đi vê phía thành Rājagaha, tuân tự đã đi đên thành Rājagaha gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ

Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy cho đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha. -Này khanh Jīvaka, khanh đã làm tốt lắm, là việc khanh đã không quay trở về. Đức vua ấy tàn bạo cũng có thể ra lệnh giết khanh. 51. Sau đó, đức Vua Pajjota được khỏi bệnh, đã phái sứ giả đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca [nói răng]: Jīvaka, hãy đi đến. Trẫm sẽ ban đặc ân. Thưa ngài, thôi đi. Chỉ xin đức vua nhớ cho chức vụ của thần.

362 ĐẠI PHẨM

[Rồi nghĩ rằng:] "Nhu thế, đức Thế Tôn sẽ có liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi ln." Sau đó, khi đã dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần, Jīvaka Komārabhacca đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 58. Khi ây, trong lúc đang đi ra khỏi công ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 363

61. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, cho đến khi cơ thể của đức Thế Tôn trở lại bình thường, cần kiêng đồ khất thực là nước trái cây. 62. Sau đó chẳng bao lâu, cơ thể của đức Thế Tôn đã được bình thường. Khi ấy, Jīvaka Komârabhacca đã cầm lấy xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy đi đên gặp đức Thê Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điêu này: —Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Này Jīvaka, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn. —Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý5 điều ấy không bị chê trách. Này Jīvaka, hãy nói đi. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là vị sử dụng y may từ vải bi quăng bỏ và hội chúng Tỳ-khưu [cũng vậy]. Bạch Ngài, xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con đã được Vua Pajjota gởi đến, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô sô các loại vải, trong vô sô các xáp vải đôi, trong hàng trăm xáp vải đôi, trong hàng ngàn xáp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xáp vải đôi. Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận xáp vải đôi sản xuât tại xứ Sivi này của con và cho phép y của gia chủ1 đen hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi. 63. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phân khởi cho Jīvaka Komārabhacca băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 64. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khxru rằng: “Ny các Tỳ-khưu5 Ta cho phép y của gia chủ. Vị nào thích thì hãy là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ, vị nào thích thì hãy chấp nhận y của gia chủ. Và này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ [dầu] với loại này hay loại kia." 65. Rồi dân chúng ở thành Rājagaha đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các Ty-khưu." Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn [nghĩ rằng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc

phước thiện, bởi vì đức Thê Tôn đã cho phép y của gia chủ đên các vị Tỳ-khưu.,, Và chỉ trong một ngày, ở thành Rājagaha, nhiêu ngàn y đã được phát sanh.

1 Y của gia chủ (gahapaticĩvararrì) được ngài Buddhaghosa giải thích: "Y được dâng bởi các gia chủ,, (g. V1119).

66. Rồi dân chúng trong nước đã nghe được rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đên các vị Tỳ-khưu?9 Và những người dân ây đã trở nên mừng rỡ, phân chân [nghĩ răng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Ty-khuu/5 Và chỉ trong một ngày, ở trong nước, nhiều ngàn y đã được phát sanh. 67. Vào lúc bây giờ, có tâm vải choàng được phát sanh đên hội chúng. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khmi9 Ta cho phép tấm vải choàng. Có tấm vải choàng bằng tơ lụa được phát sanh. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép tấm vải choàng bằng tơ lụa. Có tấm choàng lông được phát sanh đến hội chúng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm choàng lông. Dứt tụng phẩm thứ nhất

L Vào lúc bây giờ, đức vua xứ Kâsi đã gởi đên Jīvaka Komārabhacca tâm mền len tri giá nửa kãsí1 [hoặc] tương đương với nửa kâsi. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy tấm mền len trị giá nửa kãsi ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tâm mên len này của con trị giá nửa kãsi [hoặc] tương đương với nửa kãsi đã được đức vua xứ Kãsi gởi đến. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lãnh tấm mền, điều ấy sẽ đem lại sự lợi ích và sự an lạc lâu dài cho con. Đức Thế Tôn đã thọ lãnh tấm mền len. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komârabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm mền len. 4. Vào lúc bấy giờ5 có các y đủ loại phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại y nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.2

2 Ngài Buddhaghosa giải thích một kãsỉ tri giá một ngàn (VìnA. v. 1119).

Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố. 5. Vào lúc bây giờ, những vị Tỳ-khưu nào chấp nhận y của gia chủ, những vị ấy trong lúc ngần ngại, không chấp nhận loại vải dơ bị quăng bỏ [nghĩ rằng]: “Dức Thế Tôn cho phép chỉ một loại y chứ không phải hai.^, Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép vị chấp nhận y của gia chủ, chấp nhận luôn cả loại vải dơ bi quăng bỏ. Này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ với cả hai loại ấy. 6 Vào lúc bấy

giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ- khưu đã không chờ đợi. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những vi Tỳ-khưu không chờ đợi đã nói như vầy: Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa. Những vị kia đã nói như vầy: Này các Đại dức, chúng tôi sẽ không chia phân cho các vị. Tại sao các vị đã không chờ đợi? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép không chia phân cho các vị không chờ đợi nếu không muốn. 7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vi Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bi quăng bỏ. Một số Tỳ- khưu đã chờ đợi. Những vi Tỳ-khiru đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những Tỳ-khưu chờ đợi đã nói như vầy: -Này các Đại đức, hãy chia phân cho cả chúng tôi nữa. . e \

Những vị kia đã nói như vây: Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phân cho các vi. Tại sao các vị đã không đi vào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vi đã chờ đợi cho dầu không muốn. 8. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma trước để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khiru đã đi vào sau. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma trước đã nhặt được nhiêu vải quân tử thi. Những vị Tỳ-khưu đi vào sau đã không nhặt được. Những vị ấy đã nói như vầy: -Này các Đại đức, hãy chia phân cho cả chúng tôi nữa.

366 > ĐẠI PHẨM

Những vị kia đã nói như vây: —Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phân

VUI. CHƯƠNG Y PHỤC 367

r kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vây] là vị tiêp nhận y xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 13. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu là các vị tiêp nhận y, sau khi thọ lãnh y, bỏ ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Y bị mất. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị cất giữ y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được cất giữ hay chưa được cất giữ. 14. Và này các Tỳ-khmi, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu câu; sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khmi tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vày] là

vị cất giữ y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị cát giữ y. Sự việc được hội chúng đông ý

17. Vào lúc bấy giờ, y ở trong nhà kho chứa đồ của hội chúng không được bảo quản. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh vi quản lý nhà kho là vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được bảo quản hay không được bảo quản. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: "...(nt).. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi quản lý nhà kho. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 18. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư bãi nhiệm vi quản lý nhà kho. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bãi nhiệm vị giữ nhà kho; vị nào bãi nhiệm thì phạm tội Dukkata. 19. Vào lúc bấy giờ, trong nhà kho chứa đồ của hội chúng, y được dồi dào. Các vị đã trình sự việc áy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hội chúng chia phần theo sự hiện diện. 20. Vào lúc bây giờ, toàn thê hội chúng trong lúc chia phân y đã gây ra cảnh náo động. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép chỉ định vi chia y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bi chi phôi bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [y] đã được phân chia hay chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, 21. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điêu này: "Y nên được chia như thế nào?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép trước tiên phân loại, phỏng định giá trị, làm cho đồng đều [giá trị], đếm số Tỳ-khưu, gom lại thành nhóm, rồi xác định phần chia về y. 22. Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: 'Thần chia về y có nên được cho đến các Sa-di hay kh6ng?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Sa-di một nửa của phần chia về y. 23. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muôn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phần chia của bản thân đến vị đang [chuẩn bị] vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng].

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia nhiều hơn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phân chia nhiêu hơn khi vật đên bù được trao lại. 25. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vi chia y đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được trao cho như thế nào, theo thứ tự đi đến hay là theo thâm niên?^, Các VỊ đã trình sự việ

Thảm cỏ bi mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sào máng y, dây treo y. Các vị treo cao lên ở giữa. Thuốc nhuộm chảy ra hai bên. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc ở các góc [y]. Góc [y] bi sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép sợi chỉ ở các góc [y]. Thuốc nhuộm chảy ở một bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhuộm bằng cách đảo y trở qua rồi đảo y trở lại và không được bỏ đi khi nước chưa ngừng nhỏ giọt. 33. Vào lúc bấy giờ, y bi cứng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngâm trong nước. 34. Vào lúc bấy giờ, y bị thô nhám. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đập bằng bàn tay. 35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y ca-sa màu ngà voi chưa được cat. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.99 Các vị đa trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y chưa được cắt; vị nào mặc thì phạm tội Dukkata. 36. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến Dakkhināgiri. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được két nôi băng những đường biên ngăn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng: - Này Ānanda, ngươi có nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha của chúng ta được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được két nôi băng những đường biên ngăn ở giữa, được két nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau không? Bạch Ngài, thưa có. Này Ānanda, ngươi có khả năng tạo nên các y có kiểu mẫu như thế cho các vị Tỳ-khưu không? -Bạch Thế Tôn, con có khả năng. 37. Sau đó, khi đã ngự tại Dakldiināgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, Đại đức Ānanda sau khi tự mình tạo nên

các y cho nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin Thế Tôn hãy nhìn xem các y con đã tự mình tạo nên. Sau đó9 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rang: -Này các Tỳ-khưu5 Ānanda thật sáng trí. Này các Tỳ-khưu, Ānanda có đại trí tuệ bởi vì vi ây hiêu ý nghĩa một cách đây đủ của điêu đã được Ta nói ra một cách vắn tắt. Vi ấy làm được dải nối theo chiều dọc [của y], vị ấy làm được dải nối theo chiều ngang [của y], vi ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều [của y], vị ây làm được mảnh nhỏ thuộc dải điêu [của y], vị ây làm được mảnh lớn thuộc dải điều giữa [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc các dải điều bên [của y], vi ây làm được mảnh nhỏ thuộc dải điêu giữa [của y], vị ây làm được mảnh nhỏ thuộc các dải điêu kê [của y], vị ây làm được mảnh nhỏ thuộc hai dải điều biên [của y], [như the y] sẽ được cắt ra5 san sùi khi được ráp lại, phù hợp với Sa-môn, không còn được mong mỏi bởi những kẻ đối nghịch. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép y hai lớp đã được cắt ra, thượng y đã được cắt ra, y nội đã được cắt ra [rồi ráp lại]. 38. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra di, du hành đen thành Vesālī. Đức The Tôn đã nhìn thay nhiều vị Tỳ-khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, các vị đã

làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vi đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ dại này đã xoay xở được nhiều y thật nhanh chóng, hay là Ta nên xác đinh sự hạn chế về y, [và] nên quy đinh sự giới hạn về y?" 39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại điện thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, đức Thế Tôn đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y; đức Thế Tôn đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đâu đã qua, cảm giác lạnh đã xuât hiện ở đức The Ton. Đức The Ton đã trùm len y thư nhì; đức The Ton đã không con cam giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuat hiện ở đức Thê Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ ba; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuat hiên ơ đức The Ton. Đức The Ton đã trùm len y thư tư; đức Thê Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác đinh sự hạn chê vê y, nên quy định sự giới hạn vê y cho các Tỳ-khưu, [và] nên cho phép ba y?"

40. Sau đó9 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, ở đây? trong khi đi trên đoạn đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, Ta đã nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu ôm đom với các chiếc y đang đi ngược chiều, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vi đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ x r dại này đã xoay xở được nhiêu y thật mau măn, hay là Ta nên xác đinh sự hạn chê vê y, [và] nên quy định sự giới hạn vê y?" 41. Này các Tỳ-khưu, ở dây, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời diêm tuyết rơi, Ta đã ngôi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y, Ta đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ nhì, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ ba, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ tư, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác đinh sự hạn chê vê y, nên quy định sự giới hạn vê y cho các Tỳ- khưu, [và] nên cho phép ba y?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba y gôm có y Sañghāti hai lớp, thượng y một lớp, và y nội một lớp. 42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cho phép ba y", roi đi vào làng với ba y nọ, mặc ở tu viện với ba y khác và đi xuống tam với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ troi?^ 43. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại ròi bảo các Tỳ- khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên cất giữ y phụ trội, vị nào cất giữ thì

nên được hành xử theo pháp.3 44. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sâketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Dức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không được cất giữ y phụ trội.9 Và y phụ trội này đã được phát sanh đên ta. Và ta có ý muôn dâng y này đên Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sâketa. Vậy ta nên thực hành như thế nao?99 Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3 Liến quan đến tội Nissaggiya Pãcỉttiya thứ nhất (ND).

Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây? - Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười. 45. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cất giữ y phụ trội tối đa mười ngay.^ 46. Vào lúc bây giờ, có y phụ trội phát sanh đên các Tỳ-khiru. Khi ây, các vị Tỳ-khxru đã khởi ý điều này: uNên thực hành như thế nào đối với các y phụ trOi?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện đe dùng chung y phụ trội. 47. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bāranasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārānasī. Tại nơi đó, ở Bārānasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, nơi vườn Nai. 48. Vào lúc bấy giờ, y nội của vị Tỳ-khưu nọ bị rách. Khi ấy, vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Bức Thế Tôn đã cho phép ba y gồm có y Sañghāti hai lớp, thượng y một lớp và y nội một lớp. Và y nội này của ta bị rách, hay là ta nên đắp thêm miếng vá, như thế xung quanh sẽ là hai lớp và ở giữa là mOt lớp?” Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đắp thêm miếng vá. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chô trú ngụ đã nhìn thây vi Tỳ-khưu ây đang đăp thêm miêng vá, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vi Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Tỳ-khưu? ngươi làm gì vậy? Bạch Thế Tôn, con đắp thêm miếng vá. - Này Tỳ-khưu, thật tốt thay, thật tốt thay! Này Tỳ-khưu5 thật tốt thay việc ngươi đắp thêm miếng vá! 49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khi vải còn mới hoặc được xem như mới thì y Sañghāti là hai lớp, thượng y là một lớp và y nội là một lớp. Khi các lớp vải đã bị sờn bởi thời gian thì y Sañghāti là bốn lớp, thượng y là hai lớp và y nội là hai lớp. Nên thực hiện việc nỗ lực [tìm kiếm] vải dơ bị quăng bỏ hay [được bỏ rơi] ở các cửa tiệm theo như nhu cầu. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [đắp] miếng vá, [dùng] chỉ mạng, [đắp chong] lớp nữa, miếng vá nhỏ và việc may lại cho chắc chắn. 50. Sau đó5 khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành vê phía thành Sāvatthi. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika.

51. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã ngồi xuống

một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà bằng bài pháp thoại. 52. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migâra đã nói với -X r Ấ rT^ A. 4, • x A đức Thê Ton điêu nay: -Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn nhận lời con vê bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 53. Vào lúc bây giờ, khi trải qua đêm ây có đám mây lớn kháp cả bôn châu đã đổ mưa xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trời mưa ở Jetavana như thế nào thì trời mưa ở bốn châu như thế ấy. Này các Tỳ-khiru, hãy để cho thân thể ướt đẫm nước mưa, đây là trận mưa lớn khắp cả bốn châu lần cuối cùng. -Bạch Ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, có các y đã được cất đi, rồi để cho thân the ướt đẫm nước mưa. 54. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra sau khi cho chuẩn bi sẵn sàng vật thực hảo hạng loại cứng, loại mem roi đã bảo người tớ gái răng: Này em, hãy đi. Sau khi đên tu viện, hãy thông báo thời giờ răng: “Bạch ngài, đã đen giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Thưa bà, xin vâng. Rồi người tớ gái nghe theo bà Visākhā, mẹ của Migãra đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, có các y đã được cất di, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mua” rồi đã đi đên gặp bà Visākhā, mẹ của Migâra sau khi đên đã nói với bà Visākhā, mẹ của Migâra điều này: Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. 55. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: "Chắc chan là các ngài Đại đức có các y đã được cất đi và để cho thân thể ướt đẫm nước mưa! Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thê ướt đâm nước mua'”nên đã bảo người tớ gái lân nữa răng:

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 375

-Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.” 56. Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có 9 r " y ĩ x Cơ thê khoẻ khoăn, đã câm lây các y roi đi vào tru xá của mình. 57. Sau đó, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện, trong khi không nhìn thấy các vi Tỳ-khưu [nên nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không99 rồi đã đi đến gặp bà Visākhā, mẹ của Migâra, sau khi đến đã nói với bà Visākhā mẹ của Migãra điều này: -Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không. 58. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điêu này: "Chc chăn là các ngài Đại đức sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, nên đã cầm lấy các y rồi đi vào tru xá của mình. Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không,,\ nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng: Này em, hãy đi. Sau khi đi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đên giờ, thức ăn đã chuân bị xong.” 59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, hãy sẵn

sàng y bát. Đã đến thời điểm của bữa ăn. Bạch Ngài, xin vâng. Các vi Tỳ-khưu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn. 60. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở cổng nhà của bà Visākhā, mẹ của Migâra. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. 61. Khi ấy? bà Visākhā, mẹ của Migãra [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì trong khi các cơn lũ đang dâng tới mức đầu gối5 trong khi các cơn lũ đang dâng lên tới hông thế mà không một vị Tỳ-khưu nào có các bàn chân hoặc các y bi ướt!,, nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đâu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, bà đã ngồi xuống một bên. 62. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migâra đã nói với đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn tám điều ước muốn. Này Visākhā, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn. > r > r Bạch Ngài, các điêu ây là hợp lý, các điêu ây không bi chê trách.

 Này Visākhā, hãy nói đi. r ỉ r Bạch Ngài, con muôn dâng vải choàng tăm mưa đên hội chúng, dâng bữa ăn dành cho vị vãng lai, dâng bữa ăn dành cho vi xuất hành, dâng bữa ăn dành cho vị bị bệnh, dâng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vi bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đen trọn đời. 63. Này Visākhā, trong khi thây rõ sự hữu dụng gì mà bà lại thỉnh câu Như Lai tám điều ước muốn? Bạch Ngài, ở đây, con đã bảo người tớ gái rằng: "Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: 'Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.'" Khi ấy, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vi Tỳ-khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thê đang đê cho thân thê ướt đâm nước mưa,9 roi đã đi đên gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: "Thua bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mua." Bạch Ngài, sự trân truông là không tinh khiêt, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thây rõ sự hữu dụng này mà con muôn dâng đên hội chúng vải choàng [tăm] mưa đen trọn đời. 64. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khiru vãng lai không rành rẽ đường sá9 không rành rẽ khu vực, đi khất thực trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị vãng lai của con được rành rẽ đường sá, được rành rẽ khu vực, sẽ đi khất thực trong khi không còn mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vi vãng lai đen trọn đời. 65. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị xuất hành, trong khi tìm kiếm vật thực cho mình sẽ bị trễ đoàn lữ hành, hoặc sẽ đến nơi [mà vị ấy] có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ phải đi đường xa trong lúc đang mệt nhọc. Vị. ấy sau khi thọ thực • bữar ăn dành cho vị xuất hành của con r r sẽ không bị trễ r 0

đoàn lữ hành, sẽ không đên nơi [mà vị áy] có ý muôn đi đên vào lúc trời tôi, sẽ đi đường xa trong khi không mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị xuất hành đến trọn đời. 66. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bi bệnh trong khi không nhận được các thức ăn thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vi ấy thọ dụng bữa ăn dành cho vị bi bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vi bị bệnh đến trọn đời. 67. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị chăm sóc bệnh, trong khi tìm kiếm thức ăn cho mình sẽ đem lại bữa ăn của vị bệnh lúc mặt trời đã lên

[cao], sẽ làm lỡ bữa ăn. Vi ấy sau khi thọ dụng bữa ăn dành cho vi chăm sóc bệnh của con sẽ đem lại thức ăn của vị bệnh lúc đúng thời, sẽ không làm lỡ bữa ăn. Bạch Ngài, trong khi thây rõ sự hữu dụng này mà con muôn dâng đên hội chúng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh đen trọn đời. 68. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bi bệnh trong khi không nhận được các loại dược phẩm thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vi ấy thọ dụng dược phẩm dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muôn dâng đên hội chúng dược phàm dành cho vị bị bệnh đen trọn đời. 69. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, ở Andhakavinda, trong khi thấy rõ mười điều lợi ích, đức Thế Tôn đã cho phép [thọ dụng] cháo. Bạch Ngài, trong khi thây rõ sự hữu dụng này mà con muôn dâng đên hội chúng cháo hàng ngày đến trọn đời. 70. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, các Tỳ-khưu-ni tắm trần truồng với các cô diêm ở một bãi tăm của sông Aciravatī. Bạch Ngài, các cô diêm ây đã chế giễu các Tỳ-khmi-ni rằng: "Các bà Đại đức ơi, các bà được cái gì với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc còn trẻ trung vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được hưởng thụ hay sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thê các bà sẽ vớ được cả hai điêu lợi.,, Bạch Ngài, khi bị các cô điếm chế giễu, các Tỳ-khưu-ni ấy đã mắc cỡ. Bạch Ngài, sự trần truồng của phụ nữ là không tinh khiêt, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thây rõ sự hữu dụng này mà con muôn dâng đên hội chúng Tỳ-khưu-ni vải choàng tắm đến trọn đời. 71. - Này Visākhā, trong khi thấy rõ lợi ích gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điêu ước muôn? —Bạch Ngài, ở đây các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Các vị ấy sau khi đi đến gặp đức Thế Tôn sẽ hỏi rằng: "Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần. Cõi tái sanh của vị ấy là gì? Cảnh giới kế tiếp của vị ấy là gi?" Đức Thế Ton sẽ tuyên bố vi ấy ở quả vị Nhập lưu, hoặc ở quả vị Nhất lai, hoặc ở quả vị Bất lai, hoặc ở phẩm vi A-la-hán. Con sẽ đi đen gặp các vị ấy và hỏi rằng: "Thưa các ngài, có phải vị Đại đức ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi?,, Nếu các vị trả lời con rằng: Tỳ-khưu ấy trước đây đã đi đến sāvatthi." Trường hợp ấy, con sẽ đi đên két luận là "chác chăn răng vị Đại đức ây đã thọ dụng hoặc là vải choàng [tam] mưa, hoặc là bữa ăn dành cho vị vãng lai, hoặc là bữa ăn dành cho vi xuât hành, hoặc là bữa ăn dành cho vị bị bệnh, hoặc là bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, hoặc là dược phẩm dành cho vị bi bệnh, hoặc là cháo hàng ngày của

con.,, Trong khi nhớ lại điêu ây9 sự hân hoan sẽ được sanh khởi ở con đây, do sự hân hoan mà hỷ sẽ được sanh khởi, do tâm có hỷ mà thân sẽ khinh an, do thân

được khinh an con sẽ cảm giác sự an lạc, do có sự an lạc tâm sẽ được định, điều ây sẽ có ở con là sự tu tập vê căn quyên, sự tu tập vê lực, sự tu tập vê giác chi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ lợi ích này mà con thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn. 72. - Này Visākhā, thật tốt lắm, thật tốt lắm! Này Visākhā, thật tốt thay trong khi thây rõ lợi ích này mà bà thỉnh câu Như Lai tám điêu ước muôn. Này Visākhā, Ta cho phép bà tám điều ước muốn. 73. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migâra bằng những lời kệ này: “Trong khi bố thí cơm nước, người nữ nào được hân hoan, được thành tựu vê giới, là đệ tử của đàng Thiện Thệ, sau khi chê ngự sự bon xẻn, roi dâng cúng vật thí, [là yếu tố] dẫn đến cõi trời, xua tan sầu muộn, đem lại sự an lạc. Sau khi đạt tuổi thọ của cõi trời, cô ấy đi vào đạo lộ không bợn nhơ, không nhiễm ô. Với ước muốn về phước báu, cô ấy có được sự an lạc, không có bệnh, vui hưởng dài lâu ở hội chúng nơi thiên dinh." 74. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng những 1 \ • [5 A r-pi Á FT1 A Ạ y 1 À• Z y m Q 4- r rpi Á rp lơi kẹ nay, đức The Ton đã tư chô ngoi đưng dạy va ra đi. Sau đo, đức Thê Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép vải choàng tắm mưa, bữa ăn dành cho vị vãng lai, bữa ăn dành cho vi xuất hành, bữa ăn dành cho vị bị bệnh, bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dược phẩm dành cho vi bị bệnh, cháo hàng ngày, vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Dứt tụng phẩm Visākhā.

L Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao, khiến chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ. 2. Khi ây9 đức Thê Tôn trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem? Bạch Ngài, hiện nay các vi Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vi có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này bị lấm lem vì chất dơ. Này Ānanda, điều ấy là như the! Này Ānanda, điều ấy là như the! Này Ānanda, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao vì các vi ấy có niệm bị xao lãng,

không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiêt lập, được tỉnh giác và rơi vào giác ngủ, tinh dịch của các vị ây không bị xuất ra. Này Ānanda, các vị nào dâu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đăm trong các dục? tinh dịch của các vị ây không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vi A-la-hán có thể bi xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở. 3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy

nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, ở đây trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Ānanda là Sa-môn hầu cận, Ta đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bi lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã hỏi Ānanda rằng: "Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?" "Bạch Ngài, hiện nay các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bi xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, rồi tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này đã bị lấm lem vì chất do." "Này Ānanda, điều ấy là như the! Này Ānanda, điều ấy là như thê! Này Ananda, bởi vì đôi với các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, trong khi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của họ bị xuất ra do chiêm bao. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, ngay cả các vị nào dầu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vi ấy cũng không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vi A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ SỎL" 4. Này các Tỳ-khưu5 đây là năm điều bất lợi của vi có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vi ấy] ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. 5. Này các Tỳ-khưu9 đây là năm điêu thuận lợi của vi có niệm được thiêt lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điêu thuận lợi của vị có niệm được thiêt lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật lót ngồi để bảo vệ cơ thể, để bảo vệ y, để bảo vệ chỗ nằm ngồi. 6. Vào lúc bấy giờ, vật lót ngồi^ quá nhỏ nên không bảo vệ được toàn bộ chỗ nằm ngồi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép vị mong muôn tâm trải năm lớn chừng nào thì được làm tấm trải nằm lớn chừng ấy.

4 Được dịch là vật lót ngồi thay vì tọa cụ, và tấm trải nằm thay vì ngọa cụ (ND).

7. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Belatthisīsa, thầy tế độ của Đại đức Ānanda, có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ của vị ấy. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra. 8 Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gan các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này bị bệnh gì vậy? Bạch Ngài, Đại đức này bị bệnh ghẻ sân sùi, các y bị dính vào thân vì chát máu mủ9 chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra. 9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] y đắp ghẻ đối với vị nào bị ghẻ ngứa, hoặc bi nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc bị ghẻ sần sùi. 10. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migâra đã cầm cái khăn lau mặt đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch

Ngài, xin hãy thọ lãnh cái khăn lau mặt của con vì điều ấy đem lại sự lợi ích và sự an vui lâu dài cho con. Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái khăn lau mặt. 11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thê Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh roi ra đi. 12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [sử dụng] khăn lau mặt. 13. Vào lúc bấy giờ, Rojā, người Mallā là bạn của Đại đức Ānanda. Tấm vải dệt bằng sợi lanh của Rojā, người Mallā đã bị rơi xuống ở cánh tay của Đại đức Ānanda. Và Đại đức Ānanda có nhu cầu về vải dệt bằng sợi lanh. Các vị đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của nguôi có năm yếu tố: Là vị đồng quan diêm, thân thiêt đã được nói trước, [vị áy] còn sông và vi lây biêt được răng: "Khi được ta lây thì vị ây sẽ hoan hỷ.^, Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người có năm yếu to này. r • \ y 14. Vào lúc bây giờ, các vi Tỳ-khưu có được đây đủ ba y và còn có nhu câu về các đồ lọc nước và các túi mang. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép miếng vải phụ tùng.

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 381

15. Khi ấy, các Tỳ-khiru đã khởi ý điều này: "Các vật nào đã được đức Thế Tôn cho phép như là 'ba y\ hoặc là 'vải choàng tắm mưa\ hoặc là 'vật lót ngồi\ hoặc là 'tấm trải nằm\ hoặc là 'y đắp ghẻ\ hoặc là 'khăn lau mặt\ hoặc là 'miếng vải phụ tùng', tất cả các thứ ấy nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện đê dùng chung?" Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng riêng ba y không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện đe dùng riêng vải choàng tắm mưa trong bốn tháng của mùa mưa, sau đó chú nguyện để dùng chung vào các tháng khác, chú nguyện để dùng riêng vật lót ngoi không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng tấm trải nằm không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện đê dùng riêng y đăp ghẻ lúc còn bị bệnh, sau đó chú nguyện để dùng chung vào lúc khác, chú nguyện để dùng riêng khăn lau mặt không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng miếng vải phụ tùng không được chú nguyện để dùng chung. Khi ây, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điêu này: "Y nên được chú nguyện đê dùng chung [có kích thước] tối thiểu là bao nhiêu?^, Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] tôi thiêu với chiêu dài là tám ngón tay, với chiêu rộng là bôn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn. 16. Vào lúc bây giờ, y làm băng vải dơ bị quăng bỏ của Đại đức Mahâkassapa là nặng nề [do việc đắp lên miếng vá ở các chỗ bị sờn]. Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [thực hiện] việc mạng băng chỉ. [Y] có góc bị thừa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép cắt góc bị thừa. Các mối chỉ bị xổ ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. r r 9 y 0 Này các Tỳ-khtru, Ta cho phép găn vào miêng vải viên, [làm] đường biên xung quanh. Vào lúc bấy giờ, các mảnh vải của y hai lớp bị bung ra. Các vị đã trình sự _ r r việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm đường

may ngang dọc. 17. Vào lúc bây giờ, trong lúc y của vị Tỳ-khưu nọ đang được làm, toàn bộ các mảnh cắt không đủ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] được cắt, một [y] không cắt. Hai [y] được cắt, một [y] không cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton.

-Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] không cắt, một [y] được cắt. Hai [y] không cắt, một [y] được cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đặt vào miêng vải khác loại. Và này các Tỳ-khiru, không nên sử dụng toàn bộ [ba y] không cắt; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. 18. Vào lúc bây giờ, có nhiêu y được phát sanh đên vi Tỳ-khưu nọ. Và vi ây co y muôn cho đen cha mẹ y ay. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? trong khi nói là "cha mẹ" thì chúng ta có thê nói điêu gì? Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến cha mẹ. Và này các Tỳ-khưu, không nên cho vật bố thí vì đức tin đến đối tượng không xứng đáng; vị nào cho đến đối tượng không xứng đáng thì phạm tội Dukkata. 19. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đã đê lại y hai lớp trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy. Vị Tỳ-khưu ấy trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các Tỳ-khưu đa nói như vầy: Này Đại đức, vì sao ngài lại trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm? Này các Đại dức, trường hợp này là tôi đã để lại y ở trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy, vì thế tôi trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm. _ f Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng với y nội và thượng y; vi nào đi vào thì phạm tội Dukkata. 20. Vào lúc bây giờ, Đại đức Ananda vì thiêu sự ghi nhớ nên đã đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Ānanda điều này: —Này Đại đức Ānanda, không phải đức Thế Tôn đã quy đinh rằng: "Không nên đi vào làng với y nội và thượng y” hay sao? Này Đại dức, vì sao ngài đã đi vào làng với y nội và thượng y? Này các Đại dức, đúng vậy. Đức Thế Tôn quy định rằng: "Không nen đi vào làng với y nội và thượng y." Hơn nữa, tôi đã đi vào [làng] với sự thiếu ghi nhớ. 21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa,5 hoặc là vi đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc

-Này các Đại dức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận. Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vi ấy đã đi sang trú xứ khác, ở nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý đinh chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vầy: Này Đại dức, các y thuộc vê hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chập nhận phần chia hay không? Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận. Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vi ấy đã cầm lấy gói y lớn rồi quay trở về lại Sāvatthi. 33. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này Đại đức upananda, ngài có phước lớn. Nhiều y đã được phát sanh đến ngài. Này các Đại đức, phước của tôi là do đâu? ở đây, tôi đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. ở đó9 các Tỳ-khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vi ấy đã nói với tôi như vầy: “Này Đại đức,

các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay kh6ng?" “Này các Đại đức, xin vânẹ. Tôi sẽ chấp nhận?5 Sau khi nhận phần y từ nơi đó, tôi đã đi sang trú xứ khác, ơ nơi đó, các vị Tỵ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ây cũng đã nói với tôi như vây: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?55 "Này các Đại dức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.,^ Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, tôi đã đi sang tru xứ khác, ở nơi đó9 các vi Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý đinh chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?,^ "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.,, Tôi đã nhận phần y từ nơi đó nữa, như thế mà nhiều y đã được phát sanh đến tôi. 34. Này Đại đức upananda, có phải ngài đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác?" 35. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này Upananda, nghe nói ngươi đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phan y ở một nơi khác, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rô dại, vì sao ngươi sông mùa [an cư] mưa ở một nơi lại châp nhận phần y ở một nơi khác? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, vi sông mùa [an cư] mưa ở nơi khác không nên châp nhận phần y ở nơi khác; vị nào chấp nhận thì phạm tội Dukkata. 36. Vào lúc bây giờ, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā một mình đã sông mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ [nghĩ răng]: "Nhu vây nhiêu y sẽ được phát sanh đến ta.' Khi ấy, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: 'Thần chia về y nên được cho đến Đại đức upananda con trai dòng Sakyā như thế nào?” Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, hãy cho đến kẻ rồ dại phần của một người. 37. Này các Tỳ-khiru, trường hợp một vi Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa ở hai tru xứ [nghĩ rằng]: "Nhu vầy, nhiều y sẽ được phát sanh đến ta." Nếu vị ấy sống chỗ này một nửa [thời gian] chỗ kia một nửa [thời gian] thì nên cho phần chia về y gồm một nửa của nơi này, một nửa của nơi kia, hoặc ở chỗ nào vị ấy sống nhiều hơn thì phần chia về y nên được cho từ chỗ đó. 38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh kiết lỵ. Vị ấy nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc. Khi ấy, trong lúc đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của vi Tỳ-khưu ấy. 39. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vi Tỳ-khưu ấy đang nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần vị Tỳ- khưu ấy, sau khi đen đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Tỳ-khưu, ngươi bị bệnh gì? Bạch Thế Tôn, con bị bệnh kiết lỵ. Này Tỳ-khưu, ngươi có người phục vụ không? - Bạch Thế Tôn, không có. Vì sao các Tỳ-khưu lại không phục vụ ngươi? Bạch Ngài, con là người không có làm gì cho các Tỳ-khiru9 do đó các Tỳ- khưu không phục vụ con. 40. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: Này Ānanda, hãy đi và mang nước lại. Chúng ta sẽ tam cho vị Tỳ-khưu này. Bạch

Ngài, xin vâng. Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã mang nước lại. Đức Thế Tôn đã xối nước. Đại đức Ānanda đã rửa ráy toàn bộ. Rồi đức Thế Tôn đã đỡ phần đầu, Đại đức Ānanda ở phần chân, đã nâng lên và đặt ở trên giường. 41. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại rồi hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, có phải có vị Tỳ-khưu ở trú xá đàng kia bị bệnh?

Bạch Thế Tôn, thưa có. - Này các Tỳ-khưu, vị ấy bị bệnh gì? Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh kiết lỵ. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ây có người phục vụ không? Bạch Thế Tôn, không có. -Vì sao các Tỳ-khưu không phục vụ vị ấy? Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là người không có làm gì cho các Tỳ-khưu, do đó các Tỳ-khưu không phục vụ vi ấy. 42. Này các Tỳ-khưu? các ngươi không có mẹ, không có cha là những người có the phục vụ các ngươi. Này các Tỳ-khiru5 nếu các ngươi không phục vụ lẫn nhau thì giờ đây ai sẽ phục vụ đây? Này các Tỳ-khưu, vị nào có thể phục vụ Ta [bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy của Ta], vị ấy có thể phục vụ người bệnh.6 Nếu có thầy tế độ, thầy tế độ nên phục vụ đến hết dời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có thầy dạy học, thầy dạy học nên phục vụ đên hét đời, nên chờ đợi [đên khi] vị ây có sự hôi phục. Nêu có đệ tử, người đệ tử nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục. Nếu có học trò, người học trò nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy tế độ, vị đồng thầy tế độ nên phục vụ đên hét đời, nên chờ đợi [đên khi] vị ây có sự hôi phục. Nêu có vi đông thây dạy học, vị đông thây dạy học nên phục vụ đên hét đời, nên chờ đợi [đên khi] vị ây có sự hôi phục. Nêu không có thây tê độ, hoặc thây dạy học, hoặc người đệ tử, hoặc người học trò, hoặc vị đông thây tê độ, hoặc vi đông thây dạy học, hội chúng nên phục vụ; nếu không phục vụ thì phạm tội Dukkata. 43. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là khó phục vụ [là vị] có năm yếu tố: Là người có hành động không có lợi ích; không biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; không quen dùng dược phàm; không nói rõ ràng vê bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia lảng", [bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm,\ [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định,, cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh không chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yếu tố này là khó phục vụ.

6 ^Yo bhikkhave mâm upatthaheyya^ so gilānarn upatthaheyyā 'tỉCâu này được dịch sát theo từ sẽ là "Này các Tỳ-khưu, vị nào có the phục vụ Ta, vị ẩy có thể phục vụ người bệnh.;, Tuy nhiên ngài Buddhaghosa giải thích ý nghĩa của câu trên như sau: "'Yo bhikkhave main upatthaheyya, so gilānam upatthaheyyā fti yo mâm ovādānusāsanīkaranena upatthaheyya, so gilānam upatthaheyya; mama ovādakārakena gilāno upatthātabbotiayamevettha attho. Bhagavato ca gỉlãnạssa ca upatthānain ekasadisan ti evarnpan'ettha attho na gahetabbo'" (VinA. v. 1132): 44tVi nào có thể phục vụ Ta bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy, vị ấy có the phục vụ người bênh/ ở đây điều này có ý nghĩa là 4 người bệnh nên được phục vụ bởi người thực hành theo lời giao huân của Tạ/ Hơn nữa, khòng nên hiểu y nghĩa của

trường hợp này như vay: 'Sự phục vụ đến đúc Thế Tôn và đến người bệnh là tương tợ như nhau.'"

44. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là dê phục vụ là vị có năm yêu tô: Là người có hành động có lợi ích; biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; quen dùng dược phẩm; nói rõ ràng ve bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia tng"[bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm", [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định^, cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh chịu đựng được các cảm thọ kho, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yêu tô này là dê phục vụ. 45. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân không thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị không có khả năng để phân phát thuốc men; không biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, đem đến điều không có lợi ích và loại bỏ điều có lợi ích; phục vụ người bệnh vì mục đích tài vật và không có tâm từ; ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; không có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ- khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yêu tô này là không thích hợp đê phục vụ người bệnh. 46. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị có khả năng để phân phát thuốc men; biết điều gì có lợi ích và điêu gì không có lợi ích, loại bỏ điêu không có lợi ích và đem đên điêu có lợi ích; có tâm từ và phục vụ người bệnh không vì mục đích tài vật; không ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; có khả năng để chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu to này là thích hợp đe phục vụ người bệnh. 47. Vào lúc bây giờ, có hai vị Tỳ-khưu đi đường xa trong xứ sở Kosala. Hai vị ấy đã đi đến trú xứ nọ. ở đó, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Khi ấy, các vi Tỳ- khưu ấy đã bàn bạc điều này: "Này Đại dức, việc phục vụ người bệnh đã được đức The Tôn khen ngợi. Này Đại dức, vậy chúng ta hãy phục vụ vị Tỳ-khưu nay.59 Các vị ấy đã phục vụ vị kia. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần. 48. Sau đó? các Tỳ-khưu đã cầm lấy y bát của vị Tỳ-khưu kia đi đến Sāvatthi va đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, đối với vi Tỳ-khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng. 49. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy." Hội

chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin

hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thê nói lên. Ba y và bình bát này đã được hội chúng cho đên các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 50. Vào lúc bấy giờ, có vị Sa-di nọ từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Sa-di khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh y và bình bát thông qua hội chúng. 51. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy." Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vi ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho y và bình bát này đến các vi phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ây. Hội chúng cho y và bình bát này đên các VỊ phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho y và bình bát này đến các vi phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vi phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ và vị Sa-di đã phục vụ vị bị bệnh. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần. Khi ấy, vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Phần chia ve y nên được cho đen vi Sa-di là vi phục vụ người bệnh như thế nào?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến vị Sa-di là vị phục vụ người bệnh phần chia đồng đều. 53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng đã từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu khi từ trần, hội chung là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vi phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này

các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng, [cho phép] hội chúng đang hiện diện phân chia đo đạc loại nhẹ và vật dụng loại nhẹ ở nơi ấy, [cho phép] đồ đạc loại nặng và vật dụng loại nặng ở nơi ấy là của hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai,7 không được phân tán, không được phân chia. 54. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ sau khi làm trở thành trần truồng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, sự trần truồng này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết dử, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép sự trần truồng đến các Tỳ-khưu. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp

Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa thể? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khtru rằng: Này các Tỳ-khưu? không nên thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa the; vị nào thực hành thì phạm tội Thullaccaya. y 55. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ che thân băng cỏ kusa ...(nt).. che thân băng vỏ cây ...(nt)... che thân băng tâm ván gô ...(nt).. che thân băng mên dệt bằng tóc che thân bằng mền dệt bằng lông ngựa ...(nt).. che thân bằng cánh chim cú ...(nt).. che thân bằng da linh dương rồi đã đi đến gặp đức À Ạ. ỵ • J- Ạ _ r• _ npl Ạ rrị x* \ The Tôn, sau khi đen đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, Sự từ khước, sự tiêt chê, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tân băng nhiêu phương thức. Bạch Ngài, [việc che thân bằng] da linh dương này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép [việc che thân bằng] da linh dương đến các Tỳ-khưu. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa

7 Āgatānāgata = āgatā + anãgata'. Đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 391

Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khiru? không nên mặc da linh dương vôn là biêu tượng của ngoại đạo; vị nào mặc thì phạm tội Thullaccaya. 56. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ mặc [y làm bằng] sợi của cây akka, ..(nt)...mặc [y làm băng] sợi của cây makaci roi đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người thường ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ5 sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn băng nhiêu phương thức. Bạch Ngài, [y làm băng] sợi của cây makaci này đưa đên sự ít tâm câu, sự biêt đủ, sự từ khước, sự tiêt chê, sự hài hòa, sự đoạn giảm, Sự ra sức tinh tân băng nhiêu phương thức. Bạch Ngài, tót đẹp thay xin đức Thê : \ .c ỉ Tôn hãy cho phép [y làm băng] sợi của cây makaci đên các Tỳ-khưu. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên mặc [y làm băng] sợi của cây makaci; vị nào mặc thì phạm tội Dukkata. 57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh, ... mặc các y toàn màu vàng,... mặc các y toàn màu đỏ [máu],... mặc các y toàn màu tím,... mặc các y toàn màu đen,... mặc các y toàn màu đỏ tía,... mặc các y toàn màu hồng, ... mặc các y không cắt đường viền, ... mặc

các y có đường viên rộng,... mặc các y có đường viên vẽ bông hoa,... mặc các y có đường viên vẽ hình răn hô mang, ... mặc áo choàng ngăn, ... mặc loại vải dệt băng sợi vỏ cây tirītaka,... mang khăn xếp đội đầu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mang khăn xếp đội đầu giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay?" 58. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y toàn màu xanh, không nên mặc các y toàn màu vàng, không nên mặc các y toàn màu đỏ [máu], không nên mặc các y toàn màu tím, không nên mặc các y toàn màu đen, không nên mặc các y toàn màu đỏ tía, không nên mặc các y toàn màu hong, không nên mặc các y không cát đường viên, không nên mặc các y có đường viên rộng, không nên mặc các y có đường viên vẽ bông hoa, không nên mặc các y có đường viên vẽ hình rắn hổ mang, không nên mặc áo choàng ngắn, không nên mặc loại vải dệt băng sợi vỏ cây tirītaka, không nên mang khăn xép đội đâu; vị nào mang thì phạm tội Dukkata,

59. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đã sông qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, hoàn tục, từ trân, được biêt là [xuồng] Sa-di, được biêt là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vi bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vi bi thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo vê việc không nhìn nhận tội, được biêt là vị bị án treo vê việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biêt là thú vật, được biêt là kẻ giêt mẹ, được biêt là kẻ giêt cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn. 60. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra di, nên trao cho vị nhận the thích hợp đang hiện diện. 61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại hoàn tục, từ trân, được biêt là [xuông] Sa-di, được biêt là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản. 62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh thì được biết là vị bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vị bi thọ kho hành hạ, được biết là vị bi án treo ve việc không nhìn nhận tội, được biết là vi bi án treo ve việc không sửa chữa lỗi, được biết là vi bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận the thích hợp đang hiện diện. 63. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]5 được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản. 64. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vi Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại ra đi, nên trao cho vi nhận thế thích hợp đang hiện diện. 65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sông qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã

xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản. 66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia thì được biết là vị bi điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về

việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biêt là vị bi án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác9 nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện. 67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khxru đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh, nhưng chưa phân chia được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khxru]5 được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni? được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản. 68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chúng.,, [Y] ấy là của hội chúng. 69. Này các Tỳ~khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chiing." [Y] ấy là của hội chúng. 70. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói răng]: "Chúng tôi dâng y đên nhóm.,, [Y] ấy là riêng của nhóm. 71. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến nhóm.^, [Y] ấy là riêng của nhóm. 72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y đã được phát sanh nhưng chưa chia phan thì hội chúng bi chia rẽ. Nên chia đông đêu cho tát cả. 73. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Revata gởi y cho Đại đức Sāriputta qua tay của vị Tỳ-khưu nọ [nói rằng]: 6<Hãy trao y này đến vị Trưởng [O." Sau đó, ở khoảng giữa đường đi, vị Tỳ-khưu ấy đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức Revata. Sau đó5 Đại đức Revata đã đích thân đi đen Đại đức Sāriputta và hỏi rang: -Thưa ngài, tôi đã gởi y cho ngài Trưởng lão. Y ấy đã đến chưa? —Này Sư đệ, ta không nhìn thấy y ấy. Sau đó, Đại đức Revata đã nói với vị Tỳ-khưu ây điêu này: -Này Đại đức5 tôi đã gởi y của ngài Trưởng lão qua tay của Đại đức. Y ấy đâu rồi? Thưa Đại đức, tôi đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức.

74. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi gởi y qua tay của vị Tỳ-khiru [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vy]." ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vi gởi đi; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vi sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái. 75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru gởi y qua tay của vi Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy

trao y này đến vị tên [như vầy]."ở khoảng giữa đường đi, vi ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi đi; [y] đã được lây đúng đan. 76. Này các Tỳ-khmi, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy].,, ở khoảng giữa đường đi, vị ây nghe rằng: gởi [y] đã từ trần" roi xác đinh y của người đã chết là thuộc vê vi [gởi] ây; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ây lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái. 77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khiru [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vy]." ở khoảng giữa đường di, vi ấy nghe rằng: sẽ nhận [y] đã từ trần,, rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vi [đã từ trần] ấy; [y] đã được xác đinh sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy đúng đắn. 78. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rang]: "Hãy trao y này đen vị tên [như vầy].99 ở khoảng giữa đường di, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trẩn" rồi xác đinh y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vi sẽ nhận; [y] đã được xác đinh sai trái. 79. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vi tên [như vầy].” ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lay đúng đan. 80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vi Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vy]." ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự than thiết với vi sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vi gởi; [y] đã được lấy sai trái. 81. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-ldiưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vy].” ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: “vj gởi [y] đã từ trẩn" rồi xác định y của người đã chết là thuộc ve vi ấy; [y] đã được xác đinh sai trái. Vị ấy lay [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn. 82. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khun [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: sẽ nhận [y] đã từ trẩn" rồi xác định y của người đã chết là thuộc

vê vị ây; [y] đã được xác định đúng dăn. Vị ây lây [y áy] do sự thân thiêt với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái. 83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vi Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." ở khoảng giữa đường di, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vi gởi đi; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vi sẽ nhận; [y] đã được xác định đúng đắn. 84. Này các Tỳ-khưu5 có tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]5 dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân. 85. [Thí chủ] dâng trong ranh giới: Có bao nhiêu vị Tỳ-khưu đang ở trong ranh giới thì nên được chia bởi các vị ấy. 86. [Thí chủ] dâng theo sự thỏa thuận: Nhiều trú xứ có sự thọ lãnh chung, khi được dâng ở một trú xứ thì được dâng cho tất cả. 87. [Thí chủ] dâng theo sự quy định về vật thực: Các sự hộ độ thường xuyên được thực hiện đến hội

chúng ở nơi nào thì dâng ở nơi ấy. 88. [Thí chủ] dâng đến hội chúng thì nên được chia phần bởi hội chúng đang hiện diện. 89. [Thí chủ] dâng đến cả hai hội chúng: Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu mà có một Tỳ-khưu-ni cũng nên được chia một nửa. Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu-ni mà có một Tỳ-khưu cũng nên được chia một nửa. 90. [Thí chủ] dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa: Có bao nhiêu vị Tỳ-khiru đã sống qua mùa [an cư] mưa ở trú xứ ấy thì nên được chia bởi các vi ấy. 91. [Thí chủ] dânẹ sau khi đã thông báo về cháo, hoặc về bữa ăn9 hoặc về vật thực cứng, hoặc vê y, hoặc về chỗ trú ngụ, hoặc về dược phẩm. 92. [Thí chủ] dâng đến cá nhân và [nói rằng]: "Tôi dâng y này đến vị tên [như vầy]?9 • Dứt chương UY phục" l thứ tám.

Trong chương này có chín mươi sáu sự việc TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thây nàng kỹ nữ ở Vesālī, sau khi trở về lại thành Rājagaha đã báo điều ấy đến đức vua. 2. Người con trai của nàng Sālavatī chính là con [nuôi] của Ābhāya. Được hỏi bởi vị vương tử là "còn sống kh6ng?" nên gọi tên là "Jīvaka.

3. Chính người ấy đã đi đến thành Takkasilâ, đã học xong trở thành đại y sĩ, đã tiêu trừ bệnh đã bảy năm bằng việc làm ở mũi. 4. [Jīvaka] đã trị dứt bệnh rò rỉ của đức vua băng liêu thuôc thoa. [Đức vua bảo:] "Hãy phục vụ cho trẫm, các cung phi, đức Phật và hội chilng." 5. Và nhà đại phú thành Rājagaha, chứng xoăn ruột đã được chữa tri. [Jīvaka] đã tiêu trừ bệnh trâm trọng của đức Vua Pajjota băng việc uông bơ lỏng. 6. Chức vụ và xấp vải xứ Sivi, [Jīvaka] đã bảo thoa dầu cho [cơ thể] bị tiết ra dịch chất dơ, liều thuốc xổ ba mươi lần với ba nắm sen. 7. Khi [đức Phật] đã trở lại bình thường, [Jīvaka] đã thỉnh cầu điều ước muốn. Và Ngài đã thọ nhận xấp vải xứ Sivi. Và đức Như Lai đã cho phép y là vật thí của gia chủ. 8. ở xứ sở Rājagaha nhiều y đã được phát sanh. Tấm vải choàng, luôn cả tấm vải choàng bằng tơ lụa, tấm choàng lông, [tấm mền len] trị giá nửa kāsi. 9. Và nhiêu [y] đủ loại, sự biêt đủ, vê các vị không chờ và các vi chờ, vào trước tương tợ vào sau, sự thỏa thuận, họ đã mang về lại. 10. Kho chứa và không được bảo quản, các vị bãi nhiệm cũng tương tợ y như thế, được dồi dào và cảnh náo động, nên chia như thế nào, nên cho như thế nào. 11. Của bản thân, với phần nhiều hơn, phần chia [về y], nên cho thế nào? Với phân và nước lạnh, để trào ra, vi không biết. 12. Trong khi đổ ra và chậu nhuộm, trong cái đĩa và ở nền đất, loài mối, ở giữa, chúng bi sờn, một bên và với [y] bị cứng. 13. [Các y] bi thô, không cat, được két nôi băng những khoảnh vuông vức. Ngài đã nhìn thấy các vị ôm đồm [với các y]. Sau khi suy xét, đấng Hiền Sĩ dòng Sakyā đã cho phép ba y. 14. Với y phụ trội khác, đã được phát sanh và luôn cả y bị rách. [Mây r r lục, bà [Visākhā] đã thỉnh câu điêu ước muôn đê được dâng vải đen] bôn châu choàng [tăm] mưa. 15. Vị vãng lai, vị xuất hành, vị bị bệnh và vị nuôi bệnh, dược phẩm, cháo thường xuyên và vải choàng tăm [các Ni]. [Thức ăn] hảo hạng, [vật lót ngôi] quá nhỏ. 16. Ghẻ sân sùi, [khăn lau] mặt, sợi lanh, được đây đủ5 việc chú nguyện, tôi thiểu, đã được làm, là nặng nề, có góc bị thừa, chỉ bi xổ ra. 17. [Các mảnh vải] bị bung ra, làm không đủ, vải khác loại và có nhiều [y], rừng Andhavana, thiếu sự ghi nhớ, một minh, mùa [an cư] mưa và trong mùa khác. 18. Hai

vị là anh em, ở Rājagaha, vị Upananda, lại ở hai nơi, bệnh kiết lỵ, vị bị bệnh, cả hai vị và luôn cả các vật thuộc về vị bệnh.

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC 397

7 M r A 5 \ //x r /\ 19. Vi lõa thê, cỏ kusa, vỏ cây, tâm ván gô và mên dệt băng tóc, lông ngựa và cánh chim cú5 da linh dương, sợi của cây akka. 20. Sợi của cây makaci, màu xanh và màu vàng, màu đỏ [máu] và màu tím, màu đen, màu đỏ tía, màu hông và đường viên không cát là tương tợ. 21. Đường viền rộng, vẽ bông hoa, rắn hổ mang, áo choàng ngắn, sợi vỏ cây và khăn xếp đội đau, khi chưa được phát sanh, vị ra đi, cho đến phần hội chúng bị chia rẽ. 22. Họ dâng đến nhóm, đến hội chúng, Đại đức Revata đã gởi đi, vi lấy do thân thiết, vị chú nguyện, tám tiêu đề về y. —ooOoo—

400 ĐẠI PHẨM

6. Sau đó5 các vi Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điêu này: Này Đại đức, trước đây, chính Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng tôi], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Hiện nay, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. r * A

7. Khi ây, các vị Tỳ-khưu vãng lai ây đã phạt án treo vị Tỳ-khưu Kassapagotta vê việc không nhìn nhận tội. Khi ây, Tỳ-khiru Kassapagotta đã khởi ý điêu này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bi án treo hay không bi án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc my?" 8. Sau đó, Tỳ-khưu Kassapagotta đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về phía Campā. Tuần tự, vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã __ _ Ji. 2 . _ 1 _ 1 Ậ > rTTl Ạ Ạ _ Á • 5 Á • À _ _ ___ đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt ben. 9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các vị Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điêu này: Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy? 10. Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kâsi có ngôi làng tên là Vâsabha. ở đó, con là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để các vị Tỳ-khiru hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng và sự phát triển?,, 11. Bạch Ngài, sau đó có nhiều vi Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ sở Kâsi đã đến trú ngụ tại làng Vâsabha. Bạch Ngài, con đã nhìn thấy các vi Tỳ- khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra tiếp rước y bát, dâng nước uông, thực hiện sự nô lực trong việc tăm [của các vị áy], và cũng đã thực hiện Sự nô lực vê vân đê cháo, vê vật thực cứng và vê bữa

ăn nữa. 12. Bạch Ngài, khi ây, các vị Tỳ-khưu vãng lai ây đã bàn bạc điêu này: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề

cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc đinh cư ngay tại nơi dây, ở làng vsabha.” Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã sắp xếp việc đinh cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vâsabha. 13. Bạch Ngài, khi ấy, con đây đã khởi ý điều này: “Sịt mệt nhọc vì việc đi đến của các vị Tỳ-khưu vãng lai này [nay] đã được lắng dịu. Các vị này [trước đây] không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý [yêu cầu] lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa?” Bạch Ngài, con đây đã không thực hiện sự nô lực vê vân đê cháo, vê vật thực cứng và về bữa ăn nữa. 14. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, trước đây, chính vi Tỳ-khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta] và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, vê vật thực cứng và vê bữa ăn nữa. Bây giờ, vi này đây không thực hiện Sự nô lực vê vân đê cháo, vê vật thực cứng và vê bữa ăn nữa. Này các Đại đức, giờ đây vị Tỳ-khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vi Tỳ-khưu thường trú." 15. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với con điều này: uNày Đại đức, trước đây, Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tăm [của chúng tôi] và cũng đã thực hiện sự nô lực vê vân đê cháo, vê vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vân đê cháo, vê vật thực cứng và vê bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy kh6ng?” "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.^, 16. Bạch Ngài, khi ây, các vị Tỳ-khưu vãng lai ây đã phạt án treo vê việc không nhìn nhận tội đến con. Bạch Ngài, con đây đã khởi ý điều này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bi án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?" Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến. 17. Này Tỳ-khưu, việc ấy là vô tội, việc ấy không phải là tội. Ngươi là không có tội, ngươi không có phạm tội. Ngươi là không bị án treo, ngươi không CÓ bị án treo. Ngươi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thê sửa đôi, không đáng được duy trì. Này Tỳ-khưu, ngươi hãy đi và hãy sắp xếp việc đinh cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vâsabha. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi vị Tỳ-khưu Kassapagotta nghe theo đức Thế Ton, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi về làng Vâsabha.

18. Khi ấy, các vi Ty-khxru vãng lai ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là bất lợi cho chúng ta, thật là không có lợi ích cho chúng ta, r y 9 r e roi chúng ta sẽ gặt quả xâu, roi chúng ta sẽ không được quả tót, là việc chúng ta đã phạt án treo

không có cơ sở, không có nguyên nhân đen vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy đi Campā và trình bao tội lỗi là tội loi, ở nơi đưc Thế T6n.” 19. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ây đã thu xép chô trú ngụ roi câm y bát ra đi về hướng Campā. Theo tuần tự, các vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 20. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ-khưu, các ngươi từ đâu đi đen vậy? Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kâsi có ngôi làng tên là Vãsabha. Bạch Thế Tôn, chúng con từ nơi đó đi đến. Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạt án treo vi Tỳ-khưu thường trú có phải không? -Bạch Thế Tôn, thưa phải. Này các Tỳ-khưu, dựa trên cơ sở gì vậy, dựa vào nguyên nhân gì vậy? Bạch Thế Tôn, không có cơ sở, không có nguyên nhân.

21. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích dáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại các ngươi lại phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, không nên phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội; vị nào phạt án treo thì phạm tội Dukkata. 22. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở các bàn chân của đức Thế Tôn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy chúng con, khiến chúng con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên chúng con đã phạt án

treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Bạch Ngài, đối với chúng con dây, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai. Này các Tỳ-khưu, đúng như vậy. Tội lôi đã chiêm ngự lây các ngươi, khiến các ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên các ngươi đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Và này các Tỳ-khưu, chính từ việc đó, các ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu5 chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai." 23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vi thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vi, chỉ một vi phạt án treo hai vi, chỉ một vị phạt án treo một số

vị, chỉ một vi phạt án treo hội chúng; chỉ hai vi phạt án treo một vi, chỉ hai vị phạt án treo hai vi, chỉ hai vi phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vi phạt án treo một vi, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị? chỉ một số vi phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chúng. 24. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu ở Campā lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vi, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng; chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vi phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vi phạt án treo một số vị9 chỉ một số vị phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chiing?" 25. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... hội chúng cũng phạt án treo hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 26. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích dáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không

nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vi thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt).. hội chúng cũng phạt án treo hội chúng? 27. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). 9 . A

Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khmi răng: -Này các Tỳ-khưu5 nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vi phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vi phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo cả hội chúng không là hành

sự và không nên thực hiện. Hội chúng cũng phạt án treo hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. 28. Này các Tỳ-khưu9 đây là bốn loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự họp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp. 29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khiru, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép. 30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép. 31. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 405

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất đúng Pháp, có bản chất hợp nhất, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu5 hành sự như thế nên được thực hiện và hành sự như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự như thế, tức là "c6 sự hợp nhất đúng Pháp.” Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế. 33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiêu lời tuyên bô có lời đê nghị, thực hiện hành sự thiêu lời đê nghị và thiêu cả lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành sự đã bi chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. 34. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ..(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vi thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành Sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thê sửa đôi, không đáng được duy tri?” 35. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). 36. Sau

khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị

406 ĐẠI PHẨM

CÓ lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu5 nêu hành sự là thiêu lời tuyên bô có lời đê nghị thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghi và thiếu luôn lời tuyên bo thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Luật không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thê sửa đôi, không đáng được duy trì thì không là hành sự và không nên thực hiện. 37. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu loại hành sự: Hành sự sai Pháp, hành sự phe nhóm, hành sự hợp nhất, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp. 38. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự sai Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghi và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp. 39. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp. 40. Này các Tỳ-khưu? ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. 41. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đe nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. 42. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghi và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp. 43. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp. 44. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba lời đê nghi và không tuyên bô tuyên ngôn hành sự, [như thê là] hành sự sai Pháp. 45. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn lời đề nghi và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp. 46. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 407

47. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác đinh lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. 48. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với

ba tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. 49. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến làn thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự sai Pháp. 50. Và này các Tỵ-khưu, tìiế nào là hành sự phe nhóm? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vi hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm. 51. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cân phải gởi tùy thuận không được đem đên, các vị hiện diện phản đôi, [như the là] hành sự phe nhóm. 52. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cân phải gởi tùy thuận đã được đem đên, các vị hiện diện phản đôi, [như thê là] hành sự phe nhóm. 53. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ- khưu với sô lượng cân thiêt cho hành sự, các vi ây không đên, sự tùy thuận của các vi cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như the là] hành sự phe nhóm. 54. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vi ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vi hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm. 55. Này các Tỳ-khưu? nếu ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm. 56. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành SỊT, các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi cân phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất. 57. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ- khưu với sô lượng cân thiêt cho hành sự, các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị

Cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vi hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất. 58. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, [vi Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vi hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 59. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ- khiru] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác đinh lời đề nghị sau, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vi cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như the là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 60. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ- khưu]

tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác đinh lời đề nghi sau, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vi hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 61. Này các Tỳ-khiru9 nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ- khmi] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành SỊT, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vi cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đên, các vị hiện diện phản đôi, [như the là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 62. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư, [vị Tỳ- khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 63. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ- khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ- khưu với sô lượng cân thiêt cho hành SỊT, các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. 64. Này các Tỳ-khưu5 thế nào là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 409

65. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ- khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác đinh lời đề nghi sau, các Tỳ- khưu với số lượng cần thiết cho hành sự5 các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vi hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu9 đây được gọi là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. 66. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ- khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với sô lượng cân thiêt cho hành sự, các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị cân phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất đúng Pháp. 67. Này các Tỳ-khiru5 nếu ở hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư, [vị Tỳ- khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành SỊT, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như the là] hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? đây được gọi là hành sự hợp nhất đúng Pháp. 68. Có năm hội chúng: Hội chúng Tỳ-khmi với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị. 69. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị này có thể thành tựu hành sự

đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ ba hành sự: Tu lên bậc trên, lễ Pavāranā và sự giải tội. 70. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị này có the thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ hai hành sự: Tu lên bậc trên ở các xứ sở ở trung tâm và sự giải tội. 71. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ một hành sự là sự giải tội. 72. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự. 73. Này các Tỳ-khưu? ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vi này có thê thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhát tát cả các loại hành sự. 74. Này các Tỳ-khưu5 nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vi thứ tư là cô Ni tu tập sự5 mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ tư là Sa-di, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và

không nên thực hiện. Có vị thứ tư là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vi thứ tư là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vi thứ tư là vị bi án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bi án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vi thứ tư là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là loài thú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vi thứ tư là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vi thứ tư là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nêu hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ tư, thì không

là hành sự và không nên thực hiện. Công việc của nhóm bốn vị.

75. Này các Tỳ-khưu5 nếu hành sự là công việc của nhóm năm vi có vi thứ năm là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ năm là Sa-di, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ năm là Sa-di-ni? mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vi thứ năm là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ năm là vi bi phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ năm là vi bi án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ năm là vi bị án treo về

việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ năm là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ năm là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự ..(nt)...có vị thứ năm là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là loài thú5 mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ năm là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt)...có vị thứ năm là kẻ giết A-la- hán, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vi thứ năm là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự ..(nt).. có vị thứ năm là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)...có vi thứ năm là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt)...có vị thứ năm đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vi thứ năm đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vi thứ năm, thì không là hành sự và không nên thực hiện. Công việc của nhóm năm vị.

76. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vi thứ mười là Tỳ-khưu-ni? mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu5 nếu hành sự là công việc của nhóm mười vi có vi thứ mười là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ mười, thì không là hành sự và không nên thực hiện. Công việc của nhóm mười vi.

77. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu5 nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vi thứ hai mươi là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di, mà thực hiện hành sự...(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự ..(nt)... có vi thứ hai mươi là vi đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ..(nt).. có vị thứ hai mươi là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ..(nt)... có vi thứ hai mươi là vị bi án treo về việc không nhìn nhận

tội, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vi thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự...(nt)... có vi thứ hai mươi là kẻ trộm tướng

mạo [Tỳ-khưu]? mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là loài thú mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vi thứ hai mươi là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vị thứ hai mươi là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni5 mà thực hiện hành sự ...(nt)...có vi thứ hai mươi là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ..(nt).. có vị thứ hai mươi là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ hai mươi là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ hai mươi là vi không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ hai mươi đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt).. có vi thứ hai mươi đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt).. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vi thứ hai mươi, thì không là hành sự và không nên thực hiện. Công việc của nhóm hai mươi vi.

1. Này các Tỳ-khưu, nêu [hội chúng có] vi đang chịu hình phạt Parivãsa là vị thứ tư mà ban cho hình phạt Parivâsa. đưa về lại [hình phạt] ban dầu, ban cho hình phạt Mãnatta, có vi ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đau mà ban cho hình phạt Parivãsa. đưa ve lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mânatta. có vi ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vi thứ tư là vị xứng đáng hình phạt Mãnatta mà ban cho hình phạt Parivãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đàu, ban cho hình phạt Mãnatta, có vị ấy là vi thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khiru, nêu [hội chúng có] vị thứ tư là vị đang chịu hình phạt Mãnatta mà ban cho hình phạt Parỉvãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta. có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vi thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt Parỉvâsa. đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta. có vi ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện. 2. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của một hạng người có giá trị, của một hạng người không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào không có giá tri? Này các Tỳ-khini, sự phản đối giữa

hội chúng của vi Tỳ-khưu-ni không có giá tri. Này các Tỳ-khưu, của cô Ni tu tập sự ..(nt)... Này các Tỳ-khưu, của Sa-di ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của Sa-di-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đã xả bỏ sự học tập ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của vị bị phạm tội

cực nặng ...(nt).. Này các Tỳ-khiru, của vị bi điên ..(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị loạn trí ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, của vi bị thọ kho hành hạ ...(nt).. Này các Tỳ-khưu? của vị bi án treo về việc không nhìn nhận tội ..(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vi bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ vô căn ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của loài thú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết mẹ ...(nt)...Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết cha ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết A-la-hán ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm nhơ Tỳ-khiru-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khiru, của kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ lưỡng căn ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của vi không đồng cộng trú ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của vị đứng ở ranh giới khác ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, của vị đứng trên không trung nhờ vào thần thông ..(nt).. Và này các Tỳ-khưu, vi nào mà hội chúng [đang] thực hiện hành sự cho, sự phản đối giữa hội chúng của vi ấy không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của những hạng người này không có giá trị. 3. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào có giá tri? Này các Tỳ-khưu, sự phản đoi giữa hội chúng có giá trị là [sự phản đối] của vị Tỳ-khưu trong sạch, đồng cộng trú, đứng chung ranh giới, cho dù vị ấy chỉ báo cho vị Tỳ-khưu kế bên biết. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người này có giá trị. 4. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp mời ra. Này các Tỳ-khưu, có người không đáng để bi sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai. 5. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ây ra, thì [vị áy] đã bị mời ra sai? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu là vi trong sạch, không có phạm tội, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vi ấy] đã bị mời ra sai. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng đê bi sự mời ra, nêu hội chúng mời vị ây ra thì [vị áy] đã bi mời ra sai. 6. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]5 sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vi ấy] đã được mời ra đúng. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng để bi sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng.

7. Này các Tỳ-khưu5 đây là hai trường hợp nhận vào.1 Này các Tỳ-khưu5 có người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vi đã được nhận vào sai. 8. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai? Này các Tỳ-khưu5 kẻ vô căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vi ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khưu, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, loài thú ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết A-la-hán ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ làm nhơ

Tỳ-khưu-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu5 kẻ lưỡng căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vi ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khxru, các vi này được gọi là những người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì [các vị ấy] đã được nhận vào sai. 9. Và này các Tỳ-khưu? thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nêu hội chúng nhận vào vị ây thì [vị áy] đã được nhận vào đúng? Này các Tỳ- khưu, vị bị đứt cánh tay không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt bàn chân ...(nt)...Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt cánh tay và bàn chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu? vị bị sứt tai ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vi bị sứt mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vi bị sứt tai và mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu5 vị bị đứt ngón tay ..(nt).. Này các Tỳ-khưu? vi bị đứt móng tay ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vi bị đứt gân chân ...(nt)...Này các Tỳ-khưu5 vi có bàn tay dính liền giống cánh doi ...(nt).. Này các Tỳ-khưu5 vi gù lưng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vi lùn tịt •.(nt).. Này các Tỳ-khưu9 vi có bướu cổ ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bi hình phạt đóng dấu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị hình phạt đánh bang roi ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bi cáo thị tầm nã ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bị phù chân voi ...(nt)... Này các Tỳ-khuru5 vị bị bệnh tram trọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bôi nhọ tập thể ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị chột mắt ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, vị tứ chi bi co rút ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị què ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, vị bị liệt nửa thân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu? vị đi khập khiễng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị già yếu ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bi mù ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bi câm ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị điếc ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và câm ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và điếc ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, vị bị câm và điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù câm và điếc không đáng để được sự nhận vào. Nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu5 các vị này được gọi là những người

Sự nhận vào (osāranam): Đe cập đến việc nhận vào trong trường hợp cho tu lên bậc trên (VìnA. v. 1147).

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 415

9 r - - . r .

không đáng đê được sự nhận vào. Nêu hội chúng nhận vào các vị ây thì [các vị ấy] đã được nhận vào đúng. Tụng phẩm làng Vâsabha là phần thứ nhất

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiêu vị, hoặc một vi quở trách vị ây vê việc ây: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?,, Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.,, Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiêu vị, hoặc một vị quở trách vị ây vê việc ây: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy.” Vi ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.,, Hội chúng phạt

án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiêu vi, hoặc một vị quở trách vị ây vê việc ây: "Này Đại dức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ay.^ Vi ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.59 Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cân phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiêu vi, hoặc một vị quở trách vị ây vê việc ây: “Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ay?9 Vi ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.^, Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không sửa chữa [lỗi]; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vi ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ b6." Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vi, hoặc một vị quở trách vị ây vê việc ây: “Này Đại dức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến

ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. IGiông có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ b6.” Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa [lỗi] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại dức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ ta kiến ác ấyy Vị ấy đáp như vầy: uNày Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Kh6ng có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có the từ bỏ.Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 8. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị? hoặc một vị quở trách vi ấy về việc ấy: “Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?99 Vị ấy đáp như vầy: “Này Đại dức, đúng vậy, tôi có nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vi, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: “Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại

đức hãy sửa chữa tội ấy.” Vi ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa.,, Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vi, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấyy Vi ấy đáp như vầy: "Này Đại dức, đúng vậy, tôi sẽ từ b6." Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị5 hoặc một vị quở trách vị ấy ve việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại dức, đúng vậy, tôi có nhận thấy. Đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa. Đúng vậy, tôi sẽ từ b6." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 417

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiêu vi, hoặc một vị quở trách vi ây vê việc ây: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy khong?95 Vi ấy đáp như vầy: “Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự đúng Pháp. 13. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu có tội cân phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa.” Hội chúng phạt án treo vi ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự đúng Pháp. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tà kiên ác cân phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị5 hoặc một vị quở trách vi ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy.” Vị ấy đáp như vầy: "Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ b6." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự đúng Pháp. 15. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khiru có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiên ác cân phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiêu vị, hoặc một vị quở trách vị ây vê việc ây: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy tò bỏ tà kiến ác ấy.' Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để toi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ.99 Hội chúng phạt án treo vị ấy ve việc không nhìn nhận [tội], hay là ve việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự

đúng Pháp. 16. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên? Đại đức upāli đã noi vơi đức The Ton điêu nay: 17. - Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự càn được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

Bạch Ngài, vê việc hội chúng hợp nhát thực hiện không có sự tra hỏi đôi với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành

Sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đen vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vi xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vi xứng đáng hình phạt Parivāsa, ...(nt).. ban cho hình phạt Mānatta đến vi xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, ...(nt)... giải tội cho vi xứng đáng hình phạt Mānatta, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên], bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

18. Này upāli, vê việc hội chúng hợp nhát thực hiện không có sự hiện diện đôi với hành sự cân được thực hiện với sự hiện diện, này upāli, như thê là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vi áy đên vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiên trách đên vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ây, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đen vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ..(nt).. thưrc hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivãsa đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt).. đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt Parivãsa, ...(nt)... ban cho hình phạt Mãnatta đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt Mãnatta. ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội,[...(nt).. giải tội cho vi xứng đáng tu lên bậc trên], này upāli, như

thê là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. 19. - Bạch Ngài, vê việc hội chúng hợp nhát thực hiện có sự hiện diện đôi với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? -Này upâli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. —Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra h6i, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt).. ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đên vị xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ,

...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vi ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vi xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đen vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vi xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vi xứng đáng hình phạt Parivāsa, ...(nt)... đưa vê lại [hình phạt] ban đâu vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt Mānatta đen vi xứng đáng hình phạt Mānatta, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đên vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc áy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

20. Này Upāli, vê việc hội chúng hợp nhát thực hiện có sự hiện diện đôi với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hoi, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đên vi xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị áy đên vị xứng đáng hành sự theo tội của vị áy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đen vi xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vi xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vi xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vị xứng đáng hình phạt Parivāsa. ...(nt)... đưa vê lại [hình phạt] ban đâu vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt Mānatta đến vị xứng đáng hình phạt Mānatta. ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vi xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như the là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. 21. - Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho

cách hành xử Luật khi không điên cuông đên vị xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

420 > ĐẠI PHẨM

Này Upli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vi xứng đáng hành sự theo tội của vi ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vi xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đảng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vi xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vi xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt Parivāsa. ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng dáng hình phạt Parivāsa, ban cho hình phạt Parỉvãsa đến vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, ...(nt)... ban cho hình phạt Mānatta đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt Mānatta. ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt Mānatta, ban cho hình phạt Mānatta đen vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

22. Này upali, vê việc hội chúng hợp nhát ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này Upāli, như the là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này upāli, ve việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vi ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đen vị xứng đáng hành sự theo tội của vi ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đen vi xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt).. thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vi xứng đáng hành sự

án treo, ...(nt).. ban cho hình phạt Parỉvãsa

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 421

đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vi xứng đáng hình phạt Parỉvãsa. ...(nt)...đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt Parivãsa, ban cho hình phạt Parivãsa đen vi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt).. ban cho hình phạt Mãnatta đến vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vi xứng đáng hình phạt Mãnatta. ...(nt)...giải tội cho vi xứng đáng hình phạt Mãnatta, ban cho hình phạt Mãnatta đến vị xứng đáng sự giải tội,...(nt)...ban phép tu lên bậc trên đến vi xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này upãli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. 23. Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đên vị xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này Upli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

Bạch Ngài, vê việc hội chúng hợp nhát ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuông, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vi ây đên vị xứng đáng hành sự theo tội của vi ây? ...(nt)... thực hiện hành sự khiên trách đên vi xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt).. thực hiện hành sự xua đuổi đến vi xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vi xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt).. thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivãsa đen vị xứng đáng hình phạt Parỉvãsa. ...(nt).. đưa ve lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt).. ban cho hình phạt Mãnatta đến vi xứng đáng hình phạt Mãnatta, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt).. ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật? Này upâli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

24. Này upâli, vê việc hội chúng hợp nhát ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này upãli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upâli, ve việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt).. thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt).. thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt).. thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đen vị xứng đáng hành

422 ĐẠI PHẨM

Sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vị xứng đáng hình phạt Parivāsa. ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu,

...(nt)... ban cho hình phạt Mānatta đến vị xứng đáng hình phạt Mānatta. ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đên vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thê là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. 25. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Ty-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự khiên trách đên vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vi xứng đán^ với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đen vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đến vi xứng dáng với cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ, ...(nt)... đưa vê lại [hình phạt] ban đâu vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt Mānatta đen vị xứng đáng với cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu5 như the là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. 26. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ đen vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ-khưu5 như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa đen vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 423

Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt Mãnatta đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... giải tội cho vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt).. ban phép tu lên bậc trên đến vi xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ- khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. 27. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất [ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ] đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy,...(nt).. đến vị xứng đáng hành sự khiển trách,

...(nt)... đen vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt).. đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt).. đến vị xứng đáng hành sự . r • ĩ . hòa giải, ...(nt)... đên vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đên vi xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, ...(nt).. đến vi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đâu, ...(nt)... đên vị xứng đáng hình phạt Mãnatta, ...(nt)... đên vi xứng đáng sự giải tội,...(nt).. này các Tỳ-khưu, như the là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. 28. Này các Tỳ-khưu, vê việc hội chúng hợp nhát ban cho cách hành xử r Luật băng sự ghi nhớ đên vị xứng đáng tu lên bậc trên, ..(nt).. ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ..(nt).. thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(ĩit).. thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)...thực hiện hành sự chỉ dạy đen vi xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đen vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đên vi xứng đáng tu lên bậc trên,...(nt).. thực hiện hành sự án treo đên vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt).. ban cho hình phạt Parivãsa đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... đưa vê lại [hình phạt] ban đâu vị xứng đáng tu lên bậc trên, ..(nt).. ban cho hình phạt Mãnatta đen vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... giải tội cho vi xứng đáng tu lên bậc trên, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thê, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Tụng phẩm về những câu hỏi của Upâli là thứ nhì.

1. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nêu ở đó5 các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đên vị nay.^ Các vị ây thực hiện hành sự khiên trách đên vị ây sai Pháp theo phe nhóm. 2. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện

hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.^^ Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 3. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 4. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đen vi này.,^ Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đen vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 5. Vị ây lại từ trú xứ ây đi đên tru xứ khác. Tại nơi ây5 các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy

thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.” Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đen vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 6 Này các Tỳ"khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó? các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 7. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại dức, vi Tỳ-khtru này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiên trách sai Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị nay?5 Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 8. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiên trách đên vị này." Các vi ây thực hiện hành sự khiên trách đên vi ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 9. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này.,, Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 425

10. Vị ấy lại từ tni xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi nSy." Các vị ấy thực hiện hành sự khiên trách đên vị ây sai Pháp theo phe nhóm. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ5 tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đên vi này." Các vị ây thực hiện hành sự khiên trách đên vị ây đúng Pháp theo phe nhóm. 12. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 13. Vi ấy lại từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiên trách đên vị này.^, Các vị ây thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 14. Vị ấy lại từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vày: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khuru này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiên trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự

khiển trách đến vi này.^, Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy sai Pháp theo phe nhóm. 15. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này.,, Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nêu ở đó, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vây: uNày các Đại dức, vi Tỳ- khưu này là vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

426 ĐẠI PHẨM

17. Vi ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị nay." Các vi ấy thực hiện hành sự khiển Ã r : trách đên vị ây có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát. 18. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến tru xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiên trách đên vị này." Các vị ây thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 19. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vay: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 20. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi n y.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị r ây đúng Pháp theo phe nhóm. 21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi CQ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đên vị nay?9 Các vị ây thực hiện hành sự khiên trách đên vị ây có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 22. Vi ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy5 các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.^, Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đen vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 23. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vày: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này.55 Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp

nhất. 24. Vị ấy lại từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực

• e 9 . r

hiện hành sự khiên trách sai Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 25. Vị ây lại từ trú xứ ây đi đên trú xứ khác. Tại nơi ây? các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng dăn với hàng tại gia. Nêu ở đó, các vị Tỵ-khiru [bàn bạc] như vây: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này là ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi này.” Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi ấy sai Pháp theo phe nhóm. 27. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi này?5 Các vi ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên tương tợ phần dưới]. 28. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó9 các vị Tỳ-khiru [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuôi đên vị này.,, Các vị ây thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 29. Vi ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khxru này đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi theo phe nhóm sai Pháp, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)...có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu măng nhiêc, nói xâu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ- khưu này mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này.,, Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

31. Vi ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải sai

Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vi này?9 Các vi ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 32. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vi ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vi ấy sai Pháp theo phe nhóm. 33. Vi ấy từ trú xứ ấy đi đến tru xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo, về việc không nhìn nhận tội đến vi này." Các vi ây thực hiện hành sự án treo, vê việc không nhìn nhận tội đên vi ây sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vi này." Các vi ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 35. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đên vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 36. Này các Tỳ-khiru? trường hợp vi Tỳ-khiru không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị n y." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 429

37. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(ĩit).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. 39. Nếu ở đó5 các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực

hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.,^ Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 40. Vị ấy từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [ban bạc] như vầy: uNày các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vi này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 41. Vi ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiên trách sai Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự khiển trách cho vi này?5 Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 42. Vi ây lại từ trú xứ ây đi đên trú xứ khác. Tại nơi ây, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vi này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vi ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 43. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến tru xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khiru này đã được hội chúng thu hoi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị nAy." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

45. Nếu ở đó9 các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiên trách, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự khiên trách cho vị này." Các vị ây thu hồi hành sự khiển trách cho vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 46. Vi ấy từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.^, Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vi ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 47. Vị ây lại từ trú xứ ây đi đên trú xứ khác. Tại nơi ây, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vày: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị nay?9 Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 48. Vị ấy lại từ tru xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.” Các vi ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 49. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp

nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vi này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. 51. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị nay." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 52. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiên trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vi ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 53. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khmi cũng [bàn bạc] như vầy: “N y các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng

thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự khiên trách cho vị nay?9 Các vị ây thu hôi hành sự khiên trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 54. Vi ây lại từ trú xứ ây đi đên trú xứ khác. Tại nơi ây, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khiru này đã được hội chúng thu hôi hành sự khiên trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị nay.99 Các vi ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 55. Vị ây lại từ trú xứ ây đi đên trú xứ khác. Tại nơi ây9 các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành Sự khiên trách cho vị này.,, Các vị ây thu hôi hành sự khiên trách cho vi ây sai Pháp có sự hợp nhất. 56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. 57. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: “Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự khiên trách cho vị nAy." Các vị ây thu hôi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 58. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hôi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vi nay?9 Các vi ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ây có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát. 59. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hoi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị nay?9 Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 60. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác.

Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 61. Vị ấy lại tò trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hôi hành sự khiên trách sai Pháp có sự hợp nhát, vậy chúng ta hãy thu hôi hành

Sự khiển trách cho vị này.,, Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. 63. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khiru này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự khiên trách cho vi này." Các vị ây thu hôi hành sự khiển trách cho vị ây có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát. 64. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khiru [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúnệ ta hãy thu hồi hành sự khiên trách cho vị này.,, Các vị ây thu hôi hành sự khiên trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 65. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.^, Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 66. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ«khưu cũng [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành Sự khiên trách cho vị này.,, Các vị ây thu hôi hành sự khiên trách cho vị ây đúng Pháp theo phe nhóm. 67. Vi ây lại từ trú xứ ây đi đên tru xứ khác. Tại nơi ây, các vi Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này.,, Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. 69. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đoi, giờ thỉnh cầu sự thu hoi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này.^, Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vi ấy sai Pháp theo phe nhóm. 70. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [ban bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi

hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này.” Các vi ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 71. Này các Tỳ-khiru, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. 72. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khiru [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 73. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị nay?9 Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. 75. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị nay?9 Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 76. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hôi hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị nay?9 Các vi ây thu hôi hành sự hòa giải cho vị ây sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

78. Nếu ở đó, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vi này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 79. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe

nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vi ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. 81. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hoi hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vi nSy." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 82. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [ban bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vi này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác5 vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, roi thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác. 84. Nêu ở đó, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cau sự thu hoi hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy

thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác cho vị nấyy Các vị ây thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác cho vị ây sai Pháp theo phe nhóm. 85. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến tru xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [ban bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác cho vị này." Các vị ây thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác cho vi ây sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên]. 86. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: uNày các Đại dức, vi Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị nay?9 Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. 87. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm

đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." 88. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cân được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 89. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưuỊ. là vị\ thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này.” Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy sai Pháp có sự hợp nhất. 90. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." 91. Này các Tỳ-khưu5 ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

92. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. 93. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm 1" 94. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự phe nhóm đúng Ph5p" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vi nói đúng Pháp. 95. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(Dt).. và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 96. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện. hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lai?9 97. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vi nói đúng Pháp. 98. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên

các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vi này.,^ Các vi ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vi ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. 99. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự can được làm lai?9 100. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp,? và các Tỳ-khưu nào đã nói như vay: "Hành

Sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 101. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội], sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng dăn với hàng tại gia. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội], sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vi này.,^ Các vi ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến r r vị ây sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai Pháp có sự hợp nhát ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự can được làm lại.” Này các Tỳ-khtru, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 102. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: uNày các Đại dức, vị Tỳ-khưu này là vi làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiêm xâu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuôi đên vi này.” Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai r : Pháp có sự hợp nhát ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội A . * y chúng ngụ ở đó tranh cãi răng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhát sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu9 ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vi nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 103.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ- khưu này măng nhiêc, nói xâu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vi này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vi ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ..(nt).. đúng Pháp theo phe

nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vi nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 104. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội đen vị nay?9 Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)..
có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự can được làm lai/9 Này các Tỳ-khưu5 ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng PhAp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vay: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 105. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vi này.,, Các r e A # e r ĩ 9 vị ây thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đên vị ây sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm (nt)...có
vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm (nt) có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.
Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lai." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại,9, trong trường hợp này, các vi Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này

đã được tóm lược lại.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 439

106. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vi Tỳ-khun [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác đen vị này.,, Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vi ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi răng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhát sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu5 ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cân được làm lại", trong trường hợp này các vi Tỳ-khưu ây là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 107. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng dấn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đoi, giờ thỉnh cau sự thu hoi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vi nói đúng Pháp. 108. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó? các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa dổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lai.”

440 ĐẠI PHẨM

Này các Tỳ-khưu, ở đó? các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự can được làm lại", trong trường hợp này, các vi Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 109. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiên trách, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đoi, giờ thỉnh cau sự thu hoi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hoi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vi ấy đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện. hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lai." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vay: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 110. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị n y." Các vi ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó9 các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vi Tỳ-khxru ấy là các vị nói đúng Pháp. 111. Này các Tỳ-khiru, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó5 các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vay: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách, vậy chúng ta hãy thu hôi hành Sự khiên trách cho vị này." Các vi ây thu hôi hành sự khiên trách cho vị ây có vẻ

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 441

\ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhát. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi răng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm l@iNày các

Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp59 và các Tỳ-khiru nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 112. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: “Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hoi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hoi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ..(nt).. sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện. hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lai." Này các Tỳ-khưu? ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp” và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vi Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 113. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu ở đó? các vị Tỳ-khiru [bàn bạc] như vày: “Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi5 giờ thỉnh cầu sự thu hoi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hoi hành sự xua đuổi cho vị nay?9 Các vi ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự họp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng

Ph"và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: “Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại”trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 114. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu ở đó9 các vi Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đoi, giờ thỉnh cau sự thu hoi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hoi hành Sự hòa giải cho vị này.,, Các vị ây thu hôi hành sự chỉ dạy cho vi ây sai

Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt).. đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: “Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lạr\ trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 115. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, roi thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi5 giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hoi hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội cho vị nSy.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vay: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại”, trong trường hợp này, các vi Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 443

116. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khiru làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, roi thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi. Nêu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vây: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này.” Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vi ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)...đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt).. có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rang: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Này các Tỳ-khưu5 ở J \ * r đó5 các Tỳ-khưu

nào đã nói như vây: "Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. 117. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, vi Tỳ-khưu làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, roi thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó? các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại dức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vi Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt).. sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ..(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại.” Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vây: “Hành sự hợp nhát có vẻ ngoài đúng Ph" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm trong trường hợp này, các vi Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại. Dứt chương Campā là thứ chín.

Trong chương này có ba mươi sáu sự kiện. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Đức Thế Tôn đã ngự ở xứ Campā, câu chuyện làng Vãsabha, vị đã thực hiên sự no lực liên quan đen điêu mong muôn cua các vi vãng lai. 2. Sau khi biết rằng: "Các vị đã biết làmy, từ đó đã không thể hiện sự nỗ lực. [Nghĩ rằng]: không làm bị treo tội5\ vị ấy đã đi đến gặp đấng Chiến Thắng. • r . 3. Hành sự phe nhóm sai Pháp và hợp nhát sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. 4. Hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, một vi treo tội mỗi một vi và một vị treo tội hai vị, [treo tội] một số vị, chỉ một vi treo tội cả hội chúng. 5. Hai vị cũng vậy, một số vi cũng thế và hội chúng treo tội hội chúng. Bậc Toàn Tri Cao Quý sau khi nghe được đã cấm đoán: "Là sai Pháp.,, 6. về hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố và thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị. 7. Và thiếu cả hai phần, lại còn không thuộc về Pháp, không theo Luật, nghịch với bậc Đạo sư, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. 8. [Hành sự] sai Pháp phe nhóm, có sự hợp nhất, hai có vẻ đúng Pháp và đức Như Lai cho phép vê [hành sự] đúng Pháp có sự hợp nhát. 9. Nhóm bốn vị, nhóm năm vị, nhóm mười vị9 hai mươi vị và nhóm hơn hai mươi vị9 hội chúng có năm hình thức như thế. 10. Trừ ra sự tu lên bậc trên và hành sự Pavāranā. cùng với hành sự giải tội, là thuộc về hành sự với nhóm bốn vị. 11. Trừ đi hai hành sự là việc tu lên bậc trên ở các xứ trung tâm và sự giải tội, còn tát cả hành sự là thuộc vê hành sự liên quan đên nhóm năm vị. 12. Trừ ra mỗi sự giải tội, là các Tỳ-khưu nào thuộc nhóm có mười vị. Hội chúng hai mươi vị là nhóm thực hiện tất cả các hành sự, có

liên quan đến hành sự ở tất cả các nơi. 13. Tỳ-khiru-ni9 cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [sự học tập], vi phạm tội cực năng, vi bị án treo về việc không nhận thấy tội. 14. [Vị bị án treo] về việc không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]9 ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ và cha. 15. [Kẻ giết] A-la-hán, làm nhơ Tỳ-khưu-ni, chia rẽ9 làm chảy máu [đức Phật], kẻ lưỡng căn? vị thuộc nhóm cộng trú khác, ở ranh giới khác, với thần thông. 16. Vị mà hội chúng thực hiện hành sự. Hai mươi bốn việc này là đã bị cấm đoán bởi đấng Toàn Giác bởi vì các việc này là không đầy đủ nhóm. 17. Hoặc là vị đang chịu hình phạt Pārivāsa là vị thứ tư mà ban cho hình phạt Pārivāsa. đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt Mānatta, sự giải tội, thì không phải là hành sự và không phải là việc làm.

IX. CHƯƠNG CAMPĀ 445

18. Vị xứng đáng sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt Mānatta. và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, không thể là những vị thực hiện hành SỊT, năm hạng đã được bậc Toàn Giác giảng giải. 19. Tỳ-khưu-ni9 cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [điều học], vị phạm tội cực nặng, vị bị điên, bị loạn trí, bị thọ khổ hành hạ, không nhìn nhận tội. 20. Vị không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, luôn cả kẻ lưỡng căn, vi thuộc nhóm cộng tru khác, về ranh giới, ở không trung và hành sự là của vị này. 21. Sự phản đối của mười tám hạng người này là không có giá trị, sự phản đối của vị Tỳ-khưu trong sạch là có giá tri. 22. Đối với vị trong sạch, là đã bị mời ra sai, còn vi ngu si là đã được mời ra đúng. Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ đi theo ngoại đạo, thú vật. 23. Kẻ giêt mẹ, cha, A-la-hán, kẻ làm ô uê, chia rẽ hội chúng, luôn cả kẻ làm chảy máu [đức Phật] và kẻ nào là lưỡng căn. 24. Mười một hạng người này không đáng sự nhận vào. [Kẻ có] cánh tay, bàn chân, hoặc cả hai, lỗ tai, lỗ mũi, hoặc cả hai [bị đứt]. 25. Kẻ có ngón tay, móng và gân, tay liền ngón, gù lưng và lùn tịt, có bướu cổ, bị đóng dấu, roi vọt, kẻ bị cáo thi tầm nã và kẻ có chân bị phù. 26. Kẻ có bệnh trầm trọng, bôi nhọ tập thể, bị chột mắt và tứ chi bi co rút, bị què, bị liệt nửa thân, đi khập khiễng, già yếu, bị mù, câm và điếc. 27. Bị mù và câm, bị mù và điếc, luôn cả bị câm và điếc, bị mù câm và điếc, các trường hợp này là ba mươi hai không thiếu sót. 28. Việc nhận vào của các vị ấy đã được đấng Toàn Giác giảng giải. [Tội] cần phải nhìn nhận, cần phải sửa đổi, [tà kiến] càn phải từ bỏ không tìm thấy. 29. Các hành sự án treo dành cho vi ấy có bảy trường hợp là sai Pháp. Đã vi phạm, rồi chấp nhận, cũng có bảy trường hợp sai Pháp. 30. Đã vi phạm, không chấp nhận, có bảy hành sự hoàn toàn đúng Pháp. Có sự hiện diện, có sự tra hỏi, với sự thú nhận là các nguyên nhân. 31. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, khi không điên cuồng, theo tội, khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo và hình phạt Parivāsa. 32. Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt Mānatta, sự giải tội? sự tu lên bậc trên là tương tợ như the ấy, việc khác lại thực hiện cho tội khác, mười sáu trường hợp này là sai Pháp. 33. Việc ây thì hành xử việc ây, việc ây cho vị ây9 mười sáu trường hợp này là hoàn toàn đúng Pháp. Nếu thay đổi lại từng điều một thì mười sáu trường hợp này là sai Pháp. 34. Theo nguôn góc ây từng đôi từng đôi [áp dụng] cho vị ây, thì chúng cũng là mười sáu trường hợp đúng Pháp, về sự luân phiên theo từng nguồn gốc một, đấng Chiến Thắng đã nói: "Là sai Pháp.,,

35. Hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách cho vị gây nên các sự xung . r r đột, là hành sự phe nhóm sai Pháp nên vị ây đã đi đên trú xứ khác. 36. Tại đó, họ đã thực hiện [hành sự] khiên trách sai Pháp có sự hợp nhát đến vi ấy. ở một nơi khác, họ đã thực hiện [hành sự] khiển trách theo phe nhóm đúng Pháp đến vị ấy. 37. Tương tợ, họ đã thực hiện [hành sự] có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm rồi có sự hợp nhất, sai Pháp có sự hợp nhất và đúng Pháp theo phe nhóm nữa. 38. Và có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm và luôn cả các trường hợp này có sự hợp nhất. Sau khi thực hiện theo từng nguồn gốc một, vi có sự khéo léo có the buộc thành sự luân phiên. 39. Sự chỉ dạy là dành cho vị ngu si, thiêu kinh nghiệm, vê [hành sự] xua đuổi đối với vị làm hư hỏng các gia đình và thực hiện hành sự hòa giải đến vị mắng nhiếc. 40. về vi không nhìn nhận [tội] và không sửa chữa [lỗi], và vị nào không từ bỏ tà kiên, hành sự án treo của các vi ây đã được giảng giải bởi vi Hướng Dân Đoàn Xe. 41. Các câu hỏi về các hành sự hướng dẫn ở phần trên nên áp dụng vào hành sự khiển trách. Đối với chính những điều ấy, vị làm bổn phận nghiêm chỉnh đúng đắn, đã thỉnh cầu. 42. Sự thu hôi đôi với các hành sự ây và với phân hướng dân hành sự ở dưới, về các hành sự ở nơi này ở nơi kia và [hội chúng] ngụ ở nơi đó tranh cãi. 43. Chưa được làm và luôn cả đã được làm sai, cần phải được làm lại và cũng trong việc thu hồi hành sự, các Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. 44. Sau khi nhìn thây sự hư hỏng, sự khiêm khuyêt, [và] sự thành tựu hành sự, bậc Đại Hiền Sĩ đã nói về sự thu hồi, ví như nhà phẫu thuật chỉ dạy về phương thuốc trị bệnh. —ooOoo—

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khiru nọ phạm tội. Vị ây có quan diêm vê tội ây là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác có quan diêm vê tội ây là vô tội. 2. Vị ấy, vào một lúc khác, có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ- khưu khác có quan diêm vê tội ây là có tội. 3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? -Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. 4. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây sau khi đạt được sự hợp nhát đã phạt án treo vi Tỳ-khưu ấy về việc không nhìn nhận tội. 5. Và vi Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. 6. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: “Này các Đại dức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bi án treo, tôi không phải là bi án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của t6i" Rồi vi Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe. 7. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội], Tôi không bi án treo, tôi không phải là bi án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi,

không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của t6i.” Rồi vi Tỳ-khưu ấy đã có được các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe. 8. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vi Tỳ-khưu ấy không phải là bị án treo. Vi Tỳ-khưu ấy đã bi án treo bởi hành sự sai Pháp, có the sửa đoi, không đáng duy trì.,,

9. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội9 điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu áy là phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vi Tỳ-khini ấy đã bi án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khiru ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, các vi chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vi Tỳ-khưu đã bi án treo ấy." 10. Trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vi bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy y như the. 11. Sau đó, có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khưu ây đã noi vơi đức The Tôn điêu nay: Bạch Ngài, trường hợp có vi Tỳ-khưu nọ đã phạm tội. Vị ấy đã có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội áy là vô tội. 12. Vị ây5 vào một lúc khác đã có quan diêm vê tội ây là vô tội, còn các vi Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là có tội. 13. Bạch Ngài, khi ấy các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy kh6ng?" "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." 14. Bạch Ngài, sau đó các vị Tỳ-khưu ây đã đạt được sự hợp nhát và đã phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy ve việc không nhìn nhận tội. 15. Và bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. 16. Bạch Ngài, khi ấy vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: uNày các Đại đức, điều ấy là vô tội5 điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bi án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của t6i." 17. Bạch Ngài, rồi vi Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe. 18. Vị ây cũng đã phái sứ giả đên gặp trực tiêp các Tỳ-khưu đông quan diêm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: “Này các Đại dức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của t6i."

19. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe. 20. Bạch Ngài, sau đó các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi

đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại dức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vi Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vi Tỳ-khiru ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khiru ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có the sửa đoi, không đáng duy tri." 21. Bạch Ngài, khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vi bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy là phạm [tội], vi Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo, vị Tỳ"khưu ấy không phải là không bi án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bi án treo bang hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy." 22. Bạch Ngài, trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vi bi án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo y như thể. 23. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Hội chung Tỳ-khưu đã bị chia rẽ! Hội chúng Tỳ-khưu đã bị chia !" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đên đã ngôi xuống ở chô ngôi được săp đặt săn. 24. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ban án treo điều này: Này các Tỳ-khưu, các ngươi chớ có nghĩ rằng trong trường hợp [lập luận răng]: "Là rõ ràng đôi với chúng ta! Là rõ ràng đôi với chúng ta!" thì có thê ban án treo đến vị Tỳ-khưu. 25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội. 26. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vi Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vj Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nêu chúng ta phạt án treo vị Tỳ-khưu này về việc không nhìn nhận tội, chúng ta sẽ không hành lễ Uposatha với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ Uposatha không có vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ9 sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.,, 27. Này các Tỳ-khtru9 các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy.

450 ĐẠI PHẨM

28. Này các Tỳ-khun, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội. 29. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vj Đại đức này là vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ vê các tiêu đê, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không hành lễ Pavāranā với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ Pavāranā không có vị Tỳ- khưu này, chúng ta sẽ không làm hành sự của hội chúng với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ làm hành sự của hội chúng không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngôi chung chô ngôi với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngôi ở chô ngôi không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi ăn cháo với vi Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi ăn cháo

không có vị Tỳ-khưu này? chúng ta sẽ không ngồi trong nhà ăn với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngoi trong nhà ăn không có vị Tỳ- khưu này, chúng ta sẽ không trú trong một mái che với vi Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ trú trong một mái che khônệ có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chăp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không với vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chiing." 30. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy. 31. Sau đó5 khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ban án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đên đã ngôi xuống ở chô ngôi được săp đặt săn. 32. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bi án treo điều này: -Này các Tỳ-khưu9 các ngươi sau khi phạm tội chớ có nghĩ là không cần phải sửa chữa lỗi [cho rằng]: "Chúng tôi không phạm! Chúng tôi không phạm!" 33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khim phạm tội, vị ây có quan diêm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội. 34. Này các Tỳ-khưu5 nếu vị Tỳ-khưu ấy nghĩ về các Tỳ-khưu kia như vầy: “Các vi Đại đức này là các vị nghe nhiêu, kinh điên được truyên thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác [mà các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận5 bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nêu các vị Tỳ-khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 451

Uposatha với ta, các vị sẽ hành lễ Uposatha không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.,, 35. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu quan tâm ve sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác. 36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội. 37. Này các Tỳ-khưu, nêu vị Tỳ-khưu ây nghĩ vê các Tỳ-khtru kia như vây: "Các vi Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác mà [các vi ấy] bi chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vi Tỳ-khưu này phạt án treo ve việc không nhìn nhận tội đen ta, các vi sẽ không hành lễ Pavāranā với ta, các vị sẽ hành lễ Pavāranā không có ta, các vị sẽ không làm hành sự của hội chúng với ta, các vị sẽ làm hành sự của hội chúng không có ta, các vị sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với ta, các vị sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có ta, các vị sẽ không ngồi ăn cháo với ta, các vị sẽ HẸồi ăn cháo không có ta, các vị sẽ không ngoi trong nhà ăn với ta, các vị sẽ ngoi trong nhà ăn không có ta, các vị sẽ không trú trong

một mái che với ta, các vị sẽ trú trong một mái che không có ta, các vị sẽ không thực hiện sự đảnh lễ? sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với ta, các vị sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chăp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ5 sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng.^, 38. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khmi quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vi khác. 39. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ủng hộ vi bị án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo đã tiến hành lễ Uposatha và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới. 41. Còn các Tỳ-khưu ban án treo đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ Uposatha và làm hành sự của hội chúng. 42. Sau đó, có vi Tỳ-khưu nọ là vị ban án treo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vi Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, các Tỳ-khtru ủng hộ vi bị án treo ấy tiến hành lễ Uposatha và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới. Bạch Ngài, còn

chúng con là các Tỳ-khưu ban án treo thì đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ Uposatha và làm hành sự của hội chúng. 43. Này Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ Uposatha và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các vi ấy sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Này Tỳ-khiru, nếu các Tỳ-khun ban án treo các ngươi tiến hành lễ ưposatha và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các ngươi sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nguyên nhân của việc ấy là gì? Các vị Tỳ-khưu ấy là kh6ng đồng cộng trú với các ngươi và các ngươi là không đồng cộng trú với các vị ây. 44. Này Tỳ-khưu, có hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vi ấy về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu, đây là hai nền tảng của việc không đồng cộng tru. 45. Này Tỳ-khưu, có hai nên tảng của việc đông cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị đã bị án treo vê việc không nhìn nhận [tội], hoặc vê việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu9 đây là hai nền tảng của việc đồng cộng trú. 46. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, rồi thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, rồi thực hiện sự va chạm bằng tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đen tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nūa?99 Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn

nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đen tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?" 47. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe n6i có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử sai Pháp đưa đến việc không hài hòa thì nên ngồi xuống chỗ ngồi [nghĩ rằng]: “Dầu gì đi

nữa, chúng ta sẽ không thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp với nhau, chúng ta sẽ không thực hiện sự va chạm bằng tay." Này các Tỳ-khiru, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử đúng Pháp đưa đến việc hài hòa, thì nên ngồi xuống chỗ ngồi kế cận nhau. 48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đên tranh luận ở giữa hội chúng, sông châm chích lân nhau băng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Khi ấy, có vi Tỳ-khiru nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vi Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, ở đây, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khỉ của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn vì lòng thương xót hãy đi đến gặp các Tỳ-khiru ấy. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. 49. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chô ngôi được săp đặt săn. Sau khi ngôi xuống, đức Thê Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ là vị nói sai Pháp đã nói với đức Ạ A 4. Ậ y The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này. Đen lân thư nhì, đức The Ton đã noi VƠI các Tỳ-khưu áy điêu nay: Này các Tỳ-khưu, thôi đủ roi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa. Đen lần thứ nhì, vị Tỳ-khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trủ vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi CQ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này. 50. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trong thời quá khứ, ở thành Bārānasī, đức vua của xứ Kãsi tên Brahmadatta là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp.

51. Còn đức vua xứ Kosala tên Dīghīti thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy. 52. Này các Tỳ-khiru, khi ấy

đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala. 53. Này các Tỳ-khiru, đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã nghe rằng: "Nghe nói đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với ta.” 54. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Dức Vua Brahmadatta xứ Kâsi là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp. Còn ta thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh tho A : 9

bé, có các kho hàng và vựa lúa không đây. Ta không có khả năng đê chịu đựng chỉ một cuộc tấn công của đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi, hay là ta nên tẩu thoát khỏi thành phố trước?,^ 55. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã đem theo hoàng hậu và tẩu thoát khỏi thành phố trước. 56. Này các Tỳ-khưu9 sau đó, đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã chiến thắng và đã làm chủ binh lực, xe cộ, xứ sở9 kho hàng và vựa lúa của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala. 57. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng người vợ đã ra đi ve phía thành Bārānasī, theo tuần tự đã đen được thành Bārānasī. Này các Tỳ-khưu, tại đó ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārānasī, đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ ngụ trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ. 58. Này các Tỳ-khưu5 sau đó chẳng bao lâu, hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muôn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thây đội quân gôm bôn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đát băng và được uông nước rửa đao kiếm. 59. Này các Tỳ-khxru, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nói với đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala điều này: "Tâu Bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Thiếp mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đát băng và được uông nước rửa đao kiêm." “Này ái hậu, trong lúc chúng ta đang lâm cảnh khôn cùng thì lây đâu ra đội quân gôm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và nước rửa đao kiếm.,, “Tâu Bệ hạ, nếu không đạt được thì thiếp sẽ chết mất.^, 60. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi là bạn của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 455

61. Này các Tỳ-khưu5 khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi, sau khi đến đã nói với vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi điều này: "Này bạn, người bạn gái của bạn đang mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thây đội quân gôm bôn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đát băng và được uông nước rửa đao kiêm.,^ uTâu Bệ hạ, như thê thì chúng ta hãy gặp hoàng hau.” 62. Này các Tỳ-khưu, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi. Này các Tỳ-khưu, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua

Brahmadatta xứ Kãsi đã nhìn thay hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay cúi chào hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala và đã ba làn thốt lên lời cảm hứng rang: "Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Tâu Hoàng hậu, xin chớ lo âu, vào lúc mặt trời mọc Hoàng hậu sẽ được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.,, 63. Này các Tỳ-khưu5 sau đó vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi điều này: "Tâu Bệ hạ, theo như các điềm báo hiệu cho thấy: Ngày mai, vào lúc mặt trời mọc, đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, hãy đứng ở trên đất bằng và các đao kiếm hãy được rửa.” 64. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự đã nói như thế nào thì các khanh hãy làm theo như thế ấy." 65. Này các Tỳ-khưu, rồi vào lúc mặt trời mọc, hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm. 66. Này các Tỳ-khưu, sau đó khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, hoàng hậu của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Dīghāvu. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu đã đạt được sự hiểu biết. 67. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Vua Brahmadatta xứ Kâsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực? xe cộ5 xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Nêu người này biết được chúng ta thì sẽ ra lệnh giết chết luôn cả ba. Hay là ta nên cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành ph6?"

68. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố. Này các Tỳ-khmi, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu trong khi sống ở bên ngoài thành phố đã học được tất cả các tài nghệ. 69. Này các Tỳ-khmi? vào lúc bấy giờ, người thợ hớt tóc của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala sống [dưới quyền] của đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi. Này các Tỳ-khưu, người thợ hớt tóc của đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã nhìn thấy đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārānasī, trong nhà của nẹười làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ; sau khi nhìn thây đã đi đên gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi điều này: “Tâu Bệ hạ, đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ đang song ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārānasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du si." 70. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: uNày các khanh, như thế thì hãy dẫn đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ đến.” “Tâu Bệ hạ5 xin v2ng." Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã dẫn đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ đến. 71. Này các Tỳ-khưu, khi ây đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, như thế thì hãy trói chặt đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng người vợ

bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi9 sau khi đưa đi ra bằng công thành phía Nam, hãy chặt thành bôn khúc tại phía Nam của thành phô, roi quăng bỏ các phần ấy ở bốn huớng.” 72. "Tâu Bệ hạ, xin vang.59 Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Ksi, đã trói chặt đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng người vợ băng dây thừng chác chăn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc dâu, roi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi. 73. Này các Tỳ-khưu9 khi ấy Hoànệ tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Mẹ và cha của ta được nhìn thấy đã lâu lam roi, hay là ta nên gặp mẹ và cha?" 74. Này các Tỳ-khưu9 khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārānasīya nhìn thấy mẹ và cha bi trói chặt cánh tay ở phía sau bằng dây thừng chắc chắn, bị cạo trọc đầu và đang bị dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi? sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp mẹ và cha. 75. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala đã nhìn thấy Hoàng tử Dĩghâvu từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thay đã nói với Hoàng tử Dĩghâvu

điều này: "Này Dĩghãvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lang diu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dju." 76. Này các Tỳ-khtru, khi được nói như thê, những người ây đã nói với đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala điều này: “Dức Vua Dĩghĩti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vầy: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng diu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dju?" "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu r6." 77. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ..(nt).. Này các Tỳ-khxru? đến lần thứ ba, những người ây đã nói với đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala điêu này: "Dức Vua Dĩghĩti xứ Kosala này là nẹười điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ong ta đã nói với ai như vây: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dju‘” "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ?9 78. Này các Tỳ-khưu9 sau đó những người ấy khi đã dẫn đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala cùng với người vợ đi quanh từ đường pho này sang đườnệ phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi roi đã đưa đi ra bang cong thành phía Nam, chặt thành bon khúc tại phía Nam của thành phố, quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng, ổn định lại hàng ngũ, rồi đã bỏ đi. 79. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārānasī đem lại rượu và cho các người lính gác uống. Đen khi những người lính đã bi say và té xuống thì Hoàng tử Dīghāvu đã tự mình gom góp các thanh củi, thực hiện giàn hỏa táng, rồi đặt thi thể của mẹ và cha lên giàn hỏa táng, châm lửa, chắp tay lên và hướng vai phải

nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng. 80. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đi đến nơi sân thượng ở phần trên tòa lâu đài. Này các Tỳ-khưu5 đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi đã nhìn thay Hoàng tử Dīghāvu chắp tay lên và đang hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn rằng người đàn ông này là thân quyến hoặc là có cùng huyết thống với đức Vua Dĩghĩti xứ Kosala. Hừ, chẳng có ích lợi gì cho ta. Bởi vì chẳng có người nào sẽ nói cho ta hay!" 81. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào rừng và than van khóc lóc cho đến nguôi ngoai, rồi đã lau khô nước mắt, trở vào thành Bārānasī, đi đến chuồng voi ở cạnh hoàng cung và đã nói với người thầy huấn luyện voi điều này: "Thua thầy, tôi muốn học nghề." "Này chàng trai trẻ mến, như thế thì ngươi cứ việc hQC."

82. Này các Tỳ-khưu, sau đó Hoàng tử Dīghāvu, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi. 83. Này các Tỳ-khưu, rồi đức Vua Brahmadatta xứ Ksi, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã nghe tiếng ca hát với giọng du dương và tiếng đánh đàn ở nơi chuồng voi nên đã hỏi mọi người rang: "Này các khanh, người nào sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?,, 84. "Tâu Bệ hạ, chàng trai trẻ học trò của người thầy huấn luyện voi kia, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi." "NSy các khanh, như thế thì hãy dẫn chàng trai trẻ ấy đến.,, "Tâu Bệ hạ, xin vâng.,, Này các Tỳ-khưu, rồi các người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã đưa Hoàng tử Dīghāvu lại. 85. "Này khanh, chàng trai trẻ, có phải khanh sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?" "Tâu Bệ hạ, thưa ph i." "NSy khanh, chàng trai trẻ, như thế thì khanh hãy ca hát với giọng du dương và hãy đánh đàn di." "Tâu Bệ hạ, xin vang.59 Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi và có ý định làm [đức vua] hài lòng nên đã ca hát với giọng du dương và đã đánh dàn. "Này khanh chàng trai trẻ, khanh hãy hầu hạ ta." "Tâu Bệ hạ, xin vang?9 Này các Tỳ-khmi, Hoàng tử Dīghāvu đã đáp lời đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi. 86. Này các Tỳ-khiru, sau đó Hoàng tử Dĩghãvu đã trở thành người thức dậy trước và đi ngủ sau, là người sẵn sàng làm mọi việc, có hành động chiều chuộng, có nói lời êm dịu đối với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi. 87. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã bổ nhiệm Hoàng tử Dīghāvu vào vai trò cận thần thân thiết. 88. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, như vậy thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe5 chúng ta sẽ đi săn thú.^, "Tâu Bệ hạ, xin vâng.^, Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dĩghãvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gi." 89. Này các Tỳ-khưu, khi ây đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi đã bước lên xe. Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe và đã điều khiển xe như thế nào đó để đội quân lính đã đi theo hướng khác, còn chiếc xe theo

hướng khác.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 459

90. Này các Tỳ-khưu9 sau đó, khi đã đi xa, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, hãy dừng xe lại. Trẫm đã mệt và sẽ nằm xu6ng." 91. "Tâu Bệ hạ, xin vâng.,, Này các Tỳ-khưu, rồi Hoang tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi, đã dừng xe lại và ngồi xuống với thế kiết- già ở trên mặt đất. 92. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã kê đầu lên băp vê của Hoàng tử Dīghāvu và năm xuông. Đức vua đang mệt mỏi nên chỉ trong chốc lát đã rơi vào giấc ngủ. 93. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Bức Vua Brahmadatta xứ Kâsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở9 kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bi người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bi người này giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc ta có thể thanh toán mối thù hận,9 rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. 94. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rang: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gan. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng diu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu/ Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên đã tra gươm vào vỏ. 95. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Dức Vua Brahmadatta xứ Kâsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ? xứ sở5 kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm để ta có thể thanh toán mối thù hān,9 rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng diu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu/ Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên lại tra gươm vào vỏ. 96. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, đã tức thời chồm dậy. 97. Này các Tỳ-khun? khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi điều này: "Tâu Bệ hạ, vì sao Bệ hạ lại trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và tức thời chồm day?" "Này khanh, chàng trai trẻ, ở đây, con trai của đức Vua Dīghĩti xứ Kosala là Hoàng tử Dīghāvu đã dùng gươm tấn công ta trong giấc ngủ mơ. Vì thế trẫm trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và đã tức thời chồm day."

460 ĐẠI PHẨM

98. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã dùng bàn tay trái mân mê đầu của đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi và dùng bàn tay phải rút gươm ra rồi nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi điều này: uTâu Bệ hạ, thần chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghĩti xứ Kosala. Bệ hạ là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng tôi. Binh lực? xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng tôi đã bị Bệ hạ chiếm đoạt. Mẹ và

cha của tôi đã bị Bệ hạ giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc thần có thể thanh toán mối thù hận.,, 99. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã quỳ mọp xuống đê đầu ở hai bàn chân của Hoàng tử Dīghāvu và đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trẫm mạng sống. Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trâm mạng s6ng." "Sao thân lại có khả năng đê ban cho Bệ hạ mạng sông được. Chính Bệ hạ mới có thê ban cho thân mạng s6ng?" "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy ban cho trẫm mạng sống và trẫm sẽ ban mạng song cho khanh." 100. Này các Tỳ-khưu9 khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi và Hoàng tử Dīghāvu đã ban mạng sông cho nhau. Họ đã năm lây bàn tay và đã thực hiện lời thề không phản bội nhau. 101. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ di." "Tâu Bệ hạ, xin v2ng." Này các Tỳ-khmi, roi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kãsi, đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gi." 102. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã bước lên xe và Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe, và đã điều khiển xe theo như thế nào đó đe chẳng bao lâu sau, gặp lại đội quân lính. 103. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã đi vào thành Bārānasī, cho triệu tập các viên quan đại thân cô vân lại và đã nói điêu này: "Này các khanh, nếu các khanh có thể nhìn thấy Hoàng tử Díghãvu, con trai của đức Vua Dīghĩti xứ Kosala thì các khanh nên làm gì người ấy?" 104. Một số vị quan đã nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay và hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai và lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt dầu.” 105. "Này các khanh, đây chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Không được làm bát cứ điêu gì đên người này. Người này đã ban cho trâm mạng sông và trâm đã ban mạng sông cho người này."

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 461

106. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, điều mà cha của khanh vào lúc chết đã nói rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu\ cha của khanh đã ám chỉ điều gì vậy?^, 107. “Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa' [ý là] 'Chớ có gây thù hận lâu dài.' Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa/ Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần9 [ý là] 'Chớ có mau chóng gây đổ vỡ với bạn bè/ Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần/ Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thân vào lúc chét đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng diu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu9 [ý là] 'Mẹ và cha của thần đã bị Bệ hạ giêf Như thê, nêu thân có thê tước đoạt mạng sông của Bệ hạ thì những người mong mỏi sự lợi ích cho Bệ hạ có thể tước đoạt mạng sống của

thần, rồi những người mong mỏi sự lợi ích cho thần, có thể tước đoạt mạng sống của những người ấy; như vậy thù hận ấy không thể giải quyết bằng thù hận. Giờ đây, Bệ hạ đã ban mạng sống cho thần và thần đã ban mạng sống cho Bệ hạ; như vậy thù hận ấy đã được giải quyết bằng sự không thù hận. Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lang dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dỊi.'" 108. Này các Tỳ-khiru, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kâsi đã khởi ý điều này: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Hoàng tử Dīghāvu này thật sáng trí bởi vì hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết của điều đã được người cha nói ra một cách van tắt" roi đã trả lại binh lực, xe cộ? xứ sở, kho hàng, vựa lúa của người cha và còn ban cho người con gái [của mình] nữa. 109. Này các Tỳ-khưu, ngay chính những người ấy là các vị vua đã cầm lấy gậy, đã cầm lấy gươm mà còn có sự kham nhẫn và khoan dung như thế ấy. Này các Tỳ-khưu? ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy, các ngươi hãy nên bày tỏ sự kham nhẫn và lòng khoan dung. 110. Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự lý luận, chớ có sự tranh luận nữa. 111. Đen lần thứ ba, vi Tỳ-khưu là vi nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện

462 ĐẠI PHẨM

. A y >

tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng băng sự xung đột, băng sự cãi cọ, băng sự lý luận và bằng sự tranh luận này. 112. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Những kẻ rồ dại này đã tới mức tận cùng, những kẻ này không dễ gì mà nhắc nh&" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Tụng phẩm Dīghāvu là phần thứ nhất

L Khi ây, vào buôi sáng, đức Thê tôn đã mặc y, câm y bát, roi đi vào thành Kosambī để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kosambī, trên đường khất thực trở về sau bữa ăn, đức Thế Tôn đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, rồi chỉ đứng giữa hội chúng nói lên những lời kệ này: 2. "Trong đám người ồn ào náo nhiệt, không kẻ nào nghĩ là mình ngu. Hơn thế nữa, trong khi hội chúng đang bị chia rẽ, không người nào khác đã biết đến. 3. Lời nói của bậc Trí đã bị hoàn toàn quên hẳn, chúng nói đủ mọi thứ chuyện. Có miệng há rộng theo như chúng muốn, chúng bị [sự náo động] lôi kéo đi mà chẳng biết. 4. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai áp ủ điêu áy, sự thù hận của những người áy không được lặng yên. 5. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai không ấp ủ điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lặng yên. 6 ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lặng yên bởi sự hận thù và chúng được lặng yên bởi sự không thù hận; điêu này là quy luật cô xưa. 7. Và những người khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Và những người nào nhận thức được điều ấy, từ đó mà các sự tranh chấp được lăng yên. 8. Đối với những kẻ đang xâm chiếm

lãnh thổ là những kẻ đã chặt đứt xương [thịt], đã đoạt mạng sống, đã cướp bóc ngựa, bò, tài sản, mà còn có sự hòa hợp đối với chúng, vì sao các người lại không thể có được? 9. Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì sau khi vượt qua mọi hiểm nạn, có thể đi với người ấy [một cách] hoan hỷ có niệm. 10. Nếu không thể có được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì giống như vị vua từ bỏ quốc độ đã chinh phục, hãy nên song một mình như là voi Mātañga [song] ở trong rưng. 11. Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Một mình hãy sống và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātañga [sống] ở trong rừng."

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 463

12. Khi ấy, đức Thế Tôn chỉ đứng giữa hội chúng đã nói lên những lời kệ này rồi đi đến ngôi làng Bālakalonakāra. 13. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Bhagu đang tru tại ngôi làng Bālakalonakāra. 14. Đại đức Bhagu đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp đặt chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đã đi ra đón và tiếp nrớc y bát. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngôi xuông đã rửa hai bàn chân. 15. Đại đức Bhagu đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhagu đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhagu điều này: -Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không? -Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khát thực không có bi khó nhọc. 16. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Bhagu bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đen khu vườn cây Pācīnavamsa. 17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila trú tại khu vườn cây Pācīnavamsa. 18. Người giữ vườn đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Này ông Sa-mon, chớ có đi vào khu vườn cây này. ở đây, có ba người con trai gia đình danh giá và có tính tự ượng trú ngụ. Chớ có gây phiền nhiễu đến họ. 19. Đại đức Anuruddha đã nghe được người giữ vườn đang căn dặn đức Thế Tôn, sau khi nghe được đã nói với người giữ vườn điều này: -Này đạo hữu giữ vườn, chớ ngăn cản đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư của chúng tôi la đức The Ton đã đen. 20. Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila, sau khi đen đã nói với Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila điều này: -Các Đại đức hãy đi ra. Các Đại đức hãy đi ra. Bậc Đạo sư của chúng ta là đức The Ton đã đen. 2L Khi ấy, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila đã đi ra đon đức The Ton, mọt vị đã nhạn lay y va bình bát cua đức The Ton, mọt vị đã sắp xếp chỗ ngồi, một vị đã mang lại nước rửa chân, ghế kê chân và tấm chà chan. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân. 22. Rồi các vị Đại đức ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Anuruddha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

-Này các vi Anuruddha, các ngươi sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không? Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc. Này các vi Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ5 có được trạng thái như sữa với nước, có nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến không? Bạch Thế Tôn, chắc chắn là vậy! Chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh măt thương mên. Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mên là như thê nào? 23. Bạch Ngài, ở đây, con khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế nay!,? Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được the hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt).. sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vay: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức nay?59 Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rang chỉ có một tâm. 24. Rồi Đại đức Nandiya ...(nt).. Rồi Đại đức Kimbila cũng đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, ở đây, con cũng khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế nay!59 Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín dào, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được the hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vầy: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?" Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm. Bạch Ngài, chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế ấy. 25. Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm hay không? Bạch Ngài, chắc chắn là vậy! Chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 465

26. Này các vị Anuruddha, các ngươi sống ít bi xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế nào? 27. Bạch Ngài, ở dây, vị nào trong chúng con đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực đã được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, thì mời vi thứ hai lại với sự

ra hiệu bằng tay và [chúng con] đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay. Bạch Ngài, nhưng không vì lý do đó mà chúng con nói ra lời. Bạch Ngài, cứ mỗi năm ngày, chúng con ngồi lại cho việc thảo luận giáo pháp trọn đêm. Bạch Ngài, chúng con sống ít bi xao lãng, có sự nô lực, có sự quyêt tâm là như thê. 28. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra di, du hành về phía Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại nơi đó, ở Pārileyyaka đức Thế Tôn sống trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây Sāla xinh đẹp. 29. Khi ấy, đức Thế Tôn trong khi thiền tinh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trước đây, Ta đã sống không thoải mái, bị quấy rầy bởi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy, là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và franh tụng ở hội chúng. Bây giờ, Ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không người thứ hai, thoát khỏi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng,,, 30. Cũng có con long tượng nọ sông bị quây rây bởi những con voi dực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uông các thứ nước đã bị khuây đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. 31. Khi ay9 con long tượng áy đã khởi ý điêu này: "Ta sông bị quây rây bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bi khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Hay là ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám d6ng?"

32. Sau đó, con long tượng ây đã tách khỏi bây, đi đên Pārileyyaka, chô khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây Sāla xinh đẹp, kề cận đức Thế Tôn; sau khi đến nó đã dùng vòi phục vụ đức Thế Tôn nước uống, nước rửa và dọn dẹp cây cỏ. 33. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: "Trước đây, ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và đã nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bi khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không kẻ thứ hai, thoát khỏi các con voi đực, các con voi cái, các con voi tơ và các con voi be." 34. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Tâm của con long tượng, là con voi có ngà dài, cung với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng.,, 35. Sau đó, khi đã ngự tại Pārileyyaka theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 36. Khi ấy, các cư sĩ ở Kosambī đã khởi ý điều này: "Các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī này là những người đã làm

nhiều điều không lợi ích cho chúng ta. Đức Thế Tôn bị quấy rầy bởi các vi này nên đã bỏ đi. Vậy thì chúng ta không nên đảnh lễ các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī nữa, không nên đứng dậy, không nên thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không nên trọng vọng, không nên cung kính, không nên sùng bái, không nên Cling dường, không nên bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến; như thế ấy, các vị này trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được Cling dường bởi chúng ta, và khi đã không còn được trọng vọng, các vị hoặc là sẽ bỏ đi, hoặc là sẽ hoàn tục, hoặc là sẽ có niềm tin nơi đức Thế Ton?9 37. Sau đó, các cư sĩ ở Kosambī đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường, không bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến. 38. Khi ấy, các Tỳ-khưu ở Kosambī trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được Cling dường bởi các cư sĩ ở Kosambī, và khi đã không còn được trọng vọng nữa, [các vi ấy] đã nói như vầy: "Này các Đại đức, vậy thì chúng ta nên đi Sāvatthi và giải quyết sự tranh tụng này trong sự hiện diện của đức Thế Ton?9 39. Sau đó, các Tỳ-khưu ở Kosambī đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến thành Sāvatthi.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 467

40. Đại đức Sāriputta đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi.,, 41. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế tôn điều này: —Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khiru ở Kosambī ây là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khmi ấy như thế nào? Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

Bạch Ngài, con nên hiên đúng Pháp và sai Pháp như thê nào? 42. Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biêt do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”; tuyên bố phi Luật là 6CLuật\ tuyên bố Luật là "phi Luật,9; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bô điêu đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bo điều đã được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai” tuyên bố vô tội là "phạm toi”tuyên bố phạm tội là "vô toi”; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là utội không còn dư s6t", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư s6f tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Này Sāriputta, người nói sai

Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này. 43. Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi PhSp", tuyên bố Ph4p là [Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật\ tuyên bố Luật là "Luār tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai" tuyên bố vô tội là "v6 tội9\ tuyên bố phạm

tội là "phạm toi"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư s6t"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này. 44. Roi Đại đức Mahāmoggallāna đã nghe răng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vi thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi....(nt)... Roi Đại đức Mahākassapa đã nghe rằng: ...(nt).. Rồi Đại đức Mahâkaccãna đã nghe rằng:...(nt).. Rồi Đại đức Mahākotthita đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahâkappina đã nghe rằng: ...(nt).. Rồi Đại đức Mahâcunda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Anuruddha đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Revata đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức upãli đã nghe rằng: ...(nt).. Rồi Đại đức Ānanda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Rãhula đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Savatthi.^, 45. Khi ấy, Đại đức Rãhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Rãhula đã nói với đức Thế tôn điều này: -Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột,...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng đang đi đen thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào? -Này Râhula, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp. Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

46. - Này Râhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biêt do mười tám sự việc. Này Râhula, ở đây vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Ph9p", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên

bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bo điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm t0i”, tuyên bố phạm tội là “v6 toi”; tuyên bố tội nhẹ là "tội nāng9\ tuyên bo tội năng là "tội nhẹ,9; tuyên bố tội còn dư sót là "tội khônệ còn dư s6t”, tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư s6t" tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Này Râhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 469

47. Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Râhula, ở đây vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", tuyên bố Pháp là :Ph”tuyên bố phi Luật là "phi Luật\ tuyên bố Luật là "Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là “diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được quy đinh bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là toi", tuyên bố phạm tội là "phạm t0i” tuyên bố tội nhẹ là "tội nhq", tuyên bố tội nặng là utội nāng,9; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sof5; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Râhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này. 48. Roi bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nghe răng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. 49. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, bà đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế tôn điều này: Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào? Này Gotamĩ, như thê thì bà hãy nghe pháp ở cả hai bên; sau khi nghe pháp ở cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vi nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng Tỳ-khưu-ni cần trông đợi từ hội chúng Tỳ-khưu thì nên trông đợi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp mà thôi. 50. Rồi gia chủ Anāthapindika đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi.” 51. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu

ấy như thế nào?

Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ- khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy. 52. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migâra đã nghe rằng: “Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. 53. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một ben. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migâra đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào? Này bà Visākhā, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý đinh của các vị ấy. 54. Sau đó, theo tuân tự các Tỳ-khưu ở Kosambī đã đên được thành Sāvatthi. 55. Khi ấy? Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ây là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ? tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đã đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên tiến hành về chỗ trú ngụ cho các Tỳ-khưu ấy như thế nào? Này Sāriputta, như thế thì nên cho chỗ trú ngụ được cách biệt.

Bạch Ngài, nêu không được cách biệt thì nên thực hành như thê nào? —Này Sāriputta, như thế thì nên làm thành cách biệt rồi giao cho. Này Sāriputta, nhưng Ta không nói rằng: "C6 the xâm phạm chỗ trú ngụ của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn vì một lý do nào d6." Vị nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata, —Bạch Ngài, nên thực hành như thế nào về tài vật? Này Sāriputta, tài vật nên được chia phàn đồng đều cho tất cả.

56. Sau đó, vị Tỳ-khưu bi án treo ây trong khi suy xét vê Pháp và Luật đã khởi ý điều này: "Diều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Ta bị phạm [tội], ta không phải là không phạm [tội]. Ta bị án treo, ta không phải là không bị án treo. Ta đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì.,^

57. Khi ấy, vị Tỳ-khiru bi án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vi bi án treo điều này: "Này các Đại dức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bi án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bi án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi?9 58. Khi ấy, các Tỳ-khưu ủng hộ vi bị án treo ấy đã đưa vị Tỳ-khưu bị án treo

áy đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngoi xuông một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, các vi Tỳ-khưu ây đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu bị án treo này đã nói như vây: "Này các Đại dức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bi phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho t6i." Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào? Này các Tỳ-khưu, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vi Tỳ- khưu ấy bi phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ- khưu ấy bi án treo, vi Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vi Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, bởi vì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm [tội], đã bi án treo và nhìn nhận. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây hãy phục hôi cho vị Tỳ-khưu ây. 59. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vi bị án treo ấy đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu bị án treo ấy, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: Này các Đại dức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vi Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy tiên hành sự hợp nhát hội chúng đê giải quyêt sự kiện ây. 60. Sau đó, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thể Tôn rồi ngồi xuống một ben. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ây đã nói như vây: "Này các Đại dức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy." Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thể nào?

Này các Tỳ-khưu, bởi vì vi Tỳ-khiru ấy đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hôi. Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, hội chúng hãy tiên hành sự hợp nhát hội chúng đê giải quyêt sự kiện ây. Và này các Tỳ- khưu, nên được tiên hành như vây: Toàn bộ tát cả gôm các vị bị bệnh và không bị bệnh nên tụ hội lại một chỗ và không một ai được phép gởi lời tùy thuận. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 6L "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vi Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bi án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiên hành sự hợp nhát hội chúng đê giải quyêt sự kiện ây. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong

hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vi Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Hội chúng tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đại đức nào đồng ý việc tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ây xin im lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy đã được hội chúng thực hiện, sự bất đồng trong hội chúng đã được dàn xếp, sự chia rẽ hội chúng đã được dàn xếp. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.„ Lập tức sau đó? lễ Uposatha nên được tiến hành, Giới bổn (Pãtỉmokkhd) nên được đọc tụng. 62. Sau đó, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức L •_LA T T__ •—*1 • Ạ np yx* A___ Upâli đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đong trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định nguyên nhân không đúng rồi tiến hành sự hợp nhất hội chúng; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp? -Này upâli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bát đông trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upâli, sự hợp nhất hội chúng ấy là sai Pháp.

x. CHƯƠNG KOSAMBĪ 473

Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bát đông trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự họp nhất; bạch Ngài, có phải sự hợp nhát hội chúng ây là đúng Pháp? Này upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này upăli, sự hợp nhát hội chúng ây là đúng Pháp. 63. Bạch Ngài, sự hợp nhất hội chúng có bao nhiêu loại? Này Upli, sự hợp nhất hội chúng có hai loại. Này upli, có sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ và có loại vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ. 64. Này upâli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục ch, chỉ đạt được từ ngữ? Này upli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi CQ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này upâli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ. 65. Này Upli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ? Này upãli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đong trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ây và xác định đúng nguyên nhân roi

tiên hành sự hợp nhát; này upâli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ. Này Upãli, đây là hai sự hợp nhất hội chúng. 66. Sau đó, Đại đức upâli đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên cúi chào đức Thế Tôn, rồi trình lên đức Thế Tôn những lời kệ này: 67. "Trong các phận sự thuộc vê hội chúng, trong các cuộc thảo luận, trong những việc điều tra về những vấn đề đã sanh khởi, ở đây, người như thế nào là người đem lại nhiều lợi ích? ở đây, vị Tỳ-khưu như thế nào là xứng đáng việc chủ tri?" 68. "Trước tiên về mặt giới hạnh, là vị không bị chê bai, có hành động đã được suy xét, có giác quan khéo được canh phòng, về nguyên tắc thì những kẻ đối nghịch không thể bôi nhọ bởi vì điều gì mà họ có thể nói về vị ấy, thì vi này chẳng có điều ấy.

69. Vi như thế đứng vững trong sự thanh tịnh của giới, là người có niềm tự tín, nói năng có tính thuyết phục, vị đi vào hội chúng không run, không sợ hãi, không bỏ rơi ý nghĩa trong khi nói về đề tài liên quan. 70. Tương tợ y như thế, khi được hỏi câu hỏi ở các hội chúng, vị ấy không ngần ngại và cũng không mắc cỡ, trong khi nói lời giải thích xứng đáng, đúng lúc, con người khôn ngoan làm hài lòng hội chúng các bậc tri thức. 71. Vi ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng và có niềm tin đối với vị thầy của mình, có khả năng cân nhắc, rành rẽ về điều nên nói, là vị rành rẽ về yếu điểm của những kẻ đối nghịch. 72. Vì thê, những kẻ đôi nghịch lâm vào thê yêu và đám đông người tuân theo sự chỉ dạy. Trong khi nắm giữ sự suy luận của mình, vị ấy không bỏ quên niềm tin tưởng của mình và không gây tổn hại trong khi trả lời câu hỏi. 73. Có khả năng trong các công việc đưa tin, có sự ghi nhớ tốt, đúng theo lời các vị đã nói với vị ấy về các phận sự của hội chúng. Được phái đi bởi nhóm các Tỳ-khưu, trong khi thực hiện lời dặn dò, không vì điều ấy mà suy nghĩ rằng: 'Ta làm công việc.5 74. Khi bị phạm tội vê các sự việc dâu là thê nào chăng nữa, theo đó có phương thức thoát khỏi tội. Vị ây khéo được truyên thừa cả hai Bộ Phân tích ấy, là vi biết về đường lối thoát khỏi tội. 75. Trong khi phân xử các sự việc, vị ây áp dụng sự mời ra và người bị mời ra là đúng theo sự việc. Sự phục hồi là dành cho người đã trải qua việc ấy. Vị ấy cũng biết luôn cả điều ấy, là vi biết về Bộ Phân tích, 76. Vi ây có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng, các vị mới tu, các vi Trưởng lão và các vị trung niên. Người thực hiện việc lợi ích cho nhiều người ở đây là bậc sáng trí. Vị Tỳ-khưu như thế ấy xứng đáng việc chủ trì ở dây." Dứt chương Kosambī là thứ mười.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Bậc Chiên Thăng cao quý ở tại Kosambī, sự tranh luận vê việc không nhìn nhận tội, trong trường hợp nào [hội chúng] có thể phạt án treo thì trong trường hợp ấy [vị bi án treo] nên trình báo tội vì niềm tin [của các vi khác]. 2. Bên trong ranh giới, ở chính tại nơi ấy, luôn cả [ngôi làng] Bâlaka, từ vườn cây [Pācīna], khu rừng Pārileyyā và thành Sāvatthi, vị Sāriputta và vị Kolita. 3. Vị Mahâkassapa, vị Kaccâna, vi Kotthita và vi Kappina, vi Mahãcunda, vi Anuruddha và cả hai vi Revata và upâli.

4. Vị Ānanda và luôn cả vị Rāhula nữa, vị Ni Gotamī, ông Anāthapindika và bà Visākhā mẹ của Migāra,... và chỗ trú ngụ được cách biệt, nên cho tài vật đồng đều. 5. Không vị nào được gởi trao sự tùy thuận, được vấn hỏi bởi vị Upāli, vị [Ty-khiru] không bị chê trách về tăng thượng giới, sự hợp nhất trong giáo pháp của đấng Chiến Thang. —ooOoo— ĐẠI PHẨM ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ

TẠNG LUẬT (VINAYAPITAKA)

TIỂU PHẨM (CULLAVAGGA)

LỜI GIỚI THIỆU

Cullavagga (Tiêu phàm) là phân thứ nhì của bộ Khandhaka (Hợp phân) thuộc Vỉnayapitaka (tạng Luật), Cũng tương tợ như Mahāvagga (Đại phẩm). Cullavagga (Tiểu phẩm) gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương, cụ thể gồm có 12 chương: 1. Chương đâu là chương Hành sự đê cập đên bảy loại hành sự nhăm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh vị Tỳ-khưu có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật hầu tạo điều kiện cho vị ấy có cơ hội phục thiện và sửa đổi. Bảy hành sự ấy là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không từ bỏ tà kiến ác. 2. Chương 2 giảng giải về cách thức phục hồi cho vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa (Tăng tàn) từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn Parỉvãsa, Mãnatta, Mūlāya Patikassanarn nêu vi phạm lại tội ây hoặc tội tương tợ trong thời gian thực thi hành phạt, và cuối cùng là phần giải tội Abbhãna để phục hồi phẩm vị trước đây cho vị Tỳ-khưu phạm tội. 3. Chương 3 giảng giải về các trường hợp đặc biệt của vị Tỳ-khưu trong khi đang thực thi các hành phạt để thoát khỏi tội Sañghādisesa lại tiếp tục vi phạm tội ấy nữa hoặc các tội tương tợ cùng nhóm. 4. Chương 4 giảng giải về bảy cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo sô đông, theo tội của vị ây9 cách dùng cỏ che lấp đối với bốn loại tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. 5. Chương 5 là chương các Tiêu sự đê cập đên nhiêu vân đê có liên quan đến sự sinh hoạt hàng ngày của vị Tỳ-khưu về nhiều khía cạnh khác nhau như cách phục sức, thuyết Pháp, các vật dụng, v.v... 6. Chương 6 là chương Sàng tọa thuật lại việc dâng cúng 60 trú xá đầu tiên của một nhà đại phú ở thành Rājagaha cho đen sự cúng dường một tu viện hoàn chỉnh của ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc) và các vấn đề liên quan như việc xây dựng, cách thức sử dụng, và các sự phân công trong việc quản lý tu viện. 7. Chương 7 là chương Chia rẽ hội chúng bắt đầu với câu chuyện dài giới thiệu sự sinh hoạt trong một gia đình tiêu biểu của dòng họ Sâkya (Thích-ca)

tiếp đến sự xuất gia của sáu thanh niên thuộc dòng họ này trong đó có Devadatta về sau là người khởi xướng và tiến hành việc chia rẽ hội chúng. Chương này được kết thúc với những câu hỏi của Trưởng lão Upâli để xác định những điểm khác biệt giữa sự bất

đồng trong hội chúng là việc thường xảy ra trong tập thể và sự chia rẽ hội chúng là việc có tính chất nghiêm trọng. Nghiệp quả xấu dành cho kẻ chia rẽ hội chúng và phước báu của vi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ cũng được đề cập đến ở chương này. 8. Chương 8 giảng giải vê 14 phận sự trong đời sông xuất gia. Cuộc sông của vị Tỳ-khưu được mô tả đây đủ trong chương này băt đâu với phận sự của vị Tỳ-khưu vãng lai, thường tru, hoặc chuẩn bị ra di, luôn cả phận sự của vi Tỳ- khưu đối với chỗ trú ngụ ở trong rừng hoặc ở trong tu viện. Các phận sự thường nhật như đi khất thực, phận sự ở nhà ăn, tùy hỷ phước báu của thí chủ, việc sử dụng nhà tăm, nhà vệ sinh đêu được mô tả chi tiêt. Ngoài ra còn quy định các phận sự tương tác giữa thầy tế độ và thầy dạy học đối với các đệ tử hoặc học trò có liên hệ nữa. Cuộc sông chung có được tót đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phận sự này của hàng xuất gia điển hình là các vị Tỳ-khưu. 9. Chương 9 là chương Đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhấ), trình bày nguyên do việc đức Thê Tôn đã thuyêt giảng vê tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả để so sánh với tính chất đặc biệt của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đồng thời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) cho các Tỳ-khưu kể từ thời điểm ấy trở đi. Phương thức đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) nhằm để bảo vệ sự trong sạch của hội chúng bằng cách loại ra những Tỳ-khưu phạm tội nhưng vẫn che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. . • \ • r 9 y 9 r r • • < -t • 9

Đặc biệt chương này còn đê cập đên nhiêu chi tiêt tê nhị trong việc khiên trách tội của vi Tỳ-khưu nguyên cáo và thái độ thích hợp của vị Tỳ-khưu bị cáo hầu giữ được hòa khí của hai bên. 10. Chương 10 đề cập việc xuất gia của Tỳ-khưu-ni với đầy đủ chi tiết bắt đầu với việc cầu xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamĩ sau đó đã được tu lên bậc trên do sự châp r thuận • táme trọng pháp,' kê đên r là năm trăm 9 r công nương dòng Sãkya được xuât gia với hội chúng Tỳ-khưu9 tiêp nữa là tiên trình tu lên bậc trên với cả hai hội chúng: với hội chúng Tỳ-khưu-ni trước roi với hội chúng Tỳ-khưu sau. Trong trường hợp đặc biệt, hành sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu có thể được tiến hành với sự hiện diện của vị Tỳ-khưu-ni là người đại diện. Ngoài ra, một số vấn đề nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kết tập ở chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung vê sự sinh hoạt của Tỳ-khưu-ni vào thời bây giờ. 11. Chương 11 nói về cuộc kết tập Tam tạng lần thứ nhất ở Ấn Độ. Ngoài những sử liệu liên quan đến công việc kết tập lời dạy của đức Phật gồm có phần duyên khởi, việc chuẩn bị và tiến hành, chương này còn đề cập đến lời tuyên

bô của Đại đức Purāna vê việc vị ây chỉ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiêp từ kim khâu của đức Thê Tôn, vê việc các vị trưởng lão quyết đinh không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều học nào, sự tuân thủ của Đại đức Ānanda đối với các bậc Trưởng lão, và cách thức áp dụng hình phạt Brahma (Phạm-đàn). 12. Chương 12 nói về lần kết tập Tam tạng lần thứ nhì ở Ấn Độ với phàn duyên khởi ở Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô dư Niết-bàn. Các chi tiết về tiến trình vận động của cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho độc giả biết được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe

nhóm thứ hai sau lần ở Kosambī được ghi chép lại, tiêc răng sử liệu này dừng ở thời diêm két thúc của lân két tập này mà không tiêt lộ thêm chi tiêt nào vê sự phân chia tông phái vê sau này. ***

Chúng tôi khởi đầu việc nghiên cứu phần Pali văn của Tam tạng với tập Cullavagga (Tiểu phẩm) do nhu cầu tìm tòi tư liệu dẫn chứng về sự hình thành tu viện thời đức Phật. Chúng tôi chợt nảy ra ý kiến ghi lại bằng tiếng Việt ngõ hầu giúp cho độc giả người Việt có cơ hội biết thêm về những lời dạy cao quý của đức Phật trong những trang sách còn được khép lại. Việc này đã đem lại cho chúng tôi niềm hoan hỷ khi nghĩ rằng việc học tập của bản thân có thể đem lại phần nào lợi ích cho người khác. Phần lời Việt được hoàn tất trong thời gian khoảng gần hai tháng. Thời gian đó quá ngắn đối với số lượng công việc quá lớn lao trong lúc vừa phải đọc sách tham khảo, tra cứu từ điển, và thực hiện việc ghi lại băng máy vi tính. Lời văn tiêng Việt được chúng tôi sử dụng rát gân với câu trúc của câu văn Pâli nhăm làm nôi bật câu trúc văn phạm của loại ngôn ngữ này theo phong cách cổ điển đã được đa số các nhà học giả phương Tây áp dụng. Điêu này sẽ thuận tiện cho việc hiệu đính vê sau và có thê hữu ích cho các độc giả đang nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc. Do những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng tôi mong mỏi sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực kiểm tra lại nhiều làn nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, xin quý độc giả đánh dấu cho những điểm cần sửa chữa và tùy duyên chuyển đến chúng tôi qua địa chỉ email: dinda@u. washington.edu để chúng tôi dễ dàng trong việc hiệu đính hầu đem lại lợi ích thiết thực chung cho tất cả. Xin thành tâm cảm tạ. Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pâli La-tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSỈR IV. Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh, và Đại đức Tâm An về CD Tam Tạng Chattha Sañgāyana và các bản dịch Anh ngữ cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điêu kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp. Colombo, ngày 15 tháng 9 năm 2003 Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng) (Hiệu đỉnh lần thứ nhất hoàn tất ngày 30-7-2004)

L CHƯƠNG HÀNH sự

1. HÀNH Sự KHIỂN TRÁCH 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngu tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Chính vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm

Panduka và Lohitaka,1 bản thân von là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đen gặp các Tỳ-khiru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: “Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài.” Vì thế mà những sự xung đột chưa sanh liền sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển?,^ Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ- khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận,

1 Hai vị này là 2 trong 6 vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là 2 vị Panduka và Lohitaka ở Sāvatthi, Mettiya va Bhummặaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kītā.

nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: uNày các Đại đức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngai"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ5 không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu? vì sao những kẻ rồ dại ấy, bản thân vốn là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ? tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vây: "Này các Đại đức, các ngài đừng đê vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn,

kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vi đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. 3. Sau đó, khi đã khiển trách các vi Tỳ-khưu ấy bàng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cáp dưỡng, sự dê dàng trong việc ăn uông, sự ít tâm câu, sự biêt đủ, sự từ khước, sự tiêt chê, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tân. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự khiển trách đen các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu Panduka và Lohitaka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 4. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung

đột, cãi cọ5 tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vây: 'Này các Đại đức, các ngài đừng đê vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài9; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiên đên tình trạng gia tăng và phát triên. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vôn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ..(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đen gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột,...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiên đên tình trạng gia tăng và phát triên. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy

lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khiru khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, roi nói như vây: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ vê phe của các ngài'; vì thê mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý 9 ỉ v v việc thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vôn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn

vi đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện,23được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự . .c. z . a r • sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được/ được thực hiện với tội đã được sám hối. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. Này các Tỳ-khtru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác

nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này

2 Được thực hiện thiếu sự hiện diện (ạsammukhã katarn) được giải thích là uđược thực hiện không có sự hiện diện của hôi chúng, của Pháp, của Luật và của vị bị khiên trách,, (VìnA. VI. 1155). ở chương IV, có đề cập chi tiết về việc này bắt đầu từ trang 396. 3 Là tội Pārājika hoặc tội Saùghãdỉsesa (VinA. VI. 1155).

các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khxru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 8. Này các Ty-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khmi, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 11. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe e9 ỉ r . l . . nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khiru? hành sự

khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

MƯỜI HAI HÀNH Sự • ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự" khiên trách .c. có Lba Lyêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối. được thực hiện với tội chưa được sám hối. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 3. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự 9 # r L ° đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở5 được thực hiện sau khi đã xác đinh tội. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự . . r r • r r _ • đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khun5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 5. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu to khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực

hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhát. Này các Tỳ-khưu? hành sự khiên trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 9. Này các Tỳ-khưu,

hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu? hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 11. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhác nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự khiên trách đên vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khxru, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển r . : r r trách đên vị Tỳ-khiru có ba yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành Sự khiên trách đên vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Vị bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, vị bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,

vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan.4 Này các Tỳ-khiru, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vi chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khxru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với

hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khiru này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ- khưu này. 6. Này các Tỳ-khiru, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến đối với ba hạng Tỳ-khmi khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHÂN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bi thực hiện hành sự khiển trách nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni,

4 Theo Chủ giải: Tăng thượng giới (adhisĩlà) gồm có 4 tội Pārājika và 13 tội Sañghādisesa, tăng thượng hạnh (afjhācara) là các toi khác thuộc vê 5 nhóm tồi của Giới bổn (Pātimokkha), tà kiến cực đoan (atiditthī) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (VìnA. v. 989). Xem phan giải thích vê "hữu biên kiên" (Antaggāhikāditthī) trong Patỉsambhidãmagga (Phân tích đạo), TTTĐPGVN, tập 8, tr. 888-92; TTPV, tập 37, tr. 286-95. •

không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavãranã, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không r r - X • nên quở trách, không nên nhác nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khiru nhóm Panduka và Lohitaka. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: -Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ chúng tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. 5 r > e 9

-Này các Tỳ-khưu9 chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự khiên trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng

dạy Tỳ- khtru-ni khi đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavãraụã. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [đê buộc tội], quở trách, nhác nhở, vị câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu9 hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường họp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ9 khônệ ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni? không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dâu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ" khưu, hành sự khiên trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố khác nữa: Vi không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ5 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vi thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yểu tố này. 3 Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vi Tỳ- khưu có tám yêu tô: Vi không đình chỉ lê Uposatha đôi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HÒI] 1. Và này các Tỳ-khmi? nên được thu hồi như vầy: Này các Tỵ-khưu5 các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượnẹ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ chúng tôi thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt)... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khxru nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được

hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự

thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách. Hội chúng thu hồi hành sự• khiển trách cho các Tỳ-khưu y• Ả nhóm Panduka . và Lohitaka. Đại • đức X , 1 Ằ • -l A r , ‘ , nào đông ý việc thu hôi hành sự khiên trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hành sự khiển trách là thứ nhất. -ooOoo-

2. HÀNH Sự CHỈ DẠY 1. Vào lúc bấy giờ? Đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parivãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta. trong khi giai tội. 2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Seyyasaka lại là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta, trong khi giải toi?^ Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa, trong khi đưa về

lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta. trong khi giải tội, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ ro dại ấy, lại là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]? lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta. trong khi giải tội? 5. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ.,, Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Seyyasaka cân được quở trách; sau khi quở trách, cân được nhác nhở; sau khi nhăc nhở, can xác đinh tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ- khưu kinh nghiệm, có năng lực: 6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bang những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta, trong khi giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với Tỳ-khưu Seyyasaka rang: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ/ Đây là lời đê nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [ve tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình

phạt Mānatta, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka răng: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ/ Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đôi với Tỳ-khưu Seyyasaka răng: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ? Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ9 xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhòr' đã được

hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay?9

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ... 3. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ... 4. Này các Tỳ-khiru? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

6. Này các Tỳ-khưu5 ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 7. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 8. Này các TV-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. c6 ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 11. Này các Tỳ-khun, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 12. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu9 hành sự chỉ dạy có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đen việc sám hoi, được thực hiện với tội chưa được sám hối.... 3. Này các Ty-khưu,...(nt).. có ba yếu

tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ... 4. Này các Tỳ-khưu, có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

L CHƯƠNG HÀNH sự 497

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 7. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 10. Này các Tỳ-khưu, ...(ĩ!t)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất... 12. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác đinh tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, .c. L L là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN L Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vi ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; vị sông thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khxru có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

498 TIỂU PHẨM

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu to này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng

Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bang những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, Hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muôn thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI TÁM PHẬN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bị thực hiện hành sự chỉ dạy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự chỉ dạy.

L CHƯƠNG HÀNH sự 499

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ?9 Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vi ấy trong khi thân cận, trong khi quan hệ, trong khi gần gũi bạn tốt, trong khi nhờ họ đọc tụng, trong khi đặt câu hỏi đã trở thành vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ các đầu đề, là vị sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận để sửa dổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? r • • Á _ 1 • _ g Ạ rrn LTM
A Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự chỉ dạy đoi với Tỳ-khưu Seyyasaka. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng

dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu to này. 3. Này các Tỳ-khxru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành SỊT, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu to: Vị đình chỉ lễ Uposatha đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavãraụã. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [đe buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cau kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành SỊT, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành Sự chỉ dạy nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3 Này các Tỳ-khiru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vi không đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khmi. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HỒI] L Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Seyyasaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ tôi thỉnh câu sự thu hồi hành sự chỉ dạy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r a "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành

sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy

L CHƯƠNG HÀNH sự 501

đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hành sự chỉ dạy là thứ nhì. —ooOoo—

3. HÀNH Sự XUA ĐUÔI [Hành vi sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka]

L Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tôi, không biết hô thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. 2. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tăng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. 3. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tâm trải, năm chung một tâm đáp, năm chung một tâm trải và tâm đáp. Họ ăn sái giờ, họ uông rượu, họ đeo dây chuyên, xức nước hoa và phân thơm.

502 TIỂU PHẨM

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa

cùng với người nữ đang ca hát, ca hát cùng với người nữ đang ca hát, tấu đàn cùng với người nữ đang ca hát, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang tấu đàn, ca hát cùng với người nữ đang tấu đàn, tấu đàn cùng với người nữ đang tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lôi sáp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thoi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này9\ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. 4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kītāgiri. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát và đi vào vùng Kītāgiri để khất thực. Vi ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới, bước lui, lúc nhìn ngam, khi cử động co duỗi. 5. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khmi ấy đã nói như vầy: Người này là ai mà xem ra vô cùng yêu ớt, xem ra vô cùng lười biêng, xem ra vô cùng ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đen thăm viếng, không có ngớ ngẩn, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện; chính vì thê, đô ăn khát thực nên được cúng dường đên các ngài. 6. Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đi khất thực ở vùng Kītāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy và nói điều này: -Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy? -Này đạo hữu, đô khát thực chưa có nhận được. Thưa ngài, xin hãy đên. Chúng ta sẽ đi vê nhà.

L CHƯƠNG HÀNH sự 503

7. Rồi nam cư sĩ ấy đã dẫn vi Tỳ-khưu ấy về nhà, dâng thức ăn và đã nói điều này: Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu? Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con, và xin ngài hãy thưa như vầy: “Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường tru tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác két lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa

đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu? đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chil, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tâm đáp. Họ ăn sái giờ, họ uông rượu, họ đeo dây chuyên, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; [Nên thực hiện sự luân phiên]...(nt).. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui dùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiên cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lôi sáp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo. Họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý9 họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều

khiên xe, họ tập băn cung, họ tập đao kiêm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau băng các năm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà roi mời cô vũ nữ rằng: 'Này cô em, hãy nhảy ở đây này họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra di, còn các Tỳ-khiru tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kītāgiri; như vậy sự sinh sông ở vùng Kītāgiri có thê tôn tại." 8. Này đạo hữu, được rồi. Vị Tỳ-khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn, là niềm nở đối với các Tỳ-khiru đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khiru ấy điều này: Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến, đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy? Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, con đi đường xa không mệt lắm. 10. Bạch Ngài, con đây đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Ton, đã trú tại vùng

Kītāgiri. Bạch Ngài, khi ấy, vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kītāgiri để khát thực. Bạch Ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thây con đang đi khát thực ở • . /r • Ji. Ấ A* r • vùng Kītāgiri, sau khi thây đã đi đên gân con, sau khi đên đã đảnh lê con và nói điều này: "Thua ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vay?" "Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được y "Thua ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nha?5 Bạch Ngài, sau đó nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà5 dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: “Thua ngài, ngài sẽ đi dâu?” "Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.^, "Thua ngài, chính vì điều ấy5 xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: 'Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bi hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khiru tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành

thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khxru đến vùng Kītāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kītāgiri có thể tồn lại.'" Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến. 11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồnậ bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt).. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiễu cách. Những người trước đây mộ dạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 12. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng dăn cho những kẻ rô dại ây, ...(nt).. Này các Tỳ-khiru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại cư xử hành vi sai trái, có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách? 13. Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo Sāriputta và Moggallâna rằng: -Này Sāriputta và Moggallâna, hai ngươi hãy đi đến vùng Kītāgiri rồi hãy thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka; các vị này là những đệ tử của hai ngươi. 14. Bạch Ngài, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm the nào chúng con thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu ấy được? Này Sāriputta và Moggallâna, chính vì điều ấy, hai ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu. Bạch Ngài, xin vâng. Sāriputta và Moggallâna đã trả lời đức Thế Tôn. 15. — Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, can xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu

nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bi hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà

còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri.5 Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītãgiri/Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri9 xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đon nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītãgiri/ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri, xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Hành sự xua đuôi ra khỏi vùng Kītāgiri đôi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri5 đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt việc thực hiện hành sự xua duỗi.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP THUỘC HÀNH sự XUA ĐUỔI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai e ỉ \ . ĩ r e .L • . Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với

tội đã được sám hối. ...(nt). 3 Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp,...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khxru9 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(lít)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ,..(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)...có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hôi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ,..(nt). 11. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội. được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

508 TIỂU PHẨM

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám h6i. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác đinh tội. .,.(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất....(nt) 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được

thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp,...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đên việc sám hôi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhác nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ,..(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng

theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vi sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự xua đuổi đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự đùa giỡn bằng thân, vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Vị có sở hành sai trái băng thân, vị có sở hành sai trái băng khâu, vi có sở hành sai trái băng thân và khẩu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ..(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Vị có sự gây tôn hại bằng thân, vị có sự gây tổn hại bằng khẩu, vị có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu.…(nt). 7. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, vi có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đoi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia.

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuôi đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 9. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự xua đuôi đôi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. ,..(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có Sự đùa giỡn băng thân, hạng có sự đùa giỡn băng khâu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khiru, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sở hành sai trái bằng thân, hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. ...(nt). 13. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. đôi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có Sự gây tôn hại băng thân, hạng có sự gây tôn hại băng khâu, hạng có sự gây tôn hại bằng thân và khẩu. ...(nt). 14. Này các Tỳ-khmi, ...(nt).. đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng sai trái bang thân và khau. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng Tỳ- khưu này. Dứt mười bốn trường hợp trong khi mong muôn thuộc hành sự xua đuôi.

MƯỜI TÁM PHẢN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự xua đuổi nên làm phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ây là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng Tỳ-khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallâna đã đi đến vùng Kītāgiri và đã thực hiện hành sự xua đuôi ra khỏi vùng Kītāgiri đôi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: "Các Tỳ-khiru nhóm Assaji và

Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kítagiri." Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi, các vị ây không làm phận sự đúng dăn, không trở nên thu thúc, không làm bon phận đe sửa đoi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ mang nhiếc, họ gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vi vì si mê, do có sự thiên vi vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Các Tỳ-khưu nào ít

ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khun nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi lại không làm phận sự đúng dăn, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại mắng nhiếc, họ lại gièm pha, do có sự thiên vi vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vi vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ di, họ hoàn tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây 1 Ạ. «4• r-r^l Ắ FT, A len đức Thê Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm phận sự đúng đắn ..(nt).. họ hoàn tục, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khun, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự xua đuôi. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ- khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yêu tô khác nữa: Vi tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị* thực H . / > . r • 9 • hiện hành sự. r Này acác ẢTỳ-khưu y 5 hành sự • xua đuổi không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vi cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu9 hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dàu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuôi nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự5 không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vi không đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khiru trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên

được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

[VIỆC THU HỒI] L Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hôi như vây: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu đã được thực hiện hành sự xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các vị Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua du6i." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khiru này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại

L CHƯƠNG HÀNH sự* 513

đức nào đông ý việc thu hôi hành sự xua đuôi đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vây] làm phận sự đúng đăn5 trô nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khiru tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khiru tên [như vầy] đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.99 Dứt hành sự xua đuổi là thứ ba. —ooOoo—

4. HÀNH Sự HÒA GIẢI 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sudhamma là vị thường trú, là vi trông nom công trình mói, là vị thường xuyên thọ lãnh vật thực của gia chủ Citta ở làng Macchikāsanda. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của Đại đức Sudhamma. 2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trưởng lão như Đại đức Sāriputta, Đại đức Mahāmoggallāna, Đại đức Mahākaccāna, Đại đức Mahākotthika, Đại đức Mahâkappina, Đại đức Mahâcunda, Đại đức Anuruddha, Đại đức Revata, Đại đức Ưpāli, Đại đức Ānanda và Đại đức Râhula đang du hành trong xứ Kãsi và đã đen ngụ tại Macchikāsanda. 3. Gia chủ Citta đã nghe rằng: "Nghe nói các vi Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đên Macchikāsanda.59 Khi ây, gia chủ Citta đã đi đên gặp các vị Tỳ-khưu trưởng lão, sau khi đên đã đảnh lê các vị Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuông

một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức tinh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho gia chủ Citta băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bang bài pháp thoại, gia chủ Citta đã nói với các vị Tỳ-khưu trưởng lão điều này: Bạch các ngài, xin các Trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị vãng lai vào ngày mai. Các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

4. Sau đó? khi hiểu được sự nhận lời của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ các vị Tỳ-khưu trưởng lão5 hướng vai phải nhiễu quanh rồi đã đi đến gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão. 5. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì ông ta không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các vi Tỳ-khưu trưởng lão; giờ dây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gan bó với ta nữa", nên đã nói với gia chủ Citta điều này: Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời. Đen lần thứ nhì,...(nt)...Đen lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão. Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời. Khi ây5 gia chủ Citta [nghĩ răng]: "Ngài Sudhamma sẽ gây ra điêu gì cho ta cho dù nhận lời hay không nhận l&i?" nên đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 6 Sau đó, khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm cho các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "C6 lẽ ta nên xem qua vật đã được chuẩn bị cho các vi _ e . • Tỳ-khxru trưởng lão của gia chủ Citta như thê nào?" nên vào buôi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đen nhà của gia chủ Citta, sau khi đen đã ngoi xuống ở chỗ ngoi được sắp đặt sẵn. 7. Khi ây, gia chủ Citta đã đi đên gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đên đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: Này gia chủ, thức ăn loại cứng, loại mềm này đã được ngươi chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây không có, đó là "bánh mè.^, Thưa ngài, trong khi rất nhiều điều cao quý được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức Sudhamma nói đen, đó là "banh mể., 8. Thưa ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương Nam đã đi đến xứ sở phía Đông vì việc buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem về một con gà mái. Thưa ngài, sau đó, con gà mái ấy đã được cho ở chung với con quạ. Nó đã

sanh ra con gà con. Thưa ngài, khi con gà con ây muôn kêu tiêng kêu của con quạ thì nó kêu: "Quạ quạ 6-6-000" khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà trống thì nó kêu: uÒ-ó-000 quạ qu@." Thưa ngài, tương tợ y như thế, trong khi rất nhiều điều quý báu

được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức Sudhamma nói đến, đó là "bánh mè.,, 9. - Này gia chủ, ngươi mắng nhiếc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi. Thưa ngài, con không có măng nhiêc, con không có gièm pha ngài Đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở Macchikāsanda. Khu rừng xoài thật là khả ái! Con sẽ ra sức đối với ngài Đại đức Sudhamma về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú và thuốc men khi bị bệnh. Đen lần thứ nhì, ..(nt)... Đen lần thứ ba, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: —Này gia chủ, ngươi măng nhiêc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi. Thưa ngài, ngài Đại đức Sudhamma sẽ đi đâu? Này gia chil, ta sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

—Thưa ngài, chính vì điêu ây, nên điêu gì ngài đã nói và điêu gì con đã nói, tất cả các điều ấy xin ngài hãy trình lên đức Thế Tôn. Thưa ngài, việc ngài Đại đức Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsanda một làn nữa là điều không kỳ lạ. 10. Sau đó, Đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ trú ngụ, rồi cầm y bát đi đến Sāvatthi. Theo tuần tự, Đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika gặp đức Thế Tồn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã trình lên đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã noi. 11. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại sỉ vả một cách thậm tệ? lại khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 12. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Sudhamma cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi

nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm te, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi? Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm te, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đoi với Tỳ-khưu Sudhamma rang: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi/ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khiru Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi5 xin im lặng; vi nào không

đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.9 Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự hòa giải đôi với Tỳ-khưu Sudhamma răng: 'Ngươi nên yêu câu gia chủ Citta thứ 16i' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hoi. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự> 517

3. Này các Tỳ-khiru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yêu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp,

...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự hòa giải.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu,e hành sự hòa giải s là hành sự r đúng r

Pháp, là hành

9 sự

..

đúng Luật, và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô: Được thực hiện với sự hiện diện. được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này

các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khun, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. (nt) 7. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(lít). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, là

hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp hành sự đúng Pháp thuộc hành sự hòa giải.

L CHƯƠNG HÀNH sự 519

BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUÔN L Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ tru ngụ, vị mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, vị chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vi Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, vị sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, vị không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đoi với năm hạng Tỳ-khưu: Hạng ra sức làm cho các người tại gia bi mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các người tại gia bi mất chỗ trú ngụ, hạng mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, hạng chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này. 4. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, hạng sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ9 hạng không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này. Dứt bốn trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHẬN Sự THUỘC HÀNH sự HÒA GIẢI 1-18. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu được thực hiện hành sự hòa giải nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã

520 TIỀU PHẨM

được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ hành lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc

cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải.

1. Sau đó5 hội chúng đã thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i." Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsanda nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvatthi lần nữa. Các Tỳ-khiru đã nói như vầy: Này Đại đức Sudhamma, Đại đức đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi chưa? -Này các Đại đức, trong trường hợp này, tôi đã đi đến Macchikāsanda nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khiru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho vị Tỳ-khưu tên [như vay] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, đe yêu cau gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào đong ý việc cho vị Tỳ-khưu tên [như vay] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 3. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy và vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi, nên đi đến Macchikāsanda và nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi rằng: “Này gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hy.” Nếu được nói như vậy mà vi ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vi ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói rang: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này. Vị ấy đang làm cho người hoan hy.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói

L CHƯƠNG HÀNH su 521

rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vi Tỵ-khưu này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.,, Nếu được nói như vậy mà vi ây thứ lôi, như thê việc ây là tót đẹp. Nêu vi ây không thứ lôi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói răng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này vì lời nói của hội chiiĩig." Nếu được nói như vậy mà vi ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi không nên dẫn Tỳ-khưu Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đắp thượng y một bên vai, bảo ngôi chôm hôm5 bảo chăp tay lên và bảo sám hôi tội ây. 4. Sau đó? Đại đức Sudhamma và vị Tỳ-khiru sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsanda và đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vi ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: —Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế

nào? Các vi đã trinh sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự hòa giải đoi với Tỳ-khưu Sudhamma.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khiru có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khiru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3 Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu CÓ tám yêu tô: Vị không đình chỉ lê Uposatha đôi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vi không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

[VIỆC THU HỒI] l. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tôi làm phận Sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ tôi thỉnh câu sự thu hồi hành sự hòa giải.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải,

Tỳ-khtru Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh càu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào

đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.^, Dứt hành sự hòa giải là thứ tư. —ooOoo—

5. HÀNH Sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TÔI • • •

L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận t0i?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. _ r r r Khi ây, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiện áy đã triệu tạp hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muôn nhìn nhận tội, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3 Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hét, Tỳ-khưu Channa cân được quở trách; sau khi quở trách, cân được

nliắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 5. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ

hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khiru Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channaṃ [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 6. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chiiĩìg."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện. được thực hiện thiêu sự tra hỏi. được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận •. tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự••sai Luật và đã được • giải quyêt tôi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự 525

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). r L e 9 r 5. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hoi, được thực hiện

không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu? hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội có ba yêu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khuu? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận .. a Z .c. tội có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu to khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hoi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

L CHƯƠNG HÀNH sự 527

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN L Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu? hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng ve hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

528 TIỂU PHẨM

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

BỐN MƯƠI BA PHẬN sự THUỘC HÀNH sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẢN TÔI 1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là

không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khiru trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu? nên học tập về việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhung chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, nên đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vi Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC LÀM PHẬN Sự ĐÚNG ĐẮN CỦA TỲ-KHƯU CHANNA] l. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị

ây khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các Tỳ-khưu đã không đảnh lễ, đã không đứng dậy, đã không chắp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không Ưọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái? đã không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khxru cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã quay trở về lại Kosambī. 2. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khiru và nói như vầy:

Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc r 9 không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa.

BÓN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Nàỵ các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ- khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu to khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngoi của vi Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 6 Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu to khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu9 không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa: Vị ngụ ở chô tru chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngoi khi thay vị Tỳ-khưu trong sạch, xúc phạm vị

Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

L CHƯƠNG HÀNH sự 531

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không . , l x • . . r X * nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vi không bôi nhọ vị Tỳ- khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiêm, không bôi nhọ với sự hư hỏng vê tri kiên, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại dạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối

với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái

che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhimg chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, vị đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ- khưu trong sạch, không xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khiru? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khuu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhác nhở, vi không câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ- khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ- khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận toi.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.... Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hoi hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khxru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội

đoi với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đoi với Tỳ- khưu Channa xin im lặng; vị nào không đòng ý có thể nói lên. Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy Dứt hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là thứ năm. —ooOoo-

6. HÀNH Sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LÔI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bay giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa 16i?" 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. — Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khiru Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúnệ. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hét, Tỳ-khưu Channa cân được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là

như V0' Và này các Tỳ-khưu9 hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm. được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự 535

3. Này các Tỳ-khưu,...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác đinh tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đen việc không sám hoi được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu,...(nt)...có ba yếu tố khác nưa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khmi, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP •

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi

CÓ ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khxru, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). n. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khiru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu? hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vi sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi đoi với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vi bi hư hỏng về hạnh kiêm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong

muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khiru có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vi chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ- khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đoi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng ve giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng ve hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng ve tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA PHẢN sự 1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự? không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lung trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không nên chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu? nên học tập ve việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái

che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch, nên từ chỗ ngoi đứng dậy khi thay vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavārariā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [đe buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cau kết với các Tỳ-khưu. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

L CHƯƠNG HÀNH sự 539

2. Tại đó, các Tỳ-khiru đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bị đoi xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. 3. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ- khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy5 không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ây bị đôi xử thiêu trọng vọng nên đã quay trở vê lại Kosambī. 4. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: —Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây5 hội chúng hãy thu hôi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu- ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi, không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện

hành sự. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ9 sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân tâm chà chân, sự tiêp rước y bát, sự kỳ cọ limg trong khi tăm của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ- khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng vê tri kiên, bôi nhọ với sự hư hỏng vê nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu?...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu, không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vi ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chô ngôi khi thây vị Tỳ-khmi trong sạch, xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khmi có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. ...(nt).

3 Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y

bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vi Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vi không bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yêu tô khác nữa: Vị không đeo vật biêu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch, đứng dậy từ chô ngôi khi thây vi Tỳ- khưu trong sạch, không xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ- khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ- khưu Channa ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa 16i."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi? Tỳ-khiru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hoi hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khiru Channa xin im lặng; vi nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba: Bạch các ngài,

xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi. Hội chúng thu hôi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ- khưu Channa xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là thứ sáu. -ooOoo—

7. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG TỪ Bỏ TÀ KIẾN Ác 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của Ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Tỳ-khưu tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vay: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành."

L CHƯƠNG HÀNH sự > 543

2. Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe rằng: “Nghe nói Tỳ-khưu tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vày: 'Theo như ta hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.'” 3 Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, sau khi đên đã nói với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này: Này Đại đức Arittha, nghe nói Đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đe cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành,\ có đúng không vậy? —Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thể Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. 4. - Này Đại đức Arittha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Ton, bơi vì việc vu không đức The Ton là không tot. Bơi VI đức The Ton không có nói như thế. Này Đại đức Arittha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều \ • r

phương thức răng các pháp chướng ngại có khả năng đem đên sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thê Tôn giảng giải như là giác mơ, nhiêu khô đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn

nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thê Tôn giảng giải như là vật vay mượn, nhiêu khô đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. 5. Khi được các vị Tỳ-khưu ấy nói như thế, Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, do có sự ngoan cố? chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như the: Này các Đại đức, theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. Bởi vì các vi Tỳ-khưu ấy không thể giúp cho Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy, sau đó các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã trình sự việc áy lên đức Thê Tôn. 6 Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng: Này Arittha, nghe nói tà kiên ác đã sanh khởi ở ngươi như vây: “Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đe cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành9\ có đúng không vậy? Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành hay sao? 7. Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng ệiải như là bộ xương, nhiêu khô đau, nhiêu ưu phiền, ơ đó điều bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là cây đuốc cỏ5 nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau. nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được Ta giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu \ r <• l e 9 y phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau,

nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. 8. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, ngươi không những vu khống Ta do sự sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tôn hại chính bản thân và tích lũy nhiêu điêu bát thiện nữa. Này kẻ rô dại, chính điêu ây sẽ đem lại cho ngươi sự thát bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Arittha, , # r : \ n , ... *• trước đây là người huân luyện chim ưng, cân được quở trách; sau khi quở trách, can được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, can xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 9. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiên vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành/ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.5 Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến

ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt)...Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vay: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành/Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ

hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 10. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chiing."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhác nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. •.(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khtru, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khiru, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ..(nt) 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà

kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu

tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm. được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). r 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất•...(nt) 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ..(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh

luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội? không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không dúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bi hư hỏng về giới thuộc tăng

thượng giới, vi bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác đoi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ5 thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khiru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác.

BỐN MƯƠI BA PHÀN sự 1-43. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khiru trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhăc nhở, không nên câu két với các Tỳ-khiru. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ

hưởng với hội chúng. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị ấy đã hoàn tục. 2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 3. Khi áy, đức Thê Tôn nhan ly do ay, nhan sự kiện ay đã triệu tập nội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đã hoàn tục, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -... (nt) ... Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rô dại ây khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

L CHƯƠNG HÀNH su 551

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khun có năm yêu tô: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ- khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với , Ạ -g 9 5 1 • Ấ các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về

việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khiru có tám yêu tô: Vị không đình chỉ lê Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công

việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhăc nhở, vị không câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu to này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên trình với hội chúng như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến C." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy], Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa dổi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Hội chúng thu 1 X• 1 Ã r y \ 9 y 1 ỉ -r • ,• . hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây]. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác đoi với vị Tỳ-khưu tên [như vay] xin im lặng; vị nào không đong ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên

[như vây]. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vi nào không đông ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] đã được hội chúng thu hôi. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là thứ bảy. Dứt chương í6Hành sự55 là thứ nhất.

Trong chương này có bảy sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Các Tỳ-khưu thuộc nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, đã đi đến các vị có sở hành tương tợ và ra sức tạo ra các sự xung đột. 2. Các sự xung đột chưa xảy ra thì các vị tạo ra và đã xảy ra rồi thì làm cho tăng trưởng. Các vị Tỳ-khiru tốt lành, ít ham muốn, phàn nàn. Bậc Pháp Chủ. 3. Đấng Duy Trì Chánh Pháp, đức Phật, bậc Tự Tại, nhân vật Tối Cao, đấng Chiến Thắng ở thành Sāvatthi ra lệnh làm hành sự khiển trách. 4. Việc ây được thực hiện thiêu sự hiện diện, thiêu sự tra hỏi, với sự không thừa nhận, và việc ấy được thực hiện với tội không có vi phạm, không sám hối được, đã được sám hối. 5. Việc ấy được thực hiện khi chưa quở trách, chưa nhắc nhở, chưa xác định tội, và việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. 6. Việc ây được thực hiện thiêu sự tra hỏi, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và việc ấy còn được thực hiện với sự không thừa nhận, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. 7. Và việc ấy còn được thực hiện với tội không có vi phạm, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và còn với tội đưa đến việc không sám hối được, không theo pháp và theo phe nhóm nữa. 8. Và tương tợ như thế ấy với tội đã được sám hối, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa quở trách, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. 9. Và tương tợ như thế ấy khi chưa nhắc nhở, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa xác định, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa.

10. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Và trong khi mong muốn, hội chúng có thể thực hiện việc khiển trách đến vi ấy. 11. Sự xung đột, vị ngu si, sống thân cận, vị bị hư hỏng về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tà kiến cực đoan, hội chúng nên thực hiện việc khiển trách. 12. Và vi nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng thì hội chúng nên thực hiện việc khiển trách đoi với cả ba vị Tỳ-khưu này. 13. Hạng thường gây nên sự xung đột, ngu si, nươiiệ tựa vào sự thân cận, về tăng thượng giới, vê tăng thượng hạnh, tương tợ như thê ây vê tà kiên cực đoan. 14. Và hạng nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng, việc thực hành phận sự đúng dăn đối với hạng đã được thực hiện hành sự khiển trách là như vậy. 15. Việc cho tu bậc trên, việc ban phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di, việc giáo giới, cho dù đã được chỉ định, vị đã được thực hiện hành sự thì không nên làm. 16. Và tương tợ như thế, không nên phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy và nghiêm trọng hơn thế, không nên chỉ trích hành sự và luôn cả các vị thực hiện hành sự. 17. Đối với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. lễ Pavāranā. việc khuyên bảo, việc cáo tội, việc thỉnh ý [để buộc tội] và với việc quở trách. 18. Việc nhắc nhở và việc kết bè

phái, việc tương tợ như thế là không nên làm. Việc cho tu bậc trên, ban cho phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di. 19. Việc giáo gi&i, cho dầu đối với vị đã được chỉ định, với năm yếu tố thì không được thu hồi. Và vị phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy và nghiêm trọng hơn thế. 20. Vi chỉ trích hành sự và các vị thực hiện hành sự thì không thu hồi. Lễ Uposatha, lễ Pavāranā, việc khuyên bảo, việc cáo tội. 21. Việc thỉnh ý [để buộc tội], và luôn cả việc quở trách, việc nhắc nhở, việc kết bè phái, vị nào gắn bó với tám điều này thì không thu hồi. 22. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Vị Seyyasa là ngu si, phạm nhiều tội và lại còn thân cận. 23. Đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã ra lệnh làm hành sự chỉ dạy. ở Kītāgiri có hai vi Tỳ"khxru Assaji và Punabbasuka. 24. Họ không thu thúc và đã thực hành việc sai trái các loại. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng, ở thành Sāvatthi [đã cho phép] hành sự xua đuổi. Vi Sudhamma ở Macchikāsanda đã là vị thường trú của [gia chủ] Citta. 25. Vi Sudhamma sỉ vả nam cư sĩ Citta về câu chuyện dòng dõi. Đấng Thiện Thệ đã ra lệnh làm hành sự hòa giải.

I. CHƯƠNG HÀNH Sự 555

26. Vi Tỳ-khưu Channa ở thành Kosambī không muốn nhìn nhận tội. Đấng Chiến Thắng Tối Thượng đã ra lệnh treo tội về việc không nhìn nhận. 27. Channa không muốn sửa chữa chính tội lỗi ấy, vị Lãnh Đạo đã ra lệnh làm hành sự án treo vê việc không sửa chữa [lôi]. 28. Tà kiến ác, được nương tựa ở sự thiếu trí, đã khởi đến vị Arittha. Hành A r : : r r . . c . Sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên đã được bậc Chiên Thăng giảng giải. 29. Hành sự chỉ dạy, xua đuôi, và hòa giải là tương tợ như thê, vê việc không nhìn nhận, sửa chữa và không từ bỏ tà kiến. 30. Việc đùa giỡn, sở hành sai trái, việc làm tôn hại và nuôi mạng sái quây, các điêu phụ trội này là ở hành sự xua đuôi. 31. Mất lợi lộc, chê bai, hai lần năm có tên là "hai nhóm năm,\ các điều phụ trội này là ở hành sự hòa giải. 32. Việc khiển trách và việc chỉ dạy, cả hai hành sự ấy là tương tợ. Việc xua đuổi, việc hòa giải là có các điều còn lại. 33. Ba hành sự án treo là tương tợ và đã được phân tích. Cũng theo phương thức của hành sự khiển trách, các hành sự còn lại được nghiệm ra. Dứt chương “Hành sự.^ —ooOoo—

IL CHƯƠNG PARIVÃSA

1. PHẬN Sự CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa ung thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)...các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu hành Parivãsa lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?” Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu hành Parivãsa ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế

Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chô ngôi, sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru hành Parỉvãsa không nên img thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, việc chắp tay, hành động thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa

chân, ghê kê chân, tâm chà chân, việc tiêp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tam giữa các Tỳ-khưu hành Parivãsa với nhau được tính theo thâm niên. 6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha. lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa} 7. Này các Tỳ-khưu5 chính vì điều ấy, Ta sẽ quy đinh phận sự cho các Tỳ-khưu hành Parỉvâsa. các Tỳ-khưu hành Parỉvâsa nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu hành Parivâsa nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: 8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, hội chúng đã cho hình phạt Parivãsa với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để " r L buộc tội], không nên quở trách, không nên nhác nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. 9. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ấy. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvâsa không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đâu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.,, 11. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khtru hành Parivãsa là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāranā. Nêu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu? trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivâsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không

nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parivâsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi

Nghĩa là theo thứ tự thâm niên so với các Tỳ-khưu trong sạch (VỉnA. VI. 1160).

đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khmi trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ tru không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đen nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khun, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng tru,2 trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đong cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 16. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu hành Parỉvâsa

2 Hai nền tảng của việc không đọng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc]à hội chúng hợp nhất ban án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tọi, hoặc ve việc không sửa chữa lỗi, hoặc về việc không từ bỏ tà kiến ác. Xem tr. 452 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. n, chương X, tĩ. 335.

từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khtru, vị Tỳ-khiru hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ- khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đên nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là khônậ đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiêm. Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ- khtru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 18. Nàỵ các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khiru có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khtru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không J>hải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đong cộng tru và biết được rang: "Ta có the đi đen nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỵ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng tru và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.95 Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biêt được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.,, Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 20. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải la chỗ trú có Tỵ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 21. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một

mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che. Khi thay vi Tỳ-khiru trong sạch nên từ chỗ ngôi đứng dậy. Vi Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chô ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngôi với vi Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngôi trên chô ngôi cao [khi vị kia] nẹôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền dát, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đát. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa cùng với vi Tỳ-khưu hành Parivãsa thâm niên hơn ...(nt).. cùng với vi Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta (nt) cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta (nt) cùng với vị Tỳ-khưu
xứng đáng sự giải tội, không nên cư ngụ chung ở chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] nệồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đât? không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 22. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị hành Parivãsa mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa ve lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mânatta. có vi ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt chín mươi bốn phận sự của vi hành Parivãsa.

23. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức upâli đã nói với đức Thế Tôn rằng: -Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa có bao nhiêu sự đứt đêm? Này Upli, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa có ba sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phân phận sự ở trên], sự cư ngụ tách rời [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, v.v...]. Này Upli, đây là ba sự đứt đêm của vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa,

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu hành r Parỉvãsa không the hoàn thành hình phạt Parivâsa. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. 25. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt Parivāsa. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vây: Vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa nên đi đên một vi Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, roi ngoi chom hom, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt Parỉvãsay Hình phạt Parỉvãsa đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt Parivãsa đã được ngưng lại. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu hành Parivãsa có thể hoàn thành hình phạt Parivãsa, Các vị Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. 27. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thọ trì hình phạt Parivāsa. Và này các Tỳ-khưu, nên thọ

trì như vầy: Vị Tỳ-khưu hành Parivāsa nên đi đến một vị Tỳ- khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt Parỉvâsay Hình phạt Parivãsa đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sự.^, Hình phạt Parỉvãsa đã được thọ trì. Dứt phận sự của vi hành Parívãsa. —ooOoo—

2. PHẬN Sự CỦAVỊ XÚNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt dử, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thh sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, (nt) sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3 Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tăm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 4. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đâu không nên ưng thuận sự đảnh lê, sự đứng dậy, sự chăp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ- khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt).. việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu với nhau được tính theo thâm niên. 6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 7. Này các Tỳ-khưu? chính vì điều ấy, Ta sẽ quy đinh phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu nên thực hành theo như thê. Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu nên thực hành phận sự đúng dăn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ây là: 8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên

bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu đã được hội chúng thực hiện với tội nào thì không nên tái phạm tội ây, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc : r Ị. nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. r l X • ỵ A r 9 r e • Nên cho vị ây chô ngôi cuôi cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ây.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khmi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu5 không nên đi đến các gia đình với vi Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về minh." 11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khxru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu từ chô trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khuu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khtru ...(nt).. không nên đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khiru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ- khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru không nên

đi đến chỗ trú có Tỳ- khum, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng tru, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

II. CHƯƠNG PARIVĀSA 565

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khmi, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.…(lít)... không r ĩ nên đi đên nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu. ,..(nt)... không nên đi đên chô trú hoặc nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu5 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt) 18. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khxru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.” ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt). 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có the đi đen nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay." 20. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vi Tỳ- khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngoi trên chỗ ngoi cao [khi vị kia] ngoi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vị Tỳ-khưu hành Parivãsa, ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(lít)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành

566 TIỂU PHẨM

Mānatta ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chô ngôi cao [khi vị kia] ngôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đât9 không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vi kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 21. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vi thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa về lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mãnatta. có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. -ooOoo-

3. PHẬN Sự CỦA VỊ XỬNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA 1. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tăm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây đã trình —“ J, n —f A s Xe ây • • sự việc len đức The Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi

tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên ưng thuận sự đảnh lễ9 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt).. việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposathaf lễ Pavāranā, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khxru xứng đáng hình phạt Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta. các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu xứng đáng

hình phạt Mãnatta nên thực hành phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: 7. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, ...(nt).. không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuôi cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ấy. 8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên đi đến các gia đình với vi Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.^, 9. Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khiru không nên đi đến chỗ trú khôĩiẸ có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khxru trong sạch, trừ phi có nguy hiêm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mānatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu9 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ tru không có Tỳ-khưu ...(nt)...

[không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 11. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt).. [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu5 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu9 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khim trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt)... [không nên] đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ- khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chồ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khxru ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đen chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ- khưu ...(nt)... [không nên] đi đen nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là

chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khmi ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” ...(nt)... nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú hoặc nơi khôỉiệ phải là chỗ tru có Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.,, 16. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru có thể đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi khônệ phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru ở nơi ấy là đong cộng trú và biết được rang: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú, hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(lít)... chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thay vi Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vi kia] nệồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đát, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta thâm niên hơn ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [trong khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đât9 không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [khi vi kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vi kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 20. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt Mãnatta mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa ve lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mãnatta. có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng hình phạt Mãnatta. —ooOoo—

4. PHẬN Sự CỦA VỊ THỰC HÀNH M4X4T7M 1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ? sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, sự tiêp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham

r r # A

muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ..(nt)... sự kỳ cọ lưng trong_ khir tăm của các__ ATỳ-khưu • Ạ _ A s_ A 4_ __ rT^i r FT1 A trong sạch?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây len đức The Ton. . • r À__ J. r ' r-ry _ rr^-l Ạ 1 _ - A__ . ĩ_ _____ _____ 2. Khi áy, đức The Tôn nhân ly do ay? nhan sự kiên ay đã triêu tập hội chung Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu thực hành Mânatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)...sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta không nên ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vi nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata, 4. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tam giữa các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khiru thực hành Mãnatta. các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên thực hành theo như thế. 7. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khưu thực hành Mânatta nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt Mãnatta với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội5 không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatía không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vi Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.,, 10. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāranā, nên trình báo mỗi ngày. Nếu bi bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm. 11. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khmi, vị Tỳ- khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nen] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mānatta tò chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đên chô tru có Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ,..(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khiru, nếu các Tỳ-khưu ở

nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khtru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. [không nên] đi

đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khmi thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỵ-khưu, nếu các Tỳ-khun ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, 20. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khiru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngoi. Không nên ngoi chung một chỗ ngoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vi Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 21. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu hành Parivãsa ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khmi xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)...cùng

với vị Tỳ-khiru thực hành Mānatta thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi VỊ kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 22. Này các Tỳ-khưu5 nếu [nhóm] có vi thứ tư là vị thực hành Mãnatta mà ban cho hình phạt Parỉvãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta. nếu có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. 23. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức upāli đã noi vơi đức The Ton răng: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu

thực hành Mānatta có bao nhiêu sự đứt đêm? Này Upāli, vị Tỳ-khưu thực hành Mānatta có bốn sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phan phận sự ở trên], sự cư ngụ riêng rẽ [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, V.V...], sự thực hành ở nhóm thiếu [nhân sự], Này upâli, đây là bon sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta. 24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta không thể hoàn thành hình phạt Mãnatta. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. 25. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt Mãnatta. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vầy: Vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt Mãnattay Hình phạt Mãnatta đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt Mãnatta đã được ngưng lại. 26. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu thực hành Mânatta có thể hoàn thành hình phạt Mãnatta, Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ trì hình phạt Mãnatta, Và này các Tỳ- khưu, nên thọ trì như vay: Vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên đi đen một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt Mānatta^ Hình phạt Mãnatta đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sụ*." Hình phạt Mãnatta đã được thọ trì. Dứt phận sự của vi thực hành Mãnatta. —ooOoo—

5. PHẬN sự CỦA VỊ XÚNG ĐÁNG sự GIẢI TÔI 1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khun xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)...sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ- khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 4. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được

tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội. 6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng sự giải tội, các Tỳ-khtru xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế. 7. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên,...(nt).. không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. [Phận sự của 5 • M \ r * vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu như thê nào thì nên giải thích

chi tiết [về phận sự] của ba vị là vị xứng đáng hình phạt Mânatta. vi thực hành Mãnatta, vi xứng đáng sự giải tội một cách tương tợ.] 8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vi Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi Ạ • A _ -í Ạ w___ — Ạ • _ \ _ A___ r ____ Ạ • _ A___ __ __ ___ À wi cung, cho năm ------ trú CUÔ1 cùng, ------ ----xá cuối cùng ---------- ----------và vị ấy của hội chúng nên A-* ưng ------ thuận việc ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về minh." 10. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ- khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khiru, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu9 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. 11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú ...(nt).. từ nơi không phải là chỗ tru ...(nt).. từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [đi đến] nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. [đi đến] chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ- khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đát. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vi Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ- khưu hành Parivãsa ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta ..(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội thâm niên hơn

không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng

một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 14. Này các Tỳ-khiru, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vi xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa vê lại [hình phạt] ban dâu, ban cho hình phạt Mãnatta, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng sự giải tội. Dứt chương Parivãsa là thứ nhì.

Trong chương này có năm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Các vị hành Parivâsa ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay và hành động thích hợp của các Tỳ-khưu trong sạch. 2. Chô ngôi, sự sáp xép chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, Sự tiêp rước y và bình bát, việc kỳ cọ lưng khi tăm và các vi tót phàn nàn. 3. Vị ưng thuận có tội Dukkata, giữa các vị với nhau thì có năm điều được tính theo thâm niên là lễ Uposatha. lễ Pavāranā, y tắm, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai. 4. Và việc làm phận sự đúng đắn trong trường hợp ấy, khi vị ấy cùng đi với vị Tỳ-khưu trong sạch, vật nào là sau cùng, không với vị Sa-môn là vi đi trước hay đi sau. 5. Việc ở trong rừng, việc đem lại thức ăn, [trình báo] các vi vãng lai, vào ngày lễ Uposatha. lễ Pavãraụã, nhờ vị đại diện và nơi nào có Tỳ-khưu thì có thể đi đến. 6. Không nên cư ngụ chung ở chỗ cùng một mái che, khi [vi kia] ngoi ở trên nền đất, ở chỗ ngồi thấp và đi ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi ở trên mặt đất. 7. Đoi với vị thâm niên, không phải là hành sự, các sự đứt đêm và vì sự hoàn thành, việc tạm ngưng, việc thọ trì lại, việc liên quan đen hình phạt Parivãsa cần được biết đến.

8. về lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt Mānatta. vị thực hành Mānatta là tương tợ như thê, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, cũng theo cách thức của sự phân chia. 9. Có ba điều cho các vi hành Parivāsa. bốn điều cho các vi thực hành Mānatta là không đạt yêu cầu trong các trường hợp đứt đêm, và ở các trường hợp Mānatta là việc [trình báo] hàng ngày. Hai hành sự là tương tợ, ba hành sự còn lại là giống như nhau. —ooOoo-

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TÔI .

L TÔI . XUẤT TINH L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vi ây đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không CÓ che giâu; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton.

HÌNH PHẠT MẪNATTA CỦA TÔI KHÔNG có CHE GIẤU 2. - Này các Tỳ-khưu? chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu đên Tỳ- khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm . . r . r e y một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Bạch các ngài, lân thứ nhì tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Bạch các ngài, lân thứ ba tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu." 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu đên Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ- khiru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu đên Tỳ- khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khiru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như

vay?9 Dứt hình phạt Mãnatta của tội không có che giấu.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA TÔI KHÔNG có CHE GIẤU 1. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vi ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuat tinh có sự cô y5 không có che giâu đên tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mānatta. vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 581

2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúnệ hãy giải tội cho Tỳ- khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vay: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ nhì. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ ba." 3. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khxru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến Tỳ-khtru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ- khưu Udāyi. Đại đức nào đong ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lăng; vị nào không đong ý có the nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu đên Tỳ-khưu Udāyi. Vi ấy đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự CÔ v, không có che giâu. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cau hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc giải tội của tội không có che giấu.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY L Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu một ngày. Vị áy đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu áy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: r 7

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.^, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau một ngày. Vị ấy thỉnh cau

hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvâsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt) Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba. ,..(nt). Hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khiru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Dứt hình phạt Parivữsa của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY 1. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: —Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu một nẹày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hình phạt Parỉvãsa, vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu? nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượnệ y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khxxu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giâu một n^ày. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hình phạt Parỉvâsa. giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngay." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ,đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ây đã hoàn thành hình phạt Parivãsa, giờ thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vi ấy

đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt Parỉvâsa. giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có Sự cô ỷ, đã được che giâu một ngày đên Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.^ Dứt hình phạt Mãnatta của tội che giấu một ngày.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 585

VIỆC GIẢI TỒI CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY L Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mânatta. vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Tone 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy5 hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khiru, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượnệ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giau một ngày. Tôi đây đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải t0i." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã

được che giấu một ngày đến Tỳ- khưu Udāyi. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ- khưu Udāyi. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cau hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Dứt việc giải tội của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU NĂM NGÀY 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu hai ngày•...(nt).. đã được che giấu ba ngày. ...(nt).. đã được che giấu bốn ngày. ...(nt)... Vào lúc bấy ệiờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượnệ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chún^ hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của

một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khiru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khiru Udāyi xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hình phạt Parivãsa của tội che giấu năm ngày.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA 1. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khmi rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chiing hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày đen tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy:

Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Bạch các ngài, rtôi đây đã thỉnh * chúng hình jF câu hội r phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng can được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm tlúch hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về . A r C,.— r • . lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khiru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 589

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vầyy Dứt việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của vi hành Parivãsa.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA 1. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý? không có che giâu; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đxra Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa vê lại

[hình phạt] ban đâu như vây: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khiru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu

590 e TIỀU PHẨM

của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi dây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khtru kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vi ấy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Với hình phạt Parivâsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, không có che giấu. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ..(nt)... Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuât tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Đại đức nào đông ý việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi xứng đáng hình phạt Mãnatta.

HÌNH PHẠT MẴNATTA CỦA NHÓM BA TÔI 1. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)...Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The T6n. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hom, chắp tay lại và nên nói như vay: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba t0i." Nên thỉnh cầu đến làn thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. ...(nt)... Vi ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vi ấy có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đong ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào

không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt). y

Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hình phạt Mãnatta của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ THỰC HÀNH MẴNATTA L Lúc đang thực hành Mãnatía, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. ...(nt).. Lúc đang thực hành Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. Và này các Tỳ- khưu, nên đưa ve lại [hình phạt] ban đau như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giau. Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội5 là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt

Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành Mãnatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đàu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đại đức

nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. của Tỳ-khưu Udāyi, xin im lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Tỵ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' 4. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt).. và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)...Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt).. về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)...Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. ...(Dt).. Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt).. về lại [hình phạt] ban đầu ...(îìt).. Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành Mânatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. ...(nt)... Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này ...(nt). thỉnh cau hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm ...(nt)... Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khiru Udāyi ...(nt)... hình phạt Mãnatta sáu đêm ...(nt).. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm ..(nt)... đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt) Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vāy/9 Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu vi thực hành Mãnatta.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG sự GIAI TỘI 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tát và xứng đáng sự giải tội, dâu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã ke lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Ty-khiru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm. Và này các Tỳ- khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mānatta như vầy: ...(nt). Hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÂU 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt Mānatta đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đen hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày đen tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đàu của một tội xuất tinh có sự cố

ý9 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen tôi đây. r đang thựcr hành Mãnatta, dẫur còndở dang, tôi đây đã phạm một Lúc • • 5 tội, là tội xuât tinh có sự cô

y, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự CÔ ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.99 Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội9 là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giau. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 597

Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự co ý, không có che giau. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mãnatta, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý9 không có che giâu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt

Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh z t r \ • CÓ sự cô ý9 không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ý, không có che giau. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vị ây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tát, giờ thỉnh câu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Việc giải tội của vi được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU NỬA THÁNG 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: —Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi áy nên đi đên hội chúng, ...(nt)... và nên nói A như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuat tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vi ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuât tinh có sự cô ý5 đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vị ây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khiru Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của

một : xuất tội o tinh có sự côA ý, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi xin im 9

lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Hình phạt Parivãsa của tội che giấu nửa tháng.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 599

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA NỬA THÁNG 1. Lúc đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã kê lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý? đã được che giâu nửa tháng. Vi ây đã thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng,

600 TIỂU PHẨM

hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vị ây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ- khiru Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa, dầu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý5 đã được che giâu năm ngày. Đại đức nào đông ý việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lăng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi hành Parivãsa nửa tháng.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP 1. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: Này các Tỳ-khưu5 Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ..(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng đên tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 601

r a a r ĩ hình phạt Parỉvâsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu

còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự co ý? đã được che giau năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý9 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Parỉvâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu năm ngày. Đây là lời đề nghị. 3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dàu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt).

602 TIỂU PHẨM

Hình phạt Parivāsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' Dứt hình phạt Parivãsa kết hợp.

VIEC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU VV.. CỦA VỊ XỨNG
ĐẤNG HÌNH PHẠT MÃNATTA

1. Với hình xphạt•

Parỉvãsar đã được hoàn thành và xứng ĩ đáng hình phạt / r ~ •

Mānatta, dâu còn dở dang, vi ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giấu năm ngày. Vi ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại

[hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây. Và này các Tỳ-khiru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đàu như vầy: ...(nt) Và nàỵ các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt). Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(lít)... Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây. Đại đức nào đồng ý ...(nt).. xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v... của vị xứng đáng hình phạt Mãnatta.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 603

HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA NHÓM BA TÔI 1. Với hình phạt Parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội, ...(nt)... đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa nửa tháng ...(nt).. đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt).. đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội, ...(nt)... đã được che giau năm ngày. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giâu năm ngày. Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa két hợp ...(nt)... của một tội, ...(nt)... đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Tôi đây có hình phạt Parivāsa đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào? r , Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khim, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khxru Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu9 Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt).. và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. ...(nt)... Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội

đen Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu

đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, Dứt hình phạt Parìvãsa của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CỦA VỊ THỰC ïiẮÑÍÍ MỸNATTA ỉ. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các A Tỳ-khiru răng: -Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. 2. Và này các Tỳ-khưu9 nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm như vầy: ...(nt).. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã che giâu năm ngày, được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v... của vi thực hành Mãnatta.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 605

VIÊC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU VV.. CỦA VỊ XỨNG ĐẤNG Sự GIẢI TỘI 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây, [sau đó]

ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa vê lại [hình phạt] ban đâu như vây: ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm như vầy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã che giâu năm ngày được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban dầu, v.v... của vi xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA TÔI CHE GIẤU NỬA THÁNG 1. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu răng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt Mânatta đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Tone Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. 2. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng

của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh CÓ sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành

Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi dây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp . . — —. L . / r • với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 607

Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, ve lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đen tôi đây, dẫu còn dở dang. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ,đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải toi.^ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhi. ...(nt).. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt) 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ- khưu Udāyi. LÚC đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đau của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang,

vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước

đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mânatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là r r •L tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parivâsa đã được hoàn thành, dẫu còn dở rdang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng -r r hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý? đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị áy đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày. r

Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvâsa đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Vị ấy có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội

xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tát, giờ thỉnh câu hội chúng sự giải

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 609

tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc giải tội của tội che giấu nửa tháng. Tội xuất tinh được đầy đủ. -ooOoo—

2. HÌNH YHẠ^PARIVẴSA

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một , r e r J tội đã được che giâu một ngày, một tội đã được che giâu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giâu năm ngày, một tội đã được che giâu sáu ngày, một tội đã được che giâu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày. 2. Vi ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giâu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giâu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khiru, chính vì điêu ây9 nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt Parivãsa, kết hợp với giá tri của tội nào đã được che giấu mười ngày trong sô các tội ây. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây nên đi đên hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ..(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong so các tội ấy đã được che giau mười ngày, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với giá tri của tội ấy.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Một tội đã được che giấu một ngày,

610 TIỂU PHẨM

...(nt)... một tội đã được che giâu mười ngày. Tội nào trong sô các tội ây đã được che giâu mười ngày, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của tội đã được che giau mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khxru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. r Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vay], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giau một ngày, ..(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giâu mười ngày, vi ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với giá tri của tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại

đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giâu mười ngày, trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giâu mười ngày, trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [nhưvây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sựviệc này lànhư vay." Hình phạt Parivãsa kết hựp với giá tri của tội.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội Sarìghãdisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giâu ba ngày, bôn tội đã được che giâu bôn ngày, năm tội đã được che giâu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày. 2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội nào đã được che giấu dài ngày nhất trong so các tội ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng,...(nt).. và nên nói như vầy:

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 611

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa kết hợp với giá trị của những tội ấy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Một tội đã được che giấu một ngày, ..(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của những tội ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giau một ngày, ...(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của những tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có

thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt) Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của những tội đã được che giâu dài ngày nhát trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của tội che giấu dài ngày.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA HAI THÁNG _ _ 1. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã che giấu hai tháng?" Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị áy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng?9 Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. pháp hô thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?"' 2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai thang?" Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?" Vậy tôi nên thực hành như the nào? 3. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây? hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vi Tỳ- khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vay: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã

phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã

ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rang: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivâsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?' Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng?9 Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivâsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giau hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây đã khởi ý rang: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa

hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?9 Vị ây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đong ý với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng đên Tỳ-khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvâsa hai tháng.

CÁCH THỨC NÊN HÀNH PARIVĀSA HAI THÁNG 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây khởi ý như vây: “Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?,, Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giau hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 615

LÚC đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?"' Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ây, vi Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvãsa hai tháng. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhận biết, một tội vi ấy

không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa. vi ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giau hai tháng: Một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?^ Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giau hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vi Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvãsa hai tháng. 3. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghãdisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhớ, một tội vi ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giau hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?59 Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vi ây. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ây, vị Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvãsa hai tháng.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ây, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. LÚC đang hành Parỉvâsa, vị ây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vi ây nghĩ như vây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?^ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị

Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 5. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giâu không nhận biêt. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parỉvãsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsaì" Các vị ấy nói như vầy: “Này Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ây. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu có nhận biêt, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tội ây là hợp lý; sự hợp lý đem lại két quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta đối với một w

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 617

6. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giau hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ây, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. LÚC vị ây đang hành Parỉvâsa. có vi Tỳ-khưu khác đi đên, là vị nghe nhiêu, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParỉvãsaT' Các vi ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tội đã được che giâu có ghi nhớ, một tội đã được che giâu không ghi nhớ. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ây. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy." Vị ây nói như vây: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giâu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta đối với một toi.” 7. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng

hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parỉvâsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vây: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaT' Các vị ấy nói như vầy: uNày Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giâu có nghi ngờ. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vi Tỳ- khưu này hành Parivãsa vì các tội ấy."

Vị áy nói như vây: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giâu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parỉvãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại két quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta đôi với một toi.59 8. Này các Tỳ-khưu, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?5 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"' r 7 A Vị ây đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: "Này các Đại đức, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý răng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai

tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hô thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội? đã được che giấu hai tháng?9 Vậy tôi nên thực hành như thế nào?”

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 619

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khtru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ- khiru áy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Này các Ty-khiru9 vi Tỳ- khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rang: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hô thẹn đã xuāt hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?5 Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 10. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vi ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng?' Vị áy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hô thẹn đã xuat hiện ở vị áy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ấy thỉnh cầu hội

chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ- khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsaf pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội? đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parivâsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 11. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghãdỉsesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?^ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hô thẹn đã xuât hiện ở vị ây:

“Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che

giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivāsa hai tháng. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biêt. Tháng mà vị ây nhận biêt, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa tháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng ta đã nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vi Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvãsa hai tháng. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tháng vi ây nhớ, tháng kia vị ây không nhớ. Tháng mà vi ây nhớ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa tháng ây của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa tháng ấy5 là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. LÚC đang hành Parỉvãsa, vị ây nhớ được tháng kia. Vị ây nghĩ như vây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng

hình phạt Parivãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giau hai tháng đen ta đây. Lúc đang hành Parivâsa. ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng?" Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vi ây. Này các Tỳ-khưu9 tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvâsa hai tháng. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che

giấu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa, vị ây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vày: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa tháng ây của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?^, Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giâu không nhận biêt. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội? đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành Parivãsa. có vi Tỳ-khưu khác đi đến, là vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vây: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaV

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 623

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vi Tỳ- khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy." Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại két quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giâu không nhận biêt, việc ban cho hình phạt Parỉvãsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mânatta đối với tội một tháng.,, 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parỉvãsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vi Tỳ-khưu này hành ParivâsaT' Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội

Sanghādỉsesa, đã được che giâu hai tháng: Một tháng đã được che giâu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành Parivãsa vì các tội ay?9 Vị ây nói như vây: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giau có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mãnatta đối với tội một tháng." 17. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Lúc vi ây

đang hành Parỉvâsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hôi hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaT' Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Này Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ay?9 Vi ây nói như vây: uNày các Đại đức, tháng nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parỉvãsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mânatta đoi với tội một tháng?5 Dứt cách thức nên hành Parivãsa hai tháng.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA TỪ MỐC TRONG SẠCH L Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm nhiều tội Sañghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ sô lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khiru ràng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu]; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2.

Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa từ móc trong sạch1 của các tội ây đên vị Tỳ-khưu ây. Và này các Tỳ- khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây:

1 Hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch: Bản dịch Anh ngữ của Rhys Davids và Oldenberg ghi lời giải thích cua ngài Buddhaghosa là so lượng đêm thực hằnhsuddhantaparivâsa nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngay hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng hiện nay là xác định thời gian trong sạch tính từ ngày tu lên bạc trên, rồi thực hành suddhantaparivāsa cho thơi gian còn lại. Lối giải thích này phù hợp vơi y nghĩa của từ suddhanta = suddhā + anta = thời điểm cuối khi được trong sạch (ND).

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 625

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Tôi không biêt sô lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Bạch các ngài, tôi thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch của các tội ấy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biêt sô lượng của các đêm [đã giâu], không nhớ sô lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch của các tội ây. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Vị ây không biêt sô lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa từ r sạch của các tội ây. Hội • r trong r móc \ chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch của các tội ây đên Tỳ-khiru tên [như vây]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parỉvâsa từ mốc trong sạch của các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 4. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch nên được ban cho như vầy, hình phạt Parivãsa nên được ban cho như vầy. 5. Và này các Tỳ-khưu5 hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho thế nào? Vị không biêt sô lượng của các tội, không biêt sô lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã

giấu] thì hình phạt Parỉvãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết sô lượng của các tội, không biết sô lượng của các đêm [đã giâu], nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu] thì hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vi biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, không biết số lượng của các đêm, nhớ một phân sô lượng của các tội, một phân không nhớ, không nhớ sô lượng của các đêm, có nghi ngờ vê một phân sô lượng của các tội, một phân không nghi ngờ, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm thì hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vị không biêt sô lượng của các tội, biêt một phân sô lượng của các đêm, một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng A 9 . . của các đêm? một phân không nhớ, có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê một phân sô lượng của các đêm, một phân không nghi ngờ thì hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vị biêt sô lượng của các tội, biêt một phân sô lượng của các đêm, một phân không biêt, nhớ sô lượng của các tội, nhớ một phân sô lượng của các đêm, một phần không nhớ, không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm? một phần không nghi ngờ thì hình phạt Parỉvâsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vi biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết một phần số lượng của các đêm, một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội, một phân không nhớ, nhớ một phân sô lượng của các đêm, một phân không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm, một phần không nghi ngờ thì hình phạt Parivâsa từ móc trong sạch nên được ban cho. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch nên được ban cho như thế. .(.c 6. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho thê nào? Vị biêt sô lượng của các tội, biêt sô lượng của các đêm [đã giâu], nhớ sô lượng của các tội, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho. Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ sô lượng của các tội, nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, không nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu] thì hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho. Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết số lượng của các đêm [đã giấu], nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về một phần số lượng của các

A \ X -i tội, một phân không nghi ngờ, không nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt Parivāsa nên được ban cho. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivāsa nên được ban cho như thế. Dứt hình phạt Parivāsa. —ooOoo—

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đang hành Parivāsa đã hoàn tục. Vị áy đã trở lại và thỉnh cầu sự tu lên bậc trên. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. L Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phân nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvâsa tót đẹp. Nên hành Parỉvãsa phan còn lại. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại xuống Sa-di. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa không áp dụng cho vị Sa-di. Nêu vi ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phan nào đã được hành Parivãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parivãsa phần còn lại. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại bị điên. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bi điên, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phan nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parỉvãsa phần còn lại. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa bi loạn trí. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vi bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bi loạn trí, chính việc ban cho hình phạt Parỉvâsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành Parivãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parỉvãsa phan còn lại. 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa bị thọ khổ hành hạ. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa không áp dụng cho vị bi thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vi ấy. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvâsa lại bi án treo về việc không nhìn nhận tội. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivâsa không áp dụng cho vị bi án treo. Nhưng nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvâsa trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại bi án treo ve việc không sửa chữa lỗi. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị bị án treo. Nhimg nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt). 8 Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa lại bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvâsa không áp dụng cho vi bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvâsa tót đẹp. Nên hành Parỉvãsa phân còn lại. 9-16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu9 việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị áy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vi ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Này các Tỳ-khưu5 trường

hợp vị Tỳ-khưu là vi xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu lại xuồng Sa-di•...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ kho hành hạ. ...(nt)... bị án treo ve việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị bị án treo. Nhtrng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tót đẹp. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 17-24. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Mãnatta không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivãsa nào đã được hoàn thành là đã được : r r hoàn thành tót đẹp. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên vi ây. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại xuống Sa- di....(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bi thọ kho hành hạ. ...(nt)... bi án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bi án treo về việc không sửa chữa lỗi. ..(nt).. bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt

Mānatta không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến vị ấy. 25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt Mānatta lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt Mānatta không áp dụng cho vị hoàn tục. Nấu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vi ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phàn hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã : JF r x

được hoàn tát tót đẹp. Nên thực hành phân còn lại. 26-32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt Mānatta lại xuống Sa-di. ..(nt).. bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt).. bị án treo vê việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo vê việc không sửa chữa lôi. ...(nt)... bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt Mānatta không áp dụng cho vi bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hoi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tót đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phan còn lại. 33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục.

Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivâsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivâsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mãnatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Mânatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vi Tỳ-khưu ấy nên được giải tội. 34-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại xuống Sa-di. ...(nt).. bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt).. bi thọ kho hành hạ. ...(nt).. bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bi án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nêu vi ây được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivâsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình

phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vi Tỳ-khưu ấy nên được giải tội. Bốn mươi trường hợp hành Parivāsa được đầy đủ. -ooOoo-

4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HẢNHR4RIVỸSA

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivāsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 2. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu. Vi Tỳ- khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 3 Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 4-9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ..(nt).. không hạn lượng, có che giau. ...(nt)... không hạn lượng, có che giau và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ..(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giau như the nên được ban cho vi ấy. 10-36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)... đang thực hành hình phạt Mãnatta ..(nt)... xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu (nt) không hạn lượng, không che giấu (nt) không hạn lượng, có che giâu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giâu và không che giâu. ..(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)...

có hạn lượng và không hạn lượng, có che giâu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn

lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ. —ooOoo-

5. MỘT TRÀM TRƯỜNG HỢPMẴNATTÂ 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm nhiêu tội Sanghãdisesa, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy dãtu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Mãnatta nên được ban cho vi Tỳ-khưu ấy. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. không che giâu, roi hoàn tục. Vi ây đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế về sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnaíta. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 4. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vi ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu giêm? các tội ây sau này cũng không giau giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu. Vi ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu gièm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã

được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghãdisesa. Các tội của vi ây có che giâu và không che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ây, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghãdisesa. Các tội của vi ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước

đây vi ây đã giâu gièm, các tội ây sau này giâu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vi ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giau giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận • • • v • N. • • • • y •

biết, vi ây giâu gièm các tội ây; các tội nào vị ây không nhận biết, vị ây không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây nhận biết và đã giâu gièm, các tội ây sau này nhận biết và không giâu giếm; các tội nào trước đây vi ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ấy, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 11. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biêt, vị ây giâu gièm các tội ây; các tội nào vi ây không nhận biêt, vị ây không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy

sau này nhận biết và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy không nhận biết và đã không giau giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khiru, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy nhớ và đã giấu giếm, các

tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giau giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giau giếm. Này các Tỳ-khtru, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 14. Này các Tỳ-khmi, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vi Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau nay nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhớ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvâsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu

giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy không nhớ5 vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ ya đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giâu giếm, các tội ây sau này nhớ và giâu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvâsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngơ va không giau gièm; các tội nao trước đay vi áy co nghi ngơ va đa khòng giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ- khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giau như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khtru phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vi ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho

hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khmi phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho

hình phạt Parivāsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vi Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mānatta. 21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi sau khi phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giâu, roi xuống Sa-di. [Nên được giải thích chi tiêt như phần trên] ...(nt). 4160.…(nt).. bi điên. ...(nt). 6180. ...(nt).. bị loạn trí. ...(nt). 81-100. ...(nt)... bi thọ khô hành hạ. ...(nt).. Các tội của vị ây có che giâu và không che giấu. ...(nt)…Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vi ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ va đã không giau gièm, các tôi áy sau nay không nghi ngơ va không giau gièm. ..(nt)... Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt).. Các tội nào trước đây vị ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, Dứt một trăm trường hợp Mãnatta. —ooOoo—

6. BÓN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục. Vi ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ây. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 3. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. có che giâu, roi hoàn tục. Vi ây đã tu lên bậc trên lại và không giâu gièm các tội ây. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ây. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 5. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vi ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm. Vị Tỳ-khiru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ấy. 6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đa tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Các tội của vi ây có che giâu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sanghãdisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không được che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào

trước đây vị áy đã giâu gièm, các tội áy sau này giâu gièm; các tội nào trước đây vi ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivāsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ây không nhận biêt, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giau giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 10. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vi ây nhận biêt, một sô tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ây không nhận biêt, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivāsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhận biêt, một sô tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ây không nhận biêt, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 12. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ây không nhận biêt, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã

không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ây. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhớ, một sô tội không nhớ. Các tội nào vị áy nhớ, vị áy giâu gièm các tội áy; các tội nào vị áy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy

đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivāsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhớ, một sô tội không nhơ. Các tôi nao vi áy nhơ, vi áy giau gièm các tôi áy; các tôi nao vi áy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy đã không nhớ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này nhớ và giâu gièm. Vị Tỳ-khưu áy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như the nên được ban cho vị ấy. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 16. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vi ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tôi nao trước đay vi áy đa nhơ va đa giau gièm, các tôi ây sau nay nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu gièm, các tội ây sau này nhớ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 639

17. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vi ây không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ây; các tội nào vị ây có nghi ngờ, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục roi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như the nên được ban cho vi ấy. 18. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Pañvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị áy không nghi ngờ, một sô tội có nghi ngờ. Các tội nào vị áy không nghi ngờ, vị áy giâu gièm các tội ây; các tội nào vi ây có nghi ngờ, vị ây không giâu gièm các tội ây.

Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đau. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một so tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvâsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vi ây. 20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ây; các tội nào vị ây có nghi ngờ, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Ã e r Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thế nên được ban cho vị ấy.

21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Pariyãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phan dưới]. 41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiêt như phân dưới]. 61-80. ...(nt)... bi loạn trí. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiêt như phân dưới]. 81-100. ...(nt)... bi thọ khổ hành hạ. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phân dưới] Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vi ấy nhớ, một số tội không nhớ. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ thì vi ấy giấu giếm, các tội nào vị ấy có nghi ngờ thì vị ấy không giấu giếm. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bi thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt).. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu gièm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không

nghi ngờ và không giâu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 101-200. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt) 201-300. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là vị đang thực hành hình phạt Mãnatta ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt). 301-400. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt)... [Vị xứng đáng hình phạt Mãnatta. vị thực hành Mãnatta. và vị xứng đáng giải tội nên được giải thích chi tiết như vị hành Parivãsa]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ kho hành hạ. Các tội của vị ấy có che

giấu và không che giấu.(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ,..(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị áy không nghi ngờ, một sô tội có nghi ngờ. Các tội nào vị áy không nghi ngờ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị áy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(rít)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vi áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vi ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. Dứt bốn trăm trường hợp đưa về lại [hình phạt] ban đầu. —ooOoo—

7. TÁM TRƯỜNG HỢP có HẠN LƯỢNG vv“ 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 2. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa cùng một tội danh, không che giấu, roi hoàn tục. ...(nt). 4. Này

các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa cùng nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). __ .__

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa khác nhóm phân loại, không che giấu, roi hoàn tục. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa riêng biệt, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm nhiều tội Sanghãdỉsesa có liên quan/ không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt) [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới] Dứt tám trường hợp có hạn lượng, v.v... -ooOoo—

8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỲ-KHƯU 1. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sanghãdisesa, Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vi không giâu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giâu đên vị áy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vi. 2. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có nghi ngờ là tội Sañghādisesa. Một vị giấu giếm, một vi không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vị. 3. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa, Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vi không giâu gièm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giâu đên Vị áy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đen cả hai vi. 4. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vi có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vị. 5. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vi có quan điểm là tội lẫn lộn trên 9 J A • l [R " 4 • •Á • Á 4 1 •Á •Á r • > •Á • Á Cơ sơ tỏi lan lọn. Mọt vi giau gièm, mọt vị không giau gièm. Vi nao giau gièm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivãsa theo như đã được che giâu đên vi ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên cả hai vị.

2 Trong số 13 tội Sañghādisesa, các tội l, 5, 12, 13 là vavatthitã (riêng biệt), các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là sambhinnã (có liên quan), về hai từ sabhãgã (cùng nhom phân loại) va visabhagã (khấc nhóm phan loại) chỉ khác cách nói còn ý nghĩa thì tương tự (VinA. VI. 1191).

6. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội nhẹ.3 Hai vị có quan điểm là Sañghādisesa trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giâu gièm, một vị không giâu gièm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp. 7. Hai vi Tỳ-khưu phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giâu gièm, một vị

không giâu gièm. Vi nào giâu gièm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata. Cả hai vi nên được hành xử theo pháp. 8. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan diêm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sanghãdỉsesa. Một vi [nghĩ rang]: “Ta sẽ khai bao^; vi kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không khai báo." Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vi. 9. Hai vi Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Hai vị ra đi [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ khai b9o." Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không khai bao?9 Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị ây trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình 9 r r # r *

phạt Parivâsa theo như đã được che giâu đên vị ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vị. 10. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Hai vị bị điên. Ve sau, khi hai vị hết bi điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vị. 11. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Khi Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng, hai vi phát biêu như vây: “Cho đên hôm nay, chúng tôi mới biêt được răng: Nghe nói pháp này cũng được truyên lại trong Giới bôn, được chứa đựng trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa thang." Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vị không giâu gièm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị áy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu r r • r

đên vị ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên cả hai vi. Dứt mười một trường hợp về hai vi Tỳ-khưu. —ooOoo—

3 Chủ giải giải thích rằng, sau tội Sañghādisesa là nhóm các tội nhẹ (VinA. VI. 1191).

9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp, rồi giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu,

vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch vơi các tôi áy. 2. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy đên vị ây. Lúc đang hành Parivāsa, dâu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa. dâu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sanghãdisesa có hạn lượng, có che giấu và không che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mânatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 645

4-7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùnẹ nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvâsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 8. Này các T]-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đen vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giâu. Dầu còn dở dang, vi ây thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội

chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy tri, rồi ban cho hình phạt Mânatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khmi, vi Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giau. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cau hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp không được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. —ooOoo—

646 * TIÊU PHẨM

10. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1-3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ..(nt).. riêng biệt và có liên quan. Vị ấy y • . • -r n , A.

thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt).. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa dổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đen vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 7-9. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội

Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta

đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. -ooOoo-

11. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐUÀVÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng,...(nt).. riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không the sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp

và sự giải tội đúng Pháp?"

648 TIỂU PHẨM

Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở 2 r A

dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parỉvãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vi ây vê lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 2-3. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng,...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa. dâu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu....(nt).. có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội. Hội chúng đưa vị ây? dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giâu và không che giâu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vi ấy [nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giâu và không che giâu. Dâu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivâsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giau và không che giau. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 649

Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khiru ấy được trong sạch với các tội ấy. 4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivāsd\ ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa két hợp đúng Pháp, roi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây được trong sạch với các tội ây. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây đên vi ây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dâu còn dở dang, vị ây lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa két hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãscỉ\ ...(nt)... ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây được trong sạch với các tội ây. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sanghãdisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không

hạn lượng, có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và

không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó9 vị ây nhớ lại các tội, dâu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vi ấy [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sañ^hādisesa: Có hạn lượng ...(nt).. riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa két hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó? ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parỉvâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?" Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cau hội chúng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parỉvâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khmi ây được trong sạch với các tội ây. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu

hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, ve lại [hình phạt] ban đau của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rang: "Ta đang hành Parivāsa ", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dâu còn dở dang của các tội khác. Vị ây [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy. Hội chúng đã ban

cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội áy đên ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp băng hành sự sai Pháp, có thê sửa đôi, không đáng duy trì. Trong khi biêt răng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dâu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh càu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Php?" Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Ty-khim, vị Ty-khtru ấy được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp không được trong sạch thứ nhì trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Chương 6'Tích lũy t0i" là thứ ba.

652 TIỂU PHẨM

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Bậc Hiền Sĩ đã thuyết về tội không che giấu, [che giấu] một ngày, hai ngày, ba ngày và bốn ngày, năm ngày, nửa tháng, mười ngày và [hình phạt Parivāsā] từ móc trong sạch. 2. Trong khi hoàn tục, về tám trường hợp có hạn lượng, hai vị Tỳ-khưu, tại nơi ây có sự suy nghĩ, cả hai nghi ngờ, có quan diêm là tội lân lộn, có quan diêm là tội nặng trên cơ sở tội lẫn lộn. 3. Có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội nhẹ, có quan diêm là trong sạch và vị giâu gièm, roi với vị ra đi. 4. Vi bị điên và việc trình báo, về lại [hình phạt] ban dầu, vị trong sạch trở lại. Các lời dạy vì sự tồn tại của Chánh pháp là của các Giáo thọ sư nhóm Vibhajja, cư trú tại Mahāvihāra, những vi làm rạng ngời đảo Tambapanni. Dứt chương ĔÍTích lũy tQi." —ooOoo-

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP

1. HÀNH XỬLUẬTVỚI Sự HIỆN DIỆN Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các vị Tỳ-khưu không có hiện diện. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Vì sao các

Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện? Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu5 vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP Một người nói sai Pháp, nhiêu người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

654 TIẾU PHẨM

1. Một người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Một người nói sai Pháp khiên nhiêu người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lay điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 3. Một người nói sai Pháp khiên hội chúng nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu nay/9 Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 4. Nhiêu người nói sai Pháp khiên một người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này.,, Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 5. Nhiều người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 6. Nhiều người nói sai Pháp

khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 7. Hội chúng nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này?9 Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 8. Hội chúng nói sai Pháp khiên nhiêu người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP * 655

9. Hội chúng nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận r r e e 9 < // :

thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt chín trường hợp nói sai Pháp.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP 1. Một người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này.,^ Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. , 2. Một người nói đúng Pháp khiên nhiêu người nói sai Pháp biêt được, nhận M é ..M , ly

thức được, thây được, thây rõ được, hiên được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 3 Một người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 4. Nhiều người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu nay.99 Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 5. Nhiêu người nói đúng Pháp khiên nhiêu người nói sai Pháp biêt được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiên được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là

được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 6. Nhiều người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này.,, Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

e r . • r

7. Hội chúng nói đúngr Pháp khiên một người nói sai Pháp biêt được, nhận r e 9 e 9 :

thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lay điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 8. Hội chúng nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 9. Hội chúng nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu r rõ được: “Bây là Pháp, y

đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt chín trường hợp nói đúng Pháp. —ooOoo—

2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.1 Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được Đại đức Dabba Mallaputtā chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ây đã đạt được tát cả những gì vị đệ > •L k < x •

tử cân phải đạt đên. Và đôi với vị ây, không có bát cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā, trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tâm như vây đã khởi lên: 'Thẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chong?" Rồi điều này đã khởi đến • B Ti r a -í x

cho Đại đức Dabba Mallaputtā: "Hay là ta nên phân bô chô cư ngụ và săp xép các bữa ăn cho hội chiing?" 2. Sau đó vào buổi tối, Đại đức Dabba Mallaputtā đã xuất khỏi thiền tinh _ _ f _ l f \ _ ỉ f

và đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngồi xuồng một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputtā đã nói với đức _ỉ _ rrn-f — \ _ A rrn A Ji. • Á The Ton điêu nay:

1 Câu chuyện này được thấy ở điều học Sañghādisesa 8 nhưng đoạn kết khác biệt. Xem TTTĐPGVN, tập 10, tr. 236-42; TTPV, tạp l, tr. 416-25.

Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bát cứ việc gì cao thượng hơn cân phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?,, Bạch Ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?,, Bạch Ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy, ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ va sáp xép các bưa ăn cho nọi chúng. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Dabba Mallaputtā đã đáp lại đức Thế Tôn. 3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các vị Tỳ-khưu rang: - Này các Tỳ-khiru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputtā là vi phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vây: Trước hét, Dabba cân được yêu câu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chô trú và là vị sáp xép các bữa ăn. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Đại đức Dabba Mallaputtā đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 4. Và khi đã được chỉ đinh, Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu có cùng sở hành. Vị ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về Kinh [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau." Vi ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu rành rẽ về Luật [nghĩ rằng]: “Các vi sẽ xác định về Luật với nhau.,, Vị ấy phân bo chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên giảng pháp [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ thảo luận về pháp với nhau." Vi ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên vê thiên [nghĩ răng]: "Các vi sẽ không quây rây lân nhau.^, Vị ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên nói chuyện thê tục, sinh hoạt có nhiêu sự năng động vê thân [nghĩ rằng]: “Các Đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy." Còn các Tỳ-khưu

r 7 r r 9 - í < -

đi đên vào buổi tôi, vị ây thê nhập vào hỏa giới và phân bô chô trú cho các vị ây băng chính ánh sáng ây. 5. Cho nên, các Tỳ-khưu cố ý đi đến vào buổi tối [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ chứng kiên sự kỳ diệu vê thân thông của Đại đức Dabba Mallaputtā." Sau khi đi

đến gặp Đại đức Dabba Mallaputtā, các vị ấy nói như vầy: -Này Đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú cho chúng tôi. Đại đức Dabba Mallaputtā nói với các vị ây như vây: -Các Đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào? Các vi ấy cố ý đề cập các chỗ xa xôi: Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ở núi Gijjhakūta. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khe núi Kẻ Cướp. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapanna. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Sītavana, động Sappasondika. Này Đại dức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Gotama. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tinduka. Này Đại đức, hãy phân bô cho chúng tôi chô trú ở hẻm núi Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khu vườn Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở vườn xoài của Jīvaka. Này Đại dức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. 6. Đôi với các vị ây, Đại đức Dabba Mallaputtā đã thê nhập vào hỏa giới và đi ở phía trước với ngón tay đang được thắp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau Đại đức Dabba Mallaputtā. Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú cho các vi ấy như vầy: "Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chông, đây là quy định của hội chúng: 'Giờ này có thê đi vào. Giờ này có thể đi ra.”' Sau khi đã phân bố chỗ trú cho các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā quay trở về lại VeḌuvana. 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vi mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú kém thuộc vê hội chúng và những bữa ăn tôi. Vào lúc bây giờ, dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đen các Tỳ-khưu trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo, gôm có bơ lỏng, dâu ăn, phân ăn thượng hạng, và thường dâng đên các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về, sau bữa ăn thường hỏi các Tỳ~khưu trưởng lão rằng: Này các Đại đức, các vị đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì? Một số Trưởng lão trả lời như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn thượng hạng.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 659

Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. 8. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon, thường cúng dường đên hội chúng, bữa ăn gôm bôn phân là bữa ăn thường lệ. Vị ây cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vi gia chủ có bữa ăn ngon đã được săp xép cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ây, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến Đại đức Dabba Mallaputtā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dabba Mallaputtā roi ngôi xuông một bên. Khi vị gia chủ có bữa ăn ngon đã ngôi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputtā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon bằng bài pháp

thoại. 9. Sau đó, khi đã được Đại đức Dabba Mallaputtā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, vi gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sáp xép cho vị nào? -Này gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sáp xép cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ây, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng [nghĩ răng]: "Tại sao các Tỳ-khưu tôi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?" roi đã đi vê nhà và dặn dò người tớ gái rằng: —Này con, hãy xép đặt chô ngôi cho các vị đên thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tam và món thứ hai là cháo chua. Thưa ông chủ, xin vâng. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon. 10. Khi ấy, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: “Này các Đại đức, hôm qua bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này cơm, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vi nọ dầu ăn và sẽ dâng các vị khác phan ăn thượng hạng.” Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vi đã không ngủ được như ý. 11. Sau đó, vào buổi sáng, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thây các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điều này: "Chắc hẳn đến giờ này, bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thê này!” Sau đó, cô tớ gái ây đã trở lại với cơm tâm và món thứ hai là cháo chua [nói rằng]: Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. -Này chi gái, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tôi biết các ngài Đại đức là các vi thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua, tôi đã được vị gia chủ dặn dò rằng: "Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vi đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. 12. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: “Này các Đại dức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đen tu viện gặp Dabba Mallaputtā. Chác chăn răng chúng ta đã bi Dabba Mallaputtā ly gián với vị gia chủ!,, Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng. 13. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: -Tôi xin chào các ngài Đại đức. Khi được nói như thê, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đen lần thứ nhì,...(ĩit)... Đen lần thứ ba, Tỳ-khưu-ni Mettiyã đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: -Tôi xin chào các ngài Đại đức. Đen lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi? Này chi gái, bởi vì cô vẫn

dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputtā làm tổn hại. Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Này chị gái, nếu cô chiu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn 7 r

CÓ thê trục xuất Dabba Mallaputtā. Thưa các ngài Đại dức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì? 14. - Này chi gái, hãy đến. Cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không

thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā." Thưa các ngài Đại đức, xin vâng. Rồi Tỳ-khưu-ni Mettiyã nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Tỳ-khưu-ni Mettiyâ đã nói với đức A A, 4. • À A The Ton điêu nay: Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quôc độ ây có sự sợ hãi, có tai họa và có sâu khô. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā. 15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: -Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? -Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà....(nt) Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

-Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "C6 làm" nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không lAm." —Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, các ngươi hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ và hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá. 16. Sau d6, các Tỳ-khưu ấy đã trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

-Này các Đại đức, chớ có trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi. -Này các Đại dức, có phải các vi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng ve giới không có nguyên cớ? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các

vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên CỚT' 17. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

-Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(ĩit). Sau khi khiên trách, ...(nt)... Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rang: 18. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputtā là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ.2 Và này các Tỳ-khiru, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Dabba Mallaputtā ây nên đi đên hội chúng, đăp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vay: “Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.^, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh câu đên lân thứ ba. "Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng ve giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ lân thứ ba.” 19. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời

2 Ngài Buddhaghosa giải thích cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ này nên cho đến chính vị có các lậu hoặc đã được đoạn diệt, không cho đến vị khác ngay cả vị Bất lai (Sđd. 1192).

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bàng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtaṃ là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghi. r

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vi thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ vê sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới

không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị Tỳ-khưu được trong sạch không có phạm tội, các vị [khác] vu cáo vi ấy, vị ấy thỉnh cầu, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đên vi ây đúng Pháp, với sự hợp nhát. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Dứt cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. -ooOoo-

3. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG L Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khxru Gagga bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khiru Gagga với tội đã được thực hiện [bởi vi ấy] khi bị điên, bi thay đổi tâm tính:

Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

Vị ây nói như vây: Này các Đại dức, tôi đã bị điên, đã bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng. Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Vì sao các Tỳ-khưu lại khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên, bị thay đổi tâm tính: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cu8ng." Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rang: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, ...(nt).. Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ- khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm5 chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều

việc không xứng là Sa-môn bang lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bi thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này :. r y không?9 Tôi nói với các vị ây như vây: 'Này các Đại dức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách răng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thê này không?9 Bạch các ngài,

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP > 665

giờ không điên cuông, tôi đây thỉnh câu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. "Bạch các ngài, tôi đã bi điên, đã bi thay đổi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Tôi nói với các vị ấy như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bi thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng, tôi đây thỉnh càu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thư ba.” 4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị diên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vi ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bi điên cuồng/ Mặc dầu được vi ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vi ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị điên, đã bị thay đôi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vi ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khxru khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bi điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị M ,. X . ây nói như vây: 'Này các Đại đức, tôi đã bi điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tam tính. Tôi

không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách

rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho Tỳ- khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.99 5. Này các Tỳ-khưu5 đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ba [sự ban cho] là đúng Pháp. Thê nào là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiêu vi, hoặc một vị khiên trách vị ây vê điêu ây: Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vị ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế.” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khiru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiêu vị5 hoặc một vi khiên trách vi ây vê điêu ây: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này khong?^ Vi ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: “Này các Đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.,, Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuông đên vị áy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khxru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vj Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?^ Vị ấy là vị không bi điên, [giả vờ] hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "T6i cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điêu ây cũng được phép đôi với tôi. Điêu ây cũng được phép đôi với các vj.” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng. r

6. Thê nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động được thực hiện bởi vi ấy khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vi, hoặc một

vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?” Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: uNày các Đại đức, tôi không nhớ được là đã phạm tội như the?9 Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Này các

Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vi ấy khi bi điên, bi thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vi ấy về điều ấy: "Vj Đại đức có nhớ la đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vay." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu bi điên, bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vj, hoặc một vi khiển trách vi ấy về điều ấy: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này khong?95 Vị ấy là vi bị điên, hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "Tôi cũng làm như thế. Các vi cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vj." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Đây là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng. —ooOoo-

4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TÔI ĐẾ Được thừa nhận 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuôi, hòa giải, và án treo đôi với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiên trách, chỉ dạy, xua đuôi, hòa giải, và án treo đôi với các Tỳ-khiru không có sự thừa nhan?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo không nên thực hiện đối với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 8. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như vầy là sai Pháp, như vây là đúng Pháp. Và này các Tỳ-khưu, thê nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp? Vị Tỳ-khưu phạm tội pārajika. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Pārājikai" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Pārājika, tôi đã phạm tội Sañghādisesay Hội chúng hành sự cho vi ấy với tội Sañghādisesa. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỵ-khưu phạm tội Pārājika, Hội chúng hoặc nhiều vi, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội PārājikaT" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Pārājika. tôi đã phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... tộiPãcittiya. ...(nt)... tộiPãtidesanĩya. ...(nt)... iộiDukkata. ...(nt)... tội Dubbhāsitā. Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dubbhāsitā. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Thullaccaya. ...(nt)... tội Pãcỉttiya. ...(nt)... tội Pātidesanīya....(nt)... tội Dukkata. ...(nt)... tội Dubbhāsitā. Hội chúng, hoặc nhiều vi, hoặc một vị khiển trách vi ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã

không phạm tội Dubbhāsitā, tôi đã phạm tội Pārājikay Hội chúng hành sự cho vị ây với tội Pārājika. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội Dubbhāsitā, Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Vị ấy nói như vay: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Dubbhāsitā, tôi đã phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tôi đã phạm tội Thuỉlaccaya, ...(nt)... tội Pãcỉítiya, ...(nt)... tội Pātidesariīya. ...(nt)... tội Dukkata^ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dukkata, Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Này các Tỳ- khiru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thê gọi là sai Pháp. 9. Này các Tỳ-khưu, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp? Vị Tỳ-khưu phạm tội Pārājika, Hội chúng hoặc nhiều vị9 hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vi Đại đức đã phạm tội Pārājika!" Vị ấy nói như vay: "Này các Đại đức, tôi đã phạm tội Pārājikay Hội chúng hành sự cho vi ấy với tội Pārājika, Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Thullaccaya. ...(nt)... tội Pãcittỉya. ...(nt)... tộiPātỉdesanĩya....(nt)... tộiDukkata. ...(nt)... Dubbhāsitā.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 669

Hội chúng hoặc nhiều vị9 hoặc một vi khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dubbhāsitā. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp. —ooOoo—

5. THUẬN THEO số ĐÔNG 10. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sống có nảy sinh các sự xung đột giữa hội chúng, có nảy sinh các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép giải quyêt sự tranh tụng có hình thức như thế thuận theo số đông. 11. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ: Là vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê? không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi và là vị biết [thẻ] đã được nhận hay đã không được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lơi đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khmi tên [như vầy] là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ-khiru tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 12. Này các Tỳ-khưu? đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp, mười [sự phân phát thẻ] đúng Pháp. Thế nào là mười sự phân phát thẻ sai Pháp? Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhặt, chưa đến mức phải xử lý,3 không được nhớ lại hoặc [không được] làm cho nhớ lại, [vị phân

phát thẻ] biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn",

3Na gatigatarn hoti'. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sự tranh tụng ấy chưa được đưa đến hai, ba trú xứ, tại nơi ấy hoặc tại chính nơi kia chưa được phán xét hai, ba lần (VinA. VI. 1192).

[nghĩ rằng]: "C6 lẽ các vị nói sai Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ bị chia "[nghĩ rằng]: “C6 lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ9\ các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp. Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp? Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhặt, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc [được] làm cho nhớ lại, [vị phân phát thẻ] biết rằng: “Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", [nghĩ rằng]: “C6 lẽ các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ không bị chia rẽ9\ [nghĩ rằng]: “C6 lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ9\ các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vi có sự hợp nhất khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp. —ooOoo—

6. THEO TÔI CỦA VỊ ẤY 13. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu Uvâḷa, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Các Tỳ-khiru nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỵ-khưu Uvãḷa, trong khi được thẩm vấn vê tội giữa hội chúng đã phủ nhận roi lại thừa nhận, đã thừa nhận roi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối tra?59 14. Sau đó? các Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe n6i ...(nt).. có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvâḷa. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Uvāla cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định tội; sau khi được xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvâḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nêu là thời điểm thh hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvãḷa. Đây là lời đề nghi.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvâḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đen Tỳ-khưu Uvâḷa. Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đen Tỳ-khtru Uvãḷa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói

lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khưu Uvāla. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy?9 Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Là vị không trong sạch, không có hổ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy cho vi ấy đúng theo pháp, với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 15. Này các Tỳ-khưu5 hành sự theo tội của vi ấy là hành sự sai Pháp, là hành Sự sai Luật, và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. ,..(nt)... Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. [Nên được giải thích chi tiết như hành sự khiển trách].

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 16. Này các Tỳ-khiru? hành sự theo tội của vị ây là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô: Được thực hiện với sự hiện diện. được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. ,..(nt)... Được thực hiện sau khi xác đinh tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. [Nên được giải thích chi tiết như phần sáng ở hành sự khiển trách].

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 17. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vi ây đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng dăn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vi ây đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. (l) Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự theo tội của vị ây đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Vị bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng vê hạnh kiêm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba đặc tính này. (2) Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. (3) Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ây đôi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, ...(iit)...thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội

chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đoi với ba hạng Tỳ-khưu này. (4) Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, ...(ĩìt)... đối với ba hạng Tỳ-khiru này. (5) Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vị ây đôi với ba hạng Tỳ-khưu này. (6) Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 673

MƯỜI TÁM PHẢN Sự 18. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dâu đã được chỉ định, ...(nt)... [không nên] câu kết với các Tỳ-khưu. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với Tỳ-khưu Uvāla. —ooOoo—

7. CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP 19. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ5 đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ây, điêu này đã khởi đên các vị Tỳ-khưu ây: "Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" 20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, nêu các Tỳ-khưu [nghĩ] như vây: "Chúng ta trong khi sông CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô5 đưa đên tranh cãi, có nhiêu việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa?^, Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp. Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyêt như vây: Toàn bộ tát cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nêu chúng ta xử

lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng/ ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." 21. Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu, cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho —\ r

chư Đại đức, tôi sẽ trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt)...đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại dức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi? vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ?9 22. Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khưu cùng thuộc vê một phe răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt)...đưa đên chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ f y trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Đây là lời đê nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bang cách dùng cỏ

4 Lỗi nghiêm trọng là tội Pārājika và tội Sañghādisesa (VinA. VI. 1194).

che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Sự việc được hội chúng

đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay?9 23. Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đên chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ..(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, (nt) ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm Ượng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng đôi với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đen cư si, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Và này các Tỳ-khưu, như thế các Tỳ-khưu ấy đã được thoát khỏi các tội ấy, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ [các vị] có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó. —ooOoo—

8. BỐN sự TRANH TỤNG 24. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tranh cãi với các Tỳ-khưu-ni, các Tỳ- khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khmi. Tỳ-khxru Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khiru và được xem là thuộc phe các Tỳ- khưu-ni. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khiru Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni, lại tranh cãi với các Tỳ-khưu và được xem là thuộc phe các Tỳ-khưu-ni?,^ Sau đó, các vị Tỳ-khxru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe n6i ...(nt).. có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: 25. - Này các Tỳ-khiru, đây là bôn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Bây là Pháp", hoặc "dây không phải là Pháp hoặc "đây là Luậf\ hoặc “dây không phải là Luậf\ hoặc “diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến”, hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giản^ và nói đến”hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành”, hoặc “diều áy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành9\ hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy dinh", hoặc "diều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy dinh99, hoặc "diều ấy là phạm tội5\ hoặc "diều ấy là không phạm toi", hoặc "điêu ấy là tội nhq”, hoặc "điêu ấy là tội nặng,\ hoặc "tội còn dư s6t', hoặc "tội không còn dư s6t”,5

hoặc "tội xàu xa", hoặc "tội không xấu xa.” ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây go, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan diêm, khác quan diêm, sự nói lời thô lô, sự cãi vã; việc ây được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. ơ đây, thê nào là sự tranh tụng liên quan đên khiên trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiên, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tội? Năm nhóm tội6 là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội7 là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đen tội.

5 Tội không còn dư sót là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VìnA. VII. 1319). 6 Năm nhóm tội: Pārājika, Sañghādisesa, Nissaggiya Pâcỉttiya, Pâcittỉya và Dukkata. 7 Thêm vào Thulỉaccaya và Dubbhāsitā là bảy.

ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Việc gì thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực hiện, [tức là] hành sự với lời công bố,8 hành sự với lời đề nghi, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. 26. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì? Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vi ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt).. Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ..(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, các ngươi nên nô lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai, cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Này các Tỳ-khưu5 còn có điều khác nữa: Có vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt).. trở nên đố kỵ, bon xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến; ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vi ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng

8 Hành sự công bố hành xử 5 trường hợp: Sự phục hồi, sự đuổi đi, hành sự cạo tóc (bhandukammā), hình phạt Brahma (Phạm đàn), và hanh sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. Xem tr. 1399 trong tập này; TTPV, tập 9, Parivārā (Tập yếu) II, tr. 306.

bậc Đạo sư; (nt) Giáo pháp; (nt) Hội chúng; (nt)...có sự thực hành
không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như r r thê một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khiru? trong trường hợp ây, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Như thê nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. 27. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các vị Tỳ-khưu tranh cãi do tâm tham lam, tranh cãi do tâm xấu xa, tranh cãi do tâm mê muội rằng: "Đây là Pháp”hoặc "dây không phải là Phap99, hoặc "đây là Luāf\ hoặc "đây không phải là Luật\ hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến”, hoặc :diều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành”, hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hanh", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định,\ hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định,\ hoặc "điều ấy là phạm tộf\ hoặc “diều ấy là không phạm hoặc "diều ấy là tội nhẹ", hoặc "diều ấy là tội nang”, hoặc "tội còn dư s6fhoặc "tội không còn dư s6t”, hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xấu xa." Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khmi9 trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm không tham lam, tranh cãi do tâm không xâu xa, tranh cãi do tâm không mê muội răng: “Dây là Pháp', hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc "tội xấu xa”, hoặc "tội không xấu xa." Ba nguyên

nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. 28. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là gì? Có sáu nguyên nhân khiên trách là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp

là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự han học, vị ây sông không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khmi nào song không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư;...(nt).. Giáo pháp; ...(nt).. Hội chúng; ...(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thê một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thê một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ- khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Như thê nguyên nhân khiên trách xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân khiên trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. 29. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa: Có vi Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt)... trở nên đố ky, bon xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt).. trở nên ác dục, tà kiên; ...(nt).. trở nên châp thủ một cách lộ liêu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liêu, ương ngạnh, khó sửa đôi, vi ây sông không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sông không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sông không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt).. Giáo pháp; ...(nt).. Hội chúng;...(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vi ây gây nên sự khiên trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu? nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, các ngươi nên nô lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Này các

Tỳ-khưu, nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành đe không đem lại sự hỗ trợ trong txrơng lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân khiên trách xâu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân khiển trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 30. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đên khiên trách? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khmi do tâm tham lam, khiên trách do tâm xâu xa, khiên trách do tâm mê muội với sự hư hỏng vê giới, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, hoặc với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Ba nguyên nhân không tót đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khưu do tâm không tham lam, khiển trách do tâm không xấu xa, khiển trách do tâm không mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Ba nguyên nhân tót đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 9 r

31. Cơ thê (thân) như thê nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - ở đây, có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí? lùn tịt, nhiều bệnh: Hoặc là chột mắt. hoặc là chân bi tật, hoặc bi què, hoặc bi liệt nửa thân. các vi khiển trách vị áy vê điêu áy. Cơ thê (thân) như thê áy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? ở đây, có vi có giọng nói khó [nghe], có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vi khiển trách vi ấy về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 32. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì? Sáu nguôn sanh tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đên tội. Có sự phạm tội sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do khâu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do ý, không do khâu. Có sự phạm tội sanh lên do khau và do ý5 không do thân. Có sự phạm tội sanh lên do thân, do khau và do ý. Sáu nguồn sanh tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 681

33. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì? -Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là hội chúng. 34. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu. ở dây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là tốt? Này các Tỳ-khưu9 trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm thiện: “Bây là Pháp99, hoặc "đây không phải là Pháp”, ...(nt).. hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xâu xa." Trong trường hợp ây, việc nào là sự

xung đột, gây gô, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm bất thiện: “Dây là Pháp", hoặc "dây không phải là Ph”,...(nt).. utội xấu xa", hoặc utội không xâu xa.” Trong trường hợp ây, việc nào là sự xung đột, gây gô5 tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô 16, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là không tốt không xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu tranh cãi với tâm vô ký: “Bây là Pháp”hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc utội xấu xa”, hoặc utội không xâu xa." Trong trường hợp ây, việc nào là sự xung đột, gây gô, ..(nt)...sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là không tốt không xấu. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu. ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách nào là tót? Này các Tỳ-khưu? trường hợp các Tỳ-khmi do tâm thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê giới, với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được gọi la tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu do tâm bất thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê giói, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, hoặc với

Sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là không tốt không xấu? - Này các Tỳ-khưu? trường hợp các Tỳ"khưu do tâm vô ký khiển trách vị Tỳ-khiru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây? việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là không tốt không xấu. 36.9 Sự tranh tụng liên quan đến tội là xấu [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là xấu? Việc [vi Tỳ-khiru] có sự vi phạm trong khi nhận biết, trong khi nhận thức rõ, đã cô y, roi vượt qua; việc ây tức là sự tranh tụng liên quan đên tội được gọi là xấu. ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên tội nào là không tót không xâu? Này các Tỳ-khưu, việc [vị Tỳ-khiru] có sự vi phạm trong khi không nhận biết, trong khi không nhận thức rõ, đã không cố ý, rồi không vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đen tội, được gọi là không tốt không xấu. 37. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không

xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là tốt? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đê nghị đên lân thứ hai, hành sự có lời đê nghị đên lân thứ tư với tâm thiện; việc ây tức là sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, được gọi là tót. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là xấu? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến làn thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm bất thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là xấu.

9 Dọ đánh số nhầm từ bản gốc Pali (không có số 35) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP « 683

ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ nào là không tót không xâu? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghi, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm vô ký; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là không tốt không xấu. 38. [Một việc có thể] là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi; vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi [hay không]? [Một việc] có thể là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi; có thê là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; có thê là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. ở dây, việc nào là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: “Bây là Pháp”, hoặc "dây không phải là Ph", ...(nt)...hoặc "tội xấu xa hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ? tranh luận, tranh cãi, nhiêu quan diêm, khác quan diêm, sự noi lơi tho lo, sự cãi va; việc áy la sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi. ở đây, việc nào là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng? Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chi em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng. ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi. ở dây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. 39. [Một việc có thể] là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự khiên trách; vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiên trách [hay không]? [Một việc] có thể là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; có thể là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự khiên trách; có thê vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiên trách. ở đây, việc nào là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiên trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về

tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, việc nào là sự khiển trách, không là sự tranh tụng? Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chi em gái, chi em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; việc ấy là sự khiển trách, không là sự tranh tụng. ở đây5 việc nào là sự tranh tụng, không là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi; việc ây là sự tranh tụng, không là sự khiển trách. ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. 40. [Một việc có thể] là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội [hay không]? [Một việc] có thể là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; có thể là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội. ở đây, việc nào là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội? -Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội. ở dây, việc nào là ãpattỉ (sự phạm tội), không là sự tranh tụng? Quả vi Nhập lưu (Sotãpattí), sự thành đạt (samāpatti)*, việc ấy là ãpatti (có tiếp vĩ ngữ ãpattí) không là sự tranh tụng.10 ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự phạm tội? -Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách; việc ây là sự tranh tụng, không là sự phạm tội.

10 Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ ãpattỉ là "sự đạt đến", nghĩa thông dụng là "SỊT phạm tội, hay tội vi phạm.,, Trường hợp hai hợp từ làsotãpattỉ (sota-ãpạttí) N^Lsamāpatti (sam-āpattī) do được ghép với tiếp vĩ ngữ āpatti. Tư sotāpatti có ý nghĩa là sự đạt đến dòng chảy, sự tiền vào dòng Thánh, tưc la quả vị Nhập lưu; còn từ samāpatti có y nghĩa là sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Do không phải làrsự phạm tội nên không liên quan đến sự tranh tụng. Đoạn văn này không thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ÑD).

ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội. 41. [Một việc có thể] là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ [hay không]? [Một việc] có thể là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm 7 2 -J vụ; có thê là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; có thê là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. ở đây, việc nào là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Việc nào thuộc vê hội chúng cân phải hoàn thành, cân

phải thực hiện [tức là] hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. ở đây, việc nào là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng? Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng. ở đây? việc nào là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ. ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. —ooOoo—

9. CÁCH GIẢI QUYẾT sự TRANH TỤNG HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN 42. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? —Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi được lăng diu bởi hai cách dàn xép: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện và bằng cách thuận theo số đông. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không đi đến một cách dàn xếp là thuận theo sô đông, thì có thê được lăng dịu băng một cách dàn xép là cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không? -Nên trả lời rằng: "C6 thể." Như vậy là thế nào?

-Trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi: "Đây là Pháp", hoặc "dây không phải là Pháp hoặc "đây là Luậty, hoặc "đây không phải là Luậf\ hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết gjảng và nói đến", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quỵ djnh", hoặc "điều ấy là ^hạm tộr\ hoặc "diều ấy là không phạm toi", hoặc "điêu ấy là tội nhq", hoặc "điêu ấy là tội nang^, hoặc "tội còn dư s6t", hoặc "tội không còn dư sófl hoặc "tội xấu xa"hoặc "tội không xấu xa." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. 43. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Các Tỳ-khưu theo sô lượng cân thiêt cho hành sự đã đi đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng ệởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đoi; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo su, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vi tranh cãi với vi ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pãcỉttỉya. Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây không thê giải quyêt sự tranh tụng ây

tại trú xứ ấy, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên đi đến tru xứ có nhiều Tỳ- khưu hơn. Này các Tỳ-khưu, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các Tỳ-khưu ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu? điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

44. Và ở dây, sự hiện diện của hội chúng là gì? -Các Tỳ-khiru theo số lượng càn thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở dây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư [mà] sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vi ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcỉttiya. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khxru ấy trong lúc đang đi trên đường đến tru xứ kia, không thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu, sau khi đi đên trú xứ kia, các Tỳ-khưu ây nên nói các Tỳ-khưu thường trú như vây: "Này các Đại dức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vay, đã diễn tiến như vầy, lành thay! Xin các Đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; như thê sự tranh tụng này có thê đã được giải quyêt tốt dẹp.” Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường tru thâm niên hơn và các Tỳ- khưu đi đến là kém thâm niên, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, các vị hãy sang một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội y.” Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường tru kém thâm niên và các Tỳ-khưu đi đen là thâm niên hơn, này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, chính vì điều ấy, xin các vị hãy chờ tại đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội y.” 45. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vây: "Chúng ta không thê giải quyêt sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư được9\ các Tỳ-khưu thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy. Này các Tỳ-khxru, nêu các Tỳ-khưu thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vày: "Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo su"; này các Tỳ-khtru, các Tỳ-khưu thường trú ấy nên nói với các Tỳ-khưu đi đên như vây: "Này các Đại dức, nêu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ nhận lãnh

sự tranh tụng này. Này các Đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này.,, Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy. 46. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu đi đến ấy nên nói với các Tỳ-khưu thường trú như vầy: "Chúng tôi sẽ trình bày cho các Đại đức sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào. Nếu các Đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ được giải quyêt tót đẹp; như vậy chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức. Nếu các Đại đức không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức, chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này." Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các Tỳ-khưu thường trú. Này các Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khiru ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây, này các Tỳ-khưu, điêu ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân SỊT•...(nt).. Này các Tỳ-khiru? nếu có vi khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittỉya.

CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LÓI ĐẠI BIỂU 47. Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khtru ấy phán xét sự tranh tụng ấy, nếu các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý • • 9 • r r nghĩa; này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyêt sự tranh tụng như thê ây theo lối đại biểu. Theo lối đại biểu, cần chỉ định vi Tỳ-khưu có được mười yếu tố: Là vị có giới hạnh, sông thu thúc theo sự thu thúc của Giới bôn (Pãtỉmokkhă). thành tựu về hạnh kiểm và chốn đi lại, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 689

lũy các điêu đã được nghe, các pháp nào là tót đẹp phân đâu, tót đẹp phân giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ; các pháp có hình thức như thế được [vi ấy] nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ Giới bổn (Pātimokkha) đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ; là vị tinh xảo về Luật không có bối rối; là vi có năng lực làm cho cả hai phe đối địch với nhau hiểu biết được, làm cho suy nghĩ lại, làm cho suy tư, làm cho thấy được và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự sanh khởi của cuộc tranh tụng; vị hiểu biết sự

tranh tụng; hiểu biết nguyên cớ của cuộc tranh tụng; hiêu biêt sự châm dứt của cuộc tranh tụng; hiêu biết đường lối thực hành để cham dứt cuộc tranh tụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có được mười yếu tố này. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bô được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] và tên [như vay] đe giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lôi đại biêu xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lôi đại biêu. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây theo lôi đại biêu, này các Tỳ-khưu, điều ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? —Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật. ..(nt).. Này các Tỳ-khiru, nếu có vi khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thê, vi khơi lại phạm tội Pãcittỉya. Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khưu ây đang phán xét sự tranh tụng ây5 nếu ở đó, có vị Tỳ-khưu là Pháp sư nhưng vị ấy là không được truyền thừa về

690 « TIỂU PHẨM

kinh điên, vê sự phân tích Giới bôn, vị ây trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại dức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khmi tên [như vầy], là Pháp sư, nhưng vị ây là không được truyền thừa vê kinh điên, vê sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa, lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chúng ta nên loại ra vị Tỳ-khưu tên [như vây] và những người còn lại [chúng ta] sẽ giải quyêt sự tranh tụng nay?9 Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây sau khi loại vị Tỳ-khưu ây ra, có thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu, điêu ây được gọi là sự tranh tụng . ? • 9 • Mi c • đã được giải quyêt. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, nếu có vi khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya. Này các Tỳ-khiru? trong khi các vi Tỳ-khưu ây đang phán xét sự tranh tụng ây, nêu ở đó có vị Tỳ-khưu là Pháp sư bởi vì vị ây là được truyên thừa vê kinh điển [nhimg] thiếu về sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ

nhận ý nghĩa ân sau các văn tự. Các Tỳ-khưu ây cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là Pháp sư, bởi vì vị ấy là được truyền thừa về kinh điển [nhưng] thiếu về sự phân tích Giới bổn, vi ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nêu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chúng ta nên loại ra vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và những người còn lại [chúng ta] sẽ giải quyết sự tranh tụng này." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy sau khi loại vị Tỳ-khiru ấy ra có thể giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu, điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 691

CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO số ĐÔNG 48. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên giao lại sự tranh tụng ây cho hội chúng: "Bạch các ngài, chúng tôi không thê giải quyêt sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Hãy để hội chúng giải quyết sự tranh tụng này.,, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết thuận theo số đông sự tranh tụng có hình thức như thế. Cần chỉ định vị phân phát thẻ là vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và vị biết [thẻ] đã được nhận hay chưa được nhận. ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phát thẻ xin im lặng; vi nào không đong ý có thể nói lên. Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vi Tỳ-khưu phân phát thẻ ấy nen phân phát các thẻ. [Trường hợp] các Tỳ- khưu là các vị nói đúng Pháp có [số lượng] nhiều hơn nói [nên giải quyết] như thế nào, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gi? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự

hiện diện của Luật.

692 TIỂU PHẨM

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là liên quan đến thuận theo số đông? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên, sự thỏa thuận, sự chập nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây, điều ấy là liên quan đến thuận theo số đông. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittiya.

BA CÁCH PHÂN PHÁT THẺ 49. Vào lúc bấy giờ, ở Sāvatthi, có sự tranh tụng đã xảy ra như vầy, đã sanh khởi như vầy. Khi ấy, các vị Tỳ-khmi ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi và đã nghe rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, có nhiều Trưởng lão cư ngụ, là các vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là các bậc sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu các Trưởng lão ây có thê giải quyêt sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo su, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt âepy Sau đó5 các Tỳ-khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với các Trưởng lão ấy điều này: Thưa các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy. Thưa các ngài, lành thay, các Trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp. 50. Khi ấy, các Trưởng lão ấy [nghĩ rằng]: uSự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatthi giải quyêt như thê ây là đã được giải quyết tốt dẹp", rồi đã giải quyêt sự tranh tụng ây như thê. Sau đó, các Tỳ-khưu ây không hài lòng với lôi giải quyêt tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vi Trưởng lão và đã nghe rang: "Nghe nói ở trú xứ kia, có ba vi Trưởng lão cư ngụ, ...(nt).. có hai vị Trưởng lão cư ngụ,...(nt).. có một vị Trưởng lão cư ngụ, là vi nghe nhiêu, kinh điên được truyên thừa, rành rẽ vê Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu Trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹpy

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 693

51. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với vị Trưởng lão ây điêu này: Thưa ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy. Thưa ngài, lành thay, ngài Trưởng lão, hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp. Khi ây, vị Trưởng lão ây [nghĩ răng]: uSự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatthi giải quyêt như thê ây, sự tranh tụng đã được nhiêu vị Trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được ba vi Trưởng lão giải quyết như thế ấy, Sự tranh tụng đã được hai vị Trưởng lão giải quyêt như thê ây là đã được giải quyết tốt rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy

như thế. 52. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vi Trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của ba vị Trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hai vi Trưởng lão, không hài lòng với lôi giải quyêt tranh tụng của một vị Trưởng lão, nên đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã trình sự việc ay len đức The Ton. Đức The Tôn đã noi điêu này: Này các Tỳ-khưu, sự tranh tụng này đã được dứt điểm, đã được yên lặng, đã được giải quyêt và đã được giải quyêt tót đẹp. Này các Tỳ-khưu, vì sự nhận thức rõ ràng của các Tỳ-khưu ấy, Ta cho phép ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo? Vị Tỳ-khiru phân phát thẻ nên làm các thẻ khác nhau rồi đi đến gặp từng vị Tỳ-khưu một và nên nói như vây: "Thẻ này là cho vi nói như vây, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy." Khi giao nên nói rằng: “Và chớ cho bất cứ ai thấy." Nếu vi ấy biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn”, nên thu hồi lại [nói rằng]: "[Các thẻ] bị lấy lầm lẫn.,, Nếu vi ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn”, nên công bố rằng: "[Các thẻ] được nhận lấy tốt đẹp." Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai? -Vi Tỳ-khưu phân phát thẻ nên nói vào tai của từng vị Tỳ-khiru một rằng: "Thẻ này là cho vị nói như vầy, thẻ này là cho vi nói như kia. Đại đức thích cái r . . : r ĩ nào thì nhận cái ây." Khi giao nên nói răng: "Và chớ nói cho bát cứ ai." Nêu vị ây biêt răng: "Các vị nói sai Pháp là nhiêu hơn", nên thu hôi lại [nói răng]: “[Các thẻ] bị lấy lầm lii." Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", nên công bố rằng: "[Các thẻ] được nhận lấy tốt âepy Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai. Và này các Tỳ-khưu5 thế nào là cách phân phát thẻ theo lối công khai?

-Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn”, chính nhờ vào sự quả quyết nên phân phát [thẻ] bằng cách phân phát thẻ theo lối công khai. Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối công khai. Này các Tỳ-khưu, đây là ba cách phân phát thẻ.

HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ 53. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Nêu sự tranh tụng liên quan đên khiên trách không đi đên hai cách dàn xép là cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy, thì có thể được lăng dịu băng hai cách dàn xép, là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không? -Nên trả lời rằng: “C6 thể." Như vậy là thế nào? -Trường hợp các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Này các Tỳ-khiru? đôi với vị Tỳ-khưu được thành tựu đây đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai,

rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, các Tỳ-khiru bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nh&." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vi Tỳ-khưu tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vi ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đên vi Tỳ-khưu tên [như vây], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khiru tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ, vi ây thỉnh câu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 695

Tỳ-khiru tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba....(nt) Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho vị Tỳ-khmi tên [như vây], là người thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Này các Tỳ-khưu5 điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Và ở đây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sụ*. ...(nt) Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khiển trách và vị bị vị ấy khiển trách, cả hai phe đối địch với nhau đều , * ỵ r hiện diện; ở đây, điêu ây là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đôi thuộc vê hành sự hành xử Luật băng sự ghi nhớ; ở đây, điêu ây là ở trong cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pãcỉttỉya.

HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG 54. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không? - Nên trả lời rằng: “C6 thể." Như vậy là thế nào? Trường hợp vi Tỳ-khưu bi điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu buộc tội vị ấy với tội đã được thực

hiện

696 TIỂU PHẨM

khi bi điên, bi thay đổi tâm tính: Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.59 Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vi vân khiên trách răng: Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thê này kh6ng?" Này các Tỳ-khun, nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị Tỳ-khưu ấy khi không bị điên cuồng. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu r r e g • ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ- khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Tôi nói với các vị ấy như vầy: 'Này các Đại dức, tôi đã bi điên, đã bi thay đôi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?5 Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuong?9 Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh càu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy], đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-mon bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên,...(nt).. Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đen vi Tỳ-khưu tên [như vay] khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. ...(nt)... Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bi thay đổi tâm tính. ...(nt)... Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 697

khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] khi không bị điên cuồng xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Cách hành xử Luật khi không điên

cuồng đã được hội chúng ban cho Tỳ- khtru tên [như vầy] khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Này các Tỳ-khxru, điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyết nhờ vào điều gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? -Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật khi khônậ điên cuồng; ở đây, điêu ây là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuông. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pãcỉttỉya.

THEO TÔI CỦA VỊ ẤY 55. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và cách hành xử Luật khi không điên cuông, thì có thê được lăng dịu băng hai cách dàn xép là cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy hay không? - Nên trả lời rằng: “C6 thể.” Như vậy là thế nào? —Trường hợp vị Tỳ-khưu buộc tội vi Tỳ-khưu [khác] giữa hội chúng với tội nặng: "Đại đức có nhớ là đã phạm tội nặng như thế này, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika kh6ng?" Vị ây nói như vây: “Này Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājikay Trong khi vi ây choi từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này Đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika kh6ng?“

Vi ấy nói như vy: "Này Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gàn với tội Pārājika. tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhỏ nhoi như thế ấy.” Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này Đại dức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika không?9 Vi ấy nói như vầy: "Này Đại dức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, cho dầu là nhỏ nhoi, tôi sẽ thú nhận dầu không được hỏi đến. Sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. không lẽ tôi lại không thú nhận khi được hỏi đến hay sao?” Vị kia nói như vây: "Này Đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ây, mặc dù là nhỏ nhoi, Đại đức sẽ không thú nhận khi không được hỏi đen. Thì sau khi phạm tội nặng như thê ây9 là tội Pārājika hoặc gân với tội Pārājika. không lẽ Đại đức lại thú nhận khi không được hỏi đến? Này Đại dức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thê này, là tội Pārājika hoặc gân với tội Pārājika khong?99 Vi ấy nói như vầy: "Này Đại đức5 tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. Điều nói rằng: Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. điều này được tôi nói vội, điều này được tôi nói theo thói quen.,, 56. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban cho Tỳ-khưu ây. Và này các Tỳ-khưu9 nên thực hiện như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng

nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vi ấy đến Tỳ-khiru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vi ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ây đên Tỳ-khiru tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khiru tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,,

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP « 699

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt). Và ở đây, điêu gì là ở trong [cách giải quyêt] theo tội của vi ây? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự theo tội của vi ấy; ở đây, điều ấy là ở trong [cách giải quyết] theo tội của vị ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittiya.

VIỆC PHÁN XỬ THEO TỒI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHÂN 57. Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đên tội được lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Băng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và bằng cách dùng cỏ che lấp. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp, thì có thể được lắng diu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không? Nên trả lời rằng: “C6 thể.” Như vậy là thế nào? Trường hợp này, vị Tỳ-khưu là phạm tội nhẹ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu [khác], đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Thua Đại dức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy." Vị kia nên nói rằng: “Bại đức có nhận thấy [tội] kh6ng?” “Thua có, tôi nhan thấy.” “Bại dức hãy thu thúc trong tương lai.” Này các Tỳ-khưu, điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyết nhờ vào điều gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. y Và ở dây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? -Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ..(nt)

700 TIÊU PHẨM

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vi khai báo [tội] và vi chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở dây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? Điêu nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên, sự thỏa thuận, sự châp nhận, * sự* xkhông r phản đôi thuộc . vê hành sự pháno xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây, điêu ây là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này. các Tỳ- khưu, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận [tội] khơi lại sự tranh tụng, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya. 58. Nấu vi ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các Tỳ-khmi, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp nhiều vị Tỳ-khưu? đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: "Thua các ngài, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy/9 Các vị Tỳ-khưu ây cân được thông báo bởi vị Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] nhớ được, bộc lộ ra, nói ra băng lời, trình ra sự phạm tội. Nêu là thời diêm thích hợp cho chư Đại đức, tôi nên ghi nhận tội của vi Tỳ-khưu tên [như vy]." Vị ấy nên nói rằng: "Đại đức có nhận thấy [tội] không?" "Thua có, tôi nhận thấy.” "Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.” Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt). Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo [tội] và vị chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? x r Điêu nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên, sự thỏa thuận, sự chân nhận, sự không phản đôi thuộc vê hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở dây, điêu ây là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các Tỳ- khưu, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận [tội] khơi lại sự tranh tụng, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 701

59. Nếu vi ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không châp nhận như thê, này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chom hom, chắp tay lại và nên nói như vay: "Bạch các ngài, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khiru này tên [như vây], nhớ được, bộc lộ ra, nói ra băng lòi, trình ra sự phạm tội. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi nên ghi nhận tội của vi Tỳ-khưu tên [như vầy]." Vị ấy nên nói rằng: "Bại đức có nhận thấy [tội] không?,^ "Thua c6, tôi nhận thấy.” “Bại đức hãy thu thúc trong tương lai." Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải

quyết như thể, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pâcỉttiya.

CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP 60. Nêu sự tranh tụng liên quan đên tội không đi đên một cách dàn xép là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp hay không? - Nên trả lời rằng: “C6 thể." Như vậy là thế nào? -Trường hợp các Tỳ-khiru trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động, đã được thực hành. Trong trường hợp ấy, nếu các Tỳ-khưu [nghĩ] như vầy: "Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ? r e5 # y đưa đên tranh cãi, có nhiêur việc không xứng là Sa-môn\ băng lời nói và hành động đã được thực hành. Nêu chúng ta xử lý lân nhau băng các tội này, sự tranh tụng ây còn có thê đưa đên lủng củng, đưa đên sôi động, đưa đên chia rẽ [hội chúng] nữa.,, Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

, y • 9 • ĩ\ X . tM n ' . l 7\ Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyêt như vây: Tát cả nên tụ họp lại một chô; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động, đã được thực hành. Nêu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khiru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại dức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột5 các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.,, Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ? đưa đến tranh cãi, ...(nt).. tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng ...(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khưu cùng thuộc vê một phe răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ5 đưa đen tranh cãi, nhiều

việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đã được thực hành. Nêu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gâyổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi xin trình

báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ5 xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vi Tỳ-khini kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khiru cùng thuộc về phe kia rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông, có nảy sinh các sự xung đột, các sự gâyổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt).. t6i xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ...(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lơi đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây ổ? đưa đen tranh cãi, ,..(nt)... tôi xin trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đen cư sĩ. Đại đức nào đong ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 61. Này các Tỳ-khưu5 điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? -Các Tỳ-khưu theo sô lượng cân thiêt cho hành sự đã đi đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vi hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ây được giải quyêt; ở đây, điêu ây là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo [tội] và vi chứng minh vị ấy khai báo [tội], cả hai đều hiện diện; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc dùng cỏ che lấp? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự dùng cỏ che lấp; ở đây, điều ấy là ở trong việc dùng cỏ che lấp. Này các Tỳ-khưu, nêu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyêt như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pâcittỉya, Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xép: Băng cách hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt chương “Dàn xập” là thứ tư. —ooOoo—

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự

1. CÁC TIỂU Sự 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân vi.. . _ chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tắm cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-m6n, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây vậy? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào thân cây; vị nào cọ xát thì phạm tội Dukkata. 2. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tăm cọ xát cơ thê, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào cột trụ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào cột trụ, giống như những võ sĩ đấu

vật và những người thành phố tô điểm làn da vāy?^ Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào cột trụ; vi nào cọ xát thì phạm tội Dukkata. z ỉ 7

3 Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc tăm cọ xát cơ thê, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào tường nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào tường nhà, giống như những võ sĩ đấu vật và những người thành phố tô điểm làn da vay?" ...(nt). Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khmi, trong lúc tắm không nên cọ xát cơ thể vào tường nhà; vi nào cọ xát thì phạm tội Dukkata. 4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khun nhóm Lục Sư tắm [cọ xát] ở tấm ván xẻ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao ...(nt).. và lưng ở tấm ván xẻ, giông như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?^, Các Tỳ-khiru đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khxru rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên tăm [cọ xát] ở tâm ván xẻ; vị nào tăm thì phạm tội Dukkata. 5. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” ...(nt) Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với cây kỳ cọ hình giống bàn tay; vị nào tắm thì phạm tội Dukkata. 6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với chuỗi hột chà lưng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy.^, ...(nt).

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, không nên tăm với chuôi hột chà lưng; vị nào tăm thì phạm tội Dukkata. 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru nhóm Lục Sư bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” ...(nt). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau; vị nào bảo làm thì phạm tội Dukkata. 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng [làm # r * 9 y r băng răng cá kiêm]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” ...(nt). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với cây chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội Dukkata. 9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ghẻ. Đối với vi ấy, không có cây chà lưng không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cây chà lưng chưa được chế biến đối với vị bi bệnh. 10. Vào lúc bây giờ, có vị

Tỳ-khưu nọ già cả yêu đuôi, trong lúc tăm không thể kỳ cọ cơ thể của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc dùng dây vải. 11. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ngân ngại làm công việc kỳ cọ phân lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng tay như thường lệ. 12-19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt)... đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ..(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt).. đeo đồ trang sức ở tay ..(nt)... đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt).. đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ...(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt)... đeo đồ trang sức ở tay ..(nt)... đeo nhẫn ở ngón, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

..2 \ Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khmi, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo dây chuỗi ở co, không nên đeo dây chuỗi ở hông, không nên đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo đồ trang sức ở tay, không nên đeo nhẫn; vị nào đeo thì phạm tội Dukkata. 20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khmi, không nên để tóc dài; vị nào để [tóc dài] thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đê tóc] hai tháng hoặc [đê dài] hai lóng tay. 21-25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược •.(nt)...chải tóc bằng vật giống hình mang rắn ...(nt).. chải tóc bằng tay xòe ra ...(nt)... chải tóc với sáp ong ...(nt).. chải tóc với dầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ,..(nt). y y Này các Tỳ-khưu, không nên chải tóc băng lược, không nên chải tóc băng vật giống hình mang rắn, không nên chải tóc bằng tay xòe ra, không nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với dầu nước; vi nào chải tóc thì phạm tội Dukkata. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, và ở trong chậu nước nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước; vi nào nhìn thì phạm tội Dukkata. 27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở mặt. Vị ấy đã hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, vết thương của tôi ra làm sao? Các Tỳ-khưu đã nói như sau: Này Đại đức, vết thương của ngài là như thế đó. Vị ấy không tin. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, do nhân duyên bệnh, Ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước. 28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thoa dầu khuôn mặt, xoa bóp khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở khuôn mặt, vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ

tại gia hưởng dục v'Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự « 709

-Này các Tỳ-khưu, không nên thoa dầu khuôn mặt, không nên xoa bóp khuôn mặt, không nên thoa phấn khuôn mặt, không nên tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, không nên vẽ màu ở thân thể, không nên vẽ màu ở khuôn mặt, không nên vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 29. Vào lúc bây giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bi bệnh ở mat. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? do nhân duyên bệnh, Ta cho phép thoa dầu khuôn mặt. 30. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội Giraggasamajja. Các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư đã đi xem lễ hội Giraggasamajja. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi xem vũ, ca, luôn cả tấu nhạc giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế lon. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên đi xem vũ, ca, hoặc tâu nhạc; vi nào đi thì phạm tội Dukkata. 31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài, giống y như chúng ta ca hát vay." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi thuyêt pháp thoại, Ngài đã bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu? đây là năm điều bất lợi khi ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài: Bản thân vị ấy bị say đắm trong âm điệu, luôn cả những kẻ khác cũng bi say đắm trong âm điệu, hàng tại gia phàn nàn, trong khi ra sức thể hiện âm điệu thiền định bị phân tán, người đời sau bị rơi vào xu hướng theo quan diêm sai trái. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điêu bát lợi khi ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài. Này các Tỳ-khưu, không nên ngâm nga pháp theo âm điệu ca hát với sự kéo dài; vị nào ngâm nga thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại trong khi thuyêt giảng với giọng có âm điệu. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc thuyêt giảng với giọng có âm điệu.

710 TIÊU PHẨM

32. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài; vi nào mặc thì phạm tội Dukkata. 33. Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, các cây xoài đang ra trái. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã cho phép răng: Hãy để các ngài Đại đức thọ dụng xoài một cách thoải mái. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo hái luôn cả xoài non rồi thọ thực. Sau đó5 đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha muốn dùng xoài. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra lệnh cho mọi

người rằng: r Này các khanh, hãy đi đên vườn và mang xoài lại. -Tâu Bệ hạ, xin vâng. Những người ấy theo lệnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, đã đi đến vườn và nói với các người giữ vườn điều này: Này các ngươi, đức vua muốn dùng xoài. Các ngươi hãy dâng xoài. Các ngài oi, không còn xoài nữa. Các Tỳ-khưu đã bảo hái luôn cả xoài non và thọ dụng. Sau đó, những người ây đã trình sự việc ây lên đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. Này các khanh, xoài đã được các ngài Đại đức thọ dụng ngon lành; tuy nhiên, sự chừng mực đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà! Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng xoài của đức vua không biết chừng mực vay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ- khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng xoài; vi nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 34. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Các miếng xoài đã được bỏ vào trong món súp. Các Tỳ-khưu ngan ngại không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] xoài miếng. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Họ đã không học hỏi để làm xoài thành miếng, ở phòng ăn, họ đã tiến hành với các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các Tỳ-khưu ngần ngại không thọ lãnh.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 711

-Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách này. 35. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi răn căn và chét đi. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là vi Tỳ-khưu ấy đã không rải tâm từ đến bôn loài răn chúa này roi. Này các Tỳ-khưu5 bởi vì nêu vị Tỳ-khưu ây rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này, nàyr các 7 iF -t Tỳ-khưu, A • r vị• Tỳ-khmi ây dâu bị• răn ỉ căn cũng không thê nào chét được. Bôn loài răn chúa là các loài nào? Loài răn chúa Virũpakkha, loài rắn chúa Erãpatha, loài rắn chúa Chabyãputta, loài rắn chúa Kanhāgotamaka. Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là Tỳ-khtru ấy đã không rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này roi. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nêu vị Tỳ-khiru ây rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy dầu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này đê thực hiện sự hộ trì bản thân nhăm gìn giữ bản thân, nhăm bảo vệ bản thân. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hành như vây: "Tôi có tâm từ đối với các Virũpakkha, tôi có tâm từ đối với các Erãpatha, tôi có tâm từ đôi với các Chabyâputta, và tôi có tâm từ đôi với các Kanhāgotamaka. Tôi có tâm từ đối với các loài không chân, tôi có tâm từ đối với các loài hai chân, tôi có tâm từ đối với các loài bốn chân, tôi có tâm từ đối với các loài nhiều chân. Loài không chân đừng hãm hại tôi, loài hai chân đừng hãm hại tôi, loài bốn chân đừng hãm hại tôi, loài nhiều chân đừng hãm hại tôi. e r r r 9

Hỡi tát cả chúng sanh, tát cả các sinh vật, tát cả các sanh linh và toàn thê, xin tát cả hãy nhìn thây các điêu lành, điêu xâu xa chớ có xảy đên bát cứ ai. Đức Phật là vô lượng, Giáo pháp là vô lượng, Hội chúng là vô lượng. Các loài bò sát [như là] các loài răn, bọ cạp, rét, nhện, thăn lăn? chuột là có hạn lượng. Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ, tôi đã thực hiện sự hộ trì, xin các sanh linh hãy tránh xa. Tôi đây kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Chánh Đẳng GiAc." 36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị dằn vặt bởi sự không được thỏa thích nên đã cắt đi dương vật của bản thân. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu5 trong khi vật khác cần được đoạn trừ, kẻ rồ dại ấy lại đoạn trừ vật khác. Này các Tỳ-khưu, không nên cắt đi dương vật của bản thân; vi nào cắt thì phạm tội Thullaccaya,

37. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ tràm hương của lõi gỗ trầm hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: "Hay là ta cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là vật sử dụng của ta, còn cái bình bát, ta sẽ cho đi làm quà biếu." Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương ấy, rồi kéo lên bằng sợi dây và treo ở ngọn cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và nói như vầy: -rVị Sa-môn er hoặc Bà-la-môn nào là vịr A-la-hán và lại có thân thông nữa thì hãy lây quà biêu, chính là cái bình bát xuồng. Khi ấy, Pūrana Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta. Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi. Sau đó, Makkhaligosāla, Ajita Kesakambalaṃ Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belatthiputta, Nigantha Nātaputta1 đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta. Thưa ngài, nêu ngài là vị A-la-hán và lại có thân thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahāmoggallāna và Đại đức Pindolabhāradvāja, vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāja đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: Đại đức Mahāmoggallāna quả là vi A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này. Cái bình bát ấy là của Đại đức. Đại đức Pindolabhāradvāja cũng là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Pindolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này đi. Cái bình bát ấy là của Đại đức. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát áy và đi [trên không] quanh thành Rājagaha ba vòng. Vào lúc bây giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chắp lên, thành kính làm lễ rằng: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

Pūrana Kassapa và năm vị này đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

Sau đó, Đại đức Pindolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của Đại đức Pindolabhāradvāj a, chất đầy vật thực cứng loại đắt giá rồi dâng lại cho Đại đức Pindolabhāradvāj a. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāj a đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về tu viện. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha, đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức pmdolabhradvāja." Và các người ây với âm thanh ôn ào? với âm thanh âm ĩ, đã nối đuôi nhau đi phía sau Đại đức Pindolabhāradvāj a. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ ấy là gì vậy? Bạch Ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi Đại đức Pindolabhāradvāja. Bạch Ngài, dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức PmdolabhMadvậja." Và bạch Ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm i, đã nối đuôi nhau tuần tư đi phía sau Đại đức Pindolabhāradvāja. Bạch Ngài, bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ kia là chuyện ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Pindolabhāradvāja rằng: Này Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà ngươi lấy xuống, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Bhāradvāja, vì sao ngươi lại phô bày pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép than thông đến hàng tại gia vì nguyên nhân của cái bình bát gỗ tầm thường? Này Bhāradvāja, cũng giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì nguyên nhân của đông bạc tâm thường; này Bhāradvāja, tương tợ như thê9 vì nguyên nhân cái bình bát gô tâm thường, pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thân thông đã bị ngươi phô bày đến hàng tại gia. Này Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu5 hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên phô bày pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thân thông đên hàng tại gia; vị nào phô bày thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, hãy đập vỡ bình bát gỗ ấy, nghiền thành bột mịn, rồi hãy dâng đến

r các Tỳ-khưu làm hương liệu của thuôc cao. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát bang gỗ; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. 38. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng những bình bát đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát làm băng vàng, không nên sử dụng bình bát làm bằng bạc, không nên sử dụng bình bát làm bang ngọc ma- ni, không nên sử dụng bình bát làm bằng ngọc bích, không nên sử dụng bình bát làm bằng pha lê, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng đỏ, không

nên sử dụng bình bát làm bằng thủy tinh, không nên sử dụng bình bát làm bằng thiếc, không nên sử dụng bình bát làm bằng chi, không nên sử dụng bình bát làm bằng đồng thau; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. 39. Vào lúc bấy giờ, phần đáy bình bát bi trầy. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vòng đế bình bát. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát đủ loại, làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc áy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vòng đê bình bát đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai loại vòng đế bình bát: Loại làm bằng thiếc và loại làm bằng chì. Những vòng đế dày cộm không giữ yên [bình bát]. Các vị đã trình việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đẽo gọt bớt. Chúng bi lỏng chỏng. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt răng cá kiếm [cắm vào để giữ bình bát]. 40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các vòng đế bình bát màu sặc sỡ: Loại có tranh vẽ, loại có đắp hình nổi. Các vị đi đó đây phô trương những thứ ấy ngay cả ở nơi đường pho. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục v'Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vòng đế bình bát màu sặc sỡ: Loại có tranh vẽ, loại có đăp hình nôi; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép loại vòng đe bình thường.2

2 Ngài Buddhaghosa giải thích loại vòng đế bình thường (pakatimandalarñ) chính là loại vòng đế có răng cá kiếm đã được cắt (VỉnA. VI. 1203).

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 715

41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đem cất bình bát còn đẫm nước. Bình bát bi hư hỏng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên đem cát bình bát còn đâm nước; vị nào đem cất thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nang. 42. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đem phơi năng bình bát còn nước. Bình bát có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên đem phơi năng bình bát còn nước; vi nào đem phơi nắng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi làm ráo nước và đem phơi nang. 43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để luôn bình bát ở chỗ nóng. Màu sắc của bình bát bị hoại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên để luôn bình bát ở chỗ nóng; vi nào để luôn thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem cất bình bát sau khi phơi nang ở chỗ nóng trong chốc lát. 44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều bình bát được đặt xuống ở ngoài trời, không có vật kềm giữ. Do cơn gió xoáy, các bình bát đã quay vòng và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giá giữ bình bát. 45. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuông ở mép của giường đúc. Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở mép của giường đúc; vị nào đặt xuống thì phạm tội Dukkata. 46. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở mép của bục nền xung quanh.

Bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuông ở mép của bục nên xung quanh; vị nào đặt xuống thì phạm tội Dukkata. 47. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu lật úp bình bát ở trên mặt đất. Vành miệng [bình bát] bị trầy. Các vi đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [sử dụng] miêng lót băng cỏ. Miếng lót bằng cỏ bị các con mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] mảnh vải. Mảnh vải bị các con mối ăn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [sử dụng] bục kê bình bát. Bình bát rơi từ bục kê bình bát và bị vỡ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn.

716 TIỀU PHẨM

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giỏ mây chứa bình bát. ở trong giỏ mây chứa bình bát, bình bát bị trầy. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng bình bát. Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại. 48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu treo bình bát ở chốt đinh gắn vào tường và ở móc ngà voi. Bình bát rơi xuông và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên treo bình bát; vị nào treo thì phạm tội Dukkata, 49. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở giường. Trong khi ngồi xuống, do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đè lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc ay len đức Thê T6n. Này các Tỳ-khưu? không nên đặt bình bát xuống ở giường; vi nào đặt xuống thì phạm tội Dukkata. 50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đặt bình bát xuống ở ghế. Trong khi ngồi xuống, do sự lẫn lộn về ghi nhớ nên đè lên và làm vỡ bình bát. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở ghế; vi nào đặt xuống thì phạm tội Dukkaía. 51. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đặt bình bát xuống ở bắp vế. Do sự lẫn lộn về ghi nhớ, các vị đứng lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuống ở bắp vế; vị nào đặt xuống thì phạm tội Dukkata. 52. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đặt bình bát xuống ở trên cái dù. Do cơn gió xoáy, cái dù bị bật lên khiến bình bát rơi xuống và bị vỡ. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đặt bình bát xuông ở trên cái dù; vị nào đặt xuống thì phạm tội Dukkata, 53. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mở cửa với bình bát ở tay. Cánh cửa bật trở lại, khiến bình bát bi vỡ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mở cửa với bình bát ở tay; vị nào mở cửa thì phạm tội Dukkaịa. 54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đi khất thực [chứa] ở bầu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các tu sĩ ngoại đạo vay." Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự« 717

Này các Tỳ-khưu, không nên đi khất thực [chứa] ở bầu đựng nước; vị nào đi [khất thực như thế] thì phạm tội Dukkata. 55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực [chứa] ở chậu đựng nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các tu sĩ ngoại đạo vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các

Tỳ-khưu, không nên đi khất thực [chứa] ở chậu đựng nước; vị nào đi [khất thực như thế] thì phạm tội Dukkata. 56. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ chỉ sử dụng các vật bi quăng bỏ. Vị ấy sử dụng bình bát [làm bằng] đầu lâu của người chết. Có phụ nữ nọ nhìn thấy, hoảng sq, đã mất tự chủ [thét lên]: Làm tôi hết hồn, gã này đúng là quỷ sứ! Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại sử dụng bình bát [làm bằng] đầu lâu của người chết, giống như kẻ thờ phụng quỷ thần vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). - Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bình bát [làm bằng] đàu lâu của người chết; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, không nên sinh tồn chỉ nhờ vào các vật bị quăng bỏ; vị nào sinh tồn [như thế] thì phạm tội Dukkata. 57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc và nước cặn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vi Sa-môn Thích tử này thọ thực trong chính cái vật đựng [rác] của bọn họ!,, Các vi đã trình sự việc áy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, không nên dùng bình bát để mang đi các đồ thừa thãi, xương xóc, hay nước cặn; vị nào mang đi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật đựng [rác]. 58. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu xé [vải] băng tay roi may y. Y không thâm mỹ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao nhỏ có vỏ bọc. 59. Vào lúc bấy giờ, dao nhỏ có cán được phát sanh đến hội chúng. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao nhỏ có cán. 60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư sử dụng các cán dao đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục v'Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Ton. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các cán dao đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép làm băng xương, làm bàng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu may y bằng lông gà và lạt tre. Y được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim khâu. Các kim khâu bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống đựng kim khâu. Cho dù ở trong ống đựng, các kim khâu cũng bị rỉ sét. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đầy với bột gây men. Cho dù ở trong bột gây men, các kim khâu cũng bị rỉ sét. y Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đây với bột lúa mạch. Cho dù ở trong bột lúa mạch, các kim khâu cũng bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bột đá. Cho dù với bột đá, các kim khâu cũng bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trộn với mật và sáp ong. Bột đá bi rời rạc. Này các Tỳ-khmi5 Ta cho phép [trộn] bột đá với nhựa cây. 62. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu cắm cọc ở các nơi, buộc [vải] lại với nhau rồi may y. Y có các góc không vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm y mẫu, dây buộc ở tấm y mẫu, sau khi buộc y vào chỗ này chỗ kia roi may. Các vi trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tấm y mẫu bị rời ra. Này các Tỳ-khưu, không nên trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng; vị nào trải ra thì phạm tội Dukkata. Các vi trải ra tấm y mẫu ở trên mặt

đất. Tấm y mẫu bị dơ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm cỏ. Đường viền của tấm y mẫu bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thiết lập đường biên, tức là vòng đai xung quanh. Tấm y mẫu không đạt kích thước. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép buộc y vào khung y mẫu, vào thanh gỗ dẹp, vao cọc go, vào day buộc, vao chỉ buộc roi may. Các khoảng cách của các đường chỉ không đều nhau. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đo đạc. Các đường chỉ bi cong quẹo. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đường chỉ may tạm.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 719

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên tấm y mẫu với các bàn chân chưa rửa. Tấm y mẫu bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên tấm y mẫu với các bàn chân chưa rửa; vi nào bước lên thì phạm tội Dukkata. 64. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên tấm y mẫu với các bàn chân đẫm nước. Tấm y mẫu bi dơ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, không nên bước lên tam y mẫu với các bàn chân đẫm nước; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. 65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang giày dép bước lên tấm y mẫu. Tấm y mẫu bi dơ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu? không nên mang giày dép bước lên tấm y mẫu; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. 66. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru cầm [kim] bằng ngón tay trong khi may y. Các ngón tay bị đau. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật bao ngón tay. 67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại làm băng vàng, làm băng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay?" Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các vật bao ngón tay đủ loại; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò. 68. Vào lúc bấy giờ, những kim khâu, những con dao nhỏ, luôn cả những vật bao ngón tay bi thất lạc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] thùng chứa. Chúng bi lẫn lộn trong thùng chứa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép [sử dụng] túi để đựng vật bao ngón tay. Dây mang vai không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại. 69. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi may y ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà may y, mái che tạm để may y. Nhà may y có nên tháp nên bị ngập nước. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Á rin The Ton.

720 TIỂU PHẨM

- Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. A 7 r Nên móng bị đô xuông. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nền móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực

hiện] tay câm đê vịn. Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong nhà may y. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi may y xong, đã bỏ bê tấm y mẫu ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Tấm y mẫu bị gặm nhấm bởi các con chuột và các con J • , • __ Ạ • ĩ • Á x _ ____ • A _ Ạ__ 1 A _ Ạ r-r-< _ moi. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gáp tâm y mâu lại. Tâm y mâu bị rời ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đặt cây gỗ hoặc tre ở bên trong rồi cuốn lại. Tấm y mẫu bị bung ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dây buộc. 71. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã đưa tấm y mẫu lên cất ở trên vách tường hoặc ở trên cột nhà rồi ra đi. Tấm y mẫu rơi xuống và bị bung ra. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép treo lên ở chốt đinh gắn vào tường hoặc ở móc ngà voi. 72. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Vesālī. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã dùng bát chứa đựng kim khâu, dao nhỏ và thuốc men rồi ra đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng thuôc men. Dây mang vai không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại. 73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã buộc đôi dép bằng dây thắt lưng rồi đi vào làng để khất thực. Có nam cư sĩ nọ, trong khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, đã bị đôi dép chạm vào đầu. Vị Tỳ-khiru ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu

ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khiru đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] túi đựng dép. Dây mang vai không có. -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại. 74. Vào lúc bấy giờ, ở khoảng giữa cuộc hành trình, nước chưa được làm thành đúng phép. Đồ lược nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rrM Á FT^ A _ The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước. Mảnh vải lược không có hiệu quả. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước gắn ở gáo múc. Mảnh vải lược không có hiệu quả. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đô lọc nước thông thường. 75. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khiru đang đi đường xa trong xứ Kosala. Một Tỳ-khiru hành xử điều sai trái. Vị Tỳ-khưu thứ hai đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: “Này Đại đức, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép." Vị ấy đã kết oán với vi kia. Sau đó, vị Tỳ-khưu kia bi khó chịu vì khát nước, đã nói với vị Tỳ-khưu kết oán điều này: "Này Đại đức, hãy đưa cho tôi đồ lược nước, tôi sẽ uông rnróc.” Vị Tỳ-khưu kết oán đã không đưa cho. Vi Tỳ-khưu kia bị khó chiu vì khát nước đã chết đi. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ"khưu. Này Đại đức, có phải Đại đức đã không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao vị Tỳ-khiru lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nu&c?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi vi Tỳ-khưu ấy rằng: Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã không đưa cho khi được hỏi

mượn đồ lược nước, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này kẻ rồ dại kia, thật không đúng đắn cho ngươi, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại kia, vì sao ngươi lại không đưa cho khi được hỏi mượn đồ lược nước vậy? Này kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi đường xa khi được hỏi mượn đồ lược nước không thể không đưa cho; vi nào không đưa cho thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu, vị không có đồ lược nước không nên đi đường xa; vị nào đi thì phạm tội Dukkata. Nếu không có đồ lược nước hoặc đồ lọc nước thông * 2 : r e thường, có thê chú nguyện chéo y hai lớp: "Tôi sẽ uông sau khi lược nước băng vật này." 76. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, trong xứ Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvanaṃ giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru thực hiện công trình [xây dựng] mới. Đồ lược nước không làm trong [nước] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức FT-11 À FT^ The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đồ lược nước gắn ở các cây gậy. Đồ lược nước gắn ở các cây gậy không làm trong [nước] được. Các vi đã r trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vại lọc nước. 77. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu bị khuây roi bởi các con muôi. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lều chống muỗi. 78. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Vesālī, sự luân phiên bữa ăn gồm các thức ăn hảo hạng được xác định. Các Tỳ-khưu thọ dụng các thức ăn hảo hạng nên cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Khi ấy, [thầy thuốc] Jīvaka Komārabhacca đã đi đên Vesālī do công việc cân làm nào đó. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thây các Tỳ-khưu có cơ thê béo phì, có nhiêu chứng bệnh, sau khi nhìn thây đã đi đên gặp đức Thê Ton, sau khi đen đã đảnh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, hiện nay, các Tỳ-khưu có cơ thể béo phì, có nhiều chứng bệnh. Bạch Ngài, lành thay, xin đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-khưu [sử dụng] đường kinh hành và phòng tăm hơi; như thê các Tỳ-khưu sẽ bớt bệnh. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komârabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

Sau đó? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đường kinh hành và phòng tắm hơi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đi kinh hành ở đường kinh hành không bằng phẳng. Các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các

Tỳ-khưu, Ta cho phép làm cho băng phăng. Đường kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép làm nên cao. ỵ 9 r Nên móng bị đô xuông. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng băng gạch, nền móng bằng đá, nên móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. 79. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi kinh hành ở đường kinh hành bị té. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] viền rào ở đường kinh hành. 80. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi kinh hành ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà đi kinh hành. Rác cỏ rơi vào trong nhà đi kinh hành. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 81. Vào lúc bây giờ, phòng tăm hơi có nên tháp nên bi ngập nước. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bi đô xuống. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng băng gạch, nền móng bằng đá, nên móng bằng gỗ. Các vi bi khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng dá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang].

Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Phòng tắm hơi không có cửa. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chót xoay, tay năm, chót gài, đinh khóa chót, chót phụ, lô khóa, lô đê xỏ dây, dây thừng đe luồn qua. 82. Chân tường của phòng tắm hơi bi hư hỏng. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép xây mô tròn. Phòng tắm hơi không có ống thông khói. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ống thông khói. 83. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lối đi lại không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm chỗ đốt lửa một bên góc ở phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa [phòng tắm hơi] có khuôn viên rộng. Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa đốt nóng mặt [các Tỳ-khưu]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét [đắp] ở mặt. Các vị nhồi ướt đất sét ở tay. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] máng đựng đất sét. Đất sét có mùi hôi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ủ [đất sét]. Vào lúc bây giờ, ở trong phòng tăm hơi, ngọn lửa đót nóng thân thê [các Tỳ-khưu]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang nước lại. Các vi mang nước lại băng năp bình bát và băng bình bát. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vại chứa nước [và] gáo múc nước. 84. Mái lợp cỏ làm phòng tăm hơi trở nên dơ bân. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới. Phòng tắm hơi bi lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: Nen gạch, nền đá, nền gỗ. [Phòng tắm hơi] vẫn còn bị lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rửa sạch. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngồi xuống trên nền đất của phòng tắm hơi, các phần thân thể bị ngứa ngáy. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử

dụng] ghế ngồi ở phòng tắm hơi.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 725

85. Vào lúc bấy giờ, phòng tắm hơi không được rào lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào băng gạch, hàng rào băng dá, hàng rào băng gô. Không có nhà kho chứa đồ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà kho chứa đồ. Nhà kho chứa đồ có nền thấp nên bị ngập nước. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bị đô xuồng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nen móng bằng gỗ. Các vi bị khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Nhà kho chứa đồ không có cửa. -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. Căn phòng bị lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vi không thành công. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiến. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước. 86. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [đang] ở trần đảnh lễ vi ở trần, [đang] ở trần bảo vị [đang] ở trần đảnh lễ, [đang] ở trần phục vụ vi ở trần, [đang] ở trần bảo [người khác] phục vụ vị ở trần, [đang] ở trần dâng đồ cho vị ở trần, thọ nhận [lúc đang] ở trần, nhai [lúc đang] ở trần, ăn [lúc đang] ở trần, ngủ [lúc đang] ở trần, uống [lúc đang] ở trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, vi [đang] ở trần không nên đảnh lễ vi ở trần, vị nào đảnh lễ thì phạm tội Dukkata. Vi [đang] ở trần không nên bảo vi [đang] ở trần đảnh lễ, ...(nt)... Vi [đang] ở trần không nên đảnh lễ, ...(nt).. Vị [đang] ở trần

726 TIỂU PHẨM

không nên bảo [vi khác] đảnh lễ, ...(nt).. Vị [đang] ở trần khônẹ nên phục vụ vị ở trân, ...(nt).. Vị [đang] ở trân không nên bảo phục vụ vị ở trân, ...(nt).. VỊ [đang] ở trần không nên dâng đồ cho vị ở trần, ...(nt)... Không nên thọ nhận [lúc đang] ở trân, ...(nt)... Không nên nhai [lúc đang] ở trân, ...(nt).. Không nên ăn [lúc đang] ở trần, ...(nt)... Không nên ngủ [lúc đang] ở trần, ...(nt).. Không nên uống [lúc đang] ở trần, vi nào uống [lúc đang ở trần] thì phạm tội Dukkata, 87. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đê y xuồng trên nên đát của phòng tăm hơi. Y bị dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở phòng tắm hơi. Lúc trời mưa, mưa rơi ở y. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] gian nhà lớn ở phòng tắm hơi. Gian nhà lớn ở phòng tắm hơi có nền thấp nên bị ngập nước. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bi đô xuông. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: ...(nt) Các vị bi khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho

phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong gian nhà lớn của phòng tắm hơi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trang, sơn màu dèn, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo băng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu đang ở trần ngân ngại làm công việc kỳ cọ lưng ở trong phòng tắm hơi, ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại tấm choàng: Tấm choàng ở phòng tắm hơi, tấm choàng ở trong nước và tấm choàng bằng vải. 88. Vào lúc bây giờ, trong phòng tăm hơi không có nước. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giêng nước. Thành giếng bị sụp đổ. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng 1 w 1 À r A Ji l w s A 7 K1 w băng gạch, nen mong băng đa, nen mong băng go. Giếng nước có nền thấp nên bi ngập nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nên cao.

Nên móng bị đô xuông. ...(nt). Các vi bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. r y , 89. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu kéo nước lên băng dây rừng, băng dây thắt lưng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây thừng để kéo nước. Hai tay bi đau. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cần giọt, cần trục quay, bánh xe ròng rọc. Các thùng [kéo nước] bị bể nhiều. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại gàu [kéo nước]: Gàu bằng thiếc, gàu bằng gỗ, loại có [gắn] các sợi da thuộc. 90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi kéo nước ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép [thực hiện] gian nhà ở giếng. Rác cỏ rơi vào trong gian nhà ở giếng. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Vào lúc bây giờ, giêng không được che đậy nên bị các rác cỏ, luôn cả các vật dơ rơi vào. - Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép [thực hiện] nắp đậy. Vào lúc bấy giờ, vật chứa nước không có. Này các Tỳ-khiru5 Ta cho phép [sử dụng] máng đựng nước, chậu đựng nước. 91. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru tăm ở nơi này nơi kia trong khuôn viên tu viện. Tu viện trơ nen lay lọi. Các vi đa trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] hồ nước [để tắm]. Hồ tắm không được kín đáo. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi tắm. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [băng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đả, hàng rào bằng gỗ. Hồ tắm bi lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: Nen gạch, nền dá, nền gỗ. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước.

92. Vào lúc bây giờ, các phân cơ thê của các Tỳ-khưu bi lạnh. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm ráo [nước] cho dù chỉ bằng miếng vải thấm nước. r A >

Vào lúc bây giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định cho xây dựng hô trữ nước nhăm sự lợi ích của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] hồ trữ nước. Bờ thành của hồ trữ nước bị sụp đổ. —Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng đá5 nên móng bằng gỗ. Các vi bị khó khăn trong khi bước lên. -Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Nước trong hô trữ nước bị ôi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ống dẫn nước, ống tháo nước. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định cho thực hiện phòng tắm hơi có mái vòm nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [thực hiện] phòng tắm hơi có mái vòm. 93. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư lìa xa tọa cụ trong bốn tháng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, không nên lìa xa tọa cụ trong bốn tháng; vị nào lìa xa thì phạm tội Dukkata. 94. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nằm trên những chỗ nằm có rải hoa. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nen năm trên những chô năm có rải hoa; vị nào nam thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bấy giờ, dân chúnệ đi đến tu viện, mang theo dầu thơm và vòng hoa. Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi nhận dầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa, sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc ở trong trú xá. 95. Vào lúc bấy giờ, có tấm thảm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

v. CHƯƠNG CÁC TIỀU Sự < 729

-Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm len. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý như vầy: —Thảm len nên được chú nguyện đê dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung? Này các Tỳ-khưu, thảm len không nên được chú nguyện để dùng riêng, không nên được chú nguyện để dùng chung. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậyy Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm; vị nào thọ thực [như thế] thì phạm tội Dukkata. 96. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bi bệnh. Vị ấy trong khi ăn? không thể kềm giữ bình bát bằng tay được. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giá đỡ bình bát. 97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ăn chung trong một tô9 uống chung trong một cốc, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vi đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên ăn chung trong một đĩa, không nên uống chung trong một cóc, không nên năm chung trên một giường, không nên năm chung một tấm trải, không nên nằm chung một tấm đắp, không nên nằm chung một tấm trải và tấm đắp; vị nào nằm chung thì phạm tội Dukkata, 98. Vào lúc bấy giờ, Vaddha Licchavī là

thân hữu của các Tỳ-khxru nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ấy, Vaddha Licchavī đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại dức.” Khi được nói như vậy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đen lần thứ nhì, Vaddha Licchavī đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại dức.” Đen lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đen lần thứ ba, Vaddha Licchavī đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: "Tôi xin chào các ngài Đại dức." Đen lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. —Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi? Này đạo hữu Vaddha, bởi vì ngươi vẫn dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bi Dabba Mallaputtā làm tổn hại.

_ _ > Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điêu gì? -Này đạo hữu Vaddha, nếu ngươi chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Đại đức Dabba Mallaputtā. -Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì? Này đạo hữu Vadặha, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ? thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bi ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā." Thưa các ngài Đại đức, xin vâng. Rồi Vaddha Licchavī nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức Thê Tôn roi ngôi xuông một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Vaddha Licchavī đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quôc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sâu khô, thì chính ở quôc độ ây có sự sợ hãi, có tai họa và có sâu khô. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; vợ con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khiru lại và hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thê, giông như điêu vị Vaddha này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà. Đen lần thứ nhi, đức Thế Tôn ...(nt)... Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: -Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều vị Vaddha này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào đức Thế Tôn biết mà. Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "C6 làm” nếu không làm, hãy nói: "Không làm.,, Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khiru, chính vì điêu ây hội chúng hãy úp ngược bình bát đôi với Vaddha Licchavī, [tức là] hãy thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Này các Tỳ-khiru, bình bát nên được úp ngược đoi với nam cư sĩ có tám

yếu tố: Vị ra sức làm cho các Tỳ-khiru không được lợi lộc; ra sức làm cho các Tỳ-khmi không được sự lợi ích; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; vi mang nhiếc, gièm pha các Tỳ-khưu; chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu; vi phỉ báng đức Phật; vi phỉ báng Giáo pháp; vị phỉ báng Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép úp ngược bình bát đối với nam cư sĩ có tám yếu tố này. Và này các Tỳ-khiru, nên úp ngược [bình bát] như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā, với sự hư hỏng vê giới không có nguyên cớ. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] nên thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vaddha Licchavī bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā, với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Hội chúng úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc úp ngược bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] thực thi việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng [đã được thực thi]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 99. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của Vaddha Licchavī, sau khi đến đã nói với Vaddha Licchavī điều này: Này đạo hữu Vaddha, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với ngươi, ngươi có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng. Khi ấy, Vaddha Licchavī [biết rằng]: "Nghe nói bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với ta, nghe nói ta có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng” nên bị ngất xíu, ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, bạn bè thân hữu, thân quyến ruột thịt của Vaddha Licchavī đã nói với Vaddha Licchavī rằng: —Này đạo hữu Vaddha, thôi đi. Chớ có than van, chớ có rên rỉ. Chúng ta sẽ làm cho đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu tin tưởng. Sau đó, Vaddha Licchavī với y phục ướt đẫm, với đầu tóc ướt đẫm, cùng vợ con, bạn bè thân hữu và thân quyến ruột thịt đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói điều này: Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con, khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch Ngài, đối với con đây, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

-Này đạo hữu Vaddha, đúng như thê. Tội lôi đã chiêm ngự lây ngươi, khiên ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên ngươi đã bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Này đạo hữu Vaddha, chính từ việc đó ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đôi đúng theo pháp, chúng ta ghi nhận điêu áy cho ngươi. Này đạo hữu Vaddha, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp sẽ thực hành sự ngăn ngừa trong tương lai." Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các

Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, hãy thực thi việc]. cùng thọ hưởng với hộir chúng. r Này các Tỳ-khưu, bình bát nên được mở ra đôi với nam cư sĩ có tám yêu tô: Vị không ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc; không ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được sự lợi ích; không ra sức làm cho các Tỳ-khmi không có chỗ ngụ; vị không mắng nhiếc, không gièm pha các Tỳ-khưu; không chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu; không phỉ báng đức Phật; không phỉ báng Giáo pháp; không phỉ báng Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mở bình bát đối với nam r r cư sĩ có tám yêu tô này. Và này các Tỳ-khưu5 nên mở ra như vầy: Này các Tỳ-khưu, Vaddha Licchavī ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ- khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với con, con có sự không cùng thọ hưởng với hội chúng. Bạch các ngài, con đây làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ con thỉnh câu hội chúng việc mở bình bát.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Nếu là òi điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] nên thực thi việc cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát đã được hội chúng úp ngược đoi với Vaddha Licchavī, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu hội chúng việc mở bình bát. Hội chúng mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] thực thi việc cùng thọ hưởng

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 733

với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Bình bát đã được hội chúng mở ra đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng [đã được thực hiện]. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Tụng phẩm thứ nhì.

TỤNG PHẨM THỨBA 100. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến xứ Bhaggâ. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến xứ Bhaggâ. Tại nơi đó, ở xứ Bhaggaṃ đức Thế Tôn ngự tại Surpsumãragira, trong khu rừng Bhesakalâ, nơi vườn Nai. Vào lúc bây giờ, lâu đài tên Kokanada của Vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng không bao lâu, chưa có Sa-môn hoặc Bà-la-môn hay bất cứ người nào vào cư ngụ. Khi ấy, Vương tử Bodhi đã bảo chàng thanh niên, con trai bà Safljikā rằng: Này con trai của bà Sañjikā mến, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn nhân danh ta hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái [như vầy]: "Bạch Ngài, Vương tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn, và hỏi

thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái.,, Và ngươi hãy nói như vầy: "Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi." Thưa ngài, xin vâng. Rồi chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā nghe lời Vương tử Bodhi, đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã bay to sự than thiện đôi vơi đức Thê Tôn, sau khi trao đôi lời xã giao thân thiện roi đã ngôi xuông một bên. Khi đã ngôi xuống một bên? chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā đã nói với đức Thế Tôn điều này: Vương tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ Ngài Gotama và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít đau, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vầy: "Xin Ngài Gotama cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi."

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ây, chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā, sau khi biêt được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đưng dậy, đi đến gặp Vương tử Bodhi, sau khi đến đã nói với Vương tử Bodhi điều này: Thưa ngài, chúng tôi đã bạch đức Thế Tôn Gotama ấy với lời nói của ngài: "Vuông tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ Ngài Gotama và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít dàu, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vầy: Xin Ngài Gotama cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi.,, Và Sa-môn Gotama đã nhận lời. 101. Sau đó, khi trải qua đêm ấy Vương tử Bodhi đã cho chuẩn bi vật thực hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi ra lệnh trải các tấm vải trắng ở lâu đài Kokanada cho đến tận bậc cấp ở ngoài cùng, xong đã bảo chàng thanh niên, con trai bà Safljikā rằng: Này con trai của bà Sañjikā mến, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến hãy thong báo thời giờ đến đức Thế Tôn ràng: "Bạch Ngài, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bị xong." Thưa ngài, xin vâng. Rồi chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā nghe lời Vương tử Bodhi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ; bữa ăn đã chuẩn bi xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của Vương tử Bodhi cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Vào lúc bấy giờ, Vương tử Bodhi đứng ở bên ngoài công ra vào đang chờ đợi đức Thê Tôn. Roi Vương tử Bodhi đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy, Vương tử Bodhi đã từ chỗ ấy đi ra đón tiếp, sau khi đảnh lễ đức Thế Tôn, thỉnh Ngài đi phía trước rồi đã đi đến lâu đài Kokanada. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đứng lại cạnh bậc cấp ở ngoài cùng. Rồi Vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước lên các tấm vải. Bạch Ngài, xin đàng Thiện Thệ hãy bước lên các tâm vải, việc ây sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đen lần thứ nhì, ...(nt).. Đen lần thứ ba, Vương tử Bodhi đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy bước len các tấm vải. Bạch Ngài, xin đấng Thiện Thệ hãy bước lên các tấm vải, việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nhìn sang Đại đức Ānanda. Rồi Đại đức Ānanda đã nói với Vương tử Bodhi điều này:

-Thưa Vương tử, xin hãy gấp các tấm vải lại. Đức Thế Tôn sẽ không bước lên tấm thảm trải bằng vải. Đấng Như Lai có lòng thương tưởng đến chúng sanh sau này.3 Sau đó, Vương tử Bodhi đã bảo gáp lại các tâm vải và cho sáp đặt chô ngôi ở phía trên của lâu đài Kokanada. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bước lên lâu đài Kokanada và ngồi xuống ở chỗ ngoi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, Vương tử Bodhi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật dẫn đầu bằng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, Vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên. Khi Vương tử Bodhi đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Vương tử Bodhi bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đức Thế Tôn đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 không nên bước lên các tâm thảm trải băng vải; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. 102. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà bi sẩy thai nọ đã thỉnh các Tỳ-khưu đến rồi trải ra tấm vải và đã nói điều này: Thưa các ngài, xin hãy bước lên tâm vải. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không bước lên. Thưa các ngài, xin hãy bước lên tâm vải đê đem lại sự may măn. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại đã không bước lên. Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại dức, trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn lại không bước lên tấm thảm trải bằng vải?^, Các Tỳ-khưu đã nghe người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, các gia chủ tin vào sự may man. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bước lên tấm thảm trải bằng vải trong khi được thỉnh cầu để đem lại sự may mắn. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại không bước lên tấm vải chùi chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép bước lên tấm vải chùi chân.

3 Việc đức Thế Tôn không bước lên tấm thảm trải bằng vải đã được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "Vuông tử Bodhi đã trải ra tấm thảm bằng vải VƠI ước nguyện rang; 'Nếu ta sẽ có được đứa con trai thì đức Thế Tôn sẽ bước lên tấm thảm trải bằng vải của ta.5 Và vì vị ấy không thể có con trai, nên đức Thế Tôn đã không bước lên. Nếu đức Thế Tôn bước lên, sau này vị vương tử không có con trai, có thể sanh tà kiến rằng: 'Vi này không phải là Toàn Giác\ đó là nguyên nhân trong việc đức Thế Tôn không bước lên tấm tham trải bang vải. Ngay cả các vị Tỳ-khưu, trorig khi không biết rồi bước lên, có thể bị hàng tại gia chê bai, do đó đưc Thế Tôn đã quy định điều học về việc này đe tránh cho các vị Tỳ- khưu bị chê bai, Đây là nguyên nhân của việc quy định điều học^, (VìnA. VI. 1209).

103. Vào lúc bấy giờ, sau khi ngự tại xứ Bhaggā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migāra mang y r 7^ -t r theo cái chum, vật chà chân [băng đát nung] và cái choi, đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của

Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái chum và cái chổi. Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật chà chân [băng đát nung]. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân Sự kiện áy đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái chum và cái chổi. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng vật chà chân [bằng đất nung]; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển. 104. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migâra mang theo cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của Migâra đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn]. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migâra bằng bài pháp thoại. Sau đó, Visākhā, mẹ của Migâra ...(nt).. hướng vai phải nhiễu quanh, roi ra đi. Sau đó, đức The Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn]. 105. Vào lúc bây giờ, quạt đuôi muôi được phát sanh đên hội chúng. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] quạt đuổi muỗi. Quạt đuôi bò rừng được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 737

Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba loại quạt: Làm bang vỏ cây, làm bang loại rễ cây usīra, làm bang lông đuôi chim công. 106. Vào lúc bấy ô dù được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Vào lúc bây giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đên công viên cùng với nhiêu tín đô của đạo lõa thê. Các tín đồ của đạo lõa thể đã nhìn thấy từ đàng xa các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: -Này ông, các bậc khả kính kia của ông mang ô dù đi đến kìa, giống như đám quan đại thần vậy. Này quý vi, các vị ây không phải là các Tỳ-khưu, là các du sĩ ngoại đạo. -Là các Tỳ-khưu? không phải là các Tỳ-khưu. Họ đã thực hiện việc cá độ. Sau đó, nam cư sĩ ây khi đi lại gân biêt được rõ ràng nên mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại mang ô dù đi đó day?99 Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt).. có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức

Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng ô dù; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. 107. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Đối với vị ấy? không có ô dù, không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù đối với Tỳ-khưu bị bệnh. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: UÔ dù đã được đức Thế Tôn cho phép đối với Tỳ-khưu bi bệnh, không cho đối với vị không bị bênh" rồi ngần ngại che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu không bị bệnh che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. 108. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ buộc bình bát băng sợi dây thừng treo ở cây gậy, rồi đi ngang qua cổng của ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng [bàn bạc rằng]: "Này các vị, gã trộm kia đang đi, gươm của gã lấp lánh kia”rồi đã đuổi theo, giữ lại, đến khi biết rõ, đã thả ra. Sau đó9 vị Tỳ-khưu ấy đã đi đen tu viện và ke lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

—Này Đại đức, có phải Đại đức mang theo gậy và dây thừng? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khmi nào ít ham muốn, tự biết dử, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khiru lại mang theo gậy và dây thừng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đúc Thế Ton. -Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi mang theo gậy và dây thừng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên mang theo gậy và dây thừng; vị nào mang theo thì phạm tội Dukkata. 109. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đông ý vê [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu bi bệnh. Và này các Tỳ-khiru5 nên ban cho như vầy: Vi Tỳ-khiru bi bệnh ấy cần đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bi bệnh, khônệ có cây gậy không thể đi lại. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng sự đônẹ ý vê [việc sử dụng] gay.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lan thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khxru tên [như vây] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy. Nấu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. __ r e v Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu tên [như vây] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy. Hội chúng ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nồi len? Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vay]. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 110. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự < 739

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khiru bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vi Tỳ- khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bi bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng.,, Nên thỉnh cầu đến làn thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] bi bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khiru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vây] bị bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đông ý vê [việc sử dụng] dây thừng. Hội chúng ban cho sự đông ý vê [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng, tôi ghi nhận sự việc này là như v:' 111. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đên Tỳ-khưu bi bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Vị Tỳ-khưu bi bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó đây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi.

740 TIỂU PHẨM

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị bệnh, không có cây gậy không thể đi lại đó dây, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng. Hội chúng ban cho sự đồng ý ye [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đến Tỳ-khưu

tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Sự đồng ỷ về [việc sử dụng] gậy và dây thừng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khiru tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 112. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có tật nhai lại thức ăn. Vị ấy nhai đi nhai lại [thức ăn] rồi nuốt xuống. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: Tỳ-khưu này ăn vật thực lúc sái th&i." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây trước đây không lâu thuộc nòi giông trâu bò đã bị chết đi. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép việc nhai lại đối với vị có tật nhai lại. Và này các Tỳ-khưu, sau khi ợ lên ở cửa miệng [vật đã ăn vào] không nên nuốt xuống; vi nào nuốt xuống thì nên được hành xử theo pháp.4 113. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Nhiều hột cơm đã bị rơi vãi trong phòng ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: uTại sao các Sa-môn Thích tử trong khi được dâng cơm lại không thọ lãnh một cách thận trọng, vì mỗi một hột cơm được tạo nên bởi trăm công SIÌC?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, vật nào bi rơi xuống trong khi được dâng cúng, Ta cho phép tự thân nhặt lên và thọ dụng vật ấy. Này các Tỳ-khưu5 vật ấy đã được xả thí bởi các thí chủ. 114. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đi khất thực với các móng được để dài. Có người đàn bà nọ đã nhìn thay roi nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: Ngài ơi, hãy đến. Hãy thực hiện việc lứa đôi đi. Này chi gái, thôi đi. Việc ấy không được phép. Ngài ơi, nếu ngài không thực hiện, giờ đây tôi sẽ cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi sẽ làm ầm ĩ: "Tỳ-khưu này xúc phạm t6i." Này chị gái, cô nên biết điều. Khi ấy, người đàn bà ấy đã cào cấu khắp mình mẩy bằng các móng tay của mình rồi đã làm ầm ĩ: uTỳ-khưu này xúc phạm t6i." Dân chúng đã chạy lại và bắt giữ vị Tỳ-khưu ấy. Rồi những người ấy đã nhìn thấy da và máu ở móng tay của người đàn bà ấy, sau khi nhìn thấy [biết

4 Liên quan đến tội Pãcittiya 37 (ND).

được rằng]: "Hành động này là của chính người đàn bà này, vi Tỳ-khiru không phải là người làm", rồi đã thả vị Tỳ-khưu ấy ra. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. - Này Đại dức, có phải Đại đức đã để dài các móng? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại để dài các m6ng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các móng không nên đê dài; vi nào đê dài thì phạm tội Dukkata. 115. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xé móng bằng móng tay, cắn móng bằng miệng, mài móng ở tường. Các ngón bị đau. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc cắt móng. Các vị cắt móng làm chảy máu. Các ngón bị đau. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt móng đến sát phần thịt. 116. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo trau chuốt hai mươi [móng tay và chân]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậyy Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo trau chuốt

hai mươi [móng tay và chân]; vị nào bảo trau chuôi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lây đất ra [từ các móng]. 117. Vào lúc bấy giờ, tóc của các Tỳ-khưu bị dài. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu có khả năng để xuống tóc cho nhau không? —Bạch Thế Tôn, có khả năng. Khi ấy9 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dao cạo, đá mài dao cạo, bao đựng dao cạo, miêng vải len, tát cả vật dụng liên quan đên dao cạo. 118. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tỉa râu, để râu dài ra, tạo dáng chòm râu dưới cằm, tạo dáng chòm râu hình vuông, tạo dáng lông ngực, tạo dáng lông bụng, làm đứng giông ngà voi, nhô [cạo] lông ở chô kín. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên tỉa râu, không nên để râu dài ra, không nên tạo dáng chòm râu dưới cằm, không nên tạo dáng chòm râu hình vuông, không

nên tạo dáng lông ngực, không nên tạo dáng lông bụng, không nên làm đứng giống ngà voi, không nên nhổ [cạo] lông ở chỗ kín; vị nào nhổ [cạo] thì phạm tội Dukkata. 119. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở chỗ kín. Thuốc không thể bám vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhổ [cạo] lông ở chỗ kín do duyên cớ bệnh. 120. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giong như các kẻ tại gia hưởng dục vạy. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên bảo căt tóc băng kéo; vi nào bảo căt thì phạm tội Dukkata. 121. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở trên đầu, không thể xuống tóc bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bảo cắt tóc bằng kéo do duyên cớ bệnh. 122. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để lông mũi dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như các kẻ thờ phụng quỷ thần vay." Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đê lông mũi dài; vị nào đê thì phạm tội Dukkata. 123. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái nhíp [nhổ lông]. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo nhổ tóc bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giong như các kẻ tại gia hưởng dục vRy.” Các vi đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo nhổ tóc bạc; vị nào bảo nhổ thì phạm tội Dukkata. 124. Vào lúc bấy giờ, các lỗ tai của vị Tỳ-khưu nọ bi các ráy tai che bít. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] đô lây ráy tai. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳkhưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bang sậy, làm bang tre, làm bằng gỗ, làm băng nhựa cây, làm băng trái cây, làm băng đông, làm băng vỏ sò.

125. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư tích trữ nhiều đồ vật làm băng đông thau và đô vật làm băng đông đỏ. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vay?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức FT'I A FT1 Ạ The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên tích trữ đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ; vị nào tích trữ thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại [sử dụng] thuôc cao, que bôi thuôc cao, đồ lấy ráy tai và vật dùng làm cán [tay cầm]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, vật dùng làm cán [tay cam]. 126. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp. Các lớp vải của y hai lớp bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên ngôi ôm đâu gói băng y hai lớp; vị nào ngôi thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Không có vải băng bó, vi ây không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng bó. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi y diều này: "Vải băng bó nên được làm ra như thế nao?99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt và tất cả vật dụng liên quan đến việc dệt. 127. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ không buộc dây thắt lưng đã đi vào làng để khất thực, ở trên đường đi, y nội của vi ấy đã bị tuột xuống. Dân chúng đã kêu ồ lên. Vị Tỳ-khưu đã bi xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khxru đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vị không buộc dây thắt lưng không nên đi vào làng; vị nào đi vào thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dây thắt lưng. 128. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại

giống như dây xích; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] hai loại dây thắt lưng: Loại bằng vải và cái ruột tượng. Các mép của dây that lưng bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích. Đâu chóp của dây that lưng bị sờn. - Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép khâu tròn [hai đầu chóp], thắt nút [hai đầu chóp]. Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khóa thắt lưng. 129. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại làm băng vàng, làm băng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vi đã trình sự việc ấy _ 1 Ạ w_ _ Ạ rm ỉ len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại; vị nào sử dụng

thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép làm bang xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò? làm bằng chỉ sợi. 130. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Ānanda đã đắp các y hai lớp mỏng nhẹ rồi đi vào làng đê khát thực. Do cơn gió xoáy, các y hai lớp đã bi tóc lên. Sau đó, Đại đức Ananda đã đi vê lại tu viện và kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút, cái nơ buộc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hột nút đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục V0' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các hột nút đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bang xương, làm băng ngà răng, làm băng sừng, làm băng sậy, làm băng tre, làm băng gô, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi. 131. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y. Y bi sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút hình dẹp, cái nơ buộc hình dẹp. Các vị cài hột nút hình dẹp, cài cái nơ buộc hình dẹp ở góc chéo [của y]; phần cuối [của y] bi mở ra. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 745

Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép cài hột nút hình dẹp ở góc chéo [của y]; cài cái nơ buộc hình dẹp sau khi lùi vào bảy lóng tay hoặc tám lóng tay. 132. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quân như vòi voi, loại vát lên như đuôi cá, loại đê hở bôn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài; vi nào mặc thì phạm tội Dukkata. 133. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc váy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như phu mang vác của đức vua vay.” Các VỊ đa trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên mặc váy; vị nào mặc thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục V0' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia; vị nào trùm thì phạm tội Dukkata. 134. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như phu mang vác của đức vua vậyy Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên đeo túi quàng ở hai vai; vị nào đeo thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, túi xách. 135. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhai gỗ chà răng. Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: Không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, các vị giác không tinh tê, mật và

đờm che lâp thức ăn, vị ây không hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điêu lợi ích trong việc nhai gô chà răng: Có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, các vị giác được tinh tế, mật và đờm không che lấp thức ăn5 vị ấy hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng. 136. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhai gô chà răng loại dài. Các vị còn đánh [gõ] các Sa-di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên nhai gỗ chà răng loại dài; vi nào nhai thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám

ngón tay và không nên đánh [gõ] Sa-di băng cây gô ây; vị nào đánh thì phạm tội Dukkata. 137. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên nhai gô chà răng quá ngăn; vị nào nhai thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gô chà răng ngăn tôi thiêu bốn ngón tay. 138. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đốt đám lửa lớn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như thợ đót lò vay." Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đốt đám lửa lớn; vị nào đốt thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các tu viện có cỏ rậm rạp. Trong khi đám lửa lớn bi phát cháy, các tu viện bị phát cháy. Các Tỳ-khưu ngần ngại [không] tạo nên ngọn lửa nghịch chiều để thực hiện sự bảo vệ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, khi đám lửa lớn phát cháy, Ta cho phép tạo nên ngọn lửa nghịch chiêu đê thực hiện sự bảo vệ. 139. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trèo lên cây, chuyền từ cây này sang cây khác. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các con khỉ vậy.,, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, không nên trèo lên cây; vị nào trèo lên thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi đi đến thành Sāvatthi ở xứ sở Kosala, giữa đường đã có con voi đứng chận. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã chạy lại gần gốc cây, trong lúc ngần ngại đã không trèo lên cây. Con voi ấy đã đi sang hướng khác. Sau đó, vi Tỳ-khưu ây đã đi đên thành Sāvatthi và kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trèo lên cây với tâm cao của con người khi có việc cân làm và đên tâm cao cân thiêt trong những lúc hiêm nguy. 140. Vào lúc bấy giờ, hai Tỳ-khưu tên YameIu và Tekula là hai anh em xuất thân dòng dõi Bà-la-môn, có lời nói nhã nhặn với âm điệu ngọt ngào. Họ đã đi đên gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuông một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, hiện nay các Tỳ-khiru có tên gọi khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau đã xuất gia. Các vị ấy làm hỏng lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính họ. Bạch Ngài, hãy để chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm luật.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại kia, vì sao các ngươi lại nói như vầy: "Bạch Ngài, hãy đe chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm mát?" Này những kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân.5 141. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán diêm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây lên đức A A The Ton. Này các Tỳ-khưu, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không? - Bạch Ngài, không có điều ấy. Hoặc vị chuyên chú trong Pháp và Luật này có thê học tập việc giải đoán điềm lành dư không? Bạch Ngài, không có điêu ây. Này các Tỳ-khiru? không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào học tập thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. ...(nt).. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên dạy việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào dạy thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư học tập kiên thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5 Saka nirutti'. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: UỞ đây, 'saka niruttr nghĩa là sự giảng giải được nói ra bởi đấng Chánh Đẳng Giác, tức là sự phát biêu bằng"ngộn ngữ của xư Magadh^ (Sdd. 1214). Các nhà học gia trong thời hiện tại đã nêu ra tranh luận về van đề nay, biện luận rang từ sakāya còn có liên quan đến từ saka thân) ám chỉ ngôn ngữ địa phương của mỗi cá nhân, thay vì Sakyā (dòng dõi Thích-ca) ý nói đến ngôn ngữ cổ thời bay giơ theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Chúng tôi ghi lời Viết theo ý kiên của các học giả thơi sau này (ND).

Này các Tỳ-khưu, không nên học tập kiên thức nhảm nhí; vi nào học tập thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu e nhóm A : kiên thức e nhảm * rSư dạy Lục e nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vạy. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên dạy kiến thức nhảm nhí; vị nào dạy thì phạm tội Dukkata. 142. Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, trong lúc đang giảng pháp đã hắt hơi. Các Tỳ-khưu đã gây nên âm thanh ồn, tiếng động lớn rằng: "Bạch Ngài, mong rằng đức Thế Tôn hãy sống, mong rằng đấng Thiện Thệ hãy song?9 Do âm thanh ấy, sự giảng pháp đã bi gián đoạn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 khi

hat hơi mà được nói răng: "Mong răng người hãy s6ng", do duyên ấy có thể tiếp tục sống hay có thể chết đi? -Bạch Ngài, không có điêu áy. Này các Tỳ-khưu, khi [ai đó] hắt hơi không nên nói rằng: "Mong rằng người hãy s8ng." Vị nào nói thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, khi các Tỳ-khưu hat hơi, dân chúng nói răng: "Thua các ngài, mong răng các ngài hãy s6ng." Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử khi được nói răng: 'Thưa ngài, mong răng ngài hãy song9 lại không đáp l&i?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, những người tại gia mong điều tốt lành. Này các Tỳ- khưu, khi được nói răng: \ mong răng "Thua ngài, r ngài hãy s6ng", Ta cho phép đáp lại người tại gia răng: "Mong răng người sông lâu." 143. Vào lúc bẩy giờ, đức Thế Tôn được hội chúng đông đảo vây quanh, đang ngồi giảng pháp. Có vị Tỳ-khưu nọ vừa mới nhai tỏi. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Chớ để các Tỳ-khưu bị phiền toái"nen đã ngồi xuống ở một góc. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã ngồi xuống ở một góc, sau khi nhìn thấy Ngài đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu ây đã ngôi xuổng ở một góc vậy? Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy vừa mới nhai tỏi. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Chớ để các Tỳ-khưu bị phiền toái" nên đã ngồi xuống ở một góc. -Này các Tỳ-khưu5 sau khi nhai một vật gì mà phải bị loại ra khỏi cuộc giảng pháp như thê này thì có nên nhai vật ây không? Bạch Ngài, điều ấy không nên. Này các Tỳ-khưu, không nên nhai tỏi; vi nào nhai thì phạm tội Dukkata.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 749

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bi bệnh đau bụng gió. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đen gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đen đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: -Này Đại đức Sāriputta, trước đây khi bị bệnh đau bụng gió, Đại đức được thoải mái nhờ vật gì? Này Đại đức, đối với tôi nhờ tỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhai tỏi do duyên cớ bệnh. 144. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép tiểu tiện ở một góc. Tu viện trở nên có mùi hôi. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước tiểu. Các vị đi tiêu tiện, ngôi xuông một cách khó khăn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] bục tiểu tiện. Bục tiểu tiện ở nơi trống trải. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi tiểu tiện. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bang] ba loại hàng rào: Hàng rào băng gạch, hàng rào băng đá, hàng rào băng gô. Lu nước tiểu không được đậy lại nên có mùi hôi. _ Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] năp đậy. 145. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đại tiện ở một góc. Tu viện trở nên có mùi hôi. —Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] hố tiêu. Thành hô tiêu bị sụp xuống. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép [xây dựng] ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ. Hố tiêu có nền thấp nên bị ngập nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bị đô xuông. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, \ K • • bậc thang băng dá, bậc thang băng gô.

Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Ngồi ở rìa mép, các vị bi té trong khi đại tiện. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải lót, làm cái lỗ ở giữa để đại tiện. Các vi đi đại tiện, ngồi xuống một cách khó khăn. Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [thực hiện] bục đại tiện. Các vị tiểu tiện ra ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] rãnh dẫn nước tiểu. Gỗ chùi không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gỗ chùi. Thùng chứa đồ chùi không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thùng chứa đồ chùi. Hố phân không được đậy lại nên có mùi hôi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] năp đậy. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu trong khi đại tiện ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà tiêu. Nhà tiêu không có cửa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Rác cỏ rơi vào trong nhà tiêu. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 146. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khtru nọ già yêu đại tiện xong, trong khi đứng dậy bị té. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay vịn. Vào lúc bấy giờ, nhà tiêu không được rào lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bằng] ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá, hàng rào bằng gỗ. Không có nhà kho chứa đồ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà kho chứa đồ. Nhà kho chứa đồ có nền thấp ...(nt) Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép làm nền cao.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự* 751

Nen móng bị đổ xuống. ...(nt).. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: ..(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Nhà kho chứa đồ không có cửa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trăng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bang răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. Căn phòng bi lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vị không thành công. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước. Lu nước rửa không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước rửa. Gáo múc nước để rửa không có. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gáo múc nước để rửa. Các vị rửa, ngồi xuống một cách khó khăn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] bục ngồi rửa. Bục ngồi rửa ở nơi trống trải. Các Tỳ-khiru hổ thẹn khi rửa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [băng] ba loại hàng rào: Hàng rào băng gạch, hàng rào băng dá, hàng rào băng gô. Lu nước rửa không được đậy lại nên bị các rác cỏ, luôn cả các vật dơ rơi vào. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

147. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vây: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đau, họ

làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tăng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đau, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một CÓC, ngôi chung trên một chô ngôi, năm chung trên một giường, năm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu dàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cung với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa,... ca hát,... tấu đàn,... vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa,... ca hát,... tâu đàn,... vui đùa cùng với người nữ đang tâu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cung với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm coi xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi ban cung, họ chơi trò đo chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập ban cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các năm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà roi mời cô vũ nữ răng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây nay9\ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 không nên cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách; vị nào cư xử thì nên được hành xử theo pháp. 148. Vào lúc bấy giờ, khi Đại đức Uruvelakassapa xuất gia, nhiều đồ vật băng kim loại, đô vật băng gô, đô vật băng gôm sứ được phát sanh đên hội chúng. IGii ấy, các Ty-khxra đã khởi ý rằng: "Đồ vật bằng kim loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gỗ nào

đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gốm sứ nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại, ngoại trừ vũ khí; tất cả đồ vật bằng gỗ, ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát băng gô, giày dép băng gô; tát cả đô vật băng gôm sứ, ngoại trừ đô chà chân và loại lu lớn. Chương "Các tiểu sụ*" ỉa thứ năm.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. ở thân cây, ở cột trụ và ở tường nhà, ở tấm ván xẻ, với cây kỳ cọ và chuỗi hột, cọ xát [thân thể lẫn nhau], cây chà lưng, bệnh ghẻ và vị già cả, [dùng] bàn tay như thường lệ. 2. Không nên mang ngay cả hoa tai, hoa dạng chuỗi, dây chuỗi ở cổ, ở hông, vòng, vòng ở ngực, đồ trang sức ở tay và nhẫn. 3. [về tóc] dài, lược chải, vật hình mang rắn, bàn tay [xòe ra], [thoa] sáp ong, dầu nước, gương soi và chậu nước, dầu [thoa], việc xoa bóp và thoa phấn. 4. Các vị tô điểm, việc vẽ màu ở thân hình và tô màu ở mặt, rồi cả hai việc, bệnh ở mắt và ở trên đỉnh núi, sự [ngâm nga] kéo dài, âm điệu, [áo khoác] ở bên ngoài. 5. Xoài miếng, với các trái còn nguyên, con rắn, vị đã cắt đứt và khúc gỗ trầm hương, các bình bát đủ loại, phần đáy bình bát, bằng vàng, bi dày cộm, bị lỏng chỏng. 6. Có màu sặc sỡ, bi hư hỏng, có mùi hôi, ở chỗ nắng, chúng đã bị vỡ, ở băng ghê, giường đúc, [tâm lót] cỏ, miêng vải, bục nên xung quanh và ở giỏ mây, túi đựng, dây mang vai, tương tợ như thê vê dây đeo băng chỉ két lại. 7. ở chốt đinh và ở giường, ở ghế, ở bắp vế, ở cái dù, việc mở cửa, bầu đựng nước, cái hũ, cái sọ từ thây người, các đo thừa thãi, vật chứa. 8. Vị đã xé [băng tay], dao có cán, băng vàng, lông [gà], lạt tre và ông đựng kim khâu, bột gây men, bột lúa mạch, bột dá, mật và sáp ong, nhựa cây. 9. Không vuông vức, đã buộc vào, chỗ không bằng phẳng, ở trên mặt đất, bi sờn, và không đạt kích thước, việc đo đạc và đường chỉ may tạm, chân chưa rửa, đẫm nước, mang giày dép. 10. Các ngón tay, đồ bao ngón tay, thùng chứa đồ, các dây mang vai, ở ngoài trời, nen thấp và luôn cả nen móng, các vị bi khó khăn. 11. Vi bị té, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen và việc chuẩn bị màu đỏ.

12. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, vi Lãnh Đạo đã cho phép. 13. Sau khi bỏ bê, các vị ra đi, bị gặm nhâm, bị rời ra, bị bung ra, ngay cả ở trên tường, mang theo bằng bình bát, roi ra đi. 14. Túi đựng và dây mang bằng chỉ kết lại, sau khi buộc đôi dép [ở hông], và cái túi đựng dép, dây vải mang vai là chỉ kết lại. 15. Nước uống chưa được làm thành đúng phép, ở trên đường, đồ lược nước, miếng vải lược, đồ lọc nước thông thường, hai vị Tỳ-khưu, vị Hiền Sĩ đã đi đến Vesālī. 16. ở tại nơi ấy, Ngài đã cho phép đồ lọc có hai lớp, bể lọc nước, đồ lược nước, bởi các con muỗi, với thức ăn hảo hạng, nhiều chứng bệnh và thầy thuốc Jīvaka. 17. Đường kinh hành, nhà tắm hơi, ở nơi không bằng phẳng, các nền bị thấp, ba loại nền móng, các vị gặp khó khăn, bậc thang và tay cầm, lan can. 18. ở ngoài trời, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu

đen, và việc chuẩn bị màu đỏ. 19. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, và các vi làm nền cao. 20. Ba loại bậc thang và tay cầm, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nam và chốt gài. 21. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây và sợi dây. Mô tròn và ống thông khói, ở giữa và đất sét đắp ở mặt. 22. Máng đựng đất sét, có mùi hôi, bị phỏng, vại chứa nước, gáo múc nước, làm ra mồ hôi, [nền] bi lầy lội, đã rửa sạch, rãnh thoát nước. 23. Ghê ngôi, ở nhà kho, công việc làm, cát và đá phiên, rãnh thoát nước, các vị ở trần, ở nền đất, trời đang mưa, ba loại tấm choàng tại nơi ấy. 24. Giêng nước và bi sụp đô, băng dây rừng, sợi dây that lưng, cân giọt, cân trục quay, ròng rọc, nhiều gàu múc bi be. 25. [Gàu] bằng thiếc, bằng gỗ, bằng da thuộc, gian nhà, rác cỏ và nắp đậy, máng chứa nước, hồ tắm, hàng rào, bị lầy lội và bằng rãnh thoát nước. 26. Việc bị lạnh, hồ trữ nước và nước bị ôi, mái vòng cung, bốn tháng và các vị nằm, tấm thảm len, không nên chú nguyện để dùng riêng. 27. Được rắc dầu thơm, giá đỡ bình bát, các vị ăn chung trong một [tô], đã nằm chung, chuyện Vaddha, chuyện Bodhi, Ngài đã không bước lên, cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], cái chổi. 28. Cát, sỏi và đá bọt biên là vật chà chân, cái quạt [hình vuông], cái quạt lá cọ? quạt đuổi muỗi và luôn cả quạt đuôi bò.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 755

29. Ô dù và không có, ở trong tu viện, ba sự đồng ý về sợi dây, tật nhai lại, cơm rơi, các móng dài, các vị cắt, các ngón tay bi đau. 30. Có bị chảy máu và cat sát [phân thịt], hai mươi [ngón], việc đê tóc dài, dao cạo, đá mài, bao đựng, miếng vải len, vật dụng để cạo. 31. Các vị tỉa râu, các vi đê râu, râu dưới căm, râu hình vuông, lông ngực, lông bụng, giống ngà voi, các vị nho [cạo] lông. 32. Các chứng bệnh, cái kéo, vết thương, [lông mũi] dài và bằng mảnh sành, tóc bạc, bị bít kín [lô tai], đủ các loại, vật băng đông thau và thuôc cao. 33. Ngồi ôm đầu gối và vải băng bó? sợi dệt, kim dệt, dây thắt lưng, loại do nhiêu sợi bện lại, loại giông hình đâu răn nước, loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích. 34. Loại bằng vải và loại hai đầu được thắt lại, các mép [bị sờn], loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích, đầu chóp, khâu tròn và còn thắt nút nữa, đau chóp đã khâu lại bị sờn. 35. về khóa thắt lưng, hột nút, cái nơ buộc, loại có loại hình dẹp ở góc chéo [của y] và nên lùi vào, vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc. 36. Loại vải có tua, loại vải thật dài, cái váy, trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia, không nên đeo túi quàng ở hai vai, gỗ chà răng, việc đánh [gõ bang gỗ chà răng]. 37. Bị vướng ở cổ họng và đám lửa lớn, ngọn lửa nghịch chiều, [trèo] cây, bởi con voi, vi YameIu, việc giải đoán điềm lành dữ, các vị đã học, các vị đã dạy lại. 38. Kiến thức nhảm nhí, việc dạy, Ngài đã hắt hơi, điều tốt lành và [nhai] tỏi, bệnh gió, trở nên dơ bẩn và có mùi hôi, khó khăn, bục [tiểu tiện]. 39. Các vị hổ thẹn, không được đậy, có mùi hôi và các vị đại tiện đó đây, có mùi hôi, hô tiêu, bi sụp xuông, nên cao và các loại nên móng. 40. Bậc thang, tay cầm để vịn, ở rìa mép, bi khó khăn và bục đại tiện, [tiểu] ra ngoài, khe rãnh và gỗ chùi, thùng chứa và không được đậy lại. 41. Nhà tiêu, cánh cửa, luôn cả trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay, tay nắm và chốt gài. 42. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, luôn cả lỗ để xỏ dây, dây thừng, việc trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng và màu đen. 43. Việc

trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y và dây treo, vi già yếu, hàng rào. 44. Và vê căn phòng ở ngay tại nơi ây nữa, việc rải cát, các đá phiên, bị đọng nước, rãnh thoát nước, luôn cả lu nước và gáo múc.

45. Bị khó khăn, hô thẹn, các năp đậy, các vi đã cư xử hành vi sai trái, Ngài đã cho phép đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí. 46 Ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ và giày dép [bằng gỗ], bậc Đại Hiền Sĩ đã cho phép tất cả các đồ vật làm bằng gỗ. 47. Ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn, đức Như Lai, đấng Bi Mần cũng đã cho phép tất cả đồ vật bằng gốm sứ. 48. Đối với sự việc nào, sự chỉ dẫn là tương tợ với sự việc trước và đã được tóm tắt ở trong phần tóm lược, sự việc ấy nên biết đến theo phương thức hướng dẫn. 49. Như vậy, một trăm mười sự việc ở trong phần các tiểu sự thuộc tạng Luật là sự trợ giúp cho các vị hiền thiện trong việc duy trì Chánh pháp. 50. Vị rành rẽ về luật đã được học tập khéo léo, có tâm tốt lành, vô cùng hiền thiện, làm công việc giảng giải, thông minh, nghe nhiều, là vị xứng đáng việc cúng dường. Dứt phần tóm lược. —ooOoo-

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA1

1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, chô trú ngụ chưa được đức Thê Tôn quy định cho các Tỳ-khiru. Và các Tỳ-khưu ấy cư ngụ ở nơi này nơi khác, ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, ở đống rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đống rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. 2. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú thành Rājagaha đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ây vào lúc sáng sớm, đang đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ góc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thua, từ đông trông, từ đông rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. Sau khi nhìn thấy, tâm của vị ấy đã ngưỡng mộ. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đen gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đen đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Thưa các ngài, nếu tôi có thể cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không? 3. Này gia chủ, các trú xá chưa được đức Thế Tôn cho phép. Thưa các ngài, chính vì điều ấy các ngài có thể hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay. Này gia chủ, đúng vậy. Rồi các vi Tỳ-khưu ấy nghe theo nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đanh le đức The Ton roi ngôi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

1 Sàng tọa (senāsana)'.f Theo Sumañgalavilāsinī (Chủ giải Kinh Trường bộ), senāsana được phân làm bốn loại: Loại thứ nhất vihāra-senasana gồm co năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (yihāram), nhà một mái (addhayogam), tòa nhà dài (pāsādam), khụ nhà lớn (hammiyarn), hang động (guhani)\ loại thứ nhì mañcapītha-senāsana là giường ghế, nệm, gối; loại thư ba sānthata-senasana la các loại thảm; loại thứ tư okãsa-senãsanaầược giải thích là nơi mà vị Tỳ"khưu sẽ trở lại (DA. I. 208-10). Chúng tôi sẽ ghi nghĩa tiếng Việt là 4tchỗ trú ngụ,, cho loại thứ nhất, vihārasenāsana, và sẽ giữ nguyên từ 4tsàng tga" cho loại thứ hai, mañcapīthasenāsana.

Bạch Ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha có ý muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch Ngài, vậy nên được thực hành như the nào? Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là tru xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép, giờ đây gia chủ hãy biết về thời điểm của việc ấy. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày. 4. Sau đó, khi đã hoàn tất sáu mươi trú xá ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngôi xuồng một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khmi nhận lời bữa trai phạn của tôi vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã bảo chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: -Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát và đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thê Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, sáu mươi trú xá này đã được tôi cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch Ngài, tôi nên thực hành như thế nào về những trú xá này? Này gia chủ, chính vì điêu ây ngươi hãy cho thiêt lập sáu mươi trú xá ây dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vi lai.2 -Bạch Ngài, xin vâng.

2 Āgatānāgata = āgatā + anāgatā', đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

Rồi nhà đại phú thành Rājagaha nghe theo đức Thế Tôn, đã thiết lập sáu mươi tru xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. 5. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ này: “Trú xá ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và hơn thê nữa, các loài thú dữ, các loài rắn, các muỗi mòng và luôn cả các cơn mưa lạnh. Từ nơi ấy, cơn gió n6ng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích ve sự lạc, để thiền định và để hành minh sát. Sự bố thí tru xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ... ... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên Cling dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy. Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chửi ấy, trong đời này chứng ngộ Niet-ban, khongconlL g 8

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đen nhà đại phú thành Rājagaha bang những lơi kê áy, đức The Ton đã tư cho ngoi đứng dậy va ra đi. 6. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép" rồi cho xây dựng các trú xá một cách tươm tất. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp và các con rết bò vào. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa. Sau khi đục lô ở tường, họ đã buộc cánh cửa băng dây leo và dây thừng. Các con chuột và các con mối đã gặm nhấm [dây buộc]. Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay. Các cánh cửa không được sát vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 9 y

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] dây thừng đê luôn qua. Các cánh cửa không được đóng kín. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không thể khóa cửa được. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] lỗ khóa. Có ba loại khóa: Khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.

[Khi] các vị tháo chốt và đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] then cài, đinh khóa chốt. 7. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có mái lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép che kín mái rồi trét vữa bên trên và bên dưới. 8. Vào lúc bây giờ, các tru xá không có cửa sô nên không tót cho mát và có mui hoi. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại cửa sổ: Cửa sổ chấn song ngang, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ chấn song dọc. Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [làm] màn che cửa sổ. Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa sổ, tấm chắn cửa sổ. 9. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nằm ở

nền đất. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các T?-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm trải bằng cỏ. Thảm trải băng cỏ bị các con chuột và môi ăn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường đúc. Nằm trên giường đúc, cơ thể bị ê ẩm. ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường vạc tre. 10. Vào lúc bấy giờ, giường lắp ráp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường lắp ráp. Ghế lắp ráp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. r Z

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghê lap ráp. Vào lúc bấy giờ, giường xếp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tồn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường xếp. Ghế xếp được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [sử dụng] ghế xếp. Vào lúc bấy giờ, giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân đẽo cong.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 761

Ghế CÓ chân đẽo cong được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân đẽo cong. Vào lúc bấy ệiờ, giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết được phát sanh đên hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân tháo rời được. Ghê có chân tháo rời được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân tháo rời được. 11. Vào lúc bấy giờ, ghế gỗ vuông được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế gỗ vuông. Ghế gỗ vuông loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức A HP The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế vuông loại cao. Ghế dựa dài được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế dựa dài. Ghế dựa dài loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế dựa dài loại cao. Ghê làm băng các thanh ráp lại được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] ghế làm bằng các thanh ráp lại. Ghế lót vải được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót vải. Ghê có chô gác chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Á r-pì Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chỗ gác chân. Ghê có nhiêu chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức rpi Á rp The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có nhiều chân. Tấm ván được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm ván. Ghế mây được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế mây. Ghế lót rơm được phát sanh. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót rơm.

762 TIẾU PHẨM

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru nhóm Lục Sư nằm ở giường cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các tru xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên năm giường cao; vị nào năm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi năm ở giường tháp đã bị răn cắn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. _ Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung giường. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng khung giường loại cao. Các vị đu đưa với các khung giường loại cao. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khung giường loại cao; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khung giường cao tối đa tám ngón tay. 13. Vào lúc bấy giờ, chỉ sợi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đan chỉ ở giường. Các góc tốn nhiều chỉ. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuyên lỗ ở các thanh và đan thành ô vuông. Mảnh vải được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng làm thảm lót nền. Bông gòn được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tháo ra dùng làm gối. Có ba loại bông gòn: Bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ệối dài nửa thân người. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy roi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vi đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các gối dài nửa thân người; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện gối có kích thước của cái đầu. 14. Vào lúc bấy giờ, có lễ hội trên đỉnh núi ở thành Rājagaha. Dân chúng chuẩn bi các loại nệm đe phục vụ các quan đại than là nệm len, nệm vải. nệm sợi Vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá. Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các Tỳ-khưu đã nhìn thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, sợi vải, sợi từ vỏ cây, cỏ và lá bị quăng bỏ, sau khi nhìn thấy, các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ~khưu? Ta cho phép năm loại nệm: Nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 763

Vào lúc bấy giờ, vải phụ tùng của giường, ghế được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] để bọc nệm. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trải nệm của giường ở ghế, trải nệm của ghế ở giường. Các nệm bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép giường được bọc nệm, ghế được bọc nệm. Các vị trải lên nhưng không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm tấm lót [bên dưới], trải đều ra, rồi bọc nệm. Họ tháo bao nệm rồi lấy [bao nệm] đem di. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép bôi màu [bao nệm]. Họ vẫn lấy đem đi. ,..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc thực hiện các đường vẽ [ở bao nệm]. Họ vẫn lấy đem di...(nt) Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép các đường vẽ bằng bàn tay [ở bao nệm]. 15. Vào lúc bấy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nền được làm màu đen, tường được trét màu đỏ. số đông dân chúng đi đến để ngắm các chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. r Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sơn] màu trăng, màu đen, trét màu đỏ ở trú xá. Vào lúc bấy giờ, màu ưắng không bám được ở

tường bị lồi lõm. Các vi đã trinh sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên. Màu trắng không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép để đất sét dẻo vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên. Màu trắng không dính chặt vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, bột nghiền. Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đê năm vỏ trâu vào, dùng cái bay gạt băng, rồi bôi màu đỏ lên. Màu đỏ không dính chặt vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép dùng đất sét trộn với cám đỏ? dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép dùng bột trái mù tạt, dầu sáp ong. [Chất ấy] bị đóng thành từng cục. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chùi đi bằng miếng giẻ. 16. Vào lúc bây giờ, màu đen không bám được ở nên đát bị lôi lõm. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên. Màu đen không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép thêm vào phân trùn và đất sét, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên. Màu đen không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, chất làm đông. 17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở tru xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam; vị nào bảo thực hiện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. 18. Vào lúc bây giờ, các trú xá có nên tháp nên bị ngập nước. Các vi đã trình Sự việc áy len đức The Ton. M Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nên cao. Nên móng bị đô xuống. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng 1 , y a] r A băng gạch, nên móng băng đá? nên móng băng gô. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang băng dá, bậc thang băng gô. Các vi bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. 19. Vào lúc bấy giờ, các trú xá trở nên đông đảo người. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] màn che. Họ vén màn che lên nhìn vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] bức tường thấp.

r Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường tháp. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ba loại phòng: Phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xép. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm phòng ở chính giữa trong tru xá nhỏ. Khu Vực xung quanh

không có. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ở chính giữa trong trú xá lớn. 20. Vào lúc bấy giờ, chân tường của trú xá bị hư hỏng. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cây gỗ áp vào. Tường của trú xá bị thấm nước mua. ...(nt) Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm chắn bảo vệ5 vữa hồ.3 Vào lúc bây giờ, răn từ mái cỏ rơi xuông trên vai của vị Tỳ-khưu nọ. Bị hoảng sợ, vị ấy đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu M wÀ \ • ây điêu này: Này Đại đức, vì sao Đại đức đã kêu thét lên vậy? Khi ấy, vị Tỳ-khiru ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] vòm che ở mái. 21. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu treo các túi ở chân giường và ở cả chân ghế nữa. Chúng đã bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] chót đinh ở tường, móc ngà voi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để y ở trên giường và ở cả trên ghế nữa. Y bị tả tơi [thành từng mảnh]. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở trú xá. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn [ánh nắng] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che. Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. ..(nt). Này các Ty.khưu, Ta cho phép [thực hiện] màn che di chuyển bằng bánh xe, màn che loại kéo lên.

3 Vữa hồ (ụddasudham)'. Ngài Buddhaghosa giải thích là vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò ậìnA. VI. 1219).

22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời bi mệt mỏi vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức nn-t Ẫ rrn _ The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] phòng hội họp. Phòng hội họp có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nên cao. Nen móng bị đổ xuống. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nền móng bằng gỗ. Các vị bi khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng dá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Rác cỏ rơi vào trong phòng hội họp. ...(nt). Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. ..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở ngoài trời. Nước uống bị nắng sưởi ấm. (nt) Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà nước uống, mái che chỗ nước uống. Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép làm nên cao. Nên móng bị đô xuồng. ...(nt). Này các Tỳ-khtru, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng băng gạch, nên

móng băng đá, nên móng băng gô. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA * 767

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uông. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Tô uống nước không có. ...(nt). Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép [sử dụng] vỏ sò đê uông nước, cóc đê uống nước. 23. Vào lúc bấy giờ, các tru xá không được rào lại. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá và hàng rào băng gỗ. Công ra vào không c6...(nt). -Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép cổng ra vào. Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép làm nền cao. Cổng ra vào không có cửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bang răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. 24. Vào lúc bấy giờ, căn phòng bi lầy lội. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vị làm không có kết quả. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. ,..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thực hiện chỗ đốt lửa ở nơi này nơi nọ trong căn phòng. Căn phòng bi rác bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] nhà để đốt lửa ở một góc. Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bi đô xuông. ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nên móng bằng gỗ.

768 TIỂU PHẨM

Các vi bi khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang băng đá, bậc thang băng gô. Các vi bi té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Nhà để đốt lửa không có cửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chót xoay, tay năm, chót gài, đinh khóa chót, chót cửa, lô khóa, lô đê xỏ dây, dây thừng để luồn qua. 9 r

Rác cỏ rơi vào trong nhà đê đót lửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo băng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 25. Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức

Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại rào ngăn: Rào ngăn bang tre, rào ngăn bang cây gai và hào rãnh. Công ra vào không có. Tương tợ y như thê, các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa gắn nhánh cây có gai, vòm cổng và móc khóa. Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo băng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại. Tu viện bi lầy lội. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vi làm không có kết quả. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước. 26. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha có ý định cho xây dựng tòa nhà dài có tô vữa hô đát sét nhăm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu khởi ý điều này: "Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?,, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rT-ī-1 Ặ FTP A Thê Ton.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 769

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại mái che: Mái che lợp ngói, mái che lợp đá phiến, mái che bằng vữa hồ, mái che lợp cỏ, mái che lợp lá. Tụng phẩm thứ nhất

27. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapindika có người vợ là em gái của nhà đại phú ở thành Rājagaha. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã đi đến thành Rājagaha vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bi các món ăn ngon.” Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã khởi ý điều này: "Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: 'Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nâu thức ăn, chuân bị các món canh, chuân bị các món ăn ngon.' Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh?" Sau đó, khi đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapindika, sau khi đến đã chào hỏi gia chủ Anāthapindika roi ngôi xuông một bên. Khi nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: -Này gia chủ, trước đây mỗi khỉ ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn? chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon." Này gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh? Này gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu,

cũng không có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường. Hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh mời vào ngày mai. 28. - Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Dức Phát?" Ồ gia chủ, tôi nói: "Bức Phát." Này gia chủ, có phải ngươi nói: “Dức Phát?”

Ồ gia chil, tôi nói: "Dức Phát." Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Dức Phát?" Ồ gia chủ, tôi nói: “Bức Phát." Này gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: "Bức Phát." Này gia chủ, vào giờ này tôi có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy không vậy? Này gia chủ, giờ này không phải là lúc để đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác ây. Đê đên sáng sớm ngày mai, dượng sẽ đi đên để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vậy. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]: "Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vay”rồi đã năm xuông với niệm tưởng vê đức Phật, và đã thức giác trong đêm ba lân? nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã đi đến cổng thành dẫn đến khu rừng Sītā. Các phi nhân đã mở cổng thành. Khi ấy, trong lúc gia chủ Anāthapindika đang đi ra khỏi thành thì ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Khi ấy, dạ-xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng: Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lân như thê không giá trị băng một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đôi với người, việc bước tới thì tót hơn, không có việc quay lui. Khi ấy, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika đã được lắng xuống. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika, chính vì thê đã có ý muôn quay trở lui. Đên lân thứ ba, dạ-xoa Sīvaka không có hiện hình đã nói lời rằng: Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lan như the không giá trị bang một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui. Đen lần thứ ba, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika đã được lắng xuống. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã đi đến khu rừng Sītā. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Anāthapindika từ đàng xa đang

đi lại, sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngôi được sap đặt săn. 29. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: - Này Sudatta, hãy đến. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]^ uĐức Thế Tôn gọi ta bằng ten^ nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần đức Thế

Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đe đau ơ hai ban chân cua đức The Ton va đa noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chắc hẳn rằng đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được thoải mái? Đúng thê, vị Bà-la-môn đã chứng ngộ Niêt-bàn luôn luôn nghỉ ngơi được thoải mái, là người không bị vấy nhơ trong các dục, có trạng thái mát mẻ, không còn mầm tái sanh. Sau khi đoạn lìa các sự vướng mắc, vị ấy có thể điều phục nỗi khổ trong tâm, được an tịnh, nghỉ ngơi được thoải mái, sau khi tâm đã đạt được Niết-bàn. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapindika. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết ve bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết ve cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biêt được tâm của gia chủ Anāthapindika đã sẵn sàng, dễ uốn nan, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chô ngôi ây, pháp nhãn không nhiêm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika: "Biều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 30. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã tham nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những người cỏ mắt sẽ nhìn thấy được các hình d9ng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức The Tôn giảng rõ bằn^ nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đen nương nhờ đức Thế Tôn áy, Giáo pháp và Hội chúng Tỵ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

772 TIỂU PHẨM

Nhà đại phú thành Rājagaha đã nghe rằng: “Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đâu vào ngày mai.” Khi ây, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để tôi cho dượng tài chánh; nhờ đó dượng có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Này gia chủ, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. 31. Vị thị trưởng thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, vị thi trưởng thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để ta cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi

trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Thưa ngài, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã nghe răng: “Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy5 đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói khanh đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và khanh lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để trẫm cho khanh tài chánh; nhờ đó khanh có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Tâu Bệ hạ, thôi đi. Thần có tài chánh, với số đó thần sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. 32. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapindika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Ton đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 773

Anāthapindika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con ve việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatthi cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Này gia chủ, các đức Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng. Bạch Thế Tôn, con đã được biết. Bạch Thiện Thệ, con đã được biết. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapindika bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 33. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapindika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika sau khi hoàn tất công việc \ Mo q , • cân làm ây ở thành Rājagaha đã ra đi trở vê thành Sāvatthi. Sau đó, trên đường đi gia chủ Anāthapindika đã bảo với dân chúng rằng: Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiêt lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ đi đến bằng con đường này. Khi ây, đám người ây được cô vũ bởi gia chủ Anāthapindika đã xây dựng các tu viện, đã cho thiết lập các trú xá và đã chuẩn bi các vật cúng dường. Sau đó, khi đã về đến thành Sāvatthi, gia chủ Anāthapindika đã xem xét quanh thành Sāvatthi [nghĩ rằng]: “Bức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có the đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tjnh." Gia chủ Anāthapindika đã nhìn thấy khu vườn của Vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thê đi đên môi khi có ước muôn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiêng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp

Vương tử Jeta, sau khi đến đã nói với Vương tử Jeta điêu này: Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện. Này gia chủ, khu vườn không thể cho, ngay cả với việc trải ra mười triệu. Thưa công tử, khu vườn đã được bán. Này gia chủ, khu vườn chưa được bán. [Họ đã cãi nhau]: "Đã được bán, chưa được bWrT, rồi đã hỏi các viên đại thân lo việc xử án. Các viên quan đại thân đã nói như vây: —Thưa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.

34. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trải ra mười triệu tiên vàng ở Jetavana [khu rừng của Jeta]. Tiên vàng chở lại một lần ấy còn thiếu cho khoảng trống nhỏ xung quanh chỗ cổng ra vào. Khi ây? gia chủ Anāthapindika đã bảo dân chúng răng: Này các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Tôi sẽ trải lên khoảng trống này. Khi ấy, Vương tử Jeta đã khởi ý điều này: "'Việc này sẽ không là tầm thường bởi vì vi gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến chừng này", nên đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, được roi, ông không cân phải trải lên khoảng trông này nữa. Hãy cho ta khoảng trống này. Việc bố thí ấy sẽ là của ta. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]: "Vương tử Jeta này nổi tiếng, là người nổi danh. Niềm tin trong Pháp và Luật này của những người nổi tiếng như thế quả có lợi ích lớn lao!" nên đã nhường khoảng trống đó cho Vương tử Jeta. Sau đó, Vương tử Jeta đã cho dựng lên công ra vào ở khoảng trông đó. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã cho xây dựng ở Jetavana các trú xá, đã cho xây dựng các căn phòng, đã cho xây dựng các nhà kho, đã cho xây dựng các phòng hội họp, đã cho xây dựng các nhà để đốt lửa, đã cho xây dựng các nhà làm thành được phép, đã cho xây dựng các nhà tiêu, đã cho xây dựng các nhà tiểu, đã cho xây dựng các đường kinh hành, đã cho xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, đã cho xây dựng các giếng nước, đã cho xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, đã cho xây dựng các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các hồ trữ nước, đã cho xây dựng các mái che. 35. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thê Tôn ngự tại Mahãvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thực hiện công trình mới một cách tươm tất. Ngay cả các Tỳ-khưu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh. Khi ấy, có người thợ may nghèo nọ đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách tươm tất như vầy thì việc này sẽ không là tầm thường; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vay?" Sau đó, người thợ may nghèo ây đã đích thân trộn hô, chông chát các viên gạch, roi xây lên bức tường. Các viên gạch được ông ta chông chát không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Đen lần thứ nhì,...(nt)... Đen lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bi cong roi đô xuồng.

Khi ấy, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Người ' ' r ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chô trú ngụ và thuôc men chữa bệnh đến các Sa-môn Thích tử này nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ và phụ trách công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới [của t6i]." 36. Các Tỳ-khiru đã nghe được người thợ may nghèo ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giao công trình mới. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu là vi phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực [suy nghĩ rằng]: "C6 cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh ch6ng?" và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ võ và hư hỏng. Và này các Tỳ-khưu, nên giao như vầy: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu. Sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đã được giao đến vị Tỳ- khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy 37. Sau đó5 khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau4 hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nằm đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ nằm đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng.

4 Ngài Buddhaghosa giải thích về việc đi chậm ở phía sau của ngài Sāriputta như sau: "Nghe nói vị Trương lão trong khi quan tâm các vi bị bệnh, trong khi giúp đỡ các vị gia cả yếu đuối nên đi đến sau tất cả. Đây là pháp thực hành của vị ẩy,; (yìnÁ. VI. I22iy

-Ai ở nơi này vậy? Bạch Ngài, con là Sāriputta. Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây? Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta", có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các

Tỳ-khưu, vì sao những kẻ ro dại ấy lại đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thay dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, vi nào xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất? 38. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi vua chúa, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi Bà-la-môn5 vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: - Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi gia chủ, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: -Bạch Thế Tôn, vị nào chuyên về Kinh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 777

Bạch Thế Tôn, vị nào rành rẽ về Luật, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vi nào là Pháp sư, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vi nào đạt sơ thiền, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào đạt nhị thiền,...(nt) Bạch Thế Tôn, vi nào đạt tam thiền,...(nt) Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tứ thiền, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Ton, vị nào là bậc Nhập lưu, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất lai, ...(nt) Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất lai, ...(nt) Bạch Thế Ton, vi nào là bậc A-la-hán, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: Bạch Thế Ton, vị nào là bậc có Ba minh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có sáu thắng trí, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. 39. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trước đây ở sườn núi của Hy-mã-lạp sơn có cây đa cổ thụ. Có ba bạn hữu là con chim đa đa, con khỉ và con long tượng đã song nương tựa vào cây ấy. Chúng sống không có sự kính trọng, không có sự phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu, sau đó ba bạn hữu ấy đã khởi ý điều này: "Này, chúng ta nên biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta có thể trọng vọng, có thể cung kính, có thể sùng bái, có thê cúng dường vị ây và chúng ta có thê tôn tại trong sự giáo huân của vị 2y" Này các Tỳ-khtru, khi ấy con chim đa đa và con khỉ đã hỏi con long tượng rằng:

uNày bạn, bạn nhớ gì về thời xa xua?" "Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường đê cây đa này ở giữa hai chân roi bước qua, ngọn cây chạm vào bụng của tôi. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xua.” Này các Tỳ-khưu? sau đó con chim đa đa và con long tượng đã hỏi con khỉ rằng: "Này bạn, bạn nhớ gì ve thời xa xua?" "Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường ngồi trên mặt đất nhai đọt non của cây đa này. Hai bạn à, đó là điêu tôi nhớ được vê thời xa xua.” Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã hỏi con chim đa đa rằng: "Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xua?" “Hai bạn à, ở khu vực kia đã có cây đa cổ thụ. Tại đó, tôi đã ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, từ đó cây đa này đã được sanh ra. Hai bạn à, như thế tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất.,, Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã nói với con chim đa đa điều này: “Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. Chúng tôi sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường bạn và chúng tôi sẽ sinh tồn trong sự giáo huấn của bạn." Này các Tỳ-khưu, sau đó con chim đa đa đã cho con khỉ và con long tượng thọ trì năm giới, bản thân nó cũng thọ trì và thực hành theo năm giới. Chúng đã sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại rã thân này chét đi, chúng đã sanh vê chôn an vui là cõi trời. Này các Tỳ- khưu, con chim đa đa ấy đã nổi danh là bậc hành Phạm hạnh. Những người nào tôn kính bậc cao niên những người rành rẽ về pháp, được khen ngợi ngay trong kiếp này và có cảnh giới an lạc trong kiếp sau. Này các Tỳ-khưu, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu9 ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi xuất gia làm Sa-môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vày, các ngươi nên sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khiru? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đoi [niềm tin] của một so người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, hành động chăp tay, hành động thích hợp, chô ngôi tót nhát, nước uông tót nhát, vật thực

tốt nhất tính theo thâm niên. Này các Tỳ-khưu, việc liên quan đến hội chúng được tính theo thâm niên không được xâm phạm; vi nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata. 40. Này các Tỳ-khưu, đây là mười hạng không nên được đảnh lễ: Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước; vị chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói sai Pháp không nên được đảnh lễ; phụ nữ không nên được đảnh lễ; người vô căn không nên được đảnh lễ; vị thực hành hình phạt Parivãsa không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ; vi thực hành hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ; vi xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khiru, đây là mười hạng không

nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là ba hạng nên được đảnh lễ: Vi tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vi tu lên bậc trên sau; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói đúng Pháp nên được đảnh lễ; này các Tỳ-khưu, trong thế gian gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là ba trường hợp nên được đảnh lễ. 41. Vào lúc bấy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị thảm trải, chuẩn bị chỗ trong dành riêng cho hội chúng. Các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rang]: “Chính việc liên quan đen hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chúng],\ rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các thảm trải đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ trống đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thê Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng. -Ai ở nơi này vậy? - Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta. Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây? Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó5 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho

phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chhng]", rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phân các thảm trải, giành phân các chô trông [nói răng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta”, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, ngay cả việc được làm dành riêng [cho hội chúng] cũng được tính theo thâm niên, không được xâm phạm; vi nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata. 42. Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đau. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, ngoại trừ ba thứ là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú5 thảm bông gòn, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên. Vào lúc bây giờ, dân chúng săp xép ở trong phòng ăn9 ở trong nhà loại giường và ghế độn bông gòn. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình

sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngôi lên chô đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nam lên. 43. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó5 trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã đi đến gặp đức rTTl ạ HP /\ _ _ - 1 1 • 1 _ r _~ 4. Ạ _ 4./^ \ -4-9 \ Ā A r Ạ rr-< A _ _Á • _ Ạ • À _ _ The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapindika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: -Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 781

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Anāthapindika, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapindika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con tiến hành như thế nào về Jetavana? Này gia chủ, chính vì điều ấy ngươi hãy cho thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi gia chủ Anāthapindika nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapindika bằng những lời kệ này: 44. "Từ nơi ấy, chúng [các tru xá] ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và các loài thú dữ, các loài ran và các muỗi mòng, và luôn cả các cơn mưa lạnh. Từ nơi ấy, cơn gió nónẹ dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích ve sự an lạc, để thiền định và để hành minh sát. Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ... ... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên cũng dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy. Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vi ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chủ] ấy trong đời này chứng ngộ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.,, Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapindika bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi. 45. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của vị quan đại thần nọ là đệ tử đạo lõa thể. Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đi đến trễ và đã làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy. Nhà ăn đã có sự xáo động. Khi ấy, vi quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử đi đến trễ, lại còn làm cho các vi Tỳ-khưu ngôi kê cận có sự thọ thực

chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động? Ngay cả khi được ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?" Các Tỳ-khưu đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai.

782 TIỂU PHẨM

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Ưpananda đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khưu ngôi kê cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo dOng?" Sau đó9 các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này upananda, nghe nói ngươi đi đến trễ, còn làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kê cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khtru ngồi kế -í • Ấ J cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động vậy? Này kẻ rồ dại, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội Dukkata. Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu câu [đứng dậy] răng: "Hy đi lây nước đem li."Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nêu không đạt được như vậy, [vị đang ăn] nên nuôi xuổng các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị Tỳ-khưu thâm niên hơn. Này các Tỳ-khưu, nhưng Ta không nói rằng: uChỗ ngồi của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn có thê bị xâm phạm bởi bát cứ phương thức nào,9; vị nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata, 46. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu bi bệnh phải đứng dậy. Các vị bi bệnh nói như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh. Chúng tôi sẽ làm cho các Đại đức đứng dậy. Roi họ đã năm lây, lôi đứng dậy và buông ra đê cho các vị ây đứng. Các vị bệnh bi ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo các vi bị bệnh phải đứng dậy, vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [bảo rằng]: "Chúng tôi bi bệnh, không nen bảo chúng tôi đứng day"rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhường chô năm thích hợp cho vị bị bệnh. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA * 783

- Này các Tỳ-khưu, không nên dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ; vị nào xâm chiếm thì phạm tội

784 TIỂU PHẨM

Này các Tỳ-khưu, vị nổi giận, bất bình không nên lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc ve hội chúng; vị nào lôi kéo ra thì nên hành xử đúng theo pháp.5 Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ. 48. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức

Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh vị phân phôi chô trú ngụ là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bi chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [chỗ trú ngụ] đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ đinh như vay: Trước hêt5 vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vị phân phôi chô tru ngụ. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vi phân phoi chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối như thế no?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trước tiên đếm số lượng Tỳ-khưu; sau khi đêm sô lượng Tỳ-khưu roi đêm sô lượng chô năm; sau khi đêm sô lượng chô nằm thì phân phối theo chỗ nằm. Trong khi phân phối theo chỗ nằm, các chỗ nằm đã được thừa ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phôi theo trú xá. Trong khi phân phối theo trú xá, các trú xá đã được thừa ra. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối theo phòng ở. Trong khi phân phối theo phòng ở, các phòng ở đã được thừa ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối luôn cả phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vi Tỳ-khưu khác đi đến, nếu [các vị] không sẵn lòng thì không cần phải cho.

5 Liên quan đến tội Pãcittiya 17 (ND).

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 785

49. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu phân phối chỗ trú ngụ cho vi đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên phân phôi sàng tọa cho vi đứng ở ngoài ranh giới; vị nào phân phoi thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi nhận chỗ trú ngụ rồi chiếm giữ luôn. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng của mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao

786 TIỂU PHẨM

4 Ặ • Ậ _ _ J. rr^ A _ Y A- _ rin1_ Ặ ITS _ 1- - JI _ Á- ô J A. _ đức Thê Tôn. Khi ây, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiên ây đựưầkóựắbumợ

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 787

Vào lúc bây giờ, nhiêu Tỳ-khưu có đông đăng cáp đã ngôi xuống trên một cái giường và đã làm gãy cái giường, đã ngoi xuống trên một cái ghe và đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép giường đối với nhóm

ba vị, ghế đối với nhóm ba vị. Ngay cả nhóm ba vi ngồi xuống trên cái giường cũng đã làm gãy cái giường, ngôi xuồng trên cái ghê cũng đã làm gãy cái ghê. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giường đối với nhóm hai vi, ghế đối với nhóm hai vị. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại không ngôi xuông trên ghê dài cùng với các vị không đồng đẳng cấp. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi trên ghế dài cùng với những vị không đồng đẳng cấp, ngoại trừ người vô căn, phụ nữ, người lưỡng căn. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vậy ghế dài tối thiểu [ngắn nhất] là bao nhiêu?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ghế dài có chiều dài tối thiểu là đủ cho ba người. 52. Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā, mẹ của Migāra có ý muốn cho xây dựng tòa nhà dài, có mái hiên hình đầu voi, nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "d công trình phụ của tòa nhà dài, việc gì được đức Thế Tôn cho phép, việc gì không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả công trình phụ của tòa nhà dài. Vào lúc bây giờ, bà nội của đức Vua Pasenadi xứ Kosala từ trân. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không được phép đã phát sanh đến hội chúng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng sau khi cắt ngắn các chân của ghế trường kỷ, [cho phép] sử dụng sau khi đã hủy đi lông ở ghế nệm lông thú, [cho phép] tháo gỡ nệm bông gòn để làm gối, [cho phép] dùng làm thảm lót trên nền đất các vật còn lại. 53. Vào lúc bấy giờ, ở ngôi làng nọ không xa thành Sāvatthi, các Tỳ-khưu thường trú bi bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và xuất hành. Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Này các Đại dức, hiện nay chúng ta bi bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và

xuất hành. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đên một vị, roi chúng ta sẽ sử dụng đô đạc của vi áy." Họ đã cho tát cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các Tỳ-khưu vãng lai đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi. Này các Đại dức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị. Này các Đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc ve hội chúng? Này các Đại dức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?,, Sau đó, các vi Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu5 vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân tán sàng tọa thuộc vê hội chúng? Này các Tỳ-khưu, việc ây không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, đây là năm vật không nên phân tán, không được phân tán bởi

hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Năm vật ấy là gì? Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân tán5 không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật

đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya, 54. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến Kītāgiri cung với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kītāgiri cung với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho hẹ)", rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc ve hội chúng. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kītāgiri. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi [trước]. Khi đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các ngươi hãy nói như vầy: "Này các Đại đức, đức Thê Tôn đi đên cùng với đại chúng Tỳ-khưu gôm năm trâm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallâna. Này các Đại đức, hãy sáp đặt chô trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khưu có cả Sāriputta và Moggallāna,,, -Bạch Ngài, xin vâng. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka điều này: - Này các Đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng Tỳ-khiru gồm năm trăm vị Tỳ-khưu luôn cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khiru có cả Sāriputta và Moggallâna. Này các Đại dức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất

cả đã được chúng tôi chia nhau. Này các Đại đức, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì Ngài sẽ ngự ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallâna có lòng tham muôn sái quây, bị chi phôi bởi lòng tham muôn sái quây, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ. Này các Đại đức, có phải các vị đã phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?

Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Assaji và Punabbasuka lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. —Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu? đây là năm vật không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Năm vật ấy là gì? Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Trú xá và khu đất của tru xá; đây là vật thứ nhì không nên phân chia, ...(nt). Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân chia, ...(nt) Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân chia, ...(nt). Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đát sét, vật làm băng gô5 vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vi nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vi nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. 55. Sau đó, khi đã ngự tại Kītāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến ÂỊavĩ. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến ÂỊavĩ. Tại nơi đó ở ÂỊavĩ, đức The Tôn ngự ở trong điện thờ chính của ÂỊavĩ. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khxru ở AỊavĩ giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm tay nắm, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm cửa

Sổ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu dèn, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc trét màu phan đỏ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lợp mái che, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp ráp, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc đặt

thanh ngang ở cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, họ giao công trình mới đến hai mươi năm, họ giao công trình mới đến ba mươi năm, họ giao công trình mới đến trọn đời, họ giao công trình mới là tru xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa táng. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm ÂỊavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, ...(nt)... họ giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa tang?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu9 nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu5 không nên giao công trình mới với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, không nên giao công trình mới với mỗi một việc tô vữa bức tường, không nên giao công trình mới với môi một việc lăp đặt cánh cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm tay nắm, không nên giao công trình mới với môi một việc làm cửa s6, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu trắng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu đen, không nên giao công trình mới với mỗi một việc trét màu phấn đỏ5 không nên giao công trình mới với mỗi một việc lợp mái che, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp ráp, không nên giao công trình mới với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, không

-Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới là toàn bộ trú xá; vi nào giao thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao hai công trình mới đến một vị. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên giao hai [công trình mới] đến một vi; vị nào giao thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu cho vị khác trú ngụ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên cho vi khác trú ngụ; vị nào cho trú ngụ thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru? sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng; vi nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào giao thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ. 57. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu bỏ đi, hoàn tục, từ tràn, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vi phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ khổ hành hạ, được biết là vi bi án treo về việc không

nhìn nhận tội, được biêt là vi bi án treo vê việc không sửa chữa lôi, được biêt là vi bi án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, được biêt là người vô căn, được biêt là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]? được biêt là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khtru-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ- khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chiing", rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ- khưu hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 793

Sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vi bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ kho hành hạ, được biết là vi bi án treo ve việc không nhìn nhận tội, được biêt là vị bị án treo vê việc không sửa chữa lôi, được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]9 được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni? được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chiing”, rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng”rồi nên giao cho vi khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vi Tỳ-khưu hoàn tục, từ tran ..(nt)... được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: uChớ làm tổn hại đến hội chiing", rồi nên giao cho vi khác. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu hoàn tục, chết di, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vi Tỳ-khưu được biết là vi bi điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bi án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy].

ĩ . các Tỳ-khmi5 trường Này •r • sau khi nhận hợp lãnh.Jcông trình mới, khi đã hoàn tát, vị Tỳ-khưu được biêt là người vô căn, được biêt kẻ trộm tướng mạo [Tỳ- khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khtru-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn; hội chúng là chủ quản. 58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong tru xá của nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ

ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?^ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khuru, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại di chuyên [thảm lót] đên nhà hành lễ Uposatha và nơi tụ hội nên ngồi xuống ở nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời. Vào lúc bấy giờ, tru xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không di chuyên sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản. Vào lúc bấy giờ, có mền len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát

Vào lúc bấy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Ty-khưu, Ta cho phép dùng vải bọc tròn lại. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tựa vào tường đã được làm mới, khiến màu bị lem luốc. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên tựa vào tường đã được làm mới; vị nào tựa thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm bảng để dựa vào. Tấm bảng để dựa vào làm trầy mặt nền ở bên dưới và bức tường ở bên trên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bọc lại ở bên dưới và bên trên với mảnh vải. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu có chân đã rửa sạch ngân ngại năm xuông. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm lót. 61. Sau đó, khi đã ngự tại ÂỊavĩ theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. 62. Vào lúc bấy giờ? thành Rājagaha có sự khó khăn về vật thực. Dân chúng

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vi sáp xép các bữa ăn. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Khi ấy, các Tỳ-khưu là những vị sắp xếp các bữa ăn đã khởi ý điều này: "Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rTT| Á rin The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, lần lượt rút ra, rồi sắp xếp các bữa ăn. 64. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vi phân bố chỗ trú ngụ là vi Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự

sợ hãi, vi biết vật đã được phân bo và chưa được phân bo. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vay] là vị phân bố chỗ tru ngụ. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vị phân bô chô tru ngụ. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân bố chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này lànhưvậy.,, 65. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị giữ kho đồ đạc. Các vị đã trình : Á l /X 4- / rr-11 A rpi q Sự việc áy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giữ kho đồ đạc là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận? không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vi biết vật đã được cất giữ và chưa được cất giữ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vây: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 797

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vay] là vi giữ kho đođạc.ĐayUlOTđengS.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định VỊ Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị giữ kho đồ đạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vây] là vị giữ kho đô đạc xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị giữ kho đồ đạc. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,^ 66. Vào lúc bây giờ, hội chúng không có vi tiêp nhận y. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được tiếp nhận và chưa được tiếp nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ đinh như vây: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khiru tên [như vay] là vị tiếp nhận y. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.,, 67. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia y. Các vi đã trình sự _ r _ _ _ _ r __ _ việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép chỉ định vi phân chia y

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vi Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân chia y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vi Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân chia y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.,, 68. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia cháo. Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia cháo là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích,...(nt).. vi biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu can được yêu cầu, sau khi yêu cầu ...(nt).. Vị Tỳ- khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị phân chia cháo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vào lúc bấy giờ5 hội chúng không có vị phân chia trái cây. Các vi đã trình Sự việc áy len đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia trái cây là vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích,...(nt).. vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, ...(nt).. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia trái cây. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 69. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép chỉ định vi phân chia thức ăn khô là vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phoi bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vi phân chia thức ăn khô. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia thức ăn khô xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 70. Vào lúc bây giờ, vật dụng linh tinh ở trong kho của hội chúng là dôi dào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phát vật linh tinh là vị Tỳ-khtru có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khmi, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi

Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân phát vật linh tinh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vi Tỳ-khưu là vị phân phát các vật linh tinh nên trao mỗi vị một cây kim, nên trao cây kéo, nên trao đôi dép, nên trao dây thắt lưng, nên trao dây quàng ở vai, nên trao đồ lược nước, nên trao đồ lọc nước thông thường, nên trao dải nối theo chiêu dọc [của y], nên trao dải nôi theo chiêu ngang [của y], nên trao mảnh lớn thuộc dải điều [của y], nên trao mảnh nhỏ thuộc dải điều [của y], nên trao vải may đường biên [của y], nên trao vải may đường viền xung quanh [của y]. Nếu hội chúng có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía thì nên trao tức thời đê sử dụng. Nêu vật cân dùng có thêm thì nên trao tiêp tục. 71. Vào lúc bây giờ, hội chúng không có vị phân phôi vải choàng. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép chỉ định vi phân phôi vải choàng là vi Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phối vải choàng. Đây là lời đề nghi.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân phối vải choàng. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phối vải choàng xin im lăng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối vải choàng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vi phân phối bình bát. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The T6n. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phối bình bát là vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ..(nt).. vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ định như vây: Trước hêt? vi Tỳ-khưu cân được yêu cầu, sau khi yêu cầu,...(nt).. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, 72. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các người phụ việc chùa. Các người phụ việc chùa không được quản trị nên không làm công việc. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản trị các người phụ việc chùa là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ..(nt).. vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vy: ...(nt).. nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản tri các Sa-di. Các Sa-di không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép chỉ định vị quản trị các Sa-di là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi

sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết được việc càn quản trị và việc không cần quản tri. Và này các Tỳ-khiru, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vị quản trị các Sa-di. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 801

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quản tri các Sadi. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Tụng phẩm thứ ba. Dứt chương 6íSàng tọa95 là thứ sáu.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Vào thời ấy, tru xá vẫn chưa được quy định bởi đức Phật tối thượng, các vị đệ tử ây của đàng Chiên Thăng bước ra từ chô ngụ ở nơi này nơi khác. 2. Người gia chủ đại phú, sau khi nhìn thấy các vị ấy đã nói với các vi Tỳ- khưu điều này: Tôi có thể cho làm, các ngài có thể cư ngụ. Các vị đã hỏi bậc Lãnh Đạo. 3 Ngài đã cho phép năm loại chỗ ngụ là tru xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn và hang động. Nhà đại phú hộ đã cho xây dựng các trú xá. 4. Người ta cho xây dựng trú xá không có cửa, không đóng được, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay và cái chốt xoay ở trên. 5. Lô đê luôn, sợi dây thừng và tay năm, cái chót gài, đinh khóa chót, chót cửa, lỗ khóa, khóa bằng đồng, bằng gỗ và bằng sừng. r 6 Then cài, đinh khóa chót, mái che, việc trét vữa bên trên và bên dưới, [cửa so] chan song ngang, gắn lưới, chan song dọc và màn che, với thảm trải. 7. Giường đúc và giường bằng vạc tre, ván khiêng tử thi, loại lắp ráp, loại xếp lại, có chân đẽo cong, tháo rời được, ghế vuông loại cao. 8. Ghế dựa dài, ghế làm bằng các thanh ráp lại, ghế lót vải, ghế có chỗ gác chân, ghế có nhiều chân, tấm ván, ghế mây và luôn cả ghế lót rơm nữa. 9. ở giường cao và con rắn, khung giường, khung giường cao tám ngón tay, chỉ sợi, dệt chéo ô nhỏ, mảnh vải, đệm bông gòn, [gối dài] nửa thân người. 10. Trên đỉnh núi và luôn cả các loại nệm, vải bọc và luôn cả sàng tọa, đã được bọc lại, rơi ra từ bên dưới, sau khi tháo ra và họ lấy đem đi. 11. Việc thực hiện các đường vẽ và các đường vẽ bằng bàn tay, đức Thiện Thệ cho phép, màu trắng, màu đen, cũng ở tại tru xá, vỏ trấu và đất sét loại dẻo. 12. Nhựa cây, cái bay thợ nề, cám đỏ, bột mù tạt, dầu sáp ong, bi đóng cục, để chùi, bị lồi lõm, đất sét trộn phân trùn. .c

13. Nhựa cây và hình ảnh gợi cảm, bị tháp và nên móng, việc leo lên, các vị bị té, đông đảo người, bức tường thấp, lại là ba [loại phòng]. 14. ở [trú xá] nhỏ, chân tường, thấm nước mưa, tiếng la lớn, chốt tường, sào máng y và dây [treo y], mái hiên, với màn che.

802 TIỂU PHẨM

15. Tay cầm để vịn, rác cỏ, nên thực hiện theo phương thức ở phần dưới, ngoài trời, bị hâm nóng, gian nhà và tô uống nước ở phần dưới. 16. Trú xá và luôn cả cổng ra vào,

căn phòng, nhà để đốt lửa, về tu viện và luôn cả cổng ra vào, nên thực hiện theo phương thức ở phần bên dưới. 17. Vừa hồ, và ông cấp Cô Độc có đức tin đã đi đến khu rừng Sītā, đã thấy được pháp, đã mời thỉnh đấng Lãnh Đạo cùng với hội chúng. 18. Trên đường đi đã kêu gọi, nhóm người đã cho xây dựng tu viện, ở Vesālī, công trình mới, đi trước và giành phần. 19. Vị nào xứng dáng phân ăn hạng nhát, chim đa đa và các hạng không đáng đảnh lễ, bi giành phân, ở trong nhà, [độn] bông gòn, đã ngự đên Sāvatthi. 20. Vi ây đã thiêt lập tu viện và sự ôn ào ở nhà ăn, các vị bị bệnh, các giường tốt nhất và do mánh lới, nhóm Mười Bảy Sư, ở nơi đó. 21. Bởi vị nào? Như thế nào? Đã phân chia theo trú xá, theo phòng ở và phần còn lại, có thể không ban cho phần chia nếu không thích. 22. ở ngoài ranh giới và chiếm giữ luôn mọi lúc, ba [thời điểm] về chỗ ngụ, vị Upananda và Ngài đã ngợi khen, các vị đứng và cùng ngoi chung chỗ. 23. Chô ngôi đông đăng cáp, các vi đã làm gãy, nhóm ba vi và nhóm hai vị, với những vị không đồng đẳng cấp, ghế dài, mái hiên hình đầu voi, [cho phép] để sử dụng. 24. Và bà nội [của đức vua], không xa và đã được phân chia, ở Kītāgiri, ở Ālavī, với việc chất đống và [tô vữa] bức tường, [lắp đặt] cánh cửa, [làm] tay nắm. 25. Cửa sổ, [sơn] màu trắng, màu đen, màu đỏ, [lợp] mái che và việc lắp ráp, đặt thanh ngang, chỗ hư hỏng, bục nền xung quanh, hai mươi năm, ba mươi năm và trọn đời. 26. Đã được hoàn tất, chưa khởi công, ở [trú xá] nhỏ9 nên giao sáu hoặc năm năm, về nhà một mái thì bảy hoặc tám năm, và [trú xá] lớn thì mười hoặc mười hai năm. 27. [Công trình là] toàn bộ trú xá, [giao hai công trình] cho một vị, cho vị khác ngụ, [chiếm giữ] vật thuộc ve hội chúng, ở ngoài ranh giới, [chiếm giữ] luôn mọi lúc, các vị bỏ đi, hoàn tục. 28. Và chét di, [xuông] Sa-di, vị đã xả bỏ sự học tập, [tội] cực nặng, các vị bị điên, có tâm rối loạn và bi thọ khổ, do việc không nhìn nhận tội. 29. Do việc không sửa chữa lôi, do tà kiên, các người vô căn, những kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] và theo ngoại dạo, thú vật, kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, làm nhơ [Tỳ-khưu-ni]. 30. Những kẻ chia rẽ, làm chảy máu [đức Phật], và luôn cả những người lưỡng căn, [nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng”rồi nên giao công trình cho vị khác.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 803

31. Trong khi chưa hoàn tất, giao vị khác, đã hoàn tất, bỏ đi, vẫn còn thuộc vị ấy. Vị hoàn tục, chết đi và xuống lại Sa-di. r 32. Và vị đã xả bỏ sự học tập, phạm tội cực nặng, nêu là người vô căn, hội chúng là chủ quản. Vị bị điên, có tâm rối loạn, bị thọ khổ. 33. về việc không nhìn nhận tội, không sửa chữa lỗi, tà kiến, thì vẫn còn thuộc về vi ấy. Người vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, giết cha. 34. Kẻ giết [A-la-hán], và luôn cả kẻ làm nhơ [Tỳ-khưu-ni], kẻ chia rẽ [hội chúng], kẻ làm chảy máu [đức Phật], người lưỡng căn, nêu vị ây thú nhận, thì chính hội chúng chủ quản. 35. Các vị đem nơi khác, có sự ngần ngại, [trú xá] bị sụp đổ, và mền len, tấm vải dệt, tấm da thú, tấm vải len, tấm vải và các vị bước lên. 36. [Bàn chân] bị ướt, có giày dép, việc phun nhổ, các vị làm trầy và các vi dựa vào, có tâm dựa, hoặc khi đã bị trây, đã được rửa sạch và với tâm trải. 37. ở Rājagaha, các vi không thể nào, [bữa ăn] tàm thường, vị sắp xếp bữa ăn, vậy thì như thế nào, vi phân bố [chỗ ngụ], việc chỉ định vị giữ kho. 38. Vị tiêp nhận và vị phân chia [y], luôn cả vê cháo, vị phân chia trái cây, vi phân chia thức ăn khô và luôn cả phân phát vật linh tinh nữa. 39. Và luôn cả vị phân

phối vải choàng, tương tợ y như thế là vị phân phối bình bát, việc chỉ định vị quản trị các người phụ việc tu viện, và các vị Sa-di. 40. Đấng Toàn Tri, bậc Hiểu Biết Thế Gian, vi có tâm tốt lành, là vị Lãnh Bạo, vì lợi ích của chỗ trú ngụ và vì lợi ích của sự an lạc, để tham thiền và để minh sát. —ooOoo—

VII. CHƯƠNG CHIA RỄ HÔI CHÚNG

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

sự XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG SAKYĀ 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Anupiyā. Anupiyâ là tên của một thị trân của xứ Mallā. Vào lúc bây giờ, nhiêu vương tử rát danh tiêng thuộc dòng dõi Sakyā xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sakyā và Anuruddha dòng Sakyā là hai anh em. Anuruddha dòng Sakyā là người mảnh mai. Vị ấy có ba tòa lâu đài: Một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakyā đã khởi ý điều này: "Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakyā, đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sống không nhà cả. Có lẽ hoặc là ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia?" Sau đó, Mahānāma dòng Sakyā đã đi đến gặp Anuruddha dòng Sakyā, sau khi ĩ \ đên đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điêu này: Này. Anuruddha L yêu: dấu, hiện nay nhiêur vương tử rất •danh tiếng, r .. thuộc dòng dõi Sakyā, đã xuất gia noi theo gương đức Thê Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sông không nhà cả. Chính vì điêu ây5 hoặc là em hoặc là anh nên xuất gia. . 9 e r r -Em thì mảnh mai, em không thê rời nhà xuất gia, sông không nhà. Anh hãy xuất gia đi. -Anuruddha yêu dấu, hãy đến. Anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình cho em. Trước tiên, cân bảo cày xới ruộng nương, sau khi bảo cày xới roi cân bảo gieo hạt, sau khi bảo gieo hạt rồi cần bảo đưa nước vào, sau khi bảo đưa nước vào rồi cần bảo tưới nước đều khắp các ruộng, sau khi bảo tưới nước đều khắp các ruộng cân bảo nhô cỏ, sau khi bảo nhô cỏ roi cân bảo gặt hái, sau khi bảo gặt hái rồi cần bảo thâu hoạch, sau khi bảo thâu hoạch rồi cần bảo chất thành đống, sau khi bảo chất thành đống rồi cần bảo đập giũ, sau khi bảo đập giũ rồi cần bảo tách rơm ra, sau khi bảo tách rơm ra cần bảo tách trấu ra, sau khi bảo tách trấu ra cần bảo sàng sảy, sau khi bảo sàng sảy rồi cần bảo đem cất vào kho, sau khi

bảo đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế, vào mùa tới nữa cũng cân được làm y như thê. Thế các công việc không được ngưng lại hay sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào các công việc sẽ được ngưng lại? Khi nào sự chấm dứt các công việc sẽ được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rỗi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho, đã được sở hữu? - Này Anuruddha yêu dấu, công việc không được ngimg lại. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Khi công việc vẫn chưa ngưng lại, cha mẹ và ông đã qua đời.

Chính vì điêu ây, nên chính anh hãy biêt lây công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. 2. Sau đó, Anuruddha dòng Sakyā đã đi đến gặp người mẹ. Sau khi đến đã nói với người mẹ điều này: Thưa mẹ, con muôn rời nhà xuât gia, sông không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà. Khi được nói như thế, mẹ của Anuruddha dòng Sakyā đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điều này: Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mên, yêu dâu của mẹ. Chỉ có sự chét thì mẹ đành phải xa con một cách miên cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Đen lần th

VIL CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 807

3. Sau đó? Anuruddha dòng Sakyā đã đi đến gặp đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā. Sau khi đến đã nói với đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā điều này: Này bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó. -Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, vậy hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ...cứ việc xuất gia một cách thoải mái.1 Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. -Này bạn, tôi không thể rời nhà xuất gia, sống không nhà. Điều gì khác mà tôi có the làm cho bạn thì tôi sẽ làm cho bạn. Bạn hãy xuất gia đi. Này bạn, mẹ đã nói với tôi như vây: "Này Anuruddha yêu dâu, nêu đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā rời nhà xuất gia, sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia." Này bạn, hơn nữa bạn đã nói lời nói này: "Này bạn, nếu việc xuât gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái." Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Vào lúc bấy giờ, loài người nói năng chân thật, tôn trọng sự chân thật. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điều này: Này bạn, hãy chờ đợi bảy năm. Sau bảy năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. 9 0

Này bạn, bảy năm quá lâu. Tôi không thê chờ đợi bảy năm. -Này bạn, hãy chờ đợi sáu năm. ...(nt)... năm năm. ...(nt)... bốn năm. ...(nt)... ba năm. ...(nt)... hai năm. ...(nt)... một năm. Sau một năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. -Này bạn, một năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi một năm. Này bạn, hãy chờ đợi bảy tháng. Sau bảy tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này bạn, bảy tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy tháng. Này bạn, hãy chờ đợi sáu tháng (nt) năm tháng. ...(nt)... bốn tháng. ..(nt)... ba tháng. ,..(nt)... hai tháng. ...(nt)... một tháng. ...(nt)... nửa tháng. Sau nửa tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này bạn, nửa tháng quá lâu. Tôi không thê chờ đợi nửa tháng. Này bạn, hãy chờ đợi bảy ngày, đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong. Này bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ đợi. 4. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta, với thợ cạo upâli là người thứ bảy, giống như trước đây,1

1 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn, muốn nói rằng: "T6i với bạn sẽ xuất gia , nhưng vì lòng ham muốn sự vinh quang của vương quyền ngăn cản trải tim jai nên chỉ nói được "T6i với bạn" và đã không thê nói phần còn lại (VìnA.

VI. 1275). Nói thêm chọ rõ về lời giải thích trên là vị Anuruddha đã nghe đức Vua Bhaddiya nói như sau: “T6i với bạn cứ việc xuất gia một cách thoải

808 e TIỂU PHẨM

họ đã đi ra khu vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tợ y như thế, họ đã ra đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Sau khi đi sang lãnh thổ khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra, dùng y khoác ngoài buộc lại thành gói5 rồi đã nói với thợ cạo Upâli điều này: uNày khanh Upãli, ngươi nên trở lại. Nhiêu đây cũng đủ cho cả đời của nguôi.” Sau đó, trong khi đi trở vê, thợ cạo upâli đã khởi ý điêu này: "Những người dòng Sakyā thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này', cũng CÓ thê ra lệnh giêt ta. Chính các vương tử dòng Sakyā này còn rời nhà xuât gia, sống không nhà, việc gì ta lại kh6iìg?" Vi ấy đã mở gói đồ ra rồi treo gói đồ ấy ở trên cây, nói răng: "Ai thây được cứ việc lây món quà", roi đã đi đên gặp các vương tử dòng Sakyā. Các vương tử dòng Sakyā ấy đã nhìn thấy thợ cạo upâli đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với thợ cạo Ưpâli điều này: Này khanh upli, vì sao ngươi quay lại? Thưa các vương tử5 ở đây, trong khi quay trở về tôi đã khởi ý điều này: "Những người dòng Sakyā thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này\ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakyā này còn rời nhà xuất gia, sống không nhà, việc gì ta lại kh6ng?” Thưa các vương tử, tôi đây đã mở gói đồ ra, treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: "Ai thấy được cứ

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 809

r-pl Á rpi/\ 1 1 • 4-Á 4-7 1 1 X r rpi Á rp A À • À • Á /\ l 1 /X T/^1 • The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, Đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, vẫn thường xuyên thốt lên lời

810 • TIỂU PHẨM

ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, con đây cảm nhận được sự lợi ích này nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: uÔi sự an lạc! ôi sự an lạc!” Sau đó, khi hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: uĐối với người nào mà các sự sân hận không hiện diện ở trong tâm, đã vượt qua khỏi hữu và phi hữu như thế, vi ấy đã không còn sự sợ hãi, có sự an lạc, không sầu muộn, chư thiên không đạt được việc nhìn thấy vị ấy." 7. Sau đó, khi đã ngự ở Anupiyâ theo như ý thích, đức Thế Tôn trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Ghosita. Khi ấy, Devadatta trong lúc độc cư thiền tịnh, đã có ý nghĩ suy tầm như vầy sanh khởi: “Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng có thể phát sanh?99 Khi ấy, điều này đã khởi lên cho Devadatta: "Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và có tương lai rạng rỡ. Hay là ta nên làm cho Hoàng tử Ajātasattu tin tưởng, để khi vị ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng sẽ phát sanh?" Sau đó, Devadatta đã thu xép sàng tọa roi câm y bát đi đên thành Rājagaha. Theo tuần tự, vị

ấy đã đến được thành Rājagaha. Khi ấy, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng đứa bé trai, mình quấn đầy rắn, xuất hiện ở trên bắp vế của Hoàng tử Ajātasattu. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu đã trở nên sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Khi ấy, Devadatta đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao? Vâng, ta sợ lắm. Ngươi là ai? -Tôi là Devadatta. Thưa ngài, nêu người là ngài Đại đức Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi. 8. Sau đó, Devadatta đã thay đổi hình dạng đứa bé trai và hiện ra đứng trước Hoàng tử Ajātasattu có mang y hai lớp và y bát. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu này của Devadatta, nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại. Khi ây, Devadatta với tâm đã bị chê ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, Ưọng vọng và tôn vinh, khiên điêu tham muôn như vây đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Ty-khiru?5 Cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HÔI CHÚNG 811

Vào lúc bấy giờ, thị giả của Đại đức Mahãmoggallãna tên là Kakudhã, con trai của dòng Koḷiya, vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vi ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó? vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Khi ấy, thiên tử Kakudhā đã đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudhā đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tykhưu." Thưa ngài, cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy. Thiên tử Kakudhā đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vi ấy đã đảnh lễ Đại đức Mahâmoggallãna, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại cho áy. 9. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thi giả của con tên là Kakudhā, con trai dòng Koḷiya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đong làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản the đó, vi ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch Ngài, khi ấy thiên tử Kakudhā đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đảnh lễ con rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudhā đã nói với con điều này: “Thua ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bi ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: 'Ta sẽ quản trị hội chúnệ Tỳ-khuu\ Thưa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi than thông của minh.” Thiên tử Kakudhā đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vi ấy đã đảnh lễ con, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại chỗ ấy. Này Moggallâna, có phải thiên tử Kakudhā với ngươi có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bát cứ điêu gì thiên tử Kakudhā nói [ngươi biêt được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác? Bạch Ngài, thiên

tử Kakudhā với con có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudhā nói [con biết được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác. Này Mo^gallâna, hãy giữ kín lời nói này. Này Moggallãna, hãy giữ kín lời nói này. Đã đen lúc kẻ rồ dại ấy tự chính mình sẽ làm bộc lộ bản thân. 10. Này Moggallãna, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Này Moggallāna, ở dây, có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tinh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tjnh" và "Giới của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử biêt vê chính vị ây như vây: "Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rang: 'Ta có giới thanh tịnh9 và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố/Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ9 tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ ve giới từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,, và "Sự nuôi mạng của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh9 và 'Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố/Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hy, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư, trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tjnh" và "Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh5 và 'Sự thuyết pháp của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen a Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ ve việc thuyết pháp từ các đệ tử. Này Moggallãna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh" và "Lối giải thích của ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có lối giải thích thanh tịnh9 và 'Lối giải thích của

ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen ố/ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ? ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư vê lôi giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" và "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có tri kiên thanh tjnh' và 'Tri kiên của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ô.9 Nêu chúng ta nói cho các cư si, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điêu mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điêu ây cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này Moggallãna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Và này Moggallâna, Ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tjnh” và "Giới của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen 6." Các đệ tử không can bảo vệ Ta ve giới, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ ve giới từ các đệ tử. Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tjnh" và "Sịt nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử. Ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh,, và "Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cân bảo vệ Ta vê sự thuyêt pháp, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử. Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh" và "Lối giải thích của Ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cân bảo vệ Ta vê lôi giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ vê lối giải thích từ các đệ tử. Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tjnh” vA "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. 11. Sau đó, khi đã ngự tại Kosambī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã

ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VèỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Khi ấy5 nhiều vị Tỳ-khtru đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khiru ay đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiec, và vật cúng dường vê thực phàm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại. Này các Tỳ-khưu, chớ có ganh tị với Devadatta về sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh. Này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật Cling dường vê thực phàm là năm

trăm phân cơm nâu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đen cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển. Này các Ty-khiru, cũng giống như người ta làm vỡ túi mật ở mũi của con chó dữ tợn; này các Tỳ-khưu5 bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương tợ như thế, này các Tỳ-khiru? cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trâm chiếc, và vật cúng dường vê thực phàm là năm trăm phân cơm nâu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đên cho Devadatta, chứ không phải sự tiên triên. Này các Ty-khxru, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giông như cây chuôi khi fro quả thì đưa đên sự hư hỏng của thân cây, khi fro quả thì đưa đên sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các . Tỳ-khưu, £ r giônge như cây • tre khi két trái thì r đưa đên • sự hư hỏng của thân cây, khi két trái thì đưa đên sự tiêu hoại; tương tợ như thê, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giông như cây sậy khi két trái thì đưa đên sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 815

"Đúng vậy, [sự kết] trái hại chết cây chuối, [sự kết] trái hại chết cây tre, [sự kết] trái hại chết cây sậy, sự trọng vọng hại chết kẻ ngu, tương tợ như bào thai hại chết con lừa." Tụng phẩm thứ nhất

12. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo có cả đức vua, đang thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu. - Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có mong để được cai quản hội chúng Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhi, Devadatta ..(nt)... Đen lần thứ ba, Devadatta đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đên đoạn cuôi cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thê Tôn hãy sông găn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu. Này Devadatta, ngay cả Sāriputta và Moggallâna Ta còn không

thể bàn giao hội chúng Tỳ-khxru? làm sao [có thể bàn giao] cho kẻ tồi tệ đáng phỉ nhổ như ngươi được? Khi ấy, Devadatta [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa!,, nên tức tối, có sự không hài lòng, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi. Như thế, đây đã là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn. 13. Sau đó5 đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây hội chúng hãy thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực:

. r Ị. 7

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta/ Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng thực hiện hành Sự công bô vê Devadatta trong thành Rājagaha răng: 'Bản chát của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nen xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta/ Đại đức nào đồng ý sự thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm băng thân hoặc băng lời nói, không nên xem điêu ây là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta' xin im lặng; vị nào không đông ý, có thê nói lên. Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta9 đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' 14. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng: Này Sāriputta, chính vì điêu ây ngươi hãy công bô vê Devadatta ở trong thành Rājagaha. Bạch Ngài, trước đây, ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rang: "Con trai của Godhi có đại than lực! Con trai của Godhi có đại năng Ẹrc!" Bạch Ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được? Này Sāriputta, khi ngươi khen ngợi vê Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: “Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng Iịĩc!” phải chăng là đúng sự thật? Bạch Ngài, đúng vậy. Này Sāriputta, cũng tương tợ như vậy, ngươi hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha. -Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Sāriputta đã đáp lời

đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 817

Này các Tỳ-khmi, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ đinh Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.^, Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích • 7 jF A hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Sāriputta đê công bô vê Devadatta ở trong thành Rājagaha rang: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.5 Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta/Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta để công bo về Devadatta trong thành Rājagaha răng: 'Bản chát của Devadatta trước đây khác, ...(nt).. mà nên xem điều ây là [của] chính Devadatta9 xin im lặng; vi nào không đong ý, có the nói lên. Đại đức Sāriputta đã được hội chúng chỉ định để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(īit)... mà nên xem điều ấy là [của] chính DevadattaSự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Và khi đã được chỉ đinh, Đại đức Sāriputta cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha và đã công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.” ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này ganh tị. Họ ganh tị với sự lợi lộc và trọng vọng của Devadatta.,, Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha như thế này chẳng có gì sai trái!” 15. Sau đó, Devadatta đã đi đên gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Hoàng tử, trước đây loài người sống thọ, bây giờ yểu thọ. Điều thực tê cân được biêt là ngài có thê chét đi trong lúc vân còn là Hoàng tử; tâu Hoàng tử, chính vì điều ấy ngài hãy giết cha và lên làm Vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật. Sau đó, Hoàng tử Ajātasattu [nghĩ rằng]: “Ngài Devadatta có đại thần lực, có đại năng lực; ngài Devadatta đương nhiên có thể biết được" nên vào lúc sáng sớm đã buộc con dao găm ở đùi, roi [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan đại than bảo vệ hậu cung

đã nhìn thây Hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm [với vẻ] khiêp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đang xông vào hậu cung một cách vội vã, sau khi nhìn thay họ đã giữ lại. Trong lúc khám xét, họ đã thấy con dao găm buộc ở đùi nên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Hoàng tử, ngài có ý định làm điều gì vậy? -Ta có ý đinh giết cha. Do ai

xúi giục? Do ngài Đại đức Devadatta. Một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khmi phải bị giết chết.” Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: “Các Tỳ-khiru không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết.” Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm như thế ấy." Sau đó, các quan đại thần ấy đã đưa Hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đen đã trình báo sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha. Này các khanh, các quan đại thần đã có ý kiến thế nào? -Tâu Bệ hạ, một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bi giết chết, Devadattayà tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết.” Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: uCác Tỳ-khưu không phải chết. Các vi Tỳ- khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bi giết chết.,, Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy." —Này các khanh, đức Phật, hoặc Giáo pháp, hoặc Hội chúng sẽ làm điều gì? Chẳng phải đức Thế Tôn đã cảnh giác và đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta” hay sao? Tại nơi ấy, những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết", đức vua đã cách chức những vị ây. Những quan đại thân nào đã đưa ý kiên như vây: "Các Tỳ-khưu không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Chỉ có hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết”, đức vua đã giáng chức những vị ấy. Những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết,

Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy", đức vua đã thăng chức những vị ấy. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Này Hoàng tử, tại sao con có ý định giết ta? -Tâu Bệ hạ5 con muốn được vương quyền. Này Hoàng tử, nêu con muôn được vương quyên thì vương quyên này là của con. Rồi đã trao vương quyền cho Hoàng tử Ajātasattu. 16. Sau đó, Devadatta đã đi đên gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Đại vương, hãy ra lệnh cho các nam nhân để họ sẽ đoạt mạng sống của Sa-môn Gotama. Khi ây, Hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người răng: Này các khanh, ngài Đại đức Devadatta đã nói như thế nào, các người hãy làm theo như thế ấy. Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông răng: “Này ông bạn, Sa-môn Gotama ngụ ở nơi đó; hãy đoạt mạng sông của ông ta roi hãy trở vê băng con đường này.” Roi trên con đường ây, Devadatta đã xép đặt hai người đàn ông [bảo rằng]: "Người đàn ông nào một mình trở về bằng CÓT! đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này.,, Rồi trên con đường ây, Devadatta đã xép đặt bôn người đàn ông

[bảo răng]: "Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông [bảo rằng]: "Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sông của chúng roi hãy trở vê băng con đường nay." Roi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông [bảo rằng]: "Tám người đàn ông nào trở vê băng con đường này; hãy đoạt mạng sông của chúng roi hãy trở vê băng con đường này." Sau đó, người đàn ông ây một mình câm gươm và bao gươm, mang cung và tui ten đã đi đen gặp đức The Ton; sau khi đen con cách đức The Ton mọt khoảng không xa thì trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đã đứng với thân thể cứng đơ. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người đàn ông ấy [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đang đứng với thân thể cứng đơ, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: "Này đạo hữu, hãy đến. Chớ có sợ hãi?9 r r 9

Khi ây, người đàn ông áy đã bỏ gươm và bao gươm ở một góc, đê cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đê đầu ở hai chân của đức The Ton va đã noi vơi đức The Ton điêu nay:

Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi ấy của con đây là tội lỗi, y ? hâu đê ngăn ngừa trong tương lai. Này đạo hữu, đúng như vậy, tội lôi đã chiêm ngự lây ngươi khiên ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên ngươi đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Này đạo hữu, chính từ việc ấy, ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, nay ta nhận biết điều ấy cho ngươi. Này đạo hữu, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người đàn ông ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giông như tâm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đên người đàn ông ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thâm nhuân pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hăn5 đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn càn sự trợ duyên của . r " r \ người khác, người đàn ông ây đã nói với đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những người có mát sẽ nhìn thây được các hình dáng”; tương tợ như thê, pháp đã được đức Thê Tôn

giảng rõ băng nhiêu phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đên nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp ya Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy điều này: 5 r \ Này đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. 17. Sau đó, hai người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vHy?" rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn,

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 821

l 1 • 4. Á 'M 9 1 [4. r r-pl Á r-p /\ À • X • Ấ /X > 1 4 -p^ F rpil Á r-p /\ sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt ben. Đức The Ton đã thuyêt pháp theo thứ lớp đên những người ây. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

z Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật " là. tuyệt r vời! ...(nt)... Xin đức 9

Thê Tôn chập nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kê từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: r y -Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, bôn người đàn ông ây [nghĩ răng]: "Hai gã đàn ông ây sao lại lâu đên quá vay?" roi trong khi đi dọc theo con đường ây, đã nhìn thây đức Thê Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, __ 1 • _ 4. A _ g* g? 1 Ã 4. F A rpi \ \ Ạ _ _ _ FT5*1 - Ạ A 4 p sau khi đen đã đanh
le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt bên. Đức Thê Tôn đã thuyêt pháp theo thứ lớp đên những người ây. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vòi! ...(nt).. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: > f y Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, tám người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Bốn gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?59 rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngôi xuổng mọt ben. Đức The Ton đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(ĩit)...vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vòi! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, mười sáu người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: uTám gã đàn ông ấy sao lại lâu đên quá vāy?" roi trong khi đi dọc theo con đường ây, đã nhìn thây đức

Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, ~ A _ sau khi đên đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Đức The Ton đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điêu này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: \ r \

Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường áy, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, sau khi đến đã nói với Devadatta điều này: Thưa ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, có đại năng lực. Này ông bạn, thôi đi. Ngươi chớ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama, chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama. 18. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Gijjhakūta. Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūta và xô xuống tảng đá lớn [nghĩ răng]: "Ta sẽ đoạt lây mạng sông của Sa-môn Gotama băng vật nay?9 Hai đỉnh núi đã giao nhau và chận tảng đá ấy lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngước nhìn lên phía trên và đã nói với Devadatta y điêu này: Này kẻ rồ dại, nhiều điều vô phước nghiêm trọng đã gây nên bởi ngươi, là việc ngươi có tâm độc ác, có tâm giết hại đã làm chảy máu của Như Lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vi Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, đây là nghiệp vô gián đau tiên mà Devadatta đã tích lũy, là việc đã làm chảy máu của Như Lai bằng tâm độc ác, bằng tâm giết hại. Các Tỳ-khưu đã nghe răng: “Nghe nói Devadatta mưu đô giêt hại đức Thê Ton.99 Và các vị Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh tru xá của đức Thế Tôn, tạo nên âm thanh ồn, tiếng động lớn, trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rang: -Này Ānanda, tiếng động ồn? tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là gì vậy? Bạch Ngài, các Tỳ-khưu đã nghe rằng: "Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế T6n Bạch Ngài, và các vị Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng

để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó là tiếng động ôn, tiêng động lớn, tiêng đọc tụng ây. Này Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy gọi các Tỳ-khưu ấy với lời nói của Ta rằng: "Bậc Đạo sư gọi các Đại đức.,, Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy điều này: Bậc Đạo sư gọi các Đại đức. Này Đại dức, xin vâng. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo Đại đức Ānanda, đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt bên. Đức Thê Tôn đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy đang ngồi một bên điều này: 19. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không

có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. Này các Tỳ-khưu, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Này các Tỳ-khưu, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tjnh" và "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có giới thanh tịnh9 và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bi hoen ố? Nêu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Này các Tỳ-khxru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra lẳng: “Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,, ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử. Này các Tỳ-khiru, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tinh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tinh” ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về việc thuyêt pháp, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ vê việc thuyêt pháp từ các đệ tư. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tinh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh”

...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này các Tỳ-khmi, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Và này các Tỳ-khưu, Ta có giới thanh tinh và biết rằng: "Ta có giới thanh tjph” và "Giới của Ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen ố.y Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về giới và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,9 và "Sịt nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết pháp thanh tinh và biết rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tjnh” và "Sịt thuyết pháp của Ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự thuyết pháp và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử. Này các Tỳ-khiỉu, Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: “Ta có lối giải thích thanh tịnh^, và "Lối giải thh của Ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về lối giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu? Ta có tri kiến thanh tinh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tiĩlh^, và "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu5 việc

người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khiru, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi về trú xá của mỗi người. Này các Tỳ- khưu, các đức Như Lai không cần được bảo vệ. 20. Vào lúc bấy giòi, ở thành Rājagaha có con voi dữ tợn tên Nālāgiri, là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta sau khi vào thành Rājagaha đã đi đến chuồng voi và đã nói với những người quản tượng điều này: Này các người, chúng tôi là những thân quyến của đức vua, có quyền lực đê đưa kẻ có chức vụ tháp lên chức vụ cao, còn làm tăng thêm luôn cả thực phẩm và lương bổng nữa. Này các người, chính vì điều ấy, khi nào Sa-môn Gotama đi vào con đường này, khi ấy các ngươi hãy thả con voi Nālāgiri này ra và cho đi theo con đường này. Thưa ngài, xin vâng.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG • 825

Những người quản tượng ấy đã trả lời Devadatta. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha để khất thực. Sau đo, đức Thế Tôn đã đi vào con đường ấy. Những người quản tượng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi vào con đường ấy, sau khi nhìn thấy đã thả con voi Nālāgiri và cho đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng, rồi đã chạy lại đức Thế Tôn. Các vị Tỳ-khiru ấy đã nhìn thấy con voi Nālāgiri từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con voi Nãlâgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui. Này các Tỳ-khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu5 việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. Đen lần thứ nhì, các vị Tỳ-khưu ấy ...(nt)... Đen lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu ay đã noi vơi đức The Tôn điêu nay: Bạch Ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui. Này các T-khưu, hãy đi đên, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không họp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. 21. Vào lúc bây giờ, dân chúng trèo lên và nâp ở các tòa nhà dài, ở các khu nhà lớn, ở các mái che. ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ dạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Này quý vi, chắc chắn Ngài đại Sa-môn Gotama đẹp trai sẽ bị con long tượng gây thương tích." Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: uNày quý vị9 chốc nữa thôi, chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phuc/5 Khi ấy, đức Thế Tôn đã rải tâm từ đến con voi Nālāgiri. Sau đo? con voi Nālāgiri đã được đức Thế Tôn rải luồng tâm từ đến nên đã hạ vòi xuống, rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của con voi Nâlãgiri rồi đã nói với con voi Nālāgiri những lời kệ này: "Này voi, chớ có đối đầu với Tượng Chúa. Này voi, bởi vì đối đầu với Tượng Chúa là khổ. Này voi, bởi vì cõi trời là không có cho kẻ giết Tượng Chúa, từ cõi này [sẽ] đi đến cõi khác.

Và chớ có ngạo mạn, và chớ có xao lãng, bởi vì những kẻ bi xao lãng không về được cõi trời. Bằng cách nào ngươi sẽ đi về cõi trời thì chính ngươi sẽ làm theo như cách ấy." Khi ấy, con voi Nâlãgiri đã dùng vòi lấy các hạt bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, đã khum xuống chào, rồi đã bước lui trong lúc vẫn nhìn đức Thê Tôn. Sau đó, con voi Nālāgiri đã vê lại chuông và đứng tại chô của nó. Và như thế, con voi Nālāgiri đã trở nên thuần phục. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ngâm nga bài kệ này: "Nhiều kẻ được thuần hóa bằng gậy gộc, bằng các gậy móc câu và bằng các roi vọt, con voi được vi Đại Ẩn Sĩ điều phục không bằng gậy gộc, không bằng vũ kÊí." ° Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Devadatta này quả thật ác độc, không biêt xấu hô, bởi vì ở nơi đây lại dám ra sức giêt hại Sa-môn Gotama là vị có đại thần lực như thế này, có đại năng lực như thế này." Lợi lộc và sự trọng vọng của Devadatta đã sút giảm. Còn lợi lộc và sự trọng vọng của đức Thế Tôn đả tang trưởng. 22. Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và sự trọng vọng bị sút giảm nên phải cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đo ăn ngọt ngào?" Các Tỳ-khưu đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Devadatta cùng phe nhóm lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thỊTC?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Devadatta, nghe nói ngươi cùng phe nhóm liên tục yêu cau ở các gia đình roi thọ thực, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy đối với các Tỳ-khưu Ta sẽ quy định vật thực theo nhóm ba vị ở các gia đình vì ba lý do: "Nhằm kiềm chế những kẻ tồi tệ, vì sự sống an lạc của các Tỳ-khưu hiền thiện: 'Chớ để các Tỳ-khiru ác xấu nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng \ và vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình. Và trong việc vật thực dâng chung nhóm, nên được hành xử theo pháp."2 23. Sau đó, Devadatta đã đi đên gặp Kokālika, Katamorakatissa con trai của Khandadevī và Samuddadatto. Sau khi đến đã nói với Kokālika, Katamorakatissa con trai của Khandadevī và Samuddadatto điều này:

2 Liên quan đến điều Pãcittỉya 32 (ND).

Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyên lãnh đạo. o r y

Khi được nói như thê, Kokălika đã nói với Devadatta điêu này: Này Đại dức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được? Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự

đoạn trừ, sự từ bỏ? sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bang nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đen sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn dời, vi nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vi khất thực cho đến trọn đời, vi nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vi ấy phạm tội. Là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Là các vị sông ở góc cây cho đên trọn đời, vị nào đi đên mái che thì vị ây phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vi nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.^, Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này. -Này Đại đức, với năm sự việc này có thê tiên hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này Đại dức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh. 24. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, đức Thê Tôn là người khen ngợi sự ít ham muôn, sự tự biêt đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều : w r r phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đên sự ít ham muôn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ? sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vị khất thực cho đến trọn đời, vi nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vi ấy phạm tội.

Là các vị mặc y [may bằng] vải bi quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vi ấy phạm tội. Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vi nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội. Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muôn thì hãy trở thành vi sông ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khất thực, vị nào muốn thì hãy ưng thuận việc thỉnh mời. Vi nào muốn thì hãy là vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy ưng thuận y của gia chủ. Này Devadatta, chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng được Ta cho phép, cá thịt thanh tịnh với ba điều kiện: "Không thấy, không nghe, không nghi" được Ta cho phép. 25. Khi ấy, Devadatta [biết rằng]: "Dức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này59 nên mừng rỡ, phấn chấn cùng phe nhóm đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc: Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ..(nt).. là người khen ngợi sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(nt).. sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vi sống ở rừng cho đến trọn đời, ...(nt)...Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.^, Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ dạo,

kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đen việc xa hoa.,, Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?^ Các Tỳ- khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh dạo?" 26. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức việc chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn? đúng vậy.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG • 829

Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Này Devadatta, kẻ nào phá vỡ sự hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp3 và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. Và này Devadatta, người nào làm hợp nhất hội chúng bị chia rẽ, người ấy tạo nên phước báu của Phạm thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp. Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khất thực. Devadatta đã nhìn thấy Đại đức Ānanda đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: "Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ Uposatha và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không Á Ạ _ ỉ __ Á rr^ A _ _ Ạ _ AÀ r r-ri \ can đen đức The Ton, không can đen nọi chung Tỳ-khưu. Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Ānanda sau bữa ăn, trên đường đi khất thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha đê khát thực. Bạch Ngài, Devadatta đã nhìn thây con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: “Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi, tôi sẽ hành lễ Uposatha và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng Tkhưu." Bạch Ngài, kể từ nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng. Sau đó9 khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: "Diều tốt là dễ làm bởi người tốt, điều tốt là khó làm bởi kẻ xấu. Điều ác là dễ làm bởi kẻ xấu, điều ác là khó làm bởi các vi Thánh.” Tụng phẩm thứ nhì.

1. Khi ấy, vào ngày lễ Uposatha. Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết [nói rằng]: "Này các Đại đức, chúng tôi đã đi đến gặp Sa- môn Gotama và đã yêu câu năm sự việc: 'Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đên sự ít ham muôn, ...(nt)...

3 Ngài Buddhaghosa giải thích là āyukappam, nghĩa là khoảng thời gian của cuộc sống, của tuổi thọ (VinA.NL 1276). .

830 « TIỂU PHẨM

Sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vi nào cư ngụ trong làng thì vi ấy phạm tội ...(nt)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội/ Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đong ý năm sự việc này xin hãy nhận lãnh thẻ biểu quyết." Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajji ở thành Vesālī có số lượng năm trăm vị, vừa mới xuất gia và không hiểu biết rõ sự việc. Các vị ấy [nghĩ rằng]: 'Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo su" nên đã nhận lấy thẻ biểu quyết. Khi ấy, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. Sau đó, Sāriputta và Mo^gallāna đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khiru ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. -Này Sāriputta và Moggallãna, không lẽ các ngươi không có lòng trắc ẩn đối với các Tỳ-khưu mới tu ấy hay sao? Này Sāriputta và Moggallâna, các ngươi hãy đi đến trước khi các Tỳ-khiru ấy tạo nên điều sai trái và hư hỏng. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Sāriputta và Moggallâna nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi đã ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: -Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi khóc? —Bạch Ngài, ngay cả hai vị Thinh văn hàng đầu của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallâna cũng thích thú với giáo lý của Devadatta và đi đến với Devadatta rồi. Này Tỳ-khưu, việc Sāriputta và Moggallâna có thể thích thú với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở; tuy nhiên, họ đã đi để cảnh tỉnh các Tỳ-khưu. 2. Vào lúc bấy giờ, Devadatta được hội chúng đông đảo vây quanh đang thuyết giảng giáo pháp. Devadatta đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallâna đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các Tỳ-khiru rằng: -Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả các Thinh văn hàng đầu của Sa-môn Gotama là Sāriputta và Moggallãna cũng thích thú với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.

VIL CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 831

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này: Này Đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bi chi phối bởi những ước muốn xấu xa. Này Đại dức, thôi đi. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ thích thú với giáo lý của ta. Sau đó, Devadatta đã mời Đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi [của mình]: -Này Đại đức Sāriputta, hãy đến. Hãy ngồi xuống ở đây. Này Đại đức, thôi đi. Roi Đại đức Sāriputta đã chọn chô ngôi khác và đã ngôi xuồng ở một góc. Còn Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo

niềm phấn khởi cho các Tỳ-khiru bằng bài pháp thoại gần như trọn đêm, rồi đã yêu cầu Đại đức Sāriputta rằng: Này Đại đức Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Đại đức Sāriputta, mong răng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khưu khởi đến cho ngươi. Lưng tôi bị mỏi nên tôi sẽ nằm duỗi lưng ra. -Này Đại đức, được rồi. Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta. Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp lại làm tư roi thực hiện thê năm ở phía bên hông phải. Trong khi vị áy mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ chốc lát đã chìm vào giấc ngủ. Khi ây, Đại đức Sāriputta đã giáo huân và giảng dạy cho các Tỳ-khưu với bài pháp thoại giảng dạy vê sự kỳ diệu của thân thông, vê giáo hóa. Đại đức Mahāmoggallāna đã giáo huấn và giảng dạy cho các Tỳ-khưu bang bài pháp thoại giảng dạy vê sự kỳ diệu của thân thông. Sau đó, trong khi đang được giáo huấn và giảng dạy bởi Đại đức Sāriputta với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông, về giáo hóa và bởi Đại đức Mahāmoggallāna với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi cho các Tỳ-khưu ấy: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet.” Khi ây, Đại đức Sāriputta đã bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào thích thú với giáo pháp của đức Thế Tôn ấy, vị ấy hãy đi đến. Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đưa năm trăm vị Tỳ-khiru ấy đi đến Veḷuvana. Khi ấy, Kokâlika đã đánh thức Devadatta: "Này Đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Các Tỳ-khưu ấy đã bị Sāriputta và Moggallâna dẫn đi rồi. Này Đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với Đại đức rằng: 'Này Đại đức

Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallãna. Sāriputta và Moggallâna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.'" Khi ấy, ngay tại chỗ ấy, máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta. 3 Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức The Tôn rồi ngoi xuống một bên. Khi đã ngoi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, lành thay! Nếu các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] có thể tu lên bậc trên lại. -Này Sāriputta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú với việc tu lên bậc trên lại của các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy ngươi hãy cho các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ trình báo tội Thullaccaya. Này Sāriputta, Devadatta đã cư xử với ngươi như thế nào? Bạch Ngài, cũng tương tợ như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho các Tỳ-khưu băng bài pháp thoại gân như trọn đêm rồi đã yêu cầu con rằng: “Này Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Sāriputta, mong rằng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khiru khởi đến cho ngươi. Lưng ta bị mỏi nên ta sẽ nằm duỗi lưng ra." Bạch Ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, có cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Các con long tượng sống nương tựa vào cái hồ đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] không còn bùn và nuôt xuống. Điêu ây đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu, nhimg trong số các con long tượng khổng lồ ấy có những con còn

nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, đã không rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] còn dính bùn và nuốt xuống. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó, chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, Devadatta là kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước Ta sẽ phải tiêu hoại. Con long tượng khổng lồ làm lay chuyển trái đất trong khi đang ăn cọng sen và quan sát các dòng sông, kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước ta, ví như con voi con sau khi ăn đất bùn, sẽ phải chết. 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yêu tô xứng đáng đê đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người

gây nên các sự tranh cãi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả. Này các Tỳ-khưu, Sāriputta có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yêu tô ây là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, Sāriputta là người lăng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc : có lợi • ích hoặc • không có lợi ích, không k phảiq là người , gây , nên x các sự. tranh . o cãi. Này các Tỳ-khiru, Sāriputta có tám yêu tô này xứng đáng đê đi làm sứ giả. Nếu vị nào không run sợ sau khi đi đến nơi hội chúng có sự tranh cãi ồn ào, là vi không bỏ dở lời nói và không che giấu lời giảng dạy, vị nói có sự mạch lạc, bị chất vấn không nổi sân; vi Tỳ-khưu như thế xứng đáng đi làm vị sứ giả. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chê ngự, bị ám ảnh bởi tám điêu không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Tám điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi lợi lộc, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Này các Tỳ-khưu, ... bởi không lợi lộc ...(nt).. Này các Tỳ-khưu,... bởi danh vọng ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, ... bởi không danh vọng (nt)...Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự trọng vọng ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự không trọng vọng ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, ... bởi ước muốn xấu xa ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi bạn bè xấu xa, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không the sửa đoi được. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bi chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này các Tỳ-khưu, tót đẹp thay, vị Tỳ-khưu có thê sông hoàn toàn chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh khởi,...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt).. có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị Tỳ-khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)...không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được

sanh khởi,...(nt)...sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ..(nt)... có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi? Này các Tỳ-khưu, bởi vì đôi với vị ây, trong khi sông hoàn toàn không chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vị ấy]; trong khi sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, như thê các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đót ây không hình thành được.

Này các Tỳ-khưu, bởi vì đôi với vị ây, trong khi sông hoàn toàn không chê ngự, không lợi lộc đã được sanh khởi,...(nt).. danh vọng đã được sanh khởi, •.(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi,...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt).. bạn hữu xấu xa đã được sanh khỏi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vi ấy]; trong khi r • r . • r

sông hoàn toàn chê ngự bạn hữu xâu xa đã được sanh khởi, như thê các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được. Này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị Tỳ-khưu có thê sông hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)...danh vọng đã được sanh khởi,...(lít)...không danh vọng đã được sanh khỏi,...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh kh&i, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ..(nt).. vi ấy có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. r r Này các Tỳ-khưu, do đó5 ở đây chúng ta sẽ sông hoàn toàn chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. danh vọng đã được sanh khỏi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khỏi,...(nt)...sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(lít)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập y như thế ấy. e Ị" e y 5. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chê ngự, bi ám ảnh bởi ba điêu không.đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, 9 9 • " e \ r r phải .r chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Ba điêu ây là gì? Ước muôn xâu xa, bạn hữu xấu xa, đã đạt đến sự dừng lại ở khoảng giữa với sự đắc chứng đặc biệt có tính chất thấp thỏi (là các tầng thiền và các pháp thần thông). Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bi ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. (i) "Hiển nhiên, các ngươi chớ để bất cứ ước muốn xấu xa nào ở thế gian sanh khởi. Cũng bởi điêu này đây, các ngươi hãy biêt là có cảnh giới tương ứng đối với các ước muốn xấu xa. (ii) Devadatta, được biết là 'người sáng trí', được công nhận 'bản thân đã chứng thiền \ đã trụ vững như là đang chói sáng với danh vọng, là điều tôi đã được nghe. (iii) Kẻ ấy, thực hành theo sự xao lãng, sau khi công kích đấng Như Lai ấy, đã đi đen địa ngục Avīci có bon cửa, chốn gây nên nỗi kinh hoàng. (iv) Bởi vì kẻ gây hại đến bậc không [có tâm địa] xấu xa, không làm việc ác? [quả] ác xấu xảy đến cho chính kẻ có tâm địa xấu xa, không nhân hậu ấy.

(v) Kẻ nào suy nghĩ để làm ô nhiễm đại dương bằng lọ thuốc độc, với vật ấy, kẻ ấy không thể làm ô nhiễm bởi vì đại dương là bao la, to lớn. (vi) Tương tợ y như thế, kẻ nào dùng lời nói [bôi nhọ] hãm hại đấng Thiện Thệ, là bậc đã đạt đến sự hoàn hảo, có tâm thanh tịnh; lời nói [bôi nhọ] không có tác động ở nơi vị ấy. (vii) Bậc sáng trí nên két bạn hữu với hạng người như thê áy, và nên phục vụ người ấy. Vị Tỳ-khưu theo đường lối của người ấy sẽ đạt được sự chấm dứt khổ đau." 6. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã noi vơi đức The Ton điêu này: Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng.^, Bạch Ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng? Này Upāli, một bên có một người, một bên có hai người, người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay?9 Này upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upli, một bên có hai người, một bên có hai người, người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố lẳng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, một bên có hai người, một bên có ba người, người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rẳ"Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này Upli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upãli, một bên có ba người, một bên có ba người, người thứ bảy phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rẳng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay?9 Này Upâli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upâli, một bên có ba nguồi, một bên có bốn người, người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nAy." Này Upâli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Ưpãli, một bên có bốn ïiệười, một bên có bốn người, người thứ chín phan phát thẻ biểu quyết tuyên bố mng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.^, Này upâli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng. Này upli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, Tỳ-khưu-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Cô Ni tu tập sự không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vi Sa-di không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị Sa-di-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nam cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nữ cư sĩ không

chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Này upāli, vi Tỳ-khưu bình thường là vị có sự đồng cộng trú, đứng chung ranh giới có thể chia rẽ hội chúng. 7. Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sịt chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chiing." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng bi chia rẽ? -ở đây, này upâli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp"; tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luat"; tuyên bố Luật là "phi Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bo điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai" tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm t0i"; tuyên bố phạm tội là "v6 tQi"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng"; tuyên bố tội nặng là "tội nhq"; tuyên bố tội còn dư sót là utội không còn dư s6t"; tuyên bố tội không còn dư sót là utội còn dư s6t'4 tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xq" tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Do mười tám sự việc này, các vi ấy tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, chúng thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ? chúng thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này upãli, cho đến như vậy thì hội chúng bị chia rẽ. 8. Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự hợp nhất hội chúng, sự hợp nhất hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng có sự hợp nhất? ở đây, này upli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố Pháp là 'Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luāt,9; tuyên bố Luật là "Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai" tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điêu đã không được quy đinh bởi đức Như Lai là "điêu đã không được quy đinh

4 Tội không còn dư sót là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VinA. VII. 1319).

bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy đinh bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vo toi"; tuyên bố phạm tội là "phạm toi"; tuyên bố tội nặng là "tội nang"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót59; tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư s6t"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là utội không xấu xa." Với mười tám sự việc này, các vị ấy không tách ra và không tách rời hẳn, không thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, không thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ, không thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này upâli, cho đến như vậy thì hội chúng có sự hợp nhất. 9. Bạch Ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhát, kẻ ây gây nên điêu gì? —Này upali, sau khi

chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ gây nên tội lỗi chịu đựng trọn kiếp, bị nung nâu trong địa ngục trọn kiếp. Kẻ chia rẽ hội chúng là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp. Kẻ thích thú với phe nhóm, sống sai Pháp, làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã chia rẽ hội chúng có sự hợp nhất, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. -Bạch Ngài, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bi chia rẽ, vị ấy tạo được điều gì? • -Này upâli, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm thiên, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp. An lạc thay sự hợp nhất của hội chúng và tán đồng với những ai sống hợp nhất. Vị thích thú với sự hợp nhất, sống đúng theo pháp, không làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã làm cho hội chúng có sự hợp nhất, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp. 10. — Bạch Ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được? Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được? Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chiu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được? Này upãli5 trường hợp vị Tỵ-khưu tuyên bố phi Pháp là "[háp.” [Vị ấy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có quan diêm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huân của bậc Đạo sư. Hãy nhận

lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Upli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có quan diêm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giâu điêu khao khát, sau khi che giâu ý định, roi phân phát thẻ biêu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay.99 Này upãli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có hoài nghi vê việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.,, Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giâu điêu khao khát, sau khi

che giâu ý định, roi phân phát thẻ biêu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Ưpâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 839

Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này/9 Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sưa đoi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là “Pháp." [Vị áy] có hoài nghi vê điêu ây, có quan diêm là sai Pháp vê việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý đinh, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này upãli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. 11. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khxru tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thê sửa đôi được. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay.^ Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chung [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bô phi Pháp là "Ph", tuyên bố phi Luật là "Luật,; tuyên bố Luật là "phi Luāf9; tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không

được thực hanh bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều không được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã được quy định bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "diều không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm toi"; tuyên bố phạm tội là "v6 toi"; tuyên bố tội nhẹ là "tội n/ng"; tuyên bố tội nặng là "tội nhe"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t”; tuyên bố tội không con dư sót là "tội còn dư s6f ; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là utội xấu xa." [Vị

ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố Pháp là "phi Pháp." ...(nt).. tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa/9 [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có hoài nghi vê việc chia rẽ5 ...(nt)... [Vị áy] có quan diêm là đúng Pháp vê việc ây, ...(nt)..[Vj áy] có quan diêm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vi ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vi ấy] có hoài nghi vê điêu ây, có quan diêm là đúng Pháp vê việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị áy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ? là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. 12. Bạch Ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được? Này upāli, trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Ph;” [Vi ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huân của bậc Đạo sư. Hãy nhận lây thẻ này, hãy ủng hộ việc này.,, Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khiru tuyên bố Pháp là “Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ,...(nt).. tuyên bố phi Luật là "phi Luat"; ...(nt).. tuyên bố Luật là 6aLuật,; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là

"diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 841

Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố phạm tội là "phạm t°i”; tuyên bố vô tội là "vô toi”; tuyên bố tội nặng là "tội nāng?,; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhq"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư s6t” tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư s6f tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”; tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." [Vi ấy] có quan điểm là đúng Pháp vê việc ây9 có quan diêm là đúng Pháp vê việc chia rẽ, sau khi không che giâu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này upâli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Tụng phẩm thứ ba. Chương "Chia rẽ hội chúngw là thứ bảy.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY ở Anupiyâ, những người có danh tiếng, vị mảnh mai không muốn, các việc cày xới, gieo hạt, đưa nước vào, tưới nước, nhô cỏ, gặt hái, thâu hoạch, chát thành đông, đập giũ, [tách] rơm và trâu ra, sàng sảy, roi cát vào kho. Ngay cả trong tương lai, [các công việc] vẫn không được ngưng lại, cả người cha lẫn người ông. Các vị Bhaddiya và Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, tự hào là dòng Sakyā. Và chuyện ở Kosambī, vị đã bị mất [thần thông] và thiên tử Kakudhā. Vị đã công bố và đối với người cha, các nam nhân, tảng đá, voi Nālāgiri, ba [lan hãm hại], năm [sự việc], việc nghiêm trọng, kẻ đã chia rẽ5 với tội Thullaccaya, ba nhóm gồm tám điều, rồi lại ba điều [không đúng Chánh pháp], r \ 9

Sự bát đông, sự chia rẽ, có thê sẽ là. —ooOoo—

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự

1. PHẬN Sự CỦA VỊ VÃNG LAI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru vãng lai đi vào tu viện van mang dép, đi vao tu viện van cang du, đi vao tu viện van trùm đâu, van đọi y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đảnh lễ các Ty-khiru thường trú thâm niên hơn, không hỏi ve chỗ tru ngụ. Có vị Tỳ-khưu vãng lai nọ đã mở chốt gài, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào tru xá không có người ở. Có con rắn từ đà ngang phía trên đã rơi xuống vi ấy. Vi ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và đã nói với vị Tỳ- khưu ây điêu này: Này Đại đức, tại sao Đại đức kêu thét lên vậy? Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, ...(nt)... không hỏi về chỗ trú ngiỊ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các

Tỳ-khiru vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt).. không hỏi về chỗ trú ngụ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt).. không hỏi về chỗ trú ngụ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như the. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu vãng lai [nghĩ rằng]: "Bây giờ ta sẽ đi vào tu viên", nên tháo dép ra, để dưới thấp, giũ sạch, rồi cầm lấy, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y ở đầu

để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một cách nghiêm trang không vội vã. Khi đi vào tu viện, nên quan sát xem: “Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở d2u?" Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở nơi nào: Trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở góc cây, sau khi đi đên nơi ây, nên đê bình bát xuông một bên, nên đê y xuổng một bên, nên chọn chỗ ngồi thích hợp rồi ngồi xuống. Nên hỏi về nước uống, nên hỏi về nước rửa: "Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?" Nếu có sự cần dùng với nước uống, sau khi lấy nước uống rồi nên uống. Nếu có sự cần dùng với nước rửa, sau khi lấy nước rửa rồi nên rửa hai bàn chân. Trong khi rửa hai bàn chân, r nên xôi \nước băng r -i một tay, nên rửa bàn chân băng một tay. -i ù \ r Không nên xôi nước chỉ băng tay ây9 không nên rửa bàn chân chỉ băng tay ây. Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau với miêng giẻ khô, sau đó với miêng giẻ ướt. Sau khi giặt miêng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị Tỳ-khưu thường trú thâm niên hơn thì nên đảnh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đảnh lễ. Nên hỏi về chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ nào dành cho t6i?" Nên hỏi [chỗ trú ngụ áy] có người ở hay không có. Nên hỏi vê khu vực đi khát thực, nên hỏi vê khu vực không thể đi khất thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên hỏi về chỗ tiêu, nên hỏi về chỗ tiểu, nên hỏi về [chỗ lấy] nước uông, nên hỏi vê [chô lây] nước rửa, nên hỏi vê gậy đê chông, nên hỏi vê quy định của hội chúng: "Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?” 2. Nếu tru xá không có người, nên gõ vào cánh cửa lớn, chờ trong chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cánh cửa lớn ra, nên đứng bên ngoài nhìn vào bên trong. Nêu tru xá có rác bân hoặc là giường được chông lên giường, hoặc là ghê được chông lên ghê và vật năm, ngôi được chát thành đông ở bên trên, nêu có nô lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nền đem ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi đê xuông ở một góc. Nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên hạ tháp cái giường roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang e 16, ĩnên thâm ướt Lkhăn chà xát mạnh roi lau sạch. 7 A Nêu nên • được r sơn \ màu đen bị đôm loang lô, nên thâm ướt khăn chà xát mạnh roi lau sạch. Nêu nên không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 845

Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vi trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt dát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm, gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và tâm trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được săp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. 3. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuông. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nen được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nấu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêt lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem lại nước uông. Nêu nước rửa không c6, r ?

nên đem lại nước rửa. Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đô nước vào hũ nước súc miệng. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ"khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như thế.

846 < TIỂU PHẨM

2. PHẢN sự CỦA VỊ THƯỜNG TRỦ 4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, không [đem đến] ghế kê chân, không [đem đến] tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, họ không rước y bát, không hỏi vê nước uông, không hỏi vê nước rửa, cũng không đảnh lễ các Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn, không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các Tỳ- khmi nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, ...(nt)... không sắp xếp chỗ trú ngu?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt).. có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như the. 5. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thường trú khi thấy vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem đến nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y bát, nên hỏi [dâng] nước uống. Nêu có nỗ lực, [vị thường tru] nên lau đôi dép [của vị kia]. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau bằng miếng giẻ khô, sau đó bằng miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại dức." Nên nói rõ [chô trú ngụ áy] có người ở hay không có. Nên nói rõ vê khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác đinh là Thánh Hữu học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về quy định của hội chúng: uGiờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra." Nếu [vị vãng lai] là vị mới tu, vi [thường trú] vẫn ngồi, nên nói rõ: “E)ể bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này.^, Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vi Tỳ-khưu vãng lai mới tu đảnh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại dúrc.” Nên nói rõ [chỗ tru ngụ ấy] có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực nào không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên nói rõ vê chô tiêu, nên nói rõ vê chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ vê gậy đê chông. Nên nói rõ vê quy định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.”

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 847

Này các Tỳ-khiru9 đây là phận sự của các Tỳ-khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như thế.

3. PHẬN Sự CỦA VỊ XUẤT HÀNH 6 Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chô trú ngụ, roi ra đi. Các đô vật băng gô và các đô vật băng đát nung bi mát mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng

đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?" Sau đỏ, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khiru, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xuất hành, các Tỳ-khưu xuất hành nên thực hành như the. 7. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xuất hành trước khi ra đi nên thu xép các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có Tỳ-khưu, nên thông báo cho vị Sa-di. Nếu không có Sa-di, nên thông báo cho người phụ việc chùa. Nếu không có người phụ việc chùa, nên thông báo cho nam cư sĩ. Nếu Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn dá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghê, còn sàng tọa nên chát thành đông ở phía bên trên, nên thu xép các đô vật băng gô và các đô vật băng đát nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sô roi mới nên ra đi. Nếu trú xá bị dột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để trú xá có thể được lợp?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa dột thì tại chô đó nên sáp xép cái giường lên trên bôn hòn đá, roi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghê lên trên cái ghê, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đô vật băng đát nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sô roi mới nên ra đi.

Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa dột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để sàng tọa có z • r e r ỉ . 2 * r thê được mang vào lang?99 Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên rồi mới nên ra đi [nghĩ rằng]: "C6 lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại." Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu xuất hành, các Tỳ-khiru xuất hành nên thực hành như thế.

4. PHẬNSỰTÙYHỶ 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thỊTc?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên f đức The Ton. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khtru rằng: Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: nào sẽ nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thúc?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Khi ấy, đức The Tôn nhân lý do ây, nhân sự kiện ây đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội

chúng của nhóm người nọ. Đại đức Sāriputta là Trưởng lão của hội chúng. Các vi Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão noi lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực" nên đã để Đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ây roi đã đi vê chỉ môi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: Này Sāriputta, chác han bữa thọ thực đã được tót đẹp? Bạch Ngài, bữa thọ thực đã được tốt đẹp. Tuy nhiên, các Tỳ-khưu đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 849

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn hay năm vị Tỳ-khưu trưởng lão hoặc kế tiếp vị Trưởng lão chờ đợi ở chỗ thọ thực. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu trưởng lão nọ bi mắc tiêu đã chờ đợi ở chô thọ thực. Trong lúc không thê kiêm chê việc đại tiện, vi ây bị ngát xỉu ngã xuống. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vi Tỳ-khưu kế bên.

5. PHẬN Sự ở CHÔ THỌ THỰC 9. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp roi ngôi xuồng ở trong xóm nhà. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, ...(nt).. lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở chô thọ thực cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khiru ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế. 10. Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị [Tỳ-khưu] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn,1 nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nép roi trùm lên, nên that lại dây buộc, nên rửa bình bát roi câm

1 Là vòng bụng ở lỗ rún và hai đầu gối. Xem điều học Sekhiya thứ nhất (TTTDPGVN, tập 10, tr. 585; TTP V, tạp 3 tr. 488-89).

lây, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không háp táp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khiru trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiếng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưar cánh tay. Không nên ...(nt).. với , 5

Sự lác lư đâu. Không nên ...(nt).. với tay chông nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Nên ngồi ở trong nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mát nhìn xuông. Không nên ...(nt).. với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiêng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ..(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ..(nt)...với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên ...(nt)... với sự ôm đâu gói. Không nên chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khiru mới tu khỏi chỗ ngồi. Không nên trải ra y hai lớp roi ngôi xuông ở trong nhà. 11. Trong khi được dâng nước, nên câm bình bát băng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rằng]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe? chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bi dính nước.,, z r r y Nêu vật chứa nước rửa không c6, nên hạ tháp xuống roi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bi nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bi dính mr&c." Trong khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho súp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị Trưởng lão nên nói răng: "Nên chia đêu ra cho tát c” Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh vật thực với lượng súp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng [bình bát]. Vị Trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đay đủ cơm. Nên thọ dụng : vật thực một cách nghiêmA trang. Nên * thọ dụng vật thực với Sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuân tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng súp tương xứng. Không nên vun lên thành đống rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh, không nên yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực.

VUI. CHƯƠNG PHẬN SU 851

12. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đen. Không nên đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng có vắt cơm. Không nên thọ thực theo lôi đưa thức ăn vào miệng một cách liên tục. Không nên thọ thực theo lôi cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Không nên thọ

thực có làm tiếng chép chép. Không nên thọ thực có làm tiếng rọt rọt. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Không nên thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn. Vị Trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Trong khi được dâng nước, nên cam bình bát bang hai tay roi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rang]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các Tỳ-khiru xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nuức.” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống roi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bi nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nuúc.” Không nên đo bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Trong khi đi trở vê, các Tỳ-khưu mới tu nên đi vê trước tiên, sau đó là các vị Trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ..(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên (nt) với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chông nạnh. Không nên ...(nt)... với [đâu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở chỗ thọ thực của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như the. Tụng phẩm thứ nhất.

6. PHẬN Sự CỦA VỊ ĐI KHÁT THỰC 1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gan, đứng lại quá lâu và quay đi quá lẹ.

852 TIỂU PHẨM

Còn có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào tư gia không suy xét trước. Và vị ấy trong khi nghĩ là cửa lớn rồi đã bước [lầm] vào hậu phòng nọ. Và ở trong hậu phòng ây, có người đàn bà khỏa thân đang năm ngửa ra. Vị Tỳ-khiru ây đã nhìn thây người đàn bà ây khỏa thân đang năm ngửa ra, sau khi nhìn thây [nghĩ rằng]: uĐây không phải là cửa lớn, đây là hậu phòng,5 rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chông của người đàn bà áy đã nhìn thây người đàn bà áy khỏa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: 66Vợ của ta đã bị gã Tỳ-khưu này làm nho" nên đã giữ vi Tỳ-khiru ấy lại và đánh đòn. Khi ây, người đàn bà ây đã thức dậy vì tiêng động ây và đã nói với người chông điêu này: Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị Tỳ-khmi này vậy? Gã Tỳ-khưu này đã làm nhơ bà. Phu quân, thiếp không có bị vị Tỳ-khưu này làm nhơ. Vi Tỳ-khưu ấy không có làm. Và đã bảo thả vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khxm nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu đi khất thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực, đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu và

quay đi quá 1°?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu áy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu đi khất thực, các Tỳ-khxru đi khất thực nên thực hành như thế. 2. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi khất thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ ta sẽ đi vào làng" thì nên mặc y nội tròn đêu với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên? nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mat nhìn xuông. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiêng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 853

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: “Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này.^, Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gân. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Đường như có ý đinh bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực.2 Nên suy xét răng: "[Gia chủ] có ý muôn bô thí súp hay không có ý muôn bố thí?” Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: “Đường như có ý định bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. 3. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mat nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiếng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên (nt) với sự đung đưa thân. Không nên (nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt).. với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chống nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuân bị nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại. Nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở vê sau cùng, nêu vật thực được ăn còn thừa lại, nêu muôn thì vi ây ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy nên xếp chỗ ngồi lại. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên rửa chậu đựng đô thừa roi cát đi. Nên dọn dẹp nước uông, nước rửa. Nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hét nước, trông trơn, vi ây nên đô nước vào. Nêu vị ây không làm nôi thì

nên mời vị thứ hai lại với dâu hiệu băng tay và nhờ phụ giúp với hành động băng tay, và không vì lý do đó mà nói ra băng lời. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu đi khất thực, các Tỳ- khưu đi khất thực nên thực hành như thế.

2Ngài Buddhạghosa giải thích rằng: 4tDầu là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt ở thời diêm của sự bô thí vật thực" (VỉnA. VI. 1285).

7. PHẢN sự CỦA VỊ NGỤỞRÙNG 4. Vào lúc bây giờ, có nhiêu vi Tỳ-khưu cư ngụ ở trong rừng. Các vị ây không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: -Thưa ngài, có nước uống không? -Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có nước rửa không? —Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có lửa không? -Anh bạn à, không có. -Thưa ngài, có vật tạo lửa không? -Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có biết các vi trí của những ngôi sao không? -Anh bạn à, chúng tôi không biết. -Thưa ngài, có biết phương hướng và khu vực không? -Anh bạn à, chúng tôi không biết. Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì? —Anh bạn à, chúng tôi không biết. -Thưa ngài, hướng này là hướng gì? Anh bạn à, chúng tôi không biết. Khi ây, bọn trộm cướp ây [nghĩ răng]: "Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các T^-khưu" nên đã đánh đập rồi bỏ đi. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã kê lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu ở rừng, các Tỳ-khxru ở rừng nên thực hành như thế. 5. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ngụ ở rừng, sau khi thức dậy vào lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, khoác y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa so, roi rời chỗ trú ngụ [nghĩ rang]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào làng." Nên tháo dép ra, đe ở chỗ thấp, giũ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai, nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai

lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)...với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên với tiếng cười vang. Nên ...(nt)...với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ..(nt).. với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chống nạnh. Không nên ..(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối nầyy Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội

vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: “Đường như có ý định bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: “[Gia chủ] có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: “Đường như có ý định bố thí.” Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín dào. ...(nt).. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Sau khi đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuốn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, roi đi ve. 6 Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ngụ ở rừng nên dự trữ nước uống. Nên dự trữ nước rửa. Nên dự trữ lửa. Nên dự trữ vật tạo lửa. Nên dự trữ cây gậy để chông. Nên học vê các vị trí của những ngôi sao, toàn bộ hoặc một phân. Nên rành rẽ về các phương hướng. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ- khưu ở rừng, các Tỳ-khưu ở rừng nên thực hành như thế.

8. PHÂN SựỞNƠI CƯ NGỤ r e A .

7. Vào lúc bây giờ, có nhiêu vị Tỳ-khưu đang may y ở ngoài trời. Các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị Tỳ-khưu đã bị lấm bụi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, CÓ hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi

856 9 TIỂU PHẨM

sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên khiến các Tỳ-khưu bị lấm bqi?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên khiên các Tỳ-khưu bị lâm bụi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như the. 8. Vi [Tỳ-khiru] cư ngụ trong trú xá nào, nêu trú xá ây có rác bân, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra 5 2 r r A \ 2 ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem tâm ván kê đâu ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống

ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che. Nên lau chùi các lô thông gió và các hóc kẹt. Nêu tường được sơn màu đỏ bị đồm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để tru xá bi tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các Tỳ-khưu. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân các tru xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân nước uông. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió. 9. Sau khi phơi năng tâm trải nên ở một góc5 nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một

cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như CŨ. Sau khi phơi năng tâm ván kê dâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vi trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. 10. Nấu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nấu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không c6, nên đem lại nước uống. Nấu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nấu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi, không nên học bài, không nên giảng pháp, không nên tháp đèn9 không nên thôi tát đèn, không nên mở cửa so, không nen đong cưa so. Nêu đi kinh harm cung

vơi VỊ tham men trên cung một đường kinh hành, khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại và không nên va chạm vị thâm niên dù là bang chéo y hai lớp. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.

858 > TIỂU PHẨM _____

9. PHẬN Sự ở NHÀ TẤM HƠI 11. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hoi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào. Các Tỳ-khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hoi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không • ỵ J ỉ A r kính trọng nên đem lại nhiêu củi, đót lửa, đóng cửa ra vào và ngôi xuông ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bi hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xu6ng?" Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bi hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bi ngất xỉu ngã xuống, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khiru, ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ- khưu trưởng lão, do không kính trọng, không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa; vị nào đót thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khun, không nên đóng cửa ra vào roi ngôi xuồng ở cửa ra vào; vị nào ngôi thì phạm tội Dukkata. 12. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà tăm hơi cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà tam hơi nên thực hành như the. Vị nào đi vào nhà tăm hơi trước tiên, nêu tro tích lũy nhiêu, [vị áy] nên đem tro đi đo. Nêu nhà tam hơi có rác ban, nên quét nhà tam hơi. Nêu bục nen xung quanh có rác bẩn, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu gian phòng lớn của nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét gian phòng lớn của nhà tắm hơi. Nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Trong khi đi vào nhà tam hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín phía trước lẫn phía sau roi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nêu có nô lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Trong khi rời khỏi nhà tăm hơi, nên câm lây cái ghê ngôi của nhà tăm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi ra khỏi nhà tắm hơi. ở trong nước, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Không nên tăm ở phía trước, không nên tăm ở phía

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự « 859

trên các Tỳ-khưu trưởng lão. Vi đã tắm xong, trong khi đi ra [khỏi nước] nên nhường đường cho vị đi xuông. Vị nào rời nhà tăm hơi cuôi cùng, nêu nhà tăm hơi bi lầy lội, nên rửa sạch, nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên

dập tắt lửa, nên đóng cửa, rồi đi ra. Này các Tỳ-khưu? đây là phận sự ở nhà tắm hơi của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.

10. PHẬN SựỞNHÀVỆ SINH 13. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ dòng dõi Bà-la-môn, đại tiện xong không muôn rửa sạch [nghĩ răng]: “Ai lại đụng đên đô hôi hám hạ tiện này?" Có con giun đũa đã dính ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. -Này Đại dức, có phải Đại đức đại tiện xong mà không rửa sạch? —Này các Đại dức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ"khưu đại tiện xong lại không rửa sạch?” Sau đó? các vị rpí \ l l A mít A—3 *1 • A Á l A 4- Z rr^-1 Á r-p A

Tỳ-khưu áy đã trình sự việc áy lên đức The Ton. —Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đại tiện xong lại không rửa sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, sau khi đại tiện xong, nếu có nước không nên không rửa sạch; vị nào không rửa sạch thì phạm tội Dukkata. 14. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các Tỳ-khưu mới tu đi đến trước tiên bị mắc tiêu vẫn chờ đợi. Trong lúc kiềm chế việc đại tiện, các vị ấy bi ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu5 nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên; vị nào thực hành thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đen.

15. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sần sùi, lam rơi khúc cay chui vao ho phan, đi ra vo cung vọi va, ven y len roi đi ra, rửa ráy có làm tiêng chăt lưỡi, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã?...(nt).. chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru? chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà vệ sinh cho các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế. Vị đi đên nhà vệ sinh, đứng ở bên ngoài, nên tăng hăng. Vị ngôi bên trong cũng nên tằng hắng. Nên máng y lên sào treo y hoặc dây phơi y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận, không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi vào. Khi đã đứng trên bệ nhà vệ sinh mới nên kéo y [nội] lên. Không nên đại tiện rặn thành tiếng. Không nên đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiêu. Không nên chùi với khúc cây chùi

bị sân sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào ho phân. Khi còn đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi ra. Khi đã đứng ở sàn rửa mới nên vén y lên. Không nên rửa ráy có làm tiếng chắt lưỡi. Không nên chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi còn đứng ở sàn rửa, nên che lại kín đáo. Nêu nhà vệ sinh bi dơ, nên rửa sạch. Nêu thùng đựng đồ chùi bi đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác 7 r y 7

bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu bục nên xung quanh có rác bân, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nhà vệ sinh của các Tỳ-khưu? các Tỳ- khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.

VUI. CHƯƠNG PHẬN SU 861

n. PHẬN sự ĐỐI VỚI THÀY TẾ Đô 16. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn,...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng r đắn đối với các vị thầy tế d?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đoi với các vị thay te độ? có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin, và làm thay đổi [niềm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các vị thầy tế độ cho các người đệ tử, đối với các vị thầy tế độ5 các người đệ tử nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng. Nên dâng nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm r , A \ A . lây, roi làm vị Sa-môn hâu cận cho thây tê độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và

sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân,

tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước dây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bị thâm mô hôi, nên phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên đê luôn y ở chô năng. Nên gáp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 17. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nấu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bi nước nóng. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khiru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khmi mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và săp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. 18. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nấu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu tru xá ây có rác bân, nêu có nồ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên đem vật lót ngôi

D • . M 9 A r Tk T A Ẩ y • A • và tâm trải năm ra ngoài roi đê xuông ở một góc.
Nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên hạ tháp cái giường roi đem ra ngoài một cách khéo léo5 không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách

khéo léo không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi đê xuông ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đom loang lo, nên tham khăn ướt chà xát mạnh roi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đât]5 không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và tâm trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vi trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. 19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong , A X k • khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuông. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Đông, các cửa sô hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại.

Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem nước uông lại. Nêu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 20. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu di, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ,

người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vi thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parivãsa, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvãsa cho thầy tể độ?, Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: 'Tàm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban d*u?" Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt Mãnatta. người đệ tử nên thê hiện sự nô lực: “Làm thê nào đê hội chúng có thê ban hình phạt Mãnatta cho thầy tế d?” Nấu thày tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế d?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đoi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?^ 21. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ÍCLàm thế nào để y của thầy tế độ được gi/t?" Nếu y của thầy tế độ cân phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào để y của thầy tế độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được n,u?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ

được nhuộm?^, Trong khi nhuộm y, nên nhuộm băng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Không có phép của thầy tế độ không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hau hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hâu cận, không nên mang đô ăn khát thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nấu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy tế độ của các người đệ tử, các người đệ tử đối với các vị thầy tế độ nên thực hành như thế.

12. PHẬN Sự ĐÔI VỚI ĐỆ TỬ 22. Vào lúc bây giờ, các vị thây tê độ không thực hành phận sự đúng đan đối với các người đệ tử. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, tự biết đủ,

khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử?" Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy đinh phận sự đôi với các người đệ tử cho các vi thầy tế độ, các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ băng sự đọc tụng, băng sự vân hỏi, băng sự giáo huân, băng sự giảng dạy. Nêu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình

bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?” Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?" 23. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu Vực ây có rác bân thì nên quét khu vực ây. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vi ây sáp trở nên sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y A %

lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bị thâm mô hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phan y đã gấp lại. Nêu có đô ăn khát thực và người đệ tử có ý muôn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên đe luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi người đệ tử đã đứng

dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. 24. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bị nước nóng. Nêu người đệ tử có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tăm. Nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tăm hơi, nhận lây y, roi nên đem đê ở một bên. Nên trao bột tăm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm

hơi, nên thoa đát sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lân phía sau roi đi vào nhà tam hơi. 5 5 ĩ Không nên chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuồng. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tăm hoi, nên câm lây cái ghê ngôi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hoi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uông. ơ trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nêu trú xá ây có rác bân, nêu có nô lực thì [vị thầy] nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(nt)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho diu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vi thây tê độ nên làm cho tan biên, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vi thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. 25. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt Parivâsa, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvâsa cho đệ tử?” Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban u?" Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt Mãnatta, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mãnatta cho đệ tử?^, Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vi thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?^, Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nSy?" Nêu y của người đệ tử cân phải giặt, vị thây tê độ nên chỉ dân: "Ngươi nên giặt như v2y", hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê y của đệ tử được

giặt?" Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào đê thuôc nhuộm của đệ tử được nâu?" Nêu y của người đệ tử cân phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ r 9 lực: "Làm thê nào đê y của đệ tử được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bi bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các người đệ tử của các vị thầy tế độ. Các vị thày tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế. Dứt tụng phẩm thứ nhì.

13. PHẢN Sự ĐỐI VỚI THÀY DẠY HỌC 26. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các người học trò lại không thực hành phận sự diing đắn đối với các vị thầy dạy học?^, Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thây dạy học, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vi thầy dạy học nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vi thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nấu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên

ĩ r r y trao dây thăt lưng, nên gáp y hai lớp thành nép roi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có vị Sa-môn hầu cận, vi ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và câm lây, roi làm vi Sa-môn hâu cận cho thây dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi. 27. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tâm chà chân. Sau khi đi ra đón tiêp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị

thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giūra." Nên đặt dây thắt limg ở phần y đã gấp lại. Nêu có đô ăn khát thực và thây dạy học có ý muôn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên đê luôn bình bát ở chô năng. Nên đem cát y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nêu khu vực ây có rác bân thì nên quét khu vực ây. Nếu thày dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [thầy dạy học] có nhu câu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bị nước nóng. Nêu thây dạy học có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đên từ phía sau lung và trao ghê ngôi của nhà tăm hơi cho thây dạy học, nên nhận lấy y và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nấu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. 28. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khiru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà

tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên hỏi ý thây dạy học vê nước uông. Nêu có ý muôn thỉnh [thây] đọc tụng, nên thỉnh [thây] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. ơ trú xá nào thây dạy học cư ngụ, nêu tru xa áy co rác ban, nêu co no lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem ông nhô ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên đem tâm ván kê đâu ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên xem xét tâm trải nên được xép đặt như thê nào roi đem ra ngoài và đê

xuông ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bi đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải răc với nước roi quét [nghĩ răng]: "Không nên đê trú xá bị tràn ngập bụi bặm.” Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc. 29. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuồng, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng nệm gói, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và đô trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự* 871

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Đông, các cửa sô hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêt lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thờir tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại 7

vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét công. Nêu phòng hội họp có rác bân, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà 2 e -r ỉ f vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 30. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho diu đi, hoặc nhờ vi khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vi khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thay. Nêu thầy dạy học bị

phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvãsa cho thầy dạy học?,, Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban du?" Nếu thày dạy học xứng đáng hình phạt Mãnatta, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mânatta cho thây dạy h(?c?" Nêu thây dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho y 9 • 9

thây dạy hẹ)c?" Nêu hội chúng có ý đinh thực hiện hành sự khiên trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đôi với thây dạy học, hoặc đôi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?99

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nô lực: “Làm thê nào đê y của thây dạy học được giặt?” Nêu y của thây dạy học can phải may, người học trò nên may hoặc nên the hiện sự nỗ lực: "Làm thê nào đê y của thây dạy học được may?” Nêu thuôc nhuộm của thây dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào để y của thầy dạy học được nhuOm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đên người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm vi Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy dạy học của các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.

14. PHẬN Sự ĐỐI VỚI HỌC TRÒ 31. Vào lúc bấy giờ, các vi thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê

bai rằng: "Vi sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trí)?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 873

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các người học trò cho các vị thay dạy học, các vị thay dạy học đoi với các người học trò nên thực hành như thê. Này các Tỳ-khiru, vi thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu? thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ băng sự đọc tụng, băng sự vân hỏi, băng sự giáo huân, băng sự giảng dạy. Nếu thày dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?” Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đên người học trò, hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?" 32. Nêu ngưòd học trò bị bệnh, [vị thây dạy học] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng, nên trao nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô5 để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý đinh đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đôi], nên trao dây that lưng, nên gáp y hai lớp thành nép rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước dây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bi thâm mô hôi, nên phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 33. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát,

874 TIỂU PHẨM

tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuồng. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xép chô ngôi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nấu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] có nhu cầu về nước lạnh, ? . r y y 1 Ẵ < • :

nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bi nước nóng. Nêu người học trò có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tăm, nên tâm ướt đát sét. Nên lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi đên, trao ghê ngôi của nhà tăm hơi, nhận lấy y rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hoi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau roi đi vào nhà tam hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. ở trong nhà tắm hơi nen kỳ cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hoi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của minh, quân y lại roi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và săp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống, ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ tru xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuông ở một góc. ...(nt)... Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 34. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu di, hoặc nhờ vị khác làm cho diu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vi thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vi ấy. Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, vị thầy dạy học nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê hội chúng có thê ban hình phạt Parỉvãsa cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban dầu, vi thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng CÓ thê đưa học trò vê lại [hình phạt] ban d2u?" Nêu người học trò xứng đáng hình phạt Mãnatta, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mãnatta cho học trò?" Nấu người học trò xứng đáng

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 875

Sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng i Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc
xua đuôi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đôi với người học trò, vị thây dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học

trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để học trò có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?99 Nêu y của người học trò cần phải giặt, vi thây dạy học nên chỉ dân: "Nguôi nên giặt như vây”, hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê y của học trò được gi/t?" Nếu y của học trò cần phải may, vi thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vy”, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?” Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Nguôi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu9 đây là phận sự đôi với các người học trò của các vi thây dạy học. Các vi thây dạy học đôi với các người học trò nên thực hành như thê. Chương 6íPhận sựw là thứ tám.

Trong chương này có năm mươi lăm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Có mang dép và che dù, trùm đầu, đội y, nước uống, với sự không đảnh lễ9 không hỏi [về chỗ ngụ], con rắn, các vị hiền thiện phàn nàn. 2. Vị đã cởi [dép], [hạ] dù? ở vai và không vội vã trong khi đi đến, đã đặt y và bát xuống, [chỗ ngồi] thích hợp, [các việc] đã được hỏi. 3. Nên xối nước, với vị đã rửa, [lau] giày dép với khăn khô, rồi ướt, vi trưởng thượng, vị mới tu, nên hỏi, [phòng] đã có người ở và khu vực đi khất thực. 4. Các vị Thánh Hữu học, nhà tiêu, nước uông, nước rửa, cây gậy chông, điều quy định từ nơi ấy, giờ giấc, [chờ] trong chốc lát, rác bẩn, nên đem ra ngoài thảm trải nên.

5. Khung giường, nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê? tấm màn che, các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen, [nền] không được thực hiện. 6 Rác, tấm thảm trải nền, khung giường, giường và ghế, nệm gối, vật lót ngồi, ống nhổ và tấm ván kê đầu. 7. Y và bình bát, mặt dát, mép y phía bên kia, phân gáp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc, rồi từ hướng Nam. 8. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp, nhà đốt lửa và phận sự ở các nhà vệ sinh. 9. Nước uống, nước rửa và hũ nước cho các việc súc miệng, phận sự đã được bậc Vô Song quy định, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị vãng lai. 10. Không chiu [sáp xép] chô ngôi, không nước, không đón tiêp và không nước uông, không đảnh lê, không săp xép [chô ngụ] và các vị hiên thiện phàn nàn. 11. Chỗ ngồi cho vị thâm niên, nước rửa, sau khi đi ra đón tiếp và nước uống, [nên lau] đôi dép, [phơi] ở một góc, nên đảnh lễ và nên sắp xếp [chỗ ngụ]. 12. Đã có người ở, khu vực đi khất thực và vị Thánh Hữu học, chỗ nước uông và nước rửa, cây gậy chông, điêu quy định, giờ giác, đôi với vị mới tu, vê vị vẫn ngồi. 13. Nên cho đảnh lễ, nên chỉ rõ, tương tợ như đường lối dưới dây, phận sự đã được vị Hướng Dan Đoàn Xe chỉ dạy, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị

thường trú. 14. Vị xuất hành, đô gô, các đô đát nung, sau khi mở ra, không được thông báo, các vật bi mất, không được bảo vệ, và các vị hiền thiện phàn nàn. 15. Sau khi thu xếp, sau khi đóng cửa, sau khi thông báo rồi nên ra đi, vị Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc cư sĩ. 16. ở trên các hòn đá và nên thu xếp thành đống, nên đóng cửa, hoặc vị có nỗ lực, hoặc [thực hiện] sự nỗ lực, tương tợ y như thế ở chỗ không dột. 17. Toàn bộ đều bị dột, [nên mang] vào làng, tương tợ y như thế ở ngoài trời [nghĩ rằng]: "C6 lẽ các thứ này sẽ còn được tồn t@i", phận sự [nên được thực hành] bởi vị Tỳ-khưu xuất hành. 18. Các vị không nói lời tùy hỷ, bởi vị Trưởng lão, sau khi để ở lại, với bốn hay năm vị, bị măc tiêu, đã bị ngát xỉu, các điêu này là các phận sự trong các việc nói lời tùy hỷ. 19. Các vị nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, và lại còn trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách, và sau khi tách ra, chen vào [chỗ] các vị Trưởng lão. 20. Và [đuổi] các vi mới tu5 [trải ra] y hai lớp và các vi hiền thiện phàn nàn, sau khi quấn che ba vòng tròn, dây thắt lưng, với nếp gấp, dây buộc.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 877

21. Không tách ra, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa. 22. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, tiếng cười vang, giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa. 23. Chống nạnh, trùm đầu, ôm đầu gối, việc chen vào, ở chỗ ngồi, sau khi trải ra, nước, sau khi hạ thấp xuống, không nên làm văng nước. 24. Vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, và khi [được dâng] cơm, nên thọ lãnh, súp, với thức ăn ngon, cho tất cả, và ngang miệng [bát]. 25. Nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, và theo tuân tự, với lượng súp, không vun thành đống, che lấp, yêu cầu, với ý đinh tìm lỗi. 26. [Vát cơm] lớn, tròn đêu, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói chuyện, đưa thức ăn liên tục, việc cắn [từng chút], phồng má, vung rảy tay, sự làm rơi đổ cơm. 27. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chép chép và với tiếng rọt rọt, liếm tay, vét bình bát, liếm môi, có dính thức ăn, về việc thọ lãnh. 28. Không [thọ nhận] nước rửa cho đến khi tất cả [đã ăn xong], sau khi hạ thấp, không nên làm văng, vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, sau khi hạ thấp và ở mặt đất. 29. [Nước] có lân cơm, trong khi đi trở vê, được che kín đáo, sự nhón gót, đây là phận sự ở nhà ăn đã được quy định bởi bậc Pháp Vương. 30. Mặc y phục luộm thuộm, không đúng quy cách, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gần, lâu, mau, tương tợ y như thế là vị đi khất thực. 31. Với sự che kín rồi nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa. 32. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gân, lâu, mau, sự đụng đên, cái muông. 33. Hoặc cái đĩa, và thỉnh đứng lại, sau khi vén y lên, sau khi mở ra, nên thọ lãnh, không nên nhìn, vê các món súp, điêu ây cũng tương tợ y như thê. 34. Vi Tỳ-khưu, nên che đậy bằng y Sañghāti, được che kín rồi mới nên đi, khéo thu thúc, với mát nhìn xuông, bi vén hở ra và tiêng cười vang. 35. Với giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa, chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, [về] trước tiên, chỗ ngồi, chậu đựng đồ thừa, nước uống, nước rửa, [vi] về sau, [nếu] muốn, có thể ăn, có thể đổ xuống, nên xếp lại cất đi. 36. Có thể dọn dẹp, nên quét, hết nước, trống trơn, nên đem [nước] lại, về dấu hiệu bằng tay, [không] nên nói ra lời và phận sự về việc khất thực. 37. Nước uông, nước rửa,

ngọn lửa, vật tạo lửa, sao, phương hướng và bọn trộm cướp, "tất cả đều không c6", sau khi đánh đập, vai mang bình bát, y, từ nơi ấy.

878 TIỂU PHẨM

38. Giờ dây, sau khi mang ở vai, đều đặn ba vòng tròn, giống như phận sự của vị đi khát thực, phương thức cho các vị sông ở rừng cũng thê. 39. Vai mang bình bát9 y [đội] ở đầu, sau khi mang [dép] vào và nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa và luôn cả gậy chống. 40. Ngôi sao, hoặc toàn bộ khu vực, nên rành rẽ về các phương hướng, các điều này là phận sự cho các vị ngụ ở rừng đã được quy đinh bởi bậc Tối Thượng của chúng sanh. 41. ở ngoài trời, các vi đã bi lấm bụi, và các vị hiền thiện phàn nàn, nếu tru xá có rác bẩn, trước tiên là y và bình bát. 42. Nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê đầu, lỗ thông gió và các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen và [nền] chưa được thực hiện. 43. Rác rến, gần các vị Tỳ-khtru, [gần] sàng tọa, [gần] trú xá và nước uống, gân nước rửa, ngược chiêu gió và ở mái hiên. 44. Phía dưới gió, thảm trải nền, khung giường và giường, ghế, nệm, vật lót ngôi, ông nhô và tâm ván kê đâu. 45. Y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam. 46. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, và phòng hội họp, nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống. vị thâm niên, việc đọc tụng, các câu hỏi, việc 47.. Hũ. nước súc miệng, và . học bài, [việc giảng] pháp, nên thôi tát ngọn đèn, không nên mở ra, cũng không nên đóng lại. 48. Khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại, không nên va chạm dù là băng chéo y, đang Đại Hùng đã quy định điêu ây là phận sự ở các nơi cư ngụ. 49. Các vi trong khi bị cản trở, [đóng] cửa ra vào, đã bị ngất xỉu, các vị hiền thiện phàn nàn, nên đổ tro, nhà tắm hơi và bục nền xung quanh tương tợ y như thế. 50. Căn phòng, công, gian phòng lớn, bột tăm, đát sét, máng nước, khuôn mặt, ở phía trước, không [chen vào] các vị Trưởng lão, không nên [xua đuổi] các vị mới tu, nếu có nỗ lực. 51. [Tắm] ở phía trước, ở phía trên, đường đi, bi lầy lội, [máng] đất sét, ghế ngồi, sau khi tắt lửa, nên đi ra, các điều này là phận sự ở các nhà tắm hơi. 52. Vị không rửa sạch, theo thâm niên, theo thứ tự và với sự vội vã, đã vén y lên, việc rặn, gỗ [chà răng], việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nho. 53. Bị sần sùi, hố phân, với sự vội vã, đã vén y lên, tiếng chép chép, với [nước] chừa lại, vị ở bên ngoài và ở bên trong, nên tằng hắng, dây phơi và sự không hấp tấp.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 879

54. Với sự vội vã, sau khi vén y lên, vê việc răn, gô [chà răng], việc đại tiện, việc tiêu tiện, việc khạc nhô, [khúc cây chùi] bi sân sùi, hô phân, bệ nhà vệ sinh. 55. Với sự không vội vã, đã vén y lên, ở sàn rửa, tiếng chép chép, không nên chừa lại [nước], nên che kín, bị dơ, với thùng đựng. 56. Nhà vệ sinh, bục nên xung quanh và căn phòng, công, nước đê rửa ráy, các điều này là phận sự ở nhà vệ sinh. 57. Đôi dép, gỗ chà răng, nước súc miệng, chỗ ngồi, cháo, nước, sau khi rửa, nên thu xếp, rác bẩn và vào làng. 58. Y lót trong, dây thắt lưng, có nếp gấp, bình bát còn đẫm nước, vị thị giả và luôn cả ba vòng, [mặc y nội] tròn đều, dây thắt lưng. 59. Có nếp gấp, sau khi rửa, vị [Sa-môn] hầu cận, không quá xa, nên nhận lấy, khi đang nói, tội vi phạm, sau khi đi về trước tiên, chỗ ngồi. 60. Nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sau khi đi ra đón, y lót

trong, nên phơi nắng, để luôn, vết gấp, ở phần đã gấp lại, để thọ thực, nên đem lại. 61. Nước uông, nước rửa, chô tháp, trong chóc lát và không nên đê luôn, y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này. 62. Nên thu xếp, nên dọn dẹp, rác bẩn và [có ý muốn] tắm, [nước] lạnh, [nước] nóng, nhà tắm hơi, bột tắm, đất sét, từ phía sau limg. 63. Và ghế ngồi, y, bột tắm, đất sét, nếu có nỗ lực, khuôn mặt, phía trước, [chen vào] các vi Trưởng lão, [xua đuổi] các vị mới tu và việc kỳ cọ, nên rời khỏi. 64. ở phía trước, lúc ở trong nước, khi đã tắm, sau khi quấn y lại, [lau khô] thầy tế độ, và y lót trong, y hai lớp? ghế [nhà tắm hơi] và với chỗ ngồi. 65. Nước rửa chân, ghê kê chân, giẻ lau chân, nước uông, việc đọc tụng, việc hỏi đạo, rác bẩn, nên khéo làm sạch sẽ, trước tiên là y và bình bát. 66. Vật lót ngồi, tấm trải nằm, nệm và các gối, giường, ghế, khung giường, ống nhổ và tấm ván kê đầu. 67. [Tấm trải] nền nhà, mạng nhện, lỗ thông gió, màu đỏ, màu đen, không được thực hiện, tấm trải nền, khung giường, giường, ghế, gối. 68. Vật lót ngồi và tấm trải nằm, ống nhổ, tấm ván kê đầu, y và bình bát5 từ hướng Đông và luôn cả từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam. 69. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm và căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp và nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống, nước rửa. 70. Việc súc miệng, sự bực bội, nỗi nghi hoặc, tà kiến và tội nặng, từ đầu, hình phạt Mãnatta. việc giải tội, [hành sự] khiển trách, chỉ dạy. 71. [Hành sự] xua đuôi, hòa giải, treo tội, nêu đã được thực hiện, nên giặt, nên the hiện, và việc nhuộm, nên nhuộm, việc trộn đều. 72. Và bình bát, luôn cả y nữa, vật dụng, việc cạo [tóc], việc kỳ cọ, việc hầu hạ, Sa-môn hâu cận, đô khát thực, sự đi vào.

73. Không mộ địa và luôn cả hướng [khác], cho đến trọn đời nên phục vụ, việc này [nên được thực hành] bởi người đệ tử, các điều này là phận sự đối với các vị thay tế độ. 74. Sự giáo huân, giảng dạy, đọc tụng, vân hỏi, bình bát và y, vật dụng và vị bị bệnh, không nên là vi Sa-môn hầu cận. 75. Các phận sự nào đôi với các vị thây tê độ thì cũng như vậy đôi với các vị thầy dạy học, các phận sự đối với các người đệ tử thì tương tợ y như thế đối với người học trò. 76. Các phận sự dành cho các vị vãng lai, và dành cho các vị thường trú nữa, các vị xuất hành, các vi nói lời tùy hỷ ở nơi thọ thực và ve vị đi khất thực. 77. Phận sự dành cho các vị ngụ ở rừng, và luôn cả ở các nơi cư ngụ, ở nhà . : a Jk -rí* . w • tăm hơi, các nhà vệ sinh, các vi thây tê độ, đôi với người đệ tử. 78. Phận sự đối với các vị thầy dạy học, tương tợ y như thế đối với người học trò, có mười chín sự việc đã được nói đến ở mười sáu phần. 79. Trong khi không làm tròn phận sự thì không đầy đủ về giới, vị có giới không trong sạch, có tuệ kém, không có được nhất tâm. 80. Với tâm bị xáo trộn, không trụ một điểm, không nhìn thấy pháp một cách đúng đắn, trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, không hoàn toàn thoát khỏi khổ đau. 81. Trong khi làm đầy đủ phận sự thì cũng làm đầy đủ về giới, là vị có giới thanh tịnh, có tuệ, đạt được luôn cả nhất tâm. 82. Tâm không bi xáo trộn, trụ một điểm, nhìn thấy rõ pháp một cách đúng đan, trong khi bản thân nhìn thây Chánh pháp, vi ây hoàn toàn thoát khỏi khổ đau. 83. Chính vì điều ấy, người con trai sáng suốt của đấng Chiến Thắng, nên làm đầy đủ phận sự, lời giáo huấn của đức Phật tối thượng, từ đó hãy đi đến Niết-ban.
-ooOoo-

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN {PĀTIMOKKHAṂ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT THỈNH CÀU TUYÊN ĐỌC GIỚI BÔN (PĀTIMOKKHAṂ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, tu viện Pubbā, ở tòa nhà dài của người mẹ của Migâra.1 Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày Uposatha. đức Thế Tôn đang ngồi, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. Khi ấy, lúc đêm đã khuya, canh một đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh một đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các Tỳ-khưu. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đen lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Ton va đã nói vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng. Đên lân thứ ba, lúc đêm đã khuya, canh cuôi đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngoi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bon (Pātimokkhd) cho các Tỳ-khưu. Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh. 2. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: "Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vầy: 'Này Ānanda, hội chúng

1 Tòa nhà này được xây dựng bởi mẹ của Migâra, tức là nữ cư sĩ Visākhā (ND).

không thanh tịnh?9,9 Sau đó? Đại đức Mahāmoggallāna đã chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng Tỳ-khưu. Đại đức Mahāmoggallāna quả nhiên đã thấy được nhân vật ấy, là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tinh và đáng nghi ngờ? có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn9 phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thoi nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi nhìn thấy đã đi đến gần nhân vật ấy. Sau khi đến gần đã nói với r A nhân vật ây điêu này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khxru. Được nói như vậy, nhân vật ây đã im lặng. Đen lần thứ nhì, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng. Đên lân thứ ba, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ây điêu này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bi đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu. Đen lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nhân vật ây đã bị con đây ra ngoài roi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkha) cho các Tỳ-khưu. __ - Này.Moggallāna, . thật •r kỳ lạ

e thay! e r Này r Moggallâna, thật • khác thường thay! Gã rô dại ây lại chờ cho đên lúc bị năm lây cánh tay.

TÁM PHÁP KỲ DIỆU VÈ BIỂN CẢ 3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. Tám pháp ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Này các Tỳ-khưu?

Sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khxru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả. Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả có pháp ổn định, khônẹ tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì vê biên cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Này các Tỵ-khưu, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khiru9 còn có điêu này nữa, các con sông lớn như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Biển cả." Này các Tỳ-khiru, sự việc các con sông lớn như là Gahg& ...(nt).. và đi đến tên gọi là "Biển cả", này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư về biển cả, ...(nt) Này các Tỳ-khiru, còn có điều này nữa, có các dòng nước ở trái đất đổ vào biên cả và các trận mưa từ không trung rơi xuông, nhưng không vì điêu ây mà biển cả được xem là vơi hay đay. Này các Tỳ-khưu, sự việc có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có một vi là vi của muối. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối, này các Tỳ- khiru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điêu này nữa, biên cả có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý. ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Này các Tỳ-khưu, sự việc biên cả có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý; ở đó, các vật quý ây ...(nt).. này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy về biển cả, ..(nt) Này các Tỳ-khưu, còn có điêu này nữa, biên cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rồng, các càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do-tuần5 những loài hữu hình lớn đến hai trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do- tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu5 sự việc biển cả là

nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá

Ông,...(nt).. Trong biên cả còn có những loài hữu hình lớn đên trăm do-tuân, ...(nt).. những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. 4. Này các Tỳ-khmi, tương tợ như thê, trong Pháp và Luật này, có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám pháp ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dàn, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Này các Tỳ-khiru, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử của Ta, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Này các Tỳ-khưu, sự việc điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như biên cả không sông chung với xác chét, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khiru, tương tợ như thế, nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn9 phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiêm dục vọng, có bản chát dơ bân, hội chúng không sông chung với kẻ ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ- khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Này các Tỳ-khưu, sự việc nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, ..(nt).. Hội chúng không sống chung với nhân vật ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ-khiru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vân được tách ly với kẻ ây, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như các con sông lớn như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhũ, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "biển c*', này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, bốn loại giai cáp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuất

gia, Sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Các Sa-môn Thích Này các Tỳ-khưu, sự việc bốn loại giai cấp này là vua chúa, ...(nt).. và đi đến tên gọi là “Các Sa-môn Thích tử", này các

Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khiru, cũng giống như các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, cho dù nhiều vị Tỳ-khiru Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, nhưng không vì điêu ây mà cảnh giới Niêt-bàn được xem là vơi hay đây. Này các Tỳ- khưu, sự việc cho dù nhiều vị Tỳ-khmi Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết- bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vơi hay đay, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, ...(nt) Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có một vi là vị của muối, này các Tỳ-khưu, tương tợ như the, Pháp và Luật này có một vi là vi của giải thoát. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát, này các Tỳ-khưu5 đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, ..(nt). Này các Tỳ-khưu? cũng giống như biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó? các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo, này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thê, Pháp và Luật này có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý; ở đây, các vật quý ây như là bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở dây, các vật quý ây như là bôn sự thiêt lập niệm,...(nt).. này các Tỳ- khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như biên cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rông, các càn-thát-bà. Trong biên cả còn có những loài hữu hình lớn đên trăm do-tuân5 những loài hữu hình lớn đên hai trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đên ba trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đên bôn trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vi Nhập lưu, vị đang thực hành đê chứng ngộ quả Nhập lưu; vị Nhát lai, vi đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai; vị Bất lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai; vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập lưu, ...(nt)...này các Tỳ-khưu? đây là pháp

kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Này các Tỳ-khưu đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Sau d6, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: "Nước mưa bị văng lại ở vật đã khéo được che đậy, nước mưa không bị văne lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy ở vật ẩy nước mưa không bị văng lại." 5 Sau đó9 đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, giờ dây, kể từ nay về sau, Ta sẽ không tiến hành lễ Uposatha, sẽ không tuyên đọc Giới bổn. Chính các ngươi,

giờ đây, kể từ nay vê sau, các ngươi có thê tiên hành lê Uposatha, có thê tụng đọc Giới bôn (Pâtimokkha). Này các Tỳ-khưu, sự việc này không hợp lý, không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ Uposatha, có thể tuyên đọc Giới bổn (Pãtimokkhă) ở hội chúng không thanh tinh. Và này các Tỳ-khưu, vị phạm tội không nên nghe Giới bổn (Patimokkho); vị nào nghe thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, vị nào phạm tội mà lắng nghe Giới bổn (Pãtỉmokkhă), Ta cho phép đình chỉ Giới bon (Pãtimokkha) của vi ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vây: Vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] là vị phạm tội, tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhaṃ của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkha) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Giới bổn (Pãtimokkhà) đã được đình chỉ. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư chính là những vi phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Pãtirnokkha) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!" Các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại dức, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Patimokkho) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!” Các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ-khưu về chúng ta rằng: 'Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Pãtimokkha) [nghĩ rằng]: 'Không ai biết về chúng ta!”” CAc vị áy [nghĩ rằng]: "Trước hết, các Tỳ-khưu trong sạch sẽ đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của chúng ta" nên ra tay trước đình chỉ Giới bổn ỤPâtimokkhà) của các Tỳ-khưu trong sạch, không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân.

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA 887

Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích Sự học tập, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở9 không có nguyên nhân?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở9 không có nguyên nhân, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhă) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 6. Này các Tỳ-khxru, một sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp, một sự đúng Pháp. Hai sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhaṃ sai Pháp, hai sự đúng Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp, ba sự đúng Pháp. Bôn sự đình chỉ Giới bôn (Pãtimokkhă) sai Pháp, bôn sự đúng Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhaṃ sai Pháp, năm sự đúng Pháp. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhaṃ sai Pháp, sáu sự đúng Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) sai Pháp, bảy sự đúng Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp, tám sự đúng Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhd) sai Pháp, chín sự đúng Pháp. Mười sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp, mười sự

đúng Pháp. 7. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp? Vi đình chỉ Giới bôn {Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê giới không có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhd) sai Pháp. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn ỤPãtỉmokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn {Patimokkho) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn (Pâtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn(patimokkho) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bổn (Pãíimokkha) sai Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) với sự hư hỏng ve giới có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bon (Pâtỉmokkhă) với sự hư hỏng vê hạnh kiêm có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bôn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp.

Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhd) sai Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ,...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng ve tri kiến không có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bon (Pãíimokkha) sai Pháp. Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn {Pātimokkhd) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bôn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê giới có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng ve hạnh kiểm có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bon (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ đúng Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ?...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiên không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bôn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê nuôi mạng không có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ9 ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp. Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với tội Pārājika không có nguyên cớ,...(nt).. với tội Sañghādisesa không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pãcỉttỉya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesanīya không có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với tội Dukkata không có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkhd) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với tội Pārājika có nguyên ...(nt).. với tội Sañghādisesa có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Pãcỉttiya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesanīya có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Dukkata có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bồn (Patimokkho) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ5 ...(nt)... với sự hư

hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiêm đã làm có nguyên cớ, ..(nt)... với sự hư hỏng vê tri kiên chưa làm

CÓ nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (JPātimokkha) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhă) với tội Pārājika không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Sañghādisesa không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Thullaccaya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pãcỉttỉya không có nguyên cớ,...(nt)...với tội Pātidesanīya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Dukkaịa không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) với tội Dubbhāsitā kh6ng có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. The nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhd) với tội Pārājika có nguyên ...(nt)...với tội Sañghādisesa có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Thullaccaya có nguyên cớ?...(nt)... với tội Pãcittiya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesamya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Dukkata có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhci) với tội Dubbhāsitā có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ9 ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên c&,...(nt)...với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ?..(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm không có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm không có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(ĩit).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên c&,...(nt)...với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, ...(iìt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn ỤPãtỉmokkhă) với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. Thế nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bôn (Pãtỉmokkhă) với sự hư hỏng vê giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ9 ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm không có nguyên ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh

kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên

9 e r

CỚ, vị đình chỉ Giới bôn (Pātimokkha) với sự hư hỏng vê tri kiên đã làm và chưa làm kh6ng có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. The nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)...với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ?...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp? Vị phạm tội Pārājika không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội Pārājika chưa được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập chưa được dứt điểm; vị phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vi không bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp chưa được dứt điểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới; vi không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp? Vi phạm tội Pārājika ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội Pārājika đã được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vi đã xả bỏ sự học tập đã được dứt điểm; vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vi bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp đã được dứt điểm; vị bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏnệ về giới; vi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. 8. Thế nào là vị phạm tội Pārājika ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu, ở dây, sự phạm tội Pārājika là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đanẹ phạm tội Pārājika với những hình thức ấy, với những đặc tính ây, với những dâu hiệu ây. Cho dù vi Tỳ-khiru không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang phạm tội Pãrãịika nhưng lại có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã phạm tội Pārājikar Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu đang phạm tội Pārājika và cũng không có vị Tỳ-khtru khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, vị Tỳ-khiru tên [như vầy] đã phạm tội Pārājikar nhưng chính vị Tỳ- khưu [phạm tội] ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, tôi đã phạm tội PārājikaV

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã phạm tội Parājika. tôi đình chỉ Giới bổn (Pãíimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhd) là đúng Pháp. Khi Giới bổn (Pātimokkha) của vị Tỳ-khưu đã bi đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc tru xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ây, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nêu muôn có thê nêu lên giữa hội chúng rang: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê tội Pārậịỉka của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết đinh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết đinh sự việc này?9 Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp. Nêu không đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội Pārājika của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pātimokkha) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) là đúng Pháp. 9. Thế nào là vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu? ở dây, sự học tập được vi Tỳ-khưu xả bỏ do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập nhimg lại có vi Tỳ-khiru khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tap!" Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tap!" nhưng chính vị Tỳ-khiru ấy đã nói với vị Tỳ- khuru rằng: “Này Đại đức, tôi đã xả bỏ sự học tap!" này các Tỳ-khmi, với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ây, vị Tỳ-khưu

nêu muôn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bôn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tập, tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pâtỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) là đúng Pháp. Khi Giới bổn (Patimokkho) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong

mười sự nguy hiêm: Là sự nguy hiêm từ đức vua, ..(nt)... hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vi Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyêt định sự việc nAy." Nêu việc ây đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bon hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pãtỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) kha là đúng Pháp. 10. Thế nào là vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ- khưu, ở đây, việc không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp của vị Tỳ-khưu là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, thì vị Tỳ- khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khiru [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhát đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ây đã nói với vi Tỳ-khưu răng: "Này Đại dức, tôi kh6ng phục tùng sự hợp nhất đung Pháp r Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bon hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă)

o . M • r • 1 Â / A . ,• của vị ây, Giới bôn (Patimokkho) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. Thế nào là vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở đây, việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu răng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng PhSp!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu răng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vây] bác bỏ sự hợp nhát đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khiru ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bác bỏ sự hợp nhất

đúng Pháp!" Này các Tỳ-khưu? với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ây5 vi Tỳ-khưu nêu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) của vi ấy, Giới bổn (Pătỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. Khi Giới bổn ỊPătỉmokkhă) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua,...(nt).. hoặc sự nguy hiêm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khiru, tại trú xứ ây hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy." Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thê đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bôn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: r A

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê việc bác bỏ sự hợp nhát đúng Pháp của nhân vật tên [như vây] chưa được dứt diêm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhaṃ của vị ấy, Giới bôn (Patimokkho) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị 2y." Sự đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhă) là đúng Pháp. 11. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng

về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khiru nhìn thấy vị Tỳ-khiru [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về gi&i!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: í6Này Đại đức, vi Tỳ-khiru tên [như vầy] bị thấy, bi nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về gi&i!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khiru rang: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giói!" Này các Tỳ-khưu, với điêu đã được nghe áy, với điêu đã được thây ây9 với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng vê giới, tôi đình chỉ Giới bôn (Pătimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pătimokkhaṃ không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhă) là đúng Pháp. 12. Thế nào là vị bị

thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khtru là bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do lủiững dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thay, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve hạnh kiểm nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: uNày Đai đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!,, Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm và cũng không có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!,^ nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khiru rằng: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểmí' Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vi Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bi thấy, bi nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi đình chỉ Giới bổn

(Pãtimokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pātimokkhd) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. 13. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khiru nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức ây, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vi Tỳ-khmi khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thay, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve tri kiến!" Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại dức, vị Tỳ-khmi tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, tôi bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!” Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khiru nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng vê tri kiên, tôi đình chỉ Giới bôn (Pātimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkhấ) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bôn (Patimokkho) là đúng Pháp. Đây là mười sự đình chỉ Giới bôn (Pãíimokkha) đúng Pháp. Tụng phẩm thứ nhất

14. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upãli đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có bao nhiêu yếu tố? Này Upãli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dung việc đích thân khởi tố nên áp dung việc đích thân khởi tố khi có năm yếu to: Này upâli, vi Tỳ-khưu có ý muôn áp dụng việc đích thân khởi tô nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng [thời điểm]?' NàyUpâli, nếu vị Tỳ-khiru trong lúc quán xét nhận biết như vày: "Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm.” Này Upãli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Búng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải sái thời điểm,,; này upâli, vị Tỳ-khưu ây nên quán xét thêm răng: "Việc ta có ý muôn áp dụng việc đích thân khởi tô này, nhưng việc đích thân khởi tô này là đúng đan hay không [đúng đăn]?,, Này upli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn,,; này upãli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái"; này upâli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi to này có đem lại sự lọd h hay không [đem lại Sự lọi ích]?" Này upãli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích^,; này Upli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upli, nêu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích"; này upãli, vị Tỳ-khưu ây nên quán xét thêm răng: “Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt được]?^, Này Upâli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vay: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luaf9; này upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upãli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luậf9; này Upãli, vi Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đoi với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này upâli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Khi việc đích thân khởi tô này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ây, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi,...(nt)...việc làm khác biệt trong hội chúng” này Upli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upãli, nếu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy:

"Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, ...(nt)...việc làm khác biệt trong hội chiing"; này upãli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, việc đích thân khởi tô có năm yêu tô như thê được áp dụng sẽ không đem lại sự ân hận sau này.

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA « 897

15. Bạch Ngài, vị Tỳ-khini khiên trách có ý muôn khiên trách vị khác nên quán xét bản thân bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vi khác? Này ưpãli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vi khác nên quán xét bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Này Upâli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiên trách vi khác nên quán xét như vây: “Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành ve thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Ưpâli, nếu vị Tỳ-khiru không có sở hành về thân trong sạch, không thành tựu sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những nẹười nói với vi ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đên thân,,; có những người nói với vi này như thế. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?” Này Upẫli, nếu vị Tỳ- khưu không có sở hành vê khâu trong sạch, không thành tựu sở hành về khâu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: “Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vi này như thế. Này Ưpãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiên trách có ý muôn khiển trách vi khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vi đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?” Này upâli, nếu tâm từ của vi Tỳ-khưu là tâm không ác cảm đối với các vị(tòng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những nẹười nói với vị ấy răng: "Này, đên lúc Đại đức nên thê hiện tâm từ đến các vị đông Phạm hạnh” có những người nói với vi này như thê. Này Upli, còn có trường hợp khác nữa, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vay: “Ta có phải là vị nghe nhiều, nắm giữ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe? Các pháp nào là tốt đẹp phần đâu, tót đẹp phân giữa, tót đẹp phân cuôi5 thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vi Tỳ-khưu không Ị)hải là vi nghe nhiêu, không phải là vị nắm giữ điều đã nghe, không tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có Sự tót đẹp phân đâu, tót đẹp phân giữa, tót đẹp phân cuôi, thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ5 các pháp có hình thức như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập Kinh điển"; có những người nói với vi này như the.

Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: “Hai bộ Giới bổn (Patimokkho) có được truyền lại đến ta một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^, Này Upli, nếu hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhà) không được truyền lại đến vị Tỳ-khưu một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác đinh theo từng điều học hoặc từng từ ngữ, khi được hỏi như vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức The Tôn nói ở dâu?" mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luãt,5; có những người nói với vi này như thế. Này upâli, VỊ Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này roi mới nên khiên trách vi khác. 16. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác? Này upãli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp roi mới nên khiên trách vi khác: "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân han." Này upâli, vi Tỳ-khmi khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác. 17. - Bạch Ngài, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upâli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách không * J> A # 9

đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thê nói răng]: "Bại đức khiên trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách bằng cách thô 16, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với nội tâm có sân hận, không phải với tâm từ, thế là đủ đê đưa đên sự ân hận cho ngài." Này upāli, sự ân hận sẽ được xảy đên cho vị Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì không có vi Tỳ-khưu nào khác có thể nghĩ đến là nên khiển trách với việc sai trái như the. 18. - Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bi khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA < 899

Này upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Bại đức bi khiển trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến sự an hận cho ngài. Đại đức bi khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách không liên hệ đến lợi ích,

không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi tâm từ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngai." Này Upâli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. 19. Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upãli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Dại đức khiển trách hợp thời, không sái thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đen sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.” Này Upãli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị Tỳ-khưu khác sẽ nghĩ đến nên khiển trách với sự thật như thế. 20. Bạch Ngài, sự có ân hận sẽ được xảy đên cho vị Tỳ-khưu bị khiên trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upâli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru bi khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Bại đức bi khiển trách hợp thòi, không sái thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bi khiên trách với sự mem mỏng, không phải băng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài." Này upli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này. 21. -Bạch Ngài, vị Tỳ-khiru khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

-Này Upli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vi khác: "Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật.^, Này upli, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu bị khiển trách nên an trú trong bao nhiêu pháp? Này upâli, vị Tỳ-khiru bi khiển trách nên an trú trong hai pháp: Chân thật và không nổi giận. Tụng phẩm thứ nhì. Chương 6íĐình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ^ là thứ chín.

Trong chương này có ba mươi sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Ngày lễ Uposatha. cho đến lần thứ ba vị ác Tỳ-khưu đã không đi ra, nhờ vị Moggallãna, đã bị lôi ra, điều kỳ diệu về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 2. Độ sâu và sự học tập theo thứ lớp, có pháp ổn đinh, không vượt qua [điều học], xác chết, hội chúng loại trừ và các dòng sông, từ bỏ [giai cấp]. 3. Các dòng nước trôi chảy, các bậc Vô dư Niết-bàn và một vị là giải

thoát, có nhiều [vật quý], Pháp và Luật cũng vậy, các chúng sanh [to lớn] và tám hạng Thánh nhân. 4 Sau khi dùng biển cả làm ví dụ, Ngài đã phô bày đặc điểm về giáo pháp, vào ngày Uposatha. Giới bôn (Patimokkho), "không ai biêt vê chúng ta!" 5. Họ ra tay [đình chỉ] trước, các vị phê phán, một, hai, ba, bốn, năm, sáu và bảy, tám và chín, và mười trường hợp [đình chỉ] này. 6. về bốn phần là giới, hạnh kiểm, tri kiến và nuôi mạng, các tội Pārājika và tội Sañghādisesa, tội Pãcittiya. tội Pātidesanīya,— 7. — [Và] tội Dukkata là thuộc về năm phần, và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, chưa làm và đã làm, là thuộc về sáu phần theo như đường lối. 8. Các tội Pārājika và tội Saùghãdỉsesa, và tội Pãcỉttiya. tội Pātidesamya, luôn cả tội Dukkata và tội Dubbhāsitā. 9. Sự hư hỏng vê giới, hạnh kiêm, và sự hư hỏng vê tri kiên, nuôi mạng và các điêu ây là tám trong trường hợp đã làm và chưa làm. Với giới, hạnh kiêm và tri kiên ây, các điêu này.— 10. — Trong trường hợp chưa làm, cũng như đã làm và luôn cả đã làm và chưa làm, như vậy là chín cách đã được nói đến, đúng với sự thật, theo phương pháp.

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA 901

11. Vị phạm tội Pārājika. chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ [sự học tập], và tương tợ y như thế, vi phục tùng, vi bác bỏ và sự thảo luận về việc bác bỏ ấy. 12. Và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, giống như với sự hư hỏng về tri kiến do đã bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ, là mười trường hợp, nên biết rõ điều ấy. 13. Vị Tỳ-khưu thấy rõ vị Tỳ-khiru, hay là vị khác đã nói điều ấy, và vi trong sạch khai báo đến vị ấy, vị ấy đình chỉ Giới bon (Pãtimokkha). 14. [Hội chúng] giải tán vì nguy hiêm: Từ đức vua, trộm cướp, hỏa hoạn, nước ngập, loài người, phi nhân và thú dữ, rắn, mạng sống, Phạm hạnh. 15. Chỉ với một [sự nguy hiểm] nào đó của mười, và tại tru xứ ấy hoặc tại các trú xứ nào khác, đúng Pháp và luôn cả sai Pháp, nên biết theo đường lối như thế ấy. 16. [Năm yếu tố nên hành xử] là đúng thời điểm, đúng đắn, đem lại sự lợi ích, ta sẽ đạt được, sẽ xảy ra [hay không?], [nên quán xét sở hành] về thân, về khẩu, tâm từ, sự học nhiều, hai bộ Giới bổn. 17. Nên khiển trách hợp thời, với sự thật, với sự mềm mỏng, có lợi ích, với tâm từ, có sự ân hận và không đúng Pháp, nên xua đi các lời nói như thế. 18. Lòng bi mẫn, sự [tầm cầu] lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng [Luật] xua đi sự ân hận cho vị khiển trách đúng Pháp và cho vi bi khiển trách. 19. Cách hành xử của vị khiển trách đã được đấng Toàn Giác giảng giải, và bản thể về sự chân thật và luôn cả sự không sân hận là dành cho vị bi khiển trách. —ooOoo—

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự trong lãnh thổ của dòng Sakyā, ở thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Gotamí, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Đen lần thứ nhi, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt) Này Gotamĩ, thôi đi! Bà

chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ...(nt). Đen lần thứ ba, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Gotamĩ, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công b6" nên khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, trong khi khóc lóc, đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành, đi vê phía thành Vesālī. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến Vesālī. Tại nơi đó5 ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều người nữ dòng Sakyā đã ra đi về hướng Vesālī, tuần tự đã đi đến Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ với hai bàn chân simg vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đâm đìa nước mat, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài công ra vào. Đại đức Ānanda đã nhìn thấy bà Mahāpajāpatī Gotamĩ với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc,

đứng ở bên ngoài cổng ra vào, sau khi nhìn thấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điều này: Này bà Gotamĩ, tại sao bà lại có hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào vậy? Thưa ngài Ānanda, như thế này, bởi vì đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. 2. Này bà Gotamĩ, chính vì điêu ây nên bà hãy ở ngay tại đây trong chóc lát, chờ tôi thỉnh cầu đức Thế Tôn về việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Sau đó, Đại đức Āiianda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ này với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đây bụi bặm, khô sở, buôn râu, mặt đâm đìa nước mat, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công b6." Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Đen lần thứ nhì, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia ...(nt). Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ..(nt). Đen lần thứ ba, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt) Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Khi ấy, Đại

đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên thỉnh cầu đức Thế Tôn việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố bằng một phương thức khWc?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập lưu, hoặc quả vị Nhất lai, hoặc quả vị Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán hay không?

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 905

Này Ānanda, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bo, có khả năng chứng ngộ quả vi Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai, luôn cả phẩm vị A-la-hán. Bạch Ngài, nếu người nữ ...(nt).. có khả năng chứng ngộ ...(nt).. luôn cả phẩm vị A-la-hán nữa; bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. 3. Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, hãy xem chính điêu ây là sự tu lên bậc trên đôi với bà: Tỳ-khiru-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay? [và] hành động thích hợp đến vi Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không nên an cư mùa mưa ở tru xứ không có Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ- khưu là việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến [để nghe] giáo giới. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến frọn đời. Tỳ-khưu-ni đã trải qua mùa [an cư] mưa nên hành lễ Pavāranā ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: Do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khun-ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hình phạt Mãnatta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Cô Ni tu tập sự đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng nhiếc, gièm pha Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp ...(ĩit).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Kê từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đên các Tỳ-khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp càn được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

Sau đó, Đại đức Ānanda đã học tám trọng pháp từ đức Thế Tôn rồi đã đi đến gặp bà Mahāpajāpati Gotamĩ, sau khi đen đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điêu này: Này bà Gotamĩ, nêu bà có thê thọ nhận tám trọng pháp thì chính điêu ây sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà: "Tỳ-khiru-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ? sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ây. ...(nt)... Kê từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đến các Tỳ-khưu bi ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ- khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn d£." Này bà Gotamĩ, nếu bà có thể thọ nhận tám trọng pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà. -Thưa Đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu; thưa Đại đức Ānanda, cũng tương tợ như vậy, tôi thọ nhận tám trọng pháp này cho đến trọn đời không vi phạm. 4. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã thọ nhận tám trọng pháp. Người 15 _ 7 , _ ,Ạ 4 w ryi A _ . _____ l 1 L A __ dì của đức The Ton đã được tu len bạc trên. -Này Ānanda, nếu người nữ không đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì người nữ đã xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố? này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.1 Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam, thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

1 về vấn đề Thánh pháp (saddhammā) có thể tồn tại một ngàn năm, ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "NQi đến 1000 năm là đề cập đến sự diệt tận các lậu hoặc với sự thành đạt vê bốn Tuệ phân tích. Từ đó về sau là 1000 năm của sự diệt tận các lạu hoặc do thuần túy Minh sát, 1000 năm của đạo quả Bất lai, 1000 năm của đạo quả Nhất lai, 1000 năm của đạo quả Nhập lưu. Như vậy, Pháp thành sẽ tồn tại500br^m"(Sdd.l291).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 907

Này Ānanda, cũng giông như trong thửa ruộng lúa đang phát triên, có loại bệnh gọi là móc trăng xuất hiện, như thê ruộng lúa ây không tôn tại lâu dài; này Ānanda, r cũng a Jf tương tợ như thê, trong Pháp - Luật nàoy người Z < và : nữ đạt được Sự xuất gia rời nhà, sông không nhà, Phạm hạnh ây không được tôn tại lâu dài. Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thê ruộng mía ây không tôn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm

hạnh ấy không được tồn tại lâu dài. Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng CÔ bờ đê của cái hô lớn, đê không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, tám trọng pháp do Ta chính vì phòng xa đã quy định cho các Tỳ-khiru-ni cho đến trọn đời không được vi phạm. Tám trọng pháp của các Tỳ-khưu-ni.

5. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con thực hành như thế nào đối với các người nữ dòng Sakyā này? Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamĩ bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các Tỳ-khưu-ni. 6. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điều này: Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: "Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Tỳ-khưu?9 Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: "Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thê này: 'Các Tỳ-khiru-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Ty-idíưu)”

7. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vây: "Thua Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: 'Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như thế này: Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Ty-khưu.”' Này Ānanda, ke từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên. 8. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với Đại đức Ānanda điều này: —Thưa Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đảnh lễ; sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói như vầy: "Thua Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự

đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Ty-khưuni." Này Ānanda, việc đức Như Lai có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này Ānanda, bởi vì các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết giảng tồi còn không thực hành sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đên người nữ; vậy điêu gì khiên Như Lai lại cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ? Sau đỏ, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi A bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 9. Sau đó9 bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 909

Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào? Này Gotamĩ, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là [được quy đinh] chung với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khxru học tập như thê nào, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như thế ấy. Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào? Này Gotamĩ, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định. 10. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Ton hãy thuyết giảng pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe pháp ấy có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, có sự nô lực, có sự quyêt tâm. r -Và này Gotamĩ, các pháp ĩ nào mà bà có thê biêt răng r các pháp này đưa đên tham ái mà không đưa đên sự xa lìa tham ải, đưa đên sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến sự không tích lũy, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bực bội mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ hội mà không đưa đên sự đơn độc, đưa đên sự biêng nhác mà không đưa đên sự khởi công tinh tân, đưa đên sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đên sự dê nuôi dưỡng; này Gotamĩ, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này không phải là Pháp, điêu này không phải là Luật, điêu này không phải là lời giáo huân của bậc Đạo su.” Này Gotamĩ, các pháp nào mà bà có thê biêt răng các pháp này đưa đên sự xa lìa tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự không tích lũy mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bực bội, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; này Gotamĩ, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này là Pháp, điều

này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo SU." 11. Vào lúc bây giờ, Giới bôn (Pãtimokkhă) không được đọc tụng cho các Tỳ-khưu-ni. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton.

910 TIÊU PHẨM

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhấ) cho các Tỳ-khưu-ni. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các TVkhưu-ni?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhd) cho các Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khxru đi đên chô ngụ của các Tỳ-khưu-ni và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) cho các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà nay." Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) cho các Tỳ-khưu-ni; vi nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhà) cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khiru-ni không biết: "Giới bổn (Pãtimokkha) nên được đọc tụng như vy.” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhấ) như vầy." 12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không sửa chữa tội đã vi phạm. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không sửa chữa tội đã vi phạm; vị Ni nào không sửa chữa thì phạm tội Dukkata. Các Tỳ-khiru-ni không biết: uTội đã vi phạm nên được sửa chữa như vy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên sửa chữa tội đã vi phạm như vy." Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ ghi nhận tội cho các Ty-khuu-ni?99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni. 13. Vào lúc bây giờ, khi nhìn thây vị Tỳ-khiru trên đường di, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngôi chôm hôm, chăp tay lên, roi sửa chữa tội đã vi phạm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hoi đêm, giờ đây họ xin 16i." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 911

Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu- ni; vị nào ghi nhận thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni không biết: uTội nên được ghi nhận như vầy." Các vị đã trình sự việc áy len đưc The Ton. - Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khiru-ni: "Các vị nên ghi nhận tội như v Áy." 14. Vào lúc bấy giờ, hành sự cho các Tỳ-khưu-ni đã không được thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. Khi ây, các Tỳ-khưu đã khởi ý điêu này: uAi sẽ thực hiện hành sự cho các Ty-khuu-ni?^ Các vi đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. 15. Vào lúc bấy giờ? khi gặp vị Tỳ-khưu trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni có hành sự đã được hoàn tất để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, bày tỏ sự hối lỗi, trong khi nghĩ rằng: "Chắc là nên được thực hiện như vầy.^, Dân chúng tương tợ y như thế, phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hồi đêm, giờ đây họ xin 16i." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khiru không nên thực hiện hành sự cho các Tỳ- khưu-ni; vị nào thực thi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Hành sự nên được thực hiện như vầy." Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khtru chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên thực hiện hành sự như vầy.” r e e e .v 16. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni ở giữa hội chúng đã nảy sinh ra xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ9 đã đưa đen tranh cãi, song châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giải quyết sự tranh tụng của các Tỳ-khưu-ni. 17. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu giải quyêt sự tranh tụng của các Tỳ-khưu- ni. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xét xử, các vị được biết rằng, các Tỳ-khưu-ni cần thiết cho hành sự cũng có vi phạm tội. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

Thưa các Đại đức, tốt lành thay, chính các ngài Đại đức hãy thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni, chính các ngài Đại đức hãy ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: “Các Tỳ-khưu nên giải sự tranh tụng của các Ty-khưu-ni.” Các vị đã trình sự việc ây lên đức quyết The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu xác định hành sự của các Tỳ-khiru-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni, và các Tỳ-khiru-ni được thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni; [cho phép] các Tỳ-khưu xác đinh tội của các Tỳ-khiru-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni và các Tỳ-khiru-ni được ghi nhận tội cho các Tỳ-khmi-ni. 18. Vào lúc bấy giờ, vi Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni uppalavannā trong khi học tập về Luật đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Cô ấy có trí nhớ bi lộn xộn nên càng học càng quên. Rồi vi Tỳ-khưu-ni ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn có ý đinh đi đến thành sāvatthi." Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi học tập về Luật, ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành như thế nào?,, Sau đó, vị Tỳ-khmi-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giảng vê Luật cho các Tỳ-khưu-ni. Tụng phẩm thứ nhất

19. Sau đó, khi đã ngự tại Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã len đường du hành về phía Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Sāvatthi. Tại nơi đó, ở

Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các Tỳ- khưu-ni [nghĩ rằng]: "C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.” Các vi đã trình sự việc ây len đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không nên rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu-ni; vị nào rắc thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khiru ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiện?^, Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không can thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯƯ-NI 913

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, giao lưu với các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: “C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu-ni; vị nào giao lưu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vi Tỳ-khiru ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã Idiởi ý điều nay: "Hinh phạt gì nên được thực hiện?^, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không cần thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy. 22. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư rác nước bùn lên các Tỳ- khưu [nghĩ rằng]: “C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.” Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên răc nước bùn lên các Tỳ-khưu; vi Ni nào rắc thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, các Tỳ-khiru đã khởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiên?” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khưu]. Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới. 23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ- khưu thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu, giao lưu với các Tỳ-khxru [nghĩ rằng]: "C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu; vị Ni nào giao lưu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khưu-ni ấy.

914 TIỂU PHẨM

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã Idiởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khiru]. Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới. Khi ấy, các Tỳ-khtru đã khởi ý điều này: "L3 Uposatha được phép thực hiện với Tỳ-khưu-ni bi đình chỉ giáo giới hay không được phép?" Các vi đã trình sự . Ấ1 A f X FTP việc áy len đức The Toile Này các Tỳ-khiru, lễ Uposatha không nên thực hiện với Tỳ-khưu-ni bi đình chỉ giáo giới cho đến khi nào sự tranh tụng ấy còn chưa được giải quyết. 24. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã ra đi du hành. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao ngài Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại ra đi du hnh?" Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội Dukkata. 25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru ngu dốt không có kinh nghiệm đình chỉ việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bi đình chỉ bởi vị ngu dốt, không có kinh nghiệm; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ việc giáo giới không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có sự việc, không có nguyên do; vi nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 27. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu sau khi đình chỉ việc giáo giới không đưa ra sự phán xét. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không nên không đưa ra sự phán xét; vi nào không đưa ra thì phạm tội Dukkata. 28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi [để nghe] giáo giới. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi [để nghe] giáo giới; vị Ni nào không đi nên được hành xử theo pháp.2 29. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni đều đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của

2 Liên quan đến tám trọng pháp và tội Pâcittiya 58 của Tỳ-khưu-ni (ND).

những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này?5 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức fTïi Á rp, The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni. Nếu đi thì phạm tội Dukkaịa, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ-khưu-ni. 30. Vào lúc bấy giờ, bốn hay năm Tỳ-khưu-ni đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng tương tợ y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này." Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ- khưu-ni. Nếu các vị đi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới hai hay ba Tỳ-khưu-ni. Nên đi đến gặp một vị Tỳ-khiru, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, rồi nên nói như vầy: "Thua ngài Đại dức, hội chúng

Tỳ-khiru-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh câu việc đên gân [đê nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong răng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đên gân [đê nghe] giáo gi&i." Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp vi đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhd) và nên nói như vầy: "Thua ngài, hội chúng Tỳ-khiru-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh câu việc đên gân [đê nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong răng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đến gần [để nghe] giáo gi&i." Vị đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhă) nên nói rằng: "C6 vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ đinh là vi giáo giới Ty-khuu-ni?99 Nếu có vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ đinh là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni, vi đọc tụng Giới bon (Pātimokkhă) nên nói rang: Tỳ- khưu tên [như vầy] đã được chỉ đinh là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ- khưu-ni hãy đi đến gặp vi ấy.” Nếu không có vị Tỳ-khưu nào đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, vị đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhă) nên nói rằng: Đại đức nào đủ khả năng để giáo giới TV-khuuni?" Nêu có vị nào đó đủ khả năng đê giáo giới Tỳ-khiru-ni và vi ây có tám yêu tố,3 sau khi chỉ định xong nên nói rằng: Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ-khưu-ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới Tỳ-khưu-ni, vi đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhd) nên nói răng: "Không có Tỳ-khưu nào được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni? mong rằng hội chúng Tỳ-khiru-ni được thành đạt với sự hoanhỷ." 31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhận lãnh việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

3 Xem tám yếu tố ở điều học Pācittiya 21 (TTTĐPGVN, tập 10, tr. 430-31; TTPV, tập 2, ư. 153).

Này các Tỳ-khưu, không thể không nhận lãnh việc giáo giới; vị nào không nhận lãnh thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là ngu dốt. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vi ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chi gái, bởi vì tôi ngu dót, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như vầy: uCác Tỳ-khưu nên nhận lãnh việc giáo giới cho các Ty.khưu-ni.” Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, các vi còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bi bệnh. Các Tỳ-khiru-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chị gái, bởi vì tôi bi bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: “Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới?5 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 33. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ là vị xuất hành. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chị gái, bởi vì tôi là vi xuất hành, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như vầy: "Trừ ra vi ngu dốt, trừ ra VỊ bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.,, Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các

Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vi xuất hành, các vi còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 34. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở trong rừng. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chi gái, bởi tôi cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới." Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khmi là vị ngụ ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và [cho phép] quy đinh điểm hẹn: "T6i sẽ thực hiện ở chỗ kia." 35. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 không thể không thông báo việc giáo giới; vị nào không thông báo thì phạm tội Dukkata. 36. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thực hiện. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không thể không thực hiện; vi nào không thực hiện thì phạm tội Dukkata. 37. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi đến điểm hẹn. Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi đến điểm hẹn; vi Ni nào không đi thì phạm tội Dukkata. 38. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni mang dây thắt lưng loại dài, lại còn bó that eo băng chúng nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên mang dây thắt lưng loại dài; vị Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni [sử dụng] dây thắt lưng được thực hiện một vòng và không nên bó thắt eo băng dây that lưng; vị Ni nào bó that [eo] thì phạm tội Dukkaía. 39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bang sợi tre chẻ mỏng, buộc thành dải tua bang sợi da thú, buộc thành dải tua băng sợi vải dệt, buộc thành dải tua băng vải dệt têt đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, buộc thành dải tua bang sợi vải cola, buộc thành dải tua bằng vải cola tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải cola thắt bím, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai ràng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khmi5 các Tỳ-khưu-ni không nên buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, khônệ nên buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, không nên buộc thành dải tua băng sợi vải cola, không nên buộc thành dải tua

bằng vải coịatết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải cola thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím; vị Ni nào buộc thì phạm tội Dukkata. 40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo

đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, bảo đấm bóp vùng hông với xương hàm con bò, bảo đấm bóp bàn tay, bảo đấm bóp mu bàn tay, bảo đấm bóp bàn chân, bảo đấm bóp mu bàn chân, bảo đấm bóp đùi, bảo đấm bóp mặt, bảo đấm bóp nướu răng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các VỊ đã trình sự việc áy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, ...(nt).. không nên bảo đấm bóp nướu răng; vị Ni nào bảo đấm bóp thì phạm tội Dukkata. 41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thoa dầu ở mặt, chà xát ĩ y r 9

mặt, đánh phân ở mặt, đáp mặt băng phân đỏ, tô màu ở cơ thê, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khuu, các Tỳ-khưu-ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ the; vị Ni nào làm thì phạm tội Dukkata. 42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, nhìn qua cửa sổ [xuống đường phố], đứng tựa cửa lớn [khoe phần thân trên], tổ chức nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán rượu, lập tiệm bán thịt, trưng bày cửa hiệu, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mãi, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn bán rau xanh, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?” Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên kẻ mí mắt, ...(nt)...không nên mang mảnh da mài dao cạo; vị Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. 43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh đậm, mặc các y toàn màu vàng, mặc các y toàn màu đỏ [máu], mặc các y toàn màu tím, mặc các y toàn màu đen, mặc các y nhuộm toàn màu đỏ tía, mặc các y nhuộm toàn màu hồng, mặc các y không cắt đường viền, mặc các y có đường viên rộng, mặc các y có đường viên vẽ bông hoa, mặc các y có đường viên có vẽ trái cây, mặc áo choàng, mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirītaka. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 919

Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu-ni không nên mặc các y toàn màu xanh đậm, ...(nt).. không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tintaka; vị Ni nào mặc thì phạm tội Dukkata. 44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, trong khi lâm chung đã nói như vầy: -Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng. ở nơi ấy, các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni tranh cãi rằng: -Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, nếu vi Tỳ-khưu-ni trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chìing”trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Ni tu tập sự, ...(nt).. Này các Tỳ-khmi, nêu vị Sa-di-ni trong khi lâm chung nói như vây: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng

của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ây thuộc vê riêng hội chúng Tỳ-khiru-ni. Này các Tỳ-khưu, nêu vị Tỳ-khiru trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu? nếu vi Sadi,...(nt)...Này các Tỳ-khưu, nêu nam cư si, ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, nêu nữ cư si, Này các Tỳ-khiru, nếu người nào khác, trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khiru-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu. 45. Vào lúc bấy giờ, có phụ nữ nọ, trước đây là người xứ Mallā đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô Ni ấy, sau khi gặp vị Tỳ-khvru yếu đuối trên đường đã cho cái thúc bằng bả vai rồi tiếp tục đi. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Tỳ-khưu-ni lại cho vi Tỳ-khxru cái thiic?" Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cho vi Tỳ-khưu cái thúc; vị Ni nào cho thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni bước sang [một bên], nhường lôi đi khi nhìn thây vị Tỳ-khiru, ngay khi [vị áy] còn ở đàng xa. 46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khi chồng đi vắng bị có thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sẩy thai rồi đã nói với vi Tỳ-khưu-ni thường đi đến nhà điều này: Thưa Ni sư, xin hãy dùng bình bát mang đi cái bào thai này.

Khi ây, vị Tỵ-khxm-ni ây đã bỏ cái bào thai ây vào trong bình bát, che kín bằng y hai lớp roi ra đi. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đi khất thực đã lập dự tính rằng: “Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ- khưu hoặc Tỳ-khưu-ni thì ta sẽ không thọ thqc." Khi ấy5 vị Tỳ-khưu ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy và đã nói điều này: Này chi gái, hây nhận lãnh phân vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Đen lần thứ nhi, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này chị gái, hãy nhận lãnh phân vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Đen lần thứ ba, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Này chị gái, tôi đã lập dự tính răng: "Khi chưa dâng phân vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khiru-ni thì ta sẽ không thọ thực." Này chi gái, hãy nhận lãnh phần vật thực. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ây trong lúc bị quây rây bởi vị Tỳ-khưu ây đã đưa bình bát ra cho xem: Thưa ngài, hãy nhìn cái bào thai trong bình bát nè. Và chớ có nói với bất cứ ai. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao Tỳ-khưu- ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vay?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm ton, có hoi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vay?” Các vi đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu-ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai; vị Ni nào mang đi thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khmi? Ta cho phép Tỳ- khiru-ni khi gặp vị Tỳ-khưu thì lấy bình bát ra và đưa cho xem. 47. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni

nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bat?99 Sau đó5 các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khmi, khi gặp vị Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát; vị nào cho xem thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, khi gặp vị Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khiru-ni lật ngửa bình bát rồi đưa cho xem. Và vật thực nào có trong bình bát, nên thỉnh mời vị Tỳ-khiru với vật ấy.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 921

48. Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở thành Sāvatthi, có vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Các Tỳ-khiru-ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã la ầm lên. Các Tỳ-khưu-ni ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, các Tỳ-khiru-ni ấy đã đi đến Ni viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni lại nhìn chăm chú vào vật biêu tượng nam tánh?” Sau d6, các Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh; vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội Dukkaịa. 49. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khiru cho đến các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các ngài Đại đức lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?” Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị nào cho thì phạm tội Dukkata. 50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép dâng đến hội chúng. Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân. Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu được dồi dào. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thọ dụng vật tích trữ của các Tỳ-khưu sau khi đã được các Tỳ-khiru trao cho. 51. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni cho đên các Tỳ-khiru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?” Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? các Tỳ-khưu-ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị Ni nào cho thì phạm tội Dukkata. 52. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni có được vật thực dồi dào. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng đến hội chúng. Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.

922 TIÊU PHẨM

Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu-ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khiru thọ dụng vật tích trữ của các Ty-khvru-ni sau khi đã được các Tỳ-khưu-ni trao cho. 53. Vào

lúc bấy giờ, sàng tọa của các Tỳ-khưu thì dồi dào, của các Tỳ- khiru-ni thì không có. Các Tỳ-khưu-ni đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khiru: Thưa các ngài, lành thay! Các ngài hãy cho chúng tôi [mượn] sàng tọa trong một thời gian. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Tỳ-khưu-ni [mượn] sàng tọa trong một thời gian. 54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni có kinh nguyệt, ngồi và nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm. Chỗ nằm, ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm; vị Ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khxru, Tạ cho phép [sử dụng] y nội trợ. Y nội trợ bi lấm lem bởi máu. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim gài và mảnh vải. Mảnh vải bi rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đùi. Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [sử dụng] váy, băng vải buộc ở hông. 55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc; vi Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải buộc ở hông đoi với vi Ni có kinh nguyệt. Tụng phẩm thứ nhì.

56. Vào lúc bấy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên được thấy là không có hiện tướng [người nữ], khiếm khuyết hiện tướng [người nữ], không có kinh nguyệt, bi băng huyết, thường xuyên mang vải lót, bị rong kinh, bi dị căn, người nữ vô căn, bi lại đực, tiêu tiểu chung một khiếu, người nữ lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc áy lên đức The Ton.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI e 923

Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị đang cho tu lên bậc trên được hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "C6 không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bi băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bi rong kinh? Cô không phải là người bị di căn? Cô không phải là ngươi nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" 57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại của các Tỳ- khưu-ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu đến người nữ đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni, [và] được trong sạch. 58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni hỏi các pháp chướng ngại đến

các cô có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau. Các vị giảng dạy ngay tại chô ây, ở giữa hội chúng. Như thê ây5 các cô có ý muốn tu lên bậc trên bi bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên giảng dạy như vây: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vi thầy tế độ rồi nên chỉ dẫn về y bát: "Đây là bình bát của cô, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội, đây là áo lót, đay là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trổng đàng kia.” Các vị Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Được ging dạy toi, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối roi, trở nên mắc cỡ, không the trả lời. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khtru, vi Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị Tỳ-khiru-ni kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.

Các vị Ni chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vi Ni chưa được chỉ định không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị Ni đã được chỉ định. Và này các Tỳ-khiru, nên chỉ định như vây: Tự mình chỉ đinh cho chính minh, hoặc người khác chỉ đinh cho người khác. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng càn được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Co Ni tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vầy]." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khiru-ni kinh nghiệm, có nănệ lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vay] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như v^]. Nếu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, vị Ni tên [như vầy] sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vây]?5 Như vậy là người khác chỉ định cho người khác. Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy: Này cô tên [như vây], hãy lăng nghe. Đôi với cô, bây giờ là thời diêm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đún^ thì nên n6i: "Bling”; nếu không đúng, nen nói: "Không dung.99 Chớ nên bối roi, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vầy: "C6 không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bi băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bi rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bi lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thê này hay không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ?

Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ5 bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" 59. Họ đi đến chung [cùng một lúc]. Không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị Ni giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vay]. Tôi đã giảng dạy cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, cô tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "C6 hãy đi đến."

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 925

Nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu- ni5 bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương x6t." Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khun-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [lýiư vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi cô Ni tên [như vầy] về các pháp chướng ngại. Này cô tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng9; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng5. Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? ...(nt).. Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khmi-ni kinh nghiệm, có năng lực: uBạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vi Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vay] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(iìt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vây], có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vây] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như

vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đòng ý sự tu lên bậc trên của cô

926 TIỂU PHẨM

Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Ngay sau khi hoàn tất việc ấy, nên đưa [cô Ni ấy] đi đến hội chúng Tỳ-khiru, nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: “Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đa được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ nhì, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại dức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ ba, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương x6t." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vây] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 927

Vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vây] với vi

Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác đinh mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các Tỳ-khưu-ni nên được nói rang: Nên chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ4 và tám điều không nên làm.5 60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi xác đinh chỗ ngồi trong nhà ăn đã bi quá giờ [thọ thực]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến. 61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vi còn lại tính theo thứ tự đi đến" nên ở khắp mọi nơi, chừa lại đúng tám chỗ cho các Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trong nhà ăn [chỗ ngồi của] tám Tỳ-khưu- ni tính theo thâm niên và [chỗ ngồi] của các vi còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác, không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên; vi nào chừa lại thì phạm tội Dukkata. 62. Vào lúc bấy giờ5 các Tỳ-khưu-ni không hành lễ Pavāranā. Các vị đã r ĩ trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Tỳ-khưu-ni không nên không hành lễ Pavāranā\ vị Ni nào không hành lễ Pavāranā nên được hành xử theo pháp.6 Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi không hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khxru, Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni roi không nên không hành lễ Pavãranã nơi hội chúng Tỳ-khưu; vi Ni nào không hành lễ Pavāranā nên được hành xử theo pháp.

4 Tỳ-khưu-ni không được ngụ ở rừng nên không có điều nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong khi Tỳ-khưu có bốn điêu (ND). 5 Là tám điều Pārājika, trong khi Tỳ-khưu chỉ có bốn điều (ND). 6 Liên quan đến tám trọng pháp và tội Pãcỉttỉya 57 của Tỳ-khưu-ni (ND).

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ Pavāranā chỉ một phía với các Tỳ-khưu đã tạo nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên hành lễ Pavāranā chỉ một phía với các Tỳ-khưu; vị Ni nào hành lễ Pavāranā [chỉ một phía] thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ Pavāranā trước bữa thọ trai nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni hành lễ Pavāranā sau bữa thọ trai. Sau bữa thọ trai, các vi trong khi còn hành lễ Pavāranā đã bi trời tối. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khiru- ni ngày hôm nay và hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu vào ngày kế. 64. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni trong lúc hành lễ Pavāranā đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh một vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có

năng lực để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu- ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khxru-ni nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng càn được thông báo bởi vị Tỳ- khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khmi-ni. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khiru-ni. Đại đức Ni nào đồng ý việc chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích cùa hội chúng Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đã được hội chúng chỉ định để thỉnh cau hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ đinh ấy nên đưa hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu, nên đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ- khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khmi do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đoi với hội chúng Tỳ-khưu-ni5 xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯ-NI 929

Đen lần thứ nhì, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru do được thây, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng Tỳ-khưu-ni, xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi. Đen lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đoi với hội chúng Tỳ-khưu- ni5 xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa d6i." 65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đình chỉ lễ Uposatha, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở r trách, nhăc nhở đôi với các Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên đình chỉ lễ Uposatha của Tỳ- khưu, dầu đã bi đình chỉ cũng như không bi đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội Dukkata. Không nên đình chỉ lễ Pavãranã, dầu đã bi đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội Dukkata. Không nên làm công việc khuyên bảo, dầu đã được làm cũng như không được làm; vị Ni làm phạm tội Dukkata. Không nên khởi xướng việc cáo tội, dầu đã được khởi xướng cũng như không được khỏd xướng; vi Ni khởi xướng [việc cáo tội] phạm tội Dukkaịa. Không nên thỉnh ý [để buộc tội], dầu đã được thỉnh ý cũng như không được thỉnh ý; vi Ni thỉnh ý phạm tội Dukkata. Không nên quở trách, dầu đã được quở trách cũng như không được quở trách; vi Ni quở trách phạm tội Dukkata. Không nên nhác nhở, dâu đã được nhắc nhở cũng như không được nhắc nhở; vị Ni nhắc nhở phạm tội Dukkata. 66. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ lễ Uposatha, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhăc nhở đôi với các Tỳ-khưu-ni. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khiru được đình chỉ lễ Uposatha của Tỳ-khưu-ni, khi đã đình

chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ Pavāranā. khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được làm công việc khuyên bảo, khi đã làm thì đã làm đúng đắn; vị làm vô tội. Được khởi xướng việc cáo tội, khi đã khởi xướng thì đã khởi xướng đúng đắn; vị khởi xướng vô tội. Được thỉnh ý [để buộc tội], khi đã thỉnh ý thì đã thỉnh ý đúng đắn; vị thỉnh ý vô tội. Được quở trách, khi đã quở trách thì đã quở trách đúng đắn; vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, khi đã nhắc nhở thì đã nhắc nhở đúng đắn; vị nhắc nhở vô tội. 67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gangã và Mahī vậy?" Các vi đã 1 — Ạ___ 4 _____ ____ Ạ rr^ _ - trình sự việc ây len đức The Ton.

Này các Tỳ-khxru, Tỳ-khưu-ni không nên di chuyển bằng xe; vị Ni nào di chuyển nên được hành xử theo pháp.7 Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khim-ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đối với vi Ni bi bệnh. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni đã khởi ý điều này: uyậy được kéo bởi con cái, hay được kéo bởi con dực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] toa xe được kéo bởi con cái, được kéo bởi con đực, [và cho phép] xe kéo bang tay. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru-ni nọ đã bi khó chịu dữ dội vì xe bị dằn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng. 68. Vào lúc bấy giờ, cô kỹ nữAddhakâsĩ đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô ây có ý định đi đên Sāvatthi [nghĩ răng]: "Ta sẽ tu lên bậc trên trong sự chứng minh của đức Thế T6n." Những kẻ bất lương đã nghe rằng: "Nghe nói kỹ nữ Addhakāsī có ý đinh đi đến sāvatthi." Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Cô kỹ nữ Addhakāsī đã nghe rằng: "Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường" nên đã phái sứ giả đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: "B&i vì con CÓ ước muôn tu lên bậc trên, con nên tiên hành như thê nào?" Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện. Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khun, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni tu tập sự. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di-ni. ...(nt)... Các vi cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm; vi nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực. Vi Tỳ-khưu-ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khiru, ngôi chôm hôm, chăp tay lên roi nên nói như vây:

7 Liên quan đến tội Pãcittiya 85 của Tỳ-khưu-ni (ND).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 931

“Bạch các ngài, cô Ni tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ- khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy te độ cô ấy vì lòng thương xót. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu~ ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ nhì cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu- ni và được trong sạch. Cô Ni không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ ba cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chủng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương x6t." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiêm. Cô Ni tên [như vây] thỉnh câu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ây không đi đên chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vây] với vị Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

932 > TIỂU PHẨM

Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Ngay khi ấy, bóng râm cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ

dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy. Các Tỳ-khưu-ni nên được nói rang: "Hãy chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm." 69. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cư ngụ ở trong rừng; vi Ni nào cư ngụ thì phạm tội Dukkata, r . y F

Vào lúc bây giờ, kho chứa đô đạc đã được nam cư sĩ nọ dâng đên hội chúng Ty-khưu-ni. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kho chứa đồ đạc. Kho chứa đồ không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] căn nhà. Căn nhà không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] công trình mới. Công trình mới không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng theo cá nhân. 70. Vào lúc bấy giờ, một người phụ nữ nọ có bào thai đã đậu, xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Khi cô ấy đã xuất gia, cái thai đã chào đời. Khi ấy, vi Tỳ-khưu- ni ây đã khởi ý điêu này: "Ta nên thực hành như thê nào liên quan đên đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết.8 Sau đó, vi Tỳ-khiru-ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống mỗi một mình, và Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nao?^ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh một Tỳ-khiru-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khtru-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu-ni cân được yêu câu; sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

8 Cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết, nghĩa là cho đến khi đứa bé có thể nhai, ăn, tắm, và trang phục đúng cách cho bản thân (VìnA. VI. 1295).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯƯ-NI 933

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý sự chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây] xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Khi ấy, Tỳ-khưu-ni cộng sự ấy đã khởi ý điều này: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tợ như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoại trừ việc ngụ chung nhà. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hình phạt Mãnatta. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống

mỗi một mình và vi Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào?,^ Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định một Tỳ-khưu-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khưu-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vi Tỳ-khưu-ni cân được yêu câu; sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vay] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vây] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây]. Đại đức Ni nào đông ý việc chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vây] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây] xin im lặng; vi Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 71. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi xả bỏ sự học tập đã hoàn tục. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu-ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, không có việc xả bỏ sự học tập đối với Tỳ-khưu-ni; chính khi cô ấy hoàn tục thì chính khi ấy cô ấy không còn là Tỳ-khưu-ni nữa.

Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khtru-ni nọ vẫn mang y ca-sa đã chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo. Cô ây đã quay trở lại và thỉnh câu các Tỳ-khiru- ni sự tu lên bậc trên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni nào mang y ca-sa chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo, khi cô ấy quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa. 72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni trong khi ngần ngại không ưng thuận việc đảnh lễ, việc cạo t6c, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người nam. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ưng thuận [những việc ây]. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ngồi kiết-già. Các vị ưa thích sự xúc chạm của gót chân. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khiru-ni không nên ngôi kiêt-già; vi Ni nào ngôi thì phạm tội Dukkata. 73. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ bi bệnh. Không xếp chân thế kiết- già, vị Ni ấy không được thoải mái. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thế bán già đối với Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các Tỳ-khxru-ni nhóm Lục Ji. r _ r Sư trục bỏ bào thai ngay tại chô ây. Các vi đã trình sự việc ây lên A nrA đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh; vị Ni nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện ở chô trông trải phân bên dưới và che kín phân bên trên. 74. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm với bột phấn thoa; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cám thô, đất sét. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

"Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm; vị Ni nào tam thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét loại bình thường. 75. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư trong khi tăm ở nhà tăm hơi đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI « 935

- Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở nhà tắm hơi; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm ở luồng nước chảy, ưa thích sự xúc chạm của dòng nước. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở luồng nước chảy; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Tỳ-khtru-ni không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm; vi Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. 76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru-ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam; vi Ni nào tăm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tăm ở bãi tắm dành cho phụ nữ. Tụng phẩm thứ ba. Chương Tỳ-khưu-ni là thứ mười.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Bà Gotamĩ đã thỉnh cầu việc xuất gia, đức Như Lai đã không cho phép. Vị Lãnh Đạo đã rời Kapilavatthu đi đến Vesālī. 2. Với [thân hình] phủ đầy bụi, ở cổng ra vào, bà đã cho vị Ānanda biết, vị đã yêu cầu bằng cách thức: "C6 khả năng kh6ng?" “Là người mq" và "Là người nuôi dưỡng." 3. Một trăm năm, và vào ngày hôm ây, [nơi] không có Tỳ-khtru, sự mong mỏi, lễ Pavāranā. các tội nghiêm trọng, hai năm, việc không được r . măng nhiêc. 4. Bị ngăn cấm và tám pháp, việc hành theo cho đến trọn đời, việc thọ nhận tám trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà. 5. Một ngàn năm chỉ còn năm trăm, với các ví dụ về kẻ trộm, bệnh mốc trăng, bệnh rệp cây, các việc làm tôn hại Chánh pháp là tương tợ. 6 Với các ví dụ về người nên củng cố bờ đê, hơn nữa là sự tồn tại của Chánh pháp, được ban phép tu lên bậc trên, bà [chưa được tu lên bậc trên], việc đảnh lễ tính theo thâm niên.

936 TIẾU PHẨM

7. Các [ngoại đạo] không thực hành, điều gì vậy, [được quy định] chung và không [được quy đinh] chung, việc giáo giới và Giới bổn (Pâtỉmokkhd), bởi vị nào, Ni viện. 8. Các vị Ni không biết và đã chỉ dạy, các vị Ni không làm, bởi các Tỳ- khưu, được ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu, việc ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu-ni. 9. Vi đã chỉ dẫn, hành sự, bởi các Tỳ-khưu, họ phàn nàn, hoặc bởi các Tỳ- khưu-ni9 được chỉ dạy, sự xung đột, sau khi bàn giao lại và vị uppalavannā. 10. ở thành Sāvatthi, nước bùn, không đảnh lễ5 [phô bày] thân, đùi và chỗ kín, việc trò chuyện, các vị giao lưu, các vị nhóm Lục Sư. 11. Không nên đảnh lễ, hình phạt, các vị Tỳ-khưu-ni cũng tương tợ và việc ngăn cấm, việc giáo giới, được phép không, vị đã ra đi. 12. Các vi ngu dốt, [không có] sự việc, sự phán

xét, việc giáo giới, hội chúng, với năm vị Ni, hai vi Ni, ba vị Ni, không nhận lãnh, các vi ngu dốt, các vi bi bệnh và các vị xuất hành. 13. Các vi ở rừng, các vi không thông báo và các vị không đi đến, [dây thắt lưng] dài, [sợi] tre chẻ mỏng, da thú, vải dệt tết đuôi sam, thắt bím, vải cola tết đuôi sam và that bím, chỉ tết đuôi sam và thăt bím. 14. Khúc xương đùi, với xương hàm con bò, mu bàn tay, bàn chân là tương tợ, phần đùi, khuôn mặt, nướu răng, việc thoa dầu, chà xát và đánh phấn. r 9

15. Các vị đáp [ở mặt], việc tô màu ở cơ thê, việc tô màu ở mặt, hai việc là tương tợ, việc kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, [nhìn] qua cửa sổ, [đứng] tựa cửa và với việc nhảy múa. 16. Gái điếm, quán bán rượu, tiệm bán thịt, cửa hiệu, lấy lãi, việc thương mãi, trong khi nuôi tôi trai, tớ gái, trai làm mướn, gái làm thuê. 17. [Nuôi] thú vật, [buôn bán] rau xanh, các vị tự mang mảnh da mài dao cạo, các y màu xanh đậm, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím, màu đen. 18. Màu đỏ tía, màu hồng, không được cắt và [đường viền] quá rộng, [có vẽ] bông hoa, trái cây, và áo choàng và các vị đã mặc vải dệt bằng sợi vỏ cây tirītaka. 19. Vê việc từ trân của Tỳ-khưu-ni, của vị Ni tu tập sự, của vị Sa-di-ni, vê các vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu-ni là người chủ. 20. Của vị Tỳ-khưu, của vị Sa-di, của nam cư si, của nữ cư sĩ và của những người khác, về vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu là người chủ. 21. Vị Ni người xứ Mallā, cái bào thai, phân dưới của bình bát, vật biêu A e e A

tượng [nam tánh], với vật thực và được dôi dào, nhiêu hơn trước nữa, vật thực được lam để tích trữ. 22. Đối với các vị Tỳ-khưu, phần tương tợ bên dưới, nên thực hiện như vậy đối với các Tỳ-khưu-ni, sàng tọa, các vị có kinh nguyệt, bị lấm lem, mảnh vải và kim gài.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 937

23. Chúng bị đứt, vào mọi lúc, các vi Ni được thấy là không có hiện tướng [người nữ], v.v... và còn [khiếm khuyết] hiện tướng, không có kinh nguyệt nữa, t f tương tợ y như thê là vi bị băng huyêt. 24. Thường xuyên mang vải lót, bi rong kinh, bị di căn, người nữ vô căn và bi lại đực, [tiêu tiêu] chung một khiêu và cả người nữ lưỡng căn. 25. Khởi đầu từ không có hiện tướng, sau khi đã thực hiện và cô nào là người nữ lưỡng căn, điều này là từ phần giản lược ở bên dưới, bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm. 26. Bệnh lao phổi, bệnh động kinh, cô là loài người, cô là người nữ và cô là người được tự do, không thiếu nợ? không là lính của vua, đã được cho phép và hai mươi [tuổi]. 27. Và đầy đủ [y bát], cô tên gì, Ni sư tế độ của cô tên gi, sau khi hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại, là việc tu lên bậc trên. 28. Các cô bị bối rối, khi chưa được giảng dạy, và tương tợ y như thế ở giữa hội chúng, việc chọn vị thầy tế độ, y hai lớp, thượng y và y nội. 29. Áo lót và vải choàng tắm, sau khi được chỉ dạy, nên bảo đứng [ở chỗ kia], vị Ni ngu dốt, chưa được chỉ định, [đi đến] chung và nếu đã hỏi các pháp chướng ngại. 30. Co Ni đã được tu lên bậc trên ở một phía, ở hội chúng Tỳ-khưu như thế một lần nữa, bóng nắng, mùa tiết và [phân chia] ngày, việc kết tập, ba sự nương nhờ. 31. Tám điều không nên làm, [bị quá] giờ, ở mọi nơi, [đúng] tám chỗ, các Tỳ-khưu-ni không hành lễ Pavāranā và tương tợ y như thế nơi hội chúng Tỳ-khưu. 32. Sự lộn xộn9 trước bữa ăn và lúc tối trời, sự lộn xộn, [đình chỉ] lễ uposatha, lễ Pavāranā. việc khuyên bảo, việc cáo tội. 33. Thỉnh ý [để

buộc tội], quở trách, nhắc nhở đã bi ngăn cấm bởi vi Đại Ẩn Sĩ, tương tợ y như thế Tỳ-khmi [đối với] Tỳ-khưu-ni được cho phép bởi vị Đại Ẩn Sĩ. 34. Xe, bị bệnh và được kéo, bị dằn xóc bởi xe, chuyện Addhakāsī, vi Tỳ- khưu, vị Ni tu tập sự, vị Sa-di, vị Sa-di-ni và vi Ni ngu dốt. 35. ở trong rừng, bởi vi nam cư sĩ, kho chứa đồ, căn nhà, không đáp ứng [nhu cầu], công trình mới, có bào thai đã hình thành, mỗi một mình. 36. Và việc ngụ chung nhà, tội nặng, sau khi xả bỏ [sự học tập] và đã chuyển sang, việc đảnh lễ, [cạo] tóc và các móng, việc băng bó vết thương. 37. Với thế kiết-già và vị Ni bi bệnh, việc đại tiện, với bột tắm, được tẩm e > : c z hương, ở nhà tăm hoi, ở luông nước chảy, ở nơi không phải là bãi tăm và [tăm] với người nam.

38. Bà Mahāgotamī đã thỉnh cầu và cả vị Ānanda khôn khéo mà có được tứ chúng, việc xuất gia trong giáo pháp của đang Chiên Thăng. 39. Nhằm sự lợi ích của việc sanh khởi sự động tâm và sự phát triển của Chánh pháp, ví như thuốc men đối với người bị bệnh, lời đã được đức Phật thuyết giảng là như vậy. 40. Được hướng dẫn như thế về Chánh pháp, luôn cả các người nữ khác, các cô ấy cũng đạt đến vị thế bất tử, là nơi sau khi đi đến thì không sầu khổ. —ooOoo—

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRẨM VỊ

DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP 1. Khi ấy, Đại đức Mahãkassapa đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Sư đệ, vào lúc ây ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị Tỳ- khưu. Này các Sư đệ, khi ấy ta đã rời đường lộ rồi ngồi xuống ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, có đạo sĩ lõa thể nọ? sau khi nhận được bông hoa Mandãrava ở Kusinārā, đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Này các Sư đệ, ta đã nhìn thấy vị đạo sĩ lõa thể ấy đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy, ta đã nói với vị đạo sĩ lõa thể ấy điều này: "Này đạo hữu, đạo hữu có biết bậc Đạo sư của chúng tôi kh6ng?" "O đạo hữu, đúng vậy, tôi có biết. Hôm nay, Sa-môn Gotama đã Vô dư Niêt-bàn được bảy ngày roi. Do đó, tôi mới có được bông hoa Mandârava này." 2. Này các Sư đệ, tại nơi ây những Tỳ-khiru nào chưa đoạn tận ái dục, một số các vị đưa tay lên khóc than. Như thân cây bị đốn gãy, các vị ngã xuống, lăn qua lăn lại [than rằng]: uĐức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn qua sớm, đấng Thiện Thệ Vô dư Niết-bàn quá sớm, bậc Hữu Nhãn biến mất ở thế gian quá sớm." Còn những Tỳ-khưu nào có ái dục đã được đoạn tận, các vị ấy có niệm, có sự tỉnh giác thời chấp nhận: “Các pháp hữu vi là vô thường, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở dậy." Này các Sư đệ, khi ấy ta đã nói với các Tỳ-khưu điều này: "Này các Sư đệ, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Này các Sư đệ, không phải điều ấy đã được đức Thế Tôn khuyến cáo là ngay với tất cả các vật thân yêu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có bản chất không thật, có bản chất thay đổi? Này các Sư đệ, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở dây, nghĩa là vật gì được sanh lên, tồn tại, rồi bị biến đổi thuận theo pháp thế gian, [nếu nghĩ rằng]: 'Mong sao vật ấy : 9 chớ có bị hư hoại', sự kiện này không thê có dugc!" 3 Này các Sư đệ, vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngôi trong tập thê ây. Này các Sư đệ, khi ây vị xuât gia lúc đã già Subhadda đã nói với các Tỳ-khiru ấy điều này: "Này các vị, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn thoát

khỏi vi Đại Sa-môn ấy rồi. Và chúng ta đã bi làm khó khăn rang: 'Điều này được phép cho các ngươi, điều

này không được phép cho các ngươi.9 Giờ đây, điêu gì chúng ta thích, chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích, chúng ta sẽ không làm điều ấy." Này các Sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bi bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói vê Luật yêu đi. Thưa ngài, chính vì điêu ây xin vi Trưởng lão hãy tuyên chọn các Tỳ-khưu. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã tuyển chọn bốn trăm chín mươi chín vị A-la-hán. Các vị Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahãkassapa điều này: Thưa ngài, vi Đại đức Ānanda này tuy còn là bậc Hữu học nhưng không thể nào bị chi phối bởi tham, bởi sân, bởi si mê, bởi sợ hãi. Và vi này thuộc lòng nhiều Pháp ya Luật từ đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin vị Trưởng lão hãy tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda. 4. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda. Sau đó, các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Vậy chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?” Khi ây9 các vị Tỳ-khxru trưởng lão đã khởi ý điều này: "Thành Rājagaha quả là có khu vực khất thực rộng lớn, có nhiều chỗ trú ngụ; hay là chúng ta nên trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các Tỳ-khưu khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?^, Sau đó, Đại đức Mahãkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này đe trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.99 Đây là lời đề nghị. Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?9 Vị nào đông ý việc chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này đê trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha" xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Năm trăm vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng chỉ định để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ucác Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha." Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. 5. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã bàn bạc điều này:

Này các Đại đức, việc sửa chữa chỗ bi hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này các Đại đức, vậy vào tháng thứ nhất, chúng ta hãy sửa chữa . . xe những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại roi trùng tụng Pháp và Luật. Sau đó vào tháng thứ nhất, các Tỳ-khưu trưởng lão đã sửa chữa chỗ bi hư hỏng. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Ngày mai là đại hội, việc ta sẽ đi đến đại hội khi còn là bậc Hữu học thật là

không thích đáng cho ta!" rồi đã trải qua gần trọn đêm với niệm trú ở thân, và trong đêm vào lúc hừng sáng [mới khởi ý rằng]: "Ta sẽ nằm xu6ng" rồi nghiêng thân hình. Và vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giở lên khỏi mặt đất, trong khoảng thời gian ấy, tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Sau đỏ, Đại đức Ānanda đã đi đến đại hội, trong khi [đã] là vi A-la-hán. 6. Khi ây, Đại đức Mahâkassapa đã thông báo đên hội chúng răng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức upâli về Luật. Đại đức upãli cũng đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahâkassapa hỏi ve Luật, tôi sẽ trả lời. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upâli điều này: -Này Sư đệ upli, điều Pārājika thứ nhất đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda. -về sự việc gì? -về việc [thực hiện việc] đôi lứa. Rồi Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định thêm, đã hỏi vê sự phạm tội và đã hỏi vê sự không phạm tội của điêu Pārājika thứ nhất. 7. - Này Sư đệ Ưpâli, điều Pārājika thứ nhì đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Rājagaha. -Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ đồ gốm. -về sự việc gì? Vê việc lây vật không được cho. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định

thêm, đã hỏi vê sự phạm tội và đã hỏi vê sự không phạm tội của điêu Pārājika thứ nhì. -Này Sư đệ upli, điều Pārājika thứ ba đã được quy định ở đâu? -Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru. -về sự việc gì? về việc tước đoạt mạng người. Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy đinh, đã hỏi về sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều Pārājika thứ ba. -Này Sư đệ upãli, điều Pãrậịika thứ tư đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudâ. về sự việc gì? -về pháp thượng nhân. Rồi Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upãli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều Pārājika thứ tư. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahākassapa] đã hỏi về phần Luật phân tích của cả hai phái [Tỳ-khiỉu và Tỳ-khưu-ni]. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Ưpâli đã trả lời. 8. Sau đó, Đại đức Mahãkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahâkassapa hỏi vê Pháp, tôi sẽ trả lời. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda điều này: -Này Sư đệ Ānanda, Kinh Brahmcỳâla (Phạm võng) đã được thuyết ở đâu? Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalatthikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda. Liên quan đến ai? Đên du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên

Brahmadatta.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRÀM VỊ 943

Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của Kỉnh Brahmajāla. Này Sư đệ Ānanda, Kỉnh Sāmaññaphala (Sa-môn qua) đã được thuyết ở đâu? Thưa ngài, ở Rājagaha, nơi vườn xoài của Jīvaka. -Với ai? Với Ajātasattu con trai của Videhi. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của Kinh Sāmaññaphala. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahãkassapa] đã hỏi về năm bộ kinh. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Ānanda đã trả lời. ***

GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẶT VÀ ÍT QUAN TRỌNG 9. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các Tỳ-khmi trưởng lão điều này: Thưa các ngài, vào thời điểm Vô dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này Ānanda, khi ta không còn, hội chúng nếu muốn có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. - Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?" không? Thưa các ngài, tôi đã không hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều no?" Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika^ giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa^ giữ lại hai điều Ānīyata, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggiya Pâcittỉya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

944 TIÊU PHẨM

Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bon điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggỉya Pãcittiya, giữ lại chín mươi hai điều Pãcỉttỉya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: -Giữ lại bốn điều Pārājika. giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggỉya Pãcittỉya, giữ lại chín mươi hai điều Pãcittỉya. giữ lại bốn điều Pātidesamya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. 10. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều nàỵ là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép." Nêu chúng ta bỏ đi các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn ton tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.^, Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm điêu chưa được

quy định, không nên bỏ đi điều đã được quy định, nên thọ trì và thực hành các điêu học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị. Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.^, Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: “Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy đinh cho các đệ tử đen lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn tồn tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.^, Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy đinh, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy đinh. Đại đức nào đồng ý việc không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy đinh, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hội chúng không quy định thêm điêu chưa được quy đinh, không bỏ đi điêu đã được quy đinh, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. 11. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Này Sư đệ Ānanda, đây là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều no?" Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NAM TRÀM VỊ 945

Thưa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điêu nào?" Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ây. Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội DukkaIa cho ngươi về việc ngươi đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy. Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy. Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc, nhục thân của đức Thế Tôn đã bi lấm lem bởi nước mắt. Ngươi hãy trình báo tội Dukkaịa ây. - Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm^, nên tôi đã cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại dức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy. -Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc trong khi được ra dấu hiệu rõ ràng, trong khi được làm biểu hiện rõ rệt bởi đức Thế Tôn, ngươi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiêp, xin đang Thiện Thệ hãy tôn tại trọn kiêp vì sự lợi ích cho nhiêu người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy. Thưa các ngài, vì tâm đã bi Ma vương ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “Xin đức Thể Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự

lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại.,, Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy. -Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bô. Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ây. Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Bà Mahāpajāpatī Gotamī này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, khi người mẹ ruột qua đời, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa" nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy.

12. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Purāna đi du hành ở Dakkhināgiri1 cùng với đại chúng Tỳ-khưu có sô lượng năm trăm vị Tỳ-khưu. Khi ây, trong lúc Pháp và Luật đang được trùng tụng bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, Đại đức Purāna sau khi trú ở Dakkhināgiri theo như ý thích, đã đi đến thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, chỗ các Tỳ-khiru trưởng lão; sau khi đến đã thân thiện chào hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuông một bên. Khi Đại đức Purāna đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Purāna điều này: Này Đại đức Purāna, Pháp và Luật đã được trùng tụng bởi các vi Trưởng lão. Ngươi hãy hành theo sự trùng tụng ấy. Này các Đại dức, Pháp và Luật đã được các vị Trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi. ***

GIẢNG VỀ HÌNH PHẠT PHẠM THIÊN 13. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các vi Tỳ-khưu trưởng lão điều này: Thưa các ngài, vào thời điểm Vo dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: uNày Ānanda, chính vì điều ấy khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên2 đối với Tỳ-khưu Channa.,, Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?95 không? Thưa các ngài, quả toi đã hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?99 "Này Ānanda, Tỳ-khưu Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các Tỳ-khiru không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy Tỳ-khưu Charma." Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, chính Sư đệ hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ-khưu Channa. Thưa các ngài, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ- khưu Channa được? Vị Tỳ-khưu ấy dữ tợn và thô lỗ. -Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu. Thưa các ngài, xin vâng.

1 Dakkhināgiri là tên của ngọn núi ở phía Nam thành Rājagaha và cũng có nghĩa Việt là ungọn núi ở phíaNam,, (ND). 2 Brahmadanda (hình phạt Phạm thiên): Từ này đã được dịch âm là Phạm đàn (ND).

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo các Tỳ-khiru trưởng lão, đã cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vi Tỳ-khưu đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambī. Sau khi rời

thuyền, Đại đức Ānanda đã ngoi xuống ở gốc cây nọ, không xa vườn thượng uyển của đức Vua Udena. 14. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Udena đi dạo quanh tại công viên cùng với đám hầu thiếp. Đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã nghe rằng: “Nghe nói Giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm." Khi ấy, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã tâu với đức Vua Udena điều này: -Tâu Chúa thượng, nghe nói Giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm. Tâu Chúa thượng, chúng tôi muôn viêng thăm ngài Ananda. Chính vì điều ấy, các khanh hãy thăm viếng Sa-môn Ānanda. Sau đó? đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đên đã đảnh lê Đại đức Ananda roi ngôi xuông một bên. Khi đám hâu thiếp ấy đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã chỉ dạy? thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho đám hâu thiêp của đức Vua Udena băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau đó, khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của Đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiễu quanh rồi trở về lại đức Vua Udena. Đức Vua Udena đã nhìn thây đám hâu thiêp đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thây đã nói với đám hâu thiếp điêu này: - Thế các khanh có viếng thăm Sa-môn Ānanda không vậy? -Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã viếng thăm ngài Ānanda. Thế các khanh đã dâng vật gì cho Sa-môn Ānanda vậy? -Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y. Đức Vua Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao Sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ Sa- môn Ānanda sẽ làm nhà buôn vải hay bày ra gian hàng tơ lụa? 15. Sau đó, đức Vua Udena đã đi đên gặp Đại đức Ananda, sau khi đên đã bày tỏ sự thân thiện với Đại đức Ānanda, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngôi xuông một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Udena đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, có phải đám hầu thiếp của chúng tôi đã đến đây? -Tâu Đại vương, đám hâu thiêp của ngài đã đên đây.

-Vậy chớ họ đã dâng vật gì đến ngài Ānanda? -Tâu Đại vương, họ đã dâng đến tôi năm trăm thượng y. -Vậy chớ ngài Ananda sẽ làm gì với nhiêu y đên thê? Tâu Đại vương, các vị Tỳ-khưu nào có y bi tàn tạ, tôi sẽ chia sẻ với các vị ấy. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những y cũ và tàn tạ? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những khăn trải bị cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những vải bọc nệm bi cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những thảm lót sàn bi cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ chùi chân bị cũ đi? Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi. Thưa ngài Ānanda, vậy các vi sẽ làm gì với những giẻ lau bụi bị cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ nghiền nhỏ chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm bục nền xung quanh. Khi ấy, đức Vua Udena [khởi ý rằng]: "Chính tất cả các

Sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trưởng gi* rồi đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm xấp vải khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên vật thí về y đã phát sanh đến Đại đức Ānanda một ngàn y. 16. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Channa đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Đại đức Channa điều này: Này Sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Sư đệ. Thưa Sư huynh Ānanda, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào? Này Sư đệ Channa, điều gì Sư đệ muốn với các Tỳ-khưu thì Sư đệ có thể nói điều ấy. Còn các Tỳ-khưu chăng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ. Thưa Sư huynh Ānanda, như vậy không phải Sư đệ đã bị giết chết hay sao, bởi vì các Tỳ-khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ nữa? Rồi bi ngất xỉu, ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRÀM VỊ 949

17. Sau đó, trong khi bi dằn vặt bởi hình phạt Phạm thiên, trong khi bị tủi hổ5 trong khi nhơm gớm, Đại đức Channa một mình đã tách riêng, rồi trong khi sông không bi xao lãng, có sự nô lực, có sự quyết tâm nên chăng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Vị ấy đã biết rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nūa." Và thêm một vị nữa là Đại đức Channa đã trở thành vị A-la-hán. Sau đó, khi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa Sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Phạm thiên cho đệ. Này Sư đệ Channa, kể từ khi Sư đệ chứng ngộ phẩm vi A-la-hán, kể từ thời điểm ấy, hình phạt Phạm thiên của Sư đệ đã được thu hồi. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện năm trăm vị Tỳ-khưu, không thiếu không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan năm trăm vị.,^ Chương “Lin quan năm trăm vịw là thứ mười một

Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Khi đấng Toàn Giác đã Vô dư Niết-bàn, vi Trưởng lão tên Kassapa, người bảo vệ Chánh pháp, đã bảo với nhóm Tỳ-khưu rằng: 2. Trong cuộc hành trình đường xa từ Pāvā, có điều đã được phát biểu bởi Subhadda. Chúng ta hãy trùng tụng Chánh pháp trước khi phi Pháp phát triển. 3 Năm trăm còn thiếu một và vi ấy đã chọn cả Ānanda, cuộc kết tập về Pháp và Luật, trong khi cư trú ở hang động tối thượng. 4. Vị ấy đã hỏi upāli về Luật, [đã hỏi] bậc Trí Ānanda về Kinh. Các vị đệ tử của đấng Chiến Thắng đã thực hiện việc kết tập Tam tạng. 5. Các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng, nhiêu loại, sự thực hành theo như sự quy định, vi đã không hỏi, và đã đạp lên, đã cho đảnh lễ và đã không cầu khẩn, việc xuất gia cho người nữ, các tội Dukkata của tôi là vì niềm tin. 6. Vị Purāna và hình phạt Phạm thiên, các hầu thiếp cùng với đức Vua Udena, như vậy quá nhiều và bị tàn

tạ, các khăn trải và vải bọc nệm.

7. Các thảm lót sàn, các giẻ chùi chân, lau bụi, ụộn với bùn đất, vi đã phát sanh một ngàn y lân đâu có tên gọi là Ananda. 8. Bi sợ hãi bởi hình phạt Phạm thiên, vị đã đạt được bốn chân lý, các vị có năng lực là năm trăm, vì thế gọi là "năm trăm vj." —ooOoo—

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT 1. Vào lúc bấy giờ, khi đức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn được một trăm năm, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc là “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy đinh trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy đinh vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép."l 2. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka trong khi du hành ở xứ Vajjī đã đến tru tại Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã trú tại Mahãvana, nơi giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, vào ngày Uposatha, sau khi đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng Tỳ-khưu và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vầy: uNày các đạo hữu, hãy bố thí đến hội chúng một kahãpaụa. một nửa [kahāpanā], một pãda, một mãsaka. Hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dqng." Khi được nói như vậy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điêu này: "Này các đạo hữu, chớ có bô thí đen hội chúng một kahãpaụa. một nửa [kahāpana], mộtpãda. một mãsaka. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng b@c.” Trong khi được Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bố thí đến hội chúng một kahãpana. một nửa \kahāpand\. một pâda. một mãsaka. Sau đó, vào cuối đêm ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã xác định phần chia tùy theo số lượng Tỳ-khưu rồi đã phân chia số tiền vàng ấy.

1 Mười sự việc này có ý nghĩa như sau: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngon tây, được phép đi vào làng roi ăn thêm lần nữa, được phép hành le Uposatha riêng rẽ, được phép hanh sự không đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quango, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng vật lót ngồi khống có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (ND).

3. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: Này Đại đức Yasa, phân chia tiên vàng này thuộc vê Đại đức. -Này các Đại đức, phần chia tiền vàng này không thuộc về tôi, tôi không thích thú tiền

vàng. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka này quở trách, chê bai, làm giảm đức tin các cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy." Họ đã thực hiện hành sự hòa giải đến vi ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī điều này: Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: sứ giả cùng đi nên được ban đến vị Tỳ-khưu thực hiện hành sự hòa gii" Này các Đại dức, hãy cho tôi vị Tỳ-khưu làm sứ giả cùng đi. Khi ấy, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã chỉ định một vị Tỳ-khưu và cho làm sứ giả cùng đi với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. 4. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka cùng với vị Tỳ-khưu là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là “Pháp”, phi Luật là uphi Luạt5\ Luật là Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Này các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Bôn vật ây là gì? Này các Tỳ-khưu, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bi ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khiru, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời•...(nt)... Này các Tỳ-khưu, Rãhu chúa loài asurā [hiện tượng nguyệt và nhật thực] là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói

lọi. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khiru, có những Sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Này các Tỳ- khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khiru, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Này các Tỳ-khưu? đây là điều làm ô nhiễm thứ nhì đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ nhận vàng bạc. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khmi9 còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với

Sa-môn và Bà-la- môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la- môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói ỉọiy Này các đạo hữu, đức The Ton đã noi điêu ay, đang Thiên Thê đã noi điêu ay, roi bậc Đạo sư còn nói thêm điều này nữa: "C6 những Sa-mon và Bà-la-môn bị ô nhiễm bởi ái dục và sân, là những người bị che áng bởi vô minh, có sự thỏa thích ở các hình dáng đáng yêu. Họ uông rượu, men say, theo đuôi việc đôi lứa, thích thú bạc và vàng, họ là những kẻ ngu si tăm tối. Có những Sa-mon và Bà-la-môn sống bằng tà mạng. Những sự ô nhiễm này đã được nói lên bởi đức Phật, là vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Những Sa-mon và Bà-la-môn đã bị ô nhiễm bởi những ô nhiễm ấy thì không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi, không trong sạch, có nhiễm bụi, như là loài thú. Bị bao phủ bởi bóng đêm, họ là những nô lệ của tham ái, là những kẻ bị [tham ái] dẫn di, họ làm tăng trưởng nghĩa địa kinh hoàng, họ bám lấy sự tái sanh lần nữa?9 CÓ lời nói như vây: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp9 Ph là "Pháp”, phi Luậtìà phi Luạf \ Luật là "1.” 5. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: "Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn

Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc." Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, vi thôn trưởng Manicūlaka đang ngôi trong nhóm người ây. Này các đạo hữu, khi ấy, vị thôn trưởng ManicũỊaka đã nói với nhóm người ấy điều này: "Quý vi chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bac.^ Này các đạo hữu, vị thôn trưởng Manicūlaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. 6. Này các đạo hữu, sau đó, khi đã thuyết phục được nhóm người ấy, vị thôn trưởnẹ MaụicũỊaka đã đi đến gặp đức The Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn roi ngôi xuống một bên. Này các đạo hữu, khi đã ngôi xuông một bên, vi thôn trưởng ManicũỊaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, ở đây, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: 'Vàng bạc được cho phép đoi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.' Bạch Ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: 'Quý vi chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đoi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc/ Bạch Ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch Ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức The Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của giáo pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế bị chê trach?^ “Này thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, ngươi là người đã nói đúng lời của Ta và ngươi không vu

khống Ta một cách sai trái. Ngươi đã nói theo lý lẽ của giáo pháp và n^ười nào có lời nói hợp với giáo ly, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị the đáng bi chê trách. Này thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử, các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc, các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào vàng bạc là được phép thì đối với kẻ ấy năm phần dục lạc cũng là được phép. Này thôn trưởng, đoi với kẻ nào năm phan dục lạc là được phép thì ngươi có thể nắm chắc về điều này là 'không phải là pháp của Sa-môn, không phải là pháp của Thích tử.9 Này thôn trưởng và Ta còn nói như vầy: Người mong muốn cỏ thì tầm cầu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, nguời mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ9 người mong muốn đàn thì tầm cầu đàn ông. Này thôn trưởng, nhưng Ta không có nói rằng: 'Bằng bát cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu."'

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ 955

CÓ lời nói như vầy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là 6'phi pháp", Pháp là "Ph";phi Luật là 6phi Luạf \ Luật là "" 7. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, ở ngay chính nơi ấy, tại thành Rājagaha, đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến Đại đức upananda dòng dõi Sakyā. Có lời nói như vầy: "Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vi là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là "Pháp"; phi Luật là "phi Luaf\Luật là "." Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: -Thưa ngài, chỉ có một mình ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka là Sa-môn Thích tử, chính tất cả các vị kia đều không phải là Sam6n, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka hãy ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh đối với ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. Sau đó, khi đã khiến cho các cư sĩ ở Vesālī nhận thức được, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka với vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi đã trở về tu viện. 8. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã hỏi vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi rằng: Này Sư đệ, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã yêu cầu các cư sĩ ở Vesālī thứ lỗi chưa vậy? Chúng ta gặp điêu xúi quây với các cư sĩ roi. Chỉ một mình Yasa, con trai của Kākandaka được xem là Sa-môn Thích tử. Còn chính tất cả chúng ta đã bị xem không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [đã bàn bạc rằng]: "Này các Đại dức, Yasa, con trai của Kākandaka này chưa được chúng ta chỉ định đã giảng giải cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy." Họ đã tụ họp lại với ý đinh thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu ở Pāvā, Avanti và khu vực phía Nam [nói răng]: "Xin các Đại đức hãy đên, chúng ta cân năm lây sự tranh tụng này trước khi điêu phi Pháp phát triên và Pháp bi bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về

Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói ve phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu di.” Vào lúc bây giờ, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đang ngụ tại núi Ahogañga. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã đi đến núi Ahogañga gặp Đại đức Sambhūta Sānavāsī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sambhūta Sānavāsī rồi

ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với Đại đức Sambhūta Sānavāsī điều này: Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.” Thưa ngài, vậy chúng ta sẽ nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bi bỏ quên, trước khi điêu phi Luật phát triên và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói vê phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu di, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi. Này Đại đức, đúng vậy. Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. 9. Sau đó? các Tỳ-khưu ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị9 tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khất thực, tất cả là những vị mặc y [may băng] vải bi quăng bỏ, tát cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tát cả các vi đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogañga. Các Tỳ-khưu ở Avanti và khu vực phía Nam có số lượng tám mươi tám vị, một số vị sống trong rưng, một số vị hành hạnh khất thực, một số vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vi đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogañga. Khi ấy, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: "Tranh Sự này quả là khó khăn và tê nhị. Làm thê nào chúng ta có thê đạt được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Vào lúc bây giờ, Đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiêu, kinh điên được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý rằng: "Chính vi Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ vê các đâu đê, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nêu chúng ta sẽ đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này, chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn.” Trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đang hội ý, Đại đức Revata nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được, sau khi nghe được đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không thích đáng cho ta là việc ta lại tránh né các sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị Tỳ-khưu ấy sẽ đi đến, bi lấn cấn bởi các vị ấy, ta đây sẽ đi không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?^, Khi ấy, Đại đức Revata từ Soreyya đã đi đến Sañkassa.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRÀM VỊ 957

10. Sau đó, các vi Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?,, Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Sañkassa r6i." Rồi Đại đức Revata từ Sañkassa đã đi Kannakiyja. Sau đó, các Tỳ-khiru trưởng lão đã đi đến Sañkassa hỏi rằng: uĐại đức Revata ở dâu?' Các người ấy đã nói như vầy: Đại đức Revata ấy đã đi Kannakujja roi/9 Rồi Đại đức Revata từ Kannakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Kannakujja hỏi rằng: "Bại đức Revata ở dan?95 Các người ấy đã nói như vầy: uVị Đại đức Revata ấy đã đi Ưdumbara Rồi Đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố AggaỊa. Sau đó9 các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng: "Đại đức Revata ở dâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vi Đại đức Revata ấy đã đi thành phố AggaỊa roi?9 Rồi Đại đức Revata từ thành phố AggaỊa đã đi Sahajāti. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thành phố AggaỊa hỏi rằng: "Đại đức Revata ở dây?" Các người ấy đã nói như vầy: Đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.,, Rồi các Tỳ-khưu trưởng lão đã gặp được Đại đức Revata ở Sahajāti. 11. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: Này Sư đệ, Đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi Đại đức Revata câu hỏi, Đại đức Revata có khả năng trình bày trọn đêm chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, Đại đức Revata sẽ gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng vê âm từ. Khi châm dứt phân đọc tụng vê âm từ của vi Tỳ- khưu ây, chính Sư đệ nên đi đên gặp Đại đức Revata và hỏi vê mười sự việc ây. Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã trả lời Đại đức Sambhūta Sānavāsī. Khi ấy, Đại đức Revata đã gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Vào lúc chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khưu ấy, khi ấy Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa? con trai của Kākandaka đã nói với Đại đức Revata điều này: 12. (i) Thưa ngài, quy đinh cất giữ muối trong ống sừng là được phép? —Này Sư đệ, quy định cat giữ muôi trong ông sừng ây là gì? Thưa ngài, là mang theo muôi băng ông sừng [nghĩ răng]: “Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muốr\ có được phép không? —Này Sư đệ, không được phép. (ii) - Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép? -Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (iii) Thưa ngài, quy định trong làng là được phép? Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì? Thưa ngài, là vi đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: “Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép. (iv) Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép? Này Sư đệ, quy định về chỗ tru ngụ ấy là gì? Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ Uposatha riêng biệt, có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (v) Thưa ngài, quy đinh về sự thỏa thuận là được phép? Này Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì? Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng

không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khmi đi đến", có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (vi) Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép? Này Sư đệ, quy đinh theo tập quán ây là gì? Thưa ngài là [vị nghĩ rằng]: "Biểu này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta" rồi thực hành theo, có được phép không? Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điêu được phép, có điêu không được phép. (vii) -Thưa ngài, quy đinh chưa được khuấy là được phép? _ Này Sư đệ, quy đinh chưa được khuấy ấy là gì? Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (viii) Thưa ngài, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép? Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì? Thưa ngài, là loại rượu vừa mới lên men nhimg chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không? Này Sư đệ, không được phép.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ 959

(ix) Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép? Này Sư đệ, không được phép. (x) Thưa ngài, vàng bạc là được phép? Này Sư đệ? không được phép. Thưa ngài, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triên và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói vê phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi. Này Sư đệ? đúng vậy. Đại đức Revata đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. Dứt tụng phẩm thứ nhất

TỤNG PHẨM THỨ NHÌ 13. Các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói Yasa, con trai của Kākandaka có ý đinh năm lây sự tranh tụng này nên tầm cầu phe nhóm và nghe nói đã đạt được phe nh6m." Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Người nào mà chúng ta có thể đạt được chung nhóm, nhờ thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Rồi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn." Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước, và đồ lọc nước thông thường. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã mang theo vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy, đáp thuyền ngược dòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ thực hiện việc chia phần thức ăn ở gốc cây nọ. 14. Khi ây, Đại đức SāỊha trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng đã có tư tưởng suy tầm khởi lên như vầy: "Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ- khiru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pava?95 Sau đó, Đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này:

hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp." Khi ấy, có vị trời nọ ở cõi Tinh Cư, dùng tâm biết được tư tưởng suy tầm của Đại đức Sālha, rời giống như người đàn ông có sức mạnh, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tợ y như thế, vi ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt Đại đức SâỊha. Khi ấy, vi trời ấy đã nói với Đại đức SãỊha điều này: Thưa ngài Sãịha, đúng vậy. Các Tỳ-khưu ở ve hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài SãỊha, chính vì điều ấy, ngài hãy duy trì theo đúng Pháp. Này vi trời, ngay cả trước đây và bây giờ, ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đen khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ đinh ta trong sự tranh tụng này. 15. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này: Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngôi, ông đựng kim, dây that lưng, đô lược nước và đô lọc nước thông thường. Này các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu được hai mươi năm tên Uttara, là thi giả của Đại đức Revata. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã đi đến gặp Đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với Đại đức Uttara điều này: Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước và đồ lọc nước thông thường. Này các Đại dức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận. Này Đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết cho Sa- mon đen đức The Ton. Nêu đức The Ton thọ nhạn, chính vì điêu ay, họ trở nên hoan hỷ. Nếu đức Thế Tôn không thọ nhận, họ dâng đến Đại đức Ānanda: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đo lọc nước và bình đựng nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh?5 Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-mon; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài Trưởng lão thọ lãnh. 16. Khi ấy, Đại đức Uttara bị ép buộc bởi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lay một y [nói rang]: Này các Đại đức, hãy nói lý do về việc này. -Xin Đại đức Uttara hãy nói với ngài Trưởng lão chỉ có một điều này: "Thua ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này:

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRẢM VỊ 961

Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khun ở Pāvā là các vị nói phi PháG • Này các Đại dức, được rồi. Rồi Đại đức Uttara nghe theo các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này: —Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: "Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ- khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khiru ở Pāvā là các vị nói phi Pháp?9 Này Tỳ-khưu,

ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp. Vị Trưởng lão đã đuổi Đại đức Uttara đi. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Uttara điều này: Này Đại đức Uttara, ngài Trưởng lão đã nói gì? Này các Đại dức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài Trưởng lão đã đuổi tôi đi [nói rằng]: "Này Tỳ-khưu, ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp." Này Đại đức Uttara, không phải Đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao? Này các Đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ sự nương nhờ với vị thầy. 17. Sau đó, hội chúng có ý muôn phân xử sự tranh tụng ây, đã tụ hội lại. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu chúng ta giải quyêt sự tranh tụng này ở nơi đây, các Tỳ-khưu là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī. 18. Vào lúc bấy giờ, vị Trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm5 là đệ tử của Đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, Đại đức Revata đã nói với Đại đức Sambhūta Sānavāsī điêu này: -Này Sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; Sư đệ đây nên đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc để hỏi về mười sự việc ấy. Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã đáp lại Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang tru ngụ.

Chỗ nằm, ngồi của Đại đức Sabbakãmĩ là được xếp đặt ở phòng trong, còn của Đại đức Revata ở mặt tiền của phòng trong. Khi ấy, Đại đức Revata [nghĩ răng]: uVị Trưởng lão cao niên này không năm^, nên không năm xuông. Đại đức Sabbakāmī [nghĩ rằng]: Tỳ-khiru vãng lai này đang mệt vẫn không nằm,, roi đã không năm xuông. Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, Đại đức Sabbakāmī sau khi đứng dậy đã nói với Đại đức Revata điêu này: Này Sư đệ mến, hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an tru nào? Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an tru với sự an trú tâm từ. Này Sư đệ mến, nghe nói hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an trú còn nông cạn. Này Sư đệ mên, sự an trú còn nông cạn ây tức là tâm từ. Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an tru tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an tru nào? Này Sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không. -Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc Đại nhân ấy tức là trạng thái không. Này Sư đệ mên, trước đây, khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ, ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt phẩm vi A-la-hán lâu nay. Lúc bây giờ, cuộc nói chuyện trao đôi này của hai vị Tỳ-khưu trưởng lão là chưa chấm dứt. 19. Rồi Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã ngự đến nơi ấy. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sabbakāmī rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã nói với Đại đức Sabbakāmī điều này: Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi

Vajjī này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy đinh trong làng là được phép, quy đinh về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép?9 Thưa ngài, ngài Trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở chân của thầy tế độ; thưa ngài, khi ngài Trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khtru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khiru ở Pāvā?

của tế độ; này Sư đệ, khi ngươi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào mg ai là người nói đúng Pháp, là các Tỳ-khini ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pāvā? Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vầy: "Các Tỳ- khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khxru ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp"; tuy nhiên, tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định tôi trong sự tranh tụng này. Này đệ, ngay cả ta khi quán xét vê Pháp và Luật cũng khởi ý như vây: “Các Tỳ-khưu ở ve hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp”; tuy nhiên, ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này. 20. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được phân xử, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đên hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bo được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā: Đại đức Sabbakāmī, Đại đức SâỊha, Đại đức Ujjasobhita, Đại đức Vāsabhagāmika là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở hướng Đông; Đại đức Revata, Đại đức Sambhũta Sānavāsī, Đại đức Yasa con trai của Kākandaka và Đại đức Sumanā là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở Pāvā. Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nen chỉ định bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bo được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Hội chúng chỉ đinh bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vi Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vi Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội

chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.”

964 TIỂU PHẨM

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Ajita, được mười năm, là vi đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha). Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định Đại đức Ajita là vi sắp xếp chỗ ngồi cho các Tỳ-khiru trưởng lão. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng 5 r lão đã khởi ý điêu này: "Chúng ta nên giải quyêt sự tranh tụng này ở dâu?” Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Tu viện Vâlika này xinh xắn, ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika?,, Sau đó5 các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vâlika. Sau đó? Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức Sabbakāmī về Luật. Đại đức Sabbakāmī đã thông báo đến hội chúng rằng: -Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được vị Revata hỏi vê Luật, tôi sẽ trả lời. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmī điều này: (i) Thưa ngài, quy định cát giữ muôi trong ông sừng là được phép? Này Sư đệ? quy đinh cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì? Thưa ngài, là mang theo muôi băng ông sừng [nghĩ răng]: “Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối,\ có được phép không? —Này Sư đệ, không được phép. -[Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavỉbhanga (Phân tích Giới bổn). -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcỉttiya về vật thực đã được tích trữ.2 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhất này. (ii) - Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép? Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ây là gì? —Thưa ngài, là ăn vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở thành Rājagaha, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì?

2 Điều học Pãcittiya 38.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ 965

Phạm tội Pācittiya về vật thực sái giờ.3 r —Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ nhì này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đe riêng thẻ thứ nhì này. (iii) Thưa ngài, quy đinh trong làng là được phép? Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì? Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong lang99 rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. _ [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittỉya về vật thực không phải là còn thừa.4 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ ba này đã r được hội chúng phân xử. Như thê, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ ba này. (iv) Thưa ngài, quy định vê chô trú ngụ là được phép? -Này Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là

gì? Thưa ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ Uposatha riêng biệt, có được phép không? -Này Sư đệ9 không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ơ Rājagaha, trong phân liên quan đên lê Uposatha. [Làm việc ấy] phạm tội gì? -Phạm tội Dukkata vê việc vượt quá Luật. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tư này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này. (v) Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép? Này Sư đệ5 quy đinh về sự thỏa thuận ấy là gì? Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khưu đi đến", có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép.

3 Điều học Pãcittiya 37. 4 Điều học Pâcittỉya 35.

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? -Phạm tội Dukkata về việc vượt quá Luật. -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ năm này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này. (vi) Thưa ngài, quy đinh theo tập quán là được phép? —Này Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì? Thưa ngài, là [vị nghĩ rằng]: "Biều này đã được thực hành bởi thầy tế độ c \ # \ e • của ta, điêu này đã được thực hành bởi thây giáo thọ của ta" roi thực hành theo, có được phép không? Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép. -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ sáu này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đe riêng thẻ thứ sáu này. (vii) - Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép? -Này Sư đệ, quy đinh chưa được khuây áy là gì? -Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhimg chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? -Này Sư đệ, không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? _ ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pācittiya ve vật thực không phải là còn thừa.5 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ bảy này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ bảy này. (viii) - Thưa ngài, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép? Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì? Thưa ngài, là uông loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đên trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không? Này Sư đệ, không được phép.

5 Điều học Pãcìttiya 35.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRẢM VỊ 967

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở Kosambī, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittỉya về việc uống rượu và chất say.6 Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tám này đã được hội chúng phân xử. Như thế,

sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tám này. (ix) Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép? Này Sư đệ, không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. - [Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pâcittiya về vật cần được cắt bỏ.7 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ chín này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đê riêng thẻ thứ chín này. (x) Thưa ngài, vàng bạc là được phép? Này Sư đệ, không được phép. -[Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở Rājagaha, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittiya về việc thọ nhận vàng bạc.8 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ mười này đã được hội chúng phân xử. Như the, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ mười này. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Này Sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Này Sư đệ, tuy nhiên Sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các Tỳ-khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.

6 Điều học Pãcittiya 51. 7 Điều học Pâcỉttỉya 89. 8 Điều học Nissaggiya Pãcittỉya 18.

22. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakâmi vê mười sự việc ây ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Sabbakãmi đã trả lời. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị Tỳ-khưu không thiếu, không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan bảy trăm vị.^, Chương “Lilì quan bảy trăm vị??

Trong chương này có hai mươi lăm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Mười sự việc, sau khi đổ đầy, hành sự, cùng với sứ giả, vị đã đi vào, bốn [vật làm ô nhiễm], còn nữa, và vàng, Kosambī và vị ở Pāvā. 2. Đường đi, Soreyya, Sañkassa, Kannakujja, Udumbara, AggaỊa và Sahajāti, vị đã nghe, người nào mà chúng ta? 3. Bình bát, bằng thuyền, đã đi ngược dòng, vị ở nơi thanh vắng, dâng đến, vi thây và hội chúng, thành Vesālī, tâm từ, hội chúng, các đại biêu.

4. Hành sự và hình phạt Parivãsa. tích lũy [tội], luôn cả dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, chia rẽ [hội chúng], phận sự, [đình chỉ] lễ Uposatha. Tỳ-khưu-ni, năm trăm, bảy trăm, là các chương ở Tiểu phẩm. [Mười hai chương đã được đề cập đến] TIỂU PHẨM ĐƯỢC CHẤM DỨT —ooOoo—

TẠNG LUẬT (VINAYAPITAKA)

TẬP YẾU (PARIVĀRĀ)

LỜI GIỚI THIỆU Parivārā là tập cuối của Vìnayapitaka (tạng Luật), về ý nẹhĩa của từ parivārā, học giả L B. Homer phân tích như sau: parỉ là tiếp đau ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và vãra lấy theo từ gốc của Sanskrit là ylvr có nghĩa là bao phỉi." (a/vf còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó? chúng tôi

tạm lấy tên là "Tập yếu" có ý nghĩa nôm na là "Tập hợp lại những điều chính yếu'" Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật Suttavibhañga và Khandhaka rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt. Như vậy, phải chăng bộ Tập yếu "Parivārā" này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng đinh rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các cau hỏi sau: "Các điều học đã được quy đinh ở bao nhiêu đỉa điếm? Moi đỉa điểm như vầy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy đỉnh chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khĩm-ni? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho Tỳ-khưu, cho Tỳ-khưu-nỉ? Là các điều học nào? V.V.." Parivārā đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại. Mười chín chương của bộ Tập yêu (Parivārā) được trình bày theo thứ tự như sau: L Chương mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khưu: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của Tỳ-khưu. II. Chương mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khưu-nh Là phần tóm lược Bhikkhunīvibhañga gồm các điều học được quy định riêng cho Tỳ-khưu-ni9 cách trình bày cũng tương tợ như ở chương trên dành cho Tỳ-khưu. HL Tóm lược về nguồn sanh tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn5 có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguôn sanh tội giông nhau. IV Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự trùng lặp liên tục, và (b) Phân tích cách dàn xếp, nhimg phần (b) chỉ là phàn tiếp theo của phần (a)

chưa được hoàn tát. Sở dĩ nhận ra được hai phân riêng biệt do việc các nhà két tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phan đau: "Antarapeyyālam nitthitam" có nghĩa là "Sự trùng lặp liên tục được cham dứty Ve phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (mātikā). V. Các câu hỏi về bộ Hợp phần (Khandhaka): Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gom có Đại phẩm {Mahāvagga) và Tiểu phẩm (Cullavagga) dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ Luật này. VI. Tăng theo từng bậc: Được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tợ như ở Kỉnh Tăng chỉ bộ (Añguttaranikāya) thuộc tạng Kinh. VIL Các câu vấn đáp về lễ Uposatho v.v...: Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ Uposatha, lễ Pavāranā,... hành phạt Mānatta. và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "Mahāvaggo nitthito)" nghĩa là "Đại phẩm được chấm dirt' trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở Đại phàm {Mahāvaggo). VUI. Sưu tập các bài kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy

ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra còn phân y A các điêu học thành nhóm theo nhiêu khía cạnh khác nhau như quy đinh chung, quy đinh riêng, v.v... IX. Phân tích sự tranh tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy r *5 £ cách dàn xép. Chủ đê được trình bày cô đọng nhưng không kém phân súc tích cần được tham khảo. X. Sun tập khác về các bài kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội can phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác. XL Chương cáo tội: Là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội và vị xét xử. XII. Xung đột (phần phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vi xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua. XIII. Xung đột (phân chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tợ như ở bộ Phân tích Giới bổn. trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.

XIV. Phân tích Kathinat Các điều cần biết về Kathina được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tông quát nhưng không kém phân súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương Kathina thuộc Đại phẩm (Mahāvagga). XV Nhóm năm của Upāli: Là các câu hỏi của ngài Ưpâli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong Đại phẩm {Mahāvagga) và Tiểu phẩm (Culỉavagga). XVI. Nguồn sanh khỏi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một. XVII. Sưu tập các bài kệ (phần hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn dề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô L B. Homer trong bản dịch tiếng Anh. XVUI. Các bài kệ làm xuất mồ hôi: Là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. về chương này, phần cước chú là điều không the thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phan giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn. XIX. Năm phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự? điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự, bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tong hợp theo chín vấn đề khác nhau. *** về phần tác giả, nói đúng hơn là vị đã biên tập tài liệu này, chúng ta chỉ biết được tên vị ấy là Dīpā qua lời tổng kết ở phần cuối của tập sách. Vị ấy được giới thiệu là "bậc trí tuệ đã học hỏi từ các vỉ thay và thực hiện Parivārā nhằm làm sáng tỏ Chánh pháp, giúp cho người học Phật giải quyết những hoài nghỉ đã sanh khởi y Có ý kiên cho răng Dīpā là một vị xuất gia người ở đảo Tích Lan.1 về thời điểm, cũng không thể xác định chắc chắn. Dựa vào bài kệ liệt kê tên các vi Trưởng lão kế thừa tạng Luật được đề cập ở đoạn [3] nêu tên năm vị thuộc x L .I A e . Jambudīpa (An Độ), kê tiêp là nhóm năm vị dân đâu là ngài Mahinda có trách nhiệm đi hoằng pháp ở Tambapanni, và vị Trưởng lão cuối cùng trong danh sách ấy có tên là Sĩva. Có tài liệu phỏng đoán rằng vị Sĩva đã sống vào

khoảng thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch;2 như vậy, có thể suy luận rằng tập Parivārā được thực

1 Dịch giả L B. Homer ghi lại theo Wintemitz, A History ofIndian Literature, Vol. II, p. 33. 2 Oskar Vòn Hinūber, A Handbook of Pali Literature, xem phần giải thích về Parivārā.

hiện vào khoảng thời gian đó. Địa điểm đã thực hiện Parivārā được mặc nhiên chấp nhận là ở trên hòn đảo Tambapanni ây (tức là nước Sri Lanka ngày nay). Vê nội dung, có các vân đê đáng được lưu ý như sau: 1. Parivārā tuy được xếp vào Tipitaka (Tam tạng), nhưng phần lớn của Parivārā không phải là những điêu đã được nghe trực tiêp từ chính kim khâu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. Parivārā tuy không khẳng định là Phật ngôn nhưng các vấn đề thảo luận không đi ra ngoài những lời dạy của đức Phật. 2. Parivārā hiện đang sử dụng gồm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ "Parivāram nitthitam" báo hiệu sự kết thúc của Parivārā. Dịch giả L B. Homer dẫn chứng rang các bản Chủ giải ve Luật và Kỉnh Trường bộ của ngài Buddhaghosa đề cập đến ^soIasaparivârcỉ' nghĩa là Parivārā gồm có ló chương và lưu ý chúng ta về chương IV gồm có 2 phần riêng biệt là Anantarapeyyãla (Sự trùng lặp liên tục) và Samathabheda (Phân tích cách dàn xếp) và chương VII gồm có Uposathādipucchāvisscyjanā (Các câu vấn đáp về lễ Uposatha, v.v...) và Atthavasapakararia (Lời giải thích về điều lợi ích) đã được thu gọn lại; theo cách giải thích này chúng ta có được Parivārā với mười sáu chương theo như các Chú giải đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX ở phần Chánh tạng và Chú giải đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài Buddhaghosa?3 Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cuộc khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng. 3. Có điêu cân nói thêm răng: Parivārā không phải là sách đê đọc thông thường mà được xem là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiêu góc cạnh, theo từng chủ đê có thê giúp cho người đọc xác định lại kiên thức và góp phần vào việc củng cố sự ghi nhớ. Tuy nhiên, người đọc phổ thông cũng có the học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề. Trong bản tiếng Việt này, chúng tôi đã giữ nguyên từ Pâli đối với tên gọi của các tội vi phạm và một vài thuật ngữ có tính cách chuyên môn, hy vọng sẽ không gây trở ngại cho việc nghiên cứu của quý vị. về phần cước chú, bản Chú giải của ngài Buddhaghosa tương đối rõ ràng giúp cho chúng ta có thể hiểu được vấn đề, nhưng muốn có được trích dẫn chính xác cần phải sử dụng bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Homer do có phần cước chú đã được thực hiện rất công phu nhưng thiếu phần tóm lược sự việc nên không giúp cho người đọc liên tưởng ra được vân đê. Chúng tôi đã tôn nhiêu công sức đê sử dụng cả hai nguôn tư liệu trên cho phan cước chú của bản dịch này; tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện một số cước chú cho những vấn đề càn thiết, một số chúng tôi đã bỏ qua do ngài Buddhaghosa không giải thích, hoặc do chúng tôi không hiểu được ý

3 Vào khoảng thế kỷ v.

LỜI GIỚI THIỆU 975

của ngài, một số vấn đề liên quan đến tạng Kinh chúng tôi không có tài liệu để đôi chiêu, và một sô khác chúng tôi nghĩ răng quý độc giả có thê biêt được vân đề đang được trình bày ở phần nào trong hai bộ Luật kia. *** Cũng như các bản dịch trước, bản dịch Tập yếu (Parivārā) của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pâli La-tinh từ Compact DiskBUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ sô đánh dâu ở đâu môi vân đê; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vi tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo. Tuy đã nỗ lực tối đa nhimg chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu. Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSIRIV. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ khi nhận được từ Thượng tọa Chánh Kiến bản dịch Parivārā có tên là Tạp sự bộ do chính vị ấy đã thực hiện từ bản tiếng Thái vào thời gian trước dây, và cũng không quên tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh ve CD Tam tạng Chattha Sañgāyana. đong thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô L B. Homer. CD Buddhasāsanā. quà biếu của Dr. Bình Anson, đã đóng góp phan công đức không nhỏ với các tài liệu về Luật bằng tiếng Việt của quý ngài Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, v.v... Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tìm ra phương thức giải quyêt cho những diêm khó vê văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến các sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vi: Hòa thượng Chánh Minh, Dr. Bình Anson, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, bà Diệu Đài, Phật tử Ngọc Ngân. Không có sự khích lệ của quý vi, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao mọi ước nguyện của quý vị đều được thành tựu như ý. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. r x 9r Mong sao hét thảy chúng sanh đêu được tiên hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp. Colombo, ngày 15 tháng 5 nam 2004 Kính bút, Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng) (Hiệu đỉnh lần thứ nhất hoàn tất ngày 30-10-2004)

ĐẠI PHÂN TÍCH (MAHĀVIBHAÑGO)

1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, āieu Pārājika thứ nhất đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ơ đấy, có điêu quy đinh, co điêu quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điêu quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai

[hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? ở đấy, điêu gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở đay, điều gì gọi là Giới bổn (Pãtỉmokkhă)! ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtỉmokkhd)! Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Pārājika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ nhất đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại Vesālī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. ở dấy, có điều quy định, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

ở dấy, có một điều quy đinh, có hai điều quy định thêm, không có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho cả hai.

[Điêu áy] được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Thuộc về nhóm tội Pārājika. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội? Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điêu ây được làm lăng diu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở đấy điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở dấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkha)? Sự quy đinh gọi là Giới bổn (Pãtỉmokkhd). Sự phân tích gọi là tăng thượng

Giới bon (Pâtimokkhă). Điều gì là sự phạm tội? —Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

ĐẠI PHÂN TÍCH 979

Điều gì là Sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vị ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Pārājika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? -Điều Pãrãịika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chê những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? - Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong. [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?
-Những vị nào rành rẽ,12những vi ấy duy trì.
Là lời dạy của ai?
Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

(i) Vi Upãli, luôn cả vị Dãsakaf vi Soụaka, vỉ Siggava là tương tợ, với vị Moggallỉputta là thứ năm, các vỉ này là ở đảo Jambu huy hoàng. (ii) Từ nơi ấy, vị Mahindá1 và vị Itthiyā, vỉ Uttiya luôn cả vi Sambala và bậc thông thải tên Bhaddā, các vỉ hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đen nơi dây. (iii) Các vỉ ấy đã giảng dạy tạng Luật ở Tambapanni.3 Các vỉ ấy đã giảng dạy năm bộ Nikâya và bảy bộ Vỉ diệu pháp.

1 Yesarn vattatĩtỉyesamyinayapitakañca atthakathā ca sabbāpagunāti attho (VinA. VII. 1303) = ^Yesam vattati có nghĩa là uđối với những vị nào mà toàn bộ tạng Luaí và Chủ giai được rành re.,i 2 Sau kỳ kết tập Tam tạng lần thứ ba (thế kỷ III TTL), ngài Mahinda và bốnxvị được kể tên kế tiếp là Itthiyā, Uttiya, Sambala và Bhaddā đa theo lệnh ngài Moggalliputtatissa từ Ấn Độ (Jambudīpa) đa đi đến Tích Lan (Tambapanni) để hoằng khai giáo pháp (ND). 3 Tức là đảo Tích Lan (Ceylon), nay là nước Sri Lanka (ND).

980 TẬP YẾU

(iv) Sau đó, vi Arittha thông minh, vỉ Tissadatta thông thái, vi KãỊasumana cỏ lòng tự tin và vỉ Trưởng lão tên Dīghā và vị Dĩghasumana thông thái, (v) Thêm nữa là vi KãỊasumana, Trưởng lão Nāgā và vi Buddharakkhỉta, vỉ Trưởng lão Tissa thông minh và vỉ Trưởng lão Deva thông thải (vi) Thêm nữa là vị Sumanā thông minh và năm vững vê Luật. Vi CũỊanãga nghe nhiêu học rộng, khó công kích giông như con voi vậy. (vii) Và vỉ tên Dhammapãlita ở xứ Rohana đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khemā là vi đại tuệ, ỉà bậc thông Tam tạng đã sảng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ, (viii) Và vị Upatỉssa thông minh, vỉ Phussadeva là đại Pháp sư. Thêm nữa là vi Sumanā thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng. (ix) Vi Mahãsĩva là đại Pháp sư, rành rẽ vê mọi vân đê trong Tam tạng. Thêm nữa là vi Upãli thông minh và năm vững vê Luật, (x) Vị Mahānāgā là bậc đại tuệ, rành rẽ vê truyên thông của Chánh pháp, Thêm nữa là vi Ābhāya thông minh, rành rẽ ve mọi van đe trong Tam tạng. A (xi) Và Trưởng lão Tissa thông minh, năm vững vê Luật, Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu. (xii) Và vỉ Cūlābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vỉ Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ vê truyền thông của Chánh pháp. (xiii) Và vi Phussadeva thông minh, nắm vững về Luật. Và vi Trưởng lão Sĩva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật. (xiv) Những vi hàng đâu ây có đại tuệ, là những vỉ thông Luật, rành rẽ vê đường lôi, đã phô biên tạng Luật ở hòn đảo TambapannL 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ nhì đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Dhaniya, con trai người thợ gôm đã lây các cây gô của đức vua là những vật chưa được cho. Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có the sanh lên do thân, do khau và do ý. ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH < 981

3. Điêu Pārājika thứ ba đã được quy đinh tại đâu?

-Đã được quy đinh tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khmi đã đoạt lây mạng sông lân nhau. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điêu Pārājika thứ tư đã được

quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

về sự việc gì? Trong sự việc ầy, các vị Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi vê pháp thượng nhân của vị này vị nọ đen các cư sĩ. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). Dứt bốn điều Pãrãịika.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Bốn điều Pārājika là việc đôi lứa, vật chưa được cho, việc đoạt [mạng sống] của con người và pháp thượng nhân, sự việc nên được chia chẻ, không còn nghi ngờ. —ooOoo—

1.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa đên vi găng sức và làm xuât ra tinh dịch đã được quy đinh tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ở đấy, có điều quy định, có

điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ- khưu và Tỳ-khiru-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phân nào trong năm cách đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhaṃ! Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở dấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pãtimokkha)? ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkha)? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra

tinh dịch. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm,

không có điều

quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điêu quy định chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khiru-ni]? [hay] là điêu quy định riêng? Là điêu quy định riêng [cho Tỳ-khiru]. Là điêu quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điêu quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng].

ĐẠI PHÂN TÍCH* 983

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ Được gôm chung vào phân mở dâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Sañghādisesa.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xép [sự tranh tụng], điêu ây được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Điều ấy được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện

diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (PãtỉmokkhdỴÌ Sự quy đinh gọi là Giới bổn ỤPãtimokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vi ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Điều Sañghādisesa đến vị đã gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được

đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự

984 TẬP YẾU

lạc tru của các Tỳ-khưu hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của

Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? —Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]? Những vị nào rành rẽ? những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?
-Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại?
Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].
Vi Upālī luôn cả vi Dāsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapanni. 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa đên vi thực hiện việc xúc chạm thân thê với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân the với người nữ. —Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3. Điều Sanghādisesa đến vị nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điều Sañghādisesa đến vi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
—Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 5. Điều Sañghādisesa đến vị tiến hành việc mai mối đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì?
Trong sự việc áy, Đại đức Udāyi đã tiên hành việc mai môi.
Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do khâu, không do thân không do ý; có thê sanh lên do thân và do khâu, không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do 9 ?

thân; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). 6 Điều Sañghādisesa đến vị tự mình xin [vật liệu] rồi cho xây dựng cốc liêu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Ālavī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru ở Ālavī.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khxru ở Ālavī sau khi tự mình xin [vật liệu] rồi

đã cho xây dựng các cốc liêu. y Có một điêu quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ,..(nt).

7. Điều Sañghādisesa đến vi cho xây dựng tru xá lớn đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy đinh tại Kosambī.
Liên quan đên ai?
Liên quan đến Đại đức Channa.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của tru

xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Sañghādisesa đến vị bôi nhọ Tỳ-khưu với tội Pārājika không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các vi Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi

nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với tội Pārājika không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 9. Điều Sañghādisesa đến vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vi Tỳ-khưu về tội Pārājika đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm

lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

10. Điều Sañghādisesa đến vi Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điều Sañghādisesa đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khiru xu hướng theo Devadatta, là kẻ đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng, đã trở thành những kẻ chủ trương phe nhóm. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 12. Điều Sanghādisesa đến vi Tỳ-khiru khó dạy và không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vi Tỳ-khuru nói đúng

theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 13. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình và không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Assaji và Punabbasuka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội

chúng thực thi hành sự xua đuôi đã nói xâu các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vi vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt mười ba điều Sañghādisesa.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc xuất ra [tinh dịch], sự xúc chạm thân thê, lời thô tục, nhục dục cho bản thân, việc mai môi luôn cả cóc liêu, trú xá và không có nguyên cớ. Và điều nhỏ nhặt nào đó, sự chia rẽ, những kẻ xu hướng theo chính vi ấy, vị khó khuyên bảo và việc làm hư hỏng các gia đình, là mười ba điều Sañghādisesa. —ooOoo—

1.3. CHƯƠNG Ānīyata Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhất đã được quy định tại đâu? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhất đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ

ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy

định khi [sự việc] chưa xảy ra.

Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bôn (Patimokkho), [điêu áy] được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào? [Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? - Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ tư. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Có thể thuộc về nhóm tội Pārājika, có thể thuộc về nhóm tội Sañghādisesa, có thể thuộc về nhóm tội Pãcittiya. Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điêu ây được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật

với sự hiện diện, có the là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là cách dùng cỏ che lấp. ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy đinh gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (PãtimokkhăỴÌ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pâtimokkhă)! Sự quy định gọi là Giới bổn {Pãtỉmokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng

Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiêm chê là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? uTôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ tri, vi ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Ānīyata thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Điều Ānīyata thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích:

Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nham sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhăm sự tôn tại của Chánh pháp, [và] nhăm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?
Những vị nào rành rẽ, những vi ây duy trì.
Là lời dạy của ai?
Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vi Upâli, luôn cả vị Dâsaka, ...(nt)... ở hòn đảo Tambapannī. 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhì đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ

ngồi ở nơi kín đáo. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

ĐẠI PHÂN TÍCH 991

- ở đấy, CÓ một điều quy định, không có điều quy đinh thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy định cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khtru và Ty-khiru-ni], [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khxru].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă). [điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào? -[Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? y

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Có thể thuộc về nhóm tội Sañghādisesa. có thể thuộc về nhóm tội Pãcittiya.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý,

không do khẩu; có thể sanh lên do khau và do ý? không do thân; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điều ấy được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật

với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cỏ che lấp. (nt) Dứt hai điều Ānīyata.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Thuận tiện cho việc hành động, đúng y như vậy luôn cả không như vậ̣9 các điều Ānīyata đã khéo được quy định bởi đức Phật là vị đứng đầu như thế ấy. —ooOoo—

992 TẬP YẾU

1.4. CHƯƠNG NISSAGGIYA 4.1. 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Nissaggiya Pãcittỉya đên vi vượt quá mười ngày vê [việc cát giữ] y phụ trội đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã cất giữ y phụ trội vượt

quá mười ngày. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vi xa lìa ba y một đêm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu sau khi giao y tận tay của các Tỳ-khưu

rồi đã ra di, du hành trong xứ sở với y nội và y vai trái. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Nỉssaggiya Pãcittỉya đến vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi [cất giữ] vượt quá một tháng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi đã

[cất giữ] vượt quá một tháng. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

ĐẠI PHÂN TÍCH 993

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khâu, không do ý; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). 4. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vi bảo Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến giặt y cũ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã bảo vi Tỳ-khưu-ni không phải là thân

quyến giặt y cũ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều Nỉssaggiya Pâcỉttỉya đến vị thọ lãnh y từ tay Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã yêu câu

người con trai nhà đại phú không phải là thân quyến về y. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôi! sanh tội:...(nt). 7. Điều Nissaggỉya Pãcỉttỉya đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng cho phép đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không biêt chừng mực và

yêu câu nhiêu y. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn vê y. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt)

9. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được

thỉnh câu trước đã đi đên gặp các gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Nissaggiya Pâcittiya đên vị đạt được y băng lời nhác nhở quá ba lần và bằng hành động đứng [im lặng] quá sáu làn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành

Sāvatthi. Liên quan đến ai?

ĐẠI PHÂN TÍCH < 995

-Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi được nam

cư sĩ nói rằng: "Thua ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay"đã không chờ đợi. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm Kathina là thứ nhất

4.2. 1. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vị bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Ālavī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây? các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đên gặp các người thợ dệt tơ tằm và nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.,^ Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội:...(nt). A r e ĩ y y

2. Điêu Nissaggiya Pâcỉttiya đên vị bảo làm tâm trải năm băng lông cừu thuần màu đen đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm tấm trải nằm

bằng lông cừu thuần màu đen. Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 3 Điêu Nỉssaggiya Pãcỉttiya đên vị bảo làm tâm trải năm mới mà không lây một phân lông cừu màu trăng và một phân lông cừu màu nâu đỏ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

996 TẬP YẾU

-Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã để vào một chút ít màu

trắng ở viền và theo như thế ấy, đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Nỉssaggiya Pãcỉttỉya đến vị bảo làm tấm trải nằm mỗi năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã bảo làm tấm trải nằm mỗi năm.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điêu Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya đên vị bảo làm tâm lót ngôi mới mà không lây ở phần xung quanh của tấm lót cũ một gang tay của đức Thiện Thệ đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu đã quăng bỏ các tâm trải năm và thọ

trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khất thực, pháp của vị sử dụng y pamsukūla. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điều Nissaggiya Pãcỉttỉya đến vi thọ lãnh các lông cừu và đem đi quá ba do-tuần đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi thọ lãnh các lông cừu đã đem đi

quá ba do-tuần.

y -Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 7. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo các Tỳ-khưu-ni không

phải là thân quyến giặt các lông cừu. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ..(nt). 8. Điều Nỉssaggiya Pâcittỉya đến vi nhận lãnh vàng bạc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã nhận lãnh

vàng bạc. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Nissaggiya Pãcittỉya đên vị tiên hành việc trao đôi vàng bạc dưới nhiều hình thức đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tiến hành việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Nỉssaggiya Pācittiya đến vị tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm "To* tằm" là thứ nhì.

4.3. 1. Điều Nỉssaggiya Pãcittiya đến vi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã cát giữ bình bát phụ trội. -Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Nissaggỉya Pãcỉttiya đến vi với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá lại sắm bình bát mới đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư với [bình bát] bi bể chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, bi trầy chỉ chút ít đã yêu cầu nhiều bình bát. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Nissaggỉya Pâcittỉya đến vị thọ lãnh các loại dược phẩm rồi [cất giữ] vượt quá bảy ngày đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khxru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm đã [cát giữ] vượt quá bảy ngày. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều Kathina\..(xứ).

4. Điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vi tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nang còn hơn một tháng đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tìm kiếm y choàng tắm mưa

lúc mùa nắng còn hơn một tháng. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya đến vi sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi tự mình cho y đến vi Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi đã giật lại. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điêu Nissaggiya Pãcỉttiya đên vị tự mình yêu câu chỉ sợi roi bảo các thợ dệt dệt thành y đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy đinh tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

- Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

4 Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tự mình yêu cầu chỉ sợi

rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ,..(nt). 7. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vi khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được

thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Nissaggiya Pãcỉttiya đến vi sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi [cất giữ] vượt quá thời hạn về

y đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã [cất

giữ] vượt quá thời hạn về y. y

Có một điêu quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 9. Điêu Nỉssaggiya Pãcittiya đên vi sau khi đê lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà, rồi xa lìa hơn sáu đêm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà rồi đã xa lìa hơn sáu đêm. Có một điều quy định.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1001

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 10. Điều Nissaggiya Pācittiya đến vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được

khẳng đinh là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho bản thân. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

Phẩm wBình báp là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Mười ngày, một đêm và một tháng, việc giặt [y cũ] và việc thọ lãnh [y], không phải là thân quyến, đã được dành riêng, của cả hai điều và bởi người sứ giả. Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức. Hai điều về bình bát, dược phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm, tự mình, việc bảo dệt, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc về hội chúng. Dứt ba mươi điều Nissaggiya Pãcittìya. —ooOoo—

1.5. CHƯƠNG PẴCITTIYA

5.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pãcỉttỉya về việc cố tình nói dối đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Hatthaka, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì?
Trong sự việc ây, Hatthaka, con trai dòng Sakyā trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận.

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Pãcittiya về nói lời mắng nhiếc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-

khưu hiên thiện đã măng nhiêc các Tỳ-khmi hiên thiện. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pãcittiya về việc đâm thọc các Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(îit)

4. Điều Pãcittiya đến vị dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dạy các cư sĩ đọc pháp

theo từng câu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do khâu, không do thân không do ý; có thê sanh lên do khâu và do ý, không do thân. ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy định tại thành Ālavī. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã nằm chung chỗ ngụ với người chưa

tu lên bậc trên. Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pācittiya đến vi nằm chung chỗ ngụ với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Anuruddha.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Anuruddha đã nằm chung chỗ ngụ với người nữ.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu.5...(nt).
7. Điêu Pãcittiya đên vi thuyêt pháp đên người nữ hơn năm hay sáu câu đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thuyết pháp đến người nữ quá năm

hay sáu câu. Có một điều quy đinh, có hai điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều pháp theo từng câu.6...(nt). 8 Điều Pãcittỉya đến vị tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. 5 Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND). 6 CÓ thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (ND).

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã.

về sự việc gì? —Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã đã khen ngợi pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu không do ỷ. ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vị công bố tội xấu của Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã công bố tội xấu của Tỳ"
khưu đến người chưa tu lên bậc trên.

-Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).
10. Điều Pãcittỉya đến vị đào đất đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy đinh tại thành ÂỊavĩ.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ đã đào đất.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm “N6i đốp là thứ nhất

5.2. 1. Điêu Pãcittiya vê việc phá hoại sự sông của thảo mộc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành ÂỊavĩ.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1005

về Sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu ở AỊavĩ đã chặt cây. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 2. Điêu Pâcittiya vê việc nói tránh né, vê việc gây khó khăn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi đang được xác định tội ở giữa hội

chúng đã phản kháng cách này hoặc cách khác. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 3 Điêu Pâcittỉya vê việc phàn nàn, vê việc phê phán đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã phàn

nàn với các Tỳ-khưu về Đại đức Dabba Mallaputtā. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

4. Điều Pãcỉttiya đến vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi trải ra vật nằm ngồi thuộc về

hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo. -Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điêu Kathỉna ...(nt).

5. Điều Pãcỉttiya đến vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 6. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khtru đã đến trước rồi nằm xuống ở trong tru xá thuộc về hội chúng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chen vào [chỗ] các Tỳ-

khưu trưởng lão rồi nam xuống. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: Sanh

lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị vì nổi giận, bất bình rồi lôi kéo vị Tỳ-khiru ra khỏi tru xá thuộc ve hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đên ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận, bất bình đã lôi

kéo các vi Tỳ-khưu ra khỏi trú xá của hội chúng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Pâcittỉya đến vị ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ây9 vị Tỳ-khưu nọ đã ngôi lên một cách vội vã trên chiêc

giường, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vi sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp lại quyết đinh vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Channa. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi trú xá đã được làm hoàn tất lại cho người lợp thêm ở mái nhiều lớp, tô trét thêm ở tường nhiều lớp, khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội:...(lít). 10. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn tưới lên cỏ hoặc đất sét đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành ÃỊavĩ. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.

về sự việc gì?
-Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru ở AỊavĩ dâu biêt nước có sinh vật đã tưới lên cỏ và đất sét.
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt).
Phẩm wThảo mQc" là thứ nhì.
5.3. 1. Điều Pãcỉttiya đến vị chưa được chỉ định mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chưa được chỉ định đã giáo

giới các Tỳ-khưu-ni. ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt). 2. Điều Pãcittỉya đến vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Cullapanthaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Cullapanthaka đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi

mặt trời đã lặn. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). 3. Điêu Pãcittiya đên vị sau khi đi đên chô ngụ của Tỳ-khiru-ni roi giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đên Ni viện roi đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni. -Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 4. Điều Pãcỉttiya đến vị phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳkhưu-ni vì nguyên nhân lợi IQc" đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã phát ngôn răng: "Cc Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi 16c." Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt)

5. Điều Pãcittỉya đến vị cho y đến Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khmi nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã cho y đến vi Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến. Có một điêu quy định, có một điêu quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt)

6. Điều Pãcittiya đến vị may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã may y cho vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội:

..(îìt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị hẹn trước rồi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni.

Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có

thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ- khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. r

Liên quan đên ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi cùng lên

một chiêc thuyên với các Tỳ-khưu-ni.

—Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội:

..(nt).

9. Điều Pâcỉttiya đến vị dầu biết vẫn thọ thực thức ăn được Tỳ-khun-ni môi giới cho đã được quy định tại đâu?

—Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

—Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ấy, Devadatta dầu biết đã thọ thực thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho.

Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 10. Điều Pâcỉttiya đến vị cùng với Tỳ-khưu-ni9 một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Udāyi. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Có một điều quy định.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1011

r , H /K Ằ Á — # Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). Phẩm wGiáo giới" là thứ ba.

5.4. 1. Điều Pãcittỉya đến vị thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi tiếp tục tru ngụ, đã

thọ dụng vật thực ở phước xá. Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt).

2. Điêu Pâcittiya trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Devadatta cùng với tùy tùng đã liên tục yêu cầu các gia

đình rồi thọ thực. Có một điều quy định, có bảy điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt). 3. Điều Pãcỉttiya trong trường hợp vật thực thỉnh sau đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khtru được thỉnh mời nơi này đã thọ thực ở nơi khác.

-CÓ một điều quy định, có bốn điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở âiê\i Kathina. ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị sau khi đã thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát bánh ngọt lại thọ lãnh quá mức ấy đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khxru.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu khi thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm] đã thọ thực [thêm] ở nơi khác. Có một điều quy định, có điều quy định thêm.

Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 6. Điều Pãcittiya đến vị yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khmi nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã thỉnh câu vị Tỳ-khưu đã thọ thực

xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là thức ăn còn thừa. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1013

7. Điều Pãcittỉya đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã thọ dụng vật thực

vào lúc sái thời. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 8. Điều Pãcittỉya đến vi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Belatthisīsa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Belatthisīsa đã thọ dụng vật thực đã được tích trữ.

- Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vị yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu các loại vật thực

hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: ...(nt). 9y r r 10. Điêu Pãcittiya đên vị đưa thức ăn chưa được bô thí vào miệng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

1014 TẬP YẾU

về Sự việc gì?

r r

-Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã đưa thức ăn chưa được bô thí vào miệng.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] y ở điêu lông cừu. ...(nt). Phẩm uVật thực95 là thứ tư.

5.5.

L Điều Pãcittỉya đến vi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Vesālī.
Liên quan đến ai?
-Liên quan đến Đại đức Ānanda.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã cho nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái. Có một điều quy đinh.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 2. Điều Pãcỉttỉya đến vi [nói với] vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng hoặc thi trấn để khất thực", sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nói với] vị Tỳ-

khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng để khất thực", sau khi bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đã đuổi đi. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 3. Điều Pãcỉttỉya đến vi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chông roi ngôi xuông. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 4. Điêu Pãcittỉya đên vị cùng với người nữ ngôi xuông ở chô ngôi kín đáo, được che khuất đã được quy định tại đâu? —Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã cùng với người nữ ngôi xuông ở chô ngôi kín dáo, được che khuât. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttiya đến vị cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh

tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pãcỉttiya đến vị5 khi đã được thỉnh mời khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn mà không thông báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā khi đã được

thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn. —Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathỉna. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị yêu cầu dược phẩm trị bệnh vượt quá thời hạn [thỉnh cầu] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng
Sakyā nói rằng: "Thua các ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay", đã không chờ đợi.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ,..(nt).

8. Điều Pãcittiya đến vi đi để xem quân đội động binh đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy5 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội
động binh. Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt) 9. Điều Pãcitỉỉya đến vị cư ngụ trong binh đội quá ba đêm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ"khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cư ngụ trong binh đội quá ba đêm.

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt).

10. Điều Pãcittỉya đến vị đi đến nơi tập trận đã được quy định tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến nơi tập trận.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). Phẩm wĐạo sĩ lõa thể" là thứ năm.

5.6. 1. Điêu Pãcỉttiya vê việc uông rượu và men say đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Sâgata.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Sâgata đã uông rượu mạnh. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 2. Điều Pãcittỉya về việc thọt léc bằng ngón tay đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vi Tỳ-khưu

bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

3. Điều Pãcittiya về việc chơi giỡn ở trong nước đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Mười Bảy Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đùa giỡn trong

nước ở dòng sông Aciravatī. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).
4. Điêu Pãcỉttiya vê sự không tôn trọng đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy định tại Kosambī.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Channa đã thê hiện sự không tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcittiya đến vị làm Tỳ-khiru kinh sợ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm vị Tỳ-khưu kinh sợ. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 6 Điều Pãcittỉya đến vị tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru đã tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởd ấm. Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1019

7. Điều Pãcittiya đến vị tắm khi chưa đủ nửa tháng đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy định tại thành Rājagaha.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.
về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thây đức vua roi đã tăm

không biết chừng mực.
Có một điêu quy định, có sáu điêu quy định thêm.
Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?
Là điều quy định cho khu vực.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt)
8. Điều Pãcỉttiya đến vị sử dụng y mới khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khxru.
về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu đã không nhận biêt y của bản thân.
Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điêu lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vi sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vi Tỳ-khưu hoặc đến vi Tỳ-khtru-ni hoặc đến cô Ni tu tập sự hoặc đến vi Sa-di hoặc đến vi Sa-di-ni lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi chú

nguyện dùng chung y của mình đến vị Tỳ-khưu rồi đã sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).

10. Điều Pâcittỉya đến vị thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị Tỳ-khiru đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thu giâu bình bát và y của các Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). Phẩm 66R1TỢU và chất say" là thứ sáu.

5.7. 1. Điêu Pãcittiya đên vị cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điêu Pãcỉttiya đên vi dâu biêt nước có sinh vật vân sử dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư dâu biêt nước có sinh vật đã

sử dụng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pãcỉttiya đến vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dâu biêt sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ,..(nt).

4. Điều Pâcỉttỉya đến vị dầu biết vẫn che giấu tội xấu của vi Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ dầu biết đã che giấu tội xấu của vị Tỳ-

khưu [khác], Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttỉya đến vi dầu biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu dâu biêt đã cho tu lên bậc trên người

chưa đủ hai mươi tuổi. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

6. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn hẹn trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc áy, vị Tỳ-khưu nọ dâu biêt vân hẹn trước roi đã đi chung đường xa với đám người đạo tặc.

- Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 7. Điều Pâcittiya đến vi hẹn trước rồi đi chung đường xa với người nữ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với

người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pâcỉttỉya đến vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru Arittha trước kia là người huấn luyện chim ưng.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưuArittha trước kia là người huấn luyện chim ưng đã không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9. Điều Pâcỉttỉya đến vị dầu biết vẫn hưởng thụ chung với vị Tỳ-khưu phát ngôn như thế, là vi không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư dâu biêt đã hưởng thụ chung

với Tỳ-khưu Arittha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 10. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn dụ dỗ vị Sa-di đã bị trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư dầu biết đã dụ dỗ Sa-di

Kandaka đã bi trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "C6 sinh vậtw là thứ bảy.

5.8. 1. Điều Pãcỉttỉya đến vị khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp lại nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ ve Luậf9 đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại Kosambī. Liên quan đến ai? —Liên quan đến Đại đức Channa. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở đúng

Pháp đã nói rang: "Này các Đại dức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luat." —Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều Pãcỉttiya đến vị chê bai Luật đã được quy định tại đâu?

Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chê bai Luật. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pâcittỉya về việc [giả vờ] ngu dốt đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã [giả vờ] ngu dốt.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pãcỉttỉya đến vi vì nổi giận bất bình rồi tung cú đánh vào vi Tỳ- khưu [khác] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư vì nôi giận bát bình đã tung cú đánh vào các Tỳ-khiru. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 5. Điêu Pãcỉttiya đên vị vì nôi giận bát bình roi giơ tay dọa đánh vi Tỳ-khiru [khác] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã giơ

tay dọa đánh các Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khiru [khác] về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 7. Điều Pãcittỉya đến vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc cho vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cô ý gợi lên nôi nghi hoặc cho các vị Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt) 8. Điều Pãcittiya đến vị đứng lắng nghe các Tỳ-khiru đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đứng lắng nghe các Tỳ-

khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó đã tiến hành việc phê phán. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt).

10. Điều Pãcỉttiya đến vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi không trao ra sự tùy thuận rồi đã

từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điều Pãcỉttỉya đến vị sau khi cùng với hội chúng hợp nhất cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi cùng với hội chúng

hợp nhát cho y, sau đó đã tiên hành việc phê phán. - Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 12. Điều Pãcittiya đến vi dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến

ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư dâu biêt lợi lộc đã được khăng định là dâng đên hội chúng đã thuyêt phục dâng cho cá nhân. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm "Theo pháp59 là thứ tám.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1027

5.9. 1. Điều Pãcittiya đến vị đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ānanda.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã đi vào hậu cung của đức vua khi

chưa báo tin trước. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).

2. Điều Pãcittiya đến vi nhặt lấy vật quý giá đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ đã nhặt lấy vật quý giá.

Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội9 điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pâcittiya đến vị đi vào làng lúc sái thời không báo cho vị Tỳ-khiru hiện diện đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi vào làng lúc sái thời.

Có một điều quy định, có ba điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).

4. Điều Pãcittỉya đến vi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại xứ Sakkā.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

1028 TẬP YẾU

về sự việc gì? Trong sự việc ây? nhiêu vị Tỳ-khưu không biêt chừng mực đã yêu câu nhiêu ông đựng kim. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcittỉya đến vị bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā đã nằm ở

giường cao. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điêu Pãcỉttỉya đên vị bảo làm giường hoặc ghê có độn bông gòn đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm giường và ghế

có độn bông gòn. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pâcittiya đến vi bảo làm tấm lót ngồi vượt quá kích thước đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã sử dụng các tấm lót ngồi

không đúng kích thước. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1029

8. Điêu Pãcittỉya đên vị bảo làm y đăp ghẻ vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các y đắp ghẻ

không đúng kích thước.
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).
9. Điều Pãcỉttiya đến vị bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các vải choàng

tắm mưa không đúng kích thước. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Pãcittỉya đến vị bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Nandā.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Nandā đã sử dụng y băng kích thước y của đức

Thiện Thệ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). Phẩm uĐức vua" ỉa thứ chín. Dứt chín mươi hai điều Pãcittiya.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Nói dối, sự mắng nhiếc, nói đâm thọc, theo từng câu, hai điều về việc năm, việc thuyêt giảng, và luôn cả việc tuyên bô? tội xâu, việc đào xới. 2. Thảo mộc, nói tráo trở, vị đã phàn nàn, giường và việc nằm được nói đến, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo rời được, cửa lớn, có sinh vật. 3. Chưa được chỉ định, khi [mặt trời] đã lặn, chỗ trú ngụ [của Tỳ-khưu-ni] và vì vật chất, vị cho [y], vị may [y], với sự hẹn trước, [chung] thuyền, [nếu] thọ thực, [ngồi] chung. 4. Vật thực [ở phước xá], [vật thực] chung nhóm, [thọ thực] nơi khác, bánh ngọt, vi đã ngăn [vật thực], đối với vi đã ngăn [vật thực], lúc sái thời, sự tích trữ, sữa tươi với tăm xỉa răng, các điêu ây là mười. 5. Nữ đạo sĩ lõa thể, việc đuổi đi, sau khi đi vào, được che khuất và với nơi kín đáo, vị đã được thỉnh mòi, với các vật dụng, [xem] đội quân, việc trú ngụ [nơi binh đội], nơi tập trận. 6. Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn [ở trong nước], sự không tôn trọng và sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân [chú nguyện], do việc thu giấu. 7. Cố ý [giết hại], nước [có sinh vật], [khơi lại] các hành sự, [che giấu] tội xấu, chưa đủ hai mươi tuổi, [đám người] đạo tặc, người nữ, trong khi chỉ ra, về việc ngụ chung và vi [Sa-di] đã bị trục xuất. 8. Theo pháp, việc gây ra bối rối, sự giả vờ ngu dốt, cú đánh, về sự giá tay [dọa đánh], không có nguyên cớ, cố ý, tôi sẽ lắng nghe, về việc phê phán, vị bỏ đi, sau khi cùng hội chúng cho di, vị thuyết phục dâng cá nhân. 9. Và của đức vua, vật quý giá, vi hiện diện, kim may, và [chân] giường, [độn] bông gòn, vật lót ngồi, [y đắp] ghẻ, [choàng tắm] thuộc mùa mưa và [y] đức Thiện Thệ.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY Nói dối, thảo mộc, giáo ẹiới, vật thực, đạo sĩ lõa thể, [uống] rượu, có sinh vật, [theo] pháp, với phẩm ve đức vua, các phẩm ấy là chín. —ooOoo—

1.6. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA l. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pātidesañīya đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mem từ tay Tỳ-khtru-ni không phải là thân quyên đã đi vào xóm nhà, roi thọ thực đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã thọ lãnh vật thực từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Pātidesariīya đến vi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không ngăn cản vi Tỳ-

khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Pātidesañīya đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

-Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khau không do ý; có the sanh lên do thân và do y, không do khẩu. ...(nt). 4. Điều Pātidesañīya đến vi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu đã không thông báo về bọn trộm cướp

đang ẩn náu trong tu viện. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có the sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt bốn điều Pātidesamya.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Không phải là thân quyến, vị đang chỉ bảo bày thức ăn, bậc Thánh Hữu học, với vị ngụ ở rừng, bốn điều Pātidesanīya đã được giảng giải bởi đấng

Toàn Giác.

—ooOoo—

1.7. CÁC ĐIỀU SEKHIYA 7.1. 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Dukkata đên vị quân y [nội] đê lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã quân y [nội] đê lòng thòng phía trước và phía sau. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt). 2. Điêu Dukkata đên vị trùm y [vai trái] đê lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tồn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã trùm y [vai trái] để lòng

thòng phía trước và phía sau. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đê hở thân roi đi ở nơi

xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 4. Điều Dukkata đến vị để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(ỉit) Trong sự việc ây? các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đê hở thân roi ngôi ở nơi

xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi đi

nơi xóm nhà. y Có một điêu quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Dukkata đến vị múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt) Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi

ngồi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do v, không do khẩu. ...(nt). 7. Điêu Dukkata đên vị nhìn chô này chô nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 8. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vi ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự vén y lên. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm ÍẾTròn đềuw là thứ nhất

7.2. 1. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, cười
tiêng cười lớn. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do y. ...(nt). 2. Điêu Dukkata đên vị ngôi ở nơi xóm nhà với tiêng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà, cười tiếng cười lớn. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị trong khi đi ở nơi xóm nhà gây tiếng động ồn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng ...(nt) -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn. ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vị trong khi ngôi ở nơi xóm nhà gây tiêng động ôn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng ...(nt). -Trong sự việc ây9 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngôi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn. ...(nt). 5. Điều Dukkata đến vi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng ...(nt) Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

đung đưa thân. ...(nt).. sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do y, không do khẩu. ...(nt).

1036 TẬP YẾU

6. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng ...(nt) Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa thân. ...(nt). 7. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

đung đưa cánh tay. ...(nt). 8. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ấy, các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa cánh tay. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

đung đưa đầu. ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa đầu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôi! sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm wCười vang" là thứ nhì.

7.3. 1. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về Sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

chống nạnh. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vi ngôi ở nơi xóm nhà với đâu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt). 5. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vị ngồi ôm đầu gối ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng...(nt). 7. Điêu Dukkata đên vị thọ lãnh đô khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng ...(nt) 8. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 9. Điêu Dukkata đên vị thọ lãnh quá nhiêu súp do không có sự tôn trọng ..(nt). 10. Điều Dukkata đến vị thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ lãnh đồ khất thực

được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm ốíChống nạnh" là thứ ba.

7.4. 1. Điêu Dukkata đên vị thọ dụng đô khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ dụng đồ khất thực

không nghiêm trang do không có sự tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu.…(nt). 2. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt) 4. Điều Dukkata đến vị thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng ..(nt).

5 Điêu Dukkata đên vi vun lên thành đông roi thọ dụng đô khát thực do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vi dùng cơm che lấp súp và thức ăn do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều Dukkata đến vị không bị bệnh yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt) Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ,..(nt). 8. Điều Dukkata đến vi nhìn vào bình bát của các vi khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng ...(nt) Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điêu Dukkata đên vị làm vát cơm dài do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1039

Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã làm vắt cơm dài do không
có sự tôn trọng. Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). Phẩm WĐỒ ăn khất thực55 là thứ tư.

7.5.
1. Điều Dukkata đến vị há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu?
—Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã há miệng ra khi vắt cơm

chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý9 không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Dukkata đến vị đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị nói khi miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng ...(nt).. sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vị thọ thực theo lôi đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng ...(nt)...sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng ...(ĩ!t) 6. Điều Dukkata đến vi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều

Dukkata đến vị thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).

8. Điều Dukkata đến vi thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng ..(nt) 10. Điều Dukkata đến vi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng ...(nt). Phẩm "Vắt cơm" là thứ năm.

7.6. 1. Điều Dukkata đến vị thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu đã uông sữa có làm tiêng sột sột. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điêu Dukkata đên vị thọ thực có sự liêm tay do không có sự tôn trọng ...(nt). 3 Điều Dukkata đến vị thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vi thọ thực có sự liêm môi do không có sự tôn trọng ..(nt). 5. Điêu Dukkata đên vi thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay

có dính thức ăn. ...(nt). 6. Điều Dukkata đến vị đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về Sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm

ở nơi xóm nhà. ...(nt). 7. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. ...(nt). Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt). 8. Điêu Dukkata đên vi thuyêt pháp đên người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt) 9. Điều Dukkata đến vi thuyết

pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vi thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt) Phẩm ^Tiếng sột sột99 là thứ sáu.

7.7. 1. Điêu Dukkata đên vị thuyêt pháp đên người có mang giày do không có sự tôn trọng ...(nt) 2. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vị thuyêt pháp đên người đang năm do không có sự tôn trọng ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người đội khăn ở đàu do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều Dukkaịa đến vị thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt) 8 Điều Dukkata đến vị ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt).

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý.7 9. Điêu Dukkata đên vị ngôi ở chô ngôi tháp roi thuyêt pháp đên người ngôi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vị đứng thuyết pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt). 11. Điều Dukkata đến vị đang đi phía sau thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng ...(nt). 12. Điều Dukkata đến vi đang đi bên đường thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng ...(nt). 13. Điều Dukkata đến vị đứng đại tiện, hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do y, không do khẩu. ...(nt). 14. Điêu Dukkata đên vi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng ...(nt) 15. Điều Dukkata đến vi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiêu tiện và khạc

nhổ vào trong nước. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.…(nt). Phẩm “GiAy dép” là thứ bảy. Dứt bảy mươi lăm điều Sekhiya.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY r _ \ r r

1. [Quân] tròn đêu, che kín, khéo thu thúc, mát nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, giọng nói [nhỏ nhẹ] và luôn cả ba việc đung đưa.

7 Tam tạng Thái Lan ghi rằng: sanh lên do khẩu và do ý, không do thân."

2. Và luôn cả việc chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sự ôm đầu gối. Một cách nghiêm trang, và chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng, vừa ngang miệng bình bát. 3 Một cách nghiêm trang, chú tâm ở bình bát, theo tuần tự, lượng súp tương xứng, vun lên thành đống, được che lấp, sự yêu cầu, ý định tìm lỗi. 4. [Nắm cơm] không lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói, liên tục đưa cơm, việc cắn [từng chút], làm phồng má, rảy tay, việc làm rơi đổ cơm. 5. Và luôn cả việc le lưỡi, tiêng chép chép, tiêng sột sột, [liêm] tay, bình bát, [liếm] môi, [tay] có dính thức ăn, [nước] có cơm. 6. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến người có dù ở bàn tay; cũng thế, tay cầm gậy, tay cầm dao và vũ khí. 7. Và luôn cả người [mang] dép, giày, ngồi xe, đang nằm, người ngồi ôm đầu gối và người đội khăn, trùm đàu. 8. ở nền đất, chỗ ngồi thấp, đứng, [đi] phía sau và bên lề đường. Vi đứng không nên làm ở trên cỏ và trong nước.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY Tròn đêu, cười lớn tiêng, việc chông nạnh và đô khát thực là tương tợ như thế ấy, các vắt cơm, luôn cả tiếng sột sột với giày dép là thứ bảy. Dứt phần quy đinh tại đâu thuộc bộ Đại Phân tíchĩ —ooOoo—

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

.

2.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

Vi trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika\ vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi the đã bi [thú] ăn nhiều phan thì phạm tội Thullaccaya\ và vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhimg không bị va chạm thì phạm tội Dukkata. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này. 2. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm

cắp vật chưa được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka thì phạm tội

8 Phần phân tích về giới dành cho Tỳ-khưu có tên là Đại Phân tích hoặc Phân tích Giới Tỳ-khưu (ND).

Pārăịika; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một mãsaka hoặc kém năm mâsaka thì phạm tội Thullaccaya; vi lây theo lôi trộm cap vật chưa được• cho tri —giá 1 một • mãsaka hoặc • kém một• mãsaka thì phạm • tội • Dukkata. • Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này. 3. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố

để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội Dukkata; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội Thullaccaya; [nạn nhân] chét đi thì phạm tội Pārājika. Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông con người vi phạm ba tội này. 4. Vi trong khi khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi

phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không c6, không thực chứng

vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pārājika\ vị nói răng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ây là bậc A-la-hán", [ngu&i nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya^ [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. Vi trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này. Dứt bốn điều Pãrậiika.

2.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa^ vị có ý đinh, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội Thuỉlaccaya; lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. 2. Vi trong khi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vi phạm ba tội: Vị sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa\ vị sờ vào vật được găn liên với thân [người nữ] băng thân [vị áy] thì phạm tội Thullaccaya\ vị sờ vào vật được găn liên với thân [người nữ] băng vật được găn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội Dukkata. 3. Vị trong khi nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vi nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội Sanghãdisesa; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội Thullaccaya; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gan liền với thân thì phạm tội Dukkata.

4. Vị trong khi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội Sañghādisesa; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội Thullaccaya} vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội Dukkata. 5. Vị trong khi tiến hành việc mai mối vi phạm ba tội: Vi nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội Sañghādisesa; vi nhận lời, thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Thullaccaya; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Dukkata. 6. Vị trong khi tự xin [vật liệu] rồi bảo xây dựng cốc liêu vi phạm ba tội: Vi bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ây đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Vị trong khi bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuôi cùng thì phạm tội Thullaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sañghādisesa\ sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mang nhiếc.9 9. Vị sau khi năm lây sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc vê cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika vi phạm ba tội: Vi khi chưa thỉnh ý [để

buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa; sau khi đã thỉnh ý [đe • • , • L \ r e 7

buộc tội], có ý định măng nhiêc, roi nói lời [măng nhiêc] thì phạm tội nói lời măng nhiêc. 10. Vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdisesa. 11. Các Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ vị chia rẽ [hội chúng] trong khi được nhắc nhở đến làn thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 12. Vị Tỳ-khưu khó dạy trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời

9 Tức là tội Pãcittỉya thứ nhì (ND).

r tuyên ngôn của hành sự phạm các tội Thullaccaya; vào lúc châm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. y Dứt mười ba điêu Saũghãdisesa.

2.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA 3.1. 1. Vị trong khi vượt quá mười ngày ve [việc cất giữ] y phụ trội vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pâcỉttiya. 2. Vị trong khi xa lìa [một trong] ba y một đêm vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pãcittiya, 3. Vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ, trong khi vượt quá một tháng vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 4. Vị trong khi bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ dơ vi phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được giặt xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcỉttỉya. 5. Vị trong khi nhận lãnh y từ tay của Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến phạm hai tội: Vi nhận lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nhận lấy thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittỉya. 6 Vi trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyên vê y vi phạm hai tội: Vị yêu câu, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã yêu câu thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. 7. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng ấy vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã yêu câu thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. 8. Vi khi chưa được thỉnh câu trước lại đi đên gặp người gia chủ không phải là thân quyên, trong khi đưa ra sự căn dặn vê y vi phạm hai tội: Vi đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 9. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya.

10. Vị trong khi đạt được y băng lời nhăc nhở quá ba lân và băng hành động đứng quá sáu lần vi phạm hai tội: Vị đạt được [y], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đạt được [y] thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcỉttỉya. Phẩm Kathina là thứ nhất

3.2. 1. Vi trong khi bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. 2. Vi trong khi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vi phạm hai tội: Vị bảo làm5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 3. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và một phần lông cừu màu nâu đỏ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkatư, khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya. 4. Vị trong khi bảo làm tâm trải năm môi năm vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata*. khi đã được làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pâcittiya. 5. Vi trong khi bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm trải nằm cũ một gang tay của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcitíiya. 6. Vị sau khi thọ lãnh các lông cừu, trong khi mang đi quá ba do-tuần vi phạm hai tội: Vị mang đi quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata\ mang đi quá bước thứ nhì thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya. 7. Vi trong khi bảo Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được giặt xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 8. Vị trong khi nhận lãnh vàng bạc vi phạm hai tội: Vị cầm lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cầm lấy thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 9. Vi trong khi thực hiện việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vi thực hiện. lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata* khi đã thực hiện thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. 10. Vi trong khi thực hiện việc mua bán dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vi thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Nissaggiya Pâcittỉya. Phẩm “Tt*m" là thứ nhì.

3.3. 1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 2. Vị trong khi sắm bình bát mới khác với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá vi phạm hai tội: Vi sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sam thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, 3. Vi sau khi thọ lãnh các dược phẩm, trong khi [cất giữ] vượt quá bảy ngày vi phạm một tội Nissaggiya Pãcittiya, 4. Vị trong khi tìm kiếm y choàng tắm mưa khi còn hơn một tháng của mùa nắng vi phạm hai tội: Vị tìm kiếm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã kiếm được thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. 5. Vị sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu rồi nổi giận bất bình, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giật lại thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 6. Vi sau khi tự mình yêu cầu chỉ sợi, trong khi bảo các thợ dệt dệt thành y vi phạm hai tội: Vi bảo dệt. lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được dệt xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 7. Vị khi chưa được thỉnh câu trước lại đi đên

các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyên, trong khi đưa ra sự căn dặn vê y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 8. Vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt, trong khi [cất giữ] vượt quá thời hạn về y phạm một tội Nissaggỉya Pãcittỉya. 9. Vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở nơi xóm nhà, trong khi xa lìa quá sáu đêm vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya, 10. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho bản thân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thuyết phục được thì phạm tội Nissaggỉya Pâcittiya. Phẩm “Binh bát" là thứ ba. Dứt ba mươi điều Nissaggiya Pãcittiya.

2.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA 4.1. L Vi trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bi thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pârãjika\ vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu ve tội Pãrâỉỉka

không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa; vị nói rằng: "Vi [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán9\ [người nghe] hiên được thì phạm tội Thullaccaya, [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Dukkata; khi cố tình nói dối thì phạm tội Pãcittiya. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội này. 2. Vị trong khi mắng nhiếc vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc người đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị mang nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 3. Vi trong khi tạo ra sự đâm thọc vi phạm hai tội: Vi tạo ra sự đâm thọc đối với người đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 4. Vị trong khi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu vi phạm hai tội: Vị dạy đọc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcỉttiya. 5. Vi trong khi năm chung chô ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pâcittiya. 6. Vị trong khi nằm chung chỗ ngụ với người nữ vi phạm hai tội: Vị nằm xuồng, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã năm xuông thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vị trong khi thuyết pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu vi phạm hai tội: Vị thuyết giảng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcittỉya. 8. Vi trong khi tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị tuyên bố, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tuyên bố thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị trong khi công bô tội xâu xa của vi Tỳ-khưu đên người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị công bô? lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã công bố thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị trong khi đào đất vi phạm hai tội: Vị đào9 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo từng nhát đào thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “N6i d6i” là thứ nhất.

4.2. 1. Vị trong khi phá hoại thảo mộc vi phạm hai tội: Vị phá hoại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo từng hành động phá hoại thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Vị trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác vi phạm hai tội: Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, vi phản kháng cách này hoặc cách khác thì

phạm tội Dukkata\ khi tội nói tránh né đã được phán quyết, vi phản kháng cách này hoặc cách khác thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi phàn nàn về vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vi phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phàn nàn thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua chỗ rơi của cục đất [được ném bởi người đàn ông có sức mạnh bậc trung] bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 6 ơ trong trú xá thuộc vê hội chúng, vi dâu biêt vân chen vào [chô] của vị Tỳ-khưu đã đên trước, trong khi năm xuông vi phạm hai tội: Vị năm xuồng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị nổi giận, bất bình trong khi lôi kéo vị Tỳ-khiru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vi phạm hai tội: Vị lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vị trong khi ngôi lên trên chiêc giường hoặc ghê loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vi phạm hai tội: Vị ngồi lên, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi lên thì phạm tội Pãcittiya. o r 9 9. Vị sau khi quyêt định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp, trong khi quyêt định vượt quá mức ây vi phạm hai tội: Vi quyêt định, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã quyết đinh thì phạm tội Pãcỉttiya. 10. Vi dầu biết nước có sinh vật trong khi tưới lên cỏ hoặc đất sét vi phạm hai tội: Vị tưới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tưới thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “Tho mQc” là thứ nhì.

4.3. 1. Vị chưa được chỉ đinh trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vị trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni lúc mặt trời đã lặn vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittiya.

3. Vị sau khi đi đến Ni viện, trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị trong khi phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi lộc" vi phạm hai tội: Vị phát ngôn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phát ngôn thì phạm tội Pãcỉttiya. 5. Vị trong khi cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pãcỉttỉya. 6. Vi trong khi may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị may, lúc tiến hành thì phạm tội DukkaỊa; theo từng đường kim thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vi thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata: khi đã thực hiện thì phạm tội Pãciítiya. 8. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ- khmi-ni vi phạm hai tội: Vị lên [thuyền], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lên [thuyền] thì phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vi dầu biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho,

trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ rT rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vi trong khi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vi ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pãcittỉya. Phẩm ^Giáo giới" là thứ ba.

4.4. r 1. Vi trong khi thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ây vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vi trong khi thọ dụng vật thực dâng chung nhóm vi phạm hai tội: Vị [nghi rằng]: "Ta sẽ án" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi thọ dụng vật thực thỉnh sau vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ an" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcỉttiya. 4. Vị sau khi đã thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy bánh ngọt, trong khi thọ lãnh quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị thọ lãnh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thọ lãnh thì phạm tội Pãcittỉya.

5. Vị thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm], trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mem không phải là đô còn thừa vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lân nuôt xuồng thì phạm tội Pãcittiya, 6. Vị trong khi yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Do lời nói của vị ấy, vị kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,5 rồi thọ lãnh [vị nói] thì phạm tội Dukkata; vào lúc [vị kia] chấm dứt bữa ăn [vị nói] thì phạm tội Pãcittỉya, 7. Vi trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; môi một lân nuôt xuông thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Ả r 1 A 1 A .

Dukkata; môi một lân nuôt xuồng thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vị sau khi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn,, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị trong khi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuông thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm í4Vật thựcw là thứ tư.

4.5. 1. Vị trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vi [nói vơi] vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng hoặc thị trấn để khất thúc", sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy, trong khi đuổi đi vi phạm hai tội: Vị đuổi di, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã đuổi đi thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị sau khi đi vào nơi gia đình chỉ có cặp vợ chồng, trong khi ngồi xuống vi phạm hai tội: Vi ngôi

xuông, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi xuống thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vi trong khi cùng với người nữ ngôi xuông ở chô ngôi kín đáo, được che khuất vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi xuồng thì phạm tội Pãcittiya.

5 Vị trong khi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pācittiya. 6. Vị đã được thỉnh mời, đã có bữa trai phạn, trong khi đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn không có sự thông báo đến vị Tỳ-khiru hiện diện vi phạm hai tội: Vi vượt qua khu vực lân cận bước thứ nhát thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pācittiya. 7. Vị trong khi yêu cầu dược phẩm quá thời hạn [thỉnh cầu] vi phạm hai tội: Vi yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã yêu cầu thì phạm tội Pācittiya. 8. Vị trong khi đi để xem quân đội động binh vi phạm hai tội: Vi đi thì phạm tội Dukkata\ nơi nào đứng lại roi nhìn thì phạm tội Pācittiya. 9. Vị trong khi cư ngụ ở nơi binh đội quá ba đêm vi phạm hai tội: Vị cư ngụ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cư ngụ thì phạm tội Pācittiya. 10. Vi trong khi đi đến nơi tập trận vi phạm hai tội: Vị đi thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội Pācittiya. Phẩm “Bạo sĩ lõa thể55 là thứ năm.

4.6. 1 Vị trong khi uống rượu mạnh vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ u6ng" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pācittiya. 2. Vị trong khi chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc vi phạm hai tội: Vị chọc cười, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã chọc cười thì phạm tội Pācittiya. 3. Vị trong khi chơi giỡn ở trong nước vi phạm hai tội: Vị chơi giỡn ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội Dukkata\ vị chơi giỡn ở trong nước ngập trên mắt cá chân thì phạm tội Pācittiya. 4. Vị trong khi thể hiện sự không tôn trọng vi phạm hai tội: Vị thể hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã thể hiện thì phạm tội Pācittiya. 5. Vị trong khi làm vị Tỳ-khưu kinh sợ vi phạm hai tội: Vị làm kinh sợ5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã làm kinh sợ thì phạm tội Pācittiya. 6. Vị sau khi tự mình đốt lên ngọn lửa, trong khi sưởi ấm vi phạm hai tội: Vi tự mình đốt lửa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đốt lửa thì phạm tội Pācittiya. r r 7. Vị chưa đủ nửa tháng, trong khi tăm vi phạm hai tội: Vị tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pācittiya.

8. Vị khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó thuộc về ba cách hoại sắc, trong khi sử dụng y mới vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vi sau khi đích thân chú nguyện dùng chung y đến vi Tỳ-khưu hoặc đến vị Tỳ-khưu-ni hoặc đên cô Ni tu tập sự hoặc đên vị Sa-di hoặc đên vị Sa-di-ni, trong khi sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện [của vị kia] vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị trong khi thu giâu bình bát hoặc y, hoặc vật lót ngôi, hoặc ông đựng kim, hoặc dây

thắt lưng của vi Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vi thu giấu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thu giấu thì phạm tội Pãcittỉya. Phẩm "Rượu và chất say" là thứ sáu.

4.7. 1. Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật vi phạm bôn tội: Vị đào hố không xác định [đối tượng, nghĩ rằng]: "Ai rơi xuống sẽ chết" thi phạm tội Dukkata; loài người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi [vi đào] thì phạm tội Pãrặjỉka\ dạ-xoa hoặc nga quỷ, hoặc loài thú dạng người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội Thullaccaya; loài thú sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội Pãcittỉya. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội này. 2. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp, trong khi khơi lại để làm hành sự lần nữa vi phạm hai tội: Vị khơi lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã khơi lại thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vi biết tội xấu xa của vi Tỳ-khưu [khác], trong khi che giấu vi phạm một tội Pâcỉttiya. 5. Vị dâu biêt người chưa đủ hai mươi tuôi, trong khi cho tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị cho tu lên bậc trên, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã cho tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcỉttỉya. 6 Vi dàu biết rồi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcittiya. 7. Vi sau khi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với người nữ vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pãcittiya.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1055

8. Vị trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba mà không dứt bỏ tà kiến ác vi phạm hai tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkaịa\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vị dầu biết vị Tỳ-khưu là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, trong khi hưởng thụ chung vi phạm hai tội: Vị hưởng thụ chung, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hưởng thụ chung thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vi dầu biết vi Sa-di đã bi trục xuất như thế trong khi dụ dỗ vi phạm hai tội: Vị dụ dỗ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã dụ dỗ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm "C6 sinh vập là thứ bảy.

4.8. L Vị Tỳ-khưu, trong khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp, mà nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luaf9 vi phạm hai tội: Vị nói, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã nói thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vị trong khi chê bai Luật, vi phạm hai tội: Vị chê bai, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã chê bai thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi [giả vờ] ngu dốt, vi phạm hai tội: Khi sự ngu dốt chưa được khẳng đinh, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội Dukkata; khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội Pâcittỉya. 4. Vị nổi giận, bất bình trong khi tung cú đánh vào vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị đánh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đánh thì phạm tội Pãcỉttỉya. 5. Vị nổi giận, bất bình trong khi giơ tay dọa đánh vị Tỳ-khiru vi phạm hai tội: Vi giơ tay, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giơ tay

thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Sañghādisesa không có nguyên cớ vi phạm hai tội: Vị bôi nhọ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã bôi nhọ thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị trong khi cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi vi Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị gợi lên, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã gợi lên thì phạm tội Pâcỉttỉya. 8. Vị trong khi đứng lắng nghe các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nghe" rồi đi đến thì phạm tội Dukkata\ nơi nào đứng lại rồi lắng nghe thì phạm tội Pãcittiya.

9. Vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp, sau đó, trong khi gây điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcittiya. 10. Trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, vi sau khi không trao ra sự tùy thuận, roi từ chô ngôi đứng dậy, trong lúc bỏ đi vi phạm hai tội: Vị đang lìa khỏi hội chúng một tầm tay thì phạm tội Dukkata; khi đã lìa khỏi thì phạm tội Pãcittiya. 11. Vị sau khi đã cùng với hội chúng hợp nhất cho y, sau đó trong khi gây ra điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcittiya. 12. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho cá nhân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thuyết phục thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm í6Theo pháp55 là thứ tám.

4.9. 1. Vị trong khi đi vào hậu cung của đức vua chưa được báo tin trước vi phạm hai tội: Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkaía; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Vi trong khi nhặt lên vật quý giá vi phạm hai tội: Vị nhặt lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} khi đã nhặt lấy thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vi trong khi đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vi trong khi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. 5. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttiya. 6. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị trong khi bảo làm vật lót ngôi vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya.

8. Vị trong khi bảo làm y đắp ghẻ vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị trong khi bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pâcittỉya. 10. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm bao nhiêu tội?

Vị trong khi bảo làm y băng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai

tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội này. Phẩm ẾÍĐức vua" là thứ chín. Dứt chín mươi hai điều Pãcittiya.

2.5. CHƯƠNG PĀTIDESANIYA 1. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ- khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-

khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này. 2. Vị sau khi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; môi một lân nuôi xuồng thì phạm tội Pātidesariīya. 3. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Thánh Hữu học, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. 4. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mem chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? -Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong

khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesamya. Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này. Dứt bốn điều Pãtỉdesanĩya.

2.6. CÁC ĐIỀU SEKHIYA 6.1. 1. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do

không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. 2. Vị trong khi trùm y [vai trái] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vi để hở thân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm ÍT • một • tội • Dukkata. •

4. Vị đê hở thân trong khi ngôi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi múa máy tay hoặc chân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 6. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi ngồi ở nơi xóm

nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkaía. 7. Vi nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi ngôi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm 64Tròn đều^ là thứ nhất.

ĐẠI PHÂN TÍCH « 1059

6.2. 1. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vi trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm 6íCười vang” là thứ nhi.

6.3. 1. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng phạm một tội Dukkata. 6. Vi trong khi ngồi ở nơi xóm nhà ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.

1060 TẬP YẾU

7. Vi trong khi thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vi nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vị trong khi thọ lãnh quá nhiêu súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm ÍẾChống nạnh55 là thứ ba.

6.4. 1. Vị trong khi thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị

trong khi thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vị vun lên thành đống trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi dùng cơm che kín súp và thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vi không bị bệnh sau khi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân, trong khi thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 9. Vi trong khi làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi làm vắt cơm dài do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm ỐÍĐỒ ăn khất thực^ là thứ tư.

6.5. 1. Vi trong khi há miệng ra khi vát cơm chưa được đưa đên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.

2. Vị trong khi đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị trong khi nói bằng miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi thọ thực theo lôi căn văt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 9. Vi trong khi thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng phạm một tội Dukkata. Phẩm “Vắt cơm” là thứ năm.

6.6. L Vị trong khi thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 3 Vị trong khi thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vi trong khi thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi đô bỏ nước rửa bình bát có lân cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vi trong khi thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.

9. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm “Tiếng sột sộtw là thứ sáu.

6.7. 1. Vị trong khi thuyết pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 2. Vi trong khi thuyết pháp đến người có mang dép do không có

sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 3. Vị trong khi thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi thuyết pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkaịa. 5. Vị trong khi thuyêt pháp đên người ngôi ôm đâu gói do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6 Vị trong khi thuyêt pháp đên người đội khăn ở đâu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thuyêt pháp đên người có đâu được trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị ngồi ở nền đất trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vi ngồi ở chỗ ngồi thấp trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngoi cao do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vi đứng trong khi thuyêt pháp đên người đang ngôi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 11. Vị đang đi phía sau trong khi thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 12. Vi đang đi bên đường trong khi thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 13. Vị đứng trong khi đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 14. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 15. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?

Vị trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nho vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Phẩm 6'Giày dép" là thứ bảy. Dứt các điều Sekhiya. Dứt phần "Bao nhiêu tội95 là thứ nhì. —ooOoo—

3. PHÀN Sự HƯ HỎNG 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? -Tội vi phạm của vi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước J r

do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Dứt phần éẾSự hư hỏngw là thứ ba. -ooOoo-

4. PHÀN ĐƯỢC TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào ba

nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

-Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Dứt phần 4íĐược tổng hợp" là thứ tư. —ooOoo-

5. PHẢN NGUỒN SANH TÔI 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ..(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Dứt phần ^Nguồn sanh tội55 là thứ năm. —ooOoo—

6. PHÀN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước ỉ do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần tranh tụng59 là thứ sáu. —ooOoo—

7. PHÀN Sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa được làm lắng diu bởi ba • X7 • • • • • • • cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần "Sụ* dàn xếp" là thứ bảy. —ooOoo—

8. PHÀN sự QUY TỤ 1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi the chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika\ vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thullaccaya} vi đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội Dukkata. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự

tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự

hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện

và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do

không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vi trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? -Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôi! sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khau. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* quy tụw là thứ tám.

Tám phần này được ghi lại theo đường lối học tập. TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Điều quy định là ở nơi đâu, có bao nhiêu, sự hư hỏng, sự tổng hợp, nguồn sanh tội, sự tranh tụng, cách dàn xếp và sự quy tụ. —ooOoo—

9. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thay, điều Pārājika do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì?...(nt)...Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Sudinna Kalandaputta.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với

người vợ cũ. ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, có hai điều quy đinh thêm, không có điều

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]5 [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy đinh chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho cả hai.

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Pārājika.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khâu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão].

Vi Upãlỉ luôn cả vi Dãsaka, vỉ Sonaka, vỉ Sỉggava là tương tợ, với vị Moggallỉputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt).

Những vị hàng đâu ây có đại tuệ, là những vỉ thông Luật, rành rẽ vê đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 2. Điêu Pārājika do duyên của việc lây vật chưa được cho đã được đức Thê Tôn ấy ...(nt).. quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Dhaniya, con trai người thợ gôm đã lây các vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua. - Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân và do ý? không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý ...(nt). 3 Điêu Pārājika do duyên của việc đoạt lây mạng sông con người đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khtru đã đoạt lây mạng sông lân nhau. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 4. Điều Pārājika do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ đã khen ngợi vê pháp thượng nhân của vị này vị nọ trước các cư sĩ. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) Dứt bốn điều Pārājika.

9.2. PHÀN SAÑGHĀDISESA VV.. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa do duyên của việc sau khi đã găng sức roi làm xuât ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Seyyasaka đã găng sức băng tay và làm xuất ra tinh dịch. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ơ đây, có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm, không có điêu

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy đinh riêng [cho Tỳ-khiru].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng].

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ Được gôm chung vào phân mở đâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? - Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bôn điêu hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Sañghādisesa.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?

Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vi Upāli luôn cả vỉ Dãsaka, vi Sonaka. vi Siggava là tương tợ, với vỉ Moggalliputta là thứ năm, các vỉ này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt). Những vi hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vi thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 2. Điều Sañghādisesa do duyên của việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thê với

người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3 Điều Sañghādisesa do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hâu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về Sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hâu hạ tình dục cho bản

thân trong sự hiện diện của người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu áy sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 5. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc tiên hành sự mai môi đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do y9 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do y9 không do thân; có thể sanh lên

do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9y e L 6. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc bảo xây dựng cóc liêu do tự mình xin [vật liệu] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Ālavī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Ālavī.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Ālavī đã bảo xây dựng cốc liêu do tự

mình xin [vật liệu]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều Sañghādisesa do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú

xá đã bảo người đôn ngã cội cây nọ vôn được dùng làm nơi thờ phượng.

Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Pārājika không có nguyên cớ đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi

nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điều Sañghādisesa do duyên của việc bôi nhọ vi Tỳ-khtru về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã năm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika, -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhát. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhăc nhở đến lần thứ ba của các Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] đã được quy định tại đâu?

ĐẠI PHÂN TÍCH 1073

-Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì?

Trong sự việc áy, nhiêu vị Tỳ-khưu đã là những kẻ tuyên bô ly khai, những kẻ xu hướng theo Devadatta là người đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 12. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc r y • : nhở đên lân thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vị Tỳ-khiru nói đúng

theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 13. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vi Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã chê bai các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 14. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thay, điều Dukkata do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

1074 > TẬP YÊU

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiêu tiện và khạc nhổ vào trong nước. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Dứt phần 66Quy đinh tại đâuw là thứ nhất

10. PHẢN BAO NHIÊU TÔI .

10.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội: Vi thực hiện việc

đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội Pārā/ika; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bi [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thullaccaya; vi đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bi va chạm thì phạm tội Dukkata; trong [trường hợp] gậy ngắn bằng nhựa cây thì phạm tội Pãcittiya.w Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội này. 2. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vi lấy theo lối

trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka thì phạm tội Pãrãjỉka\ vi lây theo lôi trộm cap vật chưa được cho trị giá hơn một mãsaka hoặc kém năm mâsaka thì phạm tội Thullaccaya; vị lây theo lôi trộm căp vật chưa được cho trị giá một mâsaka hoặc kém một mãsaka thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc lay vật chưa được cho vi phạm ba tội này. 3. Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội? -Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết” thi phạm tội Dukkata; khi đã bi rơi xuông, cảm thọ khô sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội Thullaccaya^ [nạn nhân] chét đi thì phạm tội Pārājika. Do duyên của sự đoạt lây mạng sông con người vi phạm ba tội này.

10 Đây là phần thuộc về Tỳ-khưu, không rõ vì sao lại đề cập các điều học của Tỳ-khưu-ni? (ND)

ĐẠI PHÂN TÍCH 1075

4. Do duyên của việc khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc khoác lác vê pháp thượng nhân không c6, không thực

chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bi thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pārājika; vị nói rằng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán,\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya; [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Dukkata. Do duyên của sự khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này. Dứt bốn điều Pārājika.

10.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA VV.. 1. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba

tội: Vị có ý đinh, gắng sức, bi xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa; vi có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội Thulỉaccaya; lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội này. 2. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni

nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika; vị Tỳ-khưu sờ vào thân [nệười nữ] bang thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa\ vị sờ vào vật được gan liền với thân [người nữ] bang thân [vị ấy] thì phạm tội Thullaccaya; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng vật được gắn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội Dukkata; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. 3 Do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội Sañghādisesa; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội Thullaccaya; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gắn liền với thân thì phạm tội Dukkaịa. 4. Do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội Sañghādisesa; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội Thuỉỉaccaya; vi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội Dukkata.

5. Do duyên của việc tiến hành sự mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội Sañghādisesa\ vi nhận lời, thông báo, không đem lại [hoi báo] thì phạm tội Thullaccaya; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Dukkata. 6. Do duyên của việc bảo xây dựng cóc liêu do tự mình xin [vật liệu] vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya} khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Do duyên của việc bôi nhọ vi Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sanghãdisesa; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mang nhiếc. 9. Do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc ve cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt vi phạm ba tội: Vi khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sanghãdisesa; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc. 10. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội

Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdỉsesa. 11. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhăc nhở đên lân thứ ba, các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Ỉ2. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu khó dạy vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. ..(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1077

14. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong

nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nho vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Dứt phần “Bao nhiêu t0i” là thứ nhì.

11. PHÀN SựHƯHỎNG 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự

hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần “Sự hư hỏng55 là thứ ba.

12. PHẦN ĐƯỢC TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? -Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thuỉlaccaya, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Dukkata. ..(nt) 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

1078 * TẬP YẾU

-Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc o 7 nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được tông hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm

tội là nhóm tội Dukkata. Dứt phần 4íĐược tổng hợp” là thứ tư.

13. PHẦN NGUỒN SANH TÔI 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do

một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý9 không do khẩu. Dứt phần 6íNguồn sanh tQi” là thứ năm.

14. PHẦN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần uSự tranh tụng” là thứ sáu.

15. PHẢN DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng diu

bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc 9 r nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lăng diu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Dàn x2p” là thứ bảy.

16. PHẢN Sự QUY TỤ 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bon tội: Vị thực hiện việc

đôi lứa nơi thi thể chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika; vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thuỉlaccaya; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội Dukkata; trong [trường hợp] gậy ngan bang nhựa cây thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi

phạm bốn tội này. 2. Các tội ây liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dẵn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự

hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Dukkata. Được

sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khâu. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 3. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? -Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. 4. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dẵn xếp? -Tội ây liên hệ với một sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần "Sụ* quy tq" là thứ tám. Dứt tám phần uvề nguyên nhân.”

DỨT MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC BÔ ĐẠI PHÂN TÍCH VÀ Bô ĐẠI PHÂN TÍCH ĐƯỢC CHẤM DỨT —ooOoo-

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI

1. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khmi và Tỳ-khưu-ni]? [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm

chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhăyiỵ Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bon sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng]? ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn ự^ãtỉmokkhă)^ ở dấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkhdyỉ Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Pãrậịika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những vi Ni nào học tập [điều ấy]? Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những vị Ni nào duy trì? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại? L Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì?

1 Tỳ-khưu-ni không có giới Ānīyata nên chỉ có 4 cách đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkhà), còn Tỳ-khưu có 5 cách. Xem tr. 123 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I chứoíng II.

Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiêm dục vọng đã ưng thuận việc xúc chạm thân the của người nam nhiễm dục vọng. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy đinh, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy đinh cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni], [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? - Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Thuộc về nhóm tội Pārājika. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xép [sự tranh tụng], điêu ây được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Điêu ây được làm lăng dịu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật. ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pātimokkhaṃ

Sự quy đinh gọi là Giới bổn (Pâtimokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (Pătimokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiêm chê là sự phạm tội. Điều gì là sự thành tựu? -Việc tự kiểm chế là sự thành tựu. Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc có hình thức như thế", sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khtru-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những Tỳ-khưu-ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khmi-ni hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nham sự hỗ trợ [của] Luật. Những vị Ni nào học tập [điều ấy]? Các bậc nữ Thánh Hữu học và các nữ thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong? Các vi Ni là bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong. [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị Ni có sự ưa thích việc học tập. Những vị Ni nào duy trì [điều ấy]? Những vị Ni nào rành rẽ, những vị Ni ây duy trì. Là lời dạy của ai? Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão]. (i) Vị Upâlỉ luôn cả Vỉ Dãsaka, vi Sonaka, vị Sỉggava là tương tợ, với vi Moggalliputta ỉa thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. (ii) Từ nơi ấy, vỉ Mahinda, vi Itthiyā, vỉ Uttiya luôn cả vi Sambala và bậc : y ỉ thôngr thải tên Bhaddā, các vỉ hàng đâu ây có tuệ Vỉ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đên nơi đây.

(iii) Cdc vỉ ây đã giảng dạy tạng Luật ở Tambapanni. Các vi ây đã giảng dạy năm bộ Nikãya và bảy bộ Vỉ diệu pháp, (iv) Sau đó, viArittha thông minh và vị Tỉssadatta thông thái, vi KãỊasumana có lòng tự tin, vị Trưởng lão tên Dīghā và vỉ Dĩghasumana thông thải, (v) Thêm nữa, là vỉ KãỊasumana, Trưởng lão Nāgā, vỉ Buddharakkhita, vị Trưởng lão Tissa thông mình và vỉ Trưởng lão Deva thông thái. (vi) Thêm nữa là vỉ Sumanā thông minh và nắm vững về Luật, vỉ Cūlanāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy. (vii) Và vi tên Dhammapãlỉta ở xứ Rohana đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khemā là vỉ đại tuệ, là bậc thông Tam tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chua của các vì sao nhờ vào trí tuệ. (viii) Và vỉ Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư, thêm nữa là vị Sumanā thông mình, vỉ có tên Puppha nghe nhiều học rộng. (ix) Vị Mahãsĩva là đại Pháp su, rành rẽ vê mọi vân đê trong Tam tạng, Thêm nữa là vỉ Upãli thông minh và nam vững ve Luật. (x) Vỉ Mahānāgā là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp. Thêm nữa là vị Ābhāya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng. (xi) Và Trưởng lão Tissa thông minh và năm vững vê Luật. Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu. (xii) Và vị Cūlābhaya thông minh, năm vững vê Luật. Và vỉ Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp, (xiii) Và vỉ Phussadeva thông minh, năm vững vê Luật. Và vỉ Trưởng lão Sĩva thông minh, rành rẽ ve mọi van đe ve Luật. y

r (xiv) Những vỉ hàng đâu ây có đại tuệ, là những vi thông Luật, rành rẽ vê đường loi, đã pho biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni, 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ sáu cho các Tỳ-khiru-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ dầu biết vị Tỳ-khưu-ni vi phạm tội Pārājika đã không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm. Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯƠ-NI 1085

3. Điều Pārājika thứ bảy cho các Tỳ-khiru-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha trước đây là người huấn luyện chim ưng [là vi] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm2...(nt). 4. Điều Pārājika thứ tám cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt tám điều Pārājika.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc đôi lứa, việc lấy vật chưa được cho, việc đoạt mạng người, [pháp] thượng nhân, việc xúc chạm thân thể, vị Ni che giấu [tội], các vị bị án treo, vị Ni làm đủ tám việc, đấng Đại Hùng đã quy định, các sự việc nên được chia chẻ không còn sự hoài nghi. —ooOoo—

1.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu? Liên quan đen ai? Ve sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

2 Là sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

1086 TẬP YÊU

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vi Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã sống là người nói lời tranh chấp. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy đinh cho tất cả mọi noi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. A 5

Là điêu quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điêu quy định riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ"khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhã)! Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đàu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? -Thuộc vê nhóm tội Sañghādisesa. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão]. Vỉ Upãli, luôn cả vi Dãsaka,...(nt).. tạng Luật ở Tambapanni,

2. Điều Sañghādisesa đến vị Ni tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandă. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã tiếp độ nữ đạo tặc. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Sañghādisesa đến vị Ni một mình đi vào trong làng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ chỉ một mình đã đi vào làng. Có một điều quy định, ba điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất.3...(nt). 4. Điều Sañghādisesa đen vị Ni khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm rồi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandã khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư. - Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

3 Là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

5. Điều Sañghādisesa đến vi Ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni

Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 6. Điêu Sañghādisesa đên vị Ni xúi giục răng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di" đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục rằng: "Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật h;3

Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt). 7. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni nổi giận, bất bình, không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Candakālī. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tap."

CÓ một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó lại không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đen lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi đã nói như vầy: "Các Tỳ-khiru-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hi." -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điêu Sañghādisesa đên các Tỳ-khưu-ni sông thân cận [với thê tục] và không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đen lan thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sống thân cận [với thế tục]. Có một điều quy đinh. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa đến vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy song thân cận, các vị chớ có song cách khác,9 và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xúi giục răng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác." Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt mười điều Sanghãdisesa.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Sự tranh chấp, nữ đạo tặc, vào trong làng, [phục hồi] vị Ni bị án treo, vật thực loại cứng, í6sẽ làm gì Ni su", vị Ni nổi giận, [cuộc tranh tụng] nào đó, sống thân cận [thế tục], được biết là mười điều. —ooOoo—

1.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vị Ni thực hiện việc tích trữ bình bát đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã thực hiện việc tích trữ bình bát. -Có một điều quy định. -Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở phần Kathina.4...(nf). 2. Điều Nissaggiya Pâcỉttiya đến vị Ni sau khi xác đinh y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn^, rồi bảo phân chia đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi xác đinh y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn,, rồi đã bảo phân chia. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt). 3. Điêu Nissaggiya Pãcittiya đên vị Ni sau khi trao đôi y với vi Tỳ-khưu-ni rồi giật lại đã được quy định tại đâu?

4 Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯƯ-NI 1091

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ sau khi trao đổi y với vi Tỳkhiru-ni rồi đã giật lại. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 4. Điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vị Ni sau khi yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây? Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi yêu câu vật này đã yêu cầu vật khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Nissaggỉya Pãcittiya đến vị Ni sau khi bảo sắm vật này lại bảo sắm vật khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi bảo săm vật này đã bảo sam vật khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt) 6. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vi Ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì?

1092 TẬP YẾU

-Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội:...(nt). 7. Điêu Nissaggiya Pãcỉttỉya đên vi Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phàn tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điêu Nissaggiya Pâcỉttỉya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Nissaggỉya Pãcìttiya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cau của việc khác.

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Nỉssaggiya Pãcittỉya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân đã được chỉ đinh vê việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khuru-ni Thullanandâ đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc ve cá nhân đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 11. Điêu Nissaggỉya Pãcittỉya đên vị Ni bảo săm tâm choàng loại dày vượt quá bốn kamsa đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã yêu cầu đức vua tấm choàng len. y

Có một điêu quy đinh. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội:...(nt). 12. Điêu Nissaggiya Pãcỉttiya đên vị Ni bảo săm tâm choàng loại nhẹ vượt quá hai kamsa rưỡi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khmi-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandã đã yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh. - Có một điều

quy đinh. Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). Dứt mười hai điều Nissaggiya Pãcittiya.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Bình bát [tích trữ], ngoại thời và trong thời, khi đã được trao đổi, vi yêu cầu, sau khi bảo sắm, lợi ích khác, thuộc hội chúng, thuộc nhóm, tự mình xin, thuộc cá nhân, [áo choàng] bon kamsa và hai kamsa rưỡi. —ooOoo—

1.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA

4.1.

L Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Pãcittiya đên vi Ni nhai tỏi đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ấy, Tỳ-khmi-ni Thullanandâ đã không biết chừng mực và bảo mang đi [nhiều] tỏi.

Có một điều quy định.

—Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu.5...(nt).

2. Điều Pãcittỉya đến vị Ni cạo lông ở chỗ kín đã được quy định tại đâu?

—Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

—Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã cạo lông ở chỗ kín.

-Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pãcittỉya về việc đập vỗ bằng lòng bàn tay đã được quy định tại đâu?

Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến hai Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ây, hai Tỳ-khtru-ni đã thực hiện việc đập vô băng lòng bàn tay.

Có một điều quy định.

5 Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārajika thứ nhất. ...(nt). 4. Điều Pãcỉttỉya về việc gậy ngắn bằng nhựa cây đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị Ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước tối đa hai lóng tay đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị Ni với nước uống hoặc với quạt đứng gần vi Tỳkhưu đang thọ thực đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khiru-ni nọ với nước uống và với quạt đã đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở phần lông cừu....(nt). 7. Điều Pãcittiya đến vị Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội:...(nt). 8. Điều Pãcỉttiya đến vi Ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa ở phía bên kia bức tường, hoặc phía bên kia hàng rào đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đô bỏ phân ở phía bên kia bức tường, ở phía bên kia hàng rào. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Pâcittiya đên vị Ni đô bỏ phân, hoặc nước tiêu, hoặc rác rên, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã đô bỏ phân, nước tiêu, rác rên và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni đi đê xem vũ, hoặc ca, hoặc tâu nhạc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem vũ, ca, tấu nhạc.

y

Có một điêu quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt)

Phẩm 6'T6i" là thứ nhất.

4.2. 1. Điều Pãcỉttiya đen vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc.6...(nt). 2. Điêu Pãcỉttiya đên vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến vị Tỳ-khmi-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất. —Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt) 3 Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì?

6 Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.

Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt). 4. Điều Pâcittiya đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Thullanandã đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt). 5. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni sau khi đi đên các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi đã ra đi không thông báo chủ nhân. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kaịhỉna. ...(nt). 6 Điều Pãcittiya đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân đã ngồi xuống trên chỗ ngồi. -Có một

điều quy định.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI * 1099

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kaíhina. ...(nt). 7. Điều Pâcittỉya đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm roi ngoi xuống đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khiru-ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân đã trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 8 Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi phàn nàn với vị khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khxru-ni nọ do hiểu sai do xét đoán sai đã phàn nàn với vi khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vi Ni nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khtru-ni Candakālī. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Candakālī đã nguyên rủa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt). 10. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

1100 TẬP YẾU

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakājī đã tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Phẩm 66Bóng tối59 là thứ nhỉ.

4.3.

1. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni lõa thể tắm đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã lõa thể tắm.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

A ở điêu lông cừu. ...(nt).

2. Điều Pãcittìya đến vị Ni bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước.

-Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pãcittỉya đến vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳkhưu-ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯ-NI noi

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi đã không khâu lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị Ni vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây9 nhiêu vị Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳkhưu-ni đã ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiề\x Kathina. ...(nt). 5. Điêu Pâcittiya đên vi Ni sử dụng y thiêt thân [của vị Ni khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã trùm y của vị Tỳ-khưu-ni khác mà không hỏi ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathỉna. ,..(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị Ni cản trở lợi lộc về y của nhóm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì?

\ x y . o •i A 9 r Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã cản trở lợi lộc vê y của nhóm. y

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 7. Điều Pãcittỉya đến vị Ni ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên

quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ đã ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã cho y của Sa-môn đến người nam tại gia. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 9. Điều Pãcittiya đến vi Ni để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khvru-ni Thullanandâ đã để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 10. Điều Pãcittỉya đến vị Ni ngăn cản sự thu hồi Kathina đúng Pháp đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã ngăn cản sự thu hồi Kathỉna đúng Pháp.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Tắm" là thứ ba.

4.4. 1. Điều Pâcittiya đến hai vị Tỳ-khưu-ni nằm chung trên một chiếc giường đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã năm chung hai [người] trên một chiêc giường. Có một điều quy đinh. —Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ..(nt). 2. Điều Pãcỉttiya đến hai vi Tỳ-khiru-ni nằm chung một tấm trải tấm đắp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni hai [người] đã nằm chung một tấm trải tấm đắp. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội? điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 3. Điêu Pâcittỉya đên vị Ni cô ý quây rây vị Tỳ-khưu-ni [khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, Tỳ-khmi-ni Thullanandã đã cô ý quây rây vị Tỳ-khưuni [khác].
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)
4. Điều Pãcittiya đến vị Ni không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Tỳ-khuru-ni Thullanandâ.
về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc.
y
Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sau khi đã cho vi Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra ngoài đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi đã lôi kéo ra ngoài. -Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt). 6. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sống thân cận [với thế tục] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã sống thân cận [với thế tục]. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 7. Điều Pãcittiya đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Có một điều quy đinh. —Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pâcỉttiya đến vị Ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên

quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã đi du hành trong mùa [an cư] mưa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

10. Điều Pãcittiya đến vị Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa mà không ra đi du hành đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khmi-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không ra đi du hành. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ,..(nt). Phẩm "Nm chung" là thứ tư.

4.5. 1 Điêu Pâcittỉya đên vị Ni đi đê xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triên lâm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khmi-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khuru-ni nhóm Lục Sư đã đi đê xem hí viện của đức vua và nhà triển lãm tranh. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 2. Điều Pâcittiya đến vị Ni sử dụng ghế trường ky, hoặc ghế nệm lông thú đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sử dụng ghế trường kỷ và ghế nệm lông thú. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

3. Điều Pâcittiya đến vị Ni xe chỉ sợi đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
, r .
Liên quan đên ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã xe chỉ sợi.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).
4. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni phục vụ người tại gia đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã phục vụ người tại gia.
x

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu....(nt) 5. Điều Pâcittiya đến vi Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" rồi không giải quyết cũng không nô lực cho việc giải quyêt đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã khi được vị Tỳ-khiru-ni nói rằng: "Thua Ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này9\ sau khi trả lời rằng: "Tốt thoi!^ rồi đã không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 6. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Tronệ sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tự tay cho vật thực cứng và vật thực mem đến người nam tại gia. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị Ni sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiều Kathina. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vị Ni học tập kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã học tập kiến thức nhảm nhí.

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điêu pháp theo từng câu. ...(nt). 10. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni dạy kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã dạy kiên thức nhảm nhí. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). Phẩm í6Nhà triển lãm tranh" là thứ năm.

4.6. 1. Điêu Pãcittiya đên vi Ni trong khi biêt tu viện có Tỳ-khưu, chưa hỏi ý lại đi vào đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý mà đã đi vào tu viện. Có một điều quy định, có hai điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội5 điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 2. Điêu Pãcỉttiya đên vi Ni măng nhiêc gièm pha vị Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mắng nhiếc Đại đức upāli. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni bị kích động rồi gièm pha nhóm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bi kích động đã gièm pha nhóm. - Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pâcittỉya đến vị Ni đã được thỉnh mời, hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ dụng vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở nơi khác đã được quy định tại đâu? —Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và từ chối [vật thực dâng thêm] đã thọ thực ở nơi khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điêu Pâcỉttỉya đên vị Ni bon xẻn vê gia đình đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bon xẻn về gia đình. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni sông mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳkhưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Ty-khưu.

CÓ một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điêu lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pâcittỉya đến vi Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu [không hành lễ Pavãranã] ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không thỉnh cầu [không hành lễ Pavāranā] nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Pâcittỉya đến vi Ni không đi vì việc giáo giới, hoặc vì việc đồng cộng trú đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các

Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã không đi vì việc giáo giới. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 9. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã không hỏi vê lê Uposatha, cũng đã không thỉnh cầu sự giáo giới. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

10. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt, hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng với người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). Phẩm “Tu viện55 ỉa thứ sáu.

4.7.

1. Điều Pãcittỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ mang thai đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ mang thai.
Có một điều quy đinh.
-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt).
2. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ người nữ còn cho con bú đã được quy định tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ây? nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ người nữ còn cho con bú.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).
3. Điều Pãcittỉya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
-Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

y

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt). 5. Điều Pâcittỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội5 điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt) 6. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

về Sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pâcỉttỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, đã không dạy dỗ cũng đã không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khmi-ni đã không hàu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ

cho trong hai năm.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1115

CÓ một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 10. Điều Pācittiya đến vi Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy] cũng không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly đã được quy định tại đau? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu~ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỵ-khưu-ni Thullanandã sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni áy] cũng không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly. y -Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Phẩm "Sản phq" là thứ bảy.

4.8. 1. Điêu Pãcỉttỉya đên vị Ni tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 2. Điêu Pãcittiya đên vị Ni tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuôi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

1116 TẬP YẾU

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pācittiya đến vi Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhung] chưa được hội chúng chấp thuận. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pācittiya đến vị Ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên]. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] đã tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 6.

Điều Pãcỉttiya đến vị Ni khi được nói rằng: "Nàỵ Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ'\ đã trả lời rằng: "Tót th6i!" sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Candakālī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ'\ đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" sau đó đã tiến hành việc phê phán. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vi Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây? Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Pãcittiya đến vi Ni sau khi đã nói với co Ni tu tập sự rằng: “Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự răng: "Này cô Ni, nêu cô sẽ hâu cận ta hai năm, như thê thì ta sẽ tiếp độ cho rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu áy sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

9. Điều Pâcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhân tâm, là nguôn gây sâu khô [cho người khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt) 10. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ, hoặc người chồng cho phép đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do y. ...(nt). 11. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập

sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parỉvãsa đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khmi] đang chịu hành phạt Parivãsa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1119

12. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ hàng năm đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã tiêp độ hàng năm.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(ĩit)
13. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tiếp độ hai người trong một năm đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ hai người trong một năm.
Có một điều quy đinh.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt)
Phẩm "Thiếu nữ*" là thứ tám.
4.9.
L Điều Pâcittiya đến vị Ni sử dụng dù dép đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã sử dụng dù dép.
> y
Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).
2. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni di chuyển bằng xe đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?
1120 TẬP YẾU

Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã di chuyên băng xe. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 3 Điều Pãcittiya đến vị Ni mang vật trang sức ở hông đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã mang vật trang sức ở hông. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 4. Điều Pãcittỉya đến vi Ni đeo đồ trang sức của phụ nữ đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đeo đồ trang sức của phụ nữ. Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tắm bằng vật thơm có màu sắc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng vật thơm có màu sắc. - Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

PHÂN TÍCH GIÓI TỲ-KHƯ-NI « 1121

6. Điều Pâcittỉya đến vi Ni tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
r e y
Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tăm băng bã dâu mè có tẩm hương.
Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vi Ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thề]. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 5 r e 9

9. Điêu Pãcỉttỉya đên vi Ni bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thê] đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 10. Điều Pãcittỉya đến vị Ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thề]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điêu lông cừu. ...(nt). 11. Điều Pãcittiya đến vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳkhưu khi chưa có sự hỏi ý đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy? nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vi Tỳ-khtru khi chưa có sự hỏi ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiề\x Kathina. ...(nt). 12. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? —Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì?

Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã hỏi câu hỏi ở vi Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). 13. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni không mặc áo lót đi vào làng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vi Tỳ-khưu-ni nọ không mặc áo lót đã đi vào làng. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm 6'DÙ dép^ là thứ chín. Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Tỏi, vê việc cạo nhô lông, lòng bàn tay [đập vô], gậy ngăn, việc làm sạch sẽ, [đứng gần] vị đang ăn, các thóc lúa còn nguyên hạt, hai điều với vật dơ, việc xem [ca, vũ, nhạc]. 2. Trong bóng tối, ở chỗ bị che khuất, ở khoảng trống, ở nơi xa lộ, trước và sau [bữa ăn], lúc trời tôi, vi đã hiên sai, [nguyên rủa] vê địa ngục, vi đánh đâm [bản thân]. 3. Lõa thể, [choàng tắm] nước, sau khi tháo rời [y], [quá] năm ngày, y thiết thân, [của] nhóm, sự phân chia, [y của] Sa-môn? không chác chăn và [thu hôi] Kathỉna. 4. Chung một giường với tấm trải, cố ý [quấy rầy], vi nữ đệ tử, sau khi cho [chô ngụ], [sông] thân cận, bên trong, bên ngoài [quôc độ], [du hành] mùa mưa, không ra đi. 5. Đức vua, ghê trường kỷ, [xe] chỉ sợi, [phục vụ] người tại gia với sự giải quyết [tranh tụng], vi cho [vật thực], y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập và chỉ dạy [điêu nhảm nhí].

6. Tu viện, sự mắng nhiếc, sự kích động, vị thọ thực, bòn xẻn về gia đình, việc cư ngụ [mùa mưa], lễ Pavāranā. sự giáo giới, [không hỏi về] hai pháp và phần dưới thân. 7. Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, [học tập] về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi và đã được tròn đủ, hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ và [cách ly] năm sáu [do-tuần]. 8. Hai điêu vê thiêu nữ, [chưa được châp thuận] bởi hội chúng, mười hai năm [thâm niên], do vị đã được châp thuận, thôi đi [chưa phải lúc], nêu [dâng y], hai năm [hâu cận], vị Ni thân cận và [chưa cho phép] bởi chông. 9. Các vị đang chịu hành phạt Parỉvãsa, hàng năm với việc tiếp độ hai người, với dù, xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật [thơm] có màu sắc. 10. Bã dầu mè, luôn cả vị Tỳ-khưu-ni [xoa bóp], cô Ni tu tập sự5 vị Sa-di- ni, người nữ tại gia, phía trước vi Tỳ-khưu, việc chưa thỉnh ý trước, vi không mặc áo lót.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM ẤY Tỏi, bóng tối, việc tắm, việc nằm chung, [nhà] triển lãm, tu viện và luôn cả người nữ có thai, thiếu nữ, dù và dép. —ooOoo—

1.5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA

.

L Điêu Pātidesanīya đên vị Ni yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng.

Có một điêu quy đinh, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: ...(nt).

2. Điêu Pātidesanīya đên vị Ni yêu câu dâu ăn roi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. ...(nt). 3. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu mật ong rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. .L(nt). 4. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu đường mía rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu đường mía rồi thọ dụng....(nt) 5. Điều Pātỉdesanĩya đến vi Ni yêu cầu cá rồi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu?...(nt). -Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu cá roi thọ dụng. ...(nt). 6. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu thịt rồi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu thịt roi thọ dụng. ...(nt). 7. Điêu Pātidesañīya đên vị Ni yêu câu sữa tươi roi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục

Sư đã yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. .L(nt). 8. Điêu Pātidesanīya đên vi Ni yêu câu sữa đông roi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. -Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt tám điều Pātidesanīya.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sau khi yêu cầu bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía và luôn cả cá nữa, thịt, sữa tươi, cả sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni [thọ dụng]. Tám điều Pātidesañīya đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác. Những điều học nào đã được giải thích chi tiết ở Phân tích Giới Tỳ-khưu, những điều ấy được rút gọn lại ờ Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni.

Dứt phần “Quy đinh tại đâu ỉa thứ nhất.” —ooOoo—

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

2.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? -Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội Pārājika\ vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội Thullaccaya; vi Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khxru-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này. 2. Vi Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội: Vi Ni biết rồi che giấu tội Pārājika [của vi Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika\ vị Ni có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya; vị Ni che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội này. 3. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vi [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vị [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārộịĩka. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vi [Tỳ-khưu] bi phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội này.

4. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói răng: "Hãy đi đên chô tên như v2y", vị Ni đi đên [nơi hẹn] thì phạm tội Dukkata^ khi đã vào ở trong tầm

tay của người nam thì phạm tội Thulỉaccaya; vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám thì phạm tội Pārājika. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này. Dứt các điều Pārājika.

2.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Vi Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp lúc tiến hành việc thưa kiện vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội Dukkata. nói với người thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya^ vào lúc kết thúc vụ xử án thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Vị Ni trong khi tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata^ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thulỉaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa, 3. Vi Ni một mình trong khi đi vào trong làng vi phạm ba tội: Vi Ni đi thì phạm tội Dukkata\ vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya\ vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Vị Ni trong khi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 5. Vị Ni nhiễm dục vọng, sau khi tư tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng, trong khi thọ thực vi phạm ba tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ an99 rồi thọ nhận thì phạm tội Thullaccaya\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Sañghādisesa; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. 6. Vi Ni trong khi xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ an" rồi thọ nhận, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Dukkata; môi lân [vị Ni kia] nuôi xuông, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt bữa ăn, [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Sañghādisesa.

7. Vị Tỳ-khưu-ni nổi giận trong khi không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Vị Tỳ-khưu-ni khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 9. Các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thê tục] trong khi không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 10. Vị Ni xúi giục rằng: uNày các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác", trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các

tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt các điều Sañghādisesa.

2.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA L Vị Ni trong lúc thực hiện việc tích trữ bình bát vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. 2. Vị Ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn", trong lúc bảo phân chia vi phạm hai tội: Vị Ni bảo phân chia, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được phân chia thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 3. Vi Ni sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị Ni giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giật lại thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 4. Vị Ni sau khi đã yêu cầu vật khác, trong khi yêu càu vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị Ni yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được [vật] yêu cầu thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. 5. Vi Ni sau khi đã bảo sắm vật khác, trong khi bảo sắm vật khác nữa vi phạm hai tội: Vi Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 6. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo săm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya.

PHÂN TÍCH GIÓI TỲ-KHƯU-NI > 1129

7. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc vê hội chúng đã được chỉ đinh vê việc khác cho nhu câu của việc khác : " r 9 r . *

vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được : ĩ

[vật] bảo săm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 8. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttỉya. 9. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc vê nhóm đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được] ỉ _ [vật] bảo săm thì phạm tội Nissaggiya Pãciítiya. 10. Vị Ni trong khi bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác : ỉ 9 r *

vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sam thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcỉttiya. 11. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày vượt quá tối đa bốn kamsa vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được : ỉ

[vật] bảo săm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 12. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại nhẹ vượt quá tối đa hai kamsa rưỡi vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. A

Dứt các điêu Nissaggiya Pãcittìya.

2.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA 4.1. 1. Vị Ni trong khi nhai tỏi vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai^, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ môi một lân nuôi xuông thì

phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vị Ni trong khi cạo [nhổ] lông ở chỗ kín vi phạm hai tội: Vị Ni cạo [nhổ], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cạo [nhổ] thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vị Ni trong khi đập vỗ bằng lòng bàn tay vi phạm hai tội: Vi Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcỉttỉya. 4. Vị Ni trong khi áp dụng gậy ngăn băng nhựa cây vi phạm hai tội: Vị Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã áp dụng thì phạm tội Pãcittỉya. 5. Vi Ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước vượt quá tối đa hai lóng tay vi phạm hai tội: Vi Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã áp dụng thì phạm tội Pâcỉttiya.

6. Vị Ni với nước uống hoặc với quạt, trong khi đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực vi phạm hai tội: Vi Ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi rời xa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 7. Vi Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dqng" rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuôi xuống thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào vi phạm hai tội: Vi Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đổ bỏ thì phạm tội Pâcittiya. 9. Vi Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vi phạm hai tội: Vị Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đổ bỏ thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc vi phạm hai tội: Vị Ni đi thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm 66T6Ì" là thứ nhất

4.2. 1. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối, ban đêm không có đèn vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tâm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 2. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội Pãcừtiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 3. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội Dukkata. 4. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tâm tay thì phạm tội Pãcitíiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkaía. 5. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngoi, trong khi ra đi không thông báo chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua mái hiên che mưa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttiya.

6. Vi Ni sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn, trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi không hỏi ý chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chô năm, trong khi

ngôi xuống vi phạm hai tội: Vi Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni do hiểu sai do xét đoán sai, trong khi phàn nàn với vi khác vi phạm hai tội: Vi Ni phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phàn nàn thì phạm tội Pãcỉttỉya, 9. Vi Ni trong khi nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh vi phạm hai tội: Vi Ni nguyền rủa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nguyền rủa thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vi phạm hai tội: Vị Ni đánh và khóc lóc thì phạm tội Pãcitíiya; vi Ni đánh không khóc lóc thì phạm tội Dukkata. Phẩm 66Bóng tốp là thứ nhì.

4.3. 1. Vị Ni lõa thể trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị Ni tắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vi Ni trong khi bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị Ni bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaịa\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. 3 Vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni, trong khi không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại vi phạm một tội Pãcittiya, 4. Vi Ni trong khi vượt quá năm ngày thiêu văng y hai lóp vi phạm một tội Pâcỉttỉya. 5. Vị Ni trong khi mặc y thiết thân [của vị Ni khác] vi phạm hai tội: Vi Ni mặc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mặc thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi cản trở lợi lộc về y của nhóm vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vị Ni trong khi ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp vi phạm hai tội: Vi Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngăn cản thì phạm tội Pâcỉttiya.

8. Vị Ni trong khi cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại dạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị Ni trong khi để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vi phạm hai tội: Vị Ni để cho vượt quá, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã đe cho vượt quá thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị Ni trong khi ngăn cản sự thu hồi Kathỉna đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngăn cản thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm 66Tắm” là thứ ba.

44 1. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi nằm chung ở một chiếc giường vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi năm chung một tâm trải tâm đáp vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vi Ni trong khi cố ý quấy rầy các vị Tỳ-khmi-ni [khác] vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcỉttiya. 4. Vị Ni trong khi không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vi phạm một tội Pãcittiya. 5. Vi Ni sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni [khác] chỗ tru ngụ lại nổi giận bất bình, trong khi lôi kéo ra vi phạm hai tội: Vị Ni lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội

Pãcỉttỉya. 6. Vị Ni sống thân cận [thế tục], trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm hai tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pâcỉttỉya. 7. Vi Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcỉttỉya. 8. Vị Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcittiya.

9. Vị Ni trong khi đi du hành vào mùa [an cư] mưa vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vị Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa, trong khi không ra đi du hành vi phạm một tội Pâcỉttiya. Phẩm “Nằm chung” là thứ tư.

4.5. 1. Vị Ni trong khi đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hô sen vi phạm hai tội: Vị Ni đi, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vị Ni trong khi sử dụng ghế trường kỷ hoặc ghế nệm lông thú vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttiya, 3 Vị Ni trong khi xe chỉ vi phạm hai tội: Vị Ni xe [chỉ], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một vòng quay thì phạm tội Pâcỉttiya. 4. Vị Ni trong khi phục vụ người tại gia vi phạm hai tội: Vi Ni phục vụ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phục vụ thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thua Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng nàyn đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" trong khi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vi phạm một tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pâcittiya, 7. Vị Ni sau khi không chịu xả bỏ y nội trợ, trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. 8. Vị Ni khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ, trong khi ra đi du hành vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vị Ni trong khi học tập kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vi Ni học tập, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcỉttiya. 10. Vi Ni trong khi dạy kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vị Ni dạy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm ẾÍNhà triển lãm tranh" là thứ năm.

4.6. 1. Vi Ni biết tu viện có Tỳ-khưu, trong khi đi vào chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vị Ni trong khi mắng nhiếc gièm pha vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni mắng nhiếc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mắng nhiếc thì phạm tội

Pãcỉttiya. 3. Vị Ni bị kích động trong khi gièm pha nhóm vi phạm hai tội: Vi Ni chửi rủa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã gièm pha thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị Ni đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm], trong khi nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãciítiya. 5. Vị Ni trong khi bon xẻn về gia đình vi phạm hai tội: Vị Ni bon xẻn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã bon xẻn thì phạm tội Pãciíiiya. 6. Vị Ni trong khi sông mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ sống mùa [an cư] mua" rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, hoặc đem lại nước uống nước rửa, hoặc quét phòng thì phạm tội Dukkata; với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội Pâcỉttiya. 7. Vi Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa trong khi không thỉnh cầu [hành lễ Pavãranã\ ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống vi phạm một tội Pãcittiya. 8. Vi Ni trong khi không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú vi phạm một tội Pãciítiya. 9. Vị Ni trong khi không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vi phạm một tội Pãcỉttiya. 10. Vi Ni khi chưa hỏi ý hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam, trong khi xẻ nặn mụt nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân vi phạm hai tội: Vị Ni xẻ nặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã xẻ nặn thì phạm tội Pãcỉttiya. Phẩm “Tù viện99 là thứ sáu.

4.7. 1. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ mang thai vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ còn cho con bú vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ? lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya.

3. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhimg] chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pâcittiya. 5. Vi Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng châp thuận vi phạm hai tội: Vi Ni tiêp độ, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vi phạm một tội Pãcittỉya. 9. Vị Ni trong khi không hâu cận Ni sư tê độ đã tiêp độ cho trong hai năm phạm một tội Pãcỉttiya. 10. Vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không cách ly [vi Ni ấy] cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly vi phạm một tội Pãcittỉya. Phẩm 6íSản phụ” là thứ bảy.

4.8. 1. Vị Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuôi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vi Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vi Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuôi đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm [nhung] chưa được hội chúng chập thuận vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya.

4. Vị Ni chưa đủ mười hai năm [thâm niên], trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] chưa được hội chúng đong y, trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội J 9 .L Dukkata; khi đã tiêp độ thì phạm tội Pãcỉttiya. 6. Vị Ni khi được nói rằng: "Này Ni su, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp d" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!,, sau đó, trong khi tiến hành việc phê phán vi phạm hai tội: Vị Ni phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vi Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự răng: "Này cô Ni, nêu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6”trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội Pãcittiya. 8. Vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: “Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội Pãcittiya, 9. Vi Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhân tâm, là nguồn gây sâu khô [cho người khác] vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ hoặc người chông cho phép vi phạm hai tội: Vị Ni tiêp độ, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittỉya. 11. Vị Ni trong khi tiêp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parỉvâsa vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 12. Vi Ni trong khi tiếp độ hàng năm vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiêp độ thì phạm tội Pãcittiya. 13. Vị Ni trong khi tiếp độ hai người trong một năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “Thiếu HŨ*” là thứ tám.

4.9. L Vị Ni trong khi sử dụng dù dép vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pâcittiya.

2. Vị Ni trong khi di chuyển bằng xe vi phạm hai tội: Vị Ni di chuyển [bằng xe], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã di chuyển [bằng xe] thì phạm tội Pãcỉttiya. 3. Vi Ni trong khi mang vật trang sức ở hông vi phạm hai tội: Vị Ni mang, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mang thì phạm tội Pâcỉttỉya. 4. Vị Ni trong khi đeo đồ trang

sức của phụ nữ vi phạm hai tội: Vị Ni đeo, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đeo thì phạm tội Pācittiya. 5. Vị Ni trong khi tắm bằng vật thơm có màu sắc vi phạm hai tội: Vị Ni tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tát việc tăm thì phạm tội Pãcittỉya. 6. Vi: Ni trong r khi tăm băng bã dâu mè có tâm hương r vi phạm , hai tội: Vị Ni tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ vào lúc hoàn tát việc tăm thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vi Ni trong khi bảo Tỳ-khiru-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vị Ni trong khi bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vị Ni trong khi bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vị Ni trong khi bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittiya, 11. Vi Ni trong khi ngôi xuống trên chô ngôi ở phía trước vị Tỳ-khiru khi chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pâcỉttiya. 12. Vị Ni trong khi hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước vi phạm hai tội: Vị Ni hỏi, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã hỏi thì phạm tội Pãcỉttỉya. 13. Vị Ni không mặc áo lót, trong khi đi vào làng vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata*. vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm UDÙ dEp" là thứ chín. Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.

2.5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA . 1. Vị Ni sau khi yêu cầu bơ lỏng, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dvng” rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. 2. Vị Ni sau khi yêu cầu dầu ăn? trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuôt xuông thì phạm tội Pātidesañīya. 3. Vị Ni sau khi yêu cầu mật ong, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesariīya. 4. Vi Ni sau khi yêu cầu đường mía, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung99 rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuôi xuông thì phạm tội Pātidesamya. 5. Vi Ni sau khi yêu cầu cá, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dqng” rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. 6. Vị Ni sau khi yêu cầu thịt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanĩya. 7. Vi Ni sau khi yêu cầu sữa tươi, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng95 rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata^ mỗi một lần nuôt xuông thì phạm tội Pātidesanīya. 8. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng^ rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. Dứt tám điều Pātidesamya. Dứt phần 6'Bao nhiêu tộiw là thứ nhì.

3. PHẢN Sự HƯ HỎNG 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ung thuận sự xúc chạm thân the của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với hai sự hư hỏnệ trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. ...(nt).

2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần “Sụ* hư hỏngw là thứ ba.

4. PHẢN Sự TỎNG HỢP 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pārājika, có thê là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tong hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Pātidesamya, có the là nhóm tội DukkaỊa. Dứt phần wSự tổng hợp” là thứ tư.

5. PHÀN NGUỒN SANH TÔI .

L Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu •...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội?

Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bôn nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân ya do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Dứt phần ^Nguồn sanh tộf9 là thứ năm.

6. PHẢN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khmi-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông

rồi thọ dụng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần “Sụ* tranh tụng55 là thứ sáu.

7. PHÀN Sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm của vi Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu câu sữa đông roi thọ dụng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

w \ A e

Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu câu sữa đông roi thọ dụng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần uSự dàn xếp” là thứ bảy.

8. PHÀN sự QUY TỤ 1. Vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng, trong khi ung thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội Pãrặịika; vị Ni ưng thuận sự năm lây từ xương đòn [ở cô] trở lên từ đâu gói trở xuống thì phạm tội Thulỉaccaya; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dẫn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổĩiệ hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có the là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm bao nhiêu tội? Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ diỊng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống

thì phạm tội Pātidesañīya. Vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao

nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dằn xếp? - Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pātidesañīya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần 6'Sy quy tụ" là thứ tám. —ooOoo—

9. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy định, không có điều quy đinh thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khmi và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. x r 1 A X /M , Được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào trong bôn cách đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhd)! Được gôm chung vào phân mở đâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bôn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? -Thuộc ve nhom tôi Pārājika. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? —Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5

không do khẩu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? -Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão]. Vị upâli? luôn cả vị Dâsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapanni. 2. Điêu Pārājika do duyên của việc che giâu lôi lâm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khtru-ni Thullanandâ dầu biết vị Tỳ-khtru-ni vi phạm tội Pārājika đã không tự chính mình khiển trách cũng đã không thông báo cho nhóm. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 3. Điều Pārājika do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha trước đây là người huân luyện chim ưng [là vị] đã bi hội chúng hợp nhát phạt án treo. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 4. Điều Pārājika do duyên của việc làm đủ sự việc thứ tám đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ây5 các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt các điều Pãrậiika.

9.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy đinh tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã sông là người nói lời tranh chấp.

ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy đinh riêng? - Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (PãtỉmokkhdỴÌ Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc vê nhóm tội Sañghādisesa. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội? Điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão]. Vị Ưpāli luôn cả vi Dâsaka, vi Sonaka, vị Siggava là tương tợ với vi Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt). Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 3. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong r : . khi thây, điêu Sañghādisesa do duyên của việc tiêp độ nữ đạo tặc đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiêp độ nữ đạo tặc. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điều Sañghādisesa do duyên của việc đi vào trong làng một mình đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ một mình đã đi vào trong làng. Có một điều quy đinh, ba điều quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 5. Điêu Sanghãdỉsesa do duyên của việc phục hôi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã phục hôi cho vi Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm. y

Có một điêu quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 6. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc thọ thực của vị Tỳ-khưu-ni nhiêm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundañnandā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [như] ở điều

Pārājika thứ nhất ...(nt). 7. Điều Sañghādisesa do duyên của việc xúi giục rằng: “Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dân^g vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ây roi nhai hoặc ăn di" đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục răng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di." Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đên lân thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni nôi giận, bát bình đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tap." Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhác nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Candakālī khi bi xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình và đã nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khiru-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hai.” Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đên lân thứ ba của các Tỳ-khưu-ni sông thân cận [với thê tục] đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã sông thân cận [với thê tục]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 11. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đến lần thứ ba của vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xúi giục rằng: "Này các Ni su, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác." Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 12. Điều Pātidesanīya do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng.
Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).
Dứt phần "Quy đinh tại dâu" là thứ nhất

10. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

10.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika\ vị Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa; vị [Ni] dùng thân sờ vào vật được găn liên với thân [người nam] phạm Thulỉaccaya; vị [Ni] dùng vật được gan liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [người nam] thì phạm tội Dukkata; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội PācittiyaJ Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. 2. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc che giâu lôi lâm vi phạm bôn tội: Vi Tỳ-khưu-ni biêt [vị Tỳ-khưu-ni khác] vi phạm tội Pārājika rồi che giấu thì phạm tội Pārājika; vị [Ni] có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thuỉiaccaya; vị Tỳ-khmi che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pãcittỉya^ vị [Ni] che giấu sự hư hỏng về hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc che giâu lôi lâm vi phạm bốn tội này. 3 Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội?

7 Chương này được đề cập riêng cho Tỳ-khưu-ni: Tội thứ nhất là tội dành riêng cho Tỳ-khiru-ni, tội thứ ba và thư tư có tính cách tương tợ giưa Tỳ-Ịdiưu và Tỳ-khưu-ni dầu được quy định vào hai điều học khác nhau, tội thứ năm được đề cập ơ Giới bổn (Pãtimokkha) của Tỳ-khưu nhimg là điều học được quy đinh chung cho cả hai hội chúng, nêng tội thứ nhì được xếp vào đây xét ra có tính cách gượng ép vì chỉ danh riêng cho Tỳ-khưủ (ND). 8 Đúng ra phải ghi là "vi Ty-khưuni" thay vì t4vị Tỳ-khưu,? (ND).

Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, do lời đê nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ vi Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba thì phạm tội Sañghādisesa; vị không chịu

dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pācittiya. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội này. 4. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: "Hãy đi đến chỗ tên như vầy" vi Ni đi đến [nơi hẹn] thì phạm tội Dukkata\ khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội Thullaccaya\ vi Ni làm đay đủ sự việc thứ tám thì phạm tội Pārājika, Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này. Dứt các điều Pārājika.

10.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện, vị Tỳ-khxru-ni là người nói lời tranh chấp vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội Dukkata\ nói với . jF *

người thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya; vào lúc két thúc vụ xử án thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 3. Do duyên của việc đi vào trong làng một mình vi phạm ba tội: Vị Ni đi thì phạm tội Dukkata\ vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya^ vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Do duyên của việc phục hồi cho vị Ty-khtru-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya^ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 5. Do duyên của việc thọ thực, vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ nhận thì

phạm tội Thulỉaccaya; môi một lân nuốt xuống thì phạm tội Sañghādisesa; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. 6. Do duyên của việc xúi giục răng: "Này Ni su, người đàn ông ây nhiêm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ây dâng vật thực cứng hoặc vật thực mem nào đên Ni su, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ây roi nhai hoặc ăn di" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vi Ni kia [nghĩ rằng]: uTa sẽ nhai, ta sẽ ăn,, rồi thọ nhận [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần [vi Ni kia] nuốt xuống, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Thullaccaya\ vào lúc châm dứt bữa ăn, [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni nổi giận vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdisesa. 8. Khi bi xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó, do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkaía; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì

phạm tội Sañghādisesa. 9. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thế tục] vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vi Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt). y

Dứt mười điêu Sanghãdisesa. Nên được phân tích chi tiết theo như phần dưới,9 riêng phần nguyên nhân là có sự khác biệt.

11. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ án" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkaía;

9 Có lẽ vào thời ấy, các phần đã đọc xong được đặt ở dưới thấp nên mới ghi là "theo như phần dưới^,; còn theo cách đọc hiện nay thì phải ghi la "theo như phần trên' mới hợp ly (ND).

mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãtidesanĩya. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội này. Dứt phần 6'Bao nhiêu tội55 là thứ nhì. —ooOoo-

11. PHẦN Sự Hư HỎNG 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với hai sự hư hỏng trong bon sự hư hỏng: Có the là sự hư hỏng ve giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần "Sụ* hư hỏng99 là thứ ba. —ooOoo—

12. PHÀN Sự TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có the là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Pācittiya. có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu câu được tông hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pātidesanīya, có the là nhóm tội Dukkata. Dứt phần "Sụ* tổng hợp" là thứ tư. —ooOoo—

13. PHẢN NGUỒN SANH TỘI 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu càu được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bôn nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân ya do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do y, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. Dứt phần wNguòn sanh tội55 là thứ năm. —ooOoo—

14. PHÀN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm do duyên của việc img thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Cắc tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần wSự tranh tụng55 là thứ sáu. —ooOoo—

15. PHÀN sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử

Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* dàn xếp” là thứ bảy. —ooOoo—

16. PHÀN sự QUY TỤ 1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika\ vi Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] băng thân [vi áy] thì phạm tội Sañghādisesa; dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân thì phạm tội Thullaccaya} dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được găn liên với thân thì phạm tội Dukkata^ khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pācittiya, Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng

hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Pācittiya, có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôi! sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lap. ...(nt). 2. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội?

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1155

-Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuốt xuông thì phạm tội Pātidesañīya. Vị Ni sau khi yêu câu sữa đông trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pātidesanīya. có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do bôn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* quy tụ^ là thứ tám. Dứt tám phần về do duyên.

TÓM LƯỢC CÁC PHẢN NÀY Phân bao nhiêu [tội], phân sự hư hỏng, phân sự tông hợp luôn cả phân vê nguôn sanh tội, phân sự tranh tụng, phân sự dàn xép và phân sự quy tụ, đây là bảy phần. Được bắt đầu bằng phần sự quy định là tám phần.

Dứt mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khiru-ni và Phân tích Giới Tỳ-khiru-ni được chấm dứt.

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐÈ CỦA NGUỒN SANH TÔI

TÓM LƯỢC VÈ NGUỒN SANH TÔI 1. Tát cả các hành là vô thường, khô và vô ngã được tạo hợp [do duyên]. Và chính Niết-bàn là điều khái niệm, được khẳng định là "v6 ngã/9 2. Khi đức Phật, ví như mặt trăng còn chưa xuất hiện, khi đức Phật, ví tợ mặt trời còn

chưa hiện khởi, vấn đề tên gọi của các pháp có tính chất chung ấy không được biết đến. 3. Sau khi đã thực hành khổ hạnh nhiều loại, sau khi làm đủ đầy các pháp toàn hảo, các đấng Đại Hùng chứng thực pháp nhãn xuất hiện ở cõi có các Phạm thiên. 4. Các vị giảng giải Chánh pháp có sự châm dứt khô, đem lại an lạc. Bậc Hiền Trí dòng Sakyā, hiệu Añgīrasa, là bậc Thương Tưởng Tất Cả Chúng Sanh. 5. Đấng Sư Tử, bậc Tối Thượng Của Tất Cả Các Loài đã thuyết giảng Tam tạng gom có Kinh, Vi diệu pháp và Luật, có đức tính vĩ đại. 6. Như vậy Chánh pháp được lưu truyền nếu Luật còn tồn tại, và cả hai bộ Phân tích, bộ Hợp phần và các tiêu đề. 7. Vòng hoa được kết lại chính là nhờ vào sợi chỉ, tức là bộ Tập yếu. về chính bộ Tập yếu ấy, nguồn sanh tội được xác định. 8. Phần phân tích và phần duyên khởi được trình bày lối khác trong giới bổn ở trên; bởi thế vị thuần thiện mến pháp nên học tập bộ Tập yếu này.

MƯỜI BA NGUỒN SANH TÔI 9. Vào lễ Uposatha, các vi đọc tụng điều quy định ở hai bổn Phân tích, còn tôi sẽ nói về nguồn sanh tội đúng theo hệ thống, xin hãy lắng nghe tôi: 10. Điều Pārājika thứ nhất và điều thứ nhì là khác với điều ấy, việc làm mai mối, sự nhắc nhở và phần y phụ trội. 11. Các lông cừu, pháp theo từng câu, sự thực chứng với sự hẹn trước, đạo tặc, sự thuyết giảng, nữ đạo tặc và sự không cho phép là mười ba.1

1 Do ba cửa thân, khẩu, ý có được sáu nguồn sanh tội. Các điều học có nguồn sanhjtội giống nhau đã được phân loại thành 13 nhóm. Chúng toi đã thêm từ trong ngoặc đơn ở bai kệ để dễ nhận ra điều học có liên quan. về việc này, Chú giải sư Buddhaghosa có giai thích rõ hơn về các điều học và ở bản dịch tiếng Anh, cô I. B. Homer có ghi tên điều học và số thứ tự (ND).

12. Mười ba phương thức về nguồn sanh tội này đã được suy nghĩ bởi các bậc hiểu biết về mỗi một nguồn sanh tội được trình bày ở đây là như nhau.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT A

13. Việc đôi lứa, tinh dịch, việc xúc chạm, âỉễu Ānīyata thứ nhát, [Tỳ-khưu] đến ngụ trước, được môi giới, chỗ kín đáo cùng với Tỳ-khưu-ni. 14. Có hai vợ chông và luôn cả chô kín đáo, ngón tay [thọt léc], giữn trong nước, hai điều về cú đánh, về giá tay [dọa đánh] và năm mươi ba học pháp. 15. Dưới xương đòn [ở cổ], [vào] làng, từ người nam nhiễm dục, lòng bàn tay, gậy ngắn, làm sạch sẽ [bằng nước], đã trải qua mùa [an cư] mưa, việc giáo giới, vị không hầu cận Ni sư tế độ. 16. Bảy mươi sáu điều học này được làm do thân và do ý, tất cả có một nguồn sanh tội giống như điều Pārājika thứ nhất. Dứt nguồn sanh tội của điều Pārājika thứ nhất.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ 17. Vật chưa cho, đoạt mạng, pháp thượng nhân, nói thô tục, tình dục cho bản thân, [cáo tội] không nguyên cớ, có quan hệ khác biệt, điều bất định thứ nhì. 18. Giật lại [y đã cho], thuyết phục dâng [bản thân], nói dối, lời mắng nhiếc, đâm thọc, [nói] tội xâu, đào đát, [hại] thảo mộc, nói tránh né, vị phàn nàn. 19. Lôi kéo ra, việc tưới nước, vì nguyên nhân lợi lộc, [mời] vị đã ăn xong, "hãy đến”xem thường, gây sợ hãi, thu giấu và [hại] mạng sống. 20. Trong khi biết nước có sinh vật, [khơi lại] hành sự, chưa đủ [hai mươi tuôi]? việc cộng trú [vị án treo],

việc [Sa-di] trục xuất, theo Pháp, luôn cả sự chê bai [Luật], [giả vờ] ngu dốt và [bôi nhọ] không nguyên cớ. 21. [Gây] nỗi nghi hoặc, [chê hành sự] đúng Pháp, [thuận cho] y [rồi phê phán], thuyết phục dâng cá nhân, làm gì được [Ni sư], [y] ngoại thời, giật lại [y], [phàn nàn] vì hiểu sai và [nguyền rủa về] địa ngục. 22. [Cản trở y] của nhóm, [ngăn cản] việc phân chia, [mong mỏi] không chắc chắn, [thu hồi] Kathina. [vị cố ý] quấy rầy, [lôi ra khỏi] Ni viện, mắng nhiếc [vị Tỳ-khiru], bị Idch động [mắng nhiếc], bon xẻn [gia đình], người sản phụ và vị còn cho bú. 23. [Chưa thực hành] hai năm, việc học tập, do hội chúng luôn cả ba điều về người nữ đã kết hôn và thiếu nữ có ba điều, chưa đủ mười hai năm, chưa được sự chấp thuận.

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI « 1159

24. Chưa phải lúc [tiêp độ], [nhân tâm] gây sâu khô, sự thỏa thuận và hai vị một năm. Bảy mươi điêu học này được thực hiện do ba nguôn: 25. Do thân và ý không do khẩu, khẩu và ý không liên quan thân, được sanh từ ba cửa, giống như điều Pārājika thứ nhì. Dứt nguồn sanh tội của điều Pārāfika thứ nhì.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI 26. Mai mối, [làm] cốc liêu, trú xá, giặt y, nhận lãnh [y của Tỳ-khưu-ni], thọ nhận vượt quá yêu câu, của hai điêu [căn dặn] và bởi sứ giả. 27. Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phàn, sáu năm, vật lót ngồi, các vị xao lãng luôn cả vàng bạc, hai điều về trao đổi theo nhiều cách. 28. [Bình bát] chưa đủ năm mảnh vá? choàng tăm mưa, chỉ sợi, dặn dò [việc dệt y], [cho đên khung] cửa lớn, cho y [Tỳ-khmi-ni], may y, bánh ngọt, nhân duyên [bốn tháng] và [đốt] ngọn lửa. 29. Vật quý, [ông đựng] kim, giường, [độn] bông gòn, vật lót ngôi, y đáp ghẻ, luôn cả vải tắm mưa với [y] đức Thiện Thệ, sự yêu cầu, việc sắm vật khác. 30. Hai điều thuộc về hội chúng, hai điều thuộc về nhóm, các cá nhân, [tấm choàng] nhẹ, dày, hai điều đổ đồ thừa, choàng tắm [Tỳ-khưu-ni] và y của Sa-môn. 31. Cả năm mươi pháp này được sanh lên từ sáu chỗ: Do thân không do khẩu và ý, do khẩu không do thân và ý. 32. Do thân và khẩu không do ý? do thân và ý không do khẩu, do khẩu và ý không do thân, được sanh lên từ ba cửa và sáu nguồn sanh tội này là tương tợ như điều mai mối. Dứt nguồn sanh tội của điều làm mai mốt

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ 33. Chia rẽ, xu hướng theo, khó dạy, làm hư hỏng, [giấu] tội xấu, tà kiến, [không trao] sự tùy thuận, hai điêu cười lớn tiêng, hai điêu vê tiêng động, [miệng có cơm] không nên nói. 34. Ngồi đất, chỗ thấp, đứng, đi sau, một bên [đường], [vị Tỳ-khưu-ni che giấu] tội, xu hướng theo, việc nắm lấy,2 vị Ni phục hồi, việc nói lìa bỏ. 35. [Trong cuộc tranh tụng] nào đó, hai điêu sông thân cận, vị đánh đâm [khóc lóc], vị tháo y, người nữ [đệ tử] bị bệnh, lại điều sống thân cận, không dàn xếp và tu viện, [không hành] lễ Pavāranā.

2 Pārăịika 4 của Tỳ-khưu-ni về việc thực hiện đầy đủ tám sự việc (ND).

36. Mỗi nửa tháng [không hỏi], [không dạy] nữ đệ tử, hai điều [về tiếp độ], Ã hâu hạ.r Ba mươi bảy pháp này do thân, khâu và ý, tát cả có y y,: zviệc [nêu dâng] một nguôi! giông như điêu nói nhác nhở. Dứt nguồn sanh tội của điều nói nhắc nhở.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU KATHINA 31. Ba điều Kathỉna không còn hiệu lực, điều thứ nhất về bình bát, dược phẩm và y đặc biệt nữa, [ở rưng] có nguy hiểm, hoặc là hai điều vị ra đi.3 38. [Giáo giới] ở Ni viện, [vật thực] được thỉnh sau, không phải thức ăn thừa, việc thỉnh mời, việc chú nguyện đê dùng chung, [hậu cung] của đức vua, [vào làng] lúc sái thời, hướng dẫn sự phục vụ và vị ở rừng. 39. Việc tranh chấp, tích trữ, trước, sau, lúc sái thời, thời hạn năm ngày, y thiết thân, hai điều [không nguyện xả] và y nội trợ. 40. Phần dưới thân, luôn cả việc ngồi [trước Tỳ-khưu]. Tất cả hai mươi chín điều này có hai nguồn sanh tội: Do thân và khẩu không do ý, [hoặc] được sanh lên từ ba cửa, tương tợ như điều Kathina. Dứt nguồn sanh tội của điều Kathina.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG cừu A A 9

41. Việc [mang vác] lông cừu, hai điêu vê năm chung, chân [giường] tháo rời được, bữa ăn ở phước xá, [vật thực] dâng chung nhóm, lúc sái thời, việc tích trữ với nước và tăm xỉa răng, các đạo sĩ lõa thể. 42. Động binh, [ngụ] ở binh đội, nơi tập trận, [uống] rượu, việc tắm khi chưa đủ [nửa tháng], hoại sắc, hai điều Pātidesanīya. tỏi, về việc đứng gần [phục vụ], [xem] vũ. 43. Việc tăm [lõa thê], năm chung tâm trải, chung giường, trong quôc độ, bên ngoài là tương tợ, [du hành] trong mùa mưa, nhà triển lãm tranh vẽ, ghế trường kỷ, việc xe chỉ sợi. 44. Phục vụ [người tại gia], tự tay [cho vật thực], chỗ ngụ không Tỳ- khưu, dù che, xe, vật trang sức ở hông, đồ trang sức [phụ nữ], vật thơm, được tẩm hương. 45. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni với người nữ tại gia, tội không mặc áo lót, là bốn mươi thêm bốn điều.

3 Pãcittiya 14 và 15 của Tỳ-khưu về việc ra đi chưa thu dọn lại giường ghế đã bày ra (ND).

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI 1161

46. Tất cả có hai nguồn sanh tội: Do thân không do khẩu và ý5 do thân và ý không do khâu, tương tợ như điêu lông cừu. Dứt nguồn sanh tội của điều lông cừu.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TỪNG CÂU 47. [Dạy đọc pháp] theo từng câu, ngoại trừ [có người nam], [giáo giới] chưa được chỉ định, khi mặt trời đã lặn, hai điều về kiến thức nhảm nhí đã được nói đến, khi chưa thỉnh ý và việc đặt câu hỏi. 48. Bảy điều học này, tất cả có hai nguồn sanh tội: Do khẩu không do thân và ý, sanh lên do khẩu và ý nhưng không được sanh lên do thân, tương tợ như điều pháp theo từng câu. Dứt nguồn sanh tội của điều pháp theo từng câu.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA 49. [Đi] đường xa, chung thuyền, [vật thực] hảo hạng, [đi chung] với người nữ, vị Ni cạo nhô [lông], lúa nguyên hạt luôn cả vị Ni được thỉnh mời và tám điều Pātidesañīya. 50. Mười lăm điều học này: Do thân không do khẩu không do ý, chúng sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý. 51. Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, do thân do khẩu r \

và do ý, là bôn nguôn sanh tội đã được quy định do trí của đức Phật, tương tợ như điều đường xa. Dứt nguồn sanh tội của điều đường xa.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC 52. Đám người đạo tặc, việc nghe lén với việc yêu câu súp, bóng đêm và được che khuất, khoảng trống, các điều này với giao lộ là bảy điều. 53. Các điêu này có hai nguôn sanh tội: Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, sanh lên do ba cửa, các nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc đã được thuyết giảng bởi vị thân quyến mặt trời. Dứt nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU THUYẾT GIẢNG PHÁP 54. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến kẻ tay cầm dù, M X D L tương tợ y như thê đên kẻ tay câm gậy, tay câm dao và vũ khí. 55. Có [mang] giày dép, [trên] xe, năm và ngôi ôm đâu gói, đội khăn luôn cả trùm đầu, là mười một điều không thiếu sót. 56. Tất cả có một nguồn sanh tội: Chúng sanh lên do khẩu và ý không sanh • 9 k T lên do thân, tương tợ như điêu thuyêt giảng pháp. Dứt nguồn sanh tội của điều thuyết giảng pháp.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIÊU TUYÊN Bố sự THỰC CHỨNG 57. Sự thực chứng [pháp thượng nhân] được sanh lên do thân không do khau không do ý và sanh lên do khau không do thân không do ý. 58. [Và còn] được sanh lên do thân do khẩu và không sanh lên do ý. Điều gọi là tuyên bố sự thực chứng sanh lên từ ba nền tảng. Dứt nguồn sanh tội của điều tuyên bố sự thực chứng.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TIẾP Đô NỮ ĐẠO TẶC 59. [Tiếp độ] nữ đạo tặc sanh lên do khẩu do ý nhung không do thân, điều tiếp độ nữ tặc này được sanh từ ba cửa, hai nguồn sanh tội không bị làm lẫn lộn đã được đấng Pháp vương đề cập đến. Dứt nguồn sanh tội của điều tiếp độ nữ đạo tặc.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIÊU CHƯA ĐƯỢC CHO PHÉP 60. Điều về người chưa được cho phép4 [sanh lên] do khẩu không do thân và không do ý, điều ấy sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý. 61. Điều ấy sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, sanh lên từ ba cửa, là bốn nền tảng không bị làm lẫn lộn. Dứt nguồn sanh tội của điều chưa được cho phép.

4 Pãcittiya 80 của Tỳ-khưu-ni về việc tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép (ÑD).

62. Bởi vì phân tóm tăt vê nguôn sanh tội gôm mười ba phân đã khéo được thuyết giảng, là việc làm không bi lầm lẫn, là nền tảng phù hợp với Pháp và Luật, trong khi nắm vững điều này, người có sự hiểu biết không bị lầm lẫn về nguồn sanh tội. Dứt phần tóm tắt các đầu đề của nguồn sanh tội. —ooOoo-

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC

PHẢN CÂU HỎI BAO NHIÊU Bao nhiêu loại tội vi phạm? Bao nhiêu nhóm tội? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự không kính trọng? Bao nhiêu sự kính trọng? Bao nhiêu Sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự hư hỏng? Bao nhiêu nguôn

sanh tội? Bao nhiêu nguyên nhân tranh cãi? Bao nhiêu nguyên nhân khiên trách? Bao nhiêu pháp cần được ghi nhớ? Bao nhiêu sự việc gây ra chia rẽ? Bao nhiêu sự tranh tụng? Bao nhiêu cách dàn xép? Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Sáu sự không kính trọng. Sáu Sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. Bôn sự hư hỏng. Sáu nguôn sanh tội. Sáu nguyên nhân tranh cãi. Sáu nguyên nhân khiển trách. Sáu pháp cần được ghi nhớ. Mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Bon sự tranh tụng. Bảy cách dàn xếp. 1. ở đấy, năm loại tội là gì? -Tội Pārājika, tội Sanghãdisesa, tội Pãcittiya, tội Pātidesamya. tội Dukkata. Đây là năm loại tội. 2. ở dấy, năm nhóm tội là gì? Nhóm tội Pãrậịỉka. nhóm tội Sanghãdỉsesa, nhóm tội Pãcỉttỉya. nhóm tội Pātidesanīya, nhóm tội Dukkaịa. Đây là năm nhóm tội. 3. ở dấy, năm sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Đây là năm sự việc đã được rèn luyện. 4. ở đấy, bảy loại tội là gì? -Tội Pārậịika, tội Sañghādisesa, tội Thullaccaya, tội Pãcỉttỉya, tội Pātidesanīya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā. Đây là bảy loại tội. 5. ở dấy, bảy nhóm tội là gì? -Nhóm tội Pārājika^ nhóm tội Sañghādisesa, nhóm tội Thullaccaya. nhóm tội Pãcỉttiya, nhóm tội Pātidesañīya, nhóm tội Dukkata, nhóm tội Dubbhāsitā. Đây là bảy nhóm tội.

1166 < TẬP YẾU

6. ở đấy, bảy sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với bảy nhóm tội. Đây là bảy sự việc đã được rèn luyện. 7. ở đấy, sáu sự không kính trọng là gì? Sự không kính trọng đức Phật, sự không kính trọng Giáo pháp, sự không kính trọng Hội chúng, sự không kính trọng việc học tập, sự không kính trọng việc không xao lãng, sự không kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự không kính trọng. 8. ở dấy, sáu sự kính trọng là gì? Sự kính trọng đức Phật, sự kính trọng Giáo pháp, sự kính trọng Hội chúng, sự kính trọng việc học tập, sự kính trọng việc không xao lãng, sự kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự kính trọng. 9. ở dấy, sáu sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chê, sự không chê, sự kiêm chê, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt môi liên hệ với sáu sự không kính trọng. Đây là sáu sự việc đã được rèn luyện. 10. ở đấy, bốn sự hư hỏng là gì? Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về tri kiến, sự hư hỏng về nuôi mạng. Đây là bốn sự hư hỏng. 11. ở dấy, sáu nguồn sanh tội là gì? Có tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có tội sanh lên do khẩu và do ý? không do thân. Có tội sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Đây là sáu nguồn sanh tội. 12. ở đấy, sáu nguyên nhân tranh cãi là gì? ở dây, vị Tỳ-khiru trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ? có sự han học, vi ây sông không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sông không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sông không tôn kính không phục tùng Hội chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt).. Giáo

pháp, ...(nt)... Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vi ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ

lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế, • * r r ÁY

nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả dối trá,...(nt).. tr& nên đố kỵ bon xẻn, ...(nt).. trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo su, ..(nt).. Giáo pháp, ..(nt)... Hội chúng,...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và kho đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ frong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Như thê, nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân tranh cãi. 13. ở đấy, sáu nguyên nhân khiển trách là gì? ở dây, vị Tỳ-khiru trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự han học, vị ây sông không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sông không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sông không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư,...(nt).. Giáo pháp, ...(nt).. Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các

ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một

cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khun trở nên đạo đức giả dối trá, ...(nt)... trở nên đố kỵ bon xẻn, ...(nt)... trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt).. trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vi Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt).. Giáo pháp, ...(nt).. Hội chúng, ..(nt)...không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tan hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thê một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Như thê, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân khiển trách. 14. ở đấy, sáu pháp cần được ghi nhớ là gì? ở đây, sự thân thiện của vi Tỳ-khưu qua thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đên sự không tranh cãi, đên sự hòa hợp, đên sự nhát thê. Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua khẩu nghiệp đối với các vị đông Phạm hạnh được thê hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, những lợi lộc nào đúng Pháp, đạt được hợp pháp, ngay cả vật được đặt vào trong bình bát, vi Tỳ-khưu có sự thọ hưởng đồng đều

các lợi lộc CÓ hình thức như thế, có sự thọ hưởng chung với các vi đồng Phạm hạnh có giới đức; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa

đến sự gắn bó5 đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, những giới nào không bị bể vỡ, không bị sứt mẻ, không lấm nhơ, không khuyết điểm, được tự tại, được các bậc trí ngợi khen, không hoen ố, đưa đến thiền định, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về giới, theo các giới có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mên, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điêu khác nữa, tri kiên nào thuộc bậc Thánh, đưa đên giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn diệt tận khổ đau cho người thực hành theo điều ấy, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về tri kiến, theo tri kiến có hình thức như the một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Đây là sáu pháp cần được ghi nhớ. 15. ở dấy, mười tám sự việc gây ra chia rẽ là gì? Trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ tuyên bố điêu đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điêu đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai la "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bô điêu được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố phạm tội là "vô tuyên bố vô tội là "phạm tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t”, tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Đây là mười tám sự việc gây ra chia rẽ. 16. ở đấy, bốn sự tranh tụng là gì? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng. 17. ở đấy, bảy cách dàn xếp là gì?

Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp. Dứt phần “Câu hỏi bao nhiêu.^

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Tội vi phạm, nhóm tội, [các sự việc] đã được rèn luyện, lại nhóm bảy [về tội], việc đã được rèn luyện luôn cả sự không kính trọng, sự kính trọng và nguyên nhân. 2. Lại nữa [các sự việc] được rèn luyện, sự hư hỏng, nguồn sanh tội, sự tranh cãi, sự khiên trách, cân được ghi nhớ, sự chia rẽ và sự tranh tụng, bảy cách dàn xếp đã được nói đến; đây là mười bảy đoạn. —ooOoo—

1. PHÀN SÁU NGUỒN SANH TÔI

.

1. Do nguồn sanh tội thứ nhấtcó thể phạm tội Pārājikcf!
Nên nói rằng: "Không thể.”
9
CÓ thê phạm tội Sañghādisesa!
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Thullaccayàl
- Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pâtỉdesanĩyàl
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dukkatàl
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Dubbhāsitā!
- Nên nói rằng: "Không thể."
2. Do nguồn sanh tội thứ nhì, có thể phạm tội Pārājikai
Nên nói rằng: "Không thể."
Là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý (ND).

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC < 1171

CÓ thể phạm tội Sañghādisescf!
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Thullaccayaì
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãtidesanĩya?
Nên nói rằng: "Không thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
-Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dubbhāsitā?
Nên nói rằng: "Không thể.”
3. Do nguồn sanh tội thứ ba, có thể phạm tội Pārājikaī
Nên nói rằng: "Không thể."
Có the phạm tội Sañghādisesa?
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Thulỉaccaya?
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Pācittiycf!
Nên nói rằng: "C6 thể.”

Có thể phạm tội Pâtidesariĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dukkatal
-Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dubbhãsitaỉ
Nên nói rằng: "Không thể.”
4. Do nguồn sanh tội thứ tư, có thể phạm tội Pārājika?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Sanghãdỉsescíỉ
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Thullaccaycf!
Nên nói rằng: "C6 tha."
Có thể phạm tội Pācittiycf!
Nên nói rằng: “C6 thể.”
1172 TẬP YẾU
CÓ thể phạm tội Pãtidesanĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
Nên nói rằng: "C6 the/9
Có thể phạm tội Dubbhāsitā?
Nên nói rằng: "Không thể.”
5. Do nguồn sanh tội thứ năm, có thể phạm tội Pārājikai
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có the phạm tội Sañghādisesai
- Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Thullaccayal
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Pātidesamycf!
- Nên nói rằng: "Không thể.”
Có the phạm tội Dukkatcíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dubbhāsitā!
Nên nói rằng: “C6 thể.”
6. Do nguồn sanh tội thứ sáu, có thể phạm tội Pārājikai
- Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Sañghādisesai
-Nên nói rằng: “C6 thể.”

Có thể phạm tội Thullaccaycíỉ
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Pãtidesanĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
Nên nói rằng: “C6 thể.”
sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC « 1173

CÓ thể phạm tội Dubbhāsitā? Nên nói rằng: "Không thể.” Dứt phần uSáu nguồn sanh i" là thứ nhất

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI 1. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguôn sanh tội thứ nhát vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khtru nghĩ răng được phép roi tự xin [vật liệu] và xây dựng cóc liêu ở khu đát không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Saùghãdisesa\ vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi thọ dụng vật thực vào lúc sái thời thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà roi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttiya, có thê là nhóm tội Pātidesanīya. CÓ thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho t6i." Họ r Ị" JF -- : xây dựng cóc liêu cho vị ây ở khu đát không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành

1174 TẬP YÊU

[vị Tỳ-khưu] thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ây đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khưu

nghĩ rằng được phép rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcỉttỉya. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bôn loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... • .... 1 1 y ' Được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pâcỉttỉya. có the là nhóm tội Dukkata, Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3 Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thulỉaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vi Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, yêu cau các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt).. Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Sañghādisesa. có thê là nhóm tội Thuỉlaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya, có thê là nhóm tội Pātidesariīya, CÓ thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do khâu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC 1175

4. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội: Vi Tỳ-khiru thực hiện việc đôi lứa thì phạm tội Pãrãjỉka\ vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi tự xin [vật liệu] và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác đinh, vượt quá kích thước, có điêu chướng ngại, không có khoảng trông xung quanh, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya} khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khiru nghĩ rằng không được phép, rồi thọ dụng vật thực lúc sái thời thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội này. Các

tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt).. Được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội 9 9

Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Pãtỉdesanĩya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lâp. 5. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pãrãịika; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho t6i", họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác đinh, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành [vi Tỳ-khưu] thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thuỉỉaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcittiya; vi không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn rồi nói vị thấp kém theo sự thấp kém thì phạm tội Dubbhāsitā. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có thê là nhóm tội Thullaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya, có thể là nhóm tội Dukkata. có thể là nhóm tội Dubbhāsitā. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do khâu và do ý, không do thân. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 6. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu tính toán rồi lây trộm gói đô thì phạm tội Pārājika} vi Tỳ-khmi nghĩ răng không được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điêu chướng ngại, không có khoảng trông xung quanh, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata^ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khiru nghĩ rằng không được

phép rồi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân và thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi không ngăn cản vị Tỳ-khtru-ni đang hướng dẫn sự phục vụ và thọ thực thì phạm tội Pātidesamya. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có the là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pãcittiya, có thể là nhóm tội Pātidesanīya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do r r , ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lâp. Dứt phần “Bao nhiêu tội thuộc sáu nguồn sanh t0i” là thứ nhì.

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC 1177

3. BÀI KỆ VÈ NGUỒN SANH TÔI 1. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói vê điêu ây. 2. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 3. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 4. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vo Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bốn tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vi rành rẽ về bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 5. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích. tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 6 Các nguôn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên khâu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vo Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vi rành rẽ về bộ Phân tích. tôi trả lời câu này cho Ngài. 7. Các nguôn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 8. Các nguồn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì nhân ấy. Hỡi vị rành rẽ về

bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 9. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.

r 7 r 10. Các ĩiẸuôn sanh tội có liên quan đên khâu có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hieu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phăn tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 11. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 12. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Co Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích. tôi trả lời câu này cho Ngài. Dứt bài kệ về 6'Nguồn sanh tộf5 là thứ ba.

4. PHÀN DO DUYÊN HƯ HỎNG 1. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội: Vi Tỳ-khưu-ni biết mà che giâu tội Pārājika [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika^ có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya\ vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pãcittiya; vi che giấu tội xấu của bản thân thì phạm tội Dukkata, Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội pārajika, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Dukkata, Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khâu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do duyên hư hỏng vê hạnh kiêm vi phạm bao nhiêu loại tội? -Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội: Vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội này.

Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan

đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội: Vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Dukkata\ vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pãcittỉya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bon sự tranh tụng. Được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 4. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm sáu loại tội: Vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị [Tỳ-khưu] có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pãrãjỉka\ vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị thực hành việc mai moi thì phạm tội Sañghādisesa; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị nói rằng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thuỉlaccaya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vi Tỳ-khưu yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bi bệnh yêu càu súp và cơm cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Dukkata, Do duyên hư hỏng ve nuôi mạng vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnệ?...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xép? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Pâtỉdesanĩya. có the là nhóm tội Dukkaịa, Được sanh lên do sáu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và

việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Do duyên hư hỏng55 là thứ tư.

5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG 1. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị mang nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này. Các tội ây liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏnệ?...(nt).. Được làm lang diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tong hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pâcittiya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đên khiên trách vi phạm ba tội: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa;

vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pãcittiya; vi bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê hạnh kiêm không có nguyên cớ thì phạm tội Dukkata. Do duyên tranh tụng liên quan đen khiển trách vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnẹ? ...(nt).. Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý9 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do v, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bon sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3 Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội: Vị Tỳ-khưu-ni biết mà che giấu tội Pārājika [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika^ có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya\ vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa [của vi Tỳ-khưu khác] thì phạm tội Pãcittiya; vị che giấu sự hư hỏng vê hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata, Do duyên tranh tụng liên quan đên tội vi phạm bốn tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnệ?...(nt)... Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự

hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thể là nhóm tội Pãcỉttỉya. có the là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu n^uồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 4. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị Tỳ- khiru-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata, do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ các Tỳ-khưu là những người xu hướng theo kẻ

chia rẽ [hội chúng] không chiu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Sañghādisesa; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pâcittiya. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?...(nt).. Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pãrậịỉka. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya^ có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Trừ ra bảy loại r tội và bảy nhóm 2 tội, các tội còn lại• không liên hệ với sự hư hỏng nào trong bôn sự hư hỏng, không được tông hợp vào nhóm tội nào trong bảy nhóm tội, không được sanh lên do nguồn sanh tội nào trong sáu nguồn sanh tội, không là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, không được làm lắng dịu bỏd cách dàn xếp nào trong bảy cách dàn xếp. Nguyên nhân của điêu ây là gì? Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội khác không có. Dứt phần 6'Do duyên tranh tụng" là thứ năm. Dứt sự trùng lặp liên tục.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Câu hỏi vê bao nhiêu, các nguồn sanh [tội] và bao nhiêu tội là tương tợ y như thế. [Bài kệ] các nguồn sanh tội, sự hư hỏng và tương tợ về sự tranh tụng. —ooOoo—

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP

6. PHÀN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY 1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tô? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị khiên trách theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? 4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Nhiệm vụ được sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

l. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? -Có mười tám cơ sở gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu sự việc? Có mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu nền tảng? Có mười tám nên tảng gây ra chia rẽ.

CÓ bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? Có mười hai nguyên nhân.1 Vi tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Vi tranh cãi theo hai cách thức: Hoặc là có tri kiên đúng Pháp hoặc là có tri kiến sai Pháp. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Tham la yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bon sự hư hỏng là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bốn sự hư hỏng là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bốn sự hư hỏng là nền tảng. Có bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? -Có mười bốn nguyên nhân.2 Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức? Vị khiển trách theo hai cách thức: Từ sự việc hoặc từ tội vi phạm. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

1 Là sáu nguyên nhân tranh cãi thêm vào ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp. Xem tr. 677-78 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, §26-27, tr. 379-83 (ND). . 2 Là sáu nguyên nhân khiển trách, ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp, thêm vào thân và khẩu. Xem tr. 678-80 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, §28-31, tr. 383-87 D). .

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1185

ỉ z 4 r ỉ 3. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, điêu gì là yêu tô đi trước? - Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bảy nhóm tội là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bảy nhóm tội là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bảy nhóm tội là nen tảng. Có bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân. Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? -Vị vi phạm tội theo sáu cách thức: Sự không xấu hổ, sự không biết, bản chất không hối hận5 sự lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép, sự lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? r Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng diu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? - Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bon hành sự3 là các cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bốn hành sự là các sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bôn hành sự là các nên tảng. Có bao nhiêu nhân tố? - Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

3 Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư (ND).

1186 < TẬP YẾU

CÓ bao nhiêu nguyên nhân? Có một nguyên nhân là hội chúng. Nhiệm vụ sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Nhiệm vụ được sanh lên theo hai cách thức: Từ lời đề nghị hoặc từ lời công bố. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Có bao nhiêu cách dàn xép? -Có bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo sô đông, theo tội của vi ây, cách dùng cỏ che lâp. Đây là bảy cách dàn xếp. Tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, có thể bảy cách dàn xép này trở thành mười cách dàn xép, mười cách dàn xép trở thành bảy cách dàn xếp hay không? —Có thể. Và có thể bằng cách nào? Hai cách dàn xép của sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, bôn cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, ba cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tội, và một cách dàn xếp của sự tranh tụng liên

quan đến nhiệm vụ. Như thế, tày theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, bảy cách dàn xép này trở thành mười cách dàn xép, mười cách dàn xép trở thành bảy cách dàn xếp. Dứt phần ^Phương thức trình bày" là thứ sáu.

7. PHÀN CÓ LIÊN QUAN Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiên trách, có bao nhiêu cách dàn xép là không có liên quan? Đôi với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bao nhiêu cách dàn xép là không có liên quan?

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1187

r r e r Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xép là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? 1 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là không có liên quan: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vi ấy. Đối với sự tranh tụng liên quan đen khiển trách, có ba cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. 3 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lâp. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bôn cách dàn xép là không có liên quan: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, theo tội của vị ây. 4. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có một cách dàn xép là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần ĔÍCÓ liên quan" là thứ bảy.

8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xép là có cùng quan hệ? Đôi với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có

quan hệ khác biệt?

1188 TẬP YẾU

1. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, có hai cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông. Đôi với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. 2. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, có bôn cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bang sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, theo tội của vị ây. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, có ba cách dàn xép là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. 3 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với l • • r sựr hiện diện, việc phán xử theor tội đã được • • , thừa nhận, cách dùng cỏ che lâp. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bôn cách dàn xép là có quan hệ khác biệt: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. 4. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có một cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đoi với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị áy, cách dùng cỏ che lâp. Dứt phần Í6CÓ cùng quan hệ59 là thứ tám.

9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XÉP CÓ LIÊN QUAN ĐÓI VỚI CÁCH DÀN XÉP Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có liên quan? Đôi với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan. Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan? L Thuận theo số đông là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; y A• là không có liên quan đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vị áy, đôi với cách dùng cỏ che lâp.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1189

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ây, đôi với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông. 3. Hành xử Luật khi không điên cuông là có liên quan đôi với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vi ây, đôi với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có liên quan đôi với hành xử Luật với sự hiện

diện; là không có liên quan đoi với [cách hành xử] theo tội của vi ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Theo tội của vị ấy là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6. Cách dùng cỏ che lấp làL . có liên quan đối với r hành xử L Luật * với sự : hiện diện; là không có liên quan đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật bang sự ghi nhớ, đoi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đoi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan. Dứt phần ẾÍCác cách dàn xếp có liên quan đối với cách dàn x" là thứ chín.

10. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XÉP CÓ CÙNG QUAN HỆ ĐÔI VỚI CÁCH DÀN XẾP Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có cùng quan hệ? Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt? . jF O r

Đôi với [một] cách dàn xép, có thê có các cách dàn xép là có cùng quan hệ. Đôi với [một] cách dàn xêp? có thê có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt. Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

1. Thuận theo số đông là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuông, đôi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vi ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp. 2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật khi không Ạ jF e :. điên cuông, đôi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông. 3 Hành xử Luật khi không điên cuồng là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Theo tội của vị ấy là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo SÔ đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đoi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6 Cách dùng cỏ che lấp là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử

Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vi ấy. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Như vậy, đôi với [một] cách dàn xép, có thê có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt. Dứt phần uCác cách dàn xếp có cùng quan hệ đối với cách dàn xếp59 là thứ mười.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1191

11. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XÉP VÀ HÀNH XỬ LUẬT VỚI sự HIỆN DIỆN [Có phải] cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hành xử Luật với sự hiện diện là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là thuận theo số đông [và] thuận theo sô đông là cách dàn xép? Cách dàn xép là hành xử Luật băng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật khi không điên cuồng [và] hành xử Luật khi không điên cuồng là cách dàn xép? Cách dàn xép là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là theo tội của vi ây [và] theo tội của vị ây là cách dàn xép? Cách dàn xép là cách dùng cỏ che lâp [và] cách dùng cỏ che lâp là cách dàn xép? 1. Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây, cách dùng cỏ che lấp, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách dàn xép vừa là hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là thuận theo so đông. Thuận theo so đông vừa ỉa cách dàn xếp vừa là thuận theo số đông. 3. Hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng. 5 Theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhung] không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách dàn xếp vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6. Cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán

1192 TẬP YẾU

xử theo tội đã được thừa nhận, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhưng] không phải là theo tội của vị ây. Theo tội của vi ây vừa là cách dàn xép vừa là theo tội của vị

ấy. 7. Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhưng] không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ây. Dứt phần aCác cách dàn xếp và hành xử Luật với sự hiện diệnw là thứ mười một

12. PHÀN CÁCH HÀNH xử [Có phải] cách hành xử là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hanh xử Luật với sự hiện diện là cách hành xử? Cách hành xử là thuận theo số đông [và] thuận theo sô đông là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật băng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật khi không điên cuông [và] hành xử Luật khi không điên cuông là cách hành xử? Cách hành xử là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách hành xử? Cách hành xử là theo tội của vi ây [và] theo tội của vi ây là cách hành xử? Cách hành xử là cách dùng cỏ che lấp [và] cách dùng cỏ che lấp là cách hành xử? 1. Cách hành xử có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Cách hành xử có thể là thuận theo số đông, có thể không phải là thuận theo sô đông. Thuận theo sô đông vừa là cách hành xử vừa là thuận theo sô đông. 3. Cách hành xử có thể là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, có thể không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật bang sự ghi nhớ. 4. Cách hành xử có thể là hành xử Luật khi không điên cuồng, có thể không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Cách hành xử có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách hành xử vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1193

6. Cách hành xử có thể là theo tội của vị ấy, có thể không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách hành xử vừa là theo tội của vị ấy. 7. Cách hành xử có thể là cách dùng cỏ che lấp, có thể không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách hành xử vừa là cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần wCách hành xũ*” là thứ mười hai.

13. PHÀN TÓT ĐẸP Hành xử Luật với sự hiện diện là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? Thuận theo số đông là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật khi không điên cuồng là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Theo tội của vi ấy là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Cách dùng cỏ che lấp là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? 1. Hành xử Luật với sự hiện diện có thể là tốt đẹp, có thể là không xác định, không có hành xử Luật với sự hiện diện là không tốt đẹp. 2. Thuận theo số đông có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 3. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có thể là tốt

đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 4. Hành xử Luật khi không điên cuồng có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 5. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 6. Theo tội của vị ấy có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 7. Cách dùng cỏ che lấp có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác đinh. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt đẹp, là không tốt đẹp5 [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 3. Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định, không có sự tranh tụng liên quan đen tội là tốt đẹp. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. Dứt phần 6íTốt dép” là thứ mười ba.

14. PHÀN NƠI NÀO 1. Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây thuận theo sô đông được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng. 2. Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng. 3 Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, [thì] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng. 4. Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy

cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng. 5. Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây theo tội của vị ây được áp dụng, [thì] nơi ây cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng. 6. Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo ỉ t r < A

SÔ đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ấy không được áp dụng. 7. Nơi nào có thuận theo số đông, nơi ẩy [cũng] có hành xử Luật với sự , : e r . hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nêu] nơi ây có thuận theo số đông, [thì] nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ây không có theo tội của vị ây, nơi ây không có cách dùng cỏ che lấp. 8. Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có hành xử Luật băng sự ghi nhớ, [thì] nơi ây không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy không CÓ thuận theo sô đông. [Đã dùng hành xử Luật với sự hiện diện làm nên tảng

9. Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có cách dùng cỏ che lâp, [thì] nơi ây không có thuận theo sô đông, nơi ây không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy. Phần giản lược về sự luân phiên. Dứt phần “Nơi nàow là thứ mười bốn.

1196 TẬP YÊU

15. PHẢN CÁCH DÀN XÉP 1. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông: Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây thuận theo sô đông được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng. 2. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải

quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vi ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng. 3 Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng: Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuông được áp dụng, nơi ây hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông được áp dụng, [thì] nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng. 4. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận: Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng. 5. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ây: Nơi nào theo tội của vi ây được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng,

[thì] nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bang sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng. 6. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận H , J Ji • x 1 1 , • không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng. Dứt phần wCách dàn xếp" là thứ mười lăm.

16. PHÀN ĐƯỢC GẮN LIỀN "Sụ* tranh tụng” hay là "cách dàn xếp”các pháp này được gắn liền hay không được gắn liền? Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẻ để

chỉ rõ sự khác biệt? "Sịt tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này không được gắn liên, không phải được găn liên. Và đôi với các pháp này có thê phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Vi ấy nên được nói rằng: Chớ có như the! “Sịt tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Lý do của điều ấy là gì? Không phải đức Thế Ton đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.” Như vậy, các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Dứt phần wĐược gắn liền95 là thứ mười sáu.

17. PHÀN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách được làm lăng dịu bởi bôn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông và theo tội của vị ây. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện. việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 4. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành

xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 5. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 6. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đen tội được làm lang dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 8. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị M q ' . . . . ây và cách dùng cỏ che lâp. 10. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần ĔÍĐược làm lắng dju" là thứ mười bảy.

18. PHÀN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU VÀ KHÔNG ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)..

Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự ĩ r tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo sô đông. Không được làm lăng diu bởi năm cách dàn xép: Hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lâp. 2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng diu bởi ba cách dàn xép: Thuận theo sô đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách •••N •••

dùng cỏ che lâp. Không được làm lăng diu bởi bôn cách dàn xép: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Không được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xép: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1201

5. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đên khiên trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. Không được làm lăng dịu bởi hai cách dàn xếp: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 6. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 8. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách và sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên khiên

trách và sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lắng diu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng diu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông. 9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.

10. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Không được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 11. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách r • * r dàn xép? Không được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp. 12. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng Sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông và theo tội của vi ây. Không được 1 làm lăng diu bởi hai cách r dàn xép: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lâp. 13. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp. Không được làm lăng dịu bởi một cách dàn xép là thuận theo số đông. 14. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan

đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ

được làm lăng diu bởi bảy cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần í6Được làm lắng diu & không được làm lắng diu59 là thứ mười tám.

19. PHÀN CÁCH DÀN XẾPVÀ sự TRANH TỤNG [Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng diu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lang dịu bởi các sự tranh tụng? Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thê có các cách dàn xép không được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép. Có thê có các cách dàn xếp được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng. Có thể có các sự tranh tụng được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép, có thê có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.

(1) Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thê có các cách dàn xép không được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép là thế nào? r Thuận theo sô đông được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lang dịu bởi hành xử Luật bang sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lăng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuông, không được làm lắng diu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vi ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông. Hành xử Luật khi không điên cuồng được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được

thừa nhận, không được làm lắng diu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng diu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng diu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng. Theo tội của vị ấy được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không

được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng diu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Cách dùng cỏ che lâp được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy. CÓ thê có các cách dàn xép được làm lăng diu bởi các cách dàn xép là như thế. Có thể có các cách dàn xếp không được làm lang dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(2) CÓ thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Thuận theo số đông không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đen khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Hành xử Luật khi không điên cuồng không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên

quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Theo tội của vị ây không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Cách dùng cỏ che lấp không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lang diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Có thê có các cách dàn xép được làm lăng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế. Có thể có các cách dàn xếp có thể không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế.

(3) Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có the có các sự tranh tụng không được làm lang dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Sự tranh tụng liên quan đến franh cãi được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông; không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ấy và cách dùng cỏ che lấp. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp; không được làm lang diu bởi thuận theo so đông, hành xử Luật bang sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.

CÓ thê có các sự tranh tụng được làm lăng diu bởi các cách dàn xép là như thế. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng diu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(4) CÓ thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lang dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên tội; được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đến tội không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lang dịu bởi sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Có thê có các sự tranh tụng không được làm lăng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Cả sáu cách dàn xép và bôn sự tranh tụng được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng diu • • • • • ••• ^2 •

bởi bất cứ điều nào. Dứt phần 6íCách dàn xếp và sự tranh tụng” là thứ mười chín.

20. PHÀN LÀM SANH KHỞI L Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? ở đây5 các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Dây là Pháp,9? hoặc là uđây không phải là ppáp", hoặc là "đây là Luật\ hoặc là "dây không phải là Luật \ hoặc là "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng ya nói đến", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hanh,\ hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy dmh9\ hoặc là "diều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy djnh", hoặc là "diều ấy là phạm tội^, hoặc là "diều ấy là không phạm tộr\ hoặc là "diều ấy là tội nhq", hoặc là "diều ấy là tội nặng,\ hoặc là utội còn dư sóf\ hoặc là "tội không còn dư s6t", hoặc là "tội xấu xa", hoặc là "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, sự gây gô, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiêu quan diêm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng r . ỉ • • liên quan đên tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 2. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? ở dây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây, việc nào là sự khiên trách, sự soi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên tranh

cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiên trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 3 Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? Năm nhóm tội là

sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đên tội; việc ây được gọi là sự tranh tụng liên quan đên tội. Trong sự tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiên trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó9 hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 4. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? Việc gì càn phải hoàn thành, cần phải thực thi là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, là hành sự CÓ lời đê nghị r đên lân thứ tư của hội chúng; r việc ây được gọi là• sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Trong sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó5 hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Dứt phần uLàm sanh khởi” ỉa thứ hai mươi.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1209

21. PHÀN LIÊN HỆ VỚI

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào? 2. Trong bôn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào? 3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tong hợp vào sự tranh tụng nào? 4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. 2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 3 Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tội, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tội, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tội,

được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội. 4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổnệ hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 2-3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt).

1210 TẬP YẾU

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với bao nhiêu , cách dàn xép?

r

Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xép? Phụ thuộc vào

9 9 A *

bao nhiêu cách dàn xép? Được tông hợp vào bao nhiêu cách dàn xép? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với hai cách dàn xép, nương tựa vào hai cách dàn xép, phụ thuộc vào hai cách dàn xếp, được tổng hợp vào hai cách dàn xếp, được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Trong bảy cách dàn xép, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách liên hệ với bốn cách dàn xếp, nương tựa vào bốn cách dàn xếp, phụ thuộc vào bốn cách dàn xép, được tông hợp vào bôn cách dàn xêp? được làm lăng dịu bởi bôn cách dàn xép là hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 3. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với ba cách dàn xếp, nương tựa vào ba cách dàn xếp, phụ thuộc vào ba cách dàn xếp, được tổng hợp vào ba cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với một cách dàn xép, nương tựa vào một cách dàn xêp? phụ thuộc vào một cách dàn xép, được tông hợp vào một cách dàn xép, được làm lăng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt phần "Lin hệ với" là thứ hai mươĩ mốt Dứt phân tích cách dàn xếp.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sự tranh tụng, phương thức, có liên quan, có cùng quan hệ, cách dàn xếp có liên quan và có cùng quan hệ đôi với cách dàn xép. Cách dàn xếp luôn cả sự hiện diện, với cách hành xử, phần tốt dẹp, phần nơi nào, phân các dàn xép, phân được găn liên, phân được làm lăng dịu, không được làm lăng diu luôn cả cách dàn xêp5 sự tranh tụng, sự làm sanh khởi và chúng liên hệ với. —ooOoo—

CÁC CÂU HỎI VỀ BÔ HỢP PHẦN [a]1

1. Tôi sẽ hỏi về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [b]2 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 2. Tôi sẽ hỏi về chương Uposatha với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương uposatha với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [c]3 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 3. Tôi sẽ hỏi về chương Vào mùa mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Vào mùa mưa với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [d]4 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 4. Tôi sẽ hỏi vê chương Pavāranā với phân mở đâu và phân trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Pavāranā với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [e]5 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 5. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [f]6 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 6. Tôi sẽ hỏi về chương Dược phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

1 [a] Khandakapucchā'. Có ý nghĩa là t4các câu hỏi về bộ Khandhaka °, tức là các câu hỏi về bộ Hợp phan gồm có Đại phẩm và Tiểu phẩm (ND). 2 [b] Hai loại tội: Ngài Buddhaghosa giải thích là tội Pãcỉttiya 65 về việc cho tu lên bậc trên người chưa đu 20 tuổi, thấy tế độ phạm tội Pācittiya, các vị cổn lại phạm tội Dukkata (VinA. Vli. 1318) 3 [c] Ba loại tội: Là tộỊ^Thullaccaya cho các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ Uposatha, tội Pãcittiya trong việc thực hiện lễ Uposatha với vị bị án treo và tội Dukkata trong nhiều trương hợp khác (Sdd\ 4 [d] Tức là tội Dukkata (Sđd.ỵ

5 [e] Ba loại tội: Là tội Thuỉỉaccaya đến các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ Pavãranã, tội Pãcỉttiya trong việc thực hiện lễ Pavārana với vị bị án treo và tội Dukkata trong nhiều trường hợp khác (Sđd.). 6 [f] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc sờ mó bộ rphận sinh dục bò cái tơ do tâm khởi dục, tội Pãcỉttỉya 61 trong việc dìm nước các con bò cái tơ, giết chết và tội Dukkata trong nhiều trường hợp khác (.).

-Tôi sẽ trả lời vê chương Dược phàm với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [g]7 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 7. Tôi sẽ hỏi về chương Kathỉna với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Kathina với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 8. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đe cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [h]8 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 9. Tôi sẽ hỏi về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Campā với

phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [a]9 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 10. Tôi sẽ hỏi về chương Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Kosambī với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 11. Tôi sẽ hỏi về chương Hành sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Hành sự với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 12. Tôi sẽ hỏi về chương Của vị hành Parivãsa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quỷ? -Tôi sẽ trả lời về chương Của vị hành Parỉvãsa với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 13. Tôi sẽ hỏi về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 14. Tôi sẽ hỏi về chương Dàn xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

7 [g] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc mổ xẻ ở xung quanh chỗ kín hai lóng tay, tội Pãcittỉya 33 vềyiệc thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác và tội Dukkata trong nhiều trương hợp khác(Sdd). 8 [h] Tội Thullaccaya về viêc mặc biểu tượng của ngoại đạo là [che thân băng] da linh dương, tội Nissaggiya Pācittiya thứ nhát trổng việc sư dụng y phụ trội và tồi Dukkata trong nhiều trường hợp khác .). * 9 [a] Một loại tội: Là tội Dukkata (Sđd.ỵ

Tôi sẽ trả lời vê chương Dàn xép với phân mở đâu và phân trình bày. Có hai loại tội [b]10 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 15. Tôi sẽ hỏi về chương Các tiểu sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Các tiêu sự với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [c]11 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 16. Tôi sẽ hỏi vê chương Sàng tọa với phân mở đâu và phân trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Sàng tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [d]12 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 17. Tôi sẽ hỏi về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [e]13 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 18. Tôi sẽ hỏi về chương Thực hành [f]14 với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Thực hành với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 19. Tôi sẽ hỏi về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 20. Tôi sẽ hỏi về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có

bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội15 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 21. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan năm trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

10 [b] Hai loại tội: Là tội Pācittiya 79 về vị đã trao sự thỏa thuận rồi lại phê phán hành sự đúng Pháp và tội Dukkata ở ïihững chỗ khác ịsđd.). 11 [c] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya đối với vị cắt đi dương vật của bản thân, tội Pãcittiya 37 về việc nhai lại và tội Dukkata ở nhiều trường hợp khác (S.). 12 [d] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc phân tán các trọng vật của hội chúng, tội Pâcittỉya 17 về việc lôi kéo ra khỏi trú xá của hội chúng và tồi Dukkaịa ở nhiều trường hợp khác (sấd.). 13 [e]AHai loại tội: Là tội Thullaccaya đối với các vị xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và tội Pãcỉttiya 32 về vật thực dâng chung nhóm(Sđd.). 14 [f] Tức là Vattakkhandhakam (chương Phận sự), số VIII trong Cullavagga (Tiểuphẩm). Xem tr. 843 trong tập này; TTPV, tập 7. Cv. II, tr. 372 (ND). 15 Hai loại tội: Là tội Pãcittỉya 57 của Tỳ-khưu-ni do không hành lễ Pavãranã và tội Dukkata ở những trường hợp idiác (VinA. VII. 1318).

-Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan năm trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 22. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan bảy trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan bảy trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. Dứt các câu hỏi về bộ Hợp phần là thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Việc tu lên bậc trên, lễ Uposatha. vào mùa [an cư] mưa, lễ Pavāranā, da thú? dược phàm, các điêu vê Kathỉna, y phục và việc liên quan đên Campā. 2. Chương Kosambī, hành sự, hình phạt Parivãsa, việc tích lũy [tội], cách dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, việc chia rẽ hội chúng, việc thực hành, sự đình chỉ, chương Tỳ-khưu-ni với năm [trăm vị] và bảy trăm vi. —ooOoo—

TĂNG THEO TỪNG BẬC

NHÓM MÔT Các pháp tạo tội cần phải biết. [a]1 Các pháp không tạo tội cần phải biết. [b]2 Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết. Tội nhẹ càn phải biết. Tội nặng cần phải biết. [c]3 Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết. [d]4 Tôi xâu xa can phai biêt. Tôi không xâu xa can phai biêt. [e]5 Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội có sự chướng ngại cân phải biêt. Tội không có sự chướng ngại cân phải biết. [f]6 Tội là điều quy đinh do sự chê trách cần phải biết. [g]7 Tội là điều quy đinh không do sự chê trách cần phải biết. Tội được sanh lên do làm cân phải biêt. Tội được sanh lên do không làm cân phải biết. Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết. [h]8 Tội vi phạm đâu tiên cân phải biêt. Tội vi phạm đên sau cân phải biêt.

1 [a] Các pháp tạo nên tội: Là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu và ý (VinA. VII. 1319). 2 [b] Các pháp không tạo nên tội: Là bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng (Sđd^). 3 [c] Tội nặng: Nếu không tính đến tội Pārājika thì tội Sañghādisesa là tội nặng và năm tội còn lại là tội nhẹ (Síả/.). 4 [d] Tội không còn dư sót: Là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót: Là sáu nhóm tội còn lại (Sđd.). 5 [e] Tội xấu xa: Là nhóm tội Pārājika và Sañghādisesa. Tội không xấu xa: Là năm nhóm tội còn lại {Sdd.\ 6 [f] Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Con vi phạm tội vì không biết cũng đang chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trơi và sự giải thoát (Sdd.). 7 [g] Điều quy định do sự chê trách: Từ sāvcyjapañňatti được ngài Buddhaghosa giải thích là lokavajja, tức là sự chê trách của thê gian (S/.); vì thê từ sāvajjapañňatti được ghi nghĩa Việt như thế. 8 [h] Tội được sanh lên do làm: Nghĩa là trong khi làm thì phạm tội, ví dụ tội Pārājika. Tội được sanh lên do không làm: Ví dụ như tội không chú nguyện y mới. Tội được sanh lên do làm và không làm: Ví dụ như tội bao xây dựng cốc liêu (Sdd.).

Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đen sau can phải biết, [i]9 Tội đã sám hối được tính đến càn phải biết. [j]10 Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết. [k]11 Sự quy định cân phải biêt. Sự quy định thêm cân phải biêt. Sự quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra cần phải biết. Sự quy định [áp dụng] cho tát cả mọi nơi cân phải biêt. Sự quy đinh [áp dụng] cho khu vực cân phải biêt. Sự quy định chung cân phải biêt. Sự quy định riêng cân phải biêt. Sự quy định cho một [hội chúng] cân phải biêt. Sự quy đinh cho cả hai [hội chúng] cần phải biết. Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết. [l]12 Tội có liên quan đên người tại gia cân phải biêt. Tội không có liên quan đên người tại gia cần phải biết. Tội [có nghiệp] xác định cần phải biết.13 Tội [có nghiệp] không xác định cân phải biêt. Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người là vị vi phạm không thường xuyên cân phải biêt. Người là vi vi phạm thường xuyên cần phải biết. Người là vi cáo tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết. Người là vi cáo tội sai Pháp cân phải biêt. Người là vị bị buộc tội sai Pháp cần phải biết. Người là vị cáo tội đúng Pháp cân phải biêt. Người là vi bi buộc tội đúng Pháp cần phải biết.

9 [i] Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ Chủ giải Kurundī rằng: Tội vi phạm đầu tiên (pubbapattī) là tội phạm trước hết. Tqi vi phạm đến sau (aparqpattī) là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đang hình phạt Mānatta. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đau tiên (pubbātīnam antarāpattī)f là tối phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt Parivāsa. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đen sau (aparāpattīnarn antarāpattī) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt Manatta (Sdd. 1319-20). ... 10 [j] Tội đã sám hối được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối với ý định: "Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa.,, (Sdd. 1320). 11 [k] Tội đã sám hối không được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối vẫn không buôngbỏ gánh nặiig bởi vì tâm không trong sạch, vẫn còn co sự gắng sức. Chính tội này dầu đã

được sám hoi nhưng không được tính ỉa đã sám hôi. Là tội Pārājika của Tỳ-khưu-ni ở vào sự việc thứ tám (Sdd) 12 [1] Tội là lỗi trầm trọng và tội là lỗi không trầm trọng được ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tại lihẹ như phần ở trèn (Sđd.). 13 Tội [có nghiệp] xác định là năm nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, v.v... (S.).

Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác đinh cần phải biết. Người là vị có thể phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.14 Người là vi bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết. Người là vi đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết. Người là vị đông cộng trú cân phải biêt. Người là vị không đông cộng trú cần phải biết. Sự đình chỉ cần phải biết.15 Dứt 6'Nh6m mQt.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Các pháp tạo tội, tội vi phạm, các tội nhẹ, còn dư sót, xấu xa, sự sửa chữa luôn cả sự sám hối, có chướng ngại, chê trách và do làm. 2. Do làm và không làm, [tội vi phạm] đầu tiên, tội kế tiếp, tội đã được tính đến, sự quy định, khi chưa xảy ra, tất cả mọi nơi, cho khu vực, [quy định] chung và cho một [hội chúng]. 3. Tội trầm trọng, liên quan người tại gia và đã được xác đinh, vị đầu tiên, không thường xuyên, vị cáo tội, sai Pháp và đúng Pháp, vị đã được xác định, không thê vi phạm, bị án treo, bị trục xuất, đông cộng tru luôn cả sự đình chỉ, đây là phân tóm lược cho môi một điêu. —ooOoo—

NHÓM HAI 1. Có loại tội vị vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vị vi phạm không có sự nhận thức. Có loại tội vi phạm của vi đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vi chưa đạt sự thành tựu. [a]16 Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp, [b]17 có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh pháp.

14 Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (Sđd.). 15 Là sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhà) {Sđd. 1321). Xem tr. 881 trong t này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX. 16 [a] Tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu và tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu: Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (Sđd.). 17 [b] Tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp: Như tội dạy đọc pháp theo từng câu, v.v... (Sđd.Ỵ

CÓ loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đen vật dụng của người khác, [c]18 Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác. Có vi trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ. [d]19 Có vi trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nhẹ. [e]20 Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất [nhưng] không [vi phạm] ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không [nhưng] không [vi phạm] ở trên mặt đất. Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không [vi phạm] trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không [vi phạm] trong khi đi ra ngoài. [í]21 Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng. [g]22 Có loại tội vi phạm trong khi thọ tri,

có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì. [h]23 Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm. Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho. Có loại tội vi phạm trong khi thuyết giảng, có loại tội vi phạm trong khi không thuyết giảng. Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh. Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng. Có loại tội vi phạm ban đêm không [vi phạm] ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không [vi phạm] ban đêm. Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng.

18 [c] Tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác: Ví dụ như tội vi phạm do việc trải ra giường ghế của hội chung ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (Sđd.). 19 [d] Nói lời dâm dật với người nữ dầu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ(Sđd.). 20 [e] Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (Sđd.). 21 [f] Liên quan đến phận sự của vị Tỳ-khưu xuất hành và vãng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (Sđd.). 22 [g] Tội vi phạm trong khi áp dụng: Ví dụ như VỊ Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu qua hai lóng tay. Tội vi phạm trong khi không áp dụng: Ví dụ như vị Ty-khưu không áp dụng cách làm dấu y mới(Sđd\ 23 [h] Tội vi phạm trong khi thọ trì: Ví dụ như thọ trì pháp câm nín của ngoại đạo. Còn tội vi phạm trong khì khống thọ trì: Ví dụ như VỊ bị hình phạt lại không thực hành các phạn sự(Sđd. 1322).

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1219

r a CÓ loại tội vi phạm trong khi cat đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt. [a]24 Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy. [b]25 Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng. 2. Hai lễ Uposatha: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai lễ Pavāranā\ Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai loại hành sự: Hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Hai sự việc của hành sự: Sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: Sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư. Hai sự sai trái của hành sự: Sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: Sự sai trái của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Hai sự thành tựu của hành sự: Sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: Sự thành tựu của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự có lời đê nghị đên lân thứ tư. Hai nên tảng của việc không đông cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận [tội], hoặc trong việc không sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc không từ bỏ [tà kiến ác], [c]26 Hai nên tảng của sự đông cộng tru chung: Tự bản thân thực hiện việc đông cộng trú chung cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất

phục hồi cho vị ấy đã bi án treo trong việc nhìn nhận [tội], hoặc trong việc sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc từ bỏ [tà kiến ác]. Hai loại tội Pārājika\ Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai loại tội Sañghādisesa: ...(nt)... Hai loại tội Thuỉlaccaya: ...(nt).. Hai loại tội Pãcittiya: ..(nt).. Hai loại tội Pātidesanīya\ ...(nt).. Hai loại tội Dukkata\ ...(nt).. Hai loại tội Dubbhāsitā: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khiru-ni.

24 [a] Tội vi phạm trong khi cắt đứt: Ví ,dụ như việc vị Tỳ-khưu cắt đứt dương vật. Còn tội vi phạm trong khi không cat đứt: Ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (Sđd.). 25 [b] Tội vi phạm trong khi che đậy: Ví dụ như che đậy tội lỗi. Còn tộivi phạm trong khi không che đậy: Ví dụ như vị Tỳ-khưu bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (Sđd.ỵ 26 [c] Xem tr. 452 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tr. 335.

Bảy loại tội, bảy nhóm tội. Hội chúng bị chia rẽ với hai biểu hiện: Bang hành sự hoặc do sự phân phát thẻ. 3. Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt.27 Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, [d]28 Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không có đây đủ [y bát], người có đây đủ [y bát] nhưng không câu xin. Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: Không liêm sỉ và ngu dốt. Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin. Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin. Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác. Hai hạng người có thê vi phạm tội: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni. Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ- khưu-ni là các Thánh nhân. Hai hạng người có thê phạm tội với sự cô ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu- ni là các phàm nhân. Hai hạng người không thê cô ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khiru-ni là các Thánh nhân. Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân. Hai sự phản đối: Vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu. Hai sự mời ra: Có vị không đáng đê chịu sự mời ra nhưng nêu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.29 Hai sự nhận vào: Có vị không đáng để được sự nhận vào nhưng nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.30 Hai sự nhận biết: Vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu. Hai sự nhận lãnh: Vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân.

27 Addhãnahĩno añgahīno được ghi nghĩa theo Chủ giải (VinA. VII. 1323). 28 [d] Người không thành tựu về thân thể: Như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú. Còn người đã lam sai trái trong hành động: Như là kẻ trộm tướng mạo Sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v...(Sđd. 1323). 29 Xem tr. 413 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 263. 3Sdd., tr. 265.

Hai Sự từ khước: Vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu. Hai sự gây tôn hại: Sự gây tôn hại vê việc học tập và sự gây tôn hại vê vật sở hữu. Hai sự cáo tội: Vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu. 4. Hai điêu vướng bận của Kathina\ Điêu vướng bận vê trú xứ và điêu vướng bận ve y. Hai điều không vướng bận của Kathina\ Điều không vướng bận về trú xứ và điêu không vướng bận vê y. Hai loại y: Có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ. Hai loại bình bát: Bình bát bằng sắt, bình bát bằng đất. Hai loại vòng [kê bình bát]: Loại làm băng kẽm, loại làm băng chì. Hai sự chú nguyện bình bát: Vi chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện y đê dùng riêng: Vị chú nguyện băng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện đê dùng chung văng mặt. 5. Hai bộ Luật: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai điều liên quan đến Luật: Việc đã được quy đinh và điều phù hợp với việc đã được quy định. Hai sự từ khước của Luật: Cát đứt sự nôi liên với điêu không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép. Vi phạm tội với hai biểu hiện: Vi phạm bằng thân hoặc vi phạm bằng khẩu. Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: Thoát khỏi bằng thân hoặc thoát khỏi bang khau. Hai hình phạt Parỉvãsa\ Hình phạt Parivãsa có che giấu, hình phạt Parỉvãsa không có che giấu. Hai hình phạt Parivãsa khác nữa: Hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch, hình phạt Parivãsa két hợp. Hai hình phạt Mãnatta\ Hình phạt Mãnatta có che giấu, hình phạt Mãnatta không có che giau. Hai hình phạt Mãnatta khác nữa: Hình phạt Mânatta nửa tháng, hình phạt Mãnatta kết hợp. Sự đứt đêm của hai hạng người: Của vi hành Parỉvãsa và của vị hành Mãnatta, Hai sự không tôn trọng: Sự không tôn ượng người và sự không tôn trọng Pháp. 6. Hai loại muôi: Muôi tự nhiên và muôi tự tạo. Hai loại muôi khác nữa: Muối biển, muối đen. Hai loại muối khác nữa: Muối ở dá, muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: Muối romakam, muối pakkālakam.

Hai sự thọ dụng: Sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.31 Hai sự mắng nhiếc: Sự mắng nhiếc thấp kém và sự mắng nhiếc cao quý.32 Sự đâm thọc với hai biểu hiện: Của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên với hai biểu hiện: Do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu. 7. Hai thời kỳ vào mùa [an cư] mưa: Thời kỳ trước và thời kỳ sau.33 Hai sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Hai sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp.34 8 Hai hạng người ngu dốt: Vi hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: Vị không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lam tưởng là không được phép đoi với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biêt là được phép đôi với việc được phép. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội. Hai hạng

người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đôi với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đôi với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đôi với việc đúng Luật. 9. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hoi hận ve việc đáng hoi hận.

31 Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xức dầu ở đầu, tay, chân, v.v...(.Vu. 1324). . . 32 Điều này và hai điều kế xin xem các điều Pãcittiya tương ứng 2, 3, 32 (ND). 33 Xem tr. 171 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương III, tr. 347.

34 Xem tr. 881 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đoi với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đôi với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội và hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đôi với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đôi với việc đúng Luật. Dứt “Nh6m hai.”

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: 1. Có sự nhận thức, đã đạt được và [liên quan] Chánh pháp, vật dụng và con người, sự thật, mặt đất, trong khi đi ra ngoài, trong khi áp dụng, trong khi thọ trì. 2. Trong khi làm, trong khi cho, trong khi thọ lãnh, do thọ dụng, ban đêm, lúc hừng sáng, trong khi cắt đứt, trong khi che đậy, trong khi sử dụng và lễ Uposatha. 3. Lễ Pavãranã. hành sự và [hai] loại khác nữa, sự việc, [hai] loại khác nữa, sự sai trái, hai điều khác nữa, sự thành tựu, việc không và đồng cộng tru. 4. Tội Pārājika, tội Sanghãdisesa. tội Thullaccaya, tội Pãcỉttiya, tội Pātidesanīya. tội Dukkata luôn cả tội Dubbhāsitā và bảy nhóm tội. 5. [Hội chúng] bị chia rẽ, việc tu lên bậc trên, tương tợ y

như thế là các cặp đôi khác nữa, không nên sống, không nên cho, có thể và không có thể. 6. Cố ý, có sự vượt quá chức năng, [hai] sự phản đối, sự mời ra, sự nhận vào và [hai] sự nhận biết, sự nhận lãnh, sự khước từ.

7. Vị gây tổn hại, các sự cáo tội và hai điều Kathina là tương tợ, [hai loại] y, bình bát, vòng đê, hai điêu chú nguyện là tương tợ y như thê. 8. Sự chú nguyện để dùng chung, [hai] bộ Luật, các điều liên quan Luật, [hai] sự từ khước, vi vi phạm và thoát tội, hình phạt Pãrỉvãsa, thêm hai loại khác nữa. 9. Hai hình r phạt Mãnatta và các việc khác, sự đứt đêm,r sự không tôn trọng, hai loại muôi, ba cặp khác nữa, sự thọ dụng, sự măng nhiêc. 10. Sự đâm thọc, [dâng] chung nhóm, mùa [an cư] mưa, sự đình chỉ, trách nhiệm, được cho phép, sự không phạm tội, sai Pháp và đúng Pháp, tương tợ như thế về Luật và lậu hoặc. —ooOoo—

NHÓM BA 1. Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không [vi phạm] khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô dư Niết- bàn, không [vi phạm] khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn.35 Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không [vi phạm] vào lúc sái thời, có loại tội vi phạm vào lúc sái thời không [vi phạm] vào lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.36 Có loại tội vi phạm vào ban đêm không [vi phạm] vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không [vi phạm] vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.37 Có loại tội vi mười năm [thâm niên] vi phạm vị kém mười năm không [vi phạm], có loại tội vị kém mười năm [thâm niên] vi phạm vị mười năm không [vi phạm], có loại tội vị mười năm [thâm niên] luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm, [a]38 Có loại tội vị năm năm [thâm niên] vi phạm vị kém năm năm không [vi phạm], có loại tội vị kém năm năm [thâm niên] vi phạm vi năm năm không

35 Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xưng hô vị thâm niên hơn là "āvuso)" và ^āyasmā"' là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (VinA. VII. 1324). 36 Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sái giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sđd.ỵ 37 Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sđd.). 38 [a] Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: “Ta được mười nami, hoặc "Ta hơn mười nam", ròi bảo tập thê phục vụ, vi được mười năm [thâm niên] phạm tội, vị kém mười năm [thâm niên] không phạm; đây là Loại thứ nhát. Trường hợp vị Ty-khưu mới tu hoặc trung niên [nghĩ rằng]: "Ta là thong thai có kinh nghiệm,, rồi bảo tập thể phục vụ, vị kém mười năm [thârnniên] phạm tội, vị mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thư nhì. Còn các tội khác thì VỊ mười năm [thâm niên] hoặc kém mười năm [thâm niên] đều phạm, là loại thứ ba(ỷinA. VII. 1325).

TÀNG THEO TỪNG BẬC > 1225

[vi phạm], có loại tội vị năm năm [thâm niên] luôn cả vị kém năm năm đều vi phạm. [b]39 Có loại tội vi vi phạm có tâm thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm bất thiện, CÓ loại tội vị vi phạm có tâm vô ký. [c]40 Có loại tội vi vi phạm có thọ lạc. có loại tội vi vi phạm có thọ khổ. có loại tội vi vi phạm có thọ không khổ không lạc. [d]41 2. Ba nền tảng của sự cáo tội: Do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ. Ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai. [e]42 Ba sự khước từ: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không từ khước. Ba sự châp nhận: Sự ham muôn ít, sự tự biêt đủ, sự từ khước. Ba sự khước từ khác nữa: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ? sự không biết chừng mực. Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự biết chừng mực. Ba sự quy định: Sự quy định [lần đầu], sự quy định thêm, sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. [f]43 Ba sự quy đinh khác nữa: Sự quy đinh [áp dụng] cho tất cả mọi nơi, sự quy định [áp dụng] cho khu vực, sự quy đinh chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khmi-ni]. Ba sự quy định khác nữa: Sự quy đinh riêng, sự quy định cho một [hội chúng], sự quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khxru-ni]. 3 Có loại tội vị ngu dốt vi phạm vị thông thái không [vi phạm], có loại tội vị thông thái vi phạm vị ngu dốt không [vi phạm], có loại tội vị ngu dốt luôn cả vị thông thái đều vi phạm. Có loại tội vi phạm vào hạ huyền không [vi phạm] vào thượng huyền, có loại tội vi phạm vào thượng huyền không [vi phạm] vào hạ huyền, có loại tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền, [g]44

39 [b] Giải nghĩa txrơng tợ như trên với trường hợp sống nương nhờ (S.). 40 [c] Trường hơp có tâm thiện ví dụ như vị Tỳ-khưu dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu hoặc thuyết pháp đến người nư quá năm sáu câu. Trương hợp có tâm bất thiện như là tội cố gắng làm xuất ra tinh dịch, tội xúc chạm vơi người nữ. Trường hợp có tâm vô ký là nói về việc phạm tội của các bậc Thánh A-la-hán, ví dụ như việc ngài Anuruddha ngụ chung nhà vơi người nữ (Sđd.). 41 [d] Có thọ lạc như là trường hợp vị Tỳ-khưu thực hiện việc đôi lứa. Có thọ khổ như trường hợp vị Ty-khưu sân hạn bất bình rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu khác với tội Pārājika. Có thọ không khổ không lạc ỉa khi phạm tội với tâm quân bình (Sđd.). 42 [e] Ba cách phân phát thẻ. Xem tr. 693 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 413-15. 43 [í] Chỉ có tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni là sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra (VinA. VII. 1302). 44 [g] Tội vi phạm vào hạ huyền không vi phạm vào thượng huyền: Ví dụ nhự không vào mùa [an cư] mưa thì phạm tội vào ngày 16 thuộc hạ huyền. Tội vi phạm vào thượng huyền không vi phạm vào hạ huyền: Như là không thực hiện lễ Pavārana vào ngày cuối của mùa [an cư] thời kỳ đau là phạm tội vào ngay 15, thuộc thượíig huyền. Tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyễn: Là đe cạp đến các tội khác. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tợ (Sđd. 1325).

Có việc được phép vào hạ huyền không [được phép] vào thượng huyền, có việc được phép vào thượng huyền không [được phép] vào hạ huyền, có việc được phép vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền. Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không [vi phạm] vào

mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa lạnh, [h]45 Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không [vi phạm], [i]46 Có việc được phép đối với hội chúng, không [được phép] đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không [được phép] đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không [được phép] đối với hội chúng và nhóm. Ba sự che giâu: Vị che giâu sự việc [nhưng] không [che giâu] tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm [nhưng] không [che giấu] sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm. Ba sự che kín: Sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc. Ba việc được vận hành giâu kín không bộc lộ: Người nữ hành xử giâu kín không bộc lộ, chú thuật của Bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tà kiến được vận hành giấu kín không bộc lộ. Ba việc được chiêu sáng bộc lộ không che giâu: Vâng trăng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vầng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu. Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. [a]4748 Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vi bi bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vi không bềnh vi phạm. [b]‘8

45 [h] Việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mua lạnh. Tìm Idem ỷ tắm mựa trong mua nắng lúc chưa đến thơi kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng. Có y tắm mưa vẫn tắm lõa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa (Sắd. 1325-26). 46 [i] Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ Uposatha và Pavāranā của hội chung, của nhóm và của cá nhan (Sđd. 1326). 47 [a] Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Ngày kế ngày rằm của tháng Āsālhā (tương đương ngày 16 thang 6 âm lịch, tức là ngay đầu tiên của mùa an cư mua mưa đợt đầu) la thời điểm trươc nenphān phối, một tháng ke sau ngày ram của tháng Āsālhā là thời điểm sau nên phan phối, một ngày sau lễ Pavarana cho đến lan an cư mùa mưa kế là thơi điểm trung gian nên phân phối. Xem tr. 785 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 195. 48 [b] Loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm: Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh can loại dược phẩm này lại yêu cau loại khác. Loại tội vị không bệnh vi phạm vị bi bệnh không vi phạm: Là trường hợp vị khổng bí bệnh yêu cau dược phẩm. Loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bẹnh vi phạm: Là các tội còn lại (VinÀ. VII. 1326).

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1227

4. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) đúng Pháp. [c]49 Ba hình phạt Parivāsa\ Hình phạt Parivāsa có che giâu, hình phạt Parivāsa không có che giấu, hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch. [d]50 Ba hình phạt Mānatta\ Hình phạt Mānatta có che giâu, hình phạt Mānatta không có che giấu, hình phạt Mānatta nửa tháng. Ba sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành Parivāsa: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo. [e]51 Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên

trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, [f]52 Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới. [g]53 Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: Vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu. Vi vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: Vi vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: Vị thoát khỏi [tội] do thân, vi thoát khỏi [tội] do khẩu, vi thoát khỏi [tội] do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng đúng Pháp.54 5. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đối với vi Tỳ- khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm

49 [c] Xem tr. 887-95 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53. 50 [d] Ba hình phạt Parivãsa và ba hình phạt Mânatta xem ở Sdd., chương III. Hình phạt Mãnatta nửa tháng là dành riêng cho Tỳ-khưu-ni. Xem Bhikkhunīvibhañga {Phân tích Giới Tỳ-khưu-nĩ), TTPV, tập 3, chương II, tr. 91. 51 [e] Xem tr. 561-62 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương II, tr. 167. 52 [f] Tội vi phạm ở bên trpng^không [vi phạm] ở bên ngoài: Ví dụ như tội chen vào chỗ ngụ có vị Tỳ- khiru khác đã đến trước rồi năm xuong. Tội VI phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên tròng: Ví dụ như việc trải ra giường ghế của hội chung ở ngoài trời rồi ra đi không thu dọn. Tội vi phạm ở ben trong luôn cả ở bên ngoài là các tội còn lại (VinA. VII. 1326). 53 [g] Ngài Buddhaghosa giải thích ba vấn đề này có liên quan đến các phận sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì và các phận sự còn lại là loại thứ ba (Sđd. 1326-27). Xem các phận sự tr. 847 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VIII, tr. 372. 54 Xem tr. 666-67 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 355-57.

. * H , • r • 1 r Ă /K • T 1 A Ẩ A , , . A nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.55 Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không CÓ giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt).. thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái, những hành động sai trái không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột,

...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị măng nhiêc gièm pha người tại gia. Hội chúng nêu muôn có thê thực hiện hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng nêu muôn có thê thực hiện hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muôn sửa chữa lôi. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vi thường gây nên sự xung đột, ...(nt).. thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vi không muốn từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến [hành phạt] cứng rắn đối với vị Tỳ- khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia.

55 Xem tr. 489 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15.

6. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khiru có ba yêu tô khác nữa: Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bang khau, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự gây tôn hại băng thân, có sự gây tôn hại băng khâu, có sự gây tôn hại bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vi có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bang thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vi phạm tội đã được thực hiện hành sự, vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho Sa-di phục vụ. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vi chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng. 7. Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ Uposatha ở giữa hội chúng là vi có ba yếu tố: Vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này

Tỳ-khưu9 thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cap9 rồi nên tiến hành lễ ưposatha. Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ Pavāranā ở giữa hội chúng là vi có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Pavāranā. 8. Không nên ban cho bát cứ sự đông ý nào của hội chúng đên vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng. Không nên săp xép cho vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dót và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt.

r , M M t • 1 • /X 9 Không nên sông nương nhờ vào vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Phép nương nhờ không nên ban cho đên vị Tỳ-khmi có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vi Tỳ-khiru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên hỏi về Luật [ở] vi Tỳ-khiru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dót và không trong sạch không nên hỏi về Luật. Không nên trả lời về Luật đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 9. Ba lễ Uposatha\ Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ Uposatha hợp nhất. Ba lễ Uposatha khác nữa: Lễ ưposatha ở hội chúng, lễ Uposatha ở nhóm, lễ Uposatha ở cá nhân. Ba lễ Uposatha khác nữa: Lễ Uposatha với sự đọc tụng, lễ Uposatha với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ Uposatha với sự chú nguyện. Ba lễ Pavāranā\ Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ Pavāranā hợp nhất. Ba lễ Pavāranā khác nữa: Lễ Pavāranā ở hội chúng, lễ Pavãraụã ở nhóm, lễ Pavārartā ở cá nhân. Ba lễ Pavāranā khác nữa: Lễ Pavāranā với ba lần đọc, lễ Pavâraụã với hai lần đọc, lễ Pavāranā với [các vị] đồng năm tu [đọc một lượt]. 10. Ba kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: Là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch với việc phi Phạm hạnh không nguyên cớ; và là kẻ nào nói như vầy M quan diêm như có vây vê điêu này: "Không có sái quây trong các due" roi kẻ ây lao vào say đăm trong các dục.

n. Ba nguồn gốc bất thiện: Tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: Vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là

nguôn góc thiện, vô si là nguôn góc thiện. Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh. 12. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba [Tỳ-khưu] ở các gia đình VÌ ba điêu lợi ích: Nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: "Chớ để r ĩ 9 e

những kẻ có ước muôn xâu xa nương tựa vào phe nhóm đê chia rẽ hội chiing."56 Devadatta có tâm bi xâm chiếm, bị ngự tri bởi ba điều không đúng Chánh pháp là ước muôn xâu xa, bạn hữu xâu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiên và pháp siêu thê [nên trở thành] kẻ phải chịu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 13. Ba sự đồng ý: Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy, sự đồng ý về [việc sử dụng] dây, sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây.56 57 Ba loại giày đặt ở chô nhát định, không thê mang đi [nơi khác] là giày ở nhà tiêu, giày ơ nha tiêu, giày ơ cho súc miệng?8 Ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển.59 Dứt “Nh6m ba."

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: 1. Trong khi còn hiện tiền, hợp thời và ban đêm, mười [năm], năm [năm], [tâm] thiện, [ba] cảm thọ, [ba] nền tảng của sự cáo tội, [ba] loại thẻ, hai sự khước từ. 2. Sự quy định, hai nhóm khác nữa, vị được phép, vị ngu dốt, lúc hạ huyền, được phép, vào mùa lạnh, hội chúng, thuộc hội chúng, việc che giấu và che kín. 3 Được giấu kín và không bộc lộ, chỗ ngụ, việc bi bệnh, Giới bổn (Pātimokkhaṃ, hình phạt Parỉvãsa, hình phạt Mãnatta, các vị hành Parỉvãsa. 4. Bên trong, ở trong ranh giới, vị vi phạm, các cách khác nữa, vị thoát tội và luôn cả các cách khác, hai cách hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. [Hành sự] khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi và hòa giải, về [án treo] không nhìn nhận tội, không sửa chữa, không từ bỏ tà kiến.

56 Liên quan đến tội Pãcittiya 32 về vật thực dâng chung nhóm. 57 Xem tr. 737-40 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 79-83. 58 Xem tr. 252 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương v, tr. 499 59 Xem tr. 736 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 75.

6. [Hành phạt] cứng rắn, hành sự? về tăng thượng giới, đùa giỡn, [có hành vi] sai trái, gây ton hại, nuôi mạng, tái phạm tội tương tợ, chê bai và lễ Uposatha. 7. Lễ Pavãraṇã. sự đồng ý, sự phát biểu, chỗ riêng biệt, không nên sống, không nên cho, không nên thỉnh ý là tương tợ. 8. Không nên ban lời khuyên bảo, không nên thẩm vấn có hai và luôn cả không nên trả lời có hai, cũng không nên cho thẩm vấn. 9. Các sự thảo luận, việc tu lên bậc trên, sự nương nhờ và vi Sa-di, nhóm ba về lễ Uposatha. nhóm ba về lễ Pavāranā. 10. [Ba] kẻ phải gánh chiu sự bất hạnh, [các nguồn gốc] bất thiện, [các nguồn gốc] thiện, hai nhóm về các hành vi, bữa ăn của nhóm ba, không phải Chánh pháp, sự đông ý9 với giày và luôn cả vật chà chân, đây là sự tóm tát vê nhóm ba. —ooOoo—

NHÓM BỐN 1. Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của người

khác, [a]6061 Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do khau, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do thân, [b]6 có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do khẩu. Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi thức. Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, [c]62 Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi [tội], trong lúc thoát khỏi [tội] thì vi phạm, [a]63

60 [a] Có tội vi, phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn hành sự trong việc giải tội Sañghādisesa (VinA. VII, 1328-29). 61 [b] Thoát khỏi tội do thân là cách dùng cỏ che lấp của pháp dàn xếp tranh tụng (Sdd. 1329). 62 [c] Có tội vi phạm vô ý thức là vị vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vị thoát khỏi tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức la vị vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cỏ che lấp (Sđd.). 63 [a] Tội trong lúc sám hối thì vi phạm: Liên quan việc các Tỳ-khưu phạm tội giống nhau, ví dụ tội Pācittiya, như vậy trong lúc sám hối tội Pācittiya thì vi phạm tội Dukkata, trong lúc vi phạm tội Dukkata thì thoát khỏi tội Pãcittiya, trong lúc thoát khỏi tội Pãcittiya thì vi phạm tội Dukkata (Sđd.).

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1233

CÓ loại tội vi phạm do hành sự [của hội chúng] thoát khỏi [tội] không do hành sự [của hội chúng], có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] không do hành sự. [b]64 2. Bốn sự phát biểu không thánh thiện: [c]65 Không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện: Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức. 3. Bôn điêu Pārājika của các Tỳ-khiru là chung với [có liên quan đên] các Tỳ-khưu-ni. Bon điều Pārājika của các Tỳ-khưu-ni là không chung với [không có liên quan đến] các Tỳ-khưu. Bôn loại vật dụng: Có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không nên xem là của

mình, không nên được sử dụng, [d]66 Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt. [e]67 Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biêt, thoát khỏi [tội] trong khi không biêt; có loại tội

64 [b] Có tội vi phạm do hành sự: Ví dụ như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chung, thoát tội không do hành sự: Như trong lúc sám hoi. Có tội vi phạm không do hành sự: Như việc làm xuất ra tinh dịch, thoát tội do hành sự như việc thực hành hành phạt Parivasa, v.v... (Sđd.). Phan còn lại nên được giải thích tương tợ. 65 [c] Xem điều học Pãcittiya thứ nhất về việc cố tình nói dối trong phần PãcittiyapãỊi Bhikkhuvibhañga (Phan tích Giới Tỳ-khưu), TTTĐPGVN, tập 10, tr. 630; TTPV, t 2, tr. 5. 66 [d] Bốn loại vật dụng: Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (VinÀ. VII. 1329-30). 67 [e] ở đây là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích tương tợ phần [b] ở trèn (5^. 1330).....

vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết. [f]68 4. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: Vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [g]69 Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: Thoát khỏi [tội] do thân, thoát khỏi [tội] do khẩu, thoát khỏi [tội] do thân do khẩu, thoát khỏi [tội] do tuyên ngôn hành sự. Vi thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [a]70 Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] trước đây, được xác định trong [giới tính] sau này, các sự yêu câu được thu hôi, các điêu quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vi [ấy] từ bỏ [giới tính] sau này, được xác đinh trong [giới tính] trước đây, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ. 5. Bốn sự cáo tội: Vị cáo tội với sự hư hỏng về giới, vị cáo tội với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, vị cáo tội với sự hư hỏng vê quan diêm, vi cáo tội với sự hư hỏng ve nuôi mạng. Bốn hình phạt Parivãsa: Hình phạt Parivãsa có che giấu, hình phạt Parivãsa không có che giâu, hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch, hình phạt Parivãsa kết hợp. Bốn hình phạt Mãnatta\ Hình phạt Mãnatta có che giấu, hình phạt Mãnatta không có che giấu, hình phạt Mãnatta nửa tháng, hình phạt Mãnatta kết hợp. Bốn sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành Mânatta\ Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ [Tỳ-khưu]. [b]71 Bốn pháp dung hòa. [c]72 6. Bốn vật dụng được thọ lãnh: Vật dùng đến hết ngọ, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời. Bốn vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét. [d]73

68 [í] Được giải thích tương tợ phần [c] của trang 1232 về tội vi phạm vô ý thức và có ý thức (Sđd.). 69 [g] Là Sự thay đổi giới tính của vị Tỳ-khưu hoặc vị Tỳ-khưu-ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cạp đến (S). 70 [a] Thoát khỏi tội do sự xuất hiện của phái tính: Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng đã vi phạm thì được thoát tồi (Sđd.) 71 [b] Xem tr. 573 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 189. 72 [c] Được ghi lại nghĩa Việt theo Chú giải: '"Cattāro sāmukkarnsāti cattāro mahāpadesaṃ (VinA. VII. 1330). Xem chi tiết về bốn pháp dung hòa ở tr. 492 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 107. 73 [d] Xem thêm điều học Pācittiya 40 về tăm xỉa răng (PãcittỉyapãỊỉ Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Ty-khưu), TTP v, tập 2, tr. 251); và bốn loại vật dơ có tính quan trọng. Xem tr. 271 trong tập này; TTP v, tạp 5, Mv. II, chướng VI, tr. 17.

Bôn loại hành sự: Hành sự với lời công bô, hành sự với lời đê nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự khác nữa: Hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp, [e]74 Bôn sự hư hỏng: Sự hư hỏng vê giới, sự hư hỏng vê hạnh kiêm, sự hư hỏng về quan điểm, sự hư hỏng về sự nuôi mạng. r r Bôn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. [g]75 Bốn điều làm ô uế tập thể: Vị Tỳ-khưu giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị Tỳ-khưu-ni giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vi nam cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vi nữ cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể. Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: Vị Tỳ-khưu có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vi Tỳ-khưu-ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập the. 7. Có loại tội vị vãng lai vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vi thường tru vi phạm vi vãng lai không [vi phạm], có loại tội vị vãng lai luôn cả vi thường trủ đều vi phạm, có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm, [a]76 Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không [vi phạm], có loại tội vị xuất hành luôn cả vi thường trú đều vi phạm, có loại tội vi xuất hành luôn cả vi thường trú đều không vi phạm. Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm. [b]77

74 [e] Xem tr, 404 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. I, chương IX, tr. 247. 75 [g] Xem tr. 676 trong tập này; TTP v, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 377. 76 [a] Các tội do không thực hành phận sự của vị vãng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phần sự của vị thườngtrú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hợi chúng thì vị vãng lai luôn cả VỊ thường trú đều khổng vi phạm (VinA. VII. 1331). Nhóm bôn kế tiếp được giải thích tương tợ. 77 [b] Có sự khác

biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm: Ví dụ như bốn tội Pārājika có sự khác biệt về sự việc khòng có sự khác biêt về tội VI phạm. Có sự khác biệt về tội vi phạm khòng có sự khác biệt ve sự việc: Ví dụ như việc xúc chạm cơ the, Tỳ-khưu phạm Sañghādisesa còn Ty-khiru- ni phạm Pārājika\ hoặc việc nhai tỏi, Tỳ-khưu phạm Dukkata, còn Tỳ-khưu-m phạm Pācittiya. Có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội VI phạm: Là khi so sánh các nhóm tại này với nhóm tối khác. Không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt^về tội vi phạm: Là các tội quy điĩih chung cho các Tỳ-khiru và các Tỳ-khưu-ni (Sđd.ỵ Nhóm bôn kê tiếp vê "c6 sự giống nhau và không có sự giong nhau,, nên được giải thích tương tợ.

Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm. Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm], có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm], có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm, [c]78 Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không [vi phạm], có loại tội học trò vi phạm thây dạy học không [vi phạm], có loại tội thây dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thay dạy học và học trò đều không vi phạm. 8. Bốn duyên cớ của việc đứt mùa [an cư] mưa không phạm tội: Hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý đinh chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh, [d]79 Bốn ác hạnh về khẩu: Lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí. Bốn thiện hạnh về khẩu: Lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích. Có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ, [e]80 có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ. 9. Có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không xứng đáng việc đảnh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy. [í]81 Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng với chỗ ngoi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đảnh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đảnh lễ.

78 [c] Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm]: Là phận sự của thầy tế độ. Có, tội đệ tử vi phạm thây tế độ không [vi phạm] là phận sự của đệ tử. Có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phạn sự còn lại. Co tối thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riềng cho một hội chúng, còn hội chúng kia không vi phạm. Nhóm bốn ke tiếp về thay dạy học và học trò nên được giải thích tương tợ 1331-32). % [d] Xem tr. 185-88 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương III, tr. 373-79. 80 [e] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Trong khi tự tay lấyđi [bước đi] một bước

hoặc hơn một bươc vi phạm tội nạng, trong khi ra lệnh vị khác với lời chỉ thị rằng: "Hay mang đi chưa tới một buủ&' vi phạm tội nhẹ. Ba phần con lại nên được hiểu theo phương thức nay^ (VinA. VII. 1332). 81 [f] về người xứng đáng và Idiông xứng đáng về việc đảnh lễ và việc đứng dậy: Trường hợp vị dang thọ thực trong nhà an khổng the đứng dậy đoi vơi vị thâm niên hơn là trườnghợp^thứ nhấtvj mới tu đôi với vị thâm niên hơn đang thực hành Parỉvãsa là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đoi với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kế được giải thích tương tợ (Sđd.).

TĂNG THEO TỪNG BẬC 1237

10. Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời, có loại tội vi phạm lúc sái thời không [vi phạm] lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [a]82 Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không [được phép] lúc sái thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sái thời không [được phép] lúc đúng thời, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [b]83 Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. [c]84 Có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa không [được phép] ở trung tâm, có việc được phép trong các quốc độ ở trung tâm không [được phép] ở biên địa, có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có việc không được phép trong các quôc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài. Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.

82 [a] Tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời: Là sau khi đã ngăn vật thực rồi lại thọ dụng thêm. Tội vi phạm lúc sái thời khòng [vi phạm] lúc đúng thời: Là thọ dụng vật thực sái thời. Tội vi phạm lúc đúng thơi luôn cả lúc sái thời: Lạ các tội con lại. Tqi không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời: Là trường hợp thứ tư liên quan đến các điều đã được quy dmh riêng cho một hội chúng (Sdd). 83 [b] Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sái thời: Như là vật thực thọ lãnh trước bựa an. Thức uống là vạt được phép thọ lãnh vào lúc sái thơi và không được phép lúc đúng thời khi đà để qua ngày hôm sau. Vật thọ lạnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, như là vạt dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời. Vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, ví dụ như loại thịt không được phép (Sđd.). 84 [c] Tôi vi phạm trong các quốc đô ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm: Như việc kết ranh giới ở trèn biển. Tồi vi phạm trong các quoc độ ở trung tâm

không [vi phạm] ơ biên địa: Ví dụ như cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tam rưa thường xuyên, đồ trải lot bằng da thú, dép có nhiều lớp, v.v... (xem tr. 261 trong tập này; TTP v, tập 4, Mv. I, chương v, tr. 513-15). Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, là các tối quy định riêng cho một hội chúng, hợi chúng kia dầu có thực hiện cũng không vi phạm (VinA. VII. 1332-33). Nhóm bốn kế tiếp được giai thích tương tợ.

Có loại tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, [d]85 11. Bôn sự cáo tội: Do thây rõ sự việc, do thây rõ tội vi phạm, khước từ việc đông cộng trú, khước từ phận sự đúng đan. Bốn nhiệm vụ đầu tiên, [e]86 Bốn thời điểm thích hợp. [f]87 Bốn tội Pãcittiya không vì nguyên nhân khác, [g]88 Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. [h]89 Bốn sự thiên vị: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Bốn sự không thiên vi: Không thiên vi vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vi vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi. 12. Vị Tỳ-khxru vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng có bốn yếu tố: Trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê? trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị Tỳ-khưu hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ có bốn yếu tố: Trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vi vì sợ hãi. Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi ve Luật. Không nên trả lời về Luật cho vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vi Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vi vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi.

85 [d] Tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng: Là các điều học Sekhiya. Tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng: Như vị Tỳ-khưu-ni đang chờ đợi trời sáng. Tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Như tội nói dối, v.v... Tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: La các tội quy định riổig cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm (S. 1333). 86 [e] Bốn nhiệm vu đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày Uposatha hoặc Pavāranā như quét dọn, đèn, nước, cho ngồi; hoặc bối nhiệm vụ đầu tiên khác, là việc đem lại sự tuy thuận và bày to sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng Tỳ-khưu và việc giáo giới (Sdd). 87 [f] Bốn thời điểm thích hợp là vào ngày lễ Uposatha, các vị Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (Sđd.). 88 [g] Là các tội Pâcittiya 16, 42, 77, 78 vì có câu ^etadeva paccayam karitvā anañňam pācittiyarrf" nghĩa là "Sau khi thực hiện

chỉ nguyên nhân ây không điêu nào khác thì phạm tội Pacittiyd' (Sđd.). 89 [h] Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Là đề cập đến việc không phạm các tội Nissaggiya Pãcittỉya 2, 14, 29 và tội Pãcittiya 9 do đã có được sự đồng ý của hội chúng Tỳ-khưu (Sđd.Ỵ

TĂNG THEO TÙNG BẬC < 1239

13. CÓ loại tội vị bị bệnh vi phạm vi không bi bệnh không [vi phạm], có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vị bi bệnh không [vi phạm], có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vi không bị bệnh đều không vi phạm.90 14. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp.91 Dứt wNhóm bốn/9

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Do lời nói của bản thân, do thân, khi ngủ và vô ý thức, trong khi vi phạm, do hành sự, bốn sự phát biểu là tương tợ. 2. Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, vật dụng, có sự hiện diện, vào thời điểm không biết, ở giữa [hội chúng], vị thoát tội, có hai cách tương tợ. 3. Sự đạt được, sự cáo tội, các hình phạt Parivãsa được đề cập đến, vi hành Mânatta. [bôn] pháp dung hòa, [bôn] sự thọ lãnh. 4. [Bốn] vật dơ quan trọng, các hành sự, lại thêm các hành sự, các sự hư hỏng, các sự tranh tụng và các hạng có giới hạnh tồi, các điều làm rạng rỡ, với vị vãng lai. 5. Vi [Tỳ-khưu] xuất hành, có sự khác biệt về sự việc và có sự giống nhau, với vị thây tê độ, thây dạy học và duyên cớ, ác hạnh, thiện hạnh. 6. Trong khi lấy, nhân vật, các vị xứng đáng với chỗ ngồi, lúc đúng thời luôn cả điều được phép, được phép ở các xứ ở biên địa. 7. ở bên trong và ở trong ranh giới, ở làng, về việc cáo tội, nhiệm vụ đầu tiên, thời điểm được thích hợp, không vì nguyên nhân khác và các sự đồng ý. 8. Thiên vị luôn cả không thiên vị, vi vô liêm sỉ với vị hiền thiện, cả hai phần nên vấn, hai phần nên đáp là tương tợ, việc thẩm vấn và thảo luận, vị bị bệnh với sự đình chỉ. -ooOoo—

90 Có tội vị bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác. Có tội vị không bị bệnh vi phàm: Là trương hợp vị không bị bệnh yêu cầu dượíc phàm. Có tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm: Ví dụ như tội nói dối, v.v... Có tội vị bỉ bệnh và ca vị idiong bị bệnh đều không vi phạm: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng(Sđd.). 91 Xem tr. 887-95 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53.

NHÓM NĂM 1. Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.92 Năm Năm tội vi phạm liên nghiệp vô gián, [a]93 Năm hạng người được xác định, [b]9495 quan đến sự cắt bớt. [c]5 Vi vi phạm tội với năm biểu hiện, [d]96 Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối. [e]97 2. Vi không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan diêm là không đúng Pháp vê hành sự đã được thực hiện. Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng

Pháp về hành sự đã được thực hiện. 3. Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp khất thực: Đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn. [g]98 4. Vi Tỳ-khưu, dâu là ác Tỳ-khưu luôn cả vị có pháp bên vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi có năm yếu tố: Hoặc là có sự lai vãng với đĩ điếm, hoặc là có sự lai vãng với góa phụ, hoặc là có sự lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là có sự lai vãng với người vô căn, hoặc là có sự lai vãng với Tỳ-khưu-ni. 5. Năm loại dầu ăn: Là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eranda, dầu từ mỡ thú. [a]99

92 Năm sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lan ranh, sự cắt đứt mối liên hệ VƠI năm nhóm tội. Xem tr. 1166 trong tập này; TTPV, tập 8, ParivãrapãIi (Tậpyếu) I, tr. 317. 93 [a] Năm nghiệp vô gián: Là giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm [đức Phật] chảy máu và chia rẽ hội chúng (ND)* 94 [b] Năm hạng người được xác định: Là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (Sđd. 1334). • 95 [c] Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt: Là năm tội Pācittiya 87,,89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật lam quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa và y có kích thước y của đức Thiện Thệ (5^/.). 96 [d] Vi vi phạm tội với năm biểu hiện: Là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chặt xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng ỉa không được phép trong điều được phép (S.). 97 [e] Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối: Là tội Pārājika, Thullaccaya, Dukkata, Sañghādisesa và Pacittiya (Sđd.). 98 [g] Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp [đầu-đà] khất thực: "Bi không phải xinphép,, là không phải báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện khi đi đen các gia đình trước hay sau bữa an, hai điều uvật thực dâng chung nhom^ja 44vật thực thỉnh sau" là không phải phạm tội đối với hai điều học Pãcittiỳa 32 và 33 của Tỳ-khưu, về "không phải xác đinh,, là không phải bân tâm xác định trường hợp được phép, trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm, "không phải chuyền nhượng bữa ăn,9 là Idiồng phải thực hiện việc ấy khi nhận phần vật thực thỉnh sau (Sdd) 99 [a] Năm loại dầu ăn được thấy ở điều học Pãcittiya 39 (Pācittiyapāli Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTPV, tập 2, tr. 247). “ •

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1241

Năm loại mỡ thú: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa. [b]100101 6. Năm sự suy sụp: Suy sụp vê thân quyên, suy sụp vê của cải, suy sụp vì bệnh hoạn, suy sụp vê giới, suy sụp vê kiên thức. Năm sự thành tựu: Thành tựu vê thân quyên, thành tựu vê của cải5 thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về kiến thức. 7. Năm trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục. hoặc từ trần. hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi diJUthurwn. [cpo* y L

Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể [bàn tay, v.v...] bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ [y bát]. 8. Năm loại vải quăng bỏ: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị moi nhấm, bi lửa cháy. Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: Loại bi bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc ve lễ đăng

quang [của đức vua], vải dành cho tôi tớ. 9. Năm sự lấy trộm: Lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối [tráo] thăm. [d]102 10. Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian. [e]103 Năm vật không được phân tán. [f]104 Năm vật không được phân chia. [g]105 Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý. Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý. Năm loại tội đưa đến việc sám hối. Năm loại hội chúng, [h]106 Năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). [i]107

100 [b] Năm loại mỡ thú. Xem tr. 264 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 7. 101 [c] Năm trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy tế độ. Xem tr. 80 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 157. 'T [d] Câu chuyện lấy trộm theo lối tráo thăm được thấy ở điều Pãrậiỉka thứ nhì, ở phần các câu chuyện dẫn giải (Pārqjikapali (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTTĐPGVN, tập 10, tr. 80; TTPV, tập l, tr. 131). 103 [e] Năm hạng cướp lớn. Xem điều Pârặiỉka thứ tư về khoe khoang pháp thượng nhân (Sđd. 197-99). 104 [f] Năm vật không được phân tán. Xem tr, 788-89 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 203-05. 105 [g] Năm vật không được phân chia (Sđd. 207-09). 106 [h] Nămloại hội chúng: Hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười VỊ, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu vơi nhóm fren hai mươi vị. Xem tr. 409 trong tập nẩy; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 255. 107 [i] Năm cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho): Gồm bốn cách đọc tóm tắt và cách đọc tụng chi tiết là cách thứ năm. Xem tr. 135 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương II, tr. 271.

Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị nắm vững về Luật, [j]108 Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu. Kathina. [k]109 Năm loại hành sự.110 Năm loại tội vi phạm [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba.111 Vị lấy vật không được cho phạm tội Pārājika với năm biểu hiện.112 Vị lây vật không được cho phạm tội Thullaccaya với năm biêu hiện. Vị lấy vật không được cho phạm tội Dukkata với năm biểu hiện. 11. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: Vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh và vật chưa được làm thành đồ thừa. Năm vật đúng phép nên thọ dụng: Vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh và vật đã được làm thành đồ thừa. Năm sự bố thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: Bô thí chát say, bô thí đên hội hè [nhảy múa], bô thí người nữ, bô thí bò đực [vào giữa đàn bò], bố thí tranh ảnh [gợi cảm]. Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: Tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyên thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt. Năm điều lợi ích trong việc quét chổi: Làm lang dịu tâm của bản thân, làm lắng diu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ? tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, tràn thế. Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng diu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời

giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn. 12. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d8t" khi có năm yếu tố: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi

108 [j] Việc tu lên bậc trên ở các xứ vùng biên giới (Sđd.9 chương v, tr. 513). 109 [k] Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu Kathina. Xem tr. 326 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tĩ. ni. 110 Năm loại hànhsự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (VinA. VII. 1334). Năm loại tội vi phạm khi được nhắc nhở đến lần thứ ba: Gồm có giới Pãrậịika thứ 3 của Tỳ-khưu-ni, đề cập 3 loại tội la Pãrâịĩka, Thullaccaya, DukkaỊayằ. tội Sañghadisesa cua Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và Pācittiya ve tội không chịu tư bỏ tà kiến ác (Sđd.). 112 Vấn đề này và hai vấn đề kế tiếp liên quan đến tội Pãrậịika thứ nhì về trộm cắp (ND).

không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] sai Pháp với sự không khẳng định. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có năm yếu tố: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của minh, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vi bảo thực hiện [hành sự] đúng Pháp với sự khẳng định. Vị nắm vững về Luật bi xem là "ngu(tót" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về tội, vị không biết về nền tảng của tội, vi không biết về nguồn sanh tội, vị không biết về sự đoạn diệt của tội, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.113 Vi nắm vững về luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về tội, vi biêt vê nên tảng của tội, vị biêt vê nguôn sanh tội, vị biêt vê sự đoạn diệt của tội, vi biêt vê sự thực hành đưa đên sự đoạn diệt của tội. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biêt vê sự tranh tụng, vi không biêt vê nên tảng của tranh tụng, vị không biết về nhân sanh của tranh tụng, vị không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, [a]114 Vị nắm vững về Luật được xem là "thông th"khi có năm yếu tố: Vị biết vê sự tranh tụng, vi biêt vê nên tảng của tranh tụng, vị biêt vê nhân sanh của tranh tụng, vị biêt vê sự đoạn diệt của tranh tụng, vị biêt vê sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng. Vi nắm vững về Luật bị xem là "ngu d8t" khi có năm yếu tố khác nữa: VỊ không biêt vê sự việc, vị không biêt vê duyên khởi, vị không biêt vê điêu quy định, vi không biết về điều quy định thêm, vi không biết về phương thức của loi trình bày mạch lạc. [b]115

113 Vị không biết về tội (như Pārājika, Sañghādisesa.N.N...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biêt nguồn sanh tội (do thân, khòng do khẩu, không do yv.v...[vị không biết sự đoạn diết cua tội (là sự sam hối), vị khòng biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội là bảy cách dan xếp (VìnẢ. VII. Í337-38). • . • . , 114 [a] Nhóm năm về sự tranh tụng: Sự tranh tụng tức là bốn sự tranh tụng. Nguồn sanh khởi của sự tranh tụng có 33: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan

đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6 và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1. Nhân sanh sự tranh tụng là nguồn sanh khởi sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến ừanh cãi sanh lên, nương vào 18 sự vỉec làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tối sanh lên do bảy nhom tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng. Không biết sự đoạn diệt của sự franh tụng: Là không xác đinh được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lơi dạy cua bậc Đạo sư. Không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, là không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dàn xếp nao (ỳỉnA. VII. 1338). 115 [b] Không biết về sự^việc: Là không biết về sự viêc của tội Pãrậịika, của tội Sañghādisesa,..của bảy nhóm tội. Không biết về duyên khởi: Là không biết các tội đã được quy định ở đâu. Không biết về sự quy định: Là không biết sự quy định ban đầu cua mỗi điều học. Không biết về sự quy định thêm: Là không biết sự quy định thêm ve sau. Không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc: Là không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lơi nói và liên hệ đến sự xác định (Sđd^).

Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vi biết vê sự việc, vi biêt vê duyên khởi, vi biêt vê điêu quy định, vị biêt vê điêu quy định thêm, vi biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp và vi không biết về thời điểm. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết vê lời đê nghị, vị biêt cách thực hiện với lời đê nghi, vị thiện xảo vê phân [cân trình bày] trước tiên, vi thiện xảo vê các phân kê tiêp và vị biêt vê thời diêm. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6f' khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vi không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, không khéo chú ý và không khéo suy xét. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vi biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, khéo chú ý và khéo suy xét. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vi không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (Patimokkho) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông th” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu

d6t" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết ve sự phạm tội hay không phạm tội, vi không biết tội nhẹ hay nặng, vi không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa và vi không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. 13. Năm hạng [hành pháp] sông ở rừng: Là vị sông ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vi sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi

ước muôn; là vị sông ở rừng do điên khùng do mát trí; là vi sông ở rừng [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị sống ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Năm hạng [hành pháp] đi khất thực: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] mặc y pamsukūla\ ..(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây: ..(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] chỉ sử dụng ba y: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] đi khát thực theo từng nhà: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] vê oai nghi ngồi [không nằm]: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] một chô ngôi [khi thọ thực]: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát: Là vi thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; là vị thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; là vị thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. 14. Vị Tỳ-khiru có năm yêu tô không nên sông không nương nhờ: Vi không biết về lễ Uposatha. vi không biết về hành sự của lễ Uposatha. vị không biết về Giới bổn (Pãtỉmokkhă), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Patimokkho), vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ . .L 5 9r \ 9

Uposatha. vi biêt vê hành sự của lê Uposatha. vi biêt vê Giới bôn (Pãtimokkhă). vị biêt vê cách đọc tụng của Giới bôn (Pātimokkhaṃ, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biêt vê lê Pavāranā, vị không biêt vê hành sự của lê Pavāranā^ vị không biết về Giới bổn (Pãtimokkhà). vi không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pâtỉmokkhă). vi chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ Pavāranā. vi biết về hành sự của lễ Pavãranã, vị biết về Giới bổn (Pãtimokkhà), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pãtimokkhà). vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vi không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biêt tội nhẹ hay nặng, vị không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biêt tội xâu xa hay không xấu xa, vi chưa đủ

năm năm.

1246 TẬP YÊU

Vi Tỳ-khmi có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vi năm năm hoặc hơn năm năm. 15. Vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết ve lễ Uposatha, vị không biết ve hành sự của lễ Uposatha. vị không biết về Giới bổn (Pãtimokkha), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Patimokkho), vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nươnẹ nhờ: Vị biết về lễ Uposatha, vị biết về hành sự của lễ Uposatha, vi biêt về Giới bôn ỤPãtỉmokkhă), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pâtỉmokkhấ). vi năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Vị không biết về lễ Pavāranā. vi không biết về hành sự của lễ Pavāranā. vi không biết về Giới bổn (Pãtỉmokkhă). vi không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pātimokkhaṃ, vi chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nươnệ nhờ: Vị biết vê lê Pavāranā, vị biêt vê hành sự của lê Pavāranā, vị biêt vê Giới bôn (Pâtỉmokkhă). vi biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pātimokkhaṃ, vi năm năm hoặc hơn năm năm. Vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vi không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vi biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vi biêt tội xâu xa hay không xâu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm. 16. Năm điều bất lợi ở vi không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quở trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bi sanh vào bất hạnh, cối khổ, đọa xứ, địa ngục. Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngợi khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế. Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Những người chưa có đức tin không an tru vào đức tin, làm thay đổi [niêm tin] của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vi ấy không được an trú.

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1247

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú. 17. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: Vi vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng pháp quá năm sáu

câu cho người nữ và sông có nhiêu tâm câu vê ái dục. Năm điều bất lợi của vi Tỳ-khưu thường tới lui các gia đình: Vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình, có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị Tỳ-khưu có tâm bị khởi dục: Hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó? hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tầm thường. 18. Năm loại mâm giông: Mâm giông từ rê, mâm giông từ thân, mâm giông từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm. [a]116 Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. [b]117 19. Năm cách làm cho trong sạch: Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika nên thông báo phần còn lại bang cách đã được nghe; đây là cách làm cho ừong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đau, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điêu Sañghādisesa nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bon điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điều Sanghãdỉsesa. sau khi đọc tụng hai điều Ānīyata nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. [c]118 Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: Sự đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhà). lễ Uposatha với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ Uposatha với sự chú nguyện, lễ Pavāranā luôn cả lễ Uposatha hợp nhất là thứ năm.

116 [a] Năm loại mầm giống: Đã được thấy ở điều học Pācittiya 11 của Tỳ-khưu, PãcittiyapãỊỉ Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTPV, tập 2, tr. 109. 117 [b] Năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn. Xem tr. 489 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15. 118 [c] Năm cách làm cho trong sạch: Tương tợ với năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhà). Xem tr. 135 Ương tập này; TTPV, tập 4, Mv. ì, chương II, fr. 271.

20. Năm điêu lợi ích cho vị năm vững vê Luật: Giới uân của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vi thường hay có sự ăn năn, là vi phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) sai Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (JPātimokkhd) đúng Pháp. Dứt “Nh6m năm."

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY:

1. Tội vi phạm, các nhóm tội, đã được rèn luyện, [nghiệp] vô gián, các hạng người luôn cả việc cắt bớt, vị vi phạm và các nguyên do. 2. Vi không thuận và thuận, các việc được phép, không tin tưởng, dầu ăn? mỡ thú, sự suy sụp và thành tựu, các trường hợp đình

chỉ [sự nương nhờ] với hạng người. 3 Mộ địa và đã bị [bò] nhai, sự trộm cắp, được gọi là kẻ cướp, đã không phân tán, không phân chia, do thân, do thân và khau. 4. Sự sám hối, ở nơi hội chúng, việc đọc tụng, vùng biên địa, Kathỉna, các loại hành sự, cho đến lần thứ ba, các tội Pārājika. tội Thullaccaya và tội Dukkata. 5. Không được phép và được phép, không phước báu, khó trừ diệt, chổi quét, các điều khác, lời nói và luôn cả tội nữa. 6 Sự tranh tụng, sự việc, lời đề nghị, tội vi phạm, cả hai phần, các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết rõ tối và sáng. r 7. Vị ở rừng, khát thực, mặc y pamsukūla, ở cội cây và mộ địa, ở ngoài trời, [chỉ ba] y5 [khất thực] theo tuần tự, vị [thọ oai nghi] ngồi. 8. Chỗ ở theo chỉ đinh, với vị ngăn vật thực dâng sau luôn cả vị chỉ thọ trong bát, lễ Uposatha, lễ Pavāranā, phạm tội và không tội, những điều này là tối và sáng, các điêu ây của các Tỳ-khiru-ni là tương tợ. 9. Hoan hỷ, không hoan hỷ, tương tợ như thế là hai điều khác nữa, về vi thường tới lui các gia đình, mát quá nhiêu thời gian, mâm giông và được phép cho Sa-môn. 10. Sự làm cho trong sạch luôn cả các điều khác, theo Luật, sai Pháp và đúng Pháp đã được đề cập đến tương tợ, được chấm dứt là năm cách làm cho trong sạch. —ooOoo-

TẢNG THEO TỪNG BẬC 1249

NHÓM SÁU 1. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. [a]119 Sáu sự thực hành đúng đắn. [b]120 Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt. [c]121 Vi vi phạm tội do sáu biểu hiện, [d]122 Sáu điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật, [e]123124Sáu điều tối đa. [í] 124 Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm. [g]125 Sáu loại y. [h]126 Sáu loại thuốc nhuộm [y], [i]127 Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự. [j]128 Sáu nguyên nhân tranh cãi. [k]129 Sáu nguyên nhân khiển trách, [l]130 Sáu pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [m]131 Chiêu rộng sáu gang tay. [n]132 Sáu 119 [a] Ba nhóm sáu này đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; TTPV, tập8, tr. 317. 120 [b] Sáu sự thực hành đúng đắn: Ngài Buddhaghosa đề cập đến sáu điều học có câu ^ayarn^ tattha sāmīcr với ý nghĩa là 4tđây là điều đúng đắn trong trường hợp ay,?, tức là nói đến các điều học Sañghādisesa 13; Nissaggiya Pãcittiya 10, 22; Pâcittiya 34, 71, 84 (VinA. VII. 1339). 121 [c] Gồm năm điều học Pãcittiya của Tỳ-khưu đã được trình bày ở phần Nhóm năm liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chan giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa, y có kích thước y của đức Thiện Thệ, thêm vào điều học Pācittiya cua Tỳ-khứu-ni ve việc may y choàng tam quá kích thước là sáu (Síií/.j. 122 [d] Sáu biểu hiện là vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởpg là được phép trong điều khòng được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn ve sự ghi nhớ (Sđd. 1339-40)/ 123 [e] Sáu điều lợi ích cho v[rành rẽ về Luật: pom năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào điều thứ sáu là t4Le Uposatha là phần trách nhiệm của vị ấy" (Sdd. 1340). 124 [í] Sáu điều tối đa: Ngài Buddhaghosa nói về các điều học có từ ^paramarn M (tối đa) như là dasahaparamam, māsaparamam, santaruttaraparamam, v.v... và nêu rõ trong hai bộ Giới bon có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lâp thành một nhóm sáu, sáu giới kế tiếp là nhóm sáu thứ nhi, còn hai điều học thì

sau khi bớt đi một điều học của mỗi một nhóm rồi thêm vào một điều học để lập thành hai nhóm sau khác nữa (Sđd.). 12? [g] Có thể xa lìa [môt trong] ba y sáu đêm: Câu này được trích dẫn từ điều Nissaggiya Pãcittiya 29 về vị Tỳ-khưu có the đe y ở trong lang tối đa là sáu đem khi ngụ ở trong khu rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng (ND). 12? [h] Sáu loại y được đức Phật cho phép: Loai bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố. Xem tr. 364 trong tập nay; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 181. 127 [i] Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: Thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (Sđd. 189). 128 [j] Sáu loại hành sự: Gồm có hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, thứ năm là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ ta kiến ác(VinA. VII. 1340). 129 [k] Sáu nguyên nhân tranh cãi: Đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; rzpr,tạp8,tr. 319. 130 [1] Sáu nguyên nhân khiển trách: Đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1167 trong tập này; 77Pr,tạp8,tr.321. 131 [m] Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Đã được trích dẫn từ điều học Pãcittiya 91 về chiều dài y tắm mưa cua các Tỳ-khưu (ND). 132 [n] Chiều rộng sáu gang tay: Đã được trích dẫn từ điều học Pãcittiya 92 về chiều rộng của y đức Thiện Thê (ND).

trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy dạy học. [o] 133 Sáu điều quy định thêm trong việc tắm. [p]133 134 Vi ra đi sau khi cầm lấy y chưa làm xong. [q]135 Vị ra đi sau khi mang theo y chưa làm xong. 2. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên đê Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uân, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vi thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vi thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.136 Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vi khác đạt được vô học giới uẩn, là vi tự mình thành tựu vô học định uân và giúp cho vi khác đạt được vô học đinh uân, là vi tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vi khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vi tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vi Tỳ-khưu có sáu yêu tô khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, là vi có sự hổ thẹn [tội lỗi], là vị có sự ghê sợ [tội lỗi], là vị có sự tinh tấn đã được phát khởi, là vị có niệm đã được thiết lập, là vi mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên đê Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, không bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về quan điểm ở quan điểm cực đoan, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban

cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vi có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bi bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải [khi đệ tử hay học trò] có sự không hoan hỷ, [có khả năng] giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo pháp [khi đệ tử hay học trò] có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

133 [o] Sáu trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy dạy học. Xem tr. 80 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 157. 134 [p] Sáu điều quy định thêm trong việc tắm được ghi lại ở điều học Pâcỉttiya 57 của Tỳ-khiru: 444Một tháng rưỡi còn lại của mùa n6ng' va tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy la hai tháng nrỡi là lúc trơi nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trương hợp mưa gi6" (VinA. VII. 1340). 135 [q] Sáu trường hợp cầm lấy và sáu trường hợp mang theo. Hai nhóm sáu này được đề cập chi tiết ở tr. 329-30 trong tạp này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 119-21. 136 Các nhóm sáu thuộc mục 2 này được đề cập ở tr. 84-7 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 165-71.

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1251

Vị Tỳ-khiru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn các điều học thuộc vê phân đâu của Phạm hạnh, [có khả năng] đê hướng dân vê Thăng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, [có khả năng] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vi mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị biết ve sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội năng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiet5 khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm. 3. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) sai Pháp. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp.137 Dứt 6íNhóm sáu.^ —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: L Không kính trọng và kính trọng, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, các nguôn sanh khởi luôn cả các sự cat bớt, các biêu hiện với sự lợi ích. ỉ -r 2. Sáu trường hợp tôi đa, sáu đêm, y, các thuôc nhuộm, do thân và do cả ý, do khẩu và do cả ý. 3 Do thân, khâu và ý, hành sự luôn cả sự tranh cãi, sự khiên trách, chiêu dài, chiều rộng với việc nương nhờ. 4. Sự chế định thêm, sau khi cầm lấy, sau khi mang đi là tương tợ y như thế, về các pháp của bậc Vô học, vi giúp cho đạt được, đức tin, tăng thượng giới, các vị bị bệnh, vị đã hành phận sự căn bản, các tội vi phạm, liên quan đến sai Pháp và đúng Pháp. —ooOoo—

NHÓM BẢY L Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn. [a]138 Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng

137 Hai nhóm sáu này được đề cập ởtr. 218-29 trong tập này; TTP v. tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 439-41. 138 [a] Bảy sự thực hành đúng đắn: Gồm nhóm sáu đã được trình

bày ở trên và thêm vào câu "ayam tattha sāmīcC thứ bảy được thấy ở phần tổng kết giới Sañghādisesa của Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1340).

Pháp. Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp, [b]139 Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người, [c]140 Bảy điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật, [d]141 Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bi phạm vào Nỉssaggỉya. [e]142143 Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự. [í] 143 Bảy loại hạt chưa xay. [g]144 Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong, [h]145 Bảy điều quy đinh thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. [i]146 Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày, [j]147 Vi ra đi cầm lấy y đã làm xong. Vị ra đi mang theo y đã làm xong. [k]148 Tội của vi Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận. [l]149 Tội của vị Tỳ-khưu cần phải được nhìn nhận. Tội của vi Tỳ-khưu cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. 2. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; có giới sông thu thúc trong sự thu thúc của Giới bôn (Patimokkho), thành tựu vê hạnh kiêm và hành xứ, thây sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khô nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 3. Vi Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe

139 [b] Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp và đúng Pháp. Xem tr. 177-79 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv\ I, chương IV, tr. 359-61. 140 [c] Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha. Xem tr. 182 trong tập này; TTPV, tạp 4, Mv. I, chương III, tr. 369. 141 [d] Bảy điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào hai chi tiết: "Lễ ưposatha và lễ Pavāranā là phần trách nhiệm của vị ấy" (VỉnA. VII. 1341). 142 [e] Xem điều học Nissaggiya Pãcittiya 29 (ND). 143 [f] Bảy loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự ấn treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi và thứ bảy là hanh sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (ND). 144 [g] Bảy loại hạt chưa xay: Là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrũsaka (bắp?) được đề cập ơ điểu Pācittiya 7 của Ty-khiru-ni CND). 145 [h] Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong: Được trích dẫn từ điều học Sañghādisesa 6 về việc xây dựng cốc liêu của Tỳ-khưu (ND). 146 [i] Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. Xem điều học Pãcittiya 32 của Tỳ-khưu (ND). 14\[j] Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Xem điều Nissaggiya Pãcittiya 23 của Tỳ-idiưu. 148 [k] Bảy trường hợp cầm lấy và bảy trường hợp mang theo: Hai nhóm bảy này được đề cập chi tiết ở tr. 328-29

trong tạp này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 115-19. 149 [1] Tội của vị Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận: Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập chi tiết ở tr. 415-17 ữong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 267-71.

nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đây đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế được nghe nhiều, ghi nhớ5 ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không kho nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 4. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự tru vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ9 sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 5. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiêp: "Vào kiêp sông ây, ta đã có tên như vây, dòng họ như vây, giai cáp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vày, kinh nghiệm khổ và lạc như vay, có tuổi thọ như vay. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi roi đã sanh lên tại nơi nay", như thê vi [áy] nhớ lại nhiêu kiêp sông trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vi [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chôn an vui, [hay] đọa vào cõi khô, vị [áy] biêt được răng chúng sanh đêu đi theo nghiệp tương ứng: "Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xâu xa băng thân, cỏ hành động xâu xa băng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiên, khi tan rã thân xác và chét đi, họ bị sanh vào bát hạnh, cõi khô, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động

tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu không các bậc Thánh, theo chánh kiên, tán thành các hành động do chánh kiên, khi tan rã thân xác và chét đi, họ được sanh vào chôn an vui, cõi trời, trần thế." Như thế, với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vi [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xâu xí, đên chôn an vui, [hay] đọa vào cõi khô, vi [áy] biêt được răng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 6. Vị năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô: Là vi biêt vê sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới...(nt)... thọ trì và thực hành trong các điều học; là vi đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 7. Vi năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô khác nữa: Là vị biêt vê sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; nghe nhiều, ...(nt)...được khéo phân tích bằng sự hiểu biết; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại, có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 8. Vi năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô khác nữa: Là vị biêt vê sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; đôi với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bon thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [ấy] nhờ vào thang trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 9. Vi nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vi [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ...(nt)... như thê, vị [áy] nhớ lại nhiêu kiêp sông trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến

chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng...(nt)... và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 10. Bảy pháp không tốt đẹp: Là không có đức tin, không hổ thẹn [tội lỗi], không ghê sợ [tội lỗi], ít nghe, biếng nhác, có niệm bi quên lãng, có tuệ kém. 11. Bảy pháp tốt đẹp: Là có đức tin, có sự hổ thẹn [tội

lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ. Dứt “Nh6m bảy.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Loại tội, các nhóm tội? đã được rèn luyện, sự đúng đắn, sai Pháp và đúng Pháp, sự không phạm tội và bảy ngày. 2. Lợi ích và các trường hợp tôi đa, lúc rạng đông với cách dàn xép, các hành sự và các loại hạt chưa xay, chiều rộng, về việc ăn theo nhóm. 3. Tối đa là bảy ngày, sau khi cầm lấy và sau khi mang theo là tương tợ y như thế, không nên và nên, các trường hợp sai Pháp và đúng Pháp. 4. Bốn hạng nắm vững về Luật, bốn hạng Tỳ-khưu sáng chói luôn cả bảy pháp không tốt đẹp và bảy pháp tốt đẹp đã được giảng giải. —ooOoo—

NHÓM TÁM Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội. [a]150 Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vi khác, [b]151 Tám tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đen lần thứ ba. [c]152 Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện, [d]153 Tám tiêu đề về việc phát sanh y. [e]154 Tám tiêu đề về việc hết hiệu

150 [a] Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhần tội: Được đề cập ơ tr. 449-50 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tr. 329-31. 151 [b] Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. Xem Sđd. tr. 331-33. : 152 [c] Tám tội vi phạm khi được nhắc nhở cho đến lần thứ ba: Là các tội Sanghãdỉsesa 10, 11, 12, 13 của Tỳ-khưu, và 7, 8 9, 10 của Tỳ-khưu-ni (VìnA. VII. 1341). l? [d] Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện: Là với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gọ chà răng, hoặc với tre, hoặc bang cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin (S.).Xem điều học Sañghādisesa 13 của Tỳ-khưu. 154 [e] Tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đen hội chúng, dang đen cả hai hội chung (Tỳ-khưu và Tỳ-khưu- ni), dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông bao, dâng đến cá nhân. Xem tr. 395 trong tập nay; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 233.

lực của Kathina. [f]155 Tám loại thức uống, [g]156 Devadatta có tâm bị chế ngự, bi ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được, [h]157 Tám pháp của thê gian. Tám trọng pháp. [i]158 Tám tội Pātidesañīya, Lời nói dối có tám chi phần. [j]159 Tám chi phân của ngày Uposatha (Bát quan trai giới). Tám chi phân của người sứ giả. [k]160 Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả. [l]161 Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. [m]162 Tám vật không phải là đồ thừa. Tám vật là đồ thừa, [n]163 Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào Nissaggiya. [o]164 Tám tội Pārājika. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất, [p]165 [Tội] đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo. [q]166 Nên đứng dậy đối với tám [vi Ni thâm niên]. Chỗ ngồi nên dành cho tám [vi Ni thâm niên], [r]167 Vị nữ cư sĩ thỉnh càu

tám điều ước muốn, [s]168 Vị Tỳ-khưu có tám yếu to nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-

155 [f] Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của Kathina\ Do sự ra đi, do y được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được tin, do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một ĩúc (S*d., chương VII, tr. 115). 156 [g] Tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu (Sđđ,, chương VI, tr. 97). 157 [h] Devadatta bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp: Là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, sự trọng vọng, sự không trọng vọng, ước muôn xâu xa, bạn bè xâu xa. Xem tr. 833 trong tập nảy; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VIỈ, ư. 315? 158 [i] Tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni. Xem chi tiết ở Sdd., chương x, tr. 473-75. 159 [j] Lời nói dối có tám chi phần. Xem chi tiết ở điều học Pãcittiya thứ nhất của Tỳ-khưu. 160 [k] Tám chij)hần của người sứ giả: Là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dân, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] co sự nhận thức, là người rành rẽ vê việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi(Sdd., chương VII, tr. 313). 161 [1] Tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả. Xem chi tiết ở Sđd., chương IX, tr. 427-31. 162 [m] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. Xem chi tiết ở Sdd., chương IX, tr. 431-35. 163 [n] Tám vật không phải là đồ thừa và tám vật là đồ thừa: Được đề cập ở điều học Pãcỉttiya 35 của Tỳ-khưu, phần định nghĩa từ. 164 [o] Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào Nissaggiya'. Liên quan đến điều học Nissaggiya Pacittiya 23 ve năm loại dược phẩm. 165 [p] Điều học Pãrãịika thứ tám của Tỳkhưu-ni đề cập đến tám hành động của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay [cua người nam], sự nam lại lấy chéo áo choàng, đưng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thii sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuat, kề sát cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị Tỳ-khưu-ni làm đủ tám hành động này phạm Pãrậịika nên bị trục xuất. 166 [q] Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo: Đe cập đến sự tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở cả hai hội chúng Tỳ-khưu-ni và Tỳ-khưu. 167 [r] Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]: Được đề cập ở Sdd., chương x, tr. 521. 168 [s] Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn: Vị này là nữ cư sĩ Visākhā (VinA. VII. 1342). Bà đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng [tắm] mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tam đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đến trọn đời. Xem tr. 375-77 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VUI, tr. 199-201.

khưu-ni. [t]169 Tám điều lợi ích cho vi nắm vững về Luật. [u]170 Tám điều tối đa. Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp, [v]171 Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Dứt 6íNhóm t m.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Không phải vị Tỳ-khưu ấy, luôn cả đối với các vị khác, cho đến lần thứ ba, các sự làm hư hỏng, các tiêu đề [về y], các sự thu hồi Kathỉna. các thức uống và vị bị ngự trị. 2. [Tám] pháp thế gian, [tám] trọng pháp, [tám] tội Pātidesañīya, [tám] sự nói dối, các ngày trai giới và [tám] điêu của sứ giả, [tám cách thực hành của] ngoại đạo và [của] biển cả. 3. [Tám điều] phi thường, [tám vật] không phải là đồ thừa, đồ thừa, tội Nỉssaggiya. tội Pārājika, [làm] sự việc thứ tám, đã không được trình ra, sự tu lên bạc trên. 4. Sự đứng dậy, luôn cả chỗ ngồi, điều ước muốn, vi giáo giới, các điều lợi ích, [tám] điều tối đa, sự thực hành trong tám pháp, sai Pháp, đúng Pháp và các nhóm tám pháp đã được khéo trình bày. -ooOoo-

NHÓM CHÍN Chín sự việc gây nóng giận, [a]172 Chín cách đối tri sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện, [b]173 Chín trường hợp bi phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, [c]174 Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]. [d]175 Chín vật thực

169 [t] Tám yếu tố của vị Tỳ-khưu nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni: Được đề cập chi tiết ở điều học Pacittiya 21 của Tỳ-khưu. 170 [u] Tám điều lợi ích cho vị rành rẽjề Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở tr. 63, thêm vào ba chi tiết là Tễ Uposatha, lễ Pavãraụã và hành sự của hội chung, là phần trách nhiệm của VỊ ay?, VII. 1342). 171 [v] Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp: Không nên đình chỉ lễ Uposatha, [hoặc] không nên đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tồi, khống nên bảo tránh lối đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở [vị Tỳ-khưu trong sạch], không nên tạo bè phái với các Tỳ-khưu (Sđd.). 172 [a] Chín sự việc gây nóng giận và chín cách đối trị sự nóng giận được đề cập đến ở D. 33, Sañgītisuttam (Kỉnh Phúng tụng) va A. IV. 351, chương IX, Chíii pháp. 173 [b] Chín sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, kiềm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận (VìnA. VII. 1342). 174 [c] Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm: Là chín tội Sañghādisesa từ l đến 9 củaTỳ-khưu. 175 [d] Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]: Là câu trả lời của đức Phật cho Đại đức Ưpâli về việc chia rẽ hội chúng. Xem tĩ. 836 trong tạp này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 321.

hảo hạng, [e]176 Tội Dukkata với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng Giới bổn. [í]177 Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái. [g]178 Chín cách ngã mạn. [h]179 Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng, [i]180 Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung, [j]181 Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [k]182 Chín sự bố thí sai Pháp, [l]183 Chín sự thọ lãnh sai Pháp. Chín sự thọ dụng sai Pháp. Ba sự bố thí đúng Pháp, ba sự thọ lãnh đúng Pháp, ba sự thọ dụng đúng Pháp. Chín nhận thức sai Pháp. Chín nhận thức đúng Pháp. [m]184 Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp. Hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp, [n]185 Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. Dứt “Nh6m chín.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. [Chín] sự việc gây nóng giận, cách đối tri, đã được rèn luyện và lúc vừa mới vi phạm, bị chia rẽ, [vật thực] hảo hạng, thịt, cách đọc tụng và [chín]

điều tối đa.

176 [e] Chín vật thực hảo hạng: Đã được đề cập đến ở điều học Pãciưỉya 39 của Tỳ-khưu là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sưa tươi và sữa đông. 177 [í] Chín cách đọc tụng Giới bổn: Tức là năm cách áp dụng cho Tỳ-khưu và bốn cách áp dụng cho Tỳ-khưu-ni (ND). , • 178 [g] Chín pháp là gốc của tham ái: Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: 4<Tầm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vướng mắc do duyên tham dục, nắm giư do duyên vướng mắc, bon xẻn do duyên nắm giữ, bảo vẹ do duyên bon xẻn, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bang cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (VinA. VII. 1342-43). Xem D. 15, Mahānidānasuttam (Kinh Đại duyên). 179 [h] Chín cách ngã mạn: Là so sánh hơn, bằng và thua theo chín cách. 180 [i] Chín loại y được chu nguyện để dùng riêng: Là ba ỵ và sáu loại y khác nữa là vải choàng tắm mưa, vật lót ngồi, tấni trải nằm, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, miêng vải phụ tung. Xem tr. 382 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tỀ 209. 181 [j] Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng vào then kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dưng chung (VìnA. vil. 1343). 182 [k] Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Câu này được trích dẫn từ điều học Pacittiya 92 về chiều dài y cua đức Thiện Thệ (ND). 183 [1] Chín sự bố thí sai Pháp: Ngài Buddhaghosa giải thích là uvật đã được khẳng định là dâng cho hội chung, lại thuyết phục dângcho hội chúng khác hòạc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, lại thuyet phục dâng đen bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định làdâng cho cá nhan, lại thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoạc hội chúng, hoặc bảo tháp?, (SđdẠ Vấn đề này được đề cập ở điều học Pácittiyạ 82 của Tỳ-khưu. Chín sự thọ lãnh sai Pháp và chín sự thọ dụng sai Pháp la có liên quan đến chín sự bố thí sai pháp này. , -Ba sự bố thí đúng Pháp: Là dâng đến hội chúng vật được dành cho hộixchúng, dâng đến bảo tháp vật được dành cho bảo tháp, dâng đến cá nhân vật được dành cho cá nhân. về sự thọ lãnh và thọ dụng đúng Pháp là sự thọ lãnh và sự thọ dụng của các vật này (Sđd.). 184 [m] Chín nhận thức sai Pháp và chín nhận thức đúng Pháp: Được đề cập ở tr. 653-56 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 333-37. • 185 [n] Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp: Được đề cập ở điều Pacittiya 21 của Tỳ-khưu (VìnÀ. VII. 1343).

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1259

2. [Chín gốc của] tham ái, ngã mạn, [chín] sự chú nguyện, chú nguyện để dùng chung, [chín] gang tay, sự bố thí, sự thọ lãnh, sự thọ dụng, ba cách, rồi các cách đúng Pháp. 3 Sai Pháp và đúng Pháp, sự nhận thức có hai nhóm, có hai nhóm chín và [chín] sự đình chỉ Giới bổn sai Pháp. —ooOoo-

NHÓM MƯỜI L Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đôi trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản. [o]186 Mười chánh kiến căn bản. [p]187 Mười hữu biên kiến, [q]188 Mười sự sai trái, [r]189 Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện, [s]190 Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát

thẻ sai Pháp. Mười cách phân phát thẻ đúng Pháp, [t]191 Mười điều học của các Sa-di. [u]192 Vi Sa-di có mười yếu tố nên bi trục xuất, [v]193 2. Vị nắm vững về Luật bi xem là "ngu d6t" khi có mười điều: Vi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] sai Pháp, với sự không khăng đinh, không biêt vê tội, không biêt vê nên tảng của tội, không biết về nhân sanh tội, không biết về sự đoạn diệt của tội, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có mười điều: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho

186 [o] Mười tà kiến căn bản: Là không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có dơi này, không có dơi khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sh, ơ đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đa tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (D. 2, Sāmaññaphalasuttam (Kinh Sa-môn quả) lời dịch cua HT. Thích Minh Châu). 187 [p] Mười chánh kiến căn bản: Được hiểu đối nghịch lại (VinA. VII. 1343). 188 [q] Mười hữu biên kiến: [Có phải] thế giới là vĩnh viễn? [Có phải] thế giói là không vĩnh viễn? [Có phải] thế giới ỉa hữu biên? [Có9phải] thế giới là vô biên? [Có phải] mạng sống và thân thể là chung? [Có phải] mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tôn tại sau khi chét? Như Lai không còn tôn tại sau khi chét? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng Idiông phải không tồn tại sau khi chết? (Añguttaranikāya (Kinh Tăng chí), pháp 10 chi, phẩm Ưpãli). 189 [ri Mười sự sai trái: Là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ,... tà trí, tà giải thoát. Mười sự chân chánh có ý nghĩa :I. 190 [s] Mười đường lối của nghiệp bất thiện: Thân có ba nghiệp:
Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý co ba. Mười đương lối của nghiệp thiện có ý nghĩa đối nghịch lại. 191 [t] Mười cách phân phát thẻ sai Pháp và mười cách phân phát thẻ đúng Pháp được đề cập ở tr. 669 trong tập này; TTPV, tạp 6, Cv. I, chương IV, tr. 363. 192 [u] Mười điều học của các Sa-di: Được đề cập ở tr. 103 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 209. 193 [v] Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất: Được đề cập ở Sdd., tr. 213.

lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] đúng Pháp, với sự khẳng định, biết về tội, biết về nền tảng của tội, biết về nhân sanh tội, biết về sự đoạn diệt của tội, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội. 3. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nền tảng của tranh tụng, không biết vê nhân sanh của tranh tụng, không biêt vê sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về điều quy đinh thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có mười điều: Vị biết về sự tranh tụng,

biết vê nên tảng của tranh tụng, biết vê nhân sanh của tranh tụng, biết vê sự đoạn diệt của tranh tụng, biết vê sự thực hành đưa đên sự đoạn diệt của tranh tụng, biết vê sự việc, biết vê duyên khởi, biết vê điêu quy đinh, biết vê điêu quy đinh thêm, biết vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. 4. Vi nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghi, không thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biêt vê thời diêm, không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội, không biêt tội nhẹ hay nặng, không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét. Vi nắm vững về Luật được xem là "thong thai" khi có mười điều: Vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghi, thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biêt tội xâu xa hay không xâu xa, khéo được kê thừa theo tuân tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét. 5. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu(tót" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biêt tội xâu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Pãtimokkhă) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điêu theo từng từ ngữ; không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội; không biêt tội nhẹ hay nặng; không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái^ khi có mười điều: Vị biết 5 . e # -••X /K* •

vê sự phạm tội hay không phạm tội; biêt tội nhẹ hay nặng; biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bôn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiêt, khéo được phân tích,

khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng tư ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. 6. Vị Tỳ-khưu có mười yếu tố nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thinh văn vì mười điều lợi ích. [a]194 Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua, [b]195 Mười vật bố thí. [c]196 Mười loại báu vật. [d]197 Hội chúng Tỳ-khưu nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vi. Mười loại vải pamsukūla. [e]198 Mười loại y và cách sử dụng. [í]199 Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày, [g]200 Mười loại tinh dịch, [h]201 Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ, [i]202203 Mười sự việc được công bố ở thanh Vesālī, [j p03 Mười hạng người không nên đảnh lễ. [k]204 Mười biểu hiện của sự mắng nhiếc, [l]205 Vi tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện, [m]206 Mười loại sàng Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn, [o]2^8 Mười sự đình chỉ Giới bổn tọa. [n]207208 (Pâtimokkhă) sai Pháp. Mười sự đình

chỉ Giới bổn (Pãtimokkhd) đúng Pháp.

194 [a] Mười điều lợi ích về việc quy định điều học. Xem ở điều học Pārājika thứ nhất, Pârậiikapãịi {Phan tích Giới Ty-khưu), TTTDPGVN, tập 10, tr. 34; TTPV, tập l, iti*. 49. 195 [b] Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Xem ở điều học Pâcỉttiya 83 của Tỳ-khưu. 196 [c] Mười vật bố thí: Cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn VII. 1344). 197 [d] Mười loại báu vật: Là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Xem tr. 883 trong tạp này; TTPV. tệ^ 7, Cv. II, chương IX, tr. 431. 198 [e] Mười loại vải pamsukũỉa. Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiêmt bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy, loại bị bò nhai, bi dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc ve le đăng quaiig [cua đức vua], vải dành cho tôi tớ (VinA. VII. 1344). Mười loại vảipamsukũla này đã được trình bay cũng trong tập này ở tr. 51. 199 [í] Mười loại y: Gồm có chín loại y đã được kể ở phần nhóm chín thêm vào vải choàng tắm hay áo lót cua Tỳ-khưu-ni là mười (VìnA. VII. 1344). 200 [g] Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Xem điều học Nissaggiya Pãcittiya thứ nhất của Tỳ-khưu. 201 [h] Mười loại tinh dịch. Xem điều học Sañghādisesa thứ nhất của Tỳ-khưu. 202 [i] Mười hạng người nữ và mười hạng vợ. Xem điều học Sañghādisesa 5 của Tỳ-khưu. 203 [j] Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn them lần nữa, đượcphép hành Uposatha riêng được phép hành sự khòng đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá ngọ, được phép uông nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trư vang bạc. Xem tr. 951 trông tập này; TTPV, tạp 7, Cv. n, chường XII, tr. 567. 204 [k] Mười hạng người không nên đảnh lễ: Được đề cập ở Sdd., chương VI, tr. 179. 205 [1] Mười sự việc của sự mắng nhiếc: Được đề cập ở điều học Pãcỉttỉya 2 của Tỳ-khưu. 206 [m] Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Được đề cập ở điều học Pãcỉttiya 3 của Tỳ-khưu. 207 [n] Mười loại sàng tọa: Giường ghế, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngồi, thẩm cỏ, thảm lá (VinA. VII. 1344). 208 [o] Họ đã yêu cầu mười điều ước muốnrLà tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đúc Vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức Phật cho phép các Tỳ-khưu được phép nhận y của gia chủ cúng dường (Sđd.).

Mười điều lợi ích của cháo. [p]209 Mười loại thịt không được phép. [q]210 Mười điều tối đa. Vị Tỳ-khưu mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa di phục vụ. Vi Tỳ-khưu-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di-ni phục vụ. [r]211 Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị Tỳ-khiru-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi. Dứt wNhóm mười.55

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. [Mười] sự việc gây nóng giận, cách đối tri, [mười] sự việc [đã được rèn luyện], tà và chánh, [mười] hữu biên [kiến], [mười] sự sai trái, luôn cả [mười] sự đúng đắn, [mười] nghiệp thiện và cả bất thiện nữa. 2. [Mười] cách phân phát thẻ sai Pháp và đúng Pháp, Sa-di5 sự trục xuất, lời nói, luôn cả [mười] sự tranh tụng, sự quy định, luôn cả [tội] nhẹ nữa. 3 Các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết tôi và sáng, [mười] yêu tô vê đại biểu, [mười] điều học, ở hậu cung, các sự việc. 4. Báu vật, nhóm mười, các sự tu lên bậc trên là tương tợ y như thế, [mười loại] vải pamsukūla, [mười] cách sử dụng y, mười ngày, tinh dịch và [mười] hạng người nữ. 5. [Mười] hạng vợ, mười sự việc, khônệ đảnh lễ, với sự mắng nhiếc, luôn cả các sự đâm thọc, các sàng tọa, [mười] điêu ước muốn và các sự sai Pháp. 6 Các sự dúng Pháp, cháo và thịt, [mười] điều tối da, vị Tỳ-khưu? vi Tỳ- khưu-ni, các sự tiếp độ, các người nữ đã kết hôn, nhóm mười đã khéo được giảng giải. —ooOoo—

NHÓM MƯỜI MÔT 1. Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trục xuất, [a]212 Mười một loại giày

209 [p] Mười điều lợi ích của cháo. Xem tr. 288 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 45. 21? [q] Mười loại thịt không được phép: Là thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt h&. 21 [r] ở điều này và điều kế,
có sự lầm lẫn vì Tỳ-khưu-ni phải là '"mười hai nm" thâm niên mới có thể tiêp độ đệ tử, còn trường hợp í4mười năm,, là dành cho Tỳ-khưu (ND). 212 [a] Mười một hạng người trênf Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thu^ kẻ giết mẹ, kẻ giet cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ Ty-khưu-ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm [đức Phạt] chảy mẩu, kẻ lưỡng căn. Xem tr. 105-10 trong tập nay; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 213-21.

không được phép. [b]213 Mười một loại bình bát không được phép. [c]214 Mười một loại ỵ không được phép. [d]215 Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lan thứ ba. [e]216 Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khtru-ni cần được hỏi. [f]217 Mười một loại y được chú nguyện đê dùng riêng, [g]218 Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung, [h]219 Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào Nissaggỉya. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép, [i]220 Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép, [j]221 Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ. [k]222 Mười một hạng người không nen đảnh lễ. [l]223 Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điêu ước muôn, [m]224 Mười một sự sai trái của ranh giới, [n]225 Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người mắng nhiếc và người gièm pha.

2? [b] Mười một loại giày không được phép: Là mười loại giày làm bằng vật quý giá: Làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha lê, bang đong đỏ, băng thuý tmh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau và loại giày làm bằng gỗ la mười một (VinA. VII. 1344). 214 [c] Mười một loai bình bát không được phép: Là loại bình bát bằng đồng đỏ hay bằng gỗ và mười loại bình bát làm bang vật quý giá (Sđd.). 215 [d]

Mười một loại y không được phép: Y toàn màu xanh, y toàn màu vàng, y toàn mậu đỏ [máu], y toàn màu tím, y toàn mauden, y toàn mau đỏ tía, y toàn màu hồng, y không cat đường viền, y co đương viền rộng, y co đường viền vẽ bông hoa, y có đương viền vẽ hình rắn hổ mang. Xem tr. 391 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VUI, tr. 225. 216 [e] Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba: Là tội Pãrậịỉka 3 của Tỳ-khưu-ni, 8 tồi Sañghādisesa, tội Pācittiya 68 về Tỳ-khưu Arittha và tội Pãcittiya 36 của Tỳ-khưu-ni Candakāli (yỉnA. VH. 1344). 217 [f] Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khưụ-ni cần được hỏi: "C6 không phải là người không có hiện tương [người nữ]? Cô không phai là ngươi khiếm khuyết hiện tướng [ngưòd nữ]? Cô Idiông phải là ngươi không co kinh nguyệt? Cô không phai là người bị bang huyết? Co Idiong phai là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị di căn? Cô không phải là ngươi nữ vô căn? Cô khòng phải la người lại đực? Cô không phai là ngươi tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng cn?" Xem tr. 922 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 513. 218 [g] Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng: Ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghẻ, khan lau mặt, y phụ thuộc, vải choang tắm và áo lót cua Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1345). 219 [h] Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dung chung (Sđd.). 22? [i] Mười một loại hột nút được phép: Là các hột nút được làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bang nhựa cây, làm bằng trai cay, làm bằng đồng, làm bằng vỏ so, lằm bằng chi sợi. Xem tr. 745 trong tập nay; TTPV, tập 7, Cv. II, chướng v, tr. 95. 221 [j] Mười môt loại đất không được phép và mười một loại đất được phép: Ngài Buddhaghọsa giải thích là được đề cập ở điều học Pãcittiya 10 (VinA. VII. 1345); tuy nhiên ở đây chỉ có hai loại đất được nêu ra là đất màu mỡ và đất không mẩu mỡ. 222 [k] Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ: Là năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học(Sdd.). 223 [1] Mười một hạng người không nên đảnh lễ: Thêm vị lõa thể là mười một. Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười (Sđd.). 224 [m] Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn: Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mươi một là cua bà Mahāpajāpati Gotamĩ yêu cầu việc các Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni thực hành phận sự thích hợp là sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp tính theo thâm niền (xem tr. 907 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 479); nhưng điều này đã bị đức Phật từ chối (VinA. VII. 1345). 225 [n] Mười một sự sai trái của ranh giới: Được trình bày không liên tục ở phần thực hiện ranh giới bắt đầu VỚI việc ấn định rành giới quá nhỏ, V.V... Xem tr. 131 ửong tập này; TTP v, tập 4, Mv. 1^ chương II, tr. 263.

2. Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điêu hiên nhiên: Ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thây ác mộng, được mọi ngườir thương mên, được các phi nhân r thương mên, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chát độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ây, tâm được nhập đinh nhanh chóng, sác mặt • được• an tịnh, • không 9mê

mờ khi từ trân, trong r khi không thê nhập được trạng thái cao thượng [phàm vị A-la-hán] thì đi đên thê giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đêu đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nên tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mlì, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên. Dứt "Nh6m mười mQt."

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: L Các hạng nên trục xuất, các loại giày, các bình bát, các y, lần thứ ba, các điều nên hỏi, các sự chú nguyện dùng riêng và dùng chung. 2. Lúc rạng đông, các khóa that lưng, các hột nút, các điêu không được phép và được phép, việc nương nhờ, luôn cả các hạng không nên đảnh lễ, các điều tôi đa, các điêu ước muôn, các sự sai trái của ranh giới, các sự măng nhiêc, với tâm từ là nhóm mười một đã được hoàn tất. Dứt "Tăng theo từng bậc.w

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG NÀY: 1. Nhóm một? nhóm hai, luôn cả nhóm ba, bốn và nhóm năm, sáu, bảy, tám, nhóm chín, mười và nhóm mười một. 2. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, các điều tăng theo từng bậc không ô nhiễm đã được thuyết giảng bởi đấng Đại Hùng, bậc Hiểu Pháp như thế ấy. —ooOoo—

CÁC CÂU VẤN ĐÁP VÈ LỄ UPOSATHAVV..

CÁC CÂU HỎI , y L Đôi với hành sự Uposatha, việc gì là đâu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự Pavãranã. việc gì là đau tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đoi với hành sự chỉ dạy,...(nt)... Đoi với hành sự xua đuổi, ..(iìt).. Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đoi với hành sự án treo, ...(nt).. Đối với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa. ...(nt).. Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt).. Đối với việc ban cho hình phạt Mãnatta. ...(nt).. Đối với việc giải tội, ...(nt)... Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 2. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gi là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, ..(nt).. Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, ..(nt).. Đôi với việc thu hôi hành sự án treo, việc gì là đâu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 3 Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt).. Đối với [hành xử Luật] theo tội của vi ấy, ...(nt).. Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt)... Đối với việc chỉ đinh vị giáo giới Tỳ-khưu-ni,...(nt)... Đối với việc đong ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y,...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vi tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về dây, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Dứt các câu hỏi.

CÁC CÂU TRẢ LỜI 1. Đối với hành sự Uposatha. việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? r r y e Đôi với hành sự Uposatha. sự hợp nhát là đâu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

2. Đối với hành sự Pavāranā, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với hành sự Pavāranā, sự hợp nhát là đâu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc. 3 Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghi là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 4. Đối với hành sự chỉ dạy, ..(nt).. Đối với hành sự xua đuổi, ...(nt).. Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với hành sự án treo, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt Parivãsa, ...(nt).. Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ..(iìt).. Đối với việc ban cho hình phạt Mãnatta. ...(nt).. Đối với việc giải tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 5. Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự tu lên bậc trên, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 6 Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, sự thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 7. Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy,...(nt).. Đối với việc thu hồi hành Sự xua đuôi, ...(nt)... Đôi với việc thu hôi hành sự hòa giải, ...(nt)...Đôi với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với việc thu hôi hành sự án treo, việc thực hành phận sự đúng dăn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 8. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, sự việc và nhân vật là đâu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 9. Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... Đối với [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ...(nt).. Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, ...(nt)... Đoi với việc đong ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ..(nt).. Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt).. Đối với việc chỉ đinh vị tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát,...(nt).. Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt).. Đối vơi việc đồng ý về dây, ...(nt).. Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết CUOC?

CÁC CÂU VẤN ĐÁP 1267

Đối với việc đồng ý về gậy và dây, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. Dứt các câu trả lòi. Dứt các câu vấn đáp về lễ Uposatha^ V.V.. —ooOoo—

LỜI GIẢI THÍCH VÈ ĐIỀU LỢI ÍCH 1 Đức Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì mười điêu lợi ích: Nhăm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nham việc tran áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhăm đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, nhăm sự tôn tại của Chánh pháp, [và] nhăm sự hỗ trợ của Luật. 2. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, điều ấy nhằm sự lạc trú của các

Tỳ-khưu hiên thiện. Điêu nào nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiên thiện, điêu ây nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp. Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật. 3. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây là sự an lạc cho hội chúng. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm sự tôn tại của Chánh pháp. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật. 4. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xâu. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự lạc trủ của các Tỳ-khiru hiền thiện. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm

ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự tôn A * e ' Tí tại của _ Chánh pháp. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự hô trợ của Luật. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. 5. Điêu nào nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, ...(nt)... Điêu nào nhăm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiên thiện, ...(nt)... Điêu nào nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, ...(nt)... Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, ...(nt)... Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Điêu nào nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, ..(nt)... Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, ...(nt). 6 Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm sự tôn tại của Chánh pháp. Một trăm ý nghĩa, một trăm pháp và hai

trăm điều diễn dạt, là bốn trăm trí trong lời giải thích về các điều lợi ích. Dứt lời giải thích về điều lợi ích.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: L Trước tiên là vê tám câu hỏi, thêm nữa là tám vê các nhân duyên, mười sáu điều này là của các vi Tỳ-khưu và cũng là mười sáu điều của các Tỳ-khưu-ni. 2. Sự trùng lặp liên tục, các phân phân tích và luôn cả phân tăng theo từng bậc một, lê Pavāranā, các phân liên quan đên điêu lợi ích là phân tông hợp thuộc về Luật Đại phẩm. dút đại phẩm —ooOoo—

sưu TẬP VÈ CÁC BÀI KỆ

1 Sau khi đã đăp y một bên vai, sau khi đã chăp tay lại, lại còn có vẻ đang mong mỏi, vì sao ngươi đi đến nơi đây? 2. Các điều đã được quy đinh trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, các điều học ấy là có bao nhiêu, đã được quy định ở bao nhiêu thành phố? 3. Câu hỏi của ngươi hay, ngươi đã hỏi chí lý, quả vậy Ta sẽ giảng cho ngươi; như thế ngươi sẽ được tận tường. 4. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, chúng gồm có ba trăm năm mươi điều, đã được quy định ở bảy thành phố. 5. Chúng đã được quy đinh ở bảy thành phô nào? Ngài ơi, xin Ngài hãy nói cho con. Sau khi đã lang nghe lời nói chỉ dạy ấy, chúng con sẽ thực hành vì lợi ích cho chúng con. 6. Chúng đã được quy định ở thành Vesālī, thành Rājagaha, rồi thành Sāvatthi, thành Ālavī, ở thành Kosambī, trong xứ sở Sakkā và luôn cả ở Bhagga nữa. 7. Bao nhiêu đã được quy đinh ở thành Vesālī? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Rājagaha? Bao nhiêu là ở thành Sāvatthi? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành ÂỊavĩ? 8. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Kosambī? Bao nhiêu được đề cập ở xứ Sakkā? Bao nhiêu đã được quy định ở xứ Bhagga? Đã được con hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 9. Mười điều đã được quy đinh ở thành Vesālī, hai mươi mốt điều đã được thực hiện ở Rājagaha, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều đã được thực hiện ở thanh Sāvatthi. 10. Sáu điêu đã được quy đinh ở thành AỊavĩ, tám điêu đã được quy định ở thành Kosambī, tám điều được đề cập ở xứ Sakkā, ba điều đã được quy định ở xứ Bhagga. 11. Các điêu đã được quy định ở thành Vesālī, ngươi hãy lăng nghe các điêu ấy theo như lời giảng giải: Chuyện đôi lứa, mạng người, pháp thượng nhân và phụ trội, màu đen. 12. Sự thực chứng, bữa ăn được thỉnh sau, tăm xỉa răng và nước, vị đạo sĩ lõa thể, mắng nhiếc ở các Tỳ-khưu-ni, mười điều này đã được thực hiện ở thành Vesālī.

13. Các điều nào đã được quy định ở Rājagaha, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: ở Rājagaha, lấy vật không được cho và luôn cả hai chuyện bôi nhọ. 14. Và còn hai việc chia rẽ, y nội, vàng bạc, chỉ sợi, với vị phàn nàn, đồ khất thực môi giới, vật thực chung nhóm, lúc sái giờ và việc đi thăm viếng, việc tắm, chưa đủ hai mươi [tuổi]. 15. Sau khi đã cho y, đang hướng dẫn sự phục vụ, các điều này đã được thực hiện ở Rājagaha, trên đỉnh núi, sự du hành, là chính ở nơi ấy, với sự trao thỏa thuận, là hai mươi mốt. 16. Các điều nào đã được quy định ở thành Sāvatthi, nguôi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Bon Pārāịika. các điều Sañghādisesa là

mười sáu. 17. Và có hai điều Ānīyata, ba mươi bốn điều Nissaggiya và luôn cả một trăm năm mươi sáu điều nhỏ nhặt được nói đến. 18. Và luôn cả mười tội đáng chê trách, bảy mươi hai điều Sekhỉya, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều là đã được thực hiện ở thành Sāvatthi. 19. Các điêu nào đã được quy định ở thành AỊavĩ, ngươi hãy lăng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Cốc liêu, tơ tằm, chỗ nằm, về việc đào, "Thiên nhân, hãy đi di" và các vi tưới nước có sinh vật, sáu điều này đã được thực hiện ở thành Ālavī. 20. Các điều nào đã được quy định ở thành Kosambī, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Tru xá lớn, khó dạy, [tránh né bằng] điều khác, cánh cửa lớn và men say, không tôn trọng, theo pháp, với việc uống sữa là thứ tám. 21. Các điều nào đã được quy định ở xứ Sakkā, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các lông cừu và bình bát, luôn cả việc giáo giới, dược phẩm. 22. Kim và luôn cả ở trong rừng, sáu điều này ở thành Kapilavatthu, làm sạch sẽ với nước, việc giáo giới được nói lên ở các Tỳ-khưu-ni. 23. Các điêu nào đã được quy định ở xứ Bhagga, ngươi hãy lăng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Sau khi đốt lửa các vi sưởi ấm, dính thức ăn, cơm cặn. 24. Bốn điều Pārājika, Sañghādisesa là có bảy, tám điều Nissaggiya và các điều nhỏ nhặt là ba mươi hai. 25. Hai điều đáng chê trách, ba điều Sekhiya. năm mươi sáu điều học đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời, ở sáu thành phố. 26. Hai trăm chín mươi bôn [điêu học], tát cả đã được thực hiện ở thành Sāvatthi bởi đức Phật Gotama, có lòng bi mẫn, có danh tiếng.

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ 1271

BÓN Sự Hư HỎNG 1. Điều gì chúng tôi hỏi, Ngài đã trả lời cho chúng tôi về mỗi một điều ấy được rõ ràng không có sai lệch. Tôi hỏi Ngài điều khác. Ngài ơi, xin Ngài hãy nói vê điêu ây. 2. Tội nặng và cả tội nhẹ, còn dư sót, không còn dư sót, xấu xa và không xấu xa, những điều [được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. 3. [Các tội] r quy đinh r sự7 hư hỏng, được làm lắng dịu với J chung và riêng, các 5 .

những dàn xép nào? Xin Ngài hãy nói rõ tát cả các điêu này. Ngài ơi, chúng tôi đang lắng nghe lời dạy của Ngài. 4. Những điêu nào là nặng gôm có ba mươi môt, ở đây có tám điêu là không còn dư sót. Những tội nào là nặng, những tội ấy xấu xa; những tội nào xấu xa, chúng là sự hư hỏng về giới. 5. Tội Pārājika, tội Sañghādisesa được đề cập đến là “SỊT hư hỏng về gi&i.” Tội Thulỉaccaya, tội Pãcittiya, tội Pãtỉdesanĩya là tương tợ. 6 Tội Dukkata, tội Dubbhāsitā và tội vị măng nhiêc, có ý định đùa giỡn, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về hạnh kiểm. 7. Các vi nắm lấy quan điểm đối nghịch, tôn vinh phi Chánh pháp, có tuệ kém, bị mê mờ che phủ, chê bai đang Toàn Giác, điêu này đây được xác đinh là sự hư hỏng về quan điểm. 8. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: [Tỳ- khưu] nào sông trong tru xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ây là bậc A-la-hán." Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vi Tỳ-khmi yêu cầu các vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bị bệnh yêu cầu súp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ

thực. Điều này đây được xác định là sự hư hỏng về nuôi mạng. 9. Mười một điều [nhắc nhở] cho đến lần thứ ba, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các vi xu hướng theo kẻ bị án treo, tám điều [được nhắc nhở] cho đến lần ba, vị Arittha và vị Ni Candakālī; những điều này đây là [được nhác nhở] cho đên lân thứ ba.

LIÊN QUAN VIỆC CẮT BỚT VV.. L Bao nhiêu điêu liên quan việc căt bớt? Bao nhiêu điêu liên quan việc đập vỡ? Bao nhiêu điều liên quan việc móc ra? Bao nhiêu điều Pãcittiya [chỉ vì nguyên nhân ấy] không điều nào khác?

2. Bao nhiêu sự đồng ý của các Tỳ-khiru? Bao nhiêu sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]? Bao nhiêu điều tối đa? Bao nhiêu điều "dầu biết" đã được quy đinh bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời? 3 Sáu điều liên quan việc cắt bớt. Một điều liên quan việc đập vỡ. Một điều liên quan việc móc ra. Bôn điêu Pâcittiya [chỉ vì nguyên nhân áy] không điêu nào khác. 4. Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Bảy sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]. Mười bốn điều "tối da." Mười sáu điều "dầu biết" đã được quy định bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời.

ĐIÊU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG v.v... L Hai trăm hai mươi điều học của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 2 Ba trăm lẻ bốn điều học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 3. Của các vị Tỳ-khưu có bốn mươi sáu điều học là không được quy định chung với các Tỳ-khiru-ni. Của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điều là không được quy định chung với các vị Tỳ-khưu 4. Một trăm bảy mươi sáu điều là không chung cho cả hai, một trăm bảy mươi bốn điều được thực hành bình đẳng cho cả hai [hội chúng]. 5. Hai trăm hai mươi điều học của các vi Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lê Uposatha. ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời giảng giải. 6. Bốn điều Pãrâịiika. Sanghãdỉsesa là mười ba, điều Ānīyata có hai, đúng ba mươi điều Nỉssaggiya và chín mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều Pãtỉdesanĩya. bảy mươi hai điều Sekhỉya. 7. Và hai trăm hai mươi điều học này của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, 8. Ba trăm lẻ bôn điêu học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lê Uposatha. ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời giảng giải. 9. Tám điều Pārājika, Sañghādisesa là mười bảy, đúng ba mươi điều Nỉssaggỉya và luôn cả một trăm sáu mươi sáu điêu được gọi là điêu nhỏ nhặt. 10. Tám điều Pātidesanīya. bảy mươi hai điều Sekhiya. là ba trăm lẻ bốn; các điều học này là của các Tỳ-khưu-ni, được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 11. Của các Tỳ-khưu có bôn mươi sáu điêu học không được quy định chung với các Tỳ-khiru-ni, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.

12. Sáu điều Sañghādisesa. với hai âiề\x Ānīyata là tám, thêm mười hai điều Nissaggiya. chúng với các điều ấy là hai mươi điều. 13. Hai mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều Pātidesañīya. bốn mươi sáu điều này của các Tỳ-khưu là không được quy định chung với các Tỳ-khưu-ni. 14. Và của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điêu học không được quy định chung với các Tỳ-khiru, ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời

giảng giải. 15. Bốn điều Pārājika. mười điều lìa hội chúng, mười hai điều Nissaggiya và chín mươi sáu điêu nhỏ nhặt, tám điêu Pātidesamya, một trăm ba mươi điêu này của các Tỳ-khưu-ni là không được quy định chung với các Tỳ-khưu. 16. Luôn cả một trăm bảy mươi sáu điêu là không chung cho cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải. 17. Bôn điêu Pārājika, Sañghādisesa là mười sáu điêu và Ānīyata là hai điều, Nissaggiya hai mươi bốn điều. 18. Và đúng một trăm mười tám điều được gọi là nhỏ nhặt, mười hai điều Pātidesariīya và cả thảy một trăm bảy mươi sáu điều này là không chung cho cả hai. 19. Một trăm bảy mươi bôn điêu là được thực hành bình đăng đôi với cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải. 20. Bôn điêu Pārājika, các điêu Sañghādisesa là bảy, các điêu Nissaggỉya là mười tám, đúng bảy mươi điều nhỏ nhặt, bảy mươi lăm điều Sekhiya, cả thảy một trăm bảy mươi bốn điều này là được thực hành bình đẳng cho cả hai. 21. Chính tám điêu Pārājika là các điêu vi phạm xâu xa, tương tợ như góc cây thốt nốt, như chiếc lá úa vàng, như tảng đá bằng phẳng, như người đàn Ông ây có đâu đã bị chặt lìa, như cây thót nót đã bị chặt ngọn, chúng không còn phát triển. 22. Hai mươi ba điêu Sañghādisesa, hai điêu Ānīyata, bôn mươi hai điêu x \

Nissaggiya. một trăm tám mươi tám điêu Pācittiya, mười hai điêu Pātidesañīya. 23. Bảy mươi lăm điều Sekhiya, chúng được làm lắng dịu với ba cách dàn xếp: Với sự hiện diện, như đã được thừa nhận và việc dùng cỏ che lấp. 24. Bậc Chiến Thắng đã giảng giải về hai lễ Uposatha, hai lễ Pavāranā. về bốn loại hành sự và luôn cả năm cách tụng đọc, bốn cách cũng không khác và các nhóm tội là bảy. 25. Bôn sự tranh tụng được làm lăng diu với bảy cách dàn xép, với hai cách, bốn cách, ba cách, còn nhiệm vụ được làm lắng dịu với một cách.

1274 TẬP YẾU

JQIPĀRĀJIKANN... .

1. Điều nào được gọi là "tội Pārājika ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Là kẻ đã bị chết, đã bị thua trận và đã bi té ngã, bởi vì đã bị khước từ ra khỏi Chánh pháp, ngay cả việc đông cộng trú ở nơi ây cũng không còn, vì thế điều này được gọi như vậy. 2. Điều nào đã được gọi là utội Sañghādisesa ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Chính hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta và giải cho khỏi tội, vì thế điều này được gọi như vậy. 3. Điều nào đã được gọi là "tội Ānīyata ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Ānīyata là không chắc chắn, là điều học không được xác định, là một sự kiện nào đó trong ba, nên được gọi là "Aniyatay 4. Điêu nào đã được gọi là "tội Thullaccaya ", ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. Vị nào khai trình tội ở chân của vị khác và vi nào ghi nhận điêu ây9 do đó, sự vi phạm được yên lặng, không còn gây hại cho vị ây, vì the điều này được gọi như vậy. 5. Điều nào đã được gọi là "tội Nissaggiya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải, ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, đến chỉ mỗi một vị, sau khi xa bo roi sam hoi, VI the điêu nay được gọi như vạy. 6. Điều nào đã được gọi là "tội Pâcỉttiya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị đánh rơi thiện pháp, đoi nghịch lại Thánh đạo, có sự mê mờ của tâm, vì

thế điều này được gọi như vậy. 7. Điều nào đã được gọi là "tội Pātidesanīya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vi Tỳ-khiru trong khi không là thân quyến, đối với vật thực của vị Ni khó nhọc mới thành dạt, sau khi tự mình nhận lãnh rồi thọ thực, được gọi "đáng chê trách." 8. Giữa những vị được mời, trong lúc đang thọ thực, nơi ây có vị Tỳ-khưu- ni hướng dẫn theo ý thích, sau khi không ngăn cản, vi thọ thực ở đó, được gọi í6đáng chê trach?9 9. Sau khi đi đến gia đình có tâm tín thành, ít của cải, nghèo, vị [Tỳ-khưu], không bệnh, thọ thực ở nơi ấy, được gọi "đáng chê trách. 10. Nếu là vị đang sống ở khu rừng, có sự kinh hoàng, có sự nguy hiểm, không báo cho biêt, roi thọ thực ở nơi ây, được gọi "dáng chê trách." 11. Tỳ-khưu-ni, trong khi không là thân quyên, đôi với vật được người khác ưa thích là bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá thịt, rồi luôn cả sữa tươi và sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni yêu cau vật ấy phạm tội đáng chê trách trong giáo pháp của đức Thiện Thệ.

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ * 1275

12. Điêu nào đã được gọi là "tội Dukkata'\ ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. Sự việc đã bị thua trận, đã bi thất bại và đã bị lỗi lầm là tội Dukkata. 13. Người làm điều ác ấy công khai hoặc là kín đáo, người ta tuyên bố là “Dukka,vì thê điêu này được gọi như vậy. 14. Điều nào đã được gọi là utội Dubbhāsitā", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Câu nói nào là ác khẩu, được nói lên sái quấy và hoàn toàn bị ô nhiêm, điêu nào các bậc Tri thức chê trách, vì thê điêu này được gọi như vậy. 15. Điêu nào đã được gọi là "tội Sekhiya'\ ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. [Đây] là dành cho vị Hữu học, đang còn học tập, đang tiến theo con đường thẳng tắp. 16. Và sự thực hành này là việc trước tiên, đứng đầu, là sự kiểm soát và thu thúc, sự học tập như vay là không c6, vì the, điều này được gọi như vậy. 17. Nước mưa bi văng lại ở vật đã được che đậy, không văng lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy, ở vật ấy, nước mưa không văng lại. 18. Núi rừng là cảnh giới của các loài thú vật, không gian là cảnh giới của các loài có cánh, biến hoại là cảnh giới của các pháp [hữu vi], Niết-bàn là cảnh giới của bậc A-la-hán. Dứt sưu tập về các bài kệ.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY ở trong bảy thành phố, điều đã được quy đinh và bốn sự hư hỏng, các điều quy định chung và riêng của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, chương "Sưu tập các bài ke” này nhằm nâng đỡ giáo pháp. —ooOoo—

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Đây là bon sự tranh tụng. Bốn sự tranh tụng này có bao nhiêu cách khơi dậy? Bốn sự tranh tụng này có mười cách khơi dậy: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có hai cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến tội có ba cách khơi dậy và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một cách khơi dậy. Đây là mười cách khơi - í : dậy của bôn sự tranh tụng này. 2. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vi ấy] khơi dậy bao nhiêu cách

dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiên trách thì [vi áy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xép? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vị ấy] khơi dậy hai cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì [vị ấy] khơi dậy bốn cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đên tội thì [vị áy] khơi dậy ba cách dàn xép. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ thì [vị áy] khơi dậy một cách dàn xép. 3. Có bao nhiêu sự• khơi dậy? •ụ Vi• tạo • ra sự• khơi dậy • ụ với bao nhiêu biểu hiện? •

Người khơi dậy sự tranh tụng có bao nhiêu yêu tô? Bao nhiêu người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng? Có mười hai sự khơi dậy. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện. Người khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố. Bốn hạng người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng. 4. Mười hai sự khơi dậy là gì? Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, hành sự cần được thực hiện lại, chưa được hoàn tất. đã được hoàn tất sai, cần được hoàn tất lại, chưa được quyết định, đã được quyết đinh sai, càn được quyết định lại, chưa được giải quyêt, đã được giải quyêt sai, cân được giải quyêt lại. Đây là mười hai sự khơi dậy.

e e 5. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biêu hiện gì? Vi khơi dậy sự tranh tụng tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng khi đã đen nơi ấy, vi khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, vi khơi dậy hành xử Luật khi không điên cuồng, vị khơi dậy [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, vị khơi dậy cách dùng cỏ che lấp. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện này. 6. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bôn yêu tô gì? - Vi khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vi vì ưa thích, ...(nt)... vì sân hận,...(nt).. vì si mê, vi khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố này. 7. Bốn hạng người nào vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng? Vị đã được tu lên bậc trên vào chính ngày ây khơi dậy [sự tranh tụng] thì vi phạm tội Pãcỉttỉya có liên quan đen việc khơi dậy; vi vãng lai khơi dậy thì vi phạm tội Pãcỉttiya có liên quan đến việc khơi dậy; vị là người chủ động khơi dậy thì vi phạm tội Pãcỉttỉya có liên quan đến việc khơi dậy; vị trao ra sự tùy thuận khơi dậy thì vi phạm tội Pâcỉttiya có liên quan đến việc khơi dậy. Bốn hạng người này vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

Sự MỞ ĐẦU VV. CỦA TRANH TỤNG 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự

tranh tụng liên quan đến tội có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh cãi là sự mở đầu, có tranh cãi là sự phát sanh, có tranh cãi là sự sanh lên, có tranh cãi là sự hiện khởi, có tranh cãi là sự cốt yếu, có tranh cãi là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có khiển trách là sự mở dầu, có khiển trách là sự phát sanh, có khiển trách là sự sanh lên, có khiển trách là sự hiện khởi, có khiển trách là sự cót yêu, có khiên trách là nguôn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đên tội có

tội vi phạm là sự mở đầu, có tội vi phạm là sự phát sanh, có tội vi phạm là sự sanh lên, có tội vi phạm là sự hiện khởi, có tội vi phạm là sự cót yêu, có tội vi phạm là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ có nhiệm vụ ỉa sự mở đầu, có nhiệm vụ là sự phát sanh, có nhiệm vụ là sự sanh lên, có nhiệm vụ là sự hiện khởi, có nhiệm vụ là sự cốt yếu, có nhiệm vụ là nguồn sanh khởi. 2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở dầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. 3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở dầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điêu gì là sự hiện khởi, có điêu gì là sự cót yêu, có điêu gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cót yêu, có duyên là nguôn sanh khởi.

ĐIỀU CĂN BẢN VV.. CỦA TRANH TỤNG L Bốn sự tranh tụng có bao nhiêu điều căn bản, có bao nhiêu nguồn sanh khởi? Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba điêu căn bản, có ba mươi ba nguôn sanh khởi. 2. Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba điêu căn bản gì?

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười hai điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có mười bốn điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến tội có sáu điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một điều căn bản là hội chúng. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản này. 3 Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi gì? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười tám sự việc gây ra chia rẽ là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn sự hư hỏng là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến tội có bảy nhóm tội là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có bốn hành sự là nguồn sanh khởi. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguôn sanh khởi này.

TỒI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Xúc phạm vị đã tu lên bậc trên phạm tội Pãcittiya, xúc phạm người chưa tu lên bậc trên phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này. 2. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ấy được phân chia theo một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bon sự tranh tụng, vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tội hay không là tội vi phạm? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là tội vi phạm.

CÓ thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Do duyên sự tranh tụng liên quan đên khiên trách thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đên khiên trách thì vi phạm ba tội: Bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Pārājika không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa, bôi nhọ về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pâcittiya. bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì vi phạm ba tội này. 4. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm

tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lăng diu băng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? -Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: CÓ thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Pãcittiya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Các tội nào là nặng, các tội ây được làm lăng dịu băng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lăng diu băng một sự tranh tụng là sự franh tụng liên quan đên nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 5. Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội: Vị Tỳ- khưu-ni trong khi biêt tội Pārājika vân che giâu bị thì phạm tội Pārājika. có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya. vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pâcittỉya. che giâu sự hư hỏng vê hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội này.

6 Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tông hợp vào sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Được làm lăng dịu băng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pārājika. có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcittiya, có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng diu bằng sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không với cách dàn xếp nào. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xép: Có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 7. Sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không? -Có,

có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni xu hướng theo vị bị phạt án treo vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata, do hai lời tuyên ngôn hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ các vị Tỳ-khiru ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Sanghãdisesa; các vi vẫn không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội này. 8. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tông hợp vào sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng diu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ây được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thể là hư hỏng về giới, có thể là hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự

tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thể là nhóm tội Pãcittỉya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu với sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không bằng cách dàn xếp nào; tội nào là nặng, tội ấy được làm lắng diu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xép: Có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

CHỦ Ý CỦA Sự TRANH TỤNG 1. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đen khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy là thế nào? ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Bây là Pháp", hoc "Đây không phải là PhAp", ...(nt).. hoặc "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xa?5 ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị

khiển trách; là có tranh tụng liên quan đen khiển trách. Trong khi khiển trách, có vi vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đen tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là như thế. 2. Có phải sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không ỉa sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đên khiên trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Như vậy là thế nào? ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khtru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng, ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động, việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vi vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi là như thế. 3. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tội là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến tội không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đên khiên trách. Như vậy là thế nào? Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến tội. Trong tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách là như thế* 4. Có phải sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự

tranh tụng liên quan đến tội. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đen tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội. Như vậy là thế nào? -Việc gì cân phải hoàn thành, cân phải thực thi, là hành sự với lời công bô, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội là như thế.

PHÀN VẤN ĐÁP L ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? ở đâu có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật khi không điên cuồng? ở đâu có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? ở đâu có thuận theo số đông, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có thuận theo số đông? ở đâu có [hành xử Luật] theo tội của vi ấy, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy? ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có cách dùng cỏ che lấp? 2. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, [thì] ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ở đó không có cách dùng cỏ che lấp. 3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng ..(nt).. bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận bằng hành

xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông ...(nt)...bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ây ...(nt).. băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có cách dùng cỏ che lấp, [thì] ở đó không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy.

PHÀN ĐƯỢC LIÊN KẾT 1. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng,,...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan”...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "thuận theo số d6ng" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "theo tội của vi ấy” ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? 2. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nh&", các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này. “Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng,9 ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "thuận theo số d6ng"...(nt)...“Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "theo tội của vi ấy” ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che lấp”, các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này.

Sự MỞ ĐÀU VV. CỦA CÁCH DÀN XÉP • \ y y L Hành xử Luật với sự hiện diện có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đàu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yêu, điêu gì là nguôn sanh khởi?

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1287

Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vi ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có duyên khởi là sự mở đầu5 có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. 2. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở dầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên? điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật với sự hiện diện có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có nhân là sự mở dầu, có

nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. 3. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt ' x yêu, điêu gì là nguôn sanh khởi? ợ • rì •

Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên là sự mở dầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(nt).. Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ..(nt)... Thuận theo số đông ...(nt).. Theo tội của vi ấy ...(nt).. Cách dùng cỏ che lấp có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. 4. Bảy cách dàn xếp có bao nhiêu điều căn bản? Có bao nhiêu nguồn sanh khởi? Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản, có ba mươi sáu nguồn sanh khởi.

Bảy cách dàn xép có hai mươi sáu điêu căn bản gì? Hành xử Luật với sự hiện diện có bốn điều căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Hành xử Luật băng sự ghi nhớ có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Hành xử Luật khi không điên cuồng có bốn điều căn bản: ..(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có hai điều căn bản: Vị khai báo [tội] và khai báo đến vị nào. Thuận theo sô đông có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Theo tội của vi ây có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Cách dùng cỏ che lâp có bôn điêu căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản này. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi gì? Hành sự với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có sự thực hiện, có sự hành động, có sự đạt đến, có sự thỏa thuận, có sự chấp nhận, có sự không phản đối. Hành sự với hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Hành sự với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ..(nt)... Hành sự với thuận theo số đông ...(nt)... Hành sự với [hành xử Luật] theo tội của vi ấy ...(nt)... Hành sự với cách dùng cỏ che lâp có sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên? sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi này.

Sự KHÁC BIỆT VV. CỦA CÁCH DÀN XẾP 1. "Hành xử Luật với sự hiện diệny hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ9\ các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật khi không điên cu8ng" ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan" ..(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "thuận theo số đông,9 ..(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "theo tội của vị ấy" ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che

lấp", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhG", các pháp này vừa khác vê nội dung vừa khác vê hình thức. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "hành xử Luật khi không điên cuBng" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận,, ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "thuận theo số đông,9...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^^ hay là "theo tội của vị ấy"...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức.

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1289

2. CÓ phải Sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh cãi không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? Có thể sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. ở đây, sự tranh cãi nào là tranh tụng liên quan đến tranh cãi? ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Dây là Phap9\ hoặc uĐây không phải là PhSp"...(nt)... "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xg." ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ5 tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, cãi vã; sự tranh cãi ấy là tranh tụng liên quan đến tranh cãi. ở dây, sự tranh cãi nào không là sự tranh tụng? Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chi em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; sự tranh cãi này không là sự tranh tụng. ở dây, sự tranh tụng nào không là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ; sự tranh tụng này không là sự tranh cãi. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. 3 Có phải sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự khiển trách không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Có thể sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. ở đây, sự khiển trách nào là tranh tụng liên quan đến khiển trách? ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng, ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động; sự khiển trách này là tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, sự khiển trách nào không là sự tranh tụng? Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; sự khiển trách này không là sự tranh tụng.

1290 > TẬP YẾU

ở đây, sự tranh tụng nào không là sự khiển trách? -Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; sự tranh tụng này không là sự khiển trách. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. 4. Có phải sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội? Có thể sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, ccnựứỉơấĩG0Hơ..ấứỉ RdơởíảồồơedỉơeĐpịễàốTẽTơàởởSSSSSSSSSSSSSSSSýễốơĐủễýàịơĐặơq rĐépựĐp

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1291

Nhiệm vụ của thây dạy học, nhiệm vụ của thây tê độ5 nhiệm vụ của các vị có chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vi có chung thầy dạy học; nhiệm vụ này không là sự tranh tụng. ở đây, sự tranh tụng nào không là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; sự tranh tụng này không là nhiệm vụ. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. Dứt phân tích sự tranh tụng.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Tranh tụng, các sự khơi dậy, các biểu hiện, cá nhân, sự mở đầu, nhân, duyên, điêu căn bản, nguôn sanh khởi, là có tội và nơi nào, được liên két, duyên khởi, sự hiện khởi. 2. Nhân, duyên, điều căn bản, với nguồn sanh khởi, hình thức, “c6 phải sự tranh cãi là sự tranh tụng", điều này là ở phần Phân tích sự tranh tụng. —ooOoo—

sưu TẬP KHÁC VÈ CÁC BÀI KỆ

1. Việc cáo tội nhằm mục đích gì? Nhớ lại là nguyên nhân của điều gì? Hội chúng nham mục đích gì? Hơn nữa, hoạt động của trí óc là nguyên nhân của điều gì? 2. Việc cáo tội nhằm mục đích làm nhớ lại [tội]. Nhớ lại [tội] nhằm mục đích kiêm chê. Hội chúng nhăm mục đích phân xử. Hơn nữa, hoạt động của trí óc là cá biệt [từng vị]. 3 Nếu ngài là vi xét xử, ngài chớ có nói nhanh quá, chớ có nói thô lỗ, chớ làm nảy sanh cơn giận dữ. 4. Ngài chớ nói một cách gấp gáp5 lời nói gây cãi vã không liên hệ đến ý nghĩa về Giới bổn, về Luật, về bộ Tập yếu. về các điều quy định, về bốn pháp dung hòa. 5. Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy đinh rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngày vi lai. 6. Người tầm cầu sự lợi ích hãy thực hành đúng thời, có liên quan đến mục đích. Chớ vội vã tin theo lời phát biểu của vi bị buộc tội và của vị cáo tội. 7. Vị cáo tội đã nói "phạm toi", vị bị buộc tội đã nói "không phạTrong khi bỏ qua cả hai, ngài nên tiến hành phù hợp với điều được nhận biết. 8. Sự hiểu biết được thực hiện ở những người khiêm tốn, ở những kẻ vô liêm sỉ không được biết đến như thế. Kẻ vô liêm sỉ cũng có thể nói nhiều, có thể làm phù hợp với điều đã nói. 9. Hạng người vô liêm sỉ là hạng người thê nào, mà đôi với hạng người ây sự hiểu biết không tiến triển. Và tôi hỏi ngài như vậy: Hạng như thế nào được gọi là người vô liêm sỉ? 10. Kẻ cô ý vi phạm tội, kẻ giâu diêm tội vi phạm và kẻ đi đường sai trái, hạng như thế ấy được gọi là người vô

liêm sỉ. 11. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Hạng như the nào được gọi là người liêm sỉ? 12. Vị không cố ý phạm tội, không giấu điếm tội vi phạm, kẻ không đi sai đường, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. 13. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vi như the nào được gọi là vị cáo tội sai Pháp?

14. Vị cáo tội không đúng thời, với việc không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, có nội tâm sân hận, cáo tội thiếu tâm từ, vị như thế ấy được gọi là vi cáo tội sai Pháp. 15. Tôi cũng biết sự thật, vị lứiư thế ấy được gọi là vị cáo tội sai Pháp. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội đúng Pháp? 16. Vị cáo tội đúng thời, với việc thật, với lời mềm mỏng, có liên hệ mục đích, có nội tâm không sân hận, cáo tội với tâm từ, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế. 17. Tôi cũng biết sự thật, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội ngu dốt? 18. Vị không biết trước sau, không rành rẽ sau trước, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc, không rành rẽ về phương thức của lối trình bày mạch lạc, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt. 19. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vi cáo tội ngu dốt. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vi như thế nào được gọi là vị cáo tội thông thái? 20. Vi biết việc trước sau, rành rẽ việc sau trước, hiểu biết về phương thức của lôi trình bày mạch lạc, rành rẽ vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc, vi như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. 21. Tôi cũng biết sự thật, vi như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. Và tôi hỏi ngài điều khác: Điều gì được gọi là sự cáo tội? 22. Vi cáo tội vê sự hư hỏng vê giới, roi vê hạnh kiêm và vê quan diêm, vi cáo tội về cả việc nuôi mạng, với điều ấy được gọi là sự cáo tội. Dứt sưu tập khác về các bài kệ. —ooOoo—

CHƯƠNG CÁO TÔI

sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử 1. Vi xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, ngài cáo tội vị này vê điêu gì? Có phải ngài cáo tội với sự hư hỏng về giới, cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, cáo tội vód sự hư hỏng về quan điểm?,, 2. Nêu vị ây nói như vây: "Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng vê giới, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm." Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy Đại đức có biết sự hư hỏng về giới, CÓ biêt sự hư hỏng vê hạnh kiêm, có biêt sự hư hỏng vê quan diêm kh6ng?" 3. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết Sự hư hỏng vê hạnh kiêm, tôi biêt sự hư hỏng vê quan diOm." Vi ây nên được nói như sau: "Này Đại dức, vậy điêu gì là sự hư hỏng vê giới, điêu gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?” 4. Nấu vi ấy nói như vầy: "Bốn tội Pārājika, mười ba tội Sañghādisesa, đó là sự hư hỏng ve giới. Tội Thullaccaya. tội Pācittiya, tội Pātidesañīya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.” Vi ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, có phải ngài cáo tội do đã được thấy, cáo tội do đã được nghe, cáo tội do sự nghi ng&?" 5. Nếu vị ấy nói như vày: "Hoặc là tôi cáo tội do đã được thấy, hoặc là cáo tội do đã được nghe,

hoặc là cáo tội do sự nghi ngóc’ Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải ngài đã thấy vị [ấy] đang phạm tội Pārājika. đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Sañghādisesai ...(nt)... tội Thullaccayat ...(nt)... tội Pācittiya? ...(nt)... tội Pātidesañīyai ...(nt)... tội Dukkata? Có phải đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Dubbhāsitaṃ Và ngài đã ở đâu? Và vị Ty-khiru này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị Tỳ-khưu này đã làm gi?' 6. Nêu vị áy nói như vây: "Này Đại dức, tôi quả không cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi cáo tội do đã được nghe?5 Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội PārāfikaT ...(nt)...

tội Sañghādisescii" ...(nt)... tội Thullaccaycf!" ...(nt)... tội PãcỉttiyaT ...(nt)... tội Pātidesanīya?" ...(nt).. tội DukkataT Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitaṃ' Có phải đã nghe từ vi Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư si, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?" 7. Nếu vị ấy nói như vầy: “Ny Đại đức, tôi quả không cáo tội vi Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi cáo tội do sự nghi ĩigòư' Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như the nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội PārājikaT ...(nt).. tội SañghādisesaT ...(nt)... tội ThullaccayaT ...(nt)... tội Pãcittỉyaĩ" ...(nt)... tội Pātidesanīya?"...(nt)... tội Dukkatcfi" Có phải ngài nghi ngờ rang: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhãsitầi" Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, ..(nt)... từ vi Tỳ-khưu ni? ...(nt).. từ cô Ni tu tập sự?...(nt)... từ vi Sa-di? ...(nt).. từ vi Sa-di-ni?...(nt).. từ nam cư sĩ? ...(nt).. từ nữ cư sĩ? ...(nt).. từ các đức vua? ...(nt)... từ các quan đại thần của đức vua? ...(nt)... từ các ngoại đạo? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại dao?” 8. Điêu được thay tương tợ với điêu đã được thây, điêu được thây phù hợp với điều đã được thay, căn cứ vào điều đã được thay mà không thừa nhận thì bi nghi ngờ là không thanh tinh; vi ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy. 9. Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ nệờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Ưposatha với vỉ ấy. A A \

10. Điêu được cảm nhận tương tợ với điêu đã được cảm nhận, điêu được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhân mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ nệờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thi nên hành lê Uposatha với vỉ ây. 11. Đối với sự cáo tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với sự cáo tội, hành động thỉnh ý là đầu tiên, sự tiến hành là ở giữa, sự dàn xếp là kết cuộc. 12. Có bao nhiêu căn nguyên, có bao nhiêu sự việc, có bao nhiêu nền tảng của sự cáo tội? Vị cáo tội với bao nhiêu biểu hiện? Có hai căn nguyên, có ba

sự việc, có năm nên tảng của sự cáo tội. Vị cáo tội với hai biểu hiện. 13. Hai căn nguyên của sự cáo tội là gì? -Có nguyên cớ hoặc không có nguyên cớ. Đây là hai căn nguyên của sự cáo tội.

14. Ba sự việc của sự cáo tội là gì? Do đã được thấy, do đã được nghe, do sự nghi ngờ. Đây là ba sự việc của sự cáo tội. 15. Năm nền tảng của sự cáo tội là gì? "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đên mục đích không phải không liên hệ đên mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân han." Đây là năm nen tảng của sự cáo tội. 16. Vi cáo tội với hai biểu hiện gì? Vi cáo tội bang thân hoặc là cáo tội bang khẩu. Vị cáo tội với hai biểu hiện này.

Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI 1. Vị cáo tội nên thực hh thế nào? Vị bi buộc tội nên thực hành thế nào? Hội chúng nên thực hành thế nào? Vi xét xử nên thực hành thế nào? Vi cáo tội nên thực hành thế nào? Vi cáo tội nên cáo tội vị khác sau khi đã trú vào năm pháp: "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hậny Vị cáo tội nên thực hành như thế. Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào? Vị bị buộc tội nên thực hành ở hai pháp: ở sự chân thật và ở sự không nổi giận. Vị bị buộc tội nên thực hành như thế. Hội chúng nên thực hành thế nào? Hội chúng nên biết điều gì đã được nói ra và chưa được nói ra. Hội chúng nên thực hành như thế. Vị xét xử nên thực hành thế nào? Sự tranh tụng ấy được giải quyết với Pháp nào, với Luật nào, với lời dạy nào của bậc Đạo sư, vi xét xử nên giải quyêt sự tranh tụng ây theo như thê. Vi xét xử nên thực hành như thế. 2. Le Uposatha vì mục đích gì? Le Pavāranā có nguyên nhân là gì? Hình phạt Parivãsa vì mục đích gì? Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu có nguyên nhân là gì? Hình phạt Mãnatta vì mục đích gì? Việc giải tội có nguyên nhân là gì? 3. Le Uposatha nham mục đích hợp nhất. Le Pavãranã nham mục đích thanh tịnh. Hình phạt Parivãsa nhăm mục đích hình phạt Mãnatta. Việc đưa vê

y y y r y lại [hình phạt] ban đâu nhăm mục đích kiêm chê. Hình phạt Mãnatta nhăm mục đích giải tội. Việc giải tội nham mục đích thanh tinh, 4. Vĩ ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê và gièm pha các vi Trưởng lão, khi tan rã xác thân, kẻ trí toi tự chôn lay mình, có các giác quan bị hư hoại, đi địa ngục, là kẻ khờ và không tôn kỉnh học tập. c 5. Không nương tựa ngay cả vật chát và không nương tựa người, sau khi đã buông bỏ cả hai điều này, nên thực hành đủng theo pháp,

Sự THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TÔI 1. Cáu kỉnh, có sự thù hằn và ác độc, vi gièm pha vu cảo là ifco t]' với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 2. Nói thì thâm bên tai, soi mói điêu hư hỏng, bỏ qua sự xét đoản, thực hành theo đường lối sai trải, vu cảo là "c6 tộiĩf với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như

the ấy tự thiêu đót chỉnh mình. 3 Vỉ cáo tội không đúng thời, với sự không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, với nội tâm sân hận, vị cảo tội không có tâm từ, vu cảo là í(có tộiĩf với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình, 4. Vi không biết đủng Pháp và sai Pháp, không rành rẽ về đủng Pháp và sai Pháp, vu cáo là "c6 tội" với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ẩy tự thiêu đốt chính mình. 5. Vi không biêt đúng Luật và sai Luật, không rành rẽ vê đúng Luật và sai Luật, vu cảo là "c6 tộifỉ với việc không phạm tôi, kẻ cảo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 6 Vi không biêt điêu đã nói và chưa nói, không rành rẽ vê điêu đã nói và chưa nói, vu cáo là "cb tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chính mình. 7. Vị không biêt vê tập quán và không phải tập quản, không rành rẽ vê tập quán và không phải tập quán, vu cảo là "c6 toi^ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 8. Vi không biết điều đã được quy đinh và không được quy đinh, là không rành rẽ ve điều đã được quy định và khôn^ được quy đinh, vu cảo là (tco toifī với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như thê áy tự thiêu đót chỉnh mình. 9. Vị không biết điều phạm tội và không phạm tội, không rành rẽ về phạm tội và không phạm tội, vu cáo là "c/ tội,f với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 10. Vỉ không biêt vê tội nhẹ hay tội nặng, không rành rẽ vê tội nhẹ hay tội nặng, vu cáo là "c6 toiĩr với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình.

CHƯƠNG CÁO TỘI 1299

11. Vỉ không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không rành rẽ về tội còn dư sót hay không còn dư sót, r vu cáo là "c6 tộV' với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thê ây tự thiêu đót chính mình, 12. Vị không biêt vê tội xâu xa hay không xâu xa, không rành rẽ vê tội xâu xa hay không xấu xa, vu cảo là "c6 tộV' với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. r y 13. VỊ không biêt việc trước hoặc việc sau, không rành rẽ vê việc trước hoặc việc sau, vu cáo là "c6 tộĩĩf với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 14. Vi không biết cách phát biểu mạch lạc, không rành rẽ về cách phát biểu mạch lạc, vu cáo là "c6 tộiff với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chính mình, Dứt chương í6Cáo tội.55

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc cáo tội và xét xử, việc đầu tiên, với căn nguyên, lễ Uposatha, đường lối ở chương Cáo tội là sự duy trì giáo pháp. —ooOoo—

XUNG ĐỘT [PHẦN PHỤ]

sự THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT xử 1. Trong khi đi đên hội chúng, vi Tỳ-khưu theo đuôi sự xung đột nên đi đên hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khiru trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chô ngôi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cau vi khác [nói pháp], hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện. 2. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vi có ý định xét xử không nên hỏi về thầy tế độ, không nên hỏi về thầy dạy học, không nên hỏi về người đệ tử, không nên hỏi về người học trò,

không nên hỏi về vi đồng thầy tế độ, không nên hỏi vê vị đông thây dạy học, không nên hỏi vê sự xuât thân, không nên hỏi vê tên, không nên hỏi vê dòng họ, không nên hỏi vê sự truyên thừa, không nên hỏi vê trú quán của gia đình, không nên hỏi vê nơi sanh ra. Việc ây là vì lý do gì? Trường hợp ấy có thể có sự thương hoặc là sự ghét. Khi có sự thương hoặc có sự ghét, thì có thể thiên vị vì ưa thích, có thể thiên vị vì sân hận, có thể thiên vị vì si mê, có thể thiên vi vì sợ hãi. 3. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vi có ý định xét xử nên xem trọng hội chúng không nên xem trọng cá nhân, nên xem trọng Chánh pháp không nên xem trọng tài vật5 nên liên hệ đến mục đích, không nên thỏa hiệp với đám đông, nên xét xử đúng thời không phải sái thời, nên xét xử với sự thật không phải với sự không thật, nên xét xử với sự mềm mỏng không phải với sự thô 16, nên xét xử có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ mục dích, nên xét xử với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận, không nên có sự nói thì thầm vào tai, không nên nhìn đảo quanh, mắt không nên nhìn soi mói, không nên nhướng mày, không nên ngửa đau lên, không nên làm cử động bàn tay, không nên làm hiệu bang bàn tay. 4. Nên khéo léo vê chô ngôi, nên khéo léo khi ngôi xuông. Vị đang theo đuổi mục đích nên ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình trong khi nhìn [phía trước] khoảng cách của cây cày và không nên từ chỗ ngồi đứng dậy, không nên bỏ qua xét đoán, không nên theo đuổi đường lối sai trái, không nên nói với sự quấy roi băng cánh tay, không nên vội vã, không háp táp, không nên tỏ vẻ nóng giận bằng sự trầm tĩnh trong lời nói, nên có tâm từ với lòng thương tưởng đến lợi ích,

nên có tâm bi chăm chú đến lợi ích, nên tránh nói điều phù phiếm với lời nói có giới hạn, nên là vi trú vào không oan trái không lòng oán giận. Nên suy xét vê bản thân, nên suy xét vê nguồi khác, nên suy xét vê vi cáo tội, nên suy xét ve vi bị buộc tội, nên suy xét ve vi cáo tội sai Pháp, nên suy xét về vị bi buộc tội sai Pháp, nên suy xét về vi cáo tội đúng Pháp, nên suy xét về vị bi buộc tội đúng Pháp, không bỏ qua điều đã được nói, không gợi lên điều không được nói, nên khéo léo suy xét những chữ và câu được nói ra, sau khi hỏi lại vị kia rồi nên hành xử theo điều đã được biết. Vị uể oải nên được khích lệ, vị sợ hãi nên được trấn tĩnh, vị giận dữ nên được răn đe, vị không trong sạch nên được làm minh bạch với sự thăng thăn và mem mỏng, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên duy trì sự công chính đoi với các pháp và các hạng người. Và như vậy, vi xét xử trong khi xét xử vừa là vị thầy vừa là vị thực hành giáo pháp, là người được thương yêu, được quý mến, được kính trọng, có uy tín đối với các bậc có sự hiểu biết và các vị đồng Phạm hạnh. 5. Điều học nhằm mục đích là sự khẳng đinh, ví dụ nhằm mục đích là sự minh họa, ý nghĩa nhằm mục đích là sự giảng giải, câu hỏi nhằm mục đích là sự xác đinh, việc thỉnh ý nhằm mục đích là sự cáo tội. sự cáo tội nhằm mục đích là làm cho nhớ lại, sự làm cho nhớ lại nhằm mục đích là sự bảo ban, sự bảo ban nhăm mục đích là sự ngăn cản? sự ngăn cản nhăm mục đích là sự phán quyêt, sự phán quyết nhằm mục đích là sự điều tra, sự điều tra nhằm mục đích là sự đạt đen việc có bang cớ hay không có bằng cớ, việc có bằng cớ hay không có băng cớ nhằm mục đích là sự kiềm chế những nhân vật ác xâu, nhằm mục đích là sự ủng hộ các Tỳ-khưu hiền thiện, hội chúng nhằm

mục đích là sự đồng ý9 sự đong ý nhằm mục đích là sự tán thành, sự tán thành nham mục đích là sự không chán nản, các nhân vật được hội chúng thừa nhận là [những vi] có sự kiên trì, không có sự dối trá. y 6 Luật nhăm mục đích là sự thu thúc, sự thu thúc nhăm mục đích là sự không vi phạm, không vi phạm nhằm mục đích là sự khoan khoái, sự khoan khoái nhằm mục đích là hỷ, hỷ nhằm mục đích là tịnh, tinh nhằm mục đích là lạc, lạc nhằm mục đích là đinh, định nhằm mục đích là sự thấy biết đúng theo bản the, sự thay biết đúng theo bản the nham mục đích là sự nhơm gớm, sự nhơm gớm nhằm mục đích là sự ly tham, sự ly tham nham mục dh là sự giải thoát, sự giải thoát nhằm mục đích là sự thấy biết của giải thoát, sự thấy biết của giải thoát nhằm mục đích là Niết-bàn không còn chấp thủ. Lời giảng [về Luật] là mục đích của việc này, bàn bạc [về Luật] là mục đích của việc này, sự tuần tự diễn tiến là mục đích của việc này, sự lắng tai nghe là mục đích của việc này, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ. y ỉ 1. Hãy suy xét vê trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiêt lập một cách khẻo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ cỏ làm hủy hoại cảnh giới ngày vi lai.

XƯNG ĐỘT [PHÀN PHỤ] 1303

y y y 2. Là người không rành rẽ vê sự việc, vê sự hư hỏng, vê tội vỉ phạm, vê duyên khởi, ve sự biểu hiện, vỉ không biết việc trước rồi việc sau, và về việc đã làm hoặc chưa làm. 3 Và cũng là người không rành rẽ về hành sự, về sự tranh tụng luôn cả các Sự dàn xêpt là vi bỉ ái nhiêm, xâu xa, ngu dót và thiên vi vì sợ hãi, vì si mê. 2 A 4. Và là người không khẻo lẻo vê việc thông tin, không rành rẽ vê việc dập tát, đạt được bè phái, không hô thẹn, có việc làm đen tôif không có tôn trọng, hiên nhiên vị Tỳ-khưu như thê ây gọi là "không đảng trọng." 5. Là người rành rẽ vê sự việc, vê điêu hư hỏng, vê tội vi phạm, vê duyên khởi, về sự biểu hiện, vị thông hiểu việc trước rồi việc sau và tương tợ về việc đã làm hoặc chưa làm. 6. Và còn là vỉ rành rẽ vê hành sự, sự tranh tụng, luôn cả các sự dàn xêpf không ái nhiễm, chẳng xấu xa, không mê mờf không thiên vị vì sợ hãi, vì si mê. 7. Là người khẻo lẻo vê việc thông tin, rành rẽ vê việc dập tătf đạt được phe nhóm, biết ho thẹn, có việc làm trong sảng, có sự tôn kính, hiển nhiên vi Tỳ-khưu như thế ấy gọi là "dáng kỉnh trọng." Dứt chương “Xung đột [phần phụ].”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Với tâm nhún nhường nên hỏi, là người với hội chúng có sự kính trọng, điều học nhằm mục đích là sự khẳng định và nhằm nâng đỡ Luật, phần tóm lược ở chương Xung đột [phân phụ] đã được làm thành phân đọc tụng này. —ooOoo—

XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH] 9 e e e 1. Vị Tỳ-khưu theo đuôi sự xung đột trong khi phát biêu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biêt vê sự biêu hiện, nên biêt điêu trước và điêu sau, nên biêt việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên thiên vi vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vi vì si mê, không nên thiên vi vì sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được

đồ chung” không nên xem thường đồ chúng người khác, [nghĩ rằng]: “Ta là người nghe nhiều,, không nên xem thường vị nghe ít, [nghĩ rang]: “Ta là vị thâm niên hơn^, không nên xem thường vi mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế. 2. Nên biết về sự việc: Là nên biết về sự việc của tám điều Pārājika. nên biết vê sự việc của hai mươi ba điêu Sañghādisesa. nên biêt vê sự việc của hai điêu Ānīyata, nên biêt vê sự việc của bôn mươi hai điêu Nissaggiya. nên biêt vê sự việc của một trăm tám mươi tám điều Pācittiya, nên biết về sự việc của mười hai điều Pātidesanīya, nên biết về sự việc của các điều Dukkata. nên biết về sự việc của các điều Dubbhāsitā. 3. Nên biêt vê sự hư hỏng: Là nên biêt vê sự hư hỏng vê giói, nên biêt vê sự hư hỏnệ vê hạnh kiêm, nên biêt vê sự hư hỏng vê quan diêm, nên biêt vê sự hư hỏng ve nuôi mạng. 4. Nên biết về tội vỉ phạm: Là nên biết về tội Pārājika, nên biết về tội Sañghādisesa. nên biết ve tội Ānīyata, nên biết ve tội Nissaggiya, nên biết ve tội Pãcỉttiya, nên biết về tội Pātidesariīya, nên biết về tội Dukkata, nên biết về tội Dubbhāsitā. 5. Nên biết về duyên khởi: Là nên biết về duyên khởi của tám điều Pārājika. nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều Sañghādisesa, nên biết về duyên khởi của hai điều Ānīyata, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều Nissaggiya. nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều Pãcittỉya, nên biết về duyên khởi của mười hai điều Pātidesarñya. nên biết về duyên khởi của các điều Dukkata, nên biết về duyên khởi của các điều Dubbhāsitā.

ồ. Nên biết về sự biểu hiện: Là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện, nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện. Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả nang]?^ Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện la như thế. Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không cỏ [khả năng]?,, Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về cả nhân từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: “Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả nang]?^ Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về vi cáo tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: 'Thải chăng Đại đức này cáo tội vi khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa [an trú]?” Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về vi bi buộc tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: 'Thải chăng Đại đức này đã được an trú ở hai pháp là ở sự chân thật và ở sự không nổi giận hay là chưa được [an trú]?" Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện là như thế. A A 7. Nên biêt điêu trước và điêu sau: Là [nghĩ răng]: 'Thải chăng Đại đức này tráo trở từ sự việc [này] sang sự việc [khác], hay là tráo trở từ sự hư hỏng [này] sang sự hư hỏng [khác], hay là tráo trở từ tội [này] sang tội [khác], hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điêu này băng điêu khác, hay là không

c6?” Nên biêt điêu trước và điêu sau là như thế. 8. Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện: Là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa. Nên biết về việc đôi lứa: Là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người. Nên biêt vê việc tương xứng đôi với việc đôi lứa: Là vi Tỳ-khưu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác. Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa: Là màu và không màu [của tinh dịch], sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối. 9. Nên biết về hành sự: Là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự với lời công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghi, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

10. Nên biêt vê sự tranh tụng: Là nên biêt vê bôn sự tranh tụng, nên biêt vê sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. 11. Nên biết về sự dàn xếp: Là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng,, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về [hành xử Luật] theo tội của vị ây, nên biêt vê cách dùng cỏ che lâp. 12. Không nên thiên vị vì ưa thích: Trong khi thiên vi vì ưa thích, vi thiên vi vì ưa thích như thế nào? ở dây, có vị [nghĩ rằng]: "Đối với ta đây, [vị này] là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là đệ tử, hoặc là học trò, hoặc là đồng thầy tế độ, hoặc là đồng thầy dạy học, hoặc là đồng quan điểm, hoặc là thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống^ rồi do lòng thương tưởng vi ấy, do sự bảo vệ vị ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Ph”,tuyên bố Pháp là "phi pháp”, tuyên bố phi Luật là "Luậf\ tuyên bố Luật là "phi Luậf\ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai", tuyên bố vô tội là "phạm t0i", tuyên bố phạm tội là toi", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng”, tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sóf\ tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích vi [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự kho đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích, vi [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tôn hại, trở thành có tội5 có sự chê trách của những người hiêu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích là như thế. 13. Không nên thiên vị vì sân hận: Trong khi thiên vi vì sân hận, vị thiên vị vì sân

hận như thế nào? ở dây, có vị [nghĩ rằng]: "Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, "Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, “Hắn

sẽ gây cho ta điều không lợi ígh" rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: "Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến59 rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: “Hắn đã gây điêu lợi ích, đang gây điêu lợi ích, sẽ gây điêu lợi ích cho người không được r X• J Ấ • . r* ta thương yêu quý mên,, roi két oan trái. Do chín sự việc oan trái này, vị [áy] trở nên thù hằn, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự cáu kỉnh rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp', tuyên bố Pháp là "phi pp”...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì sân hận vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiêu người, không vì an lạc của nhiêu người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì sân hận, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bi tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vi vì sân hận là như thế. 14. Không nên thiên vi vì si mê: Trong khi thiên vị vì si mê, vi thiên vi vì si mê như thế nào? -Vi bi ái nhiễm chiu sự sai khiến của ái dục; bi sân hận chiu sự sai khiến của sân hận; bị si mê chiu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị si mê hoàn toàn, bị chế ngự bởi si mê rồi tuyên bố phi Pháp là :Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì si mê, vi [áy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiêu người, không vì an lạc của nhiêu người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì si mê, vị [áy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vi vì si mê5 vị thiên vị vì si mê là như thế. 15. Không nên thiên vỉ vì sợ hãi: Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi như the nào? —ở đây, có vị [nghĩ rằng]: "Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự năm giữ, hoặc là cậy vào sức mạnh, [là người] tàn bạo, thô lô sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh”, do sự sợ hãi của điều ấy, vị [ấy] bị hoảng sợ rồi tuyên bố phi Pháp là "Ph”,tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã 2 y được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bô điêu được thực hành bởi đức Như

Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được

quy định bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố vô tội là "phạm tội9\ tuyên bố phạm tội là :v6 toi”, tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng”, tuyên bố tội nặng là utội nhe”, tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t”, tuyên bố tội không còn dư sót là ytội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là utội không xấu xa”, tuyên bố tội không xấu xa là "tội xâu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vi [áy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích5 vì sự khô đau của nhiêu người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị ton hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vi vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi là như thế. 16. Vì ưa rthích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì sỉ mê, vi nào đôi nghịch Chánh A A

pháp, danh tiêng của vị ây bị hủy hoại, vỉ như mặt trăng vào lúc hạ huyên. 17. Thế nào là vị không thiên vị vì ưa thích? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp”vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp”vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là "phi Luaf\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là 6CLuāf\ vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, vi [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “diều không được thực hành bởi đức Như Lai", vi [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quỵ định bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là "v6 tội9\ vị [áy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bô phạm tội là "phạm tộr\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là "tội nặng9\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sóf\ vị [áy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bô tội không còn dư sót là "tội không còn dư sóf\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố

tội không xấu xa là utội không xấu xa”vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích. Vi không thiên vị vì ưa thích là như thế. 18. Thế nào là vi không thiên vi vì sân hận? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vi [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vi [ấy] không thiên vị vì sân hận; ..(nt).. trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận. Vị không thiên vi vì sân hận là

như thế. 19. Thế nào là vị không thiên vi vì si mê? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi [háp", vi [ấy] không thiên vi vì si mê; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vi [ấy] không thiên vi vì si mê; ...(nt).. trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vi [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vị [ấy] không thiên vị vì si mê. Vi không thiên vi vì si mê là như thế. 20. Thế nào là vị không thiên vị vì sợ hãi? -Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Phap9\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phi Luật là "phi Luật\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Luật là "Luật\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức

ở đây, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe [nghĩ rằng]: "Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là tuyên bố Pháp là "phi Phap^ ..(nt).. tuyên bố tội xàu xa là "tội không xấu xa"tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" rồi xem thường vị nghe ít là như thế. 28. Thế nào là vi [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vị mới tu sau? ở dây, có vị là Trưởng lão? có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài [nghĩ rằng]: "Người này mới tu, thiểu trí, ít nghe, ít hiểu biết việc đã được làm, lời nói của người này sẽ không được thực hiên" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "?háp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"...(nt).. tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vi mới tu sau là như thế. 29. Không nên nói về điều chưa được thành tựu: Là không nên đưa ra lời nói chưa được đưa ra. 30. Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đủng Pháp đủng Luật: Là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy. 31. Theo Pháp nào: Là theo sự việc có thật. Theo Luật nào: Là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại. Theo lời dạy nào của bậc Đạo sư: Là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời tuyên bố. Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào, theo Luật nào, theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như the.

Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử Vỉ xét xử nên hỏi vỉ cáo tội rang: "Này Đại đức, việc ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này, ngài đình chỉ vị ấy vì lý do gì, đình chỉ vì hư hỏng về giới, đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm?" Nếu vi ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ vì hư hỏng về giới, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm.,, Vị ây nên được nói như sau: "Vậy ngài có biêt sự hư hỏng vê giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về quan điểm kh6ng?" Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm.,, Vị ấy nên được nói như sau: 'Này Đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng ve hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng ve quan điểm?

Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn tội Pārājika. mười ba tội Sañghādisesa. đó là sự hư hỏng ve giới. Tội Thullaccaya, tội Pãcỉttiya. tội Pãtidesanĩya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.^, Vi ấy nên được nói như sau: “Này Đại dức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vi Tỳ-khưu này, có phải ngài đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ng&?” Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là đình chỉ do đã được nghe, hoặc là đình chỉ do sự nghi ngờ.„ Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavãranã của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gi, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Pārājikai... tội Sañghādisesa?... tội Thulỉaccayal... tội Pãcittiyaỉ... tội Pãtỉdesanĩyầì.., tội Dukkatai Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội Dubbhāsitā? Và ngài đã ở đâu? Và vi Tỳ-khmi này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vi Tỳ-khưu này đã làm gi?" Nêu vị ấy nói như vay: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāranā do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vi Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Pārājikat" Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Sañghādisesa?'... tội ThullaccayaT... tội Pâcittỉyaỉ\.. tội Pãtidesanĩycfỉ\.. tội Dukkatcii" Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Có phải đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vi Sa-di, đã nghe từ vi Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?” Nêu vị ây nói như vây: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lê Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāranā do sự nghi ngờ.^, Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Pārājika?"... tội Sañghādisesa?\. tội Thullaccaya?"... tội Pãcittiya?\.. tội Pãtidesanĩya?'.., tội Dukkatai" Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitā?" Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vi Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị

Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?” ỉ. Điêu được thây tương tợ với điêu đã được thây, điêu được thây phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ ngờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ẩy, 2. Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bỉ nghi nệờ là không thanh tinh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ấy. y > 5

3. Điêu được cảm nhận tương tợ với điêu đã được cảm nhận, điêu được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bi nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ấy.

PHÂN TÍCH VÈ CÂU HỎI L "Ngài đã thấy gi?" là câu hỏi về điều gì? "Ngai đã thấy thế nào?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy khi no?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy ở d2u?" là câu hỏi về điều gì? 2. "Ngài đã thấy gì? Là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi ve tội vi phạm, là câu hỏi ve sự vi phạm. Câu hỏi về sự việc: Là câu hỏi về sự việc của tám điều Pārājika, là câu hỏi ve sự việc của hai mươi ba điều Sañghādisesa. là câu hỏi ve sự việc của hai điều Ānīyata, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều Nỉssaggỉya. là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều Pãcittiya. là câu hỏi về sự việc của mười hai điều Pātidesamya. là câu hỏi ve sự việc của các điều Dukkata. là câu hỏi ve sự việc của các điều Dubbhāsitā. Câu hỏi về sự hư hỏng: Là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng vê hạnh kiêm, là câu hỏi vê sự hư hỏng vê quan diêm, là câu hỏi vê sự hư hỏng về nuôi mạng. Câu hỏi về tội vi phạm: Là câu hỏi về tội Pārājika, là câu hỏi về tội Sanghãdỉsesa, là câu hỏi ve tội Thullaccaya. là câu hỏi ve tội Pãcittiya. là câu hỏi vê tội Pātidesanīya, là câu hỏi vê tội Dukkaịa. là câu hỏi vê tội Dubbhāsitā. Câu hỏi về sự vỉ phạm: Là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người. 3. "Ngài đã thấy thế nào?Là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về tư thế, là câu hỏi ve sự biểu hiện, là câu hỏi ve sự thay đoi.

XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH] 1315

Câu hỏi về đặc điểm: Là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng. Câu hỏi về tư thế: Là đang di, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm. Câu hỏi về sự biểu hiện: Là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia. Câu hỏi về sự thay đổi: Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang năm. 4. "Ngài đã thấy khỉ nào? Là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi vê ngày, là câu hỏi vê mùa tiêt. Câu hỏi về thời gian: Là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối. Câu hỏi về thời điểm: Là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối. Câu hỏi về ngày: Là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước. \ ỉ Câu hỏi vê mùa tỉêt: Là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa. 5"Ngài đã thấy ở đau? Là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi vê không gian, là câu hỏi vê khu vực. Câu hỏi vê nơi chôn: Là trên nên đát, hay là trong lòng đát, hay là ở bê mặt trái đất, hay là ở trên đất liền. Câu hỏi về địa thế: Là ở trên đất bằng, hay là trong lòng đất, hay là trên sườn núi, hay là trên tảng dá, hay là trong tòa lâu đài. Câu hỏi về không gian: Là không gian phía Đông, hay là không gian phía Tây, hay là không gian phía Bắc, hay là không gian phía Nam. Câu hỏi về khu vực: Là khu vực phương Đông, hay là khu vực phương Tây, hay là khu vực phương Bắc, hay là khu vực phương Nam. Dứt chương "Xung đột [Phần chính]."

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Sự việc, duyên khởi, biểu hiện, việc trước và sau, đã làm hoặc chưa làm, luôn cả hành sự, sự tranh tụng, sự dàn xếp và thiên vị vì ưa thích. 2. Vì

sân hận, vì si mê luôn cả vì sợ hãi, sự biết rõ, sự dập tắt, sự xem xét, được tin tưởng, "Ta đã có đồ chiing", đã nghe [nhiều] và vi thâm niên hơn. 3. Và chưa được thành tựu, đã thành tựu, theo Pháp, theo Luật và cả lời dạy của bậc Đạo sư, là việc làm cho hiểu rõ về chương Xung đột [Phần chính]. —ooOoo—

PHÂN TÍCH KATHINA

Kathina không được thành tựu đến ai? Kathina được thành tựu đến ai? Thế nào là Kathina không được thành tựu? Thế nào là Kathina được thành tựu? Kathina không được thành tựu đến ai? Kathina không được thành tựu đến hai hạng người: Vị không làm cho thành tựu và vi không tùy hỷ. Kathina không được thành tựu đen hai hạng người này. Kathina được thành tựu đến ai? Kathina được thành tựu đến hai hạng người: Vị làm cho thành tựu và vị tùy hỷ. Kathina được thành tựu đến hai hạng người này. Thế nào là Kathina không được thành tựu? Kathina không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do:1 Kathina không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu [về chiều dài, chiều rộng]. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn giặt. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... Kathina không được thành tựu ở giai đoạn cat [theo sự đã tính toán]. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may đường viền. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn kết lại phần giữa. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. Kathina không được thành tựu do đã làm dâu hiệu [gợi ý đê thí chủ dâng]. Kathina không được thành tựu do đã thực hiện lời nói vòng vo. Kathina không được thành tựu do đã được làm có tính cách tạm thời. Kathina không được thành tựu với sự tích trữ. Kathina không được thành tựu do sự phạm vào Nissaggiya. Kathina không được thành tựu với sự không làm thành được phép [tức là không làm dấu hoại y]. Kathina không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. Kathina không được thành tựu với y không phải là thượng y. Kathina không được thành tựu với y không phải là y nội. Kathina không được thành tựu với y không phải là năm điều hay nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm áy. Kathina không được thành tựu, trừ khi do sự thành tựu bởi

Xem tr. 327 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 113.

qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với việc làm trước, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, ...(nt)... Đối với việc nguyện xả [y], các pháp nào ...(nt)... Đối với việc chú nguyện [y], các pháp nào ...(nt)... Đoi với sự thành tựu [Kathina], các pháp nào ...(nt)... Đoi với các tiêu đề và các điều vướng bận, các pháp nào ...(nt).. Đối với sự vật,3 các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đang vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên,

là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô ^ián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đôi với việc làm trước, sự tiên hành là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đôi với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự nguyện xả [y], việc làm trước là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự nguyện xả [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự thành tựu [Kathina], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự thành tựu [Kathina], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với các tiêu đề và các sự vướng bận, sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đoi với sự thành tựu [Kathina], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đong sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y

3 Đối với sự vật của Kathina, nghĩa là y hai lớp, hoặc thượng y, hoặc y nội (VinA. VII. 1369).

khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathinā] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt).. Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đâu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tiến hành có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathina] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tiên hành có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên,

điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathina] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điêu gì là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên, điêu gì là sự hiện khởi, điêu gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tiến hành có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathinā] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

PHẦN Sự TÔNG HỢP Việc làm trước được tong hợp với bao nhiêu pháp? Việc làm trước được tông hợp với bảy pháp: Với việc giặt, với việc tính toán, với việc cat, với việc kết lại, với việc may, với việc nhuộm, với việc làm thành được phép. Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp này. Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội. Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội.

Việc thành tựu [Kathina] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc thành tựu [Kathina] được tổng hợp với một pháp là với sự phát lên lơi noi. Kathỉna có bao nhiêu căn nguyên? Có bao nhiêu sự vật? Có bao nhiêu loại vật liệu? Kathỉna có một căn nguyên là hội chúng. Có ba sự vật là y hai lớp, thượng y, y nội. Có sáu loại vật liệu: Sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. Đối với Kathỉna, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với Kaịhina. việc làm trước là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự thành tựu là kết cuộc. Người có bao nhiêu yếu tố không thể thành tựu Kathincf! Người có bao nhiêu yếu tố có thể thành tựu Kathina ? Người có tám yếu tố không thể thành tựu Kathỉna. Người có tám yếu tố có thể thành tựu Kathỉna. Người có tám yếu tố gì không thể thành tựu Kathinai Vị không biêt vê việc làm trước, không biêt vê việc nguyện xả [y], không biết về việc chú nguyện [y], không biết về sự thành tựu [Kaịhina], không biết về tiêu đề, không biết về sự vướng bận, không biết về sự hết hiệu lực, không biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này không thể thành tựu Kathina. Người có tám yếu tố gì có thể thành tựu Kathinai Vị biêt vê việc làm trước, biêt vê việc nguyện xả [y], biêt vê việc chú nguyện [y], biết về sự thành tựu [Kathina], biết về tiêu đề, biết về sự vướng bận, biết về sự hết hiệu lực, biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này có the thành tựu Kathỉna. Sự thành tựu Kathina của những hạng người nào không có hiệu quả? Sự thành tựu Kathỉna của những hạng người nào có hiệu quả? Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người không có hiệu quả. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người có hiệu quả. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người nào không có hiệu quả? Vị đứng ở ngoài ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ? vị không nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị không làm cho người khác

hiểu được. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người này không có hiệu quả. Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người nào có hiệu quả? Vị đứng ở trong ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ? vị nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người này có hiệu quả. Bao nhiêu sự thành tựu Kathina không có hiệu lực? Bao nhiêu sự thành tựu Kathỉna có hiệu lực?

Ba Sự thành tựu Kathina không có hiệu lực. Ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực. Thế nào là ba sự thành tựu Kathina không có hiệu lực? Là hư hỏng vê sự vật, hư hỏng vê thời gian và hư hỏng vê việc làm.4 Đây là ba sự thành tựu Kathina không có hiệu lực. Thế nào là ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực? Là hoàn hảo vê sự vật, hoàn hảo vê thời gian và hoàn hảo vê việc làm. Đây là ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực. 1. Nên biết về Kathina, Nên biết về sự thành tựu Kathina. Nên biết về tháng của sự thành tựu Kathina. Nên biêt vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathina, Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu Kathina. Nên biết về hành động làm dấu hiệu. Nên biết về lời nói vòng vo. Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời. Nên biêt vê sự tích trữ. Nên biêt vê sự phạm vào Nissaggiya. z A 7 . L r 2. Nên biêt vê Kathina: Sự tông hợp của chính các việc áy, sự liên két lại, tên gọi, hành động đặt tên, hệ thong tên gọi, sự giải nghĩa, đặc tính, sự diễn tả; điều ấy tức là "Kcựhina." 3. Nên biêt vê thảng của sự thành tựu Kathina: Là nên biêt tháng cuôi cùng của mùa mưa. 4. Nên biêt vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathỉna: Là nên biêt vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathỉna với hai mươi bốn lý do. 5. Nên biêt vê điêu hoàn hảo của sự thành tựu Kathina: Là nên biêt vê điêu hoàn hảo của sự thành tựu Kathina với mười bảy lý do. 6. Nên biết về hành động ra dấu hiệu: Là vị làm dấu hiệu rằng: "Tôi

4 Hư hỏng về sự vật: Là y chưa được làm thành được phép [tức là chưa làm dấu y]; hư hỏng về thời gian: Là các thí chủ dâng y ngày hôm nay và hội chúng để đến ngày hôm sau mới giao cho vị Tỳ-khưu để làm thành tựu Kathina; hư hong về việc làm: Là đã được cắt vao ngày hôm ấy nhưng chưa được làm xong (VinA. vil. 1370).

Ỉ2. - Hội chúng nên trao cho vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathina bằng hành SỊT, có lời đề nghi đến lần thứ nhì. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathỉna ây nên giặt, nên làm cho phăng, nên tính toán, nên căt9 nên may, nên nhuộm, nên làm thành được phép [làm dấu y], nên làm thành tựu Kathỉna nội trong ngày hôm ấy. Nêu có ý định làm thành tựu Kathỉna với y hai lớp, nên nguyện xả y hai lớp cũ, nên chú nguyện y hai lớp mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathina với y hai lớp này.,, Nêu có ý đinh làm thành tựu Kathina với thượng y, nên nguyện xả thượng y c nên chú nguyện thượng y mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathỉna với thượng y này." Nếu có ý định làm thành tựu Kathỉna với y nội, nên nguyện xả y nội cũ, nên chú nguyện y nội mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathỉna với y nội này." 13. Vi Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathina ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên

vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, Kathỉna của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.,, Các vị Tỳ-khiru là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại dức, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hy." 14. Vi Tỳ-khưu là vi làm thành tựu Kathỉna ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ- khưu, đăp thượng y một bên vai, chăp tay lên và nên nói như vây: "Bạch các ngài, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hy." Các vị Tỳ-khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, Kathỉna của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hy.” 15. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathỉna ấy nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đáp thượng y một bên vai, chăp tay lên và nên nói như vây: "Bạch Đại đức, Đại đức của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, xin Đại đức hãy tùy hy.” Vị Tỳ-khưu là vị tùy hỷ ẩy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch Đại đức, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, tôi xin tùy hy." Có phải hội chúng làm thành tựu Kathỉnấì Có phải nhóm làm thành tựu Kathỉnẫì Có phải cá nhân làm thành tựu Kathỉncíỉ -Hội

9. Hiệu lực của Kathina liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bi cắt đứt trước tiên? r r 10. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc nghe tin đã được nói đên, bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bị cắt đứt trước tiên, với việc nghe tin của vi ấy thì sự vướng bận về chỗ ngụ bị dứt. 11. Hiệu lực của Kathina liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước đã được nỏi đến bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bi cat đứt trước tiên? r \ 12. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc tan vỡ niêm mong ước vì mong ước tan vỡ đã được nói đên, bởi vi Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu ây: Sự vướng bận chô ngụ bị cat đứt trước tiên, khi nôi niêm mong mỏi vê y bị đoạn lìa thì sự vướng bận về y bị đứt. 13. Hiệu lực của Kathỉna liên quan đến vi vượt qua ranh giới đã được nỏi đến bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bỉ cắt đứt trước tiên? 14. Hiệu lực của Kathỉna liên quan đến vỉ vượt qua ranh giới đã được nói đếnf bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bỉ cắt đứt trước tiên, đoi với vi đã đi ra bên ngoài vùng ranh giới thì sự vướng bận vê chô ngụ bỉ đứt. A F r

15. Hiệu lực của Kaịhỉna đông thời hét hiệu lực đã được nói đên bởi vi Thân Quyên Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điêu này: Sự vướng bận loại nào bỉ cát đứt trước tiên? 16. Hiệu lực của Kathina đồng thời hết hiệu lực đã được nói đếnf bởi vị Thân Quyển Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Cả hai điều vướng bận [đong thời] bị cắt đứt không trước không sau. 17. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina phụ thuộc vào hội chúng? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathỉna phụ thuộc vào cá nhân? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathỉna không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân? Có

một sự hết hiệu lực của Kaịhina phụ thuộc vào hội chúng là sự hết hiệu lực giữa chừng.5 Có bốn sự hết hiệu lực của Kathỉna phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết đinh, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có sự hết hiệu lực của Kathỉna không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc [y] bị mất, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đên sự tan vỡ niêm mong mỏi, sự đông thời hét hiệu lực.

5 Do tuyên ngôn thu hồi Kathina. Xem điều học Pãcittìya 30 của Tỳ-khưu-ni (ND).

PHÂN TÍCH KATHINA 1327

18. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở trong ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Bao nhiêu sự hét hiệu lực của Kathina có thê bi hét hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Có hai sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở trong ranh giới: Sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Có ba sự hết hiệu lực của Kathina bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đên việc nghe tin, liên quan đên việc vượt qua ranh giới. Có bôn sự hét hiệu lực của Kathina có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyêt định, liên quan đên việc [y] bị mat, liên quan đên việc tan vỡ niềm mong mỏi. 19. Bao

NHOM NAM VE UPALI

1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG NHỜ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã noi với đức The Ton điêu này: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được sống, không nương nhờ đức Thế Tôn cho đến trọn đời? Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô không được sông, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vi không biết về lễ Uposatha, không biết về hành sự của lễ Uposatha, không biết về Giới bổn (Pātimokkha), không biết về cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), chưa đủ năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được sông, không nương nhờ cho đên trọn đời. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Vơi nam [yếu tố] gì? Vị biết về lễ Uposatha. biết về hành sự của lễ Uposatha. biết về Giới bổn ỤPãtimokkhă). biết về cách đọc tụng Giới bổn MM . M M . . (Pātimokkha), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này được sông không nương nhờ cho đên trọn đời. 2. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không được sông không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị không biết về lễ Pavāranā. không biêt vê hành sự của lê Pavāranā. không biêt vê Giới bôn (Patimokkho), không biêt vê cách đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhaṃ, chưa đủ năm năm. Này upāli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đen trọn đời. Này Upāli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về lễ

Pavāranā, biết về hành sự của lễ Pavāranā. biết về Giới bổn (Pātimokkha), biết về cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yểu tố này được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. 3. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vi không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, chưa đủ năm năm.

Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đen trọn đời. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ cho đên trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót băSShaêuƯàSăGÓÂ*ăMỰ'ÀsệIỤãơSđ,đ'bSSợơSSttmSpSS

thượng tâm, [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. [c]3 Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ? Với năm [yếu tố] gì? Là vị có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng giới, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tâm, [có khả năng] để hướng dẫn ve tăng thượng tuệ. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ. 6. Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? -Này Upali, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu z r . r -• -t /K tô. Với năm [yêu tô] gì? Là vị vô liêm si, ngu dót, không trong sạch, có tà kiên và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này Upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan diêm cực đoan, có tà kiên và bị hư hỏng vê nuôi mạng. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vi có sự đùa giỡn băng thân, có sự đùa giỡn băng khâu, có sự đùa giỡn băng thân và khâu, có tà kiên và bi hư hỏng vê nuôi mạng. Này Upãli, hành sự nên được thực hiện đoi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 9. Này Ưpâli, hành sự nen được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 10. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu, có

tà kiến và bị hư hỏng ve nuôi mạng. Này Upâli9 hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3 [c] Adhisĩla'. Tăng thượng giới là Giới bổn (Pātimokkhaṃ. Adhicitta: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thê. Adhipaññā: Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] Đạo siêu thê (Sđd.).

11. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bi hư hỏng về nuôi mạng. Này upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 12. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khmi có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự [vẫn] ban phép tu lên bậc trên, [vẫn] ban cho phép nương nhờ, [vẫn] để cho Sa-di phục vụ, [vẫn] chấp nhận việc chỉ định giáo giới Tỳ-khưu-ni, [vẫn] giáo giới Tỳ-khiru-ni khi đã được chỉ định. Này upãli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 13. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành SỊT, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị

2. Này upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vi thực hiện hành sự. Này Upâli, hành sự không nên .r r 1 r ĩ\ ỉ\ \ • được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị chê bai đức Phật, là vi chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiên và bi hư hỏng vê nuôi mạng. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. 4. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị gây ra các sự xích mích và không làm đầy đủ việc học tập trong các phận sự. Này upli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi đi đến hội chúng? -Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi đi đến hội chúng. Năm [pháp] gì? Này Upli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế; nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuổng ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khưu trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi; không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí; hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác [nói pháp]; hoặc là không nên xem

thường trạng thái im lặng thánh thiện. Này upâli, nếu hội chúng thực hiện các hành sự càn được thực hiện với sự hợp nhất, này upâli trong trường hợp ấy nếu vị Tỳ-khưu không đồng ý [điều gì] thì nên bày tỏ quan điểm và nên đạt đến sự hợp nhất. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? [Vị ấy nên nghĩ rằng]: "Ta chớ nên khác biệt với hội chúng." Này Ưpãli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đen hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này roi đi đên hội chúng. 6 Bạch Ngài, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng? Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói khoa trương; là vị nói theo lời nói của người khác; không khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội. Này upâli, trong khi phát biểu ở

hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Này upãli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỵ-khưu có năm yêu tô được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói không khoa trương; là vị không nói theo lời nói của người khác; khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biêu; là vi cáo tội theo Pháp theo Luật, đúng tội; là vi hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội. Này upâli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người men, được nhiều người hài lòng. 7. Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói tâng bốc, là vị làm mát niêm tin, là vị năm giữ phi Pháp, là vị choi từ pháp và nói nhiêu chuyện VỚ vân. Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Này Upâli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vi Tỵ-khưu có năm yếu tố được nhiêu người thích, được nhiêu người mên, được nhiêu người hài lòng. Với năm [yêu tô] gì? Là vi không nói tâng bóc, là vị không làm mat niêm tin, là vị năm giữ pháp, là vị chối từ phi Pháp và không nói nhiều chuyện vớ vẩn. Này upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. 8. Này Upāli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vi Ty-khiru có năm yêu tô khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vi cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được nhiêu người thích, không được nhiêu người mến, không được nhiều người hài lòng. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vị

nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp,

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI 1335

các vi thường hay có sự ăn năn, là vị phát biêu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp. Này upli, đây là năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Phẩm ÍẾKhông thu hồiw là thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Đã bi phạm tội? với điều nào và sự khen ngợi, vị vô liêm sỉ và với sự xung đột, vị khoe khoang và tâng bốc, thô lỗ, với sự tinh thông. Sự quy đinh từng đôi thứ nhất —ooOoo—

3. PHẨM PHÁT BIỂU 1. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng? Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô không nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội,4 không biết về cách giải quyết tội, không r :# L L

khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biêt vê cách giải quyêt tội, khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 2. Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upli, vị Tỳ-khtru có năm yêu tô này không nên phát biêu ở hội chúng. Này upãli, vị Tỳ-khtru có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

4 Là không biết tôi có sự tiến hành bằng thân hay bằng khẩu (VinA. VII. 1372).

1336 TẬP YẾU

3. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị trình bày không theo quan điểm. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vi nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vi trình bày theo kiên thức. Này upãli, vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này nên phát biểu ở hội chúng. 4. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự phạm tội

hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về sự phạm

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI < 1337

7. Này Upāli, vị Ty-khiru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi và là vi vô liêm sỉ. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upāli, vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 8. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê? thiên vị vì sợ hãi, là vị không khéo léo về Luật. Này upāli5 vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên phát biêu ở hội chúng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi, là vị khéo léo về Luật. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 9. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về lời đề nghị, không biết về việc thực hiện lời đề nghi, không biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị không biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vi không biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về lời đề nghị, biết về việc thực hiện lời đề nghị, biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị biết cách giải quyết của lời đề nghi. Này upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 10. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội

Luật,

1338 TẬP YẾU

không khéo léo vê việc trước và việc sau. Này Upli, vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upāli, vị Tỵ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở

hội chúnẹ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết ve Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vi khéo léo về việc trước và việc sau. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. Phẩm 66pht biểu" là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Tội vi phạm, sự tranh tụng, thô lỗ, vị biết về tội vi phạm, hành sự, sự việc, vị vô liêm si, vị không khéo léo, lời đề nghi, vi không biết về điều học, giáo pháp, phần tổng hợp về phẩm thứ ba. —ooOoo—

4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM 1. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự trình bày quan diêm sai Pháp? Này Upli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp. Thế nào là năm? Vi trình bày quan điểm rang không có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội không đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rang tội đã được sám hối, vi trình bày quan điểm rằng [sám hối chung] bởi bốn năm vị/ vi trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp. 9 r Này upãli, có năm sự trình bày quan diêm đúng Pháp. Thê nào là năm? Vị trình bày quan điểm rang có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rang sự phạm tội đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội chưa được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng không Ịsám hối chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối] băng tác ý của tâm. Này upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. 2. Này upãli, có năm sự trình bày quan điểm sai Pháp khác nữa. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị không đồng cộng trú, vi trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đứng không cùng ranh giới, vi trình bày quan điểm răne [sám hôi] trong sự hiện diện của vi không trong sạch, vi trình bày quan diêm răng [sám hôi chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp.

5 Trình bày quan điểm bởi bốn năm vị: Catūhi pañcahi ditthīti yathā catūhi pañcahi ditthi āvikatā hoti, evarn āvikaroti; cattāro pañca janā ekato āpattim desentīti attho (Vỉ nA. VII. 1375) = "quan diêm bởi bốn năm w Quan điểm đã được trình bày bởi bốn năm vị như thế nào thì vị ấy trình bày như vậy; nghĩa là bốn năm vị sám hối tội chung một lượt.

NHÓM NĂM VỀ UPĂLI 1339

9 / Này upāli, đây là năm sự trình bày quan diêm đúng Pháp. Thê nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đồng cộng trú, vi trình bày quan điểm rang [sám hoi] trong sự hiện diện của vị đứng chung ranh giới, vi trình bày quan điểm rằng [sám hoi] trong sự hiện diện của vị trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối chung] bởi bốn năm vj, vị trình bày quan diêm răng không [sám hôi] băng tác ý của tâm. Này upãli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. 3. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thọ lãnh sai Pháp? Này Upli, đây là năm sự thọ lãnh sai Pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bang thân; vật được cho bang thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền

với thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra không được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này upâli, đây là năm sự thọ lãnh sai Pháp. Này upâli, đây là năm sự thọ lãnh đúng Pháp. Thế nào

biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này upâli5 không nên thảo luận vê Luật với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli? nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết vê thứ tự của chữ [trong câu], biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này upâli, nên thảo luận vê Luật với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 9. Bạch Ngài, có bao nhiêu lối hỏi câu hỏi? —Này Upâli, đây là năm lối hỏi câu hỏi. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê hỏi câu hỏi; vi có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi hỏi câu hỏi; vị hỏi câu hỏi do sự khinh khi; vị hỏi câu hỏi với ý muốn hiểu biết; vi hỏi cau hỏi [nghĩ rằng]: "Nếu được ta hỏi câu hỏi vị [ấy] sẽ trả lời đúng đắn, như thế việc này là tốt đẹp, nếu được hỏi câu hỏi mà vị [ấy] không trả lời đúng đắn, ta sẽ trả lời đúng đắn cho vi ấy.” Này upãli, đây là năm loi hoi câu hoi. 10. - Bạch Ngài, có bao nhiêu lối bày tỏ kiến thức? Này Upâli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê bày tỏ kiến thức; vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi bày tỏ kiến thức; vị bày tỏ kiến thức do bị điên do bị mất trí; vị bày tỏ kiên thức với sự tự hào quá đáng; vị bày tỏ kiên thức thật có. Này Upãli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. 11. Bạch Ngài, có bao nhiêu cách làm cho trong sạch? Này upâli, đây là năm cách làm cho trong sạch. Thế nào là năm? Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhát. Sau khi đọc tụng phân mở dâu, sau khi đọc tụng bôn điêu Pārājika. nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bon điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điều Sañghādisesa. nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phân mở đâu, sau khi đọc tụng bôn điêu Pārājika, sau khi đọc tụng mười ba điều Sañghādisesa, sau khi đọc tụng hai điều Ānīyata, \ e A nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. Này Upli, đây là năm cách làm cho trong sạch. 12. Bạch Ngài, có bao nhiêu loại vật thực mem? - Này upâli, đây là năm loại vật thực mềm. Thế nào là năm? Cơm, súp, bánh, cá, thịt. Này Upâli, đây là năm loại vật thực mềm. Phẩm “Trinh bày quan điểm” là thứ tư.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Việc trình bày quan diêm, những điêu khác nữa, việc thọ lãnh, vật không phải là đồ thừa, việc ngăn, đã được thừa nhận, việc thỉnh ý và với sự thảo luận, câu hỏi, bày tỏ kiến thức, sự trong sạch và cả vật thực nữa. -ooOoo-

5. PHẨM ĐÍCH THÂN KHỞI Tố 1. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác? Này upāli,

vị Tỳ-khxru nguyên cáo có ý muôn cáo tội vi khác nên quán xét nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Này upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lôi lâm không? Pháp ây được tìm thây ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này upâli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về thân trong sạch, không có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vi ây răng: "Này, đên lúc Đại đức nên rèn luyện điêu liên quan đên thân"; có những người nói với vị này như thế. Này Ưpâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vây: "Ta có sở hành vê khâu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này upli, nếu vi Tỳ-khưu không CÓ sở hành vê khâu trong sạch, không có sở hành vê khâu trong sạch không sai s6t, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vi này như thế. Này Upli, còn có điêu khác nữa, vị Tỳ-khuru nguyên cáo có ý muôn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta, tức là tâm không ác cảm đối với các vi đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^ Này Upâli, nếu tâm từ của vị Tỳ-khiru là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh"; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét như vầy: "Ta có phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe không? Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đây đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thê có được ta nghe nhiêu, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý9 thâm nhập bằng kiến thức không? Pháp ấy được tìm

thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^, Này upãli, nếu vị Tỳ-khiru không phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế không được vị ấy nghe nhiêu, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét băng ý, thâm nhập băng kiên thức, có những người nói với vị ây răng: "Này, đên lúc Đại đức nên học tập kinh diên"; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét như vầy: "Đối với ta, hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) có được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upãli, nếu đối với vị Tỳ-khưu, hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) không được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ, khi [vị ấy] được hỏi như

vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở d2u?" mà không đáp được, không hiểu được, có những người nói với vi ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luật?,; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên cáo tội vi khác. 2. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác? Này upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muôn cáo tội vị khác nên thiêt lập nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mem mỏng, không phải bang cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân han." Này Upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác. 3. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm

ng bảýơủẽễííơởốao

nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt duqc]?" Này upli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luāt^; này Upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, nêu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan diêm, thân thiêt ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luaf9; này upãli, vi Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này upli, nếu vị Tỳ-khiru trong lúc quán xét nhận biết như vây: "Khi việc đích thân khởi tô này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ây, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng sự bất đong trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chilng"; này Upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bát đông trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chiing"; này Upâli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, việc đích thân khởi tố đã được áp dụng có năm yếu tố như thế sẽ không đem lại sự ân hận ngay cả về sau này. 6. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yêu tô là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng? Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của Giới bổn (Pãtimokkha), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thay được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các

điều học; là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu ve ý nghĩa, thành tựu ve văn tự, tuyên thuyết ve Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ5 các pháp có hình thức như thế được [vị ấy] nghe nhiều, ghi r nhớ, e ôn__ đọc ra 7 lời, quán xét băng ý, thâm nhập băng A kiên thức; đôi r với vị ây, hai bộ Giới bôn (Patimokkho) đã khéo được truyên thừa với chi tiêt, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng điều học, theo từng từ ngữ; vị ấy vững vàng về Luật không có bối rối; là vi có khả năng để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, biết rõ, suy nghĩ lại,

1346 * TẬP YẾU

thây được, [và] hoan hỷ. Này Upãli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khmi có năm yêu tô khác nữa, là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị có sở hành vê thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bi thâm vân. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vi biêt vê sự việc, biêt về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. 7. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố là không nên thẩm vấn? Này upāli, vị Ty-khuu có năm yếu tố là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? La vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là không nên thâm vân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là có thể thẩm vấn.

1348 9t TẬP YẾU

2 - 12. - Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khát thực? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc y parnsukũlâi ..(nt)...Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây?...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa? ..(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc ba y? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khất thực theo từng nhà? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] oai nghi ngồi? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực]?...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau? ...(nt). 13. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát? Này Upãli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát. Thế nào là năm? Hạng thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; hạng thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng thọ thực trong

bình bát do điên khùng, do mất trí; hạng thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có hạng thọ thực trong bình bát chính vì ham muôn ít, chính vì tự biêt đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Này Upãli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát. Phẩm 66về pháp giũ b6" là thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Vi ngụ ở rừng, khất thực, y pamsukūla. cội cây, mộ địa là thứ năm, ngoài trời, chỉ ba y, theo tuần tự, oai nghi ngồi, theo chỉ định? [thọ thực] một chỗ ngồi, không vật thực dâng sau, thọ thực trong bình bát. —ooOoo—

7. PHẨM NÓI DỐI 1. Bạch Ngài, có bao nhiêu loại nói dối? -Này Up,đây là năm loại nói dối. Thế nào là năm? Có loại nói dối đưa đến tội Pārājika. có loại nói dối đưa đến tội Sañghādisesa. có loại nói dối đưa đến tội Thullaccaya, có loại nói dối đưa đến tội Pãcittiya, có loại nói dối đưa đến tội Dukkata. Này upli, đây là năm loại nói dối. 2. Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khtru có bao nhiêu yếu tố đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khiru, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranat

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI 1349

Này upāli, đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô đang đình chỉ lê Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ- khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā, Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này upâli, đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavãraụã ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā, Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp che rang: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãd" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavãraụã. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành ve thân không được trong sạch, có sở hành ve khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, ngu dốt không kinh nghiệm, là vị gây nên các sự xung đột [và] gây nên các sự cãi cọ. Này upâli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cai" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā. 3. Bạch Ngài, việc thẩm vấn không nên giao cho vị Tỳ-khưu, có bao nhiêu yếu tố? Này Upâli, việc thâm vân không nên giao cho vi Tỳ-khưu có năm yêu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vi không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này upâli, việc thâm vân không nên giao cho vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này Upâli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu

có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, vi biêt tội xâu xa hay không xấu xa, vị biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upâli9 việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với bao nhiêu biểu hiện? - Này upâli, vi Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự vô liêm si, do sự không biết, do sự thường xuyên sai phạm, tưởng rằng được phép trong việc không được phép, tưởng rằng không được phép trong việc được phép. Này upâli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.

Này Upâli, vị Tỳ-khiru vi phạm tội với năm biêu hiện khác nữa. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự không thấy, do sự không nghe, do sự bi ràng buộc, [lầm] tưởng là như vậy, có sự lẫn lộn về niệm. Này upâli, vi Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này. 5. Bạch Ngài, có bao nhiêu điều tội lỗi? Này upāli, đây là năm điều tội lỗi. Thế nào là năm? Giết hại mạng sống, việc lấy vật không được cho, việc làm sai trái trong các dục, nói dối, trường hợp dể đuôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này upli, đây là năm điều tội lỗi. 6. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự kiêng cữ? Này Upāli? đây là năm sự kiêng cữ. Thế nào là năm? Sự kiêng cữ việc giết hại mạng sống, sự kiêng cữ việc lấy vật không được cho, sự kiêng cữ việc làm sai trái trong các dục, sự kiêng cữ việc nói dôi, sự kiêng cữ trường hợp dê đuôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này upli, đây là năm sự kiêng cữ. 7. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự suy sụp? Này upãli? đây là năm sự suy sụp. Thế nào là năm? Sự suy sụp về thân quyên, sự suy sụp vê của cải, sự suy sụp vì bệnh hoạn, sự suy sụp vê giới, sự suy sụp về kiến thức. Này upâli, đây là năm sự suy sụp. 8. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thành tựu? Y Này Upâli, đây là năm sự thành tựu. Thế nào là năm? Sự thành tựu về thân quyến, sự thành tựu về của cải, sự thành tựu về không bệnh, sự thành tựu về giới, sự thành tựu về kiến thức. Này upâli, đây là năm sự thành tựu. Phẩm “N6i d6i” là thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Nói dối, sự áp chế, các điều khác, sự thẩm vấn, tội vi phạm, các điều khác, tội lỗi, sự kiêng cữ, sự suy sụp và luôn cả sự thành tựu, phần tổng hợp về phẩm thứ bảy. —ooOoo—

8. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1. Bạch Ngài, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự đối với vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này upãli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố, đích thân hội chúng Tỳ- khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Vị cởi ra rồi cho các Tỳ-khưu-ni thấy thân

thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy cả hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upãli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Này Upli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị

Tỳ-khưu ây. Với năm [yêu tô] gì? Là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi ích, là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chô ở, là vị măng nhiêc gièm pha các Tỳ-khưu-ni? là vi chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Này Upli, đôi với vị Tỳ-khiru có năm yêu tô khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự, là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khmi-ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chỗ ở? là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khiru-ni, là vi cấu kết các Tỳ-khiru với các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khiru ấy. 2. Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có bao nhiêu yếu tố? Này upãli, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khtru-ni có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? -Vi Ni cởi ra rồi cho các Tỳ-khiru thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thây hai vai, nói chuyện và câu két với người tại gia. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu-ni có năm yêu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vi Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khxru không được lợi ích, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chô ở, là vi Ni măng nhiêc gièm pha các Tỳ-khưu9 là vị Ni chia rẽ các Tỳ-khxru-ni với các Tỳ-khưu. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khiru không được lợi ích, là vi Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chỗ ở? là vi Ni mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu, là vị Ni cấu kết các Tỳ-khưu-ni với các Ty-khun. Này upIi, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này.

3. Bạch Ngài, vi Tỳ-khiru có bao nhiêu yếu tố không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni? Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt và không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, là vị ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này upâli? vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái vê khâu, là vị có sở hành sai trái vê thân và khâu, là vi mắng nhiếc

gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị sống thân cận với các Tỳ-khưu-ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ đinh đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vi ngu dốt, không trong sạch, là vị thường gây ra các sự xung đột và gây ra các sự cãi vã5 là vị không làm đầy đủ việc học tập. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định đe giáo giới các Tỳ-khưu-ni. 4.

1354 > TẬP YÊU

2. Này upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỵ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị cáu kỉnh [và] bị chế ngự bởi cáu kỉnh; là vị đạo đức giả [và] bị chê ngự bởi đạo đức giả; là vị dôi trá [và] bị chê ngự bởi dối trá; là vị đố kỵ [và] bị chế ngự bởi đố kỵ; là vị chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó buông bỏ. Này upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli, nên chỉ đinh theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không cáu kỉnh [và] không bi chê ngự bởi cáu kỉnh; là vị không đạo đức giả [và] không bi chế ngự bởi đạo đức giả; là vi không dối trá [và] không bi chế ngự bởi dối trá; là vị không đo kỵ [và] không bị chế ngự bởi đo kỵ; là vị không chấp thủ một cách lộ liễu, không ương ngạnh, dễ buông bỏ. Này Upli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nóng nảy, hiểm độc, chống đối, tạo nên sự nóng giận, là vi không nhẫn nại không nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tổ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nóng nảy, không hiểm độc, không chống đối, không tạo nên sự nóng giận, là vị nhẫn nại nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này upăli, nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này Upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vị vọng động không ghi nhớ; là vi phát ngôn khi chưa thỉnh ý; là vi cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vi hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vị ráng ghi nhớ không vọng động; là vi phát ngôn khi đã thỉnh ý; là vi cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vi trình bày theo kiến thức. Này Ưpâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Này Upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này upâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vi vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upâli? nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upãli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6f' có năm yêu tô này. Này upâli, vi Tỳ-khưu được xem là "thông th" có năm yếu tố. Với năm [yếu to] gì? Là vị biết ve tội, biết ve nguôn sanh tội, biết vê sự tiến hành của tội, biêt vê cách giải quyêt tội, khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này Upli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai" có năm yếu tố này. 11. Này Upâli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6t" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biêt vê cách tiên hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upâli, vi Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốc có năm yếu tố này. Này Upli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai" có năm yếu tố. Với năm [yêu tô] gì? Là vi biêt vê sự tranh tụng, biêt vê nguôn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai” có năm yếu tố này. Phẩm 4íĐại biểu” là thứ chín.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Và luôn cả vị không thiện xảo vê ý nghĩa, là vị [thường] cáu kỉnh, có sự giận dữ, vọng động, bị chi phối bởi ưa thích, vị không thiện xảo là tương tợ y như thế. về Giới bổn và về Pháp, về sự việc, về tội vi phạm và về sự tranh tụng, hai phân cho môi cặp, tát cả đã được giảng giải, hãy hiêu rõ phân tôi và phân sáng. —ooOoo-

10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG 1. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yêu tô là không xứng đáng đê giải quyết tranh tụng? —Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biêt vê sự tiên hành của tội, không biêt vê cách giải quyêt tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quy ét tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến

hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 2. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự tranh tụng, không biêt vê nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biêt vê cách tiên hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này Upãli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biêt vê cách tiên hành tranh tụng, biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 3. Này

Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 4. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là không xứng đáng đê giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe ít. Này upli, vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe nhiều. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 5. Này upãli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quyét tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy đinh, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.

các Tỳ-khưu vãng lai không thực hành các phận sự của vị vãng lai; này upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu thường trú là phận sự của vi thường trú. Này upâli, khi điều học đã khéo được quy đinh bởi Ta như thế, các Tỳ-khiru thường trú không thực hành các phận sự của vi thường trú; này Upãli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Ưpâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn là phận Sự ở nhà ăn: Chô ngôi hạng nhát, nước uông hạng nhát, thức ăn hạng nhát tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này upãli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiếm chỗ ngồi của các Tỳ-khiru trưởng lão ở trong nhà ăn; này upâli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Ưpâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong chỗ trú ngụ là phận sự đối với chỗ trú ngụ: Tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này upâli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiêm chô tru ngụ của các Tỳ-khưu trưởng lão; này upâli, như thê cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này upâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong ranh giới là chung lễ Uposatha, chung lễ Pavāranā. chung hành sự của hội chúng, chung hành sự có tính tiếp diễn. Này Upãli, khi điều học đã khéo được

quy định bởi Ta như thế, ngay tại nơi ây5 ở trong ranh giới, sau khi tách riêng rẽ, sau khi két thành nhóm, roi thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ, thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ, thực hiện hành sự có tính tiếp diễn riêng rẽ; này Upãli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Phẩm í4Giải quyết tranh tụng" là thứ mười.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Tội vi phạm, sự tranh tụng, vì ưa thích, với vi nghe ít, sự việc, vị không khéo léo, cá nhân, băng tài vật, bị chia rẽ, sự bát đông hội chúng và sự chia rẽ hội chúng là tương tợ y như the. -ooOoo—

11. PHẨM KẺ CHIA RẼ HÔI CHÚNG 1. Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được? Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố]

gì? Này upãli, ở đây, vi Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "PhWp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là 46Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã che giâu quan diêm băng hành sự. Này upali, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yêu tô này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 2. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp9\ tuyên bố phi Luật là C6Luật \ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã che giấu quan điểm bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 3. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp”, tuyên bố Pháp l' "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 46Luật\ tuyên bố Luật là "phi Lu" đã che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu to này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 4. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là "Luật„5 tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 5. Này Upli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Ưpăli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Ph4p", tuyên bố Pháp là "phi Phap,9? tuyên bố phi Luật là atLuật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 6. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị

đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upãli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là tuyên bố Pháp là "phi Phap^, tuyên bố phi Luật là "Luật\ tuyên bố Luật là uphi Luật\ đã che giau điều mong mỏi bằng hành sự. ...(nt).. đã che giấu điều mong mỏi bang sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(nt).. đã che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu

điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yêu tô này là kẻ phải chịu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 7. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiêp, không thê khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vi Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát trong khi phát biểu. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu điêu khao khát băng cách phân phát thẻ biêu quyêt. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 8. Này Upli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở dây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là uPháp,\ tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luaf\tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giâu ý tưởng băng hành SỊT....(nt)... đã che giâu ý tưởng băng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. ...(nt).. đã che giấu ý tưởng băng lời tuyên b6....(nt).. đã che giâu ý tưởng băng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Phẩm “ke chia rẽ hội chúng^ là thứ mười một.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, với sự đọc tụng và bằng lời phát biểu, với lời tuyên bố, bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm, điều mong mỏi, sự khao khát và ý tưởng, ba phương hướng ấy là có năm phần. —ooOoo-

12. PHẨM THỨ NHÌ VÈ KẺ CHIA RẼ HÔI CHÚNG 1. Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được? Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là uLuật\ tuyên bố

Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm bằng hành sự. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu to này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đoi khác được. 2. Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm

yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\ f r 9 x tuyên bô Luật là "phi Luāf\ đã không che giâu quan diêm băng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 3 Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỵ>khưu tuyên bố phi Pháp là 'Pháp”tuyên bố Pháp là "phi Phap9\ tuyên bố phi Luật là "Luật,\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 4. Này Upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là “PhAp”, tuyên bố Pháp là "phi PhQp”, tuyên bố phi Luật là 6Tuāf \ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đổi khác được. 5. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp,\ tuyên bố phi Luật là ccLuật\ tuyên bố Luật là "phi Luāf\ đã không che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 6 Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Phqp”, tuyên bố phi Luật là 66Luật\ tuyên bo Luật là "phi Luật\ đã không che giau điều mong mỏi bang hành sự. ..(nt).. đã không che giấu điều mong mỏi bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)...

đã không che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu....(nt).. đã không che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu điều mong mỏi băng cách phân phát thẻ biêu quyêt. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 7. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bát hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiêp5 có thê đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upãli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp”, tuyên bố Pháp là "phi Pháp9\ tuyên bố phi Luật là "Luaf9, tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt).. đã không che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát trong khi

phát biểu. ...(nt).. đã không che giấu điều khao khát bằng lời tuyên b6....(nt)...đã không che giấu điều khao khát bang cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đoi khác được. 8. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bát hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiêp? có thê đôi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp la "Pháp", tuyên bố Ph là “phi Ph"tuyên bố phi Luật là "Luāf\ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã không che giấu ý tưởng bằng hành sự. ...(nt)... đã không che giấu

1364 > TẬP YẾU

13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ 1. Bạch Ngài, vi Tỳ-khiru thường trú có bao nhiêu yêu tô bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm? Này upâli, vi Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi, vị sử dụng vật thuộc ve hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Ưpãli, vị Tỳ-khxru thường trú có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. 2. Này Upli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vi vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, vị không sử dụng vật thuộc vê hội chúng như là vật dụng thuộc vê cá nhân. Này Upãli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. 3. Bạch Ngài, có bao nhiêu cách giải thích Luật sai Pháp? Này upăli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. Thế nào là năm? Này Upãli, ở dây, vi Tỳ-khmi thuyết phục rằng phi Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng Pháp là "phi Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là uLuật\ thuyết phục rằng Luật là "phi Luật\ vị quy định điều chưa được quy định và hủy bỏ điều đã được quy định. Này Ưpãli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. 4. Này ưpãli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. Thế nào là năm? Này upâli, ở đây vị Tỳ-khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "phi Pháp”thuyết phục rằng Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là "phi Luật\ thuyết phục răng Luật là "Luật\ vị không quy định điêu chưa được quy định và không hủy bỏ điêu đã được quy định. Này Upâli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. 5. Bạch Ngài, vị sap xép bữa ăn có bao nhiêu yêu tô bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm? Này Upāli, vi sap xép bữa ăn có năm yêu tô bị đọa vào địa ngục như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vi không biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này upâli, vi sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố này, bi đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. 6. Này Upli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, . không • thiên vi vì sân hận, không r thiên vị vì si mê,ỉ không r thiên vị° vì sợ hãi, là vi biêt [bữa ăn] đã được săp xép hay chưa được săp xép. Này Upâli, vị sáp xép bữa ăn có năm yêu tô này được sanh vào cõi trời như thê tương ứng với việc đã làm.

7. Này upâli, vị phân bô chô trú ngụ ...(nt).. vị giữ kho đô đạc ..(nt)... vị tiếp nhận y ...(nt)... vị phân chia y ..(nt).. vi phân chia cháo ...(nt)... vị phân chia trái cây ...(nt).. vị phân chia thức ăn khô ...(nt).. vị phân chia vật linh tinh ..(nt).. vi tiếp nhận y khoác ngoài ...(nt)... vị tiếp nhận bình bát ...(nt)... vị quản trị các người phụ việc chùa ...(nt).. vi quản trị các Sa-di có bao nhiêu yếu tố bi đọa vào địa ngục, tương ứng với việc đã làm như thế? Này upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yêu tô bị đọa vào địa ngục, như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này upãli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố này bi đọa vào địa ngục, như thế tương ứng với việc đã làm. 8. Này Upli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố được sanh vào cõi trời, như thê tương ửng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết điều cần quản tri và điều không cần quản tri. Này upâli, vị quản trị các Sa-di có năm yêu tô này được sanh vào cõi trời, như thê tương ứng với việc đã

khổ sở, thấy mộng điều ác xấu, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này upâli, đây là năm điều bất lợi của vi có niệm bi xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Này Upâli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vi [ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy mộng điều ác xấu, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này upâli, đây là năm điêu lợi ích của vi có niệm đã được thiêt lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. 3 Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ? Này upâli, đây là năm hạng người không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đã đi vào trong xóm nhà không nên được đảnh lễ, vị đi ở đường lộ không nên được đảnh lễ, vị ở trong bóng tối không nên được đảnh lễ, vị không chú ý đến [sự đảnh lễ] không nên được đảnh lễ, vi đã ngủ không nên được đảnh lễ. Này Upâli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 4. Này upâli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. r • -Ể r t < /K :

Thê nào là năm? Khi húp cháo không nên được đảnh lê, ở trong nhà ăn không nên được đảnh lễ, vi tách riêng một mình [do oán giận] không nên được đảnh lễ, vi chú ý vào việc khác không nên được đảnh lễ, vị lõa thể không nên được đảnh lễ. Này upâli5 năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 5. Này Upli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đang nhai [vật thực cứng] không nên được đảnh lễ, vị đang ăn [vật thực mềm] không nên được đảnh lễ, vị đang đại tiện không nên được đảnh lễ? vị đang tiểu tiện không nên được đảnh lễ, vị bị án treo không nên được đảnh lễ. Này upãli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 6. Này upâli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vi chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn

nói sai Pháp không nên được đảnh lễ, người nữ không nên được đảnh lễ, người vô căn không nên được đảnh lễ. Này Ưpâli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 7. Này Upâli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thể nào là năm? Vị thực hành hình phạt Parivãsa không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ, vị thực hành hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ, vi xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này Upãli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 8. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người nên được đảnh lễ? Này Upãli, đây là năm hạng người nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị không đong

cộng trú thâm niên hơn nói đúng Pháp nên được đảnh lễ, thầy dạy học nên được đảnh lễ5 thầy tế độ nên được đảnh lễ? trong thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đen dòng dối Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này Upli, năm hạng người này nên được đảnh lễ. 9. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ- khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân? Này upâli, vị Tỳ-khxru mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khiru thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Thế nào là năm? Này upâli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vi Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, chà xát khắp hai chân với hai lòng bàn tay, sau khi an trú với sự quý mến và kính trọng, rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Này Upli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Phẩm “Thanh tựu KaỊhina" là thứ mười bốn.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sự thành tựu Kathina và giấc ngủ, khoảng giữa [đường], [húp] cháo, khi [đang] nhai, vị tu trước, vi thực hành Parỉvãsa. vị đáng được đảnh lễ, liên quan đến việc nên đảnh lễ. Dứt 4íNhóm nắm về Upãli?5

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY Không nương nhờ, hành sự, lời phát biểu, với sự trình bày, sự cáo tội và các pháp giũ bỏ, dối trá luôn cả Tỳ-khưu-ni. Đại biểu, sự tranh tụng, kẻ chia rẽ [hội chúng], điều thứ năm ở trước, vị thường trú và lễ Kathina, mười bốn phần đã khéo được giải thích. —ooOoo—

NGUỒN SANH KHỞI

Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức. [a] l Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức, [b]12 Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội không có ý thức. Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội có ý thức. Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện, [c]3 Có loại tội vi vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm bất thiện, [d]4 Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm vô ký. [e]5 Có loại tội vi vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm bất

thiện, thoát tội với tâm vô ký. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, [f]6 thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm vô ký. thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm vô ký? thoát tội với tâm vô ký. Tội Pārājika thứ nhất sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ nhất sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do y, không do khẩu. Tội Pārājika thứ nhì sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ nhì sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Tội Pārājika thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ ba sanh lên với ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Tội Pārājika thứ tư sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

1 [a] Vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức: Vi phạm không có sự cố ý gọi là vi phạm không có ý thức, còn trong khi sám hối là thoát tội co ý thức(yinÀ. VII. 1380). 2 [b] Vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức: Vi phạm có ý thức là có sự cố ý trong khi vi phạm, con thoát tồi không có y thức la thoát tọi do cách dùng cỏ che lap (Sdd). 3 [c] Vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện: Vị nghĩ rằng: "Ta sẽ bố thí Pháp,í rồi dạy người chưa tu lên bậc trên, đọc Pháp theo từng câu là vi phạm tội với tâm thiện. Rồi trong lúc sám hổi có tâm hướng thượng nghĩ ràng: "Ta đang hành theo lời đức Phật d@y" là thoát tội với tâm thiện (Sđd.). 4 [d] Thoát tội với tâm bất thiện: Là có trạng thái bực bội khi sám hối (Sđd.). 5 [e] Thoát tội với tâm vô ký: Trường hợp sám hối trong khi bị ngái ngủ là thoát tội với tâm vô ký (Sdd) 6 [f] Vi phạm với tâm vô ký: Ví dụ như trường hợp bị ngái ngủ, rồi vi phạm việc nằm chung chỗ ngụ vơi ngươi nữ (Sdd).

-Tội Dukkata đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do y, không do khẩu. Dứt wCác tội Sekhỉyay

1. Bôn tội Pārājika sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Bốn tội Pārājika sanh len với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khau và do y, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 2. Mười ba tội Sañghādisesa sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Mười ba tội Sañghādisesa sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý? không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 3 Hai tội Ānīyata sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Hai tội Ānīyata sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 4. Ba mươi tội Nissaggiya Pãcittiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Ba mươi tội Nỉssaggiya Pâcittiya sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có the sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh 9 9 9 lên do thân và do ý, không do khâu; có thê sanh lên do

khâu và do ý9 không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 5. Chín mươi hai tội Pãcỉttiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Chín mươi hai tội Pâcittiya sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có the sanh lên do thân và do khau, không do ý; có the sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 6. Bôn tội Pātidesañīya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Bôn tội Pātidesanīya sanh lên với bôn nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. 7. Bảy mươi lăm tội Sekhiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

NGUỒN SANH KHỞI 1373

Bảy mươi lăm tội Sekhiya sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý? không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Dứt chương uNguồn sanh khởi."

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Vô ý thức, luôn cả [tâm] thiện và nguồn sanh khởi trong mọi trường hợp, hãy biết rõ về nguồn sanh khởi theo đúng Pháp có phương thức. —ooOoo—

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ . PHẦN HAI1

1. Bao nhiêu tội đã được làm do thân? Bao nhiêu đã được làm do khẩu? Bao nhiêu tội của vi đang che giấu? Bao nhiêu là do duyên xúc chạm? 2. Sáu loại tội do thân. Sáu đã được làm do khâu. [a]2 Ba tội của vi đang che giấu, [b]3 Năm là do duyên xúc chạm, [c]45 3. Vào lúc rạng đong bao nhiêu tội? Bao nhiêu la đến lần thứ ba? ở dây, bao nhiêu tội liên quan đến tám việc? Sự tổng hợp về tất cả là với bao nhiêu? 4. Vào lúc rạng đông ba loại tội. [dp Hai tội đến lần thứ ba. [e]6 ở đây có một loại liên quan đến tám việc. [f]7 Sự tổng hợp về tất cả là với một điều, [g]8 5. Đối với Luật, có bao nhiêu căn nguyên đã được quy định bởi đức Phật? Tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đên là bao nhiêu? Sự che giâu vê tội phạm xấu xa có bao nhiêu?

1 Các câu trả lời ở Chánh Tạng chỉ được ghi ngắn gọn, nên cần phải xem lòd giải thích của ngài Buddhaghosa. Nguồn trích dẫn chọ các lơi giải thích cua ngài được cung cấp một phan do L B. Homer, dịch giả bản Anh ngữ, còn một phần là sự đong góp của người dích. 2 [ạ] Tội vi phạm do thân: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ tư là do thân và do ý, không do khẩu. Tội VI phạm do khẩu: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ năm là sanh lên do khẩu va do ý, không do thân (Sdd.). Xem chỉ tiết ở tr. 1175 trong tập này; TTPV, tập 8, Parivārā (Tập yếu) I, ír. 331. 3 [b] Ba loại tội của vị đang che giấu: Là tội Pārājika thứ nhì đến vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội lỗi [của Tỳ- khưu-ni khác], tội Pãcỉttiya 64 đến vị Tỳ-khưu che giấu tội xấu xa [của Tỳ-khiru khác] và tội Dukkata đến vị che giau tội xấu xa của bản thân (VinA. VII. 1380). 4 [c] Năm tội do duyên xúc chạm: Là tội Pārājika thứ nhất của Tỳ-khưu-ni, về phần của Tỳ-khưu là tôi Sqnghādisesa thứ nhì do việc xúc chạm thân thể, tội Thullaccaỹa do việc thân chạm vào vật được gắn liền với

thân, tội Dukkata do vật được ném ra chạm vào vật được găn liên với thân và tội Pâcỉttỉya 52 do việc thọt léc bằng ngón tay (VinA. VII. 1380-82). 5 [d] Rạng đông ba loại tội: Là các tội Nissaggiya Pãcittiyaáp cất giữ các loại vật dụng vượt quá l đêm, 6 đem, 7 ngày; 10 ngày, l tháng, tội Sañghadisesa 3 cho Tỳ-khưu-ni cư ngụ riêng re qua đêm và tội Dukkata do che giấu tọi (VỉnA. VII. 1381). 6 [e] Hai tội đến lần thứ ba: Là loại tội vi phạm do việc không dứt bỏ khi được nhắc nhở đến lần thứ ba, áp dụng cho hai hạng Tỳ-khưu va Ty-khưu-ni nên được tính là hai (Sdd). 7 [í] Một loại liên quan đến tám việc: Là tội Pārājika thứ tư đến vị Tỳ-khưu-ni làm đầy đủ tám sự việc(sứt/.)/ 8 [g] Sự tổng hợp về tất cả là với một điều: Phần mở đầu của việc đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ có đoạn: Yassa siyā ãpatti, so ãvikareyya M nghĩa là "nếu vị nào có phạm tọĩ, vị ấy nên bày t6" (tr. 406 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. 11^ chương II, tr. 251). Vơi một lời độc tụng nay là sự tổng hợp, về tất cả các điều học và toàn bộ Giới bon (Pātirnokkhā) (VinA. VII. 1381).

6. Đối với Luật, có hai căn nguyên [h]9 đã được quy định bởi đức Phật. Hai loại tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến. [i]10 Hai sự che giấu về tội phạm xấu xa. [j]11 7. Bao nhiêu tội ở trong làng? Bao nhiêu do duyên vượt sông? Bao nhiêu tội Thullaccaya vê các loại thịt? Bao nhiêu tội Dukkaịa vê các loại thịt? 8. Bốn loại tội trong làng, [k]12 Bốn loại do duyên vượt sông, [l]13 Tội Thullaccaya về một loại thịt. Tội Dukkata về chín loại thịt, [m]14 9. Ban đêm, bao nhiêu tội có liên quan đên khâu? Ban ngày, bao nhiêu tội có liên quan đen khau? Trong khi cho có bao nhiêu loại tội? Bao nhiêu trong khi thọ nhận? 10. Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu, [n]15 Ban ngày, có hai tội liên quan đến khẩu, [o]16 Trong khi cho có ba tội. [p]17 Và bốn tội về việc thọ nhận, [q]18 11. Có bao nhiêu tội đưa đến việc sám hối? Bao nhiêu tội đã làm có sự sửa chữa được? ở dây, bao nhiêu tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời?

9 [h] Đối với Luật, có hai căn nguyên: Là thân và khẩu (Sdd). 10 [i] Hai loại tội nghiêm trọng: Là tội Pārājika và tội Sañghādisesa (Sđd.). 11 [j] Tội phạm xấu xa có hai sự che giấu: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội Pārājika của vị Tỳ-khưu-ni khác thì phạm tội Pārājika thứ nhì, vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghadisesa của vị Tỳ-khưu khác thì phạm tội Pācittiya 64 (S). 12 [k] Bốn loại tội trong làng: Tỳ-khưu hẹn với Tỳ-khưu-ni hoặc với người nữ đi đường xa thì phạm Dukkata, khi bước vào wng phụ cận của ngôi làng khác thì phạm tọi Pâcittiya (xem điều học Pãcittiya 27,67), vị Tỳ-khưu-ni đi vào làng một mình có liên quan đên hai tội là tội Thullaccaya và tội Sañghādisesa (xem điều học Sañghādisesa 3 của Tỳ-khưu-ni). 13 [1] Bon loại tội do duyên vượt sông: Tỳ-khựu hẹn với Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền thì phạm Dukkata (điều Pâcittiya 28), rồi lên chung thuyền thì phạm tối Pãcỉttìya, vị Tỳ-khùù-ni vượt sâng sông một mình có liên quan đến hai tội la Thullaccaya và tội Sañghadisesa (điều Sañghādisesa 3 của Tỳ-khiru-ni). 14 [m] Tội liên quan đến mười loại thịt: Tội Thullaccaya đến vị thọ dụng thịt người, tội Dukkata đối với vị thọ dụng chín loại thịt không được phép còn lại. Xem tr. 285-87 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 39-43. 15 [n] Ban đêm, có hai tội liên

quan đến khẩu: Vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối không dèn, trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội Pācittiya 11, trường hợp ở ngoài tầm tay thì phạm tồi Dukkata (VinA. VII. 1381-82). 16 [o] Bagngày, có hai tội liên quan đến khẩu: Vào ban ngày, vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che khuất, trong khoảng cách của tam tay thì phạm tội Pãcittiya 12, ngoài tầm tay phạm lọi Dukkata {Sđd. 1382). 17 [p] Trong khi cho có ba tội: Vị Tỳ-khưu cho thuốc độc và đã hại chết người thì phạm tội Pārājika, hại chết dậ-xoa và phi nhân thì phạm tội Thullaccaya, hại chết thú vật thì phạm tội Pācittiya (xem điều học Pārājika thứ ba của Tỳ-khưu), hoặc cho y đến Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pãcittiya 25 (Sđd.). 18 [q] Bốn tội về việc thọ nhận: Vị Tỳ-khưu chạm vào tay và tóc của người nữ phạm tội Sañghādisesa thứ nhì, đưa dương vật vào miệng có sự đụng chạm thì phạm tội Pārājika thứ nhất, thọ lãnh y từ tay của vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tôi Nissaggiya Pacittiya 5, vị Ty-khiru-m nhiễm dục vọng thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng [nhưng chưa thọ dụng] phạm tội Thuỉlaccaya (xem tội Sañghādisesa 5 của Tỳ-khưu-ni).

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ -PHẦN HAI 1377

12. Có năm loại tội đưa đến việc sám hối. [r]19 Sáu loại tội đã làm có sự sửa chữa được, [s]20 ở đây, một loại tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 13. Bao nhiêu loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu? Bao nhiêu tội lúc sái thời có vị của lúa gạo? Bao nhiêu sự thỏa thuận với sự thông báo đến lần thứ tư? 14. - Có hai loại tội năng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu. Một tội lúc sái thời có vi của lúa gạo. [t]21 Một sự thỏa thuận với [hành sự] có lời đề nghị đến lần thứ tư. [u]22 15. Tội Pārājika liên quan đến thân là bao nhiêu? Có bao nhiêu nền tảng của việc đông cộng trú? Sự đứt đêm là của bao nhiêu hạng? Vê việc hai lóng tay, đã được quy định là bao nhiêu? 16. - Tội Pārājika liên quan đến thân có hai điều, [a]23 Và có hai nền tảng của việc đồng cộng trú. [b]24 Và sự đứt đêm là của hai hạng, [c]25 về việc hai lóng tay, có hai điều đã được quy đinh, [d]26 17. Sau khi đánh chính mình bao nhiêu tội? Hội chúng bi chia rẽ bởi bao nhiêu cách? ở đây, có bao nhiêu tội vi phạm ngay tức thời? Bao nhiêu do nguyên nhân của lời đề nghị? 18. Sau khi đánh chính mình hai tội. [e]27 Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách. [f]28 ở đây, có hai loại tội vi phạm ngay tức thời, [g]29 Hai loại do nguyên nhân của lời đề nghị.

19 [r] Năm loại tội đưa đến việc sám hối: Là các loại tội nhẹ (Sđd.). 20 [s] Sáu loại tội có sự sửa chữa: Là các tội còn lại sau khi trừ ra tội Pārăịỉka là loại tội không có sự sửa chữa(S) 21 [t] Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo: Là cháo chua có bỏ muối vào lúc sái thời. Xem tr. 277 trong tập háy TTPV, tập 5, Mv. II, chương vi, tr. 25. 22 [u] Một sự thỏa thuận với hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư: Là hành sự chỉ định vị Tỳ-khưu làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (xem điêu học Pãcittiya 21 của Tỳ-khưu). 23 [a] Tội Pārājika liên quan đến thân có hai: Là tội Pārājika về việc đôi lứa của Tỳ-khưu và tội Parajika về việc xúc chạm thân thể của Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1382). 24 [b] Hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản than, hoặc là

hội chúng hợp nhát phạt án treo vị ấy. Xem tr. 452 trong tập nay; TTP v, tạp 5, Mv. II, chương X, tr. 335. 25 [c] Sự đứt đêm là của hai hạng: Là vị thực hành hành phạt Parivãsa và vị thực hành hành phạt Manatta (VinA. VII. 1382). 26 [d] về việc hai lóng tay có hai điều: Là tội Pâcittiya 5 về việc Tỳ-khưu-ni làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lóng tay và tội Dukkata về việc Tỳ-khưu đê tóc dài (Sđd.). 27 [e] Sau khi đánh chính mình hai tội: Vị Tỳ-khưu-ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc phạm tội Pâcittiya 20, tự đánh đấm chính mình mà không khóc phạm tội Dukkata(Sđd.). 28 [fl Hội chúng bi chia rẽ bởi hai cách: Là chia rẽ bằng cách thực hiện hành sự hoặc là bằng cách phân phát thể biểu quygt (S.). 29 [g] Hai loại tội vi phạm ngay tức thời: Là được phân theo Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (Sđd. 1383).

19. Trong việc giêt hại mạng sông bao nhiêu tội? Vì lời nói có bao nhiêu tội Pãrậịikaì Do việc nói lời [thô tục] bao nhiêu tội được nói đến? Hoặc do việc mai moi là bao nhiêu tội? 20. Trong việc giết hại mạng sống ba tội. Vì lời nói vi phạm ba tội Pãrãịika. [h]30 Do việc nói lời [thô tục] ba tội được đề cập đến. Hoặc do việc mai mối là ba tội. [i]31 21. Có bao nhiêu hạng người không được tu bậc trên? Các hành sự có bao nhiêu phân tông hợp lại? Bao nhiêu kẻ bị trục xuất được nói đên? Một tuyên ngôn cho bao nhiêu người? 22. Có ba hạng người không được tu bậc trên. Các hành sự có ba phần tổng hợp lại. [j]32 Ba kẻ bị trục xuất được nói đến. [k]33 Một tuyên ngôn cho ba người, [l]34 23. về việc lấy vật không được cho có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên việc đôi lứa? Bao nhiêu tội trong khi chặt đứt? Bao nhiêu do duyên đã quăng bỏ? 24. về việc lấy vật không được cho có ba tội. Bốn do duyên việc đôi lứa. Ba tội trong khi chặt đứt. Năm do duyên đã quăng bỏ. [m]35

28. Và đối với các Tỳ-khưu-ni có tám tội Pātidesanīya đã bị vi phạm được nói đến. Tội Dukkata với tội Pãcittiya đã bi vi phạm vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực, [o]37 29. Đối với vị đang đi có bao nhiêu tội? Hoặc ngay cả đối với vị đang đứng có bao nhiêu tội? Đối với vị đã ngồi xuống có bao nhiêu tội? Ngay cả đối với vị đã năm xuông có bao nhiêu? 30. Đôi với vi đang đi có bôn loại tội. Hoặc ngay cả đôi với vị đang đứng cũng có bây nhiêu. Đôi với vị đã ngôi xuông có bôn loại tội. Ngay cả đôi với vị đã nằm xuống cũng có bấy nhiêu. 31. Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm bao nhiêu tội Pãcittỉya đong một lượt không trước không sau? 32. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm năm tội Pâcỉttiya đồng một lượt không trước không sau. [a]38 33. Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm bao nhiêu tội Pãcỉttiya đồng một lượt không trước không sau? 34. - Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm chín tội Pācittiya đồng một lượt không trước không sau. [b]39 35. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pâcỉttỉya! Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? , 36. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội Pãcỉttỉya. Có the sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời. 37. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pācittiyai Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt

Trời? 38. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội Pãcittiya. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 39. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pãcittiya? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? 40. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội Pãcittiya. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

37 [o] Các vị thọ thực thóc lúa chưa xay đã vi phạm hai loại tội Dukkata và Pãcỉttỉya, được đề cập đến ở điêu học Pâcittiya 7 của Tỳ-khưu-ni (Sđd.). 38 [a] Vi phạm năm tội Pãcỉttiya đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh năm loại dược phẩm rồi trọn chung vào trong vật chưa khác nhau, hoặc trong cùng một vật chứa rồi để quá bảy ngay. Vị ấy phạm năm tội Nissaggiya Pãcittiya khác sự vật đồng một lúc, không thể phân biệt tội nào tnrớc tối nào sau (Sđấ. 1385). 39 [b] Vi phạm chín tội Pâcỉttiya đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu không bị bệnh sau khi yêu cầu chín loại vật thực hảo hạng trộn chung lại với nhau, roi thọ thực thì phạm chín tội Pãcittiya 39 (S.).

41. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pâcỉttịyầi Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? 42. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội Pãcỉttiya, Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 43. Bao nhiêu loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba? Bao nhiêu do duyên phát biểu? Bao nhiêu loại tội trong khi nhai? Bao nhiêu do duyên vật thực? 44. Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba. [a]40 Sáu loại do duyên phát biểu, [b]41 Ba loại tội trong khi nhai, [c]42 Năm tội do duyên vật thực, [d]43 45. Tất cả các điều học cho đen lan thứ ba đưa đen bao nhiêu trường hợp tội? Và là tội của chính bao nhiêu hạng người? Và do sự tranh tụng của bao nhiêu hạng người? 46. - Tát cả các điêu học cho đên lân thứ ba đưa đên năm trường hợp tội. [e]44 Và là tội của chính năm hạng người. [f]45 Và do sự tranh tụng của năm hạng. 47. Công việc xét xử [tội] là của bao nhiêu hạng người? Và việc giải quyết là của bao nhiêu hạng người? Sự không vi phạm tội của chính bao nhiêu hạng người? Vị chói sáng với bao nhiêu trường hợp? 48. Công việc xét xử [tội] là của năm hạng người. Và việc giải quyết là của năm hạng. Sự không vi phạm tội của chính năm hạng. Vị chói sáng với ba trường hợp. [g]46 40 [a] Ba loại tôi vi phạm cho đến lần thứ ba: Là ba loại tội được thành lập khi đã được hội chúng nhác nhở đến lần thư ba gồm có: Tội Pārājika 3 cho vị Tỳ-khưủ-ni xu hương theo Tỳkhưu tà kiến, tội Sañghādisesa 11 đến vị Tỳ-khưù ủng họ việc chia rẽ hội chúng, tội Pācittiya 68 đến vị Tỳ-khưu không dứt bỏ tà kiến (Sdd\ 41 [b] Sáu loại tội vi phạm do duyên phát biểu: Nói về sáu trường hợp hư hỏng vì nguyên nhân nuôi mạng đã được đề cập trước đây ơ trang 1271: Vì lý do nuôi mạng, VI nguyên nhân nuối mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng, tội Pārājika. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vi thực hành việc mai nìoi,ztội Sañghādisesa. Vì lý do nuôi mạng, VI nguyên nhân nuôi mạng, vị noi rang: [Tỳ-khưu] nào sống trong trú xá của đạo hữu, vi Ty-fíiưu ẩy là bậc A-la-han^, tội Thullaccaya. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên

nhân nuôi mạng, vị Tỳ-íchưu yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích cua bận thân rồi thọ thực, tội Pacittiya. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị ìy-khưu-ni yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tọí Pātidesanīya. Vì lý do nuối mạng, VI nguyên nhân nuôi mạng, vị không bi bệnh yêu cầu súp hoạc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội Dukkata (Sdd. 1385-86). 42 [c] Ba loại tội trong khi nhai: Trong trường hợp nhai thịt người thì phạm tội Thullaccaya, nhai chín loại thịt không được phép còn lại phạm tội Dukkaịa, Tỳ-khưu-ni nhai tỏi phạm tội Pãcittỉya (Sđd. 1386). 43 [d] Năm tội do duyên vật thực: Ba loại tội trên thêm vào tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng roi thọ thực và tội Pātỉdesanĩya đen vị Ty-khứú-ni yêu cau vật thực hao hạng roi thọ dụng; tong cộng là năm loại tội (Sđd.). 44 [e] Các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội: Là tội Dukkata, tội Thullaccaya, tội Pārājika được nói đến ở điều Pārājika 3 của Tỳ-khưu-ni ve việc xu hướng theo vị Tỳ-khưu bị án treo, thêm vào tội Sañghādisesa l o về chia rẽ hội chúng và tội Pâcỉttỉya 68 ve việc không chịu dứt bỏ tà kiến ác của Tỳ-khưu (Sđd.). 45 [í] Tội của chính năm hạng người: Tức là năm hạng người đồng đạo gồm có Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni, cô Ni tủ tập sự, Sa-di và Sa-di-m (Sdd). 46 [g] Vị chói sáng với ba trường hợp: Là nói đến ba nơi là ở

49. Bao nhiêu về ban đêm có liên quan đến thân? Bao nhiêu về ban ngày có liên quan đến thân? Đối với vị đang nhìn chăm chú có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên đồ ăn khất thực? 50. Hai loại vê ban đêm có liên quan đên thân. Hai loại vê ban ngày có liên quan đến thân. [h]47 Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội. [i]48 Một tội do duyên đồ ăn khất thực. [j]49 51. - Trong khi thay được bao nhiêu điều lợi ích roi sám hoi vì niềm tin kẻ khác? Các vị bị phạt án treo đã được nói đen bao nhiêu loại? Bao nhiêu sự thực hành đúng đắn? 52. Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác. [k]50 Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại, [l]51 Bốn mươi ba việc ấy là các sự thực hành đúng đắn. [m]52 53. Nói dối trong bao nhiêu trường hợp? Bao nhiêu được gọi là "tối da”? Bao nhiêu tội Pātidesanĩya? Và do sự thú tội là của bao nhiêu? 54. Nói dối trong năm trường hợp. [n]53 Mười bốn được gọi là "tối da.” [o]54 Mười hai tội Pātỉdesanĩya. [p]55 Và do sự thú tội là của bốn hạng, [q]56 55. Nói doi bao nhiêu chi phan? Bao nhiêu việc của lễ ưposatha? Bao nhiêu yếu tố của vi sứ giả? Bao nhiêu sở hành của ngoại đạo?

47 [h] Hai loại tội về ban đêm có liên quan đến thân và hai loại về ban ngày có liên quan đến thân. Xem cước chú [n] và [o] của trang 275. 48 [i] Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh phạm tội Dukkata. Xem tr. 921 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 509. 49 [j] Một tội do duyên đồ ăn khất thực: Là nhìn vào mặt nữ thí chủ trong khi thọ lãnh vật thực phạm tội Dukkata (§dd., chương VIII, tr. 357). 50 [k] Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác: về điều này, ngài Buddhaghosa giai thích là ở Kosambakakkhandhakam (VinA. vu. 1387). Tuy nhiên, ở chương Kosambī có đe cập đến tám điều nhưng không xác định rõ là tám điều lợi ích. Xem tr. 450-52 trong tạp

này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tĩ. 331-33. 51 [1] Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại: Là ba loại hành phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không chịu tư bỏ tà kiến ác. Xem tr. 523, 533, 542 trông tập nàyr/PK, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 87, 109, 129. 52 [m] Bốn mươi ba sự thực hành đúng đắn: Là bốn mươi ba phận sự của vị Tỳ-khưu thực thi hành sự án treo (Sdd., chương I, tr. 99). 53 [n] Nói dối trong năm trường hợp: Là nói dối có thể đưa đến việc vi phạm năm tội là Pārăịika, Sañghādisesa, Thullaccaya, Pācittỉya và Dukkata (VinA. VII. 1387). 54 [o] Mười bốn được gọi là "t6i da": Là các điều học có từ ^paramaYỴỈ\ như là dasāhaparamam, masaparamam, santaruttaraparamam, v.v... tổng cộng trong hai bộ Giới bổn có tất cả là 14 điều học (Sđdỵ 55 [p] Mười hai tội Pātidesanīya'. Nghĩa là thuộc về Tỳ-khưu có bốn điều học Pātidesanīya, còn Tỳ- khưu-ni có tám (Sdd.). 56 [q] Sự thú tội là của bốn hạng: Là sự sám hối của những người do Devadatta sai đi đến giết đức Thế Tôn (xem tr. 819 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 281), của người đàn bà đã quyến rũ ngài Anuruddha ở phan duyên khởi của điều Pācittiya 7, của Vaddha Licchavī bị hành phạt úp ngược binh bát (Sdd., chương v, ír. 63), việc sám hối của các vị Tỳ-khữu đến Đại đức Kassapagotta ở làng Vãsabha (xem tr. 403 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 245).

56. Nói dôi tám chi phân. Tám việc của lê Uposatha. Tám yêu tô của vị sứ giả. [r]57 Tám lối hành xử của ngoại đạo. [s]58 57. Việc tu lên bậc trên có bao nhiêu lời đọc? Nên đứng dậy đối với bao nhiêu hạng người? Nên nhường chô ngôi cho bao nhiêu hạng người? Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với bao nhiêu [yếu tố]? 58. Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc. [a]59 Nên đứng dậy đối với tám hạng người. Nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người, [b]60 Vị giáo giới Tỳ- khưu-ni với tám yếu tố. [c]61 59. Dự tính chia rẽ là của bao nhiêu vi? Tội Thullaccaya dành cho bao nhiêu vị? Và không phạm tội đối với cả thảy bao nhiêu vị? Có phải tất cả có chung một sự việc? 60. Sự chia rẽ là của một vị. Tội Thullaccaya dành cho bốn vị. Và không phạm tội đối với cả thảy bốn vị. Tất cả có chung một sự việc, [d]62 61. Bao nhiêu sự việc gây nóng giận? Hội chúng bị chia rẽ bởi số lượng bao nhiêu? ở đây bao nhiêu vị phạm tội tức thời? Bao nhiêu do tác động của lời đề nghị? 62. Chín sự việc gây nóng giận. Hội chúng bị chia rẽ bởi chín vị Tỳ-khưu. ở đây, có chín vị phạm tội tức thời. Chín việc do tác động của lời đề nghị. 63. Bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ, chắp tay và với hành động thích hợp? Tội Dukkata là của bao nhiêu người? cất giữ y bao nhiêu ngày? 64. Mười hạng người không nên được đảnh lễ? chắp tay và với hành động thích hợp. [e]63 Tội Dukkata đối với mười hạng người. [í]64 cất giữ y mười ngày. 65. ở đây, y nên dâng đến bao nhiêu vị đã trải qua mùa mưa? Nên dâng trong sự hiện diện của bao nhiêu vị? Không nên dâng đến bao nhiêu vị?

57 [r] Tám yếu tố của vị sứ giả. Xem chú thích [k] của trang 75. 58 [s] Tám lối hành xử của ngoại đạo. Xem tr. 89 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chưcmg I, tr. 175. 59 [a] Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc: Là việc tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở hai hội chúng (VìnA. VII. 1388). ^ 60 [b] Nên đứng dậy đối với tám hạng người, nên nhường chỗ ngồi

cho tám hạng người: Hai điều này áp dụng cho Tỳ-khưu-ni ở trong nhà ăn (Sdd) 61 [c] Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với tám yếu tố: Là nên chỉ định vị Tỳ-khưu có tám chi phần làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (S7.). Xem chi tiết ở điều học Pâcittiya 21 của Tỳ-khưu. 62 [d] Câu kê này có liên quan đến việc chia rẽ hội chúng: Là nói đến trường hợp chia rẽ hội chúng có liên quan đen chín vị: Mọt vị là vị phân phát thẻ như trường hợp của Devadatta, bốn vị phạm trọng tội là các vị xu hướng theo như là VI Kọkằlika, v.v..., bốn vị nói đúng Pháp thì vô tội, việc chia rẽ hội chúng là một sự việc có liên quan đen tất cả (Sđd.). 63 [e] Mười hạng người không nên được đảnh lễ: Được đề cập ở tr. 779 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 179. 64 [í] Tội Dukkata đối với mười hạng người: Là tội Dukkata đối với vị thực hiện các hành động chắp tay, đảnh lễ, v.v., đối với mười hạng người trên (VÌYiA. VIL 1388).

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ -PHẦN HAI 1383

66. ở đây, y nên dâng đến năm vi đã trải qua mùa mưa. [g]65 Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị. [h]66 Không nên dâng đến mười sáu vị. [i]67 67. Sau khi che giấu bao nhiêu trăm tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành Parivãsa có thể được tự do sau khi ngụ được bao nhiêu đêm? 68. Sau khi che giấu một ngàn tội trong thời gian một trăm đêm, vi hành Parivâsa có thể được tự do sau khi ngụ được mười đêm.[j]68 69. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc sai Pháp là bao nhiêu? 70. Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời, [k]69 Trong sự việc về Luật ở Campā, toàn bộ tất cả các việc đã làm đều sai Pháp. 71. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đúng Pháp là bao nhiêu? 72. Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, [a]70 vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đã làm đều đúng Pháp. 73. Có bao nhiêu loại hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu? 74. Có sáu loại hành sự [b] đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

Thân

1384 TẬP YẾU

75. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu? 76. Bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, nơi ấy, một việc đã làm đúng Pháp, ba việc sai Pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. 77. Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây bao nhiêu tội được làm lắng dịu không với các sự dàn xép? Hỡi vị rành rẽ vê phân tích, tôi hỏi ngài điêu ây? xin hãy trả lời. 78. - Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây một tội được lắng dịu

không với các sự dàn xếp? [c]72 Hỡi vi rành rẽ về phân tích, tôi trả lời ngài điều này. 79. Bao nhiêu kẻ chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 80. Một trăm bôn mươi bôn kẻ chịu khô địa ngục tôn tại tròn một kiêp, là các vi chia rẽ hội chúng, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời, [d]73 Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 81. Bao nhiêu vị không phải chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 82. Mười tám vị không phải chiu khổ, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 83. Có bao nhiêu nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích về Luật. 84. Có

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MÒ HÔI1

1. Vị không đồng cộng trú với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni9 không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy, sao không bị phạm tội do việc không xa lìa? [a]2 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 2. Không nên phân tán, không được phân chia, năm vật đã được nói đên bởi vi Đại Ẩn Sĩ. Sao không phạm tội trong lúc phân chia và trong lúc thọ dụng? [b]3 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 3 Tôi không đề cập đến mười hạng cá nhân, hạng thứ mười một cũng cần phải tách ra? [c]4 Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn? [d]5 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 4. Vi không bi án treo và cũng không phải là vị hành Parỉvãsa. không bị chia rẽ hội chúng và cũng không thay đổi phe nhóm, là vi tồn tại trên nền tảng, cùng chung đồng cộng trú, vì sao lại có sự riêng biệt về việc học tập? [e]6 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

1 Trong chương này, các câu trả lời được ghi lại theo lời giải thích ở Atthakathā và Tīkā. Các phần trích dẫn nhơ vào cong lao của dịch giả L B. Homer. Tuy nhiên, có một so câu hỏi vẫn còn chưa xác định được ý nghĩa (ND). 2 [a] Câu kệ 1: Có liên quan đến đứa bé trai được người mẹ là Tỳ-khưu-ni mang thai, rồi sanh ra và nuôi dưỡng ở Ni viên (Schương x, tr. 533). 4Khong đồng cộng trú" là không có sự cộng trú chung về các việc như là le ùposatha, lễ Pavāranā, v.v... uKhong đạt được một việc thọ hưởng chung nào đo ở nơi vị y" nghĩa là không đạt được sự thọ hưởng chung không được phép [với các Ty-khưù-ni], tuy nhiên lại đượcphép làm VƠI chính người mẹ ruột va 4tkhong bị phạm tội do việc không xa rời" nghĩa la không phạm tội trong việc ngụ chung nhà (VỉnA. VII. 1391). 3 [b] Câu kệ 2: Năm trọng vật thuộc về hội chúng không được phân tán và không được phân chia (xem tr. 78891 trong tạp này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI* tr. 203-09). Trường hợp khòng phạm tội đề cập đến vị Tỳ-khựu-ni là người me của đứa bé trai, do việc cô ta phải nuôi dương đứa bé trai cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết (VinA. VII. 1391). 4 [c] Câu kệ 3: Đe cập đến mười hạng người không nên đảnh lễ: Vi tu lên bậc trên sau, vị chưa tu lên bậc trên, vi thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp, phụ nữ, người vô căn, vị bị hành phạt Parỉvãsa, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị xưng đáng hành phạt Mãnaita, vị thực hành

hành phạt Mānatta, VỊ chưa được giải tội (xêm tr. 778 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 179). Hạng thứ mươi một là vị Tỳ-ídiưú loa thể (VinA. VIL 1391). 5 [d] Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn?: Ngài Buddhaghosa không giải thích câu này. Có thể là nói đên vị thâm niên nói sai Pháp ở mười hạng người không nên đảnh lễ (ND). 6 [e] Câu kệ 4: Nói đến vị Tỳ-khưu trước đây làm nghề thợ cạo (xem tr. 748 trong tập này; TTPV, táp 5, Mv. II, chương VI, tr. 103). Do vị này không được phép thực hành việc cạo tóc, còn các vị khác van được; vì thế có sự riêng biệt về việc học tập (VinA. VII. 1391).

5. Vi đi đến pháp tốt đẹp, có liên hệ mục đích, trong khi đang được hỏi, không sống, không phải đã chết, không phải đã Niết-bàn, chư Phật nói về nhân vật ẩy thế nào? [f]7 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 6. Tôi không đề cập đến phần trên của xương đòn, bỏ qua phần dưới rốn, do duyên việc đôi lứa vì sao lại phạm tội Pārājikcf! [g]8 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 7. Vị Tỳ-khưu tự yêu câu roi xây dựng cóc liêu, nên đát chưa được xác định, vượt quá kích thước, ở chô có sự nguy hiêm, không khoảng trông trải, không phạm tội? [h]9 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 8. Vị Tỳ-khưu tự yêu câu roi xây dựng cóc liêu, nên đát được xác định, theo kích thước, không có sự nguy hiểm, có khoảng trống trải, lại phạm tội? [i]10 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 9. Vị không làm hành động gì có liên quan đến thân và cũng không nói về những người khác bằng lời nói lại vi phạm tội nặng có nền tảng bi cắt rời? [a]11 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 10. Người tốt không làm điều gì ác có liên quan đến thân, khẩu, luôn cả ý, vì sao vị ấy lại bị trục xuất, còn bị trục xuất hoàn toàn? [b]12 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 11. Không chuyện trò với bất cứ người nào bằng lời và không nói câu nào với những người khác lại có thể phạm tội liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân? [c]13 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 12. Các điều học được đức Phật vi cao quý ca ngợi, có bốn điều Sañghādisesa. có thể phạm tất cả chỉ do một hành động? [d]14 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo.

7 [f] Câu kệ 5: Câu hỏi này nói đến hình tượng đức Phật (Sđd.ỵ 8 [g] Câu kệ 6: Là thực hiện việc đôi lứa qua đường miệng với hạng phi nhân không có đầu, các cọn mat và miệng thì ở trên ngực (Sđd.). Hạng này thây được đề cập ở câu chuyện dẫn giải 51 của điều Pārājika thứ tư. 9 [h] Câu kệ 7: Vị Tỳ-khưu tự yêu cầu rồi thực hiện cốc liêu lợp bằng cỏ thì không phạm tội (Sđd.). 10 [i] Câu kệ 8: Vị làm cốc liêu toàn bằng đất sét (Sđd.ỵ việc này đức Phật không cho phép. Xem câu chuyện của Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gom ở phan duyên khởi của điều Pārqjika 2. 11 [a] Câu kệ 9: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội Pārājika của vị Tỳ-khưu-ni khác phạm tội Pārājika (Sdd). 12 [b] Câu kệ 10: Đề cập đến mười một hạng người không thể tu lên bậc trên như người vô căn, kẻ trộm tương mạo [Tỳ-khưu], v.v... (S.).Xem chi tiet ở tr. 105-10 trong tập này; T7PK, tập 4, Mv. I, chướng I, tr. 213-21. 13 [c] Câu kệ 11: Liên quan đến phần mở đầu của Giới bổn (Patimokkho) có đoạn: "... vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đã có thì VỊ ấy cố tình nói dối...,^ (VinA. VIL 1391). Xem chi tiết ở tr. 124 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương II, tr. 251. 14 [d] Câu kệ 12: Liên quan đến bốn việc làm của

vị Tỳ-khưu-ni ở điều Sanghãdỉsesa 3: Vào rạng sáng, vị Ty-khưu-ni rời khỏi nhóm, sang sông đi vào làng, khi đã sang ngày mới, VỊ Ni ấy phạm bốn tọi Sañghādisesa là đi vào làng một minh, đĩ sang bờ sông bên kia mọt minh, trong đêm tru ngụ riêng mọt mình, một mình tách rời ra khối nhóm (VinA. VII. 1392).

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT Mồ HÔI « 1389

13. Cả hai [vi Ni] đã được tu lên bậc trên từ một hội chúng, vị thọ nhận y từ tay của cả hai, các tội vi phạm có the khác nhau? [e]15 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 14. Bốn người sau khi hẹn hò trước đã lấy trộm trọng vật, ba vị phạm Pārājika. còn một vị không phạm Pārājikal [f]16 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 15. Người nữ ở bên trong và vi Tỳ-khưu là ở bên ngoài, không có lỗ hổng ở ngôi nhà, vì sao lại vi phạm tội Pārājika do duyên việc lứa đôi? [g]17 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 16. Dầu ăn, mật ong và cả đường, bơ lỏng, sau khi tự mình thọ lãnh rồi để riêng, khi bảy ngày chưa trải qua đối với vị thọ dụng khi có duyên cớ lại có tội? [h]18 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 17. Tội Nỉssaggỉya. tội Păcỉttiya thuần túy là cùng một lân cho vi đang vi phạm? [i]19 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 18. Hai mươi vị Tỳ-khưu tụ hội làm hành sự tưởng rang có hợp nhất, có vị Tỳ-khưu đứng xa mười hai do-tuàn làm hỏng hành sự ấy vì lý do phe nhóm? [a]20 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 19. Và với vị đã nói lên băng lời, dâu chỉ truyên đạt giữa khoảng cách của bước chân, có thể vi phạm cùng một lượt sáu mươi bốn tội, tất cả đều là tội nặng có sự sửa chữa được? [b]21 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 20. Vi đã quân vào với y nội, đã trùm lên y Sañghāti hai lớp, tát cả các y ây là phạm tội Nỉssaggỉycỉl [c]22 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

15 [e] Câu kệ 13: Vị Tỳ-khiru-ni thọ nhận ỵ từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hội chúng, Tỳ-khưu phạm Pãcittiya (các vị Tỳ-khưu-ni này gồm có 500 vị Tỳ-khưu-ni dòng Sakyā, được tu lên bậc trên sau bà Mahāpajāpati Gotamī), từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hợi chúng Tỳ-khưu-ni phạm Dukkata (Sdd). 16 [í] Câu kệ 14: Vị thầy dạy học và ba học trò đã trộm vật giá tri sáu mãsaka. Vị thầy tự tay lấy trộm 3 tnâsaka, còn 3 mãsaka kia là do sự ra lệnh, nên tội vi phạm là Thullaccaya\ còn mồi người học trò trộm l māsaka, nhưng liên quan đến viec ra lệnh là 5 mãsaka nên đã phạm tội Pārājika. Chi tiết được đề cập ở điều Pārājika thứ nhì về trộm cắp (Sdd). 17 [gi Câu kệ 15: Đây là câu hỏi về vật bao bọc được làm bằng vải, được đề cập có liên quan đến việc đã được che phu lại 18 [h] Câu kệ 16: Câu kệ này được đề cập có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng ñ (S)

tTại

1390 • TẬP YẾU

y r r 21. Không có lời đê nghi, cũng không có tuyên ngôn hành sự và đang Chiên Thắng đã không nói: Hãy đến, này Tỳ-khiru, vi ấy cũng chẳng có sự đi đến nương tựa [Tam quy], mà đã được tu lên bậc trên và sự tu lên bậc trên là bền vững cho vị ấy? [d]23 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 22. Giêt người nữ không phải là mẹ và [giêt] người nam không phải là cha, kẻ ngu giêt người không phải là vị Thánh và

do điêu ây phạm vào nghiệp vô gián? [e]24 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 23. Và giết người nữ là mẹ và giết người nam là cha, sau khi giết cả cha lẫn mẹ9 do điều ấy lại không phạm nghiệp vô gián? [f]25 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 24. Sau khi không cáo tội, sau khi không nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị không hiện diện. Hành sự đã được thực hiện, đã được thực hiện hoàn hảo mà vi tiến hành và hội chúng là không phạm tội? [g]26 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 25. Sau khi đã cáo tội, sau khi đã nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vi đang hiện diện, và hành sự đã được thực hiện lại trở thành chưa được thực hiện, vị tiến hành và hội chúng là phạm tội? [h]27 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 26. Vị chặt đứt phạm tội, vị chặt đứt không phạm tội, vị che đậy phạm tội, vi che đậy không phạm tội? [i]28 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 27. Trong khi nói sự thật lại tội nặng và đối với vi nói lời dối trá là tội nhẹ, trong khi nói lời dối trá là tội nặng và đối với vị nói sự thật lại tội nhẹ? [j]29 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

23 [d] Câu kệ 2l: Nói đến sự tu lên bậc trên của bà Mahāpajāpati Gotamĩ (Sdd. 1392-93). Bà đã trở thanh Tỳ-khưu-ni do chấp nhận tám trọng pháp. Xem tr. 905 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương X, tr. 473. 24 [e] Câu kệ 22: Có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng: Ngườiz cha biến đổi thành đàn bà [giết ngươi nữ không phải là mẹ] và người mẹ biến đổi thành đàïTông [giết người nam không phải là cha]; giết người không phải là vi Thánh [người nữ hay người nam ấy khòng phai là bậc Thánh], nên giết chết một trong hai người thì phạm vào tội vô gián (VinA. VII. 1393). 25 [í] Câu kệ 23: Trường hợp cha và mẹ là loài thú nên sau khi giết họ cũng không phạm vào tội vô gian (Sđd.). 26 [g] Câu kệ 24: Nói đến việc vị Ni tu lên bậc trên thông qua người đại diện (Sdd.). Xem câu chuyện của kỹ nữ Addhakāsī ở tr. 930-32 trong tập này; TTPV, tạp 7, Cv. II, chương x, tr. 527-31. 27 [h] Câu kệ 25: Nói đến việc tu lên bậc trên của các hạng người: Vô căn, v.v... (VinA. VII. 1393) 28 [i] Câu kệ 26: Vị chặt đứt cây gỗ theo lối trộm cắp phạm tội Pārājika, vị chặt đứt dây leo, cỏ thì phạm tội Pãcìttiya, vị cắt đứt dương vật thì phạm tội Thullaccaya. Vị cắt tóc và móng tay không phạm tội. Vị che đậy tội vị khác phạm tội, vị che đậy mái nhà không phạm tội (Sđd.). 29 U] Câu kệ 27: Nói sư thát đề cập đến các bộ phận kín của người nữ vi phạm tội nặng, nói dối cố tình vi phạm tội nhẹ. Nói dối về pháp thượng nhân ídiông thực chưng vi phạm tội nặng, nói sự thật về pháp thượng nhân co thực chứng vi phạm tội nhẹ (Sđd.).

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT Mồ HÔI 1391

7 . 28. Vật đã được chú nguyện đê dùng riêng, đã được nhuộm băng thuôc nhuộm, là vật đã được làm thành đúng phép, đoi với vị sử dụng lại có tội? [k]30 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 29. Khi mặt trời đã lặn, vị Tỳ-khưu nhai các miếng thịt, không phải là vi bị điên và cũng không có tâm bị roi loạn, vị ây cũng không bị thọ khô hành hạ, tuy nhiên vị ấy không có tội và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải, [a]31 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 30. Không có tâm nhiễm dục, hơn nữa không có ý trộm cắp, vị ấy cũng đã không nghĩ đến việc giết hại người khác, đối với vị trao thẻ thì bị cắt đứt, đối với vị nhận lấy [thẻ] thì phạm tội Thullaccaya!

[b]32 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 31. Và cũng không phải là chỗ ở rừng được xác định có nguy hiểm, cũng không có sự đồng ý đã được hội chúng ban cho, Kathỉna của vị ấy đã không được thành tựu ở ngay chỗ ấy9 [vi ấy] sau khi xa lìa y roi đi nửa do-tuần, khi rạng đông đã đến ở ngay tại nơi ấy, vẫn không phạm tội. [c]33 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 32. Có liên quan đến thân, không liên quan đến khẩu, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau? [d]34 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 33. Có liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân, tất cả có sự việc khác biệt, có the vi phạm chung một lượt không trước không sau? [e]35 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 34. Không thực hiện việc đôi lứa ấy nơi ba hạng người nữ, nơi ba hạng người nam, nơi ba hạng không phải Thánh hay là kẻ vô căn và không hành việc đôi lứa ở người lưỡng căn, sao lại bi cắt đứt do duyên việc đôi lứa? [f]36 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 35. Vị xin y cho mẹ và không phải là y được dành riêng dâng đến hội chúng, do điều ấy, vị ấy phạm tội và không tội [nếu xin] ở thân quyến? [g]37 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

30 [k] Câu kệ 28: Liên quan đến việc sử dụng y đã bị phạm vào Nissaggiya mà chưa được sám hối (Sdd). 31 [a] Câu kệ 29: Vị có tật nhai lại như trâu bò (Sdd). Xem câu chuyện về vị Tỳ-khưu nọ có tật nhai lại thúc ăn ở tr. 740 trông tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 83. 32 [b] Câu kệ 30: Vị Tỳ-khưu xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và nhận lấy thẻ thì phạm vào tội Thuíỉaccaya (VinA. VII. 1393). , 33 [c] Câu kệ 31: Đe cập đến chỗ trú ngụ là cội cây của một gia đình, tương tợ như loại cây đa to lớn có the đến l hoặc 2 do-túần (Sđd.). 34 [d] Câu kệ 32: Liên quan đến việc nắm ngón tay hoặc tóc của nhiều người nữ cùng một lúc (Sdd) 35 [e] Câu kệ 33: Liên quan đến việc nói lời thô tục đến nhiều người nữ, ví dụ: "Tất cả các cô đều là người bị dị căn...,, 36 [f] Câu kệ 34: Liên quan đến điều Pārājika của Tỳ-khưu-ni có liên quan đến tám sự việc (Sđd. 1394). 37 [g] Câu kệ 35: Liên quan đến vị xin y choàng tắm mưa ngoài thời hạn cho phép (Sdd)

36. Bị giận dữ lại hài lòng, bị giận dữ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến nổi giận lại nên cười? [h]38 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 37. Được hoan hỷ rồi hài lòng, hoan hỷ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến hoan hỷ lại đáng chê bai? Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 38. Vị phạm chung một lượt tội Sanghãdỉsesa. tội Thullaccaya, tội Pâcỉttỉya, tội Pātidesamya và tội Dukkatai [i]39 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 39. Cả hai đều tròn đủ hai mươi tuổi, cả hai có chung vị thầy tế độ, chung thầy giáo thọ, chung tuyên ngôn hành sự, một vị được tu lên bậc trên, một vị không được tu lên bậc trên? [a] Câu hỏi này đã được

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Sự không đồng cộng trú, không được phân tán, mười [hạng] và vị không bị án treo, vị đi đến với pháp, phần trên của xương đòn, sau đó hai điều tự mình ; x yêu câu. 2. Và không liên quan đến thân, tội nặng, liên quan đến thân, được khéo giảng, trong khi không nói, điều học, cả hai và bốn vị. 3. Người nữ, dầu ăn, tội

Nỉssaggiya, các vi Tỳ-khưu, với khoảng cách bước dài đã quấn y và không điều quy định, không giết mẹ cha. 4. Sau khi không cáo tội, sau khi đã cáo tội, trong khi chặt đứt luôn cả sự thật, đã được chú nguyện, khi mặt trời đã lặn, không có tâm nhiễm dục và không phải chỗ ở rừng. 5. Liên quan đến thân, liên quan đến khẩu, ba người nữ luôn cả người mẹ, giận dữ, hài lòng, được hoan hỷ, tội Sañghādisesa và cả hai. 6. Chưa làm thành được phép, vị không cho, vị phạm tội nặng, những bài kệ làm xuất mồ hôi, là những câu hỏi, đã được giải rõ nhờ các bậc Trí. —ooOoo—

NĂM PHẨM

L PHẨM HÀNH Sự 1. Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc la vì lời đề nghi, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể. 2. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? Hành sự nên được thực hiện với sự có mặt, mà thực hiện theo lối vắng mặt, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thẩm vấn, mà thực hiện không có sự thẩm vấn, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thú nhận, mà thực hiện không có sự thú nhận, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vị xứng đáng cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự theo tội của vị ấy, đối với vi xứng đáng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự khiển trách đối với vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị xứng đáng hành sự khiển trách, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai __ 2 • < i • Pháp. Thực hiện hành sự xua đuôi đôi với vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự hòa giải đoi với vi xứng đáng hành sự xua đuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự án treo đối với vi xứng đáng hành sự hòa giải, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt Parỉvãsa đến vị xứng đáng hành sự án treo, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Đưa ve lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt Parivãsa thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt Mânatta đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Giải tội vi xứng đáng hình phạt Mãnatta thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên vị xứng đáng sự giải tội, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ Uposatha không vào ngày Uposatha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ Pavāranā. không

vào ngày Pavāranā thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc. 3. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị? Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghi, xác định lời đề

nghi sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này. 4. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố? Các hành sự bi hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này. 5. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới? Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không có điểm mốc, thỏa thuận ranh giới khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở sông, thỏa thuận ranh giới ở biển, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện. 6 Thế nào là các hành sự bi hư hỏng vì tập thể? Các hành sự bị hư hỏng vì tập thê với mười hai biêu hiện: ơ hành sự là công việc của nhóm bôn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vi ấy không đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yểu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị5 toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vj,...(nt)...ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khiru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vi, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đen, các vị hiện diện phản đoi. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

NĂM PHÀM e 1397

7. ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị Tỳ-khưu trong sạch là thiêt yêu đôi với hành SỊT, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, năm vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đoi với hành SỊT, các vi trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đoi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đoi với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị

trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. 8. Bôn loại hành sự: Hành sự với lời công bô, hành sự với lời đê nghị, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bi hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể. 9. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? Cho tu lên bậc trên kẻ vô căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ đã chuyển sang ngoại đạo thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên loài thú thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết mẹ thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết cha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết A-la-hán thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm nhơ nhớp Tỳ-khưu-ni9 thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ chia rẽ hội chúng thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm [đức Phật] chảy máu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ lưỡng căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc. 10. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị? Các hành sự bi hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đên sự việc, không đê cập đên hội chúng, không đê cập đên nhân sự, không đê

cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bi hư hỏng vì lời đe nghị với năm biểu hiện này. 11. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố? Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, hoặc là tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bô với năm biêu hiện này. 12. Thế nào là các hành sự bi hư hỏng vì ranh giới? Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm r 2 9 r móc bi gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có diêm móc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không điểm mốc, thỏa thuận ranh giới trong khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở dòng sông, thỏa thuận ranh giới ở biển cả? thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện này. 13. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể? Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị? toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ây không đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đên, các vị hiện diện phản đôi; ở hành sự là công việc của nhóm bôn vi5 toàn bộ các Tỳ-khmi thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vi hiện diện phản 9 r đôi; r ở hành sự là công việc của rnhóm bôn vj, toàn bộ các. :ỉ

Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ..(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, ..(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị? toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vi ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vi ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xửng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi v j, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đên, các vi hiện diện phản đối. Các hành sự bi hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này. 14. Hành sự với lời công bố hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời đề nghi hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghi đến lần thứ

nhì hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp. 15. Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp nào? Sự nhận vào, sự đuổi đi, [a]1 hành sự cạo tóc, hình phạt Phạm thiên [Phạm đàn] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. [b]2 Hành sự với lời công bo hành xử năm trường hợp này. 16. Hành sự với lời đề nghi hành xử chín trường hợp nào? Sự nhận vào, [c]3 sự mời ra, [d]4 lễ Uposatha, [e]5 lễ Pavãraụã. sự đồng ý5 [f]6 sự cho lại, [g]7 sự ghi nhận [tội], [h]8 việc dời lui [ngày lễ Pavārariā] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ chín. [i]9 Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp này.

1 [a] Sự đuổi đi: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp "du6i di" Sa-di Kantaka trong phần câu chuyện ở điều Pacittiya 70. Hiện nay, việc đuổi đi được áp dụng cho vị Sa-di chê bai đức Phật, chê bai Giáo pháp, che bai Hội chúng, tuyên bố về điều không được phép là được phép, v.v... (Sdd. 1402-03). 2 [b] Hành sự có sự khác biệt ve tướng trạng: Ngài Buddhaghosa giải thích rang hành sự của các Tỳ- khưu-ni đối với vị Tỳ-khưu có những hanh đọng khiếm nhã như rảy nước, cởi ra cho thấy thân thể, cho thấy đùi, v.v... là loại hành sự này (Sđd. 1404-09). 3 [c] Hành sự với lời đề nghị - sự nhận vào: Là trường hợp vị Tỳ-khưu Ācariyā sau khi giảng giai về các pháp chướng ngại trong hành sự tu lên bậc trên cho giới tử, rồi gọi người ấy đĩ vào trong hội chúng để cầu xin hội chung sự tu lên bậc trên: (iSunātu me bhante sañgho, itthannāmo ỉtthannãmassa āyasmato upasampadãpekkho, anusittho so mayā, yadi sañghassa pattakallarn, itthannāmo āgaccheyyāti, 'āgacchāhTti vattabbo " (Sdd. 1409). Xem chi tiêt ở tr. 117 trong tập này; TTP V, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 235. 4 [d] Hành sự với lời đề nghị - sự mời ra: Là trong khi đang phán xét sự tranh'tụng bằng lối đại biểu, các vị Tỳ-khưu dùng lời thông báo để mời ra vi Tỳkhưu la Pháp sư nhưng kiến thưc cua chính vi ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về Giới bổn, v.v... (VinA.

VII. 1410). Xem chi tiết ở tr. 690 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 407. 5 [e] Hành sự với lời đề nghị - lễ Uposatha'. Nói đến tuyên ngôn đọc ở lễ Uposatha: (iSunātu me bhante sañgho, cỳj 'uposatho pamaraso. Yadi sañghassa pattakallam, sangho uposatharn kareyya'ti. " Tương tợ cho trương hợp lễ Pavaranā (VinA. VII. 1410). 6 [f] Hành sự với lời đề nghị - sự đồng ý: Là trường hợp thỉnh cầu sự đồng ý của hội chúng để hỏi và đáp về Luật trong ngày lê ùposatha, v.v... (Sđd.) 7 [g] Hành sự với lời đề nghị - sự ban cho: Là hành sự với tuyên ngôn cho lại y trong trường hợp sám hoi tội Nissấggiya Pācittiya (SdH.). 8 [h] Hành sự với lời đề nghị - sự ghi nhận tội: Là trường hợp vị Tỳ-khưu đại diện hội chúng để ghi nhận tội cho vị Tỳ-khưu đã phạm tội sam hối trước hội chúng(Sđd.). 9 [i] Hành sự với lời đề nghị - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trương hợp sán^hối tội bang cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngon cua hành sự như sau: "... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư ŚT" (Sđd. 1411) Xem chi tiết ởtr. 674 trong tập nay; 77PK, tạp 6, Cv. I, chương IV, tr. 373.

e 5 9 r y 17. Hành sự có lời đê nghị đên lân thứ nhì hành xử bảy trường hợp nào? -Sự nhận vào, sự mời ra, [j]10 sự đồng ý, [k]11 sự ban cho, [l]12 sự thu hồi [Kathina], sự xác định [nền đất], [m]13 và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [n]14 Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp này. 18. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp nào? Sự nhận vào, sự mời ra, sự đông ý, sự ban cho, sự kiêm chê, sự nhác nhở và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [o]15 Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp này. 19. ở hành sự là công việc của nhóm bốn vi, bốn vi Tỳ-khun trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vi ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)...ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành SỊT, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ây là không thiêt yêu đôi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ây là không thiêt yêu đôi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Phẩm í6Hành sụ*" là thứ nhất

I ° [j] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự nhận vào và sự mời ra: Đe cập đến trường hợp úp ngược và mở ra bình bát đối với Vaddha Licchavī (VinA. VII. I4ll). Xem chi tiết ở tr. 730-33 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. n, chương v, ti*. 59-67. II [k] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự đồng ý: Nói về các trường hợp như sau: Sự đồng ý về ranh giới không phạm tội vì xa lìa ba y, sự đồng ý ve ngọa cụ, sự đồng ý về VỊ phân phối chỗ tru ngụ, N.N...(VinA. VII. 1411). * • 12 [1] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự ban cho: Nói đến trường hợp hành sự giao y Kathina hoạc trao quyền thừa kế y

cua vị đã chết (Sđd.). 13 [m] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự xác định [nền đất]: Liên quan đến điều Sañghādisesa 6 và 7 của Tỳ-khưu về việc xây dựng cốc liêu và trú xá lớn (Sdd.). 14 [n] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì -ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa noi về sự dàn xếp bàng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn hành sự chung cho hội chúng sau khi hai vị Tỳ-khưu đại diện cho hai phe, đã sám hối tội của phe mình (Sdd. 1412). Xem chi tiết ở tĩ. 675 trong tạp này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 375. 15 [o] Ngài Buddhaghosa đề cập đến bảy loại hành sự, bắt đầu là sự mời ra ở các loại hành sự nhự là hành sự khiển tráclC v.v..., sự nhận vào ơ trường hợp thu hồi hành sự của các loại hành sự trên, sự đồng ý là sự đồng ý về việc giáo giới Tỳ:khưu-ni, sự ban cho là ban cho hành phạt Parivãsa và hành phạt Mānqtta, sự kiềm chế la việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, sự nhắc nhở là các trường hợp nhắc nhở đến lần thứ ba được đề cập trong một số điều học và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng, là nói về hành sự tu lên bậc trên vả hành sự giải tội (VinA. VII. 1412).

NĂM PHẦM 1401

2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH 1. Đàng Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 2. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 3. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 4. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 5. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các lỗi làm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 6. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 7. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 8. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhăm tách rời các nhóm của những kẻ ác xâu. Đang Nhu Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 9. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 10. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, nhằm sự hỗ trợ của Luật. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. Phẩm 66Điều lợi ích” là thứ nhì.

3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH 1. Giới bổn (Pãtỉmokkhă) được quy định cho các đệ tử bởi đức Như Lai vì hai điều lợi ích: ...(nt).. Sự đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) được quy định ..(nt).. Sự đình chỉ Giới bổn (Pâtỉmokkhd) được quy đinh ...(nt).. Lễ Pavāranā được quy định ...(nt).. Sự đình chỉ lễ Pavāranā được quy định ...(nt).. Hành sự khiên trách được quy định Hành sự chỉ dạy được quy đinh ...(nt).. Hành sự xua đuổi được quy định ...(nt)... Hành sự hòa giải được quy định ...(nt)... Hành sự án treo được quy đinh ...(îìt)... Sự ban cho hình phạt Parỉvãsa được quy định ...(nt).. Sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu được quy định ...(nt).. Sự ban cho hình phạt Mãnatta được quy định ...(nt).. Sự giải tội được quy đinh ..(nt).. Sự nhận vào được quy định ...(nt).. Sự đuổi đi được quy định ...(nt)... Sự tu lên bậc trên được quy định ...(nt).. Hành sự với lời công bố được quy định ...(nt)... Hành sự với lời đề nghị được quy định ...(nt).. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì được quy định ...(nt).. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư được quy định ...(nt). Phẩm ẾÍĐã được quy định59 là thứ ba.

4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH VÈ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH 1. Điều đã được quy định ve điều chưa được quy đinh ...(nt)... Điều đã được quy đinh thêm ở điều đã được quy định ...(nt).. Cách hành xử Luật với sự hiện diện đã được quy đinh ...(nt).. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được quy định ...(nt).. Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được quy định ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đã được quy định ...(nt).. Thuận theo số đông đã được quy định ...(nt).. Theo tội của vi ấy đã được quy đinh ...(nt).. Cách dùng cỏ che lấp đã được quy định nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chiing. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 2. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham việc tran áp những nhân vật ác xấu, nham sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 3. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 4. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nham trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

5. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 6 Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 7. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các pháp bát thiện trong hiện tại, nhăm trừ diệt

các pháp bát thiện trong tương lai. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 8. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 9. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 10. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham sự ton tại của Chánh pháp, nham sự hỗ trợ của Luật. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. Phẩm uĐã được quy đinh về điều chưa được quy đinh55 là thứ tư.

5. PHẨM CHÍN CÁCH TÔNG HỢP 1. Chín cách tổng hợp: Tổng hợp theo sự việc, tổng hợp theo sự hư hỏng, tổng hợp theo tội, tổng hợp theo duyên khởi, tổng hợp theo nhân sự, tổng hợp theo nhóm, tong hợp theo nguồn sanh tội, tong hợp theo sự tranh tụng, tong hợp theo sự dàn xếp. 2. Khi sự tranh tụng sanh khởi, nếu cả hai phe đối địch của sự kiện đều đi đến, sự việc nên được cho công bố đến cả hai bên; sau khi sự việc đã được cho công bố đến cả hai bên, sự thừa nhận của cả hai bên nên được lắng nghe; sau khi đã lắng nghe sự thừa nhận của cả hai bên, cả hai bên nên được nói rằng: “Khi sự tranh tụng này của chúng ta được giải quyết, cả hai bên sẽ được hoan hỷ.” Nếu cả hai bên nói rằng: "Chúng tôi sẽ hoan hy”, hội chúng nên gánh vác sự tranh tụng ấy. Nếu tập thể là có đông kẻ vô liêm sỉ, nên giải quyết bằng đại

biểu. Nếu tập thể là có đông kẻ ngu dốt, nên tìm kiếm vị nắm vững về Luật. Sự tranh tụng ấy được giải quyết bằng Pháp nào, bằng Luật nào, bằng lời dạy nào của bậc Đạo sư thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết theo như thế ấy. Cần hiểu biết về sự việc, cần hiểu biết về thể loại, cần hiểu biết về tên gọi. Cần hiểu biết về tội vi phạm. 3. "Việc đôi lứa” vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājika" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 4. "Lấy vật không được cho" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājika" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 5. "Mạng sông con nguôi" vừa là sự việc, vừa là thê loại. "Pārājikc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 6. 'Tháp thượng nhân,, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājikc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 7. “Sự xuất ra tinh dịch,, vừa là sự việc, vừa là thê loại. "Sanghãdisesâ" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 8. "Sụ* xúc chạm cơ th vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sanghãdisesà" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 9. “Lòi nói thô tục” vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Scừighldisesâ" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 10. “Tinh dục cho bản thân" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesci^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 11. “Sụ* mai mối^, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesā" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 12. "Việc cho xây dựng cốc liêu do tự mình yêu cầu [vật liêu]" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesā" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 13. "Việc cho xây dựng tru xá lớn^, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 14. "Việc bôi nhọ Tỳ-khưu về tội

Pãrặịỉka không có nguyên vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 15. "Việc bôi nhọ ly-khưu về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biêt" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 16. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng,, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "ScừighddisescT vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 17. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các vị Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng]vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sanghãdisesă" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

NẢM PHẦM 1405

18. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Saùghãdisesà" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 19. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là kẻ làm hư hỏng các gia dinh" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. ...(nt). 20. "Việc đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng,5 vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Dukkata" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. Phẩm "Chín cách tổng hợp" là thứ năm.

TÓM LƯỢC NHÓM NẤM PHẨM: 1. Lời công bố, lời đề nghi, thứ nhì ya đến lần thứ tư, sự việc, lời đề nghị, lời tuyên bố, ranh giới và luôn cả tập thể nữa. 2. Hiện diện, sự thẩm vấn, sự thú nhận, vị xứng đáng về Luật, sự việc, hội chúng và cá nhân, [thiếu] lời đe nghị và lời đe nghị sau. 3 Sự việc, hội chúng, nhân sự, sự tuyên bố, sái thời, quá nhỏ và lớn rộng, bị gián đoạn, bóng râm, các điểm mốc. 4. ở bên ngoài, dòng sông, ở biển, ở hồ nước, gối lên, trùm lên ranh giới [cũ], các nhóm bốn và năm. 5. Mười và nhóm hai mươi, không được đem lại và đà được đem lại, các vị thiết yếu với hành sự, các vị xứng đáng gởi tùy thuận, các vị xứng đáng hành sự. 6. Lời công bố có năm trường họp, lời đề nghi có chín trường hợp, lời đề nghị đến lần thứ hai có bảy trường hợp, đến lần thứ tư có bảy trường hợp. 7. Sự tót đẹp, sự an lạc, đôi với các kẻ ác xâu, các vị hiên thiện luôn cả các lậu hoặc, sự oán hận, lôi lâm luôn cả sự sợ hãi, điêu bát thiện và đôi với hàng tại gia. 8. Có ước muốn ác xấu, đối với những người không niềm tin, đã tin tưởng, việc duy trì Chánh pháp luôn cả sự hỗ trợ Luật và việc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). 9. Và về sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha), sự đình chỉ lễ Pavāranā. [hành sự] khiển trách và chỉ dạy9 xua đuổi, hòa giải. 10. Án treo và hình phạt Parỉvãsa, từ ban đầu, hình phạt Mãnatta, việc giải tội, việc nhận vào, việc đuổi đi, tương tợ y như thế là việc tu lên bậc trên. 11. Sự công bô, lời đê nghi, lân thứ nhì, lân thứ tư, điêu chưa được quy định, điều được quy định thêm, cách hành xử Luật với sự hiện diện, sự ghi nhớ.

1406 TẬP YẾU

12. Khi không điên cuồng, được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội, cách dùng cỏ che lấp sự việc, điều hư hỏng, tội vi phạm, duyên khởi với nhân sự. 13. Và luôn cả các nhóm [tội], các nguồn sanh khởi luôn cả sự tranh tụng nữa, các sự dàn xếp luôn cả sự tổng hợp, tên và tội vi phạm là tương tợ. TẬP YẾU ĐƯỢC CHẤM DỨT

1. Sau khi hỏi đường lôi của các vị thây tiên bôi ở nơi này nơi khác, bậc có đại trí tuệ tên là Dīpā, vi ghi nhớ điều đã nghe, có tầm nhìn bao quát. 2. Sau khi suy nghĩ rồi đã cho ghi lại bộ sách này, một cách chi tiết và tóm tắt, đem lại niềm an lạc cho các vi học trò với đường lối học tập về Trung đạo. 3 Tập ấy được gọi là "Tập yếu”với tất cả các sự việc, cùng với điểm đặc biệt, có ý nghĩa theo ý nghĩa ở Chánh pháp, có giáo lý theo giáo lý ở điều quy định. 4. Vi ây đã bao.2trùm lời giáo huân, r như là biên cả bao quanh xứ Jambudīpa, trong khi không hiên được bộ Tập yêu. làm sao xác đinh pháp? 5. Điều hư hỏng, sự việc, điều quy định, điều quy đinh thêm, nhân vật, một [hội chúng] và luôn cả hai phái, việc quy đinh vì thế gian, do lỗi lầm. 6. Đối với vị nào có hoài nghi sanh khởi thì được dứt bỏ nhờ Tập yếu. là vị Chuyên Luân Vương ở đoàn quân vĩ đại, ví như con sư tử giữa bây thú rừng. 7. Là mặt trời tỏa ánh hào quang, giông như mặt trăng ở nơi chòm sao, là vị Phạm thiên nơi tập thể Phạm thiên, tợ như vị lãnh đạo ở giữa tập thể; cũng vậy, Chánh pháp và Luật chói sáng nhờ bộ Tập yếu. -ooOoo—

PHỤ LỤC l QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA Bộ

1. ĐÁNH SÒ THEO PHIÊN BẢN PÂLI TÍCH LAN Các tập luật trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pali Tích nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số các đoạn giữa bản Pali Tích Lan, Chattha Sañgāyana Tipitaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác. 2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pali và bản Hán, bộ Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (ĐCT) được sử 3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT • SỐ DỊCH GIẢ Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su”, “chính niệm,\ "chúng sinh"... đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn su”"chánh niem,\ "chúng sanh".. đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền). 4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả5 dấu chấm câu; đong thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

1408 HỢP PHẦN & TẬP YẾU

4.1. Thuật ngữ, giai vi, giới phẩm, đỉa vi, chức vụ 4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uân, ngũ căn, lục căn, lục độ, thát bảo, thát giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiên, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luān9\ thuyết "Luân hồi tịnh h6a", v.v... 4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành

tố. Ví dụ: tâm (citta), ý {mano), thức (yiññāna), giới (silà), định (samādhī), tuệ (paññā), v.v... 4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tô và giữa chúng có gạch nôi. Ví dụ: na-do-tha, do-tuân5 yêt-ma9 thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v... 4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành r y . r e # tô đâu và giữa chúng có gạch nôi. Ví dụ: Ni-kiên-tử, Xá-lọd-tử, v.v... 4.1.5. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, địa vi, chức vụ, học vi: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại dức, Sư c6, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo9 Ta nhắc các ông ràng.. 4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,... 4.2. Danh từ riêng 4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa du, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Au, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc. 4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiêng nước ngoài: Viêt hoa thành tô đâu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc5 Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già9... 4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dâu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguôn góc từ tiêng nước

ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Co Độc). 4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược “tiếp đầu ngũ•” được viết lại chuẩn mực để không bi phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-da” sửa thành "A-di-dà". 4.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như "dức”"bác", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết. 4.4. Tựa kỉnh và tựa tác phẩm 4.4.1. Tựa kỉnh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Căn bản pháp mônf Kinh Du hành. 4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sưf Kỉnh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chỉ lược. 4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (A Translation of the Dhammasañganī). 5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SÒ TRONG VĂN BẢN 5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. 5.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tan, niệm, đinh, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có

gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (l897-1963). 5.5. Tỉnh lược phân trùng lặp đâu đôi với các con sô chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. 5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú) Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -MA. 276-278 được viết là M, L 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pãli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

-S. L 70 (Samyutta Nikãya, tập I, trang 70).

-Sn. 140 (Suttanỉpãta, trang 140).

. J, I. 389 ựãtaka. tập I, trang 389).

-Vỉn. II. 287 (Vỉnaỵa, tập II, trang 287).

-Vbh. 351 (Vibhañga, trang 351)?

-Kv. 401 (Kathãvatthu, trang 401). -DA. I. 41-2 (Dīghā Nỉkãỵa Atthakathaṃ tập I9 trang 41 đến 42). 6.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ số 10). -Sn. N, 600 (Suttanipāta, kệ số 600). -Thag. v. 1196 (Theragāthā, kệ số 1196). 6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikāya, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), p. 338, note 1. 6.3. Chú thích ten bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh Kỉnh Tham ải (It, L L §1) nghĩa là Kỉnh Tham ải này nằm trong Kinh Phật r A iX 'Ti**! thuyêt như vậy. chương I, phàm L kinh sô 1. Kỉnh Châu bảu (Sn. IL §1) nghĩa là Kinh Châu báu này nằm trong Kinh tập, phẩm II, kinh số 1. Kinh Bãhiya (Ud. I. §10) nghĩa là Kỉnh Bãhỉya này nằm trong Kinh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh số 10. 6.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pâli và tiếng Việt -D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kỉnh Đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pali là Mahāsatipatthāna Sutta, tên tiếng Việt là “Kinh Đại niệm xứy

-D. I. 113, Sonadanda Sutta (Kỉnh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ. tập I, trang 113, Kỉnh Sonadanda Sutta bang tiếng Pali và Kỉnh Chủng Đức bang tiếng Việt. 6.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pali Pali (viết tắt là P), Sanskrit (viết tắt là S), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radiant gods). 6.6. Chú thích theo Hán văn 6.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhỉ kiến kinh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTt tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên;

trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kỉnh n (T.02.0121. 0544b 12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12. 6.6.2. Tên kỉnh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kỉnh và Trung A-hàm kỉnh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT. tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kỉnh, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. Cầu pháp kinh (01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 6.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phân lớne áp dụng e cho cácy bộ° Tạp A-hàmf Biệt dịch Tạp A-hàmf Tăng nhát A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đê cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp. B(r02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kỉnh, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp.ịt (T.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 6.6.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp cú kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp củ kinh "Nê-hoàn phẩm” (T.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa la kinh này thuộc ĐCT, tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp củ kỉnh. “NShoàn phẩm^, thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luân được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập di môn túc luận ,(T.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc DCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-íỳ- đạt-ma Tập di môn túc luân, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 6.6.6. Chú thích hai kỉnh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(r.O2. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh^ 11 là số thứ tự của "Bất di phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến ưang 0567, cột a, dòng 4. ?.(r.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sác và bô túc thêm một sô từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này. Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ Đại Chảnh tạng và Nam truyền Đại tạng kỉnh. Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiêu của các cước chú. vềtừ "P li" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc PãIi (theo hệ thống Moggallãna) đều được sử dụng trong Tam tạng Thảnh điển

Phật giáo Thượng Tọa bộ. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng “Pali.” Đe nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pâ]i" cha dịch giả. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2 TÀI LIỆU THAM KHẢO PẢLI & TIẾNG ANH __ __ 9 __

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PÃLI Añguttara Nikãya, 6 volsed. by Morris, R., Hardy, EHunt, M. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F.(London: PTS, 1885-1910). Añguttara Nikāya Atthakathā {Manorathapūraril), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.). Apadānaṃ 2 volsed. by Lilley, M. E. (London: PTS? 1925-27). Apadāna Atthakathā (Visuddhajanavilāsinī), ed. by Godakumbura, c. E. (London: PTS, 1954). Buddhavamsa. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Buddhavamsa Atthakathaṃ ed. by Homer, L B. (London: PTS, 1946). Cariyāpitaka. ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974). Cariyāpitaka Atthakathaṃ ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939). Cūlaniddesa. ed. by Stede, w. (London: PTS, 1918). Cūlavamsa. ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1925-27). Dhammapadaṃ ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914). Dhammapada Atthakathaṃ 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C,and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906? etc.). Dhammasañganī. ed. by Muller, E, (London: PTS, 1985). Dhammasañganī Commentary, ed. by Muller, E. (London: PTS, 1985). Dīghā Nikāya. 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910). Dīghā Nikāya Atthakathā (Sumañgalavilāsinī), 3 vols.? ed. by Rhys Davids, T. w. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32). Dīpavamsa. ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879). Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889). Itivuttaka Atthakathaṃ 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36). Jātaka. 6 vols., ed. by Fausboll, v. (London: PTS, 1877-96).

1414 HỢP PHÀN & TẬP YẾU

Kathãvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS? 1894-97). Kathāvatthu Atthakathaṃ ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979). Khuddakapātha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915). Mahāvamsa. ed. by Geiger, w. (London: PTS, 1908). Majjhimā Nikāya. 3 vols., ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1888-99). Majjhimā Nikāya Atthakathā (Papañcasūdanī), 5 volsed. by Woods, J. H., Kosambī, D., and Homer, L B. (London: PTS, 1922-38). Mahāniddesa. 2 vols.,ed. by Poussin, L. De La Vallee and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17). Milindapañha - Milỉnda Tikā, ed. by Trenckner, v. (London: PTS, 1880). Nettipakarana. ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902). Niddesa Tikā (Saddhammapcyjotika). 3 volsed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40). Patisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. c. (London: PTS, 1905-07).

Patisambhidāmagga Atthakathā (Saddhammappakāsinī). 3 vols., ed. by Joshi, C. V.(London: PTS J 933-47). Patthāna. ed. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1908). Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888). Vimānavatthu. ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886). Puggalapañ̃ñatti. ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883). PTS, 1914) ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, c. F. o^ndnn:Atthakathaṃ Puggalapañ̃ñatti

Samyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1884-1904). Samyutta Nikāya Atthakathā (Sāratthappakāsiriī), 3 vols., ed. by Woodward, F L. (London: PTS, 1929-37). Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913). Suttanipāta Atthakathā (Paramatthcyotikā II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18). Theragāthā - Therīgāthā. ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883). Theragāthā Atthakathā (Paramatthajotikā V), 3 volsed. by Woodward, F. L. (Lwidon: PTS, 1940-59). Therīgāthā Atthakathā (Paramatthajotikā VI), ed. by Muller, E. (London: PTS, 1893)* Udānaṃ ed. by Steinthal, p. (London: PTS, 1885). ưdāna Atthakathaṃ ed. by Woodward, E L. (London: PTS, 1926). Vinaya Pitaka. 5 volsed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

PHỤ LỤC 2 « 1415

Vibhañga. ed. by Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1904). Vibhañga Atthakathaṃ ed. by Buddhadatta, MahātheraA. p. (London: PTS, 1923). B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1900). Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. w. (London: TrubnerandCo., 1880). Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910). Cūlavamsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, c. Mabel (London: PTS, 1929-30). Dialogues of the Buddhā, tr. by Rhys Davids, T. Wand Mrs. Rhys Davids, C. A. F.(London: PTS, 1899). Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886). Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. s. z. and Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1915). Psalms of the Early Buddhists I - Psalms of the Sisters (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. E (London: PTS, 1909). Psalms of the Early Buddhists II - Psalms of the Brethren (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. (London: PTS, 1913). The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Pitaka), tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1881). The Book of the Kindred Sayings. 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, c. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30). The Book of the Gradual Sayings, 5 vols.,tr. by Woodward, F L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36). The Buddhist Monastic Code (The Pātimokkha Training Rules), tr. and ex. by Thānissaro Bhikkhu (Geoggrey DeGraff) (Copyright Thanissaro Bhikkhu, 1994). The Collection of the Middle Length Sayings. 3 vols., tr. by Homer, L B. (London: PTS, 1954-59). The Jātaka or Stories ofthe Buddha s Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, RRouse, w. H. DFrancis, H. T., Neil, R. A.,Cowell, E. B,and ed. by Cowell E B. (London: PTS?

1895-1913). The Path ofPurity, 3 volstr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31). The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. w. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH Hinuber, Oskar Von, A Handbook of Pãli Literature (Berlin, New York: De Gruyter, 1996). Rhys Davids, c. A. E, A Manual ofBuddhism (London: Sheldon Press, 1932). Rhys Davids, c. A. FBuddhism: A Study of the Buddhist Norm (London: PTS, 1912). Rhys Davids, c. A. E, Buddhism (London: PTS? 1912). Rhys Davids, T. WAmerican Lectures on Buddhism (New York: G. p. Putnam^on, 1896). Rhys Davids, T. WBuddhist India (New York: G. p. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin5 1903). Tāranātha, History ofBuddhism ỉn India, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Warren, Henry Clarke, Buddhism in Translations (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922). Wintemitz, M,A History ofIndian Literature. Vol. II? tr. by Mrs. Ketkar, s. and Miss Kohn, H. (India: University of Calcutta, 1933). Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. w. (London: PTS, 1882, etc.). Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824). D. TỪ ĐIỂN Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953). Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. c. (London: PTS, 1874). A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924). Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols.5 by Malalasekera, G. p. (London: John Murray, 1937-38). Encyclopaedia ofBuddhism. 6 vols., ed. by Malalasekera, G. p., Buswell, R. E, Weeraratne, w. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99). Encyclopedia ofReligion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27). English-Pali Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. p. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955). Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. w. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DAN TIÊNG VIET

A ác giới 295, 882, 884 392,393,410,411,412,413,414,444, ái dục 11, 939, 953, 1247, 1308 445,792,793, 802,803, 885,949,956, A-la-hán 21,23,40 41,43,48,49, 109, 110, 1225, 1262, 1397 122,144,145 169,202,203,223 243 a-tu-la 882, 883, 884, 885

bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác 14, 15, 46, bậc Hiền Sĩ 652 258,301,302,313,519,361,770,977, bậc Hiền Trí 1157 979,980,981,982,984,988,990,992, bậc Hiểu Biết Thế Gian 803 1001, 1030, 1032, 1066, 1067, 1069, bạc Hiểu Pháp 1264 1073, 1081, 1083, 1084, 1085, 1086, bậc Hữu học 83, 940, 941, 1031 1090, 1094, 1142, 1144, 1145, 1367 bậc Hữu Nhãn 939 bậc Bất lai 777 bậc Jina 14 bậc Chánh Đẳng Giác 14, 15, 44, 46, 258, bậc Minh Hạnh Túc 44,312,316 301,302,312,313,316,319,361,711, bậc Nhập lưu 777 747,770, 779,977,979,980,981,982, bậc Nhát lai 777 984 988, 990, 992, 1001, 1030, 1032, bậc nữ Thánh Hữu học 1083 1066, 1067, 1069, 1073, 1081, 1084, bậc

Pháp Chủ 453,461 1085, 1086, 1090, 1094, 1142, 1144, bậc Pháp Vương 877 1145, 1217, 1367 bạc Thánh Hữu học 979,984,990,1032,1057 bậc Chiến Thắng 14, 121, 474, 555, 1273 bậc Thấy Được Sự Thoát Ly 1384 bậc Chiến Thắng Vo Biên 14 bậc Thế Gian Giải 44,312,316 bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên 1177, 1178 bậc Thiên Nhân Sư 44, 312, 316 bậc Đại Hiền Sĩ 446, 756 bậc Thông Hiểu Rộng 11 bậc Đại Hiền Trí 554 bậc Thương Tưởng Tất Cả Chúng Sanh 1157 bạc Đại Hùng 52 bậc Tối Thượng 44, 878, 1157 bậc Đại nhân 962 bậc Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu 312,316 bậc Đạo sư 18, 19, 25, 26, 27, 31, 45, 50, bậc Trí 11,462, 949, 1393 51, 236, 240, 241, 248, 249, 294, 306, bạc Tự Tại 553 313,314,320,405,406,444,654 655, bậc Vô Nhiễm 11 656,677,678,679,686,687,688,691, bậc Vô Thượng Sư 14 692,693,704,771, 809, 820, 821, 822, ba luân 17 830, 835, 837, 838, 839, 840, 841,909, Ba minh 777 912,939,944,953,964,965,966,967, Bát quan trai giới 1256 1087, 1127, 1146, 1150, 1166, 1167, bảy cách dàn p 479,972,973,977,978,982, 1168, 1242, 1243, 1246, 1247, 1297, 983,989,991, 1065, 1066, 1079, 1080, 1305, 1306, 1312, 1315, 1404 1081, 1082, 1140, 1141, 1142, 1153, bậc Giác Ngộ 1293, 1302 1154, 1155, 1169, 1170, 1173, 1174,

1175, 1176, 1178, 1179, 1180, 1181, 991, 1063, 1065, 1066, 1077, 1079, 1182, 1186, 1197, 1199, 1200, 1202, 1080, 1081, 1082, 1086, 1138, 1139, 1203, 1209, 1210, 1243, 1273, 1307 1141, 1142, 1143, 1145, 1152, 1154, bảy nhóm tội 676, 684, 977, 978, 982, 983, 1155 1165 1166, 1173, 1174, 1175, 989, 991, 1063, 1064, 1065, 1066, 1176, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1067, 1069, 1077, 1078, 1079, 1080, 1184,1235, 1275, 1280, 1281, 1282 1081, 1082, 1086, 1139, 1141, 1142, bốn sự thiết lập niệm 885 1143, 1145, 1152, 1154, 1155, 1165, bốn sự tranh tụng 676, 972, 977, 978, 982, 1166, 1173, 1174, 1175, 1176, 1178, 983, 989, 991, 1064, 1065, 1066, 1179, 1180, 1181, 1182, 1208, 1220, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1140, 1223, 1243, 1280, 1281, 1282, 1283, 1141, 1142, 1153, 1154, 1155, 1169, 1284, 1290 1173, 1174, 1175, 1176, 1178, 1179, bảy pháp đưa đến giác ngộ 885 1180, 1181, 1182, 1197, 1206, 1207, bảy vị Chánh Đẳng Giác 711 1208, 1209, 1243, 1277, 1280, 1281, bình bát phụ trội 998, 1048 1282, 1283, 1307 bộ Hợp phần 121, 972, 1157, 1211, 1214 bộ Phân tích 972, 1157, 1177, 1178 bộ Luạt 971, 972, 974, 975, 1221, 1224, bộ Tập yếu 121,971, 1157, 1293, 1406 ' 1269, 1330 bổ thi 22, 25, 26, 27, 31, 45, 90, 97, 240, bốn chánh cần 885 271,284,285,286,287,288,289,290, bốn hành sự 134, 201, 1185, 1243, 1280, 293,305,306,313,314,319,378,382, 1306, 1384, 1385 466,502,759,771, 774,781, 809,820, bộ Nikāya 979, 1084 853, 855, 951, 995, 1013, 1014, 1052, bốn nền tảng của thần thông 885 1242, 1258, 1259, 1261, 1369 bốn pháp dung hòa 1234, 1293 bộ Vi diệu pháp 979, 1084 bốn sự hư hong 977, 978, 982, 983, 989, C cách dùng cỏ che lấp 479, 673, 674, 675, 1297, 1298, 1299, 1302, 1306, 1312, 699, 701, 702, 703, 989, 991, 1065, 1333 1334 1336 1342 1343 1354, 1066, 1079, 1080, 1140, 1141, 1142, 1367, 1390, 1393 1154, 1155, 1170, 1173, 1174, 1175, Cấp Cô Độc 802 1176, 1178, 1179, 1180, 1181 1182, cây Bồ-đề 7, 8 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, cây Jambu 38 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, cây Kakudhā 37 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, cây nimba 189, 265, 367 1203, 1204, 1205, 1210, 1232, 1265, cây Rājāyatana 9, 10 1266, 1278, 1280, 1281, 1282, 1283, cây usĩra 737 1285, 1286, 1288, 1307, 1369, 1399, chánh kiến 82,490, 1254, 1259 1400, 1406

Chánh pháp 5, 52, 482, 652, 756, 833, 834, cảm thọ 43, 97, 387, 388, 1044, 1074, 1231 841, 880, 935, 938, 949, 973, 975, càn-thát-bà 883, 885 979, 980, 984, 990, 1043, 1083, 1084, cận y duyên 1318, 1319, 1320 1157, 1162, 1217, 1223, 1231, 1232, cao tội 491, 492, 498, 499, 500, 511, 512, 1248, 1256, 1267, 1268, 1271, 1274, 520, 521, 522, 528, 530, 532, 538, 1301, 1309 1311, 1335 1358, 1401, 540, 541,550, 551, 552,554, 558, 563, 1403, 1405, 1406 570 929, 937, 972, 1158, 1216, 1217, chấp thủ 21,23,24,26,27,43,242,244,245, 1221, 1224, 1225, 1231, 1234, 1238, 677,679,941,1167, 1168, 1302, 1354 1239, 1257, 1293 1294, 1295, 1296 chúa của chư thiên Sakkā 34, 35, 36, 37

chứng ngộ 10, 11, 14, 15, 16, 17, 30, 44, cõi Tịnh Cư 960 243* 244,246,312,316,656,657,759, cõi Tứ Đại Thiên Vương 18 771,781, 808,884, 885 904,905,949, cỏ kusa 390, 397 1252,1253, 1254, 1255 cỏ muñja 789, 790 chú nguyện dùng chung y 1019, 1054 cô Ni tu tập sự 168, 173,175,176,177, 183, chư Phạt Thế Ton 68, 198, 277, 278, 322, 223, 228, 409, 410, 411, 413, 444 325, 400, 402, 504, 961 445 836, 905, 930, 1019, 1054, 1112, chư Thinh văn 1245, 1347, 1348 1113, 1117, 1118, 1121, 1124, 1135 cỏ babbaja 789, 790 1136, 1137, 1160, 1162, 1296, 1313, cốc liêu 985, 986, 988, 1045, 1071, 1076, 1380, 1383 1159, 1173, 1174, 1175, 1176 1215, cư sĩ 4, 10, 23, 25, 45, 46, 107, 138, 169, 1252, 1370, 1388, 1400, 1404 173,174,175,176,183,184,195,228 cõi chư thiên 44, 312, 316, 1367 241,248,255,256,257,262,283 284 cõi Dạ-ma 18 285,294,295,296,305,313,314,466, cõi Đạo-lợi 18 502, 503,504,554,674,675,702,703 cõi Đẩu-suất 18 720,728,730,731,732,737,771 793 cõi Hóa Lạc 18 812, 813, 820, 821,822, 823, 836, 847, cõi Ma vương 17, 44, 293,316, 1367 876, 881,919,932,936 937,951,952, cõi Phạm thiên 11, 17, 44, 293, 316, 1367 953, 955, 981, 995, 1002, 1004, 1068, cõi Tāvatimsa 296, 300 1235,1256,1296,1313, 1314, 1399 cõi Tha Hóa Tự Tại 18 D danh sắc 7,8,83,1330 dục vọng 882, 884, 1075, 1082, 1088, 1126, dầu cây eranda 1240 1127, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, dạ-xoa Sĩvaka 770 1146, 1147, 1149, 1150, 1151, 1154, dồng Sakyā 44,48,50,90,98,101,102,103, 1256, 1376, 1380, 1392 105,122,190,191,280,312,316,384 du sĩ ngoại đạo 123, 312, 313, 737, 942, 385 386,396 781,785,805,806,807, 998, 1014, 1052, 1102, 1107, 1132, 808, 841,903,907,993 994,995,997, 1133,1392 998, 999, 1000, 1001, 1014, 1015, duyên khởi 121, 480, 481, 943, 1157, 1243, 1016, 1019, 1028, 1157, 1389 1244, 1260, 1287, 1291, 1303, 1305, do-tuần 128, 325, 351, 359, 360, 883, 884, 1315, 1336, 1340, 1341, 1346, 1355, 885, 996, 1047, 1124, 1389, 1391 1357, 1378, 1381, 1388, 1403, 1406 dục ái 16 Đ Đại đức Ajita 964 Đại đức Belatthisīsa 266, 380, 1013 Đại đức Ānanda 96, 97, 98, 99, 114, 259, Đại đức Bhaddiya 18, 808, 809 263,264,266,277,288,296,307,308, Đại đức Bhagu 384,463 309,318,319,320,361,362,370,372, Đại đức Channa 523,533,948,949,986,987, 378,380,382,386,468,481, 513,713, 1005,1007,1018,1023,1071,1073 731,734,744, 808,822,823, 829, 881, Đại đức Cullapanthaka 1008 903,904,906,907,908,940,941,942, Đại đức Dabba Mallaputtā 656, 657, 658, 943,944,946,947,948,949,960,961, 659,661,662,663,730,731,732,986, 1014, 1027 1005, 1072 Đại đức Anuruddha 4, 463, 465, 468, 513, Đại đức Dhaniya 1388 808, 1003 Đại đức Gopaka 384 Đại đức Assaji 19, 48, 49 Đại đức Isibhadda 384

Đại đức Isidâsa 384 Đại đức Upananda 98, 105, 190, 191, 280, Đại đức Kañkhārevata 276 384,385,386,781, 782,785,786,955, Đại đức Kimbila 463, 464, 465 993 994, 995, 997, 998, 999, 1000, Đại đức Kondañña 18 1014, 1015, 1016, 1019, 1028 Đại đức Kumârakassapa 114 Đại đức Upasena 67, 68 Đại đức Mahãcunda 468, 513 Đại đức Uruvelakassapa 41, 42, 44, 45, 752 Đại đức Mahākaccāna 468, 513 Đại đức Uttara 960, 961 Đại đức Mahākaccāyana 257, 258, 259, Đại đức Vappa 18 260, 262 Đại đức Vāsabhagāmika 963 Đại đức Mahâkappina 127, 128, 468, 513 Đại đức Yasa 25, 26, 27, 951, 952, 955, 956, Đại đức Mahâkassapa 114, 131, 381, 468, 957, 959, 963 939, 940, 941,942, 943,944 Đại đức Yasoja 309 Đại đức Mahākotthika 513 đại Pháp sư 980, 1084 Đại đức Mahākotthita 468 Đại Thiên vương 10, 34 Đại đức Mahāmoggallāna 281, 468, 513, đấng Bi Man 756 712, 749, 8li831, 881, 882 đấng Chánh Biến Tri 11 Đại đức Mahânãma 19 đấng Chánh Đẳng Giác 319, 747, 779 Đại đức Nandā 1029 đấng Chiến Thắng 345, 444, 445, 475, Đại đức Nandiya 463, 464, 465 553, 554, 801, 880, 900, 938 949, Đại đức Nīlavāsī 384 1384,1390 Đại đức Phaịikasandâna 384 đấng Chiến Thắng Tối Thượng 555 Đại đức Pilindivaccha 268, 270, 271, 272, đấng Đại Hùng 878, 1085, 1157, 1264 273, 274, 275 đấng Hiền Sĩ 396 Đại đức Pindolabhāradvāja 712, 713 đấng Lãnh Đạo 802 Đại đức Purāna 481, 946 đấng Như Lai 68, 102, 198, 277, 321, 322, Đại đức Râhula 468, 513 363, 375, 834, 1402, 1403 Đại đức Revata 393, 397, 468, 513, 956, đấng Pháp vương 1162 957, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 968 đấng Phúc Lợi Cua Thế Gian 1177, 1178 Đại đức Sabbakāmī 961, 962, 963, 964 đấng Sư Tử 1157 Đại đức Sâgata 239, 240, 1017 đấng Thập Lực 47 Đại đức Sāiha 959, 960, 963 đấng Thập Trú 47 Đại đức Sambhūta Sānavāsī 955, 956, 957, đấng Toàn Giác 444, 445, 901, 949, 1032, 961,962, 963 1126,1271 Đại đức Sānavāsī 384 đấng Toàn Tri 121,803 Đại đức Sāriputta 64, 102, 103, 281, 372, đẳng vô gián duyên 1318, 1319 • 393,467,470,513,749,775,776,779, đạo hữu 13, 14, 48, 49, 50, 104, 105, 140, 816,817, 830,831,832, 848 173,190,204,248,254,255,280,281, Đại đức Seyyasaka 493, 495, 982, 1069 289,290,319,361,463,502,503,504, Đại đức Sudhamma 513, 514, 515, 520, 521 729,730 731,732, 819, 820, 821, 822, Đại đức Sumanā 963 828,939 951,952,953,954 955,995, Đại đức Udāyi 138, 579, 582, 586, 598, 914, 1044, 1049,1075,1179, 1271, 1380 984, 985, 988, 990, 993, 1003, 1009, đảo Jambu 38, 979, 980, 1067, 1070, 1083, 1010, 1020, 1070, 1071 1084, 1145 Đại đức Ujjasobhita 963 đạo sĩ 13, 14, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, Đại đức Upāli 106, 108, 417, 468, 472, 473, 39, 40,41, 42, 44, 46, 47,51,90, 121, 513,561,573,786,835, 895,941,942 122,3 i 6,317,318,324,374,376 939 1109, 1257, 1329 1014, 1030, 1052,1160, 1269

đảo Tambapanni 652, 974, 980, 1068, 1070, 104,105,106,107,108,109,110,111, 1084, 1145 112, 113,114, 115,118, 120, 123, 124, đầu-đà 558, 564, 567, 571, 575, 1240 126,127,128,129,130,131,132,134, đậu māsā 316 135,136,137,138,139,140,141,142, đậu muggā 272, 276, 277, 316, 324 143,145,146,147,148,149,150,151, địa ngục Avīci 834 152,153,171,172,173,177,183,184, điều học 68, 83, 86,103, 104,122,124,131, 185,187,188,189,190,191,198,199, 181,182,198,277,322,445,481,688,

200,201,202,203,204,205,206,207, 689,735,849,884,898,900,909,915, 208,223,224,225 231,232,234,235, 943, 944, 945, 949, 955, 971, 972, 239 240,241,242,243,246,247,248, 973 979, 983, 990, 1023, 1055, 1074, 249,250,251,252,253,254,255,256, 1083, 1126, 1149, 1157, 1158, 1159, 257,258,259,260,263,264 265,266, 1161, 1238, 1240, 1243, 1244, 1249, 267,268,269,270,271,272,273,275, 1250, 1251, 1252, 1254, 1255, 1256, 276,277,278,279,280,281,282,283, 1257 1258, 1259, 1261 1262, 1263, 284,285,286,287,288,289,290,291, 1267, 1269, 1270, 1272, 1273, 1274, 292,293,294,295,296,297,298,299, 1293, 1302, 1303, 1326, 1330, 1338, 300,301,302,305,306 307,308 309 1343, 1345, 1358, 1359, 1375, 1376, 312 313 314 315 316 317 318 319 1377, 1378, 1379 1380 1381 1382 320,321,322,323 325 326 361,362, 1388,1393, 1400, 1401 363 364,365 366,367,368,369,370, đồ chúng 68,123,1305, 1311, 1315 371,372,373,374,375,377,378,379, đồng cộng trú 128, 131, 132, 133, 170, 236, 380,381,382,383,384,385,386 387, 410, 411, 412, 413, 452, 559, 560, 388,389,390,391 392 394 400,401, 561, 564, 565, 568, 569, 571, 572, 402,403,405,417,422,448,449,450, 575, 836, lin, 1134, 1217, 1219, 451,452,453 461,462,463,464,465, 1223, 1238, 1274, 1338, 1339, 1366, 466,467,468,469,470,471,472,473, 1377,1387,1393 480,481,483,484,491,493,494,499, đồng sanh duyên 1319, 1320 502, 503,504,505,511,515, 520, 521, động Sappasondika 658 523,529,533,539, 542,543,544,545 đức Như Lai i o, 11, 49, 50, 52, 319, 362, 546,550,557, 561, 562,566,570,573, 396,444,467,468,469,756,773,779, 574, 579 580,582,583 585,586,587, 823 824, 825, 836, 837, 839, 840, 841, 589, 591, 592,595,598, 599,602,603, 885,886,903,904,905,906,908,935, 604,605,609,610,612,619,624,627, 945, 1043, 1162, 1169, 1226, 1307, 653,656,657,660,661,662,664,667, 1308, 1309, 1310, 1367, 1402 669,670,673,676,693 705,706,707, đức Phật Gotama 1270 708,709,710,711,713,714,715,716, đức Phật Thế Tôn 7,123,171,197,239,263, 717,718,719,720,721, 722,723, 725, 325,349,399,447,483, 523,533,542, 726, 727, 728,729,730,731 732,733, 579,653,656, 705, 748,757, 805, 843, 734 735,736,737,738,739,740,741, 881,903, 1329 742,743 744 745,746, 747,748,749, đức Thế Tôn 3,7, 8, 9,10,11, 12,13, 14, 15, 750,752,753,757,758,759,760,761 16, 18, 19, 21, 22,23,24, 25,26,27, 762,763,764,765,766,767,768,770, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 771,772,773,774,775,776,777,779 38 39 40, 41, 42, 44, 45 46 47, 48, 780,781,782,783,784,785, 786,787, 50, 51, 52, 53, 54, 62, 63, 64, 65, 66, 788, 789,790,791, 792,793, 794,795, 67, 68, 69, 70, 78, 79, 80, 87, 91, 92, 796,797,798,799,800,805,808,809, 93, 94, 95, 97, 98, 99, 101, 102, 103, 810,811,813,814,815,816,817,818,

1422 HỢP PHÀN & TẬP YẾU

819, 820, 821,822, 823, 825, 826, 827, 935,939,940,941,943,944, 945,946, 828,829, 830,831,832 835,843 846, 951,952,953 954,955,960,977,979, 847, 848, 849 852, 854, 856,858, 859, 980,981,982,983,984 988,990,992, 860,861,865 868,872,881,882,886, 1001, 1030, 1032, 1066, 1067, 1068, 887,895,898,903 904,905,906,907, 1069, 1073, 1081, 1083, 1084, 1085, 908,909,910 911,912,913,914,915, 1086, 1090, 1094, 1142, 1144, 1145, 916,917,918,919,920,921,922,923, 1197, 1224, 1329, 1343, 1381 924,927 928,929,930,932,933,934,

giác ngộ 8,9,16,17,121,298,885,1259,1441 giáo huấn 18, 19, 26, 27, 44, 52, 58, 68, 69, giải tọi 57, 61, 73, 77, 178, 180, 409, 412, 74, 103 243, 387, 777, 778, 830, 831, 418,419,420,421,422,423,444,445 835, 837, 838, 839, 840, 841, 865, 873, 479,493 494,495,561,566,569,573 880,909,1242,1246,1247,1354,1406 574,575,576,577,581,582, 585,586, giáo pháp 3,10,11,12,13,14,15,18,19,22, 595,596,597,605,607,608,609,629, 23,25,26,27,28,31,44,45,46,49,50, 630,640,644,645,646,647,648,649, 68, 69, 87, 92, 107, 108, 12Ì, 169, 190, 650,651,779,864, 867, 871, 875,879, 198,241, 294, 306, 313,314, 320, 465, 972, 1232, 1265, 1266, 1297, 1298, 475, 771, 786, 815, 820, 821, 822, 830, 1366, 1387, 1395 1400, 1402, 1405 831, 900, 938, 954, 979, 980, 1084, giảng đường Kūtāgāra 301,722,774,903,951 1274,1275, 1299, 1302, 1338, 1347 giáo giới 554, 905, 913, 914, 915, 916, 917, giới hạnh 92, 95 107, 108, 473, 688, 1235, 936, 1007, 1008, 1009, 1030, 1050, 1239, 1345 1051, 1111, 1124, 1134, 1158, 1161, giới luật của bậc Thánh 820 1238, 1256, 1257, 1265, 1266, 1270, 1332,1352,1377, 1378, 1382, 1400 H hạ huyền 233, 1225, 1226, 1231, 1309 1180,1181,1182,1184,1186,1187,1188, hai mươi bốn pháp chướng ngại 923, 937 1189,1190,1191,1192 1193,1194 1195 hang Sattapanna 658 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, hạnh khất thực 956 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1210, hanh sự khiển trách 4, 57, 61, 73, 74, 77, 1231, 1265, 1266, 1278, 1280, 1281, 1*79,180,417,418,419,420,421,422, 1282, 1283, 1285, 1286, 1288, 1307, 423,424,425,426,427,429,430,431, 1395,1402,1405 432,435,436,439,440,446,479,484, hậu sanh duyên 1319, 1320 485,486,487,488,489,490,491,492, hẻm núi Gotama 658 493,521,553,554,555,653,667,668, hẻm núi Tapoda 658 671, 864, 867, 871, 875, 1227, 1242, hẻm núi Tinduka 658 1249, 1252, 1265, 1266, 1395, 1400 hình phạt Phạm thiên 946,948,949,950,1399 hành trì 199 hỏa giới 658 hành xứ 121, 1252, 1345 hoàntục 63,66,69,79,80,91,104,106,120, hành xử Luật 417,418,419,420,421,422,423, 144,145,146,202,203,392,466, 511, 445, 479, 654, 655, 656, 662, 663, 664, 550,627,628,629,631,632,633,634, 665, 666, 667, 685, 686, 688, 689, 690, 635 636 637 638 639 640,641,642, 691, 694, 695, 696, 697, 699, 700, 701, 652, 792, 793, 802, 803, 933, 1241 703, 704, 989, 991, 1065, 1066, 1079, hữu ái 16 1080,1140,1141,1142,1153,1154,1155 hữu biên kiến 82,490, 1259, 1295, 1313 1170,1173,1174,1175,1176,1178,1179, Hy-mã-lạp sơn 777

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT 1423

K khất thực 19,36,48,49,52,53,55,58,59,64, khẩu nghiệp 452, 453,464, 1168 66, 67, 69, 70, 71, 74, 75, 96, 97, 111 khe núi Kẻ Cướp 658 118, 140, 185, 197, 198, 199, 248, 274, khinh an 377,378 280, 286, 287, 325 363, 376, 382, 399, khổ, tập, diệt, đạo 22,25,26,27,31,45,240, 401,462, 463 464,465,466,480, 502, 293, 306, 313, 314, 319, 771, 820 504, 558, 564, 567, 571, 575, 712, 716 khổ uẩn 7, 8 717 720, 740, 743, 744, 825, 827, 828, kiết-già 7, 8, 9, 32, 239, 459, 934, 937 829, 844, 846, 851, 852, 853, 862, 865, kinh hành 22, 40, 107, 164, 174, 175, 176, 866, 869, 872, 873, 875, 876, 877, 878, 219,241,242,248,249,250,561, 565, 879 880, 920, 940, 955, 956, 1014, 566, 569,572,573 575, 576,722,723, 1037, 1038, 1039, 1043, 1052, 1060, 754, 770, 771,774,822, 857 12401245, 1248, 1270, 1348, 1381

lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não 7 1313, 1314, 1329, 1332, 1348, 1349, lậu hoặc 14, 21, 23,24, 26, 27, 43, 242, 243, ~ 1359, 1387, 1395, 1399, 1402, 1405 244, 662, 759, 781, 833, 834, 906, lễ Uposatha 3, 124, 127, 128, 129, 130, 131, 941, 979, 984, 990, 1083, 1222, 1223, 132, 133, 134, 139, 140, 141, 142 143 1224, 1252, 1253, 1254, 1255, 1267 144, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 153, 1268, 1401, 1402, 1405 154, 155 156, 157, 158, 159, 160 161 lễ Pavāranā 3, 192, 193, 200, 201, 202, 203, 162, 163, 164, 165 166, 167, 168, 169, 204,205,206,207,208,209,210,211, 191, 192, 193, 194, 195, 233 235, 249, 212,213,214,215,216,217,218,219, 449, 450, 451, 452, 472, 491, 492, 498, 220,221,222,223,224,225,226,227, 499, 500,511, 512, 520, 521, 522, 528, 229,230,231,232,233,234,235,236, 530, 532, 538 540, 541, 550, 551, 554, 237,325 326,409,450,451,491,492, 558, 563, 567, 570, 571, 574, 576, 793, 498,499, 500,511,512, 520, 521, 522, 829, 836 837, 886 900, 905, 914, 929, 528,530, 532 538, 540,541,550, 551, 937,951,958,965,968,972, lin, 1134, 554, 558, 563,567, 570,571, 574, 576, 1157, 1211, 1214, 1219, 1223, 1226, 785, 836, 837, 905, 927, 928, 929, 1229, 1230, 1232, 1238, 1245, 1246, 935 937, 972,1111,1124,1134, 1159, 1247, 1248, 1257, 1267, 1269, 1272, 1211, 1213, 1214, 1219, 1225, 1226, 1273, 1296, 1299, 1329, 1348, 1349, 1229, 1230, 1232, 1245, 1246, 1247, 1359,1381,1382,1387, 1395,1399 1248, 1252, 1257, 1268, 1273, 1312, Luật Đại phẩm 1268 M minh sát 759, 781, 803 mười hai thể 17 N năm lực 885 ngài Sāriputta 131, 775 năm quyền 885 ngài Upâli 973 ngài Ānanda 288, 308, 319, 320, 361, 904, ngã mạn 808, 1258, 1259 947, 948 ngày úposatha 67, 118, 126, 130, 135, 169, ngài Anuruddha 1225, 1381 170, 881, 886, 891, 892, 893, 894, ngài Devadatta 817 895, 900, 951, 1238, 1256, 1395 ngài Mahinda 973, 979 nghiệp vô gián 822, 1216, 1240, 1390 ngài Moggalliputtatissa 979 ngũ dục 10

người chưa tu lên bậc trên 1002,1003,1004, nhị thiền 126, 777 1049, 1174, 1175, 1180, 1218, 1225, Ni sư tế độ 923, 924, 925, 926, 927, 931, 1280, 1369 932,937,1114, 1135, 1158 nguyên cáo 480,891, 892, 893, 1342, 1343 Ni viện 921,936,1008,1051 1158,1160,1387 nhãn giới 245 nùi Kitā 483 nhân vật Tối Cao 553 nữ thiện nhân phàm phu 1083

Phạm hạnh 8, 14, 15, 18, 19, 21, 24, 26, 27, pháp thiền 119, 1231 3Ì, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 50, 51, 83, pháp thượng nhân 15, 240, 261, 275, 713, 86, 88, 89,92,93,94,95,97,103,105, 942, 981, 1003, 1004, 1044, 1048, 107,108,127,136,186,225,228,241, 1049, 1068, 1075, 1158, 1162, 1175, 243,244,257,297,312,377,464,689, 1179, 1217, 1218, 1241, 1269, 1271, 778, 809, 882, 884, 891, 892, 893, 1378, 1380, 1390 897, 901, 906, 907, 949, 1099, 1131, Pháp và Luật 25, 26, 49, 50, 54, 66, 70, 87, 1168, 1169, 1230, 1236, 1247, 1251, 88, 1Ó7, 249, 319, 371, 372, 461, 470, 1253, 1302, 1308, 1330, 1331, 1342, 480, 747, 774, 778, 884, 885, 886 1343, 1345 900, 903, 904, 905, 906 907, 940, Phạm thiên Sahampati 11, 12, 35 941, 945, 946, 949, 959, 962, 963, phẩm vị A-la-hán 377, 656, 904, 905, 949, 1163, 1226, 1256 962,1264 Phật nhãn 12 pháp của vị đi khất thực 996 phi hữu ái 16 pháp của vị ở trong rừng 996 phi Luật 467, 468, 469, 836, 839, 840, 940, pháp của vị sử dụng y painsukūla 996 952, 953, 955, 956, 959, 1169, 1307, pháp giải thoát 119 1308, 1309, 1310, 1360, 1361, 1362, pháp hữu vi 939 1363, 1364 pháp nhãn 18, 19, 22, 25, 27, 31, 45, 49, phi

Pháp 467, 468, 469, 836, 837, 838, 839, 50, 241, 293, 306, 313, 314, 320, 771, 840, 940,949,952,953,955, 956, 959, 820,831,1157 1169, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, pháp Sa-môn 53, 68, 277, 282, 322, 390, 1312,1360,1361,1362, 1363, 1364 391, 402, 403, 484, 494, 515, 653, phước báu 4, 242, 290, 291, 378, 480, 658, 705 7,13, 721 758, 829, 837, 1242, 1248, 1441 pháp siêu thế 1231 phước xá 1011, 1030, 1051,1160 Q quả Bất lai 885, 906 quả vị Bất lai 377, 904, 905 quả Nhập lưu 808, 885, 906 quả vị Chánh đẳng giác 7 quả Nhát lai 885, 906 quả vị Nhập lưu 377, 684, 904, 905 quả vị A-la-hán 40,41, 48, 49, 243 quả VỊ Nhát lai 377,904,905 R rừng Andhavana 382, 396 rừng Jātiyā 251, 312 rừng Bhesakalã 733

Sa-di Kandaka 1023 819, 822, 824, 825, 826, 827, 828, Sa-di Kantaka 122 829, 830, 939, 944 Sa-môn Gotama 14, 44, 51, 297, 301, 302, Sa-môn Thích tử 52, 66, 70, 90, 91, 92, 93, 303,304,305,306 312,313,316,734, 94, 95, 96, 97, 98, 105, 106, 107, 108, 124, 140, 171, 172, 251, 253, 275,

286, 391, 452, 705, 706, 709, 710, sông Aciravatī 253, 377, 1018 717, 740, 743, 748, 775, 781, 817, sông Gañgā 298 826, 828, 848, 885, 944, 948, 951, sông Vaggumudā 942, 981, 1004, 1068 953, 954, 955 sơ thiền 126, 777 sân hận 11, 244, 245, 366, 367, 368, 450, sự hư hỏng ve giới 227, 295, 528, 530, 531, 451, 669, 691, 784, 795, 796, 797, 538 540, 541, 662, 663, 676, 680, 798, 800, 810, 898, 899, 901, 1225, 681, 682, 683 694, 731, 732, 887, 1278, 1294, 1297, 1298, 1301, 1302, 888, 889, 890, 893, 894, 900, 901, 1305, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 978, 983, 989, 991, 1063, 1065, 1067, 1315 1337 1343 1354 1355, 1357, 1069, 1077, 1079, 1082, 1086, 1138, 1358,1364, 1365 1141, 1143, 1145, 1152, 1154, 1173, Sát-đế-lỵ 295 1174, 1175, 1176, 1178, 1180, 1181, sáu loại y 365, 1258 1182, 1207, 1234, 1271, 1281, 1282, sáu nguồn sanh tội 680, 971, 977, 978, 980, 1284, 1289, 1294, 1295, 1305, 1312, 981,982,983,984,985,986,987,988, 1313,1314 989,991,992,993,994,995,996,997, sự hư hỏng về hạnh kiểm 227,528,530,531, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 538, 540 541, 676, 680, 681, 682, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 683, 887, 888, 889 890, 894, 989, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 991, 1063, 1065, 1066, 1077, 1079, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1080, 1126, 1138, 1139, 1141, 1142, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1149, 1152, 1154, 1155, 1166, 1173, 1028, 1029, 1031, 1032, 1033 1034, 1174, 1175, 1176, 1178, 1179, 1180, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1181, 1182, 1207, 1234, 1235 1271, 1041, 1042, 1064, 1065, 1066, 1067, 1280, 1281, 1282, 1284, 1289, 1295, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1305, 1312, 1313, 1314 1074, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, sự hư hỏng về nuôi mạng 528, 530, 531, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 538, 540, 541, 676, 680, 681, 682, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 684, 888, 889, 1166, 1207, 1234, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, noi, 1271, 1284, 1289, 1305, 1314 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, sự hư hỏng về tri kiến 227, 528, 530, 531, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 538, 540, 541, 676, 680, 681, 682, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 683, 888, 889, 890, 895, 900, 901, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1166, 1207 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, sườn núi Isigili 658 1145, 1146, 1147, 1148 1149 1153, sườn núi Vebhãra 658 1154, 1155, 1157, 1159, 1165, 1166, sự thành tựu

4,295,296, 327, 346,446, 811, 1173, 1174, 1175, 1176, 1178, 1179, 977, 979, 982, 983, 990, 1081, 1083, 1180, 1181, 1182, 1185, 1215, 1249, 1217, 1219, 1223, 1241, 1317, 1318, 1280, 1281, 1282, 1283, 1370, 1372 1319 1320 1322 1323 1324 1325 sáu pháp 905,1112,1113, 1114, 1115,1116, 1327, 1350, 1383, 1385 1124, 1135, 1168, 1169 sự thực hành 15, 16, 17, 87, 298, 387, 573, sáu thắng trí 777 677, 678, 679, 884, 949, 977, 979, sáu xứ 7, 8 982, 983, 990, 1081, 1083, 1166 sở hành 66, 90, 91, 96, 106, 226, 227, 509, 1167, 1168, 1243, 1249, 1251, 1257, 510, 553, 555, 657, 828, 882, 884, 1259, 1260, 1266, 1275, 1381, 1392 897, 901, 1342, 1344, 1346, 1349, sự tịch diệt 11 1352, 1381

sự tranh tụng liên quan đến khiển trách 479, 1154, 1155, 1169, 1173, 1174, 1175, 676, 678, 679, 680, 681, 682, 683 1176, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 684, 685, 694, 695, 697, 1169, 1183, 1183, 1185, 1186, 1187, 1188, 1194, 1184, 1186, 1187, 1188 1198 1199, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1204, 1200, 1201, 1202, 1204, 1205, 1206, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1207, 1208, 1209, 1210, 1235, 1243, 1235, 1243, 1277, 1280, 1281, 1282, 1277, 1280, 1281, 1283 1284 1290, 1283, 1284, 1289, 1291, 1307 1291, 1307 sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi 676, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ 479, 681*683,685,1169,1183,1184,1193 676* 677, 681, 682, 683, 684, 685, 1194, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1169, 1183, 1185, 1186, 1187, 1188, 1205, 1206, 1235, 1243, 1277, 1278, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1204, 1279, 1280, 1283, 1289, 1291 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, sự việc thứ tám 967,1085,1127,1144,1150, 1235, 1243, 1277, 1280, 1281, 1282, 1216, 1256,1257 1283 1284, 1289, 1290, 1307 sự xả lời nguyện 1019,1054 sự tranh tụng liên quan đến tội 479,676,680, suy tầm 10, lì, 28, 29, 36, 37, 44, 45, 123, 682,683,684,685,699,701,978,983, 124,127,240,242,257,258,263,307, 989, 991, 1064, 1065, 1066, 1078, 362,465,466, 656, 657, 810, 959, 960 1080, 1082, 1140, 1141, 1142, 1153,

tác ý 30, 899, 900, 1338, 1339, 1343 tảng đá Đen 658 tà kiến 57, 61, 73, 83, 86, 178, 180, 181, tạng Luật 3, 83, 479, 756, 971, 972, 973, 182,227, 555,1159, 1167, 1168,1226, 979, 984, 1068, 1070, 1084, 1086, 1231, 1251, 1253, 1259, 1295, 1308, 1143,1145, 1330 13131331,1332, 1333, 1380 tăng thượng giới 82, 85, 88, 89, 99, 101, tà kiến ác 120, 121, 144, 145, 168, 202, 203, 252, 475, 489, 490, 497, 498, 509, 223,392,393,410,411,413,415,416, 510, 527, 537, 549, 554, 672, 1229, 417 428,429,434 435 439,443,452, 1232, 1250, 1251, 1330, 1331, 1332 479,542,543,544, 545, 546,547,548, tăng thượng Giới bổn 977, 978, 982, 983, 549, 550, 551, 552, 553,559,628,629, 989,1081, 1082, 1083 792, 793, 1022, 1055, 1150, 1179, tăng thượng hạnh 82, 85, 99, 101, 489, 490, 1182, 1219, 1228, 1233, 1242, 1249, 497, 498, 509, 510, 527, 537, 549, 1252, 1282, 1380, 1381 554, 672, 1229, 1250, 1331 tà mạng 953 tăng thượng tâm 88, 89, 252, 1330, 1331 tâm bất thiện 681,682, 1225, 1369 tăng thượng tuệ 88, 89, 252, 1331 tâm hướng thượng 1369 tham ái 7, 13 43, 45, 244, 245, 909, 953, tam quy 64, 102 1258, 1259 Tam tạng 5, 480, 481, 482, 949, 974, 975, tháng Āsālhā 785, 1226 979, 980, 1042, 1084, 1157, 1441 tháng Kattika 194, 195, 234, 235, 236 tam thiền 126, 777 Thắng luật 83, 86, 977, 978, 982, 983, 989, tám trọng pháp 905,906,907,908,914,927, 1081, 1082, 1251, 1330 935,1225, 1390 Thắng pháp 83, 86, 1251, 1330 tâm từ 63 388,711, 825, 897, 898,899,901, thắng tam

1252, 1253, 1254 962, 968, 1264, 1294, 1297, 1298, thắng trí 14, 15, 16, 44, 243, 312, 316, 777, 1301, 1342, 1343 949, 1252, 1253, 1254, 1255, 1441 tâm vô ký 681, 682, 683, 1225, 1369 thành ÂỊavĩ 985, 995, 1003, 1004, 1007, 1071, 1269, 1270

thành Bārānasī 13, 14, 25, 26, 30, 250, 251, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1269, 283,287,357,373,453,454,456,457, 1270, 1329 460, 1389 thành Takkasilâ 396 thành Bhaddiya 251, 253 thành Vesālī 299, 302, 307, 312, 349, 371, Thánh đạo tám chi phần 16 373, 720, 722, 733, 774, 775, 903, Thánh đạo tám ngành 885 951, 952, 956, 959, 962, 968, 981, thành Kapilavatthu 101, 103,903, 1270 992, 995, 1003, 1011, 1013, 1014, thành Kosambī 4, 360, 462, 555, 810, 1067, 1068,1109, 1261, 1269 1269,1270 thành Vesālī 1261 Thánh pháp 906 thân nghiệp 452, 453, 464, 1168 thành Rājagaha 44, 46, 47, 48, 49, 64, 66, thất niệm 831 96, 98, 99, 101, 123, 130, 131, 139, thí chủ 4, 173, 195, 283, 326, 327, 480, 515, 140, 171, 173, 239, 248, 250, 272, 516, 740, 759, 781, 853, 855, 1317, 276, 277, 278, 281, 282, 283, 291, 1318,1323,1339, 1381 294, 312, 349, 350, 352, 354, 355 thiền định 250, 709, 759, 781, 1169 357, 358, 360, 363, 370, 371, 373, thiên nhãn 13, 296, 808, 1253, 1254 384, 395, 396, 479 705, 709, 712, Thiện Thệ 11, 28, 30, 44, 47, 289, 312, 316, 713, 720, 757, 758, 759, 762, 769, 362, 378, 554, 676, 678, 686, 734, 772, 773, 774, 795, 810, 813, 814, 748, 773, 801, 825, 835 939 945, 815, 816, 817, 818, 824, 825, 828, 953, 996, 1029, 1030, 1047, 1057 829, 940, 946, 953, 955, 964, 980, 1159, 1207, 1240, 1249, 1258, 1274, 986, 987, 993, 997, 999, 1005, 1010, 1391, 1392, 1408, 1409 1011, 1013, 1015, 1019, 1021, 1026, thiền tịnh 10, 28, 29, 47, 48, 123, 124, 127, 1031, 1068, 1072, 1073, 1096, 1105, 242, 257, 258, 263, 307, 465, 656, 1106, 1118, 1269 657, 773,810, 959 thành Sāvatthi 103, 109, 173, 190, 197, 198, thiên từ Kakudhā 811,841 253,254,259,263,276,281,282,322, thọ khổ 97, 144, 145, 202, 203, 387, 388, 325,373,466,467,468,469,470,474, 392, 413, 445, 627, 628, 629, 635, 483, 502, 504,553, 554, 736, 746, 773, 640, 641, 792, 793, 802, 803, 1044, 775, 780, 785,787, 789, 843,912,921, 1074, 1225, 1383, 1391 936,952,982,984,985,987,988, 990, thọ trì 107, 181, 182, 199, 558, 562, 564, 992, 993, 994,995,996 997,998,999, 567, 571, 573, 575, 576, 688, 778 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 828, 830, 944, 979, 983 990, 996 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1083, 1218, 1223, 1252, 1254, 1345 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, thượng huyền 1225, 1226, 1311 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, thượng y ii, 29,45, 54, 65, 70, 87, 102, 115, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 116,144,145,148,149,150,200,202, 1031, 1032, 1034, 1035, 1036, 1037, 205, 206, 207, 260, 284, 327, 371, 1038, 1039, 1041, 1042, 1069, 1070, 372, 373, 382, 383, 402, 455, 473 1071, 1073, 1074, 1081, 1084, 1085, 492, 500, 512, 521, 522, 532, 541, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 552, 562, 573, 579, 581, 582, 583, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 585, 586, 589, 591, 592, 599, 605, 1098, 1099, 1100, HOI, 1102, 1103, 612, 662, 664, 694, 696, 699, 700, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 701, 732, 738, 739, 815, 861, 868, 1110, lin, 1112, 1113, 1114, 1115, 881, 910, 911, 915, 923, 925, 926, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 928, 930, 937, 947, 948, noi, 1317, 1122 1123 1124 1125 1142 1143 1318,1319,1321, 1322, 1324, 1367

tiền sanh duyên 1318, 1319, 1320 Tỳ-khưu hiền thiện 121, 136, 137, 138, tiếp độ 1087, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 225, 399, 400, 826, 979, 984, 990, 1117, 1118, 1119, 1124, 1127, 1134 1002, 1231, 1238, 1267, 1268, 1302, 1135, 1136, 1145, 1146, 1150, 1159, 1401, 1402 1160,1162, 1262 Tỳ-khưu Kassapagotta 399, 400, 401 tỉnh giác 378,379, 831,939 Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka 505, tỉnh thức 661, 730 506, 510, 511, 789, 790, 988, 1073 trai phạn 66, 279, 284, 288, 297, 306, 308, Tỳ-khưu nhóm Lục Sư 105, 113, 127, 136, 313, 315, 317, 374, 710, 740, 758, 137, 138, 172, 200, 225, 246, 247, 771, 772, 780, 781, 795, 848, 1015, 248, 250, 251, 253, 254, 255, 256, 1016, 1053 268, 269, 270, 283, 368, 370, 372, trạng thái không 962 391, 405, 653, 667, 705, 706, 707, tri kiến cực đoan 82, 85, 99, 101, 227, 490, 708, 709, 710, 714, 717, 719, 728, 497, 498, 509,510, 527, 537, 549 729 737, 741, 742, 743, 744, 745, tri kiến đúng Pháp 1184 746, 747, 748, 751, 762, 764, 775, tri kiến sai Pháp 1184 776, 779, 782, 783, 795, 849, 856, trung đạo 16 858, 860, 886, 887, 912, 913, 992, Trưởng lão Deva 980, 1084 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, Trưởng lão Nāgā 980, 1084 1001, 1002, 1004, 1006, 1008, 1009, Trưởng lão Sīva 980, 1084 1010, 1011, 1013, 1016, 1017, 1018, Trưởng lão Tissa 980, 1084 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, trú xá 54, 56, 60, 72, 76, 107, 118, 129, 131, 1026, 1027, 1028, 1029, 1031, 1032, 173, 174, 175, 176, 184, 185, 191, 192, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 193, 194, 195, 240, 242, 254, 255, 256, 1039, 1041, 1042, 1074 259, 275, 282, 283, 284, 308, 309, 319, Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka 367, 375, 378, 379 382 383 386 479, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 729, 558, 563, 567, 571, 575, 661, 728, 757, 730,986, 1005, 1072 758, 759, 760, 762, 763 764, 765, 767, Tỳ-khiru nhóm Mười Bảy Sư 783, 1006, 773, 774, 775, 776, 781, 783, 784, 788, 1013, 1018 789, 790, 791, 792 793 794, 801, 802, Tỳ-khưu-ni Candakājī 1088, 1089, 1099, 803, 822, 824, 843, 844, 847, 848, 856, 1100, 1104, 1117, 1147, 1148, 1263 857, 862, 863 867, 870, 874, 878, 961, Tỳ-khưu-ni Mettiyã 660, 661,662, 1378 986,988,1006,1007,1044,1045,1049, Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư 913, 918, 920, 1050, 1071, 1075, 1076, 1159, 1179, 922, 929, 934, 1085, 1090, 1094, 1213,1271,1370, 1380,1400, 1404 1096, 1100, 1106, 1107, 1108, 1109, Tượng Chúa 825 1111, 1119, 1120, 1121, 1124, 1125, Tướng quân Sīha 301, 302, 305, 306, 307 1144,1149 tu sĩ ngoại đạo 716, 717 Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā 1081,1082,1088, tứ thiên 126, 777 1142,1146,1147 tu viện Ghosita 447, 523, 533, 810, 948 Tỳ-khưu-ni Thullanandâ 1084, 1085, 1086, tu viện Nigrodha 101, 903 1087, 1089, 1090, 1091, 1093, 1094, Tỳ-khưu Arittha 543, 544, 545, 546, 550, 1098, HOI, 1102, 1103, 1104, 1107, 1022,1085,1144, 1263 1108, 1110, 1114, 1115, 1117, 1118, Tỳ-khưu Channa 523, 524, 528, 529, 532, 1143, 1144, 1145, 1146, 1148 533, 534, 538, 539, 541, 542, 555, Tỳ-khưu-ni Uppalavannā 912 676, 946 Tỳ-khưu thường trú 142,153,154,155,156, Tỳ-khưu Gagga 147,148,663,664,665,666 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163,

164, 165, 166, 173, 208, 209, 210, Tỳ-khưu trưởng thượng 474, 492, 500, 512, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 522,532^541,552,579,581,582,583, 218, 219, 220, 233 384 399 400, 585, 586, 589, 591, 592, 599, 605, 401, 402, 558, 571, 687, 688, 787, 612, 662, 664, 696, 700, 701, 738, 739 843 844, 846, 847, 1359, 1364 Tỳ-khưu UvãIa 670,671,673 Tỳ-khưu trưởng lão 55, 59, 71, 75, 105,130, Tỳ-khưu vãng lai 129, 141, 142, 163, 164, 131,136?

139,140,141,142,148,149, 165,166,218,219,220,259,376, 399 200,201,205,206,248,249, 513, 514, 400,401,402,480, 561, 573,787, 788, 658,786, 848,849, 850, 858, 859 862 843, 845, 846, 962, 1358, 1359 867, 869, 874, 886,940,941,943,944, 946, 947, 956, 957, 961, 962, 964, 1006, 1301, 1333, 1359

vải pamsukūla 36,37, 1261, 1262 803, 847, 919, 936, 937, 1019, 1023, VỊ Ābhāya 980, 1084 1054, 1055, 1124, 1160, 1232, 1296, vị Añgīrasa 33 1313,1392, 1399 vị Anh Hùng 11 vị Sa-di-ni 168, 175, 176, 177, 182, 223, vị ẩn sĩ 33 228, 919, 936, 937, 1019, 1054, 1124, vị Arittha 555,980, 1084, 1271 1160, 1296, 1313 VỊ Bất lai 662, 885 vị Sambala 979, 1083 vị Buddharakkhita 980, 1084 VỊ Siggava 979, 1067, 1070, 1083,1145 vị Chuyển Luân Vương 1406 vịSoṇaka 979, 1067, 1070, 1083,1145 vị Cūlābhaya 980, 1084 vi Sumanā 980, 1084 Vị Cūlanāga 980 vị Thánh đệ tử 21, 43 vị Đại Ẩn Sĩ 826, 937, 1387 VỊ thầy tế độ 54, 58, 61, 62, 63, 64, 69, 105, VỊ Dāsaka 979, 984, 990, 1067, 1070, 1083, 115, Ì42, 249, 861, 865, 866, 867, 1086, 1143, 1145 868, 880, 923, 937, 1239, 1392 vị đã tu lên bậc trên 115, 122, 1180, 1280 vị Thinh văn 830 vị Dīghasumana 980, 1084 vị thông Luật 980, 1068, 1070, 1084, 1145 vị Hiên Sĩ 754 vị Tissadatta 980, 1084 vị Hữu học 24, 320, 1275 vị Trưởng lão 105, 114, 125, 130, 138, 139, vị Itthiyā 979, 1083 140, 141,142,201, 384,393,474, vị KâḶasumana 980, 1084 514, 692, 693, 775, 849, 850, 851, vị Mahānāgā 980, 1084 876, 878, 879, 940, 946, 949 961, vi Mahāsīva 980, 1084 973, 979, 980, 984, 990, 1067, 1070, VỊ Mahinda 979, 1083 1083, 1084, 1086,1143, 1145, 1298 vịMoggalliputta 979,1067,1070,1083,1145 vị Upâli 475, 980, 1084 VỊ nghe nhiêu 143, 152, 169, 447, 448, 449, vị Upatissa 980, 1084 450, 451, 499, 616, 617, 622, 623 VỊ Uttiya 979, 1083 624, 688, 692, 897, 956, 957, 959, Vô dưNiết-bàn 481, 823, 824, 825, 885,900, 1250, 1312, 1342, 1343, 1345, 1357 939,943,944 946,949 951, 1224 vị Ni Candakālī 1271 vô gián duyên 1318, 1319 vị Ni tu tập sự 181,919, 936, 937 vô học định uẩn 1250, 1352, 1353 vị Pháp sư 224 vô học giải thoát tri kiến uẩn 1250, 1353 vị Phussadeva 980, 1084 vô học giải thoát uẩn 1250, 1353 VỊ Sa-di 103, 104, 105, 106, 168, 175, 176, vô học giới uẩn 1250, 1352,1353 177, 181, 182, 223, 228, 389, 627 vô học tuệ uẩn 1250, 1353

1430 > HỢP PHÀN & TẬP YẾU

vô minh 7, 953 Vương tử Ābhāya 350, 351, 354 vô ngã 19, 20,1157 Vương tử Bodhi 733, 734, 735 vô thường 20, 939, 1157 Vương tử Jeta 773, 774 Vô thượng Chánh đẳng giác 3, 17 vườn Nai 13, 14, 18, 22, 127, 128, 250, 283, Vua Pasenadi 190, 191, 787 373, 658, 733 Vua Seniya Bimbisâra 3, 44, 45, 46, 47, 48, vườn Tapoda 658 90, 91, 92, 93, 94, 95, 123, 173, 239, vườn xoài của Jīvaka 658, 943 272,273,274,275,310,311,312,349, 354,355, 356,357,358,359,360 361, 710, 768, 769, 772,818,819 X xuất ly 22, 25, 26, 27, 31, 45, 126, 240, 244, 173, 239, 261, 272, 273, 274, 275, 245,293,306,313,314,319 771,820, 294, 296, 297, 310, 311 312 349, 1177, 1178 354,355,356,357,358,359,360,361, xứ Bhagga 1018, 1040, 1269,1270 710, 747, 768, 769, 772, 811, 818, 819 xứ Kosala 113, 173, 184, 185, 190, 191, xứ Rohana 980, 1084 197, 198, 223, 224, 232, 234, 236 xứ Sakkā 997, 998, 1008, 1016, 1027, 1032, 254, 365, 366, 454, 455, 456, 457, 1095,1111,1269,1270 459 460, 721,787 xứ sở Kosala 388, 746 xứ Magadha 11, 44, 45, 46, 47, 48, 51, 52, xứ sở Sakkā 1269 90, 91, 92, 93 94 95, 121, 122, 123,

Y y ca-sa 370,502,504,752,934 y nội trợ 922, 1108, 1123, 1133, 1160 y chỉ duyên 1318, 1319 y parnsukūla 996, 1245, 1248, 1348 y đắp ghẻ 380,381, 1029, 1057,1159,1240, y phụ trội 372, 373, 396, 992, 1046, 1157, 1249, 1258, 1263 1212,1261 ý giới 245 y Sañghāti 372,373,877, 1389 y màu ca-sa 241, 257 y thiết thân HOI, 1123, 1131, 1160 y nghiệp 464, 1168

SÁCH DẪN PALI

A Abbhâna 479 Andhakavinda 131,287,288, 291,377 abbhantara 133 Añga 35, 36 Ābhāya 350, 351, 354, 395, 980, 1084 Añgīrasa 33, 316, 1157 Aciravatī 253, 377, 883, 884, 1018 Añguttarāpa 314 Addhakāsī 930, 937, 1390 Ānīyata 135, 943, 944, 988, 990, 991, 1081, adhisĩla 82, 88, 490 1158, 1247, 1270, 1272, 1273, 1274, AggaḶa 957, 968 1305,1314, 1341, 1372, 1385, 1386 Ahogañga 955,956 Aññākondañña 18 Ajātasattu 810,814,817,818,819, 943 Anotatta 36 Ajita Kesakambala 712 antaggāhikā ditthi 82, 490 ajjhācāra 82, 490 Anupiyā 805, 810, 841 AḶâra 121 Anuruddha 4, 463, 464, 465, 468, 474, Ambalatthikā 942 513, 805, 806, 807, 808, 841, 1003, Ambapālī 4, 298, 299, 300, 301, 324, 349 1225, 1381 Ambavana 301 Assaji 19, 48, 49, 50, 121, 483, 501, 502, Anāthapindika 103, 173, 197, 198, 253, 259, 503, 504, 505, 506, 510,511,554, 789, 263,281,322,325,373 466,469,475, 790, 988, 1073 479,483,504,515,542 557 579 653, atiditthi 82,490 736, 769,770,771, 772, 773,774,780, Attaka 316 781,843,912, 952, 1329, 1409 Avanti 257, 258, 260, 261, 955, 956 Ã Âkãsagotta 282 373,378,379,380,382,386,468,475, ÂḶâra Kālāma 12, 13 481,513,713, 731,734, 744, 807, 808, ÂḶavaka 791 822, 823, 829, 841, 881,903,904,905, Ālavī 790, 795, 802, 985, 986, 995, 1003, 906,907,908,935 938,940,941,942, 1004, 1005, 1007, 1071, 1269, 1270 943,944,945,946,947,948,949 950, ālhaka 310,311 _ 960, 961, 1014, 1027 āmalaka 266, 360 Āpana 316, 318 Āmalakī 38, 121 āpatti 684, 1290, 1375 Ānanda 96, 97, 98, 99, 114, 259, 263, 264, Āsālhā 785, 1226 266,277,288,296,297,307,308,309, Ātumā 321, 322, 324 318,319,320,361,362,370,371,372, I Isigili 658 Isipatana 13, 14, 18, 22, 250, 283, 373 U Uddaka 13, 121 Udena 173, 947, 948, 949 Uddaka Râmaputta 13 Udumbara 957, 968

Ujjenī 358, 359 Uposatha 3, 67, 107, 118, 124, 126, 127, Ukkalā 9 128,129,130,131,132,133,134,135, upaka 13, 14, 121 139,140,141,142,143,144,146,147, Upāli 96, 106, 108, 122, 417, 418, 419,420, 148,149,150,151,153,154,155,156, 421, 422, 423, 468, 472, 473, 474, 157,158,159,160,161,162,163,164, 475, 480, 513, 561, 573, 786, 807, 165,166,167,168,169,170,191,192, 808, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 193,194,195,233 235,249,449,451, 841, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 452,472 491,492,498,499, 500, 511, 941, 942, 949, 973, 979, 980, 984, 512,520,521, 522, 528,530,532,538, 990, 1067, 1070, 1083, 1084, 1086, 540,541, 550,551,554,558,563, 567, 1109, 1143, 1145, 1257, 1259, 1329, 570,571,574, 576,793,795, 829, 836, 1330, 1331 1332, 1333, 1334, 1335 837, 881, 886, 891, 892, 893, 894, 895, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 900,905,914,929,937 951,958,965, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 968, 972, 974, lin, 1134, 1157, 1211, 1348 1349 1350, 1351, 1352, 1353, 1214, 1219, 1223, 1226, 1229, 1230, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1232, 1238, 1245, 1246, 1247, 1248, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364,

1365, 1249, 1252, 1256, 1257, 1261, 1265, 1366, 1367 1267, 1269, 1272, 1273, 1296, 1297, Upananda 98, 105, 190, 191, 280, 384, 385, 1299, 1329 1332, 1348, 1349 1359, 386, 396, 781, 782, 785, 786, 802, 1381, 1382, 1387, 1395, 1399 955, 993 994, 995, 997, 998, 999, Uruvelâ 7, 13, 28, 30, 31, 42, 43, 44, 121 1000, 1014, 1015, 1016, 1019,1028 Uruvelakassapa 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, Upasena 67, 68 38, 39, 40,41,42, 44, 45, 752 Upatissa 51, 122, 980, 1084 Usīraddhaja 261 E Erāpatha 711 K kahāpana 951 Kathina 4, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, Kajañgala 261 333, 334, 335, 336, 337 338, 339, 340, Kāka 360 341, 342, 343, 344, 345, 346 347, 382, Kākandaka 951,952,955,956,957,959,963 383, 384, 973, 995, 999, 1000, 1001, Kakudhā 37, 121,811,841 1005, 1006, 1008, 1012, 1016, 1019, Kalanda 941,977 1027, 1047, 1090, 1098, 1099, noi. Kālasumana 980, 1084 1102,1103,1108,1112,1122,1123,1132, kamsa 1093, 1094, 1129 1158, 1160, 1212, 1214, 1221, 1224, Kanhāgotamaka 711 1242, 1248, 1256, 1257, 1317, 1318, Kannakujja 957, 968 1319, 1320, 1321, 1322, 1323 1324, Kantaka 98, 105, 122 1325,1326,1327,1365,1367,1391,1400 Kapilavatthu 101, 103, 903, 935, 1270 Kattika 194, 195, 234, 235, 236 Kāsi 278, 279, 364, 399,400,402,453,454, Keniya 316,317,318,324 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, Kimbila 4, 463, 464, 465, 807, 841 502, 504, 513 Kītāgiri 501, 502, 503, 504, 505, 506, 510, Kassapa 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 511,554, 789, 790, 802 41,42, 44, 45, 121,316,949 Kokālika 826, 827, 831, 1382 Kassapagotta 399, 400, 401, 1381 Kokanada 733, 734,735 Katamorakatissa 826 Kolita 51, 122, 474

Koḷiya 811 1040, 1071, 1073, 1212, 1214, 1269, Kondañña 18, 121 1270, 1414 Kosala 113, 135, 173, 184, 185, 190, 191, Kotigāma 298, 299, 300 197,198,223,224,232,234,236,254, Kukkuta 384 365,366,388,454,455,456,457,459 Kuraraghara 257 460, 721,746, 787 Kuru 36 Kosambī 360, 447, 462, 465, 466, 467, 468, Kurundī 1216, 1378 469,470,474,523, 529,533,539, 555, Kusinārā 318, 320, 321,939 810, 813, 841,947,955,967,968,986, Kūtāgāra 301, 722, 774, 903,951 987, 1005, 1007, 1017, 1018, 1023, KH Khandadevī 826 Khemā 980, 1084 G Gagga 147, 148, 169, 663,664, 665, 666 Giraggasamajja 709 Gaggarā 399 Giribbaja 52 Gangā 253, 298, 324, 883, 884, 929 Gopaka 384 Gavampati 25, 26 Gotama 8,14,15,44,51,102,279,280,282, Gayā 13,42, 121,830 288,297,298,301 302,303 304,305, Gayākassapa 31,32, 42 306,312,313,316,317,318,658,733, Gijjhakūta 123, 127, 128, 131, 239, 242, 734, 819, 822, 824, 825, 826, 827, 828, 243,261,658, 822 829, 830, 939, 944, 1270 Giñjakāvasathā 300 Gotamaka 371 GH Ghosita 447, 523, 533, 810, 948 C Campā 4, 239, 399,400,401,402,403,443, Cūlanāga 980, 1084 444, 966, 1212, 1214, 1383, 1384 Cuilavga 3, 83, 253, 479, 481, 972, 973, Cātumāsinī 194, 195, 234, 235, 236 1184, 1213, 1217, 1222, 1225, 1226, Chabyāputta 711 1227, 1228, 1231, 1234, 1235, 1239, Citta 513, 514, 515, 516, 520, 521, 554 1241, 1247, 1251, 1252, 1256, 1257, Codanāvatthu 139, 140, 153 1258, 1259, 1261, 1263, 1381, 1382, Cūlābhaya 980, 1084 1384, 1387, 1390, 1391, 1399, 1400

Jambu 38, 121, 979, 980, 1067, 1070, 1083, 504,515,542, 557,579,653,736,774, 1084, 1145, 1406 780, 781, 843, 912, 952, 1329, 1409 Jambudīpa 38, 973, 979, 1406 Jīvaka Komārabhacca 4, 90, 91, 350, 351, Jātiyā 251,312 352,353,354,355,356 357,358,359,

Jetavana 103, 173, 197, 198, 253, 259, 263, 360, 361, 362, 363, 364, 722 281,322,325,373,374,375,466,483, T Takkasilā 351, 396 Tapoda 658 Tambapanni 652, 973, 974, 979, 980, 984, Tekula 746 1068, 1070, 1084, 1086, 1143, 1145 Tinduka 658 Tapassu 9, 10 Tissa 980, 1084

TH Thullaccaya 160, 161, 162, 163, 164, 165, 1223, 1240, 1242, 1248, 1271, 1274, 214,215,216,217,219,220,227,228, 1281, 1282, 1283, 1295, 1296, 1313 229,230,231,237,253,283,285,390, 1314, 1348, 1375, 1376, 1378, 1380, 391,668, 676, 711,788, 789,790,832, 1381, 1382, 1389, 1390, 1391, 1392 841, 889, 1043, 1044, 1045, 1046, Thullanandā 1084, 1085, 1086, 1087, 1089, 1049, 1054, 1063, 1065, 1074, 1075, 1090, 1091, 1093, 1094, 1098 HOI, 1076, 1077, 1079, 1126, 1127, 1128, 1102, 1103, 1104, 1107, 1108, 1110, 1139, 1141, 1149, 1150, 1151, 1152, 1114, 1115, 1117, 1118, 1143, 1144, 1154, 1165, 1170, 1171, 1172, 1173, 1145,1146, 1148 1174, 1175 1176, 1178, 1179, 1180, Thūna 261 1181, 1182, 1211, 1212, 1213, 1219, D Dabba Mallaputtā 656, 657, 658, 659, 660, 287, 307, 308, 309, 322,368, 370, 382, 661,662,663,729,730, 731,732,986, 386,387,391,402,470, 557, 563 567, 1005, 1072 570, 574, 576,642 643, 653, 668,676, Dakkhināgiri 98, 99, 370, 946 705, 706, 707, 708, 709, 710, 713, 714, Deva 980, 1084 715,716,717,718, 719, 722, 725, 726, Devadatta 138,480, 807, 808, 810,811, 814, 728, 729, 735, 736, 737, 738 741, 742, 815, 816, 817, 818, 819, 822,824, 825, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 762, 764, 826, 827,828, 829, 830, 831,832, 833, 779, 780, 782, 783 785, 786, 791, 792, 834, 987, 1010, 1011, 1072, 1073, 793, 794, 795, 858, 859, 886, 887, 888, 1231,1256,1381, 1382 889, 900, 908,910, 911,912,913,914, Dīghā 980, 1084, 1410,1413 915,916,917, 918, 919, 920, 921, 922, Dīghasumana 980, 1084 923,924,927,928,929,930,932,934, Dīghāvu 4, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 935, 944, 945, 949, 965, 966, 1032, 461,462 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, Dīghīti 454, 455, 456, 457, 459, 460 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, Dīpā 973, 1406 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, Dubbhāsitā 227, 228, 229, 230, 231, 668, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 669, 676, 889, 900, 1165, 1170, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1171, 1172, 1173, 1175, 1176, 1219, 1063, 1064, 1065, 1066, 1073, 1074, 1223,1271, 1275, 1295, 1296, 1305, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1313,1314 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, Dukkata 62,63,65,67,68,69,78,79, 80,92, 1132 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 93, 94, 95, 97, 98, 103, 104, 105, HO, 1138, 1139, 1141 1142, 1149, 1150, 111, 112, 113, 115, 126, 127, 128, 129, 1151, 1152, 1154, 1155, 1165, 1170, 131, 134 135, 136, 137 138, 140, 141, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 142, 143,144, 145, 146, 147, 149, 150, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1211, 156,157,158, 159, 164, 165,166, 168, 1212, 1213, 1219, 1223, 1232, 1235, 169,172,189,190,191,192,193,194, 1240, 1242, 1248, 1258, 1271, 1275, 199,201,202,203,204,207,212, 213, 1280, 1281, 1282, 1283, 1295, 1296, 214,218,219 220,223,225,226,227, 1305, 1313, 1314, 1340, 1348, 1371, 228, 229,230,231, 246, 247,248,249, 1372, 1375 1376 1377 1378 1379 250,251,253,254,255 256, 257,264, 1380, 1381, 1382, 1389, 1392, 1405 265,266,268,269,277,278,285,286,

DH Dhammapālita 980, 1084 Dhaniya 941,980, 1068, 1388 N Nadīkassapa 31, 32, 41 Nigrodha 8, 101, 903 Nāgā 980, 1084 Nikāya 979, 1084, 1410, 1413, 1414 Nālāgiri 824, 825, 826 Nīlavāsī 384 Nālanda 942 Nissaggiya Pācittiya 131, 276, 372, 676, Nandā 102 943, 944, 967, 992, 993, 994, 995, 996, Nandiya 4, 463, 464, 465 997, 998, 999,1000,1001,1046,1047, Nātikā 300 1048, 1090, 1091, 1092, 1093, 1128, Nerañjarā 7, 33, 40 1129, 1212, 1238, 1249, 1252, 1256, Nigantha Nātaputta 301, 712 1261, 1372, 1375, 1376, 1379, 1399 P Pācīnavamsa 463 1348, 1372, 1375, 1376, 1377, 1378, Pācittiya 97, 131, 227, 228, 229, 230, 231, 1379, 1380, 1381, 1382, 1386, 1389, 232,234,253,256,270,276,291, 328, 1390, 1392, 1399 372,668,676,686,687,688,689,690, pāda 119, 951 692,695,697,699,700,701,704,740, Pajjota 358, 359, 360, 361, 363, 396 784, 826, 888,889,900,914,915,927, Pakudha Kaccāyana 712 930,943 944,964,965,966,967 989, Panduka 483, 484, 485, 486, 491, 492, 991,992,993 994,995,996,997,998, 493,553 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, Papātā 257 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, Pārājika 82, 135, 227, 228, 229, 256, 486, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 490,668,674,676,697,698, 836, 888, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 889, 890, 891,900,901,927,941,942, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 943,944,977,978,979,980,981,986, 1029, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 989, 1043, 1044, 1045, 1048, 1054, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1063, 1065, 1066, 1067, 1068, 1072, 1056, 1057, 1074, 1075, 1077, 1079, 1074, 1075, 1076, 1077, 1079, 1081, 1090, 1091, 1092, 1093 1094, 1095, 1082, 1083, 1084, 1085, 1087, 1088, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, noi, 1095, 1106, nil, 1115, 1126, 1127, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1139, 1141, 1142, 1143, 1144, 1146, 1108, 1109, 1110, nil, 1112, 1113, 1147, 1149, 1150, 1152, 1154, 1157, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1158, 1159, 1165, 1170, 1171, 1172, 1120, 1121, 1122, 1123, 1128, 1129, 1175, 1176, 1178, 1179, 1180, 1181, 1130, 1131, 1132 1133 1134, 1135 1182, 1215, 1216, 1219, 1223, 1225, 1136, 1137, 1149, 1150, 1152, 1154, 1233, 1235, 1240, 1241, 1242, 1243, 1160, 1162, 1165, 1170, 1171, 1172, 1247, 1248, 1256, 1257, 1261, 1263, 1173, 1174, 1175, 1176, 1178, 1179, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1281, 1180, 1181, 1182, 1211, 1212, 1213, 1282, 1283, 1295, 1296, 1305, 1313, 1219, 1222, 1223, 1231, 1232, 1233 1314, 1339 1340, 1341, 1348, 1369 1234 1235, 1238, 1240, 1242, 1247, 1370, 1371 1372 1375, 1376, 1377, 1249, 1250, 1252, 1256, 1257, 1258 1378, 1380, 1381, 1384, 1385 1388, 1261, 1263, 1271, 1272, 1273, 1274, 1389, 1390, 1391, 1404 1278, 1280, 1281, 1282, 1283, 1295, Pārileyyaka 465, 466 1296, 1305, 1313, 1314, 1326, 1340,

Parivâsa 57, 61, 73, 77, 87, 88, 90, 169,170, 894,895, 898,900,901,909,910,915, 178,223,412,418,419,420,421,422, 936,964,977,978,982,983,989,991, 423,445,479,493,494,495,557,558, 1067, 1069, 1081, 1082, 1083, 1086, 559, 560,561, 562,565, 566, 569,572, 1143, 1145, 1149, 1217, 1222, 1227 573, 575,576,577,582,583 584,585, 1231, 1239 1241, 1244, 1245 1246, 586, 587 588, 589,590,591 592,593, 1247, 1248, 1251, 1252, 1253, 1254, 594, 595,596,597, 598, 599, 600,601, 1257, 1258, 1260, 1261, 1324, 1325, 602,603,604,605,606,607,608,609, 1329, 1331 1343, 1345, 1375 1388 610,611,612,613,614,615,616,617, 1402, 1405 618,619,620,621,622,623,624,625, Pāvā 325, 345, 939, 949, 955, 956, 959, 960, 626,627,628,629,630, 631,632,633, 961,962, 963, 968

634,635,636,637,638,639,640,641, Pavāranā 3, 192, 193, 200, 201, 202, 203, 642,643,644,645,646,647,648,649, 204,205,206,207,208,209,210,211, 650,651,652,779, 864 867 871,874, 212,213,214,215,216,217,218,219, 968, 1118, 1124, 1136, 1212, 1214, 220,221,222,223,224,225 226,227, 1216, 1221, 1227, 1231, 1233, 1234, 229,230,231,232 233 234,235,236, 1236, 1239 1265, 1266, 1274, 1297 237, 325, 326,409,444,450,451,491, 1366, 1367, 1377, 1383, 1387, 1395, 492,498,499, 500,511,512, 520, 521, 1400, 1402, 1405 522, 528, 530, 532, 538, 540, 541, 550, Pasenadi 190, 191,787 551,554,558, 563, 567, 570, 571,574, Pātaligāma 294, 295, 296 576,785, 836, 837,905,927,928,929, Pātaliputta 297, 384 935, 937, 972,1111, 1124, 1134, 1159, Pātidesanīya 227, 228, 229, 230, 231, 668, 1211, 1213, 1214, 1219, 1223, 1225, 888, 889, 900, 944, 1030, 1031, 1032, 1226, 1229 1230 1232, 1238, 1245, 1057, 1058, 1124, 1125, 1126, 1138, 1246, 1247, 1248, 1252, 1257, 1265, 1139, 1141, 1142, 1148, 1152, 1155, 1266, 1268, 1273, 1297, 1312, 1313, 1160, 1161, 1165 1170, 1171, 1172, 1314, 1329, 1332, 1348, 1349, 1359, 1173 1174 1175 1176 1179, 1180, 1387 1395, 1396, 1399, 1402, 1405 1219, 1223, 1256, 1257, 1271, 1272, Phalikasandāna 384 1273, 1274, 1295, 1296, 1305, 1313 Phussadeva 980, 1084 1314, 1340, 1372, 1378, 1379 1380, Pilindivaccha 268, 270, 271, 272, 273, 1381 1386, 1392 274,275 Pātimokkha 3, 83, 86, 88, 100, 101, 124, Pindolabhāradvāja 712, 713 125,126,127,128,129,130,135,136 Pubbā 881 138,139,140,141,143,148,149,150, Punabbasuka 483, 501, 502, 503, 504, 505, 151,153,154,155,156,157,158,159, 506,510, 511, 554,789, 790,988,1073 160,161,162,163,168,169,233,235, Punnaji 25, 26 472,480,490, 643, 688, 689, 881, 882, Puppha 980,1084 886, 887, 888, 889, 890, 891 892,893 Pūrana Kassapa 712

babbaja 789, 790 Belatthisīsa 266, 380, 1013 Bālakalonakāra 463 Bodhi 733, 734, 735, 754 Bārānasī 13, 14,18,21,25,26,30,250,251, Brahmadatta 453, 454, 455, 456, 457, 458, 283,287,357,358,373,453,454 456, 459, 460, 461,942 457, 460, 1389 Brahmajāla 942, 943 Belattha Kaccāna 291, 292, 293, 294 Buddhaghosa 10, 33, 44, 63, 82, 83, 88, 131, 133, 276, 363 364, 382, 387

624, 662, 669, 714, 735, 747, 765, 1236, 1249, 1258, 1263, 1330, 1375, 775, 807, 829, 853, 906, 973 974, 13811387 1399, 1400 1157, 1211, 1215, 1216, 1226, 1227, Buddharakkhita 980, 1084 BH Bhaddavatikā 359, 360 Bhallikā 9, 10 Bhaddiya 18, 121, 251, 252, 253, 309, 310, Bhāradvāja 316,712,713 311, 312, 314, 316, 806, 807, 808, Bhesakalā 733 809,841 Bhummajaka 483, 658, 659, 660, 661, 662, Bhaggā 733, 736 663, 729, 730, 986, 1005, 1072 Bhagu 316,384,463,807,841 Bhusāgārā 321 M Macchikāsanda 513, 515, 520, 521, 554 493,494,495, 561,565, 566, 567,568, Maddakucchi 127, 128, 169, 658 569, 570,571,572,573,575,576,577, Magadha 11, 35, 36, 44, 45, 46, 47, 48, 51, 579,580,581, 582,583 584, 585, 586, 52, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 121, 122 589, 590, 591,592,593, 594,595 596, 123,173,239,261,272,273,274,275, 597,602,603,604,605,606,607,608, 294,296,297 310,311,312,349 354 616,617,618,623,624,628,629 630 355,356,357,358,359,360,361,370, 631,632,633,634,635,640,642,643, 710, 747, 768, 769, 772, 811, 818, 819

644,645,646,647,648 649 650 651 Mahācunda 468, 474, 513 779, 864, 867, 871,874, 879,905,933 Mahaka 98 972, 1216, 1221, 1224, 1227, 1231, Mahākaccāna 468, 513 1234, 1239, 1265, 1266, 1274, 1297, Mahākaccāyana 257, 258, 259, 260, 262 1298, 1366 1377, 1387 1392, 1395, Mahākassapa 114, 131, 381, 468, 474, 939, 1400, 1402, 1405 940, 941, 942, 943, 944 Mandākinī 281 Mahākotthika 513 Mandārava 939 Mahāmoggallāna 281, 468, 513, 712, 749, Manicūjaka 954 811,831,881,882 māsaka 951, 1043, 1044, 1074, 1389 Mahānāgā 980, 1084 Mātañga 462 Mahānāma 19, 121, 805, 1016 Mendaka 309, 310, 311, 312, 313, 314,315, Mahāpajāpatī Gotamī 102, 469, 903, 904, 316,324 905, 906, 907, 908, 909, 945 Mettiya 483, 658, 659, 660, 661, 662, 663, Mahāsālā 261 729, 730, 986, 1005, 1072 Mahāsīva 980, 1084 Migāra 190, 374, 375, 378, 380, 470, 475, Mahāvana 301, 722, 774, 903, 951 736,787,881 Mahāvihāra 652 Moggallāna 48, 49, 50, 51, 52, 505, 510, Mahī 253, 883, 884, 929 789, 811, 812,813, 815, 830, 831, 832 Makkhaligosāla 712 882,900, 1412 Mallā 318,319, 320, 321,380, 805,919,936 Mucalinda 9 Mānatta 57, 61, 73, 77, 178, 180, 412, 418, muñja 789, 790 419,420,421,422,423,444,445,479,

Yamataggi 316 Yasa 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 121, 951, Yameju 746, 755 952, 955, 956, 957, 959, 963 Yāmunā 883, 884

Rāhula 101, 102, 103, 468, 469, 475, 513 824, 825, 828, 829,940,941,942,943, Rājagaha 44, 46, 47, 48, 49, 64, 66, 96, 98, 946,953,955,964 965 967 980,986, 99, 101, 123, 127, 130, 131, 139, 140, 987, 993, 997, 999, 1005, 1010, 1011, 169, 171, 173, 239, 248, 250, 272, 1013, 1015, 1019, 1021, 1026, 1031, 276, 277, 278, 279 281, 282, 283, 1068, 1072, 1073, 1096, 1105, 1106, 291, 294, 312, 349, 350, 352, 354 1118,1269, 1270 355, 357, 358, 360, 363 370, 371 Rājāyatana 9, 10 372, 373, 384, 395, 396 479, 483, Revata 276, 393, 397, 468, 474, 513, 956, 656, 658, 705, 709, 712, 713,720, 757, 957, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 968 758,759,762,769,772,773,774,795, Rohana 980, 1084 803, 810,813, 814, 815, 816, 817, 818, Rojā 318,319, 320, 321,380

Latthi 44, 121 Lohitaka 483,484,485,486,491,492,493,553 Licchavī 299, 300, 301, 324 V Vaddha Licchavī 729, 730, 731, 732, 733, 282, 294, 349, 656, 658, 705, 757, 1381, 1400 795, 814, 831, 946, 953 Vaggumudā 942, 981, 1004, 1068 Vesālī 299, 301, 302, 305, 307, 312, 349, Vajjī 296, 830, 951, 952, 955, 956, 959, 960, 371, 372, 373, 395, 481, 720, 722, 961,962 733, 754, 774, 775, 802, 830,903,912, Vālika 964 935 941,942,951,952,955,956,959, Vāmadeva 316 960,961,962,968,977,981,992,995, Vāmaka 316 1003, 1011, 1013, 1014, 1067, 1068, Vañganta 67, 68 1109, 1261, 1269 Vappa 18, 121 Vessāmittā 316 Vasabha 399, 400, 401, 402, 415, 444, 1381 Vibhajja 652 Vāsettha 316 Vimala 25, 26 Vassakāra 296, 297 Virūpakkha 711 Vebhāra 658 Visākhā 190, 374, 375, 376, 377, 378, 380, Veluvana 47, 48, 51, 131, 171, 277, 278, 396,470,475,736,787,881,1256 1261

Sabbakāmī 961, 962, 963, 964 1001, 1014, 1015, 1016, 1019, 1028, Saddhivihārika 54 1157, 1389 Sahajāti 957, 959, 968 Sāla 465, 466 Sahampati 11, 12, 35, 121 Salalavatī 261 Sāketa 109, 325, 345 352, 372 Sālavatī 349, 350, 395 Sakkā 34, 35, 36, 37, 46, 47, 121,997,

998, Sālha 959, 960, 963 1008, 1016, 1027, 1032, 1095, nil, Sāmaññaphala 943 1269, 1270 samāpatti 684 Sakyā 44,48, 50, 90, 98, 101, 102, 103, 105, Sambhūta Sānavāsī 955, 956, 957, 961, 122, 190, 191, 280, 312, 316, 384, 962,963 385 386, 396, 747 781, 785, 805, Samuddadatto 826 806, 807, 808, 841, 903 907 955, Sānavāsī 384, 955, 956, 957, 961, 962, 963 993, 994, 995, 997, 998, 999, 1000, Sañgha 29

Sañghādisesa 82, 87, 135, 227, 228, 229, 964, 965, 966, 967, 982, 984, 985, 230, 231, 479, 486, 490, 609, 610, 987, 988, 990, 992, 993, 994 995, 611,612,613,614,615,616,617,618, 996 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 619,620,621,622,623,624,625,630 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 631 632, 633, 634, 635, 636, 637, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 638, 639, 640, 641, 642, 643 644, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 645, 646, 647 648, 649, 650 651, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 656, 668, 674, 676, 888, 889, 900, 1027, 1028, 1029, 1031, 1032, 1034, 943 944 981 982, 983 984, 985, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1041, 986, 987, 988, 989, 991, 1024, 1025, 1042, 1069, 1070, 1071, 1073, 1074, 1044, 1045, 1046, 1049, 1055, 1069, 1081, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1070, 1071, 1072, 1073 1075, 1076, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1127, 1128, 1144, 1145, 1146, 1147, HOI, 1102 1103, 1104, 1105, 1106, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1154, 1107, 1108, 1109, 1110, nil, 1112, 1165, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1175, 1176, 1178, 1179, 1180, 1181, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1182, 1215, 1219, 1223, 1232, 1235, 1125, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1240, 1242, 1243, 1247, 1249, 1251, 1147, 1148, 1269, 1270, 1329 1252, 1255 1257, 1261, 1263 1270, Sāvittī 318 1271, 1272, 1273 1274, 1281, 1282, Sekhiya 849, 1042, 1063, 1238, 1270, 1272, 1283, 1295, 1296, 1305, 1313 1314 1273,1275,1372, 1373, 1378, 1386 1339, 1340 1341, 1348, 1370, 1371, Senāni 28 1372 1375, 1376, 1378 1380 1381, Seniya Bimbisāra 3, 44, 45, 46, 47, 48, 90, 1383, 1385, 1388, 1392, 1393, 1400, 91, 92, 93, 94, 95, 123, 173, 239, 272, 1404, 1405 273, 274,275, 310, 311,312, 349, 354, Sañghāti 372, 373, 877, 1389 355, 356, 357, 358,359,360,361, 710, Sañjaya 48, 50, 51, 52 768, 769, 772,818,819 Sañjaya Belatthiputta 712 Setakannika 261 Sañjikā 733, 734 Seyyasaka 493, 494, 495, 499, 500, 501, Sañkassa 956, 957, 968 982,1069 Sappasondika 658 Sīha 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 309 Sarabhū 883, 884 Sītā 241, 242, 243, 770, 802 Sāriputta 48,49, 50, 51, 52, 64, 102, 103, Sītavana 658 131, 281, 372, 373, 393, 467, 468, Sīva 973, 980, 1084 470, 474 505, 510, 513 749, 775, Sivi 361, 363,396 776, 779 789, 815, 816, 817, 830, Sona Kolivīsa 239, 241, 246, 261 831 832, 833,848 Sona Kutikanna 257 Sattapanna 658 Soreyya 956, 957, 959, 968 Sāvatthi 103, 109, 173, 190, 197, 198, 253, Sotāpatti 684 254,259,263,276,281,282,322,324, Subāhu 25, 26 325,373,377,383 384,385,388,466 Subhadda 939, 949 467 468,469,470,474 483, 502,503, Suddhodana 101, 102, 103, 1261 504,515,520,542, 553 554,557,562, Sudhamma 513, 514, 515, 516, 520, 521, 573 579, 653, 692, 693, 736, 746 522,523, 554 773, 775, 780, 785, 787, 789, 802, Sudinna 941, 977 843, 881, 912, 921, 930, 936, 952, Sudinna Kalandaputta 977, 1067

Sumanā 963, 980, 1084 Suphassa 286 Sumsumāragira 733 Suppatitthā 44 Sundarīnandā 1081, 1082, 1088, 1142, Suppiya 283, 284, 285, 287, 942 1146, 1147 Suppiyā 4, 283, 284, 285, 324 Sunīdha 296, 297, 324 Suttavibhañga 964, 965, 966, 967, 971 H Hatthaka 1001

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHÁP BÀO CAO QUỸ

z JīSn trọng cảm niệm công đức của chư Tồn đức Tăng Ni và quý Phật tử í đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ: -Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 11
TAM TẠNG THƯỞNG TỌA Bổ 11
HỢP PHẦN (KHANDHAKA)
TẬP YẾU (PARIVĀRĀ)
Việt dịch TỲ-KHƯU INDACANDA

Chiu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tập ĐINH THỊ THANH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thị cẩm Hồng

Sửa bản in se. Liên Liên, se. Tâm Lành, se. Liên Hiền, se. Liên Kỉnh Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Liên Nguyệt, Hồng Anh

Trình bày & Bìa Tống Viết Diễn, Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l

62 Nguyễn Thi Minh Khai, p. Đa Kao, Q. l, TP.HCM -DT:38 256 804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p. 12, Q.4, TP.HCM — ĐT: 39 433 868
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3 88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Q.l, TP.HCM -ĐT:38 216 009 GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 238 191 Thực hiện liên kết VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Công ty cổ phần In Khuyến học phía Nam Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phủ Trung, Củ Chi, TP.HCM XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/02-47/THTPHCM ISBN: 978-604-335-727-1

QĐXB số: 319/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 27 tháng 5 năm 2022
ISBN: 978-604-335-727-1 i
9 786043 " 357271
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.